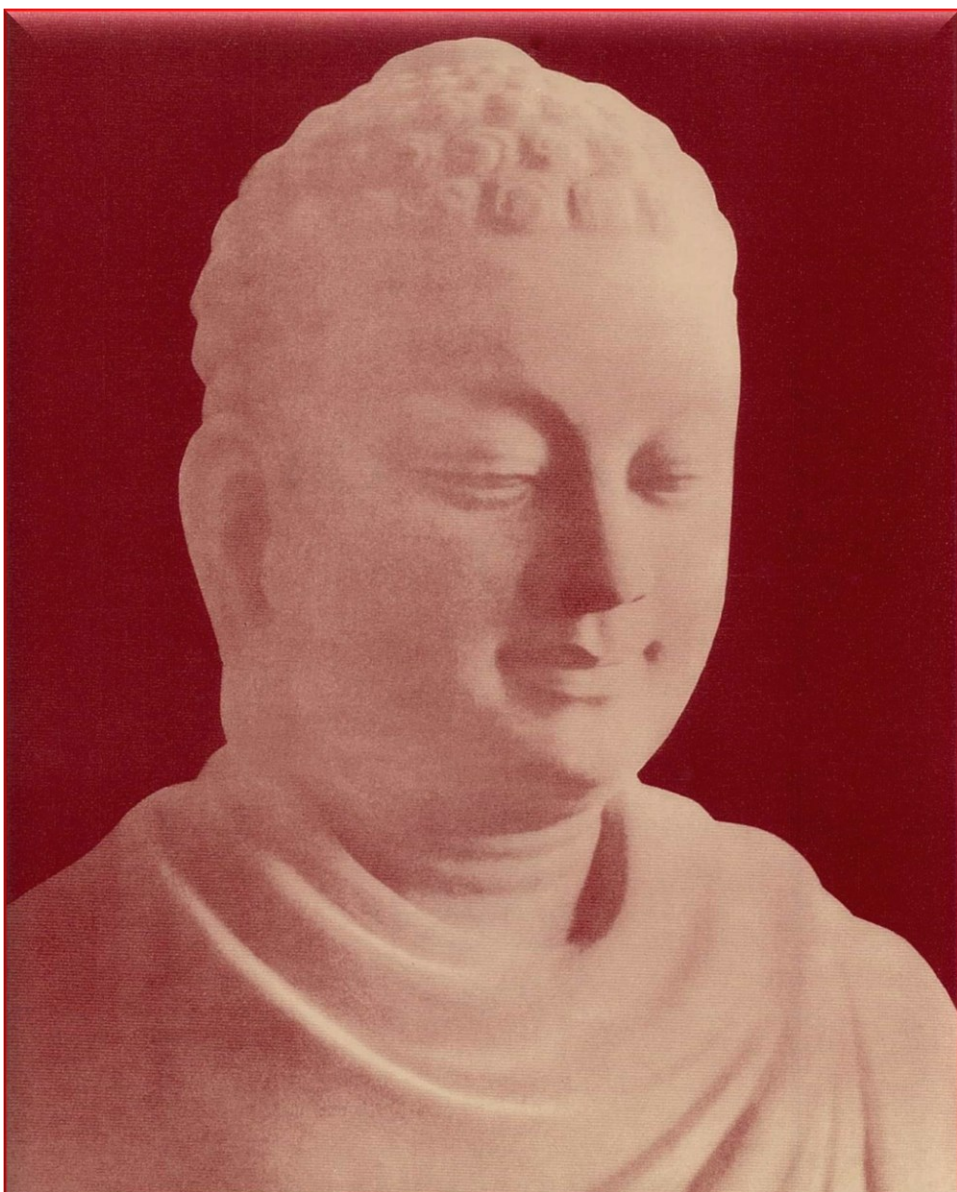


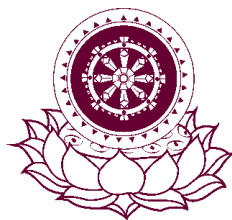


NAM - MÔ BỒN - SƯ THÍCH - CA MÂU - NI PHẬT

BỘ BẢN DUYÊN 6 – T 15

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 15

BỘ BẢN DUYÊN
VI



HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 15

**BỘ BẢN DUYÊN
VI**

SỐ 199 → 202

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

NHỮNG QUY ƯỚC THỐNG NHẤT TRONG LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

I- Viết hoa toàn bộ:

- 1. Tên người:** (Phật) Vô Lượng, (vua) Tự Đức, (Thiền sư) Vạn Hạnh, (Bồ-tát) Quán Thế Âm...
- 2. Tên nước:** Việt Nam, Trung Hoa, Thái Lan, Đài Loan...
- 3. Tôn xưng danh hiệu Phật:** Đức Như Lai, Bạc Chúng Hựu, Đẳng Tối Chánh Giác...
- 4. Tác phẩm, kinh sách:** luận Trung Quán, kinh Diệu Pháp Liên Hoa, kinh Trường A-hàm...

II- Viết hoa chữ đầu:

- 1. Địa danh:** thành Vương xá, chùa Ấn quang, rừng Thi lợi...
- 2. Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh:** bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, Khổ xuất yếu thánh đế...
- 3. Phẩm bậc, quả vị tôn kính:** Hòa thượng, Thanh văn, Duyên giác, Thái tử (nói về Phật, Bồ-tát thị hiện độ sanh; ví dụ: Thái tử Tỳ-bà-thi), Tôn giả...
- 4. Chủng loại:** chư Thiên
- 5. Phương hướng:** phương Đông nam, hướng Tây bắc, phía Đông thành Vương xá...

III- Viết hoa chữ đầu + gạch nối: (những từ được phiên âm từ Pāḷi)

- 1. Nhân danh:** Mãn-độ-ma, Xà-ni-sa, Xá-lợi-phất...
- 2. Địa danh:** nước Bạt-kỳ, thành Xá-vệ, cõi Diêm-phù-đề...
- 3. Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh:** A-lại-da, Tam-phật-đà, Ba-la-đề-mục-xoa...
- 4. Phẩm bậc, quả vị:** Tỳ-kheo, Ưu-bà-di, A-la-hán...
- 5. Chủng loại:** A-tu-la, La-sát, Càn-thát-bà...

IV- Gạch nối: (danh từ chung được phiên âm từ Pāḷi) ví dụ: đàn-việt, na-do-tha, do-tuần...

V- Số:

1. Viết thành chữ: (những số quá lớn nên chú thích thêm số)
ví dụ: hai trăm năm mươi (giới), ba mươi hai (tướng tốt), mười lăm ức bảy ngàn sáu mươi vạn (1.570.600.000)...

2. Viết thành số: số hiệu kinh, số trang dẫn
ví dụ: Đại I, trang 15, cht. 52 ...

VI- Đặc biệt:

Âm “y” và “i”: dù đứng một mình, đứng đầu từ hoặc ở giữa từ, hoặc sau các phụ âm: K, L, M, T, Q vẫn viết theo thói quen cũ.

ví dụ: kỷ cương, lý luận, hoàn mỹ, quy định, li ti, hoan hỷ...

梵 viết là “**Phạm**” không viết là “**Phạn**” (phát âm theo chữ Brahma).

慧 viết là “**Tuệ**” không viết là “**Huệ**”.

Chùa Pháp Bảo-Thủ Đức, ngày 8 tháng 9 năm 2000

*Sa môn **THÍCH TỊNH HẠNH***

MỤC LỤC

BỘ BẢN DUYÊN 6 – T015

SỐ 199.....	3
NĂM TRĂM VỊ ĐỆ TỬ CỦA ĐỨC PHẬT TỰ NÓI VỀ BỐN KHỞI.....	3
Phẩm 1: ĐẠI CA-DIỆP (19 bài kệ).....	4
Phẩm 2: XÁ-LỢI-PHẮT (12 bài kệ)	6
Phẩm 3: MA-HA MỤC-KIỀN-LIÊN (15 bài kệ).....	8
Phẩm 4: LUÂN-ĐỀ-ĐÀ (Tịnh Trừ - 17 bài kệ)	10
Phẩm 5: TU-MAN (Thiện Niệm - 14 bài kệ)	13
Phẩm 6: LUÂN LUẬN (Minh Thính - 11 bài kệ).....	15
Phẩm 7: PHÀM KỶ (Thủ Thiện - 8 bài kệ)	17
Phẩm 8: TÂN-ĐẦU-LÔ (Khất Bế Môn - 11 bài kệ).....	18
Phẩm 9: HÓA KIẾT (Thiện Lai - 21 bài kệ)	20
Phẩm 10: NAN-ĐÀ (Hân Lạc - 12 bài kệ).....	23
Phẩm 11: DẠ-DA (Danh Văn - 26 bài kệ)	25
Phẩm 12: THI-LỢI-LA (20 bài kệ)	29
Phẩm 13: BẠT-CÂU-LÔ (Họ Cổ - 12 bài kệ)	32
Phẩm 14: MA-HA-TRỞ (Đại Trường - 12 bài kệ).....	34
Phẩm 15: UƯ-VI CA-DIỆP (8 bài kệ)	35
Phẩm 16: CA-DA (Trúc Thủ - 15 bài kệ).....	37
Phẩm 17: THỌ-ĐỀ-CÙ (37 bài kệ).....	39
Phẩm 18: LẠI-TRA-HÒA-LA (26 bài kệ)	43
Phẩm 19: HÓA-ĐỀ (27 bài kệ)	47
Phẩm 20: THIỀN THỪA CA-DIỆP (11 bài kệ).....	51
Phẩm 21: CHÂU-LỢI-BÀN-ĐẶC (8 bài kệ).....	53
Phẩm 22: ĐỀ HỒ THÍ (27 bài kệ).....	54
Phẩm 23: A-NA-LUẬT (Vô Liệp - 9 bài kệ)	58
Phẩm 24: DI-CA-PHẮT (Lộc Tử - 14 bài kệ).....	60
Phẩm 25: LA-VÂN (10 bài kệ)	62
Phẩm 26: NAN-ĐỀ (14 bài kệ)	63
Phẩm 27: BẠT-ĐỀ (19 bài kệ).....	66
Phẩm 28: LA-BÀN BẠT-ĐỀ (14 bài kệ).....	68
Phẩm 29: MA-ĐẦU-HÒA-LUẬT-CHÍ (21 bài kệ)	71
Phẩm 30: THỂ TÔN (50 bài kệ).....	74

SỐ 200.....	65
SOẠN TẬP KINH MỘT TRĂM TRUYỆN NHÂN DUYÊN	65
QUYỂN 1	65
Phẩm 1: BỒ-TÁT THỌ KÝ	65
QUYỂN 2	101
Phẩm 2: BẢO ỨNG THỌ CÚNG DƯỜNG.....	101
QUYỂN 3	134
Phẩm 3: THỌ KÝ BÍCH-CHI-PHẬT.....	134
QUYỂN 4	160
Phẩm 4: BỒ-TÁT XUẤT SINH.....	160
QUYỂN 5	195
Phẩm 5: NGẠ QUI	195
QUYỂN 6	230
Phẩm 6: CHƯ THIÊN XUỐNG TRẦN GIAN CÚNG DƯỜNG	230
QUYỂN 7	271
Phẩm 7: HIỆN HÓA.....	271
QUYỂN 8	298
Phẩm 8: TỶ-KHEO-NI.....	298
QUYỂN 9	336
Phẩm 9: THANH VÂN	336
QUYỂN 10	373
Phẩm 10: CÁC DUYÊN.....	373
SỐ 201.....	417
ĐẠI TRANG NGHIỆM KINH LUẬN	417
QUYỂN 1	417
QUYỂN 2	453
QUYỂN 3	494
QUYỂN 4.....	537
QUYỂN 5	570
QUYỂN 6	615
QUYỂN 7.....	651
QUYỂN 8	685
QUYỂN 9	727
QUYỂN 10	762
QUYỂN 11	807
QUYỂN 12	838
QUYỂN 13	872
QUYỂN 14	913

QUYỂN 15	952
SỐ 202	1011
KINH HIỀN NGU	1011
QUYỂN 1	1011
Phẩm 1: PHẠM THIÊN THỈNH PHÁP	1011
Phẩm 3: Hai Vị Phạm Chí Thọ Trai Giới	1043
Phẩm 4: Một Người Nghèo Ở Xứ Ba-la-nại Cúng Đường Đức Phật	1048
Phẩm 5: Thần Biển Vãn Nạn Các Thuyền Khách	1051
Phẩm 6: Hằng-Già-Đạt	1056
Phẩm 7: Thái Tử Tu-Xà-Đề	1062
QUYỂN 2	1071
Phẩm 8: NÀNG KIM CƯƠNG, CON GÁI VUA BA-TU- NẶC	1071
Phẩm 9: NHÂN DUYÊN KIM TÀI	1078
Phẩm 10: NHÂN DUYÊN HOA THIÊN	1081
Phẩm 11: NHÂN DUYÊN BẢO THIÊN	1084
Phẩm 12: SẠN-ĐỀ-BA-LÊ	1086
Phẩm 13: VUA TỬ LỤC HIỀN MÁU	1091
Phẩm 14: HÀNG PHỤC LỤC SƯ	1094
QUYỂN 3	1131
Phẩm 15: CỨ-ĐÀ BỒ THÍ THÂN	1131
Phẩm 16: TỶ-KHEO-NI VI DIỆU	1138
Phẩm 17: A-THÂU-CA CÚNG DƯỜNG ĐẤT	1147
Phẩm 18: CÚNG DƯỜNG BẢY BÌNH VÀNG	1150
Phẩm 19: PHƯỚC BÁO TRONG HIỆN TẠI CỦA SAI-MA	1155
Phẩm 20: CÔ GÁI NGHÈO NAN-ĐÀ	1161
Phẩm 21: NHÂN DUYÊN VUA ĐẠI QUANG MINH PHÁT TÂM ĐẠO	1168
QUYỂN 4	1177
Phẩm 22: UÙ-BÀ-DI MA-HA TU-NA	1177
Phẩm 23: XUẤT GIA CÔNG ĐỨC THI-LỢI-BẬT-ĐỀ	1197
QUYỂN 5	1223
Phẩm 24: SA-DI GIỮ GIỚI TỰ SÁT	1223
Phẩm 25: TRƯỞNG GIẢ KHÔNG MẮT, TAI, LUỖI	1234
Phẩm 26: HAI VỢ CHỒNG NGHÈO THÍ VẢI ĐƯỢC HIỆN BÁO	1242
Phẩm 27: NGÀI CA-CHIÊN-DIÊN DẠY BÀ LÃO BÁN NGHÈO	1248
Phẩm 28: KIM THIÊN	1252
Phẩm 29: TRỌNG TÁNH	1258
Phẩm 30: TÁN ĐÀN NINH	1261
QUYỂN 6	1270

Phẩm 31: VUA NGUYỆT QUANG BỐ THÍ ĐẦU	1270
Phẩm 32: VUA KHOẢI MỤC BỐ THÍ MẮT	1288
Phẩm 33: CHUYỆN NĂM TRĂM NGƯỜI MÙ THEO PHẬT	1303
Phẩm 34: PHÚ-NA-KỶ	1308
Phẩm 35: NHÂN DUYÊN ĐỘ NI-ĐỀ	1329
QUYỂN 7	1335
Phẩm 36: CHUYỆN ĐẠI KIẾP-TÂN-NINH	1335
Phẩm 37: CHUYỆN BẢY NGƯỜI CON TRAI CỦA LÊ-KỶ-DI	1341
Phẩm 38: CHUYỆN THIẾT-ĐẦU-LA-KIỆN-NINH	1358
QUYỂN 8	1362
Phẩm 39: NHÂN DUYÊN CÁI SỰ	1362
Phẩm 40: ĐẠI THÍ TÁT BIÊN	1373
QUYỂN 9	1404
Phẩm 41: TRỜI TỊNH-CƯ THỈNH PHẬT TÂM	1404
Phẩm 42: THÁI TỬ THIÊN SỰ ĐI BIÊN	1406
Phẩm 43: CHUYỆN MA-HA LINH-NÔ	1437
Phẩm 44: CHUYỆN ÁC CẦU, THIÊN CẦU	1443
QUYỂN 10	1448
Phẩm 45: A-NAN TỔNG TRÌ	1448
Phẩm 46: ƯU-BÀ-TU	1450
Phẩm 47: CON LỖ TAY GIẾT CHA	1454
Phẩm 48: ÔNG TU-ĐẠT LÀM TINH XÁ	1456
Phẩm 49: ĐẠI QUANG MINH BẮT ĐẦU PHÁT TÂM VÔ THƯỢNG	1476
Phẩm 50: LẶC-NA-XÀ-ĐA	1479
Phẩm 51: CA-TỶ-LÊ TRĂM ĐẦU	1484
QUYỂN 11	1489
Phẩm 52: VÔ NÃO	1489
Phẩm 53: ĐÀN-NHỊ-KỶ	1519
QUYỂN 12	1532
Phẩm 54: MA-ĐẦU-LA-THỂ-CHẤT, CON CỦA ÔNG SƯ CHẤT	1532
Phẩm 55: ĐÀN-DI-LY	1538
Phẩm 56: TƯỢNG HỘ	1545
Phẩm 57: BA-BÀ-LÊ	1550
Phẩm 58: ANH VŨ NGHE TỨ ĐẾ	1575
Phẩm 59: CHIM NGHE VỊ TỶ-KHEO THUYẾT PHÁP ĐƯỢC SINH LÊN CỒI TRỜI	1578
QUYỂN 13	1581
Phẩm 60: NĂM TRĂM CHIM NHẬN NGHE PHẬT PHÁP ĐƯỢC SINH CỒI	

TRỜI.....	1581
Phẩm 61: SỰ TỬ KIÊN THỆ.....	1583
Phẩm 62: PHẠM CHÍ CỨNG THÍ PHẬT Y VÁ ĐƯỢC THỌ KÝ	1588
Phẩm 63: ĐỨC PHẬT BẮT ĐẦU KHỞI TÂM TỪ	1591
Phẩm 64: VUA ĐÁNH SINH	1592
Phẩm 65: MƯỜI ĐỨA CON CỦA NÀNG TÔ-MAN	1600
Phẩm 66: BÀ-THẾ-CHẤT	1605
Phẩm 67: UÙ-BA-CÚC-ĐỀ	1610
Phẩm 68: CÔN TRÙNG TRONG VŨNG NƯỚC	1619
Phẩm 69: SA-DI QUÂN-ĐỀ	1622



LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 15

BỘ BẢN DUYÊN

6

SỐ 199

(Phẩm 1 → 30)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 199

NĂM TRĂM VỊ ĐỆ TỬ CỦA ĐỨC PHẬT TỰ NÓI VỀ BỒN KHỞI

*Hán dịch: Đồi Tây Tấn, Tam tạng
Pháp sư Trúc Pháp Hộ.*

Khi Đức Phật còn tại thế, có một vị Long vương tên là A-nậu-đạt (*đời Tấn gọi là Vô Phàn*). Bảy giờ, Thế Tôn độ riêng cho các vị Bồ-tát có uy đức lớn tại cung điện báu của vị Long vương ấy. Cung điện đó tọa lạc tại núi Côn lôn, nơi bắt nguồn của năm con sông (*Ngũ hà*), đứng tại đây có thể trông thấy tất cả. Tại vùng ấy có một ao nước mọc đầy hoa báu bảy màu. Nước trong ao có đủ tám vị ai uống nước đó liền biết được các hạnh nghiệp đã làm trong đời quá khứ.

Bảy giờ Long vương thỉnh Đức Phật Thế Tôn cùng năm trăm vị đệ tử thượng thủ của Ngài đến thọ thực. Sau khi thọ trai xong, Đức Phật và chư Bồ-tát ngồi trên tòa sen, giảng nói lại những nhân duyên tội phước đã tạo trong đời quá khứ. Tất cả các Bồ-tát đều do những nghiệp nhân rất nhỏ nhiệm nên nhận lãnh báo ứng luân chuyển trong nhiều đời nhiều kiếp không thể tự tế độ, phải nhờ gặp Bạc Chánh Giác mới có thể độ thoát. Lúc ấy

mỗi vị đều tự soạn các bài kệ tụng.



Phẩm 1: ĐẠI CA-DIỆP (19 bài kệ)

*Phật, Bạc Pháp Ngự khắp trời người
Đến Xá-vệ đoạn trừ triền phược
Thân căn tịch tịnh, đức cao vời
Như Lai truyền dạy các Tỳ-kheo:
“Kỳ hoa dị thảo nhiều vô số
Bốn dòng tuôn chảy về bốn phương
Rồi lại hợp chung quay về biển
Tư-đầu, Na-đề hai nguồn sông
Nơi ấy sức người không thể tới
Nhẹ vượt tầng không mới đến được
Mau cùng Ta đến vùng tuyền lãnh.”
Chúng Tỳ-kheo vâng lời giáo huấn
Đều là bậc đạt đại thần thông
Theo lời Phật dạy vận thân tức
Ví như nhận chúa lướt dẫn đoàn
Sải cánh trên không dạo hồ hải
Cùng nhìn nhau lòng rộn niềm vui,
Phật cũng thế, Bạc Đại Thiên Chủ
Cùng các đệ tử nhẹ vượt không.
Đến nơi Phật bảo các đồ chúng:
Việc tiên thân các ông đã rõ
Hãy nói Ta nghe tạo nghiệp gì
Nên nay phước đức thật vô lượng.*

*Đệ tử Phật là ngài Ca-diếp
Tợ như sư tử dạo non sâu
Các kiếp trải qua không dám giấu
Kính tỏ bày hạnh nghiệp tiền thân:
“Xưa con thu hoạch ruộng lúa mạch
Dành một phần dâng Phật-bích-chi
Tâm vô lậu, niệm vui giải thoát
Thường cúng dường bậc Hạnh tịch
không.
Lúc ấy lòng con luôn nguyện ước
Suy tư, tìm kiếm pháp Thượng thừa
Cùng người đồng chí hợp một nơi
Khi mạng chung sinh cõi Uất-đơn
Hưởng phước báo do nhân duyên ấy.
Uất-đơn-việt ngàn đời sinh lại
Thắng mạng Thiên, sau đó hóa sinh
Thân Thiên tướng đẹp không ai sánh
Con nương phước ấy tu đức hạnh
Đạo-lợi Thiên cung sống ngàn đời
Được tướng mỹ diệu, luôn tự tại
Trang điểm hoa, hương và ngọc báu
Thọ mạng tròn đủ, xả thân trời
Lại trú thân nơi cõi Uất-đơn
Theo nguyện quá khứ nên có duyên.
Cũng do phước báo vui hiến cúng
Sinh nhà Phạm chí thật giàu sang
Tài sản sự nghiệp nhiều vô số
Sống trong ngũ dục nhưng chẳng tham*

Được Đấng Toàn Giác, Bạc Tối Thượng
 Từ bi thương xót truyền giảng pháp
 Năm lực, nhất tâm an định căn
 Hành theo Thất giác và Bát chánh
 Nhờ các pháp ấy nên tâm con
 Lậu hoặc vắng lặng, tuệ bừng sáng
 Hợp cùng Thánh chứng thân tối hậu
 Cùng nhau lìa tà, tu hạnh chánh.
 Pháp của Như Lai là tối thiện
 Khiến người giữ giới tròn chí nguyện
 Những điều mong ước đều toại ý
 Thân tối hậu, con nay đã đạt
 Trừ cội nguồn sinh tử, tử sinh
 Dây ái dục đứt hẳn từ đây
 Mới xứng gọi là Pháp vương tử
 Đệ nhất tịch tĩnh, luôn nhớ đạo
 Tâm trong lặng không hề nhiễm vương
 Chỉ con bền vững không chuyển dời
 Ví như núi lớn chẳng lay động.”
 Như vậy Đức Ca-diếp
 Giữa chúng hội Tỳ-kheo
 Tại ao A-nậu-đạt
 Tự nói duyên đời trước.



Phẩm 2: XÁ-LỢI-PHÁT (12 bài kệ)

Xưa con là Tiên nhân

Gặp Sa-môn giữa rừng
Bích-chi-phật tôn quý
Y hoại sắc vắn thân
Thấy Ngài, lòng hoan hỷ
Nguyên giắt y cho Phật
Lại vì y ca-sa
Luôn kính thành đánh lễ,
Nên Ngài thương xót con
Hiện thân giữa không trung
Trên dưới phun nước lửa
Phút chốc liền biến mất.
Con lập tức chấp tay
Tự tâm phát nguyện rằng:
“Mong con ở tương lai
Được thông minh, đại tuệ
Chớ sinh nhà hào quý
Cũng chẳng sinh nghèo hèn
Thường sinh nhà bậc trung
Sa-môn là chí nguyện”.
Bởi nhờ công đức ấy
Con suốt năm trăm đời
Thường làm được thân người
Đời đời làm Sa-môn.
Nay là đời sau chót
Cũng sinh lại cõi người
Nhờ gặp Đấng Chánh Giác
Bậc Đạo Sư tối thượng
Nên được làm Sa-môn

Là con dòng họ Thích
 Thành tựu A-la-hán
 Diệt độ rất thanh lương.
 Đời này được Thế Tôn
 Giữa chúng Tỳ-kheo Tăng
 Khen con trí bậc nhất
 Chuyển vận chánh pháp luân.
 Bậc trí Xá-lợi-phất
 Ở trước chúng Tỳ-kheo
 Tại ao A-nậu-đạt
 Tự nói về tiền thân.



Phẩm 3: MA-HA MỤC-KIÊN-LIÊN (15 bài kệ)

Xưa con là Tiên nhân
 Nhàn cư ở giữa rừng
 Có người đến chỗ ấy
 Xin con làm Sa-môn
 Con bèn cạo râu tóc
 Giặt y phục cho người
 Vá xong rồi nhuộm y
 Trong lòng tự vui sướng.
 Vị ấy lui sang bên
 Thắng thân ngồi kiết già
 Hiện thân Bích-chi-phật
 Bay vút lên hư không.

Lúc đó con phát nguyện:
“Nay Ngài hiện sức thần
Mong con cũng như thế
Có đại lực thần thông.”
Bởi nhờ phước đức ấy
Ở chỗ nào sinh ra
Trên trời hay cõi người
Phước đức đều sáng rực.
Nay là đời sau chót
Lại thọ sinh nhân gian
Nhờ gặp Đấng Chánh Giác
Bậc Đạo Sư tối thượng
Xuất gia làm Sa-môn
Con Pháp vương họ Thích
Đạt quả A-la-hán
Diệt độ trong thanh lương
Chỉ làm ít điều thiện
Được vô lượng an ổn.
Con từng làm điều ác
Nay thưa xin lắng nghe,
Phía Đông La-duyet-kỳ
Sinh con nhà quyền quý
Rời khỏi nhà dạo chơi
Đến nhà người ăn uống
Liền thấy cha mẹ họ
Lấy hai người đùa vui
Thấy thế họ đánh con
Chửi mắng và rượt đuổi,

Chỉ cần sống chân chánh
 Nhưng con lại không làm
 Nên đọa ngục Hắc thành
 Thọ khổ vô số kiếp
 Tai ương xưa còn sót
 Bây giờ đời sau cùng
 Bị ngoại đạo dị học
 Đánh thân con tan nát.
 Con gánh lấy tội lỗi
 Mạng chung rồi diệt độ
 Dư ác nghiệp xưa kia
 Bây giờ mới diệt hết
 Cho nên phải vui lòng
 Chí hiếu thờ cha mẹ
 Nhờ tâm hoan hỷ này
 Sinh cõi trời tối thắng.
 Như vậy Câu-luật-tôn
 Ở trong chúng Tỳ-kheo
 Tại ao A-nậu-đạt
 Tự nói nhân duyên trước.



Phẩm 4: LUÂN-ĐỀ-ĐÀ (Tịnh Trừ - 17 bài kệ)

Xưa con đi đến chùa
 Thấy đất chùa không sạch
 Bèn cầm lấy chổi quét
 Dọn sạch các rác dơ

*Xong thấy chùa thanh tịnh
Trong lòng rất sướng vui
Nguyên lòng không trần cấu
Trong sạch như chùa này.
Bởi nhờ công đức ấy
Bất cứ sinh ở đâu
Sắc mặt luôn hòa ái
Đoan chánh không ai bằng.
Con nhờ dư phước đó
Ở thân mạng sau cùng
Được cha mẹ yêu quý
Đặt tên là Tịnh Trì.
Con ở trong thân tộc
Lúc sống cũng trong lành
Mọi người đều kính yêu
Ngắm mãi không nhàm chán,
Nhờ gặp Đấng Chánh Giác
Bậc Đạo Sư tối thượng
Nên thành A-la-hán
Thanh lương mà diệt độ.
Chính nhờ chí nguyện ấy
Khiến lòng con vắng lặng
Chứng La-hán vô cầu
Hành nghiệp đều vô lậu.
Giả sử quét dọn hết
Khiến thế gian sạch trong
Không bằng là dục ái
Quét dọn chỗ kinh hành,*

Như quét sạch thiên hạ
Và nơi đi kinh hành
Không bằng tại tinh xá
Một tác đất quét sạch;
Giả như quét dọn sạch
Tinh xá khắp thế gian
Không bằng tại Phật đường
Quét sạch một tác đất
Tự thân đã tạo phước
Nhờ đó biết diệu kỳ.
Ngay khi quét nền chùa
Trong lòng rất hân hoan
Theo đó nên biết rõ
Đức của Phật cao thâm
Nên cúng thờ chùa Phật
Được vô lượng phước đức.
Nay con tự nhớ lại
Việc thiện xưa đã làm
Quả ấy đến viên thành
Thật khả ý, an lạc
Cho nên với chùa Phật
Tịnh tâm vui hiến cúng.
Nhân giả đó đệ nhất
Phước điền không ai bằng
Quá khứ hay cúng dường
Nay an ổn vô lượng
Phá trừ sạch hoàn toàn
Dâm, nộ, si, ngã mạn

*Lòng lặng không hỷ lạc
Được phước đức đâu ít
Theo Như Lai Chánh Giác
Và các đệ tử Phật.
Luân-đề-đà như thế
Ở trước chúng Tỳ-kheo
Tại ao A-nậu-đạt
Tự nói nhân đời trước.*



Phẩm 5: TU-MAN (Thiện Niệm - 14 bài kệ)

*Thuở xưa con ra ngoài
Cùng thân hữu dạo chơi
Đầu đội vòng hoa quý
Tai mang bông Tu-man
Phật Duy Vệ thân thông
Kiến tạo chùa tại đó
Con xa thấy thường dân
Cùng đến để phụng sự
Bạn thân cũng tới đó
Mỗi vị mang hoa tươi
Vội tất cả lòng thành
Rải hoa cúng chùa Phật.
Thấy mọi người dâng cúng
Con cũng khởi niệm lành
Liền vào rừng hái hoa
Đem dâng lên điện Phật.*

Lúc sống không đọa lạc
Lên trời, xuống làm người
Đều nhờ công đức ấy
Tổ thiện sự đã làm
Sau gặp Đấng Chánh Giác
Bậc Đạo Sư Vô Thượng
Chứng quả A-la-hán
Được diệt độ thanh lương.
Chỉ cúng một cành hoa
Trong suốt trăm ngàn năm
Sinh cõi trời vui sướng
Phước dư được Niết-bàn.
Giả sử con biết trước
Công đức Phật vô lượng
Sẽ xây dựng chùa tháp
Phước ấy không thể lường
Chư Thiên tâm hỷ hoan
Phước ấy vẫn còn nhỏ.
Bậc Phật, Đấng Toàn Giác
Cùng đệ tử Thế Tôn
Nay con nhớ việc lành
Công đức của tự thân
Nay đạt được quả Thánh
Thật khả ý, an lạc
Đều do thiện sự ấy
Cắt đứt vòng sinh tử
Vô lậu, không đắm trước
Nên diệt độ thanh lương,

Năm đường đã thoát khổ
 Không còn thọ thai sinh
 Đây là đời sau chót
 Không còn phải tái sinh
 Giải thoát cội tử sinh
 Đã vượt qua biển Hữu
 Con do nhân duyên ấy
 Nên có hiệu Tu-man.
 Trưởng giả Tu-man đó
 Cùng ở trong chúng Tăng
 Tại ao A-nậu-đạt
 Tự nói việc tiền thân.



Phẩm 6: LUÂN LUÂN (Minh Thính - 11 bài kệ)

Con nhớ Phật Duy Vệ
 Tại nước Bát-đầu-ma
 Xưa vì bốn phương Tăng
 Tạo lập các phòng thất
 Đầy đủ giường, ngọa cụ
 Đều đem để cúng dường.
 Con sinh tâm hoan hỷ
 Lúc đó phát nguyện rằng:
 “Nay gặp Đáng Chánh Giác
 Mong mãi làm Sa-môn
 Đạt thắng pháp tối thượng

Diệt độ thật thanh lương.”
Chính nhờ công đức xưa
Chín một kiếp an ổn
Đều tự nhiên quả thành,
Tại trời hay cõi thế
Nương phước đức hậu báo
Nên nay đời sau cùng
Hưởng sinh nhà trưởng giả
Là con một quý yêu
Được thân phụ thương mến.
Theo lời Phật khuyên dạy
Ông vì con bố thí
Vô số ức báu vật.
Chân mọc lông lạ thường
Tự nhiên dài bốn tấc
Thân vô cùng đẹp xinh
Luôn an ổn vô hại
Quá khứ chín mươi đời
Tất cả đều như vậy.
Dẫu sống trong cõi trần
Lòng con vẫn vô nhiễm
Nay là đời sau chót
Lại được làm thân người
Thành bậc Vô sở trước
Diệt độ rất thanh lương.
Phật thấy rõ dạy con
Là Tinh tấn đệ nhất
Giải thoát hết các lậu

*Đã được Bất động tâm.
 Tôn giả dòng Câu-lê
 Ở giữa hội chúng Tăng
 Bên ao A-nậu-đạt
 Tự nói công đức xưa.*



Phẩm 7: PHÀM KỲ (Thủ Thiện - 8 bài kệ)

*Con không tường phước đức
 Vốn cũng không hiểu nghĩa
 Gặp chùa Phật Duy Vệ
 Theo cúng dường phụng thờ
 Thấy chùa vàng sắc đỏ
 Treo phan, hiến hương hoa
 Do cúng dường chùa tháp
 Nên được sinh cõi lành
 Thường ở trong trời, người
 Mọi sở hành tự tại,
 Hơn chín mươi một kiếp
 Chưa từng đọa ác đạo
 Làm rất ít công đức
 Được an lạc thật nhiều
 Nay thành bậc Vô nhiễm
 Diệt độ rất thanh lương.
 Giả sử xưa con biết
 Công đức Phật như vậy
 Đã thường cúng chùa tháp*

Ất được phước nhiều hơn.
 Vì thế cần biết rõ
 Phật đức rất cao thâm
 Nên cúng dường chùa tháp
 Phước báo sẽ vô cùng.
 Phật thấy rõ bảo con
 Là bậc nhất thường lạc
 Học rộng giỏi kiến văn
 Đức biện tài tối thắng.
 Khi ấy vị trưởng giả
 Đã ở giữa chúng Tăng
 Bên bờ A-nậu-đạt
 Tự nói việc tiền thân.



Phẩm 8: TÂN-ĐẦU-LÔ (Khất Bế Môn - 11 bài kệ)

Xưa con được mẹ cha
 Sinh con, yêu quý nhất
 Luôn cung kính thờ cha
 Và hiếu dưỡng với mẹ
 Hiếu hòa cùng các em
 Nô tỳ và người ở,
 Được song đường dạy răn
 Ăn uống đúng thời tiết
 Liền khởi ý ghét, tham
 Không ăn của cha mẹ

Ôm tâm dữ nhiếc mắng
Để được hưởng tài thực.
Vì làm tội ác ấy
Đọa địa ngục Thái sơn
Ngục Hắc thằng thiêu đốt
Chịu vô lượng khổ đau,
Dù rời khỏi ngục tối
Đời đời sinh ở đâu
Thường đói khát dữ dội
Cần khổ vẫn chết đói.
Nay là đời sau cuối
Lại được làm thân người
Được Đấng Chánh Đẳng Giác
Bậc Đạo Sư Tối Thượng
Nhờ đức Bậc Thích Vương
Nên giữ chí tịch tĩnh
Thành tựu đạo Vô trước
Diệt độ được thanh lương.
Do vậy bây giờ con
Dẫu có sức phi hành
Nhưng phải vào hang sâu
Thì mới được ăn uống
Cho nên phải hoan hỷ
Cúng dường cho mẹ cha
Một lòng cúi đầu lạy
Được phước nhiều vô kể.
Dù con nhớ việc xưa
Bỏ ác hạnh đã làm

*Vẫn thọ nhân đã gieo
 Tôi, phước không thể mất.
 Tôn giả Tân-đầu-lô
 Lúc ấy ở trong chúng
 Tại ao A-nậu-đạt
 Tự nói việc làm xưa.*



Phẩm 9: HÓA KIẾT (Thiện Lai - 21 bài kệ)

*Xưa con là quốc vương
 Tại nước Bàn-đầu-ma
 Dòng họ rất giàu có
 Được quyền thuộc quây quần
 Thân cận hầu bốn phía
 Khoái lạc vô cùng tận
 Tướng tốt ai cũng thích
 Diện mạo đẹp vô cùng.
 Lúc con sắp rời cung
 Quan dân theo lũ lượt
 Muốn cùng các thể nữ
 Đi khắp nơi thưởng ngoạn.
 Khi đến nơi ngắm cảnh
 Thấy Sa-môn tướng tịnh
 Oai nghi thật an tĩnh
 Thân vận y ca-sa,
 Khi con thấy vị kia
 Liên phát khởi ác ý*

*Giận ghét tướng hình người
Lòng bức bội không vui:
Vì sao cạo râu tóc
Hình mạo xấu, gầy đen
Thân thể gẻ, mụn nhọt
Chỉ còn da bọc xương?
Do vậy đã tạo tội
Miệng nói lời ác khinh.
Sau khi bị mạng chung
Lập tức đọa địa ngục
Mãn địa ngục thoát ra
Thọ tướng đen dơ xấu
Thân thể đầy ung nhọt
Gầy trơ xương ốm yếu
Cầm chén bẻ xin ăn
Mặc áo người chết vất
Rách rã lại xấu thô
Chỗ ở không yên ổn,
Muốn đi đến nơi nào
Xin ăn cho đỡ đói
Bị gậy đánh đuổi xua
Bị ghét, bị hủy nhục
Suốt thế năm trăm năm
Bất cứ sinh ở đâu
Luôn đói khát khôn cùng
Chịu khổ mà chết đói.
Gặp Đấng Chánh Đẳng Giác
Vì chúng Tỳ-kheo Tăng*

Cùng đại chúng câu hội
Giảng thuyết Chân diệu pháp
Vừa thấy chúng hội đông
Liên nhanh chân chạy đến
Ý muốn vào trong chúng
Hy vọng được ăn uống
Đến nơi thấy đại chúng
Đều ngồi nghe pháp diệu
Không đạt được ước mong
Chẳng ai cho ăn uống.
Đức Đại Từ, Như Lai
Thương xót gọi con bảo:
“Nhân giả, khéo đến đây
Hãy ngồi vào tòa này!”
Bấy giờ con vui sướng
Liên một lòng chấp tay
Lạy dưới chân Thế Tôn
Rồi ngồi qua một phía.
Lúc ấy Bạc Trượng Thế
Cù-đàm rất từ bi
Phân biệt theo tuần tự
Vì con giảng Tứ đế
Năng Nhân cạo râu tóc
Nhờ đó con thấy đạo
Tâm chí được tịch tĩnh
Đắc thần thông ngay đó
Do vậy con có hiệu
Hóa Kiệt là tên con.

*Phật theo đó bảo con
 Là bậc nhất Chánh thọ (Chánh định).
 Phật, Thế Tôn dũng mãnh
 Bậc Thế Hùng tối thắng
 Thật vô lượng từ tâm
 Độ con giải thoát khổ.
 Tôn giả Thiện Lai ấy
 Ở trong chúng Tỳ-kheo
 Tại ao A-nậu-đạt
 Tự nói hạnh nghiệp xưa.*



Phẩm 10: NAN-ĐÀ (Hân Lạc - 12 bài kệ)

*Phía Đông Vương xá thành
 Xưa là người giàu sang
 Gặp phải lúc đói kém
 Có đạo sĩ du hóa
 Khi con đang ngồi ăn
 Đạo sĩ ấy vào nhà
 Bậc Duyên giác phá ác
 Tự tại, không phiền não
 Con sinh ý tham, ghét
 Trong lòng khởi ác niệm:
 “Nay vị Tỳ-kheo ấy
 Chưa phải là Thánh nhân
 Chỉ nên cho uống ăn
 Cơm lẫn với lúa ngựa.”*

Đạo nhân khi ăn xong
Mạng chung ngay tức khắc.
Sau khi con mạng chung
Mãi đọa trong địa ngục
Hội nhau cùng kêu la
Đòi đòi bị chưng nấu,
Rời khỏi chốn địa ngục
Trở lại làm thân người
Thân thường nhiều bệnh tật
Táng thân trong buồn khổ.
Năm trăm đời như vậy
Bất cứ sinh ở đâu
Thường gặp nạn đau khổ
Luôn áo não qua đời.
Nay là đời sau chót
Đã được sinh làm người
Gặp Đấng Chánh Đẳng Giác
Bậc Đạo Sư Tối Thượng
Xuất gia làm Sa-môn
Là Pháp tử dòng Thích
Đạt được đạo La-hán
Diệt độ trong thanh lương.
Con dấu chứng quả Thánh
Có sức thần vô lậu
Thân thể vẫn nhiều bệnh
Chỗ ở không an ổn
Bây giờ nhớ nghĩ lại
Hạnh nghiệp xưa của con

*Phải nhận lấy quả báo
 Tôi, phước không hề mất.
 Như vậy, ngài Nan-đà
 Ở trong chúng Tỳ-kheo
 Tại ao A-nậu-đạt
 Tự nói việc tiền thân.*



Phẩm 11: DẠ-DA (Danh Văn - 26 bài kệ)

*Xưa có một đạo nhân
 Vào xóm làng khát thực
 Thấy thi thể nữ nhân
 Sinh đen rất hôi thối
 Ngài ngồi thẳng kiết già
 Tâm quán vô thường tướng
 Xét rõ toàn bất tịnh
 Quyết chí học định tâm
 Liên ngay trên chỗ ngồi
 Có âm thanh tinh tế
 Ngài nghe tiếng hã hùng
 Theo đó nhất tâm khởi.
 Thấy bụng tử thi vỡ
 Hiện toàn đồ bất tịnh
 Thát khiếu nước chảy ra
 Hôi thối không chịu nổi,
 Năm tạng, ruột, bao tử
 Tim, gan đều rã nát*

Sinh ra vô số trùng
Quán xong tâm lại tịnh.
Xem thân chết bên ngoài
Quán soi lại nội thân
Người vậy, ta nào khác?
Biết thân vốn hư nguy
Tự khởi tâm tịch tịnh
Tu hành không giải đãi
Không du hành khát thực
Cũng không nghĩ uống ăn.
Nếu phải vào xóm làng
Đề đi xin thức ăn
Tuy thấy sắc đẹp xinh
Thường quán thấy bất tịnh
Xem các hình sắc kia
Như người chết không khác,
Quán nó vốn tiêu hoại
Tất cả chẳng gì vui
Con suy tư như vậy
Mà lìa được dục ái.
Sống theo bốn phạm hạnh
Phòng hộ không phóng dật
Tại đó, sau mạng chung
Liên sinh Phạm thiên giới.
Thọ mạng cõi trời hết
Sinh xuống Ba-la-nại
Làm con nhà trưởng giả
Giàu có, đầy uy thế

*Ai thấy cũng kính yêu
Chánh định độ vô cùng
Suốt ngày luôn tu hành
Buổi tối không ngủ nghỉ,
Thấy tất cả người nữ
Đều xem như đồ hôi
Kẻ gói trống mơ màng
Người ôm đàn, sáo ngủ
Nhạc khí bày ngổn ngang
Trong mộng miệng nói mơ
Thấy thế con tự tỉnh.
Xưa vốn làm công đức
Nhớ quán hạnh bất tịnh
Đời trước đã trải qua
Vừa quán thấy vậy rồi
Tâm ý cầu vô dục
Lúc đó lòng bức bách
Con quyết phải ra đi
Từ sàng tọa khởi thân
Xuống điện bỏ chạy trốn
Chư Thiên thương xót con
Làm cửa thành tự mở.
Khi con ra khỏi thành
Đến được bên dòng sông
Xa trông bờ bên kia
Thấy Sa-môn tịch tĩnh
Và thấy Đấng Đại Tịch
Nên cất tiếng kêu lớn*

Bảo rằng con khôn cùng
Ý nguyện quyết ly dục.
Tiếng Thế Tôn nhẹ nhàng
Vì cứu khổ bảo con:
“Hãy đến đây đừng sợ
Chốn này rất an ổn.”
Tâm con lìa khổ sầu
Liên vượt sang bờ kia
Đến chỗ Đấng Đại Từ
Thế Tôn, Bạc Tội Thượng
Thuyết pháp diệu tối thắng
Con như người đói khát
Thấm tư pháp cam lộ
Thấu rõ chân thật nghĩa
Ngay đó thấy lý Đạo
Theo Phật cầu xuất gia
Đức Phật đại từ bi
Độ con thành Sa-môn,
Tức thời trong một đêm
Trời vừa rạng ánh hồng
Con dứt hết các lậu
Được diệt độ thanh lương.
Đó là thân đời trước
Đã làm thiện hạnh này
Nay là đời cuối cùng
Con thấy Chân diệu pháp.
Như vậy Hiền Dạ-da
Bạc Tôn giả thân thông

*Bên ao A-nậu-đạt
Tự nói việc làm xưa.*



Phẩm 12: THI-LỢI-LA (20 bài kệ)

*Xưa thành Ba-la-nại
Phật Ca-diếp Niết-bàn
Vua Cơ Duy dựng tháp
To lớn bằng thất bảo
Vua do phước đức này
Sinh con thái tử báu.
Lúc đó con kính Phật
Cũng xây tháp bậc nhất
Nương theo công đức ấy
Đời đời sinh ở đâu
Trên cõi trời hay người
Phước báo tự nhiên hiện;
Dù sinh ở nơi đâu
Đều giàu bậc nhất nước
Của cải nhiều vô cùng
Thường thích bố thí lớn.
Con suốt năm trăm năm
Tuệ thí, không tham tiếc
Cung cấp cho thường dân
Tỳ-kheo và Phạm chí,
Nhờ hành theo hạnh giác
Tâm đạt vô ái lậu*

Lòng thanh tịnh hỷ hoan
Cúng năm trăm tu sĩ.
Bởi nhờ công đức đó
Tại đây đời cuối cùng
Sinh tộc Thích thế lực
Vừa sinh, miệng liền nói:
“Trong nhà có của báu
Tiền bạc và vật dụng
Tôi sẽ đem tất cả
Cứu cho kẻ bần cùng
Sẽ thí không luyến tiếc
Cấp tế người nghèo hèn
Đã tin có thiện quả
Sao lại không bố thí.”
Trong nhà nghe con nói
Lòng kinh hãi buồn lo
Bỏ chạy khắp tán loạn
Nhũ mẫu cũng xa lánh
Mẹ con vì yêu quý
Liên nhẹ bảo con rằng:
“Là Trời, Người, Quỷ thần
Sao nói lời quái dị?”
Lúc đó con liền thưa:
“Là người, chẳng phải quỷ
Con bố thí bao đời
Nên ưa theo hạnh thí.”
Mẹ con nghe lời ấy
Vui mừng chẳng hãi kinh

Còn hứa khuyến trợ con
Tùy ý mà bố thí.
Trong nhà nhiều quyến thuộc
Mẹ truyền cúng dường con
Được mọi người kính yêu
Ai thấy cũng hoan hỷ.
Khi con vừa mới sinh
Trong nhà liền hưng thịnh
Nhờ vậy các Tịch chí
Gọi con: Thi-lợi-la.
Ở nhà vui bố thí
Cấp dưỡng các người nghèo
Gặp Bạc Chánh Đăng Giác
Liền bỏ nhà học đạo
Khi sinh nhà hưng thịnh
Chạm đất liền biết nói
Cho nên gọi Thi-lợi
Tiếng tăm ai cũng biết.
Chẳng tham luyện gia đình
Cũng chẳng vì sợ hãi
Vì tín xuất gia học
Nên đạt đủ thần thông
Được quốc chủ khâm phục
Đại thần và nhân dân
Đều cúng nhiều y thực
Sàng tọa, các đồ dùng.
Như vậy Thi-lợi-la
Ở giữa Tỳ-kheo Tăng

*Bên ao A-nậu-đạt
Tự nói việc đời trước.*



Phẩm 13: BẠT-CÂU-LÔ (Họ Cổ - 12 bài kệ)

*Xưa con từng bán thuốc
Ở nước Bàn-đầu-ma
Ngay đời Phật Duy Vệ
Thường cung kính chư Tăng
Khi có vị ốm đau
Đem thuốc trị lành bệnh
Cung cấp các thuốc quý
Cúng dường các Tỳ-kheo
Chúng Tăng suốt trọn năm
Chẳng thiếu thốn vật gì.
Do cúng dường Sa-môn
Chỉ một Ha-lê-lặc
Trong chín mươi một đời
Chưa từng vào đường ác
Sinh cõi trời hay người
Phước đó tự nhiên gặp;
Tạo công đức rất ít
Hưởng phước vô cùng tận
Cúng một Ha-lê-lặc
Luôn mãi sinh thiện xứ.
Theo dư phước thuở trước
Nay thọ làm thân người*

*Gặp Đấng Chánh Đẳng Giác
Bậc Đạo Sư Tối Thượng
Việc xưa tự nhớ lại
Quận, huyện, chỗ thọ thí
Con chỉ trong hai đêm
Chứng thông Tam đạt trí
Thường mặc y xấu thô
Chăm vá rất nhiều lớp
Bỏ nhà đi học đạo
Vui thích chốn thanh nhàn
Thọ một trăm sáu mươi
Ở chỗ không dơ uest
Chưa từng có tật bệnh
Thường sinh chốn an vui.
Phật biết rõ dạy con
Thiếu dục, không ngủ nghỉ
Quán công đức quý thuốc
Nên phước lớn như vậy
Nay con đã nhớ rõ
Xưa gieo ít công đức
Mà đạt quả chân thật
Thật khả ý, an ổn.
Hiện giả Bạt-câu-lô
Giữa chúng Tỳ-kheo Tăng
Tại ao A-nậu-đạt
Tự nói việc làm xưa.*



Phẩm 14: MA-HA-TRỞ (Đại Trường - 12 bài kệ)

Xưa làm thợ thuộc da
 Đời sống cũng an ổn
 Gặp lúc lúa thóc hiếm
 Làm mềm da để thuộc
 Khi gặp nhiều da tốt
 Nấu chín làm thật đẹp.
 Lúc đó Sa-môn đến
 Khát thực muốn xin ăn
 Con thấy lòng hoan hỷ
 Chia phần cơm cúng dường
 Vị Tịch chí ăn xong
 Liền bay lên hư không.
 Thấy đạo nhân bay vút
 Lúc ấy con chấp tay
 Kính lễ theo dấu Ngài
 Tùy tùng theo chân Thánh
 Tâm vô cùng hoan hỷ
 Liền tự phát nguyện rằng:
 “Mong con luôn như vậy
 Được theo cùng Tôn giả
 Như pháp bậc đạo nhân
 Ngài đã được pháp thân
 Khiến thân con cũng thế
 Mau hoàn thành tâm nguyện.”
 Chỗ thí không hình sắc
 Khí chất cũng nhiễm ô

*Không vị cũng không hương
Tôi đã thí như thế
Dầu tạo chút ít đức
Được phước rất an lạc.
Ở cõi trời hay người
Phước đó tự nhiên đến.
Nay là đời cuối cùng
Lại thọ thân làm người
Gặp Đấng Chánh Đẳng Giác
Bậc Đạo Sư Tối Thượng.
Con xưa đã cầu nguyện
Gặp Thế Tôn, Thượng Nhân
Bây giờ được như ý
Diệt độ rất thanh lương
Lúc ấy mới biết rõ
Tạo công đức thuở xưa
Tất phải được thật quả
Rất hoan hỷ, khả ý.
Như thế bậc Tôn giả
Tên Trở-la Đại Thông
Bên bờ ao A-nậu
Tự nói việc làm xưa.*



Phẩm 15: ƯU-VI CA-DIỆP (8 bài kệ)

*Hai đệ tử chúng con
Xưa anh em đồng họ*

Thấy tháp Phật Ca-diếp
Hư nát, bị sụp đổ
Tập hợp các thương nhân
Cùng nhau tu bổ tháp.
Lúc đó, hai anh em
Cũng phụ xây dựng tháp
Nhờ công đức xưa này
Sinh cõi trời rất lâu,
Lại sinh xuống nhân gian
Vào dòng họ thế tộc
Chưa gặp Bạc Chánh Giác
Bỏ nhà theo dị đạo
Ở tại bờ Nê-liên
Mãi tu hạnh bên tóc.
Thế Tôn, Bạc Tỏi Thắng
Xót thương bọn chúng con
Ở bên dòng sông Hằng
Cảm động liền hiển hóa
Chúng con thấy hóa hiện
Theo Phật xin xuống tóc
Thế Tôn vì xót thương
Cho chúng con xuất trần.
Cúng dường chùa tháp Phật
Và trước tháp đánh lễ
Nhờ vậy bọn chúng con
Thanh lương mà diệt độ.
Ưu-vi Ca-diếp tôn
Và Giang hà Ca-diếp

*Tại ao A-nậu-đạt
Tự nói hạnh nghiệp xưa.*



Phẩm 16: CA-DA (Trúc Thủ - 15 bài kệ)

*Xưa làm người bán hương
Khi đem hương đi bán
Có một nàng thiếu nữ
Đến chợ để mua hương
Nhan sắc thật tuyệt trần
Thấy cô đến chỗ con
Liền nắm tay đùa giỡn.
Ý dù đắm nhiễm dục
Thân vẫn chưa tiếp xúc
Và cũng không hội hiệp
Tuy chỉ nắm cánh tay
Vì giỡn con gái người
Do vậy bị tội ác
Mạng chung đọa địa ngục.
Trở lại làm thân người
Tay phải tự gây khô
Như thế năm trăm đời
Sinh ở đâu cũng vậy
Tay mặt thường teo tóp
Khô đau rất bất tiện.
Nhân giả, nên biết rằng:
Tạo tội tuy rất ít*

Bị tai ương vô cùng
Thiện, ác không là thân.
Nay gặp Bạc Chánh Giác
Bỏ nhà làm Sa-môn
Đã chứng A-la-hán
Thanh lương nhập Niết-bàn.
Nhân giả, con lúc đó
Có thân tức tự tại
Nhưng nay cánh tay mất
Không được như tay trái.
Giả sử có người nam
Thích phạm người nữ khác
Mạng chung đọa địa ngục
Chịu khổ đau tàn khốc.
Không nên xúc chạm sắc
Như xa rời lửa mạnh
Người trí, bậc thông tuệ
Luôn luôn biết dừng đủ
Nếu thấy hàng nữ lưu
Phải thường thấy bất tịnh.
Con ở trong địa ngục
Chịu khổ não vô cùng
Khi con phạm tội ấy
Tự biết không thể tránh
Phải lãnh lấy thật quả
Tội phước chẳng là thân,
Gặp Đấng Chánh Đẳng Giác
Bạc Đạo Sư vô song

Đã thành bậc Ly thủ
 Được diệt độ thanh lương
 Đây là đời sau cùng
 Hưởng được cam lộ pháp
 Đã hết tất cả khổ
 Diệt độ rất thanh lương.
 Ngài Ca-da như thế
 Giữa hội chúng Tăng-già
 Tại ao A-nậu-đạt.
 Tự nói việc làm xưa.



Phẩm 17: THỌ-ĐỀ-CÙ (37 bài kệ)

Thời Thế Tôn Duy Vệ
 Tại thành Bàn-đầu-ma
 Là vị phú trưởng giả
 Tên A-năng-càn-na.
 Đệ tử của Phật có
 Sáu triệu hai trăm ngàn
 Con thỉnh Phật Duy Vệ
 Và chúng, cúng ba tháng.
 Quốc chủ Bàn-đầu-ma
 Cùng con cúng Đức Phật
 Dâng trai thực ngon quý
 Cúng dường đệ tử Phật
 Như cúng dường Thế Tôn.
 Ở thành Bàn-đầu-ma

Vào ngày cúng sau cuối
Vua Bàn-đầu muốn dâng
Đồ uống ăn thượng vị
Y phục và giường nằm
Trai đường thật mỹ diệu
Chính do vua tạo nên,
Dâng lên các tiên nghi
Đến trăm ngàn sàng tọa
Cứ mỗi một Tỳ-kheo
Đều khiến được vừa ý.
Vào ngày cuối quốc vương
Đã cúng dường như thế
Phụng sự chư Thế hùng
Bậc Đạo Sư uy đức.
Lúc ấy thấy vua cúng
Giường nằm các tiên nghi
Hiển y phục, ẩm thực
Sàng tọa đều đầy đủ
Bậc Tôn Quý cõi trời
Đế Thích đến bên con
Thiên Đế Thích bảo rằng:
“Ta là bạn của ông.”
Liền biến ra trai đàn
Nghiêm đẹp như Thiên giới
Đặt các tòa Thiên báu
Bày trai phẩm chư Thiên.
Con đến trước Thế Tôn
Duy Vệ, Đáng Tội Thượng

*Thỉnh Phật cùng Tỳ-kheo
Cúng trọn trong một tháng.
Con mang trai phẩm trời
Cúng dường Bạc Đạo Sư
Và dâng hiến Thiên y
Cho Phật và Tăng chúng
Do nhờ công đức ấy
Hưởng phước báo vô cùng
Suốt chín mươi một đời
Chưa từng vào đường ác,
Thấy rõ phước đã làm
Trên trời hay nhân gian
Luôn kính hầu Đại Thánh
Phật Duy Vệ tối tôn.
Nay là đời sau chót
Sinh thành La-duyet-kỳ
Trong cung vua Bình-sa
Tài sản nhiều vô lượng
Thường được bậc quốc chủ
Và mọi người kính yêu
Tất cả đều cung phụng,
Các quan và nhân dân
Lúc ở trời ca hát
Đời bấy giờ tự vui
Sinh ra được thân người
Lại vui trong Thiên nhạc.
Bấy giờ Đấng Toàn Giác
Bạc Đạo Sư vô song*

Đến thành La-duyệt-kỳ
Đức Phật lòng từ mẫn
Con nghe Bạc Đại Trí
Vừa đến thành Vương xá
Lòng rộn vui vội đến
Yết kiến Bạc Thắng Nhân.
Xa thấy hào quang Phật
Chiếu sáng khắp mọi nơi
Con liền bước xuống xe
Đi bộ đến chỗ Phật
Vui mừng con đến trước
Cúi lạy dưới chân Ngài
Khi lạy Như Lai xong
Liền ngồi qua một phía.
Con từ lâu mong đợi
Nay mới thấy Đại Nhân
Đạo Sư, Bạc tuệ sáng
Hàng phục lười của Ma
Thế Tôn, Bạc Vô Thượng
Lúc đó thương xót con
Giải rõ pháp Tứ đế
Như xưa Ngài đã giảng.
Ngài bảo: “Chớ buồn lo!”
Thế Tôn nói như vậy
Lòng con thông khởi niệm
Mong xuất gia thọ giới
Tức thì Bạc Đại Trí
Đáng Trọn Lành tuyên bảo:

“Hãy đến đây Tỳ-kheo!”
 Con thành bậc Cù túc
 Nhờ vậy chẳng buông lung
 Bền tâm tu định ý
 Đã ngộ cam lộ pháp
 Giải thoát tâm bất động
 Được gặp Đấng Chánh Giác
 Bậc Đạo Sư tối tôn
 Nên thành A-la-hán
 Diệt độ trong thanh lương.
 Nhân giả, con nhớ lại
 Thân xưa từng làm ác
 Điều phải lãnh thật quả
 Nay được vui, an ổn
 Các hạnh đều tròn đầy
 Là sinh, già, bệnh, chết
 Thoát tất cả khổ sâu
 Ưu buồn và khóc lóc.
 Như thế ngài Thọ-đề
 Ở trong chúng Tỳ-kheo
 Tại ao A-nậu-đạt
 Tự nói việc đời trước.



Phẩm 18: LẠI-TRA-HÒA-LA (26 bài kệ)

Xưa vua Tu-đuy-ni
 Có một vị thái tử

Tên Lai-tra-bạt-đàn
Là con út của vua.
Phật Ca-diếp tốt lành
Xây dựng chùa tháp lớn
Thái tử xin phụ vương
Để tạo lập cột chùa
Vua thuận, lòng vui mừng
Xây dựng bao quanh tháp
Nguyên được làm Sa-môn
Cùng gặp Bạc Chánh Giác.
Bởi nhờ công đức đó
Đời đời sinh ở đâu
Hoặc cõi trời, hay người
Tự nhiên được đức ấy.
Nay thọ sinh lần cuối
Tại nước Đâu-lâu-tra
Sinh vào nhà giàu sang
Chỉ có một người nữ
Tất cả đều yêu mến.
Vua nước ấy Câu-liệp
Là người trong dòng tộc
Quốc thổ cũng như thế
Được tướng rất mỹ diệu
Sắc mặt luôn hoan hỷ
Vui chơi ở trong đời
Thọ hưởng tất cả dục.
Bấy giờ Đức Thế Tôn
Đi đến Đâu-lâu-tra

Con thấy tâm hoan hỷ
Liên xin làm Sa-môn
Công đức xưa đã tạo
Biến hóa khó so lường.
Đức Từ Bi thương xót
Cắt lời khuyên bảo con:
“Trong đạo của chư Phật
Cha mẹ không cho phép
Không được làm Sa-môn
Tộc tánh tử nên biết.”
Con liền trở về nhà
Đến trước cha mẹ thưa:
“Xin cha mẹ cho con
Xuất gia theo đạo Thích.”
Song đường nghe con nói
Ưu sầu không xiết kể:
“Con đâu có mạng chung
Còn không muốn xa lìa.”
Lúc ấy con bỏ ăn
Trọn lòng luôn buồn khổ
Chỉ cầu làm Sa-môn
Sống trong pháp thanh bạch.
Lúc ấy con tuyệt thực
Nằm dài trên mặt đất
Cha mẹ nếu không cho
Con sẽ chết nơi ấy,
Sáu ngày không ăn uống
Một lòng chỉ buồn lo

Chỉ mong pháp trong lành
Muốn cầu làm Sa-môn
Khiến các bạn thân hữu
Đến bảo cha mẹ con:
“Lành thay, nên thuận ý
Giữ thân chết làm gì?
Nếu vui lòng cho đi
Làm Sa-môn vẫn sống.
Người sống có thể gặp
Chết rồi sau thấy bóng?”
Nghe xong song thân hiểu
Đồng buông lời thở than:
“Nếu cho làm Sa-môn
Về thăm nhà mới được.”
Lúc đó các bạn thân
Liên đến bảo con rằng:
“Cha mẹ anh đã cho
Sáng mai làm tu sĩ.
Hai bác đồng giao ước:
Nếu anh làm Sa-môn
Phải thường về thăm nhà
Mới thuận cho xuất gia.”
Con nghe, nói: “Lành thay!”
Tự bồi dưỡng sức khỏe
Đi đến chỗ Thế Tôn
Tới trước thưa Đức Phật:
“Cha mẹ đã cho phép
Thọ giáo pháp của Phật.”

Thế Tôn cạo râu tóc
 Độ con thành Sa-môn
 Nhờ cúng cột quanh tháp
 Được an ổn khoái lạc
 Ở cõi trời hay người
 Công đức tự nhiên đến
 Phật thấu tỏ bảo con:
 Thích nhàn cư bậc nhất.
 Con đã chứng La-hán
 Diệt độ thật thanh lương
 Cho nên phải hoan hỷ
 Lòng vui hưởng Thế Tôn
 Nên cúng dường chùa tháp
 Được thoát lo sợ lớn.
 Tôn giả Lại-tra-hòa
 Vận ca-sa nhàn cư
 Bên ao A-nậu-đạt
 Tự nói việc làm xưa.



Phẩm 19: HÓA-ĐỀ (27 bài kệ)

Xưa ở thành Vương xá
 Thọ thân đại phú hào
 Có năm trăm đạo sĩ
 Ở nhà con một năm
 Năm trăm trưởng giả khác
 Đều được ân như vậy.

Bấy giờ các đạo nhân
Chia thọ trai mỗi nhà
Vì thế các trưởng giả
Nhà nào cũng nấu cơm
Với các vị Tỳ-kheo
Cũng cúng dường như thế.
Con thỉnh vị Trưởng lão
Riêng đến nhà thọ trai
Ngài là tôn quý nhất
Tâm niệm con như vậy.
Từng cúng năm trăm người
Các món trai thượng vị
Đều dâng cúng đầy đủ
Cấp dưỡng chư Tỳ-kheo
Như thế suốt hai ngày
Con cúng dường Trưởng lão.
Lúc đó con khởi ý
Niệm tham, ghét và ác:
“Không đủ của để nuôi
Vợ con, anh chị em
Họ hàng và thân quyến
Sao với Tỳ-kheo này
Phải cúng dường trai phạn?
Mà phải dâng ba tháng
Cúng dường năm trăm người
Nhà ta rất hao tốn.
Ta muốn tìm phương tiện
Khiến chư Tỳ-kheo chết

Nếu họ đều chết rồi
Nhà ta khỏi hao tổn.”
Ác niệm vừa nghĩ xong
Liền đem lúa của ngựa
Để nấu cơm cúng dường
Nghĩ giết người, không khổ.
Khi ăn cơm ấy xong
Trưởng lão bệnh đau đớn
Ruột thắt, bao tử xé
Thương tổn cả năm tạng
Bậc ưa pháp, đắc đạo
Vì vậy phải mạng chung.
Chư Thiên và Quỷ thần
Đồng thanh mà kêu lên:
“Trưởng giả ấy rất ác
Giết hại bậc Đạo nhân
Vị Duyên giác tôn kính
Bậc vô lậu thanh lương.”
Con nghe được lời ấy
Rất sâu khổ than vãn:
“Chúng ta tội vô lượng
Đã giết bậc Thánh nhân.”
Họ hàng nghe than vãn
Đều lo lắng, buồn rầu
Mời các Đạo nhân lại
Cúi đầu xin sám hối
Quy y các Đạo nhân,
Cúi đầu sám hối rồi

Thỉnh năm trăm Tỳ-kheo
Dâng trai phạn hiến cúng
Lại sám hối tội lỗi
Quy y chúng Thanh tịnh.
Trai lễ vừa viên mãn
Con tự phát nguyện rằng:
“Nguyện cho con cùng với
Chư trưởng giả hiệp hội
Đều đắc độ như ngài
Tâm con thoát điều ác
Đời đời sinh ở đâu
Không bị nạn bần cùng
Chớ để con khởi lên
Tâm niệm tham, ganh ghét.”
Vì hại Bích-chi-phật
Phạm tội ác như thế
Sau khi bị mạng chung
Đọa Thái sơn địa ngục
Đau khổ vô số đời
Áo não không kể xiết.
Khi trở lại thân người
Tuổi thọ ngắn, chết yếu
Hiện tại tuy giàu có
Được mọi người cúng dường
Ruột, bao tử thiêu đốt
Sau đó mới mạng chung.
Rời bỏ nhà xuất gia
Nhưng chẳng được ai kính

*Siêng tu theo lời Phật
 Đoạn trừ tất cả dục
 Khi con bỏ thân này
 Để thể nhập Niết-bàn
 Ruột, bao tử, năm tạng
 Tất cả đều thối nát.
 Tội lỗi con đã tạo
 Ác ý hại Tỳ-kheo
 Dư tội từ thuở xưa
 Cuối cùng mới thấy rõ
 Thân con đã tạo ác
 Và làm các điều lành
 Điều phải nhận quả báo
 Thiện ác cùng theo nhau.
 Sống tại thành Xá-vệ
 Đại thân tức Hóa-đề
 Tại ao A-nậu-đạt
 Tự nói việc làm xưa.*



Phẩm 20: THIÊN THỪA CA-DIỆP (11 bài kệ)

*Thuở xưa các Tỳ-kheo
 Suốt cả bảy năm trường
 Gặt lúa gạo khan hiếm
 Đói kém rất hãi hùng.
 Con gặp một khát sĩ
 Đạo nhân tên Ma-kiệt*

Bạc Duyên giác tôn kính
Bạc Thanh lương vô lậu
Lúc đó con phát sinh
Khởi lên ý độc ác:
“Ta giữ đồ ăn lại
Cúng Tỳ-kheo làm gì?
Cần đem cất giữ hết
Để sinh giới hôi thối
Đến xem các người ở
Sau đó mới dâng cúng.”
Vì tạo tội ác ấy
Mạng chung đọa địa ngục
Ở trong lửa đốt thiêu
Đau khổ không thể tưởng,
Khi mãn báo địa ngục
Đời đời sinh ở đâu
Dù làm bao nhiêu cách
Kiếm sống thật khó khăn.
Nay là đời sau chót
Lại được sinh cõi người
Gặp Bạc Đăng Chánh Giác
Là Đạo Sư vô thượng
Theo lòng tin xuất gia
Được vô lậu, bất hại
Thành bậc không đả trước
Diệt độ rất thanh lương.
Nhân giả, con lúc đó
Dù sức thần tự tại

Khát thực, tìm đủ cách
 Nhưng vẫn không thể được
 Đi xa, tránh đường chính
 Mệt mỏi không thể bàn
 Nay mới có phúc duyên
 Trai thực được đầy đủ.
 Ngài Thừa-già Ca-diếp
 Tu tập rất nổi danh
 Tại ao A-nậu-đạt
 Tự nói việc tiền thân.



Phẩm 21: CHÂU-LỢI-BÀN-ĐẶC (8 bài kệ)

Thuở xưa, kiếp quá khứ
 Con là người nuôi heo
 Sống ở cạnh dòng sông
 Một hôm cột miệng heo
 Muốn sang bên kia dòng
 Nhưng chỉ con qua được
 Bầy heo không được thở
 Giữa dòng đều chết chìm.
 Lúc ấy đường sinh nhai
 Mất sạch chẳng còn gì
 Tiên nhân từ xa đến
 Dung mạo hiện từ mẩn
 Khuyên nhủ, giáo hóa con
 Cạo bỏ râu và tóc

Dùng dụ dạy Thiện luật
 Tu tập định Vô tướng.
 Sau khi thọ mạng hết
 Được sinh lên cõi trời
 Tuổi thọ trời đã tận
 Liên sinh xuống nhân gian
 Gặp Bạc Chánh Đăng Giác
 Bỏ nhà làm Sa-môn.
 Khi đó con mê muội
 Nghe kinh xong liền quên
 Chỉ học một bài kệ
 Ba tháng mới thuộc lòng
 Tập đọc tụng bốn câu
 Đoạn tuyệt được ái dục.
 Khi đó Thế Tôn hỏi
 Châu-lợi-bàn-đặc thưa:
 Việc thiện ác từ xưa
 Tại ao A-nậu-đạt.



Phẩm 22: ĐỀ HỒ THÍ (27 bài kệ)

Phật Ca-diếp diệt độ
 Con là đệ tử cuối
 Học rộng biết khứ lai
 Thường bỏn xén kinh pháp
 Không nói cho Tỳ-kheo
 Không chịu giảng cho người

Dù có người xin hỏi
Cùng chúng con luận bàn.
Nếu có Tỳ-kheo đến
Chỗ con để hỏi chuyện
Thì con lừa dối họ
Họ không hiểu, bực tức.
Chúng Tỳ-kheo đều giận
Buồn lo bèn khiển trách:
“Sao sển không giảng pháp
Nhân giả sống mãi sao?”
Đến khi sắp mạng chung
Lòng hối hận tự trách:
“Chưa từng giảng luận pháp
Đó là điều rất ác.”
Con tự biết sắp chết
Chỉ còn bảy ngày nữa
Tập hợp toàn chúng Tăng
Ngay khi ấy thuyết pháp
Ngày đêm giảng yếu nghĩa
Trừ bỏ tham, tật đố
Thuyết pháp chưa hoàn tất
Đã bỏ thân mạng chung.
Theo lời con phân biệt
Thính chúng rất vui mừng
Nhớ rõ suy tư nghĩa
Thay nhau cùng khuyến hóa.
Con thuyết pháp rất ít
Chúng hội nghe bảy ngày

Nhờ vậy được sinh Thiên
Vui hưởng các Thiên nhạc.
Thọ côi trời vừa mãn
Trở lại làm thân người
Tại Ca-duy-la-vệ
Sinh vào dòng Thích vương
Xinh đẹp ai cũng kính
Được mọi người mến yêu
Ban của cải châu báu
Đem bố thí tất cả.
Thấy con cháu hoàng tộc
Theo đạo là bỏ nhà
Con cũng muốn xuất gia
Bỏ nhà, của, ái dục.
Thế Tôn, Đáng Tối Thắng
Từ niệm, thương xót con
Đã nhiều phen khích lệ
Khuyên bảo con xuất trần
Con kính vâng lời Phật
Học giáo pháp thượng thừa.
Thừa Nhân giả, thân con
Bảy năm hành bố thí
Lúc ấy con tuệ thí
Hết bảy năm đó rồi
Sau đó làm Sa-môn.
Theo lời Bạc Thắng Trí:
“Bảy năm là lâu dài
Mạng người rất ngắn ngủi

Hôm nay đem bố thí
Ai giữ được thân mình.”
Nhờ Thế Tôn dạy bảo
Con liền làm Sa-môn
Nhân giả trong bảy ngày
Con cạo tóc xuất gia
Tin tưởng làm Sa-môn
Tu tập theo pháp Phật.
Suốt hai mươi lăm năm
Tâm lặng trong như nước
Bỗng khởi niệm tặc ác
Đắm nhiễm, nhớ việc nhà
Làm những điều tổn hại
Cũng bỏ luôn diệu pháp
Vớ y, rất hổ thẹn
Mong cầu việc lợi dưỡng
Hủy nhục cả họ hàng
Bị mọi người căm ghét.
“Việc ấy nếu không làm
Sẽ không bị thù hận
Đã có chí giữ tịnh
Há lại nhớ nhà cửa
Mong gia tộc thanh lương
Mê đắm trong tà lợi.
Phải nên bỏ ý kia
Trọn đời không lìa giới
Thà thân này bị chết
Chẳng sống mà oán hận

Ta nên tìm dao bén
 Hủy bỏ thân mạng này.”
 Liền cầm lấy kiếm dao
 Đoạn trừ duyên ràng buộc
 Cắt đứt cầu trước rồi
 Tâm liền được giải thoát
 Trọn lòng hành độ tha
 Khiến người dần an định.
 Nay hưởng quả Từ bi
 Nên mau gặp pháp sáng.
 Xưa tuổi thọ sắp hết
 Giảng thuyết pháp vi diệu
 Nhờ làm được điều này
 Tâm tịnh, được giải thoát.
 Bạc Thích tử thân tức
 Nhược căn Tát-ba-đạt
 Tại ao A-nậu-đạt
 Tự nói việc làm xưa.



Phẩm 23: A-NA-LUẬT (Vô Liệp - 9 bài kệ)

Xưa con từng nhịn ăn
 Suốt đời để bố thí
 Gặp được bậc Sa-môn
 Đại thông Hòa-liệp-tra
 Nên sinh vào tộc Thích
 Hiệu là A-na-luật

Hưởng phước, tự vui chơi
Với tất cả kỹ nhạc,
Thấy Bạc Chánh Đẳng Giác
Liên khởi niệm ngưỡng vọng
Trong lòng rất sung sướng
Bỏ nhà làm Sa-môn.
Đời trước tu tinh cần
Tâm hành luôn kiên cố
Đã được Tam đạt trí
Đầy đủ như Phật dạy.
Tự biết mạng kiếp trước
Hành nghiệp đã trải qua
Bảy lần sinh cõi trời
Ngự Đao-lợi Thiên cung,
Bảy lần sinh nhân gian
Vào trong nhà tôn kính
Giàu sang, có đức lớn
Vàng, ngọc tự nhiên hiện.
Ở đây bảy, kia bảy
Sinh tử mười bốn lần
Đều biết rất rõ ràng
Việc làm ở đời trước
Quả báo thí như vậy
Ý chưa từng tham, ghét
Đời đời sinh ở đâu
Thường cầu không sinh tử.
Lúc ấy A-na-luật
Ở trong hội chúng Tăng

*Tại ao A-nậu-đạt
Tự nói việc tiền thân.*



Phẩm 24: DI-CA-PHẬT (Lộc Tử - 14 bài kệ)

*Xưa con dắt chó dữ
Đi đến chợ bán thuốc
Gặp được bậc Duyên giác
Thân thể bị bệnh tật
Con cung cấp thuốc men
Điều dưỡng ngài bảy ngày
Vị ấy sau bảy ngày
Liên bay lên hư không
Thấy thế con kinh hoàng
Trẻ ở, người nhà bảo:
“Bậc Chúng Hựu quang lâm
Xuất gia học như thế.”
Tôi nghe trẻ nói vậy
Thấy Phật nhẹ vượt không
Trong tâm rất hoan hỷ
Một lòng chấp tay vái.
Nhờ ý được vui vẻ
Bố thí ngài thuốc men
Ở cõi trời hay người
Công đức tự nhiên hiện.
Nay là đời sau chót
Lại được làm thân người*

Gặp Đấng Chánh Đẳng Giác
Bậc Đạo Sư tối thượng
Vào trong chúng họ Thích
Xuất gia làm Sa-môn
Đã đạt tâm vô trước
Diệt độ rất thanh lương.
Do xưa đã tạo phước
Nay được cúng rất nhiều
Y phục và ẩm thực
Giường nằm và ngọa cụ
Được chúng vá pháp y
Nhờ bố thí thang dược
Được mọi người cúng thuốc
Không thiếu thốn, thường an.
Trời, người đến khuyên bảo:
“Bậc quốc chủ Bình-sa
Ngài nên đem thuốc thang
Cúng dường Di-ca-phát
Nước ngài sẽ được lợi
Các loại thuốc đầy đủ.”
Sai y vương Kỳ-vực
Đem thuốc cúng Lộc Tử
Bốn phương dâng y dược
Đều đem đến cho con.
Ở trước vua Bình-sa
Con hiển bày sức thần
Bao nhiêu thuốc đem đến
Đầy chậ cả gian nhà

*Dâng đủ cho một ngàn
 Hai trăm năm mươi vị.
 Vị Tỳ-kheo Lộc Tử
 Sức thần đủ Lục thông
 Bên bờ A-nậu-đạt
 Tự nói việc làm trước.*



Phẩm 25: LA-VÂN (10 bài kệ)

*Xưa con từng làm vua
 Làm chủ nước Ma-kiệt
 Với đông đảo nhân dân
 Cai trị bằng nhân nghĩa.
 Lúc ấy có Tiên nhân
 Uống nước trong hào rãnh
 Liên đi đến chỗ con
 Trình tấu con như vậy:
 “Đại vương, tôi là giặc
 Uống trộm nước của Ngài
 Xin hãy trách phạt tôi
 Như trị người trộm cắp.”
 Lúc đó con liền đáp:
 “Tiên nhân giữ pháp được
 Tôi tha thứ cho ngài
 Cứ đi, tùy ý thích.”
 “Đại vương, tôi hồ nghi
 Tôi ấy chưa trừ được*

*Xin hãy trách phạt tôi
 Để tiêu trừ tội chướng.”
 Con nhốt ông sau vườn
 Rồi quên luôn sáu ngày
 Sau sáu ngày qua rồi
 Cũng không cho ăn uống
 Do nhân duyên như vậy
 Dù không có ác ý
 Vẫn đọa ngục Hắc thành
 Bị đốt sáu vạn năm.
 Do dư ương thuở xưa
 Nay thọ sinh lần cuối
 Phải ở trong bụng mẹ
 Sáu năm mới được sinh.
 Chưa từng khởi loạn ý
 Thân, miệng không phạm tội
 Mới biết được thật quả
 Tội phước không lừa mình.
 Như vậy ngài La-vân
 Ở giữa các Tỳ-kheo
 Bên ao A-nậu-đạt
 Tự nói việc làm xưa.*



Phẩm 26: NAN-ĐỀ (14 bài kệ)

*Vào thời Phật Duy Vệ
 Con cúng nhà tắm ẩm*

Cho các Tỳ-kheo Tăng
Tự phát thệ nguyện rằng:
“Mong được như các ngài
Ở trong chúng Tôn quý
Đời đời được trong lành
Ly dục, không trần cấu
Thân tướng luôn tốt đẹp
Thanh tịnh như diệp hoa.”
Nhờ vậy khi mạng chung
Được sinh lên Thiên giới
Ở cõi trời hay người
Nhan sắc đẹp đoan chánh
Nhiều kiếp sinh ở đâu
Đều có thể lực lớn.
Mạng chung rời cung trời
Sinh ở chốn nhân gian
Chư Thiên và nhân dân
Ngắm con không biết chán.
Gặp tháp Bích-chi-phật
Con tu bổ trở lại
Trang hoàng thật đẹp nhả
Phan lọng treo ở trên
Lúc đó con phát nguyện:
“Muốn cầu được tướng tốt
Thân chói sáng vàng tía
Trang nghiêm không ai bằng.”
Nhờ đã làm phước này
Sinh nước Ba-la-nại

Làm con Chỉ-duy-ni
Tâm không hề giận, hại.
Thấy tháp Phật Ca-diếp
Trong lòng rất vui mừng
Vội vào trong chùa tháp
Dựng cột thật chắc vững
Do sửa sang tháp ấy
Và trang hoàng tháp Phật
Dựng trên một trụ đá
Được hưởng phước vô cùng.
Nhờ dư phước thuở xưa
Nên nay đời cuối cùng
Sinh vào tộc Thích vương
Được làm em Đức Phật,
Thân con tự nhiên có
Tướng tốt của Đại nhân
Trang nghiêm thành La-hán
Tâm trải khắp tam thiên.
Phật thấy khắp gọi con
Là đoan chánh bậc nhất
Đã trừ hết các lậu
Đạt được chân diệu pháp.
Nan-đề, em của Phật
Giữa chúng Tỳ-kheo Tăng
Tại ao A-nậu-đạt
Tự nói việc tiền thân.



Phẩm 27: BẠT-ĐỀ (19 bài kệ)

*Ngày xưa lúa thóc hiếm
Đói khát rất hãi hùng
Có năm trăm Tỳ-kheo
Khất thực đều được cúng.
Tất cả các trưởng giả
Đều cúng cho Tỳ-kheo
Khất thực được trai thực
Liên đem đến cho con
Tuy món ăn thô dở
Thường giấu để nuôi thân
Họ cũng không thể biết
Nên đều theo lời con
Dân đói tẻ tịu đến
Để cầu xin đủ ăn.
Lúc đó con gắng sức
Vội rời đó bỏ đi
Bấy giờ họ chạy theo
Đuổi mãi để cầu thực
Dù hết sức theo sau
Cũng không sao theo kịp.
Con liền vượt sang sông
Rời ngồi xuống bên bờ
Nhìn chung quanh bốn hướng
Chốn tịnh, không người qua
Hôm nay ăn một mình*

Đồ ăn mềm, thơm ngon
Được no đủ thỏa mãn
Suốt ngày được an vui.
Bấy giờ có Tỳ-kheo
Bậc Thế Tôn Duyên giác
Oai thần cao vời vợi
Đã trừ bỏ sinh tử,
Tâm con vốn thường nghĩ
Nghèo hèn thật khổ cực
Xưa không tu công đức
Nên nay thật khốn cùng
Liên khởi tâm thanh tịnh
Lòng hoan hỷ nghĩ suy:
“Nên cúng cho Tỳ-kheo
Vốn là Bậc Chúng Hựu.”
Thế Tôn liền nhận lấy
Trai thực của con dâng
Vì Ngài thương xót con
Bay lên ngự tầng không.
Lúc ấy con phát nguyện:
“Xin chớ để con nghèo
Đời sau sinh giàu có
Xinh tươi như hoa đẹp
Giống Thế Tôn chẳng khác,
Đời đời luôn được gặp
Khiến con nương pháp ấy
Như Nhân giả đã được.”
Nhờ đã tạo phước đó

Được mãi mãi an vui
 Ở cõi trời hay người
 Phước đã tạo tự đến,
 Cũng được làm quốc vương
 Trời, người vô số lần
 Chưa từng đọa ác đạo
 Cũng không có tội chương.
 Nhờ có dư phước ấy
 Nay là đời cuối cùng
 Thọ sinh nhà quyền thế
 Dòng đại tộc Thích vương.
 Lúc trước Phật Thế Tôn
 Trở về thăm quê hương
 Con cùng các hoàng thân
 Xuất gia làm Tịch chí.
 Xưa con đã lập nguyện
 Đến nay được như ý
 Thành bậc Vô sở trước
 Diệt độ rất thanh lương.
 Sa-môn bỏ uy quyền
 Bạt-đề theo Phật dạy
 Bên ao A-nậu-đạt
 Tự nói hành nghiệp xưa.



Phẩm 28: LA-BÀN BẠT-ĐỀ (14 bài kệ)
Thời Phật Câu-lâu-tần

Được người xây dựng tháp
Lúc ấy con ở đây
Thấy ngôi chùa quá to
Khi xây dựng tháp ấy
Con buông lời trách rằng:
“Tháp này lớn vô cùng
Bao giờ mới thành tựu
Nên làm ít công đức
Như vậy dễ thành hơn
Đã đỡ hao công sức
Chùa tháp cũng mau thành.”
Miệng thốt ra lời dữ
Do lời nói tạo tội
Sau khi tuổi thọ hết
Liên đọa vào địa ngục,
Mãn báo địa ngục ra
Mang thân lùn, xấu tệ
Đời đời sinh ở đâu
Bị mọi người khinh chọc.
Đến thời Phật Ca-diếp
Làm quạ đen chim đỏ
Đường đến Ba-la-nại
Bay liệng giữa rừng cây,
Thấy hào quang Thế Tôn
Chúng Tỳ-kheo theo hầu
Liên theo Phật đánh lễ
Cát tiếng kêu náo nộ.
Khi Thế Tôn du hành

Trong thành Ba-la-nại
Đều theo Ngài ra vào
Thường bay quanh kê hót
Nhờ làm công đức ấy
Lại được làm thân người
Gặp Đấng Chánh Đẳng Giác
Bậc Đạo Sư tối thượng
Xuất gia làm Sa-môn
Là đệ tử Đức Phật
Thành tựu Vô sở trước
Diệt độ thật thanh lương.
La-hán được tự tại
Sức thần đủ Lục thông
Được gọi bậc Trì pháp
Chánh chân có biệt tài
Tất cả chúng tụ hội
Lắng nghe tiếng của con
Chư Thiên và nhân dân
Tất cả đều hoan hỷ.
Con tạo tội chút ít
Cũng tạo phước không nhiều
Đều phải thọ thật quả
Các tội phước đã tạo.
Ngài La-bàn Bạt-đề
Ở trước chúng Tỳ-kheo
Bên ao A-nậu-đạt
Tự nói việc làm xưa.



Phẩm 29: MA-ĐẦU-HÒA-LUẬT-CHÍ (21 bài kệ)

*Xưa tại Duy-da-ly
Con thọ thân khi lớn
Chạy đến cầm bát Phật
Các thầy thấy la mắng:
“Đừng làm bẻ bát Phật.”
Thế Tôn bảo chúng Tăng:
“Các thầy chớ la rầy
Nó không làm bẻ bát.”
Lúc ấy con cầm bát
Từ từ trèo lên cây
Lấy đầy một bát mật
Vừa từ cây trở xuống
Tay cầm bát mật đầy
Dâng lên Đức Thế Tôn.
Trong mật có trùng nhơ
Bậc Chánh Giác không nhận
Vì Phật thấy trong bát
Ong chết cùng mật tạp.
Con làm sạch bát mật
Lại dâng lên Đức Phật
Thế Tôn bèn xem xét
Và cũng không thọ nhận
Con lấy nước rửa sạch
Rồi đến trước đánh lễ*

Lấy nước rưới lên trên
Đổ đầy một bát khác
Cúng dường Thế Tôn xong
Tâm vô cùng hoan hỷ.
Thế Tôn, Đấng Tối Thượng
Lúc đó độ ong chết
Liên thọ nhận bát mật
Ngài dùng với các thầy.
Khi ấy con vui mừng
Chắp tay hướng lên Phật
Chuyên tâm gần Pháp vương
Lòng con luôn tinh tấn
Lúc ấy con phát nguyện:
“Khiến con làm thân người
Đời sau gặp Thế Tôn
Liên hiếu nghĩa tối thượng.”
Nhờ tạo phước đức ấy
Nên được làm thân người
Gặp Đấng Chánh Đẳng Giác
Bậc Đạo Sư vô thượng
Xuất gia làm Sa-môn
Theo hầu bên Đức Phật
Con được vô sở trước
Diệt độ rất thanh lương
Làm La-hán tự tại
Sức thần đủ sáu thông
Lấy tên là Xuất Mật
Các Tỳ-kheo cũng biết.

Nhờ trước đã tạo phước
Nên nay được kính trọng
Cùng mấy trăm Tỳ-kheo
Du hành khắp đây đó
Dù gặp nơi nghèo khổ
Tỳ-kheo Tăng đôi khát
Tâm tự phát nguyện rằng:
“Tôi muốn được nước mật.”
Biết tâm con đang nghĩ
Mọi người liền trở về
Đem đến mật, cơm ngon
Dâng lên con cúng dường.
Con vừa thọ nhận xong
Tự nhiên hóa ngon bổ
Dùng đó cúng chúng Tăng
Khả ý, rất no đủ.
Khi con sinh ra đời
Do công đức thuở trước
Vượt thoát rất nhẹ nhàng
Hiểu thấu chân diệu pháp.
Như xưa con đã nguyện
Liền được như ý muốn
Cúng dường Phật Thế Tôn
Sở cầu được đầy đủ.
Các Nhân giả đều rõ
Con đã tạo công đức
Nên nay hưởng thật quả
Khả ý, tốt, an ổn.

*Như thế ngài Xuất Mật
Ở giữa chúng Tỳ-kheo
Tại ao A-nậu-đạt
Tự nói việc làm xưa.*



Phẩm 30: THẾ TÔN (50 bài kệ)

*Bậc Quang Minh tối thượng
Giữa thế gian, tối tôn
Đã trừ hết cấu nhiễm
Hàng phục các hội chúng
Bậc Thông Tuệ thấy khắp
Đại Nhân thông tất cả
Vượt thoát oán, sợ hãi
Thuyền pháp đến bờ kia,
Thấu triệt vòng chuyển hóa
Vui thay, thương thế gian
Độ thoát khỏi sinh tử
Vì nghĩa cứu chúng sinh
Trừ khử cho mọi người
Mở hết các trói buộc
Bậc Tối Thắng giữa đời
Thuyết pháp để khai ngộ.
Bậc Đại Nhân toàn trí
Danh Đại hùng vang xa
Pháp diệu sáng vô biên
Độ thoát bằng thắng pháp.*

Đại lực không phân biệt
Mở bày tuệ sáng lớn
Khuyên dạy mọi thế nhân
Bậc Y Vương cứu độ.
Thế Tôn không oán sợ
Vô thượng trừ ưu sầu
Vì từ mẫn nên độ
Chúng sinh trong ngục lớn.
Bậc Long Trượng, Sư Vương
Đại Tỳ-kheo vô trước
Thế Tôn đại trí tuệ
Cứu tế chúng trần lao
Tinh tấn có đại lực
Phương tiện rất kiên cường
Hướng dẫn chúng trời, người
An tịnh trong đạo lớn.
Phật, Thiên Chủ tối thượng
Tất cả chúng quỷ thần
Đều lay Bậc Thắng Trí.
Phật thương xót thế gian
Nên thường trụ sinh tử
Quyết phá lưới Ma vương
Sức thần đại từ bi
Độ thoát khỏi ngục lớn.
Bậc Long Trượng trời người
Đầu tiên giữa chúng hội
Quảng diễn giảng pháp yếu
Đưa chúng đến tịch tịnh

Bậc Tôn Trưởng Tiên nhân
Thọ lãnh pháp Thế Tôn
Thành bậc Đại đệ tử.
Đạo Sư đức tối thắng
Bậc Chúng Hựu tối tôn
Bậc Vô Thượng diệt khổ
Độ tận khắp muôn nơi,
Bậc đủ các tướng tốt
Đoạn tuyệt các sắc dục
Dứt sạch các ân ái
Bấy giờ đến cung rồng
Tại ao A-nậu-đạt
Mọi việc làm thành tựu
Bay lên trên hư không
Chúng đệ tử vây quanh
Gồm năm trăm La-hán
Vì bi mẫn xót thương
Từ tâm ban khắp thế
Quán sát chúng Tỳ-kheo
Sau đó Phật tự thuyết:
“Nghe rõ lời Ta nói
Hạnh nghiệp của tiền thân
Thuở xưa có tạo tác
Nay phải bị dư vương
Thân mạng Ta lúc trước
Làm người tên Văn La
Phỉ báng Bích-chi-phật
Thiện Diệu, bậc Vô nhiễm;

Mọi người đều kéo đến
Bắt trói Phật Thiệu Diệu
Nhốt vào ngục cầm giam
Bắt đi như tử tù.
Lúc ấy thấy Sa-môn
Bị trói buộc khổ não
Lòng Ta bỗng thương xót
Nên cứu thoát cho Ngài.
Bởi do tội vương này
Đọa địa ngục rất lâu
Sau được sinh làm người
Thường bị đời phỉ báng.
Do nghiệp tội dư sót
Ở vào đời sau cùng
Ngoại đạo Tu-đà-lợi
Nghị luận phỉ báng Ta.
Từng là Bà-la-môn
Học rộng, giỏi đạo thuật
Có năm trăm đệ tử
Đang giảng trong rừng cây
Thì có bậc Thần túc
Tỳ-kheo ngũ thông lại.
Ta thấy đạo nhân tới
Phỉ báng lời ác hiểm:
“Ông quá nhiều ái dục
Tự cao sống trong rừng.”

Các Ma-nạp¹ nghe vậy
 Cùng theo Ta rao truyền.
 Khi ấy chúng học chí
 Đến nhà nhà xin ăn
 Phỉ báng với mọi người:
 “Tiên nhân có dục uest.”
 Do phạm tội như vậy
 Bị Tu-đà-lợi mắg
 Năm trăm đệ tử Phật
 Cũng đều bị khinh chê.
 Phật là Nhất Thiết Trí
 Còn phỉ báng sai lầm.
 Năm trăm đệ tử ấy
 Chính Tỳ-kheo các ông
 Phạm tội ương đó rồi
 Phải đọa trong ác đạo
 Rơi vào ngục Thái sơn
 Chịu khổ đau tàn khóc.
 Vì do dư ương này
 Bị mỹ nữ Chiên-già
 Ở trong hội chúng lớn
 Lén vu oan hại Ta.
 Từng làm ba anh em
 Cùng nhau tranh của cải
 Xô người xuống vực sâu
 Lấy đá đè cho chết.

¹. Ma-nạp (Sankrist: Mānavaka) còn phiên âm là Ma-nạp-bà, Ma-nạp-bà-ca, Ma-nạp-bà-phọc-ca, Na-la-ma-na, có nghĩa là: nhỏ đồng, niên thiếu, người, trưởng già, niên thiếu tịnh hạnh (người ít tuổi sống tịnh hạnh).

Vì phạm tội như vậy
Đọa địa ngục Thái sơn
Bị đốt tại Hắc thành
Khổ đau không thể tưởng,
Cũng do tai ương ấy
Điều-đạt đẩy đá đè
Đá rơi xuống văng tung
Trúng dập ngón chân Phật.
Lái thuyền vào sông biển
Cùng muốn vượt biển sâu
Khi cùng đi trên thuyền
Rút dao giết thương nhân
Vì phạm tội báo này
Thân đọa trong địa ngục
Bởi do dư ương ấy
Gươm sắc hiện trước Ta.
Từng bắt cá đem bán
Lúc đó Ta vui mừng
Chính do phạm tội ấy
Đọa địa ngục Thái sơn
Ngục Hắc thành đốt thiêu
Chịu khổ rất đau đớn.
Nay vua Tỳ-lâu-lặc
Giết hại toàn họ Thích
Chính do dư ương ấy
Ngày nay bị đau đầu.
Thời Thế Tôn Duy Vệ
Mắng chửi đệ tử Ngài:

“Không nên ăn gạo thom
Chỉ nên ăn lúa mạch.”
Bởi do đã phạm tội
Miệng nói lời độc ác
Đọa vào ngục Hắc thẳng
Thọ khổ không thể xiết,
Lại do dư ương này
Bà-la-môn kết oán
Thỉnh Ta suốt một thời
Ba tháng ăn lúa mạch.
Từng là vị y sư
Chữa bệnh con trưởng giả
Kê đơn thuốc lẫn lộn
Khiến bệnh càng nặng thêm
Vì phạm tội lỗi này
Đọa địa ngục rất khổ.
Lại do dư ương ấy
Cho nên bị kiết lỵ.
Tiền thân xưa của Ta
Từng là thầy dạy võ
Cùng lực sĩ thi tài
Giết chết luôn đối thủ
Bởi vì phạm tội đó
Thọ khổ không lường được
Lại do trả dư nghiệp
Nên đau như bên hông.
Xưa Nan-đề-hòa-la
Khinh hủy Phật Ca-diếp

*Nay có người thấy Ta
Bảo: “Không đắ Phậ đạo.”*



Số 200

**SOẠN TẬP KINH MỘT TRĂM TRUYỆN
NHÂN DUYÊN**

*Hán dịch: Đời Ngô, Ưu-bà-tắc Chi Khiêm,
người nước Nguyệt chi.*

QUYỂN 1

Phẩm 1: BỒ-TÁT THỌ KÝ

***1- Truyện Bà-La-Môn Mãn Hiền Thỉnh
Phật Từ Xa***

Tôi nghe như vậy:

Một thuở nọ Đức Phật ngự trong vườn trúc Ca-lan-đà, tại thành Vương xá.

Bấy giờ, ở phương Nam có một vị Bà-la-môn tên Mãn Hiền, là người có vô lượng tài bảo nhiều không thể tính kể, có thể ngang bằng với trời Tỳ-sa-môn. Ông là người có đức tin hiền thiện, bản tánh đằm thắm mềm mỏng, tự làm lợi ích cho mình và cho người, thương xót chúng sinh như mẹ thương con. Đối với ngoại đạo, Mãn Hiền mở các hội lớn, dọn bày nhiều món ngon, thường cúng dường trăm ngàn người ngoại đạo, mong được sinh

lên cõi trời Phạm thiên.

Bấy giờ Mãn Hiền có một người bạn thân từ thành Vương xá, đến nước này, tới chỗ Mãn Hiền, khen ngợi tất cả công đức của Phật, Pháp, Tăng:

– Có bậc tiếng tăm vang xa, tam đạt trùm khắp, được gọi là Bà-già-bà. Hiền giờ Ngài ngự trong vườn trúc Ca-lan-đà ở thành Vương xá, được Thiên, Long, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-la-na, Ma-hầu-la-già, Nhân, Phi nhân, quốc vương, trưởng giả và dân chúng đều cúng dường, tôn trọng, khen ngợi sự tu tập của Ngài có ý vị hoàn hảo và nhiệm màu trùm khắp thế giới. Tất cả chúng sinh đều kính trọng và thương mến.

Mãn Hiền nghe bạn khen ngợi công đức của Phật, sinh tâm kính tin, bèn lên lầu cao, tay cầm hương hoa, quỳ thẳng chấp tay, từ xa kính thỉnh Đức Thế Tôn mà nói như vậy:

Nay, nếu Đức Như Lai thật có công đức, xin hãy khiến cho mùi hương do con đốt bay tỏa khắp thành Vương xá và hoa con rải đây sẽ biến thành lọng hoa trong hư không ngay trên đỉnh Đức Phật.

Khi Bà-la-môn Mãn Hiền phát lời thệ như thế xong, hương hoa liền bay đến biến thành lọng hoa ngay trên đỉnh Đức Phật; khói hương phủ khắp thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả A-nan thấy sự biến hóa đó, liền bước ra bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, mây hương ấy từ đâu bay

đến?

Đức Phật bảo A-nan:

– Ở phương Nam có một quốc gia tên là Kim địa, quốc gia ấy có vị trưởng giả tên là Mãn Hiền từ xa đã kính thỉnh Ta và chư Tỳ-kheo Tăng. Ta sẽ đến quốc gia ấy thọ Mãn Hiền cúng dường, các thầy đều hãy tự nương vào thần thông đến quốc gia ấy thọ thỉnh.

Bấy giờ các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, nương hư không đến quốc gia ấy. Cách đền thờ không xa, Đức Phật dùng thần lực che khuất một ngàn Tỳ-kheo, chỉ hiện một mình Ngài tay cầm bình bát, đến chỗ Mãn Hiền.

Nghe Đức Phật đến, trưởng giả Mãn Hiền dẫn năm trăm đồ chúng mỗi người đều bưng trăm món ăn uống dâng lên Đức Như Lai. Mãn Hiền thấy Đức Phật Thế Tôn có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, ánh sáng chiếu soi như trăm ngàn mặt trời, khoan thai nhẹ bước, oai nghi trang nghiêm. Mãn Hiền bước đến lễ dưới chân Phật, bạch:

– Lành thay! Thưa Thế Tôn, cúi xin Ngài rủ lòng Từ bi thương xót, hôm nay xin Phật thọ nhận các vật thực cúng dường của chúng con.

Phật bảo Mãn Hiền:

– Nếu ông muốn cúng dường, hãy bỏ thực phẩm vào bát này.

Mãn Hiền và trăm đồ chúng, mỗi người đều tự

tay bỏ thức uống ăn mà mình mang theo vào bát Phật, nhưng bỏ mãi vẫn không đầy, mọi người đều cho là kỳ lạ.

Nhờ thần lực này mà tâm mọi người liền được điều phục, bát của ngàn vị Tỳ-kheo cũng đều đầy thức ăn; các Tỳ-kheo bỗng nhiên lại hiện ra và nhiễu quanh Đức Phật, Thế Tôn.

Lúc ấy trưởng giả khen là việc chưa từng có, liền gieo năm vốc sát đất, phát thệ rộng lớn:

– Nguyện nhờ công đức căn lành cúng dường này, ở đời vị lai nếu có chúng sinh đui mù tối, con nguyện làm cho họ được mắt sáng; chúng sinh không nơi nương tựa, con nguyện làm nơi nương tựa; chúng sinh không ai cứu giúp, con nguyện cứu giúp họ; chúng sinh chưa giải thoát, con nguyện làm cho họ được giải thoát; chúng sinh chưa an ổn, con nguyện làm cho họ được an ổn; chúng sinh chưa vào Niết-bàn, con nguyện cho họ được vào Niết-bàn.

Trưởng giả phát lời nguyện ấy xong, Phật mỉm cười. Từ khuôn diện Ngài phát ra ánh sáng năm màu, chiếu soi khắp thế giới, lại biến thành rất nhiều màu sắc, ánh sáng này nhiễu Phật ba vòng, rồi trở lại nhập vào đảnh Phật.

Bấy giờ Tôn giả A-nan bước ra bạch Phật:

– Như Lai là Bạc đáng tôn trọng, Ngài không bao giờ mỉm cười một cách vô cớ, vậy có việc gì

khiến cho Như Lai mỉm cười như vậy. Cúi mong Đức Thế Tôn giải thích cho chúng con được biết.

Phật bảo A-nan:

– Nay ông có thấy trưởng giả Mãn Hiền cúng dường Ta không?

Ngài A-nan bạch:

– Vâng. Bạch Thế Tôn, con có thấy.

– Trải qua ba a-tăng-kỳ kiếp nữa ở đời vị lai, Mãn Hiền sẽ đầy đủ Bồ-tát hạnh, tu tâm đại bi, tròn đủ sáu Ba-la-mật, sẽ được thành Phật hiệu là Mãn Hiền, hóa độ chúng sinh nhiều không thể hạn lượng, vì vậy mà Ta mỉm cười.

Lúc Phật nói về việc nhân duyên của Mãn Hiền, trong đại chúng có người chứng quả Tu-đà-hoàn, có người chứng Tư-đà-hàm, có người chứng quả A-na-hàm, có người chứng quả A-la-hán, có người phát tâm Bích-chi-phật, cho đến có người phát tâm Bồ-đề vô thượng.

Lúc bấy giờ các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



2- Truyện Nàng Danh Xưng Thỉnh Phật

Một thuở nọ, Đức Phật ngự tại giảng đường Trùng các, bên bờ sông Di hầu, thành Tỳ-xá-ly.

Bấy giờ Đức Phật đáp y, ôm bát dẫn các Tỳ-kheo vào thành khát thực, lần lượt đến nhà trưởng

giả Sư Tử. Trưởng giả có người con dâu tên là Danh Xung. Danh Xung thấy thân tướng uy nghiêm của Phật có rất nhiều, tướng hảo, trang nghiêm, nàng bèn hỏi mẹ chồng:

– Thân Phật như vậy, con có thể đạt được không?

Mẹ chồng liền đáp:

– Nếu ngay từ hôm nay con có thể tu tập các công đức, phát tâm rộng lớn vô thượng thì con cũng đạt được tất cả tướng tốt như thế.

Danh Xung nghe xong bèn cùng mẹ chồng sắm sửa lễ vật, mở hội thỉnh Phật cúng dường.

Sau khi Phật và đại chúng thọ thực xong, Danh Xung lại rải các thứ hoa cúng dường trên đánh Phật. Lúc ấy trên hư không hoa tự nhiên kết thành chiếc lọng và trong mỗi bước đi đứng của Phật, lọng hoa ấy cũng theo sát không rời.

Danh Xung thấy sự biến hóa, trong lòng vui mừng khôn xiết, nàng liền gieo năm vốc sát đất; rồi phát thệ nguyện rộng lớn:

– Với công đức cúng dường này, con nguyện trong đời vị lai; nếu có chúng sinh mù tối, con nguyện làm cho họ được mắt sáng; chúng sinh không nơi nương tựa; con nguyện làm chỗ nương tựa cho họ, chúng sinh không ai cứu giúp; con nguyện cứu giúp họ; chúng sinh chưa được giải thoát, con sẽ làm họ được giải thoát; chúng sinh

không an ổn, con nguyện làm họ được an ổn; chúng sinh chưa vào Niết-bàn, con nguyện giúp họ vào Niết-bàn.

Thế Tôn nghe Danh Xung phát tâm rộng lớn như thế, Ngài liền mỉm cười. Từ khuôn mặt Phật phát ra ánh sáng năm màu soi khắp thế giới, lại biến thành rất nhiều sắc, ánh sáng này nhiều quanh Phật ba vòng rồi trở lại nhập vào đảnh Phật.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan bước ra bạch Phật:

– Như Lai là Bậc đáng tôn trọng, Ngài không bao giờ mỉm cười một cách vô cớ, vậy có việc gì khiến cho Như Lai mỉm cười như vậy, cúi xin Thế Tôn giải thích cho chúng con được biết.

Phật bảo A-nan:

– Nay ông có thấy nàng Danh Xung này cúng dường Ta không?

Ngài A-nan bạch:

– Vâng. Bạch Thế Tôn, con có thấy.

– Nhờ công đức căn lành của việc phát tâm rộng lớn của nàng Danh Xung hôm nay, trải qua ba a-tăng-kỳ kiếp nữa ở đời vị lai, Danh Xung sẽ đầy đủ hạnh Bồ-tát, tu tâm đại bi, tròn đủ sáu Ba-la-mật, sẽ được thành Phật hiệu là Bảo Ý, độ khắp chúng sinh, không có hạn lượng. Vì vậy nên Ta mỉm cười.

Khi Phật nói về việc nhân duyên của nàng Danh Xung, trong đại chúng có người chứng quả

Tu-đà-hoàn, có người chứng Tư-đà-hàm, có người chứng quả A-na-hàm, có người chứng quả A-la-hán, có người phát tâm Bích-chi-phật, cho đến có người phát tâm Bồ-đề vô thượng.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



3- Truyện Gã Nan-Đà Lười Biếng Gặp Phật

Một thuở nọ, Đức Phật ngự tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, trong thành có một vị trưởng giả là người giàu có vô lượng, tài bảo nhiều không thể tính kể. Trưởng giả chỉ có một người con tên là Nan-đà, tính rất lười biếng, thường ham thích ngủ nghỉ, không chịu làm việc, nhưng lại rất thông minh, không ai sánh kịp. Trong lúc nằm ngủ, vẫn nghe được kinh luận, nghĩa lý nào cũng thông suốt. Trưởng giả thấy con mình thông minh, hiểu rõ kinh luận, bèn nghĩ rằng: “Ta nên thỉnh sáu vị giáo chủ ngoại đạo như ngài Phú-lan-na,... đến nhà để dạy dỗ Nan-đà.”

Suy nghĩ xong, trưởng giả liền làm các món ngon vật lạ, rồi thỉnh sáu vị giáo chủ ngoại đạo đến đê cúng dường.

Sau khi sáu vị thọ thực xong, trưởng giả thưa:

– Con chỉ có duy nhất một đứa con, nhưng nó

rất lười biếng, ngủ mãi không chịu dậy. Cúi mong đại sư hãy dạy dỗ nó giùm con, để nó biết lo sửa sang gia nghiệp và học tập kinh luận.

Khi ấy sáu vị giáo chủ ngoại đạo liền cùng nhau đến chỗ Nan-đà. Nan-đà vẫn thản nhiên nằm không chịu ngồi dậy, hướng chỉ nghĩ đến việc trải tọa cụ mời sáu vị ngồi. Trưởng giả thấy vậy trong lòng rất khổ não buồn rầu không vui.

Bảy giờ Đức Thế Tôn thường rủ lòng Đại bi, sáu thời trong một ngày đêm luôn quán sát chúng sinh xem ai chịu nhiều khổ não, liền đến chỗ người ấy nói pháp cho nghe giúp họ được mở tỏ, Phật thấy trưởng giả ưu sầu vì con, đang ngồi chống cằm. Phật liền hướng dẫn các Tỳ-kheo đến nhà trưởng giả.

Lúc ấy bỗng nhiên Nan-đà kinh sợ đứng dậy, trải đồ ngồi thỉnh Đức Phật an tọa, bước tới lễ dưới chân Đức Phật rồi lui lại ngồi sang một bên. Phật liền nói pháp bằng mọi cách cho Nan-đà nghe và quở trách những lỗi lầm của sự lười biếng. Nan-đà tự trách ăn năn sinh tâm kính tín đối với Thế Tôn.

Đức Phật đưa cho Nan-đà một cây gậy bằng gỗ chiên-đàn và bảo:

– Nếu người có thể siêng năng, dụng tâm chút ít, hãy gõ vào cây gậy này. Nó sẽ phát ra âm thanh rất dễ thương. Khi nghe âm thanh ấy, người sẽ thấy mọi vật nằm trong đất.

Nan-đà liền nhận chiếc gậy, gõ vào phát ra âm thanh, quả nhiên thấy được mọi vật chôn giấu dưới đất. Nan-đà vui mừng khôn xiết, tự nghĩ: “Nay ta siêng năng, chỉ dụng tâm chút ít mà còn được lợi ích như thế, huống chi ta cố gắng nỗ lực, thì ở đời vị lai sẽ được nhiều lợi ích to lớn không gì hơn. Vậy hôm nay ta phải siêng năng, cố gắng hết sức để ra biển tìm châu báu”. Nghĩ xong, Nan-đà liền thông báo cho mọi người biết:

– Ai muốn ra biển để tìm nhiều châu báu, ta sẽ là người dẫn đầu đoàn người đi buôn.

Dân chúng ai nấy đều tranh nhau quyết tâm ra biển để tìm châu báu quý giá. Họ tìm được nhiều trân bảo và tất cả đều an ổn trở về, sắm sửa các thức ăn ngon để thỉnh Phật và chúng Tăng cúng dường.

Sau khi Phật và chúng Tăng thọ thực xong, Đức Phật liền nói pháp cho Nan-đà bằng mọi cách. Nan-đà được mở tỏ tâm ý, liền gieo năm vốc sát đất và phát thệ nguyện rộng lớn:

– Với công đức căn lành của việc cúng dường này, con nguyện ở đời vị lai nếu có chúng sinh mù tối, con nguyện làm cho họ được sáng mắt; chúng sinh không nơi nương tựa, con nguyện làm nơi nương tựa; chúng sinh không ai cứu giúp, con nguyện cứu giúp họ; chúng sinh chưa giải thoát, con sẽ giúp họ được giải thoát; chúng sinh không

an ổn, con nguyện làm cho họ được an ổn; chúng sinh chưa vào Niết-bàn, con nguyện giúp họ vào Niết-bàn.

Nan-đà phát nguyện xong, Phật mỉm cười. Từ khuôn mặt Phật phát ra ánh sáng năm màu, ánh sáng này nhiễu Phật ba vòng, rồi trở lại nhập vào đảnh Phật.

Lúc ấy Tôn giả A-nan bước ra bạch Phật:

– Như Lai là Bậc đáng tôn trọng, Ngài không bao giờ mỉm cười một cách vô cớ, vậy có việc gì khiến cho Như Lai mỉm cười như vậy? Cúi mong Đức Thế Tôn giải thích cho chúng con được biết.

Đức Phật hỏi A-nan:

– Nay, ông có thấy gã lười biếng ra biển tìm châu báu, sắn sữa các thức ăn ngon để cúng dường Ta không?

Tôn giả A-nan bạch Phật:

– Vâng. Bạch Thế Tôn, con có thấy.

Đức Phật dạy:

– Gã lười này ở đời vị lai trải qua ba a-tăng-kỳ kiếp nữa, sẽ được thành Phật hiệu là Tinh Tấn Lực, hóa độ chúng sinh rộng khắp, không thể hạn lượng. Vì vậy nên Ta mỉm cười.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



4- Truyện Năm Trăm Người Đi Buôn Ra Biển Tìm Châu Báu

Một thuở nọ, Đức Phật ngự tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, trong thành có một người dẫn đầu đoàn người đi buôn dẫn năm trăm người đi buôn ra biển để tìm châu báu. Thuyền hỏng, họ phải trở về, ngày đêm quỳ lạy các vị Thần để được giúp đỡ. Họ lại ra biển lần thứ hai, lần thứ ba, thuyền cũng bị hỏng như trước. Nhờ có phước đức nên người dẫn đầu không bị chết ngoài biển, ông về được đất liền, trong lòng khổ não, trầm nghĩ: “Ta thường nghe có Đức Phật, Thế Tôn đã chứng được Nhất thiết trí, chư Thiên và loài Người không ai sánh kịp. Ngài thương xót chúng sinh, làm lợi mình, lợi người. Bấy giờ, ta sẽ xưng niệm danh hiệu Đức Phật ấy để ra biển, nếu được an ổn trở về, Ta sẽ cúng dường Ngài phân nửa số châu báu”.

Nghĩ xong, người dẫn đầu đoàn người đi buôn liền tụ tập những người đi buôn cùng nhau ra biển. Ông xưng niệm danh hiệu Phật, quả nhiên tìm được nhiều châu báu và an ổn trở về. Nhưng khi về nhà, ông nhìn các vật báu, trong lòng tham tiếc chẳng chịu cúng Phật, suy nghĩ: “Nếu phải cúng dường phân nửa số châu báu này, thì ta không hứa, chỉ bằng ta đưa hết số châu báu này cho vợ, rồi sẽ xin bà một ít tiền ra chợ mua hương thơm, mang

về tỉnh xá Kỳ hoàn đốt cúng dường Phật”.

Suy nghĩ xong, như dự định, vị ấy xin vợ được hai đồng tiền, liền ra chợ mua hương thơm, mang đến tỉnh xá Kỳ hoàn đốt lên cúng Phật

Đức Phật dùng thần lực khiến khói hương lan tỏa, xông khắp tỉnh xá Kỳ hoàn. Vị ấy thấy khói hương len sâu vào đến trước Phật liền ăn năn tự trách: “Nay vì sao đối với Phật Thế Tôn ta lại tiếc rẻ vật báu ấy mà không cúng dường. Như Lai thật sự có thần lực, làm cho khói hương xông khắp tỉnh xá Kỳ hoàn, thật là ít có. Vậy ta phải sắm sửa các món uống ăn ngon, rồi thỉnh Phật và chúng Tăng về nhà cúng dường”.

Nghĩ xong, ông liền quỳ thẳng, chấp tay thỉnh Phật, Thế Tôn. Đức Phật hứa khả. Ông vội trở về nhà lo sắm sửa đầy đủ các thức uống ăn. Sáng hôm sau, đến giờ ông cho người đến bạch Phật:

– Thức ăn đã sắm sửa đầy đủ, cúi xin Phật biết cho đã đến giờ.

Lúc bấy giờ, Đức Như Lai đáp y, cầm bát dẫn các Tỷ-kheo đến nhà vị ấy thọ thực. Sau khi thọ thực xong, Đức Phật nói về tội lỗi xấu xa của tính tham lam bòn xén. Ông liền lấy châu báu rải cúng dường trên đảnh Phật. Lúc ấy trên không trung châu báu tự nhiên biến thành lọng báu. Mỗi bước đi, đứng của Phật, lọng báu ấy cũng theo che chở không rời.

Ông liền gieo năm vốc sát đất, phát thệ nguyện rộng lớn:

– Với công đức căn lành của việc cúng dường này, con nguyện ở đời vị lai, nếu có chúng sinh mù tối, con nguyện làm cho họ được mắt sáng; chúng sinh không nơi nương tựa, con nguyện làm nơi nương tựa; chúng sinh không ai cứu giúp, con nguyện cứu giúp họ; chúng sinh chưa giải thoát, con sẽ làm cho họ được giải thoát; chúng sinh không an ổn, con nguyện làm cho họ được an ổn; chúng sinh chưa vào Niết-bàn, con nguyện giúp cho họ vào Niết-bàn.

Nghe vị ấy phát nguyện xong, Đức Phật liền mỉm cười. Từ khuôn mặt Phật phát ra ánh sáng năm màu, ánh sáng này nhiều Phật ba vòng, rồi trở lại nhập vào đánh Phật.

Bấy giờ Tôn giả A-nan bước ra bạch Phật:

– Như Lai là bậc đáng tôn trọng, Ngài không mỉm cười một cách vô cớ, vậy có việc gì khiến Như Lai mỉm cười như vậy? Cúi mong Thế Tôn giải thích cho chúng con được biết.

Đức Phật hỏi A-nan:

– Nay ông có thấy vị thương chủ này cúng dường Ta với tâm hỏ thẹn hay không?

A-nan đáp:

– Vâng. Bạch Thế Tôn, con có thấy.

Đức Phật dạy:

– Hôm nay, nhờ cúng dường Ta mà vị ấy không bị đọa vào địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ; được sinh lên cõi trời, cõi người, thường hưởng thọ sự vui sướng. Ba a-tăng-kỳ kiếp sau, vị ấy sẽ được thành Phật hiệu là Bảo Thanh, độ thoát chúng sinh không thể tính được số lượng. Vì vậy nên Ta mỉm cười.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



5- Truyện Chàng Tu-Ma Nghèo Khổ Cúng Dường Phật Một Ít Sợi Chỉ

Một thuở nọ, Đức Phật ngự tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, trong thành có một người thợ dệt tên là Tu-ma, là người cùng khổ, trong nhà không có được thặng thóc đầu gạo, hằng ngày phải dệt mướn cho người để kiếm sống.

Một hôm, ông suy nghĩ: “Trước kia ta không biết bố thí, cho nên nay phải chịu nghèo khổ như vậy. Nếu đời nay ta lại không chịu bố thí, thì chắc chắn đời sau sẽ nghèo cùng hơn nữa, vì thế, ta phải cố gắng tìm cầu ít vật để bố thí, mong kiếp sau ta được quả báo tốt”.

Sau đó, Tu-ma tìm được một ít sợi chỉ, bèn trở về nhà. Vào trong một con hẻm, từ xa trông thấy

Đức Thế Tôn đắp y ôm bát, hướng dẫn các Tỷ-kheo vào thành khát thực, Tu-ma liền đến trước Phật dâng cúng những sợi chỉ ấy lên. Đức Phật liền nhận. Ngài bèn thị hiện y mình bị rách, dùng chỉ ấy để vá. Tu-ma thấy Thế Tôn vá y bị rách, trong lòng vui mừng, bước tới dưới chân Phật và phát thệ nguyện rộng lớn. Tu-ma ở trước Phật nói kệ:

*Vật cúng tuy ít ỏi
Gặp ruộng phước lành lớn
Dâng cúng Thế Tôn rồi
Thệ nguyện sẽ thành Phật
Độ khắp các chúng sinh
Số ấy không thể lường.
Thế Tôn uy đức lớn
Sẽ chứng biết việc này.*

Lúc ấy Thế Tôn đáp lại bằng bài kệ:

*Nay, người được gặp Ta
Quy y phát tâm thí
Vị lai sẽ thành Phật.
Danh hiệu là Thập Diên
Tiếng khen khắp mười phương
Độ chúng sinh vô lượng.*

Sau khi nghe Phật nói kệ, Tu-ma sinh tâm rất kính tin, bèn gieo năm vốc sát đất, phát thệ nguyện rộng lớn:

– Với tất cả công đức cúng dường các sợi chỉ này, con nguyện đời sau, nếu có chúng sinh mù tối,

con nguyện làm cho họ được mắt sáng; chúng sinh không nơi nương tựa, con nguyện làm nơi nương tựa; chúng sinh không ai cứu giúp, con nguyện cứu giúp họ; chúng sinh chưa giải thoát, con sẽ giúp họ được giải thoát; chúng sinh không an ổn, con sẽ làm cho họ được an ổn; chúng sinh chưa vào Niết-bàn, con nguyện giúp họ vào Niết-bàn.

Tu-ma phát nguyện xong, Phật bèn mỉm cười.

Bấy giờ Tôn giả A-nan bước ra bạch Phật:

– Như Lai là Bậc đáng tôn trọng, Ngài không bao giờ mỉm cười một cách vô cớ. Có việc gì khiến Như Lai mỉm cười như vậy, cúi xin Đức Thế Tôn giải thích cho chúng con được biết.

Đức Phật hỏi A-nan:

– Nay, ông có thấy chàng Tu-ma nghèo khổ cúng dường Ta mấy sợi chỉ và phát thệ nguyện rộng lớn chăng?

A-nan đáp:

– Bạch Đức Thế Tôn, con có thấy.

Đức Phật dạy:

– Tu-ma cúng dường Ta mấy sợi chỉ với tâm ân cần, kính trọng, đời vị lai sẽ được thành Phật hiệu là Thập Diên, độ khắp chúng sinh, không thể hạn lượng. Vì vậy nên Ta mỉm cười.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



6- Truyện Trưởng Giả Bà-Trì-Gia Bị Bệnh Nặng

Một thuở nọ, Đức Phật ngự tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, trong thành có một vị trưởng giả tên là Bà-trì-gia, là người có tính xấu, hay tức giận, không một ai thích thân thiện, nhưng ông rất kính tin sáu vị Giáo chủ ngoại đạo.

Một thời gian sau, Bà-trì-gia bị bệnh nặng, không ai chăm sóc việc ăn uống và thuốc men, mạng sống chỉ còn trong gang tấc. Ông bèn suy nghĩ: “Nay ta lâm vào cảnh khốn khổ thật là đúng lắm, nếu ai có thể cứu mạng, ta sẽ hầu hạ người ấy suốt đời một cách tốt đẹp.” Ông lại nghĩ: “Chỉ có Đức Thế Tôn là cứu được mạng Ta”. Vì nghĩ như vậy nên Bà-trì-gia sinh tâm ân cần, kính trọng đối với Đức Phật và khao khát muốn được thấy Đức Thế Tôn.

Bấy giờ Đức Phật thường rủ lòng Đại bi, sáu thời trong một ngày đêm thường quán sát chúng sinh, xem ai bị khổ não thì Ngài sẽ đến cứu giúp và dùng lời dịu dàng để nói pháp, làm cho họ được vui mừng. Nếu có chúng sinh nào sa vào đường ác, Ngài sẽ tìm cách cứu giúp để họ được sinh lên cõi trời, cõi người, chúng được đạo quả.

Khi ấy Như Lai quán sát thấy trưởng giả bị

bệnh nặng thân thể tiêu tụy, không ai chăm sóc, không người nuôi dưỡng. Đức Phật liền phát ra ánh sáng chiếu trên thân thể người bệnh, khiến vị trưởng giả cảm thấy mát mẻ, tâm hồn tỉnh táo, vui mừng khôn xiết.

Lúc ấy Bà-trì-gia liền gieo năm vốc sát đất, quy mạng Như Lai.

Biết Bà-trì-gia căn lành đã thành thực, đáng được sự giáo hóa, Đức Phật liền đến nhà Bà-trì-gia. Bà-trì-gia bỗng nhiên kinh sợ đứng dậy, chấp tay đón rước, thốt lên:

– Lành thay! Thế Tôn. Bà-trì-gia bèn trải đồ ngồi thỉnh Phật an tọa. Đức Phật hỏi Bà-trì-gia:

– Nay ông bị bệnh khổ, vậy chỗ nào đau nhiều nhất.

Trưởng giả đáp:

– Cả thân tâm con đều chịu khổ não.

Lúc ấy Đức Phật nghĩ: “Trong nhiều kiếp Ta tu tâm từ bi, thệ nguyện cứu chữa các chúng sinh bị bệnh cả thân lẫn tâm”.

Bấy giờ trời Đế Thích biết được ý nghĩ của Đức Phật, liền đến Hương sơn hái một loại thuốc tên là Bạch nhũ, cung kính dâng Thế Tôn. Thế Tôn được thuốc, bèn trao cho Bà-trì-gia. Bà-trì-gia uống hết thuốc, được khỏi bệnh, thân tâm vui sướng, càng sinh thêm tâm kính tin Đức Thế Tôn. Bà-trì-gia liền sắm sửa các thức ngon cùng dường Đức Phật

và Tỳ-kheo Tăng, sau đó lại dâng cúng những chiếc y tốt đẹp giá trị bằng trăm ngàn lạng vàng lên Đức Phật và Tăng, rồi phát thệ nguyện rộng lớn:

– Nguyện đem công đức căn lành cúng dường này, như nay Thế Tôn trị hết các bệnh thân tâm của con, được an vui, con nguyện đời sau cũng chữa trị các bệnh thân tâm của chúng sinh, giúp họ được an vui.

Trưởng giả Bà-trì-gia phát thệ nguyện xong, Phật liền mỉm cười. Từ khuôn mặt Phật phát ra ánh sáng năm màu, ánh sáng này chiếu quanh Phật ba vòng rồi trở lại nhập vào đỉnh Phật.

Bấy giờ Tôn giả A-nan bước ra bạch Phật:

– Như Lai là bậc đáng tôn trọng, Ngài không bao giờ mỉm cười một cách vô cớ, vậy có việc gì khiến cho Như Lai mỉm cười như vậy? Cúi xin Đức Thế Tôn giải thích cho chúng con được biết.

Đức Phật hỏi A-nan:

– Nay ông có thấy trưởng giả nhờ hết bệnh, mà bày soạn cúng dường cho Như Lai và Tỳ-kheo Tăng chăng?

A-nan bạch Phật:

– Vâng. Bạch Thế Tôn, con có thấy.

Đức Phật dạy:

– Bà-trì-gia ở đời vị lai sẽ được thành Phật, hiệu là Thích-ca Mâu-ni, độ khắp chúng sinh, không thể hạn lượng. Vì vậy nên Ta mỉm cười.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



7- Truyện Người Giữ Ao Của Vua Rải Hoa Cúng Phật

Một thuở nọ, Đức Phật ngự tại vườn trúc Ca-lan-đà trong thành Vương xá.

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc chưa nghe có Phật, sáu thời trong một ngày đêm, vua thường đem hương hoa cúng dường các Thiên thần. Khi Đức Phật ra đời, thành Bạc Chánh Giác, vì muốn giáo hóa vua Ba-tư-nặc nên Ngài đáp y ôm bát đến gặp vua. Vua Ba-tư-nặc thấy Đức Phật ánh sáng chiếu khắp trời đất, oai nghi khoan thai, vượt hẳn thế gian, trong lòng vui mừng thỉnh Phật an tọa, cho dọn bày các món ăn ngon cúng dường Thế Tôn. Thọ trai xong, Đức Phật nói pháp cho vua nghe bằng mọi cách. Sau khi nghe Phật nói pháp, vua Ba-tư-nặc càng kính tin Như Lai, không còn phụng thờ lễ bái Thiên thần. Sau đó mỗi ngày ba lần, vua đều đem hoa cúng dường Như Lai.

Hôm ấy, người giữ ao, sau khi đem hoa cho vua, tự mình lấy một bông hoa định đem ra chợ bán. Trên đường đi, người giữ ao gặp một ngoại đạo.

Ngoại đạo hỏi:

– Người đem hoa này đi bán phải không?

Người ấy đáp:

– Vâng! Tôi muốn bán.

Khi ấy trưởng giả Tu-đạt cũng đến hỏi người ấy:

– Anh cầm hoa này có bán không?

Người giữ ao cũng nói:

– Muốn bán.

Lúc ấy người ngoại đạo và trưởng giả Tu-đạt cùng tranh nhau mua hoa, nâng giá lên đến trăm ngàn lượng vàng mà vẫn chưa thôi.

Người bán hoa hỏi ngoại đạo:

– Ông mua hoa để làm gì?

Người ngoại đạo đáp:

– Để cúng dường trời Na-la-diên cầu phước.

Anh lại hỏi trưởng giả Tu-đạt:

– Ông mua hoa để làm gì?

Trưởng giả Tu-đạt trả lời:

– Để cúng Phật.

Người giữ ao hỏi:

– Phật là người thế nào?

– Đức Phật là Bậc thấy suốt việc quá khứ, hiểu rõ việc vị lai, là Bậc tôn kính trong ba cõi, được chư Thiên, loài Người kính ngưỡng.

Người bán hoa nghe nói, trong lòng vui mừng, suy nghĩ: “Trưởng giả là người dè dặt, suy xét kỹ

lưỡng, không vội vàng hấp tấp, vậy mà hôm nay vì một cành hoa này mà muốn mua với giá trăm ngàn lượng vàng”. Nghĩ xong, người ấy cầm hoa định bỏ đi, trong tâm nghĩ: “Chắc chắn phải có sự lợi ích lớn nên hai người không kể mắc rẻ, nhất định muốn mua.”

Bấy giờ người bán hoa liền bảo hai vị:

– Hoa của tôi không bán, tôi muốn tự mình đem hoa cúng dường Thế Tôn.

Tu-đạt nghe nói, vui mừng khôn xiết, liền dẫn người cầm hoa đến gặp Đức Phật Thế Tôn. Vị ấy thấy Đức Phật có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, ánh sáng chiếu khắp như trăm ngàn mặt trời. Liên sinh tâm kính tin, rải hoa mình đang cầm lên thân Phật. Hoa ở trong không trung tự nhiên biến thành lọng hoa, mỗi bước Phật đi, đứng, lọng hoa cũng theo che chở không rời.

Người giữ ao thấy sự biến hóa, liền gieo năm vốc sát đất, phát thệ nguyện rộng lớn:

– Nhờ công đức căn lành rải hoa cúng Phật này, con nguyện ở đời vị lai, nếu có chúng sinh mù tối, con nguyện làm cho họ được mắt sáng; chúng sinh không nơi nương tựa, con nguyện làm nơi nương tựa; chúng sinh không ai cứu giúp, con nguyện cứu giúp họ; chúng sinh chưa giải thoát, con sẽ giúp họ giải được giải thoát; chúng sinh chưa vào Niết-bàn, con nguyện giúp họ vào Niết-bàn:

Người giữ ao phát nguyện xong, Đức Phật mỉm cười. Từ khuôn mặt Phật phát ra ánh sáng năm màu, ánh sáng này nhiều Phật ba vòng, rồi trở lại nhập vào đánh Phật.

Bấy giờ Tôn giả A-nan bước tới bạch Phật:

– Như Lai là Bạc đáng tôn trọng, Ngài không bao giờ mỉm cười một cách vô có, có việc gì khiến Như Lai mỉm cười như vậy? Cúi mong Đức Thế Tôn giải thích cho chúng con được biết.

Đức Phật hỏi A-nan:

– Nay, ông có thấy người giữ ao rải một cành hoa lên mình Ta để cúng dường hay không? Ở đời vị lai, qua ba a-tăng-kỳ kiếp nữa, người ấy sẽ được thành Phật hiệu là Hoa Thanh, độ thoát chúng sinh không có hạn lượng. Vì vậy nên Ta mỉm cười.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



8- Truyện Hai Vị Phạm Chí Tranh Cãi Về Như Lai

Một thuở nọ, Đức Phật ngự tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, trong thành có hai vị Phạm chí một người tin sâu Phật pháp, thường nói về các công đức của Như Lai, rằng Ngài là Đấng Trung Tôn

bậc nhất trong ba cõi. Vị Phạm chí thứ hai thì bị vương mắc tà kiến sâu nặng, nói rằng đệ tử của giáo chủ sáu phái ngoại đạo là bậc nhất, không ai sánh bằng,

Cứ rối rắm như thế, nên họ tranh cãi nhau mãi. Khi tin này đến tai vua Ba-tư-nặc, vua cho mời hai Phạm chí đến hỏi lý do tại sao có sự tranh cãi. Vị Phạm chí kính tin ngoại đạo nói:

– Ngài Phú-lâu-na... mà tôi thờ phụng thật sự có thần lực hơn hẳn Sa-môn Cù-đàm kia.

Vua lại hỏi vị Phạm chí có tâm kính tin Phật:

– Sa-môn Cù-đàm, mà ông thờ phụng có thần lực gì không?

Phạm chí đáp:

– Sa-môn Cù-đàm mà tôi thờ phụng có thần lực không ai sánh bằng.

Sau khi nghe hai vị Phạm chí nói, vua Ba-tư-nặc bảo hai vị rằng:

– Các khanh mỗi người đều tự khen ngợi vị Thiên thần mà mình thờ phụng là bậc nhất, trong bảy ngày nữa ta sẽ vì các khanh triệu trăm ngàn vạn dân chúng đến tại một sân trống để xem sự thần nghiệm. Vậy các khanh hãy tự mình đốt hương, rải hoa, rưới nước rồi thỉnh thầy mình đến trong hội để cúng dường.

Nghe vua nói, hai Phạm chí cùng chấp nhận. Đến ngày thứ bảy, vua ra sắc lệnh cho dân chúng

nhóm họp. Hai Phạm chí đứng trước đám đông, mỗi vị đều phát lời thệ nguyện. Vị Phạm chí kính tin Phú-lâu-na... liền cầm hương hoa và tịnh thủy đứng trước mọi người cầu nguyện:

– Nếu ngài Phú-lâu-na..., bậc mà tôi thờ phụng thật có thần lực xin hãy làm cho hương hoa và tịnh thủy này nương hư không đến chỗ thầy tôi, để thầy biết sự cầu nguyện của tôi mà đến trong hội này; còn nếu ngài không có thần lực thì hương hoa và tịnh thủy không bay đi được. Cầu nguyện rồi, vị Phạm chí tin Phú-lâu-na tung hương hoa và tịnh thủy. Nhưng các thứ ấy đều rơi xuống đất, nằm yên tại chỗ.

Mọi người thấy không có linh nghiệm, đều cho rằng:

– Phú-lâu-na... thật sự không có thần lực gì, chỉ thọ nhận sự cúng dường của chúng tôi và nhân dân trong nước, một cách luống uổng.

Sau khi mọi người nói như vậy, vị Phạm chí có tâm kính tin Phật cũng tung hương hoa và tịnh thủy lên hư không, rồi phát lời thệ nguyện:

– Nếu Như Lai thật sự có thần lực, thì xin khiến cho các hoa có mùi thơm và tịnh thủy mà tôi rải này bay đến chỗ Ngài, Ngài cũng biết tâm con mà đến trong hội này.

Phạm chí vừa nói dứt lời, liền tung hương hoa và tịnh thủy lên thật xa, khói hương bay tỏa khắp

thành Xá-vệ; các hoa được tung lên hư không liền biến thành lọng hoa, che phía trên Như Lai và theo từng bước chân Ngài đi, đứng, lọng hoa cũng theo che chở không rời; còn nước tịnh thủy thì như lưu ly từ xa tung rải trên đất trước mặt Thế Tôn.

Lúc ấy Đức Thế Tôn liền hiện ra trước mặt mọi người.

Bấy giờ, mọi người thấy sự biến hóa như vậy đều khen là việc chưa từng có; họ càng sinh kính tin và không còn thờ phụng các ngoại đạo.

Bấy giờ lời nguyện của Phạm chí kia đã thành tựu, Phạm chí liền nắm vốc sát đất, phát thệ nguyện rộng lớn:

– Với tất cả công đức đốt hương, rải hoa, vẩy tịnh thủy này, con nguyện đời vị lai nếu có chúng sinh mù tối, con sẽ làm cho họ được mắt sáng; chúng sinh không nơi nương tựa, con nguyện làm nơi nương tựa; chúng sinh không ai cứu giúp, con nguyện sẽ cứu giúp họ; chúng sinh chưa giải thoát, con sẽ giúp họ được giải thoát; chúng sinh chưa vào Niết-bàn, con sẽ giúp họ vào Niết-bàn.

Phạm chí phát nguyện xong, Đức Phật mỉm cười. Từ khuôn mặt Phật phát ra ánh sáng năm màu, ánh sáng này nhiều quanh Đức Phật ba vòng, rồi trở lại nhập vào đánh Đức Phật.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan bước ra bạch Đức Phật:

– Như Lai là Bậc đáng tôn trọng, Ngài không

mỉm cười một cách vô cớ, vậy có việc gì khiến cho Như Lai mỉm cười như vậy? Cúi mong Thế Tôn giải thích cho chúng con được biết.

Đức Phật hỏi A-nan:

– Nay, ông có thấy vị đại Phạm chí kia dùng hương hoa và tịnh thủy cúng dường Ta không?

A-nan bạch Phật:

– Vâng. Bạch Thế Tôn, con có thấy.

Đức Phật dạy:

– Đời vị lai, trải qua ba a-tăng-kỳ kiếp nữa, vị đại Phạm chí ấy sẽ được thành Phật hiệu là Bất Động, độ thoát chúng sinh không có hạn lượng. Vì vậy nên Ta mỉm cười.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



9- Truyện Phật Nói Pháp Và Xuất Gia Cho Hai Vị Vua

Một thuở nọ, Đức Phật ngự tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, có hai vị quốc vương thường hay tức giận tranh chấp với nhau, giết hại nhiều dân chúng. Vua Ba-tư-nặc thấy hai vị vua ấy cứ trôi lăn trong chỗ sống chết, sợ rằng khó có thể cứu vớt. Từ trong chỗ sống chết muốn được sự hòa giải giữa hai quốc

vương, vua Ba-tư-nặc liền đến gặp Phật, bước tới dưới chân Đức Phật rồi lui ngồi sang một bên, bạch Phật:

– Thưa Thế Tôn, hôm nay Như Lai là Đấng Pháp Vương Vô Thượng, quán sát chúng sinh có chúng sinh nào bị khổ nạn thì đến cứu giúp, có khả năng hòa giải sự tranh chấp. Nay, hai vị quốc vương thường chiến đấu với nhau gây nhiều thiệt hại, kết oán thù đã lâu chưa hòa giải được. Cúi mong Đức Thế Tôn từ bi hòa giải cho hai vị vua ấy, để họ không tranh chấp với nhau nữa.

Đức Phật liền chấp nhận. Hôm sau, Đức Phật đắp y ôm bát, dẫn các Tỳ-kheo đến vườn Lộc dã, nước Ba-la-nại.

Lúc ấy hai quốc vương đang dàn trận đánh nhau. Trong đó, một quốc vương vì yếu hèn sinh tâm rất sợ hãi bèn lui về chỗ Phật ngự, đánh lễ dưới chân Phật rồi ngồi sang một bên.

Đức Phật liền nói bài kệ vô thường cho vua nghe:

*Có cao rồi có rơi
Có thường rồi có hoại
Có sinh phải có chết
Có hợp ắt có tan.*

Quốc vương nghe Đức Phật nói kệ xong, tâm ý mở tỏ chứng quả Tu-đà-hoàn, liền ở trước Phật cầu xin xuất gia.

Lúc ấy Đức Phật bèn gọi:

– Lành thay, Tỳ-kheo!

Bấy giờ quốc vương râu tóc tự rụng, thân mặc pháp phục, liền thành Sa-môn, siêng năng tu tập, chứng quả A-la-hán.

Quốc vương thứ hai nghe tin Phật đã hóa độ vị vua kia và cho xuất gia, trong lòng thanh thản không còn lo sợ gì. Vua cũng đến chỗ Phật, đánh lễ chân Phật rồi ngồi sang một bên, nghe Phật nói pháp, trong lòng rất vui mừng và thỉnh Đức Phật, Phật liền hứa khả. Vua trở về nước mình sắm sửa các thức ăn ngon, thỉnh Phật và chúng Tăng vào cung cúng dường.

Đức Phật và các Tỳ-kheo thọ thực xong, quốc vương liền đến trước Phật phát thệ nguyện rộng lớn:

– Với công đức căn lành cúng dường này, con nguyện ở đời vị lai nếu có chúng sinh mù tối, con nguyện giúp họ được mắt sáng; chúng sinh không nơi nương tựa, con nguyện làm nơi nương tựa; chúng sinh không ai cứu giúp, con nguyện sẽ cứu giúp họ; chúng sinh chưa giải thoát, con sẽ giúp họ được giải thoát; chúng sinh chưa vào Niết-bàn, con sẽ giúp họ vào Niết-bàn.

Quốc vương phát nguyện xong, Đức Phật liền mỉm cười. Từ khuôn mặt Phật phát ra ánh sáng năm màu, ánh sáng này chiếu quanh Phật ba vòng,

rồi trở lại nhập vào đảnh Phật.

Bấy giờ Tôn giả A-nan bước ra bạch Phật:

– Như Lai là Bậc đáng tôn trọng, Ngài không bao giờ mỉm cười một cách vô cớ, vậy có việc gì khiến Như Lai mỉm cười như vậy? Cúi mong Đức Thế Tôn giải thích cho chúng con được biết.

Đức Phật hỏi A-nan:

– Ông có thấy vua Bàn-già-da cúng dường Ta không?

Tôn giả A-nan bạch Phật:

– Vâng. Bạch Thế Tôn, con có thấy.

Phật dạy:

– Nhờ cúng dường Ta nên vị vua ấy không bị đọa vào đường ác, thường sinh lên cõi trời, cõi người thọ hưởng sự vui sướng, qua ba a-tăng-kỳ kiếp nữa, sẽ được thành Phật hiệu là Vô Thắng, độ khắp chúng sinh không thể hạn lượng. Vì vậy nên Ta mỉm cười.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



10- Truyện Trưởng Giả Làm Vua Bảy Ngày

Một thuở nọ, Đức Phật ngự tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc và vua A-xà-thế thường hay tức giận tranh chấp với nhau, hai bên thường đem bốn thứ binh: Tượng binh, mã binh, xa binh và bộ binh giao chiến với nhau. Lúc ấy quân vua Ba-tư-nặc bại trận đến ba lần, quân lính tan tát; chỉ còn một mình vua chạy thoát vào thành, nên vua rất buồn khổ, hỏ thẹn ngã lăn ra đất, bỏ ăn bỏ ngủ.

Khi đó, có vị trưởng giả có rất nhiều tài bảo không thể tính kể. Trưởng giả nghe vua sầu não, bèn đến tâu vua:

– Hạ thần có nhiều vàng bạc, châu báu muốn dâng cho đại vương. Đại vương hãy mua voi ngựa, tuyển mộ binh lính để chiến đấu, sẽ thắng được vị vua kia. Nay có chi đại vương phải lo buồn như vậy? Vua liền chấp nhận. Sau đó trưởng giả xuất ra nhiều châu báu để hiến cho vua. Vua Ba-tư-nặc liền cho tuyển mộ binh lính, đi khắp các nước để cầu sách lược.

Lúc ấy có một người thanh niên khỏe mạnh đến xin gia nhập vào quân đội của vua. Một hôm, người thanh niên này đến tỉnh xá Kỳ hoàn, có nghe hai tướng sĩ bàn luận với nhau về cách chiến đấu. Một tướng sĩ nói:

– Khi chiến đấu nên cho quân khỏe mạnh đi trước, kế đến là quân khỏe vừa và sau cùng là quân yếu.

Nghe được lời bàn luận ấy, người thanh niên

về trình báo lên vua về cách chiến đó. Vua Ba-tư-nặc nghe xong, cho tập hợp bốn binh chủng, y theo lời bàn luận của người tướng sĩ ấy, cho lính khỏe đi trước, lính yếu theo sau. Khi ra trận giao chiến, quả nhiên vua Ba-tư-nặc thắng được quân địch, thâu được nhiều voi ngựa và bắt được vua A-xà-thế. Vua Ba-tư-nặc vui mừng cùng vua A-xà-thế ngồi trên xe báu, về đến chỗ Đức Phật. Đến nơi vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, từ trước đến nay đối với vị vua ấy, hoàn toàn con không có oán hận gì. Nhưng vị vua ấy đối với con lại sinh tâm oán thù. Tuy nhiên, phụ vương của vua A-xà-thế đối với con là bạn thân cho nên con không nỡ sát hại vua ấy. Con muốn thả vua ấy trở về nước ông.

Lúc đó, Đức Phật khen vua Ba-tư-nặc:

– Lành thay! Lành thay! Đối với người thân cũng như không thân, tâm thường bình đẳng. Đó là điều Thánh hiền thường khen ngợi.

Đức Phật liền nói kệ cho vua nghe:

*Thua thì sinh lo sợ
Thắng thì tâm vui mừng
Nay ông thả vua ấy
Cả hai đều vui vẻ.
Nếu vớt bỏ hơn thua
Là điều vui hơn hết.*

Vua Ba-tư-nặc nghe Phật nói kệ xong, liền thả

vua A-xà-thế về nước ông. Sau đó, vua Ba-tư-nặc tự mình trở về nước Xá-vệ, tự nghĩ: “Sở dĩ Ta chiến thắng là nhờ vị trưởng giả kia hiến cúng tiền bạc châu báu để tuyển mộ tướng sĩ, nay mới thắng trận”. Nghĩ xong, vua liền cho mời vị trưởng giả đến, nói:

– Ta nhờ khanh cung cấp trân bảo để tuyển mộ quân lính, chiến đấu được thắng trận. Nay ta sẽ đền ân khanh, ta cho khanh tùy ý ước nguyện.

Lúc ấy vị trưởng giả quỳ xuống tâu với vua:

– Xin đại vương đừng bắt tội thì hạ thần mới dám nói.

Vua bảo:

– Ta cho phép khanh nói.

Vị trưởng giả tâu:

– Nay hạ thần muốn thay đại vương làm vua trong bảy ngày để trị vì thiên hạ.

Vua Ba-tư-nặc liền chấp nhận để thỏa mãn ước nguyện của trưởng giả. Vua cho đánh trống, chính thức lập trưởng giả lên ngôi làm vua và đánh trống thông báo cho dân chúng trong nước hay biết, khiến đều được tự tại.

Lúc ấy trưởng giả làm vua cho người đem sắc lệnh ban đến các tiểu quốc, lệnh ban: “Trẫm cho phép các tiểu vương được bãi việc triều chính trong bảy ngày, để đến triều bái tạ, quy y Tam bảo, thỉnh Phật cúng dường.”

Bảy ngày trôi qua, trưởng giả rất vui mừng, gieo năm vốc sát đất, phát thệ nguyện rộng lớn trước Phật:

– Với công đức bảy ngày làm vua, con nguyện ở đời vị lai nếu có chúng sinh mù tối, con nguyện làm cho họ được mắt sáng; chúng sinh không nơi nương tựa, con nguyện làm nơi nương tựa; chúng sinh không ai cứu giúp, con nguyện cứu giúp họ; chúng sinh chưa giải thoát, con sẽ giúp họ được giải thoát; chúng sinh chưa vào Niết-bàn, con sẽ giúp họ vào Niết-bàn.

Trưởng giả phát nguyện xong, Đức Phật liền mỉm cười. Từ khuôn mặt Phật phát ra ánh sáng năm màu, ánh sáng này nhiễu quanh Phật ba vòng, rồi trở lại nhập vào đỉnh Phật.

Bấy giờ Tôn giả A-nan bước ra bạch Phật:

– Như Lai là bậc đáng tôn trọng, Ngài không bao giờ mỉm cười một cách vô cớ, vậy có việc gì khiến Như Lai mỉm cười như vậy? Cúi mong Đức Thế Tôn giải thích cho chúng con được biết.

Đức Phật hỏi A-nan:

– Ông có thấy vị đại trưởng giả làm vua bảy ngày không?

Tôn giả A-nan bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, con có thấy.

Đức Phật dạy:

– Trưởng giả ấy nhờ công đức thỉnh Ta, nên

qua ba a-tăng-kỳ kiếp nữa ở đời vị lai, sẽ được thành Phật hiệu là Tối Thắng, độ khắp chúng sinh không có hạn lượng. Vì vậy Ta mỉm cười.

Khi Phật nói về truyện nhân duyên của vị trưởng giả làm vua, có người chứng quả Tu-đà-hoàn, có người chứng quả Tư-đà-hàm, có người chứng quả A-na-hàm, có người chứng quả A-la-hán, có người phát tâm Bích-chi-phật, có người phát tâm Bồ-đề vô thượng.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



SOẠN TẬP KINH MỘT TRĂM TRUYỆN NHÂN DUYÊN

QUYỂN 2

Phẩm 2: BÁO ỨNG THỌ CÚNG DƯỜNG

11- Truyện Người Lái Đò Thỉnh Phật Qua Sông

Một thuở nọ, Đức Phật ngự tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, bên bờ sông Y-la-bạt, có những người lái đò đang đậu thuyền ở bến sông. Khi ấy, Đức Như Lai hướng dẫn các Tỳ-kheo đến một ngôi làng bên kia sông, vì Ngài muốn qua đó để hóa độ những người lái đò ấy.

Từ bờ bên kia, các người lái đò thấy Phật đến, ai cũng vui mừng chèo thuyền qua sông.

Lúc ấy họ bước đến đánh lễ dưới chân Phật, bạch rằng:

– Thưa Thế Tôn, ngày mai xin Thế Tôn từ bi để chúng con được đưa Ngài qua sông.

Đức Phật bằng lòng. Họ sửa sang lại thuyền, lấp bằng đường sá, sạch sẽ, quét sạch gạch ngói rác

rưới, treo cờ phướn, rưới nước thơm trên đất, rải các hoa thơm, chuẩn bị ghe thuyền, chờ Phật và chúng Tăng đến.

Hôm sau, Đức Phật hướng dẫn các Tỳ-kheo đến bờ sông để xuống thuyền sang sông. Khi đến ngôi làng kia, Đức Phật và đại chúng trải đồ ngồi an tọa. Sau khi quan sát thấy Đức Phật và chúng Tăng đã ngồi yên, các người lái đò tự tay dâng thức ăn ngon cúng dường, Phật và chúng Tăng thọ trai xong, các người lái đò khao khát được nghe Phật nói pháp.

Lúc ấy Đức Phật liền giảng cho họ nghe pháp Tứ đế. Tâm ý họ được mở tỏ, có người chứng quả Tu-đà-hoàn, có người chứng quả Tư-đà-hàm, có người chứng quả A-na-hàm, cho đến có người phát tâm Bồ-đề vô thượng.

Khi ấy các Tỳ-kheo thấy sự cúng dường này và việc sang sông, lấy làm lạ cho là việc chưa từng thấy có, liền bước ra bạch Phật:

– Đời trước Như Lai đã gieo trồng phước đức gì, mà nay được sự cúng dường tự nhiên và việc đi thuyền qua sông như vậy?

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy hãy lắng nghe! Ta sẽ giải thích rõ ràng cho các thầy nghe!

Vô lượng kiếp về quá khứ, tại nước Ba-la-nại có Đức Phật ra đời hiệu là Tỳ-diêm-bà.

Lúc ấy Đức Phật hướng dẫn các Tỳ-kheo đến một nước khác để giáo hóa chúng sinh. Khi đến một bờ sông, ở đây có những người đi buôn từ xứ khác tới, họ mang theo nhiều châu báu cũng đến bên bờ sông. Những người đi buôn thấy Đức Phật Thế Tôn cùng sáu vạn hai ngàn vị La-hán, rất sinh lòng kính tin, bèn bước đến, bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, Ngài cũng định qua sông sao?

Đức Phật đáp:

– Phải, Ta muốn qua sông.

Sau khi hỏi và biết ý định của Đức Phật, những người khách buôn liền sắm sửa các thức ăn ngon để cúng dường Đức Phật và chúng Tăng. Đức Phật và đại chúng thọ trai xong, những người đi buôn bạch Phật:

– Cúi xin Đức Thế Tôn qua sông trước, vì e rằng bọn cướp sẽ đến đoạt lấy y bát và đồ dùng của các Tỳ-kheo.

Lúc ấy Đức Phật liền xuống thuyền qua sông. Ngài nói pháp cho những người đi buôn nghe bằng mọi cách, mọi người đều vui mừng phát tâm Bồ-đề. Đức Phật thọ ký cho người dẫn đầu đoàn buôn: “Đời vị lai ông sẽ thành Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni, độ khắp chúng sinh, nhiều không thể tính lường”.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy nên biết rằng người dẫn đầu đoàn

người đi buôn ấy nay chính là Ta, còn những người đi buôn thời ấy là sáu vạn hai ngàn vị La-hán. Nhờ sự cúng dường Phật lúc ấy, cho nên trong vô lượng kiếp Ta không bị đọa vào đường ác, thường sinh lên các cõi trời, cõi người, thường thọ hưởng sự vui. Đến ngày nay Ta đã thành Phật, cho nên trời, người đến cúng dường Ta.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



12- Truyện Vua Quán Đảnh Thỉnh Phật

Một thuở nọ, Đức Phật ngự tại vườn trúc Ca-lan-đà, thành Vương xá.

Bấy giờ Thế Tôn hướng dẫn sáu vạn hai ngàn vị A-la-hán đến nước Câu-tỳ-la. Dân chúng nước này phẩm tính hiền lành, nhân từ hiếu thuận, tâm hồn rộng lượng bao dung. Đức Như Lai suy nghĩ: “Nay Ta nên xây dựng một giảng đường nhiều tầng bằng gỗ Ngưu đầu chiên-đàn để giáo hóa dân chúng.” Khi Đức Phật nghĩ như vậy, trời Đế Thích biết được tâm niệm của Ngài, liền cùng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Cưu-bàn-trà... ai nấy đều mang gỗ Ngưu đầu chiên-đàn để dâng lên Thế Tôn và xây dựng một giảng đường lớn cúng dường Đức Phật, với các tiện nghi như giường, ghế, đồ nằm, mền nệm cõi trời và thức ăn Tu-đà cõi trời, tự nhiên

đều đầy đủ để cúng dường Đức Phật và chúng Tăng.

Bấy giờ dân chúng thấy việc ấy cho là việc lạ chưa từng có, đều nói rằng: “Hôm nay Như Lai có công đức lớn, nên mới cảm được chư Thiên cúng dường như thế.” Nói xong, họ cùng nhau đến gặp Phật, đánh lễ dưới chân Phật rồi lui lại ngồi sang một bên.

Lúc ấy Đức Phật liền nói pháp Tứ đế cho họ nghe, giúp họ mở tỏ tâm ý, có người chứng quả Tu-đà-hoàn, có người chứng quả Tu-đà-hàm, có người chứng quả A-na-hàm, cho đến có người phát tâm Bồ-đề vô thượng.

Các Tỳ-kheo thấy chư Thiên cúng dường các tiện nghi như vậy, khen là việc chưa từng có, bèn bạch Phật:

– Chẳng hay đời trước Như Lai đã gieo trồng phước đức gì, mà nay khiến chư Thiên cúng dường như vậy?

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy hãy lắng nghe, Ta sẽ giải thích rõ ràng.

Thuở xưa, cách đây vô lượng kiếp, tại nước Ba-la-nại có Đức Phật ra đời hiệu là Phạm Hạnh. Một hôm, Đức Phật hướng dẫn các Tỳ-kheo đi giáo hóa chúng sinh, lần hồi đến hoàng cung của vua Quán Đảnh. Vua nghe tin Phật đến, liền ra khỏi thành

đón rước, bước tới đánh lễ dưới chân Phật rồi thỉnh Phật và chúng Tăng:

– Ngưỡng mong Thế Tôn từ bi chiếu cố, chúng con xin cung thỉnh Ngài vào trong và nhận bốn thứ cúng dường của chúng con trong ba tháng.

Được Phật hứa khả, vua bèn thỉnh Đức Phật an trụ tại giảng đường Trùng các, với đầy đủ giường đồ nằm và các thức ăn ngon cúng dường trong ba tháng. Ngoài ra vua còn phụng hiến cho Đức Phật và chúng Tăng mỗi vị một chiếc y báu. Đức Phật bèn nói pháp bằng mọi cách cho vua nghe, vua sinh tâm vui mừng và phát tâm Bồ-đề. Lúc ấy Đức Phật liền thọ ký cho vua: “Ở đời vị lai, đại vương sẽ thành Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni, hóa độ chúng sinh, nhiều không thể tính lường.”

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy nên biết, vua Quán Đảnh thời ấy nay chính là Ta; còn các quan lúc bấy giờ nay là sáu vạn hai ngàn vị La-hán. Nhờ công đức cúng dường Phật lúc ấy nên trong vô lượng kiếp Ta không bị đọa vào đường ác, thường sinh cõi trời, cõi người thọ hưởng sự an vui. Đến ngày nay Ta đã thành Phật, cho nên mà trời, người đến cúng dường Ta.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



13- Truyện Pháp Hộ Thỉnh Phật Tắm Rửa

Một thuở nọ, Đức Phật ngự trong khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, trong thành có năm trăm người đi buôn đang trên đường đi qua nước khác để buôn bán kiếm lời. Họ đến một quãng đồng trống thì bị lạc đường, không biết mình phải đi lối nào, lại gặp trời nắng hạn, nên họ khát nước gần chết. Mọi người đều quỳ lạy các Thiên thần để cầu phù hộ, nhưng chẳng có sự cảm ứng nào.

Lúc ấy trong số những người đi buôn, có một Ưu-bà-tắc nói với những người đi buôn:

– Đức Như Lai với lòng Đại bi, sáu thời trong một ngày đêm thường quán sát chúng sinh, xem chúng sinh nào bị khổ nạn, thì Ngài liền đến cứu giúp. Vậy ngay bây giờ, chúng ta nên thành tâm xưng niệm: “Nam-mô Phật-đà” để cầu Ngài đến cứu.

Những người đi buôn nghe nói vậy, đều đồng thanh xưng niệm: “Nam-mô Phật-đà, nguyện Ngài đến cứu giúp cho chúng con thoát cảnh nóng khát này”.

Lúc ấy Đức Phật từ xa nghe những người đi buôn xưng niệm danh hiệu Phật, Ngài cùng trời Đế Thích liền đến nơi những người đi buôn bị nạn, làm tuôn mưa lạnh. Những người đi buôn được hết

nóng khát, đều vui mừng trở về nước mình thỉnh Phật và chúng Tăng cúng dường. Đức Phật liền hứa khả. Họ dựng cờ, treo phướn, treo linh báu, rải nước thơm trên đất, rải hoa thơm, đốt các thứ hương và sắm sửa đầy đủ các thức ăn ngon, rồi đến bạch Phật:

– Cúi xin Đức Thế Tôn biết cho! Đã đến giờ, thức ăn đã dọn bày đầy đủ.

Bấy giờ Đức Thế Tôn đáp y, ôm bát hướng dẫn các Tỳ-kheo đến nhà người đi buôn thọ cúng. Đức Phật thọ trai xong, những người đi buôn trong lòng khao khát muốn nghe pháp. Ngài liền nói pháp bằng mọi cách cho họ nghe. Họ được mở tỏ tâm ý, có người chứng quả Tu-đà-hoàn, có người chứng quả Tu-đà-hàm, có người chứng quả A-na-hàm, cho đến có người phát tâm Bồ-đề vô thượng.

Các Tỳ-kheo thấy việc ấy, bèn bước tới trước Đức Phật bạch:

– Đời trước Như Lai đã gieo trồng phước đức gì, mà nay được những người đi buôn cúng dường mà họ còn đặc đạo nữa?

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy hãy lắng nghe, Ta sẽ giải thích cho các thầy rõ. Thuở xưa, tại nước Ba-la-nại có Đức Phật ra đời hiệu là Chiên-đàn Hương. Một hôm, Đức Phật hướng dẫn các Tỳ-kheo đến nước của vua Pháp Hộ, lúc ấy trời nắng hạn, mùa màng thất

thu. Vua nghe tin Đức Phật đến, liền cùng các quan ra đón rước Ngài. Vua thỉnh Phật: “Cúi xin Thế Tôn từ bi nhận bốn thứ cúng dường của con trong ba tháng”. Đức Phật liền nhận lời. Vua bèn làm hồ tắm trong thành để Phật và chúng Tăng tắm rửa. Vua phát thệ nguyện rộng lớn: “Với công đức này, con nguyện trời Đế Thích tuôn mưa lành khắp cõi Diêm-phù-đề để lúa má được thấm nhuần, cứu giúp chúng sinh.”

Vua phát thệ nguyện xong, trời liền đổ mưa, khắp nơi đều được thấm nhuần. Lúc ấy vua cho làm tám vạn bốn ngàn chiếc bình quý để đựng nước Phật tắm rồi đem phân phát trong tám vạn bốn ngàn thành, khắp cõi Diêm-phù-đề, mỗi thành nhận một bình. Vua còn truyền lệnh xây tháp cúng dường bình nước ấy, để mọi người nhân đó phát tâm Bồ-đề vô thượng, Đức Phật Chiên-đàn thọ ký cho vua: “Đời vị lai, đại vương sẽ thành Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni, độ khắp chúng sinh không thể tính lường”.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy nên biết, vua Pháp Hộ thời ấy nay chính Ta, còn các quan lúc bấy giờ nay là các Tỳ-kheo. Nhờ công đức cúng dường Phật lúc ấy cho nên trong vô số lượng kiếp Ta không bị đọa vào đường ác, thường sinh lên cõi trời, cõi người thọ hưởng sự an vui, đến ngày nay Ta đã thành Phật vì vậy trời, người đến cúng dường Ta.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



14- Truyện Đức Phật Cứu Giúp Dân Chúng Mắc Bệnh

Một thuở nọ, Đức Phật ngự trong vườn trúc Ca-lan-đà, thuộc thành Vương xá.

Bấy giờ, tại khu làng Na-la có nhiều thứ bệnh dịch đang hoành hành, giết hại dân chúng. Mọi người đều tranh nhau cầu thỉnh chư Thiên, Thiện thần, hy vọng dịch bệnh dần dần sẽ được đẩy lùi. Họ cứ quỳ lạy như thế nhưng bệnh dịch không hề chấm dứt.

Lúc ấy trong làng có một Ưu-bà-tắc nói với mọi người:

– Đức Như Lai ở đời, thường làm cho chúng sinh lợi ích an vui, chúng ta nên cùng nhau nhất tâm xưng niệm: “Nam-mô Phật-đà” để cầu Ngài cứu giúp.

Mọi người nghe nói, tất cả đều cùng nhau xưng niệm: “Nam-mô Phật-đà, cúi mong Đức Thế Tôn từ bi thương xót che chở chúng con thoát các bệnh khổ tật dịch.”

Bấy giờ, Thế Tôn với lòng Đại bi, sáu thời trong một ngày đêm, thường quán sát chúng sinh,

xem chúng sinh nào bị khổ ách, Ngài liền đến hóa độ và dạy họ pháp lành để dứt hẳn các khổ. Thấy những người dân bệnh tật này cùng nhất tâm xưng niệm danh hiệu Phật để mong được cứu bệnh, Đức Như Lai hướng dẫn các Tỳ-kheo đến ngôi làng ấy, từ bi an ủi dân chúng và khuyên họ làm việc lành, các dịch bệnh cùng lúc đều được đẩy lùi, không còn các họa hoạn. Khi ấy, người trong làng thấy Như Lai làm lợi ích, an vui cho dân chúng, họ bèn nói:

– Nay chúng ta nhờ ân đức của Phật mà được thoát chết, vậy ngày mai chúng ta phải mở hội thỉnh Phật cúng dường.

Nói như vậy rồi, mọi người cùng nhau đến gặp Phật, đánh lễ dưới chân Ngài, rồi quỳ thẳng, chấp tay thỉnh Phật:

– Cúi mong Đức Thế Tôn, xin Ngài nhận lời cầu thỉnh cúng dường của chúng con.

Đức Phật liền nhận lời. Biết Phật đã nhận lời, mọi người lập tức trở về nhà sửa sang đường xá cho bằng phẳng, dọn dẹp gạch đá, các vật ô uế, dựng cờ, treo phướn, treo linh báu, rưới nước thơm trên đất, trải hoa thơm, sắp đặt bàn ghế, sắm sửa đầy đủ các món ăn ngon. Sau đó họ đến bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, thức ăn đã chuẩn bị đầy đủ, cúi xin Đức Thế Tôn biết cho đã đến giờ.

Bấy giờ Thế Tôn đắp y ôm bát dẫn đầu các Tỳ-

kheo đến ngôi làng ấy để thọ cúng. Đức Phật và chúng Tăng thọ trai xong, dân chúng khát khao muốn nghe pháp. Phật liền nói pháp cho họ nghe bằng nhiều cách tâm ý được mở tỏ, có người chứng quả Tu-đà-hoàn, có người chứng quả Tư-đà-hàm, có người chứng quả A-na-hàm, cho đến có người phát tâm Bồ-đề vô thượng.

Các Tỳ-kheo thấy việc ấy, bèn bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, đời trước Ngài đã gieo trồng phước đức gì, mà nay cảm hóa được dân chúng khiến họ cúng dường và đầy lùi được tật bệnh như thế?

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy hãy lắng nghe, Ta sẽ giải thích rõ. Thuở xưa, tại nước Ba-la-nại có Đức Phật ra đời hiệu là Nhật Nguyệt Quang. Một hôm, Đức Phật dẫn đầu các Tỳ-kheo đến nước của vua Phạm Ma. Vua thỉnh Phật cúng dường, sau đó vua quỳ thẳng chấp tay bạch Phật: “Cúi mong Đức Thế Tôn từ bi cứu giúp dân chúng trong nước này khỏi những tật dịch tai ách.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền cởi y Tăng-già-lê đang mặc trao cho vua. Vua cho người treo y lên đầu ngọn cờ để dân chúng cùng nhau cúng dường, các bệnh dịch cùng lúc bị đẩy lùi, không còn các họa hoạn. Vua rất vui mừng, phát tâm Bồ-đề. Đức Phật liền thọ ký cho vua Phạm Ma: “Ở đời vị lai, đại

vương sẽ thành Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni, hóa độ chúng sinh rộng khắp không thể tính lường”.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy nên biết, vua Phạm Ma lúc bấy giờ nay chính là Ta; còn các quan lúc bấy giờ nay là các Tỳ-kheo. Nhờ công đức cúng dường Phật, nên trong vô lượng kiếp Ta không bị đọa vào đường ác, thường sinh lên cõi trời, cõi người. Đến ngày nay Ta đã thành Phật, cho nên trời, người đến cúng dường Ta.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



15- Truyện Trời Đế Thích Cúng Dường Đức Phật

Một thuở nọ, Đức Phật ngự tại vườn trúc Calan-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Đề-bà-đạt-đa quá đỗi ngu si, kiêu mạn, ganh ghét với Đức Thế Tôn, xúi giục vua A-xà-thê lập ra pháp chế sai lầm, đánh trống ra lệnh không cho dân chúng mang vật cúng dường đến chỗ Cù-đàm.

Lúc ấy trong thành có người tin Phật, khi nghe sự cấm chế ấy, buồn rầu than khóc, bi thảm áo não; cảm động đến cung điện của chư Thiên làm họ dao

động không yên.

Khi ấy, trời Đế Thích suy nghĩ: “Cung điện của ta vì lý do gì lại dao động như vậy?” Trời Đế Thích liền tự quán sát thấy vua A-xà-thế chế lập ra điều cấm đoán không đúng pháp, khiến người trong thành phải ưu sầu, than khóc, cảm đến cung điện của mình, làm cho dao động như thế.

Trời Đế Thích lập tức xuống trần, lớn tiếng nói:

– Nay chính Ta sẽ cúng dường Phật và chúng Tăng.

Nói như vậy rồi, trời Đế Thích liền đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Ngài, quỳ thẳng chấp tay thỉnh Phật:

– Cúi mong Đức Thế Tôn và Tỳ-kheo Tăng, suốt đời thọ nhận sự cúng dường của con.

Đức Phật không nhận lời. Trời Đế Thích lại bạch Phật:

– Nếu Thế Tôn không thọ nhận sự cúng dường suốt đời của con, thì xin Ngài hãy thọ nhận con cúng dường trong năm năm.

Phật cũng không nhận. Trời Đế Thích lại bạch:

– Nếu không thọ nhận sự cúng dường của con trong năm năm, xin Ngài thọ nhận sự cúng dường của con trong năm tháng.

Đức Phật cũng không nhận. Trời Đế Thích lại bạch Phật:

– Nếu không nhận sự cúng dường của con trong

năm tháng, xin Ngài thọ nhận sự cúng dường của con trong năm ngày. Phật liền nhận lời. Lúc ấy trời Đế Thích biến vườn trúc Ca-lan-đà rực rỡ như cung điện Tỳ-xà-da, với đầy đủ tiện nghi nào giường, ghế, nào dụng cụ để trái nằm, cùng thức ăn Tu-đà của cõi trời, đựng trong chén bát bằng vàng, được các vị trời tự tay dâng cúng Đức Phật và chúng Tăng.

Vua A-xà-thế đang đứng trên lầu cao, từ xa thấy vườn trúc Ca-lan-đà rực rỡ sáng chói như cung điện của chư Thiên, thấy thức ăn Tu-đà cõi trời đựng trong chén bát bằng báu, thấy trời Đế Thích và chư Thiên tự tay dâng cúng thức lên Đức Phật và chúng Tăng.

Bây giờ, vua A-xà-thế nhìn thấy sự việc ấy, liền ăn năn tự trách, trong tâm rất giận dữ mắng nhiếc Đề-bà-đạt-đa:

– Ông là kẻ ngu si, tại sao xúi giục ta bày ra những pháp chế không đúng phép đối với Đức Thế Tôn?

Nói rồi, vua A-xà-thế càng sinh tâm rất kính tín đối với Phật. Lúc ấy các quan thừa với vua A-xà-thế:

– Ngay bây giờ, xin đại vương hãy hủy bỏ các pháp chế sai lầm trước kia, để cho dân chúng được gặp Như Lai và tùy ý cúng dường.

Vua A-xà-thế liền ra lệnh sai người đánh trống

thông cáo cho dân chúng biết, từ đây về sau cho phép dân chúng được sắm sửa các thức ăn ngon cúng dường Thế Tôn.

Bây giờ, Thế Tôn nói pháp cho họ nghe bằng nhiều cách, khiến họ được mở tỏ tâm ý, có người chứng quả Tu-đà-hoàn, có người chứng quả Tư-đà-hàm, có người chứng quả A-na-hàm, cho đến có người phát tâm Bồ-đề vô thượng. Khi các Tỳ-kheo thấy sự việc ấy, khen là việc chưa từng có, bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, đời trước Ngài đã gieo trồng phước đức gì, mà nay được trời Đế Thích cúng dường như vậy?

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy hãy lắng nghe Ta sẽ giải thích rõ. Thuở xưa, cách nay vô lượng kiếp, tại nước Ba-la-nại có Đức Phật ra đời hiệu là Bảo Điện. Một hôm, Đức Phật cùng các Tỳ-kheo đi giáo hóa, đến nước của vua Già-sí. Hay tin Phật đến, nhà vua cùng các quan ra đón rước Thế Tôn. Vua quỳ thẳng chấp tay thỉnh Phật: “Xin Thế Tôn từ bi nhận bốn thứ cúng dường của chúng con trong ba tháng.”

Đức Phật liền hứa khả. Sau khi thọ cúng, Đức Phật bèn nói pháp cho vua nghe bằng nhiều cách. Vua phát tâm Bồ-đề, Đức Phật thọ ký cho vua: “Ở đời vị lai đại vương sẽ được thành Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni, hóa độ khắp chúng sinh nhiều

không thể tính kể.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy nên biết, vua Già-sí lúc ấy nay chính là Ta, còn các quan bảy giờ nay chính là các Tỳ-kheo. Tất cả đều nhờ sự cúng dường Phật lúc ấy nên trong vô lượng kiếp không bị đọa vào địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, thường sinh lên cõi trời, cõi người thọ hưởng sự an vui. Cho đến ngày nay, Ta đã thành Phật, do đó trời, người đến cúng dường Ta.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



16- Truyện Phật Hiện Thân Trời Đế Thích Đề Hóa Độ Bà-La-Môn

Một thuở nọ, Đức Phật ngự tại vườn trúc Ca-lan-đà, trong thành Vương xá.

Bảy giờ, trong thành có một vị phụ tướng, tên là Lê-xa, tin theo kiến chấp tà vạy điên đảo, chẳng tin nhân quả, lại còn xúi giục vua A-xà-thế phản nghịch giết cha, tự lên ngôi vua. Khi lên ngôi vua rồi, A-xà-thế rất vui mừng, ra lệnh cho thần dân lập đại hội, tập hợp một trăm ngàn vị Bà-la-môn, cùng nhau đặt ra pháp chế nghiêm khắc, không cho ai được đến chỗ Cù-đàm để thưa hỏi điều gì. Các Bà-la-môn nghe biết việc ấy, họ không đến chỗ Phật

nữa. Mỗi khi lên dục đầu bàn tán thì có người nói rằng: “Kinh Vi-đà của ta có dạy rằng: Sa-môn Cù-đàm là người đứng đầu trong các vị trời của chúng ta. Vậy bây giờ, chúng ta hãy cùng nhau xưng danh hiệu Ngài, có thể Ngài sẽ đến trong hội, chúng ta sẽ suốt đời thờ phụng Ngài.”

Nói lời ấy rồi họ cùng nhau xưng niệm: “Nam-mô Cù-đàm Sa-môn, chúng con xin thỉnh Ngài đến trong hội này.”

Bấy giờ Như Lai thường với lòng Đại bi, sáu thời trong một ngày đêm, quán sát chúng sinh, xem chúng sinh nào hóa độ được, thì Ngài đến hóa độ. Đức Phật biết rằng các Bà-la-môn kia căn lành đã thuần thực, đáng được Ngài hóa độ, nên Ngài biến thân mình thành trời Đế Thích, đi trên hư không đến trong hội chúng Bà-la-môn. Các Bà-la-môn đều đứng dậy đón rước, thỉnh Đế Thích an tọa và thưa:

— Giờ đây, sự mong cầu của chúng con đã đạt được, chúng con nguyện suốt đời sẽ thờ phụng Ngài.

Đế Thích bèn khen ngợi. Khi Thế Tôn biết tâm của các Bà-la-môn đã được điều phục, Ngài hiện lại thân Phật và theo chỗ ứng hợp giảng nói pháp Tứ đế cho họ nghe, khiến họ được mở tỏ tâm ý. Các Bà-la-môn đều chứng quả Tu-đà-hoàn, ai cũng vui mừng, cùng nhau đặt bày trăm món uống ăn,

thỉnh Phật và chúng Tăng cúng dường.

Các Tỳ-kheo thấy sự việc ấy, bước ra trước bạch Phật:

– Thuở xưa, Như Lai đã gieo trồng phước đức gì, mà nay được các Bà-la-môn sắm sửa các thức ăn ngon cúng dường Phật và chúng Tăng như thế?

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy nên lắng nghe, Ta sẽ giải thích rõ. Thuở xưa, cách đây vô lượng kiếp, tại nước Ba-la-nại, có Đức Phật ra đời hiệu là Diệu Âm. Một hôm, Đức Phật cùng các Tỳ-kheo đến chỗ vua Bảo Điện. Khi nghe tin Đức Phật đến nhà vua cùng các quan ra đón rước. Vua thỉnh Phật: “Cúi xin Thế Tôn nhận bốn thứ cúng dường của con trong ba tháng.” Đức Phật liền nhận lời. Trong ba tháng, sau khi thọ nhận sự cúng dường của vua, tại chỗ thọ trai, xuất hiện hoa sen bằng bảy chất báu, trong hoa sen có hóa Phật đang ngồi kiết già, phát ra ánh sáng rực rỡ, trên đến cõi trời A-ca-ni-trá, dưới đến địa ngục A-tỳ. Vua Bảo Điện thấy sự diễn biến như vậy, liền phát tâm Bồ-đề vô thượng. Phật thọ ký cho vua: “Ở đời vị lai đại vương sẽ thành Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni, hóa độ khắp chúng sinh nhiều không thể tính kể.”

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy nên biết vua Bảo Điện lúc ấy nay chính là Ta, còn các quan bấy giờ nay là các Bà-

la-môn. Nhờ sự cúng dường Phật lúc ấy nên trong vô lượng kiếp Ta không bị đọa vào địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, thường sinh lên cõi trời, cõi người, thọ hưởng sự an vui. Cho đến ngày nay Ta đã thành Phật, vì vậy trời, người đến cúng dường Ta.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



17- Truyện Thần Càn-Thát-Bà Trỗi Nhạc Khen Phật

Một thuở nọ, Đức Phật ngự tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, trong thành có năm trăm vị thần Càn-thát-bà đánh đàn cầm rất hay, ngày đêm thường trỗi nhạc, ca múa để cúng dường Như Lai, tiếng tăm vang xa, khắp nơi đều nghe biết.

Khi ấy ở phía Nam của thành có vua Càn-thát-bà tên là Thiện Ái, cũng đánh đàn cầm rất giỏi, hay xướng nhạc ca múa, trong nước không ai bằng. Từ đó Thiện Ái sinh tâm kiêu mạn, cho rằng không ai có thể sánh bằng mình. Nghe nói ở phương Bắc cũng có vị Càn-thát-bà, ngón đàn rất giỏi, xướng nhạc ca múa cũng hay, cho nên Thiện Ái muốn đi đến đó, trải qua mười sáu nước lớn. Khi đến nơi, Thiện Ái gảy cây đàn một dây, đàn có thể phát ra bảy thứ âm thanh, mỗi âm thanh lại có hai mươi

một giai điệu, khi dân chúng nghe đàn và xem ca múa đều hơn hởi vui mừng, nhảy múa điên cuồng không kìm chế được, rồi dân chúng cùng theo Thiện Ái tâu vua xin tranh tài đánh đàn cầm cùng Càn-thát-bà bốn xứ.

Khi Thiện Ái đến nơi, vị thần giữ cửa và Càn-thát-bà bốn xứ vào tâu vua:

– Có vua Càn-thát-bà ở phương Nam, tên là Thiện Ái có tài sử dụng đàn cầm, thổi nhạc vui chơi, hiện đang ở ngoài cửa, nhân nghe bên vua có Càn-thát-bà cũng giỏi đàn cầm ca múa nên từ xa đến đây có ý muốn xin vua cho phép cùng thi tài đàn cầm.

Lúc ấy vua Ba-tư-nặc bảo người giữ cửa hãy mau gọi Thiện Ái vào. Khi diện kiến hai bên đều vui vẻ. Thiện Ái tâu vua:

– Nhân nghe nhà vua cũng có vị Càn-thát-bà có tài sử dụng đàn cầm, thổi nhạc vui chơi. Vậy đại vương cho phép cùng thi thố tài nghệ được chăng?

Vua đáp:

– Ta không ngại gì, có một nơi cách đây không xa, chúng Ta hãy đến đó tùy ý thi tài.

– Vua Càn-thát-bà Thiện Ái bằng lòng, cả hai cùng đến chỗ Thế Tôn. Phật hiểu ý vua Ba-tư-nặc, liền hóa thành vua Càn-thát-bà đem đến bảy ngàn nhạc thần Ban-già-thi-khí của cõi trời, mỗi vị đều cầm đàn lưu ly đứng hầu hai bên. Khi ấy, vua Ba-

tư-nặc bảo Thiện Ái:

– Đây là các vị thần âm nhạc của Ta, bây giờ người hãy thi tài với họ.

Thiện Ái liền cầm cây đàn một dây lên gảy, đàn phát ra bảy âm thanh khác nhau, trong mỗi âm thanh lại có hai mươi một giai điệu. Tiếng đàn Thiện Ái hòa hợp tiết tấu rất hay, làm cho mọi người vui sướng nhảy múa đến mê loạn không tự kiềm chế được. Bảy giờ Như Lai cầm đàn lưu ly Ban-già-thi-khí một dây lên gảy phát ra hàng vạn âm thanh rất uyển chuyển dịu dàng thanh thoát. Người nghe vui cười ca múa, hơn hở thích thú.

Lúc ấy vua Càn-thát-bà Thiện Ái nghe tiếng đàn, khen là chưa từng có, trong lòng hổ thẹn vì tiếng đàn của mình. Thiện Ái lui ra quỳ thẳng chấp tay thỉnh Đức Như Lai làm Bạc Đại Sư và học hỏi các phương pháp về đàn cầm.

Lúc ấy Đức Phật thấy vua Càn-thát-bà Thiện Ái đã dứt bỏ tánh ngã mạn, tâm đã được thuần phục. Ngài trở lại thân cũ. Các Tỳ-kheo đều ngồi im lặng. Thiện Ái sợ hãi, khắp mình nổi ốc, liền đối trước Phật sinh tâm kính tin, quỳ thẳng chấp tay xin được nhập đạo. Đức Phật bảo Thiện Ái:

– Lành thay, Tỳ-kheo!

Thiện Ái râu tóc tự rụng xuống, thân mặc pháp phục, trở thành Sa-môn, siêng năng tu tập, chẳng bao lâu đã chứng quả A-la-hán.

Vua Ba-tư-nặc thấy vua Càn-thát-bà Thiện Ái tâm đã thuần phục lại còn chứng đạo, trong tâm vui mừng quý thắng thỉnh Phật và Tỳ-kheo Tăng cúng dường. Đức Phật liền nhận lời, vua bảo các quan cho dân chúng sửa sang, dọn dẹp gạch đá, các vật ô uế, dựng cờ, treo phướn, treo linh báu, rưới nước thơm trên đất, rải các thứ hoa, đặt bày giường ghế, sắm sửa các thức ăn ngon cúng dường Đức Phật và chúng Tăng.

Các Tỳ-kheo thấy việc cúng dường ấy lấy làm lạ, cho là việc chưa từng có, bèn bạch Phật:

– Đời trước Như Lai đã gieo trồng phước đức gì, mà nay Ngài được cúng dường âm nhạc không lúc nào xa rời như vậy?

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy hãy lắng nghe, Ta sẽ nói rõ. Thuở xưa, cách nay vô lượng kiếp, tại nước Ba-la-nại có Đức Phật ra đời hiệu là Chánh Giác. Một hôm Đức Phật dẫn đầu các Tỳ-kheo đi giáo hóa chúng sinh, khi đến nước của vua Phạm Ma, Phật và đại chúng ngồi kiết già dưới gốc cây, nhập tam-muội Hỏa quang, ánh sáng chiếu khắp trời đất.

Lúc ấy vua Phạm Ma cùng các quan và mấy vạn người rời thành để du ngoạn, trôi xướng âm nhạc ca múa vui chơi, từ xa thấy Đức Phật cùng các Tỳ-kheo đang ngồi kiết già dưới gốc cây, ánh sáng rực rỡ, soi khắp đất trời như trăm ngàn mặt

trời, vua sinh tâm vui mừng dẫn các kỹ nữ đến chỗ Phật, cùng bước tới dưới chân Ngài, trỗi xướng âm nhạc cúng dường, rồi quỳ thẳng chấp tay thỉnh Phật: “Cúi mong Đức Thế Tôn và Tỳ-kheo Tăng, rủ lòng Đại bi thương xót vào cung thọ nhận sự cúng dường của chúng con.”

– Đức Phật liền chấp nhận. Vua liền cho sắm sửa các món ăn ngon cúng dường. Thọ trai xong, Đức Phật liền nói pháp cho vua nghe bằng nhiều cách, vua phát tâm Bồ-đề. Đức Phật thọ ký cho vua: “Ở đời vị lai đại vương sẽ thành Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni, hóa độ chúng sinh nhiều không thể tính lường.”

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy nên biết, vua Phạm Ma lúc bấy giờ nay chính là Ta, còn các quan bấy giờ nay là các Tỳ-kheo. Đều nhờ công đức cúng dường Phật khi ấy, nên trong vô lượng kiếp Ta và các ông không bị đọa địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ; thường sinh lên cõi trời, cõi người hưởng sự an vui, cho đến ngày nay Ta đã thành Phật và được cúng dường âm nhạc không lúc nào xa rời như vậy.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



18- Truyện Chàng Như Nguyệt Sắp Bị

Hành Hình, Xin Phạt Xuất Gia

Một thuở nọ, Đức Phật ngự tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, trong thành có một gã khờ tên là Như Nguyễn. Như Nguyễn thích việc giết chóc, trộm cắp, tà dâm, bị dân chúng tố giác nên vua ra lệnh bắt trói và đem ra ngoài chợ. Sau đó vua ra lệnh giải Như Nguyễn đến pháp trường xử tử.

Khi sắp hành hình thì Như Nguyễn được gặp Đức Phật, bèn đánh lễ cung kính và tự nói lên tội trạng:

– Con đáng tội chết, không còn sống bao lâu nữa. Cúi xin Thế Tôn rủ lòng Từ bi thương xót, xin vua cho con xuất gia, rồi chết cũng không ân hận.

Lúc ấy Đức Phật liền hứa khả, bảo A-nan:

– Ông hãy đến thưa với vua Ba-tư-nặc rằng hôm nay Ta muốn xin kẻ tử tội để cho y xuất gia.

Nghe lời Phật dạy, A-nan liền đi gặp vua Ba-tư-nặc, thưa rằng:

– Hôm nay Đức Thế Tôn muốn xin vua kẻ tử tội để cho y được xuất gia.

Vua vâng lời Phật, thả tội nhân ra về giao cho Thế Tôn. Đức Phật độ cho người này xuất gia, siêng năng tu tập, chẳng bao lâu chứng quả La-hán.

Các Tỳ-kheo thấy Như Nguyễn sắp chết mà được cứu thoát và xuất gia không bao lâu lại chứng

quả, nên khen là việc chưa từng có, bèn bước tới bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, đời trước Ngài đã gieo trồng phước đức gì, mà nay lời Ngài nói ra được vua tin tưởng thực hành? Ngài cứu người tội kia được an toàn tính mạng, chẳng hay việc ấy như thế nào xin Ngài giải thích cho chúng con được biết.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy hãy lắng nghe, Ta sẽ giải thích rõ. Thuở xưa, cách nay vô lượng kiếp, tại nước Ba-lanại có Đức Phật ra đời hiệu là Đế Tràng. Một hôm, Đức Phật dẫn đầu các Tỳ-kheo đi giáo hóa chúng sinh trong các thôn làng. Trên đường đi, Đức Phật gặp một Tiên nhân. Thấy Phật có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, ánh sáng soi chiếu như trăm ngàn mặt trời, Tiên nhân vui mừng đánh lễ dưới chân Phật, thỉnh Ngài an nghỉ và sắm sửa các món thức ăn ngon cúng dường. Cúng dường xong, Tiên nhân phát nguyện:

“Nguyện đời vị lai, khi con nói ra điều gì, đều được người tin tưởng thực hành theo.”

Đức Phật liền đáp rằng: “Ta sẽ khiến điều mong cầu của ông được toại nguyện như Ta hiện giờ, không hề sai khác”.

Nghe Phật dạy, Tiên nhân liền đối trước Phật phát tâm Bồ-đề vô thượng. Đức Phật liền thọ ký cho Tiên nhân: “Ở đời vị lai, ông sẽ thành Phật hiệu

là Thích-ca Mâu-ni, hóa độ chúng sinh nhiều không thể tính lường.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy nên biết, Tiên nhân thuở ấy nay chính là Ta. Do đời quá khứ Ta kính thuận Phật, nên nay Ta nói ra điều gì cũng được mọi người tin nhận, cứu được người tội kia thoát chết, lại còn được xuất gia đắc đạo.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



19- Truyện Vua Tần-Bà-Sa-La Thỉnh Phật

Một thuở nọ, Đức Phật ngự trong vườn trúc Ca-lan-đà, thành Vương xá.

Bấy giờ vua Tần-bà-sa-la cùng với mười hai ức na-do-tha người đến chỗ Phật ngự, đánh lễ dưới chân Phật, rồi quỳ thẳng chấp tay thỉnh Phật:

– Cúi mong Đức Thế Tôn cùng chúng Tỳ-kheo rủ lòng Từ bi thọ nhận bốn thứ cúng dường của chúng con suốt đời.

Nhưng Đức Phật không thọ nhận. Tần-bà-sa-la lại bạch Phật:

– Nếu Thế Tôn không nhận sự cúng dường trọn đời của con, xin Ngài nhận cúng dường của con trong mười hai năm.

Đức Phật cũng không thọ nhận. Vua lại bạch Phật:

– Nếu Đức Thế Tôn không nhận sự cúng dường của con trong mười hai năm, vậy xin Ngài nhận sự cúng dường của con trong mười hai tháng.

Đức Phật cũng không thọ nhận. Vua lại bạch Phật:

– Nếu Đức Thế Tôn không thọ nhận sự cúng dường mười hai tháng, vậy xin Ngài thọ nhận bốn thứ cúng dường trong của con ba tháng.

Đức Phật liền nhận lời. Vua Tần-bà-sa-la ra lệnh cho nhân dân sửa sang đường xá, dọn dẹp các vật ô uế, dựng cờ, treo phướn, treo linh báu, rưới nước hương trên đất, rải hoa thơm, sắp đặt giường, đồ nằm, chiếu mềm, sắm sửa đầy đủ các thức ăn ngon, vua cùng các quan đều cầm lọng che mát Đức Phật cùng chúng Tăng trên đường đi về thành Vương xá.

Đến nơi, Đức Phật vừa bước chân vào cổng thành, thì mặt đất tự nhiên rung chuyển, các vật báu trong đất tự nhiên vọt lên; người mù thấy được sáng, người điếc được nghe, người câm nói được, người què đi được, kẻ nghèo được của; trên không trung âm nhạc không ai thổi mà tự nhiên réo rắt vang lừng; các loài voi, ngựa, chim muông cũng kêu hót lên những tiếng hòa êm tai; từ không trung mưa hoa đẹp tuôn xuống, rải khắp đến cung vua.

Vua Tần-bà-sa-la cho sắm sửa các thức ăn ngon cúng dường Đức Phật và chúng Tăng ba tháng. Sau khi thọ trai xong, Đức Phật nói pháp cho vua nghe bằng nhiều cách, vua sinh tâm vui mừng cúng dường lên Đức Phật và chúng Tăng y Gia-thi-dục, rồi lui ngôi sang một bên.

Lúc ấy các Tỳ-kheo đánh lễ bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, đời trước Ngài đã gieo trồng phước đức gì, mà nay được sự cúng dường thượng diệu như vậy?

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy hãy lắng nghe, Ta sẽ giải thích rõ. Thuở xưa, cách nay vô lượng kiếp, tại nước Ba-la-nại có Đức Phật ra hiệu là Sai-ma. Một hôm, Đức Phật cùng các Tỳ-kheo đi giáo hóa chúng sinh, đến nước Bảo Thắng. Vua nước ấy là Già-sí, nghe tin Phật đến tâm ông rất vui mừng, bèn cùng các quan ra khỏi thành đón rước. Vua đánh lễ dưới chân Phật và quỳ thẳng chấp tay thỉnh Phật: “Cúi mong Đức Thế Tôn rủ lòng Từ bi thương xót thọ nhận sự cúng dường của chúng con.

Đức Phật liền thọ nhận. Vua bèn cho người sắm sửa các thức ăn ngon cúng dường Đức Phật. Sau khi thọ trai, Đức Phật nói pháp cho vua nghe bằng nhiều cách. Vua sinh tâm vui mừng, đối trước Phật phát tâm Bồ-đề vô thượng. Phật thọ ký cho vua: “Ở đời vị lai, đại vương sẽ được thành Phật, hiệu

là Thích-ca Mâu-ni làm lợi ích an vui cho chúng sinh nhiều không thể tính kể.”

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy nên biết, vua Già-sí lúc bấy giờ chính là Ta; các quan lúc ấy nay là các Tỳ-kheo. Nhờ công đức cúng dường Phật thời ấy, cho nên trong vô lượng kiếp Ta và các thầy không bị đọa vào địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, thường sinh lên cõi trời, cõi người, thọ hưởng sự vui sướng; cho đến ngày nay Ta đã thành Phật vì thế có trời, người đến cúng dường Ta.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



20- Truyện Trời Đế Thích Biến Hóa Vườn Trúc Ca-Lan-Đà

Một thuở nọ, Đức Phật ngự trong vườn trúc Ca-lan-đà, thuộc thành Vương xá.

Bấy giờ, trong thành có một trưởng giả tên là Cù-sa, là người có vô lượng tài bảo không tính kể được. Nhưng trưởng giả không tin Phật pháp, mà tin theo những kiến chấp tà vạy điên đảo, thờ phụng ngoại đạo.

Lúc ấy Tôn giả Đại Mục-kiền-liên quán sát thấy vị trưởng giả này vì quá tin tà kiến, e rằng khi

trưởng giả bị đọa vào ba đường thì không thể cứu được. Tôn giả sinh tâm thương xót, liền tìm cách bảo với trời Đế Thích:

– Nay ông hãy biến hóa vườn trúc Ca-lan-đà thành bảy món báu, không khác nào cung điện ở các cõi trời, treo phướn lọng và các linh báu, rải hoa thơm cõi trời trên mặt đất, các món ăn Tu-đà cõi trời tự nhiên đầy đủ để cúng dường Đức Phật và chúng Tăng; có các rồng Y-la-bát cầm phướn lọng che trên đánh Phật, lại có các vua rồng mỗi vị cũng cầm các thứ phướn lọng che cho các Tỳ-kheo, phu nhân Xá-thi dẫn theo các thể nữ, mỗi người đều cầm quạt đứng hai bên quạt hầu Đức Phật và các Thần âm nhạc Ban-già-thi-khí, cũng thổi âm nhạc cúng dường Phật.

Trưởng giả thấy cảnh tượng ấy, khen là điều chưa từng có. Từ đó, trưởng giả sinh lòng kính tin đối với Phật. Ông đến chỗ Phật, bạch Đức Phật:

– Cúi mong Đức Thế Tôn từ bi thương xót thọ nhận sự cúng dường của con. Đức Phật nhận lời. Trưởng giả trở về nhà lo sửa soạn các thức ăn uống, rồi sai người đến bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, đã dọn bày đầy đủ, cúi xin Đức Thế Tôn biết cho đã đến giờ.

Lúc ấy Thế Tôn đáp y, ôm bát dẫn đầu các Tỳ-kheo đến nhà trưởng giả thọ trai. Sau khi thọ trai, Đức Phật liền nói pháp cho trưởng giả nghe bằng

nhiều cách, tâm ý trưởng giả được mở tỏ và chứng quả Tu-đà-hoàn.

Các Tỳ-kheo thấy việc ấy, những việc thần biến và sự cúng dường như thế cho là điều lạ chưa từng có, bèn bạch Phật:

– Đời trước Đức Như Lai Thế Tôn đã gieo trồng phước đức gì, mà nay được quả báo như vậy?

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy hãy lắng nghe, Ta sẽ giải thích rõ. Thuở xưa, cách nay vô lượng kiếp, tại nước Ba-la-nại có Đức Phật ra đời hiệu là Mãn Nguyên. Một hôm, Đức Phật dẫn đầu các Tỳ-kheo đi giáo hóa chúng sinh; đến nước của vua Phạm Ma. Nghe tin Phật đến, vua và các quan ra thành đón rước.

Vua bước đến lễ dưới chân Phật và quỳ thẳng chấp tay thỉnh Phật:

– Cúi mong Đức Thế Tôn thọ nhận sự cúng dường của con.

Đức Phật liền nhận lời. Vua bèn ra lệnh cho các quan chuẩn bị trăm thức uống ăn. Sau khi thọ trai, Đức Phật liền nói pháp cho vua nghe bằng nhiều cách, vua phát tâm Bồ-đề. Đức Phật thọ ký cho vua:

– Ở đời vị lai, đại vương sẽ thành Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni, hóa độ chúng sinh nhiều không thể hạn lượng.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy nên biết, vua Phạm Ma thời ấy nay chính là Ta. Nhờ sự cúng dường Phật lúc ấy cho nên trong vô lượng kiếp Ta không bị đọa địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, thường sinh lên cõi trời, cõi người thọ hưởng sự vui sướng, cho đến ngày nay Ta đã thành Phật, vì thế mà trời, người cúng dường Ta.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



SOẠN TẬP KINH MỘT TRĂM TRUYỆN NHÂN DUYÊN

QUYỂN 3

Phẩm 3: THỌ KÝ BÍCH-CHI-PHẬT

21- Truyện Vương Tử Hóa Sinh Chứng Thành Bích-Chi-Phật

Một thuở nọ, Đức Phật ngự tại nước Ma-kiệt-đề. Ngài dẫn đầu các Tỳ-kheo lần lượt đi giáo hóa các nơi. Đến bên bờ sông Hằng, thấy một ngôi tháp cũ kỹ đổ nát, không ai tu sửa, các Tỳ-kheo bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, đây là ngôi tháp gì mà đổ nát, không người sửa sang tu bổ như thế?

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy hãy lắng nghe, Ta sẽ giải thích rõ. Trong hiện kiếp này, tại nước Ba-la-nại, có vị vua tên là Phạm-ma-đạt-đa. Vua cai trị nhân dân bằng chánh pháp, đời sống nhân dân rất sung túc, an vui, trong nước không có chiến tranh, tai dịch, tật bệnh; có nhiều voi ngựa, trâu dê, lục súc và các thứ vật báu. Tuy nhiên, vì không có con, vua phải cầu

Thần linh để mong có con mà cũng chẳng có kết quả gì.

Bấy giờ, trong vườn của vua có một cái ao, trong ao mọc lên một bông sen rất đẹp. Khi hoa nở có một đứa bé đang ngồi kiết già trên bông sen, đầy đủ ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp của bậc đại nhân, miệng phát ra mùi thơm hoa Ưu-bát-la, các lỗ chân lông trong thân có mùi hương chiên-đàn.

Khi ấy người giữ ao thuật lại việc này cho vua nghe. Nhà vua rất vui mừng, bèn cùng hậu phi đến tận nơi. Thấy đứa bé ấy, vua và hậu phi hoan hỷ khôn xiết, muốn chạy lại bồng lấy đứa bé, thì đứa bé liền nói kệ cho vua nghe:

*Đại vương thường mong cầu
Nên nay ứng nguyện vua.
Vì thấy vua không con
Nay đến làm con vua.*

Vua, hậu phi và thể nữ nghe nói thế, ai cũng vui mừng liền ẵm lấy đứa bé về hoàng cung nuôi dưỡng.

Đứa bé lớn dần và mỗi bước chân đi đều có mọc hoa sen, trong lỗ chân lông trên thân thoát ra mùi hương chiên-đàn. Do đó, vua đặt tên cho con là Chiên-đàn Hương.

Một hôm, đứa bé tự quan sát thấy mỗi dấu chân mình đều có mọc hoa sen, ban đầu thì tươi đẹp,

nhưng không bao lâu đã úa rụng, bèn tự nghĩ: “Thân ta đây rồi cũng phải chết”. Tâm ngộ được lý vô thường, nên đưa bé thành Bích-chi-phật, thân bay lên hư không, hiện mười tám thứ thần biến rồi nhập Niết-bàn.

Lúc ấy vua, hậu phi và thể nữ đều ngửa mặt lên trời mà kêu khóc. Sau đó đem thi hài Bích-chi-phật về hỏa thiêu, nhặt lấy xá-lợi, xây tháp cúng dường. Cho nên ngôi tháp này chính là ngôi tháp ngày xưa ấy.

Các Tỳ-kheo lại bạch Phật:

– Vị Bích-chi-phật ấy đời trước tu phước đức gì mà được quả báo như vậy, cúi xin Thế Tôn giải thích cho chúng con được biết.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy hãy lắng nghe, Ta sẽ giải thích rõ. Thuở xưa, cách nay vô lượng kiếp, tại nước Ba-la-nại có Đức Phật ra đời hiệu là Ca-la-ca-tôn-đà. Trong chánh pháp của Ngài, có một vị trưởng giả có vô lượng tài bảo không thể kể tính được. Sau khi trưởng giả này qua đời, vợ và con đều tự sống riêng. Người con ham mê sắc dục, có lần thấy một dâm nữ, trong lòng ham muốn nên lấy trăm lạng vàng để mua vui một đêm. Trải qua nhiều năm như vậy, tài vật dần dần cạn kiệt không còn gì nữa. Từ đó, dâm nữ từ chối mọi ham thích của người con. Khi gã nài nỉ để mua vui một đêm, thì dâm nữ nói

rằng: “Nếu anh có thể cho tôi một bông hoa đẹp, tôi sẽ bằng lòng”.

Lúc ấy người con trưởng giả suy nghĩ: “Nhà ta không còn vật gì để mua được hoa cho dân nữ, trong tháp vua hiện giờ chắc chắn có hoa đẹp, ta sẽ lấy trộm đem cho nàng và nàng sẽ phục vụ ta”. Gã muốn trộm hoa nhưng tháp có người coi giữ, nên không thể lấy được. Chàng ta bèn chui qua lỗ trống để vào tháp và trộm được hoa đem cho dân nữ. Qua một đêm hành lạc, ngày hôm sau toàn thân chàng ta đầy lở loét, gây đau đớn khổ não không thể tả. Gã liền nhờ các thầy thuốc chữa trị, họ đều nói rằng: “Cần phải có gỗ Ngưu đầu chiên-đàn để thoa lên ghẻ thì mới trị lành.”

Lúc ấy gã nghĩ rằng trong nhà chẳng còn tài vật, nên gã bèn bán ngôi nhà, được sáu mươi vạn đồng tiền vàng và mua được sáu lạng gỗ Ngưu đầu chiên-đàn trị ghẻ. Gã nói với thầy thuốc: “Căn bệnh hiện nay của tôi thuộc về tâm bệnh, các ông chỉ trị bên ngoài làm sao hết được”. Nói xong, gã bèn đem sáu lạng gỗ Ngưu đầu chiên-đàn mà mình đã mua nghiền thành bột, rồi bỏ vào trong tháp, phát thệ nguyện rộng lớn:

“Ngày xưa Đức Như Lai đã tu các khổ hạnh, thệ nguyện cứu độ làm cho chúng sinh thoát khỏi ách nạn mà họ mắc phải, nay thân con một đời đọa đầy khốn khổ, cúi xin Thế Tôn từ bi thương xót trị bệnh cho con.” Phát lời thệ ấy rồi, người con

trưởng giả liền lấy hai lạng chiên-đàn bột để bồi thường cho bông hoa trị giá hai lạng và tận lòng cúng dường hai lạng tô bên tháp để cầu xin sám hối.

Lúc ấy các mọt ghẻ liền được trị lành, các lỗ chân lông thoáng ra mùi thơm hương chiên-đàn. Nghe hương thơm ấy, người con trưởng giả vui mừng khôn xiết, phát nguyện rời ra đi.

Nhờ công đức ấy, nên người con trưởng giả không bị đọa vào đường ác, thường sinh lên cõi trời, cõi người đều có mọc lên hoa sen đẹp đẽ, các lỗ chân lông luôn tỏa mùi thơm hương chiên-đàn.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy nên biết, con của vị trưởng giả dùng bột chiên-đàn tô tháp cúng dường thời ấy, nay chính là vị Bích-chi-phật kia.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



22- Truyện Một Đứa Trẻ Rải Hoa Cúng Đường Phật

Một thuở nọ, Đức Phật ngự tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn đắp y ôm bát, dẫn đầu các Tỳ-kheo vào thành khất thực. Khi Đức

Phật và chúng Tăng vào một con hẻm, thì thấy một người đàn bà đang ôm đứa trẻ ngồi dưới đất. Từ xa, đứa trẻ thấy Phật, trong lòng vui mừng xin mẹ mua hoa, mẹ liền mua cho.

Đứa trẻ được hoa, bèn mang đến chỗ Phật, rải lên mình Ngài cúng dường. Trong không trung các hoa này biến thành lọng hoa; mỗi bước chân Phật đi đứng lọng hoa cũng theo che chở Phật không rời. Đứa trẻ thấy sự diễn biến như vậy rất vui mừng, phát thệ nguyện rộng lớn:

– Nguyện nhờ công đức căn lành cúng dường này, khiến đời vị lai con được thành Bạc Chánh Giác, hóa độ chúng sinh như Phật không khác.

Nghe đứa trẻ phát nguyện xong, Phật liền mỉm cười. Từ khuôn mặt Phật phát ra ánh sáng năm màu, ánh sáng này nhiều Phật ba vòng rồi trở lại nhập vào đảnh Đức Phật.

Bấy giờ Tôn giả A-nan bước ra bạch Phật:

– Như Lai là Bạc đáng tôn kính, Ngài không bao giờ mỉm cười một cách vô cớ, vậy có việc gì khiến Như Lai mỉm cười như vậy? Cúi xin Ngài giải thích cho chúng con được biết.

Đức Phật bảo A-nan:

– Nay ông có thấy đứa trẻ rải hoa cúng dường Ta không?

A-nan bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, con có thấy.

Đức Phật dạy:

– Đứa trẻ rải hoa cúng dường Ta này, ở đời vị lai không bị đọa vào đường ác, thường sinh lên cõi trời, cõi người, thọ hưởng sự vui sướng. Ba a-tăng-kỳ kiếp nữa, đứa bé ấy sẽ thành Phật hiệu là Hoa Thanh, hóa độ chúng sinh nhiều không thể tính lường. Vì vậy nên Ta mỉm cười.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



23- Truyện Một Phụ Nữ Rải Vật Báu Cúng Dường Đức Phật

Một thuở nọ, Đức Phật ngự tại vườn trúc Ca-lan-đà, trong thành Vương xá.

Bấy giờ, trong nước có một người dẫn đầu đoàn lái buôn tên là Phù Hải. Một hôm Phù Hải cùng những người đi buôn ra biển để tìm châu báu. Người dẫn đầu đoàn người lái buôn có người vợ trẻ, dung mạo xinh đẹp, vì thương nhớ chồng nên đêm ngày buồn nhớ, mong chồng mau trở về. Một hôm, người vợ đến một đền thờ Thiên thần Na-la-diên cầu nguyện:

– Nếu trời có linh thiêng thì không trái lời cầu nguyện của con người; vậy Thần hãy giúp cho chồng tôi sớm trở về an ổn, tôi sẽ đền ân Ngài bằng vàng bạc, chuỗi anh lạc. Nhưng nếu chồng tôi

không về, tôi sẽ đem phần tiêu bất tịnh để hủy nhục Thần linh.

Người phụ nữ nguyện như thế rồi, mấy ngày sau, quả đúng như lời nguyện, người chồng an ổn trở về. Người vợ rất vui mừng, cùng các người hầu, đem vàng bạc, chuỗi anh lạc, vòng xuyên đến ngôi đền thờ trời. Đi giữa đường, người phụ nữ ấy gặp Đức Phật dẫn đầu các Tỳ-kheo đang trên đường vào thành Vương xá. Bấy giờ người phụ nữ thấy Đức Phật có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, ánh sáng soi chiếu như trăm ngàn mặt trời; trong lòng vui mừng, muốn rải vàng bạc, chuỗi anh lạc lên thân Phật cúng dường.

Lúc ấy các người hầu bảo đây không phải là trời Na-la-diên và ngăn cản không cho người nữ ấy cúng dường, nhưng người phụ nữ không nghe, vẫn rải anh lạc lên thân Phật cúng dường. Trên hư không anh lạc biến thành lọng báu; theo bước chân Phật đi đứng, lọng báu ấy cũng theo che chở không rời.

Thấy sự biến hóa ấy, người phụ nữ càng sinh lòng kính tin, bèn gieo năm vốc sát đất và phát thệ nguyện rộng lớn:

– Nay con đem công đức căn lành rải anh lạc cúng dường Phật, khiến ở đời vị lai con được thành Chánh giác, hóa độ khắp chúng sinh như Đức Phật không khác.

Người phụ nữ phát nguyện xong, Đức Phật liền mỉm cười. Từ khuôn mặt Phật phát ra ánh sáng năm màu, ánh sáng này nhiều Đức Phật ba vòng rồi trở lại nhập vào đánh Phật.

Bấy giờ Tôn giả A-nan bước ra bạch Phật:

– Như Lai là Bậc đáng tôn trọng, Ngài không bao giờ mỉm cười một cách vô cớ, vậy có việc gì khiến Như Lai mỉm cười? Cúi xin Ngài giải thích cho chúng con được biết.

Đức Phật hỏi A-nan:

– Nay ông có thấy người phụ nữ rải vàng bạc, chuỗi anh lạc cúng dường Ta không?

A-nan bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, con có thấy.

Phật dạy:

– Người phụ nữ này, ở đời vị lai không bị đọa vào đường ác, được sinh lên cõi trời, cõi người, thọ hưởng sự vui sướng. Mười ba kiếp nữa, nàng sẽ thành Phật hiệu là Kim Luân Anh Lạc, hóa độ chúng sinh nhiều không thể tính lường. Vì vậy nên Ta mỉm cười.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



Bổn xển

Một thuở nọ, Đức Phật ngự tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, trong thành có một thể nữ hậu cung của vua Ba-tư-nặc, tên là Thiện Ái, tuổi đã già nua, nhưng rất tham lam, bổn xển, không thích bố thí, chỉ muốn để mình hưởng thụ.

Khi ấy, vì muốn hóa độ bà nên một hôm Tôn giả Đại Mục-kiền-liên mặc y, ôm bát, dùng năng lực thần thông từ dưới đất vọt lên đứng trước mặt lão bà để khát thực.

Bà lão nổi giận không chịu bố thí. Ăn xong, còn một ít trái cây hư thối và nước rửa chén không uống được, khi Ngài Mục-kiền-liên xin, bà tức giận cho ngay. Ngài Mục-kiền-liên nhận rồi bay lên hư không, hiện ra mười tám thứ thần biến.

Bà lão thấy sự biến hóa liên sinh tâm kính tin, thành tâm quy y sám hối. Ngay trong đêm ấy, bà qua đời, tái sinh làm người ở dưới một gốc cây ngoài đồng trống, hằng ngày ăn trái cây, uống nước để sống.

Một thời gian sau, một hôm vua Ba-tư-nặc cùng các quan đi dạo chơi săn bắn. Khi đuổi theo bầy nai, đoàn người đói khát gần chết, từ xa thấy có bóng cây, mọi người hy vọng có thể tìm nước uống. Đoàn người nhắm hướng đó thẳng tới. Cách bóng cây không xa, họ thấy có ánh lửa. Vua không

cho các quan đến gần. Từ xa thấy có người ngồi dưới gốc cây, vua liền hỏi vọng tới:

– Người là ai mà ở dưới gốc cây vậy?

Người kia đáp:

– Tôi là thể nữ ở hậu cung của vua Ba-tư-nặc tuổi đã già nua, tên là Thiện Ái. Vì không thích ra ân bố thí nên khi chết đi tôi thác sinh ở đây. Cúi mong đại vương rủ lòng thương hãy vì tôi mà thỉnh Đức Phật và chúng Tăng cúng dường, giúp tôi thoát được tâm thân xấu ác này.

Vua hỏi:

– Tôi làm việc phước hồi hướng cho bà, biết bà có được hưởng không?

Người kia đáp:

– Hễ làm phước thì được, chính đại vương sẽ thấy.

Nghe nói thế, vua Ba-tư-nặc ra lệnh cho binh lính lui ra xa một trăm bước, chỉ lưu lại một người để xem có gì báo lại. Còn vua trở lại hoàng cung lo việc thiết trai thỉnh Đức Phật và chúng Tăng cúng dường. Nếu kẻ kia được hưởng phước, thì có binh lính sẽ mau báo về cho vua hay hư thật thế nào.

Vua sắp sửa thức ăn cúng dường rồi thỉnh Đức Phật và chúng Tăng chú nguyện xong. Tự nhiên thức ăn đủ các vị ngon hiện ra trước mặt người kia.

Lúc ấy vua Ba-tư-nặc mới biết là thật, càng

thêm kính tin Phật. Đức Phật bèn nói pháp cho vua nghe, vua được chứng quả Tu-đà-hoàn.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



25- Truyện Trưởng Giả Hàm Hương Thỉnh Phật

Một thuở nọ, Đức Phật ngự tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, trong thành có một vị trưởng giả tên là Hàm Hương, là người có vô lượng tài bảo, không thể tính kể; bầm tính hiền nhu, biết kính tin Tam bảo. Ông thường tự suy nghĩ: “Thân ta và những tài sản vật báu vốn là hư vọng không thật, như bóng trăng dưới nước, bóng nắng lúc trời nắng... không thể giữ được lâu bền”. Nghĩ vậy xong, trưởng giả đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Ngài rồi lui đứng sang một bên, bạch:

– Con muốn thiết trai cúng dường Đức Phật và chúng Tăng, cúi xin Phật nhận lời.

Đức Phật liền nhận lời. Trưởng giả trở về nhà, sửa soạn các thức ăn ngon rồi nhờ người đến bạch Phật:

– Thức ăn đã dọn bày đầy đủ, cúi xin Đức Phật biết cho đã đến giờ.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn đáp y, ôm bát dẫn đầu các Tỳ-kheo đến nhà vị trưởng giả thọ trai.

Đức Phật và chúng Tăng thọ trai xong, trưởng giả rất vui mừng; ông ngồi trên chiếc ghế nhỏ đối trước Phật khao khát được nghe pháp. Đức Phật liền nói pháp cho trưởng giả nghe bằng nhiều cách. Tâm ý trưởng giả được mở tỏ, nhân đó trưởng giả phát thệ nguyện rộng lớn:

– Nguyện đem công đức căn lành cúng dường này, đời sau con được thành Chánh giác, độ khắp chúng sinh như Đức Phật không khác.

Trưởng giả phát nguyện xong, Đức Phật liền mỉm cười. Từ trên mặt Phật phát ra ánh sáng năm màu, ánh sáng này nhiều quanh Đức Phật ba vòng rồi trở lại nhập vào đánh Phật.

Bấy giờ Tôn giả A-nan bạch Phật:

– Như Lai là Bậc đáng tôn trọng, Ngài không bao giờ mỉm cười một cách vô cớ, vậy có việc gì khiến Như Lai mỉm cười? Cúi xin Ngài nói rõ cho chúng con được biết.

Đức Phật hỏi A-nan:

– Nay ông có thấy trưởng giả Hàm Hương sắm sửa các món ăn ngon cúng dường Đức Phật và chúng Tăng không?

A-nan bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, con có thấy.

Đức Phật dạy:

– Nhờ công đức căn lành cúng dường này, nên trong chín mươi kiếp ở đời vị lai trưởng giả không

bị đọa vào địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, được sinh lên cõi trời, cõi người, thọ hưởng sự vui sướng và thân sâu sau cùng được thành Bích-chi-phật, hiệu là Hàm Hương, hóa độ chúng sinh nhiều không thể tính lường. Vì vậy nên Ta mỉm cười.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



26- Truyện Người Lái Đò Đưa Đức Phật Và Chúng Tăng Qua Sông

Một thuở nọ, Đức Phật ngự tại nước Ma-kiệt-đề.

Bảy giờ, Đức Phật dẫn đầu các Tỳ-kheo lần lượt đi khắp nơi để hóa độ chúng sinh. Khi đến bên bờ sông Hằng, thấy một người lái đò đang đậu thuyền ở bên sông, Đức Phật bảo người lái đò:

– Ông hãy giúp Ta và chư Tăng qua sông.

Người lái đò bảo:

– Ngài phải trả tiền cho tôi, tôi mới đưa Ngài sang sông.

Đức Phật nói:

– Ta cũng là người đưa đò trong ba cõi, Ta và ông cùng nhau cứu vớt chúng sinh khỏi biển sinh tử, chẳng vui hay sao? Như Ương-quật-ma-la là người nặng về giận dữ, giết hại nhân dân mà Ta

còn cứu vớt khỏi biển sinh tử; như Ma-na-đáp-đà là người rất kiêu mạn, khinh rẻ kẻ khác, Ta cũng cứu độ ra khỏi biển sinh tử; lại như Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp là người nặng về ngu si có trí tuệ, Ta cũng cứu độ ra khỏi biển sinh tử... Vô lượng chúng sinh không thể tính kể như thế, Ta cũng đều cứu độ họ ra khỏi biển sinh tử, mà hoàn toàn không đòi hỏi nơi họ điều gì. Vậy giờ đây vì sao ông trước đòi hỏi cho mình rồi sau mới chịu đưa người sang sông?

Đức Thế Tôn dùng mọi cách nói pháp như thế cho người lái đò nghe, nhưng ông ta vẫn khư khư không chịu đưa Đức Phật và các Tỳ-kheo sang sông. Cùng lúc ấy tại bến đò phía dưới cũng có một người lái đò. Nghe lời Phật dạy, trong tâm vui mừng, bước đến bạch Phật:

— Con mong được đưa Đức Phật và chúng Tăng qua sông.

Đức Phật liền chấp nhận. Người lái đò liền chuẩn bị, rồi thỉnh chư Tăng xuống thuyền.

Lúc ấy các Tỳ-kheo, vị thì ở trên hư không, vị thì ở giữa dòng, vị thì qua đến bờ bên kia... Những người lái đò thấy Đức Phật và chúng Tăng hiện các thứ biến hóa như vậy, rất sinh tâm kính tin, khen là việc chưa từng có, bèn kính lễ Đức Phật và chúng Tăng. Đức Phật liền nói pháp cho họ nghe bằng mọi cách, tâm ý họ được mở tỏ, chứng được quả Tu-đà-hoàn.

Người lái đò đòi tiền công lúc này thấy người lái đò sau đã đưa Đức Phật và chúng Tăng qua sông, lại thấy các việc biến hóa nên trong tâm rất hổ thẹn, liền gieo năm vốc sát đất, thành kính quy y, sám hối trước Phật và muốn thỉnh Đức Phật và chúng Tăng cúng dường.

Đức Phật liền nhận lời, người lái đò trở về nhà sắm sửa các thức ăn ngon, tự tay dâng thức ăn cúng dường Đức Phật và chúng Tăng. Đức Phật và các chư Tăng thọ trai xong, người lái đò ngồi trên chiếc ghế nhỏ ở trước Phật, khao khát được nghe pháp.

Đức Phật liền nói pháp cho người lái đò bằng mọi cách. Tâm ý được mở tỏ, nhân đó người lái đò phát thệ nguyện:

– Với công đức căn lành cúng dường này, con nguyện đời vị lai con được thành Chánh giác, hóa độ khắp chúng sinh như Phật không khác.

Người lái đò phát nguyện xong, Đức Phật liền mỉm cười. Từ trên mặt Đức Phật phát ra ánh sáng năm màu, ánh sáng này chiếu quanh Phật ba vòng rồi trở lại nhập vào đỉnh Phật.

Bấy giờ Tôn giả A-nan bạch Phật:

– Như Lai là bậc đáng tôn trọng, Ngài không bao giờ mỉm cười một cách vô cớ, vậy có việc gì khiến cho Như Lai mỉm cười? Cúi xin Ngài giải thích cho chúng con được biết.

Đức Phật hỏi A-nan:

– Nay ông có thấy người lái đò hồ thẹn, tự trách lỗi lầm của mình, đã thiết trai cúng dường Đức Phật và chúng Tăng để sám hối không?

A-nan bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, con có thấy.

Đức Phật dạy:

– Người lái đò kia, nhờ công đức sám hối thiết trai cúng dường, nên đời vị lai trải qua mười ba kiếp không bị đọa địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ; được sinh lên cõi trời, cõi người, thọ hưởng sự vui sướng và thân sau cùng được thành Bích-chi-phật, hiệu là Độ Sinh Tử Hải, hóa độ chúng sinh nhiều không thể tính lường. Vì vậy nên Ta mỉm cười.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



27- Truyện Người Tớ Gái Xoa Hương Chiên-Đàn Lên Chân Phật

Một thuở nọ, Đức Phật ngự tại vườn trúc Ca-lan-đà, trong thành Vương xá.

Bấy giờ, trong thành có một vị trưởng giả có một đứa tớ gái, bản tính hiền lành, biết kính tin Tam bảo.

Có lần, người nhà bảo người tớ gái nghiền hương chiên-đàn, cô tạm thời ra ngoài. Gặp Đức

Phật Thế Tôn, đắp y ôm bát dẫn đầu các Tỳ-kheo vào thành khát thực, người tứ gái rất vui mừng, liền trở vào nhà lấy ít bột chiên-đàn đem thoa lên chân Phật.

Lúc ấy Phật dùng thần lực khiến mây hương chiên-đàn bay tỏa bao trùm khắp thành Vương xá. Người tứ gái thấy sự biến hóa ấy càng sinh tâm kính tin, liền gieo năm vốc sát đất. Nhân đó nàng phát thệ nguyện:

– Với công đức cúng dường mùi hương này, con nguyện đời sau được thoát khỏi hẳn cảnh nghèo khổ thấp hèn sớm thành Chánh giác, hóa độ khắp chúng sinh như Đức Phật không khác.

Người tứ gái phát nguyện xong, Đức Phật liền mỉm cười. Từ mặt Phật phát ra ánh sáng năm màu, ánh sáng này nhiễu quanh Phật ba vòng rồi trở lại nhập vào đỉnh Phật.

Bấy giờ Tôn giả A-nan bạch Phật:

– Như Lai là Bậc đáng tôn trọng, Ngài không bao giờ mỉm cười một cách vô cớ, vậy có việc gì khiến cho Như Lai mỉm cười? Cúi xin Ngài giải thích cho chúng con được biết.

Đức Phật hỏi A-nan:

– Ông có thấy người tứ gái của trưởng giả xoa hương chiên-đàn lên chân Ta không?

A-nan bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, con có thấy.

Đức Phật dạy:

– Nhờ công đức căn lành xoa hương chiên-đàn lên chân Ta, nên người tứ gái ấy, trong chín mươi kiếp ở đời vị lai thân thể được thơm sạch; không bị đọa vào địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ; được sinh lên cõi trời, cõi người thường thọ hưởng sự vui sướng và thân sau cùng được thành Bích-chi-phật, hiệu là Chiên-đàn Hương, hóa độ chúng sinh nhiều không thể tính lường. Vì vậy nên Ta mỉm cười.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



28- Truyện Người Nghèo Bạt-Đề Bỏ Thí Củi Cho Phật

Một thuở nọ, Đức Phật ngự tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, trong thành có một người nghèo khổ tên là Bạt-đề, sinh sống bằng cách trông coi vườn tược cho người. Một hôm, người nghèo này gánh củi vào thành bán. Khi vào cửa thành anh gặp một Hóa nhân. Hóa nhân nói:

– Nếu người có thể đem củi này cho ta, ta sẽ cho nhà người trăm món thức ăn.

Người nghèo khổ nghe vị Hóa nhân nói vậy, trong lòng mừng rỡ và đem củi cho Hóa nhân.

Lúc ấy Hóa nhân bảo:

– Nay ngươi hãy đem củi này đi theo ta đến tỉnh xá Kỳ hoàn. Ta sẽ cho các món thức ăn ngon.

Người nghèo liền theo Hóa nhân đến Kỳ hoàn, thấy Phật với ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp, ánh sáng chiếu soi như trăm ngàn mặt trời. Anh ta rất vui mừng, bước đến đánh lễ dưới chân Đức Phật rồi hiến cúng số củi cho Phật.

Đức Phật nhận củi rồi cắm xuống đất, Ngài dùng thần lực khiến củi khô trong phút chốc đã mọc cành sinh lá, hoa quả sum suê kết thành chùm rất đẹp, chẳng khác nào cây Ni-câu-đà.

Bấy giờ Đức Thế Tôn ngồi kiết già dưới gốc cây ấy, giảng nói pháp mầu cho trăm ngàn muôn trời người.

Người nghèo thấy vậy, trong lòng vui mừng, liền gieo năm vốc sát đất, phát thệ nguyện rộng lớn:

– Nguyện đem công đức bố thí củi cho Phật này, khiến đời vị lai con được thành Chánh giác, hóa độ khắp chúng sinh như Đức Phật không khác.

Người nghèo phát nguyện xong, Đức Phật liền mỉm cười. Từ trên mặt Phật phát ra ánh sáng năm màu, ánh sáng này chiếu quanh Đức Phật ba vòng rồi trở lại nhập vào đánh Phật.

Bấy giờ Tôn giả A-nan bước tới bạch Phật:

– Như Lai là Bậc đáng tôn trọng, Ngài không

bao giờ mỉm cười một cách vô cớ, vậy có việc gì khiến Như Lai mỉm cười như vậy? Cúi xin Thế Tôn giải thích cho chúng con được biết.

Đức Phật hỏi A-nan:

– Ông có thấy người giữ vườn nghèo khổ bố thí củi cho Ta không?

A-nan bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, con có thấy.

Đức Phật dạy:

– Nhờ công đức căn lành bố thí củi cho Ta với tâm kính tin, cho nên ở đời vị lai trong mười ba kiếp người nghèo này không bị đọa vào địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ; được sinh lên cõi trời, cõi người, thường thọ hưởng sự vui sướng và thân sau cùng được thành Bích-chi-phật, hiệu là Ly Cấu, hóa độ chúng sinh nhiều không thể tính lường. Vì vậy nên Ta mỉm cười.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



29- Truyện Về Việc Trỗi Nhạc Cúng Đường Được Chứng Thành Bích-Chi-Phật

Một thuở nọ, Đức Phật ngự trong khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ các trưởng giả giàu có trong nước này

đều chung diện, mặc y phục đẹp, đeo chuỗi anh lạc vàng xuyên, đem theo hương hoa đến, trỗi kỹ nhạc cùng nhau tụ họp, định ra ngoài thành để du ngoạn vui chơi. Khi vừa đến cửa thành, các trưởng giả gặp Thế Tôn dẫn đầu các Tỳ-kheo đắp y, ôm bát vào thành khất thực. Các trưởng giả thấy Đức Phật Như Lai có ánh sáng rực rỡ, với ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp, ánh sáng chiếu soi như trăm ngàn mặt trời. Ai nấy đều vui mừng, đánh lễ dưới chân Phật, tấu trỗi âm nhạc để cúng dường Đức Phật và chúng Tăng. Mỗi người đều tung rải các thứ hoa mình mang theo lên thân Đức Phật để cúng dường. Ở trên không trung, các hoa này biến thành lọng hoa, Đức Phật dùng thần lực biến lọng hoa ấy trùm khắp thành Xá-vệ.

Các trưởng giả thấy việc biến hóa như vậy, đều khen là việc chưa từng có, liền gieo năm vóc sát đất, nhân đó phát thệ nguyện:

– Với công đức căn lành tấu trỗi âm nhạc này, nguyện cho đời sau chúng con được thành Chánh giác, độ khắp chúng sinh như Đức Phật không khác.

Các trưởng giả phát nguyện xong, Đức Phật liền mỉm cười. Từ trên mặt Phật phát ra ánh sáng năm màu, ánh sáng này nhiễu quanh Đức Phật ba vòng rồi trở lại nhập vào đánh Phật.

Lúc ấy Tôn giả A-nan bạch Phật:

– Như Lai là Bậc đáng tôn trọng, Ngài không bao giờ mỉm cười một cách vô cớ, vậy có việc gì khiến cho Như Lai mỉm cười như vậy? Cúi xin Ngài giải thích rõ cho chúng con được biết.

Đức Phật hỏi A-nan:

– Ông có thấy các trưởng giả này hay không?

A-nan bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, con có thấy.

– Nhờ công đức căn lành tâu trời âm nhạc, rải hoa cúng dường này cho nên trong một trăm kiếp ở đời vị lai các trưởng giả này không bị đọa địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ; được sinh lên cõi trời, cõi người, thường thọ hưởng sự vui sướng và thân sau cùng tất cả đều thành Bích-chi-phật, đều đồng một hiệu là Diệu Thanh, hóa độ chúng sinh nhiều không thể tính lường. Vì vậy nên Ta mỉm cười.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



30- Truyện Tên Cướp Ác Nô

Một thuở nọ, Đức Phật ngự trong khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, trong thành có một người ngu tên là Ác Nô. Ác Nô rình rập đó đây, cướp giết của cải người khác để sinh sống. Có một vị Tỳ-kheo đang

ngồi thiền, hành đạo ngoài gò mả. Sắp đến giờ ăn, thầy Tỳ-kheo này đắp y, ôm bát vào thành khát thực. Lúc ấy có vị trưởng giả thấy vị Tỳ-kheo có oai nghi khoan thai nên sinh tâm kính tin, liền vào nhà lấy một xấp vải cúng dường vị ấy.

Trở về nơi gò mả, thầy Tỳ-kheo gặp tên cướp kia. Thấy Tỳ-kheo đang cầm xấp vải đi tới, tên cướp theo hỏi xin. Thầy Tỳ-kheo liền cầm xấp vải đưa cho Ác Nô. Ngày hôm sau, tên cướp trở lại hỏi xin vải nữa và vị Tỳ-kheo cũng cho vải. Đến ngày thứ ba, khi thầy Tỳ-kheo đi khát thực vừa về đến nơi, thì kẻ cướp lại đòi xin bình bát.

Lúc ấy thầy Tỳ-kheo suy nghĩ: “Ta chỉ có một cái bình bát dùng để khát thực nuôi mạng sống, thế mà tên cướp này cũng muốn xin. Thật là tham lam quá sức! Bây giờ, ta phải bày kế truyền pháp Tam quy cho hắn, nhằm sửa trị và để hắn không còn đến quấy nhiễu nữa”.

Nghĩ xong, thầy Tỳ-kheo liền nói với tên cướp:

– Hãy đợi tôi nghỉ một chút rồi sẽ cho bình bát.

Tên cướp nghe vị Tỳ-kheo nói vậy, đành phải ngồi chờ.

Lúc ấy thầy Tỳ-kheo dùng dây giăng bẫy, đầu dây hướng vào phía trong và nói với Ác Nô:

– Bây giờ, ta mệt quá không thể ngồi dậy, người hãy đưa tay vào trong này, ta sẽ trao bát cho.

Tên cướp nghe nói liền đưa tay vào trong. Tỳ-

kheo ở bên trong giết dây và bắt được Ác Nô trói vào chân giường rồi ra ngoài lấy cây đánh, nói rằng:

– Gậy thứ nhất là quy y Phật.

Tên cướp đau điếng, hồi lâu mới hết. Thầy Tỳ-kheo quở trách bằng mọi cách rồi lại đánh, nói tiếp:

– Gậy thứ hai là quy y Pháp.

Ác Nô bị roi này còn đau hơn nữa, đau đến chết ngất, hồi lâu mới tỉnh lại. Vị Tỳ-kheo tiếp tục quở trách, đánh gậy thứ ba và nói:

– Gậy thứ ba là quy y Tăng.

Lúc ấy Ác Nô thầm nghĩ: “Hôm nay, ta bị trận đòn thâm thía, đau không thể chịu nổi. Nếu ta không cúi đầu, thì vị Tỳ-kheo sẽ truyền cho phép quy y thứ tư nữa, chắc ta phải chết”.

Nghĩ vậy, tên cướp liền xin tạ tội. Khi ấy thầy Tỳ-kheo liền thả cho về.

Ác Nô liền chạy đến chỗ Đức Phật, lớn tiếng nói:

– Thế Tôn thật Đại từ bi dạy các Tỳ-kheo chỉ truyền cho con ba phép quy y, nên con khỏi chết. Chứ nếu thọ bốn quy y, chắc chắn con phải chết không nghi ngờ gì, thì còn đâu nữa mà quy y.

Bấy giờ Thế Tôn biết tâm niệm Ác Nô đã được điều phục, Ngài liền nói pháp cho nghe. Tâm ý Ác Nô được mở tỏ, chứng quả Tu-đà-hoàn và xin Phật xuất gia.

Lúc ấy Đức Phật bèn gọi:

– Lành thay, Tỳ-kheo!

Ác Nô râu tóc tự rụng, thân mặc pháp phục trở thành Sa-môn, siêng năng tu tập và chứng quả La-hán, đầy đủ ba minh, sáu phép thần thông và tám pháp giải thoát; được trời, người kính trọng.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



SOẠN TẬP KINH MỘT TRĂM TRUYỆN NHÂN DUYÊN

QUYỀN 4

Phẩm 4: BỒ-TÁT XUẤT SINH

31- Truyện Vua Liên Hoa Bồ Thân Làm Loài Xích Ngư

Một thuở nọ, Đức Phật ngự trong khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, vào mùa thu, mùa cây trái đang rộ chín. Đức Thế Tôn dẫn đầu các Tỳ-kheo vào các thôn xóm, ăn phải các loại dưa trái, không tiêu hóa được, phần nhiều bị bệnh sốt rét, các thứ bệnh khác phát sinh, nên không thể ngồi thiền, đọc tụng, hành đạo.

Lúc ấy Tôn giả A-nan bạch Phật:

— Đời trước Như Lai Thế Tôn đã tạo phước đức gì, mà nay ăn món ăn nào cũng đều tiêu hóa được, thân không bệnh khổ; uy nhan Thế Tôn lại càng tươi nhuận như thế?

Đức Phật bảo A-nan:

— Ta tự nhớ thuở xưa, đã tu hành Từ bi, hòa hợp

thuốc thang để bố thí chúng sinh. Vì vậy mà Ta được quả báo không bệnh, hề ăn các thức ăn nào cũng tiêu hóa được, không bị các bệnh khổ.

A-nan lại bạch Phật:

– Kính bạch Thế Tôn, việc thuở xưa như thế nào? Cúi xin Phật giải thích cho chúng con được biết.

Đức Phật bảo A-nan:

– Ông hãy lắng nghe, Ta sẽ giải thích rõ. Thuở xưa, tại nước Ba-la-nại có vị vua tên là Liên Hoa. Vua cai trị dân chúng bằng chánh pháp. Đời sống nhân dân sung túc, an vui. Trong nước không có chiến tranh, không có sự chinh phạt lẫn nhau. Dân chúng nuôi nhiều ngựa voi, trâu dê, lục súc, trồng nhiều mía, nho và các thứ dưa trái. Nhưng vì người dân nước ấy tham ăn nhiều, nên không tiêu hóa được và sinh ra các thứ bệnh.

Dân chúng mắc bệnh dều đổ nhau đến chỗ vua, xin thuốc trị bệnh. Vua Liên Hoa thấy các người bệnh, sinh tâm Đại bi, cho mời các thầy thuốc đến, ra lệnh bốc thuốc để bố thí cho dân chúng. Nhưng số người bệnh ngày càng nhiều, không thể chữa trị hết, vua Liên Hoa quở trách các thầy thuốc: “Vì duyên có gì mà các khanh không trị bệnh cho dân chúng, để họ phải đến cầu ta”.

Các thầy thuốc đáp: “Vì thuốc thang không đủ vị, nên không trị được. Hiện nay chúng thần mắc

bệnh còn không tự chữa trị được huống chi chữa trị cho người khác.”

Vua Liên Hoa nghe các thầy thuốc nói như thế, trong lòng buồn bã, hỏi các thầy thuốc: “Vậy còn thiếu món gì?”

Các thầy thuốc đáp: “Người bệnh nhân có máu thịt của loài Xích ngư để ăn thì bệnh mới lành. Các thầy thuốc chúng thần đã tìm khắp nơi, nhưng không đâu có được loài cá ấy. Do đó người bệnh ngày càng nhiều và người chết ngày càng đông.”

Lúc ấy vua Liên Hoa tự nghĩ: “Hiện nay, Xích ngư không câu được, ta nguyện làm loài cá ấy để trị các thứ bệnh cho chúng sinh.” Nghĩ xong, vua gọi thái tử và các quan, phán bảo: “Nay, ta giao đất nước này cho các khanh, hãy cùng nhau cai trị dân chúng thật tốt và không được làm oan ức họ.”

Thái tử và các quan nghe vua nói, trong lòng ghen ngào, thương cảm khóc lóc và buồn bã vô cùng. Họ đồng tâu vua: “Chúng thần và thái tử đã làm điều gì không phải, khiến cho đại vương phải thốt ra những lời cay đắng như vậy.”

Lúc ấy vua Liên Hoa bảo thái tử và các quan: “Cho đến nay, ta không thấy các khanh có lỗi lầm gì. Chỉ vì dân chúng trong nước mắc nhiều chứng bệnh khổ, phần đông bị chết, họ cần được ăn máu thịt của loài Xích ngư, thì bệnh mới khỏi được. Vì vậy ta muốn xả thân này để làm loài Xích ngư trị

bệnh cho dân chúng, nên hôm nay ta gọi các khanh đến để giao phó đất nước.”

Lúc ấy thái tử và các quan nghe vua nói, đều kêu trời mà than khóc, thật bi thảm nghẹn ngào, chạy đến ôm lấy chân vua mà than: “Bấy lâu, chúng thần nhờ đại vương xót thương che chở; đất nước giàu mạnh, nhân dân thịnh vượng, nhờ ân đại vương mà sống còn, cứ sao trong một sớm đại vương lại bỏ chúng thần mà ra đi.”

Vua Liên Hoa đáp: “Điều ta làm hôm nay cũng vì dân chúng, tại sao các khanh lại cố ngăn cản?”

Lúc ấy thái tử và các quan can ngăn vua bằng mọi cách, nhưng không thể lay chuyển được ý vua.

Sau đó, vua Liên Hoa cầm hương hoa lên lầu cao, hướng về bốn phương làm lễ, phát thệ nguyện rộng lớn: “Tôi bỏ thân này, nguyện làm loài Xích ngư lớn trong con sông ở nước Ba-la-nại. Nếu có ai ăn thịt cá này, thì các bệnh đều lành.”

Vua phát nguyện xong, từ trên lầu cao gieo mình xuống đất và chết tại chỗ, sinh vào sông kia làm thân Xích ngư.

Lúc ấy dân chúng nghe dưới dòng sông kia có con Xích ngư rất to, ai nấy đều đem búa rìu tranh nhau tới chặt lấy, được ăn máu tươi của loài cá này, dân chúng đều được hết bệnh. Trên thân Xích ngư, chỗ nào thịt bị cắt đi, thì liền sinh thịt khác đầy đặn trở lại. Cứ như vậy, dần dà trong mười hai năm,

Xích ngư cung cấp máu thịt cho chúng sinh, mà không một mảy may sinh tâm ăn năn. Khi chết, Xích ngư được sinh lên cõi trời Đao-lợi.

Đức Phật bảo A-nan:

– Ông nên biết vua Liên Hoa lúc bấy giờ, nay chính là Ta hiện nay. Do bỏ thân để cứu mạng chúng sinh, nên trong vô lượng đời, Ta không hề bị bệnh khổ; cho đến ngày nay Ta đã thành Phật.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



32- Truyện Vua Phạm Dự Bồ Thí Thóc Gạo Cho Bà-La-Môn

Một thuở nọ, Đức Phật ngự tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ các Tỳ-kheo bước ra bạch Phật:

– Hôm nay, vì sao Như Lai thường khen ngợi công đức bồ thí là không thể tính lường. Bạch Đức Thế Tôn, chẳng hay việc ấy như thế nào? Chúng con mong muốn được nghe.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy hãy lắng nghe, Ta sẽ giải thích rõ. Ta nhớ thuở xưa, cách nay vô lượng kiếp tại nước Ba-la-nại, vua nước ấy tên là Phạm Dự. Vua Phạm Dự cai trị nhân dân bằng chánh pháp, do đó mà đất nước mạnh giàu, đời sống nhân dân sung túc và an vui. Ngoài ra dân chúng còn nuôi nhiều voi ngựa,

trâu dê, lục súc.

Lúc ấy trong nước có một vị Bà-la-môn rất giỏi về xem tướng. Bà-la-môn này tâu với vua: “Trên bầu trời của nước ta hôm nay có sao hỏa xuất hiện, trời sẽ nắng hạn trong mười hai năm. Do đó, lúa thóc không thu hoạch được, dân chúng sẽ bị đói khổ.”

Vua Phạm Dự nghe nói, trong lòng rất lo buồn, suy nghĩ: “Ta phải làm thế nào để cứu giúp mạng sống của dân chúng?”, liền ra lệnh cho các giáo sư toán học hãy tính xem trong kho còn bao nhiêu lúa thóc, dân chúng được bao nhiêu người, mỗi người được bao nhiêu lúa thóc.

Lúc ấy các giáo sư toán học vâng lệnh vua, tính toán rồi tâu lên vua: “Mỗi người dân được một thăng thóc, số thóc chỉ đủ cung cấp trong sáu năm, số người chết rất nhiều, chỉ một mình vua có được hai thăng thóc.”

Bấy giờ có một Bà-la-môn từ phía sau đi đến, tâu vua: “Tôi là người duy nhất không nhận được phần thóc, mạng sống chỉ trong sớm chiều vậy xin đại vương chia ít nhiều thóc gạo cho tôi.”

Vua Phạm Dự nghe nói, tự nghĩ: “Nếu hôm nay, vì đói khát chút ít mà ta không chịu được thì làm sao trong vô lượng kiếp ở đời vị lai ta có thể vì chúng sinh mà chịu đựng các khổ đói khát, nóng lạnh cho được?”. Nghĩ xong, vua liền bố thí nửa số

thóc cho vị Bà-la-môn.

Lòng thành ấy cảm động đến cung điện của chư Thiên, làm cho dao động không yên. Bấy giờ, trời Đế Thích tự hỏi: “Hôm nay, cung điện của ta vì sao lại bị dao động như vậy, hay là mạng ta sắp hết rồi chăng, nên có sự biến động ấy!”

Nghĩ vậy, Đế Thích liền quán sát, thấy vua Phạm Dục trong nước gặp nạn đói khổ đã vì chúng sinh, mà bỏ được điều khó bỏ, do đó mà cảm động đến cung điện trời, làm cho dao động như thế. Trời Đế Thích suy nghĩ: “Bây giờ ta phải đến đó thử xem thiện tâm của vua là chân thật hay giả dối.”

Nghĩ xong, trời Đế Thích liền hóa thân thành một vị Bà-la-môn ốm yếu, chống gậy, mạng sống không còn bao lâu nữa, đến cửa Hoàng cung để xin vua bố thí.

Vua suy nghĩ: “Thân ta đây, bố thí hay không bố thí rồi cũng sẽ chết”. Vua nghĩ thà bố thí làm lợi ích chúng sinh; có chết cũng không ăn năn, cho nên vua chỉ còn một thăng thóc, mà vẫn bố thí cho Bà-la-môn.

Bà-la-môn nhận thóc rồi hỏi vua: “Trong lúc đói khổ, mà đại vương đã bỏ được cái khó bỏ; là để cầu được làm Đế Thích, Phạm vương, Chuyển luân thánh vương hay sự vinh hoa khoái lạc nơi trần thế?”

Vua đáp: “Với công đức bố thí này ta không

cầu được làm Đế Thích, Phạm vương, Chuyển luân thánh vương hay sự khoái lạc nơi trần thế, mà Ta nguyện ở đời vị lai sẽ được thành Chánh giác để cứu chúng sinh khỏi cảnh đói khát, nóng lạnh.”

Vua phát nguyện xong, Bà-la-môn khen ngợi: “Lành thay! Đây là việc chưa từng có.”

Lúc ấy Bà-la-môn biến trở lại thân Đế Thích và bảo vua:

“Từ nay, đại vương hãy ra lệnh cho dân chúng, phải làm đất và gieo giống, bảy ngày sau ta sẽ đổ mưa.”

Vua Phạm Dữ nghe nói, trong lòng rất phấn khởi, liền ra lệnh cho nhân dân kịp thời cày đất gieo giống, bảy ngày sau chắc chắn sẽ có mưa.

Dân chúng nghe vua ra lệnh, ai nấy đều lo cày đất, đến ngày thứ bảy thì trời tuôn mưa lành, tất cả lúa mạ gieo xuống gặp mưa phát triển tươi tốt, chẳng bao lâu, mùa màng kết quả, thâu hoạch nhiều lúa thóc. Từ đó, đời sống nhân dân sung túc, an vui vô cùng.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy nên biết, vua Phạm Dữ lúc bảy giờ nay chính là Ta. Vì bố thí có công đức lớn như vậy, cho nên Ta thường khen quả báo của việc bố thí là không thể tính lường.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



33- Truyện Vua Thi-Tỳ Khoét Mắt Minh Bố Thí Cho Chim Đại Bàng

Một thuở nọ, Đức Phật ngự trong khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ các Tỳ-kheo an cư sắp mãn, gần đến ngày Tụ tứ, mùa xuân, mùa thu, thường nhóm họp lại để nghe Đức Phật nói pháp.

Lúc ấy các Tỳ-kheo, có vị thì giặt y, người thì xông bát, có vị đập nhuộm, có vị may vá... như vậy mỗi người đều có công việc của mình. Có một vị Tỳ-kheo tên là Thi-tỳ tuổi già mắt mờ đang ngồi dưới đất, vá y mà không xỏ chỉ được. Tỳ-kheo ấy lên tiếng nói lớn:

– Ai muốn cầu phước đức, xin hãy xỏ chỉ giùm tôi.

Lúc ấy Đức Phật nghe lão Tỳ-kheo nói vậy, Ngài liền đến cầm tay Tỳ-kheo để xỏ chỉ. Lão Tỳ-kheo biết được tiếng nói của Phật, liền bạch:

– Như Lai Thế Tôn đã trải qua ba a-tăng-kỳ kiếp tu tâm Đại từ bi, đủ sáu Ba-la-mật, hoàn thành hạnh Bồ-tát đã dứt bỏ kết sử, công đức viên mãn và đã thành Phật. Nay vì sao Ngài còn giúp con xỏ chỉ để tìm phước đức?

Đức Phật bảo Tỳ-kheo:

– Vì từ xưa đến nay, Ta không quên thói quen

đời trước, nên Ta vẫn xỏ chỉ giúp thầy để tu phước đức.

Nghe Đức Phật nói vậy, các Tỳ-kheo liền đánh lễ, bạch Phật:

– Thuở xưa Như Lai đã tu công đức gì đối với lão Tỳ-kheo này? Cúi xin Phật giải thích cho chúng con được biết.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy hãy lắng nghe, Ta sẽ giải thích rõ. Thuở xưa, cách nay vô lượng kiếp, tại nước Ba-la-nại có vị vua tên là Thi-tỳ. Vua ấy cai trị nhân dân bằng chánh pháp, đất nước giàu mạnh nhân dân sung túc an vui. Vua thường thích bố thí, hay giúp đỡ kẻ nghèo khổ, đối với tiền tài, vật báu, dầu, mật, tủy, não... hề có người tới xin là vua liền bố thí không hề tiếc rẻ.

Lòng thành ấy cảm động đến cung điện chư Thiên, làm cho dao động không yên.

Lúc ấy trời Đế Thích suy nghĩ: “Có việc gì mà cung điện của ta dao động như vậy, hay là mạng ta sắp hết rồi sao?”

Nghĩ xong, Đế Thích liền quán sát thấy vua Thi-tỳ đã không tiếc tài bảo, hề ai đến xin vua liền bố thí. Do lòng thành cảm động làm cho cung điện dao động như vậy. Đế Thích nghĩ: “Vậy ngay bây giờ ta phải đến thử thiện tâm của vua xem hư thật thế nào”.

Bấy giờ, trời Đế Thích liền hóa thân thành con chim đại bàng thật lớn, bay đến Hoàng cung nói với vua:

– Tôi nghe đại vương thích làm việc bố thí, không trái ý muốn một chúng sinh nào. Nay tôi đến đây muốn cầu xin một điều, mong đại vương hãy chiều theo tâm nguyện của tôi.

Vua Thi-tỳ nghe xong, tâm rất hoan hỷ đáp:

– Hễ người cầu xin điều gì, ta không bao giờ tiếc rẻ.

Chim đại bàng thưa:

– Tôi không cần vàng bạc, châu báu hay tài vật, mà chỉ cần đôi mắt của vua để làm món ăn ngon. Ngay bây giờ xin đại vương hãy cho tôi đôi mắt.

Vua Thi-tỳ nghe chim đại bàng nói, vui vẻ cầm dao bén tự khoét mắt mình để bố thí cho chim đại bàng, mà không sợ đau đớn và lòng không mảy may hối hận.

Lúc ấy trời đất rung chuyển sáu cách, các thứ hoa trên trời tuôn rải như mưa.

Chim đại bàng hỏi vua:

– Đại vương tự khoét mắt bố thí cho tôi, không hối hận sao?

Vua đáp:

– Ta bố thí đôi mắt cho người, thật sự không có tâm hối hận.

Đại bàng nói:

– Nếu không hối hận, lấy gì làm bằng chứng?

Vua trả lời:

– Nay, ta bố thí đôi mắt cho ngươi, nếu thật sự ta không có tâm hối hận thì hãy khiến đôi mắt ta hoàn lại như cũ.

Vua phát lời nguyện xong, hai mắt hoàn lại như trước không khác. Khi ấy, chim đại bàng trở lại thân Đế Thích khen ngợi:

– Thật là điều kỳ lạ chưa từng có, hôm nay đại vương bỏ được cái khó bỏ là để cầu được làm trời Đế Thích, Phạm vương, Chuyển luân thánh vương hay sự vinh hoa khoái lạc nơi trần thế?

Vua đáp:

– Ta không cầu được làm trời Đế Thích, Phạm vương, Chuyển luân thánh vương hay sự vinh hoa khoái lạc trần thế, mà ta muốn hồi hướng công đức bố thí này, khiến cho ở đời vị lai ta sẽ thành Chánh giác để cứu độ chúng sinh được giải thoát.

Vua phát nguyện xong, trời Đế Thích trở lại Thiên cung.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy nên biết, vua Thi-tỳ lúc bấy giờ, nay chính là Ta; còn chim đại bàng lúc ấy nay là lão Tỳ-kheo này. Do lúc ấy Ta bố thí đôi mắt mà không tiếc rẻ, cho nên ngày nay Ta đã thành Phật và đôi với lão Tỳ-kheo còn phải tu phước đức không biết nhàm chán, không cảm thấy đủ.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



34- Truyện Vua Thiện Diện Cầu Pháp

Một thuở nọ, Đức Phật ngự trong khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn vì lòng Đại bi, trong suốt đêm dài Ngài thường giảng nói rộng rãi cho tám bộ chúng như Trời, Rồng... nghe về pháp màu cam lộ vô thượng mà Ngài đã chứng được bằng trí Nhất thiết chủng nhưng Ngài không hề mảy một nhàm chán hay sinh tâm biếng trễ.

Lúc ấy các Tỳ-kheo thấy việc ấy bèn bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, nay vì sao trong suốt đêm dài Ngài giảng nói pháp yếu mà không nghỉ ngơi, thân tâm lại không biết nhàm chán, mỗi một như thế? Tại sao Ngài làm được như vậy?

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy hãy lắng nghe, Ta sẽ giải thích rõ.

Thuở xưa, cách nay vô lượng kiếp, có nước Ba-la-nại rất hùng mạnh, đời sống nhân dân sung túc an vui. Vua nước ấy tên là Thiện Diện, vị thái tử con vua tên là Tôn-đà-lợi. Vua Thiện Diện là người thông minh trí tuệ, rất ưa thích đạo đức thường mong cầu pháp màu, vua đem các thứ châu báu ra

ngã tư đường nói rằng:

– Ai có pháp mâu, giảng nói cho ta nghe, Ta sẽ cho các châu báu này.

Do lòng chí thành của vua cảm động đến cung điện của chư Thiên, khiến cung điện chư Thiên phải chấn động.

Lúc ấy Thích Đề-hoàn Nhân liền quán sát, biết rằng vua Thiện Diện có tấm lòng sâu nặng đối với chánh pháp, lòng thành này cảm ứng khiến cung điện của ngài phải dao động. Thích Đề-hoàn Nhân liền hóa thân thành tướng La-sát, có hai nanh dài bén nhọn nhô ra ngoài, với dáng vẻ khác thường trông rất kinh sợ, đến hoàng cung tự nói rằng:

– Ta có pháp mâu.

Vua nghe nói, liền ra ngoài đón rước La-sát để được nghe pháp. La-sát nói với vua:

– Ta tuy có pháp, nhưng vì đang đói khát, nên không thể nói được.

Nghe vậy, vua liền sửa soạn đầy đủ các món uống ăn để dâng cho La-sát. Nhưng La-sát nói:

– Món ăn của ta chỉ có máu nóng và thịt tươi, còn các món ăn này không phải thức ăn của ta.

Bấy giờ thái tử Tôn-đà-lợi nghe La-sát nói vậy, bèn tâu với Phụ vương:

– Pháp âm rất khó được nghe. Nay, con dâng thân này cho La-sát tùy ý ăn thịt, mong rằng Phụ vương được nghe pháp mâu.

Nghe thái tử phát tâm rộng lớn, không tiếc thân mạng, vua tự nghĩ: “Trong nhiều đời kiếp, ta bị ân ái trôi buộc, trôi lăn trong sinh tử chưa có lúc nào cùng. Hôm nay, để được nghe pháp, ta đành hy sinh đứa con yêu dấu của mình.” Nghĩ vậy rồi, vua chấp nhận cho thái tử bỏ mình.

Lúc ấy được Phụ vương cho phép, thái tử bỏ thí thân mình cho La-sát. La-sát liền cầu xé thân thể thái tử, máu me nhầy nhụa khắp mặt đất. Ăn thịt uống máu xong, La-sát vẫn nói chưa no.

Khi ấy, thấy con mình đã xả thân thí cho La-sát, La-sát ăn rồi còn nói chưa no, phu nhân của vua nghĩ rằng: “Con ta còn bỏ thân được hưởng chi ta không bỏ thân được sao!” Phu nhân theo suy nghĩ của mình, tâu lại cho vua nghe và vua lại đồng ý.

Khi đó phu nhân bỏ thí thân cho La-sát. La-sát cũng cầu xé thân thể phu nhân ăn uống như trước. Ăn rồi, La-sát nói vẫn còn đói khát, lại nói với vua:

– Đại vương hãy hiến thân cúng cho ta ăn luôn.

Vua đáp:

– Giờ đây, đối với thân mạng ta không hề tiếc rẻ, nhưng nếu thân này chết đi thì không nghe pháp được. Vậy, người hãy nói pháp trước, sau đó ta sẽ bỏ mình cho người ăn thịt.

Bấy giờ, La-sát biết được tâm thành tín của vua, liền nói kệ:

*Ân ái thì sinh lo
 Vì ái mà có sợ
 Nếu dứt được ân ái
 Không còn sợ hãi gì.*

La-sát nói kệ xong, liền hoàn lại thân Đế Thích, thái tử và phu nhân bỗng nhiên cũng được hoàn lại thân cũ. Vua nghe pháp rồi, càng sinh tâm kính tin, lại thấy phu nhân và thái tử còn sống, nên trong lòng vui mừng khôn xiết.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy nên biết, vua Thiện Diên lúc bấy giờ nay chính là Ta còn thái tử bấy giờ nay là A-nan và phu nhân của vua là Da-du-đà-la bây giờ. Thuở xưa khi Ta tu đạo Bồ-tát, vì cầu pháp nên đổi với vợ con kính yêu mà Ta còn không yêu tiếc, huống chi hôm nay mà Ta lại sinh tâm mỗi nhọc ư!

Lúc bấy giờ các Tỳ-kheo nghe theo lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



35- Truyện Thái Tử Con Của Vua Phạm Ma Cầu Pháp

Một thuở nọ, Đức Phật ngự trong khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, trong thành có một vị trưởng giả tên là Tu-đạt, người bản tính nhân hậu, hiền lành, có

tâm kính tin Tam bảo. Hằng ngày trưởng giả đến tăng phòng, tinh xá để quét dọn chùa tháp.

Một hôm, trưởng giả có việc cần phải đi, không ở lại quét dọn chùa tháp được.

Lúc ấy Đức Thế Tôn dẫn đầu các vị Đại Mục-liên, Xá-lợi-phất và Đại Ca-diếp... vào tháp để quét dọn. Quét dọn xong, các Tỳ-kheo ngồi sang một bên, Đức Phật liền giảng nói về năm công đức của việc dọn quét chùa tháp là:

1. Dứt bỏ sự nhớ bản trong tâm.
2. Cũng dọn dẹp nhớ bản bên ngoài.
3. Dứt trừ tâm kiêu mạn.
4. Điều phục tâm mình.
5. Làm tăng trưởng công đức và được sinh về cõi lành.

Công việc hoàn tất, trở về, vào tịnh xá, Tu-đạt nghe Đức Phật giảng nói cho các Tỳ-kheo về công đức có được do việc quét dọn. Trưởng giả vui mừng, bước ra bạch Phật:

— Nay, con được nghe Phật giảng nói về năm công đức của việc quét dọn này, tại chỗ con đi như thấy bậc Hiền thánh ở trước mặt vậy.

Lúc ấy Thế Tôn bảo Tu-đạt:

— Tất cả pháp lành mà Ta yêu kính cũng như vậy. Giờ đây, ông hãy lắng nghe, Ta sẽ giải thích rõ. Thuở xưa, cách nay vô lượng kiếp, tại nước Ba-la-nại, vị vua nước ấy tên là Phạm-ma-đạt-đa.

Phạm-ma-đạt-đa cai trị nhân dân bằng chánh pháp. Đời sống nhân dân sung túc an vui vô cùng.

Bây giờ, phu nhân của vua biết mình có thai, tự nhiên trên đầu có một lọng báu, lúc nào cũng theo che chở phu nhân. Sau đó, vua mời thầy xem tướng để xem tướng phu nhân. Thầy tướng xem xong bảo: “Đứa trẻ này sinh ra có phước đức lớn và sẽ đi khắp nơi để tìm cầu chánh pháp.”

Sau mười tháng mang thai, phu nhân sinh ra một thái tử tướng mạo khôi ngô đẹp đẽ, trên đời ít có. Nhân đó cha mẹ đặt tên là Cầu Pháp.

Thái tử lớn dần, tâm ưa thích đạo pháp. Thái tử lại cho người mang châu báu, đi khắp nơi để cầu pháp. Nhưng rốt cuộc cũng không được, thái tử sinh ra buồn rầu khóc lóc, không thể yên lòng. Tâm chân thành của thái tử cảm ứng làm rung chuyển cung điện trời Đế Thích.

Lúc ấy trời Đế Thích suy nghĩ: “Có việc gì khiến cung điện của ta bị dao động như vậy?

Đế Thích liền quán sát thấy thái tử con vua, vì cầu pháp chưa đạt sở nguyện, nên buồn rầu khóc lóc, mà cảm ứng đến cung điện của mình, làm cho bị rung chuyển như thế. Đế Thích liền nghĩ: “Ta phải đến đó thử xem thiện tâm của thái tử hư thật thế nào”.

Đế Thích liền hóa thân thành một vị Bà-la-môn, đến cửa hoàng cung nói:

– Ta có pháp mâu, ai muốn nghe, ta sẽ nói cho.

Thái tử nghe sứ giả nói, vui mừng khôn xiết, liền ra ngoài đón rước. Thái tử đánh lễ dưới chân Bà-la-môn, dẫn lên điện, nhắc chiếc ghế thật đẹp mời Bà-la-môn ngồi, chấp tay thưa rằng:

– Cúi mong Đại sư từ bi thương xót, giảng nói pháp mâu cho tôi nghe.

Bà-la-môn đáp:

– Học pháp rất khó, phải theo thầy lâu ngày mới đạt được. Nay, muốn nghe một cách vô điều kiện thì không thể được.

Thái tử thưa:

– Đại sư cần gì, xin cứ dạy bảo. Ngay cả vợ con của tôi, voi ngựa, châu báu, tất cả đều có đủ, tôi sẽ cung cấp cho Đại sư, không hề tiếc rẻ.

Bà-la-môn nói:

– Những thứ thái tử vừa kể, ta đều không cần. Bây giờ nếu thái tử đào một cái hố lớn mười trượng, dưới hố đốt đầy lửa rồi nhảy xuống hố, ta sẽ nói pháp cho nghe.

Nghe Bà-la-môn nói, thái tử rất vui mừng liền đào một cái hố lớn và đốt đầy lửa. Khi thái tử định nhảy xuống hố thì phu nhân, nhà vua và các quan liền chạy đến ôm chầm lấy thái tử và khuyên can thái tử đừng làm như vậy. Họ nói với Bà-la-môn:

– Cúi mong Đại sư từ bi thương xót, vì chúng tôi đừng để thái tử phải nhảy xuống hố lửa. Nếu

Đại sư cần gì như quốc thành, châu báu và vợ con chúng tôi đều cung cấp cho ngài.

Bà-la-môn nói:

– Ta không ép buộc, tùy ý thái tử. Nếu làm được như vậy, ta mới nói pháp cho nghe.

Khi Bà-la-môn nói, thái tử thưa:

– Trong nhiều kiếp, ta đã bỏ mất thân mạng một cách luống uổng, nhưng chưa từng có người nào định nói pháp mâu như vậy cho ta nghe.

Nói xong, thái tử định nhảy xuống hố.

Lúc ấy phu nhân của vua và các quan biết được tâm chí thành nhất định nhảy xuống hố của thái tử, liền sai người cỡi một thớt voi rất nhanh, đề thông cáo cho tất cả các quan trong khắp cõi Diêm-phù đề hãy mau tụ họp về chỗ của thái tử. Đến nơi, họ chấp tay can ngăn:

– Thái tử hãy vì chúng tôi, xin đừng nhảy xuống hố. Thái tử chỉ vì một người, mà bỏ đi tất cả sao?

Thái tử đáp:

– Trong vô số kiếp sinh tử, có khi ta đọa địa ngục, có lúc làm súc sinh, có lúc làm ngựa quỉ, sát hại lẫn nhau, hoặc bị thiêu đốt, hoặc bị nung nấu, chịu đói khát khốn khổ, chỉ trong một ngày cũng không sao nói hết sự đau khổ, thân mạng bị bỏ đi một cách luống uổng, không hề có lợi ích cho chánh pháp. Vậy các người sao còn ngăn cản Ta,

dùng thân hôi thối này để cầu đạo Bồ-đề vô thượng. Ta phải bỏ thân này, thế cứu vớt chúng sinh thoát ra khỏi biển sinh tử.

Nói xong, thái tử quyết định gieo mình xuống hồ, nhưng thừa Bà-la-môn rằng:

– Cúi xin Đại sư hãy nói pháp cho tôi nghe trước, nếu chết thì không được nghe pháp.

Lúc ấy Bà-la-môn liền nói kệ:

*Thường hành tâm Từ bi
Dứt bỏ tâm sân hại
Đại bi thương chúng sinh
Thương xót mà lệ rơi.
Người thực hành Đại bi
Đồng pháp, ta chứng được
Cứu giúp các chúng sinh
Mới là hạnh Bồ-tát.*

Thái tử nghe kệ, vui mừng khôn xiết, liền gieo mình xuống hầm lửa, hầm lửa liền biến thành ao sen và thái tử ngồi trên sen. Mặt đất rung chuyển, các thứ hoa trên trời tuôn xuống như mưa, ngập lên tới gối thái tử.

Bấy giờ Bà-la-môn hoàn lại thân Đế Thích, khen thái tử rằng:

– Nay, thái tử nhảy vào lửa, chỉ vì một bài kệ, mà không tiếc thân mạng, là để cầu điều gì?

Thái tử đáp:

– Tôi cầu đại đạo Bồ-đề vô thượng, để cứu vớt

chúng ra khỏi biên sinh tử.

Đế Thích nghe thái tử nói vậy, ngợi khen là việc chưa từng có. Sau đó, Đế Thích trở về Thiên cung.

Vua Phạm-ma và các quan thấy thái tử có những điều rất kỳ lạ đặc biệt, cũng khen là việc chưa từng. Ai nấy đều vui mừng, cùng nhau đưa thái tử trở về hoàng cung.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy nên biết, vua Phạm-ma lúc bấy giờ nay chính là vua Tịnh Phạn; còn người mẹ lúc ấy nay là phu nhân Ma-da và thái tử bây giờ là Ta.

Sau khi Đức Phật nói về việc cầu pháp này, có vị chứng quả Tu-đà-hoàn, có vị chứng quả Tư-đà-hàm, có vị chứng quả A-na-hàm, có vị chứng quả A-la-hán, có người phát tâm Bích-chi-phật và có người phát tâm Bồ-đề vô thượng.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



36- Truyện Người Bà-La-Môn Đòi Nợ Phật

Một thuở nọ, Đức Phật ngụ trong khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ Đức Thế Tôn đang dẫn đầu các Tỳ-kheo vào thành khát thực. Khi vào trong một con

hẻm, Đức Phật gặp một người Bà-la-môn, đang dùng ngón tay vẽ dưới đất, ngăn cản không cho Phật đi qua và nói:

– Hôm nay Ngài phải trả cho tôi năm trăm đồng tiền vàng, thì tôi mới để Ngài đi. Nếu không, tôi sẽ không cho Ngài đi qua.

Lúc ấy Đức Phật và các Tỳ-kheo đứng im lặng, không thể bước tới.

Tin này đến tai hai vị quốc chủ là vua Bình-sa và vua Ba-tư-nặc. Bà Tỳ-xá-khư thuộc dòng họ Thích và ông Phú-lâu-na... cũng hay tin. Mỗi người đều mang theo châu báu và tài vật đến cho người Bà-la-môn nhưng Bà-la-môn không chịu nhận.

Lúc ấy trưởng giả Tu-đạt cũng nghe tin Phật bị người Bà-la-môn giữ lại, không cho đi. Tu-đạt liền đưa năm trăm đồng vàng cho Bà-la-môn, Bà-la-môn mới cho Phật đi.

Các Tỳ-kheo thấy sự việc ấy, bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn vì duyên có gì, mà có sự ngăn cản, không cho Phật đi qua như vậy.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy hãy lắng nghe, Ta sẽ giải thích rõ. Thuở xưa, cách nay vô lượng kiếp tại nước Ba-la-nại, có vị vua tên là Phạm-ma-đạt-đa.

Một hôm, thái tử của vua tên là Thiện Sinh cùng các bạn thân đi du ngoạn ngắm cảnh. Trên

đường đi, thái tử gặp một người đánh bạc với con của vị phụ tướng bị thua năm trăm đồng tiền vàng. Người kia theo đòi, nhưng con của vị phụ tướng không chịu bỏ tiền ra để trả.

Thái tử Thiện Sinh thấy vậy, nói với người kia:

– Nếu ông ấy không trả, tôi sẽ trả thay.

Khi đó người con của vị phụ tướng tự cậy mình là con nhà quyền thế nên cuối cùng không chịu trả. Từ thời ấy cho đến nay, trải qua vô lượng kiếp Ta thường bị người đánh bạc kia theo đòi nợ.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy nên biết, thái tử con vua lúc ấy nay chính là Ta, người con của vị phụ tướng bảy giờ nay là trưởng giả Tu-đạt; còn người đánh bạc nay là Bà-la-môn. Cho nên các thầy, hãy mắc nợ ai, không chống cự mà không trả, vì cho đến lúc thành Phật cũng không thoát khỏi nạn này.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



37- Truyện Đức Phật Sắp Nhập Niết-Bàn, Hóa Độ Năm Trăm Vị Lực Sĩ

Một thuở nọ, tại rừng Sa-la song thọ, thành Câu-thi-na, Đức Phật sắp nhập Niết-bàn.

Bảy giờ, ông Tu-bạt-đà nghe Thế Tôn sắp nhập

Niết-bàn, bèn dẫn năm trăm lực sĩ đến đánh lễ dưới nơi chân Phật, rồi lui lại đứng sang một bên và cầu xin xuất gia.

Lúc ấy Đức Phật bèn gọi:

– Lành thay, Tỳ-kheo!

Râu tóc ông Tu-bạt-đà và các lực sĩ tự nhiên rụng xuống, thân mặc pháp phục, liền thành Sa-môn. Đức Phật nói pháp cho họ nghe bằng mọi cách. Tâm ý được mở tỏ, Tu-bạt-đà và các lực sĩ đều đạt được dấu hiệu chứng đạo.

Các Tỳ-kheo thấy việc ấy, bèn bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, ông Tu-bạt-đà và năm trăm vị lực sĩ này đời trước đã gieo trồng phước đức gì mà nay trong lúc gấp rút, Phật sắp vào Niết-bàn lại được tế độ như thế?

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Không phải chỉ hôm nay trong lúc gấp rút họ mới được Ta hóa độ mà thuở xưa Ta cũng từng cứu giúp họ thoát khỏi những sự nguy nan.

Các Tỳ-kheo lại bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, chẳng hay việc cứu độ những vị ấy như thế nào? Cúi xin Đức Thế Tôn giải thích cho chúng con được biết.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy hãy lắng nghe, Ta sẽ giải thích rõ. Thuở xưa, cách nay vô lượng kiếp; tại nước Ba-la-nại có vị vua tên là Phạm-ma-đạt-đa.

Một hôm, vua cùng các quan ra khỏi thành đi săn bắn. Khi đến một vùng rừng núi, có một dòng sông lớn, gặp một bầy nai năm trăm con; vua định bắn. Lúc ấy Ta là nai đầu đàn, thấy mạng lưới bao vây tới gần, bầy nai hoảng hốt sợ hãi chạy đổ dồn về phía dòng sông, nhưng vì nước quá sâu, nên chúng không thể vượt qua. Vòng vây càng xiết chặt lại, mạng sống bầy nai rất mong manh. Lúc đó, nai đầu đàn bảo với bầy nai: “Ta vì các người đang bốn chân để nối liền hai bờ sông, các người cứ việc đi trên lưng Ta, để đến bờ bên kia”.

Nghe lời, bầy nai tranh nhau đi qua, đạp nát cả lưng, nai chúa đau đớn khôn cùng.

Khi tất cả đều qua được bờ bên kia, chỉ còn một nai mẹ đang dẫn nai con chạy theo phía sau, rất hoảng hốt lo sợ. Lúc ấy thấy hai mẹ con nai còn ở sau, dù phải chịu đựng đau đớn, nai đầu đàn cũng chờ đưa hết qua sông, rồi mới chịu chết. Nai đầu đàn chết được sinh lên tầng trời Đạo-lợi.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Lúc ấy trong loài súc sinh mà Ta còn từ bi cứu giúp chúng sinh, không nề lao khổ; huống chi ngày nay, Ta đã ra khỏi ba cõi, tự tại vô ngại mà còn cho rằng mệt nhọc ư!

Đức Phật lại bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy nên biết, nai đầu đàn lúc bấy giờ nay chính là Ta, bầy nai lúc bấy giờ nay là năm trăm vị

Tỳ-kheo như Tu-bạt-đà, ...

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

– Năm trăm vị Tỳ-kheo như Tu-bạt-đà... đời trước đã gieo trồng phước đức gì mà nay được gặp Thế Tôn và đều chứng đắc đạo quả như vậy?

Đức Phật dạy:

– Các thầy hãy lắng nghe, Ta sẽ giải thích rõ. Thuở xưa, cách nay vô lượng kiếp, tại nước Ba-la-nại có Đức Phật ra đời hiệu là Ca-diếp.

Khi ấy, trong chốn núi rừng có năm trăm vị Tỳ-kheo đang ngồi thiền hành đạo, nhưng chưa đắc đạo quả. Đức Phật Ca-diếp giáo hóa chúng sinh đã mãi, Ngài muốn nhập Niết-bàn. Năm trăm Tỳ-kheo kia không hay biết gì. Các vị Thần cây biết rằng hôm nay Đức Phật sẽ nhập Niết-bàn, cho nên trong lòng buồn bã khóc lóc, nước mắt rơi xuống trúng đầu các Tỳ-kheo đang ngồi dưới gốc cây.

Lúc ấy các Tỳ-kheo mới hỏi Thần cây rằng:

– Vì sao các vị khóc lóc như vậy?

Thần cây đáp:

– Hôm nay, Đức Thế Tôn Ca-diếp sẽ nhập Niết-bàn, nên chúng tôi buồn rầu than khóc như vậy.

Các Tỳ-kheo nghe Thần cây nói, trong lòng cũng bàng hoàng lo âu, mình mảy nổi ốc và hỏi Thần cây:

– Hôm nay chúng tôi làm sao đến gặp Thế Tôn

kip và được diệt độ trước, chứ không nở thấy Thế Tôn nhập diệt trước chúng tôi.

Thần cây đáp:

– Nếu các thầy muốn đi, hãy nhắm mắt lại, Thần cây chúng tôi sẽ đưa các thầy đến chỗ Thế Tôn.

Các Tỳ-kheo nghe lời thần cây, nhắm mắt lại, bỗng nhiên được đưa đến chỗ Thế Tôn. Các Tỳ-kheo được gặp Phật và sám hối tội lỗi, rồi tất cả đều vào Niết-bàn.

Do vào thời ấy, đã xuất gia giữ giới, cho nên năm trăm vị này nay được gặp Ta và đắc đạo chứng quả.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy nên biết, năm trăm Tỳ-kheo lúc bảy giờ, nay là năm trăm vị Tỳ-kheo lực sĩ như Tu-bạt-đà...

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



38- Truyện Thỏ Đầu Đàn Nướng Minh Cúng Đường Tiên Nhân

Một thuở nọ, Đức Phật ngự trong khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ.

Bảy giờ, trong thành có một vị trưởng giả tên

là Bạt-đề, đã xuất gia nhập đạo, nhưng tâm thường ham thích những công việc của người tại gia, nên bỏ bê việc tu tập ba nghiệp.

Lúc ấy Như Lai quán sát thấy căn lành của Bạt-đề đã thuần thực, đã đến lúc được hóa độ, nên Ngài bảo Tôn giả A-nan:

– Ngươi hãy đi gọi Tỳ-kheo Bạt-đề đến đây.

A-nan liền đi gọi Bạt-đề. Khi Bạt-đề đến, Đức Phật bảo:

– Thầy hãy vào rừng núi để tu tập pháp lành.

Bạt-đề vâng lời Phật dạy, vào chốn núi rừng ngòai thiên, hành đạo. Qua thời gian không bao lâu, Bạt-đề đã đắc đạo La-hán.

Bấy giờ các Tỳ-kheo thấy sự việc ấy bèn bạch Phật:

– Tỳ-kheo Bạt-đề đời trước đã gieo trồng phước đức gì mà nay tuy đã xuất gia mà còn ưa thích chuyện thế tục, lại gặp được Đức Thế Tôn và chứng đắc đạo quả như thế?

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Đâu phải chỉ hôm nay Ta mới giáo hóa Tỳ-kheo ấy, mà thuở xưa Ta cũng từng giáo hóa Tỳ-kheo ấy rồi.

Các Tỳ-kheo lại bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, chẳng hay việc giáo hóa thuở xưa thế nào? Cúi xin Đức Thế Tôn giải thích cho chúng con được biết.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy hãy lắng nghe, Ta sẽ giải thích rõ. Trong Hiền kiếp này, tại nước Ba-la-nại, có một Tiên nhân đang tu luyện đạo Tiên trong chốn núi rừng. Ông chỉ ăn trái cây, uống nước suối. Nhưng về sau trải qua nhiều năm gặp trời nắng hạn, không còn trái cây để ăn nữa, bị đói khát hành hạ, ông định vào thôn xóm xin ăn.

Bấy giờ, có một con thỏ đầu đàn là Bò-tát cùng bảy thỏ đang đi tìm cỏ nước, gặp vị Tiên nhân râu dài bị đói khát hành hạ, định vào làng xin ăn để sống. Thỏ đầu đàn nói với Tiên nhân:

– Ngày mai ông hãy nhận chút ít vật cúng dường nhỏ mọn của tôi. Tôi còn có pháp hay, ông có thể nghe được.

Tiên nhân nghe rồi suy nghĩ: “Có lẽ thỏ đầu đàn kia gặp được loài chim bay thú chạy bị chết, muốn làm món ăn cho ta”, nên Tiên nhân bằng lòng. Lúc ấy thỏ đầu đàn đã biết Tiên nhân bằng lòng, liền tụ tập bảy thỏ và Tiên nhân kia lại giảng nói pháp mâu. Thỏ đầu đàn chắt củi thành đống trên mặt đất, tự châm lửa rồi nhảy vào đống lửa đang cháy ngùn ngụt.

Lúc ấy Tiên nhân định giữ chân thỏ lại, nhưng thân vô thường đã qua đời sau rồi. Tiên nhân than:

– Hòa thượng Đại sư, tại sao mới một sớm gặp nhau, ngài lại bỏ tôi ra đi? Tôi đâu còn nghe pháp

được nữa.

Tiên nhân buồn thảm nghẹn ngào, kêu trời than khóc. Vì quá cảm thương và tuyệt vọng, Tiên nhân té quỵ xuống đất, không nói thành lời.

Lúc ấy mặt đất rung chuyển, hoa thơm từ trên không trung rơi xuống như mưa và phủ kín trên thân thổ đầu đàn.

Bảy giờ Tiên nhân kia vì thấy thổ đầu đàn tu hạnh Đại bi nên không dám ăn thịt, bèn thâu lượm xương cốt rồi xây tháp cúng dường.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy nên biết, thổ đầu đàn Bồ-tát lúc bảy giờ nay chính là Ta còn Tiên nhân bảy giờ, nay là Tỳ-kheo Bạt-đề. Do vì khi ấy, Tiên nhân biết nghe lời Ta đến nghe pháp, nên nay gặp Ta, được xuất gia đắc đạo.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật nói, đều vui mừng thực hành.



39- Truyện Nói Về Con Của Vua Pháp Hộ Bị Mẹ Giết Hại

Một thuở nọ, Đức Phật ngự trong khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ.

Bảy giờ Đề-bà-đạt-đa vì si mê không có trí tuệ nên đối với Thế Tôn thường sinh lòng ganh ghét, giận dữ, mắng nhiếc. Nhưng Đức Phật đối với Đề-

bà-đạt-đa, không hề có tâm oán hận thù hiềm.

Các Tỳ-kheo thấy việc ấy, bèn bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, chẳng hay việc ấy như thế nào?

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Đâu phải hôm nay Ta mới bị Đề-bà-đạt-đa mắng nhiếc, mà trong thuở xưa Ta cũng thường bị ông ấy mắng nhiếc và Ta thường nhẫn nhục.

Các Tỳ-kheo lại bạch Phật:

– Chúng con muốn được nghe việc thuở ấy, cúi xin Đức Thế Tôn giải thích cho chúng con được biết.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy hãy lắng nghe, Ta sẽ giải thích rõ. Trong Hiền kiếp này, tại nước Ba-la-nại, có vị vua tên là Phạm-ma-đạt-đa. Vua ấy cai trị nhân dân bằng chánh pháp, nhân dân có cuộc sống sung túc, an vui vô cùng.

Phạm-ma-đạt-đa có hai vị phu nhân. Vị thứ nhất tên là Thiện Ý, vị thứ hai tên là Tu Thiện Ý. Phu nhân lớn bản tánh thuận hòa, rất hợp ý vua, nhưng lại không có con. Phu nhân thứ hai chỉ sinh được một thái tử rất thông minh lại nhân từ, hiếu thảo với cha mẹ. Do đó vua rất yêu thương và cho thái tử đến trường học tập sách vở.

Một hôm, thái tử đưa phu nhân lớn rời thành, ra ngoài dạo chơi giải trí vui vẻ, thái tử gửi ít rượu

và thức ăn về hoàng cung cho mẹ mình.

Lúc ấy bà phu nhân mẹ thái tử rất tức giận, dùng lời lẽ độc ác mắng chửi:

– Ta thà đâm vào cổ giết chết thái tử để lấy máu uống, chứ nhất định không dùng rượu của nó gửi về.

Lúc ấy có sứ giả chạy đi báo cho vua biết về sự việc như vậy. Vua nghe tâu nổi giận, liền sai người đem thái tử giao cho phu nhân, xem bà có giết được không. Khi gặp thái tử, phu nhân định đâm cổ con mình. Thái tử cúi mình chấp tay thưa mẹ:

– Con đâu có lỗi gì, mà phải bị mẹ đâm vào cổ như vậy?

Người mẹ nói:

– Do phụ vương người bảo ta giết, không phải lỗi ở ta.

Thái tử nghe mẹ nói, liền đến trước mẹ sám hối lỗi lầm. Nhưng phu nhân không nghe, liền giết thái tử. Nhờ có tâm lành, nên khi chết đi, thái tử được sinh lên cõi trời Đao-lợi.

Lúc ấy chỉ là hạng phàm phu bị mẹ nhục mạ và giết hại, vậy mà Ta không hề sinh tâm oán hận. Huống chi ngày nay, Ta đã vượt ngoài ba cõi, có sao lại không thể đối với Đề-bà-đạt-đa mà sinh lòng từ bi?

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy nên biết, thái tử lúc bấy giờ, nay

chính là Ta, còn người mẹ bây giờ nay là Đề-bà-đạt-đa.

Lúc bấy giờ các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



40- Truyện Tên Cướp Lâu-Đà

Một thuở nọ, Đức Phật ngự trong khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ.

Bây giờ, trong thành có một tên cướp tên là Lâu-đà, lưng mang kiếm bén, tay cầm cung tên, đứng ở bên đường, cướp giết tài vật của người đi sống.

Trải qua mấy ngày, Lâu-đà bị đói khát hành hạ, xa trông thấy các Tỳ-kheo ôm bát đi đến dưới một gốc cây, liền suy nghĩ như vậy: “Trong bát của các người kia, chắc chắn phải có thức ăn, bây giờ ta phải đến đó đoạt lấy mới được. Nếu như họ ăn rồi, ta phải mổ bụng lấy thức ăn”. Tên cướp nghĩ vậy, liền đi về phía các Tỳ-kheo, khi còn cách không xa liền đứng lại.

Lúc ấy các Tỳ-kheo biết ý định của Lâu-đà, nên suy nghĩ: “Nếu như chúng ta không gọi hắn, thì chắc chắn chúng ta sẽ bị giết. Như vậy, lại càng làm cho hắn tăng thêm tội lỗi, phải đọa vào ba đường. Chi bằng ta gọi hắn trước để cho hắn thức ăn”.

Nghĩ rồi các Tỳ-kheo liền với gọi Lâu-đà:

— Người hãy mau lại đây ta cho thức ăn.

Lúc ấy tên cướp suy nghĩ: “Tỳ-kheo này đoán biết ta đói nên gọi ta cho thức ăn.” Lâu-đà đến nhận, được ăn uống no đủ, trong tâm rất vui vẻ.

Nhân đó các Tỳ-kheo giảng nói nhiều pháp nhiệm mầu cho Lâu-đà nghe. Nghe xong, tâm ý Lâu-đà được mở tỏ, chứng đắc quả Tu-đà-hoàn, xin được xuất gia, siêng năng tu tập, rồi chứng quả A-la-hán, đầy đủ ba minh, sáu phép thần thông và tám pháp giải thoát; được trời, người kính ngưỡng.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



SOẠN TẬP KINH MỘT TRĂM TRUYỆN NHÂN DUYÊN

QUYỂN 5

Phẩm 5: NGẠ QUỈ

41- Truyện Bà Phú-Na-Kỳ Bị Đọa Vào Ngạ Quỉ

Một thuở nọ, Đức Phật ngự trong vườn trúc Ca-lan-đà, thành Vương xá.

Khi sắp đến giờ ăn, Tôn giả Xá-lợi-phất và Đại Mục-kiền-liên trước quán sát chúng sinh trong địa ngục, súc sinh và ngạ quỉ rồi sau mới ăn. Sở dĩ Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên phải quán sát như vậy, vì muốn làm cho chúng sinh nhàm chán sinh tử mà ưa cầu Niết-bàn.

Lúc ấy Mục-kiền-liên thấy một ngạ quỉ, mình mẩy như thân cây bị cháy, bụng to như quả núi, cổ họng nhỏ như cây kim, tóc mọc tua tủa như đao nhọn, lại quấn chằng chịt vào thân thể, giữa chi tiết trong thân đều có lửa bốc ra. Ngạ quỉ kêu la rên rỉ, rong chạy khắp nơi để ăn uống, khổ nhọc suốt ngày nhưng cũng không có.

Ngài Mục-kiền-liên thấy nga quỉ, bèn hỏi:

– Người đã gây ra nghiệp gì, mà chịu khổ như vậy?

Nga quỉ thưa:

– Nơi có mặt trời thì không cần đèn đuốc. Đức Như Lai Thế Tôn hiện còn tại thế, xin Tôn giả hãy thưa hỏi Ngài, hiện giờ tôi đang đói khát nên không trả lời được.

Ngài Mục-kiền-liên liền đến gặp Phật định hỏi Như Lai nga quỉ đã gây ra hành nghiệp gì mà phải chịu khổ như vậy.

Bấy giờ Đức Thế Tôn ngự giữa đại chúng, đang giảng nói pháp mầu cho trời người nghe. Thấy Mục-liên, Đức Phật hỏi:

– Hôm nay, thầy có thấy điều gì lạ chăng?

Tôn giả Mục-liên thưa:

– Con thấy một nga quỉ, thân thể bị cháy, rong chạy khắp nơi.

Tôn giả bèn thuật lại sự việc trên cho Phật nghe và hỏi Đức Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, đời trước nga quỉ ấy đã gây ra nghiệp ác gì mà phải chịu khổ như thế?

Đức Thế Tôn bảo Mục-liên:

– Thầy hãy lắng nghe, Ta sẽ giải thích rõ. Vào hiền kiếp này, trong thành Xá-vệ có một vị trưởng giả, là người có vô lượng tài sản, của báu, nhiều không thể tính kể, thường sai người giúp việc ép

nước mía để bố thí cho mọi người. Bấy giờ, có một vị Bích-chi-phật bị bệnh khát rất nặng, thầy thuốc bảo uống nước mía mới hết bệnh. Vị Bích-chi-phật liền đến nhà trưởng giả để xin nước mía.

Trưởng giả thấy vị Bích-chi-phật oai nghi đỉnh đạc trang nghiêm, sinh tâm rất kính tin, bèn hỏi:

Thưa, Ngài cần gì ạ!

Vị Bích-chi-phật nói:

– Tôi bị bệnh khát rất nặng, cần uống nước mía, nên đến đây định xin.

Trưởng giả nghe nói, trong tâm rất vui mừng, liền bảo vợ là Phú-na-kỳ:

– Tôi có việc gấp định ra đi, vậy bà ở nhà hãy lấy nước mía cúng dường cho Bích-chi-phật.

Người vợ đáp:

– Anh cứ ra đi, em ở nhà sẽ cúng dường.

Khi người chồng đi rồi, người vợ liền lấy bát của vị Bích-chi-phật đến chỗ khuất tiểu tiện vào đó và đổ nước mía lên trên, rồi trao cho vị Bích-chi-phật. Bích-chi-phật nhận bát, biết ngay không phải là nước mía, liền đổ xuống đất, ôm bát không trở về.

Về phần người vợ, sau khi chết đi bị đọa vào loài ngạ quỷ, thường bị đói khát ép ngặt, do nghiệp duyên ấy nên phải chịu khổ như thế.

Đức Phật bảo ngài Mục-liên:

– Thầy nên biết, vợ của vị trưởng giả lúc bấy

giờ nay chính là ngạ quỷ Phú-na-kỳ.

Khi Đức Phật nói về việc của ngạ quỷ này thì các Tỳ-kheo dứt bỏ được tâm tham lam, bỏn xẻn, nhàm chán sinh tử, có vị chứng được quả Tu-đà-hoàn, có vị chứng được quả Tư-đà-hàm, có vị chứng được quả A-na-hàm, có vị chứng được quả A-la-hán, có vị phát tâm Bích-chi-phật, có vị phát tâm Bồ-đề vô thượng.

Lúc bấy giờ các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, vui mừng thực hành.



42- Truyện Vợ Trưởng Giả Hiền Thiện Bị Đọa Vào Loài Ngạ Quỷ

Một thuở nọ, Đức Phật ngự trên núi Kỳ-xà-quật, trong thành Vương xá.

Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên ngồi kiết già dưới một gốc cây tư duy quan sát, thấy một ngạ quỷ, mình mẩy như thân cây bị cháy, bụng to như quả núi, cổ họng nhỏ như cây kim, tóc mọc tua tủa như đao nhọn, lại quấn chặt thân thể, giữa các chi tiết trong thân đều bị lửa đốt. Ngạ quỷ rên rỉ khóc lóc, chạy rong khắp nơi, tìm kiếm phần tiểu để ăn uống, khổ nhọc suốt ngày cũng không có.

Mục-kiền-liên thấy ngạ quỷ liền hỏi:

— Trước kia ngươi đã gây ra hành nghiệp gì, mà phải chịu khổ như vậy?

Nga quỉ đáp:

– Trên đời có Đức Như Lai, xin Tôn giả hãy thưa hỏi Ngài. Hiện giờ tôi đang đói khát nên trả lời không được.

Lúc ấy Mục-kiền-liên đến gặp Phật để hỏi lý do là nga quỉ đã gây ra nghiệp ác gì mà phải chịu khổ như vậy.

Đức Phật bảo Mục-kiền-liên:

– Thầy hãy lắng nghe, Ta sẽ giải thích rõ. Thuở xưa, cách nay vô lượng kiếp, có một nước tên là Ba-la-nại, đất nước giàu mạnh đời sống nhân dân sung túc, an vui, không có chiến tranh, không có sự tranh giành lẫn nhau.

Bấy giờ, có một trưởng giả tên là Hiền Thiện, bản tánh nhu hòa, kính tin Tam bảo, thường làm việc bố thí; tiếng tăm trưởng giả vang đồn khắp nơi.

Lúc ấy có một Tỳ-kheo đắp y ôm bát đến nhà trưởng giả để khát thực. Nhằm lúc trưởng giả có chút việc gấp phải đi ngay, không thể tự tay cúng dường được, nên ông ân cần dặn vợ:

– Em ở nhà hãy nhớ cúng dường thức uống ăn cho vị Tỳ-kheo này.

Người vợ trả lời:

– Anh chớ lo lắng, em ở nhà sẽ cúng dường.

Nhưng lúc ấy người vợ sinh lòng tham lam, bòn xén tiếc nghĩ rằng: “Nay, nếu ta cho thức ăn thì

hôm sau ông ấy sẽ đến nữa. Ôi! Những hạng người này nhìn thật đáng ghét”.

Nghĩ xong, bà liền gọi Tỳ-kheo vào một căn phòng, rồi đóng cửa nhốt lại, khiến từ sáng đến chiều, Tỳ-kheo không được ăn uống gì cả. Vì nghiệp duyên ấy, nên trong vô lượng kiếp, bà bị đọa trong loài ngạ quỷ, chịu khổ như vậy.

Đức Phật bảo Mục-liên:

– Thầy nên biết, người vợ của trưởng giả lúc bấy giờ, nay chính là ngạ quỷ ấy. Vậy, các thầy hãy siêng bố thí, không nên tham lam, bòn xén, nên tu tập như vậy.

Khi Phật nói về việc của ngạ quỷ này, những người trong hội tất cả đại chúng đều dứt bỏ sự tham lam, bòn xén, keo lận; nhằm chán sinh tử. Có vị chứng quả Tu-đà-hoàn, có vị chứng quả Tư-đà-hàm, có vị chứng quả A-na-hàm, có vị chứng quả A-la-hán, có vị phát tâm Bích-chi-phật, có người phát tâm Bồ-đề vô thượng.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



43- Truyện Nói Về Do Ác Kiến Không Bố Thí Nước Nên Đọa Vào Loài Ngạ Quỷ

Một thuở nọ, Đức Phật ngự trong vườn trúc Ca-

lan-đà, thành Vương xá.

Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đang ngồi dưới gốc cây thấy một ngạ quỷ mình mẩy như thân cây bị cháy, bụng to như quả núi, cổ họng nhỏ như cây kim, tóc mọc tua tủa như đao nhọn lại quấn chặt vào thân thể, giữa các chi tiết đều bị lửa đốt, môi miệng khô nóng, khát nước gần chết, chạy đến sông suối, thì sông suối đều khô cạn. Dù cho mưa xuống thì nước mưa rơi trên thân ngạ quỷ cũng biến thành lửa đỏ.

Ngài Đại Mục-kiền-liên bèn hỏi ngạ quỷ:

– Trước kia ngươi đã gây nghiệp gì, mà nay phải chịu nỗi khổ này?

Ngạ quỷ đáp:

– Tôi đang bị khát, chịu khổ không thể kể xiết, xin Ngài hãy đến thưa hỏi Phật.

Ngài Mục-kiền-liên liền đến gặp Phật, đề hỏi Ngài về việc ấy. Bấy giờ, Đức Thế Tôn đang giảng nói pháp mầu cho đại chúng nghe, thấy Mục-kiền-liên đến, Ngài ôn tồn hỏi Mục-kiền-liên có thấy điều gì lạ chăng.

Mục-kiền-liên bạch Phật:

– Vừa rồi con ngồi dưới một gốc cây, thấy có một ngạ quỷ, thân thể bị lửa đốt cháy, chạy rong khắp nơi.

Ngài Mục-kiền-liên bèn thuật hết sự việc trên cho Phật nghe và hỏi Ngài ngạ quỷ đã gây ra nghiệp

ác gì, mà phải chịu khổ não như thế.

Đức Phật bảo Mục-liên:

– Nay thầy hãy lắng nghe, Ta sẽ giải thích rõ. Trong hiện kiếp này, tại nước Ba-la-nại có Đức Phật ra đời, hiệu là Ca-diếp.

Bây giờ, có một vị Sa-môn bị khát nước trong khi đi bộ qua một đoạn đường. Lúc ấy có một cô gái tên là Ác Kiến đang múc nước tại một cái giếng đá bên đường. Vị Sa-môn này đến hỏi cô gái xin nước.

Cô gái ấy đáp:

– Để cho ông chết khát luôn, chứ tôi không bao giờ bố thí nước cho ông, nếu cho ông thì nước còn ít, không đủ mang về.

Lúc ấy vị Sa-môn không xin được nước, tiếp tục lên đường. Cô gái ấy là người tham lam bòn xén, có người đến xin, cũng không bao giờ bố thí. Khi qua đời, cô gái ấy bị đọa vào loại ngạ quỷ. Do nghiệp duyên ấy, cho nên ngày nay Ác Kiến phải chịu khổ não như thế.

Đức Phật bảo Mục-liên:

– Thầy nên biết cô gái không cho nước lúc bấy giờ, nay chính là ngạ quỷ này.

Khi Đức Phật nói về truyện nhân duyên của ngạ quỷ Ác Kiến, các Tỳ-kheo đều dứt bỏ tâm tham lam, bòn xén và nhàm chán sinh tử. Có vị chứng quả Tu-đà-hoàn, có vị chứng quả Tư-đà-hàm, có vị

chứng quả A-na-hàm, có vị chứng quả A-la-hán, có vị phát tâm Bích-chi-phật, có vị phát tâm Bồ-đề vô thượng.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



44- Truyện Bàn-Đà-La Bị Đọa Làm Ngạ Quỷ Thân Thể Hôi Thối

Một thuở nọ, Đức Phật ngự trong vườn trúc Ca-lan-đà, ở thành Vương xá.

Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, gần đến giờ ăn, nên đắp y ôm bát vào thành khát thực, rồi trở về chỗ ở. Thọ trai xong, thu xếp y bát và ngồi kiết già dưới một gốc cây để nhập định.

Ngài Mục-kiền-liên thấy một ngạ quỷ, thân thể hôi thối, không thể đến gần. Ngài Mục-kiền-liên bèn hỏi ngạ quỷ:

– Người gây ra nghiệp gì mà bị quả báo thân thể hôi thối không thể đến gần như vậy?

Ngạ quỷ đáp:

– Xin Ngài hãy đến hỏi Phật, Ngài sẽ giải thích.

Bấy giờ Mục-kiền-liên liền đến gặp Đức Phật. Theo pháp thường của chư Phật thì trước hết là phải hỏi thăm:

– Thầy có thấy điều gì lạ chăng?

Mục-kiền-liên bạch Phật:

– Vừa rồi khi nhập định dưới một gốc cây, con thấy một ngạ quỷ, thân thể hôi thối còn hơn phần người, rong chạy khắp nơi tìm phần tiêu để ăn uống. Bạch Đức Thế Tôn, chẳng hay ngạ quỷ ấy đã gây ra nghiệp gì, mà phải chịu quả báo như vậy?

Đức Phật hỏi Mục-liên:

– Nay thầy muốn biết về việc ấy không?

Mục-kiền-liên bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, con rất muốn nghe.

Đức Phật bảo Mục-liên:

– Thầy hãy lắng nghe, Ta sẽ giải thích. Thuở xưa, cách nay vô lượng a-tăng-kỳ kiếp, tại nước Ba-la-nại có một vị Bích-chi-phật xuất hiện ở đời. Vị Bích-chi-phật trái cổ, tâm chuyên chú ngồi thiền ở nơi vắng vẻ. Ngài bị bệnh, thầy thuốc bảo phải ăn thịt mới lành bệnh được.

Lúc ấy Bích-chi-phật nghe thầy thuốc nói, liền vào thành, gặp trưởng giả tên là Cát Thiện, để xin thịt trị bệnh.

Trưởng giả bảo vợ là Bàn-đà-la:

– Tôi có việc gấp, ngay bây giờ phải khởi hành, bà ở nhà hộ vị Bích-chi-phật bệnh kia gì thì bà hãy cho thuốc nấy.

Người vợ trả lời:

– Ông cứ lo việc của mình đi, chớ bận tâm việc nhà. Đối với việc ăn uống thuốc men của Bích-chi-

phật đã có tôi đảm đương cúng dường.

Nhưng khi trưởng giả ra đi, Bàn-đà-la ở nhà lại sinh tâm tham lam tiếc rẻ, suy nghĩ rằng: “Bây giờ nếu ta bỏ thí cho ông ấy, thì ngày mai ông ta lại đến nữa. Hạng người gì thật đáng ghét!”. Nghĩ vậy, bà liền bảo vị Bích-chi-phật đưa bát rồi đem vào chỗ khuất, đại tiện vào rồi phủ đầy lên trên, đem trao cho Bích-chi-phật. Khi nhận, vị Bích-chi-phật biết ngay rằng đó là vật hôi thối, liền đổ xuống đất rồi ôm bát đi.

Do nghiệp ác ấy, nên trong vô lượng kiếp, Bàn-đà-la thường đọa vào loài ngạ quỷ, thân thể hôi thối, không thể đèn gần, hay ăn phần người mà cho là ngon.

Đức Phật bảo Mục-liên:

– Thầy nên biết, người vợ trưởng giả đại tiện vào bát bỏ thí cho vị Bích-chi-phật lúc bấy giờ, nay chính là ngạ quỷ này.

Khi Đức Phật nói về truyện nhân duyên của ngạ quỷ ấy, các Tỳ-kheo liền dứt bỏ tâm tham lam bôn xển, nhằm chán sinh tử; có vị chứng quả Tu-đà-hoàn, có vị chứng quả Tư-đà-hàm, có vị chứng quả A-na-hàm, có vị chứng quả A-la hán, có vị phát tâm Bích-chi-phật, có vị phát tâm Bồ-đề vô thượng.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



45- Truyện Mục-Kiên-Liên Vào Thành Gặp Năm Trăm Ngạ Quỷ

Một thuở nọ, Đức Phật ngự trong vườn trúc Ca-lan-đà, ở thành Vương xá.

Bấy giờ, đã đến giờ khát thực, ngài Mục-kiên-liên đắp y, ôm bát vào thành khát thực.

Khi vào trong thành, Mục-kiên-liên gặp năm trăm ngạ quỷ từ ngoài đi vào. Ngạ quỷ thấy Mục-liên, chúng rất mừng, bèn thưa với ngài Mục-kiên-liên:

— Cúi mong Tôn giả, xin thương xót, hãy nói rõ họ tên chúng tôi cho những người trong thân quyến của chúng tôi biết rằng chúng tôi vì không tu nghiệp không thích bố thí, nên ngày nay phải đọa vào loài ngạ quỷ. Cúi xin Tôn giả bảo họ hãy dùng tài vật sắm sửa thức ăn ngon để thỉnh Đức Phật và chúng Tăng cúng dường. Nếu vật thiếu, xin hãy vì chúng tôi khuyên hóa các đàn-việt để cùng nhau mở hội, giúp cho chúng tôi thoát khỏi thân ngạ quỷ.

Ngài Mục-kiên-liên liền hứa, lại hỏi các ngạ quỷ:

— Đòi trước các người đã gây ra nghiệp ác gì mà nay phải chịu quả báo như vậy?

Các ngạ quỷ đều cùng nhau thưa:

— Đòi trước chúng tôi đều ở tại thành Vương xá

này, là con của trưởng giả, nhưng tánh tính lại kiêu mạn, buông lung, không thích bố thí, tham ưa sự vui thế gian, không tin Tam bảo, không tin là đạo pháp vô lượng. Khi thấy các Sa-môn vào thành khát thực, chúng tôi chẳng những tự mình không bố thí mà còn ngăn cản không cho người khác cúng dường, còn nói: “Mấy đạo nhân này không tự làm ăn sinh sống, chỉ biết trông nhờ nơi bá tánh; nếu hôm nay cho họ thì mai họ lại đến nữa. Thật là những người không bao giờ nhàm chán, không bao giờ thấy đủ.” Do nghiệp duyên ấy, nên khi chết đi chúng tôi phải đọa vào loài ngạ quỷ, chịu tội báo này.

Bây giờ ngài Mục-kiền-liên nói với các ngạ quỷ:

– Nay, ta sẽ nói lại với những người bà con của các ngươi, để họ góp sức chung lo việc mở hội cúng dường. Nhưng lúc ấy các ngươi cũng phải đến dự hội.

Các ngạ quỷ đều cùng nhau thưa với Tôn giả:

– Chúng tôi vì tội nghiệp đời trước gây nên, tuy có hình thể, nhưng mình mẩy như thân cây bị cháy, bụng như núi lớn, cổ nhỏ như cây kim, tóc mọc tua tủa như dao nhọn, quấn chặt vào thân thể, giữa các chi tiết trong thân đều bị lửa đốt, rong chạy khắp nơi tìm thức uống ăn nhưng không được gì. Giả sử thấy được món ăn ngon, chạy đến thì món ăn ấy

đều biến thành máu mủ. Vậy với thân hình này làm sao chúng tôi có thể đến nơi mở hội được.

Ngài Mục-kiên-liên liền vì các nạ quỷ ấy trình bày với các bà con của chúng đầy đủ sự việc trên. Các bà con nghe rồi, họ rất đau buồn, cùng nhau hợp sức vì nạ quỷ mà mở hội. Khi đã mở hội ngài Mục-kiên-liên nhập định quán sát xem các nạ quỷ đang ở đâu. Mục-kiên-liên quán sát khắp cả mười sáu nước lớn, kể quán khắp cả cõi Diêm-phù-đề, cả bốn cõi Thiên hạ và một ngàn thế giới, cho đến cả thế giới Tam thiên đại thiên, cũng không thấy nạ quỷ đâu cả.

Mục-kiên-liên lấy làm lạ, bèn đến chỗ Đức Phật bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, nay con vì các nạ quỷ ấy khuyến hóa mọi người và bà con của chúng mở đại hội để tạo phước cứu giúp họ, nhưng con đã quán sát khắp cùng, mà không thấy các nạ quỷ. Bạch Đức Thế Tôn, chẳng hay các nạ quỷ ấy, hiện giờ chúng ở đâu?

Đức Phật bảo Mục-liên:

– Các nạ quỷ ấy bị gió nghiệp thổi đi, hàng Thanh văn các thầy không thể thấy biết. Tuy nhiên hiện giờ các nạ quỷ ấy nhờ thầy mở hội thiết cúng, nên tội chướng được tiêu trừ. Ta sẽ làm cho họ đến trong đại hội.

Ngài Mục-kiên-liên liền vì các nạ quỷ sắm sửa

các thức ăn ngon cúng dường Đức Phật và chúng Tăng.

Đức Phật dùng thần lực giúp các ngạ quỷ đến trong đại hội, để cho các Bà-la-môn, Sát-lợi và Cư sĩ trong thành Vương xá đều thấy hình dạng xấu xí đáng sợ của loài ngạ quỷ, mà dứt bỏ tánh tham lam, bòn xén, nhàm chán sinh tử. Sau khi chứng kiến hình ảnh đáng sợ ấy, tất cả đều được mở tỏ tâm ý, có vị chứng quả Tu-đà-hoàn, có vị chứng quả Tư-đà-hàm, có vị chứng quả A-na-hàm, có vị chứng quả A-la-hán, có vị phát tâm Bích-chi-phật, có vị phát tâm Bồ-đề vô thượng.

Bấy giờ Đức Thế Tôn vì các ngạ quỷ kia nói pháp bằng nhiều cách cho họ thấy rõ về những lỗi lầm của sự tham lam, bòn xén. Các ngạ quỷ đều sinh tâm kính tin. Ngay đêm ấy, các ngạ quỷ đều chết đi sinh lên tầng trời Đao-lợi.

Khi ấy họ tự nghĩ: “Chúng ta đã làm được việc phước gì mà được sinh lên cung trời Đao-lợi”. Họ liền quán sát, thấy mình trước kia đọa vào loài ngạ quỷ, đã nhờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên mở hội thỉnh Đức Phật và Tỳ-kheo Tăng cúng dường, nên được sinh lên tầng trời Đao-lợi này vậy.

“Chúng ta phải cùng nhau đến chỗ Ngài Mục-liên để đền đáp công ân”. Nói xong, các Thiên tử đầu đội mũ trời, đeo các chuỗi anh lạc, trang nghiêm thân thể, mỗi vị đều cầm hương hoa, từ cõi

trời xuống nhân gian đến cúng dường Đức Phật và Tôn giả Mục-kiền-liên. Cúng dường xong, các Thiên tử lui lại ngồi sang một bên nghe Đức Phật nói pháp, tâm ý được mở tỏ, tất cả đều có dấu hiệu thấy đạo, nhiều Phật ba vòng rồi trở về Thiên cung.

Đức Phật bảo ngài Mục-liên:

– Thầy nên biết, năm trăm ngạ quỷ lúc bấy giờ, nay chính là năm trăm vị Thiên tử.



46- Truyện Mẹ Chàng Ưu-Đa-La Bị Đọa Vào Loài Ngạ Quỷ

Một thuở nọ, Đức Phật ngự trong vườn trúc Ca-lan-đà, ở thành Vương xá.

Bấy giờ, trong nước ấy có một vị trưởng giả, có vô lượng tài sản của báu nhiều không thể tính kể, ông chọn một cô gái trong một gia đình giàu sang để cưới về làm vợ và thường tâu trời kỹ nhạc để mua vui cho nàng.

Khi người vợ ấy mang thai, qua mười tháng cưu mang thì sinh được một bé trai, tướng mạo khôi ngô đẹp đẽ, trên đời ít có, nên cha mẹ rất hài lòng, đặt tên là Ưu-đà-la.

Khi Ưu-đà-la lớn khôn thì trưởng giả qua đời, Ưu-đà-la tự nghĩ: “Cha mình trước giờ buôn bán để sống, nhờ đó lập nên gia nghiệp, bây giờ ta không nên học theo cách ấy!”. Đối với Phật pháp,

Ưu-đa-la có tâm kính tin và muốn xuất gia, bèn đến xin mẹ đi xuất gia.

Mẹ đáp:

– Cha con đã chết, ngoài con ra ta không còn ai, vậy tại sao con nỡ bỏ ta mà đi xuất gia? Nay ta còn sống, nhất định không cho con. xuất gia nhập đạo, khi ta chết rồi lúc ấy tùy con.

Ưu-đa-la không toại nguyện, trong lòng buồn bã, thưa mẹ:

– Nếu mẹ không cho con xuất gia thì ngay bây giờ con sẽ nhảy xuống vực sâu hoặc uống thuốc độc mà chết.

Mẹ nói:

– Con đừng nói vậy. Tại sao ngày nay con nhất định muốn xuất gia mới được chứ? Thôi từ nay về sau, nếu con muốn thỉnh các Sa-môn, Bà-la-môn,... thì mẹ sẽ sắm sửa các món ăn ngon để tùy ý con cúng dường.

Nghe mẹ nói, Ưu-đa-la an lòng. Sau đó Ưu-đa-la thường thỉnh các Sa-môn và Bà-la-môn về nhà để cúng dường.

Mẹ của Ưu-đa-la thấy các đạo sĩ thường xuyên lui tới, nên bà rất buồn bực và sinh tâm chán ghét, rồi thốt ra những lời độc ác, chửi mắng các Sa-môn, Bà-la-môn:

– Hạng người không chịu làm ăn, chỉ biết trông nhờ vào bá tánh, thật đáng ghét!

Lúc ấy Ưu-đa-la đi vắng, người mẹ bèn đồ thức ăn và nước uống xuống hố bỏ. Khi con về, mẹ liền nói:

– Con đi rồi, mẹ ở nhà sắm sửa thức ăn ngon cúng dường cho các Sa-môn và Bà-la-môn rồi.

Nói xong, bà dẫn con đến chỉ cho thấy chỗ bà đã đồ thức ăn nước uống và nói:

– Mẹ vừa cúng dường xong, các vị mới ra về.

Ưu-đa-la nghe mẹ nói, rất vui mừng. Về sau, người mẹ qua đời bị đọa vào loài ngạ quỷ. Ưu-đa-la được xuất gia, siêng năng tu tập, chứng đắc quả A-la-hán.

Một hôm, khi đang ngồi thiền trong một cái hang bên bờ sông, có một ngạ quỷ miệng mồm khô nóng, đói khát khô sở đến chỗ vị Tỳ-kheo nói rằng:

– Ta là mẹ của con đây.

Tỳ-kheo lấy làm lạ nói:

– Lúc còn sống mẹ tôi thường ưa bố thí, vì sao ngày nay lại đọa vào loài ngạ quỷ, phải chịu quả báo này?

Ngạ quỷ đáp:

– Vì mẹ tham lam, bòn xén không chịu cúng dường các Sa-môn, Bà-la-môn, vì thế mà phải chịu làm thân ngạ quỷ. Trong suốt hai mươi năm mẹ không được ăn uống gì cả, giả sử có đi ra sông, suối hay ao hồ uống nước, thì nước đều khô cạn, hoặc có đến cội cây có trái thì cây liền khô héo. Mẹ bị

đói khát nóng bức ép ngặt, không thể nói cho hết được.

Tỳ-kheo hỏi nga quỉ:

– Do đâu mà đến nỗi như vậy?

Nga quỉ đáp:

– Tuy ta bố thí như tâm thường bỏn xẻn. Đối với các Sa-môn, Bà-la-môn không có tâm cung kính, lại còn nhục mạ, nên ngày nay phải chịu quả báo này. Nếu thầy thỉnh Đức Phật và chúng Tăng cúng dường và sám hối, hồi hướng công đức cho ta thì chắc chắn ta sẽ thoát khỏi thân nga quỉ.

Lúc ấy thầy Tỳ-kheo nghe mẹ nói, vô cùng đau xót, bèn khuyến hóa các thí chủ sắm sửa thức ăn ngon thỉnh Đức Phật, chư Tăng cúng dường. Sau khi cúng dường xong, nga quỉ kia liền hiện thân tại pháp hội để tỏ bày tội lỗi sám hối.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói pháp cho nga quỉ này nghe bằng mọi cách. Nga quỉ sinh tâm hổ thẹn. Ngay trong đêm ấy nga quỉ qua đời, lại thọ thân khác, đọa vào loài nga quỉ biết bay, đầu đội mào trời, cổ đeo các thứ chuỗi anh lạc, trang nghiêm thân thể lại đến chỗ Tỳ-kheo thưa:

– Ta cũng chưa thoát được thân nga quỉ, một lần nữa thầy hãy khuyến hóa các thí chủ thiết lễ cúng dường, sắm sửa các thứ giường ghế, mừng mền để cúng dường chư Tăng khắp nơi hồi hướng công đức cho ta, thì ta mới thoát được thân nga quỉ.

Thầy Tỳ-kheo nghe mẹ nói lại khuyên hóa thí chủ sắm sửa đầy đủ thức uống ăn và giường ghế, mừng mền để cúng dường chư Tăng khắp nơi.

Sau khi cúng dường xong, ngạ quỷ hiện thân trước đại chúng, lại sám hối. Ngay trong đêm ấy ngạ quỷ chết đi, được sinh lên tầng trời Đao-lợi. Liên nghĩ rằng: “Không biết ta đã gieo trồng phước đức gì mà được sinh lên tầng trời này?”. Bèn quán sát biết rằng nhờ người con là Tỳ-kheo đã sắm sửa các thức ăn ngon cúng dường Đức Phật và chúng Tăng hồi hướng công đức cho mình mà được thoát thân ngạ quỷ, sinh lên cõi trời. Vậy nay mình phải đền đáp ân đức của Đức Phật và vị Tỳ-kheo.

Nghĩ xong, vị trời này liền đội mũ trời, đeo các thứ chuỗi anh lạc, trang nghiêm thân thể, mang hương hoa đến cúng dường Đức Phật và người con Tỳ-kheo.

Cúng dường xong, vị trời lui lại ngồi sang một bên, nghe Đức Phật nói pháp, tâm ý được mở tỏ, chứng được quả Tu-đà-hoàn, nhiều quanh Phật ba vòng rồi trở lại cõi trời.

Khi Đức Phật nói về việc mẹ chàng Ưu-đa-la, các Tỳ-kheo đều dứt bỏ tâm tham lam, bỏn xẻn và nhàm chán sinh tử; có vị chứng được quả Tu-đà-hoàn, có vị chứng quả Tư-đà-hàm, có vị chứng quả A-na-hàm, có vị chứng quả A-la-hán, có vị phát

tâm Bích-chi-phật, có vị phát tâm Bồ-đề vô thượng.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



47- Truyện Nga Quỷ Sinh Ra Đã Bị Mù

Một thuở nọ, Đức Phật ngự trong khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ Tôn giả A-nan đắp y, ôm bát vào thành khát thực, gặp một nga quỷ mình mẩy như thân cây bị cháy, bụng to như núi, cổ họng nhỏ như cây kim, bị mù từ lúc sinh ra, bị các loài quạ, cú, thú, điều... cắn mổ; lại còn tự đánh mình rồi lớn tiếng kêu la, không lúc nào ngừng.

A-nan hỏi nga quỷ:

– Đời trước ngươi gây ra nghiệp ác gì, mà nay chịu khổ như vậy?

Nga quỷ đáp:

– Nơi có mặt trời thì không cần đèn đuốc. Trên đời có Như Lai, xin Tôn giả hãy đến hỏi Ngài.

Bấy giờ, A-nan liền đến gặp Phật, bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, vừa rồi con vào thành khát thực, thấy một nga quỷ chịu khổ não dữ dội, không thể nói hết được.

Ngài A-nan liền trình bày hết sự việc cho Phật

nghe và bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, chẳng hay đời trước ngã quỉ kia đã gây ra nghiệp ác gì mà nay chịu thọ quả báo như thế?

Đức Phật bảo A-nan:

– Ông hãy lắng nghe, Ta sẽ giải thích rõ. Trong hiền kiếp này, tại nước Ba-la-nại, có Đức Phật ra đời hiệu là Ca-diếp. Đức Phật dẫn đầu các Tỳ-kheo đi giáo hóa chúng sinh, theo thứ lớp Ngài đến vườn Nai, bấy giờ có một phụ nữ đang mang thai. Khi thấy Đức Phật Thế Tôn, phụ nữ ấy sinh tâm rất kính tin.

Đủ mười tháng, người phụ nữ sinh được một bé gái, dung mạo xinh đẹp khác thường mọi người đều kính quý. Bé gái dần dần khôn lớn.

Một hôm, cô gái ấy đến chỗ Phật, nghe Phật nói pháp, sinh kính tin. Khi trở về nhà cô thưa với cha mẹ:

– Xin cha mẹ bằng lòng cho con được xuất gia.

Lúc ấy cha mẹ cố ngăn cản, nhưng không thể làm cho cô từ bỏ ý định. Sau đó cô xuất gia làm Tỳ-kheo-ni.

Vị Tỳ-kheo-ni được cha mẹ xây dựng cho một ngôi chùa, lại thỉnh các Tỳ-kheo-ni về ở chung chùa. Hôm ấy, vị Tỳ-kheo-ni con của trưởng giả, đối với Giới luật có hủy phạm chút ít, nên bị các Tỳ-kheo-ni đuổi ra khỏi chùa. Tỳ-kheo-ni rất hồ

thẹn, không dám về nhà, phải ở nhờ nhà người khác, cô sinh tâm giận dữ nói:

– Ngôi chùa đó là của ta, ta cư trú trong đó, nay tại sao các người lại đuổi ta để mình ở như thế?

Sau đó, cô bèn đi nói những lời xấu của các Tỳ-kheo-ni cho các trưởng giả cư sĩ nghe:

– Các người ấy giống như ngạ quỷ, không chịu làm ăn sinh sống mà chỉ biết trông nhờ vào bá tánh. Ta thề kiếp sau không thấy bọn họ nữa.

Thề như vậy rồi, về sau Tỳ-kheo-ni qua đời bị đọa vào loài ngạ quỷ sinh ra đã bị mù hai mắt.

Đức Phật bảo A-nan:

– Thầy nên biết, con gái của vị trưởng giả xuất gia nhập đạo; vì bị đuổi khỏi chùa nên dùng lời độc ác để phỉ báng các Tỳ-kheo-ni lúc ấy, nay chính là ngạ quỷ sinh ra đã bị mù kia vậy.

Khi Đức Phật nói về truyện nhân duyên của ngạ quỷ sinh ra đã bị mù thì các Tỳ-kheo đều giữ gìn ba nghiệp, thân, miệng, ý, nhằm chán sinh tử; có vị chứng quả Tu-đà-hoàn, có vị chứng quả Tư-đà-hàm, có vị chứng quả A-na-hàm, có vị chứng quả A-la-hán, có vị phát tâm Bích-chi-phật, có vị phát tâm Bồ-đề vô thượng.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



48- Truyện Trưởng Giả Nhã-Đạt-Đa Vì Tham Lam Nên Bị Đọa Vào Loài Ngạ Quỷ

Một thuở nọ, Đức Phật ngự trong khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, trong thành có một vị trưởng giả, tên là Nhã-đạt-la, có vô lượng tài vật của báu, tôi tớ, voi ngựa trâu dê nhiều không thể tính kể.

Một hôm, trưởng giả rời thành ra ngoài dạo chơi thưởng ngoạn phong cảnh, khi đến tỉnh xá Kỳ hoàn, trưởng giả thấy Đức Phật Thế Tôn có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, ánh sáng soi khắp như trăm ngàn mặt trời, trang nghiêm thân Ngài, trưởng giả sinh tâm rất kính tin đánh lễ dưới chân Phật rồi lui lại ngồi sang một bên để nghe Phật nói pháp. Trưởng giả vui mừng, trở về từ già gia đình và bà con để cầu xin nhập đạo. Được gia đình và bà con chấp nhận, trưởng giả trở lại bạch Phật xin được xuất gia.

Lúc ấy Đức Phật bèn gọi:

– Lành thay, Tỳ-kheo!

Trưởng giả, râu tóc tự nhiên rụng, thân mặc pháp phục, trở thành Sa-môn.

Những người trong thân tộc và dân chúng thấy Nhã-đạt-la là con nhà giàu sang mà xuất gia học đạo, nên tranh nhau cúng dường y bát và các vật cần dùng. Nhã-đạt-la được cúng dường sinh tâm tham, bòn xén không cúng dường lại cho những

vị đồng tu phạm hạnh. Về sau, khi qua đời, Nhã-đạt-đa bị đọa vào loài ngạ quỷ, trở lại giữ y bát.

Chúng Tăng thấy Nhã-đạt-đa chết, bèn mở cửa phòng định lấy y bát và đem thi hài làm phép yết-ma hỏa táng thì thấy một ngạ quỷ mình mẩy như thân cây bị cháy, hình dạng rất đáng sợ đang giữ lấy y bát này nên chẳng ai dám đến gần. Các Tỳ-kheo thấy vậy, liền trở về bạch Phật và thuật lại sự việc trên.

Bấy giờ, Đức Phật cùng các Tỳ-kheo đến căn phòng ấy, Ngài bảo ngạ quỷ:

— Sao ngươi không biết hổ thẹn, trước kia ngươi đã xuất gia nhập đạo, cũng vì tham đắm lợi dưỡng, không chịu bố thí, nên mới đọa vào loài ngạ quỷ có thân hình xấu xí. Vì sao ngươi đã không biết hổ thẹn mà còn trở lại ôm giữ y bát làm gì.

Đức Phật quả trách tham lam bồn xén có nhiều tội lỗi, chính điều này làm cho chúng sinh đọa vào đường ác. Đức Phật nói pháp cho ngạ quỷ nghe bằng mọi cách. Tâm ý được mở tỏ, ngạ quỷ rất hổ thẹn, liền lấy bát cho chúng Tăng. Nửa đêm hôm ấy ngạ quỷ chết đi lại đọa vào loài ngạ quỷ biết bay, thân tướng đẹp đẽ khác thường, đeo các thứ chuỗi anh lạc, trang nghiêm thân thể, thân phát ra ánh sáng chiếu khắp tinh xá Kỳ hoàn, bay lên không trung chẳng khác gì các vị trời, đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Đức Phật rồi lui lại ngồi sang một bên.

Đức Phật liền nói pháp cho nga quỷ nghe bằng nhiều cách. Vị ấy tâm ý mở tỏ, vui mừng lui ra.

Sáng hôm sau, các Tỳ-kheo thưa hỏi Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, đêm qua có ánh sáng chiếu khắp Kỳ hoàn, đó là Phạm vương, Đế Thích, bốn vị Thiên vương và hai mươi tám bộ Quỷ thần tướng hay là các vị Đại Bồ-tát từ các nơi đến nghe pháp?

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Chẳng phải Đế Thích, Phạm vương hay hai mươi tám bộ các Thần vương mà là một vị trưởng giả rất giàu có trong thành Xá-vệ xuất gia nhập đạo, gần đây mạng chung bị đọa vào loài nga quỷ biết bay, nay đem hương hoa đến cúng dường Ta. Ánh sáng này từ thân nga quỷ ấy phát ra.

Khi Đức Phật nói về truyện nhân duyên nga quỷ, các Tỳ-kheo đều dứt bỏ tâm tham lam bòn xén, nhàm chán sinh tử; có vị chứng quả Tu-đà-hoàn, có vị chứng quả Tu-đà-hàm, có vị chứng quả A-na-hàm, có vị chứng quả A-la-hán, có vị phát tâm Bích-chi-phật, có vị phát tâm Bồ-đề vô thượng.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



49- Truyện Nga Quỷ Tự Ăn Thịt Năm Trăm

Nga Quỷ Con Do Nó Sinh Ra

Một thuở nọ, Đức Phật ngự trong vườn trúc Ca-lan-đà, trong thành Vương xá.

Bấy giờ, Tôn giả Na-la-đạt-đa mặc y, ôm bát vào thành khát thực. Khi Tôn giả trở về nơi cũ để thọ trai xong, từ xa nhìn thấy tinh xá Kỳ hoàn toàn một màu đỏ như máu. Tôn giả lấy làm lạ, liền đến xem; thấy một nga quỷ da thịt tiêu hết, chỉ còn bộ xương, trong một ngày đêm sinh ra được năm trăm nga quỷ con, gầy còm ốm yếu, không có khí lực. Trong khi nga quỷ sinh con thì tay chân rụng rời, bị đói khát hành hạ, vừa sinh ra con nào thì liền ăn thịt con nấy mà không bao giờ no.

Lúc ấy Tôn giả Na-la-đạt-đa hỏi nga quỷ:

– Người đã gây ra nghiệp ác gì, mà nay phải chịu quả báo đau khổ như vậy?

Nga quỷ đáp:

– Xin Tôn giả hãy hỏi Đức Phật Thế Tôn, Ngài sẽ nói cho Tôn giả nghe.

Bấy giờ, Na-la-đạt-đa liền đến gặp Phật, đánh lễ dưới chân Phật, rồi lui lại đứng sang một bên. Theo pháp thường của chư Phật thì trước hết là hỏi thăm.

Đức Thế Tôn hỏi:

– Nay thầy có thấy điều gì lạ chăng?

Na-la-bạch Phật:

– Vừa rồi, khi con đang đi trông thấy một nga

quí, trong một ngày đêm sinh ra năm trăm ngựa quí con, vì quá đói khát nên sinh con rồi ăn thịt con. Bạch Thế Tôn, chẳng hay đời trước ngựa quí này đã gây ra nghiệp ác gì mà nay phải chịu quả báo như vậy?

Đức Phật bảo Na-la-đạt-đa:

– Nếu thầy muốn biết, hãy dốc lòng nghe, Ta sẽ giải thích rõ. Trong hiền kiếp này, tại nước Ba-la-nại có một vị trưởng giả, vàng bạc, châu báu, tôi tớ, voi ngựa trâu dê nhiều không thể tính kể. Trưởng giả ấy chỉ có một vợ mà không có con, cầu xin với Thần linh, để mong được sinh con nhưng không được.

Lúc ấy trưởng giả cưới thêm một cô gái trong dòng họ, không bao lâu, trưởng giả được biết cô vợ sau đã có thai. Vợ cả hay tin, sinh lòng ganh tị, bà âm thầm dùng thuốc độc làm trụy thai vợ nhỏ.

Lúc ấy những người bà con của vợ nhỏ đến hành hung, họ dùng gậy gộc, tay chân để hỏi vợ cả có làm việc ấy không. Vợ cả nửa muốn nói thật vì sợ bị chết bởi đòn roi, nửa không dám nói vì sợ cũng bị tra khảo đau đớn vô cùng. Trong lúc bị dồn ép bức bách ấy, bà mới thề liề rằng:

– Nếu tôi thật sự có làm cô ấy trụy thai, thì khi chết tôi sẽ đọa vào loài ngựa quí, một ngày một đêm sinh năm trăm ngựa quí con, sinh con ra lại ăn thịt con mình và không bao giờ biết no.

Bà thê thốt như vậy rồi bỏ đi.

Đức Phật bảo Na-la-đạt-đa:

– Thầy nên biết, người vợ cả thời ấy, vì sinh lòng ghen ghét làm trụy thai người khác, rồi dối trá thê thốt đọa vào loài ngạ quỷ, nên nay phải thọ quả báo như vậy.

Khi nghe Đức Phật dạy tâm ganh ghét có nhiều tội lỗi, làm cho chúng sinh đọa vào đường ác, các Tỳ-kheo tâm ý được mở tỏ, có vị chứng quả Tu-đà-hoàn, có vị chứng quả Tư-đà-hàm, có vị chứng quả A-na-hàm, có vị chứng quả A-la-hán, có vị phát tâm Bích-chi-phật, có vị phát tâm Bồ-đề vô thượng.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



50- Truyện Chàng Diêm-Ba-La Giống Ngạ Quỷ

Một thuở nọ, Đức Phật ngự trong giảng đường Trùng các, bên bờ sông Di-hâu, thành Tỳ-xá-ly.

Bấy giờ, trong thành có một vị trưởng giả tên là Già-la. Ông kén chọn người xứng đáng phù hợp để cưới làm vợ và thường tấu trời âm nhạc để mua vui cho nàng.

Sau đó, người vợ mang thai, tự nhiên có mùi hôi thối, không ai có thể tới gần. Trưởng giả hỏi

vợ:

– Trước kia nàng không có như vậy, tại sao nay lại có mùi hôi thối như thế?

Vợ đáp:

– Đó là do hành nghiệp của đứa con trong bụng em gây ra khiến cho như thế.

Mang thai đủ mười tháng, người vợ sinh được một bé trai, chỉ có da bọc xương, ốm yếu gầy gò, không ai muốn nhìn, lại khi sinh ra mình mây dính đầy phần ướ. Đứa trẻ dần dần khôn lớn, nhưng không muốn ở nhà mà chỉ thích đi tìm đồ phần ướ, không chịu dứt bỏ.

Cha mẹ và bà con thấy nó như vậy không muốn thấy mặt; bèn đuổi nó đi thật xa để khỏi gần gũi. Người con ra đi, tìm phần ướ làm thức ăn. Dân chúng thấy vậy, bèn đặt tên là quỷ Diêm-ba-la.

Bấy giờ, trong nước có bọn ngoại đạo, tình cờ đi đường gặp Diêm-ba-la, họ khen tốt lắm. Diêm-ba-la nghe khen, mừng vui khôn xiết, bèn nói với các ngoại đạo:

– Xin các vị hãy rủ lòng thương cho tôi được nhập đạo.

Khi ấy, các ngoại đạo liền cho Diêm-ba-la xuất gia. Họ bảo Diêm-ba-la phải khóa thân, bôi tro vào mình, tu theo tịnh hạnh.

Diêm-ba-la tuy là ở trong đạo, nhưng lại ưa thích những nơi có phần ướ dơ bẩn. Các ngoại đạo

thấy vậy đều quở trách, có khi họ dùng roi đánh đập và nói rằng:

– Ông là người, tại sao lại ưa thích chỗ bất tịnh như vậy.

Diêm-ba-la thường bị các ngoại đạo trách mắng hoặc đánh đập bèn bỏ ra đi, đến sống một mình thỏa thích tại hồ nước bên bờ sông.

Lúc ấy tại bờ sông, lại có năm trăm ngạ quỷ đang sống ở đó, thấy Diêm-ba-la đến với thân hình rất hôi thối, nên chúng chỉ ở bên trong, chẳng dám gần gũi, nhưng Diêm-ba-la thường tự khen ngợi mình với các quỷ:

– Tôi ở tại nhân gian thường bị quở trách, đánh đập rất khổ sở. Nay ở đây, tôi không còn bị mắng nhiếc đánh đập, thật là sung sướng. Nhưng các ngạ quỷ thấy Diêm-ba-la hôi thối dơ bẩn, nên họ đều bỏ đi. Lúc ấy Diêm-ba-la nói với các ngạ quỷ:

– Thân hôi thối của tôi nhờ các anh mà sống được vài ngày, nay các anh lại bỏ tôi mà đi, từ nay về sau tôi biết sống sao đây?

Diêm-ba-la nói xong, trong lòng rất khổ não, buồn rầu đến nỗi ngã quy xuống đất.

Bấy giờ Đức Thế Tôn sáu thời trong một ngày đêm thường quán sát chúng sinh, xem chúng sinh nào độ được, Ngài liền đến hóa độ. Phật thấy Diêm-ba-la mất hết bạn bè, ưu sầu khổ não, Ngài liền đến chỗ hồ nước nói pháp, khiến Diêm-ba-la

vui mừng.

Diêm-ba-la thấy Phật Thế Tôn các căn vắng lặng, ánh sáng quang minh chiếu soi như trăm ngàn mặt trời trang nghiêm thân Ngài nên rất vui mừng và gieo năm vốc sát đất, bạch:

– Bạch Đức Thế Tôn, trong thế gian này, những người thấp hèn như con có được xuất gia hay không?

Đức Phật đáp:

– Trong giáo pháp của Ta, không có người cao quý hay thấp hèn nào mà không được xuất gia.

Diêm-ba-la nghe Phật dạy, bèn bạch:

– Cúi xin Thế Tôn từ bi thương xót cho con được xuất gia.

Khi ấy Thế Tôn liền giơ cánh tay phải màu vàng ròng và gọi:

– Lành thay, Tỳ-kheo!

Diêm-ba-la, râu tóc tự rơi rụng, thân mặc pháp phục, liền thành Sa-môn, oai nghi đỉnh đạc giống như một vị Tỳ-kheo đã có mười hai tuổi hạ không khác.

Sau khi nhờ ân Phật được xuất gia, Diêm-ba-la liền ở trước Đức Phật nói kệ:

*Nay được nhờ ân Phật
Vừa ý, như sở nguyện
Trừ bỏ thân hôi thối
Được thành vị Sa-môn.*

Đức Phật bảo Diêm-ba-la:

– Giờ đây, trong giáo pháp của Ta, thầy đã được xuất gia, vậy hãy siêng năng tu tập, giữ gìn tâm ý.

Không bao lâu, Diêm-ba-la chứng đắc quả A-la-hán, đầy đủ ba minh, sáu phép thần thông và tám pháp giải thoát, được các trời người kính ngưỡng.

Các Tỳ-kheo thấy việc ấy, bèn bạch Đức Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, Tỳ-kheo Diêm-ba-la này đời trước đã gây ra nghiệp ác gì, mà nay phải chịu tội báo như vậy, lại do nhân duyên gì được gặp Đức Phật Thế Tôn và rồi đắc quả A-la-hán.

Lúc ấy Đức Thế Tôn nói kệ cho các Tỳ-kheo nghe rằng:

*Trước gieo nghiệp thiện, ác
Trăm kiếp cũng không mất
Vì nhân duyên tội nghiệp
Nay chịu quả báo này.*

Các Tỳ-kheo nghe Phật nói kệ xong, lại bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, chẳng hay việc ở quá khứ như thế nào? Cúi mong Đức Thế Tôn giải thích cho chúng con được biết.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy hãy lắng nghe, Ta sẽ giải thích. Trong hiện kiếp này, lúc ấy con người sống lâu bốn vạn tuổi. Tại nước Ba-la-nại có Đức Phật ra đời,

hiệu là Ca-la-ca-tôn-đà. Ngài cùng các Tỳ-kheo đi giáo hóa chúng sinh, đến nước Bảo điện, nhà vua nghe tin Phật đến, trong lòng rất vui mừng, liền cùng các quan ra khỏi thành đón rước, vua quan cùng đánh lễ dưới chân Phật rồi quỳ thẳng chấp tay, thỉnh Phật:

– Cúi mong Đức Thế Tôn từ bi thương xót nhận bốn thứ cúng dường của con trong ba tháng.

Đức Phật liền chấp nhận. Sau khi biết Đức Phật đã chấp nhận, vua liền vì Đức Phật và Tỳ-kheo Tăng cho xây dựng phòng ốc, rồi thỉnh một Tỳ-kheo làm trụ trì để trông coi việc Tăng.

Một hôm, vị trụ trì có việc đi vắng. Lúc ấy có một vị Tỳ-kheo La-hán vào chùa, oai nghi khoan thai rất đáng chiêm ngưỡng. Các thí chủ của vị trụ trì bèn mời Tỳ-kheo ấy vào nhà tắm để tắm rửa. Sau đó, Tỳ-kheo lại xoa dầu thơm lên người.

Khi vị trụ trì trở về, thấy vị Tỳ-kheo này xoa dầu thơm lên mình, liền sinh lòng ganh ghét, rồi dùng lời lẽ độc ác mắng nhiếc Tỳ-kheo:

– Ông là người xuất gia, sao lại làm như vậy? Chẳng khác nào bôi phẩn người lên mình.

Vị La-hán nghe vị trụ trì nói vậy, sinh tâm thương xót. Vị La-hán bỗng vọt lên không trung, hiện ra mười tám thứ thần biến. Lúc ấy vị trụ trì thấy sự thần biến, rất sinh tâm hổ thẹn và hướng về vị La-hán để sám hối tội lỗi. Do nghiệp duyên ấy

nên trong năm trăm đời khi sinh ra, thân Diêm-ba-la thường hôi thối, không ai dám đến gần.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy nên biết, vị trụ trì đã dùng lời lẽ ác độc mắng nhiếc vị La-hán lúc bấy giờ nay chính là Tỳ-kheo Diêm-ba-la vậy. Nhưng nhờ lúc ấy đã từng xuất gia và hướng về La-hán sám hối tội lỗi, cho nên nay gặp Ta, được xuất gia và đắc đạo.

Khi Đức Phật nói truyện nhân duyên của Diêm-ba-la, các Tỳ-kheo đều giữ gìn ba nghiệp thân, miệng, ý; dứt bỏ tâm ganh ghét, nhằm chán sinh tử; có vị chứng đắc quả Tu-đà-hoàn, có vị chứng đắc Tư-đà-hàm, có vị chứng đắc quả A-na-hàm, có vị chứng đắc quả A-la-hán, có vị phát tâm Bích-chi-phật, có vị phát tâm Bồ-đề vô thượng.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



SOẠN TẬP KINH MỘT TRĂM TRUYỆN NHÂN DUYÊN

QUYỂN 6

Phẩm 6: CHƯ THIÊN XUỐNG TRẦN GIAN CÚNG DƯỜNG

51- Truyện Trưởng Giả Hiền Diện Vì Tham Lam Bỏn xẻn Mà Bị Đọa Làm Rắn Độc

Một thuở nọ, Đức Phật ngự trong vườn trúc Ca-lan-đà, tại thành Vương xá.

Bấy giờ, trong thành có một vị trưởng giả, tên là Hiền Diện, có vô lượng tài sản, vật báu, nhiều không thể tính kể. Nhưng trưởng giả lại có tính tà vạy, tham lam, bỏn xẻn ganh ghét; không bao giờ biết bố thí, ngay cả chim muông ông cũng xua đuổi không cho bay gần nhà. Nếu có các Sa-môn, Bà-la-môn hay những kẻ nghèo khổ đến xin thì ông dùng lời lẽ ác độc mắng chửi họ.

Do tánh của ông chỉ lo tìm cầu tài sản, chứa đê của cải, mà không chịu bố thí, nên khi chết đi bị đọa làm rắn độc, trở lại giữ tài sản ấy. Nếu có ai tới

gần thì rắn giận dữ hung hăng, trợn mắt nhìn họ, có thể khiến cho người chết được.

Một hôm, sự việc này đến tai vua Ba-tư-nặc. Vua lấy làm lạ, suy nghĩ: “Con rắn độc này hung hăng, giận dữ, thấy người là làm hại ngay, chỉ có Đức Phật Thế Tôn mới điều phục nó được”.

Nghĩ xong, vua cùng các quan đến gặp Đức Phật, đánh lễ dưới nơi chân Phật, rồi lui lại ngồi sang một bên, bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, Trong thành có một vị trưởng giả có tài sản vật báu nhiều vô lượng, mà không chịu bố thí, nay chết đi bị đọa làm rắn độc, rất hung hăng giận dữ và trở lại giữ tài sản ấy. Nếu có người đến gần nó liền làm hại. Cúi mong Thế Tôn hãy hàng phục con rắn ấy, chớ để nó hại người.

Đức Phật liền chấp nhận. Hôm sau Phật đắp y, ôm bát đến chỗ rắn ở.

Rắn thấy Đức Phật đến liền nổi giận hung hăng định cắn Ngài. Đức Phật dùng năng lực từ bi, từ năm đầu ngón tay Ngài phát ra ánh sáng năm màu chiếu vào thân rắn. Lúc ấy rắn cảm thấy mát mẻ, nọc độc tan biến, tâm thần khoan khoái, ngẩng đầu nhìn xung quanh tự hỏi:

– Người có phước đức nào đã phóng ánh sáng chiếu vào thân tôi, khiến tôi được mát mẻ khoan khoái như vậy?

Lúc ấy Thế Tôn biết rắn đã được điều phục, Ngài bèn bảo:

– Nay trưởng giả Hiền Diện, đời trước ngươi vì tham lam bòn xén, nên phải làm thân rắn tội ác này, nay vì sao lại còn tiếc nuôi của cải mà muốn cắn người như thế. Vì tánh hung dữ quá mức ấy, mà đời sau phải chịu nhiều khổ não.

Nghe Đức Phật dạy, rắn tự trách mình. Mây chướng ngại đã tiêu trừ, rắn đọc nhớ lại đời trước mình là trưởng giả, nhưng vì gây ra nghiệp ác, nên nay phải chịu quả báo làm rắn, nên đối với Đức Phật, rắn mới sinh tâm kính tin.

Bấy giờ Thế Tôn biết tâm rắn đã được thuần phục, bèn bảo:

– Đời trước ngươi đã không nghe lời Ta, nên phải làm thân rắn. Vậy hôm nay, ngươi phải chịu điều phục và vâng lời Ta dạy.

Rắn bạch Phật:

– Tùy Phật dạy bảo, con không dám chống trái.

Đức Phật bảo rắn:

– Nếu ngươi chịu thuần phục, hãy chui vào bát.

Đức Phật nói dứt lời, rắn liền chui vào bát Phật. Đức Phật đem bát trở về vườn trúc Ca-lan-đà.

Khi ấy vua Tần-bà-sa-la và thần dân nghe Thế Tôn đã điều phục được rắn độc, cho vào bát mang về, vua liền triệu tập nhân dân trong nước và cùng nhau đến xem. Rắn nằm trong bình bát của Phật,

nhìn thấy mọi người, nó sinh tâm hổ thẹn và chán ghét thân rắn. Khi chết, rắn được sinh lên tầng trời Dao-lợi, liền tự nghĩ: “Ta đã làm được phước đức gì mà được sinh lên cõi trời như thế?” Nghĩ vậy, vị trời này bèn quán sát thấy rằng khi còn ở nhân gian, mình làm rắn độc. Nhờ được gặp Phật, sinh tâm kính tin, nhằm chán thân rắn, mà được sinh lên cõi trời, thọ hưởng sự vui sướng ở cõi trời. Vị trời tự nghĩ: “Bây giờ, ta phải trở lại đền đáp ân đức của Như Lai”.

Vị trời này liền đội mũ trời, đeo các thứ chuỗi anh lạc, trang nghiêm thân thể, tay cầm hương hoa, thân phát ra ánh sáng, đến chỗ Đức Phật, đánh lễ dưới chân Ngài. Cúng dường xong, vị trời lui lại, ngồi sang một bên nghe Đức Phật nói pháp, tâm ý được mở tỏ, chứng đắc quả Tu-đà-hoàn, ở trước Phật dùng kệ khen ngợi:

*Bậc Đại Thánh vời vọi
Các công đức đều đủ
Mở mắt chúng sinh mù
Liền đắc được đạo quả.
Gạn bỏ căn phiền não
Vượt ra biển sinh tử
Nhờ ân đức của Phật
Lấp được ba đường ác.*

Sau khi nói kệ khen Phật, vị trời nhiễu ba vòng quanh Phật, rồi trở về Thiên cung.

Sáng hôm sau, vua Tần-bà-sa-la đến chỗ Đức Phật, bạch:

– Bạch Đức Thế Tôn, tối qua có ánh sáng chiếu soi nơi Thế Tôn ngự. Đó là do ánh sáng của trời Đế Thích, Phạm vương, Chuyển luân thánh vương hay hai mươi tám bộ Quỷ thần tướng?

Đức Phật đáp:

– Không phải Đế Thích, Phạm vương, cũng chẳng phải Thiên thần đến nghe pháp, mà là vị trưởng giả tham lam bòn xén ngày xưa, nay sinh lên cõi trời đến cúng dường Ta. Đó là ánh sáng của vị trời ấy.

Khi vua Tần-bà-sa-la nghe Phật nói về truyện tham lam bòn xén của trưởng giả Hiền Diện, trong chúng hội có vị chứng đắc quả Tu-đà-hoàn, có vị chứng đắc quả Tư-đà-hàm, có vị chứng đắc quả A-na-hàm, có vị chứng đắc quả A-la-hán, có vị phát tâm Bích-chi-phật, có vị phát tâm Bồ-đề vô thượng.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui vẻ thực hành.



52- Truyện Chàng Nguyệt Quang Sinh Lên Cõi Trời

Một thuở nọ, Đức Phật ngự trong khu lâm viên

Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, trong thành có một Bà-la-môn sống bằng nghề buôn bán và làm ruộng. Người vợ mang thai, đủ mười tháng, sinh được một bé trai, đặt tên là Nguyệt Quang. Nguyệt Quang dần dần khôn lớn, một hôm, cùng người con của trưởng giả Tu-đạt ra ngoài thành để dạo chơi, đến trong Tăng phường. Nguyệt Quang thấy các Tỳ-kheo siêng năng tu tập, chàng được nghe một bài kệ bốn câu, rất sinh lòng kính tin. Sau đó, Nguyệt Quang trở về nhà và bảy ngày sau thì qua đời, được sinh lên tầng trời Đao-lợi.

Lúc ấy cha mẹ Nguyệt Quang rất buồn bã, kêu gào than khóc không tìm chế được, người cha ôm thi hài con ra nghĩa địa khóc kể:

– Tôi chỉ có duy nhất một đứa con. Bây giờ nó đã bỏ tôi ra đi, rồi ai sẽ săn sóc tôi? Thật đau đớn biết chừng nào! Tôi thà chết theo nó, chứ không thể trở về nhà được.

Lúc ấy người bà con thân quyến can gián đủ điều, mà người cha ấy cũng không chịu về. Sự chân thành đó cảm ứng đến cung điện người con, khiến rung động chẳng yên. Vị trời này quán sát biết rằng mình từ trong cõi người sinh lên cõi trời và thấy cha mẹ ở nơi nghĩa địa đang ôm thi hài mình khóc lóc thảm thiết. Do đó mà cảm ứng đến cung điện làm cho rung động như vậy.

Vị trời này bèn xuống nhân gian, tự biến mình thành một vị Tiên với thân thể bị năm thứ lửa đốt, đến bên cha mẹ.

Lúc ấy Bà-la-môn hỏi vị Tiên:

– Nay ông đề cho năm thứ lửa đốt thân là để cầu điều gì?

Vị Tiên đáp:

– Tôi muốn được làm một quốc vương, xe làm bằng vàng và được khảm bằng các thứ châu báu, các vị trời Nhật, Nguyệt đứng hầu hai bên tôi và bốn vị Thiên vương kéo xe cho tôi đi khắp bốn cõi thiên hạ. Được như vậy không sung sướng hay sao?

Bà-la-môn trả lời:

– Dù cho ông có đốt thân suốt ngày đêm trong một trăm năm, để cầu chiếc xe bằng châu báu như vậy và được các vị trời hầu hạ, bảo vệ thì điều ấy cũng không bao giờ được.

Lúc ấy vị Tiên lại hỏi Bà-la-môn:

– Nay, ông ôm xác chết là để mong được điều gì?

Bà-la-môn đáp:

– Tôi chỉ có duy nhất một đứa con mà nó chết đi bỏ tôi. Do đó, tôi ôm nó là mong nó sống lại.

Nhân đó, vị Tiên nói:

– Dầu ông ôm xác nó, khóc lóc suốt ngày đêm trong một trăm năm, con ông cũng không thể sống

lại được.

Bà-la-môn nghe vị Tiên nói vậy, trong lòng hồ thẹn, thôi khóc và đứng lặng yên. Bấy giờ, vị Tiên kia biến trở lại thân cũ là vị trời, thừa cùng cha mẹ:

– Đứa con một của cha mẹ, giờ đây chính là con. Nhân một ngày nọ con có đến Tăng phường, được nghe một bài kệ bốn câu, sinh lòng vui mừng phát tâm kính tin. Khi chết đi con được sinh lên cõi trời. Vì muốn xóa tan nỗi sầu khổ của cha mẹ, nên con hóa làm vị Tiên đến đây để khuyên giải cha mẹ.

Bấy giờ cha mẹ của vị trời nghe con nói tâm ý liền được cởi mở, vui mừng khôn xiết.

Lúc ấy vị trời đầu đội mũ trời, đeo các thứ chuỗi anh lạc, trang nghiêm thân thể, tay cầm hương hoa, khuyên cha mẹ cùng đến gặp Đức Phật, cúng dường Phật xong, rồi lui lại ngồi sang một bên. Đức Phật liền giảng nói pháp Tứ đế cho họ nghe. Tâm ý được mở tỏ, tất cả đều đắc quả Tu-đà-hoàn.

Các Tỳ-kheo nghe thấy việc ấy, bước ra bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, trước kia vị trời này đã gieo trồng phước đức gì, mà nay khéo dùng lời khuyên lơn, giải thích cho cha mẹ hiểu để không còn buồn khóc và chứng được đạo quả như vậy?

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Không phải chỉ có ngày nay, vị trời kia mới giải tỏa cho cha mẹ khỏi buồn rầu, mà ngày xưa cũng đã từng cứu giúp cha mẹ.

Các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, lại bạch:

– Bạch Đức Thế Tôn, chẳng hay việc ngày xưa như thế nào? Cúi xin Đức Thế Tôn giải thích rõ cho chúng con được biết.

Bấy giờ Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy hãy lắng nghe, Ta sẽ giải thích rõ. Thuở xưa cách nay vô lượng kiếp, tại nước Ba-la-nại có một kẻ ngu, thường thích làm kẻ trộm cướp, lại có tánh tà dâm, lừa dối mọi người. Một hôm hắn bị quan bắt trói, giải giao về cho vua phán xử. Vua hỏi tội, kẻ ngu thú nhận những tội lỗi như trên. Vua ra lệnh phải đem giết.

Lúc bây giờ, vị trời này là con của kẻ ngu, tánh tình nhân hậu hiền nhu và hiếu thuận, cả nước đều biết tiếng, con vì cha đã cầu xin vua tha tội chết cho cha. Cầu xin đến ba lần. Vua không nỡ trái ý người con, bèn tha tội cho kẻ ngu và để ông đi đâu tùy ý.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy nên biết, kẻ trộm cướp lúc bấy giờ, nay chính là cha của vị trời; còn người con lúc ấy nay là vị trời. Vì có lần đã thọ pháp Tam quy với Phật Ca-diếp, nên nay vị trời được gặp Ta, được xuất gia và chứng được đạo quả.

Khi Đức Phật nói về truyện nhân duyên của vị trời này, trong chúng có vị chứng đắc quả Tu-đà-hoàn, cho đến có vị phát tâm Bồ-đề vô thượng.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



53- Truyện Hái Hoa Cúng Đường Đức Phật Được Sinh Lên Cõi Trời

Một thưở nọ, Đức Phật ngự trong khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ các trưởng giả giàu có trong thành đều nhóm họp trên một suối nước để tấu trời kỹ nhạc vui chơi. Để lập hội hoa Sa-la nên trong hội cử ra một người vào rừng hái hoa Sa-la về để làm vòng hoa. Bấy giờ, trên đường về chỗ hội, người hái hoa gặp Thế Tôn với ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp, ánh sáng chiếu khắp như trăm ngàn mặt trời. Trong lòng vui mừng, vị ấy đánh lễ dưới chân Phật rồi lấy hoa mà mình hái được rải lên thân Ngài để cúng dường. Sau khi cúng dường Thế Tôn, người hái hoa lại trở vào rừng để hái thêm hoa. Trong khi leo, cành bị gãy, người hái hoa rơi xuống đất và chết ngay, được sinh lên tầng trời Đao-lợi làm vị trời có tướng mạo khôi ngô khác thường, vị trời này dùng hoa Sa-la để làm cung điện.

Lúc ấy trời Đế Thích hỏi vị trời này:

– Ông ở đâu, đã làm được phước đức gì mà được sinh lên tầng trời này?

Vị trời đáp:

– Tôi ở cõi Diêm-phù-đề, đi hái hoa Sa-la được gặp Đức Thế Tôn. Tôi đã rải hoa lên mình Ngài cúng dường, nhờ công đức ấy, nên tôi được sinh lên tầng trời này.

Trời Đế Thích thấy vị trời này thân tướng đẹp đẽ, trang nghiêm bậc nhất, nên nói kệ khen ngợi:

*Màu thân như vàng ròng
Chiếu sáng rất xinh tươi
Dung mạo thật đẹp đẽ
Hơn hết trong các trời.*

Lúc ấy vị trời cũng dùng kệ đáp:

*Tôi nhờ ân Đức Phật
Dâng cúng hoa Sa-la
Do nhân duyên lành ấy
Nay được quả báo này.*

Vị trời nói kệ xong, liền cùng trời Đế Thích đến gặp Đức Phật, đánh lễ dưới chân Phật rồi lui lại ngồi sang một bên.

Đức Phật liền nói pháp cho nghe bằng nhiều cách. Tâm ý được mở tỏ, phá được hai mươi ức tà kiến nghiệp chướng, vị trời chứng quả Tu-đà-hoàn, trong tâm vui mừng, liền khen ngợi Phật bằng bài kệ:

Bậc Đại Thánh vời vọi

*Trên hết không ai bằng
 Cha mẹ và thầy tổ
 Công đức cũng không bằng.
 Bốn biển lớn khô cạn
 Vượt qua núi xương trắng
 Đóng bít ba đường ác
 Mở ba cửa giải thoát.*

Vị trời nói kệ xong, bước tới dưới chân Phật và nhiễu quanh Ngài ba vòng rồi trở về cõi trời.

Các Tỳ-kheo thấy việc ấy rồi sáng sớm hôm sau đến bạch Đức Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, đêm qua có ánh sáng chiếu khắp tinh xá Kỳ hoàn, đó là ánh sáng của Đế Thích, Phạm Thiên vương, bốn vị Thiên vương, hay là của hai mươi tám bộ Quỷ thần tướng?

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Không phải ánh sáng của trời Đế Thích, hay Phạm thiên, Quỷ thần, bốn vị Thiên vương, mà là người trước kia đã hái hoa Sa-la cúng dường Ta, nay được sinh lên cõi trời, đem các thứ hương hoa đến cúng dường Ta. Đó là ánh sáng của vị ấy.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



54- Truyện Nàng Công Đức Ý Cúng

Dường Tháp Được Sinh Lên Cõi Trời

Một thuở nọ, Đức Phật ngự tại vườn trúc Ca-lan-đà, trong thành Vương xá.

Bảy giờ, vua Tần-bà-sa-la, mỗi ngày ba lần, cùng các quan thuộc đến nơi Phật ngự để lễ bái cúng dường Thế Tôn.

Thời gian sau này, khi tuổi đã cao, thân thể ngày càng nặng nề, nên vua không thể hằng ngày đi lễ bái Phật như xưa.

Lúc ấy các quan đề nghị với đức vua:

– Xin đại vương đến gặp Phật, xin Ngài cho tóc và móng tay, để xây dựng chùa tháp ở hậu cung sắm sửa hương hoa, đèn đuốc cúng dường.

Vua bằng lòng, bèn đến chỗ Phật, bạch Phật. Lúc ấy Thế Tôn liền trao tóc và móng tay của Ngài cho vua Tần-bà-sa-la.

Trong hoàng cung, vua cho xây dựng chùa tháp, treo lọng phướn bằng tơ lụa, hương hoa đèn sáng. Hằng ngày vua đến cúng dường ba lần.

Lúc bảy giờ, thái tử A-xà-thế và Đề-bà-đạt-đa cùng nhau âm mưu giết hại vua cha, rồi tự lên ngôi. A-xà-thế ra lệnh cho các quan trong cung không được cúng dường ngôi tháp đó. Nếu ai trái phạm, thì vua sẽ trị tội không tha.

Sau đó, nhân ngày rằm tháng bảy, lúc chúng Tăng tự tứ, có một thể nữ trong cung tên là Công Đức Ý tự nghĩ: “Tháp này do tiên vương xây dựng,

nay vì không có người quét dọn nên bụi bặm dơ bẩn. Cho dù thân ta có bị vua hành hình, thì ta cũng rưới nước quét dọn, rồi đem hương hoa, đèn nến cúng dường.” Nghĩ rồi, Công Đức Ý liền đốt đèn cúng dường tháp.

Lúc ấy từ trên lầu cao, vua A-xà-thế thấy có đèn sáng trong tháp, ông rất tức giận, liền sai người đến xem tại sao có đèn sáng. Sứ giả đến thấy Công Đức Ý đốt đèn cúng dường, liền trở về tâu trình sự việc lên vua. Vua cho đòi Công Đức Ý đến hỏi lý do. Công Đức Ý đáp:

– Ngôi tháp này là nơi cúng dường, do tiên vương xây dựng, nhân ngày tốt nên tôi quét dọn sạch sẽ và thắp đèn cúng dường.

Vua A-xà-thế nghe Công Đức Ý nói xong, bèn hỏi:

– Người không nghe trước kia ta đã ra lệnh cấm rồi hay sao?

Công Đức Ý đáp:

– Tôi có nghe vua đã lệnh cấm, nhưng sự cai trị của vua hôm nay, không như tiên vương trước kia.

A-xà-thế nghe nói thế, càng thêm tức giận liền rút gươm chém Công Đức Ý, Công Đức Ý chết ngay. Nhờ thiện tâm ấy, Công Đức Ý được sinh lên tầng trời Đao-lợi, ánh sáng từ thân phát ra chiếu xa một do-tuần.

Lúc ấy trời Đế Thích và các vị trời cùng đến

xem và hỏi Công Đức Ý, nay là vị trời:

— Người đã làm được phước đức gì mà sinh lên cõi trời này và ánh sáng khác thường hơn hẳn các vị trời khác như vậy?

Vị trời dùng kệ đáp trời Đế Thích:

*Như Lai hiện ra đời
Ánh sáng như nhật, nguyệt
Soi chỗ đen tối kia
Thảy đều được sáng sủa
Người thấy sinh vui mừng
Tâm như tự nhiên dứt
Lành thay, Đáng Vô Thượng!
Ruộng phước cho chúng sinh..
Tín tâm tu phước đức
Tôi không tiếc thân mạng
Bị giết hại chết đi
Được sinh lên cõi trời.*

Sau khi nói kệ cho trời Đế Thích nghe xong, vị trời này đầu đội mũ trời, đeo các chuỗi anh lạc, trang nghiêm thân thể, cùng các vị trời khác, mỗi vị đều mang hương hoa xuống nhân gian cúng dường Thế Tôn. Lúc ấy ánh sáng chiếu khắp cả vườn Trúc, hơn hẳn lúc bình thường.

Các vị trời đánh lễ dưới chân Phật, rồi lui lại ngồi sang một bên. Đức Phật liền giảng nói pháp Tứ đế cho các vị nghe. Tâm ý được mở tỏ, các vị trời đều chứng quả Tu-đà-hoàn.

Sau khi chứng quả, vị trời nói:

– Tôi nhớ xưa kia, xương trắng chất đống còn cao hơn núi Tu-di, nước mắt còn nhiều hơn nước biển lớn; máu thịt khô cạn, thân mạng chết đi một cách vô ích. Từ nay tôi đã lìa bỏ nó.

Vị trời nói xong đi nhiều quanh Phật ba vòng rồi trở lại cõi trời.

Sáng hôm sau, các Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

– Đêm qua có ánh sáng khác hẳn ngày thường. Đó là ánh sáng của Đế Thích, Phạm thiên, bốn vị Thiên vương, hay là hai mươi tám bộ Quỷ thần tướng?

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Cũng chẳng phải ánh sáng của Phạm thiên, Quỷ thần, Đại tướng, mà là do một thể nữ ở hậu cung của vua Tần-bà-sa-la, tên là Công Đức Ý; vì cúng dường tháp, nên bị vua A-xà-thế giết chết. Khi qua đời thể nữ được sinh lên tầng trời Đao-lợi, nay đến cúng dường Ta. Đó là ánh sáng của vị trời ấy.

Khi Đức Phật nói về truyện nhân duyên của nàng Công Đức Ý, có vị chứng quả Tu-đà-hoàn, có vị chứng quả Tu-đà-hàm, có vị chứng quả A-na-hàm, có vị chứng quả A-la-hán, có vị phát tâm Bích-chi-phật, có vị phát tâm Bồ-đề vô thượng.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



55- Truyện Tu-Đạt Cỡi Voi Đi Khuyến Hóa

Một thuở nọ, Đức Phật ngự trong khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, trong thành có một vị trưởng giả, tên là Tu-đạt, cúng dường Phật trăm ngàn đồng tiền vàng. Ông nghĩ: “Như ta hôm nay, có vô lượng tài sản vật báu, tuy có thể cúng dường Đức Phật và chúng Tăng ở tinh xá Kỳ hoàn trăm ngàn đồng tiền vàng, cũng không phải là khó, nhưng nếu hôm nay khuyến hóa những kẻ nghèo khổ thấp kém giảm bớt chút ít tiền của hay những vật nhỏ như cây kim, sợi chỉ để bố thí, thì mới là khó, lại được vô lượng vô biên công đức.”

Nghĩ xong, Tu-đạt liền đến tâu lên vua Ba-tư-nặc. Vua bèn chấp nhận, liền sai các quan giúp đỡ, đánh trống loan truyền cho dân chúng trong thành biết rằng nay trưởng giả Tu-đạt muốn khuyến hóa mọi người làm việc bố thí. Nội trong bảy ngày, ông sẽ cỡi voi trắng lớn đi khắp hang cùng ngõ hẻm để khuyến khích dân chúng bố thí.

Lúc ấy dân chúng sinh tâm vui mừng, cùng đua nhau bố thí, người thì bố thí y phục, người thì bố thí chuỗi anh lạc, hoặc vàng bạc vật báu, cùng các thứ vòng xuyên, cho đến vật nhỏ như cây kim sợi chỉ, hễ bố thí được thứ gì thì họ đều bố thí.

Khi ấy, có một cô gái nghèo khổ, làm thuê ba tháng được một xấp vải, định để may áo. Thấy Tu-đạt khuyên hóa mọi người, nàng mới hỏi những người bên cạnh:

– Trưởng giả Tu-đạt lắm của nhiều tiền, đâu thiếu thốn gì. Vả lại, người ta được biết ông còn chôn của cải dưới đất; sao nay lại túng thiếu, phải xin người như vậy?

Mọi người nói:

– Thật ra trưởng giả không phải thiếu thốn; chỉ vì lòng Từ mà ông khuyên hóa mọi người, muốn cùng nhau làm phước, thỉnh Phật và chúng Tăng cúng dường.

Cô gái nghèo nghe nói, tâm nàng rất vui mừng, nói:

– Do đời trước tôi không bố thí, nên đời nay phải chịu nghèo khổ. Ngày nay nếu không lo bố thí nữa thì đời sau sẽ khốn khổ hơn.

Cô gái nghèo lại tự nghĩ: “Đức Phật ra đời rất khó gặp, tuy ta muốn thỉnh Đức Phật và chúng Tăng cúng dường nhưng không có vật gì. Trên người ta chỉ có mỗi một chiếc áo, nếu bố thí, thì ta phải chịu ngồi khỏa thân. Còn nếu không bố thí thì đời sau ta còn trông mong vào đâu. Ta nghèo khổ, rồi cũng phải chết, chỉ bằng bố thí chiếc áo này”.

Nghĩ xong, cô gái nghèo liền vào nhà ngồi trong cửa sổ cởi áo quăng ra cho Tu-đạt.

Trưởng giả Tu-đạt nhận áo rồi cho người đến xem.

Lúc ấy sứ giả thấy cô gái nghèo ngồi ở trần, mới hỏi:

– Sao nàng lại bỏ thí áo?

Cô gái nghèo đáp:

– Tôi sợ rằng đời sau sẽ nghèo khổ hơn nữa, Vì vậy cho nên tôi bỏ thí áo.

Sứ giả nói lại sự việc cho trưởng giả Tu-đạt nghe. Tu-đạt nghe rồi, khen ngợi đây là một sự việc lạ lùng. Ông liền cởi y phục đang mặc trên người đem biếu cho cô gái nghèo, cô gái nghèo được áo, trong lòng rất vui mừng thầm nghĩ: “Nay ta bỏ thí, liền được quả báo trước mắt, hưởng chi ở đời vị lai”.

Mấy ngày sau, cô gái nghèo qua đời được sinh lên tầng trời Đao-lợi. Cô gái nghèo giờ đây là vị trời tự nghĩ rằng: “Ta đã làm được phước gì mà được sinh lên cõi trời như thế?”.

Vị trời liền tự quán sát biết rằng khi còn ở nhân gian, mình là người nghèo khổ, vì bỏ thí áo nên được sinh lên cõi trời, vậy giờ đây phải trở lại để đền ân Đức Phật và trưởng giả Tu-đạt.

Lúc ấy vị trời đầu đội mũ trời, đeo các chuỗi anh lạc, trang nghiêm thân thể, mang theo hương hoa xuống nhân gian để cúng dường Đức Phật và trưởng giả Tu-đạt.

Đến nơi, vị trời đánh lễ dưới chân Phật rồi lui lại, ngồi sang một bên. Đức Phật liền nói pháp Tứ đế cho họ nghe. Tâm ý được mở tỏ, vị trời chứng được quả Tu-đà-hoàn, nhiễu quanh Phật ba vòng rồi trở lại cõi trời.

Sáng hôm sau, các Tỳ-kheo bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, đêm qua chúng con thấy có ánh sáng chiếu soi, đó là ánh sáng của trời Đế Thích, Phạm vương, bốn vị Thiên vương, hay là của hai mươi tám bộ Quỷ thần đại tướng?

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Đó chẳng phải ánh sáng của trời Đế Thích, Phạm thiên, các Thần vương, mà là một cô gái nghèo do Tu-đạt khuyến hóa mà bố thí áo, được sinh lên cõi trời, nay đến cúng dường Ta. Đó là ánh sáng của vị trời ấy.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy nên biết, cô gái nghèo lúc bấy giờ, nay là vị trời ấy vậy.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



56- Truyện Chim Anh Vũ Đầu Đàn Thỉnh

Phật

Một thuở nọ, Đức Phật ngự trong khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ.

Lúc bấy giờ, ba tháng hạ an cư đã mãn, Đức Phật và các Tỳ-kheo định đi đến hóa độ nước khác. Lúc ấy vua Tần-bà-sa-la cùng các quan ra khỏi thành, từ xa trông mong Đức Phật, nguyện rằng Thế Tôn đang ở đâu, xin Ngài từ bi thương xót cùng các Tỳ-kheo, đến thọ sự hiến cúng của họ.

Đức Thế Tôn từ xa biết vua có lòng khát ngưỡng, nên Ngài cùng các Tỳ-kheo Tăng lần lượt đi đến nước Ma-kiệt-đà.

Lúc ấy có một con chim Anh vũ đầu đàn đang dẫn đầu đàn Anh vũ, từ xa thấy Phật đến, nên vọt lên hư không bay ngược lại để đón rước Đức Phật và bạch:

— Cúi xin Thế Tôn và các Tỳ-kheo Tăng rủ lòng từ bi thương xót hãy đến khu rừng của chúng con nghỉ lại một đêm.

Đức Phật liền chấp nhận. Chim Anh vũ đầu đàn biết Phật đã chấp nhận, liền bay về khu rừng của mình báo các Anh vũ hãy ra đón rước Thế Tôn. Khi đến khu rừng của chim Anh vũ, Đức Phật cùng các Tỳ-kheo trải đồ ngồi dưới gốc cây và ngồi thiền tư duy.

Lúc ấy chim Anh vũ đầu đàn thấy Đức Phật và các Tỳ-kheo Tăng đã ngồi yên lặng, trong lòng rất

vui mừng, suốt đêm bay lượn nhiều quanh Phật và các Tỳ-kheo để nhìn xung quanh xem sự tử, hồ báo, cầm thú hay trộm cướp có quấy nhiễu Thế Tôn và các Tỳ-kheo Tăng hay không.

Sáng hôm sau, khi Đức Thế Tôn dẫn các Tỳ-kheo lên đường, chim Anh vũ đầu đàn vui mừng bay trước dẫn đường đi về hướng thành Vương xá. Đến nơi chim Anh vũ chúa thừa cùng vua Tần-bà-sa-la:

– Hôm nay, Thế Tôn dẫn đầu các Tỳ-kheo sắp sửa đến đây, cúi xin đại vương hãy chuẩn bị sắm sửa các thức ăn ngon để đón rước.

Sau khi vua Tần-bà-sa-la nghe chim Anh vũ nói, liền cho người chuẩn bị các thức ăn ngon, rồi cùng các quan cầm cờ phướn, hương hoa, kỹ nhạc ra đón rước Thế Tôn.

Đêm hôm ấy, chim Anh vũ đầu đàn chết đi, được sinh lên tầng trời Đao-lợi thân hình cao lớn như đứa trẻ tám tuổi, bèn suy nghĩ: “Ta đã làm được phước đức gì, mà được sinh lên cõi trời như thế?”

Nghĩ vậy, vị trời liền quán sát biết rằng trước kia mình là chim Anh vũ, nhờ công đức thỉnh Phật nghỉ lại một đêm, nên được sinh lên cõi trời. Vậy bây giờ phải trở lại, đền ân Đức Phật.

Nghĩ xong, vị trời này đầu đội mũ trời, đeo các chuỗi anh lạc, trang nghiêm thân thể, mang theo

hương hoa xuống nhân gian cúng dường Đức Phật. Cúng dường Đức Phật xong, vị trời lui lại, ngồi sang một bên.

Lúc ấy Đức Phật liền nói pháp Tứ đế cho vị trời nghe. Tâm ý được mở tỏ, vị trời chứng đắc quả Tu-đà-hoàn, nhiều quanh Phật ba vòng rồi trở về cõi trời.

Sáng hôm sau, các Tỳ-kheo đến bạch Phật:

– Đêm qua chúng con thấy có ánh sáng, đó là ánh sáng của trời Đế Thích, Phạm vương, bốn vị vua trời, hay là hai mươi tám bộ Quỷ thần đại tướng?

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Chẳng phải ánh sáng của trời Đế Thích, Phạm vương hay các Thần vương, mà là do chim Anh vũ đầu đàn đã thỉnh Ta và chư Tăng về an nghỉ một đêm tại khu rừng của Anh vũ. Khi Anh vũ đầu đàn này chết đi được sinh lên cõi trời nên đến cúng dường Ta. Đó là ánh sáng của vị trời ấy.

Các Tỳ-kheo lại bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, trước kia vị trời ấy đã gây ra nghiệp ác gì, mà bị đọa vào loài chim Anh vũ? Lại làm được phước đức gì, mà nay được nghe pháp và đắc quả?

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy hãy lắng nghe, Ta sẽ giải thích rõ. Trong hiện kiếp này, tại nước Ba-la-nại có Đức

Phật ra đời hiệu là Ca-diếp. Trong giáo pháp của Đức Phật này, có một vị Ưu-bà-tắc đã thọ trì năm giới. Nhân một lúc nọ, Ưu-bà-tắc có hủy phạm một giới, nên bị đọa vào loài chim Anh vũ, còn bốn giới kia giữ được trọn vẹn, nên nay được gặp Ta nghe pháp và đắc đạo.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy nên biết, vị Ưu-bà-tắc lúc bấy giờ, nay là vị trời Anh vũ.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



57- Truyện Vua Sai Sứ Giả Thỉnh Phật, Sứ Giả Qua Đời Được Sinh Lên Cõi Trời

Một thuở nọ, Đức Phật ngự tại vườn trúc Ca-lan-đà, trong thành Vương xá.

Bấy giờ, ba tháng hạ an cư đã mãn, Đức Phật và các Tỳ-kheo định đến hóa độ nước khác.

Lúc ấy trưởng giả Tu-đạt tâu lên vua Ba-tư-nặc:

– Chúng ta từ lâu đã không thấy Phật, vậy xin đại vương hãy viết thư, sai người thỉnh Phật về đây để chúng ta cùng nhau cúng dường.

Vua Ba-tư-nặc nghe đề nghị ấy, liền sai sứ giả đi thỉnh Đức Thế Tôn. Vua gửi thư hầu thăm sức

khỏe Phật, từ xa đánh lễ Thế Tôn: “Đã từ lâu, chúng con không được chiêm ngưỡng Thế Tôn. Cúi xin Thế Tôn từ bi thương xót nhận lời thỉnh của chúng con.”

Lúc ấy Đức Phật liền chấp nhận. Sứ giả trở về báo cho vua biết là Đức Phật đã nhận lời.

Vua cho người sửa soạn một cỗ xe và giao cho sứ giả đi đón rước Phật. Vị sứ giả bạch Phật:

– Cúi mong Đức Thế Tôn rủ lòng thương, nguyện Ngài ngồi trên cỗ xe này, để vào cung thọ nhận vua cúng dường.

Đức Phật đáp:

– Ta có đôi chân sáu Thần thông, vòng hoa bảy Phần giác, con đường tám Thánh đạo, cỗ xe an ổn năm Lực..., đó là đôi chân mạnh mẽ của Ta, Ta không đi xe của người.

Sứ giả tha thiết thưa thỉnh đến ba lần:

– Cúi xin Như Lai thương xót, Ngài chớ dùng thần thông, mà hãy đi bằng cỗ xe này, theo thỉnh nguyện của đại vương.

Bấy giờ Đức Thế Tôn vì thương xót sứ giả, liền lên xe. Đức Phật dùng năng lực thần thông khiến cỗ xe bay lên hư không, đến thành Vương xá để thọ vua cúng dường.

Ngay đêm ấy, sứ giả chết đi được sinh lên tầng trời Đao-lợi, thân hình bỗng nhiên cao lớn như đứa trẻ tám tuổi, bèn tự nghĩ: “Ta đã làm được phước

đức gì, mà được sinh lên tầng trời này?”

Vị trời tự quán sát biết rằng đời trước mình là sứ giả vâng lệnh vua đi thỉnh Phật; nhờ thiện tâm, cố nài nỉ Đức Phật đi bằng xe đê đến thọ sự cúng dường của vua cho nên được sinh lên cõi trời, vậy bây giờ phải trở lại nhân gian để đền ân Phật.

Vị trời liền đội mũ trời, đeo các chuỗi anh lạc, trang nghiêm thân thể, mang theo hương hoa, ánh sáng từ thân chiếu tỏa, soi đến tinh xá Kỳ hoàn, xuống nhân gian để cúng dường Đức Phật. Vị trời đến nơi, đánh lễ dưới chân Phật, rồi lui lại ngồi sang một bên.

Đức Phật liền nói pháp Tứ đế cho vị trời nghe. Tâm ý được mở tỏ, vị trời chứng quả Tu-đà-hoàn, nhiễu quanh Phật ba vòng rồi trở về cõi trời.

Sáng hôm sau, các Tỳ-kheo bạch Phật:

– Đêm qua chúng con thấy có ánh sáng, đó là ánh sáng của trời Đê Thích, Phạm vương, bốn vị vua trời, hay là của hai mươi tám bộ Quỷ thần đại tướng đến nghe nói pháp?

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Cũng chẳng phải trời Đê Thích, Phạm vương các Thần vương đến nghe pháp, mà là do một sứ giả vâng lệnh vua đến thỉnh Ta. Nhờ có thiện tâm, nên sứ giả ấy được sinh lên cõi trời, nay đến cúng dường Ta. Đó là ánh sáng của vị trời ấy.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui

mừng thực hành.



58- Truyện Phật Hóa Độ Con Trâu Được Sinh Lên Cõi Trời

Một thuở nọ, Đức Phật ngự tại nước Kiều-tát-la.

Bấy giờ Đức Phật dẫn đầu các Tỳ-kheo đến rừng Lạc-na. Đức Phật gặp một cái đầm, trong đầm có năm trăm con trâu rất hung dữ, lại có năm trăm người chăn trâu.

Từ xa, những người chăn trâu thấy Đức Phật và các Tỳ-kheo đi qua con đường này, họ vội kêu to:

– Cúi xin Đức Thế Tôn đừng đi trên đoạn đường này! Trong bầy trâu đây, có một con rất hung dữ, thường hay húc người bị thương, Ngài rất khó qua con đường này.

Đức Phật bảo những người chăn trâu:

– Các ông chớ quá lo sợ, dù cho trâu kia có đến húc Ta đi nữa thì cũng biết phải làm gì.

Ngay khi Đức Phật đang nói, con trâu hung dữ kia bỗng chạy về phía Đức Phật, vung đuôi, cúi sừng, rống to và nhảy thành thịch trước mặt Phật.

Lúc ấy từ năm đầu ngón tay của Như Lai hóa ra năm con sư tử đứng hai bên Phật; bao bọc xung quanh Ngài là một hố lửa lớn. Trâu rất sợ hãi, rong

chạy khắp nơi, nhưng không có nơi nào có thể thoát thân chỉ còn một chỗ trống nhỏ an ổn trước chân Đức Phật, là có thể dung thân được, trâu liền chạy vào chỗ trống ấy, trong tâm an ổn không còn sợ sệt gì.

Lúc ấy trâu quỳ xuống, lưỡi liếm chân Phật, rồi ngừng đầu lên nhìn Ngài, trong lòng vui sướng khôn xiết.

Thế Tôn biết tâm trâu đã được điều phục, liền nói kệ cho trâu nghe:

*Trong tâm quá hung dữ
Muốn đến làm hại Ta
Tưởng rằng mình sẽ thắng
Ai ngờ liếm chân Ta.*

Trâu nghe Đức Phật nói kệ sinh lòng rất hổ thẹn, tâm bỗng nhiên bừng tỏ, mây ám tan đi, biết rằng trước kia, khi còn làm người, mình đã gây ra nhiều nghiệp ác; cho nên càng thêm hổ thẹn, không ăn cỏ, uống nước cho đến khi chết. Con trâu liền được sinh lên tầng trời Đao-lợi, thân chột cao lớn như đứa trẻ tám tuổi, bèn tự nghĩ: “Ta đã làm được phước đức gì, mà được sinh lên cõi trời này?”, rồi tự quán sát biết rằng đời trước khi còn ở nhân gian, mình làm trâu; được Phật hóa độ, nên được sinh lên cõi trời này, vậy bây giờ ta phải trở lại nhân gian để đền ân Đức Phật.

Nghĩ xong, vị trời đầu đội mũ trời, đeo các

chuỗi anh lạc, trang nghiêm thân thể, mang theo hương hoa đến chỗ Phật, với ánh sáng rực rỡ chiếu soi Phật Thế Tôn. Vị trời đánh lễ Phật rồi lui lại ngồi sang một bên. Đức Phật liền giảng nói pháp Tứ đế cho vị trời nghe, tâm ý được mở tỏ, vị trời chứng quả Tu-đà-hoàn, nhiễu quanh Phật ba vòng rồi trở lại cõi trời.

Sáng hôm sau, những người chăn trâu đến bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, đêm qua chúng con thấy có ánh sáng, đó là Đế Thích, Phạm vương, bốn vị vua trời, hay là hai mươi tám bộ quỷ thần đại tướng đến nghe pháp?

Đức Phật bảo với những người chăn trâu:

– Chẳng phải trời Đế Thích, Phạm vương, các Thần vương đến nghe pháp, mà là con trâu hung dữ của các người được Ta hóa độ, khi chết đi nó được sinh lên cõi trời, nay đến cúng dường Ta. Đó là ánh sáng của vị trời ấy.

Năm trăm người chăn trâu nghe Phật dạy, họ cùng bảo nhau:

– Con trâu hung dữ kia còn được Phật hóa độ, sinh lên cõi trời; huống chi chúng ta là người tại sao không tu các pháp lành?

Sau khi bảo nhau như vậy, các người chăn trâu cùng hội họp để sắm sửa các món thức ăn để thỉnh Đức Phật và chúng Tăng cúng dường.

Thọ trai xong, Đức Phật liền nói pháp bằng mọi cách cho những người chăn trâu nghe. Tâm ý họ được mở tỏ, tất cả đều có dấu hiệu chứng đạo, cầu xin được xuất gia.

Lúc ấy Đức Phật bèn gọi:

– Lành thay, các Tỳ-kheo!

Những người chăn trâu, râu tóc tự nhiên rụng, thân mặc pháp phục, trở thành các Sa-môn, siêng năng tu tập, chứng được quả A-la-hán, đầy đủ ba Minh, sáu phép Thần thông và tám pháp Giải thoát; được trời, người kính ngưỡng.

Khi các Tỳ-kheo thấy việc ấy, bèn bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, đời trước con trâu kia đã gây ra nghiệp ác gì, mà nay bị đọa vào loài trâu? Và nhờ làm được phước đức gì, mà nay con trâu ấy và năm trăm người chăn trâu được gặp Thế Tôn, xuất gia và đắc đạo?

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Nay các thầy muốn biết, các nghiệp duyên ác mà con trâu dữ và những người chăn trâu đời trước đã gây ra, Ta sẽ nói kệ cho các thầy nghe:

*Nghiệp thiện ác đã làm
Trăm kiếp cũng không mất
Nhờ làm những việc lành
Nay được quả báo ấy.*

Các Tỳ-kheo nghe Phật nói kệ, lại bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, chẳng hay chuyện thuở

xưa như thế nào? Cúi xin Đức Thế Tôn giải thích cho chúng con được biết.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy hãy lắng nghe, Ta sẽ giải thích rõ. Trong hiện kiếp này, tại nước Ba-la-nại có Đức Phật ra đời hiệu là Ca-diếp. Trong giáo pháp của Đức Phật ấy, có một Tỳ-kheo thông hiểu ba tạng, dẫn đầu năm trăm đệ tử đến nước khác để giáo hóa. Ở trong đại chúng cùng nhau nghị luận, có người đệ tử nạn vấn khiến vị Tỳ-kheo ấy không trả lời được, ông liền tức giận, dùng lời mắng chửi thô tục: “Các ông không hiểu biết gì cả, còn cố bắt bẻ ta. Các ông giống như con trâu muốn đến húc người.”

Lúc ấy các đệ tử đều im lặng nhưng biết rằng thầy không đúng, sau đó các đệ tử ấy đều bỏ đi. Do nhân duyên của nghiệp ác khẩu nên trong năm trăm đời, Tỳ-kheo ấy bị đọa làm trâu, cùng những người chăn trâu luôn theo nhau không rời; mãi cho tới nay cũng chưa thoát khỏi.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy nên biết, vị Tỳ-kheo thông hiểu ba Tạng kinh điển lúc bấy giờ nay chính là con trâu hung dữ trong bầy trâu ấy, còn các đệ tử lúc bấy giờ nay là năm trăm người chăn trâu.

Khi Đức Phật nói về truyện nhân duyên của con trâu kia, các Tỳ-kheo ai nấy đều tự giữ gìn ba

nghiệp, thân, miệng, ý, nhằm chán sinh tử. Có vị chứng quả Tu-đà-hoàn, có vị chứng quả Tư-đà-hàm, có vị chứng quả A-na-hàm, có vị chứng quả A-la-hán, có vị phát tâm Bích-chi-phật, có vị phát tâm Bồ-đề vô thượng.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



59- Truyện Hai Vị Phạm Chí Thọ Trai Pháp

Một thuở nọ, Đức Phật ngự trong khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ.

Vào lúc đầu hôm, có năm trăm vị trời, đầu đội mũ trời, đeo các chuỗi anh lạc trang nghiêm thân thể, mang theo hương hoa xuống nhân gian để cúng dường Thế Tôn. Lúc ấy, ánh sáng chiếu soi khắp cả tinh xá Kỳ hoàn.

Năm trăm vị trời đến chỗ Đức Phật, đánh lễ dưới chân Phật, rồi lui lại ngồi sang một bên để nghe Đức Phật nói pháp. Tâm ý được mở tỏ, các vị trời đều chứng được quả Tu-đà-hoàn, nhiễu quanh Phật ba vòng, rồi trở về cõi trời.

Sáng hôm sau, Tôn giả A-nan bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, đêm qua có ánh sáng hơn hẳn ngày thường, chiếu sáng khắp tinh xá Kỳ hoàn. Đó là trời Đế Thích, Phạm vương, bốn vị vua trời,

hay là hai mươi tám bộ Quỷ thần đại tướng đến nghe nói pháp?

Đức Phật dạy A-nan:

– Chẳng phải trời Đế Thích, Phạm vương, các Thần vương đến nghe pháp. Thuở xưa, vào thời Phật Ca-diếp, có hai vị Bà-la-môn theo vua đến chỗ Đức Phật, lễ bái thăm hỏi.

Bấy giờ, trong thành có một vị Ưu-bà-tắc khuyên hai vị Bà-la-môn:

– Nay hai vị theo vua đến đây đánh lễ Phật Thế Tôn, nhân tiện xin mời hai vị thọ trai pháp.

Bà-la-môn hỏi:

– Trai pháp này có lợi ích gì?

Ưu-bà-tắc đáp:

– Thọ trai pháp này, thì hễ các vị mong cầu điều gì chắc chắn được như ý.

Hai vị Bà-la-môn nghe nói, liền cùng nhau thọ trai pháp, một vị nguyện được sinh lên cõi trời; còn một vị thì cầu được làm vua trong cõi người. Thọ trai xong, hai vị Bà-la-môn cùng nhau trở về nơi nhóm họp của các Bà-la-môn. Các Bà-la-môn kia đang ăn uống, nói với hai vị Bà-la-môn mới về:

– Nếu các vị đói bụng, hãy ăn uống với chúng tôi.

Hai vị Bà-la-môn thọ trai pháp đáp:

– Chúng tôi đã thọ trai giới của Phật, quá giờ không ăn.

Các Bà-la-môn nói:

– Chúng ta cũng có pháp Bà-la-môn của mình, cần gì phải thọ trai giới của Sa-môn kia.

Cứ như thế, các Bà-la-môn tha thiết mời mọc mãi. Xiêu lòng, nên Bà-la-môn cầu sinh cõi trời bèn đến ăn uống chung. Vì phá trai giới, nên Bà-la-môn này không được như ý, khi chết đi bị đọa vào loài rồng. Người thứ hai dứt khoát không chịu uống ăn, nhờ giữ gìn trai giới nên được như ý, khi qua đời được sinh lên cõi người làm vua.

Về Bà-la-môn không giữ trai giới, nhờ đời trước hai vị cùng nhau thọ trai giới, nên nay sinh vào trong ao của vị vua kia.

Lúc bấy giờ, người giữ vườn, hằng ngày thường đem các thứ dưa trái dâng lên vua. Bỗng một hôm, người giữ vườn hái được một quả ngon dưới cái ao đó, màu đẹp mùi thơm, bèn nghĩ: “Khi ta ra vào, thường được người giữ cửa nhường bước, vậy ta nên biếu quả này cho ông ấy.”

Nghĩ vậy, người giữ vườn liền biếu quả ấy cho người giữ cửa.

Người giữ cửa được quả lại suy nghĩ: “Ta ra vào trong hoàng cung, nhưng thường được quan Thái giám nhường bước, vậy ta nên biếu quả này cho ông ấy”.

Nghĩ xong, người giữ cửa liền biếu quả ấy cho quan Thái giám.

Quan Thái giám được quả lại nghĩ: “Phu nhân của vua thường khen ngợi đức của ta với vua, vậy ta nên biếu quả này cho phu nhân”.

Nghĩ rồi, quan Thái giám biếu quả cho phu nhân. Phu nhân được quả lại dâng lên đại vương. Đại vương được quả, ăn thấy hương vị thơm ngon, liền hỏi phu nhân:

– Nàng được quả này ở đâu vậy?

Lúc ấy phu nhân liền trả lời đúng sự thật:

– Thần thiếp có quả này là do quan Thái giám dâng biếu.

Vua lại hỏi quan Thái giám:

– Ở đâu người có quả này?

Cứ như vậy hỏi tới người giữ vườn. Vua gọi người giữ vườn đến quở trách:

– Trong vườn của ta có quả ngon như vậy, tại sao người không dâng cho ta, mà lại biếu cho người khác.

Bị vua quở trách, người giữ vườn bèn trình bày đầu đuôi sự việc cho vua nghe. Vua không bằng lòng, bảo:

– Từ nay về sau, người phải thường dâng quả này lên cho ta. Nếu không ta sẽ giết người.

Người giữ vườn ra về, vào trong khu rừng ấy, than thở khóc lóc, nghĩ rằng loại quả này không có hạt giống thì làm sao mà trồng được.

Lúc ấy, Long vương nghe tiếng khóc, bèn hóa

thành thân người đến hỏi người giữ vườn:

– Vì sao ông lại khóc lóc như vậy?

Người giữ vườn đáp:

– Hôm qua, tôi hái được một thứ quả rất ngon từ cái ao này, đem biếu cho người giữ cửa, người giữ cửa được quả lại biếu cho quan Thái giám, quan Thái giám lại dâng cho phu nhân, phu nhân lại dâng lên vua. Vua ra lệnh cho tôi: Từ nay về sau tôi phải dâng quả ấy lên ngài, nếu không tôi sẽ bị giết. Do đó mà tôi khóc.

Hóa nhân nghe người giữ vườn nói, liền trở xuống nước lấy một loại quả vừa ngon vừa đẹp đặt trên mâm vàng, đem biếu cho người giữ vườn. Nhân đó, Hóa nhân lại bảo người giữ vườn:

– Ông hãy dâng quả này lên vua, đồng thời nói giùm ý của tôi rằng: “Thuở xưa kia, khi Đức Phật còn tại thế, tôi và vua vốn là bạn thân với nhau, cả hai đều là Phạm chí cùng thọ giới Bát quan trai của Phật, mỗi người đều có ý nguyện riêng, vua giữ giới đầy đủ nên được làm vua; còn tôi giữ giới chẳng trọn, nên đọa vào loài rồng. Nay tôi lại muốn tu tập trai pháp để cầu bỏ thân này.” Xin ông tâu lại với vua, xin ngài hãy tìm nghi thức tu Bát quan trai giùm và ông hoan hỷ đem về cho tôi. Nếu ông không giúp, tôi sẽ làm cho nước của ông biến thành biển lớn.

Khi người giữ vườn dâng mâm quả lên vua và

cũng nhân đó thuật lại lời nhắn gửi của Hóa nhân. Vua nghe, trong lòng không vui. Sở dĩ như vậy là vì vào thời ấy thậm chí còn không có danh từ Phật pháp, huống chi là nghi thức tu Bát quan trai, làm sao tìm được. Nếu không có nghi thức tu Bát quan trai, sợ rằng đất nước sẽ bị nguy hại. Vua suy nghĩ nhiều về việc ấy, cũng không biết làm sao được.

Lúc bấy giờ, vua cho gọi một vị quan lớn được kính trọng nhất, nói rằng:

– Thần rồng xin ta tìm giùm nghi thức tu Bát quan trai, khanh hãy tìm hộ rồi mang về đây cho ta.

Vị quan lớn đáp:

– Đời nay không có chánh pháp, làm sao tìm được.

Vua lại nói:

– Nếu không tìm được nghi thức ấy mang về cho ta, ta sẽ giết khanh.

Nghe vua nói, vị quan trở về nhà, sắc mặt thay đổi, trong lòng buồn bã. Vị quan này có người cha đã già. Ông từ xa về, thấy con mình sắc mặt biến đổi khác thường, liền hỏi:

– Con có điều gì lo ngại, mà thất sắc như thế.

Người con liền trình bày nỗi u uẩn trong tâm. Người cha nói:

– Trên cột nhà mình, ta thấy có ánh sáng, con thử phá chỗ ấy ra xem, không chừng có vật lạ bên

trong.

Lúc ấy người con nghe lời cha, bỏ trụ ra xem, quả nhiên trong đó có hai quyển kinh, một quyển Thập Nhị Nhân Duyên, còn quyển kia là nghi thức tu Bát quan trai.

Vị quan được kinh, trong lòng rất vui mừng, liền đặt kinh lên khay vàng đem dâng lên vua. Vua nhận được kinh vui mừng khôn xiết, liền đem kinh đến cho vua rồng. Vua rồng nhận được kinh, tâm rất vui mừng, bèn biếu tặng vua châu báu.

Trở về cung rồng, vua rồng cùng năm trăm con rồng tha thiết tu trì pháp Bát quan trai. Khi chết đi, tất cả đều được sinh lên tầng trời Đao-lợi. Nay họ đến cúng dường Ta. Đó là ánh sáng của các vị trời ấy.

Đức Phật bảo A-nan:

– Thầy nên biết, năm trăm con rồng kính tu trai pháp thời ấy, nay chính là năm trăm vị trời đến cúng dường Ta vậy.

Khi Đức Phật nói truyện nhân duyên của hai vị Phạm chí thọ trai pháp, có vị chứng đắc quả Tu-đà-hoàn, có vị chứng đắc quả Tu-đà-hàm, có vị chứng đắc quả A-na-hàm, có vị chứng đắc quả A-la-hán, có vị phát tâm Bích-chi-phật, có vị phát tâm Bồ-đề vô thượng.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui vẻ thực hành.



60- Truyện Năm Trăm Con Chim Nhạn Nghe Phật Nói Pháp

Một thuở nọ, Đức Phật ngự trong vùng rừng đầm lầy, ở nước Ba-la-nại, giảng nói pháp mầu cho trời người nghe. Trên không trung có một bầy nhạn năm trăm con thấy Đức Phật nói pháp, trong lòng ưa thích nên từ xa bay vòng trở lại rồi đáp xuống nghe pháp.

Lúc ấy có người thợ săn giăng lưới để bắt chim, năm trăm chim nhạn bị sa lưới, sau đó đều bị thợ săn giết hại. Khi chết đi, bầy nhạn được sinh lên tầng trời Đao-lợi, thân hình chột cao lớn như đứa trẻ tám tuổi, thân tướng khôi ngô khác thường, từ thân của các vị trời này phát ra ánh sáng chiếu khắp cung điện giống như ngọn núi báu.

Các vị trời suy nghĩ: “Chúng ta đã làm phước đức gì mà được sinh lên cõi trời?” Rồi tự quán sát biết rằng trước kia là loài chim nhạn, đã nghe Phật nói pháp, sinh tâm tin tưởng ưa thích, nhờ thiện tâm ấy, nên khi chết đi được sinh lên cõi trời này. “Vậy chúng ta phải trở xuống nhân gian đền ân Đức Phật.” Nghĩ xong, các vị trời đầu đội mũ trời, đeo các chuỗi anh lạc, trang nghiêm thân thể, xoa các thứ hương vào thân, mang theo hương hoa đến chỗ Đức Phật cúng dường.

Cúng dường xong, các vị trời đánh lễ dưới chân Phật rồi lui lại ngồi sang một bên, bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, hôm nay chúng con cúi mong Đức Phật Thế Tôn từ bi giảng nói pháp mầu, để chúng con được sinh tâm tin tưởng ưa thích và được sinh về cõi tốt đẹp. Cúi xin Thế Tôn thương xót chúng con, giảng nói một lần nữa, khai mở chỉ bày cho chúng con chỗ cốt yếu của chánh pháp.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền giảng nói những điều cốt yếu của chánh pháp cho các vị trời nghe. Tâm ý được mở tỏ, năm trăm vị trời đồng thời chứng được quả Tu-đà-hoàn, trong lòng vui mừng, nhiễu quanh Phật ba vòng, đánh lễ dưới chân Phật rồi trở về cõi trời.

Lúc bấy giờ Tôn giả A-nan bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, có nhân duyên gì mà đêm qua con thấy có ánh sáng chiếu nơi rừng cây? Cúi mong Ngài chỉ dạy.

Đức Phật bảo A-nan:

– Thầy hãy lắng nghe, Ta sẽ giải thích rõ. Trước đây, khi Ta ngự tại một vùng rừng đầm lầy, giảng nói pháp mầu cho trời, người nghe. Lúc ấy có năm trăm con chim nhạn, vì yêu kính tiếng nói pháp, sinh tâm vui mừng, cùng nhau bay đến chỗ Ta đang nói pháp, sau đó bị người thợ săn giết hại. Nhờ thiện tâm ấy nên được sinh lên cõi trời. Hôm nay, họ đến đây để đền đáp công ân.

Tôn giả A-nan nghe Đức Phật nói, liền khen ngợi:

— Là việc chưa từng có! Như Lai ra đời thật là tôn quý, nhiệm mầu không một loài nào chẳng được nhờ, cả đến loài chim nghe được pháp âm của Phật cũng được đắc đạo; huống chi là loài người có tâm kính tin thọ trì, còn vượt hơn loài cầm thú cả trăm ngàn muôn lần, không thể nào sánh được.

Đức Phật dạy:

— Cho nên các thầy phải một lòng kính tin Phật pháp, đúng như pháp tu hành.

Các Tỳ-kheo nghe Đức Phật dạy, có vị chứng đắc quả Tu-đà-hoàn, có vị chứng đắc quả Tư-đà-hàm, có vị chứng đắc quả A-na-hàm, có vị chứng đắc quả A-la-hán, có vị phát tâm Bích-chi-phật, có vị phát tâm Bồ-đề vô thượng.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



SOẠN TẬP KINH MỘT TRĂM TRUYỆN NHÂN DUYÊN

QUYỂN 7

Phẩm 7: HIỆN HÓA

61- Truyện Cậu Bé Thân Màu Vàng Ròng

Một thuở nọ, Đức Phật ngự dưới cội cây Ni-câu-đà, trong thành Ca-tỳ-la-vệ.

Bấy giờ, trong thành có một vị trưởng giả có vô lượng tài sản của báu, không thể tính kể được. Ông chọn con gái nhà quyền quý để cưới làm vợ, tấu trời âm nhạc để mua vui cho nàng.

Người vợ mang thai, đủ mười tháng, sinh được một bé trai, thân có màu vàng ròng, tướng mạo khôi ngô khác thường, trên đời ít có; thân phát ra ánh sáng chiếu sáng khắp trong thành, đều biến thành màu vàng.

Thấy con như vậy, cha mẹ đưa bé rất vui mừng khen là việc chưa từng có, mời các thầy xem tướng về xem tướng cho cậu bé. Thầy xem tướng xem xong hỏi cha mẹ:

– Lúc ra đời đứa bé có điềm lành gì?

Cha mẹ đáp:

– Lúc sinh ra, thân đứa bé có màu vàng lại phát ra ánh sáng.

Do đó đặt tên là Kim Sắc. Kim Sắc dần dần khôn lớn, bản tánh hiền hậu, nhân từ hiếu thuận. Nghe có Đức Phật đang ngự dưới cội cây Ni-câu-đà, Kim Sắc cùng các bạn thân của mình cùng nhau đến chỗ Phật. Thấy Đức Phật Thế Tôn có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, ánh sáng chiếu khắp như trăm ngàn mặt trời, Kim Sắc vui mừng đánh lễ dưới chân Phật rồi lui lại ngồi sang một bên.

Đức Phật liền nói pháp Tứ đế cho Kim Sắc và các bạn nghe. Tâm ý được mở tỏ, Kim Sắc chứng quả Tu-đà-hoàn, liền trở về nhà thưa với cha mẹ:

– Hôm nay con đến dưới cội cây Ni-câu-đà, nhìn thấy tôn nhan Đức Phật sáng rực rỡ như trăm ngàn mặt trời, lại thấy các Tỳ-kheo các căn đều vắng lặng, oai nghi đáng chiêm ngưỡng. Do đó con cúi xin cha mẹ thương xót cho con được xuất gia.

Nghe Kim Sắc nói, cha mẹ vì thương con không nỡ ngăn cản, nên liền dẫn Kim Sắc đến chỗ Đức Phật xin được xuất gia.

Lúc ấy Đức Phật bèn gọi:

– Lành thay, Tỳ-kheo!

Tóc Kim Sắc tự rơi rụng, thân mặc pháp phục, trở thành Sa-môn, siêng năng tu tập, chứng đắc quả

A-la-hán, đầy đủ ba Minh, sáu phép Thần thông, tám pháp Giải thoát; được trời, người kính ngưỡng.

Các Tỳ-kheo thấy việc ấy, bèn bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, Tỳ-kheo Kim Sắc, đời trước đã làm phước đức gì mà nay được sinh vào gia đình giàu sang thân màu vàng ròng như vậy; lại gặp Thế Tôn được xuất gia và đắc đạo?

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy hãy lắng nghe, Ta sẽ giải thích rõ. Thuở xưa, cách nay chín mươi một kiếp, tại nước Ba-la-nại có Đức Phật ra đời hiệu là Tỳ-bà-thi, sau khi giáo hóa chúng sinh đã viên mãn, Ngài thị hiện Niết-bàn.

Lúc ấy, có vị vua tên là Bàn-đầu-mạt-đế thâu lấy xá-lợi Phật rồi xây dựng ngôi tháp bằng bốn chất báu cao một do-tuần để cúng dường xá-lợi.

Về sau, có một người đi đường vì thấy ngôi tháp có chỗ bị lở, nên trộn bùn đắp lại và mua vàng lá dán lên tháp, sau đó phát nguyện rồi ra đi.

Nhờ công đức này, cho nên trong chín mươi một kiếp người ấy không bị đọa vào đường ác, thường được sinh lên cõi trời, cõi người, thân thường có vàng ròng hưởng sự vui sướng. Cho đến nay được gặp Ta, vị ấy thân vẫn có màu vàng ròng, lại được xuất gia đắc đạo.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy nên biết, người đã dán vàng lá lên

ngôi tháp lúc bấy giờ, nay chính là Tỳ-kheo Kim Sắc.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



62- Truyện Cậu Bé Thân Có Mùi Hương Chiên-Đàn

Một thuở nọ, Đức Phật ngự dưới cội cây Ni-câu-đà, trong thành Ca-tỳ-la-vệ.

Bấy giờ, trong thành có một vị trưởng giả có vô lượng tài sản vật báu không thể tính kể được. Ông chọn con gái nhà quyền quý để cưới làm vợ, tấu trời âm nhạc để mua vui cho nàng.

Người vợ mang thai, đủ mười tháng, sinh được một bé trai, dung mạo khôi ngô trên đời khó ai sánh kịp, các lỗ chân lông trên mình thoảng ra mùi hương gỗ Ngưu đầu chiên-đàn, còn từ mặt thì tỏa hương thơm hoa Ưu-bát-la. Cha mẹ, bà con ai cũng vui mừng, mời các thầy xem tướng đến xem tướng cho đứa bé. Thầy xem tướng xem xong hỏi cha mẹ:

– Đức bé này khi sinh ra có điềm tốt gì không?

Cha mẹ đáp:

– Khi sinh ra, các lỗ chân lông trên thân đứa bé này tỏa ra mùi hương gỗ Ngưu đầu chiên-đàn và mặt có hương thơm hoa Ưu-bát-la.

Do đó mà đặt tên là Chiên-đàn Hương. Chiên-đàn Hương dần dần khôn lớn, bản tánh nhân từ, ai thấy cũng yêu kính. Một hôm, Chiên-đàn Hương cùng các bạn thân của mình rủ nhau dạo chơi, dần dần đi tới rừng cây Ni-câu-đà. Chiên-đàn Hương thấy Đức Phật Thế Tôn có ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp, ánh sáng chiếu khắp như trăm ngàn mặt trời, trong tâm rất vui mừng, bước đến đánh lễ dưới chân Phật rồi lui lại ngồi sang một bên. Đức Phật liền nói pháp Tứ đế cho Chiên-đàn Hương nghe. Tâm ý chàng được mở tỏ, chứng đắc quả Tu-đà-hoàn. Chiên-đàn Hương liền trở về từ biệt cha mẹ, xin được xuất gia nhập đạo. Vì thương con, nên cha mẹ không nỡ ngăn cản, bèn cùng nhau dẫn đến chỗ Đức Phật, xin được xuất gia.

Đức Phật bèn gọi:

– Lành thay, Tỳ-kheo.

Tóc Chiên-đàn Hương tự rơi rụng, thân mặc pháp phục, trở thành Sa-môn, siêng năng tu tập, chứng quả A-la-hán, đầy đủ ba Minh, sáu phép Thần thông, tám pháp Giải thoát; được các trời, người kính ngưỡng.

Các Tỳ-kheo thấy việc ấy, bèn bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, Tỳ-kheo Chiên-đàn Hương đời trước làm phước đức gì, mà nay khi ra đời liền có hương thơm, lại gặp Thế Tôn được xuất gia đắc đạo?

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Các thầy hãy lắng nghe, Ta sẽ giải thích rõ. Thuở xưa, cách nay chín mươi một kiếp, tại nước Ba-la-nại có Đức Phật ra đời hiệu là Tỳ-bà-thi. Sau khi giáo hóa chúng sinh viên mãn, Ngài thị hiện nhập Niết-bàn.

Bấy giờ, vua nước ấy tên là Bàn-đầu-mạt-đế thân lấy xá-lợi Đức Phật, xây dựng ngôi tháp bằng bốn chất báu để thờ xá-lợi; rồi cùng các quan, hậu phi, thế nữ đem hương hoa vào tháp cùng nhau cúng dường.

Về sau, do vì có sự đi lại nhiều, nên nền tháp có nhiều chỗ bị hư hỏng. Lúc ấy có vị trưởng giả thấy nền tháp bị hư hỏng bèn trộn bùn đất để đắp lại, rồi rải bột hương chiên-đàn lên, sau đó phát nguyện rồi ra đi.

Nhờ công đức này, cho nên trong chín mươi một kiếp vị trưởng giả không bị đọa và đường ác, được sinh lên cõi trời, cõi người, thân và miệng thường tỏa mùi thơm, được hưởng sự vui sướng cõi trời. Cho đến ngày nay gặp Ta, thân miệng vị ấy vẫn thơm, được xuất gia đắc đạo.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

— Các thầy nên biết, người rải bột hương chiên-đàn lên tháp thời ấy, nay chính là Tỳ-kheo Chiên-đàn Hương.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui

mừng thực hành.



63- Truyện Tỳ-Kheo Uy Đức

Một thuở nọ, Đức Phật ngự dưới cột cây Ni-câu-đà, trong thành Ca-tỳ-la-vệ.

Bấy giờ, trong thành có một vị trưởng giả có vô lượng tài sản, của báu, không thể tính kể được. Ông chọn con gái nhà giàu sang để cưới làm vợ, tấu trối các thứ âm nhạc để mua vui cho nàng.

Sau đó, người vợ ấy mang thai, đủ mười tháng, sinh được một bé trai, thân thể mềm mại, sắc mặt vui tươi, khôi ngô khác thường, ít có trên đời. Cha mẹ và bà con thấy thế rất hài lòng, nhân đó đặt tên đứa bé là Uy Đức.

Uy Đức dần dần khôn lớn, tánh tình càng nhu hòa, hiếu thuận; ai thấy cũng yêu kính, xa gần đều tin phục.

Một hôm, Uy Đức cùng các bạn thân đi dạo chơi ngắm cảnh. Khi đến dưới rừng cây Ni-câu-đà, Uy Đức thấy Đức Phật Thế Tôn có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, ánh sáng chiếu khắp như trăm ngàn mặt trời; chàng hết sức vui mừng, bèn bước đến đánh lễ dưới chân Phật rồi lui lại, ngồi sang một bên.

Lúc ấy Đức Phật nói pháp Tứ đế cho Uy Đức nghe. Tâm ý chàng được mở tỏ, chứng quả Tu-đà-

hoàn. Uy Đức liền trở về từ biệt cha mẹ, xin được xuất gia. Vì thương con nên cha mẹ không nỡ ngăn cản, bèn dẫn Uy Đức tới chỗ Đức Phật xuất gia.

Đức Phật bèn gọi:

– Lành thay, Tỳ-kheo!

Tóc Uy Đức tự rơi rụng, thân mặc pháp phục, trở thành Sa-môn, siêng năng tu tập, chứng đắc quả A-la-hán, đầy đủ ba Minh, sáu phép Thân thông, tám pháp Giải thoát; được các trời, người kính ngưỡng.

Các Tỳ-kheo thấy việc ấy, bèn bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, Tỳ-kheo Uy Đức trước kia đã làm phước đức gì mà nay thân thể lại mềm mại, sắc mặt vui tươi, lại được mọi người kính trọng và gặp Thế Tôn được xuất gia đắc đạo.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy hãy lắng nghe, Ta sẽ giải thích rõ. Thuở xưa, cách nay chín mươi một kiếp, tại nước Ba-la-nại có Đức Phật ra đời hiệu là Tỳ-bà-thi. Sau khi giáo hóa chúng sinh viên mãn, Đức Phật thị hiện Niết-bàn.

Lúc ấy, có vị vua tên là Bàn-đầu-mạt-đế, thân lấy xá-lợi Phật rồi xây dựng ngôi tháp bằng bốn chất báu cao một do-tuần để cúng dường xá-lợi.

Về sau, có một người đi đường, thấy trong tháp có những bông hoa héo úa và bụi bặm bám đầy, bèn đem bỏ hoa ấy và quét dọn sạch sẽ. Sau đó

cúng dường, phát nguyện rồi ra đi.

Nhờ công đức ấy, mà trong chín mươi một kiếp người ấy không bị đọa địa ngục, súc sinh, ngã quỷ; được sinh lên cõi trời, cõi người, sắc mặt tươi vui và có uy đức lớn, thọ hưởng sự vui sướng cõi trời. Cho đến ngày nay gặp Ta, vị ấy vẫn là người có uy đức, được xuất gia và đắc đạo.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy nên biết, người quét dọn sạch sẽ, bỏ hoa héo thời ấy, nay chính là Tỳ-kheo Uy Đức.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



64- Truyện Tỳ-Kheo Đại Lực

Một thuở nọ, Đức Phật ngự dưới cội cây Ni-câu-đà, trong thành Ca-tỳ-la-vệ.

Bấy giờ, trong nước có một vị trưởng giả có vô lượng tài sản, vật báu, không thể tính kể được. Ông chọn con gái nhà giàu sang để cưới làm vợ, tấu trỗi âm nhạc để mua vui cho nàng.

Sau đó, người vợ ấy mang thai, đủ mười tháng, nàng sinh được một bé trai rất to xương, vóc người khỏe mạnh, cha mẹ thấy vậy, nên đặt tên con là Đại Lực.

Đại Lực dần dần khôn lớn, thân thể khỏe mạnh

không có ai bằng. Một hôm, Đại Lực cùng các bạn thân đi dạo chơi ngắm cảnh, dần dần đến dưới cội cây Ni-câu-đà. Đại Lực thấy Đức Phật Thế Tôn có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, ánh sáng chiếu sáng như trăm ngàn mặt trời, trong lòng vui mừng, bèn bước tới đánh lễ Phật, rồi lui lại ngồi sang một bên. Đức Phật liền nói pháp Tứ đế cho Đại Lực nghe. Tâm ý chàng được mở tỏ, chứng được quả Tu-đà-hoàn. Đại Lực liền trở về nhà thưa với cha mẹ cho chàng xuất gia nhập đạo. Vì thương con nên cha mẹ chàng không nỡ ngăn cản, bèn dẫn chàng đến chỗ Đức Phật xin cho chàng xuất gia.

Đức Phật bèn gọi:

– Lành thay, Tỳ-kheo!

Tóc Đại Lực tự rơi rụng, thân mặc pháp phục, trở thành Sa-môn, siêng năng tu tập, chứng quả A-la-hán, đầy đủ ba Minh, sáu phép Thần thông, tám pháp Giải thoát; được các trời, người kính ngưỡng.

Các Tỳ-kheo thấy việc ấy, bèn bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, Tỳ-kheo Đại Lực đời trước đã gieo trồng phước đức gì, mà nay sinh ra có sức mạnh không ai địch nổi, lại gặp Thế Tôn được xuất gia đắc đạo như thế?

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy hãy lắng nghe, Ta sẽ giải thích rõ. Thuở xưa, cách nay chín mươi một kiếp, tại nước Ba-la-nại có Đức Phật ra đời hiệu là Tỳ-bà-thi. Sau

khi giáo hóa chúng sinh viên mãn, Ngài thị hiện Niết-bàn.

Lúc ấy có vị vua tên là Bàn-đầu-mạt-đế thân lấy xá-lợi Phật rồi xây dựng ngôi tháp bằng bốn thứ báu để cúng dường.

Bấy giờ, có một người đang sinh sống bên cạnh ngôi tháp, đứng ra kêu gọi dân chúng cùng nhau xây dựng lại ngôi bảo tháp. Sau đó người ấy phát nguyện rồi ra đi.

Nhờ công đức này, cho nên trong chín mươi một kiếp, người ấy không bị đọa địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, được sinh lên cõi trời, cõi người, thường có sức mạnh không ai bằng, thọ hưởng sự vui sướng cõi trời. Cho tới ngày nay gặp Ta, vị ấy vẫn là người có sức mạnh, được xuất gia đắc đạo.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy nên biết, người hô hào dân chúng cùng nhau xây dựng lại ngôi tháp thời ấy, nay chính là Tỳ-kheo Đại Lực.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



65- Truyện Vị Tỳ-Kheo Được Người Cung Kính

Một thuở nọ, Đức Phật ngự dưới cội cây Ni-câu-đà, trong thành Ca-tỳ-la-vệ.

Bấy giờ, trong nước có một vị trưởng giả có vô lượng tài sản, vật báu không thể tính kể được. Ông chọn con gái nhà giàu sang để cưới làm vợ, tấu trời âm nhạc để mua vui cho nàng.

Người vợ mang thai, đủ mười tháng nàng sinh được một bé trai, tướng mạo khôi ngô khác thường, hơn hẳn mọi người, ai thấy cũng đều yêu kính.

Đứa bé dần dần khôn lớn, một hôm chàng trai này cùng các bạn thân đi dạo chơi ngắm cảnh. Khi đến dưới cội cây Ni-câu-đà, chàng trai thấy Đức Phật có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, ánh sáng chiếu khắp như trăm ngàn mặt trời, trong lòng vui mừng, bước tới đánh lễ dưới chân Phật, rồi lui lại ngồi sang một bên. Đức Phật liền nói pháp Tứ đế cho chàng trai nghe. Tâm ý được mở tỏ, chứng đắc quả Tu-đà-hoàn, chàng liền trở về từ biệt cha mẹ, xin được xuất gia nhập đạo. Vì thương con nên cha mẹ chàng không nỡ ngăn cản, bèn dẫn con đến chỗ Đức Phật, xin được xuất gia.

Đức Phật bèn gọi:

– Lành thay, Tỳ-kheo!

Râu tóc chàng tự rơi rụng, thân mặc pháp phục, trở thành Sa-môn, siêng năng tu tập, chứng đắc quả A-la-hán, đầy đủ ba Minh, sáu phép Thân thông, tám pháp Giải thoát; được các trời, người kính ngưỡng.

Các Tỳ-kheo thấy việc ấy, bèn bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, vị Tỳ-kheo được mọi người cung kính này, đời trước đã làm phước đức gì, mà nay sinh ra có tướng mạo khôi ngô, ai thấy cũng đều yêu kính, lại gặp Thế Tôn được xuất gia đắc đạo?

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy hãy lắng nghe, Ta sẽ giải thích rõ. Thuở xưa, cách nay chín mươi một kiếp, tại nước Ba-la-nại có Đức Phật ra đời hiệu là Tỳ-bà-thi. Sau khi giáo hóa chúng sinh viên mãn, Ngài nhập Niết-bàn.

Lúc ấy có vị vua tên là Bàn-đầu-mạt-đế thân lấy xá-lợi Phật, xây dựng ngôi tháp bằng bốn chất báu để cúng dường.

Về sau, bảo tháp có vài chỗ bị lở. Lúc ấy có một cậu bé vào bên trong, thấy tháp bị lở, đã vui vẻ kêu gọi dân chúng cùng nhau tô đắp sửa sang chỗ hư hỏng. Khi xong công việc, cậu bé phát nguyện rồi ra đi.

Nhờ công đức ấy, cho nên trong chín mươi một kiếp, vị ấy không bị đọa địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, được sinh lên cõi trời, cõi người, thọ hưởng sự vui sướng cõi trời. Cho tới ngày nay gặp Ta, vị ấy vẫn được mọi người kính ngưỡng, được xuất gia đắc đạo.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy nên biết, người đã đứng ra kêu gọi

dân chúng tu bổ sửa sang nền tháp thời ấy nay chính là vị Tỳ-kheo được mọi người cung kính.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



66- Truyện Vị Tỳ-Kheo Trên Đầu Có Long Báu

Một thuở nọ, Đức Phật ngự dưới cội cây Ni-câu-đà, trong thành Ca-tỳ-la-vệ.

Bấy giờ, trong thành có một vị trưởng giả có vô lượng tài sản vật báu, không thể tính kể được. Ông chọn con gái nhà giàu sang để cưới làm vợ, tấu trời âm nhạc để mua vui cho nàng.

Người vợ mang thai, đủ mười tháng, nàng sinh được một bé trai có tướng mạo khôi ngô, trên đời ít có; khi sinh ra tự nhiên trên đầu có long báu Ma-ni che phủ khắp thành Ca-tỳ-la-vệ. Cha mẹ thấy vậy rất vui mừng, nhân đó đặt tên là Bảo Cái.

Bảo Cái dần dần khôn lớn. Một hôm, Bảo Cái cùng các bạn thân ra khỏi thành để dạo chơi ngắm cảnh dần dần đến dưới cội cây Ni-câu-đà. Thấy Đức Phật Thế Tôn có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, ánh sáng chiếu khắp như trăm ngàn mặt trời, Bảo Cái trong lòng vui mừng đánh lễ dưới chân Phật, rồi lui lại ngồi sang một bên, nghe Phật nói pháp. Tâm ý được mở tỏ, Bảo Cái chứng quả

Tu-đà-hoàn, liền trở về từ biệt cha mẹ, xin được xuất gia. Vì thương con nên cha mẹ không nỡ ngăn cản, bèn dẫn Bảo Cái đến nơi Đức Phật ngự, cầu xin cho Bảo Cái được xuất gia nhập đạo.

Lúc ấy Đức Phật gọi:

– Lành thay, Tỳ-kheo!

Tóc Bảo Cái tự rơi rụng, thân mặc pháp phục, trở thành Sa-môn, siêng năng tu tập và chứng đắc quả A-la-hán.

Các Tỳ-kheo thấy việc ấy, bèn bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, Tỳ-kheo Bảo Cái đời trước đã làm phước đức gì, mà đời nay sinh ra đời có bảo cái Ma-ni che phủ cả thân như vậy, lại gặp Đức Thế Tôn, xuất gia chưa bao lâu đã chứng được Thánh quả?

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy hãy lắng nghe, Ta sẽ giải thích rõ. Thuở xưa, cách nay chín mươi một kiếp, tại nước Ba-la-nại có Đức Phật ra đời hiệu là Tỳ-bà-thi. Sau khi giáo hóa chúng sinh viên mãn, Ngài thị hiện Niết-bàn.

Lúc ấy có vị vua tên là Bàn-đầu-mạt-đế thâu lấy xá-lợi Phật rồi xây dựng ngôi tháp bằng bốn chất báu để cúng dường.

Bấy giờ có một người đi buôn ra biển lấy được châu báu và trở về an ổn, đem bảo châu Ma-ni rải trên đỉnh tháp, sau đó phát nguyện rồi ra đi.

Nhờ công đức ấy, nên trong chín mươi mốt kiếp vị ấy không bị đọa vào đường ác; thường sinh lên cõi trời, cõi người, hễ khi sinh ra thì thường có lòng báu. Cho tới ngày nay gặp Ta, vị ấy được xuất gia đắc đạo.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy nên biết, người đi buôn cúng dường bảo châu Ma-ni thời ấy, nay chính là Tỳ-kheo Bảo Cái.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



67- Truyện Vị Tỳ-Kheo Có Giọng Tiếng Hay

Một thuở nọ, Đức Phật ngự dưới cội cây Ni-câu-đà, trong thành Ca-tỳ-la-vệ.

Bấy giờ, trong thành có một vị trưởng giả có vô lượng tài sản, vật báu không thể tính kể được. Ông chọn con gái nhà giàu sang để cưới làm vợ, tấu trời âm nhạc để mua vui cho nàng.

Người vợ mang thai, đủ mười tháng, nàng sinh được một bé trai, tướng mạo khôi ngô khác thường trên đời ít có.

Cậu bé dần dần khôn lớn, chàng có giọng nói rất hay, mọi người ai cũng thích nghe. Một hôm, chàng trai này cùng các bạn thân ra khỏi thành để

đạo chơi, dần dần đến dưới cội cây Ni-câu-đà. Thấy Đức Phật Thế Tôn có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp ánh sáng chiếu khắp như trăm ngàn mặt trời, chàng rất vui mừng, bước đến đánh lễ dưới chân Phật, rồi lui lại ngồi sang một bên. Đức Phật liền nói pháp Tứ đế cho chàng nghe. Tâm ý được mở tỏ, chàng trai chứng quả Tu-đà-hoàn, bèn trở về từ giã cha mẹ, xin xuất gia nhập đạo. Vì thương con nên cha mẹ không nỡ ngăn cản, bèn dẫn con đến chỗ Phật, xin Phật cho con xuất gia.

Đức Phật liền gọi:

– Lành thay, Tỳ-kheo!

Tóc chàng trai tự rơi rụng, thân mặc pháp phục, thành bậc Sa-môn, siêng năng tu tập, chứng đắc quả A-la-hán, đầy đủ ba Minh, sáu phép Thần thông, tám pháp Giải thoát; được các trời, người kính ngưỡng.

Các Tỳ-kheo thấy việc ấy, bèn bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, vị Tỳ-kheo có giọng tiếng hay này, đời trước đã làm phước đức gì mà nay có giọng nói hay như thế, lại gặp Đức Thế Tôn, được xuất gia đắc đạo?

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy hãy lắng nghe, Ta sẽ giải thích rõ. Thuở xưa, cách nay chín mươi một kiếp, tại nước Ba-la-nại có Đức Phật ra đời hiệu là Tỳ-bà-thi. Sau khi giáo hóa chúng sinh viên mãn, Ngài nhập

Niết-bàn.

Lúc ấy có vị vua tên là Bàn-đầu-mạt-đế thân lấy xá-lợi Phật rồi xây ngôi tháp bằng bốn chất báu cao một do-tuần để cúng dường xá-lợi.

Lúc ấy có một người thấy ngôi tháp này, sinh tâm vui mừng, bèn tấu trời âm nhạc và nhiều quanh tháp để cúng dường, sau đó người ấy phát nguyện rồi ra đi.

Nhờ công đức ấy, cho nên trong chín mươi một kiếp không bị đọa địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, được sinh lên cõi trời, cõi người, thường có giọng nói rất hay, khiến ai cũng muốn nghe. Đến ngày nay người ấy gặp Ta, được xuất gia đắc đạo.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy nên biết, người nhiều tháp, tấu trời âm nhạc cúng dường tháp lúc bấy giờ, nay chính là vị Tỳ-kheo có giọng nói hay kia vậy.

Lúc ấy, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



68- Truyện Một Trăm Đứa Bé Cùng Sinh

Ra Đời Một Lúc

Một thuở nọ, Đức Phật ngụ dưới cội cây Ni-câu-đà, trong thành Ca-tỳ-la-vệ.

Bấy giờ, trong thành có một vị trưởng giả có vô

lượng tài sản, của báu, không thể tính kể được. Ông chọn con gái nhà giàu sang để cưới làm vợ, tấu trối âm nhạc để mua vui cho nàng. Về sau, nàng mang thai, đủ mười tháng sinh ra một cục thịt. Trưởng giả thấy vậy, trong tâm rất buồn bã, cho là điềm chẳng lành. Ông đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Ngài rồi quỳ thẳng, chấp tay bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, vợ con mang thai, sinh ra một cục thịt, chẳng hay đó là điềm lành hay dữ. Cúi xin Đức Thế Tôn chỉ dạy.

Đức Phật bảo trưởng giả:

– Ông chớ thất lạc và lấy làm lạ, hãy cứ nuôi nấng bảy ngày sau sẽ rõ.

Trưởng giả nghe Đức Phật dạy, trong lòng vui mừng khôn xiết, liền trở về nhà bảo vợ hãy sẵn sóc. Bảy ngày sau quả nhiên cục thịt nứt ra, trong đó có một trăm đứa bé, tất cả đều có tướng mạo khôi ngô khác thường, trên đời ít có.

Một trăm đứa bé dần dần khôn lớn, một hôm cùng nhau ra khỏi thành đi dạo chơi, dần dần đến dưới cội cây Ni-câu-đà. Thấy Đức Phật Thế Tôn có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, ánh sáng chiếu soi như trăm ngàn mặt trời, các đứa trẻ vui mừng, bước đến đánh lễ dưới chân Phật rồi lui lại ngồi sang một bên, Đức Phật liền nói pháp Tứ đế cho các cậu bé nghe. Tâm ý được mở tỏ, một trăm cậu bé đều đắc quả Tu-đà-hoàn, liền ở trước

Phật cầu xin xuất gia.

Đức Phật bảo các cậu bé:

– Cha mẹ chưa cho phép, không được xuất gia.

Các đồng tử nghe Phật dạy, bèn trở về xin phép cha mẹ. Vì thương con, nên cha mẹ không nỡ ngăn cản, bèn dẫn các con đến chỗ Phật, xin Ngài cho các con được xuất gia.

Đức Phật bèn gọi:

– Lành thay, Tỳ-kheo!

Tóc các đứa trẻ tự rơi rụng, thân mặc pháp phục, trở thành Sa-môn, siêng năng tu tập, tất cả đều chứng quả A-la-hán, đầy đủ ba Minh, sáu phép Thần thông, tám pháp Giải thoát, được trời, người kính ngưỡng.

Các Tỳ-kheo thấy việc ấy, bèn bạch Phật:

– Một trăm vị Tỳ-kheo cùng ra đời một lượt, đời trước đã gieo trồng phước đức gì mà nay một trăm người anh em lại cùng sinh ra một lượt như vậy, tất cả đều có tướng mạo khôi ngô khác thường, được mọi người yêu kính, lại gặp Thế Tôn được xuất gia đắc đạo?

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy hãy lắng nghe, Ta sẽ giải thích rõ. Thuở xưa, cách nay chín mươi một kiếp, tại nước Ba-la-nại có Đức Phật ra đời hiệu là Tỳ-bà-thi. Sau khi giáo hóa chúng sinh viên mãn, Ngài nhập Niết-bàn.

Lúc ấy, có vị vua tên là Bàn-đầu-mạt-đế thâu lấy xá-lợi Phật rồi xây dựng ngôi tháp bằng bốn chất báu để cúng dường xá-lợi. Bấy giờ, có một trăm người khác cùng ở trong làng dâng hương hoa và tấu trời âm nhạc để cúng dường ngôi tháp.

Tất cả đều cùng nhau thệ nguyện rằng: “Nguyện đem công đức căn lành cúng dường này, khiến cho chúng con đời sau được sinh ra tại cùng một nơi và cùng là anh em của nhau”. Phát nguyện xong, họ ra đi.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy nên biết, những người cùng ở trong làng thời ấy, nay chính là một trăm vị Tỳ-kheo đây vậy. Nhờ năng lực thệ nguyện của họ lúc đó, nên trong chín mươi một kiếp, họ không bị đọa địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ. Bất cứ sinh lên cõi trời, cõi người, họ thường sinh ra đồng một lượt thọ hưởng sự vui sướng cõi trời. Cho đến ngày nay gặp Ta vẫn sinh ra đời một lượt, được xuất gia đắc đạo.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



69- Truyện Vị Tỳ-Kheo Trên Đầu Có Hạt Châu

Một thuở nọ, Đức Phật ngự dưới cội cây Ni-câu-đà, trong thành Ca-tỳ-la-vệ.

Bấy giờ, trong thành có một vị trưởng giả có vô lượng tài sản, của báu, không thể tính kể được. Ông chọn con gái nhà giàu sang để cưới làm vợ, tấu trỗi âm nhạc để mua vui cho nàng.

Người vợ mang thai, đủ mười tháng, nàng sinh được một bé trai, tướng mạo khôi ngô khác thường trên đời ít có, trên đầu tự nhiên có hạt châu Ma-ni. Cha mẹ thấy vậy, bèn đặt tên con là Bảo Châu.

Bảo Châu dần dần khôn lớn. Một hôm Bảo Châu cùng các bạn thân ra khỏi thành để dạo chơi. Khi đến dưới cội cây Ni-câu-đà, Bảo Châu thấy Đức Phật Thế Tôn có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, ánh sáng chiếu soi như trăm ngàn mặt trời. Bảo Châu vui mừng, bước đến đánh lễ dưới chân Phật rồi lui lại, ngồi sang một bên nghe Phật nói pháp. Tâm ý được mở tỏ, Bảo Châu chứng đắc quả Tu-đà-hoàn.

Bảo Châu bèn trở về từ giã cha mẹ, xin được xuất gia nhập đạo. Vì thương con nên cha mẹ không nỡ ngăn cản, liền dẫn con đến chỗ cây Ni-câu-đà để xin Phật cho Bảo Châu xuất gia.

Đức Phật liền gọi:

– Lành thay, Tỳ-kheo!

Tóc Bảo Châu tự rơi rụng, thân mặc pháp phục, trở thành Sa-môn, siêng năng tu tập, chứng đắc quả A-la-hán, đầy đủ ba Minh, sáu phép Thần thông, tám pháp Giải thoát; được trời, người kính

ngưỡng.

Một hôm, thầy Tỳ-kheo này đắp y, ôm bát vào thành khát thực. Bấy giờ, hạt châu vẫn ở trên đầu thầy Tỳ-kheo, người trong thành thấy hiện tượng ấy họ rất ngạc nhiên:

– Tại sao Tỳ-kheo đi khát thực lại mang theo hạt châu trên đầu như vậy?

Rồi họ cùng tranh nhau đến xem. Lúc ấy Tỳ-kheo Bảo Châu cảm thấy hổ thẹn, bèn trở về chỗ mình ở, bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, trên đầu con có hạt châu chẳng thể lấy đi được, khiến cho hôm nay trong khi đi khát thực con bị dân chúng chế nhạo. Cúi xin Ngài từ bi lấy hạt châu đi cho con.

Đức Phật bảo vị Tỳ-kheo:

– Ông hãy nói với hạt châu thế này: “Nay sinh phần của tôi đã hết, nên chẳng cần người giữ nữa.” Cứ nói như vậy ba lần thì hạt châu sẽ tự nhiên biến mất.

Tỳ-kheo Bảo Châu vâng lời Phật dạy, liền nói với hạt châu ba lần như vậy, quả nhiên, hạt châu tự nhiên biến mất.

Các Tỳ-kheo thấy việc ấy, bèn bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, Tỳ-kheo Bảo Châu trước kia đã gieo trồng phước đức gì, mà nay sinh ra có hạt châu trên đầu, chiếu sáng hơn mặt trời, mặt trăng; lại gặp Thế Tôn, được xuất gia đắc đạo?

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy hãy lắng nghe, Ta sẽ giải thích rõ. Thuở xưa, cách nay chín mươi một kiếp, tại nước Ba-la-nại có Đức Phật ra đời hiệu là Tỳ-bà-thi. Sau khi giáo hóa chúng sinh viên mãn, Ngài nhập Niết-bàn.

Khi ấy, có vị vua tên là Bàn-đầu-mạt-đế thân lấy xá-lợi Phật, rồi xây dựng ngôi tháp bằng bốn chất báu cao một do-tuần để cúng dường. Về sau, thái tử của vua vào tháp, đánh lễ cúng dường, treo một hạt châu Ma-ni trên đỉnh tháp, phát nguyện rồi ra về.

Nhờ công đức này, cho nên trong chín mươi một kiếp thái tử không bị đọa địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ; sinh lên cõi trời, cõi người thường có hạt châu trên đầu, thọ hưởng sự sui sướng cõi trời. Cho đến ngày nay vị ấy được gặp Ta, xuất gia đắc đạo.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy nên biết, vị Vương tử lúc bấy giờ, nay chính là Tỳ-kheo Bảo Châu.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



70- Truyện Treo Phướn Cúng Dường Tháp Phật

Một thuở nọ, Đức Phật ngự dưới cội cây Ni-

câu-đà, trong thành Ca-tỳ-la-vệ.

Bấy giờ, trong thành có một vị Trưởng giả có vô lượng tài sản, của báu, không thể tính kể được. Ông chọn con gái nhà giàu sang để cưới làm vợ, tấu trời âm nhạc để mua vui cho nàng.

Người vợ mang thai, đủ mười tháng, nàng sinh được một bé trai, tướng mạo khôi ngô khác thường, vượt hơn mọi người.

Lúc bé trai này mới sinh, trong hư không có chiếc lọng phướn lớn, che phủ cả thành. Do đó mà mọi người đặt tên cho đứa trẻ là Ba-đa-ca.

Ba-đa-ca dần dần khôn lớn. Một hôm cùng các bạn thân ra khỏi thành dạo chơi, đến dưới cây Ni-câu-đà, Ba-đa-ca thấy Đức Phật Thế Tôn có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, ánh sáng chiếu soi như trăm ngàn mặt trời. Ba-đa-ca vui mừng, đánh lễ dưới chân Phật, rồi lui lại đứng sang một bên. Đức Phật liền giảng nói pháp Tứ đế cho Ba-đa-ca nghe. Tâm ý được mở tỏ, Ba-đa-ca chứng quả Tu-đà-hoàn, liền trở về từ giã cha mẹ, xin được xuất gia nhập đạo. Vì thương con nên cha mẹ không nỡ ngăn cản, bèn dẫn con đến vườn Ni-câu-đà, xin Đức Phật cho Ba-đa-ca xuất gia.

Đức Phật bèn gọi:

– Lành thay, Tỳ-kheo!

Tóc Ba-đa-ca tự rơi rụng, thân mặc pháp phục, thành vị Sa-môn, siêng năng tu tập, chứng quả A-

la-hán, đầy đủ ba Minh, sáu phép Thần thông, tám pháp Giải thoát; được trời, người kính ngưỡng.

Các Tỳ-kheo thấy việc ấy, bèn bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, Tỳ-kheo Ba-đa-ca đời trước đã làm được phước đức gì, mà nay sinh ra có tướng mạo khôi ngô khác thường, trên đời thật ít có, trên không trung còn có chiếc lông phước to che phủ cả thành, lại gặp Thế Tôn được xuất gia đắc đạo?

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy hãy lắng nghe, Ta sẽ giải thích rõ. Thuở xưa, cách nay chín mươi một kiếp, tại nước Ba-la-nại có Đức Phật ra đời hiệu là Tỳ-bà-thi. Sau khi giáo hóa chúng sinh viên mãn, Ngài nhập Niết-bàn.

Lúc ấy có vị vua tên là Bàn-đầu-mạt-đế thâu lấy xá-lợi Phật, rồi xây dựng ngôi tháp bằng bốn chất báu, cao một do-tuần để cúng dường. Về sau, có một người, khi tổ chức đại hội để cúng dường tháp, người này làm một lá phước dài rồi treo trên tháp, phát nguyện rồi ra đi.

Nhờ công đức này, cho nên trong chín mươi một kiếp người này không bị đọa địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, sinh lên cõi trời, cõi người thường có lông phước che mát trên đầu, thọ hưởng sự vui sướng cõi trời. Cho đến ngày nay, vị ấy gặp Ta được xuất gia đắc đạo.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy nên biết, người làm phước lúc bấy giờ, nay chính là Tỳ-kheo Ba-đa-ca.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



SOẠN TẬP KINH MỘT TRĂM TRUYỆN NHÂN DUYÊN

QUYỂN 8

Phẩm 8: TỖ-KHEO-NI

71- Truyện Tỳ-Kheo-Ni Bảo Châu Lúc Sinh Ra Có Ánh Sáng Chiếu Khắp Trong Thành

Một thuở nọ, Đức Phật ngự trong khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, trong thành có một vị trưởng giả, tên là Thiện Hiền, có vô lượng tài sản, của báu, không thể tính kể được. Ông chọn con gái nhà giàu sang để cưới làm vợ, tấu trời âm nhạc để mua vui cho nàng.

Người vợ mang thai, đủ mười tháng, nàng sinh được một bé gái, tướng mạo xinh đẹp khác thường, trên đời ít có; trên đầu bé gái ấy tự nhiên có một hạt châu chiếu sáng khắp thành. Thấy vậy, cha mẹ rất vui mừng và đặt tên con là Bảo Châu.

Bảo Châu dần dần khôn lớn, bản tánh hiếu thuận, thích làm việc bố thí. Hễ có người tới xin

hạt châu trên đánh thì nàng liền lấy cho, cho rồi hạt châu khác lại hiện ra.

Cha mẹ vui mừng, một hôm dẫn Bảo Châu đến chỗ Phật. Bảo Châu thấy Phật, trong lòng vui mừng liền xin Phật xuất gia nhập đạo.

Đức Phật liền gọi:

– Lành thay, Tỳ-kheo-ni!

Tóc trên đầu Bảo Châu tự rơi rụng, thân mặc pháp phục, trở thành Tỳ-kheo-ni, siêng năng tu tập, chứng quả A-la-hán, đầy đủ ba Minh, sáu phép Thần thông, tám pháp Giải thoát, được trời, người tôn kính.

Các Tỳ-kheo thấy việc ấy, bèn bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, Tỳ-kheo-ni Bảo Châu, đời trước đã gieo trồng phước đức gì, mà nay khi ra đời tự nhiên trên đầu có hạt châu, lại gặp Thế Tôn được xuất gia đắc đạo?

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy hãy lắng nghe, Ta sẽ giải thích rõ. Thuở xưa, cách nay chín mươi một kiếp về trước, tại nước Ba-la-nại có Đức Phật ra đời hiệu là Tỳ-bà-thi. Sau khi hóa độ chúng sinh viên mãn, Ngài nhập Niết-bàn.

Lúc ấy có vị vua tên là Phạm-ma-đạt-đa thâu lấy xá-lợi Phật, rồi xây dựng ngôi tháp bằng bốn vật báu để cúng dường.

Về sau, có một người vào trong tháp này, treo

một hạt châu cúng dường trên đỉnh tháp, sau đó phát nguyện rồi ra đi.

Nhờ công đức này, cho nên trong chín mươi một kiếp, người này không bị đọa vào đường ác; hễ sinh lên cõi trời, cõi người, lúc nào cũng thường có hạt châu trên đầu, thọ hưởng sự vui sướng cõi trời. Cho đến ngày nay, vị ấy gặp Ta được xuất gia và đắc đạo.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



72- Truyện Tỳ-Kheo-Ni Thiện Ái Lúc Sinh Ra Tự Nhiên Có Các Thức Ăn Uống

Một thuở nọ, Đức Phật ngự tại vườn trúc Ca-lan-đà, trong thành Vương xá.

Bấy giờ, trong thành có một vị trưởng giả tên là Tu-già, có vô lượng tài sản, vật báu, không thể tính kê được. Ông chọn con gái nhà giàu sang để cưới làm vợ, tấu trời âm nhạc để mua vui cho nàng.

Người vợ mang thai, đủ mười tháng, nàng sinh được một bé gái. Khi sinh ra bé ấy đã nói được, trong nhà tự nhiên đầy đủ các thức ăn uống. Cha mẹ bé gái thấy vậy nghĩ rằng đó chẳng phải là người mà là quỷ Tỳ-xá-xà, nên sợ sệt chẳng dám gần gũi.

Lúc ấy bé gái thấy cha mẹ tỏ vẻ lo sợ, nên chấp

tay nói kệ cho mẹ nghe:

*Mong mẹ nghe lời con
Nay con nói lời thật
Chẳng phải Tỳ-xá-xà
Cũng chẳng phải quỷ khác,
Mà con là người thật
Do hạnh nghiệp tạo nên
Do nhân duyên nghiệp lành
Được quả báo như vậy.*

Lúc ấy cha mẹ nghe con nói kệ, trong lòng vui mừng khôn xiết, liền ẵm bồng, cho bú và nuôi dưỡng, nhân đó đặt tên con là Thiện Ái.

Thiện Ái thấy cha mẹ vui mừng, liền chấp tay thưa cha mẹ:

– Xin cha mẹ hãy đi thỉnh Đức Phật và các Tỳ-kheo Tăng để cúng dường giúp con.

Cha mẹ liền nghe lời con đi thỉnh Đức Phật và các Tỳ-kheo Tăng để cúng dường với đầy đủ các thức ăn uống. Cúng dường xong, Thiện Ái ở trước Phật sinh lòng khát ngưỡng muốn nghe pháp. Đức Phật liền nói pháp Tứ đế cho Thiện Ái nghe. Tâm ý được mở tỏ, nàng liền chứng quả Tu-đà-hoàn.

Thiện Ái dần dần khôn lớn, một hôm xin cha mẹ xuất gia nhập đạo. Vì thương con nên cha mẹ cô không nỡ ngăn cản, bèn dẫn con đến chỗ Phật xin Phật cho Thiện Ái được xuất gia nhập đạo.

Đức Phật bèn gọi:

– Lành thay, Tỳ-kheo-ni!

Tóc trên đầu Thiện Ái tự rơi rụng, thân mặc pháp phục, trở thành Tỳ-kheo-ni, siêng năng tu tập, chứng đắc quả A-la-hán, đầy đủ ba Minh, sáu phép Thần thông, tám pháp Giải thoát; được trời, người tôn kính.

Một hôm, Thế Tôn dẫn đầu một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo, đi giáo hóa chúng sinh tại một nước khác. Khi đến một khoảng đồng trống, thì đã đến giờ ăn.

Đức Phật bảo Tỳ-kheo-ni Thiện Ái:

– Cô có thể bày các món ăn uống cúng dường Đức Phật và các Tỳ-kheo Tăng không?

Đức Phật nói xong, Thiện Ái liền cầm lấy bát Phật tung lên hư không, lúc ấy tự nhiên các thức ăn uống chứa đầy trong bát. Cứ như thế, Thiện Ái lần lượt cầm lấy bát của một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo tung lên hư không cũng được đầy đủ các món ăn.

Lúc bấy giờ, A-nan thấy việc ấy, khen là sự chưa từng có, bèn bước đến bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, Tỳ-kheo-ni Thiện Ái đời trước đã gieo trồng phước đức gì, mà nay lại có khả năng làm được việc kỳ diệu như thế, các món ăn uống hễ muốn là có ngay; lại gặp Đức Thế Tôn, được xuất gia đắc đạo?

Đức Phật bảo A-nan:

– Thầy hãy lắng nghe, Ta sẽ giải thích rõ. Trong hiện kiếp này, tại nước Ba-la-nại có Đức Phật ra đời hiệu là Ca-diếp.

Một hôm, Đức Phật Ca-diếp đáp y, ôm bát dẫn đầu các Tỳ-kheo vào thành khát thực. Theo thứ lớp đến nhà một vị đại trưởng giả, trong nhà sắm sửa các món ăn ngon để đãi khách. Trong khi khách chưa đến, một cô gái hầu thấy Đức Phật và chúng Tăng đang đứng ngoài cửa, cô không nói cho ai biết, mà tự mình lấy các món ăn uống để cúng dường hết cho Đức Phật và chúng Tăng.

Sau đó khách đến, trưởng giả mới bảo cô hầu lấy thức ăn ra.

Cô hầu đáp:

– Thưa trưởng giả, hôm nay có Đức Phật và chúng Tăng đến khát thực và đứng ngoài cửa, nên con đã lấy các thức uống ăn cúng dường hết rồi.

Trưởng giả nghe xong, sinh tâm vui mừng và nói với cô hầu:

– Hôm nay ta đã gặp được ruộng phước. Người đem thức ăn cúng dường, thật lòng ta vui không sao nói được. Bây giờ ta cho con được yêu cầu điều gì tùy ý.

Cô hầu đáp:

– Nếu trưởng giả cho phép tùy theo ý con, xin cho con xuất gia nhập đạo.

Vị trưởng giả liền bằng lòng cho cô xuất gia

làm Tỳ-kheo-ni. Trong một vạn năm người hầu ấy siêng năng tu tập, không hề xao lãng. Khi qua đời, vị ấy không sa vào đường ác; thường được sinh lên các cõi trời, cõi người, các thức ăn uống hề muốn liền có ngay.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy nên biết, người hầu nữ lúc bấy giờ, nay chính là Tỳ-kheo-ni Thiện Ái. Do vì lúc đó, người hầu nữ đã tinh tấn siêng năng giữ giới, nên nay được gặp Ta, xuất gia đắc đạo.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



73- Truyện Tỳ-Kheo-Ni Bạch Tịnh Khi Sinh Ra Đời Đã Có Áo

Một hôm nọ, Phật ngự dưới rừng cây Ni-câu-đà, trong thành Ca-tỳ-la-vệ.

Bấy giờ, trong thành có một vị trưởng giả tên là Cù-sa, có vô lượng tài sản, của báu, không thể tính kể được. Ông chọn con gái nhà giàu sang để cưới làm vợ, tấu trời âm nhạc để mua vui cho nàng.

Người vợ mang thai, đủ mười tháng, nàng sinh được một bé gái, tướng mạo xinh đẹp khác thường, lúc sinh ra đã có mặc áo trắng sạch. Do vậy mà đứa bé được đặt tên là Bạch Tịnh.

Bạch Tịnh dần dần khôn lớn và chiếc áo cũng

rộng ra theo, màu sắc vẫn luôn trắng tinh sạch sẽ và không phải mất công giặt giũ, Mọi người trông thấy, ai cũng muốn có được chiếc áo như vậy.

Một hôm, Bạch Tịnh thưa với cha mẹ:

– Con chẳng tham cầu sự vinh hoa thế tục mà chỉ mong được cha mẹ cho xuất gia.

Vì tình thương nên cha mẹ không nỡ ngăn cản, liền dẫn con đến chỗ Phật, xin cho Bạch Tịnh được xuất gia.

Đức Phật liền gọi:

– Lành thay, Tỳ-kheo-ni!

Tóc trên đầu Bạch Tịnh tự rơi rụng, chiếc áo trắng đang mặc trên mình bỗng hóa ra áo ca-sa, trở thành Tỳ-kheo-ni, siêng năng tu tập, chẳng bao lâu chứng quả A-la-hán, đầy đủ ba Minh, sáu phép Thần thông, tám pháp Giải thoát; được trời, người tôn kính.

Tôn giả A-nan thấy việc ấy, bèn bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo-ni Bạch Tịnh đời trước đã làm được phước đức gì, mà nay khi sinh ra tự nhiên đã mặc áo đẹp để thanh tịnh, lại được xuất gia không bao lâu đã chứng đắc đạo quả.

Đức Phật bảo A-nan:

– Thầy hãy lắng nghe, Ta sẽ giải thích rõ. Trong hiện kiếp này, tại nước Ba-la-nại có Đức Phật ra đời hiệu là Ca-diếp. Ngài dẫn đầu các Tỳ-kheo vào xóm làng để giáo hóa chúng sinh.

Lúc ấy có một cô gái, khi thấy Đức Phật và chúng Tăng, tâm rất vui mừng, bèn cúng dường Phật và chúng Tăng một xấp vải, sau đó nàng phát nguyện rồi ra đi.

Nhờ công đức này, cho nên cô gái này, khi được sinh lên cõi trời, cõi người, lúc sinh ra đã mặc áo sạch. Cho đến ngày nay gặp Ta, cô ấy được xuất gia đắc đạo,

Đức Phật bảo A-nan:

– Thầy nên biết, cô gái cúng dường vải lúc bấy giờ, nay chính là Tỳ-kheo-ni Bạch Tịnh vậy.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



74- Truyện Tỳ-Kheo-Ni Tu-Mạn Có Tài Biện Luận

Một thuở nọ, Đức Phật ngự trong khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, trong thành có một vị Bà-la-môn tên là Phạm-ma. Ông là người học rộng nghe nhiều, có tài biện luận, hiểu rõ kinh luận. Đối với bốn bộ Vệ-đà, ông đều thấu đạt. Ông chọn con gái trong một gia đình giàu sang để cưới làm vợ.

Người vợ mang thai, đủ mười tháng, nàng sinh được một bé gái, tướng mạo xinh đẹp khác thường, có trí tuệ và tài biện luận không ai sánh kịp. Nghe các Bà-la-môn nghị luận với cha mình, nàng đều

ghi nhớ không mất một lời.

Dần dà như vậy, sự hiểu biết của cô ngày càng nhiều. Các bậc Trưởng lão tôn túc đều đến thưa hỏi, không điều gì mà nàng chẳng thông suốt.

Cô nghe rằng trên đời có Đức Phật mới chứng thành quả Chánh giác và đang giáo hóa chúng sinh. Nàng muốn đến cầu xin thọ pháp. Hôm ấy, nàng đeo chuỗi anh lạc, trang nghiêm thân thể, đến nơi Phật ngự. Thấy Phật có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, ánh sáng chiếu soi như trăm ngàn mặt trời, cô gái bước đến đánh lễ dưới chân Phật, rồi lui lại ngồi sang một bên.

Đức Phật liền nói pháp Tứ đế cho cô nghe, tâm ý được mở tỏ, nàng liền chứng đắc quả Tu-đà-hoàn, sau đó nàng cầu xin xuất gia.

Lúc ấy Đức Phật bèn gọi:

– Lành thay, Tỳ-kheo-ni!

Tóc trên đầu cô gái tự rơi rụng, thân mặc pháp phục, thành Tỳ-kheo-ni, siêng năng tu tập, chẳng bao lâu chứng đắc quả A-la-hán.

Tôn giả A-nan thấy việc ấy, bèn bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, Tỳ-kheo-ni Tu-mạn đời trước đã làm được phước đức gì, mà đời nay tuy làm thân gái, nhưng học rộng nghe nhiều bậc nhất; lại gặp Thế Tôn, được xuất gia đắc đạo?

Phật bảo A-nan:

– Thầy hãy lắng nghe, Ta sẽ giải thích rõ. Trong

hiền kiếp này, tại nước Ba-la-nại có Đức Phật ra đời hiệu là Ca-diếp. Sau khi giáo hóa chúng sinh viên mãn, Ngài nhập Niết-bàn.

Trong thời kỳ Tượng pháp của Phật Ca-diếp, có một vị Tỳ-kheo-ni siêng năng tu tập không hề xao lãng, tâm thường ưa thích khi nói pháp giáo hóa chúng sinh. Nhân công đức đó Tỳ-kheo-ni ấy phát nguyện: “Tôi nguyện đời vị lai được sinh trong giáo pháp của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, là người hiểu rõ kinh luận.” Phát nguyện xong, Tỳ-kheo-ni ấy qua đời, được sinh lên cõi trời, cõi người, thông minh trí tuệ, không ai sánh kịp.

Đức Phật bảo A-nan:

– Thầy nên biết, Tỳ-kheo-ni nói pháp giáo hóa chúng sinh lúc bấy giờ, nay chính là Tỳ-kheo-ni Tu-mạn, là người học rộng nghe nhiều bậc nhất, lại được gặp Ta, xuất gia đắc đạo.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



75- Truyện Cô Gái Múa Trở Thành Tỳ-Kheo-Ni

Một thuở nọ, Đức Phật ngự tại vườn trúc Ca-lan-đà, trong thành Vương xá.

Bấy giờ các vị trưởng giả giàu có trong thành nhóm họp lại, tổ chức đại hội, tấu trời kỹ nhạc để

vui chơi.

Lúc ấy có hai vợ chồng vũ sư từ phương Nam tới, dẫn theo một cô con gái xinh đẹp tên là Thanh Liên Hoa. Thanh Liên Hoa tướng mạo xinh đẹp khác thường trên đời ít có, lại thông minh trí tuệ, khó ai có thể đối đáp với nàng. Nàng có đến sáu mươi bốn nghề, tất cả đều thành thạo. Nàng còn hiểu rõ về nghệ thuật múa; các động tác như xoay người, cúi xuống, ngẩng lên đều rất linh hoạt khéo léo và khúc hát được biểu hiện bằng tiết điệu của thân thể.

Cô kiêu hãnh nói rằng:

– Trong thành này, có người nào múa được như ta không; hay hiểu rõ kinh luận có thể đối đáp với ta không?

Khi đó có người trả lời:

– Đức Phật Thế Tôn tại vườn trúc Ca-lan-đà có khả năng đối đáp, làm cho cô không còn kiêu hãnh.

Cô gái múa nghe nói, liền dẫn đầu đoàn người vừa ca vừa múa đi đến vườn Trúc. Khi đến vườn Trúc, cô gái thấy Đức Thế Tôn, vẫn còn kiêu mạn, buông lung và cười đùa vô lễ, tỏ ra bất kính Như Lai.

Đức Phật thấy vậy, Ngài liền dùng thần lực biến cô gái múa thành một bà lão tóc bạc trắng, mặt nhăn nheo, răng rụng lưa thưa và đi lom khom.

Lúc ấy cô gái múa tự thấy thân mình già nua

như một bà lão, bèn nói:

– Vì sao thân thể ta bỗng nhiên lại già nua suy yếu thế này? Đây chắc chắn là do uy thần của Đức Phật gây ra.

Nàng liền ở trước Phật sinh tâm hổ thẹn, bước đến bạch Đức Phật:

– Hôm nay con ở trước Thế Tôn mà dám kiêu mạn, tự đại, buông lung tâm ý. Cúi xin Đức Thế Tôn từ bi tha thứ lỗi lầm.

Bấy giờ Thế Tôn biết tâm cô gái múa được điều phục. Ngài bèn dùng năng lực thần thông biến bà lão trở lại thành cô gái múa, như trước không khác.

Mọi người thấy cô gái múa thoát già, thoát trẻ không nhất định, nên ai nấy đều sinh tâm nhằm chán thân người, hiểu rõ lý vô thường. Tâm ý mở tỏ, có vị chứng quả Tu-đà-hoàn, có vị chứng quả Tu-đà-hàm, có vị chứng quả A-na-hàm, có vị chứng quả A-la-hán, có vị phát tâm Bích-chi-phật, cho đến có vị phát tâm Bồ-đề vô thượng.

Bây giờ cô gái múa cùng cha mẹ đến trước Phật, ông bà cầu xin cho cô gái múa được xuất gia.

Đức Phật liền gọi:

– Lành thay, Tỳ-kheo-ni!

Tóc trên đầu cô gái tự rơi rụng, thân mặc pháp phục, thành Tỳ-kheo-ni. Cô siêng năng tu tập, chẳng bao lâu chứng quả A-la-hán, đầy đủ ba Minh, sáu phép Thần thông, tám pháp Giải thoát;

được cõi trời, cõi người tôn kính.

Đại chúng thấy vậy, bèn bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, làm sao đối với một người buông lung, xinh đẹp, không có lòng tin Phật, mà Ngài hóa độ được khiến cho cô ta khai ngộ, xuất gia đắc đạo như thế.

Đức Phật bảo đại chúng:

– Đâu phải ngày nay Ta mới giáo hóa nàng ấy, mà thuở quá khứ xa xưa Ta từng giáo hóa nàng ấy rồi.

Sau khi nghe Phật dạy, đại chúng lại bạch:

– Bạch Đức Thế Tôn, chẳng hay việc ở quá khứ thế nào, cúi xin Ngài giải thích cho chúng con được biết.

Bấy giờ Đức Phật bảo đại chúng:

– Các vị hãy lắng nghe, Ta sẽ giải thích rõ. Thuở xưa, cách nay vô lượng kiếp, vua nước Ba-la-nại có vị thái tử tên là Tôn-đà-lợi vào núi học đạo, đạt được năm thứ thần thông...

Một hôm, thái tử gặp một vị nữ Khẩn-na-la, tướng mạo xinh đẹp khác thường, giống như chư Thiên, nhưng lại có phong cách lẳng lơ, vừa đi vừa múa nhằm làm động tâm thái tử, muốn làm cho thái tử mê đắm, lui sụt Tiên đạo. Nhưng tâm thái tử lúc đó vẫn bền chắc, không hề có ý tưởng tham dục.

Lúc ấy thái tử nói với vị nữ Khẩn-na-la: “Tất cả các pháp hữu vi đều vô thường, nay ta quán sát

thấy thân người, toàn là chất hôi thối chứa đầy bên trong, với lớp da mỏng bao phủ bên ngoài, không thể giữ được lâu bền, rồi sẽ có lúc tóc bạc, mặt nhăn và lưng còm. Vậy bây giờ, người lấy có gì còn kiêu mạn buông lung đến như thế; giọng ca hay của người ngày trước, cũng bị biến đổi, tại sao người còn dựa vào đó mà có những hành động lẳng lơ như thế?!”

Nghe thái tử nói, vị nữ Khẩn-na-la liền sám hối tội lỗi với thái tử và nhân đó phát nguyện: “Tôi nguyện đời vị lai dứt bỏ được sinh tử và được gặp Ngài, chứng đắc đạo quả.”

Phật bảo đại chúng:

– Các vị nên biết, vị vương tử học đạo Tiên lúc bấy giờ, chính là Ta hiện nay, còn vị nữ Khẩn-na-la bấy giờ, nay là Tỳ-kheo-ni Thanh Liên Hoa. Nhờ năng lực phát nguyện lúc đó mà nay gặp Ta, được xuất gia đắc đạo.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



76- Truyện Tỳ-Kheo-Ni Ca-Thi Khi Sinh Ra Đã

Mặc Ca-Sa

Một thuở nọ, Đức Phật ngự tại vườn Lộc dã, trong thành Ba-la-nại.

Bấy giờ hoàng hậu của vua Phạm-ma-đạt-đa mang thai, đủ mười tháng, bà sinh được một công chúa, thân mặc ca-sa, tướng mạo xinh đẹp khác thường, trên đời ít có. Vua cho vời các thầy xem tướng đến xem tướng cho công chúa. Các thầy xem tướng xem xong hỏi cha mẹ:

– Lúc công chúa sinh ra có điềm lành gì chẳng?

Vua đáp:

– Lúc công chúa ra đời, trên người có mặc ca-sa.

Do đó đặt tên là Ca-thi-tôn-đà-lợi. Ca-thi dần dần khôn lớn, chiếc áo ca-sa trên người cũng rộng theo. Ca-thi bản tính hiền lành, nhân từ và hiếu thuận. Một hôm, Ca-thi dẫn các người hầu ra khỏi thành dạo chơi, dần dần đến vườn Nai. Ca-thi thấy Đức Phật có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, ánh sáng chiếu soi như trăm ngàn mặt trời, nàng sinh lòng vui mừng, bước đến đánh lễ dưới chân Phật rồi lui lại ngồi sang một bên.

Lúc ấy Đức Phật liền giảng nói pháp Tứ đế cho Ca-thi nghe. Tâm ý được mở tỏ, nàng liền chứng đắc quả Tu-đà-hoàn. Ca-thi liền trở về tâu vua cha:

– Tâu vua cha, hôm nay con ra khỏi thành dạo chơi, khi đến vườn Nai, con thấy Đức Phật Thế Tôn có tướng tốt đẹp trăm phước, trang nghiêm thân Ngài, oai nghi khoan thai, dung mạo đáng chiêm ngưỡng. Con mong vua cha hãy thương xót,

cho con được xuất gia.

Vì thương con nên vua cha không nỡ ngăn cản, bèn dẫn con đến chỗ Phật xin Phật cho con xuất gia.

Đức Phật liền gọi:

– Lành thay, Tỳ-kheo-ni!

Tóc trên đầu Ca-thi-tôn-đà tự rơi rụng, thân mặc pháp phục, thành Tỳ-kheo-ni, siêng năng tu tập, chẳng bao lâu chứng quả A-la-hán, đầy đủ ba Minh, sáu phép Thần thông, tám pháp Giải thoát; được trời, người tôn kính.

Các Tỳ-kheo thấy việc ấy, bèn bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, Tỳ-kheo-ni Ca-thi-tôn-đà-lợi đời trước đã gieo trồng phước đức gì, mà nay được sinh trong gia đình giàu sang, khi sinh ra đời đã có mặc ca-sa và tu hành đắc đạo.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy hãy lắng nghe, Ta sẽ giải thích rõ. Thuở xưa, cách nay vô lượng kiếp, tại nước Ba-la-nại có Đức Phật ra đời hiệu là Ca-na-ca Mâu-ni. Đức Phật dẫn đầu các Tỳ-kheo đi giáo hóa chúng sinh. Lúc ấy công chúa, đang trên đường đi bỗng gặp Phật, tâm nòng vui mừng bèn bước đến đánh lễ dưới chân Phật và bạch: “Cúi xin Đức Phật và chúng Tăng từ bi nhận bốn thứ cúng dường của chúng con trong ba tháng.”

Đức Phật liền chấp nhận.

Công chúa cúng dường trong ba tháng xong, lại còn hiến cúng Đức Phật và chúng Tăng mỗi vị một chiếc y.

Nhờ công đức ấy mà được sinh lên cõi trời, cõi người, Ca-thi luôn được sự tôn kính và được sinh trong gia đình giàu có, khi sinh ra đời thường có mặc ca-sa.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy nên biết, công chúa lúc bấy giờ, nay chính là Tỳ-kheo-ni Ca-thi-tôn-đà-lợi.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



77- Truyện Tỳ-Kheo-Ni Trên Trán Có Vòng Trân Châu

Một thuở nọ, Đức Phật ngự trong khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, trong thành có một vị trưởng giả tên là Phát Sơ, có vô lượng tài sản, vật báu không thể tính kể được. Ông chọn con gái nhà giàu sang để cưới làm vợ, tấu trời âm nhạc để mua vui cho nàng.

Người vợ này mang thai, đủ mười tháng cưu mang, nàng sinh được một bé gái, tướng mạo xinh đẹp khác thường, trên đời ít có, lại có vòng ngọc trên trán. Cha mẹ bé gái thấy con như vậy rất vui mừng, liền mời các thầy xem tướng đến xem tướng

cho bé gái.

Các thầy xem tướng xem xong hỏi cha mẹ:

– Lúc trẻ này sinh ra có điềm gì lành?

Cha mẹ đáp:

– Khi con tôi ra đời, tự nhiên trên trán có vòng ngọc.

Do đó mà đặt tên con là Chơn Châu Man. Chơn Châu Man dần dần khôn lớn, bản tính hiền lành, hay thương xót những kẻ nghèo cô đơn. Khi có người tới xin, cô liền cởi vòng ngọc cho. Sau đó, lại có chiếc vòng ngọc khác y như trước.

Bấy giờ trưởng giả Tu-đạt nghe trưởng giả Phát Sơ có cô con gái xinh đẹp như vậy, nên ông có ý muốn giao hảo với Phát Sơ để xin cưới nàng ấy cho con mình. Nhưng khi Chơn Châu Man hay tin trưởng giả Tu-đạt muốn cưới mình làm dâu, nàng liền thưa với cha mẹ:

– Xin cha mẹ thương xót, nếu muốn gả con cho con trai của trưởng giả Tu-đạt, thì nên ra một điều kiện chàng phải thệ nguyện sau khi thành hôn cả hai sẽ cùng xuất gia. Nếu được như thế, cha mẹ mới gả con cho anh ấy; bằng không con sẽ không bằng lòng vì con chẳng tham đắm sự vinh hoa phú quý của thế tục.

Lúc ấy vợ chồng trưởng giả Phát Sơ vì thương con, nên không thể làm trái ý con, bèn nói ý nguyện của Chơn Châu Man cho trưởng giả Tu-đạt biết.

Trưởng giả Tu-đạt nghe rồi liền bằng lòng.

Sau đó hai bên đồng tiến hành hôn lễ. Vợ chồng Chơn Châu Man chung sống được ít lâu, cả hai đều sinh tâm nhàm chán, cùng nhau đến chỗ Đức Phật, cầu xin xuất gia.

Đức Phật liền gọi:

– Lành thay, Tỳ-kheo-ni!

Tóc trên đầu Chơn Châu Man tự rơi rụng, thân mặc pháp phục, thành Tỳ-kheo-ni. Siêng năng tu tập, chẳng bao lâu chứng đắc quả A-la-hán, đầy đủ ba Minh, sáu phép Thân thông, tám pháp Giải thoát; được trời, người tôn kính.

Các Tỳ-kheo thấy việc ấy, bèn bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, vợ chồng Chơn Châu Man, đời trước đã làm được phước đức gì, mà nay khi sinh ra tự nhiên có vòng ngọc trên trán, xuất gia không bao lâu đã chứng đắc quả A-la-hán.

Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy hãy lắng nghe, Ta sẽ giải thích rõ. Trong hiện kiếp này, tại nước Ba-la-nại có Đức Phật ra đời hiệu là Ca-diếp. Đức Phật cùng các Tỳ-kheo đến vườn Nai để quay bánh xe pháp hóa độ chúng sinh.

Lúc ấy có vị trưởng giả A-sa-la nghe tin Đức Phật đang giáo hóa chúng sinh tại vườn Nai, ông bèn nghĩ: “Ta sẽ đi khuyến hóa dân chúng trong thành, mở đại hội Vô già”.

Nghĩ xong, trưởng giả liền thưa với vua cho mình cỡi voi trắng lớn đi khắp chợ, khắp mọi nơi chốn, khắp mọi con đường khuyến hóa mọi người đóng góp để mở đại hội Vô già.

Lúc ấy có một phụ nữ nghe lời khuyến hóa, liền đem hạt châu trên đầu để bố thí. Người chồng từ xa trở về, thấy hạt châu trên đầu vợ không còn, nên hỏi: “Nàng đã đem hạt châu cho ai?”

Người vợ đáp: “Hôm nay, trưởng giả A-sa-la đi khắp nơi để khuyến hóa mọi người bố thí, nên tôi đã bố thí hạt châu rồi.” Người chồng nghe nói, rất vui mừng, cũng đem hạt châu ra bố thí.

Nhân đó người vợ phát nguyện: “Con nguyện ở đời vị lai không bị đọa vào đường ác, được sinh lên cõi trời, cõi người, khi sinh ra thường có vòng trân châu.”

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

— Nhờ bố thí hạt châu lúc bấy giờ nên Tỳ-kheo-ni Chơn Châu Man ngày nay gặp Ta, được xuất gia đắc đạo.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



**78- Truyện Nhờ Tỳ-Kheo-Ni Sai-Ma Ra
Đời Mà Hai Vị Vua**

Hòa Giải Với Nhau

Một thuở nọ, Đức Phật ngự tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ vua Ba-tư-nặc và vua Phạm-ma-đạt, thường có sự bất hòa, mỗi bên đều đem các binh chủng như: Tượng binh, mã binh, xa binh và bộ binh để trú đóng tại hai bên bờ sông.

Lúc ấy hai phu nhân của hai vua đến lúc sinh nở, một vị sinh được thái tử, một người sinh được công chúa. Cả hai trẻ đều có tướng mạo khôi ngô, xinh đẹp khác thường. Hai vua đều vui mừng, đánh trống ra lệnh tập hợp các binh chủng để ban thưởng tài vật. Nhân đó, hai vị vua đều vui mừng cầu hòa và kết mối thông gia với nhau, từ đó hai nước không còn xâm chiếm nhau nữa, mãi đến đời con cháu sau này, vẫn giữ được mối giao hảo như xưa.

Sau khi có sự hòa giải giữa hai vị vua, ai về nước nấy.

Bấy giờ thái tử con vua Phạm-ma-đạt mới bảy tuổi, được vua cha cho phép đem các thứ đồ châu báu đến xin cầu hôn công chúa của vua Ba-tư-nặc. Công chúa của vua Ba-tư-nặc nghe tin, nàng liền thưa vua cha:

– Thân người khó được, nay con đã được; các căn khó đầy đủ, nay con đã đầy đủ; tín tâm khó sinh, nay tín tâm con đã sinh; ở đời khó gặp Phật, nay con đã được gặp. Cúi xin vua cha đừng delay

con vào chốn hiểm nạn, khiến con mãi xa lìa các bậc Thiện tri thức, xin vua cha thương xót cho con được xuất gia.

Vua đáp:

– Khi con nằm trong thai, ta đã hứa hôn với vua Phạm-ma-đạt rồi. Nhờ con ra đời mà hai nước trở nên hòa bình thân thiện, không còn xâm chiếm nhau nữa. Giờ đây, nếu ta không giữ lời, tức là phụ lòng tin của người, vua Phạm-ma-đạt chắc chắn đối xem ta như kẻ thù nghịch, chớ Thiên sẽ chê trách mà không giúp đỡ cho ta, các quan và nhân dân sẽ không tin phục ta. Như vậy, ta đã đi ngược lại pháp chế lâu đời của Tiên vương. Con chưa từng nghe hay sao: Hai vị vua A-xà-thế và Ba-cù-lợi, cùng mấy mươi vị vua nữa... đều do nói dối mà phải đọa ngục. Vì sao ngày nay con muốn ta giống như các vua kia phải chịu khổ nơi địa ngục vì lời nói dối của mình. Con chớ nên bỏ ta đi xuất gia.

Nói xong, vua Ba-tư-nặc liền sai sứ giả đến báo tin cho vua Phạm-ma-đạt biết, nội trong bảy ngày hãy mau mang sính lễ đến. Sứ giả vâng lệnh vua, liền đến báo tin cho vua Phạm-ma-đạt biết bảy ngày nữa sẽ làm lễ cưới.

Khi nghe vua cha đã sai sứ giả đi hỏi thúc vua Phạm-ma-đạt phải tiến hành nhanh việc cưới hỏi, nàng rất buồn phiền, bèn mặc y phục đơ bản, cởi

bỏ các chuỗi anh lạc và làm cho thân thể trở nên tiêu tụy hao mòn, rồi nàng lên lầu cao, quỳ thẳng chấp tay hướng về tinh xá Kỳ hoàn bạch Phật:

– Đức Như Lai Thế Tôn từ bi thương xót tất cả chúng sinh, trong một niệm biết rõ ba đời. Hôm nay, con gặp khổ nạn, cúi mong Thế Tôn thương xót cứu giúp.

Lúc ấy Thế Tôn từ xa biết công chúa chân thành cầu nguyện, mong được cứu giúp. Trong phút chốc, Thế Tôn liền hiện ra trước mặt công chúa để nói pháp. Tâm ý được mở tỏ, công chúa liền chứng đắc quả A-na-hàm.

Đến ngày thứ bảy, thái tử của vua Phạm-ma-đạt dẫn đầu đoàn thị tùng, đến mấy ngàn muôn người, mang theo châu báu, các đồ phục sức đến đề cầu hôn. Vào đến trong cung, thái tử sắp tiến hành lễ cưới, bỗng nhiên công chúa từ trên hư không hiện ra mười tám thứ thần biến, ẩn đi ở phía Tây xuất hiện ở phía Đông, xuất hiện ở phía Nam ẩn đi ở phía Bắc, đi đứng nằm ngồi biến hóa tự tại, rồi từ không trung bước xuống.

Vua Ba-tư-nặc thấy công chúa biến hóa như vậy, sinh tâm sợ hãi và nói với con gái:

– Ta vì ngu muội không biết con có thần thông biến hóa, vậy mà cố đẩy con vào chốn ô uế cấu nhiễm của trần gian. Ta xin sám hối tội lỗi và cho phép con xuất gia.

Bấy giờ thái tử cũng sinh tâm kính tin, nói:

– Ta cũng ngu si, không biết phân biệt, nên có ý định như vậy. Xin cũng cho ta sám hối tội lỗi, ta cho phép nàng xuất gia.

Bấy giờ công chúa được nghe những lời ấy, nàng liền đến tinh xá Kỳ hoàn, gặp Đức Phật và xin được xuất gia.

Đức Phật liền chấp nhận. Công chúa trở thành Tỳ-kheo-ni, siêng năng tu tập, chứng đắc quả La-hán.

Các Tỳ-kheo thấy việc ấy, bèn bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, Tỳ-kheo-ni Sai-ma này đời trước đã làm được phước đức gì mà nay được sinh trong hoàng tộc mà không hề có tư tưởng tham dục, lại được xuất gia đắc đạo?

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy hãy lắng nghe, Ta sẽ giải thích rõ. Trong hiện kiếp này, tại nước Ba-la-nại có Đức Phật ra đời hiệu là Ca-diếp. Trong chánh pháp của Ngài, có một đôi vợ chồng không có sự thương cảm nhau, thường hay kinh cãi bất hòa.

Một hôm, vợ chồng khuyến khích nhau đến chỗ các Tỳ-kheo để thọ Bát quan trai giới. Nhân đó, vợ chồng đồng phát nguyện: “Chúng con nguyện đời sau được sinh nơi tôn quý sang trọng, thường hòa giải nhau khi có tranh cãi.” Sau khi phát nguyện, cả hai tùy theo tuổi thọ, lần lượt qua đời, cùng sinh

vào hoàng tộc.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy nên biết, người cha chồng nay chính là vua Phạm-ma-đạt; cha vợ nay là vua Ba-tư-nặc; người chồng nay là thái tử, người vợ nay là công chúa.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, vui mừng thực hành.



79- Truyện Nàng Công Chúa Xấu Xí Con Vua Ba-Tư-Nặc

Một thuở nọ, Đức Phật ngự trong khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, phu nhân Mạt-lợi của vua Ba-tư-nặc hạ sinh được một nàng công chúa, diện mạo xấu xí, thân thể thô nhám như da rắn, tóc cứng như lông đuôi ngựa.

Vua Ba-tư-nặc thấy vậy, nên lòng buồn bã, ra lệnh cho các quan trong cung phải canh giữ cẩn thận không cho con gái ra ngoài để ai nhìn thấy.

Vua tự nghĩ: “Con gái ta tuy hình dạng xấu xí chẳng giống người, nhưng là con do phu nhân Mạt-lợi sinh ra nên ta vẫn nuôi dưỡng”.

Công chúa dần dần khôn lớn, đã đến tuổi phải

có chồng. Vua rất ưu sầu không biết phải làm thế nào. Một hôm, vua truyền lệnh cho một vị quan:

– Khanh hãy đi tìm và dẫn về đây một chàng trai vốn là con nhà giàu sang, nhưng nay đã sa sút nghèo khổ.

Vị quan vâng lệnh vua đi khắp nơi để tìm kiếm và tìm được một người có điều kiện như vậy, liền dẫn đến gặp vua.

Vua gọi chàng trai ấy đến chỗ khuất, nói riêng:

– Ta nghe khanh vốn là con nhà giàu sang, nhưng nay đã nghèo khổ. Về việc ấy ta hứa sẽ lo liệu cho. Điều ta muốn nói là ta có một công chúa diện mạo rất xấu xí. Ta mong khanh không chê và ta sẽ gả con gái cho.

Kẻ nghèo khổ kia quỳ thẳng tâu rằng:

– Thần xin vâng lệnh đại vương, giả sử đại vương có đem chó để gả cho thần, thì thần cũng xin nhận không dám trái lệnh, huống chi đây là công chúa do phu nhân Mạt-lợi sinh ra. Đại vương có nhã ý con xin vâng lệnh.

Sau khi gả công chúa cho người này, vua cho xây dựng phòng ốc, làm bảy lớp cửa rào vững chắc để nhốt công chúa bên trong và căn dặn phò mã:

– Con phải giữ công việc đóng mở cửa, nếu muốn ra ngoài chính con phải cài cửa chặt, luôn nhốt vợ con vào trong, không được để người ngoài thấy khuôn mặt xấu xí của công chúa.

Vua xuất tài vật tùy theo nhu cầu, để cung cấp cho phò mã không thiếu thốn món gì. Một hôm, nhà vua bảo phò mã và ban cho chàng chức quan Đại thần trong triều.

Một thời gian sau, vị Đại thần này trở nên giàu có, có rất nhiều tài sản vật báu, không còn thiếu thốn vật gì. Từ đó, viên Đại thần này và những người thuộc dòng dõi giàu sang thường cùng nhau tổ chức những cuộc hội họp vui chơi. Ngày qua tháng lại, trong những lần gặp gỡ ấy, những đôi vợ chồng hoặc trai gái cùng vui vẻ đi chung với nhau. Nhận thấy những người dự hội, ai cũng đem vợ mình theo, chỉ có vị Đại thần kia là không có vợ đi chung, cho nên mọi người mới lấy làm lạ cho rằng: “Hoặc là vợ ngài rất xinh đẹp, nhan sắc mỹ miều; hoặc là quá xấu, nên không dám trình diện trước công chúng.” Do đó bọn người kia bèn tính mưu kế để đi xem tận mặt người vợ. Họ âm thầm toan tính với nhau là dụ Đại thần uống rượu, đến hồi say khước ngã lăn ra đất, họ mới mở lấy chìa khóa cửa và bọn họ gồm năm người về nhà Đại thần để xem mặt cô vợ thế nào.

Lúc ấy người vợ ở nhà đang buồn bã, tự trách lỗi mình:

– Đời trước ta đã gây ra nghiệp ác gì, mà nay khiến chồng ghét bỏ, lại thường bị giam hãm nơi tăm tối, không được thấy mặt trời, mặt trăng và mọi người.

Công chúa tự nghĩ: “Hiện nay Đức Phật ra đời, Ngài từ bi thường quán sát chúng sinh, hễ chúng sinh nào gặp khổ nạn, Ngài liền đến cứu độ.

Khi ấy công chúa liền dốc lòng, từ xa đánh lễ Đức Thế Tôn bạch:

– Cúi xin Đức Phật thương xót, đến trước mặt con để ban cho con lời giáo huấn.

Biết tâm chân thành, kính tin của công chúa đã thuần thực, Đức Phật liền đến nhà, hiện đến trước mặt nàng. Khi ấy, Đức Phật từ dưới đất hiện lên. Đầu tiên Ngài hiện tướng tóc xanh, công chúa ngẩng đầu nhìn màu tóc của Phật, trong lòng vui mừng và càng tôn kính. Lúc ấy tóc công chúa tự nhiên mềm mại trở lại và biến thành màu xanh. Đức Phật lại hiện tướng mặt, công chúa thấy cũng sinh tâm vui mừng, gương mặt nàng bỗng trở nên xinh đẹp, tướng thô kệch cùng làn da thô nhám tự biến mất. Đức Phật lại hiện ra thân màu vàng sáng rỡ cho công chúa thấy. Khi thấy thân Phật, công chúa càng vui mừng hơn nữa. Bấy giờ thân thể công chúa hoàn toàn xinh đẹp chẳng khác nào các Thiên nữ. Đức Phật liền giảng nói các pháp yếu cho công chúa nghe. Tâm ý được mở tỏ, công chúa chứng đắc quả Tu-đà-hoàn, trong lòng nàng hớn hở, thế gian không ai bằng. Giáo hóa công chúa xong, Đức Phật trở về.

Bấy giờ năm người kia đến nhà vị Đại thần mở

cửa vào, họ thấy người vợ có dung mạo xinh đẹp khác thường, trên đời không hai. Năm người bèn bảo nhau:

– Thật lạ! Tại sao Đại thần lại không đem vợ cùng đi?

Sau khi thấy vợ Đại thần có dung nghi xinh đẹp như vậy, họ đóng cửa cột khóa rồi ra về.

Cuộc hội ngộ giải tán, Đại thần trở về nhà, mở cửa vào thấy vợ mình trong dáng điệu đẹp đẽ, khác thường hơn người. Vị Đại thần mừng rỡ hỏi:

– Nàng là ai vậy?

Người vợ đáp:

– Thiếp đây chính là vợ chàng.

Vị Đại thần lại hỏi:

– Trước kia nàng rất xấu xí, sao giờ đây lại xinh đẹp như vậy?

Công chúa bèn kể lại sự việc cho chồng nghe:

– Đó là nhờ công đức oai thần lực của Đức Phật làm cho thiếp có được thân tướng như vậy. Bây giờ thiếp muốn được gặp vua cha, chàng hãy thưa lên vua cha giùm thiếp.

Đại thần nghe lời vợ, bèn tâu với vua cha:

– Vợ con muốn diện kiến vua cha.

Nhà vua liền nói:

– Con chớ nói việc ấy, hãy mau đóng chặt cửa nhốt lại, đừng để công chúa ra ngoài.

Vị Đại thần bèn hỏi:

– Thưa vua cha sao như vậy? Bởi vợ con hôm nay nhờ oai thần của Đức Phật nên có được thân tướng trang nghiêm đẹp đẽ, chẳng khác gì Thiên nữ.

Vua nghe xong, xét quả đúng như vậy, rồi cho người sửa soạn một cỗ xe, tức tốc đến rước công chúa về cung. Vua thấy con gái mình dung mạo xinh đẹp khác thường, trên đời không hai nên lòng vui mừng vô cùng. Vua liền cho người sửa soạn một cỗ xe, để đến chỗ Phật. Đến nơi, vua đánh lễ dưới chân Phật rồi lui sang một bên, quỳ thẳng chấp tay bạch:

– Bạch Đức Thế Tôn, không biết công chúa con trẫm đời trước đã làm được phước lành gì mà nay được sinh trong dòng họ quý tộc, giàu sang, nhưng lại gây ra nghiệp ác gì mà nay phải chịu thân hình xấu xí, da tóc khô cứng còn hơn súc sinh. Cúi xin Thế Tôn giải thích cho chúng con được biết.

Đức Thế Tôn bảo vua và phu nhân:

– Đại vương và phu nhân hãy lắng nghe, Ta sẽ giải thích rõ. Thuở xưa, cách nay vô lượng kiếp, có một nước lớn tên là Ba-la-nại, có một vị trưởng giả có vô lượng tài sản, vật báu không thể tính kể được. Trưởng giả cùng những người trong nhà thường cúng dường một vị Bích-chi-phật, có thân thể thô kệch, tướng mạo xấu xí, xơ xác không ai muốn

nhìn.

Lúc ấy có một cô bé thấy vị Bích-chi-phật đến, sinh ác tâm khinh mạn, mắng nhiếc, hủy báng: “Người gì đâu mà tướng mạo xấu xí, thân thể thô kệch đáng ghét thế!”

Vị Bích-chi-phật thường đến nhà trưởng giả để thọ cúng dường. Trụ thế đã lâu, nay Ngài muốn nhập Niết-bàn, liền vì cô gái, hiện các đại thần biến như: thân vọt lên hư không xuất ra nước lửa, xuất hiện ở phía Đông ẩn đi ở phía Tây, xuất hiện ở Nam ẩn đi ở phía Bắc, đi đứng nằm ngồi ở trong hư không, tùy ý biến hóa, khiến cho tất cả mọi người trong nhà trưởng giả đều thấy; rồi từ trên hư không bước xuống, đến nhà trưởng giả. Trưởng giả sinh tâm vui mừng khôn xiết. Riêng cô con gái trưởng giả hối lỗi tự trách: “Cúi xin Ngài từ bi tha thứ ác tâm của con trước đây. Tội con quá nặng, mong Ngài bỏ qua, cho con được sám hối để không còn tội lỗi gì”.

Đức Thế Tôn bảo vua Ba-tư-nặc:

– Đại vương nên biết, người con gái của trưởng giả lúc ấy vì đã hủy báng chê bai vị Bích-chi-phật, nên về sau khi sinh ra nơi nào cũng thường có thân hình xấu xí. Nhưng nhờ sau đó, do thấy sự biến hóa của Bích-chi-phật, cô gái ấy bèn sám hối với Ngài, cho nên nay được dung mạo xinh đẹp, hơn hẳn thế gian, không ai sánh bằng; và nhờ lúc ấy cúng

dường vị Bích-chi-phật, nên khi sinh ra nơi nào cũng thường sinh trong nhà giàu có, tôn quý sang trọng, không thiếu thốn vật gì, lại được gặp Ta, thoát khỏi lo buồn khổ não.

Vua Ba-tư-nặc và các quan, dân chúng nghe Đức Phật dạy về nhân duyên nghiệp báo, tâm ý được mở tỏ. Có vị chứng quả Tu-đà-hoàn, có vị chứng quả Tư-đà-hàm, có vị chứng quả A-na-hàm, có vị chứng quả A-la-hán, có vị phát tâm Bích-chi-phật, có vị phát tâm Bồ-đề vô thượng.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



80- Truyện Về Tên Trộm

Một thuở nọ, Đức Phật ngự trong giảng đường Trùng các, thuộc nước Tỳ-xá-ly.

Bấy giờ, trong thành có một kẻ ngu, tâm thường ưa thích sống bằng nghề trộm cắp, dân địa phương ai cũng biết. Một hôm, nghe trong phòng chư Tăng có một cái lọ quý bằng đồng, kẻ ngu định đánh cắp chiếc lọ ấy. Kẻ ngu theo những người đi đường để vào tăng phòng định lấy cái lọ, nhưng cuối cùng không lấy được. Tên trộm nghe các thầy Tỳ-kheo giảng về một bài kệ bốn câu, ý nói: Cái chớp mắt của chư Thiên rất chậm, còn nháy mắt của người đời thì nhanh. Tên cướp nghe kệ và ghi

nhận trong lòng rồi ra về.

Sau đó, có một người đi buôn từ xứ khác tới, mang theo một hạt châu Ma-ni rất giá trị để dâng lên nhà vua. Vua được hạt châu, liền sai người treo lên đỉnh tháp để cúng dường.

Lúc ấy tên trộm biết rằng vua đã treo bảo châu trên đỉnh tháp nên âm thầm để bụng, sau đó, liền đến trộm lấy rồi trốn biệt dạng.

Khi vua nghe hạt châu bị mất, trong lòng tức giận, liền thông báo khắp trong nước:

– Ai bắt được kẻ cắp, mật báo cho vua, sẽ được trọng thưởng.

Qua một thời gian, không ai dám đáp ứng lời kêu gọi của vua. Vua tức giận sai người đi tìm, cũng chẳng kết quả.

Lúc ấy có một vị quan mưu trí tâu vua:

– Hiện nay, trong kinh thành của đại vương, nhân dân đều giàu có thịnh vượng, rất ít kẻ trộm cắp, chỉ còn một người sống bằng nghề trộm cắp mà cả nước đều biết tiếng, hạt châu này chắc chắn do hắn lấy. Nhưng nếu bắt hắn trói lại rồi tra khảo đánh đập, chắc chắn hắn không thú nhận. Nay đại vương phải bày mưu tính kế, mới biết được kẻ kia có lấy hay không.

Vua hỏi vị quan này rằng:

– Nên lập kế gì?

Vị quan đáp:

– Đại vương hãy âm thầm sai người đi mời tên trộm đến cùng ngồi ăn thịt uống rượu. Khi hắn thật say, đại vương cho xe chở về trước điện, đừng cho hắn hay biết gì cả. Trang nghiêm điện đường và các kỹ nữ cực kỳ xinh đẹp, tấu trời âm nhạc làm cho hắn thích thú. Lúc ấy tên trộm tất phải bàng hoàng ngơ ngác, nhân đó đại vương bảo các kỹ nữ: “Vì lúc còn ở Diêm-phù-đề, ông đã lấy cắp hạt châu trên đỉnh tháp, nên nay được sinh lên tầng trời Đao-lợi. Các kỹ nữ chúng tôi đang tấu nhạc hầu hạ ông đây, mà thật ông có lấy hạt châu không?”

Vua y kế ấy thi hành. Bảy giờ, tên trộm trong cơn say, nửa muốn nói thật, nhưng còn sợ đây không phải cõi trời, nửa chẳng muốn nói mà các cô gái bắt ép phải nói. Khi đó, tên trộm bỗng nhớ lại lúc trước ta có nghe Sa-môn giảng: “Cái chớp mắt của chư Thiên rất chậm, còn của người đời rất nhanh, mà giờ đây cái nháy mắt của các kỹ nữ rất nhanh chẳng phải là cõi trời rồi. Tên trộm chỉ cúi đầu không chịu nói. Chẳng bao lâu hắn tỉnh rượu, quan cũng không hỏi tội, tên trộm được thoát chết.

Lúc ấy vị quan mưu trí kia lại tâu vua:

– Xin đại vương thay đổi mưu kế để buộc tên trộm nhận tội.

Vua hỏi:

– Ta phải lập kế gì?

Vị Đại thần đáp:

– Đại vương hãy giả cách thân thiện, gọi kẻ cắp lại và ban cho hắn chức Đại thần. Tất cả kho tàng, đại vương âm thầm tính đếm số lượng rồi giao cho hắn giữ. Sau đó đại vương dùng lời lẽ nhẹ nhàng nói với hắn ta: “Nay chưa có người nào thân thiết như ngươi, hãy giữ gìn kho tàng, đừng để thất thoát vật gì.” Kẻ cắp nghe rồi, chắc chắn sẽ vui mừng. Nhân đó đại vương từ từ hỏi: “Trước kia ta có treo hạt châu Ma-ni trên đỉnh tháp, ngươi có biết không?”

Lúc ấy kẻ cắp sẽ thú thật. Tại sao biết được? Là vì nay hắn đã được đại vương quý trọng và đem tất cả tài sản, tin tưởng ủy thác cho hắn. Chắc chắn là hắn sẽ thú nhận tội lỗi với đại vương.

Vua Ba-tư-nặc theo lời vị quan, sắp đặt kế hoạch thi hành. Quả đúng như lời vị quan nói. Kẻ cắp đã thú thật với vua:

– Chính bề tôi này đã lấy cắp hạt châu và vì sợ nên chẳng dám ra mặt.

Vua lại hỏi:

– Trước kia ngươi say rượu tại cung điện của ta, các kỹ nữ có gạn hỏi, cho rằng ngươi đang ở tại cõi trời, tại sao ngươi không nhận tội?

Kẻ cắp đáp:

– Ngày xưa, tôi có vào tăng phòng và được nghe các Tỳ-kheo giảng về một bài kệ bốn câu ý

nói: “Cái chớp mắt của chư Thiên thì rất chậm, còn chớp mắt của người đời thì nhanh lắm.” Lúc ấy tôi nhớ lại, nên biết rằng đó chẳng phải cõi trời, do đó tôi không thú tội.

Sau đó kẻ trộm đã trả lại hạt châu cho vua. Vua Ba-tư-nặc được trả lại hạt châu, rất đổi vui mừng và không hỏi tội vị đại thần trộm cắp.

Lúc ấy vị đại thần trộm cắp thoát chết, liền tâu vua:

– Xin đại vương tha tội và cho phép tôi xuất gia.

Vua hỏi:

– Ngày nay, người rất được tôn trọng, giàu sang sung sướng. Vì lẽ gì lại muốn xuất gia?

Vị đại thần trộm cắp đáp:

– Tôi nhờ nghe Sa-môn giảng nói bài kệ bốn câu mà được thoát chết. Chỉ nhờ nghe kệ mà được thoát nạn huống chi được học rộng nghe nhiều, đọc tụng tu tập, y như pháp tu hành, chắc chắn phải được nhiều lợi ích. Vì thế nên tôi muốn xuất gia.

Vua nghe xong liền chấp nhận cho vị đại thần trộm cắp xuất gia.

Khi được xuất gia, người ấy siêng năng tu tập, chẳng bao lâu chứng quả A-la-hán, đầy đủ ba Minh, sáu phép Thần thông, tám pháp Giải thoát; được trời, người tôn kính.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui

mừng thực hành.



SOẠN TẬP KINH MỘT TRĂM TRUYỆN NHÂN DUYÊN

QUYỀN 9

Phẩm 9: THANH VĂN

81. Truyện Về Người Dẫn Đầu Đoàn Người Đi Buôn Tên Hải Sinh

Một thuở nọ, Đức Phật ngự trong khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, trong thành có năm trăm người đi buôn định ra biển để tìm châu báu. Trong số những người đi buôn có một người đã cưới vợ trong dòng dõi giàu sang rồi cùng dẫn nhau xuống biển. Trong cuộc hành trình ấy, người vợ mang thai, đủ mười tháng, nàng sinh được một bé trai, nhân đó đưa trẻ được đặt tên là Hải Sinh.

Vì bé trai có phước đức lớn, nên khiến các khách buôn tìm được nhiều châu báu và trở về an ổn.

Hải Sinh dần dần khôn lớn, mọi người lại khuyến khích Hải Sinh ra biển lấy châu báu, khi trở về họ gặp một trận bão dữ dội, ghe thuyền bị gió

thôi trôi tấp vào cỏi nước quỷ La-sát. Vì mong sóng to gió dữ lắng dịu, những người đi buôn cùng quỳ lạy chư Thiên, thiện thần cứu nạn, nhưng không có sự linh ứng nào trong việc cứu họ khỏi tai ách.

Lúc ấy trong số những người đi buôn, có một Ưu-bà-tắc nói với mọi người:

– Có Đức Phật Thế Tôn thường rủ lòng Đại bi, sáu thời trong một ngày đêm luôn quán sát xem chúng sinh nào bị khổ nạn, thì Ngài liền đến cứu hộ. Vậy các anh em hãy cùng nhau xưng niệm danh hiệu Phật, có thể Ngài sẽ đến đây cứu mạng chúng ta.

Những người đi buôn liền cùng nhau xưng niệm:

– Nam-mô Phật-đà.

Bấy giờ Đức Phật từ xa thấy những người đi buôn gặp nạn, Ngài liền phóng ánh sáng chiếu vào trận cuồng phong, cuồng phong liền tan biến.

Mọi người thoát nạn, họ cùng nói với nhau:

– Hôm nay, chúng ta nhờ uy quang của Đức Phật mà thoát nạn, được bình yên trở về, vậy chúng ta hãy xây dựng chùa tháp, thỉnh Đức Phật và chúng Tăng về an trụ, sắm sửa các thức ăn ngon, cung cấp các vật dụng cần thiết không để thiếu thốn.

Nghe rồi mọi người đều bằng lòng. Bấy giờ, tất cả đều trở về an ổn. Theo lời ước nguyện trước kia,

họ xây dựng chùa tháp, thỉnh Đức Phật và chúng Tăng, sắm sửa thức ăn ngon cúng dường. Cúng dường xong, họ lui lại ngồi sang một bên nghe Phật nói pháp. Tâm ý được mở tỏ, mọi người đều có được dấu hiệu chứng đạo, ở trước Phật xin được xuất gia.

Đức Phật bèn gọi:

– Lành thay! các Tỳ-kheo!

Râu tóc trên đầu những người đi buôn tự rơi rụng, thân mặc pháp phục, thành các Sa-môn. Họ siêng năng tu tập, chẳng bao lâu chứng quả A-la-hán, đầy đủ ba Minh, sáu phép Thần thông, tám pháp Giải thoát, được trời, người tôn kính.

Các Tỳ-kheo thấy việc ấy, bèn bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, chẳng hay năm trăm vị Tỳ-kheo là những người đi buôn này đời trước gây ra nghiệp ác gì mà nay gặp các thứ ách nạn như thế? Và nhờ uy quang của Đức Phật mà được thoát nạn, lại gặp Đức Phật Thế Tôn được xuất gia đắc đạo?

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Chẳng những đời nay Ta cứu họ thoát khỏi ách nạn mà thuở xưa Ta cũng đã từng cứu họ thoát khỏi các ách nạn.

Các Tỳ-kheo lại bạch:

– Bạch Đức Thế Tôn, chẳng hay việc thuở xưa như thế nào. Cúi mong Thế Tôn giải thích cho

chúng con được biết.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy hãy lắng nghe, Ta sẽ giải thích rõ. Thuở xưa, cách nay vô lượng kiếp tại nước Ba-la-nại có một vị Tiên có năm thứ thần thông đang trú ngụ bên một bờ sông.

Lúc ấy có năm trăm người đi buôn muốn ra biển để tìm châu báu. Khi đi về phía bờ sông, những người đi buôn thấy vị Tiên, họ cùng nhau lại chào hỏi và khuyên mời vị Tiên cùng ra biển với họ.

Vị Tiên đáp:

– Các ông cứ đi một mình, nếu bị tai nạn sợ hãi, chỉ cần xưng danh hiệu ta, ta sẽ đến cứu hộ cho.

Những người đi buôn nghe vị Tiên nói, họ bèn ra biển và tìm được nhiều châu báu. Đến khi trở về, những người đi buôn bị trận cuồng phong của quỷ La-sát. Lúc ấy họ cùng nhau dốc lòng xưng niệm danh hiệu vị Tiên. Vị Tiên liền đến cứu họ thoát khỏi ách nạn.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy nên biết, vị Tiên lúc bấy giờ nay chính là Ta, còn những người đi buôn kia, nay là năm trăm vị Tỳ-kheo. Lúc đó Ta chưa đoạn hết phiền não, mà còn cứu họ thoát được ách nạn, huống chi ngày nay Ta đã vượt ngoài ba cõi mà không thể hóa độ họ được sao.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



82- Truyện Về Người Khi Sinh Ra Đã Mặc Áo

Tu-Mạn Hoa

Một thuở nọ, Đức Phật ngự trong khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, trong thành có một vị trưởng giả có vô số tài sản, vật báu, không thể tính kể được. Ông chọn con gái trong một gia đình cao sang để cưới làm vợ, tấu trời âm nhạc để mua vui cho nàng.

Người vợ ấy mang thai, đủ mười tháng, nàng sinh được một bé trai, tướng mạo khôi ngô khác thường, khi sinh ra đã mặc áo Tu-man-hoa. Cha mẹ mời các thầy xem tướng về xem tướng con.

Các thầy tướng xem xong hỏi cha mẹ đứa bé:

– Lúc đứa trẻ sinh ra có điềm lành gì?

Cha mẹ đáp:

– Lúc sinh ra đã mặc áo Tu-man hoa che thân.

Do đó đứa bé được đặt tên là Tu-man-na. Tu-man-na bản tánh hiền hòa, từ tâm và hiếu thuận. Tu-man dần dần khôn lớn, chiếc áo cũng rộng theo.

Vì thương con nên cha mẹ giao con cho Tỳ-kheo A-na-luật để làm Sa-di. A-na-luật dạy Sa-di

ngôi thiền, không bao lâu Sa-di Tu-mạn đã chứng quả A-la-hán, đầy đủ ba Minh, sáu phép Thần thông, tám pháp Giải thoát, được trời, người tôn kính.

Một hôm, ngài A-na-luật bảo Sa-di:

– Chú hãy ra sông Bạt-đề mức nước sạch đem về đây.

Tu-mạn-na vâng lời thầy, ra sông mức đầy một bình nước, quăng lên trên hư không và bình nước cứ bay theo Sa-di về nhà.

Các Tỳ-kheo thấy vị Sa-môn ấy, khen là chưa từng có và bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, Sa-di Tu-mạn-na đời trước đã làm được phước lành gì, mà nay được sinh trong nhà giàu có, lúc sinh ra đã mặc áo Tu-mạn hoa, xuất gia không bao lâu đã chứng quả A-la-hán?

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy hãy lắng nghe, Ta sẽ giải thích rõ. Thuở xưa, cách nay chín mươi một kiếp, tại nước Ba-la-nại có Đức Phật ra đời hiệu là Tỳ-bà-thi. Sau khi giáo hóa chúng sinh viên mãn, Đức Phật nhập Niết-bàn.

Lúc bấy giờ, có vị vua tên là Phạm-ma-đạt-đa thân lấy xá-lợi Phật, rồi xây dựng ngôi tháp bằng bốn thứ báu để cúng dường xá-lợi.

Khi ấy, có một đứa trẻ thấy ngôi tháp sinh lòng

vui mừng rồi phát tâm xuất gia, mãi cho đến tuổi già vẫn chưa đắc đạo. Do đó người này tự trách mình, bèn mua hoa Tu-mạn, dùng chỉ khâu lại rồi đem giăng lên khắp ngôi tháp để cúng dường, sau đó phát nguyện rồi ra về.

Nhờ công đức ấy, nên trong chín mươi một kiếp người ấy không bị đọa địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ; được sinh lên cõi trời, cõi người, khi sinh ra đời thường mặc áo bằng Tu-man hoa và thọ hưởng sự vui sướng cõi trời, cho đến ngày nay gặp Ta, được xuất gia đắc đạo.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



83- Truyện Tỳ-Kheo Bảo Thủ

Một thuở nọ, Đức Phật ngự trong khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, trong thành có một vị trưởng giả có vô lượng tài sản vật báu, nhiều không thể tính kể được. Ông chọn con gái trong một gia đình giàu sang để cưới làm vợ, tấu trời âm nhạc để mua vui cho nàng.

Sau đó vợ trưởng giả mang thai, đủ mười tháng, nàng sinh được một bé trai, tướng mạo khôi ngô khác thường, ít có trên đời; trong lòng hai bàn tay có sinh ra đồng tiền vàng, hễ lấy đi thì đồng

tiền khác lại hiện ra. Cứ lần lượt như vậy, tiền vàng không thể lấy hết.

Cha mẹ đưa bé mời các thầy tướng về xem tướng cho con, các thầy tướng xem xong hỏi:

– Lúc trẻ sinh ra có điềm lành gì?

Cha mẹ đáp:

– Trong hai bàn tay có sinh ra đồng tiền vàng, hễ lấy đi thì đồng tiền vàng khác lại sinh ra. Nhân đó đưa trẻ được đặt tên là Bảo Thủ. Bảo Thủ dần dần khôn lớn, bản tính hiền hậu, từ tâm và hiếu thuận, lại thích việc bố thí. Có ai tới xin thì Bảo Thủ đưa tay ra, liền có đồng tiền vàng rồi bố thí cho họ.

Một hôm, Bảo Thủ cùng các bạn thân ra khỏi thành dạo chơi, dần dần đi đến tinh xá Kỳ hoàn. Bảo Thủ thấy Đức Phật Thế Tôn có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, ánh sáng chiếu soi như trăm ngàn mặt trời. Bảo Thủ vui mừng, bước đến đánh lễ dưới chân Phật rồi chấp tay thỉnh Phật:

– Cúi xin Đức Thế Tôn và Tỳ-kheo Tăng từ bi thương xót thọ nhận con cúng dường.

Lúc ấy A-nan đang đứng hầu Phật, nghe đứa trẻ nói, bèn hỏi:

– Nếu muốn cúng dường phải có tài bảo chứ?

Đứa trẻ nghe A-nan nói, liền đưa hai tay ra và tiền vàng rơi xuống như mưa, trong phút chốc thì tiền vàng chất thành đống.

Đức Phật bảo A-nan:

– Thầy hãy đem số tiền vàng báu vật này để mua sắm sửa các món ăn ngon rồi thỉnh Phật và chúng Tăng cùng dùng.

A-nan vâng lời Phật, đi sắm sửa thức ăn uống. Thọ trai xong, Đức Phật nói pháp cho Bảo Thủ nghe. Tâm ý được mở tỏ, Bảo Thủ chứng đắc quả Tu-đà-hoàn.

Bảo Thủ liền trở về thưa với cha mẹ xin được xuất gia. Vì thương con nên cha mẹ Bảo Thủ không ngăn cản, bèn dẫn con đến chỗ Phật ngự để xin cho Bảo Thủ xuất gia.

Khi ấy, Đức Phật bèn gọi:

– Lành thay, Tỳ-kheo!

Tóc Bảo Thủ tự rơi rụng, thân mặc pháp phục, trở thành Sa-môn, siêng năng tu tập, chẳng bao lâu chứng đắc quả A-la-hán, đầy đủ ba Minh, sáu phép Thần thông, tám pháp Giải thoát; được trời, người tôn kính.

Tôn giả A-nan thấy việc ấy, bèn bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, Tỳ-kheo Bảo Thủ đời trước đã làm được phước lành gì, mà nay được sinh trong nhà của đại trưởng giả thuộc dòng họ giàu có, tự nhiên hai tay có đồng tiền vàng, hễ lấy đi thì đồng tiền khác lại sinh ra như vậy?

Đức Phật bảo A-nan:

– Thầy hãy lắng nghe, Ta sẽ giải thích rõ. Trong

hiền kiếp này, tại nước Ba-la-nại có Đức Phật ra đời hiệu là Ca-diếp. Sau khi giáo hóa chúng sinh viên mãn, Ngài nhập Niết-bàn.

Lúc ấy có vị vua tên là Ca-sí thân lấy xá-lợi Phật rồi xây dựng ngôi tháp bằng bốn thứ báu để cúng dường.

Sau đó, có một vị trưởng giả, khi thấy bảo tháp này, sinh tâm tùy hỷ cúng một đồng tiền vàng vào trong tháp, phát nguyện rồi ra về. Nhờ công đức ấy mà trưởng giả không bị đọa vào đường ác, được sinh lên cõi trời, cõi người, trong lòng bàn tay thường sinh ra đồng tiền vàng. Cho đến ngày nay, gập Ta trong lòng bàn tay vẫn có đồng tiền vàng, hễ lấy đi thì đồng tiền khác được sinh ra, được xuất gia và đắc đạo.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



84- Truyện Về Vị Tỳ-Kheo Thông Suốt Ba Tạng

Một thuở nọ, Đức Phật ngự trong khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ phu nhân của vua Ba-tư-nặc đang mang thai, sau mười tháng bà hạ sinh thái tử, tướng mạo khôi ngô khác thường, ít có trên đời, thân mặc ca-sa và mới sinh ra đã biết nói.

Vừa ra đời, thái tử bỗng nhiên hỏi vua cha:

– Đức Như Lai Thế Tôn còn tại thế không? Các đệ tử lớn của Đức Phật như: Đại đức Ca-diếp, Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên... có còn tại thế không?

Vua cha đáp:

– Tất cả các vị ấy đều còn tại thế.

Thái tử thưa với vua cha:

– Cúi xin vua cha hãy thiết trai thỉnh Đức Phật và chúng Tăng cúng dường giúp con.

Vua liền ra lệnh thiết trai rồi thỉnh Đức Phật và chúng Tăng vào cung để cúng dường. Khi vào cung, Đức Phật thấy thái tử, Ngài bèn hỏi:

– Thái tử có nhớ dưới thời Phật Ca-diếp, thái tử là một vị Tỳ-kheo thông suốt ba Tạng kinh điển không?

Thái tử thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn, con nhớ, đúng như vậy.

– Ở trong bào thai có yên ổn không?

– Nhờ ân Phật, nên con được toàn tánh mạng, sống qua ngày tháng.

Vua và phu nhân thấy thái tử và Đức Phật Thế Tôn vấn đáp với nhau, nên lòng vui mừng khôn xiết. Nhân đó, vua bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, đời trước thái tử đã làm được phước lành gì mà nay sinh ra đã biết nói, lại dám cùng Phật vấn đáp? Cúi xin Thế Tôn giải thích

cho chúng con được biết.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ cho vua nghe:

*Xưa làm các nghiệp lành
Trăm kiếp cũng không mất
Nhờ nhân duyên nghiệp lành
Nay được quả báo ấy.*

Sau khi nghe Đức Phật Thế Tôn nói kệ, vua Ba-tư-nặc và Phu nhân bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, chẳng hay việc thuở xưa như thế nào, cúi xin Thế Tôn giải thích cho chúng con được biết.

Đức Phật bảo vua Ba-tư-nặc:

– Đại vương hãy lắng nghe, Ta sẽ giải thích rõ. Trong hiện kiếp này, tại nước Ba-la-nại có Đức Phật ra đời hiệu là Ca-diếp. Ngài dẫn đầu các Tỷ-kheo đi giáo hóa chúng sinh.

Khi Đức Phật và đại chúng đến nước của vua Ca-sí, thái tử của vua tên là Thiện Sinh thấy Phật, sinh tâm rất kính tin, liền trở về thưa với vua cha xin được xuất gia.

Vua không chấp nhận và nói:

– Ta chỉ có một thái tử, sẽ kế vị ngôi vua để cai trị dân chúng. Ta không bao giờ cho phép con xuất gia nhập đạo.

Thái tử nghe vua cha nói, trong lòng buồn bã, ngất xỉu xuống đất. Thái tử bỏ ăn một ngày, hai ngày, cho đến sáu ngày cũng không ăn uống gì cả.

Thấy vậy, các quan liền tâu vua:

– Thái tử không ăn đã sáu ngày, e rằng không sống được, xin đại vương cho thái tử xuất gia, để cha con còn được thấy nhau.

Nghe các quan báo tin thái tử bỏ ăn, vua nghĩ không thể ngăn cản được, đành gọi thái tử dạy:

– Con hãy cam kết với ta rằng: Bây giờ nếu con đọc tụng ba tạng kinh điển được thông suốt thì ta sẽ cho con xuất gia, sau đó đến gặp ta.

Nghe vua cha phán, thái tử rất vui mừng. Sau đó được xuất gia, thái tử siêng năng tập tụng ba Tạng kinh điển. Sau khi đã thông suốt bèn trở lại gặp vua cha.

Lúc ấy vua hỏi thái tử nay là Tỳ-kheo:

– Trước kia ta đã ra điều kiện, rằng con phải đọc tụng ba Tạng kinh điển thông suốt sau đó mới đến gặp ta. Vậy nay con đã thông suốt chưa?

Vị Tỳ-kheo đáp:

– Thưa nay con đã thông suốt rồi.

Vua rất vui mừng nói với Tỳ-kheo:

– Giờ đây, tất cả tài vật trong kho tàng của ta con cứ tùy ý dùng, ta không hề tiếc rẻ.

Nghe vua phán như vậy, thái tử Tỳ-kheo liền lấy một số lượng lớn tài vật để sắm sửa nhiều thức ăn ngon rồi thỉnh Phật Ca-diếp và hai vạn vị Tỳ-kheo để cúng dường; sau đó mỗi vị Tỳ-kheo được cúng ba y và sáu vật.

Nhờ công đức ấy, nên vị Tỳ-kheo này không bị đọa vào đường ác; được sinh lên cõi trời, cõi người, lúc sinh ra thân thường mặc ca-sa. Cho đến ngày nay gặp Ta, vị ấy khi sinh ra vẫn còn áo ca-sa và được xuất gia đắc đạo.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



85- Truyện Da-Xá-Mật-Đa

Một thuở nọ, Đức Phật ngự trong khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Trong thành, có một vị trưởng giả có vô lượng tài sản, không thể tính kể được. Ông chọn con gái trong một gia đình giàu sang để cưới làm vợ, tâu trời âm nhạc để mua vui cho nàng.

Sau người vợ mang thai, đủ mười tháng, nàng sinh được một bé trai, tướng mạo khôi ngô khác thường, trên đời ít có, lúc sinh ra thì trời mưa lớn. Cha mẹ rất vui mừng, mời các thầy tướng về xem tướng cho con.

Các thầy xem tướng xem xong bảo:

– Đây là đứa bé có phước đức, lúc sinh ra trời có mưa lớn, cả nước đều nghe biết.

Do đó đứa bé được đặt tên là Da-xá-mật-đa. Da-xá không bú sữa mẹ, vì ở kẽ răng tự nhiên tiết ra nước tám công đức đủ dùng.

Da-xá dần dần khôn lớn, một hôm cùng các người bạn thân đi dạo chơi. Khi đến tinh xá Kỳ hoàn, Da-xá thấy Đức Phật Thế Tôn có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, ánh sáng chiếu soi như trăm ngàn mặt trời, tâm sinh vui mừng, bước tới dưới chân Phật xin được xuất gia.

Đức Phật liền chấp nhận và gọi:

– Lành thay, Tỳ-kheo!

Tóc Da-xá tự rơi rụng, thân mặc pháp phục, thành vị Sa-môn, siêng năng tu tập, chẳng bao lâu chứng quả A-la-hán, đầy đủ ba Minh, sáu phép Thần thông, tám pháp Giải thoát, được trời, người tôn kính.

Bấy giờ các Tỳ-kheo thấy việc ấy, bèn bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, đời trước Tỳ-kheo Da-xá đã làm được phước lành gì, mà nay khi sinh ra trời đã tuôn mưa lành, không bú sữa mẹ, trong kẽ răng tự nhiên tiết ra nước tám công đức đủ dùng; lại gặp Thế Tôn, được xuất gia đắc đạo?

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy hãy lắng nghe, Ta sẽ giải thích rõ. Trong hiện kiếp này, tại nước Ba-la-nại có Đức Phật ra đời hiệu là Ca-diếp. Trong giáo pháp của Ngài có một vị trưởng giả, tuổi đã già mới xuất gia học đạo, nhưng tánh tình biếng nhác, buông lung; không siêng năng tu tập, lại còn bị bệnh nặng. Thầy

thuốc xem bệnh, bảo rằng phải dùng bơ thì bệnh mới lành. Tỳ-kheo nghe lời thầy thuốc dùng bơ, trong đêm ấy thuốc bơ làm phát nhiệt và nổi cơn khát. Tỳ-kheo đi tìm nước, nhưng các bình đựng nước toàn là bình không, tìm đến các suối hồ thì suối hồ cũng khô cạn, chạy ra sông thì sông cũng ròng đến tận đáy... tìm khắp nơi như vậy, mà không chỗ nào có nước.

Lúc ấy Tỳ-kheo rất ăn năn tự trách lỗi lầm của mình. Tại bờ sông ấy Tỳ-kheo cởi y máng trên cây rồi bỏ về. Sáng hôm sau, Tỳ-kheo bạch chuyện này lên thầy.

Thầy nghe rồi bảo vị ấy:

– Ông gặp cảnh khổ này, tình trạng giống như ngựa quỉ, bây giờ ông hãy lấy nước trong bình của tôi đem đi châm hết các bình trong các Tăng phòng.

Tỳ-kheo vâng lời thầy lấy bình đi châm nước, thì nước cũng không còn. Tâm Tỳ-kheo lúc ấy rất lo sợ, cho rằng khi chết chắc phải đọa vào loài ngựa quỉ.

Tỳ-kheo liền đến nơi Đức Phật Ca-diếp đang ngự, thuật lại việc trên cho Phật nghe, rồi bạch:

– Con bị ách nạn này thật đáng sợ, e rằng con phải đọa vào loài ngựa quỉ. Cúi xin Thế Tôn rủ lòng Từ bi thương xót dạy bảo.

Đức Phật bảo Tỳ-kheo:

– Nay ông hãy làm công việc châm nước uống vào bình trong các Tăng phòng, thì sẽ thoát được thân nạ quý.

Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, trong lòng vui mừng, thường xuyên cung cấp nước uống cho các Tăng phòng. Tỳ-kheo làm công việc ấy trải qua hai vạn năm thì qua đời, được sinh ở đâu cũng thường có nước thanh tịnh tám công đức từ nơi kẽ răng tiết ra đủ dùng, không bú sữa mẹ, cho đến ngày nay gặp Ta, được xuất gia đắc đạo.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy nên biết, vị Tỳ-kheo già nua lúc bấy giờ, nay chính là Da-xá-mật-đa vậy.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



86- Truyện Tỳ-Kheo Hóa Sinh

Lúc bấy giờ, Đức Phật đang an cư ba tháng tại điện Bảo thạch, dưới cội cây Ba-lợi-chất-đa-la, trên tầng trời Đao-lợi để nói pháp hóa độ mẹ là Hoàng hậu Ma-da. Thuyết pháp xong, Thế Tôn sắp trở lại cõi Diêm-phù-đề.

Lúc ấy Thích Đề-hoàn Nhân biết Đức Phật sắp trở lại nhân gian, bèn sai các Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-la-na, Ma-hầu-la-già, Cưu-bàn-trà... tạo ra ba thêm thang

báu để Phật từ cõi trời đi xuống. Hai bên thêm thang báu có vô số trăm ngàn vạn ức Thiên, Long, Dạ-xoa, Nhân, Phi nhân... đứng hầu.

Thấy Đức Phật Như Lai từ trên trời đi xuống, ai cũng vui mừng và khao khát được nghe Phật nói pháp.

Lúc ấy Đức Thế Tôn quán sát thấy căn lành của đại chúng đã thuần thực, Ngài liền nói pháp cho họ nghe. Tâm ý được mở tỏ, có chứng đắc quả Tu-đà-hoàn, có vị chứng đắc quả Tư-đà-hàm, có vị chứng đắc quả A-na-hàm, có vị chứng đắc quả A-la-hán, có vị phát tâm Bích-chi-phật, có vị phát tâm Bồ-đề vô thượng.

Bấy giờ, trong đại chúng bỗng nhiên có một Tỳ-kheo Hóa sinh thừa với đại chúng:

– Hôm nay xin các vị nhận lời mời cúng dường thức ăn của tôi và trăm món cần dùng, tôi đều cung cấp.

Khi nghe Tỳ-kheo Hóa sinh nói vậy, các đại chúng đều tư niệm tưởng, quả nhiên đại chúng đều được sự ăn uống đầy đủ với các thức ăn uống ngon đựng trong các đồ đựng quý báu của cõi trời.

Tôn giả A-nan thấy việc ấy, bèn bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, Tỳ-kheo Hóa sinh đời trước đã làm được phước lành gì, mà nay làm cho đại chúng có đầy đủ thức uống ăn như vậy? Bạch Đức Thế Tôn, chẳng hay việc ấy thế nào?

Đức Phật bảo A-nan:

– Thầy hãy lắng nghe, Ta sẽ giải thích rõ. Thuở xưa, cách nay chín mươi một kiếp, tại nước Ba-la-nại có Đức Phật ra đời hiệu là Tỳ-bà-thi. Trong chánh pháp của Ngài, có các Tỳ-kheo đang an cư kiết hạ ba tháng tại chốn rừng núi để ngồi thiền và hành đạo, phải đi khát thực nơi xa, rất mệt nhọc, phế bỏ việc hành đạo.

Lúc ấy trong đại chúng có một vị Tỳ-kheo bạch với chúng Tăng:

– Tôi vì các thầy sẽ khuyến hóa đàn-việt cung cấp vật thực cho chúng Tăng không để thiếu thốn. Vậy các thầy nên an tâm hành đạo đừng lo lắng điều gì.

Các Tỳ-kheo được nghe nói, ai nấy cũng đều dụng tâm tu hành trong ba tháng và tất cả đều chứng đắc đạo quả.

Nhờ công đức ấy, cho nên Tỳ-kheo này sinh ra bất cứ nơi nào cũng thường các thức uống ăn, hễ nghĩ là có ngay, cho đến ngày nay được gặp Ta, cũng hễ nghĩ là có ngay để cúng dường đại chúng, không để bị thiếu thốn.

Bấy giờ ngài A-nan lại bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, vì nhân duyên gì mà ngày nay Tỳ-kheo ấy được Hóa sinh?

Đức Phật bảo A-nan:

– Trong hiện kiếp này, dưới thời Phật Ca-diếp

có một người đi buôn dẫn đầu đoàn người đi buôn qua xứ khác để buôn bán kiếm lời. Đang trên đường đi, thì người vợ của người dẫn đầu đoàn buôn vốn đã mang thai, bỗng nhiên chuyển dạ sắp sinh, trong hoàn cảnh vô cùng khó khăn, muốn chết cũng không được. Bấy giờ, người dẫn đầu đoàn buôn sinh tâm nhằm chán việc này, sau đó từ giã vợ xuất gia tu học, phát thệ nguyện rộng lớn: “Nguyện hồi hướng công đức căn lành xuất gia này, khiến cho đời sau dù sinh bất cứ nơi đâu, Tôi đều không sinh ra từ bào thai mà được Hóa sinh.” Do đó, ngày nay Tỳ-kheo này được quả báo như vậy.

Đức Phật lại bảo A-nan:

– Thầy nên biết, người dẫn đầu đoàn người đi buôn lúc bấy giờ, nay chính là vị Tỳ-kheo hóa sinh vậy.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



87- Truyện Tỳ-Kheo Chúng Bảo Trang Nghiêm

Một thuở nọ, Đức Phật ngự dưới cội cây Ni-câu-đà, trong thành Ca-tỳ-la-vệ.

Bấy giờ, trong thành có một vị trưởng giả có nhiều tài sản của báu, nhiều không thể tính kể

được, nhưng lại chẳng có một mụn con nào. Ông cầu khẩn Thần linh để mong được sinh con, nhờ lòng chân thành nên cảm ứng đến Thần linh.

Sau đó vợ trưởng giả có thai, đủ mười tháng, nàng sinh được một bé trai, tướng mạo khôi ngô khác thường, trên đời ít có. Trong nhà tự nhiên có dòng suối từ lòng đất vọt lên, trong suối có đầy châu báu; lại có cây trổ hoa, trên cành treo y phục bậc nhất cõi trời.

Trưởng giả thấy vậy, lòng vui mừng khôn xiết. Ông mời các thầy xem tướng về xem tướng cho con. Các thầy xem tướng xem xong hỏi cha mẹ đứa bé:

– Khi trẻ này sinh ra có điềm lành gì?

Cha mẹ đứa bé đáp:

– Lúc con tôi sinh ra, tự nhiên trong nhà có dòng suối từ lòng đất vọt lên, trong suối có đầy châu báu, trên cây có treo áo của chư Tiên rất đẹp.

Nhân đó đứa trẻ được đặt tên là Chúng Bảo Trang Nghiêm. Chúng Bảo dần dần khôn lớn, bản tánh hiền hậu, từ tâm hiếu thuận. Một hôm cùng các bạn thân ra khỏi thành dạo chơi, dần dần đến rừng cây Ni-câu-đà, thấy Đức Phật Thế Tôn có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, ánh sáng chiếu soi như trăm ngàn mặt trời. Chúng Bảo vui mừng bước đến đánh lễ dưới chân Phật rồi lui lại, ngồi sang một bên, nghe Phật nói pháp. Tâm ý

được mở tỏ, Chúng Bảo Trang Nghiêm chứng quả Tu-đà-hoàn, bèn trở về xin cha mẹ xuất gia.

Vì thương con nên cha mẹ Chúng Bảo không ngăn cản, họ bèn dẫn con đến chỗ rừng Ni-câu-đa đề cầu xin Phật cho Chúng Bảo xuất gia.

Đức Phật liền gọi:

– Lành thay, Tỳ-kheo!

Tóc trên đầu Chúng Bảo Trang Nghiêm tự rơi rụng, thân mặc pháp phục, trở thành vị Sa-môn, siêng năng tu tập, chẳng bao lâu chứng đắc quả A-la-hán, đầy đủ ba Minh, sáu phép Thần thông, tám pháp Giải thoát; được trời, người tôn kính.

Các Tỳ-kheo thấy việc ấy, bèn bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, Tỳ-kheo Chúng Bảo Trang Nghiêm đời trước đã làm được phước lành gì, mà nay khi sinh ra tự nhiên có những điều lạ kỳ như vậy, lại xuất gia không bao lâu đã chứng đắc đạo quả?

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy hãy lắng nghe, Ta sẽ giải thích rõ. Thuở xưa, cách nay vô lượng kiếp, tại nước Ba-la-nại có Đức Phật ra đời hiệu là Ca-lưu-tôn -đà. Sau khi hóa độ chúng sinh viên mãn, Ngài nhập Niết-bàn.

Lúc ấy vua nước này tên là Phạm-ma-đạt-đa thân lấy xá-lợi Phật, rồi xây dựng ngôi tháp bằng bốn thứ báu cao một do-tuần để cúng dường xá-

lợi. Về sau, có một vị trưởng giả thấy ngôi tháp sinh tâm vui mừng, bèn treo các thứ châu báu, các thứ y phục trên cành cây có hoa và đặt một bình nước trước tháp phát nguyện cúng dường.

Nhờ công đức ấy, nên trong vô lượng kiếp trưởng giả không bị đọa địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ; được sinh lên cõi trời, cõi người, khi sinh ra đã có suối nước và cây có hoa, cho đến ngày nay gặp Ta, được xuất gia đắc đạo.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy nên biết, người đem cây có hoa để cúng dường ngôi tháp lúc bảy giờ, nay chính là Tỳ-kheo Chúng Bảo Trang Nghiêm vậy.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



88- Truyện Về Vua Kế-Tân-Ninh

Một thuở nọ, Đức Phật ngự tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bảy giờ, ở phía Nam nước Xá-vệ, có một nước tên là Kim địa, vua nước ấy tên là Kế-tân cùng với phu nhân chung sống hạnh phúc. Về sau phu nhân thọ thai, đủ mười tháng, hạ sinh một vị thái tử, xương cốt rắn chắc, có sức mạnh hơn người.

Ngày thái tử ra đời cũng là ngày một vạn tám ngàn người con của các vị quan lớn ra đời và tất cả

các công tử này cũng đều có sức mạnh hơn người.

Thái tử con vua Kế-tân dần dần khôn lớn, được lên nối ngôi, lấy hiệu là Kế-tân-ninh, lập tức phong cho một vạn tám ngàn vị công tử của các quan lớn kia làm đại thần, cùng nhau trông coi việc nước.

Một hôm, vua Kế-tân-ninh cùng các quan đi săn bắn, vua bỗng hỏi các quan:

– Hiện nay, trên thế gian này, có ai có sức mạnh như ta không?

Lúc ấy trong đoàn người theo hầu vua có một người đi buôn nghe vua hỏi liền tâu:

– Dưới miền Trung đô có một vị vua tên là Ba-tư-nặc, là người có sức mạnh phi thường hơn hẳn đại vương cả trăm ngàn muôn lần.

Vua Kế-tân-ninh nghe người đi buôn nói rất tức giận, liền sai sứ giả đến báo cho vua Ba-tư-nặc biết rằng trong bảy ngày nữa, vua Ba-tư-nặc phải dẫn đoàn người thị tùng đến nước ta để triều bái thăm hỏi. Nếu không, ta sẽ giết sạch năm họ của vua Ba-tư-nặc không để ai sống sót.

Lúc ấy vua Ba-tư-nặc nghe sứ giả nói, rất đổi lo sợ, chưa biết làm cách nào để đối phó, liền đến chỗ Phật, bạch Phật:

– Vua Kế-tân-ninh đã ra lệnh cho con nội trong bảy ngày phải dẫn đoàn thị tùng đến nước ấy để triều bái thăm hỏi. Nếu không, vua ấy sẽ giết con. Bạch Đức Thế Tôn, chẳng hay con phải làm như

thế nào?

Đức Phật bảo vua Ba-tư-nặc:

– Đại vương chớ lo, chỉ cần nói với sứ giả kia rằng đại vương chỉ là vị vua nhỏ còn có một vị vua lớn ở gần tinh xá Kỳ hoàn và bảo sứ giả hãy đến đó mà truyền lệnh.

Lúc ấy sứ giả liền đến Kỳ hoàn, thấy Đức Phật Thế Tôn lúc ấy là một vị Chuyển luân thánh vương. Đức Phật sai Đại Mục-kiền-liên coi nắm binh quyền, dẫn đầu các binh chúng tuần nhiều xung quanh Kỳ hoàn. Ngài dùng thần lực khiến bốn phía đều có bảy lớp hào thành và các cây bằng bảy chất báu xếp thành hàng tương xứng. Đức Phật lại khiến trong các hào thành ấy có các hoa sen nhiều màu sắc. Ánh sáng rực rỡ chiếu khắp trong thành. Vua ngự trên điện thật tôn nghiêm đáng sợ.

Sứ giả kia thấy vua, trong lòng run sợ, tự nghĩ: “Vua mình vô cớ chuốc lấy tai họa.” Nhưng bất đắc dĩ sứ giả phải bước đến dâng lên bức thư của vua mình.

Bấy giờ, vị vua do biến hóa ra này nhận thư rồi đập dưới chân, bảo sứ giả:

– Ta là đại vương thống lãnh bốn cõi, nay người về bên đó đem giáo sắc của ta trình lại cho vua người biết rằng ngay khi được lệnh này, hãy mau tới đây mà hầu hạ, nếu vua người đang nằm, nghe

lệnh thì phải ngồi dậy; còn đang ngồi thì phải đứng lên; nếu đứng nghe lệnh ta thì phải lên đường. Ta kỳ hạn cho vua người trong bảy ngày nữa, phải dẫn đoàn thị tùng đến đây triều bái, ra mắt ta. Nếu trái lệnh, tội ấy không tha.

Sứ giả trở về, tâu lại việc trên cho vua nghe, vua nghe rồi, tự trách lỗi mình và liền triệu tập ba vạn sáu ngàn vị quan, xa giá chỉnh tề định đến triều bái vị đại vương kia. Nhưng lòng vua vẫn còn hồ nghi, nên chưa chịu lên đường. Vua trước sai sứ giả đến tâu cùng đại vương:

– Chúng thần thống lãnh ba vạn sáu ngàn vị vua nhỏ, nhưng xin mang theo một nửa số thị tùng thôi, còn bao nhiêu sẽ đến sau.

Lúc ấy vị vua do biến hóa ra bảo sứ giả:

– Hãy mau đem nửa số người ấy đến đây.

Sứ giả trở về tâu lại vua Kế-tân-ninh về mệnh lệnh của vị đại vương. Kế-tân-ninh cho ở lại một nửa, còn đem theo một muôn tám ngàn các vua nhỏ đến triều bái vị đại vương. Đến nơi, triều bái xong, Kế-tân-ninh tự nghĩ: “Vị đại vương này tuy dung mạo vượt trội hơn ta, nhưng sức mạnh không bằng ta”.

Bảy giờ vị vua do biến hóa ra xa biết ý nghĩ của vua kia, liền bảo vị quan coi kho:

– Người hãy đem cái cung lớn của Tổ tiên đến đây cho ta.

Vị vua biến hóa đưa cung cho vua kia bảo hãy kéo cung, nhưng vua kia không kéo nổi. Vị vua biến hóa bèn lấy cung lại, chỉ dùng ngón tay là đủ kéo được, rồi đưa lại cho vua kia bảo kéo một lần nữa. Vua ấy hoàn toàn không đủ sức làm động dây cung. Khi đó, vị vua biến hóa lại lấy cung, trương cung ra rồi dùng ngón tay gảy lên dây cung, dây cung phát ra âm thanh làm rung động thế giới Tam thiên đại thiên. Sau đó, vị vua biến hóa bắn một mũi tên, mũi tên này lại hóa thành năm mũi nữa, trên đầu mỗi mũi đều có hoa sen, trên mỗi hoa sen lại có Đức Hóa Phật, phát ra ánh sáng rực rỡ chiếu khắp cả thế giới Tam thiên đại thiên. Chúng sinh trong năm đường, đều nương nhờ ánh sáng ấy. Chư Thiên và loài người có vị chúng đắc đạo quả, người trong địa ngục thì mát mẻ, lửa nóng tắt ngấm; còn người trong loài ngạ quỷ đều được no đủ; còn loài súc sinh thì không còn bị chõ nạng; các chúng sinh tham dục, giận tức, ngu si phiền não gặp được ánh sáng này thì đều được điều phục, kính tin Phật pháp.

Vua Kế-tân-ninh thấy sự biến hóa như vậy, tâm liền được điều phục bèn đánh lễ vị vua biến hóa năm vóc sát đất. Bấy giờ, vị vua biến hóa biết tâm vua Kế-tân-ninh đã được điều phục, bèn trở lại thân Phật với bốn chúng xung quanh.

Đức Phật liền nói pháp cho vua Kế-tân-ninh và một vạn tám ngàn vị vua nhỏ nghe. Tâm ý được

mở tỏ, các vị vua nhỏ đều được dấu vết của sự chứng đạo và chứng đắc quả Tu-đà-hoàn, liền ở trước Phật xin được xuất gia.

Đức Phật liền gọi:

– Lành thay, Tỳ-kheo!

Râu tóc trên đầu các vị vua nhỏ tự rơi rụng, thân mặc pháp phục, trở thành Sa-môn, siêng năng tu tập, chẳng bao lâu chứng quả A-la-hán, đầy đủ ba Minh, sáu phép Thần thông, tám pháp Giải thoát; được trời, người tôn kính.

Lúc ấy Tôn giả A-nan bước ra bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, các vị Tỳ-kheo như vua Kế-tân-ninh... này đời trước đã làm được phước lành gì mà đều sinh vào dòng họ giàu sang, có sức mạnh hơn người, được gặp Phật Thế Tôn và đều chứng đắc đạo quả như thế?

Đức Phật bảo A-nan:

– Ông hãy lắng nghe, Ta sẽ giải thích rõ. Thuở xưa, tại nước Ba-la-nại, có Đức Phật ra đời hiệu là Tỳ-bà-thi. Ngài dẫn đầu các Tỳ-kheo đến nước Bảo điện, vua nước này hiệu là Bàn-đầu-mạt-đế nghe tin Phật đến, sinh tâm vui mừng, dẫn đầu các quan gồm một vạn tám ngàn người ra khỏi thành đón rước Đức Phật. Họ bước đến đánh lễ dưới chân Phật và quỳ thẳng chấp tay thỉnh:

– Cúi xin Đức Phật và Tỳ-kheo Tăng từ bi thương xót thọ nhận bốn thứ cúng dường của

chúng con trong ba tháng.

Đức Phật liền chấp nhận. Đức Phật và chúng Tăng thọ cúng dường xong, Ngài liền nói pháp cho vua và các quan nghe bằng nhiều cách. Vua rất vui mừng, bèn cùng các quan đồng phát nguyện: “Xin hồi hướng công đức căn lành cúng dường này nguyện cho chúng con đời sau, khi sinh ra ở nơi nào cũng cùng với đại vương đồng sinh trong một ngày.” Phát nguyện xong mọi người đều ra về.

Nhờ công đức ấy, nên trong vô lượng kiếp, vua và các quan không bị đọa vào đường ác, được sinh lên cõi trời, cõi người đều sinh ra trong một ngày và thọ hưởng sự vui sướng cõi trời, cho đến ngày nay gặp Ta, được xuất gia đắc đạo.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



89- Truyện Vua Bạt-Đề-Thích Làm Tỳ-Kheo

Một thuở nọ, Đức Phật ngự trong khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Lúc bấy giờ Đức Như Lai sau sáu năm khổ hạnh đã thành Chánh giác được mười hai năm. Ngài dẫn đầu một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo đến nước Ca-tỳ-la-vệ.

Đức Phật tự nghĩ: “Nay Ta về nước đó không

giống lúc bình thường, vì họ phần nhiều là những người kiêu mạn, nên tất cả đều hiện thần biến, mới về đó được.”

Nghĩ xong Đức Phật liền bảo một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo:

– Nay Ta muốn về bốn quốc, các thầy hãy hiện thần biến, thần thông, làm cho những người trong hoàng tộc họ Thích thành kính tin phục quy y.

Bấy giờ Đức Thế Tôn phóng ánh sáng rực rỡ, cùng với các Tỳ-kheo đi trên hư không về Ca-tỳ-la-vệ. Vua Tịnh Phạn nghe Đức Phật trở về, liền sai những người trong dòng họ Thích sửa sang đường sá, quét dọn sạch sẽ, dựng cờ treo phướn, treo các linh báu, rưới nước thơm dưới đất, rải các thứ hoa thơm, tấu trời kỹ nhạc để đón rước Thế Tôn, đánh lễ dưới chân Phật, rồi thỉnh Ngài vào cung, thọ vua cúng dường.

Lúc ấy vua Tịnh Phạn thấy các đệ tử Phật tuy có thần lực, nhưng hình dạng lại xấu xí không hợp với lòng người, nên thầm nói: “Ta nay nên chọn năm trăm người như Bạt-đề-thích... là những người có dung mạo khôi ngô để hầu Thế Tôn”. Nói xong vua liền chọn ra năm trăm người cùng đến chỗ Thế Tôn và sai Ưu-ba-ly cạo bỏ râu tóc cho Bạt-đề-thích.

Lúc ấy ông Ưu-ba-ly nước mắt tuôn đầm đìa, rơi trên người Bạt-đề-thích.

Bạt-đề-thích vương hỏi Ưu-ba-ly:

– Tại sao ông lại khóc như vậy?

Ưu-bà-ly đáp:

– Vì vua hiện nay là người tôn quý trong những người dòng họ Thích, chẳng ngờ trong phút chốc đã cởi bỏ áo vương gia, để mặc áo nhà tu và sống đời kham khổ. Thấy vậy nên tôi rơi nước mắt.

Bạt-đề-thích nghe Ưu-ba-ly nói, trong lòng buồn bã nhưng tánh kiêu mạn vẫn còn. Sau khi đã cạo bỏ râu tóc, đắp y ôm bát, sắp thọ giới Cụ túc để vào Tăng đoàn, vị ấy phải theo thứ tự bước tới làm lễ đại chúng. Khi đến trước ngài Ưu-ba-ly, Bạt-đề-thích chỉ đứng mà không đánh lễ. Thấy vậy, Đức Phật hỏi Bạt-đề-thích:

– Vì sao chỉ có Ưu-ba-ly là thầy không đánh lễ?

Bạt-đề-thích thưa:

– Vì ông ấy là hạng người thấp kém, còn con thuộc dòng họ cao quý. Do đó mà không đánh lễ.

Đức Phật nói:

– Trong giáo pháp của Ta, không có thấp kém hay cao quý, giống như huyền hóa, an nguy khó giữ.

Bạt-đề-hoàn vẫn nói:

– Ông ta là kẻ tội tở của con, nên con không thể đánh lễ.

Đức Phật dạy:

– Tất cả những người tội tở, giàu nghèo sang

hèn, ân ái chia ly... có gì là sai khác nhau?

Nghe Phật dạy xong, Bạt-đề-thích bước tới cúi lạy Ưu-ba-ly. Lúc ấy đại địa rung chuyển và trên hư không có tiếng khen:

– Chưa từng có! Bạt-đề-thích vương vì cầu đạo nên hạ mình quỳ lạy một người thấp kém. Ngọn cỏ ngã mạn đã gãy đổ rồi.

Sau khi Bạt-đề-thích thọ giới Cụ túc, ông lui lại ngồi sang một bên để nghe Phật nói pháp. Tâm ý được mở tỏ, Bạt-đề-thích chứng quả A-la-hán.

Từ đó, Bạt-đề-thích ôm bát đi khất thực, vào gò mả, nghỉ dưới gốc cây, nhưng tâm ý lại thư thái, không còn lo sợ gì, Bạt-đề-thích nói:

– Ngày trước, khi còn ở cung vua, ta được những người có sức mạnh cầm khí trượng đứng hầu hai bên, thế mà lòng vẫn lo sợ nguy khốn. Còn nay, ta xuất gia nhập đạo, dù ở nơi gò mả mà không sợ sệt điều gì, thật là vui sướng không thể nói được.

Lúc ấy nghe Bạt-đề-thích nói vậy, Tôn giả A-nan bước ra bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo Bạt-đề-thích đời trước đã làm được phước lành gì, mà nay được sinh trong nhà giàu sang, xuất gia không bao lâu đã chứng quả A-la-hán.

Đức Phật bảo A-nan:

– Thầy hãy lắng nghe, Ta sẽ giải thích rõ. Thuở xưa, cách nay vô lượng kiếp, tại nước Ba-la-nại có

một vị Bích-chi-phật. Trong lúc đang ôm bát đi khát thực, ngài gặp một người nghèo trong cơn đói khát đi trên đường. Chỉ còn chút bánh, người ấy định ăn nhưng khi thấy vị Bích-chi-phật có oai nghi khoan thai, ôm bát đi khát thực, người nghèo kia sinh tâm vui mừng bèn cúng dường bánh ấy cho vị Bích-chi-phật.

Vị Bích-chi-phật nhận bánh rồi liền bay lên hư không hiện mười tám thứ thần biến, xuất hiện ở phía Đông, ẩn mất ở phía Tây, xuất hiện ở phía Nam, ẩn mất ở phía Bắc, hoặc từ thân tuôn ra nước, lửa... Vị Bích-chi Phật lần lượt hiện mười tám thứ biến hóa như vậy.

Lúc bấy giờ người cúng dường bánh thấy sự biến hóa ấy, tâm rất kính tin, phát nguyện rồi mới đi.

Nhờ công đức ấy, cho nên trong vô lượng đời, người ấy không bị đọa địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ thường sinh lên cõi trời, cõi người, được giàu sang sung sướng, thọ hưởng sự an vui cõi trời, cho đến ngày nay gặp Ta, được xuất gia đắc đạo.

Đức Phật dạy A-nan:

– Thầy nên biết, người cúng dường bánh lúc bấy giờ, nay chính là Tỳ-kheo Bạt-đề-thích vương.

Khi Đức Phật kể chuyện nhân duyên của Bạt-đề-thích làm Tỳ-kheo rồi, có vị chứng quả Tu-đà-hoàn, có vị chứng quả Tư-đà-hàm, có vị chứng quả

A-na-hàm, có vị chứng quả A-la-hán, có vị phát tâm Bích-chi-phật, có vị phát tâm Bồ-đề vô thượng.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



90- Truyện Phật Độ Vương Tử Hộ Quốc Xuất Gia

Một thuở nọ, Đức Phật ngự dưới rừng cây Thô-la, thuộc nước Câu-tỳ-la.

Bấy giờ, Đức Phật khởi ý nghĩ: “Nay Ta nên đến hóa độ vương tử Hộ Quốc, giúp cho vương tử xuất gia”.

Nghĩ xong, Đức Phật liền dẫn đầu các Tỳ-kheo vào cung. Khi chân vừa bước đến cổng thành, thì trời đất rung chuyển sáu cách, hoa trời tuôn rải như mưa.

Lúc ấy Đức Phật phóng ánh sáng rực rỡ chiếu khắp trong thành, khiến cho người mù thấy được, người điếc nghe được, người câm nói được và người què đi được.

Vương tử thấy ánh sáng, khen là việc chưa từng có, liền đến chỗ Phật. Thấy Đức Phật có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, ánh sáng chiếu soi như trăm ngàn mặt trời, oai nghi khoan thai, vương tử vui mừng, đánh lễ dưới chân Phật, rồi lui lại ngồi

sang một bên, Đức Phật liền giảng nói pháp Tứ đế cho vương tử nghe. Tâm ý được mở tỏ, Vương tử chứng quả Tu-đà-hoàn.

Sau khi chứng được Sơ quả, vương tử định trở về gặp vua cha, trong lòng khen ngợi công đức của Đức Phật: “Nếu Đức Thế Tôn ở thế gian, Ngài sẽ là vị Chuyển luân thánh vương, thống lãnh bốn cõi thiên hạ, bảy thức báu theo mình, đi đâu cũng được tự tại... mà Ngài còn xả bỏ tất cả, đề xuất gia nhập đạo. Huống chi ta đây mà không thể theo Phật xuất gia hay sao?”

Nghĩ xong, vương tử liền đến thưa vua cha:

– Cúi xin phụ vương rủ lòng thương xót cho phép con được xuất gia theo Đức Phật.

Nghe thái tử xin xuất gia, vua Tu-đề không chấp nhận. Từ đó, thái tử sinh ra buồn bã và bỏ ăn một ngày, hai ngày, cho đến sáu ngày. Lúc ấy các quan thấy thái tử đã bỏ ăn sáu ngày, nên quỳ tâu với vua:

– Thái tử bỏ ăn đã sáu ngày nay, e rằng khó sống được, cúi xin đại vương cho thái tử xuất gia, để cha con còn được thấy nhau.

Sau khi nghe các quan nói, vua Tu-đề mới bằng lòng cho thái tử xuất gia. Lúc ấy thái tử liền đến chỗ Phật, cầu xin xuất gia.

Đức Phật liền gọi:

– Lành thay, Tỳ-kheo!

Tóc vương tử tự rơi rụng, thân mặc pháp phục, trở thành vị Sa-môn, siêng năng tu tập, chẳng bao lâu chứng quả A-la-hán, đầy đủ ba Minh, sáu phép Thần thông, tám pháp Giải thoát; được trời, người tôn kính.

Các Tỳ-kheo thấy việc ấy, bèn bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, Tỳ-kheo vương tử Hộ Quốc đời trước đã gieo trồng phước lành gì, mà nay được sinh ra trong cung vua, xuất gia chưa bao lâu đã được chứng quả như thế?

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các vị hãy lắng nghe, Ta sẽ giải thích rõ. Thuở xưa, cách nay vô lượng kiếp, tại nước Ba-la-nại có vị vua tên là Tỳ-đề dấy binh giao chiến với vua nước láng giềng.

Lúc ấy vua láng giềng bị thua và dẫn binh chúng tháo chạy. Khi chạy đến chỗ đồng trống, đang lúc gặp trời nắng hạn, không có đồng cỏ và nguồn nước, nên vua và quân lính bị đói khát gần chết. Đoàn người bèn đến chỗ một vị Bích-chi-phật, được vị Bích-chi-phật này chỉ cho chỗ có đồng cỏ và nguồn nước.

Qua được cơn đói khát, vua dẫn đoàn quân trở về nước mình, lòng vui mừng khôn tả. Lúc ấy vua nói với các quan:

– Chúng ta thoát được cơn đói khát là nhờ ân đức của vị Bích-chi-phật, vậy nay ta phải thiết lễ

đề cúng dường vị Bích-chi-Phật ấy. Nói xong, vua bèn cho người sắm sửa các thức ăn ngon, rồi thỉnh vị Bích-chi-phật vào cung để cúng dường. Sau khi thọ cúng, vị Bích-chi-phật bèn nhập Niết-bàn.

Lúc ấy vua Tu-đề cùng các quan, hậu phi và thể nữ đều than khóc thảm thiết. Vua thấu lấy xá-lợi Phật rồi xây dựng ngôi tháp bằng bốn thứ báu để cúng dường xá-lợi. Nhờ công đức này cho nên trong nhiều đời vị vua ấy không bị đọa địa ngục, súc sinh ngạ quỷ; thường sinh lên cõi trời, cõi người, được giàu sang sung sướng, thọ hưởng sự an vui cõi trời, cho đến ngày nay gặp Ta, được xuất gia đắc đạo.

Đức Phật lại bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy nên biết, vua Tu-đề lúc bấy giờ, nhờ công đức cúng dường vị Bích-chi-phật, nên nay gặp Ta, được xuất gia và chứng đắc đạo quả.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



SOẠN TẬP KINH MỘT TRĂM TRUYỆN NHÂN DUYÊN

QUYỂN 10

Phẩm 10: CÁC DUYÊN

91- Truyện Về Chàng Tu-Bồ-Đề Có Tâm Độc Ác

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn mới thành Chánh giác, vì muốn hóa độ các vua rồng, nên Ngài đến dưới núi Tu-di, hiện thân Tỳ-kheo, ngồi thẳng tư duy.

Lúc ấy có một con chim cánh vàng đầu đàn lặn xuống biển bắt được một rồng con, rồi đem lên đánh núi Tu-di định ăn thịt. Khi ấy rồng con chưa chết, từ xa thấy vị Tỳ-kheo đang ngồi thẳng tư duy, nên rồng dốc lòng cầu khẩn Tỳ-kheo từ bi cứu hộ cầu cứu xong thì liền chết.

Rồng con chết sinh vào trong một gia đình Bà-la-môn ở nước Xá-vệ, tên là Phụ-lê, có tướng mạo khôi ngô khác thường ít có trên đời, do đó đặt tên là Tu-bồ-đề.

Tu-bồ-đề dần dần khôn lớn, trí tuệ thông minh

không ai sánh kịp, nhưng tánh tình lại hung ác, hễ thấy người hay súc sinh, liền nổi giận chửi mắng. Cha mẹ và người thân đều chán ghét, chẳng muốn thấy mặt.

Tu-bồ-đề phải bỏ nhà vào sống trong rừng. Thấy các chim thú và cỏ cây, gió thổi dao động..., Tu-bồ-đề cũng sinh tâm giận dữ, không bao giờ có tâm hoan hỷ.

Bấy giờ, có vị Thần núi bảo Tu-bồ-đề:

– Vì sao ngươi bỏ nhà vào sống trong núi rừng này? Nếu không biết tu thiện, thì không có lợi ích gì cả, như vậy vào đây cũng chỉ luống công khổ nhọc mà thôi! Hiện giờ, Đức Thế Tôn đang ở tại tinh xá Kỳ hoàn, Ngài có phước đức lớn, có khả năng giáo hóa chúng sinh bỏ ác làm lành, bây giờ nếu ngươi đến đó, chắc chắn sẽ dứt bỏ được tâm tức giận độc ác.

Nghe Thần núi nói, Tu-bồ-đề liền sinh tâm vui mừng, bèn hỏi Thần núi:

– Đức Thế Tôn hiện nay ở đâu?

Thần núi đáp:

– Ngươi cứ việc nhắm mắt lại, ta sẽ đưa ngươi đến chỗ Thế Tôn.

Tu-bồ-đề nghe lời thần núi nhắm mắt lại trong giây lát. Bất giác, Tu-bồ-đề tự nhiên có mặt tại Kỳ hoàn. Thấy Đức Phật có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, ánh sáng chiếu soi như trăm

ngàn mặt trời, Tu-bồ-đề rất vui mừng, đánh lễ dưới chân Đức Phật, rồi lui lại ngồi sang một bên. Đức Phật liền dạy về tội ác của sự tức giận, là ngu si phiền não, đốt cháy căn lành, làm cho các điều ác thêm lớn, sau sẽ chịu quả báo đọa vào địa ngục, chịu nhiều đau khổ, không thể kể xiết; nếu thoát khỏi địa ngục, còn phải đọa vào loài rồng, loài rắn hay quỷ thân, La-sát... tâm thường độc ác, tàn hại lẫn nhau.

Tu-bồ-đề nghe Phật dạy, trong tâm lo sợ, khắp người nổi ốc, ăn năn tự trách, ở trước Phật sám hối tội lỗi. Sám hối xong, Tu-bồ-đề hoát nhiên đắc quả Tu-đà-hoàn, trong tâm vui mừng, cầu xin Phật xuất gia.

Đức Phật chấp nhận và gọi:

– Lành thay, Tỳ-kheo!

Tóc Tu-bồ-đề tự rơi rụng, thân mặc pháp phục, trở thành Sa-môn, siêng năng tu tập, chẳng bao lâu đã chứng quả A-la-hán, đầy đủ ba Minh, sáu phép Thần thông, tám pháp Giải thoát, được trời, người tôn kính.

Các Tỳ-kheo thấy việc ấy, bèn bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, Tỳ-kheo Tu-bồ-đề đời trước đã làm được phước lành gì, nay tuy được làm người, nhưng tâm thường tức giận không hề dứt bỏ, lại gặp Thế Tôn được xuất gia đắc đạo.

Đức Phật dạy các Tỳ-kheo:

– Các thầy hãy lắng nghe, Ta sẽ giải thích rõ. Trong hiện kiếp này, tại nước Ba-la-nại có Đức Phật ra đời hiệu là Ca-diếp. Trong chánh pháp của Ngài, có một vị Tỳ-kheo thường làm việc khuyến hóa. Trong một vạn năm, Tỳ-kheo này thường cùng các Tỳ-kheo khác đi khắp nơi để cúng dường chư Tăng.

Một thời gian sau, có những vị Tăng vì thiếu duyên nên không thể cùng đi, Tỳ-kheo này dùng những lời độc ác chửi mắng: “Mấy ông thật ngang bướng, chẳng khác nào loài rồng dữ.” Tỳ-kheo ấy mắng chửi xong rồi bỏ đi.

Vì nghiệp duyên ấy, nên trong năm trăm đời Tỳ-kheo này phải đọa làm rồng dữ, thân tâm chất chứa toàn những thứ độc ác, hay quấy nhiễu chúng sinh; nay tuy được thân người, nhưng tập quán xưa chẳng dứt bỏ, nên thường hay sinh sân hận.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy nên biết, vị Tỳ-kheo khuyến hóa chúng sinh, nhưng dùng lời độc ác chửi mắng lúc bấy giờ, nay chính là Tỳ-kheo Tu-bồ-đề. Nhờ công đức cúng dường chúng Tăng lúc đó, nên nay gặp Ta, được xuất gia đắc đạo.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



92- Truyện Vị Tỳ-Kheo Trưởng Giả Ở Trong Thai Mẹ Sáu Mươi Năm

Một thuở nọ, Đức Phật ngự tại vườn trúc Ca-lan-đà, trong thành Vương xá.

Bấy giờ, trong nước có một vị trưởng giả có vô lượng tài sản, vật báu, nhiều không thể tính kể được. Ông chọn con gái trong một gia đình giàu sang để cưới làm vợ, tấu trời âm nhạc để mua vui cho nàng.

Sau đó, người vợ mang thai, đủ mười tháng, nàng muốn sinh nhưng đứa bé không chịu ra; rồi lại tiếp tục mang thai, đủ mười tháng thì sinh được một đứa bé. Cái bào thai trước vẫn nằm ở hông bên phải. Như vậy, người vợ lần lượt mang thai chín lần; cứ đủ mười tháng đều sinh được con, chỉ có đứa con đầu tiên là còn nằm trong thai, không chịu ra.

Người mẹ rất khổ sở, phát bệnh. Bà dùng các thứ thuốc để tự điều trị nhưng không bớt bệnh, bà bảo với người trong nhà:

– Trong bụng ta có đứa con, nó vẫn còn sống không chết, nếu ta chết hãy mổ bụng ta để lấy đứa con ấy mà nuôi dưỡng.

Căn bệnh người mẹ không hề thuyên giảm, khi bà qua đời, người thân đem thi hài ra nơi gò mả, rồi mời thầy thuốc nổi tiếng Kỳ-bà mổ bụng ra

xem, quả thấy một đứa bé, tướng mạo già nua, tóc trên đầu bạc trắng, đứng dậy lom khom đi lại, nhìn xung quanh và nói với người thân:

– Các người nên biết, do đời trước ta nói lời ác để nhục mạ chúng Tăng, cho nên phải ở lâu trong thai đến sáu mươi năm, chịu nhiều khổ não không thể nói được.

Những người thân nghe đứa bé nói vậy liền kêu gào khóc lóc, buồn bã không thể nói được.

Bấy giờ Đức Thế Tôn từ xa biết đứa bé này căn lành đã thuần thực, nên Ngài dẫn đầu các Tỳ-kheo đến chỗ đứa bé.

Đức Phật hỏi đứa bé:

– Người có phải là vị Tỳ-kheo Trưởng lão không?

Đứa bé đáp:

– Bạch Đức Thế Tôn, con thật là vị Tỳ-kheo Trưởng lão.

Phật hỏi đứa bé hai ba lượt như vậy và đứa bé cũng đều trả lời:

– Con thật là vị Tỳ-kheo Trưởng lão.

Lúc ấy đại chúng thấy đứa bé đối đáp với Đức Phật, ai cũng thắc mắc nên bước ra bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, đứa bé già nua này đời trước đã gây ra nghiệp ác gì, mà nay phải ở trong bào thai lâu năm đến nổi tóc bạc trắng, đi đứng lom khom, lại đối đáp với Đức Thế Tôn như thế?

Đức Phật bảo đại chúng:

– Các vị hãy lắng nghe, Ta sẽ giải thích rõ. Trong hiện kiếp này, tại nước Ba-la-nại có Đức Phật ra đời hiệu là Ca-diếp.

Có các Tỳ-kheo kiết hạ an cư, chúng Tăng hòa hợp, sai một vị Tỳ-kheo lớn tuổi làm Tăng Duy na.

Trong chúng cùng nhau lập ra quy định là những người đắc đạo trong mùa an cư mới được phép Tự tứ, nếu ai chưa đắc đạo thì không được Tự tứ.

Lúc bấy giờ, chỉ có một mình vị Duy na này không đắc đạo, nên chúng Tăng không cho ông Bồ-tát tự tứ. Vị Duy na rất buồn bã, nói như vậy:

– Một mình ta vì các ông coi sóc việc chúng, để các ông an ổn tu hành, nay lại không cho ta làm pháp Yết-ma tự tứ, Bồ-tát.

Nói xong ông dùng dùng nổi giận chửi mắng chúng Tăng, rồi lôi các Tỳ-kheo vào trong nhà nhốt kín lại, còn nói: “Để cho mấy ông ở luôn trong tối, khỏi thấy ánh sáng như hiện bây giờ ta đang ở trong nhà tối vậy.” Nói dứt lời ông liền tự sát. Khi chết đi, ông liền bị đọa vào địa ngục, chịu khổ não dữ dội, mãi cho đến ngày nay mới được thoát khỏi nhưng còn phải ở lâu trong bào thai để chịu khổ như vậy.

Đại chúng nghe Phật dạy, ai nấy đều tự giữ gìn ba nghiệp thân, miệng, nhằm chán sinh tử, có vị

chứng đắc quả Tu-đà-hoàn, có vị chứng quả Tư-đà-hàm, có vị chứng quả A-na-hàm, có vị chứng quả A-la-hán, có vị phát tâm Bích-chi-phật, có vị phát tâm Bồ-đề vô thượng.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



93- Truyện Vị Tỳ-Kheo Cụt Tay

Một thuở nọ, Đức Phật ngự trong khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, trong thành có một vị trưởng giả có rất nhiều tài sản, vật báu, nhiều không thể tính kể được. Ông chọn con gái nhà giàu sang để cưới làm vợ, tấu trời nhạc để mua vui cho nàng.

Sau đó, người vợ ấy mang thai, đủ mười tháng, nàng sinh được một bé trai, nhưng không có tay, vừa sinh ra đã nói được và nói như vậy:

– Nay đôi tay của ta thật là khó có.

Đứa bé tỏ ra rất tiếc rẻ. Cha mẹ lấy làm lạ, bèn mời các thầy xem tướng về xem tướng cho con. Các thầy tướng xem xong hỏi cha mẹ đứa trẻ:

– Khi trẻ sinh ra có điềm lành gì chăng?

Cha mẹ đáp:

– Lúc mới sinh ra nó có nói như vậy: “Nay đôi tay của ta thật là khó có.”

Do đó mà đặt tên cho đứa bé là Ngộ Thủ. Ngộ Thủ dần dần khôn lớn, tính tình hiền hậu, thông minh trí tuệ. Một hôm, Ngộ Thủ cùng các bạn thân đi dạo chơi, lần lượt đến tinh xá Kỳ hoàn. Thấy Phật Thế Tôn có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, ánh sáng chiếu soi như trăm ngàn mặt trời, Ngộ Thủ rất vui mừng, bước đến đánh lễ dưới chân Phật, rồi lui lại ngồi sang một bên. Đức Phật liền nói pháp bằng nhiều cách cho Ngộ Thủ nghe, tâm ý được mở tỏ, Ngộ Thủ chứng đắc quả Tu-đà-hoàn, liền trở về xin cha mẹ đi xuất gia. Vì thương con nên cha mẹ không ngăn cản, bèn dẫn con đến chỗ Phật xin cho Ngộ Thủ xuất gia.

Đức Phật liền gọi:

– Lành thay, Tỳ-kheo!

Tóc Ngộ Thủ tự rơi rụng, thân mặc pháp phục, trở thành vị Sa-môn, siêng năng tu tập, chẳng bao lâu chứng quả A-la-hán, đầy đủ ba Minh, sáu phép Thần thông, tám pháp Giải thoát, được trời, người tôn kính.

Các Tỳ-kheo thấy việc ấy, bèn bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, Tỳ-kheo Ngộ Thủ này đời trước đã làm được phước lành gì, mà nay vừa sinh ra đã biết nói, nhưng không có tay, lại gặp Thế Tôn, được xuất gia đắc đạo?

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy hãy lắng nghe, Ta sẽ giải thích rõ.

Trong hiền kiếp này, tại nước Ba-la-nại có Đức Phật ra đời hiệu là Ca-diếp. Có hai thầy Tỳ-kheo, một vị đã chứng quả La-hán và vị kia còn là phàm phu, là vị Pháp sư nói pháp. Dân chúng đua nhau thỉnh vị Pháp sư nói pháp này đi thọ sự cúng dường của các nhà đàn-việt. Một hôm, vị Pháp sư phàm phu đi vắng, dân chúng bèn thỉnh vị La-hán. Khi vị Pháp sư phàm phu trở về thấy vậy, liền tức giận chửi mắng: “Tôi thường rửa bát và dâng nước cho ông uống, nay ông lại đi với người khác, từ nay về sau nếu tôi còn làm việc cho ông nữa thì sẽ bị cụt tay.”

Sau đó, hai người chia tay không còn ở chung với nhau nữa. Do nghiệp duyên ấy, mà trong năm trăm đời vị Tỳ-kheo này phải chịu quả báo không có tay, cho nên Ngộ Thủ mới nói: “Nay đôi tay của ta thật là khó có.”

Đức Phật dạy các Tỳ-kheo:

— Các thầy nên biết, vị Tỳ-kheo Pháp sư đã thề thốt lúc bấy giờ, nay chính là Tỳ-kheo Ngộ Thủ. Nhưng nhờ khi đó đã rửa bát và dâng nước uống cho bậc Thánh, nên nay gặp được Ta, xuất gia đắc đạo.

Khi Phật nói về truyện nhân duyên của Tỳ-kheo Ngộ Thủ, các Tỳ-kheo ai nấy cũng tự giữ gìn ba nghiệp thân, miệng, ý, nhằm chán sinh tử; có vị chứng đắc quả Tu-đà-hoàn, có vị chứng đắc quả

Tu-đà-hàm, có vị chứng đắc quả A-na-hàm, có vị chứng đắc quả A-la-hán, có vị phát tâm Bích-chi-phật, có vị phát tâm Bồ-đề vô thượng.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



94- Truyện Tỳ-Kheo Lê-Quân-Chi

Một thuở nọ, Đức Phật ngự trong khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, trong thành có một vị Bà-la-môn, người vợ của vị Bà-la-môn này có thai, đủ mười tháng, bà sinh được một bé trai, diện mạo rất xấu xí, thân thể lại hôi hám dơ bẩn. Mỗi khi đưa bé này bú sữa, lập tức khiến sữa mẹ bị hư. Nếu nhờ người cho bú thì sữa cũng hư như vậy. Để cứu lấy tính mạng đứa trẻ, cha mẹ chỉ còn cách dùng sữa hay mật thoa lên ngón tay rồi cho con liếm. Do vậy đứa trẻ được đặt tên là Lê-quân-chi.

Lê-quân-chi dần dần khôn lớn, lại càng bạc phước hơn nữa, hễ ăn uống thì không bao giờ no. Một hôm, Lê-quân-chi thấy các Sa-môn có oai nghi khoan thai, tay ôm bình bát vào thành khát thực, được thức ăn đầy bát trở về. Lê-quân-chi thấy vậy rất vui mừng, nghĩ rằng: “Bây giờ ta phải đến chỗ Thế Tôn để xin làm Sa-môn, có thể sẽ được ăn uống no nê”.

Sau khi nghĩ vậy, Lê-quân-chi liền đến tỉnh xá Kỳ hoàn xin Phật xuất gia.

Đức Phật bèn gọi:

– Lành thay, Tỳ-kheo!

Tóc Lê-quân-chi tự rơi rụng xuống, thân mặc pháp phục, trở thành Sa-môn, siêng năng tu tập, chẳng bao lâu chứng quả A-la-hán, nhưng khi đi khát thực, cũng không được gì, nên thầy ăn năn tự trách.

Có lần Lê-quân-chi vào tháp, thấy trong tháp có chút ít bụi dơ, ông liền rưới nước quét dọn sạch sẽ. Đến khi đi khát thực, Lê-quân-chi được nhiều thức ăn,

Lê-quân-chi rất vui mừng thưa với chúng Tăng:

– Từ nay về sau xin chúng Tăng cho phép tôi được quét dọn chùa tháp của chúng ta. Bởi vì việc làm ấy, mà đi khát thực tôi được no đủ.

Chúng Tăng liền chấp nhận, sau đó thường nhờ Lê-quân-chi quét dọn. Một hôm, vì vô minh che lấp nên Lê-quân-chi ngủ mê man không hay biết gì, do đó không kịp lau quét.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất dẫn đầu năm trăm vị đệ tử, từ xứ khác về để hầu thăm Thế Tôn, thấy trong tháp Phật có chút ít bụi bặm liền dọn sạch sẽ.

Khi Lê-quân-chi thức dậy, thấy Xá-lợi-phất đã làm xong công việc của mình, nên rất hối hận, bèn thưa với ngài Xá-lợi-phất:

– Việc ngài quét dọn tháp sẽ làm cho tôi hôm nay phải nhịn đói.

Xá-lợi-phất nghe Lê-quân-chi nói vậy, liền bảo:

– Hôm nay, tôi sẽ đưa thầy vào thành thọ thỉnh, thầy sẽ được no đủ chớ lo lắng.

Lê-quân-chi nghe nói, trong tâm thối lui. Đến giờ đi thọ cúng, Lê-quân-chi cùng Xá-lợi-phất vào thành thọ thỉnh, gặp lúc vợ chồng nhà đàn-việt đang có chuyện tranh cãi với nhau, nên rốt cuộc Lê-quân-chi cũng chẳng được ăn uống gì, đành mang bụng đói trở về.

Ngày thứ hai Xá-lợi-phất lại bảo:

– Sáng nay, tôi sẽ dẫn thầy đến nhà trưởng giả thọ thỉnh, thầy sẽ được no đủ.

Đến giờ Xá-lợi-phất dẫn Lê-quân-chi cùng đi, đến nơi mọi người đều được ăn uống, chỉ một mình Lê-quân-chi là không được ăn. Lê-quân-chi bèn lớn tiếng nói:

– Tôi chưa được thức ăn.

Lúc ấy người chủ không nghe và Lê-quân-chi lại nhịn đói trở về.

Tôn giả A-nan nghe việc này, trong lòng rất thương xót, nên ngày thứ ba Tôn giả nói cùng Lê-quân-chi:

– Sáng nay tôi theo Phật thọ thỉnh, tôi sẽ lấy thức ăn cho thầy, chắc chắn thầy sẽ được no đủ.

Tuy A-nan là người có khả năng ghi nhớ tám vạn bốn ngàn các môn pháp tạng của Như Lai, không hề sót mất điều gì, thế mà hôm nay hứa lấy thức ăn về cho Tỳ-kheo Lê-quân-chi thì A-nan lại bỗng nhiên không nhớ, chỉ mang bát không trở về.

Ngày thứ tư A-nan lại lấy thức ăn về cho Lê-quân-chi, nhưng trên đường về gặp con chó hung hăng chạy ra cắn giựt làm đồ ăn đổ hết xuống đất, cũng đành mang bát không mà về, Lê-quân-chi phải nhịn đói nữa.

Ngày thứ năm, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cũng lấy thức ăn về cho Lê-quân-chi, giữa đường bị chim cánh vàng đầu đàn trông thấy, nó dùng miệng cắp chiếc bình bát ra bỏ giữa biển cả, Lê-quân-chi lại không được ăn.

Vào ngày thứ sáu, ngài Xá-lợi-phất lại lấy thức ăn về cho Lê-quân-chi. Khi về đến cửa phòng Lê-quân-chi, cửa tự nhiên đóng lại. Ngài Xá-lợi-phất phải dùng thần lực để vào, từ dưới đất nhảy vọt lên đứng trước Lê-quân-chi, thì cái bát bị rơi đến tận mé kim cương. Lúc ấy ngài Xá-lợi-phất lại dùng thần thông đưa tay để lấy bát, thì miệng Lê-quân-chi lại bị khóa chặt, cuối cùng cũng không được ăn. Khi giờ ăn đã qua, thì miệng Lê-quân-chi lại được mở ra.

Qua ngày thứ bảy, Lê-quân-chi cũng chẳng có gì để ăn, nên sinh lòng hổ thẹn, ở trước bốn chúng

đành phải ăn cát uống nước, rồi nhập Niết-bàn.

Các Tỳ-kheo thấy việc ấy, lấy làm lạ không hiểu tại sao, bèn bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, Tỳ-kheo Lê-quân-chi đời trước đã gây ra nghiệp ác gì, mà nay sinh ra đã bị đói khát, mới đầu lại chịu sự thiếu thốn? Lại nhờ duyên gì, mà được xuất gia đắc đạo?

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy hãy lắng nghe, Ta sẽ giải thích rõ. Thuở xưa, cách nay vô lượng kiếp, tại nước Ba-la-nại có Đức Phật ra đời hiệu là Đế Tràng. Ngài dẫn đầu các Tỳ-kheo đi giáo hóa chúng sinh.

Lúc ấy có vị trưởng giả tên là Cù-di, thấy Phật và chúng Tăng, tâm ông rất kính tin và hằng ngày thỉnh Phật và chúng Tăng về nhà để cúng dường. Về sau trưởng giả này qua đời, người vợ vẫn giữ lệ cúng dường như xưa. Nhưng người con lại sinh tâm tiếc rẻ, ngăn cản không cho mẹ bố thí, lại còn giới hạn phần ăn cho mẹ.

Tuy vậy người mẹ vẫn giảm bớt phần ăn của mình để cúng dường Đức Phật và chúng Tăng. Biết việc ấy, người con rất tức giận và bắt mẹ mình nhốt trong căn nhà trống, khóa cửa rồi bỏ đi. Đến ngày thứ bảy, người mẹ bị đói khát khôn khổ, bà phải xin cơm con để ăn.

Người con đáp: “Sao mẹ không ăn cát uống nước để sống, mà bây giờ mẹ còn xin cơm con để

ăn.” Người con nói vậy rồi bỏ đi. Cuối cùng người mẹ không được ăn, nên qua đời.

Về sau, khi người con chết đi liền đọa vào địa ngục A-tỳ, chịu khổ trong địa ngục A-tỳ, rồi lại được sinh lên cõi người, phải chịu sự đói khát khôn khổ như vậy.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy nên biết, kẻ bỏ đói người mẹ lúc bấy giờ, nay chính là Tỳ-kheo Lê-quân-chi. Lại nhờ thưở xưa có cúng dường Phật, nên nay gặp Ta, được xuất gia đắc đạo.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



95- Truyện Về Tỳ-Kheo Sinh Tử Khổ

Một thưở nọ, Đức Phật ngự trong khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, trong thành có một vị trưởng giả, có vô lượng tài sản, vật báu không thể tính kể được. Ông chọn con gái ngoan hiền để cưới làm vợ, tấu trời âm nhạc để mua vui cho nàng.

Sau đó, vợ trưởng giả ấy mang thai, đủ mười tháng, nàng sinh được một bé trai, mới sinh ra, đứa bé đã tự nhớ đời trước của mình và nói: “Sinh tử rất khổ đau.” Do đó cha mẹ đặt tên con là Sinh Tử Khổ.

Sinh Tử Khổ dần dần khôn lớn, hễ gặp người nào cũng nói:

– Sinh tử rất khổ đau.

Tuy nhiên đối với Cha mẹ, Sư tăng hay những vị lớn tuổi có đức độ thì Sinh Tử Khổ lại rất từ tâm hiếu thuận, nói năng tươi cười, không bao giờ nói lời thô lỗ độc ác.

Một hôm, Sinh Tử Khổ cùng các bạn thân ra khỏi thành để dạo chơi, dần dần đến tinh xá Kỳ hoàn. Thấy Phật có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, ánh sáng chiếu soi như trăm ngàn mặt trời..., Sinh Tử Khổ rất vui mừng, bước đến đánh lễ dưới chân Phật rồi lui lại, ngồi sang một bên.

Lúc ấy Đức Phật liền nói pháp Tứ đế cho Sinh Tử Khổ nghe. Tâm ý được mở tỏ, Sinh Tử Khổ chứng đắc quả Tu-đà-hoàn, liền trở về xin cha mẹ được xuất gia nhập đạo. Vì thương con nên cha mẹ không ngăn cản, liền dẫn con đến chỗ Phật, xin Phật cho xuất gia.

Đức Phật liền gọi:

– Lành thay, Tỳ-kheo!

Tóc Sinh Tử Khổ tự rơi rụng, thân mặc pháp phục, trở thành Sa-môn, siêng năng tu tập, không bao lâu đã chứng quả A-la-hán, đầy đủ ba Minh, sáu phép Thần thông, tám pháp Giải thoát; được trời, người tôn kính.

Các Tỳ-kheo thấy việc ấy, bèn bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, Tỳ-kheo Sinh Tử Khổ đời trước đã làm được phước lành gì, mà nay mới sinh ra đã biết nói, nhớ được việc đời trước của mình, lại gặp Thế Tôn được xuất gia đắc đạo?

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy hãy lắng nghe, Ta sẽ giải thích rõ.

Trong hiền kiếp này, lúc con người sống đến hai vạn tuổi, tại nước Ba-la-nại, có Đức Phật ra đời hiệu là Ca-diếp. Trong chánh pháp của Ngài, có một Sa-di hầu hạ, phụng thờ Hòa thượng. Bảy giờ trong thành có mở lễ hội lớn. Sa-di bạch với Hòa thượng:

– Hôm nay là ngày lễ hội, chúng ta nên khát thực sớm, chắc chắn sẽ được nhiều thức ăn.

Hòa thượng đáp:

– Thời gian còn sớm, chú hãy ngồi thiền.

Lần thứ hai, thứ ba Sa-di cũng bạch thầy như vậy, nhưng thầy vẫn không chịu. Sa-di sinh tâm tức giận, dùng lời ác mắng nhiếc thầy:

– Sao ông không chết đi cho rồi!

Nói xong, Sa-di liền bỏ vào thành khát thực. Khi trở về, Sa-di sám hối với thầy.

Do nghiệp duyên ấy nên trong năm trăm đời, Sinh Tử Khổ phải đọa vào địa ngục, chịu nhiều đau khổ, cho đến ngày nay mới thoát khỏi. Do đó Sinh Tử Khổ mới nói:

– Sinh tử rất khổ đau.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy nên biết, chú Sa-di mắng nhiếc thầy lúc bấy giờ, nay chính là Tỳ-kheo Sinh Tử Khổ vậy.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



96- Truyện Vị Trưởng Giả Thân Thể Bị Ghẻ Lở

Một thuở nọ, Đức Phật ngự trong khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, trong thành có một vị trưởng giả có vô lượng tài sản, vật báu, nhiều không thể tính kể được. Ông chọn con gái nhà giàu sang để cưới làm vợ, tấu trời âm nhạc để mua vui cho nàng.

Sau đó, vợ vị trưởng giả ấy mang thai, đủ mười tháng, nàng sinh được một bé trai, thân thể bị ghẻ lở, rất đau đớn, khổ sở. Đứa trẻ cứ mãi kêu khóc, không thôi. Khi đứa trẻ lớn lên, các mụn ghẻ vỡ ra máu mủ tuôn chảy, thường bị đau nhức, do đó đứa trẻ được đặt tên là Thân Hào (*Rên la*).

Cha mẹ thương xót, tuy cố công tìm các thứ thuốc để trị liệu cho con, nhưng bệnh không thể nào trị lành.

Thân Hào dần dần khôn lớn nghe mọi người nói:

– Ở tinh xá Kỳ hoàn có một thầy thuốc giỏi, có khả năng trị dứt mọi căn bệnh.

Nghe vậy, Thân Hào lập tức tìm đến tinh xá Kỳ hoàn. Thấy Phật Thế Tôn Phật có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, ánh sáng chiếu soi như trăm ngàn mặt trời, Thân Hào rất vui mừng, bước đến đánh lễ dưới chân Phật, rồi lui lại ngồi sang một bên.

Đức Phật liền nói về cái khổ của năm ấm lầy lùng cho Thân Hào nghe, là mọt ghẻ, là ung nhọt, như mũi tên độc bắn thẳng vào tim, làm tổn thương và gây nguy hại cho con người. Cả năm ấm này đều là nguồn gốc của tất cả mọi căn bệnh.

Thân Hào nghe Phật dạy trong lòng ăn năn tự trách, rồi sám hối tội lỗi với Đức Thế Tôn. Khi ấy bệnh ghẻ liền lành, tâm chàng rất vui mừng và xin Phật xuất gia.

Đức Phật bèn gọi:

– Lành thay, Tỳ-kheo!

Tóc Thân Hào tự rơi rụng, thân mặc pháp phục, trở thành Sa-môn, siêng năng tu tập, chẳng bao lâu chứng đắc quả A-la-hán.

Các Tỳ-kheo thấy việc ấy, bèn bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, Tỳ-kheo Thân Hào đời trước đã gây ra nghiệp ác gì, mà nay khi mới sinh ra thân thể đã có ghẻ lở, máu mủ lai láng, thật đáng kinh sợ; lại nhờ phước lành gì mà được xuất gia

đắc đạo?

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy hãy lắng nghe, Ta sẽ giải thích rõ. Thuở xưa, cách nay vô lượng kiếp, tại nước Ba-la-nại có hai vị trưởng giả, cả hai đều là người rất giàu có, tài sản của họ nhiều vô lượng. Nhân vì có sự bất hòa tranh chấp với nhau, nên một trưởng giả đã dâng lên vua một số lượng lớn châu báu.

Nhà vua nhận vật của trưởng giả, nhân đó trưởng giả này dối trước vua có lời gièm siểm: “Trưởng giả kia là người có ác tâm, thường ấp ủ âm mưu gian muốn hãm hại hạ thần. Mong đại vương nghe lời hạ thần trừng trị tên trưởng giả kia.”

Vua liền hứa khả, liền đến nhà bắt trưởng giả kia đem trói rồi đánh đập, làm cho trưởng giả kia đau đớn khổ sở không cùng, toàn thân đầy thương tích, máu chảy lai láng và đau đớn không thể nói hết.

Khi thôi bị hành hạ đánh đập, trưởng giả bèn tự nghĩ: “Có thân là có khổ; thân là nơi nhóm họp của mọi điều ác và nhiều tai họa. Thật đáng nhàm chán. Đối với vị trưởng giả kia ta đâu có oán thù gì lắm đến nỗi phải bị đánh đập hành hạ một cách ngang trái đến như vậy”.

Nghĩ vậy rồi, sau đó vị trưởng giả liền vào chốn núi rừng, quán sát thấy: Các pháp hữu vi đều vô

thường, nên ngộ sâu được lý Không, thành Bích-chi-phật, xem kẻ oán người thân đều bình đẳng.

Vị Bích-chi-phật nhớ lại trưởng giả kia đã gây ra sự khổ sở cho mình, đời sau chắc chắn phải đọa vào địa ngục, chịu nhiều đau khổ.

Bích-chi-phật nghĩ: “Vậy bây giờ Ta phải đến nhà trưởng giả, hiện các thứ thần biến cho ông ta thấy để giúp ông được khai ngộ.” Nghĩ xong, Bích-chi-phật liền đến trước nhà trưởng giả, thân vọt lên hư không, hiện mười tám thứ thần biến.

Trưởng giả thấy sự biến hóa nên sinh tâm khát ngưỡng, càng thêm kính tin đối với Bích-chi-phật. Trưởng giả bèn thỉnh Bích-chi-phật ngồi nghỉ, ông dọn bày các món ăn ngon để cúng dường và xin sám hối tội ngày trước với Bích-chi-phật.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy nên biết, người đã gièm siểm trưởng giả với vua để vua tra khảo đánh đập trưởng giả lúc bấy giờ, nay chính là Tỳ-kheo Thân Hào.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



97- Truyện Vị Tỳ-Kheo Xấu Xí

Một thuở nọ, Đức Phật ngự trong vườn ông Cấp Cô Độc, rừng cây của thái tử Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Trong thành có một vị trưởng giả chọn con gái trong một gia đình cao sang để cưới làm vợ, tấu trời kỹ nhạc để cho vợ vui lòng.

Sau đó, người vợ ấy mang thai, đủ mười tháng, nàng sinh được một bé trai, mặt mũi thật xấu xí, hình dạng trông giống như ác quỷ; mọi người trông thấy đều xa lánh.

Cậu bé dần dần khôn lớn, cha mẹ lấy làm chán nản và đuổi đi thật xa. Chàng trai này đi đến đâu, ai cũng ghê sợ, thậm chí súc sinh nhìn thấy còn phải sợ hãi hướng chi con người.

Một hôm, chàng trai đi vào rừng hái hoa quả ăn để tự nuôi sống. Các loài chim bay thú chạy mỗi khi trông thấy chàng, thì chẳng có loài nào không sợ, chúng bỏ đi hết, không dám ở trong khu rừng ấy nữa.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn với lòng Đại bi, sáu thời trong một ngày đêm ngài thường quán sát chúng sinh, xem chúng sinh nào độ được thì ngài liền đến cứu độ, Đức Phật biết chàng trai xấu xí kia căn lành đã thuần thực, nhân duyên hóa độ đã đến.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

— Hôm nay, chúng ta nên vào trong rừng để cứu độ chàng trai xấu xí kia.

Đức Thế Tôn dẫn đầu các Tỳ-kheo vào rừng. Chàng trai xấu xí kia thấy Phật, liền muốn tránh mặt đi. Nhưng Đức Phật đã dùng thần lực khiến

chàng không đi được.

Bấy giờ các thầy Tỳ-kheo ngồi kiết già dưới gốc cây, còn Đức Phật cũng hóa thành một người mặt mũi xấu xí, tay ôm bình bát, bên trong đầy ắp thức ăn, lần lần đi về phía người ấy. Nhìn thấy một người có hình tướng cũng xấu xí như mình, nên chàng trai xấu xí cảm thấy vui và cho: “Người này thật là bạn ta”. Chàng bèn đến nói chuyện, rồi cùng ăn chung trong một cái bát. Bấy giờ cơm trong bát có mùi vị thơm ngon, ăn xong, bỗng nhiên mặt mày Hóa nhân trở nên khôi ngô đẹp đẽ.

Lúc ấy chàng trai xấu bèn hỏi bạn:

– Sao bỗng nhiên ông đẹp đẽ như thế?

Hóa nhân đáp:

– Tôi nhờ ăn cơm này và quán tưởng các Tỳ-kheo đang ngồi thiền dưới gốc cây đằng kia. Với thiện tâm mà hình tướng của tôi trở nên khôi ngô đẹp đẽ như thế.

Chàng trai xấu xí nghe rồi liền bắt chước, cũng quán tưởng các Tỳ-kheo đang ngồi thiền dưới gốc cây với thiện tâm. Quả nhiên, chàng trai xấu xí này cũng được khôi ngô đẹp đẽ. Trong lòng chàng vui mừng và sinh tâm kính tin đối với Hóa nhân.

Khi ấy Hóa nhân trở lại thân Phật. Chàng trai thấy Đức Phật có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, ánh sáng chiếu soi như trăm ngàn mặt trời, nên bước đến đánh lễ dưới chân Phật rồi lui lại ngồi

sang một bên.

Đức Phật liền nói pháp cho chàng trai nghe bằng nhiều cách. Tâm ý được mở tỏ, chàng trai chứng quả Tu-đà-hoàn và xin xuất gia với Phật.

Đức Phật bèn gọi:

– Lành thay, Tỳ-kheo!

Tóc chàng tự rơi rụng, thân mặc pháp phục, trở thành vị Sa-môn, siêng năng tu tập, không bao lâu sau thì chứng đắc quả A-la-hán.

Các Tỳ-kheo thấy việc trên, bèn bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, vị Tỳ-kheo xấu xí kia đời trước đã gây ra nghiệp ác gì, mà nay tuy được thân người nhưng xấu xí như vậy, lại gặp Thế Tôn, được xuất gia đắc đạo?

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy hãy lắng nghe, Ta sẽ giải thích rõ. Thuở xưa, cách nay vô lượng kiếp, tại nước Ba-la-nại có Đức Phật ra đời hiệu là Phất-sa. Ngài đang ngồi kiết già dưới một gốc cây, Ta và Di-lặc đều là Bồ-tát cùng đến chỗ Phật cúng dường các món cần dùng. Ta đứng một chân trong bảy ngày để nói kệ:

*Trên trời, nhân gian ai bằng Phật
Thế giới mười phương cũng không ai
Tất cả thế giới Ta đều thấy
Không ai có thể bằng như Phật.*

Khi Bồ-tát nói kệ xong, trong núi có một Quỷ thần hóa ra hình dạng thật xấu xí đến làm Ta sợ

hãi, Ta dùng thần lực khiến Quỷ thần kia gặp non cao vực thẳm rất hiểm trở không thể vượt qua được.

Khi ấy, Thần núi liền nghĩ rằng: “Vì ta có ác tâm làm người khác sợ hãi nên khiến phải gặp chỗ hiểm nạn không vượt qua được. Vậy ta phải đến chỗ vị ấy để sám hối tội lỗi”.

Nghĩ xong, Thần núi liền đến sám hối với Bồ-tát, sám hối xong, phát nguyện rồi ra đi.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy nên biết, Thần núi đã làm cho Ta sợ hãi lúc bấy giờ, nay là chàng trai xấu xí đã chứng quả La-hán kia. Vì lúc bấy giờ làm Ta sợ hãi, nên trong năm trăm đời chàng phải chịu thân hình xấu xí, ai thấy cũng đều xa lánh. Nhưng nhờ biết sám hối, cho nên nay gặp Ta được xuất gia đắc đạo.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



98- Truyện Tỳ-Kheo Hằng-Già-Đạt

Một thuở nọ, Đức Phật ngự trong vườn Nai, thuộc nước Ba-la-nại.

Bấy giờ, trong nước có một Phụ tướng, nhà rất giàu có tuy nhiên ông chẳng có mụn con nào.

Lúc ấy bên bờ sông Hằng-già có một ngôi đền

thờ trời Ma-ni-bạt-đà, nhân dân địa phương đều cung kính thờ phụng. Một hôm, vị Phụ tướng này đến ngôi đền ấy chú nguyện:

– Tôi không có con, được nghe Thiên thần có công đức lớn, cứu độ chúng sinh, có khả năng làm cho người được toại nguyện, nên tôi đến đây cầu xin Thiên thần cho tôi một đứa con. Nếu được như nguyện, tôi sẽ đem vàng bạc để tô điểm thân thể Thiên thần và dùng danh hương tô phết đền Thần, còn bằng không linh nghiệm, tôi sẽ phá hủy ngôi đền này, bôi phẩn uế trên thân ngài.

Vị Thiên thần nghe rồi tự nghĩ: “Người này thuộc dòng họ giàu sang, uy thế mạnh mẽ, không phải là hạng người tầm thường cầu con, thế lực của ta kém cỏi, không thể nào làm cho ông ta được như nguyện. Nếu người ấy không được như nguyện thì sẽ phá hủy miếu Thần”.

Nghĩ xong, vị Thiên thần bèn đến thưa với trời Ma-ni-bạt-đà. Trời Ma-ni-bạt-đà cũng không đủ sức làm việc đó, liền đến gặp vua trời Tỳ-sa-môn để trình bày sự việc.

Vua trời Tỳ-sa-môn nói:

– Năng lực của ta cũng không thể làm cho người ấy có con được. Chỉ phải tìm đến trời Đế Thích mới mong thỏa mãn sự cầu nguyện đó.

Tỳ-sa-môn lập tức lên trời và tâu với Đế Thích:

– Tôi có một thuộc hạ là Ma-ni-bạt-đà, gần đây

có một lời trình tấu rằng tại nước Ba-la-nại có một vị Phụ tướng muốn cầu con, đã kết lập lời thề quan trọng. Nếu nguyện của viên Phụ tướng ấy được thành tựu, ông ta sẽ gia tăng cúng dường nhiều thêm, còn bằng không thành, Phụ tướng sẽ phá hoại miếu đền, lại còn hủy nhục Thiên thần nữa. Người ấy rất giàu có, chắc chắn sẽ làm như vậy, rất mong được Thiên vương giúp cho người ấy có con.

Trời Đế Thích đáp:

– Việc này rất khó, ta phải tìm một người có nhân duyên.

Lúc bấy giờ, có một vị trời năm tướng suy đã hiện, mệnh trời sắp hết. Đế Thích bảo vị trời ấy:

– Nhân duyên của người ở cõi trời sắp hết, hãy nguyện sinh vào nhà một vị Phụ tướng!

Vị trời đáp:

– Tôi có ý muốn xuất gia để phụng tu chánh hạnh, nếu sinh vào nhà giàu sang sung sướng, thì việc ly dục rất khó. Tôi muốn là đầu thai vào nhà trung lưu, thì việc mong ước mới được toại nguyện.

Trời Đế Thích lại nói:

– Chỉ cần người sinh vào đó, nếu muốn học đạo ta sẽ ủng hộ cho.

Vị vua trời qua đời, thần thức thọ thai trong nhà Phụ tướng, khi sinh ra dung mạo rất khôi ngô. Phụ tướng mời thầy xem tướng về đặt tên cho con.

Thầy xem tướng hỏi Phụ tướng:

– Ông cầu được đứa con này ở đâu?

Phụ tướng đáp;

– Trước kia tôi cầu trời Hằng-già nên được cháu.

– Vậy, nhân đó hãy đặt tên là Hằng-già-đạt.

Hằng-già-đạt dần dần khôn lớn, một hôm xin cha mẹ đi xuất gia.

Cha mẹ đáp:

– Nhà ta giàu sang, sự nghiệp rộng lớn, chỉ có một mình con, Vậy con phải nối nghiệp gia đình, ngày nào ta còn sống, không bao giờ cho con đi xuất gia.

Hằng-già-đạt không toại nguyện, sinh ra buồn rầu, rồi nghĩ đến việc xả thân để cầu sinh trong nhà thường dân, ở đó việc cầu xuất gia sẽ được dễ dàng. Do vậy mà Hằng-già-đạt đã lên đi, tự gieo mình xuống sườn núi, nhưng khi rơi xuống lại chẳng tổn thương gì; lại đến bờ sông nhảy xuống nước, thì nước liền đưa vào bờ, cũng không hề gì; lại dùng thuốc độc, nhưng khi uống vào, chất độc không tác dụng... Hằng-già-đạt không có cách gì để chết, rồi có ý định phạm vào phép vua để bị vua giết chết. Sau đó Hằng-già-đạt gặp phu nhân của vua cùng các thể nữ rời cung điện đến một cái hồ để tắm rửa, họ cởi y phục và để trong lùm cây.

Lúc ấy Hằng-già-đạt lên vào lấy hết đồ phục

sức của phu nhân và các thể nữ rồi mang đi. Người giữ cửa thấy được, liền báo cho vua A-xà-thế.

Vua nghe rất tức giận và đem cung tên tự mình bắn Hằng-già-đạt, nhưng khi bắn thì mũi tên bay ngược về chính hướng nhà vua. Vua A-xà-thế bắn ba lần như vậy, đều không trúng Hằng-già-đạt. Vua sợ hãi liệng cả cung tên và hỏi Hằng-già-đạt:

– Ngươi là Trời, Rồng hay Quỷ thần?

Hằng-già-đạt nói:

– Xin cho tôi một điều kiện, tôi mới dám nói.

Vua bảo:

– Ta bằng lòng, nói đi.

Hằng-già-đạt nói:

– Tôi chẳng phải Trời, Rồng hay Quỷ thần gì cả, mà là con của một vị Phụ tướng ở Xá-vệ. Tôi muốn xuất gia, nhưng cha mẹ không cho, nên muốn tự sát để được sinh vào nhà khác. Tôi đã nhảy xuống vực, lao xuống sông, uống thuốc độc... nhưng đều không chết nên tôi cố phạm pháp vua, hy vọng được chết, giờ đây vua muốn hại lại bắn không trúng. Sự tình như vậy, thật là quá đổi, xin đại vương thương xót cho tôi xuất gia.

Vua A-xà-thế bảo Hằng-già-đạt:

– Ta cho ngươi xuất gia.

Nhân đó, vua A-xà-thế dẫn Hằng-già-đạt đến chỗ Đức Phật và kể lại sự việc trên cho Đức Thế Tôn nghe.

Bấy giờ Đức Phật cho Hằng-già-đạt xuất gia làm Sa-môn, được mặc pháp phục, trở thành Tỳ-kheo. Đức Phật nói pháp cho Hằng-già-đạt nghe. Tâm ý được mở tỏ, Hằng-già-đạt chứng quả A-la-hán, đầy đủ ba Minh, sáu phép Thần thông, tám pháp Giải thoát.

Thấy vậy, vua A-xà-thế bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, Hằng-già-đạt đời trước đã gieo trồng căn lành gì, mà nay gieo mình xuống sườn núi không chết, rơi xuống nước không chìm, uống thuốc độc chẳng hề gì, tên bắn không trúng... lại gặp Thế Tôn, được thoát khỏi sinh tử?

Phật bảo vua A-xà-thế:

– Thuở xưa, cách nay vô lượng kiếp, có một nước lớn tên là Ba-la-nại, vua nước ấy là Phạm-ma-đạt-đa. Một hôm, vua dẫn các cung nhân đi dạo chơi trong vườn cây. Vua ra lệnh cho các thể nữ cùng nhau ca hát. Bấy giờ bên ngoài có người cất tiếng họa lại. Vua nghe tiếng hát ấy, liền nổi giận, sai người bắt trói và bảo đem giết.

Lúc ấy có một vị quan lớn từ ngoài thành đi vào, thấy một người bị trói, liền hỏi: “Vì sao trói người như vậy.”

Những người xung quanh kể lại sự việc cho vị quan nghe. Vị quan nghe xong liền bảo: “Hãy ngừng tay, đợi tôi gặp đức vua.”

Nói xong, vị quan vào gặp vua tâu: “Tội người

kia không đến nỗi quá nặng, sao đại vương lại giết ông ta. Tuy ông ta có họa tiếng nhưng không thấy thân; như vậy là không có việc thông dâm gian tà. Rất mong đại vương rủ lòng thương mà tha tội chết cho người.”

Lúc ấy vua nghĩ không thể trái lời vị quan, bèn tha tội chết cho kẻ kia. Được thoát chết, người ấy xin theo phục vụ một cách ân cần và chu đáo đối với vị quan đã cứu mạng mình. Việc phục vụ cho vị quan như vậy đã trải qua nhiều năm; một hôm ông tự nghĩ: “Dâm dục làm tổn thương con người còn hơn dao bén, ta bị khốn khổ tai ách đều do lòng dục mà ra cả”.

Nghĩ vậy rồi, người ấy thưa với vị quan xin được xuất gia để huân tu đạo nghiệp. Vị quan đáp: “Tôi đâu dám ngăn cản, nếu ông tu học thành đạo, xin trở lại cho tôi được gặp.”

Sau đó, người ấy đi vào chỗ núi rừng thanh vắng, để tư duy về diệu lý. Nhờ siêng năng tu tập, tâm ý vị ấy được mở tỏ, thành Bích-chi-phật.

Thành đạo rồi, Bích-chi-phật trở lại thành ấp ngày xưa để gặp vị quan. Vị quan rất vui mừng, thỉnh Bích-chi-phật vào trong nhà để cúng dường các thức ăn ngon, bốn thứ cúng dường đầy đủ.

Lúc ấy Bích-chi-phật bay lên không trung, hiện các pháp thần biến như thân tuôn ra nước, lửa; phóng ánh sáng lớn rực rỡ... Vị đại quan thấy vậy,

lòng mừng vô hạn, nhân đó thệ nguyện: “Cũng nhờ tôi nên Ngài mới sống còn. Với ân đức ấy, tôi nguyện đời sau khiến tôi được giàu sang sống lâu, đặc biệt khác thường gấp ngàn vạn lần và cũng khiến cho tôi được trí đức như Ngài.”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo vua A-xà-thế:

– Vị quan đã cứu một người thoát chết lúc bấy giờ, nay chính là Hằng-già-đạt. Do nhân duyên này nên Hằng-già-đạt khi sinh ở đâu, cũng được sống lâu và nay được gặp Ta, được xuất gia đắc đạo.

Khi Phật kể truyện nhân duyên của Tỳ-kheo Hằng-già-đạt, những người hiện diện trong đại hội lúc ấy đều sinh tâm kính tin vui mừng và thực hành.



99- Truyện Về Phạm Chí Trường Trảo

Một thuở nọ, Đức Phật ngự trong vườn trúc Ca-lan-đà, trong thành Vương xá.

Bấy giờ, có một vị Phạm chí tên là Diệt Sử, ông có hai người con, con trai tên là Trường Trảo và con gái tên là Xá-lợi.

Trường Trảo rất thông minh, học rộng hiểu nhiều và giỏi tranh luận. Hễ mỗi lần tranh luận với chị là Xá-lợi thì ông thường thắng, nhưng từ ngày người chị mang thai, thì Trường Trảo không thắng được chị nữa.

Lúc ấy Trường Trảo suy nghĩ: “Trước kia chị ta tranh luận với ta thì chị thường không bằng ta, nhưng từ lúc mang thai, chị lại hơn hẳn ta. Đó là sức mạnh phước đức của bào thai. Nếu đưa con ấy ra đời, luận biện tất phải hơn ta. Vậy ta phải đi các nơi tìm học bốn bộ Vệ-đà, mười tám thứ phương thuật, sau đó về nước, ta sẽ tranh luận với cháu”.

Nghĩ xong, Trường Trảo đi về phía Nam Thiên trúc để học tập các luận, thề rằng: “Nếu không thông suốt, trở thành vị thầy bậc nhất, thì chẳng cắt móng tay.”

Trong khi đó ở nhà, người chị Xá-lợi mang thai đủ mười tháng, sinh được một bé trai. Dựa theo tên mẹ, bé trai được đặt tên là Xá-lợi-phất.

Xá-lợi-phất tướng mạo khôi ngô khác thường, lại thông minh trí tuệ, học rộng. Các luận, khó ai có thể đối đáp với Xá-lợi-phất.

Một hôm, các Phạm chí trong thành Vương xá đánh chiếc trống lớn bằng vàng để tập hợp tám ngàn ức dân chúng, cùng tụ hội tại nhà tranh luận.

Xá-lợi-phất mới tám tuổi cũng đến đó, thấy bốn tòa cao được thiết lập, bèn hỏi mọi người:

– Thiết lập bốn tòa cao kia là muốn đợi ai vậy?

Mọi người trả lời:

– Tòa thứ nhất dành cho quốc vương, tòa thứ nhì dành cho thái tử, tòa thứ ba cho quan đại thần, còn tòa thứ tư dành cho luận sĩ.

Xá-lợi-phát nghe nói, liền lên ngôi trên tòa cao, nơi dành cho luận sĩ.

Lúc ấy các Phạm chí kỳ cựu đức độ cùng tất cả đồ chúng của họ đều kinh ngạc nghĩ rằng: “Các luận sĩ chúng ta, nếu tranh luận với đứa bé kia, dù chiến thắng cũng chưa phải vinh dự, còn nếu thua thì là điều rất xấu hổ nhục nhã”.

Nghĩ xong, các Phạm chí liền sai một Bà-la-môn nhỏ thuộc hàng hạ tọa để cùng luận nghị với Xá-lợi-phát. Hai bên cùng vấn đáp với nhau, ngôn từ lý luận của vị Bà-la-môn đều bẽ tắc. Họ lần lượt đưa lên người này người kia, cho đến các luận sĩ hàng thượng tọa, thì cuộc tranh luận cũng không quá mấy phen đều thua. Lúc ấy Xá-lợi-phát luận nghị chiến thắng, nổi tiếng khắp mười sáu nước lớn gần xa là bậc trí tuệ, học rộng biết nhiều, độc đáo khác người.

Một hôm, ở tại thành Vương xá, Xá-lợi-phát lên lầu cao để ngắm nhìn phong cảnh xung quanh. Thấy dân chúng trong thành nhóm họp vui chơi trong ngày lễ, Xá-lợi-phát chợt nghĩ: “Cảnh xôn xao kia một trăm năm sau cũng đâu còn gì”.

Nghĩ xong, Xá-lợi-phát bước xuống lầu. Sau đó, Xá-lợi-phát xuất gia cầu đạo với ngoại đạo.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn mới thành Chánh giác; mười sáu nước lớn chưa ai hay biết. Như Lai vì lòng Đại từ bi muốn giáo hóa chúng sinh, nên

sai Tỳ-kheo A-tỳ đắp y, ôm bát vào thành Vương xá khát thực.

Lúc ấy Xá-lợi-phất thấy Tỳ-kheo A-tỳ oai nghi khoan thai đáng chiêm ngưỡng, bèn tự hỏi: “Đây là ai, mà phước đức như thế? Từ trước tới giờ ta chưa gặp vị này.”

Xá-lợi-phất bèn bước đến hỏi Tỳ-kheo:

– Ông phụng thờ vị Thầy nào mà có phép tắc như vậy?

Tỳ-kheo A-tỳ dùng kệ đáp:

*Thầy tôi, trời trong trời
Chí tôn trong ba cõi
Tướng tốt, thân trượng sáu
Thần thông đạo hư không.*

Tỳ-kheo A-tỳ nói kệ xong bèn đứng im lặng. Xá-lợi-phất nói với A-tỳ:

– Thầy ông dung mạo trang nghiêm, thần thông, trí tuệ... nay tôi mới được nghe, vậy Thầy ông ngộ đạo gì mà được như vậy?

Tỳ-kheo A-tỳ dùng kệ đáp:

*Trí tuệ khử năm ám
Nhổ sạch mười hai căn
Chẳng tham vui trời, người
Tâm tịnh mở pháp môn.*

Lúc ấy Xá-lợi-phất lại hỏi Tỳ-kheo A-tỳ:

– Đối với lời Thầy ông dạy, ông đã học được bao lâu và đã học tập được pháp gì?

A-tỳ cũng dùng kệ đáp:

*Tuổi đời tôi còn nhỏ
Sức học lại nông cạn
Làm sao nói cho đúng
Giáo nghĩa rộng của Phật.*

Xá-lợi-phất lại nói với A-tỳ:

– Những điều Thầy ông chỉ dạy, rất mong ông chỉ dạy lại cho.

Lúc ấy A-tỳ lại nói kệ đáp:

*Trong tất cả các pháp
Nhân duyên sinh không chủ.
Dirt tâm đạt bốn nguyên
Nên gọi là Sa-môn.*

Xá-lợi-phất nghe kệ, tâm liền tỏ ngộ và chứng đắc quả Tu-đà-hoàn.

Bấy giờ, Mục-kiền-liên thấy Xá-lợi-phất mặt mày hớn hở, bèn hỏi:

– Xưa kia tôi và bạn đã có lời thệ ước: Nếu ai được pháp vị cam lộ trước, thì phải nói cho người còn lại biết. Nay tôi thấy bạn dường như có sở đắc, nên vẻ mặt hớn hở như thế?

Lúc ấy Xá-lợi-phất liền đọc ba lần bài kệ trên cho Mục-kiền-liên nghe. Mục-kiền-liên nghe xong, tâm ý được mở tỏ, cũng chứng đắc quả Tu-đà-hoàn.

Bấy giờ Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên đều chứng được đạo quả, trong lòng vui mừng, trở về

kể hết sự việc trên cho đồ chúng nghe và nói:

– Hôm nay, ta muốn đến chỗ Phật để xin xuất gia; vậy ý các người thế nào?

Các đệ tử đều bạch với thầy:

– Nay Đại sư muốn học tập theo lời dạy của Sa-môn Cù-đàm, đệ tử chúng con cũng xin theo thầy.

Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên nghe đồ chúng nói như vậy, mỗi người dẫn hai trăm năm mươi đệ tử của mình đi theo Tỳ-kheo A-tỳ đến vườn trúc Ca-lan-đà. Đến nơi, thấy Đức Phật Thế Tôn có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, ánh sáng chiếu soi như trăm ngàn mặt trời, trong lòng mọi người đều vui mừng, bước đến đánh lễ dưới chân Phật, xin được xuất gia.

Đức Phật chấp nhận và gọi:

– Lành thay, Tỳ-kheo!

Râu tóc trên đầu Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên và đồ chúng tự rơi rụng, thân mặc pháp phục, trở thành các Sa-môn, đầy đủ ba Minh, sáu phép Thần thông, tám pháp Giải thoát; được trời, người tôn kính.

Bấy giờ, Phạm chí Trường Trảo nghe Xá-lợi-phất đã xuất gia nhập đạo, lòng buồn bã tức giận và nói:

– Xá-lợi-phất là cháu của ta, bản tánh trí tuệ, quán thông tất cả các sách. Các luận sư kỳ cựu của mười sáu nước lớn đều phải bái phục. Vì sao bỗng

nhiên lại xả bỏ danh vọng cao sang để phụng thờ Cù-đàm?

Nói xong, Trường Trảo từ Nam Thiên trúc liên đến chỗ Phật để tranh luận với Ngài.

Lúc ấy Thế Tôn bảo Trường Trảo:

– Điều thấy biết của người không phải là con đường đi đến Niết-bàn rốt ráo.

Phạm chí nghe Phật nói, im lặng không đáp. Đức Phật nói ba phen như vậy, Phạm chí cũng im lặng.

Bấy giờ, thần Kim cang Mật Tích từ trên hư không, dùng chày Kim cang định đánh trên đầu Phạm chí. Kim cang Mật Tích nói:

– Nếu người không trả lời, ta sẽ dùng chày Kim cang đập nát thân nhà người.

Lúc ấy Phạm chí rất sợ hãi, toàn thân ướt đầm mồ hôi, chẳng biết trốn đi đâu, giấu mặt nơi nào, liền hạ mình chịu khuất phục. Phạm chí sinh tâm kính phục đối với Phật và cầu xin xuất gia làm đệ tử Phật.

Đức Phật nhận lời và gọi:

– Lành thay, Tỳ-kheo!

Râu tóc của vị ấy tự rơi rụng, thân mặc pháp phục, trở thành Sa-môn, siêng năng tu tập, chẳng bao lâu chứng đắc quả A-la-hán.

Các Tỳ-kheo thấy việc ấy, bèn bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, Tỳ-kheo Phạm chí này

đời trước làm được phước lành gì, mà nay bỏ tà theo chánh, gặp Phật Thế Tôn, được xuất gia, đắc đạo như thế?

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các ông hãy lắng nghe, Ta sẽ giải thích rõ. Thuở xưa, cách nay vô lượng kiếp, tại nước Ba-la-nại có một vị Bích-chi-phật đang ngồi thiền tư duy trong một khu rừng.

Lúc ấy có năm trăm tên cướp, chuyên cướp bóc của người. Họ định vào khu rừng ấy. Tên cầm đầu trước sai một tên vào rừng xem có ai không, thấy vị Bích-chi-phật đang ngồi thiền dưới gốc cây, gã liền bắt trói dẫn đến chỗ tên cầm đầu, tên cầm đầu định giết Bích-chi-phật.

Lúc ấy vị Bích-chi-phật suy nghĩ: “Nếu Ta làm thỉnh để hấn giết Ta, tức làm cho tội nghiệp của hấn thêm lớn và hấn sẽ bị đọa địa ngục không có ngày ra khỏi, vậy bây giờ ta phải hiện các thần biến, làm cho hấn tin phục”.

Nghĩ rồi, vị Bích-chi-phật thân bay lên hư không, xuất hiện ở phía Đông, ẩn ở phía Tây, xuất hiện ở phía Nam, ẩn mất ở phía Bắc, thân tuôn ra nước lửa, hoặc hiện thân hình to lớn đầy khắp hư không, rồi hiện nhỏ lại... vị Bích-chi-phật xoay vần hiện mười tám thứ biến hóa như vậy.

Bọn cướp thấy sự thần biến, trong lòng sợ hãi. Tất cả đều sụp lạy, chí thành quy y sám hối. Vị

Bích-chi-phật nhận sự sám hối của bọn cướp, sau đó họ sắm sửa các món ăn ngon để thỉnh Ngài cúng dường. Cúng dường xong, họ phát nguyện rồi ra đi.

Nhờ công đức này, mà trong vô lượng kiếp kẻ ấy không bị đọa địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ; thường sinh lên cõi trời, cõi người, thọ hưởng sự vui sướng cõi trời, cho đến ngày nay gặp Ta, được xuất gia đắc đạo.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy nên biết, tên cầm đầu bọn cướp lúc bấy giờ, nay chính là Tỳ-kheo Phạm chí Trường Trảo vậy.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



100- Truyện Về Tỳ-Kheo Tôn-Đà-Lợi Khôi Ngô Tuấn Tú

Một thuở nọ, Đức Phật ngự trong vườn trúc Ca-lan-đà, thành Vương xá.

Bấy giờ, phu nhân của vua Ba-tư-nặc đã thụ thai, đủ mười tháng, bà sinh được một thái tử có hình tướng khôi ngô, đẹp đẽ trên đời ít có, đôi mắt sáng trong như chim Câu-na-la vậy, do đó vua đặt tên thái tử là Câu-na-la. Vua cho thái tử đeo các chuỗi anh lạc, mặc quần áo tốt đẹp, rồi sai người

bồng đi khắp phố phường hỏi mọi người rằng:

– Trên thế gian này, có đứa trẻ nào khôi ngô đẹp đẽ như con ta không?

Lúc ấy trong xóm làng có những người đi buôn tâu với vua:

– Xin đại vương tha thứ, đừng bắt tội thì chúng tôi mới dám nói.

Vua liền bảo:

– Các người cứ nói, đừng sợ.

Khi đó những người đi buôn tâu:

– Thưa đại vương, trong xóm chúng tôi ở có một đứa trẻ tên là Tôn-đà-lợi, tướng mạo khôi ngô khác thường, dung mạo như vị trời, đẹp hơn con vua cả trăm ngàn vạn lần, con vua không thể nào sánh được. Lại lúc sinh ra, trong nhà tự nhiên lại vọt lên một dòng suối, hương vị thơm tho, trong mát, lại có các thứ châu báu.

Vua nghe nói, liền sai người truyền lệnh cho dân chúng trong làng ấy biết:

– Chính ta sẽ đích thân đến thăm Tôn-đà-lợi.

Khi trưởng làng biết rằng vua sẽ đến xem Tôn-đà-lợi, ông bàn với những người trong làng:

– Hôm nay vua sẽ đến, nhưng hơi đâu mà trông đợi, chỉ bằng ta trước đưa đứa trẻ đến cho vua xem.

Sau khi bàn như vậy, họ cho Tôn-đà-lợi đeo chuỗi anh lạc, mặc quần áo tốt đẹp để trang nghiêm, rồi bỗng đến cho vua xem.

Vua thấy Tôn-đà-lợi có dung mạo khôi ngô khác thường, trên đời có một không hai, nên rất ngạc nhiên, khen đây là đứa trẻ chưa từng có. Sau đó vua đem Tôn-đà-lợi đến chỗ Đức Phật, muốn hỏi Đức Phật do đâu mà bé trai này lại có thân tướng tốt đẹp như vậy. Đến nơi thấy Đức Phật có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, ánh sáng chiếu soi như trăm ngàn mặt trời, đứa bé bèn đánh lễ dưới chân Phật, rồi lui lại ngồi sang một bên.

Bây giờ Đức Phật liền nói pháp Tứ đế cho đứa bé nghe. Tâm ý được mở tỏ, Tôn-đà-lợi chứng quả Tu-đà-hoàn và xin Phật xuất gia.

Đức Phật chấp nhận và gọi:

– Lành thay, Tỳ-kheo!

Tóc trên đầu đứa bé trai tự rơi rụng, thân mặc pháp phục, trở thành Sa-môn, siêng năng tu tập, chẳng bao lâu chứng đắc quả A-la-hán.

Vua Ba-tư-nặc thấy việc ấy, bèn bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, Tỳ-kheo Tôn-đà-lợi đời trước đã gieo trồng phước lành gì mà đời nay sinh ra tự nhiên có dòng suối vọt lên và các món châu báu đầy dưới suối ấy, lại gặp Thế Tôn, được xuất gia đắc đạo?

Đức Phật bảo vua Ba-tư-nặc:

– Đại vương hãy lắng nghe, Ta sẽ giải thích rõ. Thuở xưa, trong hiền kiếp này, tại nước Ba-la-nại có Đức Phật ra đời hiệu là Ca-diếp.

Lúc bấy giờ, có một vạn tám ngàn vị Tỳ-kheo đang ngồi thiền, hành đạo trong rừng. Lại có một vị trưởng giả trong khi đang đi, tình cờ gặp các Tỳ-kheo ấy, sinh tâm vui mừng liền trở về nhà chuẩn bị nước thơm, để thỉnh chúng Tăng tắm rửa, dọn bày thức ăn ngon cúng dường các thầy Tỳ-kheo. Cúng dường xong trưởng giả lại đem các món châu báu bỏ vào thau nước để dâng lên chúng Tăng. Sau đó trưởng giả phát nguyện rồi ra về.

Nhờ công đức này, mà trong nhiều đời trưởng giả không đọa vào đường ác, thường sinh lên cõi trời, cõi người; khi sinh ra luôn có dòng suối vọt lên và các thứ châu báu trong dòng suối ấy.

Đức Phật bảo đại vương:

– Đại vương nên biết, người con của vị đại trưởng giả đã chuẩn bị nước thơm để chúng Tăng tắm rửa và cúng dường ẩm thực cho chúng Tăng cho nên thường được thân tướng tốt đẹp lúc bấy giờ, nay chính là Tỳ-kheo Tôn-đà-lợi.

Lúc ấy các Tỳ-kheo và vua Ba-tư-nặc nghe lời Phật dạy, đều vui mừng thực hành.



SỐ 201

ĐẠI TRANG NGHIÊM KINH LUẬN

Tác giả: Bồ-tát Mã Minh. Hán dịch: Đời Diêu Tần, Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập.

QUYỂN 1

*Kính lễ Đấng Tội Thắng.
Dứt dục, vượt ba cõi
Và kính Nhất Thiết Trí
Pháp cam lộ màu nhiệm
Cùng với tám bậc Thánh
Tăng thanh tịnh Vô cầu.
Tỳ-kheo Phú-na-hiếp
Các luận sư Di-chức...
Chúng Tát-bà, Thất-bà
Và chánh đạo ngưu vương,
Các vị luận sư này
Chúng con đều kính thuận.
Giờ con tuân tự nói
Bày rõ luận Trang Nghiêm
Người nghe được đầy đủ
Các thiện từ đó sinh
Đáng quy y hay không
Đáng cúng dường hay không*

*Điều thiện ác ở đây
Phải nên giải thích rõ.*



Chương 1

Tôi từng nghe:

Vào thuở xưa, tại nước Càn-đà-la có một người đi buôn đến nước Ma-đột-la. Trong nước này có một ngôi tháp Phật. Trong đoàn người đi buôn có một Ưu-bà-tắc, hằng ngày đến cung kính lễ bái ngôi tháp. Trên đường đi đến tháp Phật có các Bà-la-môn thấy Ưu-bà-tắc lễ bái tháp Phật, họ đều cười cợt.

Một hôm, trời rất nóng bức, các Bà-la-môn này ăn cơm xong giải tán. Có người đứng trên đường, có người đứng cạnh cửa, có người tắm gội, có người xoa hương, có người đi, có người ngồi...

Khi Ưu-bà-tắc đi lễ tháp trở về, các Bà-la-môn thấy, liền gọi:

– Này ông Ưu-bà-tắc, hãy đến đây ngồi nói chuyện chơi. Nay ông không biết có trời Tỳ-nữ Ma-hê-thủ-la kia,... để kính lễ hay sao, mà lại đi lễ bái tháp Phật chẳng là phiền lắm sao?

Ưu-bà-tắc đáp:

– Tôi chỉ biết một ít công đức của Đức Thế Tôn, cho nên tôi quy ngưỡng, cung kính đánh lễ Ngài. Tôi chưa biết trời của các ông có đạo đức gì

mà muốn tôi đến đánh lễ họ?

Các Bà-la-môn nghe nói vậy, nổi giận trợn mắt mặ́ng:

– Ông là người ngu si! Bộ ông không biết thần đự́c của trời chúng ta mà dám buông lời như vậy.

Các Bà-la-môn liền nói kệ:

*Thành quách A-tu-la
Cao rộng quanh ba lớp
Lơ lửng giữa hư không
Đông đủ nam và nữ.
Trời ta giương cung tên
Xa trúng thành quách đó
Nhất niệm tiêu rụi sạch
Như lửa cháy cỏ khô.*

Ưu-bà-tắc nghe kệ rồi, cười lớn nói:

– Những việc như vậy ta cho là quá tầm thường, chẳng đáng tôn kính!

Rồi vị Ưu-bà-tắc nói kệ đáp lại:

*Mạng như sương trên lá
Có sinh ắt có diệt
Tại sao người có trí
Cung tên thêm tàn hại.*

Lúc ấy các Bà-la-môn nghe nói kệ như vậy, tất cả cùng nhau mặ́ng Ưu-bà-tắc:

– Ông là người ngu si. Đự́c A-tu-la kia có thể lực rộng lớn thích làm việc ác. Thần đự́c của trời ta sức có khả năng giết hại, tại sao người bảo là

chẳng phải người có trí?

Ưu-bà-tắc bị trách mắng, ngậm ngùi thở dài, nói kệ:

*Quán sát kỹ xấu tốt
Người trí tu nghiệp lành
Thường được quả báo lớn
Về sau hưởng an vui
Vì sao tội lỗi xấu
Lại cho là công đức?
Tà kiến đã thêm lớn
Khen ác cho là thiện
Do vì nghiệp ác này
Sau bị khổ báo lớn.*

Các Bà-la-môn nghe Ưu-bà-tắc nói, bèn trợn mắt, giơ tay dọa nạt, tức giận nói:

– Người là kẻ rất ngu si không tốt. Các vị trời như thế mà không hết lòng cung kính thì cung kính ai?

Khi ấy Ưu-bà-tắc ý chí rất an nhiên, nói:

– Tuy ta đơn độc nhưng quý trọng đạo lý, không thích dùng sức mạnh của bè đảng để tranh cãi.

Rồi Ưu-bà-tắc lại nói kệ:

*Kẻ các ông tôn thờ
Hung ác, thích giết hại
Nếu ông tôn thờ y
Cho rằng có công đức*

Thì cũng phải cung kính
Sư tử và cọp sói.
Xúc nảo sinh giết hại
Loài quỷ ác, La-sát
Người ngu rất sợ hãi
Sinh tâm cung kính chúng
Các bậc có trí tuệ
Phải nên quán sát kỹ
Nếu không tâm giết hại.
Mới đáng được cung kính.
Những người có công đức
Không hề có tâm hại
Người tu hành các ác
Chẳng khỏi có tâm giết.
Nếu không khéo phân biệt
Công đức và tội ác
Công đức tưởng là ác
Ác tưởng là công đức
Tàn hại bức bách người
Được người ngu kính thuận;
Với người có công đức
Lại sinh lòng khinh chê
Thế gian đều điên đảo
Chẳng biết bậc đáng kính.
Người Càn-đà-la sinh
Phân biệt rõ thiện ác
Vì thế tin Như Lai
Không kính trời Tự tại.

Những người Bà-la-môn nghe xong lời kệ liền nói:

– Tên Càn-đà-la thuộc dòng dõi nào, có đạo đức gì mà gọi là Phật?

Ưu-bà-tắc đáp:

*Ra đời cung họ Thích
 Đầy đủ Nhất thiết trí
 Các ác đã dứt trừ
 Các thiện đều đầy đủ.
 Đối với các chúng sinh
 Làm lợi ích tất cả
 Hiểu rõ các pháp tướng
 Thấu suốt hết tất cả
 Bạc Đại Tiên như vậy
 Nên được gọi là Phật.*

Các Bà-la-môn lại nói kệ:

*Ngươi nói Phật Đại Tiên
 Phải làm việc bức nã
 Trong cõi Diêm-phù này
 Chiêm-mặc-lam-trì địa
 Bà-tắc-bà-tư-trá
 Đề-thích-a-cực-da
 Các đại Tiên như vậy
 Nổi tiếng khắp thế gian
 Kiết được đại thân chú
 Tàn diệt các cõi nước.
 Phật Đại Tiên của ngươi*

*Cũng nên hành chú này.
Phật người có đức lớn
Phải làm việc tàn hại
Nếu không làm độc hại
Sao gọi là Đại Tiên?*

Ưu-bà-tắc không chịu nổi những lời phỉ báng
ấy nên lấy tay bịt tai, nói:

*Thôi, chớ nói lời ác
Phỉ báng Phật có chú
Khinh hủy Đáng Tối Thắng
Sau chịu khổ báo lớn.*

Bà-la-môn lại nói kệ:

*Nếu Phật không chú thuật
Không gọi là Đại lực
Nếu không nào hại người
Sao gọi là Đại Tiên?
Ta chỉ nói lời thật
Vì sao gọi phỉ báng?
Rồi các Bà-la-môn
Vỗ tay cười lớn nói
Ông là người si mê
Phải rơi vào địa ngục.*

Ưu-bà-tắc bảo các Bà-la-môn:

– Ông chớ có cười bừa. Ông bảo Như Lai không có công đức lớn, cũng không có sức mạnh, đó là nói dối. Thật ra Như Lai có công đức lớn, có sức mạnh dứt hẳn các loại chú thuật, không bao giờ

còn làm những việc nào hại chúng sinh. Bây giờ ông hãy lắng nghe, tôi sẽ nói cho ông biết.

Vị Ưu-bà-tắc liền nói kệ:

*Vì có tham, sân, si
Nên tạo chú đại ác
Lúc đang kết ác chú
Ác quỷ ghi lời này
Đối chúng sinh tội lỗi
Mà làm việc nào hại.
Phật dứt tham, sân, si
Từ bi lợi ích lớn
Bỏ hẳn các chú thuật
Chỉ làm những việc lành
Vì vậy Phật Thế Tôn
Hoàn toàn không nào hại
Dùng công đức, sức mạnh
Cứu vớt vô lượng khổ
Nay sao ông lại nói
Phật không thể lực lớn?*

Các Bà-la-môn nghe kệ xong, tâm không còn tức giận bèn nói với Ưu-bà-tắc:

— Nay tôi muốn hỏi chút việc, anh chớ có bực dọc. Nay Ưu-bà-tắc nếu Phật không có thần chú ác thì tại sao được người cúng dường? Đã không làm tổn hại, cũng không làm lợi ích, vì sao mà được gọi là Đại Tiên?

Ưu-bà-tắc nói:

– Đức Như Lai đại Từ bi hoàn toàn không dùng thần chú ác độc làm tổn hại chúng sinh, cũng không vì việc lợi dưỡng mà chỉ vì lợi ích cho chúng sinh nên được người cúng dường.

Rồi vị ấy nói kệ:

*Đại bi thương chúng sinh
Hằng mong cứu khổ họ
Thấy người khác chịu khổ
Còn hơn mình chịu khổ
Sao còn kết chú độc
Và làm việc nào hại?
Thể tánh chúng sinh khổ
Sinh già bệnh chết ngất
Như đắp tro lên ghê
Sao còn gây thêm ác
Thường dập tắt nóng bức
Bằng các pháp mát mẻ.*

Các Bà-la-môn nghe nói, liền cúi đầu suy nghĩ những lời ấy:

– Đây là việc tốt đẹp, chúng ta muốn phát sinh lòng tin. Anh thuộc Kiện-đà-la khéo phân biệt nơi thù thắng, anh tin những điều này thật là ít có, cho nên rất đáng khen. Kiện-đà-la thật đúng như tên gọi. Gọi Kiện-đà, nghĩa là giữ, giữ điều thiện bỏ điều ác, cho nên được gọi là Kiện-đà.

Các Bà-la-môn liền nói kệ:

Nếu giữ được địa này

*Đáng gọi Thiện trượng phu
Trên hết trong Trượng phu
Thật là Kiện-đà-la.*

Khi đó, Ưu-bà-tắc suy nghĩ: “Các Bà-la-môn này trong tâm muốn tin hiểu, đều có thể thành pháp khí. Bây giờ ta sẽ phân biệt, nói rộng về công đức của Phật cho họ biết”. Lúc đó, về mặt Ưu-bà-tắc rất vui vẻ, nói:

– Thấy các anh tin Phật, tôi rất vui mừng. Hôm nay các anh may mắn được nghe tôi nói chút ít về công đức và tội ác. Các anh nên quán sát rõ ràng.

Rồi vị ấy nói kệ:

*Quán sát công đức Phật
Ai thấy đều đầy đủ
Giới, văn và định, tuệ
Không ai sánh bằng Phật.
Các núi, Tu-di cao
Các dòng, biển rộng nhất
Trời người ở thế gian
Không ai sánh bằng Phật.
Thường vì các chúng sinh
Chịu tất cả đau khổ
Giúp cho được giải thoát
Không lúc nào xa rời.
Ai có quy y Phật
Mà không được lợi ích?
Ai có quy y Phật*

Mà không được giải thoát?
 Ai thực hành lời Phật
 Mà không dứt phiền não?
 Phật dùng sức thần thông
 Hàng phục các ngoại đạo
 Tiếng tốt vang khắp nơi
 Đầy khắp mười phương cõi.
 Phật rống tiếng Sư tử
 Nói các hành vô ngã
 Chỗ thường hằng Phật nói
 Không mắc kẹt hai bên,
 Cõi trời và nhân gian
 Đều nói lời như vậy
 Nếu không phân biệt được
 Các nghiệp báo kết sử.
 Sau khi Phật Niết-bàn
 Các nước xây tháp miếu
 Trang nghiêm ở thế gian
 Như các sao trên không
 Vì thế cho nên biết
 Phật là Đấng hơn hết.

Các Bà-la-môn nghe lời ấy, có người sinh lòng tin, có người xuất gia, có người đảnh đạo.



Chương 2

Lại nữa, nên phân biệt về luận. Điều gọi là

Luận tức là pháp vậy. Đối với pháp phải nên khéo suy nghĩ. Nếu suy nghĩ thì hiểu được nghĩa của pháp ấy.

Tôi từng nghe:

Thuở xưa có người Bà-la-môn tên Kiêu-thi-ca, giỏi về Tăng-khư luận, Vệ-thế-sư luận, hoặc Đề-toái-ma luận... các bộ luận như thế, đều phân biệt thấu suốt. Vị Bà-la-môn ấy ở trong thành Hoa Thị. Bên ngoài thành có một ngôi làng, người Bà-la-môn có chút việc tới ngôi làng đó để đến nhà một người bạn thân. Khi ấy người bạn thân Bà-la-môn vì có duyên sự nên đi vắng. Kiêu-thi-ca nói với người trong nhà ấy:

– Trong nhà cô có kinh sách gì không? Tôi muốn đọc để đợi người ấy về.

Vợ của người bạn thân liền đi lấy sách, tình cờ lấy nhầm kinh Thập Nhị Duyên trao cho Kiêu-thi-ca. Kiêu-thi-ca được quyển kinh rồi, liền đi vào chỗ vắng vẻ trong rừng để đọc kinh ấy. Đọc đến chỗ: “Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sinh, sinh duyên già, bệnh, chết, ưu bi khổ não. Đó gọi là Tập đế. Vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì lục nhập diệt, lục nhập diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ

diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sinh diệt, sinh diệt thì các khổ nhóm họp như già, bệnh, chết, ưu bi, khổ não... liền diệt.”

Kiều-thi-ca mới đọc qua một lần chưa hiểu rõ lắm, đến lần thứ hai liền hiểu rõ vô ngã, pháp của ngoại đạo dính mắc nhị kiến: Ngã kiến và biên kiến. Đối với các pháp hiểu sâu rằng chúng đều sinh diệt, vô thường. Ông tự nghĩ: “Tất cả luận thuyết bên ngoài đều không có pháp ra khỏi sinh tử, chỉ có trong kinh này mới có pháp giải thoát ra khỏi sinh tử”. Tâm sinh vui mừng, Kiều-thi-ca liền giơ hai tay nói thế này:

– Hôm nay ta mới được thật luận, mới được thật luận!

Kiều-thi-ca ngồi ngay thẳng suy nghĩ, hiểu một cách sâu sắc về ý nghĩa mười hai nhân duyên. Với vẻ mặt hớn hở như hoa mới nở, Kiều-thi-ca nói thế này:

– Hôm nay ta mới biết pháp xuất thế giải thoát sự buộc ràng của sinh tử, mới biết các luận thuyết của ngoại đạo thật gian dối, không là sinh tử.

Ông bèn buồn than:

– Pháp Phật chí chân chí thật, nói có nhân có quả, nhân diệt thì quả diệt. Còn trong pháp của ngoại đạo thật là luống dối, nói có quả mà không có nhân, không hiểu nhân quả, không biết giải

thoát. Nhớ lại niềm tin trước kia của ta thật là buồn cười, làm sao ở trong pháp ngoại đạo mà muốn ra khỏi dòng sinh tử? Xưa kia ta là ngoại đạo mà muốn ra khỏi sinh tử, cũng ví như có người bị chìm đắm trong sóng lớn sông Hằng, sợ mất thân mạng nên vùng vẫy trong sóng nước nhưng vẫn không thoát khỏi tai nạn, bị chết chìm trong nước. Ta cũng như vậy, sống trong ngoại đạo kia mà muốn ra khỏi sinh tử. Nhưng trong pháp ngoại đạo không có pháp giải thoát ra khỏi thế gian, bị chìm đắm trong sinh tử, mất cả thân mạng, đọa vào ba đường ác. Nay gặp luận này phải thực hành theo mới được ra khỏi sinh tử. Kinh luận ngoại đạo như lời nói của kẻ ngu cuồng, chín mươi sáu thứ ngoại đạo đều là luống dối. Chỉ có Phật đạo là chân thực cùng cực, chánh đáng cùng cực. Sáu vị giáo chủ ngoại đạo và những người trí khác đều tự xưng là Bạc Nhất Thiết Trí, đó đều là nói dối. Chỉ có Đức Phật, Thế Tôn mới là Đấng Nhất Thiết Trí, chân thật không luống dối.

Khi ấy Kiều-thi-ca nói kệ:

*Những điều ngoại đạo làm
Luống dối, không chân thật
Như đứa bé chơi đùa
Gom đất làm thành quách
Bị voi say đạp lên
Sụp đổ chẳng còn gì
Phật phá luận ngoại đạo*

Sự việc cũng thế thôi.

Bấy giờ Bà-la-môn Kiều-thi-ca hiểu sâu Phật pháp, sinh tâm kính tin, bỏ pháp ngoại đạo, dứt trừ tà kiến, ngày đêm thường đọc kinh Thập Nhị Duyên.

Lúc ấy người bạn của Kiều-thi-ca cùng các Bà-la-môn khác trở về nhà, hỏi vợ mình:

– Tôi nghe Kiều-thi-ca đến nhà mình, hiện giờ anh ấy ở đâu?

Người vợ trả lời:

– Vừa rồi, ông Bà-la-môn ấy mượn quyển sách, tôi lấy sách đưa cho ông ta mà không biết sách gì. Nhưng khi được sách rồi, ông ta mở ra xem và lật qua lật lại, búng ngón tay ca ngợi với điệu bộ vui vẻ khác thường.

Người chồng nghe vợ nói, liền đến gặp bạn mình, thấy Kiều-thi-ca ngồi ngay thẳng suy nghĩ, liền hỏi ông ta:

– Anh đang suy nghĩ điều gì thế?

Kiều-thi-ca đáp bằng bài kệ:

*Ngu si không trí tuệ
Xuống lên trong ba cõi
Như bánh xe thợ gốm
Quay vòng mãi không cùng
Tôi nghĩ cách giải thoát
Khỏi mười hai nhân duyên.*

Lúc bấy giờ, người bạn nói:

– Chỉ có anh mới sinh tâm ít có đối với kinh này, chứ bên họ Thích của tôi mà có kinh này sẽ đem xóa chữ đi để dùng viết kinh của Tỳ-thế-sư.

Bà-la-môn Kiều-thi-ca nghe nói như vậy bèn quở trách bạn:

– Anh là người si mê, tại sao lại muốn dùng nước để xóa kinh này? Giáo pháp nhiệm mầu thế này thì phải dùng vàng ròng để ghi chép và đựng kinh này trong hộp báu, rồi cúng dường các thứ.

Kiều-thi-ca liền nói kệ:

*Nếu ta có tiền của
Sẽ xây tháp bằng vàng
Xây nền bằng bảy báu
Rồi trải thảm lên trên
Rất trang nghiêm đẹp đẽ
Để dâng lên cúng dường
Dù làm được việc ấy
Vẫn chưa xứng ý ta.*

Người bạn nghe nói rất tức giận, bảo:

– Trong kinh này đâu có điều gì sâu nhiệm, chưa từng có thì làm sao hơn kinh của Tỳ-thế-sư kia, mà ông muốn đem vàng ròng và các thứ trân bảo để cúng dường?

Khi ấy, Kiều-thi-ca vẻ mặt buồn bã nói:

– Vì sao anh lại khinh thường kinh Phật đến thế? Luận Tỳ-thế-sư đó có rất nhiều điều sai lầm, thì làm sao mà anh lại đem so sánh với lời Phật dạy

được? Như luận thuyết của Tỳ-thế-sư không biết rõ pháp tướng nên lẫn lộn nhân quả. Đối với pháp nhân quả cạn cợt, gần gũi nhất liên quan đến bình và mễ sành mà còn không có tuệ giải để phân biệt, biết được, huống gì là hiểu rõ nghĩa của thân người, các căn trong thân, giác tuệ, nhân quả.

Lúc bấy giờ, người bạn nói với Kiều-thi-ca:

– Vì sao anh nói luận thuyết của Tỳ-thế-sư là không hiểu nhân quả? Trong luận ấy nói: mễ sành là nhân của chiếc bình, tại sao anh nói không hiểu nhân quả?

Kiều-thi-ca nói:

– Luận thuyết Tỳ-thế-sư của anh đúng là có nói như vậy, nhưng không đúng lý. Bây giờ, anh hãy xem như nhân nơi sợi chỉ đặt làm sợi dọc sợi ngang, sau đó mới có vải. Chiếc bình sành cũng như vậy. Đầu Tiên nhân có chiếc bình, sau có mễ sành. Nếu đầu tiên không có bình, làm sao mà có mễ sành? Lại nữa, mễ sành thì không dùng được, còn chiếc bình thì dùng được; vì thế mễ sành không được coi là nhân. Anh hiện thấy người thợ gốm lấy bùn làm thành chiếc bình mà không dùng ngói bễ. Lại thấy sau khi chiếc bình bị bễ, thì mới có mễ sành, nếu chiếc bình ấy chưa bễ, làm sao có mễ sành?

Người bạn nói:

– Ý của anh cho rằng luận thuyết của Tỳ-thế-

sư đều không đúng lý như vậy chẳng lẽ chúng tôi luống công và tự chuốc lấy đắng cay hay sao?

Lúc đó, các Bà-la-môn đồng tu của người bạn nghe nói như vậy, sinh tâm buồn bã nói:

– Nếu như lời anh nói thì giờ đây luận thuyết của Tỳ-thế-sư không thể tin được nữa ư?

Kiều-thi-ca đáp:

– Luận thuyết của Tỳ-thế-sư chẳng những bây giờ mới không đáng tin mà từ trước đến nay người khéo quán sát lâu ngày cũng không thể tin. Vì sao? Vì thuở xưa, khi Đức Phật có mười năng lực chưa ra đời, tất cả chúng sinh đều bị vô minh che lấp, đui mù không có mắt tuệ cho nên đối với luận thuyết của Tỳ-thế-sư cho là sáng suốt nhất. Khi mặt trời Phật đã mọc thì ánh sáng trí tuệ chiếu sáng, luận thuyết của Tỳ-thế-sư không có điều gì đáng hiểu biết nên phải bỏ đi. Thí như con chim cú mèo ban đêm bay đi kiếm ăn thì phát huy được khả năng của nó, còn ban ngày vì phải trốn trong hang nên không thể phát huy được khả năng của nó. Luận thuyết của Tỳ-thế-sư cũng như vậy, khi mặt trời Phật đã mọc thì luận thuyết kia vô dụng.

Người bạn lại nói:

– Nếu như anh bảo luận thuyết của Tỳ-thế-sư không bằng kinh Phật, nhưng kinh Phật đây có thể sánh được với luận Tăng-khư không?

Kiều-thi-ca đáp:

– Như kinh Tăng-khur nói, có năm phần bàn luận về nghĩa được rất ráo:

1. Thệ; 2. Nhân; 3. Dụ; 4. Đẳng hướng; 5. Quyết định. Nhưng trong kinh Tăng-khur của ông không có ví dụ để có thể dễ hiểu rõ ràng giống như con bò lớn, hướng gì là phân rõ pháp tướng để có thể hiểu được. Vì sao? Vì trong kinh Tăng-khur của anh nói Bát-la-đà-na không sinh, thường trùm khắp tất cả mọi nơi và đi khắp nơi. Như trong kinh Tăng-khur nói: Bát-la-đà-na không từ cái khác sinh mà thể tánh là thường hằng, có khả năng sinh ra tất cả biến, tất cả chỗ và đến khắp mọi nơi. Nói về việc ấy như vậy thì có nhiều lỗi lầm. Vì sao? Vì ở trong ba cõi không có một pháp nào chỉ sinh ra vật khác mà không do vật khác sinh ra, cho nên có lỗi. Lại nữa, trùm khắp tất cả mọi nơi và có khả năng đến khắp mọi nơi, điều này cũng có lỗi. Vì sao? Nếu trước đã trùm khắp thì đến là đến đâu? Nếu đã đi đến thì khắp sẽ không khắp? Hai luận lý này trái ngược nhau, ý nghĩa của chúng tự phá nhau. Nếu như vậy thì không đứng vững. Như lời anh nói, không từ vật khác anh ra mà lại sinh ra vật khác, ở khắp mọi nơi mà đi đến khắp nơi, lời nói ấy thật là phi lý.

Người bạn nói với Kiều-thi-ca:

– Anh thân thiết với họ Thích nên nói như vậy. Nhưng trong kinh Phật cũng có lỗi lớn vì nói sinh tử không có đầu mối. Lại nói tất cả pháp đều vô

ngã.

Kiều-thi-ca đáp:

— Tôi thấy pháp Phật dạy sinh tử không có đầu mối, tất cả đều vô ngã, nên giờ đây tôi dốc lòng kính tin. Nếu người chấp ngã, thì không bao giờ được đạo giải thoát. Người nào biết vô ngã thì không có tham dục, vì không có tham dục nên được giải thoát. Nếu có chấp ngã thì có tham ái, đã có tham ái nên bị luân hồi sinh tử, làm sao mà được đạo giải thoát? Lại nữa, nếu nói sinh tử có sự bắt đầu thì cái thân đầu tiên này là từ thiện ác mà có hay không từ thiện ác tự nhiên mà có? Nếu từ thiện ác mà có thân thì không được gọi là có thân đầu tiên, hoặc không từ thiện ác mà có thân này thì pháp thiện ác này làm thế nào mà có? Nếu như vậy thì pháp của ông, một nửa là từ nhân sinh và một nửa không từ nhân sinh. Nếu nói như vậy thì có sự sai lầm lớn. Pháp của Phật tôi, không có sự bắt đầu, cho nên không có lỗi.

Người bạn nói với Kiều-thi-ca:

— Có ràng buộc thì có giải thoát, anh nói vô ngã thì không có sự ràng buộc. Nếu không có sự ràng buộc thì ai được giải thoát?

Kiều-thi-ca đáp:

— Tuy không có ngã nhưng vẫn có sự ràng buộc và giải thoát. Vì sao? Vì phiền não che lấp cho nên bị ràng buộc, nếu dứt được phiền não thì được giải

thoát, cho nên tuy không có ngã mà vẫn có sự ràng buộc và giải thoát.

Các Bà-la-môn lại nói:

– Nếu không có ngã thì ai có đời sau?

Kiều-thi-ca nói:

– Các anh hãy lắng nghe, do các nghiệp phiền não ở quá khứ mà có thân hiện tại và các căn. Từ đời hiện tại gây ra các nghiệp, do nhân duyên này mà có thân vị lai và các căn. Giờ đây tôi muốn nói thí dụ để nói lên ý nghĩa ấy. Thí như hạt giống, nhờ các duyên hòa hợp cho nên nảy mầm. Nhưng hạt giống này thật không có sinh mầm. Khi hạt giống tiêu đi thì mầm lớn lên, vì hạt giống tiêu đi cho nên không thường và mầm sinh cho nên không đoạn. Đức Phật dạy sự thọ thân cũng như vậy. Tuy là vô ngã nhưng nghiệp báo không mất.

Các Bà-la-môn nói:

– Tôi nghe anh nói pháp vô ngã, tâm nhớ bản của chúng tôi đã được gội rửa, nhưng còn một vài thắc mắc, bây giờ muốn hỏi anh: nếu vô ngã thì sao việc trước đây đã làm vẫn còn nhớ mà không quên?

Kiều-thi-ca đáp:

– Do có ghi nhớ cùng tương ưng với tâm cho nên có thể nhớ nghĩ việc trong ba đời mà không quên mất.

Lại hỏi:

– Nếu vô ngã thì quá khứ đã mất, tâm hiện tại

sinh ra, sinh diệt đã khác, vì sao mà nhớ được không quên?

Đáp:

– Tất cả thức thọ sinh làm hạt giống vào trong thai mẹ. Nước ái thẩm nhuần làm cho thân cây được sống, như hạt Hồ đào tùy theo loại mà sinh. Thân năm ấm này gây ra nghiệp có công năng đưa đến thân sau, nhưng thân năm ấm trước không sinh ra thân năm ấm sau. Vì nhân duyên của nghiệp nên thọ thân năm ấm sau. Sinh diệt tuy khác nhưng nối tiếp không đứt đoạn. Như đứa bé bị bệnh, người mẹ cho uống thuốc, đứa bé nhờ thế nên hết bệnh. Người mẹ tuy chẳng phải là đứa con nhưng nhờ năng lực của thuốc truyền sang đứa con. Thân năm ấm cũng như vậy, vì có nghiệp lực cho nên thọ thân hậu ấm, nhớ nghĩ không quên.

Các Bà-la-môn lại nói:

– Trong kinh mà anh đọc chỉ nói về pháp vô ngã, nay anh giải ngộ có sinh tâm vui mừng không?

Khi ấy Kiều-thi-ca liền tụng cho các Bà-la-môn nghe Kinh Thập Nhị Duyên và nói rằng: Vô minh duyên hành, hành duyên thức... cho đến sinh duyên già, chết, ưu bi, khổ não. Vô minh diệt thì hành diệt... cho đến già, chết diệt, cho nên ưu bi, khổ não diệt. Do các duyên không có chủ tử, cho nên đối với mười hai nhân duyên tôi giải ngộ pháp vô ngã. Chẳng phải trong kinh này chỉ nói về vô

ngã thôi mà còn nói có thân cho nên có tâm. Do có thân tâm và các căn cho nên có sự hoạt động của thức, hiểu biết, phân biệt. Tôi ngộ lý này liền hiểu rõ pháp vô ngã.

Lại hỏi:

– Nếu như anh nói sinh tử thọ thân nối tiếp không đứt đoạn, giả sử có thân kiến thì có lỗi gì?

Đáp:

– Vì thấy có thân kiến cho nên gây ra các nghiệp, ở trong năm đường thọ thân hình thiện ác. Khi thọ thân ác sẽ bị các khổ não. Nếu dứt trừ thân kiến sẽ không gây ra các nghiệp. Vì không gây ra các nghiệp cho nên không thọ thân, không thọ thân cho nên các khổ dứt hẳn, đạt đến Niết-bàn. Vì sao nói rằng thân kiến không có lỗi? Lại nữa, nếu thân kiến không có lỗi làm nên không bị sinh tử, không ở trong ba cõi chịu khổ sinh tử. Thế cho nên có lỗi.

Khi ấy vị Bà-la-môn quán sát thuận nghịch nghĩa mười hai duyên sinh, có niệm tín giải rất sâu, trong tâm vui mừng, khen ngợi pháp Phật bằng bài kệ sau đây:

*Khi Như Lai tại thế
Nói pháp dẹp các luận
Phật nhật soi thế gian
Lấn át các tà thuyết.
Nay con gặp di pháp
Như ở trước Thế Tôn*

*Thù diệu trong họ Thích
 Đạt sâu các pháp tướng,
 Cái gọi là Như Lai
 Chân thật không lường dối
 Quán các pháp nghịch thuận
 Tiếng khen khắp mười phương.
 Hương về Niết-bàn Phật
 Chắp tay cung kính lễ
 Ca ngợi Phật Thế Tôn
 Thật có tâm đại bi
 Hơn hết trong các tiên
 Thế gian không ai sánh
 Nay con quy y Phật
 Giới, định, tuệ vô thượng.*

Kiều-thi-ca nói:

– Sao bây giờ anh lại hiểu sâu xa công đức của Phật như vậy?

Người bạn đáp:

– Tôi nghe được pháp này cho nên biết Phật có vô lượng công đức. Như hương trầm thủy màu đen có nhiều dầu, nhờ vậy khi đốt mùi hương ngào gát, xa gần đều ngửi thấy. Như thế, tôi thấy thân định, tuệ của Như Lai liền biết Đức Thế Tôn có công đức lớn. Nay tôi tuy không gặp Đức Phật nhưng thấy Thánh tích của Ngài thì biết Ngài là Đấng trên hết. Cũng như có người thấy dấu chân voi ở bên ao hoa, nên biết voi rất lớn. Tôi xem luận Nhân Duyên,

mặc dầu không được gặp Phật nhưng biết công đức Thánh tích của Phật rất lớn.

Kiều-thi-ca thấy bạn mình có niềm tin hiểu sâu xa, ca ngợi việc chưa từng có nên nói:

– Xưa nay anh đã từng đọc tụng kinh sách ngoại đạo quá nhiều mà bây giờ nghe kinh Phật, chỉ trong phút chốc mà ông đã hiểu rõ nghĩa thú của kinh và xả bỏ hết kinh sách của ngoại đạo, đó là rất ít có.

Kiều-thi-ca liền nói kệ:

*Bỏ luận thuyết tà kiến
Tin hiểu pháp chánh chân
Người như vậy khó được
Nên ngợi khen ít có
Không chỉ khen mình anh
Còn khen cả luận ngoài
Vì nghĩ lý cạn thấp
Chúng ta đều xả bỏ.*

Vì các luận kia có nhiều lỗi sai làm cho chúng ta sinh tâm nhầm chán, sinh tâm tin hiểu. Đức Phật thật là Bậc Đại Nhân không ai sánh bằng. Tiếng tăm Ngài vang khắp các nước trong mười phương. Tất cả các luận tà kiến của ngoại đạo đều có lỗi, cũng như lời nói quanh co không thể hiểu được. Vì các luận ấy đều có lỗi nên tôi xả bỏ và được đến với pháp Phật. Cũng như vào mùa xuân, mùa hạ, mọi người đều bị nóng nực nên muốn tránh mặt

trời và đến mùa đông lạnh thì mọi người đều nhớ đến mặt trời. Các luận của ngoại đạo cũng lại như vậy. Mọi người rất muốn xả bỏ như mặt trời mùa hạ nóng bức. Nhưng cũng do các luận đó mà ta sinh được tín tâm, nên cũng nghĩ đến nó. Giống như khi lạnh vẫn nghĩ nhớ đến mặt trời mùa đông.

Người bạn hỏi Kiều-thi-ca:

– Bây giờ chúng ta nên làm gì?

Kiều-thi-ca nói:

– Bây giờ chúng ta nên xả bỏ tất cả các luận thuyết tà kiến, xuất gia học đạo trong pháp Phật. Vì sao? Vì như trong đêm tối đốt ngọn đuốc lớn, tất cả chim bồ câu đều bị rơi xuống đất. Ngọn đèn trí tuệ Phật đã xuất hiện ở đời, tất cả ngoại đạo đều phải nghiêng ngả. Thế nên hôm nay chúng ta muốn xuất gia học đạo.

Lúc ấy, Kiều-thi-ca từ nhà người bạn thân liền đến Tăng phòng xin xuất gia. Xuất gia rồi, về sau chúng quả A-la-hán.

Vì nhân duyên gì mà nói lên việc này? Vì các ngoại đạo thường bị các luận thuyết tà kiến, mê hoặc cho nên phải nói Thập Nhị Nhân Duyên Kinh Luận để đả phá những tư tưởng đó.



Chương 3

Phàm gieo trồng ruộng phước nên lựa chọn

đức, không lựa chọn theo trẻ, mạnh, già, yếu.

Tôi từng nghe:

Thuở xưa, có người đàn-việt nhờ một đạo nhân quen biết đến chùa thỉnh chư Tăng, nhưng ông ta yêu cầu chỉ thỉnh những vị Tăng lớn tuổi, chứ đừng thỉnh những vị Tăng trẻ tuổi.

Sau đó, vị đạo nhân quen biết đi thỉnh chư Tăng, theo thứ lớp đến Sa-di, nhưng người đàn-việt ấy không chịu. Một vị Sa-di nói:

– Tại sao không chịu thỉnh các Sa-di chúng tôi?

Đạo nhân đáp:

– Vì người đàn-việt ấy không chịu thỉnh Sa-di chứ không phải do tôi.

Vị đạo nhân khuyến hóa liền nói kệ:

*Tuổi già tích đức nhiều
Tóc bạc và mặt nhăn
Chân mày dài, răng rụng
Lưng còng, tứ chi yếu
Đàn-việt thích như vậy
Không ưa người trẻ tuổi.*

Khi ấy trong chùa có các vị Sa-di đều chứng quả A-la-hán. Ví như có người chọc tức sư tử, đụng vào hông nó, làm nó nổi giận, nên các vị Sa-di đều nói:

– Người đàn-việt kia si mê, không có trí tuệ, không mến người có đức mà chỉ ham người già cả.

Các Sa-di liền nói kệ:

Các danh từ Trưỡng lão
Không hấn tóc phải bạc
Mặt nhăn nheo, răng rụng
Si mê không trí tuệ.
Đáng quý chỗ tu phước
Dứt bỏ các điều ác
Và tịnh tu phạm hạnh
Gọi đó là Trưỡng lão.
Chúng tôi đối khen, chê
Không sinh tâm vui, buồn
Chỉ sợ đàn-việt kia
Bị mắc nhiều tội lỗi
Đối với ruộng phước tăng
Phỉ báng sinh hơn thua.
Ta nên đến đó ngay
Để cho đàn-việt kia
Không đọa vào nẻo ác.
Sau đó các Sa-di
Dùng năng lực thần thông
Hóa thành những người già
Tóc bạc, da mặt nhăn
Chân mày dài, răng rụng
Lưng còng phải chống gậy
Đến nhà đàn-việt kia.
Đàn-việt thấy như vậy
Trong tâm rất mừng vui
Đốt hương, rải hoa quý
Vội thỉnh các vị ngồi

*Vừa ngồi trong chốc lát
 Trở lại hình Sa-di.
 Đàn-việt sinh kinh ngạc
 Sao biến hóa như thế
 Vì uống cam lộ trời
 Dung mạo bỗng hóa trẻ.*

Lúc bấy giờ, các Sa-di bèn nói:

– Chúng tôi đâu phải là Dạ-xoa hay La-sát. Vì thấy đàn-việt lựa chọn người già cả, đối với ruộng phước tăng mà sinh ý tưởng cao thấp, làm hư mất căn lành của đàn-việt, cho nên chúng tôi biến hóa như thế để cho ông ăn năn sửa đổi.

Sa-di liền nói kệ:

*Ví như con muỗi nhỏ
 Muốn uống cạn biển lớn
 Người thế gian không thể
 Lường công đức chúng Tăng
 Tất cả đều không thể
 Đo lường công đức Tăng
 Huống một mình đàn-việt
 Mà muốn lường đức ấy!*

Vị Sa-di lại nói:

– Đàn-việt không nên so sánh hình tướng già trẻ của chúng Tăng. Hễ là người cầu pháp thì không nên xem xét hình tướng, chỉ chú trọng trí tuệ. Các Sa-di tuy còn trẻ tuổi nhưng nếu đã dứt sạch các kết sử lậu hoặc, đạt được Thánh đạo.

Người tuy già cả mà bụng lung cũng gọi là trẻ con. Việc làm của đàn-việt không đúng, nếu dùng ngón tay để đụng tới đáy biển thì không bao giờ được. Cũng như vậy, đàn-việt muốn dùng trí của mình đo lường ruộng phước, để biết cao thấp, cũng không bao giờ được. Đàn-việt há không nghe kinh Tứ Bất Khinh do Như Lai nói ư? Bốn thứ không được xem thường đó là:

1. Thái tử còn nhỏ.
2. Rắn con.
3. Đóm lửa nhỏ.
4. Sa-di nhỏ tuổi.

Tất cả đều không được xem thường. Đức Thế Tôn có nói thí dụ về quả xoài: bên trong còn sống mà bên ngoài đã chín, bên ngoài còn sống mà bên trong đã chín, đừng đánh giá sai lầm đối với người khác, vì trong một niệm cũng có thể đắc đạo. Hôm nay đàn-việt có lỗi rất lớn, nếu đàn-việt có thắc mắc điều chi thì ngay bây giờ hãy hỏi. Từ nay về sau, đừng sinh tâm phân biệt đối với ruộng phước Tăng như thế nữa.

Vị Sa-di nói kệ:

*Biển công đức chúng Tăng
Không thể đo lường được
Phật còn sinh tôn kính
Dùng trăm bài kệ khen
Huống chi là mọi người*

Mà lại không khen ngợi.
Ruộng phước lành rộng lớn
Trông ít thu lợi nhiều
Chúng hòa hợp họ Thích
Gọi là báu thứ ba
Đối với các đại chúng.
Chớ xem tướng đoán người
Không dựa vào dòng giống
Oai nghi, nói năng khéo
Chưa biết đức bên trong
Thấy tướng đã tôn kính
Trông tướng tuy còn nhỏ
Nhưng thông minh, đức cao.
Không biết rõ tâm hành
Mà có ý khinh thường.
Ví như rừng cây lớn
Cúc thơm lẫn hoa hôi
Các cây tuy khác nhau
Nhưng gọi chung là rừng
Tăng tuy có trẻ già
Nhưng không nên phân biệt.
Ca-diếp muốn xuất gia
Bỏ y đẹp trên người
Chỉ giữ y xấu nhất
Nhưng giá đáng ngàn vàng
Ruộng phước của chúng Tăng
Việc ấy cũng như vậy.
Cúng dường người thấp nhất

Được quả báo mười lực
 Ví như nước biển cả
 Không dung chứa thây chết
 Biển Tăng đoàn cũng vậy
 Không chứa người phá giới.
 Đối với Tăng phạm phu
 Thấp nhất, giữ ít giới
 Cung kính và cúng dường
 Sẽ được quả báo lớn
 Vì thế đối chúng Tăng
 Trưởng lão hay thiếu niên
 Tâm bình đẳng cúng dường
 Không nên sinh phân biệt.

Lúc đó người đàn-việt nghe lời ấy rồi, khắp mình nổi ốc, gieo năm vóc sát đất, cầu xin sám hối:

– Con là kẻ phạm phu ngu muội có nhiều lầm lỗi, nguyện xin sám hối. Con có những điều thắc mắc, mong ngài giải thích cho.

Vị đàn-việt liền nói kệ:

Ngài có trí tuệ lớn
 Đã xé toang lưới nghi
 Nếu con không thưa hỏi
 Thì chẳng phải người trí.

Vị Sa-di bảo đàn-việt:

– Tùy ý đàn-việt hỏi, tôi sẽ giải thích cho.

Vị đàn-việt hỏi:

– Bạch Đại đức, kính tin Phật và Tăng thì kính

tin Phật hơn hay kính tin Tăng hơn?

Sa-di đáp:

– Đàn-việt không biết có ba ngôi báu ư?

Vị đàn-việt nói:

– Con tuy đã biết có ba ngôi báu, nhưng trong ba ngôi báu lẽ nào lại không có một báu nào là hơn hết hay sao?

Sa-di đáp:

– Tôi đối với Phật và Tăng không thấy có sự hơn kém.

Vị Sa-di liền nói kệ:

*Bà-la-môn cao quý
Tên là Đột-la-xà
Khen chê, Phật không động
Bèn cúng Phật thức ăn
Nhưng Đức Phật không nhận
Ba cõi không thể tiêu
Nên đổ hết xuống sông
Khỏi lửa cùng bốc lên.
Cù-đàm-di dâng y
Phật dạy cúng dường Tăng
Do vì nhân duyên này
Nên ba ngôi bình đẳng.*

Đàn-việt nói:

– Nếu như Phật và Tăng bình đẳng không khác thì tại sao Đức Phật đổ thức ăn xuống sông mà không cho chúng Tăng?

Sa-di đáp:

– Đức Như Lai đối với thức ăn không có tâm bỏn xẻn, chỉ vì muốn hiển bày công đức, năng lực của chúng Tăng cho nên Ngài làm như vậy. Vì sao? Vì Đức Phật quán thấy thức ăn này không ai trong ba cõi ăn có thể tiêu được, nên Ngài đồ thức ăn xuống sông, lửa liền bốc lên. Nhưng Cù-đàm-di dâng y lên Đức Phật, Đức Phật chuyển y ấy lại cho chúng Tăng. Chúng Tăng thọ y ấy rồi không có sự khác nhau. Vì thế nên biết, chúng Tăng có đức lớn, được đại danh xưng, Phật và Tăng không khác nhau.

Lúc ấy người đàn-việt liền nói:

– Bạch Đại đức, từ nay về sau, đối với chúng Tăng hoặc già hoặc trẻ, con đều cung kính với tâm bình đẳng, không có sự phân biệt.

Vị Sa-di nói:

– Nếu đàn-việt làm được như vậy thì chẳng bao lâu sẽ được đạo kiến đế.

Vị Sa-di liền nói kệ:

*Đa văn cùng Trì giới
Thiền định và Trí tuệ
Người hướng đến ba Thừa
Đắc quả và các hướng.
Thí như sông Tân-đầu
Chảy ra nơi biển lớn
Các bậc Hiền thánh này*

*Đều vào biển chúng Tăng.
 Thí như trong núi Tuyết
 Có đủ các thuốc hay
 Cũng như mảnh ruộng tốt
 Giúp hạt giống thêm lớn
 Bạc Hiên thiện trí tuệ
 Đều từ Tăng mà ra.*

Sa-di đọc kệ xong, nói:

– Chẳng lẽ đàn-việt không nghe trong kinh nói:
 Có ba vị thuộc dòng họ cao quý là A-ni-lục-đầu,
 Nan-đề và Kiềm-tỳ-la. Vị đại tướng quỷ thần tên
 Già-phu đã bạch Phật: “Bạch Đức Thế Tôn, tất cả
 thế giới, hoặc trời, hoặc người, hoặc Thiên ma,
 hoặc Phạm vương, nếu tâm nghĩ đến ba vị thuộc
 dòng họ cao quý này thì họ sẽ làm cho người đó
 được an vui, lợi ích.” Chỉ niệm ba vị trong Tăng
 còn có lợi ích an vui, hưởng chi là cả đại chúng.

Sa-di liền nói kệ:

*Ba vị không thành Tăng
 Nghĩ nhớ được lợi ích
 Như tướng quỷ kia nói
 Chưa gọi là niệm Tăng
 Còn có lợi ích lớn
 Hưởng gì là niệm Tăng.
 Vì vậy ông nên biết
 Các việc thiện công đức
 Đều từ Tăng mà ra.*

*Thí như trời mưa lớn
 Chỉ biển đủ sức chứa
 Chúng Tăng cũng như vậy
 Thọ được mưa pháp lớn
 Vì thế đàn-việt nên
 Chuyên tâm nghĩ nhớ Tăng.
 Chúng Tăng mà như thế
 Là tập hợp các thiện
 Đại chúng đã giải thoát
 Tăng như đoàn quân mạnh
 Phá được giặc ma oán,
 Chúng Tăng được như thế
 Là rừng cây thẳng trí
 Tất cả các hạnh lành
 Chứa nhóm ở trong Tăng
 Hướng ba Thừa giải thoát
 Là đoàn thể lớn mạnh.*

Lúc vị Sa-di nói kệ khen ngợi như vậy, thì người đàn-việt và quyến thuộc rất vui mừng, đều chứng đắc quả Tu-đà-hoàn.



ĐẠI TRANG NGHIÊM KINH LUẬN

QUYỂN 2

Chương 4

Người nghe pháp được lợi ích lớn và trí tuệ thêm sâu rộng, có công năng làm cho tâm ý đều được điều hòa.

Tôi từng nghe:

Thuở xưa, tại các nước ở vùng Sư tử, lúc bấy giờ có người được viên ngọc Ma-ni to bằng đầu gối người. Viên ngọc này tốt đẹp nhiệm màu, rất ít có trên thế gian. Người đó dâng viên ngọc lên vua. Nhà vua được viên ngọc ngắm ngía thật kỹ lưỡng và nói kê:

*Ngày xưa các vua chúa
Chứa báu cầu tiếng khen
Tập hợp nhiều khách khứa
Khoe của, tự hợm mình
Khi chết bỏ ngôi báu
Bỏ của, đi một mình
Chỉ có nghiệp thiện ác
Theo thân không lìa bỏ.
Ví như ong làm mật*

Kẻ khác được, mình không
 Tài sản cũng như vậy
 Theo người, chẳng theo ta.
 Ngày xưa, các vua chúa
 Bị của báu lừa dối
 Tích chứa để cho người
 Chẳng một vật theo mình.
 Ta nay phải làm gì
 Để của báu theo ta?
 Chỉ có ruộng phước Phật
 Làm ra các công đức
 Theo ta đến đời sau
 Quả thiện không mất đi.
 Khi sắp sửa qua đời
 Tất cả đều lìa bỏ
 Cả cung điện thân yêu
 Các quan và tướng mạnh
 Thương xót tiễn người đi
 Đến mộ thì trở về,
 Voi, ngựa, các xe báu
 Vàng ngọc và kho tàng
 Nhân dân cùng thành quách
 Vườn hoa, chốn vui chơi
 Âm thầm vào cõi chết
 Chẳng mang theo được gì.

Nhà vua nói kệ xong liền đến chỗ tháp Phật, đặt viên ngọc quý lên đỉnh tháp. Viên ngọc chiếu sáng lấp lánh như một ngôi sao thật lớn, như khi mặt trời

mọc chiếu sáng cả cung điện vua, lấp lánh rực rỡ gấp bội ánh sáng thường. Ánh sáng viên ngọc lúc nào cũng chiếu sáng như thế.

Một hôm, ánh sáng ấy bỗng biến mất. Nhà vua lấy làm lạ mới cho người đến xem thử. Người sứ đến nơi không thấy viên ngọc, chỉ thấy dưới chân tháp máu chảy đầy mặt đất. Ông đi theo vết máu, lần về phía rừng Ca-đà-la, chưa đến nơi đã thấy một người trộm ngọc nấp giữa bụi cây. Khi kẻ trộm lấy viên ngọc, hấn bị rơi từ trên bệ tháp xuống cho nên có vết máu. Sứ giả bắt ngay tên trộm dẫn đến cho vua. Khi nhà vua vừa thấy tên trộm, trong lòng tức giận vô cùng, nhưng thấy hấn bị thương thì lại sinh tâm thương xót, nói:

– Này gã kia, người rất ngu si mới trộm viên ngọc của Phật như vậy. Đời sau chắc chắn người sẽ đọa vào đường ác.

Vua liền nói kệ:

*Lạ thay rất ngu si
Vô trí gây ác lớn
Như người sợ gây gộc
Ngược lại bị chém giết.
Sợ cái khổ nghèo cùng
Nên sinh tâm cuồng ngu
Không chấp nhận phận nghèo
Mãi chịu khổ vô cùng.*

Lúc ấy có một vị quan nghe bài kệ này, bèn tâu

với nhà vua:

– Những điều ngài nói chân thật, không hư dối.
Vị ấy liền nói kệ:

*Tháp là báu của người
Kẻ ngu si trộm lấy
Người này vô lượng kiếp
Không được gặp Tam bảo.
Như xưa, có một người
Có tín tâm vui mừng
Hoa Tu-mạn trên tai
Đem dâng cúng tháp Phật
Ức kiếp sinh trời, người
Thọ rất nhiều vui sướng.
Tháp Thế Tôn mười lực
Trộm ngọc báu kiếm sống
Do nghiệp duyên như thế
Chìm đắm trong địa ngục.*

Lại có một vị quan khác tức giận nói:

– Kẻ ngu này tội lỗi đã rõ ràng, cần gì phải trách mắng! Nên đem hắn đi giết.

Vua bảo vị quan:

– Ngài chớ nói như thế. Người đó cũng như người chết rồi cần gì phải giết nữa. Như người bị ngã xuống đất, ta nên đỡ họ lên.

Vua liền nói kệ:

*Người này đã hủy hạnh
Hãy mau cứu giúp hắn*

*Ta phải ban tài sản
 Khiến sám hối tu phước
 Cho họ được xa là
 Khổ nạn lớn đời sau.
 Ta sẽ cho tiền của
 Dạy họ cúng dường Phật
 Nếu họ không hướng Phật
 Tội không bao giờ tiêu.
 Như người ngã xuống đất
 Ta nên đỡ họ dậy
 Gây tội vì tháp Phật
 Cũng nhờ Phật, hết tội.*

Nhà vua liền ban cho tên trộm tất nhiều tiền của và dạy cho ông ta đến tháp Phật làm các công đức. Lúc đó tên trộm suy nghĩ: “Vị vua này là người thấm nhuần giáo pháp Phật-đà. Tội lỗi của ta rất đáng bị xử tử mà nhà vua lại tha thứ. Ngài thật là bậc đại nhân xá tội nặng cho ta. Đức Như Lai Thích-ca vô cùng kỳ diệu mới điều phục, giáo hóa vị vua tà kiến làm những việc như vậy”.

Nghĩ rồi, tên trộm liền đến chỗ tháp, bò về phía chùa, chấp tay quy mạng, nói:

– Đức Thế Tôn đại bi cứu giúp thế gian, tuy đã nhập Niết-bàn mà vẫn còn có thể ban mạng sống cho con. Cả thế gian đều gọi Ngài là Đấng Chân Tế, tiếng tăm Ngài vang khắp các thế giới và hôm nay Ngài đã cứu mạng sống cho con, cho nên Ngài được gọi là Đấng Chân Tế, thật không hư dối vậy.

Tên trộm nói kệ:

Thế gian gọi Chân Tế
 Tên gọi thật không hư
 Nay con được cứu giúp
 Thật biết nghĩa Chân tế.
 Thế gian đều dậy lửa
 Rất nhiều sự đốt thiêu
 Trăng từ bị mát mẻ
 Chiếu tan khổ nóng bức.
 Khi Như Lai tại thế
 Tại nơi qui đồng trống
 Cứu vớt Thủ trưởng giả
 Việc này có khó chi,
 Nay Phật đã Niết-bàn
 Di pháp giúp nguy ách
 Giúp con thoát khổ đau
 Đây mới là rất khó.
 Vì sao người họa sĩ
 Khéo léo hợp Thánh tâm
 Vẽ ảnh đưa tay phải
 Nói lên sự an ủi
 Người sợ hãi thấy Ngài
 Còn được hết sợ hãi
 Huống chi Phật tại thế
 Sự cứu giúp rộng lớn
 Nay con gặp khổ nạn
 Tượng Ngài cứu giúp con.



Chương 5

Người ít muốn tuy có của cải, tài sản nhưng tâm không mê đắm vẫn được gọi là ít muốn.

Tôi từng nghe:

Thuở xưa, có một vị Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-tắc này có một người bạn thân tin pháp Bà-la-môn. Người bạn thân này tin pháp Bà-la-môn mặc áo xấu, hành khổ hạnh, nường thân bằng năm nguồn nhiệt, thường ăn thức ăn dở, nằm trên phản dơ. Người bạn liền gọi vị Ưu-bà-tắc nói:

– Bạn hãy đến đây xem người Bà-la-môn. Có bao giờ bạn trông thấy người nào có hạnh cao cả, tự làm khổ thân cho trong sạch, ít muốn biết đủ như người này chẳng?

Ưu-bà-tắc đáp:

– Thứ hạnh cao cả ấy chỉ có thể đánh lừa bạn mà thôi!

Hai người cùng đến hỏi người Bà-la-môn:

– Nay ông khổ hạnh để mong cầu điều gì?

Vị Bà-la-môn đáp:

– Nay tôi thực hành khổ hạnh vì muốn được làm vua.

Ưu-bà-tắc nói với bạn:

– Bây giờ người này đang cầu kho tàng châu báu ở thế gian, tha hồ giết chóc, ăn uống cao lương

mỹ vị, nào cung nhân, kẻ hầu người hạ, khoái lạc cùng nữ sắc và các loại âm nhạc để tự vui chơi. Tuy làm quan lớn, trưởng giả có nhiều của cải báu nhưng không vừa ý, mới mong cầu tất cả châu báu của nhân dân trên khắp mặt đất. Người như thế mà gọi là ít muốn ư? Bạn chỉ thấy thân họ hành khổ hạnh, rồi cho là ít muốn mà không biết rằng ông có sự mong cầu không biết nhàm chán. Sao cho là ít muốn được?

Ưu-bà-tắc liền nói kệ:

*Điều gọi là ít muốn
 Chẳng phải cơm, áo xấu
 Không có vật thường dùng
 Mà cho là ít muốn.
 Người này hiện tại đây
 Tâm tham cầu không chán
 Như sông biển bao la
 Sao gọi là ít muốn?
 Nay tu khổ hạnh này
 Vì khát khao năm dục
 Người này thật luống dối
 Giả hiện tướng ít muốn
 Vì tham nên tự khổ
 Thật chẳng phải ít muốn.*

Nói kệ xong, Ưu-bà-tắc lại nói:

— Nay người này có đủ các thứ tham dục, tức giận và si mê, không có được một phần nhỏ những

công hạnh mà bậc Tiên thánh đã thực hành. Thế nên biết rằng, người ít muốn không phải là ở chỗ không có nhiều của cải vật chất. Vì sao mà biết? Vì như vua Tần-bà-sa-la giàu sang, có nhiều đất đai, voi ngựa và bảy báu, vẫn gọi là ít muốn. Vì sao? Vì tuy nhà vua có nhiều tài sản quý giá, nhưng tâm không tham đắm, chỉ ưa thích đạo Thánh. Do đó, tuy vua giàu sang, có bảy báu đầy ngập, nhưng tâm không mong cầu, nên gọi là ít muốn. Người tuy không có tài sản quý giá mà vẫn mong cầu không chán thì không được gọi là ít muốn biết đủ. Vị Ưu-bà-tắc liền nói kệ:

*Nếu người không cơm áo
 Lỗa hình như Ni-càn
 Làm những việc khổ nhọc
 Cho đó là khổ hạnh
 Thì ngạ quỷ súc sinh
 Người nghèo các suy nảo
 Những gian nan như thế
 Lẽ ra gọi khổ hạnh.
 Người này cũng như vậy
 Luống tự mình khổ nhọc
 Thân tuy làm hạnh khổ
 Nhưng tâm lại tham đắm
 Mong cầu không nhàm đủ
 Không gọi là ít muốn.
 Tuy có nhiều của cải
 Nhưng tâm không đắm nhiễm*

Tu hành vui Thánh đạo
 Đó mới gọi ít muốn.
 Thí như các nông phu
 Gieo hạt giống xuống ruộng
 Tham gặt được nhiều lúa
 Không gọi là ít muốn.
 Nếu thân bị ghẻ lở
 Sẽ cần đồ chữa trị
 Ý mong cầu Thánh đạo
 Đó gọi là ít muốn.
 Vì trị ghẻ lở ấy
 Cần nhận ít thuốc men
 Tâm không tham đòi sau
 Đó thật là ít muốn.
 Tâm ý không đua nịnh
 Cũng không cầu danh lợi
 Tuy có tài sản nhiều
 Có tiếng tăm, đức thật
 Đủ những việc như thế
 Đó mới thật ít muốn.



Chương 6

Tuy là người giữ giới, nhưng tâm mong cầu
 sinh lên cõi trời, cõi người để thọ hưởng sự vui
 sướng thì vẫn gọi là phá giới.

Tôi từng nghe:

Thuở xưa, có một vị Sa-môn và một vị Bà-la-môn kết hạ an cư trong khu rừng vắng. Lúc ấy vị Sa-môn thường qua lại chỗ Bà-la-môn, làm việc chung với nhau, ở chung trong trú xứ ấy nhưng không quá gần gũi hay xa cách. Vì sao? Vì nếu gần gũi quá sợ sẽ sinh ra kiêu mạn, còn nếu xa cách quá sẽ bị oán ghét.

Vị Sa-môn nói kệ:

*Cắm chiếc gậy giữa trưa
Đứng, nằm đều không bóng
Cắm gậy nghiêng một bên
Bóng ấy sẽ ngã dài,
Người kia cũng như vậy
Nên không thân, không sơ
Khiến dần dần thông hiểu
Sau đó mới nói pháp.*

“Vị Bà-la-môn này không có trí tuệ, chẳng biết kẻ ngu người hiền, nên cung phụng ông ta rất khổ. Vì thế, ta nay không nên gần gũi quá, cũng không nên xa cách quá. Vì sao? Vì phụng sự người ngu si đã khổ, mà không biết phải cung phụng cách nào cũng gọi là khổ.” Bằng những phương tiện gần gũi với nhau, dần dần qua lại và chuyện trò với nhau, lúc ấy vị Sa-môn hỏi Bà-la-môn:

– Vì sao ông đưa tay về phía mặt trời, nằm lỏa hình trên tro bụi và ăn cỏ? Ngày đêm không nằm mà chỉ đứng có một chân? Ông hành khổ hạnh để

mong cầu điều chi?

Người Bà-la-môn đáp:

– Tôi mong được làm vua.

Ít lâu sau người Bà-la-môn bị bệnh. Ông ta đến hỏi thầy thuốc cách chữa trị. Thấy thuốc bảo:

– Ông cần phải ăn thịt.

Lúc đó người Bà-la-môn nói với thầy Tỳ-kheo:

– Thầy có thể đến nhà đàn-việt xin cho tôi một ít thịt để tôi trị bệnh được không?

Thầy Tỳ-kheo nghĩ: “Bây giờ đã đúng lúc ta phải giáo hóa người này”. Thầy Tỳ-kheo liền hóa ra một con dê, đem cột bên cạnh người Bà-la-môn. Ông ta hỏi thầy Tỳ-kheo:

– Thầy tìm thịt cho tôi giờ để ở đâu?

Thầy Tỳ-kheo đáp:

– Con dê chính là thịt.

Người Bà-la-môn vô cùng tức giận nói:

– Chẳng lẽ tôi phải giết con dê để ăn thịt sao?

Thầy Tỳ-kheo đáp bằng bài kệ:

Nay anh thương con dê

Vẫn còn chưa muốn giết

Nếu sau này làm vua

Bò dê và heo chó

Vịt gà cùng muôn thú

Giết hại nhiều vô lượng.

Anh ngự trên tòa cao

Đầu bếp dâng thức ăn

Nếu khi anh nổi giận
Sẽ sai người chém đầu
Hoặc sai chặt chân tay
Có khi sai móc mắt.
Nay anh thương con dè
Mà muốn giết hại nhiều
Nếu thật có Từ tâm
Nên bỏ ý làm vua.
Như người sắp bị giết
Sợ khổ, uống nhiều rượu,
Rừng hoa nở đẹp tươi
Lửa mạnh sẽ đốt cháy,
Lai như mang gông vàng
Tuy đẹp nhưng buộc ràng,
Ngôi vua cũng như vậy
Thường có tâm sợ hãi
Ra oai người theo hầu
Trang sức bằng châu báu
Không thấy họa về sau.
Phàm phu tham mong muốn
Đã gây các điều ác
Đọa lạc ba đường khổ
Như thiêu thân tham lửa
Lao vào tự đốt thân.
Tuy có vui năm dục
Tiếng tăm vang khắp nơi
Nhưng tâm thường sợ hãi
Rất lo và rất khổ

Giống như bắt rắn độc
Cầm đuốc ngược chiều gió
Không buông, họa sẽ đến
Cũng như khổ sắp chết.
Lúc nhà vua đi dạo
Đầu đội mũ chư Thiên
Châu báu như chuỗi ngọc
Phục sức thật trang nghiêm
Các xe quý, ngựa tài
Vua ngồi dạo khắp nơi
Người hầu cả trăm ngàn
Oai thế rất hùng mạnh,
Hoặc lúc có quân địch
Khoác áo giáp đẹp đẽ
Thắng thì giết hại nhiều
Thua thì mất thân mạng.
Xoa hương thơm vào mình
Còn quần áo ướp hương
Ăn các thức ăn ngon
Trăm vị rất tuyệt vời
Cần chi đều tùy ý
Không trái nghịch bao giờ
Đi, đứng hoặc ngồi, nằm
Cử động đều nghi sợ
Bạn thân cũng không tin
Dù có là bạn thân
Nhưng tâm thường sợ sệt
Thì sao gọi là vui!

*Như cá nuốt mỗi câu
Như liếm mật dao bén
Cũng như lưới giăng ra
Thú, cá tham mùi vị
Không thấy khổ sau đó,
Giàu sang cũng như vậy
Rồi chịu khổ địa ngục.
Vách tường của địa ngục
Mặt đất đều lửa cháy
Người tội ở trong đó
Lửa tuôn tự đốt thân
Chịu khổ đau vô cùng.
Anh phải tự suy nghĩ
Được hưởng vui thì ít
Chịu các khổ thì nhiều
Vì thế nên nhớ khổ
Chớ mong cầu giàu sang.
Anh hãy bỏ tâm muốn
Chỉ mong cầu giải thoát
Cái khổ đều dứt hết.*

Người Bà-la-môn nghe xong, lặng im không đáp, sau đó chấp tay thưa:

– Bạch Tôn giả, ngài đã khéo dùng tài hùng biện làm cho tâm tôi được mở tỏ. Dù được làm vua cõi trời Tam thập tam thiên, tôi cũng không ham thích nữa.

Ông liền nói kệ:

Ý lành phương tiện khéo
 Và trí sáng quan sát
 Xóa nguyên tà của tôi
 Chỉ bày đường chân chánh
 Bạn lành phải như vậy
 Được thế gian ngợi khen.
 Thường nên gần bạn này
 Không có họa tranh loạn
 Khéo dẫn tâm ý tôi
 Bỏ tà, về nẻo chánh
 Chỉ tôi việc thiện ác
 Giúp đạt được giải thoát.



Chương 7

Lại nữa, người theo con đường tà sẽ bị các thứ khổ, còn người tu theo đường chánh thì tín tâm sẽ thêm lớn và được ngợi khen. Người có trí nên quán sát sự tà chánh.

Tôi từng nghe:

Thuở xưa, có một người tu một khổ hạnh nhỏ ở bên cạnh đường đi, nếu khi nào có người thì ông ta nằm trên gai nhọn, còn lúc không có ai, thì ông ta nằm ở chỗ khác. Có người thấy vậy bèn hỏi:

— Ông có thể nằm nhẹ nhàng trên gai nhọn, cần gì phải lăn lộn để cho thân thể bị thương nặng như vậy?

Người đó nghe xong vô cùng tức giận, nhảy bổ trên đồng gai nhọn, lăn lóc dữ dội hơn trước. Khi đó, có một vị Ưu-bà-tắc đứng bên cạnh, người khờ hạnh trông thấy lại càng lăn lộn trên đồng gai dữ dội hơn. Ưu-bà-tắc nói với ông ta:

– Trước đây ông chỉ bị gai nhỏ đâm, nay lại dùng gai tức giận để tự đâm mình. Vết gai trước đây chỉ gây xây xước, còn vết gai tham tức mới bị đâm sâu. Người nằm trên gai nhọn chỉ khổ một đời, còn khổ vì gai tham tức thì khổ đến vô lượng đời. Bị gai đâm chân, vết thương này dễ lành, còn vết gai tham tức trải qua vô lượng kiếp vẫn không lành. Thế nên hãy nhổ bỏ cái gai sân độc.

Vị Ưu-bà-tắc liền nói kệ:

*Bây giờ ông nên nhổ
Gai sâu độc trong tâm
Hãy dùng dao trí bén
Chặt đứt gai tham tức.
Người nặng về tham tức
Đời đời không bỏ được
Người ngu nhiều tà kiến
Không biết đạo Chánh chân
Khổ thân nằm trên gai
Làm khổ muốn hết khổ
Người thấy nằm trên gai
Ai cũng muốn tránh xa.
Chỉ ông đời khổ này
Ôm giữ không buông bỏ*

Ta thấy việc như vậy
Mới biết có tà chánh.
Vì thế xin quay về
Đáng Thế Tôn mười lực
Đại bi cứu các khổ
Mở bày con đường chánh
Vượt qua các nẻo tà
Dẫn đến tám đường chánh
Bọn ngoại đạo tà kiến
Bị khổ sở phỉnh lừa
Rất tin vào các khổ
Trôi lăn đến vô cùng
Những người có trí tuệ
Thấy thế tăng lòng tin.
Ngoại đạo rất ngu si
Khổ hết được giải thoát.
Đáng Xuất Thế đã dạy
Các vật đều đầy đủ
Được tu tám đường chánh
Nhờ tu nên giải thoát
Vì thế nên phải biết
An lạc được giải thoát
Chẳng phải như ngoại đạo
Chịu khổ được Niết-bàn.
Nương tâm mà gây ra
Các nghiệp thiện và ác
Ông phải hàng phục tâm
Sao lại làm khổ thân?

Thân là các kết sử
Tu sai các thứ khổ
Là người tu đạo khổ
Đường địa ngục sẵn chờ.
Trong chốn địa ngục ấy
Chém, chặt cùng phần dơ
Hừng hực thiêu đốt họ
Chịu đủ bao đau đớn
Tuy họ chịu các khổ
Vẫn không gọi khổ hạnh.
Người trí dứt ba nghiệp
Cầu uế đều xả bỏ
Phật Thích-ca chỉ dạy
Dạy tất cả mọi người
Nên cầu cam lộ trời
Lại giảng nói chỉ quán
Lại trang sức trí tuệ
Đó gọi chân khổ hạnh,
Cần gì luống nhọc thân
Gây các khổ vô ích
Khổ này rất dài lâu
Rộng sâu không bờ mé.
Như có đứa con ác
Không được nó nuôi nấng
Chỉ gây ra tội ác
Do đó chịu các khổ.
Lúc ấy ngoại đạo kia
Bèn nói như thế này:

Các Tiên tu khổ hạnh
 Cũng được sinh cõi trời.
 Ưu-bà-tắc nói kệ
 Trả lời ngoại đạo kia:
 Các Tiên sinh cõi trời
 Chẳng phải nhờ nằm gai
 Do thí, giới, nói thật
 Mà được sinh cõi trời.
 Ông tuy sống khổ hạnh
 Chẳng được lợi ích gì
 Cũng như người nông phu
 Mùa xuân không gieo giống
 Đến thu chẳng có hạt
 Để mà được thu hoạch.
 Các ông cũng như vậy
 Không gieo hạt giống lành
 Chỉ tu các hạnh khổ
 Cuối cùng chẳng được gì.
 Hễ người muốn tu đạo
 Phải nuôi dưỡng thân này
 Dùng thức ăn uống ngon
 Nuôi thân mạng đầy đủ
 Khí lực có sung mãn
 Mới tu Giới, Định, Tuệ.
 Nhịn ăn chịu đói khát
 Thân tâm đều lo buồn
 Tâm không thể chuyên chú
 Làm sao đạt Thánh quả?

Tuy ăn thức ăn ngon
Tâm chẳng đắm vị ngon
Chỉ giữ giới, nói thật
Bố thí, Nhẫn nhục, Định
Đó là những hạt giống
Sẽ được quả báo lành.
Thân tuy chịu đói khát
Mà tâm mong vị ngon
Nhân lành còn không có
Huống gì gặt quả ngon.
Nếu có tâm tàn hại
Khiến người khác sợ hãi
Nếu dứt tâm tàn hại
Cho người sợ không sợ
Đó gọi là hành pháp.
Nếu còn tâm tàn hại
Gọi là không đúng pháp.
Các món ngon đầy đủ
Không có ý hại người
Vì không ý hại người
Nên không tổn hại họ.
Nếu khởi tâm Đại từ
Sẽ được quả báo lớn
Ông tuy tự nhịn ăn
Đói khát phải mê mệt
Cũng chẳng ích lợi gì.
Ngoại đạo nói thế này:
Nếu anh khởi từ tâm

Chưa hẳn đã lợi ích
Và được quả báo lớn
Nhịn đói mà ngủ nghỉ
Việc ấy cũng như vậy
Tuy không ích cho kia
Cũng được quả báo lành.
Ưu-bà-tắc đáp rằng:
Từ tâm trừ sân hại
Nhờ dứt trừ sân hại
Nên được quả báo lành.
Ông hành pháp khổ hạnh
Sự tức giận thêm lớn
Liên sinh thân miệng ác
Làm sao được quả lành?
Tâm từ không như thế
Nếu khi khởi tâm Từ
Thì dứt được sân hại
Vì không có sân hại
Nên sinh thân, miệng lành.
Vô ích hành khổ hạnh
Làm sao giống từ, thiện?
Thí như sư tử rống
Các thú chẳng dám gần
Như Lai vô ngại biện
Việc ấy cũng như vậy,
Tất cả các ngoại đạo
Không dám chống đối lại
Nói pháp đẹp ngoại đạo

Lặng im không đối đáp.



Chương 8

Nghiệp thân, miệng không được tự tại chính là do nơi ý.

Tôi từng nghe:

Thuở xưa, có một vị Tỳ-kheo-ni đến nước Xa-già-la. Trong nước đó có một vị Bà-la-môn nướng thân trên lửa, mồ hôi từ trán, từ ngực, từ nách chảy xuống ròng ròng, cổ họng khô khốc, miệng lưỡi đều sưng dộp, không còn một giọt nước dãi. Bốn phía ông ta đều đốt lửa giống như nấu vàng, cũng như tóc vàng, cháy lên đỏ rực. Mặt trời mùa hạ rất nóng chiếu thẳng vào thân ông ta, lăn qua trở lại cũng không có chỗ tránh. Thân thể ông ta cháy đỏ như chiếc bánh trên chảo. Người Bà-la-môn này thường mặc áo vải thô, nướng thân bằng năm nguồn nhiệt. Do đó mà người đương thời gọi ông là “Lũ hạt chích” (*người mặc áo vải thô, nướng thân trên lửa*).

Vị Tỳ-kheo-ni thấy việc ấy bèn bảo vị Bà-la-môn:

– Cái nên đốt thì ông không đốt. Còn cái không nên đốt thì ông lại đốt.

Người Bà-la-môn nghe nói vô cùng tức giận đáp:

– Này cô nàng trọc đầu xấu xí kia, cái gì nên đốt?

Vị Tỳ-kheo-ni nói:

– Ông muốn biết cái gì nên đốt phải không? Đó là ông chỉ cần đốt tâm tức giận của ông. Nếu đốt được tâm ấy thì đó gọi là đốt đúng đắn. Như chiếc xe trâu kéo, nếu xe không đi thì cần phải thúc trâu chứ không cần đánh xe. Thân này cũng như chiếc xe và tâm cũng giống như trâu kia. Do nghĩa này cho nên ông chỉ cần đốt tâm mà thôi, sao lại đốt thân? Lại nữa, thân như rừng cây, như tường vách, nó vô tri, dù có đốt thiêu nó cũng chẳng ích lợi gì.

Vị Tỳ-kheo-ni liền nói kệ:

*Tâm như chủ thành
Chủ thành tức giận
Mới muốn tìm thành
Chẳng ích lợi gì!
Ví như sư tử
Có người kia dùng
Cung tên, ngói đá
Đánh, bắn sư tử
Thì sư tử kia
Rượt cắn người đó,
Không như chó ngu
Có người ném đá
Chó rượt ngói đá
Chứ không cắn người.*

Nói về sự tử
Dụ cho người trí
Biết tìm cái gốc
Mà dứt phiền não,
Còn chó ngu si
Dụ cho ngoại đạo
Năm ngọn đốt thân
Không biết gốc tâm.
Bà-la-môn hỏi:
Sao gọi đốt tâm?
Tỳ-kheo-ni đáp:
Trí tuệ Tứ đế
Như bốn đồng lửa
Tu đạo như trời
Phạm người trí tuệ
Vội lửa Tứ đế
Mặt trời tu đạo
Dùng năm pháp này
Để đốt tâm kia.
Vì cái thân này
Không được tự do
Sao làm khổ thân?
Nếu muốn làm khổ
Hãy làm khổ tâm
Vì tâm là gốc
Làm khổ thân kia.
Đi đứng ngồi nằm
Chẳng phải thân làm

Chỉ vì tâm khiến
Chẳng phải do thân,
Lỗi tại nơi tâm
Sao làm khổ thân?
Nếu tâm là thân
Thân như gỗ, đá
Thế nên người trí
Nên trách tâm mình
Không làm khổ thân.
Ông đốt thân này
Bằng năm nguồn nhiệt
Cho là khổ hạnh
Nhờ đó đắc đạo
Thì người địa ngục
Chịu khổ vô lượng
Các thứ đau đớn
Cũng đắc đạo sao?
Bà-la-môn nói:
Việc khổ hạnh này
Là phát tâm làm
Được gọi tu đạo.
Chúng sinh địa ngục
Bị ép chịu khổ
Cho nên không được
Nói là tu đạo.
Tỳ-kheo-ni nói:
Nếu tự phát tâm
Mà được phước thì

Đưa bé chụp lửa
Cũng được phước sao?
Nhưng thật không được
Từ đó suy ra
Việc làm của ông
Năm nguồn đốt thân
Cũng không có phước.
Bà-la-môn nói:
Bé con, trẻ nít
Chưa hiểu biết gì
Cho nên không phước,
Còn tôi có trí
Tu khổ hạnh này
Năm nguồn đốt thân
Cho nên có phước.
Tỳ-kheo-ni nói:
Nếu cho có trí
Tu các khổ hạnh
Mà có phước thì
Người tìm chân châu
Gai đâm chảy máu
Mới lấy được châu
Cũng có phước sao?
Bà-la-môn nói:
Vì có tâm tham
Tuy bị chảy máu
Cũng không có phước.
Tỳ-kheo-ni nói:

Ông tu khổ hạnh
Tham vui cõi trời
Cũng không có phước
Nếu vì tham cầu
Thì không quả báo
Như người đi săn
Không được quả báo.
Như người bắt cá
Không được phước quả,
Nay ông thực hành
Hạnh khổ hạnh này
Cũng sẽ chẳng được
Cái vui cõi trời.
Nay vì sao ông
Thân tâm lẫn lộn
Muốn hành khổ hạnh
Để hưởng vui trời ?
Trong pháp Phật ta
Không có loại pháp
Năm nguồn đốt thân
Hành pháp khổ hạnh
Để được vui trời,
Muốn được vui trời
Phải tu nói thật
Các công đức lành
Tuy tâm tham, sợ
Được sinh trời vui.
Ví như uống thuốc

Dù tham hay sợ
Đã uống thuốc rồi
Đều có công hiệu,
Nếu nói lời thật
Các công đức lành
Dù tham hay sợ
Ắt được vui trời.
Thời Bà-la-môn
Cạn lời hết ý
Không thể trả lời
Nên đứng im lặng.
Người đứng xung quanh
Đối với pháp Phật
Sinh tin, thanh tịnh
Rất mến chánh pháp
Nói với nhau rằng:
Lành thay! Pháp Phật
Có trí lực lớn
Sâu xa khó lường
Trí của ngoại đạo
Thật rất cạn cợt.
Ví như lửa hừng
Nếu tấp vào người
Thì ai cũng sợ,
Ngọn lửa Phật pháp
Cũng lại như vậy
Chạm Bà-la-môn
Khiến y sợ hãi.

Hôm nay chúng ta
 Được nghe pháp Phật
 Luận nghĩa tối thắng
 Điều nên quy ngưỡng
 Cõi Niết-bàn Phật
 Cung kính lễ bái
 Nam-mô Thế Tôn.
 Âm thanh êm dịu
 Giảng nói chánh pháp
 Người nữ trí cạn
 Uống cam lộ Phật
 Ở trước đại chúng
 Nói pháp không sợ.
 Đối với lời Phật
 Ai không cung kính
 Như Tỳ-kheo-ni
 Trí tuệ nông cạn
 Vẫn diệt kết sử.
 Lời Đấng Mâu-ni
 Nhất định khiến cho
 Bà-la-môn này
 Không thể đáp lại
 Phải đứng lặng im.



Chương 9

Dục như miếng thịt, bầy chim tranh nhau xâu

xé. Người có trí biết rõ mọi họa về tiền tài, của cải nên không tham đắm.

Tôi từng nghe:

Thuở xưa, tại nước Tu-bà-đa có một thầy Tỳ-kheo thấy chỗ bức tường đã đổ nát có kho tàng, trong đó có một cái chum đồng lớn, trong chum có nhiều tiền vàng. Thầy Tỳ-kheo dẫn một Ưu-bà-tắc nghèo đến chỉ chỗ vàng ấy và bảo:

– Ông hãy giữ lấy số tài sản quý báu này để làm của sinh sống.

Vị Ưu-bà-tắc hỏi thầy Tỳ-kheo:

– Thầy thấy kho báu này lúc nào?

Vị Tỳ-kheo đáp:

– Tôi mới thấy hôm nay.

Vị Ưu-bà-tắc nói:

– Chẳng phải hôm nay con mới thấy kho báu mà con đã thấy từ lâu lắm rồi, nhưng con không dùng. Xin thầy hãy nghe, con sẽ nói rõ sự thật về tai họa của những đồ quý báu này. Nếu ai giữ nó, nhà vua nghe được, người đó có thể sẽ bị xử tử, lưu đày hay giam cầm... những nỗi khổ như thế không thể kể hết.

Ông liền nói kệ:

*Tôi thấy của báu này
Đã nhiều năm trôi qua
Của báu này độc hại
Còn hơn cả rắn độc*

Vì thế đối với nó
Tôi không có tâm tham
Xem nó như rắn độc
Không tưởng là của quý.
Bị giam cầm lưu đày
Hoặc có khi phải chết
Tất cả các tai hại
Đều từ báu này ra
Gây ra các thứ khổ
Bị hại, rất đáng sợ
Thế nên đối kho báu
Tôi không dám tham gần.
Chúng sinh đắm vật báu
Cho đó là quý giá
Báu là vật nguy hại
Lầm tưởng là an vui
Có những lỗi như thế
Sao cho là quý báu?
Thân dơ bẩn như thế
Thích giữ gìn thân mạng
Rồi đây sẽ hoại diệt
Dùng trân bảo làm gì
Như bỏ củi vào lửa
Không khi nào nhàn đủ.
Tâm người cũng như vậy
Mong cầu không nhàn đủ
Nếu thầy thương xót con
Dạy con pháp ít muốn

Vì sao lại chỉ chỗ
 Kho báu cho con thấy?
 Hễ ít muốn biết đủ
 Thì sinh lợi lạc lớn
 Nếu người nhiều tham dục
 Các căn thường tán loạn
 Tham cầu không nhàm đủ
 Hy vọng thêm khổ não,
 Nhưng người đa dục này
 Thường sinh tư tưởng dục
 Tham lợi không cùng cực
 Như miệng cá Ma-kiệt.
 Chính người ít muốn kia
 Không có khổ tham cầu
 Tâm thường hoan hỷ luôn
 Vui vẻ như ngày hội.

Khi Ưu-bà-tắc ca ngợi pháp ít muốn biết đủ, Tỳ-kheo kia sinh tâm ít có, khen ngợi:

– Lành thay! Lành thay! Đúng là bậc Trượng phu. Tuy thân không mặc pháp phục mà tâm đã xuất gia, thuận theo lời Phật, biết pháp ít muốn, ít muốn là pháp mà chư Phật đều khen ngợi.

Thầy Tỳ-kheo nói:

– Những lời ông đã nói, tóm lại, là những lời quở trách rất sâu sắc, làm cho tôi vô cùng hối lỗi. Ông hiện đang sống tại gia cùng vợ con, quyền thuộc và tôi tớ, đúng ra phải tham cầu để phát triển

tài sản, vậy mà ông lại nghe lời Phật dạy, khen ngợi hạnh ít muốn. Dù cho người có lưỡi bằng sắt cũng không thể chê bai hạnh ít muốn biết đủ. Giờ đây, tôi tuy xuất gia, thân mặc pháp phục, tương đồng với Sa-môn, nhưng thật không biết pháp Sa-môn mới xúi giục ông những việc đa dục, không biết khen ngợi pháp ít muốn mà Đấng Pháp Vương khen ngợi, trong khi pháp ít muốn là nguồn gốc của các điều thiện, như trong kinh Phật cũng dạy ít muốn là gốc của Sa-môn. Xưa kia, Đức Như Lai đi khát thực, nếu có thức ăn dư, Ngài ban cho các thầy Tỳ-kheo, hoặc bỏ xuống sông cho các loài vật ăn. Bây giờ, có hai thầy Tỳ-kheo đi khát thực bị thiếu thức ăn nên trông có vẻ đói lắm. Họ từ bên ngoài đi vào, Đức Phật trông thấy, Ngài bèn hỏi: “Hiện Ta còn thức ăn, các thầy có dùng không?”

Một thầy nói: “Đức Như Lai Thế Tôn nói hạnh ít muốn có công đức lớn. Nay tại sao ta lại vì tham thức ăn này mà ăn ư?”. Thầy Tỳ-kheo thứ hai lại nói: “Rất khó được gặp thức ăn dư của Đức Như Lai Thế Tôn. Các Phạm thiên, Đế Thích, Thiên vương đều cung kính đội trên đầu thức ăn dư ấy. Bây giờ, nếu ta ăn sẽ được lợi ích, sức khỏe an vui, nói năng lưu loát. Bởi vì thức ăn này rất khó được gặp, sao ta lại không ăn?”

Khi ấy Đức Thế Tôn ngợi khen thầy Tỳ-kheo không ăn: “Lành thay! Vị Tỳ-kheo tu theo lời Phật dạy, thực hành pháp ít muốn. Còn thầy Tỳ-kheo

thứ hai này tuy nghe theo lời Phật mời, ăn thức ăn dư của Phật nhưng không được khen ngợi. Vì thế nên biết rằng pháp ít muốn là điều căn bản mà Đức Phật đã ấn khả và răn dạy.”

Ngài liền nói kệ:

*Người muốn được pháp lợi
Phải thực hành pháp ít muốn
Pháp ít muốn như thế
Chính là chuỗi anh lạc
Trang nghiêm của bậc Thánh.
Đời này buông gánh nặng
Không lo, được vui sướng
Chính là cửa đầu tiên
Đổ vào nhà Niết-bàn.
Ngăn chặn các ma quân
Phòng hộ, chặn các nẻo
Thoát ra cảnh giới ma
Được quyền lực vô thượng
Giữ giới như biển lớn
Ít muốn như sóng biển
Thường vì các công đức
Làm cái dù che kín
Kẻ mệt vì tham cầu
Được an nghỉ trong ấy.
Gần gũi người ít muốn
Cũng giống như sữa bò
Lạc, tô và đề hồ
Được lấy ra từ đấy,*

Ít muốn cũng như vậy
 Sinh ra các công đức
 Người dang tay bố thí
 Tay ấy là đẹp hơn
 Người nhận rút tay lại
 Đẹp hơn lại hơn kia.
 Nếu người nói bố thí
 Giá lời ấy khó lường
 Người nhận nói: tôi đủ
 Khó lường lại hơn kia.
 Nếu muốn được pháp này
 Nên gần người ít muốn.
 Thế Tôn nói ít muốn
 Tức là pháp Thánh chủng
 Ít muốn không tài vật
 Giới, văn, tuệ thêm lớn.
 Pháp ít muốn như thế
 Pháp thực của xuất gia
 Tuy rằng có khát ái
 Nhưng không thể làm nã
 Vừa an vui kiếp sau
 Hiện tại cũng an ổn.



Chương 10

Người biết đủ tuy nghèo mà giàu, người
 không biết đủ tuy giàu mà nghèo. Nếu Thánh trí

đầy đủ thì đó là rất giàu.

Tôi từng nghe:

Thuở xưa, có một vị Ưu-bà-tắc bị người chê trách là nghèo mạt rệp. Nhưng vị Ưu-bà-tắc này ưa thích pháp biết đủ mà Phật khen ngợi, liền thuận theo pháp tướng mà nói kệ:

*Không bệnh, được lợi nhất
Biết đủ giàu bậc nhất
Bạn lành thân thích nhất
Niết-bàn an vui nhất.*

Ưu-bà-tắc nói kệ xong bèn bảo người kia:

– Như Đức Phật dạy biết đủ thì giàu, tại sao ông nói tôi là người nghèo nàn?

Ông ta lại nói kệ:

*Tuy có các cửa báu
Vật thường dùng dồi dào
Mà không tin Tam bảo
Cũng gọi rất nghèo nàn.
Tuy chẳng có cửa báu
Và các vật thường dùng
Nhưng kính tin Tam bảo
Cũng gọi là giàu nhất.
Nay ta kính Tam bảo
Đức tin là cửa báu
Người vì duyên có gì
Bảo ta là kẻ nghèo?
Đế Thích, Tỳ-sa-môn*

*Tuy nhiều các vật báu
 Nhưng khi họ bố thí
 Không thể xả tất cả.
 Tâm ta thích biết đủ
 Đối các vật quý báu
 Không có tâm tham đắm
 Tất cả đều xả được.
 Kho tàng người giàu sang
 Có nhiều các châu báu
 Nước, lửa và trộm cướp
 Đều có thể xâm đoạt,
 Khi người đó mất của
 Thì rất là khổ não
 Thầy thuốc và thuốc hay
 Không thể trị khổ kia.
 Ta lấy tín làm báu
 Không ai chiếm đoạt được
 Tâm ý thường an vui
 Không lo buồn khổ não.*

Nói kệ xong, Ưu-bà-tắc lại nói:

– Thế nên biết rằng: tuy có kho tàng, voi ngựa, bảy báu, các vật dùng mà không biết đủ thì cũng gọi là nghèo. Cho nên Phật dạy: Người biết đủ giàu có nhất.

Mọi người nghe xong đều khen ngợi:

– Lành thay! Đúng là những lời dạy chân chánh, có đại trí tuệ, là đáng đại trọng phụ.

Mọi người nói với nhau:

— Từ nay về sau ai tuy không có tài sản, vật báu nhưng có tín tâm, chúng ta gọi đó là người giàu có. Khổ nhọc để thu góp tiền của, đều cho là vui, vì muốn cung cấp cho gia đình, quyến thuộc, giúp họ không thiếu thốn. Những niềm vui như thế chính là thân vui trong hiện tại. Của báu tín tâm sẽ kéo dài trong nhiều đời là tài sản quý báu tha hồ dùng ở cõi trời, cõi người. Thế nên biết rằng lòng tin là tài sản vật báu bậc nhất. Với tài sản tín tâm này sẽ được thọ hưởng sự vui sướng trong khi còn sinh tử, không có các khổ não. Vàng bạc, châu báu có thể sinh ra tai họa, ngày đêm lo sợ người khác cướp lấy và có tám điều nguy hại. Vì tham đắm cho nên chịu khổ nhiều đời. Nhờ có tín tâm cho nên đạt được giới tài, thí tài, định tài, tuệ tài. Còn nếu không có tín tâm làm sao có được những tài sản như vậy. Vì thế nên tài sản tín tâm là bậc nhất. Ta có thứ tài sản này cho nên đối với mọi người, ta tự cho là rất giàu có. Thuở xưa, ta đã tích lũy nhiều nghiệp lành, do đó những điều mà ngày nay ta đạt được là nhờ vào tín tâm, biết đủ.

Họ liền nói kệ:

*Nhờ có được tín tâm
Nên không gây điều ác
Tất cả các công đức
Do lòng tin làm ra
Tín như sông, mũi tên*

Vút cuộn đi rất nhanh
Thường làm cho tâm ý
Mau thực hành pháp lành
Ai có nhiều của báu
Mà hơn người giàu tín
Tuy có nhiều của báu
Mất đi sẽ nghèo nàn
Khi người đó chết đi
Bỏ của đi một mình
Không theo đến đời sau,
Tài sản tín không mất
Luôn như bóng theo hình
Nhiều kiếp hưởng vui sướng.
Người đời chứa của báu
Hay sinh tâm tham dục
Tài sản tín không vậy
Ai thấy cũng vui mừng.
Đối với các của báu
Của báu tín trên hết
Trình bày rõ nghĩa này
Đáng Mâu-ni đã nói.
Thế nên ta chẳng nghèo
Của báu tín là hơn
Chỉ tín là của báu
Ngoài ra không gọi tài.
Bồ thí với tín tâm
Tài vật được thêm nhiều
Bồ thí không tín tâm

Quả báo chẳng là bao.



ĐẠI TRẠNG NGHIÊM KINH LUẬN

QUYỂN 3

Chương 11

Nếu có vị đệ tử nào giữ vững Giới luật, được người tôn kính thì tất cả người đời đều tôn kính người ấy như bậc Thầy.

Tôi từng nghe:

Thuở xưa, có các thầy Tỳ-kheo đi trong con đường hoang vắng, bị bọn cướp trần lột hết y phục. Bọn cướp muốn giết sạch các Tỳ-kheo vì sợ các Tỳ-kheo sẽ vào xóm tổ cáo. Trong bọn cướp có một tên trước đây từng xuất gia nên hắn nói với đồng bọn:

— Đâu cần giết họ làm gì? Theo pháp Tỳ-kheo thì không được làm tổn thương cây cỏ, bây giờ các ông hãy lấy cỏ trói họ lại. Vì sợ tổn thương cây cỏ nên họ sẽ không dám bứt đứt mà đi.

Bọn cướp liền lấy cỏ trói các Tỳ-kheo lại, rồi kéo nhau bỏ đi. Các thầy Tỳ-kheo bị trói bằng cỏ, sợ phạm giới cấm không dám bứt đứt. Thân không mặc y áo nên bị mặt trời thiêu đốt, lại thêm muỗi

mòng, ruồi bọ bu cắn. Các thầy bị trói từ sáng đến trưa, rồi cho đến khi mặt trời lặn, bóng tối bao phủ dày đặc, các thầy nghe tiếng chân đuôi chạy của loài cầm thú, tiếng tru của những loài chồn rừng, cùng tiếng rúc của chim cú mèo, âm thanh ghê rợn vang rền thật là đáng sợ. Có một thầy Tỳ-kheo già bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy hãy lắng nghe, mạng người thật ngắn ngủi như dòng sông chảy xiết. Nếu chúng ta có ở trên cõi trời cũng chẳng tồn tại dài lâu, huống gì mạng người ở chốn nhân gian, đâu thể giữ gìn được? Mạng sống đã mong manh thì sao lại vì thân mạng này mà phá hủy giới cấm? Các thầy nên biết rằng, thân người khó được, Phật pháp khó gặp, các căn khó đủ, tín tâm khó sinh. Mọi thứ ấy đều khó gặp được. Ví như con rùa mù gặp được bong cây nổi, Chánh đạo của Phật không giống như chín mươi lăm thứ tà kiến điên đảo kia, không có quả báo gì. Người tu hành Phật đạo chắc chắn đạt được chánh quả, sao lại tiếc nuôi cái thân vô thường bất định mà phá hủy Thánh giáo của Phật. Nếu ai vâng giữ lời Phật dạy, thì đời này được tiếng khen và công đức đầy đủ, đời sau được vui sướng, như bài kệ do Phật nói:

*Nếu người có trí tuệ
Giữ vững được giới cấm
Cầu trời, người, Niết-bàn
Đạt được điều như ý*

Tiếng tốt vang khắp nơi
 Mọi người đều cúng dường
 Ất được vui trời, người
 Cũng được quả giải thoát.
 Rong chúa Y-la-bát
 Vì phá hủy giới cấm
 Giẫm đạp lên lá cây
 Khi chết đọa làm rồng
 Chư Phật chưa xác định
 Khi nào bỏ thân rồng.
 Nếu giữ vững giới cấm
 Việc này rất là khó.
 Hình thức giới rất nhiều
 Khó phân biệt hiểu rõ
 Như đóng gai, rùng kiếm
 Vào đó nhiều tổn thương
 Người yếu kém không kham
 Giữ gìn giới như thế.

Các thầy Tỳ-kheo bị khổ sở bức bách, không thể co, duỗi, cho đến chuyển động thân thể, vì sợ cỏ bị đứt sẽ trái phạm giới cấm. Nên các thầy bảo nhau:

– Chúng ta tu hành cũng như cái cân kia giữ mức quân bình không cho tăng giảm. Giờ đây bị lâm vào hoàn cảnh khốn đốn sợ hãi, phải quyết chí một lòng không lay chuyển mới phân biệt được sự mềm yếu hay mạnh mẽ. Lấy cái thân hèn mọn để đổi lấy pháp quý giá an vui chốn trời, người và sự

an vui Niết-bàn, thì giờ đây chúng ta không có con đường nào khác, chỉ nên giữ gìn giới cấm, dù chết cũng không trái phạm.

Vị Tỳ-kheo giả liền nói kệ:

*Chúng ta từ xưa nay
Gây ra các nghiệp ác
Hoặc được sinh cõi người
Trộm cắp, dâm vợ người
Bị hình phạt của vua
Nhiều không thể tính kể,
Lại chịu khổ địa ngục
Cũng vậy, khó kể hết
Hoặc làm loài súc sinh
Bò, dê và gà, chó
Hươu nai, cầm thú thảy
Bị kẻ khác giết hại
Mất thân nhiều không xiết
Không hề có chút lợi.
Chúng ta hôm nay đây
Vì giữ gìn Thánh giới
Xả bỏ thân nhỏ này
Ắt được lợi ích lớn.
Nay ta gặp nguy ách
Chắc chắn bỏ thân mạng
Nếu sau khi qua đời
Sinh Thiên hưởng vui sướng
Nếu hủy phạm giới cấm
Hiện đời mang tiếng xấu*

Bị người đời khinh thường
 Chết đi đọa đường ác,
 Nay cùng nhau lập thế
 Ở đây đến khi chết
 Dù cho nắng mặt trời
 Chiếu khô thân mạng tôi
 Chúng con giữ giới Phật
 Không bao giờ hủy phạm.
 Giả sử các thú dữ
 Cắn xé tay chân con
 Cũng không hề hủy phạm
 Giới cấm Thích Sư Tử
 Con thà, giữ giới chết
 Không sống mà trái phạm.

Các thầy Tỳ-kheo nghe vị Tỳ-kheo già nói kệ này rồi, mỗi vị đều ngồi ngay thẳng, không hề dao động, ví như cây lớn lúc không có gió thổi, cành lá không lung lay. Bấy giờ có vị vua nọ tình cờ đi săn bắn, nhà vua dần dần đi về phía các thầy Tỳ-kheo bị trói. Trông thấy các thầy từ xa, nhà vua sinh tâm nghi ngờ bèn nghĩ: “Không biết những người lỏa hình kia là Ni-kiền hay Sa-môn?”. Nghĩ xong, nhà vua liền sai người đến xem thử. Các thầy Tỳ-kheo vô cùng thẹn, che thân mình lại. Người sứ xét biết là Sa-môn đệ tử Phật. Vì sao mà biết? Vì bên vai phải của họ bị đen. Người sứ vội quay trở lại tâu vua:

– Các vị ấy là Sa-môn chứ chẳng phải Ni-kiền.

Ông liền nói kệ:

*Xin đại vương biết cho
Họ bị giặc trấn lột
Xấu hổ bị cở trói
Như móc sắt buộc voi.*

Nhà vua nghe rồi rất lấy làm lạ, im lặng suy nghĩ: “Bây giờ ta hãy đến chỗ các thầy Tỳ-kheo”. Nghĩ xong, nhà vua nói kệ:

*Bị cở xanh trói tay
Giống như cánh anh vũ
Lại như dê té trời
Nằm yên không nhúc nhích
Tuy biết đang gặp nguy
Ngồi yên không hại cở
Như cây bị lửa đốt
Trâu mao chết vì đuôi.*

Nói kệ xong, nhà vua đến chỗ các Tỳ-kheo, hỏi:

*Thân thể rất khỏe mạnh
Có sức, không bệnh tật
Vậy vì lý do gì
Cở trói, lại ngồi yên?
Các thầy há không biết
Chính mình có sức ư?
Bị chú thuật mê hoặc
Hay là vì khổ hạnh
Hay nhàm chán thân mình?
Xin mau nói cho biết.*

Thầy Tỳ-kheo đáp:
Cỏ này rất non yếu
Bứt đứt cũng không khó
Chỉ vì bị buộc bởi
Giới Kim cang của Phật
Giữ gìn các giới cấm
Nên không dám bứt đứt.
Phật nói: các cỏ cây
Là nơi quỉ thần ở
Chúng tôi không dám trái
Cho nên không dám bứt.
Giống như đàn chủ thuật
Vi phạm vì quanh rẩn
Nhờ năng lực thần chú
Rẩn độc không qua được,
Thế Tôn vi phạm vì
Chúng tôi không dám vượt.
Chúng tôi tuy giữ thân
Cuối cùng cũng phải chết
Nhưng thà giữ giới chết
Hơn phá giới mà sống.
Có đức và không đức
Rốt cuộc rồi cũng chết
Có đức tuệ mạng còn
Và lại có tiếng khen
Không đức tuệ mạng mất
Cũng mất cả tiếng tăm.
Các Sa-môn chúng tôi

*Giữ giới là sức mạnh
 Giữ giới là ruộng tốt
 Sinh ra các công đức
 Thêm thang sinh cõi trời
 Hạt giống của tiếng khen
 Bến cầu lên bờ Thánh
 Dầu, mắt của các lợi
 Ai người có trí tuệ
 Muốn phá bình giới đức?*

Lúc ấy nhà vua rất vui mừng, liền mở cỗ trói cho các thầy Tỳ-kheo và nói kệ:

*Lành thay! Giữ vững được
 Những điều Thế Tôn dạy
 Thà bỏ thân mạng mình
 Giữ pháp không hủy phạm.
 Nay tôi cũng quy mạng
 Như thế bày pháp lớn
 Quy y là nóng bức
 Đáng Giải Thoát Mâu-ni
 Người giữ giới vững chắc
 Nay tôi cũng quy mạng.*



Chương 12

Nếu người trong tâm hiền thiện thì thường an ổn, làm lợi ích cho tất cả chúng sinh. Thế nên người trí phải tu tâm, khiến cho tâm ấy luôn hiền

thiện.

Tôi từng nghe:

Thuở xưa, có các Tỳ-kheo cùng những người đi buôn ra biển tìm vật báu. Khi mọi người ra giữa biển thì thuyền bị vỡ. Lúc ấy có một Tỳ-kheo trẻ tuổi vớ được tấm ván, còn Thượng tọa Tỳ-kheo không được miếng ván nên sắp bị chìm. Vị Thượng tọa vô cùng hoảng sợ, sợ bị chết trôi, nên nói với thầy Tỳ-kheo trẻ tuổi:

– Chẳng lẽ thầy không nhớ giới do Phật dạy là phải tôn kính bậc thượng tọa sao? Thầy hãy đưa tấm ván của thầy cho tôi.

Thầy Tỳ-kheo trẻ tuổi suy nghĩ: “Đúng thật, Đức Thế Tôn có dạy điều này, nếu có các thứ lợi lạc thì trước nên nhường cho bậc Thượng tọa”. Thầy lại nghĩ rằng: “Nếu ta đưa miếng ván cho Thượng tọa, thì chắc chắn sẽ bị chìm trong dòng nước, tai nạn của biển cả thật là vô biên, mạng sống của ta sẽ không được toàn vẹn. Tuổi ta còn nhỏ, lại mới xuất gia, chưa đắc đạo quả, ta lấy làm buồn vì điều này, nên bây giờ chính là lúc ta nên bỏ thân để cứu mạng Thượng tọa”. Nghĩ rồi, thầy Tỳ-kheo bèn nói kệ:

*Ta vì giúp hoàn toàn
Nên thuận theo lời Phật
Vô lượng công đức nhóm
Tiếng khen khắp mười phương*

Thân mạng rất thấp hèn
 Vì sao trái lời Phật!
 Nay ta thọ giới Phật
 Phải giữ vững đến chết
 Vì thuận theo lời Phật
 Nhường ván bỏ thân mạng.
 Nếu không gặp việc khó
 Không hề được quả khó.
 Nếu ta giữ tám ván
 Ất vượt nạn biển lớn
 Nếu không thuận lời Phật
 Sẽ chìm biển sinh tử.
 Nay ta chìm xuống nước
 Tuy chết, vẫn là hơn
 Nếu bỏ lời Phật dạy
 Mất lợi sinh trời, người
 Cho đến đại Niết-bàn
 Vui bậc nhất, vô lượng.

Nói kệ xong, thầy Tỳ-kheo trao miếng ván cho Thượng tọa. Vị Thượng tọa nhận lấy. Lúc đó thần biến xúc động trước sự chân thành của thầy Tỳ-kheo, liền tiếp lấy thầy Tỳ-kheo trẻ tuổi đưa lên bờ và chấp tay bạch:

– Giờ đây, tôi xin quy y bậc giữ vững giới pháp. Thầy đã gặp tai nạn nguy khốn như vậy mà vẫn giữ giới Phật.

Thần biến bèn nói kệ ca ngợi thầy Tỳ-kheo:

Thầy thật là Tỳ-kheo
Đúng là người khổ hạnh
Được gọi là Sa-môn
Thầy đáng danh như thế.
Cũng nhờ các công đức
Và năng lực của thầy
Các bạn và của báu
Thoát khỏi tai nạn lớn
Tất cả đều an ổn.
Lời thệ thầy vững chắc
Kính thuận lời Phật dạy
Thầy là người hơn cả
Xua tan các hoạn nạn
Giờ đây tôi làm sao
Không ủng hộ cho được.
Thấy chân lý, giữ giới
Việc này chưa phải khó
Phàm phu không phá giới
Đó mới thật ít có.
Tỳ-kheo sống an ổn
Thanh tịnh tự dè dặt
Không hề hủy giới cấm
Đó cũng chưa phải khó,
Chưa đạt được dấu đạo
Còn sống trong sợ hãi
Bỏ thân thể đáng yêu
Giữ gìn giới Phật dạy
Khó làm mà làm được

Đó rất là ít có!



Chương 13

Nếu chưa thấy dấu đạo thì tuy học rộng nghe nhiều vẫn không thể dứt được khổ sinh tử. Thế nên người hiểu biết phải mong cầu thấy được chân lý.

Tôi từng nghe:

Thuở xưa, có hai anh em cùng đi xuất gia. Người anh chứng quả A-la-hán, còn người em thì thông suốt ba tạng giáo điển. Khi đó người anh nói với người em:

– Thầy nên ngồi thiền.

Người em hện:

– Em sẽ ngồi thiền.

Thầy Tỳ-kheo La-hán lại nói:

– Chẳng lẽ thầy không nghe Đức Phật dạy: Người hành đạo như chữa lửa cháy đầu đó sao?

Vị ấy nói kệ:

*Việc hôm nay làm được
Đừng đợi đến ngày mai
Thân người không giữ được
Hãy mau tu việc lành!
Khi thân chết đã đến
Thì không thể van xin*

Nếu khi người qua đời
Không biết đi đường nào
Mê muội theo nghiệp duyên
Nào biết đường xa gần.
Mạng như đèn trước gió
Không biết tắt lúc nào
Thầy nói rồi sẽ hành
Lời này rất luống dối!
Sự chết dữ như cọp
Không dung túng một ai
Một khi cọp chết đến
Không đợi đến ngày mai.
Vua chết rất tàn hại
Thầy nên sinh lo sợ
Phải biết thân mong manh
Mạng này khó giữ được
Nên siêng quán nội thân
Bỏ đi việc học rộng,
Mong giải thoát thế gian
Vượt hẳn gốc sinh tử
Khi cái chết vụt đến
Hối hận làm sao kịp?
Nếu nay thấy dấu đạo
Khỏi ăn năn ngày sau
Vững bền trong Phật pháp
Gọi đó là dấu đạo.
Việc học rộng luống dối
Nên bỏ chớ yêu tiếc

Tuy nghe nhiều hiểu rộng
Không đạt được dấu đạo
Như người mù cầm đèn
Soi người, mình không thấy.
Nếu muốn cầu tự lợi
Cần phải thấy dấu đạo.
Vang danh giữa mọi người
Lời lẽ khéo léo hay
Giảng nói các pháp tướng
Giải thích các nghi ngờ
Làm cho chúng nghe pháp
Đều sinh tâm vui mừng
Lại khiến cho mọi người
Thấy đều được điều hòa,
Tuy làm được như vậy,
Nhưng khi chết tâm loạn
Cũng đọa vào đường ác
Bị người trí cười chê.
Các pháp do thầy giảng
Đủ lời lẽ, câu văn
Thứ lớp nói nhân quả
Lời hay vui tâm ý
Vị ngọt như mía lau
Tuy làm được như vậy
Mà không tự điều hòa
Thì chưa dứt ba đường
Mình chưa được giải thoát
Thì chẳng dùng việc ấy

Phàm phu không đáng tin
Nên câu thấy chân lý.
Thầy được nhiều lời khen
Cho là nói pháp giỏi
Tuy có tiếng khen suông
Ích lợi chi cho thầy!
Nên quán sát trong thân
An nhiên tu thiền định.
Xưa nay người học rộng
Trên đời có rất nhiều
Vô thường làm tàn lụn
Chẳng còn được là bao
Gian khổ tìm tiếng khen
Tuy được lại mất đi.
Phật nói pháp hữu vi
Tất cả đều vô thường
Hàng sa Phật quá khứ
Thành tựu ba Đạt trí
Dứt trừ hết ba chương
Một niệm quán ba đời
Các Đức Thế Tôn này
Nổi tiếng khắp mười phương
Nay đều nhập Niết-bàn
Tên tuổi cũng mất theo.
Thế nên thầy hôm nay
Nên siêng tu tinh tấn
Dứt bỏ những tiếng khen
Chỉ cầu được giải thoát.

Thầy Tỳ-kheo thông suốt ba Tạng đáp:

– Đúng phải làm như vậy.

Không bao lâu, thầy Tỳ-kheo thông suốt ba Tạng bị bệnh nặng, sợ sẽ qua đời nên trong lòng vô cùng ăn năn, bèn nói kệ:

*Lạ thay! Ta hôm nay
Trong Thánh pháp của Phật
Giới văn tuy đầy đủ
Nhưng không thấy chân lý
Nếu bây giờ ta chết
Thì đâu khác loài chó
Trôi lăn trong sinh tử
Như bánh xe thợ gốm.
Nay ta rất xót xa
Chưa chứng được dấu đạo
Thầy tỏ rủ lòng thương
Khuyên ta tu thiên định
Ta không vâng lời dạy
Chưa tu tập phần nào
Vì thế nên hôm nay
Không thấy được Chân đế.
Ta cảm trọn đèn pháp
Sáng rực của Đức Phật
Nhưng ta quá vô minh
Không thể tự soi mình
Vì không thể tự soi
Nên mãi khổ sinh tử.*

Các Tỳ-kheo đồng học nghe tin thầy Tỳ-kheo ấy bị bệnh nặng đều đến thăm hỏi, thấy thầy bị khủng hoảng tinh thần, mọi người đều kinh ngạc và nói:

– Chẳng lẽ thầy không nghe Đức Phật có dạy rằng: Người học rộng có năng lực trí tuệ, biết được vô thường. Thế nên nay thầy chớ lo sợ.

Thầy Tỳ-kheo bị bệnh liền nói kệ đáp lời các Tỳ-kheo đồng học:

*Trước tôi được chỉ dạy
Phải tu pháp ngồi thiền
Lần lựa ngày lại ngày
Biếng lười tự dối gian
Làm cho một đời này
Luống qua chẳng được gì.
Thân này như chùm bọt
Tôi chẳng quán sát sâu
Nghĩ bừa là chắc thật
Bất chợt cái chết đến
Chuyên ròng pháp học rộng
Lúc sống nghĩ là hơn
Bỗng thân chết hớp hồn
Ấn năn làm sao kịp?
Như lời kinh đã dạy
Phải tu tập ngồi thiền
Tinh tấn chớ biếng nhác
Trừ hết các kết sử
Phật có dạy như vậy*

Tôi chẳng thực hành theo
 Lửa ăn năn thiêu đốt
 Làm tâm tôi phiền não.
 Giờ tôi rất yếu ớt
 Như đứa trẻ ngu ngơ
 Trong sáu đường ác kia
 Không biết chọn đường nào!
 Chẳng biết đời tương lai
 Sẽ được nghe lời Phật?
 Hay luân hồi ba cõi?
 Sẽ gặp được những ai?
 Cũng không biết vị lai
 Làm nên sự nghiệp gì?
 Hoặc đánh mất bản tâm
 Sinh khởi ba thứ độc
 Không tu các việc lành
 Chỉ gây nhiều nghiệp ác.
 Than ôi! Thật khổ thay
 Vì ta tự lừa dối
 Đã xa lìa các nạn
 Phải đạt đạo xuất thế
 Sao lại vì ngu si
 Mà mắc tình buông thả?

Các thầy Tỳ-kheo đồng học nghe Tỳ-kheo bệnh nói kệ xong, họ lại an ủi:

– Thầy đã học rộng nghe nhiều, lại giữ giới vững chắc, hãy bình tĩnh, tại sao phải lo sợ đến như vậy?

Thầy Tỳ-kheo bệnh nói:

– Giờ đây tôi bị bệnh tật nguy khốn, nếu các vị không quan tâm chắc là tôi phải chết.

Rồi nước mắt ràn rụa, thầy thưa với người anh:

– Xin huynh hãy xích lại gần tôi một chút. Vì tôi ngu si không nghe lời huynh chỉ dạy, nay tôi bệnh nặng, chắc phải luân hồi. Xin huynh rủ lòng thương, mà cứu giúp khiến cho tôi được khỏi khổ.

Thầy nói kệ:

*Cùng ở trong pháp Phật
Huynh đáng gọi Sa-môn
Thường hay dạy bảo tôi
Tôi ngu si không vâng
Vì việc này nên tôi
Càng sinh lòng hối hận
Giữa hè hơi nóng bức
Lửa hừng hực đốt thiêu
Tôi phụ ân huynh dạy
Lửa ăn năn hơn kia.
Nay tôi không chỗ dựa
Chỉ biết quy y huynh
Lúc thọ thân đời sau
Quán sát chớ quên tôi
Khiến sau gặp Phật pháp
Trở lại được xuất gia
Không luống mặc pháp phục.
Tâm nguyện đạt đạo quả*

*Các việc học vẫn khác
 Bỏ hết không đeo đuổi
 Tinh tấn cầu giải thoát
 Ngoài ra chẳng mong gì.
 Giả sử đời tương lai
 Cầu thấy được Chân đế
 Da thịt và gân cốt
 Tủy não có khô cạn
 Thân mạng vẫn thông dong
 Không hề bỏ giải thoát
 Lại nguyện thân vị lai
 Thường xuyên tu pháp lành
 Sáu thời trong ngày đêm
 Tinh tấn không bỏ phế.*

Thầy Tỳ-kheo bệnh nói kệ xong trong lòng rất hoảng sợ. Thầy Tỳ-kheo anh thấy vậy vô cùng lo lắng xót thương nói:

– Lành thay! Lành thay! Nay thầy rất ăn năn và phát thệ nguyện. Trước đây tôi đã dạy thầy nhưng thầy không chịu nghe lời, bây giờ ăn năn làm sao kịp?

Vị ấy bèn nói kệ:

*Bệnh tật đã nguy khốn
 Cái chết chẳng còn xa
 Tay chân đều rã rời
 Gió đao cắt thân kia
 Thuốc thang không trị được*

Thầy thuốc cũng bó tay
 Người chung quanh đều nói:
 Là thay nhất định chết.
 Bà con, các phụ nữ
 Thấy vậy buồn than khóc
 Sắp chết rất sợ hãi
 Khổ kinh sợ, khó tả.
 Nếu như khi mạnh khỏe
 Biết chết có khổ này
 Ai không phát tâm đạo
 Quyết đạt quả giải thoát.
 Khi trẻ tuổi không bệnh
 Lười biếng chẳng tinh tấn
 Chỉ toan tính các việc
 Không tu thí, giới, thiện
 Về sau bị bệnh nặng
 Các căn như lửa đốt
 Sắp bị thần chết bắt
 Mới ăn năn tu thiện.

Thầy Tỳ-kheo bệnh qua đời, được sinh trở lại làm người. Khi ấy, thầy Tỳ-kheo A-la-hán dùng Thiên nhãn quan sát biết chỗ của thầy Tỳ-kheo kia sinh về nên đến nhà ấy mấy lần. Đưa bé dần dần khôn lớn nhờ bà vú bông ẵm. Bà ta bông đưa bé đến Tăng phòng, tới chỗ vị La-hán, vì bé không chặt, lỡ tay làm rơi đưa bé xuống đất, đầu đập trên tảng đá. Đứa bé rất tức giận, chết đi, đọa vào địa ngục. Vị Tỳ-kheo A-la-hán lại dùng Thiên nhãn

quán sát đứa bé, thấy nó sinh vào chỗ rất khổ sở trong địa ngục.

Vị ấy liền nói kệ:

*Than ôi, tàn tệ thay!
Sinh chỗ khó cứu được
Năng lực Phật khó cứu
Huống ta sao cứu được!
Chú tâm, tuệ vô lậu
Chẳng phải khổ tu được
Trong địa ngục khổ nào
Không hề có chút vui
Tâm tạm vui không có
Làm sao có chú tâm?
Do vì không chú tâm
Nên không Tuệ vô lậu
Chỗ gian nan như vậy
Làm sao cứu khổ được?
Chịu khổ lớn địa ngục
Không thể dụ hết được.
Nếu lại cố phát thệ
Cái khổ chết côi người
Ít có thể dụ được
Khổ địa ngục còn hơn.
Như lửa đốt củi khô
Không lúc tạm mát mẻ
Khổ địa ngục cũng vậy
Chẳng có tạm dừng nghỉ.
Ấm thân trong địa ngục*

Như đồng sắt nóng chảy
 Khổ nhiệt não đốt thiêu
 Không thể nào kể hết.
 Thế nên đừng biếng trễ
 Ngày đêm không ngừng nghỉ
 Siêng năng tu Chánh đạo
 Khiến các khổ không còn.
 Vì thế, trước tu đạo
 Hẹn được quả giải thoát
 Sau đó mới học rộng
 Để làm anh lạc đẹp.



Chương 14

Nếu ai thấy việc này hãy nên thức tỉnh. Sự giàu sang vinh hiển ở đời không tồn tại lâu dài.

Tôi từng nghe:

Thuở xưa, vua Chiên-đàn-kế-ni-tra định đến thành Kế-ni-tra. Giữa đường nhà vua thấy năm trăm người ăn xin đồng thanh nói:

– Xin bố thí cho tôi!

Nhà vua nghe nói liền sinh tâm tỉnh ngộ. Ngài nghĩ rằng: “Đám ăn mày kia đã thức tỉnh ta. Thuở xưa, ta đã từng là người nghèo khổ, nếu ngày nay ta không bố thí thì sau này ta cũng như họ vậy”. Nhà vua liền nói kệ:

Những người này đời trước

*Nhiều bạc tiền, của cải
Nói rằng không bố thí
Nay bị nghèo hèn đây.
Nếu nay ta nói không
Sau cũng giống như vậy.*

Lúc đó có quan phụ tướng tên Thiên Pháp xuống ngựa, chấp tay tâu vua:

– Những kẻ ăn xin đều nói “Xin bố thí cho tôi”.

Vua đáp lời vị quan rằng:

– Ta có nghe lời ấy, nhưng sự hiểu của ta và khanh không giống nhau. Người hiểu rằng: “Đám ăn mày này chỉ có một vấn đề là xin tiền bạc của cải.” Còn ta hiểu thì thế nào, giờ đây sẽ nói cho khanh biết. Khanh nên lắng nghe.

Vua liền nói kệ:

*Những đứa bé ăn xin
Đến đây thức tỉnh ta
Với thân tướng nghèo hèn
Họ cho ta được thấy
Tự nói chịu thân này
Do bản xén không thí
Bị buông lung dối gạt
Chịu thân khổ não này.
Kẻ ăn xin ngu hèn
Dạy ta nghĩa thế này:
Chúng cũng từng làm vua
Như trăng giữa các sao*

*Lọng bấu che trên đầu
 Kỹ nữ luôn túc trực
 Kẻ hầu đều trang nghiêm
 Nghe vua đến tránh đường,
 Tuy có đủ những thứ
 Kỳ diệu ở trên đời
 Nhưng vì không bố thí
 Nên nay bị nghèo hèn.
 Phước lạc mê tâm khanh
 Không biết khổ đời sau
 Vua loài người nên biết
 Nay ta rất đau khổ
 Hãy nên tu bố thí
 Chớ để sau như ta.*

Quan phụ tướng Thiên Pháp nghe kệ xong, trong tâm rất vui mừng, chấp tay tâu vua:

– Như lời Phật dạy, thấy người khác chịu khổ phải tự quán sát mình. Hôm nay đại vương thật hợp với ý Phật, vừa thấy những người ăn xin kia đã thức tỉnh ngay. Lành thay đại vương! Ngài có ý tưởng thật tinh tế mới như vậy, đại vương thức tỉnh được việc này và khéo hiểu rõ ý nghĩa Đức Phật đã dạy. Đại vương thật xứng đáng là bậc có khả năng cai trị cả thế gian, đúng thật là chủ tể của thế gian, không hề luống dối. Vì sao? Vì ngài có khả năng hiểu rõ ý nghĩa sâu xa của pháp Phật. Ngài là người thông minh nên thấu đạt, vì thế mà mọi người ca tụng ngài là “Người đứng đầu thế gian”.

Ông nói kệ:

*Người đứng đầu phải vậy
Ý này là vô thượng
Ý này khó thường hằng
Tự lợi được cũng khó
Thân người rất khó được
Tín tâm cũng khó sinh
Của báu lại khó đủ
Ruộng phước khó được gặp
Mỗi một việc trên đây
Thật khó mà gặp gỡ.
Thí như ngoài biển lớn
Rùa mù gặp bông cây
Các việc khó như vậy
Đại vương đều có đủ.
Thế cho nên hôm nay
Không buông lung tâm ý
Thân người như ánh chớp
Chợt lóe chẳng dừng lâu
Tuy là được thân người
Mong manh khó gìn giữ
Khi chết đôi mắt nhắm
Tay chân đều xụi lơ
Tuy có bốn oai nghi
Tới lui không tự do
Đôi mắt đã đứng trông
Sắp đi vào cõi chết,
Thân thuộc ở hai bên*

Thấy vậy đều thương khóc
 Đưa tay sờ vào thân
 An ủi bảo đừng sợ
 Nghe lời thân quyến khuyên
 Càng tăng thêm thương cảm
 Chắc chắn biết sẽ đi
 Vào con đường vĩnh biệt
 Tuy có nhiều của báu
 Nhưng không thể mang theo.
 Khi các mạch ngưng đập
 Nhan sắc đều đổi thay
 Mạng đến hồi cấp bách
 Như dầu hết đèn tắt
 Đến lúc như thế đó
 Ai tu Bồ thí được.
 Giữ giới và Nhân nhục
 Tinh tấn và Thiên, Trí
 Giờ háp hối chưa đến
 Nên chuyên cần tu tâm.



Chương 15

Người nào khi sắp chết muốn đem tài sản, vật
 báu đến đời sau, điều này không thể có, ngoại trừ
 đem các công đức bồ thí. Nếu sợ đời sau bị nghèo
 nàn hãy nên tu bồ thí.

Tôi từng nghe:

Thuở xưa, có một vị vua tên Nan-đà. Vị vua này chất chứa vàng bạc châu báu để mang đến đời sau, ông ta thầm nghĩ: “Bây giờ ta phải gom hết vàng bạc châu báu trong nước lại một chỗ không để cho lọt ra ngoài”. Vì tham gom tài sản cho nên nhà vua đem cô con gái của mình để ở trên lầu các dân nữ, rồi sai người hầu cận bảo:

– Nếu có người đem của báu đến đây cầu con gái ta, thì hãy đưa người ấy và cả của cải đến chỗ ta.

Như thế nhà vua gom hết tiền bạc của báu cả nước về kho của ngài.

Bây giờ, có người quả phụ có một đứa con duy nhất nên bà yêu thương vô cùng. Người con trai này thấy cô con gái nhà vua cử chỉ cao sang xinh đẹp không ai bằng, nên lòng yêu say đắm. Nhưng vì nhà nghèo quá, không biết lấy gì để làm lễ ra mắt với công chúa nên buồn bã phát bệnh, hơi thở mong manh, thân thể tiêu tụy. Người mẹ hỏi con:

– Nguyên nhân vì sao con đau ốm như thế?

Người con thưa cho mẹ nghe sự thật, rồi nói thêm:

– Nếu con không được đến chỗ con gái nhà vua kia chắc chắn con sẽ chết.

Người mẹ nói:

– Tất cả tiền bạc, vật báu trong nước đều hết sạch, biết tìm của báu ở đâu bây giờ.

Bà mẹ suy nghĩ rồi nói với con:

– Cha con khi chết trong miệng có ngậm một đồng tiền vàng. Nếu con đào mộ lên có thể lấy được đồng tiền ấy để đến gặp cô con gái kia.

Theo lời mẹ nói, chàng liền đi đào mộ cha, cạy miệng lấy đồng tiền vàng. Sau đó y đến thanh lâu để gặp con gái vua, con gái vua sai người đưa anh ta và đồng tiền vàng trình diện vua cha. Nhà vua thấy đồng tiền vàng bèn hỏi:

– Tiền bạc, châu báu trong nước, tất cả đã thuộc về kho của ta hết. Người kiếm đâu ra đồng tiền vàng này đem đến đây? Chắc là người tìm được của chôn giấu phải không?

Nhà vua tìm đủ cách tra khảo để biết rõ chỗ chàng trai được đồng tiền vàng. Chàng trai tâu vua:

– Thật sự tôi không đào được của báu trong đất, mà là được mẹ tôi nói cho biết: Khi cha tôi chết, trong miệng có ngậm một đồng tiền vàng. Tôi đào mộ mới lấy được đồng tiền vàng này.

Vua sai người đến nơi kiểm chứng xem hư thực. Sứ giả đến nơi quả thật có thấy chỗ để đồng tiền vàng trong miệng người cha khi chết. Sau đó nhà vua mới tin. Vua nghe xong việc này bèn suy nghĩ: “Trước đây ta đã gom góp tất cả của cải, châu báu mong giữ những tài sản này đến đời sau. Cha của người kia có một đồng tiền vàng còn không thể giữ được để đem đi, huống chi ta có quá nhiều”.

Rồi vua nói kệ:

*Trước ta chuyên gom góp
Tất cả các châu báu
Mong mang các tiên, vật
Theo ta đến đời sau
Nay thấy người đào mộ
Lại đoạt lấy tiên vàng
Một đồng còn không theo
Huống chi nhiều châu báu.
Vua lại suy nghĩ rằng:
Phải tìm phương cách nào
Khiến cho các châu báu
Theo ta đến đời sau?
Ngày xưa, vua Đánh Sinh
Đem theo các quân lính
Và voi, ngựa, bảy báu
Đều mang đến cõi trời,
La-ma làm cầu cở
Đến được thành Lãng-già,
Nay ta muốn lên trời
Mà không có cầu thang
Muốn đến thành Lãng-già
Lại không có bến cầu
Nay ta không phương kế
Đem báu đến đời sau.*

Lúc ấy, có vị quan phụ tướng là người thông minh, biết cơ trời. Ông ta biết ý vua nên nói:

– Điều đại vương nói thật là chí lý. Nếu thọ

thân đời sau thì phải cần tài vật, của báu, nhưng nay châu báu và voi ngựa không thể đem đến đời sau được. Vì sao? Vì khi chết đi, chính cái thân này của nhà vua còn không thể đem đến đời sau, huống gì là tài vật, của báu, voi ngựa ư? Nếu muốn đem châu báu này đến đời sau chỉ có cách bố thí châu báu ấy cho Sa-môn, Bà-la-môn và những người nghèo khổ xin ăn, phước báo giúp người sẽ đến tận đời sau.

Ông liền nói kệ:

*Người mặt mày đẹp xinh
Đến nước soi thấy đẹp
Đẹp, xấu tùy mặt hình
Ảnh hiện rõ trong nước.
Mặt đẹp thì ảnh đẹp
Mặt xấu thì ảnh xấu
Thân này mặt như thế
Thân sau mặt đẹp hơn.
Giới, tuệ trang nghiêm thân
Sau được quả đáng ưa
Nếu người làm việc ác
Sau chịu báo rất khổ.
Tín tâm đem tài vật
Cúng dường mẹ, cha, thầy
Sa-môn, Bà-la-môn
Người nghèo nàn khôn khổ
Chính là nước đời sau
Thấy mặt mày trong đó*

Ảnh nghiệp thí, giới, tuệ
 Cũng lại hiện trong đó.
 Vua có nhiều người hầu
 Cung nhân và thể nữ
 Quan quân và thứ dân
 Xướng kỹ âm nhạc thấy
 Tới ngày vua qua đời
 Tiếc thương đưa ra mộ
 Xong rồi trở về nhà
 Không một ai theo vua
 Hậu cung, người hầu thấy
 Kho tàng, các châu báu
 Ngựa, voi, các xe báu
 Tất cả đồ vui chơi
 Làng nước, các nhân dân
 Vườn tược, chỗ vui chơi
 Bỏ hết, đi một mình
 Chẳng một ai đi theo
 Chỉ có nghiệp thiện ác
 Theo mãi chẳng rời xa.

Con người khi sắp chết phát ra hơi thở khò khè nặng nhọc, họng lưỡi khô khốc, không đồ được nước, nói năng chẳng rõ ràng, mắt mờ không thấy gì, gân mạch ngưng hoạt động, gió lạnh như cắt da thịt, tay chân rời rã. Các cơ quan trong người đều ngừng nghỉ, không còn hoạt động, toàn thân đau nhức như bị kim đâm. Khi tắt hơi rồi, người chết thấy tất cả đều mù tịt tối đen như là rơi xuống hầm

sâu, đi một mình chốn đồng rộng không bè bạn. Chỉ có hạnh tu phước lành là người bạn thân giúp đỡ người đó mà thôi. Ai lo đời sau hãy mau tu phước.

Ông liền nói kệ:

*Khi người sắp qua đời
 Cô đơn không bè bạn
 Nhất định sẽ lìa bỏ
 Tất cả người thân yêu.
 Một mình chốn tối tăm
 Nơi đáng ghê, đáng sợ
 Người thân đều lìa xa
 Cô độc không ai cả
 Vì thế nên sắm sửa
 Lương khô bằng pháp lành.*

Vì hiểu rõ nghĩa này nên Ba-la-lu-chi dùng lục kệ ca ngợi nhà vua:

*Tuy có nhiều châu báu
 Chứa nhóm như núi Tuyết
 Voi, ngựa, các xe báu
 Mưu thần và chú thuật
 Chuyên nghĩ lúc chết đến
 Không thể cứu giúp được
 Nên tu các pháp lành
 Chính mình được lợi lạc.
 Bạc mắt như sen xanh
 Nên siêng hành giới, thí*

Chết là nỗi sợ lớn
Ai nghe đều sợ hãi.
Mọi loài trong thế gian
Không một ai khỏi chết
Thế cho nên đại vương
Nên quán chết là khổ.
Bạc mắt như sen xanh
Hãy nên tu nghiệp lành
Chính mình được lợi lạc
Nên siêng hành giới, thí.
Khi người đã qua đời
Của cải không theo được
Sức mạnh và tuổi trẻ
Không thể đến hai lần.
Bạc mắt như sen xanh
Phải nên tu nghiệp lành
Chính mình được lợi lạc
Nên siêng hành giới thí.
Di-lực-na-hầu-sa
Da-da-đế đại vương
Và Truân-đâu-ma-la
Bà-ca-phu-lợi-phủ
Kiêu-ly-xà-thế-phu
Dũ-việt-tân-thế-ba
Những vị trên mọi người
Các vị vua cao quý
Binh lính và các quan
Thảy đều vào cõi chết

Vui buồn nối bước nhau
Ý niệm lần lượt khởi.
Bạc mắt như sen xanh
Hãy nên tu nghiệp lành
Giúp mình được vui sướng
Nên siêng hành giới thí.
Của báu và vinh hoa
Đồ này khó tìm được,
Phước lộc chẳng thường có
Sức lực có tăng giảm,
Tất cả tướng không định
Vua chúa cũng vô thường
Những việc rất khó này
Nay đều được đầy đủ.
Bạc mắt như sen xanh
Nên tu các pháp lành
Giúp mình được vui sướng
Hãy siêng tu giới, thí.
Người có nhiều sức mạnh
Vượt qua khỏi biển lớn
Bạc trượng phu chuyên nghề
Vượt qua được các núi
Vĩ làm được việc đó
Vẫn chưa gọi là khó
Ích lợi cho đời sau
Việc này mới là khó



Chương 16

Thân này không bền chắc. Thế nên người hiểu biết phải biết cúng dường bậc Tôn trưởng. Đây gọi là lấy pháp không bền chắc để đổi lấy pháp bền chắc.

Tôi từng nghe:

Thuở xưa, trong dòng họ Mâu-ni có vị vua tên A-dục, là người kính tin Tam bảo. Nếu ở chỗ yên tĩnh mà gặp đệ tử Phật, không luận là lớn hay nhỏ, nhà vua đều xuống ngựa cung kính đánh lễ dưới chân. Bấy giờ nhà vua có một vị quan lớn tên Da-xa, là người tà kiến không có đức tin, thấy nhà vua lễ kính các thầy Tỳ-kheo như vậy, sinh tâm hủy báng thậm tệ và tâu vua:

– Các Sa-môn này thuộc đủ tầng lớp giai cấp đi xuất gia chẳng phải chỉ có dòng Sát-đế-lợi và Bà-la-môn, mà xen tạp cả dòng Tỳ-xá và Thủ-đà-la. Những người này làm nghề thuộc da hay dệt vải và làm ngói, gạch, làm thợ hớt tóc, cũng có người thuộc dòng thấp kém Chiên-đà-la... Vì sao đại vương lại đánh lễ họ.

Nhà vua nghe nói, lặng im không đáp. Một hôm, nhà vua nhóm họp các quan lớn và bảo họ:

– Hôm nay ta cần các loại đầu nhưng không được giết hại, cho phép các khanh được tìm đầu ở những con vật tự chết.

Vua bảo các quan:

– Hôm nay khanh phải tìm được cái đầu con vật mõ giáp.

Lại bảo vị quan khác:

– Khanh phải tìm được đầu con vật kia.

Cứ như vậy, vua lần lượt ban sắc lệnh cho các quan phải tìm các đầu các loài vật khác nhau, không được giống nhau.

Riêng Da-xa nhà vua bảo:

– Khanh phải lấy được cái đầu người tự chết.

Tất cả các loại đầu đó đều đem ra chợ bán. Các loại đầu như thế đều bán được, chỉ có đầu người là ai thấy cũng tránh xa, không chịu mua. Mọi người thấy cái đầu đều mắng Da-xá:

– Người chẳng phải Chiên-đà-la, Dạ-xoa, La-sát, sao lại mang đầu người chết đi bán!

Bị mắng chửi, Da-xa tâu vua:

– Tôi bán đầu người không ai chịu mua, ngược lại còn bị họ mắng chửi nữa.

Nhà vua nói:

– Nếu bán không được thì đem cho không vậy.

Da-xa tuân lệnh vua, vào trong chợ rao:

– Ai cần đầu người, sẽ được cho không.

Người trong chợ thấy vậy không ai chịu lấy, lại mắng chửi nữa. Da-xa xấu hổ trở về đến chỗ vua, chấp tay nói kệ:

Đầu trâu, lừa, voi, ngựa

*Heo, dê, các loài thú
Tất cả được định giá
Người tranh nhau đến mua.
Các đầu đều được dùng
Chỉ đầu người hôi dơ
Không một ai dùng nó
Cho không cũng không lấy
Lại còn bị mắng chửi
Huống lại có người mua.*

Vua hỏi Da-xa:

– Khanh bán đầu người, tại sao không có ai mua?

Dạ-xa thưa:

– Thưa, vì đầu người xấu xa ghê gớm nên không ai chịu mua cả.

Vua lại hỏi:

– Chỉ có một cái đầu này ai cũng ghét bỏ, hay tất cả đầu người đều đáng ghét bỏ?

Dạ-xa đáp:

– Thưa, tất cả đầu người đều ghê gớm, chứ chẳng phải một cái đầu này thôi đâu!

Vua bảo Da-xa:

– Thế thì cái đầu của ta cũng bị mọi người ghê tởm như thế sao?

Da-xa nghe vua nói run sợ đứng im không dám trả lời. Vua lại nói:

– Ta cho phép khanh, cứ thành thật mà nói,

đừng có sợ. Cái đầu này của ta cũng rất đáng kinh
tởm phải không?

Da-xa thưa:

– Thưa, đầu vua cũng vậy.

Vua hỏi:

– Người có chắc là như vậy không?

Da-xa trả lời:

– Thưa đại vương, chắc chắn là như vậy.

Vua bảo Da-xa:

– Nếu những cái đầu này sang, hèn... đều đáng
ghê tởm như nhau, tại sao khanh lại tự cậy là thuộc
dòng dõi giàu sang, xinh đẹp, trí tuệ để kiêu ngạo
mà muốn ngăn cản ta kính lễ các vị Sa-môn Thích
tử?

Vua liền nói kệ:

*Chỉ có đầu người này
Ai thấy cũng chê trách
Đem bán không giá trị
Cho không, gớm tránh xa
Xa thấy đều tức giận
Cho là vật gớm ghê.
Đầu này đây máu mủ
Bẩn thỉu thật đáng gớm
Đem đầu thấp hèn đây
Đổi lấy đầu công đức
Tuy khiêm cung cúi đầu
Không mấy may thua thiệt.*

Vua bảo Da-xa rằng:
Tuy người thấy Tỳ-kheo
Tập chủng và thấp hèn
Vì không thấy bên trong
Có đạo đức chân thật.
Khanh ngu si tà kiến
Tâm u mê rối loạn
Cho mình Bà-la-môn
Riêng được phân giải thoát
Ngoài ra các dòng khác
Chẳng được giải thoát gì.
Nếu muốn cưới gả thì
Phải tìm dòng họ quý
Còn nếu cầu pháp lành
Cần dòng họ làm chi?
Nếu người muốn cầu pháp
Không nên xét dòng họ
Tuy sinh dòng họ quý
Gây ra việc cực ác
Mọi người đều chê trách
Thì coi như thấp kém.
Dòng họ tuy thấp hèn
Bên trong thật đạo hạnh
Đáng được người tôn kính
Mới đáng gọi tôn quý.
Đức hạnh đã đầy đủ
Vì sao không kính lễ.
Tâm ác làm thân hèn

Ý lành làm thân sang
Sa-môn tu hạnh lành
Đủ tín, giới, thí, vãn
Thế nên hãy tôn trọng
Và phải rất cung kính.
Người gây ra nghiệp ác
Chẳng lẽ khanh không nghe
Họ Thích tâm Đại bi
Đấng Nguru vương chánh đạo
Pháp do Ngài nói ra
Đem ba pháp mong mạnh
Đổi ba pháp vững chắc
Phật không nói hai lời
Nên ta không dám trái
Nếu trái lời Thế Tôn
Không được gọi thân thiện.
Thí như ép mía đường
Lấy nước và bỏ xác
Thân người cũng như vậy
Bị sự chết ép ngặt
Thi hài chôn xuống đất
Không còn tới lui nữa.
Cung kính tu điều lành
Thế nên phải biết rằng
Đem thân bại hoại này
Đổi lấy pháp bền chắc,
Giống như lửa cháy nhà
Người trí xuất tài vật

Như nước chìm kho tàng
Cũng nên mau xuất bảo.
Thân này rồi bại hoại
Nên đổi pháp bền chắc
Người ngu không phân biệt
Pháp bền hay không bền
Khi thân chết chợt đến
Vào miệng cá Ma-kiệt
Vào đúng thời gian ấy
Rất kinh khiếp sợ hãi.
Như để lạc thành tô
Rồi lại thành đề hồ
Lấy lạc xong bỏ bình
Không sinh khổ não nhiều,
Thân này cũng như vậy
Giữ gìn pháp chắc thật
Về sau, khi chết đi
Không hề sinh hối hận.
Không tu các hạnh lành
Kiêu mạn và buông lung
Thân chết bỗng chợt đến
Phá vỡ chiếc bình thân.
Tâm kia rất nóng bức
Vẫn bị lửa đốt thiêu
Phiền lo dự như lửa
Bình sữa dự như thân.
Người không nên ngăn ta
Tu thiện giữ pháp bền

Người ngu si tầm tối
Tự nói mình tôn quý
Ta cầm ngọn đuốc pháp
Của chư Phật Thế Tôn
Soi chiếu trong thân ta
Sang hèn không khác nhau
Thịt, da, gân cốt thảy
Gồm ba mươi sáu thứ
Sang hèn đều như nhau
Có tướng gì sai khác
Đẹp, y phục tốt
Các vật có khác nhau.
Người trí nên siêng năng
Hành cung kính lễ bái
Giả sử làm việc lành
Gọi là giữ pháp bền.
Vì sao nói điều này?
Thân như ánh điện chớp
Chùm bọt và đông cát
Cây chuối không chắc thật
Như thân mong manh này
Tu thiện trong trăm kiếp
Vững như núi Tu-di
Và bền như mặt đất
Người trí nên như thế
Đôi lấy pháp chắc thật.



ĐẠI TRẠNG NGHIÊM KINH LUẬN

QUYỂN 4

Chương 17

*Nếu người nào cạnh tranh, nghe nói pháp
Đoạn kết sử thì việc cạnh tranh được cởi mở. Nếu
người nào muốn được cúng dường cung kính thì
nên dứt hẳn các kết sử.*

Tôi từng nghe:

Thuở xưa, có bà lão vào trong rừng hái lá cây Ba-la đem bán để kiếm sống. Trên đường đi gặp quan thu thuế, đòi lấy thuế bà lão. Bấy giờ, bà lão không muốn nạp thuế nên nói:

– Nếu ông dẫn tôi đến chỗ nhà vua, tôi sẽ nạp thuế. Nếu không thì tôi không bao giờ nộp thuế cho ông.

Quan thu thuế cũng phân vân, bèn dẫn bà lão đến chỗ vua. Nhà vua hỏi bà lão:

– Tại sao bà không chịu nộp thuế?

Bà lão tâu:

– Tôi đại vương, ngài có biết thầy Tỳ-kheo kia là ai không?

Vua nói:

– Ta biết. Đó là một vị đại A-la-hán.

Bà lão tâu:

– Tâu đại vương, thầy Tỳ-kheo thứ hai kia, ngài có biết là ai không?

Vua đáp:

– Ta biết. Đó cũng là vị A-la-hán.

Bà lão lại tâu:

– Tâu đại vương, thầy Tỳ-kheo thứ ba kia, ngài có biết là ai không?

Vị vua trả lời:

– Ta biết. Đó cũng là vị A-la-hán.

Lão mẫu cất tiếng nói lớn:

– Tâu đại vương, ba vị A-la-hán này đều là con của tôi. Những đứa con này đã nhận sự cúng dường của đại vương, khiến cho đại vương được vô lượng phước đức. Đó tức là đã nộp thuế cho nhà vua rồi, tại sao lại muốn thu thuế tôi nữa?

Vua nghe nói khen ngợi là việc chưa từng có:

– Lành thay! Bà lão có khả năng sinh ra bậc Thánh, ta thật không biết, không biết những vị A-la-hán đó là con của bà để cung kính cúng dường thêm cho bà.

Bà lão nói kệ:

Tôi sinh được ba con

Mạnh mẽ vượt ba cõi

Đều chứng A-la-hán
Làm ruộng phước cho đời.
Nếu khi vua cúng dường
Được phước coi như thuế
Thế sao ngài lại muốn
Thu tiền thuế tôi nữa?

Nhà vua nghe nói như vậy nổi ốc khắp mình,
sinh tâm kính tin đối với Tam bảo, rơi nước mắt,
nói:

– Như bà lão này phải nên cúng dường, hưởng
gì là thu thuế bà!

Vua nói kệ:

*Từ nay trở về sau
Người như bà lão này
Sinh con vượt ba cõi
Xứng đáng được cúng dường
Chẳng những không thu thuế
Mà còn phải cung kính.
Nếu có các bạn hữu
Lạc đà, lừa, xe cộ
Chở nhiều các châu báu
Giùm cho bà lão này
Cũng không nên thu thuế,
Hưởng chỉ một bà lão
Một mình bán lá cây
Tiền của nào dư dả
Mà phải thu thuế bà.*

*Dù cho là hang núi
 Chỗ kinh hành tu đạo
 Hành giả sống trong đó
 Dứt các lậu buộc ràng
 Còn phải kính chỗ ấy
 Tôn trọng và cúng dường
 Huống gì bà lão này
 Sinh được con là Thánh
 Mà không tôn kính sao?*



Chương 18

Trình bày quả báo của việc buông lung, vì muốn làm cho chúng sinh không buông lung.

Tôi từng nghe:

Thuở xưa, có con của một người đi buôn rất giàu có, tên là Ưc Nhĩ, ra biển tìm châu báu. Khi đã kiếm được châu báu rồi, Ưc Nhĩ quay vào bờ đậu thuyền khác chỗ với các thuyền bạn. Bị lạc mất thuyền bạn, Ưc Nhĩ rất hoảng sợ, lại thêm cơn đói khát dày vò. Từ xa trông thấy có thành quách, Ưc Nhĩ nghĩ rằng nơi đó có nước, nên đến thành ấy để tìm nước uống. Không ngờ thành này là thành ngạ quỷ, Ưc Nhĩ vào bên trong thành, nơi các ngã đường, chỗ mà mọi người tụ tập nhưng vắng hoe không có ai cả. Bị cơn đói ép ngặt Ưc Nhĩ kêu lớn:

— Nước, nước!

Bọn naga quỉ nghe nói “nước” đều tụ đến và nói:

– Ai từ bi muốn cho ta nước như thế?

Các naga quỉ này mình mảy như thân cây bị cháy, tóc quần đầy thân và cùng đến chấp tay nói:

– Xin cho tôi nước!

Ức Nhĩ đáp:

– Ta bị khát nước nên mới đến đây xin nước.

Bọn naga quỉ nghe Ức Nhĩ nói vì bị khát nước nên đến đây tìm nước thì cả bọn đều thất vọng, tất cả đều thở dài nói:

– Chẳng lẽ ngài không biết đây là thành naga quỉ hay sao mà đến đây xin nước?

Chúng liền nói kệ:

*Chúng tôi ở thành này
Trải trăm ngàn năm rồi
Còn không nghe nói nước
Huống gì là được uống.
Thí như rừng Đa-la
Bị lửa cháy tiêu rụi
Chúng tôi cũng như vậy
Khắp mình đều bốc cháy.
Đầu tóc lại rơi bù
Thân hình đều rách nát
Ngày đêm nghĩ ăn uống
Hoảng hốt chạy khắp nơi
Bị đói khát ép ngặt
Há miệng chạy tìm kiếm.*

Có người cầm gậy rượt
Đuổi theo đánh tới tấp
Tai thường nghe tiếng ác
Lời thiện không hề nghe
Huống chi một giọt nước
Làm mát cổ họng tôi.
Nếu ở trong hang núi
Trời, rồng tuôn mưa xuống
Đều biến thành lửa hừng
Và rót trên thân tôi.
Nếu thấy dòng sông lớn
Đều biến thành dòng lửa
Ao hồ và sông suối
Đều thấy chúng cạn khô
Hoặc biến thành máu mủ
Hôi thối rất gớm ghê.
Nếu muốn chạy đến đó
Dạ-xoa cầm chày sắt
Đánh đập không cho đến
Chúng tôi chịu khổ này
Làm sao có được nước
Để bố thí cho ông?
Chúng tôi ở đời trước
Rất bòn xén, tham ganh
Chưa từng thí một ai
Đem nước và thức ăn
Tự dùng chẳng cho ai
Ngăn người khác bố thí

Bởi do nghiệp nặng ấy
Nay chịu khổ não này
Thí được quả báo lớn
Xuân trồng, thu được quả
Chúng tôi không gieo trồng
Ngày nay chịu khổ này;
Buông lung và tham tiếc
Chịu các khổ vô cùng
Tất cả hạt giống khổ
Không gì hơn tham ganh
Phải phương tiện siêng năng
Dứt bỏ tai họa ấy.
Thí là hạt giống lành
Sinh ra các lợi lạc
Thế nên hãy tu thí
Chớ như tôi chịu khổ.
Chúng ta trong loài người
Thân hình không khác nhau
Gây nghiệp không giống nhau
Quả báo cũng lại khác
Giàu sang nhiều của báu
Có kẻ nghèo ăn xin.
Chư Thiên đồ đựng giống
Nhưng màu cơm khác nhau.
Nếu đọa vào súc sinh
Nghiệp báo cũng khác nhau
Có người hưởng phước lạc
Có người bị khổ não.

Do vì tham độc ấy
Trời, người và súc sinh
Vì bòn xẻn ganh ghét
Ở đâu cũng tổn giảm.
Ngạ quỷ khổ lấy lòng
Khấp mình đều bốc cháy
Giống như cây hoa đỏ
Voi say dùng vòi nhổ
Ném cao trên không trung
Hoa rơi thân voi đỏ.
Thánh hiền nói thế này:
Tham ganh bản chất khổ
Nhìn thấy người ăn xin
Tâm họ bị não phiền
Trong sát-na não phiền
Thường hay làm việc xấu
Ngu si tiếc không thí
Gieo trồng gốc nghèo nàn
Chứa để với tâm tham
Thì đọa vào đường ác.
Như người tham tiếc này
Cội gốc các khổ não
Thế nên người hiểu biết
Nên dứt bỏ tham tiếc.
Có ai muốn được vui
Tiếng khen, cung kính thầy
Mà lìa bỏ chánh đạo
Đi theo con đường ác.

Nay thân bị khổ não
Đời sau cũng như vậy
Nghệp ràng buộc thế giới
Ngăn che quả tịnh thí.
Cái gọi là tham tiếc
Nặng nhất trong các oán
Thân này bị phù trưởng
Cơm áo và thuốc men
Tất cả các nhạc cụ
Bị tham ganh ngăn mất.
Tham ganh rất vi tế
Len vào khó ngăn chặn
Hãy dùng cửa thí vững
Giữ nhà tâm cẩn mật
Không cho tham ganh kia
Được vào bên trong nhà,
Nếu tham ganh vào tâm
Thì sông to biển lớn
Bị ngăn không uống được.
Ức Nhĩ thấy buông lung
Có lỗi ác như vậy
Liên chán ghét sinh tử
Trở về xin xuất gia
Đã được xuất gia rồi
Siêng năng tu định tuệ
Đến chứng quả La-hán.



Chương 19

Nếu người không có lỗi mới được quả trách người khác. Nếu chính mình có lỗi mà quả trách người, thì trở lại bị người ấy cười chê.

Tôi từng nghe:

Thuở xưa, có những vị Bà-la-môn lõa hình và các Sa-môn cùng đi trên đường. Có một thầy Tỳ-kheo trẻ tuổi chê cười đám lõa hình kia là không biết xấu hổ. Khi ấy, trong những vị lõa hình có một Bà-la-môn hiểu chút ít pháp Phật, nói với thầy Tỳ-kheo:

— Thầy không được dùng hình tướng xuất gia mà khinh khi, cười chê kẻ khác. Đừng cho rằng với thân tướng người xuất gia là đã dứt bỏ được phiền não. Nếu thầy chưa cắt đứt được dòng trôi của sinh tử, vẫn chưa ra khỏi được, thì đời sau chưa thoát khỏi lõa hình. Vì sao thầy lại cười? Hôm nay thầy còn ở trong sinh tử như hoa cây Đâu-la, vẫn còn bị cuốn theo chiều gió, chưa yên chỗ được. Vậy thầy nên chê cười mình chứ không nên chê cười kẻ khác. Thầy có biết sau này mình sẽ đi vào nẻo nào chưa? Như tro phủ lửa, kết sử trong tâm chưa bảo đảm là mình đã dứt được, vậy thầy chớ tự cho rằng mình đã biết xấu hổ. Tôi thấy việc làm của thầy chưa thoát được lưới tà kiến. Hễ người biết hổ thẹn thì nhất định không rơi vào lưới tà kiến nếu không khởi giác ác thì đó là hổ thẹn. Thầy còn chưa vào

trong số quyết định thì sao lại cười người?

Lúc đó các thầy Tỳ-kheo nghe Bà-la-môn lỏa hình nói những lời đúng pháp nên im lặng không nói gì. Có Tỳ-kheo khác nghe rồi khen ngợi những lời như vậy rất đúng. Người dứt được kết sử thì gọi là hỏ thẹn. Nếu người mang danh Tỳ-kheo mà không dứt trừ kết sử, tuy đầu cạo trọc đáng lý là Tỳ-kheo, nhưng những người đó, dù đầu có cạo trọc, vẫn không được gọi là Tỳ-kheo. Phải biết rằng: người thấy được bốn pháp Chân chánh chắc thật mới gọi là Sa-môn chân thật. Vì sao? Như trong kinh dạy: Không nhận chân pháp Tứ đế thì tà chánh bất định, tà chánh bất định thì sự thấy biết bị sai lầm. Thế nên biết rằng: cần phải siêng tu Tứ đế. Nếu người thấy được Chân đế, cái thấy mới chân chánh, là hỏ đường tà.



Chương 20

Người khéo quán sát, thấy sắc đẹp không có ý ham muốn, thường sinh tâm chán ghét; khi thấy sắc đẹp, không khởi tâm tham ái giận tức.

Tôi từng nghe:

Thuở xưa, có một ngôi chùa, trong đó có nhiều thầy Tỳ-kheo, trong số đó có một vị Pháp sư. Vị Pháp sư này đã chứng được ba Minh, sáu Thông, lời lẽ nói năng khéo léo tuyệt vời, đầy đủ tài hùng

biện, biết rõ luận thuyết của mình và người, giỏi về vấn đáp, tùy căn cơ nói pháp, làm vui lòng mọi người, có khả năng thắp lên ngọn đèn chánh pháp, soi chiếu phá tan bóng tối u mê, khiến cho nhân dân ở trong và ngoài thành mỗi ngày đều đến nghe pháp, đã nghe pháp rồi liền thọ trì, cho đến các thiếu niên cũng không buông lung.

Khi ấy trong thành có các dân nữ lớn tuổi đều than thở, nói:

– Hôm nay chúng ta không có khách lui tới mới bị khổ thế này. Không biết cái khổ này còn bao lâu nữa đây.

Cô dân nữ lớn tuổi có người con gái trẻ tuổi xinh đẹp, thông minh xuất chúng, thông thạo sách vở thế gian, thông suốt tất cả sáu mươi bốn kỹ thuật của phụ nữ. Thấy mẹ u sầu, bèn hỏi mẹ:

– Vì sao hôm nay mẹ buồn khổ như vậy?

Người mẹ đáp:

– Trong thành này, tất cả mọi người đều thích nghe pháp nên không lui tới chỗ chúng ta. Của cải, tài sản từ đây không còn có nữa. Vì việc này cho nên mẹ buồn rầu.

Cô gái nghe mẹ nói như vậy, tự ý mình xinh đẹp nên thưa:

– Bây giờ, con sẽ sửa soạn thật đẹp để đến trong hội kia, làm cho tất cả mọi người trong đó đều theo con về đây.

Nói xong, cô gái liền đi tắm gội và xoa các loại hương vào thân, đeo chuỗi anh lạc, y phục lộng lẫy, đầu đội vòng hoa, chân mang giày, trang sức bằng các ngọc báu. Tay phải cầm gậy, cô ta bước đi bằng dáng vẻ yếu điệu thướt tha của người con gái. Tất cả toát ra vẻ đẹp xinh xắn, yếu kiều như là cây hoa đi và cũng như chư Thiên. Nàng dẫn theo những cô hầu cũng cài hoa và trang điểm chuỗi anh lạc trên thân với y phục lộng lẫy. Những cô hầu này, có cô cầm bình vàng, có cô cầm quạt phẩy, có cô cầm hoa thơm đi theo hầu cô gái kia. Họ bao quanh cô gái, nói nói, cười cười, hoặc vung vẩy tay chân chỉ đường qua lại. Lại có những người trẻ tuổi trên tai gắn các chùm hoa màu đen, vàng, đỏ, tím, bôi màu rần rần trên thân người họ giống cợt, cười, nói, chơi đùa, đưa tay chỉ phía trước, phía sau. Trên đường họ đi, mùi hương thơm khắp nẻo cùng với trống, nhạc, đàn, ca. Họ đến chùa và ở trong một gian nhà trống, chờ lúc mọi người tập hợp. Đến giờ nói pháp, có mấy ngàn người nhóm họp đông đảo.

Bấy giờ, vị Pháp sư đầu cạo nhẵn bóng, mày đẹp che mắt, các căn khéo điều phục và tâm không sợ hãi, như sư tử đầu đàn lên tòa nói kệ:

*Ta quán người trí cận
Chẳng do lên tòa này
Hèn yếu như dã can
Sợ sệt không tự an.
Nay ta lên tòa này*

*Trước chúng không sợ hãi
Như đầu đàn muôn thú
Rống gầm dẹp loạn tà.*

Pháp sư theo thứ lớp nói pháp cho đại chúng nghe. Khi ấy, dân nữ vì muốn khuấy động tâm tư mọi người cho nên liền xuất hiện ở giữa cửa, còn những người đi theo cô ta thì xen lẫn vào giữa mọi người. Bọn chúng đều chỉ dân nữ và nói với mọi người:

– Cô gái này xinh đẹp, dung mạo đáng yêu, các vị hãy ngắm xem, nghe pháp làm gì?

Mọi người nghe nói thế liền ngắm nhìn, tâm ý không yên. Khi ấy vị Pháp sư chưa hiểu ý các cô gái, lấy làm lạ liền hỏi mọi người:

– Vì sao các vị ngắm nhìn một cách khác thường và tâm ý rối loạn như vậy? Các vị không biết rằng cái chết đến nhanh chóng cũng như ngựa phi. Thế nên phải siêng năng tu tập các hạnh lành.

Rồi Pháp sư liền nói kệ:

*Đuốc pháp lớn của Phật
Chiếu khắp cả thế giới
Ánh sáng tuệ chưa mất
Hãy mau tu pháp lành.
Vững tâm tu hạnh lành
Ngày đêm chó biếng nhác
Ngọn đèn Nhất thiết trí
Chẳng lâu sẽ tắt mất.*

*Nếu nó tắt mắt rồi
Chúng sinh đều tối tăm
Tuy có ánh trời chiếu
Cũng gọi là mờ mịt.*

Lúc ấy, người trong hội chúng nghe kệ xong cung kính vâng lời dạy, chú tâm nghe pháp. Dân nữ kia thấy mọi người nhất tâm chánh niệm, cô ta lại làm điệu bộ uốn éo khêu gợi, khiến hội chúng trông thấy, tâm lại tán loạn. Vị Pháp sư lại nói kệ:

*Cô gái kia khêu gợi
Khiến mọi người yêu thích
Bị dục tình kéo lôi
Cướp mất tâm chuyên chú
Nếu vâng lời ta dạy
Nhiếp tâm khiến loạn dừng.
Vì sao yêu nữ kia
Hoặc loạn mất mọi người?
Thí như tơ sen xanh
Lênh đêngh theo sóng động
Tâm mọi người cũng vậy
Lãng xảng chẳng tạm dừng.*

Lúc đó, mọi người bị mê hoặc, nhìn thấy sắc đẹp lộng lẫy của cô gái thì tâm không còn biết hổ thẹn, bèn chỉ trỏ với nhau mà nói:

*Cô gái xinh đẹp này
Đến đây là điểm lành
Như vầng trăng mới mọc*

Lại rơi đến chốn này.
 Sắc đẹp thật siêu tuyệt
 Mắt trong đẹp vô vàn
 Có lẽ Lam-bà nữ
 Được Đế Thích sai đến
 Hoặc là trời công đức
 Nhưng tay không cầm hoa.
 Lại có một người khác nói kệ:
 Lạ thay! Cô gái này
 Nghi dung quá xinh đẹp
 Mắt như hoa sen xanh
 Mũi thẳng, mày như vẽ
 Hai má đều bằng khít
 Môi đỏ, răng đều đặn
 Da mượt, rất mịn màng
 Rực rỡ rất khác thường
 Tướng uy, vui lòng người
 Chói sáng như núi vàng.

Bấy giờ, các vị Ưu-bà-tắc yêu thích dung nhan của cô gái kia nên tâm ý rối loạn. Những người theo hầu dâm nữ thấy như vậy vô cùng mừng rỡ, khoái trá kêu lên:

– Hôm nay, việc làm của chúng ta rất khéo mới khiến cho hội chúng chú ý như vậy.

Khi ấy, vị Pháp sư lấy làm lạ vì sự xôn xao khác thường của bốn chúng, mới đưa tay vén hai hàng mi để nhìn cho rõ chúng hội. Ngài trông thấy dâm nữ dung nghi xinh đẹp cùng với các cô hầu đều rất

lộng lẫy. Vị trí dâm nữ đứng làm nổi bật sắc đẹp của cô ta, như ngôi sao rực rỡ xâm chiếm tâm người ngu si, làm mất đi chánh niệm.

Pháp sư quán sát thử xem tâm người nữ này đến đây với mục đích gì? Ngài liền lặng im nhập định thì biết cô gái này đến đây với tâm tà hoặc chứ không phải đến để nghe pháp. Mặc dầu Pháp sư tuy đã dứt hẳn tâm tức giận, nhưng ngài thể hiện sắc giận bên ngoài, lớn tiếng nói với dâm nữ:

– Người như ồ kiến mà lại dám tranh cao thấp với núi Tu-di cao nhất thế gian sao? Chẳng lẽ người không nghe thuở xưa khi Phật còn tại thế, vị vua tầng trời thứ sáu không tự lượng sức mình mới dám đến chỗ Phật làm các việc khuấy nhiễu. Đức Thế Tôn mới dùng thần lực cột thầy chết vào cổ vị trời ấy, khiến ông ta vô cùng xấu hổ chẳng còn mặt mũi nào, bị trời, người cười chê. Ý người cho rằng giáo pháp của Phật đã bị hoại diệt rồi sao? Không còn những bậc Thanh văn chuyên tinh tu học nữa à? Các bậc Trượng phu hơn người đã chết hết rồi sao? Nếu người nghĩ như vậy thì nên giữ vững lập trường nhé!

Vị Pháp sư này liền dùng thần thông làm cho người dâm nữ, da thịt bị rơi rã, chỉ còn bộ xương trắng, ngũ tạng bên trong thân đều lộ ra trước mặt mọi người. Pháp sư gọi người dâm nữ này nói:

– Vừa rồi nhà người phát sinh tâm ác, dám cạnh

tranh với pháp Phật.

Khi ấy, người dâm nữ đứng trước mặt mọi người với bộ xương trắng, Pháp sư bèn nói kệ:

*Vừa rồi người xinh đẹp
Vượt trội ai cũng nhìn
Giờ da thịt biến mất
Chỉ còn bộ xương thôi.
Trước, người vui sắc diện
Giờ mới thấy tướng thật
Xương đầu như ngọc trắng
Hình sắc như ngó sen
Dung nhan bị vùi lấp
Hai má như rãnh sâu
Da thịt đều rơi rớt
Gân mạch dính chùm nhau
Các tạng phủ bên trong
Hiện ra treo lơ lửng.
Những người theo người đó
Tự thấy còn nhàm chán
Huống gì mọi người khác
Vui gì mà nhìn người!*

Khi dâm nữ bị Pháp sư biến hình thành bộ xương rồi thân tâm đều khốn khổ, không nói được gì cả. Bộ xương cô gái liền chấp tay hướng về vị Pháp sư. Vị Pháp sư bảo bộ xương:

– Thân người trang điểm bằng chuỗi anh lạc, chung diện bằng mọi cách chỉ làm mê hoặc được

kẻ phàm phu, khiến cho họ bị đắm chìm trong ao ba cõi. Nếu bây giờ người bỏ đi dáng điệu lẳng lơ, bỏ đi những đồ trang sức tốt đẹp, ta sẽ chỉ cho người thấy cái thân vắng lặng nhiệm màu, khiến cho người hiểu được cảnh chợ đời bất tịnh mà cái thân này chỉ là lớp thịt mong manh phủ lên khối xương dơ bẩn. Bên ngoài được giả che bởi lớp phấn sáp để làm mê hoặc mắt người ngu, kẻ phàm phu bị sắc dục đắm mê không nhìn thấy cho nên sinh đắm nhiễm. Có người trí nào quán sát tướng thật mà ưa thích nó đâu!

Khi ấy, mọi người trong hội chúng thấy việc này đều sinh nhàm chán, nói với nhau:

– Những lời dạy của Đức Phật chân thật không lường dối. Tất cả các pháp như huyền thuật, như biến hóa, như chùm bọt nước, như tiền vàng giả, chỉ dối gạt, mê hoặc con người. Vừa rồi, cô gái này có dáng vẻ đẹp lộng lẫy đáng ngắm mà bây giờ bỗng nhiên chỉ còn là bộ xương. Dáng dấp xinh tươi, với thái độ lẳng lơ như muốn mê hoặc lòng người... Những việc như thế nay còn đâu!

Có một vị Ưu-bà-tắc lấy ngón tay khều má cô gái và quán sát kỹ cô ta mà nói kệ:

*Phật nói rằng chúng sinh
Bị ái dục che mắt
Đui mù không mắt tuệ
Không đến được Niết-bàn,*

*Thí như lá Nhâm-bà
Mật động bị ong hút
Vì tham dục mê hoặc
Đến chết vẫn không rời.
Những người không buông lung
Quán đúng thật thân tướng
Mà không khởi dục giác
Dụ như hạc đầu đàn
Thường sống ở ao trong
Không thích nơi gò mả.*

Lại có vị Ưu-bà-tắc khác nói thế này:

– Thấy nhan sắc xinh đẹp này, tôi liền sinh dục tướng. Quán sát bộ xương trắng kia, tôi liền muốn dứt bỏ.

Ông nói kệ:

*Quán sát đồng xương này
Khiến người sinh sợ hãi
Giống như Tỳ-đà-la
Bộ máy của chú thuật
Người ngu cho là thật
Liền sinh tâm mê đắm.
Như đường hầm hố sâu
Được phủ cỏ lên trên
Thân này cũng như vậy
Phải quán sát như thế
Biết đúng thật vậy rồi
Ai còn khởi dục tướng?*

Bấy giờ những người vô trí ngu si, mê hoặc đắm trước nghe bài kệ này, bèn cúi đầu tránh né không thích nghe. Dâm nữ kia tự thấy thân mình là điều tai họa cho người, nên gieo năm vốc sất đất và nói kệ:

*Trước con ngu không biết
Không tự lượng sức mình
Định kéo người nghe pháp
Tất cả về nhà mình,
Giờ mới biết Thích tử
Thế lực rất kỳ lạ
Biến sắc đẹp của con
Ai thấy cũng chán chê.
Con như trẻ ngu khờ
Việc làm thật nông nổi
Dám đem nước chân trâu
Muốn sánh cùng biển lớn
Cúi xin ngài đoái thương
Cho con được sám hối.*

Lúc bấy giờ, đại chúng thấy cô gái đang đứng các khúc xương gá vào nhau giống như căn nhà bằng sậy nên vô cùng kinh ngạc. Bộ xương kia tại sao lại có thể nói được những lời như vậy? Lại thấy ngũ tạng của cô gái ấy lộ ra, ví như cái giá hàng thịt treo ngũ tạng heo bò nhúc nhích ngọ nguậy giống như thịt chó. Các tạng hôi thối, nhơ nhớp còn hơn nhà xí. Vì sao chúng ta lại phải thấy việc này!

Họ liền nói kệ:

Giờ quán thân cô gái
Chỉ gân dính xương khô
Chỉ thấy toàn là xương
Hòa hợp phát ra lời
Trong cô có xương ư?
Hay trong xương có cô?
Ví như trong đầm vắng
Cánh rìu nhiều lau sậy
Khi gió cùng thổi đến
Phát ra âm thanh lớn
Vì pháp giả như vậy
Không thấy tự thể cô
Nếu không có tự thể
Tướng nữ ở chỗ nào?
Suy ra khắp các pháp
Xưa nay chưa từng có.
Ta quán kỹ thân tướng
Đến, đi và qua lại
Cúi xuống và ngẩng lên
Nhìn ngó và nói năng
Các phần gá vào nhau
Gân xương rất yếu ớt
Gân quán làm bộ máy
Nương gá nhau chuyển động
Như thế trong mọi phần
Đều không có chủ thể.
Nhưng nay đối pháp này
Là hữu hay là vô?

*Con vì cuồng si hoặc
 Bị bóng che loạn mắt
 Vì sao giả như vậy
 Làm nghĩ có tướng nữ
 Buộc sây làm bộ máy
 Bỏ nhiều sợi chỉ lại
 Ví như vàng ròng chảy
 Đổ nước phát tiếng “xèo”.*

Khi ấy, Pháp sư biết bốn chúng đã sinh tâm chán ghét, bèn hỏi dân nữ:

– Bây giờ người muốn làm gì?

Cô gái thưa:

– Bạch Pháp sư, con xin ngài hủy bỏ hình phạt.

Cô ta liền nói kệ:

*Đại Đầu tiên trách phạt
 Biến Thiên nữ Lam-bà
 Thành một con ngựa cỏ
 Trong suốt mười hai năm
 Nay bị ngài trách phạt
 Biến con thành nhà mộ
 Thế gian chưa từng thấy
 Hình phạt như thế này
 Đại đức khéo tự tại
 Thương con xin hủy bỏ.*

Bây giờ Pháp sư liền mỉm cười nói kệ:

*Thiện nữ hãy đứng lên
 Ta không tâm tức giận*

Cạo tóc, mặc ca-sa
 Không dùng pháp trách phạt.
 Có ái dục đắm say
 Hại người sinh khổ não
 Người làm xấu, làm tốt
 Hay sinh tâm tức giận
 Giận dữ dùng hình phạt
 Ta dứt tâm giận tức
 Dứt bỏ hết vô minh
 Thể tánh không kết sử
 Ta muốn cứu chúng sinh
 Sao lại dùng hình phạt?
 Các sinh, già, bệnh, chết
 Làm khổ các chúng sinh
 Vì sao người hiểu hết
 Mà lại dùng hình phạt?
 Giống như mọt ghẻ độc
 Lại thêm tro nóng bức
 Da mỏng bao cơ quan
 Phàm phu sinh yếu đuối
 Ta dùng sức thần thông
 Mở tráp dơ của người.

Nói kệ xong, Pháp sư thâu lại thần thông, cô gái trở lại thân hình như trước. Khi ấy, Pháp sư bảo hội chúng:

– Các vị nên siêng năng tu thiện.
 Và liền nói kệ:

Tướng dục điên đảo hành
 Dụ như gió thổi bụi
 Chánh quán xa lìa dục
 Gột rửa cát bụi dục.
 Có dục và lìa dục
 Nơi chốn không nhất định
 Khéo quán được giải thoát
 Tham hoặc thì dục tăng
 Cho nên phải thường tu
 Chuyên tinh lìa dục tướng
 Lìa dục, hành các thiện
 Ngay đó được vui thiền.
 Bảy giờ, người nghe pháp
 Hoặc được quán bất tịnh,
 Người chứng Tu-đà-hoàn
 Tu hành tướng lìa dục,
 Người chứng A-na-hàm
 Lại có người xuất gia
 Siêng tu không biếng lười
 Đều chứng A-la-hán.



Chương 21

Không có tâm tham đắm và bố thí tất cả
 những gì mình có thì đời hiện tại được phước báo
 và được nhiều tiếng khen. Vì thế không nên bỏn
 xẻn mà hãy bố thí.

Tôi từng nghe:

Thuở xưa, tại nước Phất-yết-la-vệ có một họa sĩ tên Yết-na. Ông có việc phải đến nước Thạch thất. Khi đến nơi ông đi viếng thăm các chùa tháp, vẽ hình một ngôi tinh xá được ba mươi lạng vàng. Khi trở về nước, họa sĩ gặp những người lập hội Vô già. Sinh tâm kính tin, họa sĩ hỏi thầy Tỳ-kheo tri sự:

– Ngày mai ai làm thức uống ăn?

Đáp:

– Không có người làm.

Lại hỏi:

– Trong ngày ấy quý thầy dùng hết bao nhiêu tiền thức ăn?

Thầy tri sự đáp:

– Ba mươi lạng vàng.

Họa sĩ liền cúng ba mươi lạng vàng cho thầy tri sự rồi trở về nhà. Vợ ông ta hỏi:

– Hôm nay, ông đi làm thuê kiếm được bao nhiêu?

Người chồng trả lời vợ:

– Tôi kiếm được ba mươi lạng vàng, nhưng đã cúng dường làm phước hết rồi.

Bà vợ nghe nói xong rất giận dữ. Bà rêu rao lỗi của chồng cho những người bà con nghe:

– Chồng tôi làm được bao nhiêu vàng đều cúng dường cho hội Vô già, chẳng để lại một đồng nào

đề lo việc nhà!

Khi đó, những người bà con dẫn người chồng của bà ta đến nhờ quan xử đoán, họ trình tâu:

– Tiền tài không dễ được, làm việc cực nhọc mới có ông ta không lo cho gia đình và bà con mà lại đem cúng dường cho hội để làm phước.

Vị quan xử đoán nghe việc trên bèn hỏi người họa sĩ:

– Có đúng như vậy không?

Người ấy thưa:

– Thưa, đúng thật như vậy.

Vị phán quan nghe xong, liền sinh tư tưởng ít có, khen ngợi rằng:

– Hay thay! Bậc Trượng phu!

Rồi ông cởi y phục và ngọc ngà châu báu trên thân cho đến ngựa xe, ban hết cho họa sĩ và nói kệ:

*Bị nghèo khổ lâu ngày
Làm thuê kiếm được tiền
Không dùng để mưu sinh
Mà bỏ thí mới khó.
Tuy người rất giàu có
Của cải nhiều đầy đầy
Nếu không khéo quán sát
Không thể mau bỏ thí.
Quán sát rộng đời sau
Biết thí có quả báo
Mạnh mẽ bỏ tiền tài*

*Lìa bụi cát bốn xén
Người làm được như thế
Bố thí không mất đi.*

Họa sĩ nghe kể, trong lòng vui mừng hơn hở, bèn mặc áo, cỡi ngựa trở về nhà. Lúc đó, người vợ ở trong nhà trông thấy họa sĩ mặc áo đẹp, cỡi ngựa về đến cửa, cho rằng đây là người giàu sang, trong lòng lo sợ nên đóng cửa chạy trốn. Họa sĩ nói:

– Tôi chứ không phải ai khác. Tôi là chồng của nàng đây!

Người vợ nói:

– Ông là một người nghèo. Vì sao mà được ngựa, xe và y phục như thế?

Người chồng đáp bằng bài kệ:

*Giờ nàng hãy lắng nghe
Ta sẽ nói sự thật
Tuy xả vàng cùng Tăng
Dọn bày còn chưa ăn
Thí như chưa gieo giống
Mầm chồi đã nảy sinh
Ruộng phước rất tươi tốt
Kết quả mới theo sau.
Ruộng phước Tăng tịnh này
Ai mà không muốn trông
Ý vừa định gieo hạt
Thì đã thấy sinh mầm.*

Người vợ nghe xong sinh tâm kính tin thanh

tịnh, liền nói kệ:

*Như lời Phật đã dạy
Cúng Tăng được quả lớn
Như việc cúng dường này
Thật là đúng chỗ vậy.
Tâm kính thí chút nước
Quả báo nhiều hơn biển
Trong tất cả các chúng
Phật, Tăng là bậc nhất
Vừa sinh tâm muốn thí
Hoa báo đã hiện tiền.*



Chương 22

***Đối với việc bố thí chỉ quan trọng là tín tâm.
Bố thí hai đồng tiền, quả báo thật khó lường.***

Tôi từng nghe:

Thuở xưa, có một cô gái đến núi Trú ám, thấy mọi người ở trong núi lập hội Vô già. Cô gái đến đó xin ăn, trông thấy chư Tăng trong tâm vô cùng vui mừng, bèn khen ngợi:

– Lành thay, bậc Thánh tăng! Ví như kho châu báu ẩn tàng trong biển lớn, mọi người đều đến cúng dường. Riêng con quá nghèo nàn, không có vật chi để dâng cúng.

Nói xong, cô gái tìm khắp trong người mà chẳng có vật gì. Cô lại nghĩ: “Trước đây trong

đồng phân, ta có nhật được hai đồng tiền đồng”. Cô liền dâng cúng tiền này cho chư Tăng. Vị Tăng Thượng tọa đã đắc quả A-la-hán, biết trước tâm người, vị Thượng tọa này thường tự trân trọng, cho nên khi thấy cô gái có tâm kính tin sâu xa, ngài muốn làm cho công đức cô gái thêm lớn nên không đợi thầy Duy na mà ngài đích thân ân cần đứng lên chú nguyện cho cô gái. Thượng tọa đưa cánh tay phải ra và lớn tiếng xưng:

– Xin Đại đức Tăng hãy lắng nghe.

Và liền nói kệ:

*Tất cả các vật báu
Trên mặt đất, ngoài biển
Ý của cô gái này
Đều cúng dường chư Tăng.
Chú tâm khéo quán sát
Hành đạo nhằm tu phước
Để được đạo giải thoát
Nhỏ được gai nghèo khổ.*

Lúc đó, đồng nữ phát tâm rộng lớn:

– Như lời thầy dạy, con đã làm được việc khó làm, như xả bỏ tất cả tài sản châu báu không khác.

Buồn vui lẫn lộn, cô gái gieo năm vóc sát đất quy mạng chư Tăng rồi đặt hai đồng tiền trước mặt Thượng tọa, buồn bã rơi lệ, nói kệ:

*Nguyện con trong sinh tử
Lìa hẳn sự khổ nghèo*

*Thường được nhiều vui vẻ
Bà con chẳng xa lìa.
Quả báo cúng Tăng này
Chỉ Phật mới biết được
Do nhờ công đức này
Chóng thành điều mong ước
Gieo trồng chút tâm lành
Nguyện chóng thoát thân căn.*

Cô gái ra khỏi núi, đến ngồi dưới một gốc cây, bóng râm không di động và trên ngọn cây có lọng mây che. Lúc đó có vị vua, phu nhân vừa qua đời, đi dạo ngoài thành, thấy chiếc lọng mây kia nên tìm đến gốc cây, thấy cô gái, vua sinh tâm say đắm, đem về nội cung, phong nàng làm vị Đại phu nhân bậc nhất.

Cô gái liền nghĩ: “Trước đây ta phát nguyện, nay đã được vừa ý”. Nàng tâu vua:

– Hãy đem cho thiếp thật nhiều châu báu làm vật cúng dường để đến núi Trú ám cúng dường chư Tăng.

Nàng dâng các thứ ngọc ngà châu báu nhưng vị Thượng tọa không chú nguyện. Bấy giờ, đại chúng lấy làm lạ, thắc mắc không hiểu tại sao, bèn hỏi:

– Trước đây, khi cô gái này nghèo chỉ cúng có hai đồng tiền mà Thượng tọa lại chú nguyện ngay. Còn bây giờ đã là phu nhân của vua, dâng cúng vàng bạc châu báu thì ngài lại không chú nguyện?

Xin giải thích cho chúng con được biết.

Thượng tọa nói với chư Tăng:

— Trước đây ta chú nguyện cho cô gái ấy không phải vì tài vật mà chính vì sợ tâm ý cô gái rối loạn cho nên chú nguyện.

Thượng tọa liền nói kệ:

*Không vì nhiều tiền của
Mà được quả báo lớn
Chỉ có tâm lành hơn
Mới được quả báo lớn.
Trước đây cô gái cũng
Là xả thí tất cả
Trí Phật mới biết được
Ta không thể biết được.
Nay tuy nhiều châu báu
Tâm không như trước kia
Chỉ một phần mười sáu
Tâm thí bị vẩn đục.
Ví như người đi buôn
Có chút ít tài vật
Tâm mong quả báo lớn
Vật cúng dường tuy ít
Tâm rộng lớn thù thắng
Do đó đời vị lai
Phước báo cũng vô lượng.
Như vua A-du-ca
Tịnh tâm cúng dường đất,*

Lại như thành Xá-vệ
Cô gái rất nghèo hèn
Cúng dường cơm Ca-diếp,
Cúng đất được đất đai
Cúng cơm sinh cõi trời
Cúng ít nhưng tâm tịnh
Quả báo lại rất nhiều.
Như chiếc áo trắng sạch
Đổ dầu lên trên áo
Cáu nhờn tăng thêm nhiều
Như đổ dầu vào nước
Tuy chỉ chút ít dầu
Lan khắp trên mặt nước
Do đó nên biết rằng:
Thắng tâm phước báo lớn.



ĐẠI TRANG NGHIÊM KINH LUẬN

QUYỂN 5

Chương 23

Nếu người gần gũi bạn lành có trí tuệ sẽ giúp cho thân tâm người ấy đều thanh tịnh. Đó gọi là bậc Trượng phu chân thật, hiền thiện.

Tôi từng nghe:

Thuở xưa, có thầy Tỳ-kheo theo thứ lớp khát thực, đến nhà một vị đại Bà-la-môn. Lúc gặp thầy Tỳ-kheo kia rồi, thì trong nhà của đại Bà-la-môn bao nhiêu nhà cửa, cột kèo đều bị gãy đổ, vại nước nứt bể, trâu bò đứt dây chạy tứ tung.

Vị Bà-la-môn nói:

– Chẳng biết đây là điều không lành gì! Chỉ có người không tốt vào nhà ta mới có hiện tượng kỳ quái như thế.

Thầy Tỳ-kheo nghe vậy liền đáp:

– Ông có thấy trong nhà ông những đứa trẻ gầy còm bị bụng trướng, mặt mày phù thũng chẳng?

Vị Bà-la-môn nói:

– Tôi đã thấy từ trước rồi.

Vị Tỳ-kheo liền nói:

– Trong nhà ông có con quỉ Dạ-xoa nường nấu để nuốt tinh khí người. Vì thế làm cho các đứa trẻ trong nhà này có những chứng bệnh như vậy. Nay, quỉ Dạ-xoa vì sợ ta nên chạy trốn, làm cho cột kèo gãy đổ, vại nước trong nhà ông bị nứt bể và trâu bò bị đứt dây sút chuồng.

Vị Bà-la-môn hỏi:

– Ông có oai lực gì?

Tỳ-kheo đáp:

– Ta nhờ gần gũi giáo pháp Đức Như Lai mới có oai lực này và làm cho quỉ Dạ-xoa khiếp sợ như vậy.

Người Bà-la-môn lại hỏi:

– Thế nào là giáo pháp của Như Lai ?

Bấy giờ vị Tỳ-kheo lần lượt nói về những lời dạy răn trong Phật pháp khiến cho vợ chồng vị Bà-la-môn nghe xong, tâm ý giải ngộ, chứng quả Tu-đà-hoàn. Vị Bà-la-môn liền nói kệ:

*Lành thay! Bậc đức cao
Khéo nói pháp chân thật
Lời Phật lọt vào tai
Đi vào nhà tâm con
Khiến nhà con an ổn.
Xin che chở cho con
Hôm nay con cúi xin
Nghe ít điều con nói:*

Phá nhà tâm của con
Bẻ gãy xà ngu si
Khéo vì con xua đuôi
Dạ-xoa nuốt công đức
Trừ La-sát tà kiến.
Vại mê lầm, trộm cướp
Nước thân kiến đầy tràn
Nay đã bị phá vỡ,
Nghé khờ chạy tứ tung
Kéo đứt dây vô minh
Các việc vừa thấy qua
Đều gom đủ trong con.
Các sắc giống như gương
Hình bóng hiện trong đó
Sinh tử từ vô thi
Chưa từng có việc này!
Nay con nhờ ân thầy
Mới biết bốn Thánh đế
Được gặp thiện tri thức
Đủ duyên gặp gỡ nhau
Đứt tham trong tâm con
Trừ quỷ trong nhà con.
Đã truyền lâu ở đời
Bốn Vi-đà nói rằng:
Nên cúng tế thật lớn
Các thứ vật trang nghiêm
Đầy đủ ở trên đàn,
Các sông lớn hằng hà

Tắm gội trừ tội lỗi
Mau được sinh cõi trời
Con tu hành xưa nay
Chưa từng được quả báo
Nhưng con không thể biết
Chắc chắn được hay không!
Cúng tế và tắm gội
Không bằng gần bạn lành
Nay con gần bạn lành
Mới được quả chứng này
Không sinh và không chết
Giải thoát đến Niết-bàn
Lìa hẳn nơi sợ hãi.
Chẳng phải cầu của báu
Nương oai thế của vua
Nhảy vực, thân nung lửa,
Trời mùa đông lạnh buốt
Áo mỏng giá rét thân,
Khi mùa hạ nóng bức
Nung thân năm nguồn nhiệt,
Lửa nóng và gai góc
Nằm ngủ ở trên đó,
Vượt núi, qua biển rộng
Tế lửa và đọc chú
Những khổ hạnh như vậy
Không thể được Niết-bàn.
Chỉ có tu thiên trí
Giới, văn và tinh chuyên

*Những pháp sự như vậy
Từ đâu mà đạt được
Ắt nhờ thiện tri thức
Sau mới được đầy đủ.*



Chương 24

Nếu người làm điều ác đáng lý phải đọa vào địa ngục, nhưng gặp Thiện tri thức, họ có thể tiêu trừ tội lỗi, được sinh lên cõi trời, cõi người.

Tôi từng nghe:

Thuở xưa, có người tên Ba-ca-lợi, đến vùng trung thổ nước Thiên trúc. Bấy giờ vua nước Thiên trúc liền cho người đó làm trưởng làng. Lúc ấy, trong làng nhiều vị Bà-la-môn có người gần gũi, họ nói cho trưởng làng nghe về sách La-ma-diên. Lại sách Bà-la-tha cho rằng: Người chết nơi chiến trường sẽ được sinh lên cõi trời. Người nhảy vào lửa chết cũng được sinh lên trời. Lại kể nhiều thứ khoái lạc trên cõi trời. Văn chương những thứ sách này rất hay và bóng bẩy, khiến cho ông trưởng làng nghe xong, tâm ý rung động nghĩ rằng: “Chắc chắn là có việc ấy”. Ông đào một cái hố lửa chát đầy củi thơm và cho mời các Bà-la-môn đến. Mọi người nhóm họp đến chỗ hội. Lúc ông trưởng làng sắp nhảy vào lửa, ông ta có quen một thầy Tỳ-kheo họ Thích. Thầy Tỳ-kheo đến nhà trưởng làng, thấy

trong nhà ông trang hoàng, sửa soạn nhiều thứ.
Thầy Tỳ-kheo hỏi:

– Ông muốn làm gì?

Vị trưởng làng đáp:

– Tôi muốn sinh lên cõi trời.

Vị Tỳ-kheo hỏi:

– Làm sao ông đi được?

– Tôi nhảy xuống hố lửa sẽ được sinh lên cõi trời ngay.

Thầy Tỳ-kheo lại hỏi:

– Ông có biết đường lên trời chăng?

Ông ta trả lời:

– Tôi không biết.

Vị Tỳ-kheo nói:

– Nếu ông không biết thì làm sao đi được? Khi ông đi từ một ngôi làng này đến một ngôi làng khác còn cần có người chỉ dẫn mới biết đường, huống gì con đường lên trời xa xăm diệu vợi, phải mất ba trăm ba mươi sáu vạn dặm mới lên đến tầng trời Đao-lợi. Nếu không có người dẫn đường, làm sao có thể đến được cõi trời kia? Nếu trên cõi trời là vui thì sao vị Thượng tọa Bà-la-môn kia tuổi đã già lại nghèo thiếu tài vật, vợ ông cũng già và mặt mũi xấu xí, có gì để mà ưa thích, lại không dẫn vợ cùng lên cõi trời?

Bây giờ vị trưởng làng nghe thầy Tỳ-kheo nói, bèn nghĩ: “Nếu nhảy vào hầm lửa được sinh lên cõi

trời thì tại sao người Bà-la-môn kia không cùng đi với ta? Vì sao? Vì Bà-la-môn kia đang sống trong cảnh nghèo nàn khổ, đâu có gì đáng ưa tiếc. Đáng lẽ ông ta nên bỏ cảnh khổ này để đến cõi trời an vui kia. Nếu ông ta không đi tức là muốn lừa dối và muốn giết hại ta”.

Nghĩ xong, vị trưởng làng liền tiến đến nắm tay vị Thượng tọa Bà-la-môn định cùng nhảy vào lửa để được sinh lên cõi trời, nhưng người Bà-la-môn ghì lại không chịu đi. Vì sao? Vì những người Bà-la-môn này chỉ vì tiền của mà đến chỗ hội này. Ông trưởng làng thấy người Bà-la-môn này không muốn nhảy vào lửa, bèn nói kệ:

*Nghe nói trên cõi trời
Thú vui không kể hết
Thấy của sinh tham đắm
Nhìn Đông mà quên Tây.
Đem tất cả những vật
Có được ở trong nhà
Sánh với vật cõi trời
Cũng như đem hạt cải
Sánh với ngọn núi Thái.
Nếu người sống ít muốn
Tâm không hề tham đắm.
Nay tôi xét thấy ông
Lửa tham đắm hãy hừng
Nếu không dùng phụ nữ
Trông giữ vợ xấu già*

Mà đến nơi hội này
Vì tham cầu tiền của
Để cung cấp gia đình,
Hoặc yêu mến con cái
Không muốn sinh cõi trời.
Tính sức sinh Thiên kia
Giúp con ông quá đủ
Không biết đường lên trời
Vì sao khiến tôi đi?
Nếu biết đường lên trời
Sao khưng lại không đi
Sao lại thích dạy người
Muốn cho ta vào lửa?
Hoặc tham tài sản ta
Muốn được chia lấy dùng.
Vì sao không thương xót
Quá khổ mới như vậy
Hoặc do oán đời trước
Hẳn là nhiều dối gian.
Làm bạn với thân chết
Khuyên ta sinh cõi trời
Đưa ta về cõi chết
Ép buộc ta vào lửa,
Dạy người xa gia đình
Tu hành pháp khổ hạnh
Nhảy xuống vực, vào lửa
Nhịn đói chẳng uống ăn
Xét ý chỉ lời dạy

*Muốn gia môn chấm dứt.
Các Bà-la-môn này
Ưa làm việc sát hại
Thế nên ta lìa bỏ
Trở về nương pháp Phật.
Pháp Phật đại Từ bi
Không tổn hại chúng sinh
Lửa lớn đốt rừng núi
Hươu nai đều trốn chạy
Do vì yêu tánh mạng
Tìm kiếm nơi mát mẻ
Nay ta cũng như vậy
Chân thành mong cứu giúp.*

Bấy giờ thầy Tỳ-kheo thấy tâm của Ba-ca-lợi đã chán bỏ các Bà-la-môn và rất kính tin Tam bảo, bèn khen ngợi:

– Lành thay! Lành thay! Ông là người lấy trí tuệ làm sinh mạng. Hôm nay ông mới đúng là đang đi trên con đường về cõi trời.

Thầy nói kệ:

*Lời Phật đến cõi trời
Và đến đường giải thoát
Lời này chắc chắn đến
Giữa chừng chẳng sai lầm.
Nhất Thiết Trí dạy đạo
Tướng rộng lược khác nhau
Lời chân thật vô hại*

Thí hàng phục các căn.
Đạo này và Thiên đạo
Chẳng hành các khổ hạnh
Nhảy vực, vào lửa thảy
Điều này chính thật là
Duyên đưa đến sự chết
Chẳng phải nhân giải thoát.
Thuở xưa người sống lâu
Chư Tiên cũng sống lâu
Vì nhàm chán thân này
Không muốn ở đời lâu
Sớm tu các thiên định
Dứt buộc ràng cõi Dục,
Tự biết bỏ thân này
Át sinh lên cõi Phạm
Không do đó mất mạng
Nhảy xuống vực, vào lửa
Do đó bị mất mạng.
Được sinh lên cõi Phạm
Thiên định dứt lậu kết
Được sinh lên cõi Phạm
Không do nhảy vực, lửa
Được sinh lên cõi trời
Kia có Tiên đồng bạn
Dùng mắt trời quán sát
Chết vậy sinh về đâu?
Thấy sinh cõi trời Phạm
Trước thấy nhảy vực chết.

Cho rằng sinh cõi trời
Kẻ ngu khác không thấy
Tưởng rằng nhảy vực lửa
Được sinh lên cõi Phạm
Nên sinh tà kiến lầm.
Các Bà-la-môn khác
Ngu si không trí tuệ
Chẳng quán, tu thiền định
Dứt bỏ các kết sử
Chỉ thấy nhảy vực, lửa
Cho rằng được sinh Thiên.
Do hoặc điên đảo này
Soạn ra các kinh luận
Kẻ ngu đều tin nhận
Nhảy xuống vực, vào lửa.
Người trí khéo quán sát
Bỏ việc đó không làm
Tu hành các pháp lành
Lấy làm Nhân, Thiên đạo.
Nhảy vực vào lửa thấy
Chẳng phải tu hạnh lành
Mà được thoát sự chết
Chẳng phải nhân sinh Thiên.
Thân tâm nương pháp Phật
Đó là đạo Niết-bàn
Theo ngoại đạo làm gì
Luống khổ, không kết quả
Khuấy nước mong đề-hồ

Nhọc nhằn nhưng không được!



Chương 25

Người tu hạnh bố thí tránh khỏi được tám thứ tai ách. Nếu ai cất chứa của cải, vật báu thì gặp nhiều tai ách. Người hiểu biết tu hạnh bố thí thật là bền chắc.

Tôi từng nghe:

Thuở xưa, có một vị vua trách phạt một người thương buôn:

– Hãy viết tờ trình cho ta về tất cả tài sản của người có.

Người thương buôn trở về nhà suy nghĩ: “Ta hãy đem những vật đã bố thí từ trước đến nay từ việc bố thí cho những kẻ ăn xin một bữa ăn, cho đến tất cả những thực phẩm rau đậu, mà ta đã bố thí cho chim chóc và muôn thú ghi vào tờ trình dâng vua”.

Nhà vua xem xong liền hỏi:

– Những chuyện như thế người ghi chép lại làm gì?

Người đi buôn đáp:

– Trước đây đại vương có ra lệnh: Tôi phải làm tờ trình tất cả của cải, tài sản của tôi có cho ngài xem, mà tài sản của tôi là những thứ ghi trong tờ

trình này đây.

Ông nói kệ:

*Tài sản của năm nhà
Nay đều ở trong nhà
Những gì ghi trong điệp
Không ai chiếm đoạt được,
Các vật ghi trong điệp
Giặc, vua và nước, lửa
Đều không xâm phạm được.
Dù bảy mặt trời mọc
Tu-di và biển lớn
Tất cả đều tan chảy
Những vật bố thí ấy
Không bị đốt chút nào.
Tiền tài gởi cha mẹ
Anh em và chị em
Tất cả các bạn thân
Thảy đều sẽ mất đi
Chỉ có vật bố thí
Không bao giờ hao mất.
Thí là bỏ vào kho
Đời đời mãi theo ta
Thí là bạn rất thân
Chẳng ai phá hoại được.
Biển lớn nghèo nàn kia
Thật là đáng sợ hãi
Thí là thuyền vững chắc
Chỉ có người bố thí*

*Được qua đến bờ kia
Ta biết quả báu thí
Cho nên nói không sợ.
Điệp này là tài sản
Của báu có trong nhà
Là thuộc về năm nhà
Thế nên không dám trình
Nói là thuộc của tôi.*

Nhà vua nghe kệ sinh tâm vui mừng, khen ngợi:

– Lành thay! Người xứng đáng là người cao đẹp. Nay, ta không dùng của cải nhà người. Như lời người nói, bố thí chính là tài sản của người, còn những tài sản khác đều là của chung.

Khi đó vua liền nói kệ:

*Nếu người hành bố thí
Tự tay mình trao cho
Nên phát tâm vui mừng
Chớ sinh ý ăn năn
Thế nên đời vị lai
Sinh trời, người hưởng vui.
Tất cả các tài vật
Mắt thấy là của mình
Phân tán thuộc năm nhà
Nếu không vội cho ngay
Thì không ai xâm đoạt.
Nếu keo kiệt không thí*

*Cuối cùng bị người đoạt
Hiện tại bị tiếng xấu
Đời sau thường nghèo thiếu
Đó là ngu si nhất.
Thấy nhà cửa của người
Cùng tài sản của họ
Chết đi, người khác hưởng
Một chút chẳng mang theo
Mắt thấy việc như vậy
Không thể sinh chán ghét.
Hãy mau bỏ của cải
Vì nó không thuộc ai
Chỉ có tu bổ thí
Lúc chết buông tất cả
Chẳng có gì theo ta
Nhất định phải lìa bỏ
Nhưng không mong báo thí
Vì thấy việc như vậy
Người trí nên bố thí.
Hai việc đều gọi thí
Phải nên tự thí cho
Đàn-việt như voi lớn
Bén bờ dòng thơm chảy
Đàn-việt hiểu biết ấy
Lợi ích công đức đây
Được người đời khen ngợi.
Kẻ nhiều của bỏn xẻn
Bị người đời chê cười*

Hoặc người có tiền tài
Thấy kẻ xin ngoảnh mặt
Tuy có nhiều của báu
Vẫn gọi đó nghèo nàn.
Người thí tuy khổ nghèo
Vẫn được gọi giàu có
San tham tuy nhiều của
Không thoát khỏi họa nghèo.
Đàn-việt bố thí nước
Rửa bụi tham trong tâm
Bỏ xẻn không quả lành
Dẫn đến đường sinh tử
Ắt đọa hố hiểm sâu,
Bao nhiêu các báu vật
Voi, ngựa lẫn trâu, dê
Khi thức đi, khi dứt
Tất cả đều bỏ đi
Sắp chết sinh khổ não
Vì vậy, tâm quuyến luyến
Sợ hãi, rất khổ não.
Người tu thí khi chết
Vui vẻ không ăn năn.
Tham ganh, người trí chê
Người thí, dù nghèo, giàu
Thường được sự vui sướng
Bỏ xẻn như gò mả
Người đều muốn lánh xa
Người tham tuy còn sống

Cũng đồng như ngựa quý.
Bố thí được ngợi khen
Tất cả đều tôn kính
Người hiểu biết mến thương
Qua đời sinh cõi trời
Mọi người đều thương mình
Vì sao không bố thí?
Bố thí, là bạn lành
Tư lương tốt đẹp nhất
Không dùng xe ngựa chở
Tất cả những người hầu,
Thí, kho báu biết đi
Cầu nối bến đời sau
Bố thí dứt các nạn
Năm nhà không xâm đoạt
Có người nào yêu mình
Mà không tu bố thí!
Nếu thí trăm ngàn muôn
Đời sau được chút ít
Còn phải tu bố thí
Huống hồ bố thí ít
Lại được phước báo nhiều
Thế nên người hiểu biết
Hãy nên tu bố thí.



Chương 26

Nếu được nghe chánh pháp thì có thể cởi mở sự trói buộc.

Tôi từng nghe:

Thuở xưa, tại nước Đức-xoa-thi-la, có người tội kia bị nhốt trong Tăng phòng. Vào ban đêm, khi chúng Tăng nói pháp, người đó vào trong Tăng, theo thứ tự ngồi nghe pháp. Có một vị Tỳ-kheo giảng kinh Sinh Tử Thuận Nghịch. Kinh ghi: “Phật bảo các Tỳ-kheo: Người phàm ngu không nghe chánh pháp, không biết sắc, không biết sắc tập, không biết sắc vị, không biết tai hại của sắc, không biết thoát khỏi sắc, không biết nhàm chán sắc. Tất cả chúng sinh như thật không biết tai hại lỗi lầm như thế. Nếu bị sắc trói buộc, mới đúng thật là bị trói buộc. Sao gọi là sắc trói buộc? Đó là nhìn ngắm sự xinh đẹp gọi là sắc trói buộc. Người bị sắc trói buộc tức là trong tâm đều bị trói buộc. Sắc này ở trong sinh tử không biết cội gốc, dòng sông sinh tử mênh mông chẳng biết nơi nào là bờ bến. Không biết thoát khỏi sinh tử, sống trong sinh tử bị những sự buộc ràng trói buộc thân đời này cho đến cả đời sau.”

Khi ấy, người tội bị nhốt nghe thầy Tỳ-kheo nói pháp này, suy nghĩ nghĩa lý, ghi nhớ không quên và đọc tụng thông suốt. Một hôm, nhà vua sai người mở trói cho ông ta. Tất cả bà con bạn bè

nghe tin đều đến thăm viếng, hỏi han, chúc mừng ông được thoát khỏi sự giam cầm. Ông bèn nói kệ:

*Người thấy tôi thoát tội
Thăm hỏi sinh vui mừng
Kẻ phàm phu ngu si
Buộc ràng mãi chưa cởi,
Sắc trói buộc phàm phu
Buộc ràng cả năm âm
Sống ràng buộc vật chất
Chết cũng còn buộc ràng
Đời này đến đời sau
Chưa bao giờ thoát khỏi
Trong luân hồi trói buộc
Mãi mãi chịu tử sinh.
Tôi từ chỗ thầy kia
Nghe dạy lời như vậy.
Tôi nghe lời này từ
Bậc Nhất Thiết Chứng Trí
Tất cả các kết sử
Chúng ràng buộc tâm tôi.
Như trâu bị ách buộc
Tôi cũng bị như vậy
Trong đó chưa giải thoát,
Làm sao các vị lại
Nói ta được thoát khỏi?
Mọi người đối với tôi
Nếu thật lòng thương nghĩ
Hãy đến gặp đức vua*

*Xin cho tôi xuất gia,
Dấu vết chánh kiến hiện
Bờ kia sự vắng lặng
Nếu làm được như thế
Mới đáng gọi giải thoát.
Nếu tôi được xuất gia
Không còn sự ràng buộc
Chân thật được giải thoát.*

Bấy giờ, bà con của người tội nghe nói như vậy liền đến tâu nhà vua, xin cho ông ta xuất gia. Sau khi xuất gia, ông siêng năng tu hành, chứng quả A-la-hán.

Một người bị nhốt nơi Tăng phòng, nhờ nghe được giáo pháp mà còn được giải thoát, huống chi là người bình thường nghe pháp. Cho nên người tu hành ở nơi nào có chùa tháp, hãy đến nghe pháp.



Chương 27

Con người đến lúc bệnh khổ nguy kịch thì lời nói không còn giá trị, mà còn bị nhiều sự chống báng. Thế nên việc gì làm được hãy nên làm ngay.

Tôi từng nghe:

Thuở xưa, pháp vương A-dục bị bệnh nặng, có các vật quý đều dâng cúng hết cho chư Tăng. Nhà vua lại đòi các quan phải dâng những vật quý giá,

các quan không chịu tuân lệnh, chỉ được nửa quả Am-ma-lặc muốn đem dâng chur Tăng, nhà vua nhóm họp các quan văn võ lại và bảo:

– Ngay ngày hôm nay ai làm vua? Ngôn giáo của ai lưu hành?

Các quan đáp:

– Chỉ có đại vương mới đủ oai đức thống lãnh khắp cõi Diêm-phù-đê, chỉ lời nói của người mới được thi hành.

Vua nói kệ:

*Khanh gọi ta là vua
Lệnh ta được thực hành
Khanh thuận theo ý ta
Nên mới nói như vậy.
Các khanh nói lời này
Đều là lời không thật
Lời ta hết hiệu lực
Tất cả không tự do,
Chỉ có nửa quả này
Là thuộc quyền của ta
Giàu sang thật bĩ ỏi
Than ôi! Hãy tự trách.
Ví như nước thác ghềnh
Tuôn mau, không tạm dừng
Ta tuy là làm vua
Bỗng nhiên bị nghèo nàn
Đời sợ sự bần cùng*

Ta lại nghèo mau quá.

Nói kệ xong, nhà vua khen ngợi lời Thế Tôn dạy là chân thật không luống dối. Nhà vua lại nói kệ:

*Giàu sang tuy rực rỡ
Nhưng rồi sẽ suy diệt
Người sang giàu ít vui
Đời suy diệt thêm ác
Lời này không luống dối
Do Đức Cù-đàm dạy.
Như những ngày trước đây
Ta có nói điều gì
Tâm nghĩ rồi mới nói
Lời ắt không đọa lạc
Quỉ thần đều vâng lệnh
Khắp trong bốn biển lớn
Người nghe đều lãnh thọ
Không người nào trái nghịch,
Như sông bao núi lớn
Nước vọt vòng trở lại
Suy bại như núi lớn
Ngăn không cho ta đi.
Xưa ta dạy điều gì
Không ai dám trái lời
Chưa từng có gian ác
Kẻ giặc không chống cự
Uy tràn ngập khắp cõi
Không thể trái nghịch ta*

Trai gái và lớn nhỏ
 Ai ai cũng kính vâng.
 Nếu có kẻ trái lời
 Ta đều hàng phục họ,
 Người nào gặp nạn khổ
 Ta an ủi cứu giúp,
 Bệnh tật và đói nghèo
 Ta đều chữa trị hết.
 Giờ phước đức đã hết
 Nghèo nàn bỗng nhiên đến
 Khốn khổ như thế này
 Ta là vua A-dục
 Sao gặp khổ như thế!
 Như cây A-du-ca
 Bị chặt rễ cho chết
 Hoa, quả và nhánh, lá
 Tất cả đều héo khô
 Giờ ta cũng như vậy.

Giàu sang như huyễn hóa chẳng tồn tại dài lâu.
 Nhà vua nhìn sang vị thầy thuốc nói:

– Than ôi! Giàu sang là tên cướp độc ác giống như sấm chớp, như đốm lửa chóng tàn, như tai voi phe phẩy không ngừng, như lưỡi rắn le ra thụt vào không dứt, cũng như sương mai tan biến khi ánh mặt trời lên. Ta có nghe người khác nói kệ rằng:

Lợi giàu sang khó dừng
 Xôn xao chẳng tạm ngưng
 Người trí nên khéo biết

Không kiêu mạn, buông lung.
Đời này và đời sau
Hãy nên cầu tự lợi
Nếu như được giàu sang
Tuy bo bo cố giữ
Trăm cách cũng tiêu tan.
Đang trên đường giàu sang
Như rắn bò quanh co
Nếu người khéo quán sát
Khi mình còn khỏe mạnh
Nên mau làm phước đức
Nếu lại bị bệnh khổ
Tâm nên tu việc phước.
Đừng quan trọng hình hài
Kẻ thân thuộc trong nhà
Biết rằng mình phải chết
Tuy mình có tài vật
Không được thí tự tại
Thì tiền tài ích gì!
Được gặp nơi ruộng phước
Hãy mau bố thí cho
Nếu khi thân mạnh khỏe
Và lúc đã bệnh khổ
Nên thường tu bố thí
Như nhau có khác gì!
Nhưng các tài vật này
Chỉ tai họa mà thôi
Nếu khi mạng sắp chết

*Vợ con và thân thích
 Tuy tài sản của ta
 Muốn đem ra ban bố
 Lại giữ chẳng chịu cho
 Nguy ách trong phút chốc
 Ý nguyện không đạt được.*

Bây giờ, vua A-dục tóc tai rối tung, khoác chiếc áo cẩu bản, lồi thoi lệch thếch, thân thể gầy gò, run rẩy hơi thở khò khè. Ông hướng về chỗ Đức Như Lai nhập Niết-bàn cố gắng chấp tay nhớ nghĩ công đức Phật, nước mắt tuôn rơi và nói kệ:

*Giờ chấp tay hướng Phật
 Những ngày cuối của con
 Phật dạy: Ba không bền
 Đổi thành ba pháp bền
 Giờ con xin chấp tay
 Để đổi pháp bền chắc,
 Cũng như núi đá chảy
 Mong lấy được vàng ròng
 Đổi tài vật không bền
 Ngày đêm lấy pháp bền.
 Giờ con có phước lợi gì
 Xin dâng Đấng Tối Thượng
 Phước nghiệp này của con
 Không mong ngôi Đế Thích
 Và quả báo cõi Phạm
 Huông làm vua Diêm-phù,
 Đem quả bố thí này*

*Cùng với tâm kính tin
Nguyện được tâm tự tại
Không ai cắt đứt được
Đắc thanh tịnh vô cầu
Đứt hẳn các khổ đau.*

Vua A-du-ca muốn dâng cúng nửa quả Am-ma-lặc lên cho chư Tăng, liền gọi một người đứng gần đó bảo:

– Người có nhớ công nuôi dưỡng của ta khi trước chăng? Bây giờ người hãy nhớ lấy lời dạy cuối cùng của ta, hãy dâng cúng nửa quả Am-ma-lặc này lên chư Tăng chùa Kê-đầu-mạt và nói tên ta là vua A-du-ca, giờ phút cuối cùng xin đánh lễ dưới chân Tỳ-kheo Tăng và thưa lời ta rằng: Kẻ nơi cõi Diêm-phù-đề được tự tại, nay quả báo suy tàn không còn năng lực tự tại, chỉ còn làm chủ nửa quả xoài này mà thôi. Cúi xin chư Tăng thương xót nhận ta cúng dường nửa quả xoài cuối cùng, khiến ta đời sau được quả báo rộng lớn. Mong rằng những người khác đừng như ta giờ phút sắp lâm chung mà không được tự tại.

Sứ giả vâng lệnh vua, đem nửa quả Am-ma-lặc đến Tăng phùng, thỉnh tất cả chư Tăng nhóm họp và đánh lễ dưới chân các thầy rồi cung kính chấp tay bạch:

– Vua A-du-ca xin đánh lễ dưới chân chư Tăng. Thưa xong, ông ta nước mắt đầm đìa, nghẹn

ngào không nói nên lời, dâng nửa quả xoài lên chư Tăng và nói kệ:

*Một lòng che trời đất
Lệnh ban mọi nơi theo
Ví mặt trời giữa trưa
Ánh nắng nung nơi nơi
Phước nghiệp đã tiêu tan
Suy sụp bỗng đến nơi
Bị nghiệp báo dối gạt
Suy tàn mất vinh hoa,
Như mặt trời sắp lặn
Tín tâm cung kính lễ
Lại dâng nửa quả này
Lên cúng dường chư Tăng
Nói lên sự vô thường
Giàu sang đều biến đổi.*

Bấy giờ, các Thượng tọa nghe kệ xong, động lòng thương xót, xúc cảm, nhận nửa quả xoài và đem trình với đại chúng, nói:

— Giờ đây, chúng ta hãy sinh tâm nhàm chán là bỏ. Trong kinh, Đức Phật, Đấng Bà-già-bà có dạy như vậy: Thấy người khác suy yếu, họa hoạn, hãy nên sinh nhàm chán, xa lìa. Những người có sự nhận thức, khi thấy, ai mà không thương xót và sinh tâm nhàm chán.

Thượng tọa liền nói kệ:

Người hăng hái bố thí

*Hơn hết trong các vua
 Voi lớn trong mọi loài
 Tên là A-du-ca
 Giàu nhất cõi Diêm-phù
 Tất cả đều như ý
 Hôm nay bị các quan
 Cản ngăn, không tự tại
 Tất cả đều cảm đoán
 Chỉ còn nửa quả xoài
 Được có quyền làm chủ
 Cúng dường lên đại chúng.
 Rất giàu có rộng lớn
 Tất cả được tự tại
 Sinh ra tâm tự cao
 Hôm nay đâu còn nữa
 Kẻ ngu nên xem đây
 Hãy mau sửa tâm mình
 Giàu sang không tồn tại
 Chỉ có nửa quả xoài
 Khiến các thầy Tỳ-kheo
 Đều sinh tâm nhàm chán.*

Vị Thượng tọa bảo bỏ nửa quả Am-ma-lặc này vào món canh của chư Tăng rồi nói:

– Đây là sự cúng dường cuối cùng của Đại đàn-
 viết vua A-dục. Vì sao nói tất cả tài sản giàu có này
 đều không bền chắc? Đây là lý do Đức Phật, Đấng
 Bà-già-bà đã dạy: “Tài vật không bền chắc đổi tài
 vật bền chắc. Thân không bền chắc đổi lại thân bền

chắc. Mạng sống không bền chắc đổi lại mạng sống bền chắc.” Nay đàn-việt, hãy sinh tâm vui mừng, đem tài sản không bền chắc làm tư lương cho mình đến đời sau. Hãy thường tu hạnh bố thí, chớ để cho đứt mất.



Chương 28

Nếu kẻ phàm ngu khinh chê người hiền đức, người hiền ấy không bao giờ sinh tâm giận tức. Bị người khác hủy báng, mắng nhiếc, người hiền vẫn nói lời tùy thuận.

Tôi từng nghe:

Thuở xưa, có một người bày tiệc đãi khách tại nhà mình. Người này làm rất nhiều vòng hoa để tặng cho khách mời. Mọi người được tặng vòng hoa đều đội lên đầu. Có một hiền giả rất nghèo khổ tiêu tụy, đi vào giữa tiệc. Khi được đặt vòng hoa ông không đội lên đầu mà đặt bên cạnh mình. Mọi người đều nói:

– Người này nghèo khổ, định bán vòng hoa này cho nên không đội lên đầu.

Vị Ưu-bà-tắc nghe họ nói như vậy liền đáp:

– Vâng! Nếu khi tôi đem bán được giá rất cao, thì sau đó sẽ đem cúng dường.

Ông liền nói kệ:

*Như Tu-man ngày xưa
Vốn chỉ bán một hoa
Trong chín mươi một kiếp
Hưởng vui sướng cõi trời
Thân cuối cùng hôm nay
Được an vui Niết-bàn,
Như cô gái chăn bò
Đem hoa cỏ xấu hèn
Mọi người không ưa thích
Cô gái bán hoa này
Được sinh trời Đạo-lợi,
Như cô gái kia bán
Nay tôi hướng về Phật
Cũng muốn bán hoa này.
Phát được tâm như vậy
Ít có rất khó gặp
Như người bán hoa này
Ba cõi không ai bằng.*

Bấy giờ, mọi người hỏi Ưu-bà-tắc:

– Ai bố thí ít mà được phước báo lớn?

Ưu-bà-tắc đáp:

– Bây giờ, tôi sẽ nói cho quý vị nghe về pháp lành tốt, bền chắc: khi vòng hoa héo khô sẽ bị vất bỏ. Đức Phật xả bỏ ngôi vua như người ta bỏ vòng hoa héo khô.

Ông nói kệ:

Phật bỏ ngôi Chuyển luân

Như bỏ vòng hoa héo
 Bảy hoa giác đẹp tâm
 Thanh tịnh không như bản
 Trang điểm đã đầy đủ
 Đâu cần dùng hoa này.
 Nhưng tôi chuyên nhất tâm
 Cúng tháp Phật vòng hoa
 Nay tôi bán dâng Phật
 Thế gian không ai bằng.
 Người buôn pháp như thế
 Không bao giờ nghèo cùng
 Việc bán này cao tột
 Gọi là có công đức
 Nay tôi đem hoa này
 Muốn để cúng dường tháp.



Chương 29

Thí như nhà ảo thuật dùng lấy thân này làm đủ các trò chơi, có công năng làm cho người trí trông thấy liền được giải ngộ.

Tôi từng nghe:

Thuở xưa, có một nhà ảo thuật có tâm kính tin, ưa mến Phật pháp, vào núi Trú ám thiết trai cúng dường chư Tăng. Cúng dường xong, ông lấy gỗ Thi-đà-la làm thành một cô gái xinh đẹp lạ thường. Trước mặt đại chúng, nhà ảo thuật ôm chặt cô gái

này mà hôn hít và hành dâm với cô ta. Lúc đó các thầy Tỳ-kheo thấy việc này đều giận dữ, chê trách:

– Người này không biết xấu hổ, việc ông ta làm thật là bỉ ổi, nếu biết như thế, chúng ta không nhận bữa cúng dường của ông ta!

Nhà ảo thuật hành dâm xong, nghe các thầy Tỳ-kheo chê bai quở trách, liền dùng dao chặt cô gái thành từng đoạn. Ông ta móc mắt, xẻo mũi, dùng nhiều cách tàn độc để giết cô gái. Các thầy Tỳ-kheo thấy việc này lại sinh tâm giận dữ, chê trách nặng hơn lúc nãy.

– Nếu chúng ta biết như thế, thà là uống thuốc độc còn hơn thọ nhận sự cúng dường của ông ấy.

Lúc bấy giờ, nhà ảo thuật bèn nói:

– Lúc quý thầy thấy con hành dâm liền tỏ ra giận dữ, thấy con dứt dục và giết cô gái, quý thầy lại chê trách. Con phải làm thế nào để thờ phụng chúng Tăng đây?

Các thầy Tỳ-kheo nghe ông nói như vậy bối rối, áy náy không yên và chẳng biết nói sao cho hợp.

Bấy giờ, nhà ảo thuật mang khúc cây Thi-đà-la đưa cho quý thầy thấy và chấp tay thưa:

– Người mà con hành động vừa rồi chính là khúc cây này. Đối với khúc cây này làm sao có chuyện dâm dục và giết hại? Vì con muốn chư Tăng được an thân cho nên thiết trai cúng dường. Và vì muốn làm cho chư Tăng an tâm cho nên làm

ra trò ảo thuật này. Xin quý thầy cho phép con nói: Chẳng lẽ quý thầy không nghe trong kinh Đức Phật dạy: “Tất cả pháp đều như huyễn hóa”. Nay con vì muốn thể hiện lời Đức Phật dạy, nên làm ra trò ảo thuật này.

Như cái thân huyễn này không có tuổi thọ, không có mạng sống, nên biết rằng do nhà ảo thuật vận chuyển cái máy khiến cho tượng gỗ biết nhìn ngó, cúi, ngước, liếc ngó, bước đi hay dừng lại, hoặc nói, hoặc cười... nhờ việc ấy mà chúng ta biết một cách sâu sắc rằng: “Thân này thật sự là vô ngã.”

Ông liền nói kệ:

*Trước thấy hình ảnh kia
Tưởng tượng sinh vọng hoặc
Nghĩ đó là cô gái
Chìm vào lưới ái dục
Quán sát sâu thật hơn
Biết thân đều vô ngã.
Như nhà ảo thuật kia
Dùng gỗ làm cô gái
Ý hành nơi điên đảo
Kẻ ngu cho chúng sinh
Đối trò ảo thuật này
Vọng tưởng là trai gái.
Người trí khéo quán sát
Ấm giới và các nhập
Giả hợp thành chúng sinh*

Mỗi mỗi đều khác nhau
Hòa hợp các phân lại
Tạo tác ra các nghiệp.
Các hành không nam, nữ
Cũng chẳng có thọ mạng
Sắc dục và mịn lảng
Cử chỉ và nơi chốn
Bốn thứ dục như thế
Xoay chuyển tâm ngu dại.
Nhất Thiết Trí cũng nói
Huyễn ảo dối thế gian
Như trong lưới huyễn kia
Hóa thành các sắc tượng
Lưới sinh tử cũng vậy
Hiện năm đường khác nhau
Buồn vui và giận dữ
Sâu nảo và đấu tranh
Các nhiễu loạn như thế
Giống như quỷ khắp thân.
Tâm tạo tác các nghiệp
Giống quỷ kia khác gì
Từ tâm sinh ra gió
Nhân gió gây ra nghiệp
Chúng sinh thấy gây nghiệp
Và các thứ sắc tượng
Đối với hành nghiệp này
Sinh cử chỉ, hình sắc
Không biết chỗ phải dừng

Liền vọng tưởng chấp ngã.
 Thân này là bộ máy
 Gân, tủy, tóc, da, thịt
 Tất cả băm sáu vật
 Hòa hợp lại thành thân,
 Người ngu chấp chúng sinh
 Thật ra không chủ thể
 Nhưng nhờ có sức gió
 Mà cúi, ngược, co, duỗi
 Nhờ nương tựa vào tâm
 Mà sinh khởi năm thức
 Nhưng mà tâm thức này
 Niệm niệm đều biến diệt.
 Kẻ ngu khởi si giác
 Chấp thân này có ta
 Khâu nghiệp bao nhiêu loại
 Thân nghiệp cũng bấy nhiêu.
 Nói cười và cử chỉ
 Thấy đều là như huyễn
 Trong đó không có ngã
 Vì không có chủ thể.
 Pháp luống dối như thế
 Không thọ, không tri kiến
 Vọng sinh khởi tưởng tượng
 Vui lấp các phàm phu.

Như việc mà nhà ảo thuật kia đã nói, hoàn toàn chân thật không khác. Khi ấy, các thầy Tỳ-kheo nghe xong đều được Kiến đế. Thế mới biết rằng,

các pháp đều như huyễn. Người nào biết được điều đó thì dứt bỏ được cội gốc các hành.



Chương 30

Về bố thí, giữ giới và bàn luận sự cạn thấp của vấn đề này, người có căn lành thuần thực sẽ ưa thích pháp sâu xa.

Tôi từng nghe:

Thuở xưa, khi vua A-dục mới phát tín tâm, thường thỉnh chư Tăng vào cung cúng dường, hằng ngày nghe pháp. Nhà vua ra lệnh giăng màn, trướng để che chắn các phụ nữ khi họ nghe pháp. Các thầy Tỳ-kheo nói pháp cho là phụ nữ phần nhiều đắm mê khoái lạc trên đời, nên chỉ khen ngợi pháp bố thí, trì giới cho họ nghe mà thôi. Có một kỹ nữ căn lành đời trước đã thuần thực, nàng không sợ vua sẽ bắt tội, liền vén màn, đến chỗ thầy Tỳ-kheo bạch:

– Những điều Đức Phật dạy chỉ có pháp bố thí và trì giới, không còn pháp nào khác sao?

Thầy Tỳ-kheo đáp:

– Này cô, vì ý tôi không cho rằng có những người lợi căn như vậy cho nên mới nói như thế. Nếu cô muốn nghe pháp, tôi sẽ nói cho cô nghe giáo pháp sâu xa hơn.

Thầy Tỳ-kheo bảo cô gái:

– Đức Phật dạy giáo pháp mà cả thế gian chưa từng nghe, đó là pháp Tứ đế.

Thầy Tỳ-kheo liền giải thích cho cô gái nghe. Nghe xong, cô gái liền chứng quả Tu-đà-hoàn.

Bấy giờ cô gái nói:

– Tuy trái phép vua nhưng ta được lợi ích lớn.
Cô liền nói kệ:

*Nghe giảng bốn Chân đế
Pháp nhãn tịnh vô cầu
Dem mạng mong manh này
Đổi mạng bền pháp Phật.
Dù bị vua cỡi người
Giờ đến giết chết ta
Ta đã được Tuệ mạng
Tâm không hề ăn năn.*

Khi ấy, các cung nhân thấy người kỹ nữ này trái phạm pháp vua, trong lòng rất sợ bị kết tội đồng lõa. Người kỹ nữ thấy việc ấy, tự tay cầm dao đến trước vua, gieo năm vóc sát đất, thú tội xin được chết. Cô gái nói:

*Lệnh vua rất nghiêm ngặt
Không ai dám trái phạm
Tôi vì nghe pháp mầu
Trái phạm xin chịu chết.
Tôi vì khát khao pháp
Đường đột đến chỗ Tăng
Như trâu khát nắng xuân*

Tìm nước chẳng sợ roi
Đột nhập dòng nước trong
Uống đã mới quay về.
Xin đại vương biết cho
Pháp Phật khó được nghe
Thí như hoa Ưu-đàm
Khó có thể được gặp
Các pháp màu do Phật
Thầy ba cõi đã nói
Tôi được nghe pháp này
Sao lại chẳng vui mừng!
Pháp do Phật chỉ dạy
Mới thật ngon đuốc sáng
Tiếng trống lớn diệt kiết
Cầu bến của trời người
Nghe tiếng linh giải thoát
Tiếng hoan hỷ an vui.
Ngày xưa Đức Bồ-tát
Khổ hạnh siêng cầu pháp
Nhảy vực sâu, cắt thịt
Để cầu đạo Vô thượng
Đã được người chỉ giáo
Rất khó có thể gặp
Tôi được gặp pháp này
Vì sao không nghe nhận!
Thân này như chùm bọt
Cây chuối và đóm lửa
Rắn tứ đại quán nhiều

Nay hội thí pháp này
 Khó được nghe và gặp
 Tiếc gì thân dơ xấu
 Mà không nghe pháp mau.
 Thân mong manh huyễn ảo
 Tuy hoạt động tới lui
 Các cử chỉ ngó nhìn
 Nằm, ngồi và đến đi
 Xem xét cùng nói năng
 Nhưng thật chẳng chúng sinh
 Mà tưởng là chúng sinh.
 Mọi hành động cử chỉ
 Tất cả đều như huyễn
 Không lâu sẽ tan hoại
 Vứt bỏ ngoài gò mả
 Thi hài đồng gỗ đá
 Điều, quạ đến giành ăn
 Mưa gió làm thổi rã
 Vừa nát cũng như bùn.

Lúc ấy, nhà vua nghe kệ xong nói:

– Người có thành ý nghe pháp như vậy, giờ đây người đã chứng đắc được quả gì?

Kỹ nữ liền nói kệ:

Bây giờ không che giấu
 Tôi phải nói sự thật
 Đã chứng Tu-đà-hoàn.
 Nên phát tâm vui mừng

Dốc lòng khéo lắng nghe
 Nay tôi tự thấy pháp
 Không còn tin người khác,
 Tâm không có lười nghi
 Đã đóng ba nẻo ác
 Sinh tử là ven bờ.
 Tôi đã lìa ngục hữu
 Đối sáu hai tà kiến
 Đã mở hết buộc ràng
 Chẳng lâu sẽ xa lìa
 Tiến về thành cam lộ.
 Nơi Đức Phật dẫn dắt
 Ấm giới và các nhập
 Tôi đều thấy như thật
 Quán thân như giở răn
 Ấm như giặc rút đao
 Dục như oán giả thân
 Các căn như mây nhóm
 Sáu trần giặc phá xóm
 Dòng sông ái lấp vùi
 Đã ngộ việc như thế
 Mong chỗ an ổn kia.

Nhà vua nghe những lời này sinh lòng kính tin pháp Phật gấp bội. Ông nói:

– Hay thay pháp Phật! Con đường nhàm chán sinh tử của Đấng Đại Lực Thế Tôn. Hay thay pháp Phật. Người có lòng tin hướng đến đều được giải thoát. Vì sao mà biết như vậy? Người nữ trí nông

cạn còn có khả năng giác ngộ, hơn cả sáu vị giáo chủ ngoại đạo! Nay con phát tâm quy y hướng về Đấng Vô Thượng Điều Ngự Trượng Phu. Con xin kính lễ Đấng Đại Bi cứu giúp tất cả chúng sinh, khai mở pháp cam lộ cho nam nữ, trẻ già... cùng nhau tu hành.

Vua nói kệ:

*Nếu cho rằng người nữ
Trừ hiểu biết nông cạn
Những người trí sâu khác
Phải kính mới ngộ được.
Nghĩa sâu xa như thế
Được người trí tôn kính
Chính là Đấng Mâu-ni
Tối thắng đạo chánh nói,
Pháp mầu do Ngài nói
Người nghe rất vui mừng
Chuyên niệm và nhất tâm
Khiến cho chẳng buông lung.
Ngài không dạy luận bàn
Cũng không vì bài xích
Các ngôn luận ngoại đạo
Tất cả tự phá hoại.
Chưa hề tự khen ngợi
Vang danh khắp thế gian
Tuy nói công đức thật
Không phải tự khen ngợi,
Tuy oai đức rõ ràng*

Đầy sáng trong vắng lặng
Đầy đủ trí Nhất thiết
Không cậy mình, tự cao,
Việc làm tuy mạnh mẽ
Nhưng lại khéo điều hòa
Dứt bỏ các công cao
Nhưng lại không thấp hèn.
Pháp truyền bá lâu dài
Không ai chê trách được
Lời Đấng Vô Hại nói
Rất nhiều loại khác nhau
Nhưng tất cả mọi người
Không thể nói lỗi Ngài.
Lời nói tuy dài dằng dặc
Không có ai chán nhàm
Pháp nói tuy giống tục
Nhưng lý xuất thế gian.
Lời Thiện Thệ đã dạy
Văn tự truyền thế gian
Nhưng thường chưa từng có
Hóa độ thường đôi mới
Lời nhiệm màu như thế
Ai cũng chấp tay lễ
Đều ngợi khen Thế Tôn
Đại Sư Tử khéo dạy.
Thí như mùa xuân, hạ
Râm, nắng đều lợi vật
Lời Phật cũng như vậy

Nhiều lợi ích chúng sinh
Dứt tâm nghi mọi người
Đối trị khéo giải thích
Giúp thoát ra ba cõi
Chỉ rõ chốn an ổn,
Cũng làm cho chúng sinh
Hoặc vui, hoặc sợ hãi
Cũng làm cho ưa thích
Cũng khiến cho buồn thương
Cũng làm được lợi ích.
Pháp diệt kiết đã nói
Chân thật là thần biến
Điều nên nói sẽ nói
Ý không tiếc tình người
Dạy lời tuy cứng cỏi
Nhưng không trái pháp tướng.
Đấng Tối Thắng trí tuệ
Tợ như nước biển lớn
Đầu, giữa và bờ mé
Cùng một vị như nhau
Pháp Phật cũng như thế
Đầu, giữa, cuối đều lành
Người nghe đều thanh tịnh.
Người trí nghe lời Phật
Ý mạnh mẽ đầy đủ
Lắng nghe lời Phật rồi
Chẳng ham sách ngoại đạo,
Ngôn từ đều đầy đủ

Biện tài rất văn hoa
Cũng không tự cống cao
Lời nói không yếu hèn
Hơn hết trong tất cả
Nghĩa hiển bày đầy đủ
Thật là Nhất thiết trí.
Thể nghĩa ngoại đạo ít
Trang nghiêm từ bằng trí
Ngôn từ rất bóng bẩy
Nhưng không có nghĩa vị
Nói dua nịnh, tà vạy,
Thế gian thật ngu tối
Cầm đuốc pháp của người
Đi vào nơi Chân đế
Như vào nhà của mình.
Đệ tử Đáng Thiện Thệ
Sẽ được ta ủng hộ
Các vị đại đệ tử
Khéo điều phục các căn
Điều Phật dạy đệ tử
Nay ta tin sâu xa.
Ở trước các đại chúng
Ta tuyên nói lời này
Từ hôm nay trở đi
Cho phép các Thích tử
Thường được vào cung ta.
Nay thế nhận kính tin
Hàng Sa-môn Thích tử

*Tự tiện được vào cung
Thỏa mãn tâm người nữ
Bằng giáo pháp cam lộ.
Tâm nữ đã vắng lặng
Hướng về nơi giải thoát
Thế nên thường phải nghe
Nghĩa bốn Đế sâu xa.*



ĐẠI TRẠNG NGHIÊM KINH LUẬN

QUYỂN 6

Chương 31

Nếu người có công đức thật sự mới xứng đáng thọ nhận sự cúng dường. Nếu thật không có công đức thì không xứng đáng thọ nhận sự cúng dường với tín tâm của người.

Tôi từng nghe:

Thuở xưa, trong dòng họ Câu-sa có vị vua tên Chân-đàn-ca-nị-tra, đánh dẹp phía Đông xứ Thiên trúc. Sau khi bình định đất nước này, nhà vua trở về nước trong vinh quang lẫy lừng và phước lực tràn trề. Giữa đường, đi ngang qua xứ Bình bác, đoàn quân dừng chân tạm nghỉ. Lúc đó, điều mà tâm nhà vua ưa thích chỉ có pháp Phật; pháp Phật chính là chuỗi anh lạc trang sức quý báu. Ở chỗ nghỉ chân, nhà vua trông thấy xa xa có một ngôi tháp, vua cho là tháp Phật, bèn cùng một ngàn người hầu đến chỗ ngôi tháp. Khi còn cách ngôi tháp không xa, nhà vua cùng mọi người xuống ngựa, đi bộ đến. Ngài đội mũ báu cõi trời để trang sức trên đầu, đến chỗ tháp quy mạng đánh lễ, nói

kệ:

*Đấng là dục chương kết
 Đây đủ trí Nhất thiết
 Ở trong các Tiên thánh
 Tối thượng chẳng ai bằng
 Hay vì các chúng sinh
 Làm người bạn không mời
 Tiếng khen khắp thế gian
 Được ba cõi tôn trọng.
 Dứt bỏ hẳn ba cõi
 Pháp do Như Lai nói
 Trên hết trong các luận
 Phá dẹp các luận tà
 Nay con quy mạng lễ
 A-la-hán chân thật.*

Lúc ấy vị vua kia cúi đầu kính lễ, vì nghĩ nhớ công đức của Như Lai, khi đang đánh lễ, thì ngôi tháp bỗng sụp đổ giống như bị ngọn cuồng phong thổi sập vỡ vụn. Nhà vua trông thấy việc ấy rất đổi sợ hãi, thắc mắc, bèn nói:

– Ngôi tháp này không có ai đến gần đụng chạm, tại sao tự nhiên lại ngã xuống tan nát như vậy? Sự biến đổi khác thường như thế này chắc hẳn là có nguyên nhân.

Vua liền nói kệ:

*Trời Đế Thích sống lâu
 Cũng tôn trọng như thế*

*Chấp tay lễ tháp Phật
 Điều không có tướng khác.
 Thế Tôn đại oai đức
 Đáng tôn trọng tới cao
 Phạm thiên đến kính lễ
 Phật cũng không tướng khác.
 Thân con kém hơn kia
 Không vì con mà hoại
 Là sức chú thuật này
 Làm ra vì chán đạo.*

Vua nói kệ xong, vì thấy tháp sụp đổ nên tâm vẫn còn kinh sợ, bèn nói:

– Xin sự biến đổi khác thường này đừng đem đến tai họa, mà hãy đem đến điều tốt lành, làm cho các chúng sinh được an ổn. Từ trước đến nay tôi đã năm vóc sát đất lễ kính trăm ngàn ngôi tháp, nhưng chưa bao giờ thấy việc hư hoại, dầu chỉ là một hạt bụi rơi. Không biết hôm nay sao có sự biến đổi khác thường như vậy. Hiện tượng như thế này tôi chưa từng thấy!

Vua liền nói kệ:

*Các trời, A-tu-la
 Cùng chiến đấu với nhau
 Muốn phá hoại nước này,
 Mạng sống tôi không trọn
 E rằng có giặc thù
 Muốn hủy hoại nước tôi?*

*Không đao binh, mất mùa
 Cũng không có tật dịch
 Chẳng phải cả thế gian
 Sắp có tai họa chẳng?
 Đây là điềm xấu ác
 Phải chẳng pháp sắp diệt?*

Bấy giờ, người dân sống trong ngôi làng gần tháp thấy vua lấy làm lạ thắc mắc lạ, liền tâu vua:

– Xin đại vương biết cho, đây không phải là ngôi tháp Phật.

Rồi họ nói kệ:

*Ni-kiền rất ngu si
 Tà kiến thiêu đốt tâm
 Đây là tháp của họ.
 Vua với tâm lễ Phật
 Đức tháp này mỏng manh
 Lại không có xá-lợi
 Không kham nhận vua lễ
 Cho nên mới vỡ vụn.*

Vua Ca-nị-tra sinh tâm kính tin gấp bội đối với tháp Phật, toàn thân nổi ốc, buồn vui lẫn lộn, nước mắt tuôn trào, nói:

*Việc này thật phải thế
 Tôi tưởng tháp Phật, lễ
 Nên pháp phải hư hoại
 Vật nặng voi khỏe chở
 Lừa làm sao chở nổi.*

*Phật dạy: ba hạng người
 Nên xây tháp thờ họ
 Ni-kiên mất tà đạo
 Không nên xây tháp thờ.
 Ni-kiên tử bất tịnh
 Không nên nhận ta lễ.
 Khi tháp này đổ nát
 Phát ra tiếng động lớn
 Dụ như tháp Đa tử.
 Phật đến chỗ Ca-diếp
 Ca-diếp lễ chân Ngài
 Là Đạo Sư của con
 Phật Thế Tôn của con
 Phật bảo Ca-diếp rằng:
 Nếu không phải La-hán
 Mà nhận lễ của thầy
 Đầu vỡ làm bảy mảnh
 Nay tôi nhân tháp này
 Nghiệm lời Phật rất đúng.*

Như loại gỗ đá này không có tâm thức mà còn làm minh chứng cho Ni-kiên, nghiệm biết mình chẳng phải Bạc Nhất Thiết Trí.

Nhà vua thấy việc này rồi, ở trước mọi người vui mừng hơn hở, sinh lòng kính tin gấp bội, dung nhan vui tươi, nói thế này:

– Nam-mô Bà-già-bà, Bạc Thầy giải thoát, tất cả chúng ta đều tôn kính. Phật Thích-ca Mâu-ni phát ra tiếng rống Sư tử, dạy rằng: “Ngoài pháp

này ra, không có Sa-môn và Bà-la-môn”. Lời Phật chân thật không có nhầm lẫn. Có các chúng sinh một chân, hai chân, không chân, nhiều chân, có sắc, không sắc, có tướng, không tướng cho đến phi tướng, phi phi tướng... trong các loài chúng sinh này chỉ có Như Lai là Bạc tôn quý hơn hết. Tóm lại, những điều Phật đã dạy hôm nay đều thể hiện rõ ràng. Tất cả ngoại đạo đều như cây cỏ, huống gì là giáo chủ Ni-kiền Phú-lan-na Ca-diếp.

Vua nói kệ:

*Ta là vua cõi người
Không nhận nôi ta lễ
Huống gì vua Chuyển luân
Vua A-tu-la thấy.
Hôm nay ngôi tháp này
Như bị voi đầu đàn
Dùng oai lực đôi chân
Giẫm đạp làm vỡ vụn.
Thân có bốn thứ kiết
Nên gọi Ni-kiền-đà
Như người xưa được nóng
Khi trời rất nóng bức,
Tên gọi Ni-đà-già
Như Lai Phật Thế Tôn
Đoạn được tất cả kiết
Thật là Ni-đà-già
Do đó nên hôm nay
Các đệ tử Ni-kiền*

*Và các trời, người khác
 Đều nên cúng dường Phật.
 Phật thuộc dòng trí tuệ
 Tiếng khen vang rộng khắp
 Cho nên tháp miếu Ngài
 Trời, Người, A-tu-la
 Một khi đến kính lễ
 Không có sự, nghiêng động,
 Như dùng cánh con muỗi
 Mà quạt núi Tu-di
 Tuy dốc hết sức lực
 Núi không hề dao động.*

Thế nên, nếu người muốn được phước đức lớn, hãy nên lễ bái tháp miếu Phật.



Chương 32

*Nếu người có học vấn, tuy đã hủy giới hạnh,
 nhưng nhờ năng lực học vấn nên có thể đắc đạo.
 Vì ý nghĩa này cho nên hãy siêng năng học vấn.*

Tôi từng nghe:

Thuở xưa, có một thầy Tỳ-kheo học rộng ở chỗ vắng vẻ. Lúc đó, có một quả phụ thường hay lui tới chỗ thầy Tỳ-kheo để nghe nói pháp. Dần dà thầy Tỳ-kheo học rộng sinh tâm đắm nhiễm bà quả phụ. Vì có tâm đắm nhiễm cho nên các pháp lành dần dần yếu kém, vì bị các kết sử của tâm phàm phu

sai khiến nên thầy Tỳ-kheo thề hẹn với người phụ nữ. Bà ta nói:

– Nếu bây giờ thầy bỏ đạo, hoàn tục, tôi sẽ làm vợ thầy.

Lúc bấy giờ, thầy Tỳ-kheo hoàn tục, sau khi hoàn tục, không chịu được sự khổ não của thế gian nên thân thể gầy ốm không biết làm nghề gì để sinh sống. Thầy chưa biết phải tìm cách nào làm ít mà được nhiều tiền, bèn suy nghĩ: “Bây giờ ta phải tìm cách nào để sinh sống đây? Chỉ có cách là mổ dê mượn là ít tốn công mà được nhiều lợi”. Nghĩ như vậy, chàng ta bèn đi tìm lò mổ dê. Vì tâm phàm phu dễ hư hỏng, nên gây ra nghiệp này, chàng ta liền kết bạn với người hàng thịt. Trong lúc ông đang bán thịt, có một đạo sĩ khát thực vốn quen biết với ông thầy tu xuất này, nên đang đi trên đường, đạo sĩ tình cờ gặp ông ta đầu tóc bù xù, mặc áo xanh, trên mình dính đầy máu giống như Diêm-la, La-sát, tay cầm cái cân thịt cũng đều dính máu. Ông ta đang cân thịt để bán cho người. Đạo sĩ thấy như vậy, thở dài: “Đức Phật dạy thật đúng! Tâm phàm phu lao chao không ngừng, rất dễ đổi thay. Người này trước đây siêng tu học vấn, giữ gìn giới cấm, không hiểu tại sao hôm nay bỗng nhiên lại làm việc này?!”

Nghĩ xong, vị đạo sĩ liền nói kệ:

Nếu không điều ngựa ý

*Buông lung gây điều ác
Tại sao không hổ thẹn
Lìa bỏ pháp điều phục.
Oai nghi và cử chỉ
Làm người thích ngắm nhìn
Chim muông và cầm thú
Nhìn thấy không kinh sợ,
Bước đi sợ giẫm kiến
Tâm từ thương chúng sinh
Tâm Từ bi như thế
Bấy giờ bỏ đâu rồi?*

Tâm phàm phu bất định, chính tính cách đó cũng là của Sa-môn hay Bà-la-môn. Thế nên Đức Như Lai không y cứ vào hình tướng, hễ người nào chân thật được đế lý thì gọi là Sa-môn và Bà-la-môn.

Đạo sĩ lại nói kệ rằng:

*Vỗ ngực mà tự xưng
Cho mình thật Sa-môn
Do họ chẳng điều tâm
Nên làm điều ác này.*

Vị đạo sĩ suy nghĩ: “Bây giờ, ta phải làm cách nào để cho anh ta được giác ngộ? Như lời Đức Phật dạy, nếu khi chỉ dạy người, trước hết phải làm cho người ấy phát khởi lòng tin thanh tịnh đối với bốn pháp không thể hư hoại. Bốn pháp không thể hư hoại này có công năng làm cho chúng sinh thấy

được Tứ đế. Ta sẽ nói cho anh ta nghe về căn bản của sự tạo nghiệp”. Nghĩ xong, đạo sĩ liền nói:

– Ông cân rất giỏi.

Người bán thịt suy nghĩ: “Thầy Tỳ-kheo này đã không mua thịt, tại sao lại bảo ta cân rất giỏi?”.

Nghĩ rồi, anh ta liền nói kệ:

*Thầy chắc vì thương ta
Đến gặp cứu giúp ta
Thầy Tỳ-kheo như vậy
Lìa chợ lâu, theo pháp
Thấy ta làm việc ác
Nên đến muốn cứu độ
Thật là bậc Hiền thánh
Làm lợi ích cho ta.*

Nói kệ xong, người bán thịt nhớ lại ngày xưa, lúc còn làm Tỳ-kheo đã gây ra các nghiệp, anh ta nhớ lại đoạn kinh đã tụng ngày trước: “Khổ nhóm do lỗi của dục, vị của dục”. Suy nghĩ xong, ông ta liền ném cây cân ra xa rơi xuống đất, sinh tâm nhàm chán đối với sinh tử, nói với thầy Tỳ-kheo kia bằng lời kệ:

*Vị dục và lỗi dục
Thứ nào là nhiều nhất
Tôi dùng dây tầm quý
Năm giữ cân trí tuệ
Cân nhắc việc như vậy
Tâm đã được thông suốt*

Không thấy nó có lợi
Chỉ thấy dục có hại,
Thế nên hôm nay tôi
Phải nên dứt bỏ dục
Đi đến nơi Tăng phường
Xin xuất gia trở lại.
Tôi vì làm theo dục
Thân hèn hạ khổ đau
Tuy thân đang còn sống
Mà như đọa đường ác.
Xưa kia tôi xuất gia
Lọc nước rồi mới uống
Thương giữ mạng chúng sinh
Chẳng có tâm giết hại
Ngày nay như quỷ dữ
Ăn tinh huyết của người
Nay tôi thích sát hại
Thói quen không thể bỏ.
Lành thay! Lời Phật dạy,
Gần gũi với người dục
Việc ác nào cũng làm
Nay tôi bị dục sai
Suy tàn đến nỗi này.
Đáng Nhất Thiết Trí dạy
Tôi chưa thấy Tứ đế
Từ ngày nay trở đi
Không bao giờ buông lung,
Lời Đức Thế Tôn dạy

Trước là người buông lung
 Giờ đây xin chấm dứt
 Như trăng ra khỏi mây
 Chiếu sáng cả thế gian
 Vì vậy nay tôi sẽ
 Chuyên tâm giữ giới cấm.
 Giả sử lửa cháy đầu
 Cháy luôn cả y phục
 Tôi vẫn mãi tinh tấn
 Tu hành pháp điều phục
 Đoạn kết sử khó trừ
 Chắc chắn được vắng lặng.
 Giả sử cắt gân mạch
 Hình hài bị héo khô
 Chưa thấy lý Tứ đế
 Thì không hề ngưng nghỉ
 Trước diệt oán kết sử
 Được quả báo, thi ân.

Lúc đó, thầy Tỳ-kheo biết rõ tâm niệm của ông
 thầy tu xuất, ngọn lửa trí tuệ đã bắt đầu nhen nhúm,
 bèn nói kệ:

Giờ nếu ông xuất gia
 Ất sẽ được giải thoát
 Ca-lê và Tăng-kiêm
 Cho đến Chát-đa-la
 Các thầy Tỳ-kheo này
 Đều bảy lần thôi tu
 Sau xuất gia trở lại

Chứng được quả La-hán.
 Giới của Phật Thế Tôn
 Ông cũng không hủy phạm
 Ông không khởi tà kiến
 Lại có trí học rộng
 Khéo sinh tâm chán lìa
 Tu tập vui vắng lặng,
 Ông có đèn học rộng
 Gió kết sử đã tắt
 Tu học rộng trở lại
 Ất đến nơi vô úy.
 Bị nước kết cuốn trôi
 Nên nương tu định lực
 Tu định được sức mạnh
 Thấy kết sử rõ ràng.
 Do ông thường tu tập
 Nên thích pháp xuất gia
 Tâm gần công đức lành
 Bị kết sử hủy hoại
 Tu tập theo chánh đạo
 Dùng ý loại kết sử
 Như voi đứt dây nài
 Muốn đi đâu tùy ý.

Ngay khi đó, người bán thịt liền dứt bỏ nghiệp
 xấu, xuất gia trở lại nỗ lực siêng tu, chứng quả A-
 la-hán.



Chương 33

Nếu muốn trang nghiêm nghiệp lành không lỗi thì phải siêng tu các việc lành.

Tôi từng nghe:

Thuở xưa, có một người làm ruộng thông minh sáng dạ, ông cùng các bạn dẫn nhau vào thành, thấy có một người dung mạo khôi ngô tuấn tú, y phục chỉnh tề, trang sức bằng ngọc ngà châu báu xinh đẹp, có nhiều người theo hầu, tất cả đều trang sức vòng vàng lộng lẫy. Người làm ruộng thông minh nói với các bạn:

– Không tốt! Không tốt!

Các bạn nói:

– Người có oai đức khôi ngô như vậy rất đáng được kính yêu. Có gì đâu mà bạn cho là không tốt? Người làm ruộng nói:

– Tôi tự cho mình là không tốt chứ không phải cho rằng người kia là không tốt. Vì đời trước tôi không làm công đức, khiến cho ngày nay phải chịu thân nghèo hèn này, không có oai đức, chẳng được ai tôn kính. Nếu trước tôi có tu phước thì làm gì mà không sánh kịp với người này! Thế nên bây giờ tôi phải gắng sức làm điều lành, chắc chắn đời tương lai tôi sẽ vượt hơn người này.

Ông liền nói kệ:

*Người kia không buông lung
Làm lành được phước lợi*

Còn tôi do buông lung
Không tu các công đức
Thế nên nay nghèo hèn
Thấp kém không oai thế.
Tôi tự trách, tự thẹn
Nên nói mình không tốt.
Tôi tự quán sát mình
Nghèo cùng rất đáng thương
Bị kết sử dối lừa
Bị buông lung làm hại
Từ nay trở về sau
Siêng tu thí, giới, định
Ắt khiến đời tương lai
Dòng họ, quyến thuộc tốt
Đẹp đẽ, có oai đức
Giàu sang, nhiều kẻ hầu
Các việc không thể chê
Người đời đều tôn kính.
Đừng như thân hiện tại
Tự ăn năn không kịp
Tâm ác làm hại tôi
Khi dối đến nghèo hèn.
Tâm tự hối tự trách
Tu thiện được vui sướng
Nếu khi gây nghiệp ác
Các thiện đều không sinh
Nếu giữ tâm tu thiện
Đầy đủ mọi điều vui.

Lời thế gian không ngoa
 Báo thiện, ác khác nhau
 Phật dạy: tám Chánh đạo
 Đưa người đến Niết-bàn
 Nếu tâm tham tài lợi
 Giàu sang và vinh hoa
 Mong cầu cho đời sau
 Không khỏi nạn già suy.
 Tôi sẽ gắng tinh chuyên
 Hướng về nơi vô úy
 Ví như họa sĩ say
 Vẽ đủ các hình tượng
 Tỉnh rồi biết là xấu
 Hủy bỏ, vẽ bức khác,
 Vì đời trước ngu si
 Tạo ra thân xấu này
 Nay xin diệt nghiệp ác
 Mong báo tốt tương lai
 Thấy quả báo xấu rồi
 Người hiểu biết tự trách.



Chương 34

Nếu nghe nói về điều thiện, hãy nên suy gẫm,
 chắc chắn được lợi ích. Cho nên người hiểu biết
 thường nên lắng nghe và lãnh thọ pháp lành
 nhiệm mầu.

Tôi từng nghe:

Thuở xưa, trong nước Xá-vệ, Đức Phật cùng Tôn giả A-nan đi trên cách đồng rộng, ở bên bờ ruộng thấy có kho báu được chôn giấu, Đức Phật bảo A-nan:

– Đây là rắn độc.

A-nan bạch Phật:

– Vâng, đây là rắn rất độc.

Bấy giờ, có một người nông dân đang cày ruộng, nghe Phật bảo A-nan là có rắn độc, ông ta suy nghĩ: “Ta sẽ đến xem vì sao mà Sa-môn cho là rắn độc”. Người nông dân đi thẳng đến bên bờ ruộng, thấy có khối vàng ròng, ông ta nói một mình:

– Cái mà Sa-môn bảo là rắn độc chính là vàng ròng!

Ông ta liền gom hết số vàng này đem về để trong nhà. Người nông dân này trước đây rất nghèo khổ, cơm ăn, áo mặc hoàn toàn thiếu hụt, nhờ được số vàng này mà trở nên giàu có, cơm áo dư dật.

Nhà vua tra xét nghi ngờ chuyện ông ta bỗng nhiên giàu to, bắt trói nhốt vào ngục. Số vàng nhặt được trước đây, người nông dân nạp hết cho vua mà vẫn không thoát khỏi tội, sẽ bị tử hình. Ông ta than lớn:

– Rắn độc A-nan! Rắn rất độc Thế Tôn!

Người chung quanh nghe được, đem tâu vua.

Nhà vua cho gọi người ấy đến hỏi:

– Vì sao người nói rắn độc A-nan, rắn rất độc Thế Tôn?

Người nông dân đáp:

– Hôm đó, tôi đang cày ruộng, nghe Đức Phật bảo A-nan: “Đây là rắn độc”. A-nan đáp: “Vâng! Đây rắn rất độc”. Bây giờ tôi mới hiểu rõ rằng đúng thật là rắn độc.

Người nông dân liền nói kệ:

*Lời Phật dạy: không hai
Bảo rằng là rắn độc
A-nan bạch Thế Tôn
Thật là rắn rất độc.
Sức mạnh của rắn độc
Nay tôi mới chứng biết
Đối với Phật Thế Tôn
Càng kính tin hơn nữa.
Nay tôi gặp nguy khốn
Cho nên nhắc lời Phật.
Nọc độc của rắn độc
Chỉ chích vào một người
Họ hàng và vợ con
Tôi trai và tớ gái
Tất cả không khổ nào
Chỉ một người gánh chịu
Còn nọc độc tiên của
Lan khắp cả quyền thuộc.*

Nay đối với tiền tài
 Cùng họ hàng thân thích
 Tôi coi như rắn độc
 Đang nổi cơn giận dữ.
 Người trí hãy mau là
 Như tránh con rắn độc
 Hãy mau cầu xuất gia
 Đi vào nơi rừng núi.
 Ai người có trí tuệ
 Thấy nghe việc thế này
 Mà còn đắm tiền của
 Mê loạn hoặc tâm người
 Như tôi tưởng lợi lớn
 Dè đâu bị khổ đau.

Nhà vua nghe kệ xong, biết rõ tâm niệm người nông dân đã tin hiểu sâu xa lời Đức Phật dạy. Vua bèn nói kệ:

Nay người đã kính tin
 Đáng Đại Tiên thương xót
 Lời Ngài nói chân thật
 Chưa từng có hai lời.
 Của chôn giấu trước đây
 Ta trả hết lại người
 Ta lại đem của cải
 Cấp dưỡng thêm cho người.
 Kính tin Đức Điều Ngự
 Vì Thiện Thệ nói thật
 Được Đại Phạm kính tin

*Bạt-lê, A-tu-la, ...
 Thiên vương và Đế Thích
 Ta đây và các vua
 Hào tộc, Bà-la-môn,
 Sát-lợi ở trong thành
 Ai cũng đều kính tin
 Bạc tri kiến tôn thắng.
 Vì cùng nhau kính tin
 Hiện tại được hoa báo
 Tin điều đáng tin nhất
 Nên được quả bậc nhất.*



Chương 35

Những người mong cầu lợi lộc có lúc được, có lúc không. Người có tâm lành chân thật thì không mong cầu mà tự được lợi ích chân thật. Còn người không có tâm lành chân thật vì mong được lợi thì phải khởi tâm lành chân thật.

Tôi từng nghe:

Thuở xưa có một vị vua. Khi ấy, con của quan phụ tướng sớm mất cha, vì còn thơ dại nên chưa được nhận quyền thừa kế. Tiền tài đã hết, lại không có người hướng dẫn yết kiến nhà vua, đứa bé sống thật nghèo khổ. Người con dần dần khôn lớn, có tài phụ tướng, trị dân, xử đoán, tất cả đều giỏi. Tuổi vừa trưởng thành, đang tuổi tráng niên,

thân hình cao lớn, sức lực mạnh mẽ, tài nghệ đầy đủ, anh ta suy nghĩ: “Hiện giờ ta quá nghèo khổ, biết phải làm gì đây? Ta lại không thể làm những nghề thấp hèn được. Ta thật vô phước, có đủ tài nghệ mà không được thi thố, lại không sinh trong nhà thấp hèn!”. Anh ta nói kệ:

*Nghiep đến biến đổi ta
Mới nghèo khốn như vậy
Nghề nghiệp của mẹ cha
Nay không chỗ sử dụng
Còn nghề nghiệp thấp hèn
Chẳng phải việc ta làm.
Nếu ta không phước đức
Nên sinh nhà thấp hèn
Tuy sinh nhà giàu sang
Nhưng khốn khổ như thế.
Nghề hèn rất dễ học
Nhưng ta không thể làm
Nên làm nghề ăn trộm
Khiến người không hay biết?
Hay làm nghề ăn cướp
Che giấu người không biết
Hông buộc hai ống tên
Và cầm kiếm thật bén
Bó chân, tay nắm cung
Các thứ đều đầy đủ
Giống như con sư tử
Chẳng biết sợ là gì.*

Nói kệ xong, người con của quan phụ tướng suy nghĩ: “Nếu như ta cướp của ở những nơi khác sẽ làm cho những người đó nghèo thiếu, chỉ bằng ta đến cướp của vua”. Nghĩ rồi, anh ta lẻn vào cung, đến chỗ vua nằm. Nhà vua biết có kẻ cướp nhưng sợ không dám lên tiếng. Kẻ cướp lấy y phục của nhà vua và lấy các chuỗi ngọc gom lại một chỗ. Lúc đó, cạnh đầu vua có một cái bình nước kê bên, lại có tro. Bị cơn đói khát ép ngặt, tên cướp cho rằng tro là đường mật nên bỏ vào nước khuấy để uống. Uống no nê xong mới biết đó là tro. Anh ta nghĩ: “Tro còn có thể ăn được, huống là những vật khác. Ta thà ăn cỏ chứ sao lại cướp? Tổ tiên ta từ xưa đến nay đâu có làm nghề này!”. Tên cướp liền bỏ lại hết các vật rồi quay về nhà.

Nhà vua thấy tên cướp đi ra mà không mang theo vật gì bèn khen rằng: “Lành thay!”, liền gọi người ấy lại hỏi:

– Vì sao người đã lấy các vật này rồi bỏ lại mà đi tay không ra như thế?

Chàng trai tâu:

– Tâu đại vương, cho phép tôi được nói.

Chàng liền nói kệ:

Vì sao làm phi lý

Chỉ vì đói khát thôi

Nhờ nước tro no lòng

Thế nên dứt tâm cướp.

*Nay biết đói khát này
Để tìm cách ngăn dứt
Tôi uống nước tro rồi
Ném bình xuống dưới đất
Sinh hổ thẹn, ăn năn
Không còn gây điều ác.
Xin đại vương biết cho
Tôi chẳng phải thường dân
Là con quan phụ tướng
Do cảnh nhà cùng khốn
Nên lén vào cung vua
Mà làm việc phi pháp.
Từ nay trở về sau
Thường muốn uống nước tro
Ăn cỏ để nuôi sống
Không làm việc trộm cắp.
Tổ tiên, gia đình tôi
Vốn thuộc nhà lễ giáo
Thà hủy bỏ thân này
Không quên lời dạy xưa.*

Vua thấy việc này, khen ngợi là điều chưa từng có. Khen ngợi con dòng cháu giống chân thật không luống dối. Tuy có lỗi nhưng kịp thời sửa đổi ngay.

Vua bèn nói kệ:

*Nghèo nàn làm nhục chí
Bỏ mất tâm hổ thẹn
Người thấp hèn xấu xa*

Nhanh chóng gây nghiệp ác
 Dùng móc pháp nhà mình
 Chế ngự voi làm càn
 Người đã tự nén lòng
 Không trái phép gia giáo
 Làm theo hạnh người hiền
 Noi theo gương cha người.
 Nay người bỏ tâm si
 Làm được việc khó làm
 Ta rất là vui mừng
 Phong người làm phụ tướng.
 Không cần xem xét lại
 Ta đã thấy hạnh người
 Tâm vững, chí mạnh mẽ
 Có trí tuệ, năng lực
 Nay ta biết rất rõ
 Việc này thật khó có
 Tài năng hơn cha người
 Nhờ tâm lành chân thật.

Thế nên người hiểu biết hãy làm điều chân thật, không nên luống dối.



Chương 36

Hiện tại, kết sử tuy không còn sinh khởi,
 nhưng nếu chưa dứt hết kết sử thì kết sử cũng có
 lúc sẽ xuất hiện trở lại. Như đổ nước lạnh vào

nước sôi.

Tôi từng nghe:

Thuở xưa, có một vị thầy và một người đệ tử. Vào một ngày mùa đông trong căn thất ấm áp, hai thầy trò thấy có một đồng lửa mà không thấy ngọn lửa và khói. Thầy bảo đệ tử:

– Con có thấy lửa này không có ngọn lửa và khói chẳng?

Người đệ tử thưa:

– Thưa con có thấy.

Vị thầy bảo:

– Con bỏ củi khô vào thì khói sẽ bốc lên ngay.

Lại nói:

– Dùng miệng thổi thì ngọn lửa sẽ bốc lên.

Vị thầy vì đệ tử nói kệ:

*Lửa không ngọn lửa, khói
 Tâm từ quán bất tịnh
 Hiện tại kiết không sinh
 Như lửa không ngọn, khói
 Nếu lửa gặp củi khô
 Ngọn, khói đồng thời sinh,
 Lửa tâm gặp nhân duyên
 Khi gặp ác tri thức
 Khói giận tức liền sinh
 Nếu khi thấy sắc đẹp
 Lửa tham dục bốc cao,
 Thế nên hãy dứt bỏ*

Đầy đủ ba thứ mình
Để dỉt tham, sân, si
Nên riêng tu tinh tấn.
Minh hạnh tức dỉt tâm
Có kết sử không mọc
Dụ như đường thường đi
Các loại cỏ không mọc,
Tham dục và giận tức
Chưa gặp duyên không khởi
Gốc rễ chưa nhổ bỏ
Gặp duyên lại phát khởi,
Dụ như bệnh sốt rét
Bốn ngày mới tới cử
Có lúc hai, ba ngày
Gặp duyên lại tái phát,
Giống như định thế tục
Tạm nén kiết không khởi
Hoàn toàn không tương bệnh.
Dụ như rễ cây độc
Không nhổ, tọc lại sinh
Như người thẹn tóc bạc
Cạo luôn cả tóc đen
Cạo tóc chẳng bao lâu
Tóc bạc mọc trở lại
Không dỉt hẳn kết sử
Việc ấy cũng như vậy.
Dục kiết và giận tức
Cửa Giới hạnh ngăn cấm

Đối trị ản không khởi
 Không gây nghiệp thân, miệng,
 Nạn vọng tưởng sinh dần
 Sau, kết sử lại khởi
 Hủy phạm các giới hạnh
 Tham đắm năm thứ dục
 Như rắn trón vào hang
 Bò ra liền cắn người.



Chương 37

Bồ thí vì giải thoát chứ không vì vật chất của cải. Nếu vì vật chất, của cải thì không gọi là bồ thí. Nếu vì giải thoát thì chứng được vô sinh và được vui Niết-bàn. Thế nên người hiểu biết vì mong cầu giải thoát mà thực hành bồ thí.

Tôi từng nghe:

Thuở xưa, có người đàn-việt đến Tăng phường mở hội. Vị đạo nhân quen biết với đàn-việt thưa với vị Thượng tọa:

– Hôm nay đàn-việt cúng dường một bữa ăn ngon, mong thầy hãy vui lòng nói pháp cho đàn-việt nghe.

Vị Thượng tọa đã chứng được ba Minh, sáu Thông và tám pháp Giải thoát, biết rõ tâm người khác, nên quán sát sâu xa lý do vì sao mà thiết hội này, bèn biết chỉ vì muốn có lợi lộc về vật chất mà

người đàn-việt mở hội này.

Bấy giờ, Thượng tọa dạy người đàn-việt này về nỗi khổ trong ba đường ác. Ngài nói:

– Lành thay! Lành thay! Đàn-việt hôm nay ông đã thiết trai cúng dường rất đúng thời. Sắc, hương, mỹ vị... tất cả đều đầy đủ, rất là thanh tịnh, trong ba đường ác ông không thiếu đường nào.

Bấy giờ, vị đạo nhân quen biết thừa với Thượng tọa:

– Vì sao Thượng tọa lại chú nguyện cho ông ta, trong ba đường ác đều không thiếu đường nào?

Thượng tọa nói với vị đạo nhân:

– Tuy ta già cả, nói pháp nhầm lẫn, nhưng đàn-việt này không giữ giới, bị kết sử sai khiến. Ta quán sát tâm đàn-việt nên mới nói lời ấy. Vị đàn-việt này cúng dường là mong được cái vui dục và của báu, súc sinh.

Thượng tọa nói kệ:

*Người thí sinh chỗ nào
Của cải rất là nhiều
Vì ý nhiều tiền của
Làm sinh khởi kiêu mạn.
Kiêu mạn vượt pháp độ
Kẻ phạm phu mù tối
Vì vượt quá pháp độ
Nên đọa ba đường ác,
Ở trong ba đường ác*

Giống như nhà cửa mình
 Nếu sinh lên trời, người
 Giống như nhà ở tạm.
 Nên giữ giới, bố thí
 Đều hưởng vui Niết-bàn
 Giữ giới được sinh Thiên
 Thí sẽ đủ các vật.
 Bố thí vì giải thoát
 Ất sẽ hết khổ đau
 Thí như trồng ngô sen
 Hoa lá thấy đều được
 Rễ sen cũng ăn được.
 Tu bố thí, giữ giới
 Gần gũi rừng giải thoát
 Vui sướng dụ hoa, lá
 Rễ sen dụ giải thoát
 Thế nên tu giới, thí
 Ất phải vì giải thoát
 Không vì lợi thế gian.



Chương 38

Được làm thân người là khó, lìa khỏi các nạn cũng là khó. Nếu đã xa lìa các nạn, thường phải nỗ lực tinh tấn.

Tôi từng nghe:

Thuở xưa có một chú bé nghe trong kinh dạy:

“Như con rùa mù gặp bông cây nổi, việc này rất khó.” Một hôm, chú bé đục một miếng ván làm thành cái lỗ có thể đút đầu vào, rồi vát miếng ván xuống ao. Chú bé lội trong ao, cúi đầu, ngẩng đầu những mong chui vào lỗ miếng ván. Do nước đầy, miếng ván trôi linh bình cho nên không thể chui vào lỗ được. Chú bé liền nghĩ: “Thật là chán ghét! Khó thay được làm thân người. Đức Phật dùng biển rộng mênh mông làm ví dụ. Bông cây nổi nhỏ quá mà con rùa lại bị mù không thấy đường, lại trăm năm mới trôi lên một lần, rất khó gặp gỡ. Ta đang ở trong cái ao nhỏ mà cái lỗ ván lại lớn, mình còn có hai mắt đầy đủ vậy mà hằng ngày nhô đầu cả trăm lần mà còn không gặp được lỗ ván, huống gì con rùa kia mù làm sao gặp được lỗ ván.”

Chú bé nói kệ:

*Biển cả rất rộng lớn
Bông cây nổi lại nhỏ
Rùa trăm năm mới nổi
Rất là khó gặp được.
Nay ta trong ao nhỏ
Lỗ ván nổi lại to
Đầu luôn trôi lên nước
Còn không gặp lỗ ván
Rùa mù gặp cây nổi
Chui được rất khó thay!
Từ đường ác làm người
Khó được cũng như vậy*

Nay ta được thân người
Phải nên dừng buông lung.
Hằng sa số Đức Phật
Chưa từng gặp bao giờ
Hôm nay được nghe nhận
Lời của Phật Thế Tôn
Pháp mầu do Phật nói
Con nhất định tu hành,
Nếu khéo léo tu tập
Sự cứu giúp rất rộng
Chẳng người làm, mình được
Thế nên tự tinh tấn.
Nếu rơi vào tám nạn
Làm sao thoát khỏi ra?
Nghịch thế gian đeo đuổi
Bị rơi vào đường ác
Nay ta nay nên xa lánh
Được thoát ngục ba cõi.
Nếu không thoát ngục này
Làm sao được giải thoát?
Bao nhiêu đường súc sinh
Vô lượng kiếp lâu dài
Địa ngục và ngạ quỷ
Tầm tối, khổ não đầy
Nếu ta không gắng tu
Làm sao ra khỏi được
Các đường ác hiểm nạn?
Ngày nay được thân người

*Không ra khỏi mé khổ
Chẳng là ngục ba cõi
Phải siêng tu phương tiện
Ắt là ngục ba cõi
Nay con xin xuất gia
Ắt sẽ được giải thoát.*



Chương 39

***Tiền tài khó xả bỏ. Nếu người hiểu biết tu tập
bồ thí chút ít, chớ có ý khinh thường họ.***

Tôi từng nghe:

Thuở xưa, ở nước Tu-hòa-đa có vị vua tên Tát-đa-phù. Một hôm, vua đi săn tình cờ gặp một ngôi tháp, liền cúng dường ngôi tháp ấy năm đồng tiền. Có một người Chiên-đà-la từ xa trông thấy khen rằng:

— Lành thay!

Vua liền sai người đến bắt người này đem đến chỗ vua. Nhà vua hỏi:

— Có phải người thấy ta cúng dường ít cho nên chê cười phải không?

Người Chiên-đà-la tâu:

— Xin đừng làm tôi sợ, rồi tôi sẽ nói: Trước đây tôi là tên cướp ở những đoạn đường nguy hiểm. Tôi bắt được một người, hấn ta vội vàng nắm bàn

tay lại. Tôi suy nghĩ: “Người này nắm chặt tay, chắc là có tiền vàng”. Tôi bảo mở tay ra, nhưng người ấy không chịu. Tôi cầm cung tên để dọa hấn ta và bảo mở tay ra, nhưng hấn cũng dứt khoát không chịu. Tôi liền giương cung về phía hấn. Chỉ vì tham của cho nên hấn bị bắn chết. Giết người này xong, tôi lấy được một đồng tiền đồng. Hấn thà tiếc một đồng tiền chứ không tiếc thân mạng. Nay đại vương không bị ai ép buộc mà cũng dưng năm đồng tiền vào tháp Phật, cho nên tôi khen ngợi: “Lành thay!”

Người Chiên-đà-la liền nói kệ:

*Giương chiếc cung thật cong
 Định hại mạng hấn ta
 Hấn thà mất thân mạng
 Không chịu mất một tiền.
 Tôi thấy như người này
 Bỏ mạng, không bỏ tiền
 Cho nên bây giờ tôi
 Thấy có người bỏ tiền
 Sinh ý tưởng ít có
 Ngợi khen việc khó làm.
 Không thấy có đao cung
 Ép buộc đại vương đây
 Cũng không có sợ hãi
 Tự ý bỏ khó bỏ.
 Khó tìm mới có tiền
 Cho nên hôm nay tôi*

*Thấy có người xả của
Sinh tâm chưa từng có.
Tôi tự thấy việc ấy
Khổ mấy cũng không bỏ
Xin đại vương biết cho
Tâm sinh tham khó xả.*



Chương 40

Khéo quán sát việc mình làm thì ngay lúc ấy có lỗi lầm nhưng sau chắc chắn được nhiều lợi ích.

Tôi từng nghe:

Thuở xưa, có một thầy Tỳ-kheo thường bị trộm cắp. Một hôm, thầy Tỳ-kheo ở trong nhà đóng chặt các cửa lại. Tên trộm lại đến gõ cửa gọi. Thầy Tỳ-kheo đáp:

– Mỗi khi thấy người, ta rất kinh sợ. Người hãy đưa tay vào phía trong, ta sẽ cho người đồ đạc.

Tên trộm liền đưa tay vào bên trong cửa, thầy Tỳ-kheo liền dùng dây trói chặt tay hắn ta vào cây cột, rồi mở cửa cầm gậy đánh cho hắn một trận. Xong trận đòn đầu tiên, thầy Tỳ-kheo nói:

– Quy y Phật.

Tên trộm vì sợ quá, nói theo:

– Quy y Phật.

Thầy Tỳ-kheo đánh gậy thứ hai, nói:

– Quy y Pháp.

Tên trộm sợ chết nên lại nói:

– Quy y Pháp.

Thầy Tỳ-kheo đánh lần thứ ba, lại nói:

– Quy y Tăng.

Tên trộm sợ quá, cho nên nói:

– Quy y Tăng.

Hắn suy nghĩ: “Đạo nhân này chỉ quy y có mấy lần chứ nếu nhiều nữa thì chắc chắn ta sẽ chết, không còn nhìn thấy cõi đời này nữa”.

Thầy Tỳ-kheo mở trói cho tên trộm, tên trộm vì bị đánh cho nên thân thể đau nhức. Lâu lắm hắn mới đứng dậy được và xin được xuất gia. Có người hỏi:

– Trước đây anh làm ăn cướp đã gây ra biết bao nhiêu việc ác, vì lý do gì mà nay lại xuất gia tu đạo như thế?

Tên trộm đáp:

– Tôi cũng đã suy xét sự lợi ích của pháp Phật, rồi mới xuất gia. Hôm nay tôi được gặp Thiện tri thức lấy gậy đập cho ba trận, chỉ còn một chút nữa là mạng sống không còn. Đức Như Lai Thế Tôn đúng là Bạc Nhất Thiết Trí. Nếu ngài dạy cho các đệ tử bốn lần quy y thì mạng tôi coi như chấm dứt. Đức Phật có lẽ từ xa thấy rõ sự việc này nên Ngài dạy các thầy Tỳ-kheo xuất gia chỉ đánh kẻ trộm ba

lần, cho tôi khỏi chết. Thế nên, Đức Thế Tôn chỉ dạy có ba quy y chứ không dạy bốn quy y. Đức Phật xót thương tôi cho nên dạy ba quy mà không dạy bốn quy.

Tên trộm liền nói kệ:

*Hẩn Bạc Nhất Thiết Trí
 Vì lòng thương xót tôi
 Nên nói ba quy y
 Không dạy bốn quy y
 Vì ở trong ba cõi
 Nên Phật dạy: Ba quy
 Nếu Ngài dạy đến bốn
 Tôi còn đâu quy y.
 Nay, tôi thật đáng thương
 Thân mạng đứt liền đó
 Tôi thấy Phật Thế Tôn
 Nhìn xa sự việc này.
 Sinh tâm chưa từng có
 Liền bỏ hẳn tâm cướp
 Có người giải việc thô
 Có kẻ ngộ việc tế.
 Người thô ngộ việc thô
 Kẻ tế ngộ việc tế
 Do vì tâm tôi thô
 Nên giải ngộ việc thô
 Tôi thấu rõ việc này
 Vì thế xin xuất gia.*



ĐẠI TRẠNG NGHIỆM KINH LUẬN

QUYỂN 7

Chương 41

Lợi dưỡng làm rối loạn việc hành đạo. Nếu không màng đến lợi dưỡng thì sẽ khéo quán sát được tâm giận tức.

Tôi từng nghe:

Thuở xưa có một thầy Tỳ-kheo sống trong khu vườn kia, người dân trong các thành phố, ấp, xóm làng... đều đến cúng dường. Có người đồng xuất gia sinh lòng ganh ghét, chê bai. Đệ tử của thầy Tỳ-kheo nghe những lời chê bai này, bèn đến bạch với thầy:

– Thầy Tỳ-kheo nọ chê bai Hòa thượng đấy.

Hòa thượng nghe như vậy, liền gọi thầy Tỳ-kheo ấy đến, dùng lời êm dịu an ủi và biểu y cho thầy ấy. Các đệ tử bạch thầy:

– Ông thầy chê bai kia là kẻ đáng ghét của chúng ta, tại sao Hòa thượng lại an ủi và đem y cho ông ấy?

Hòa thượng đáp:

– Vị Tỳ-kheo phỉ báng kia có ân đối với ta nên ta phải cúng dường.

Hòa thượng liền nói kệ:

*Mưa đá hại lúa má
 Có người ngăn chặn được
 Chủ ruộng rất vui mừng
 Đem của cải đền ân,
 Phỉ báng là bạn thân
 Không gọi kẻ oán ghét
 Ngăn mưa lợi dưỡng ta
 Ta nên đền ân này.
 Mưa đá hại một đời
 Lợi dưỡng hại nhiều kiếp
 Mưa đá hại vật chất
 Lợi dưỡng hại tu đạo,
 Ruộng bị mưa đá hại
 Ất còn lại ít nhiều
 Người bị lợi dưỡng hại
 Công đức đều mất hết.
 Như Đê-bà-đạt-đa
 Bị mưa lợi dưỡng hại
 Bởi ông ta tham đắm
 Không may mắn pháp lành.
 Việc ác rất lấy lòng
 Khi chết đọa đường ác
 Lửa lợi dưỡng bốc cao
 Còn hơn tâm độc ác
 Sư tử và cọp sói*

Người trí quán sát rồi
Thà bị chúng làm hại
Không để lợi dưỡng hại.
Người ngu tham lợi dưỡng
Không thấy tội ác kia
Lợi dưỡng xa đạo Thánh
Hạnh lành mất không sinh.
Phật đã dứt kết sử
Mở hết kiết ba cõi
Công đức đã đầy đủ
Còn phải tránh lợi dưỡng.
Đáng Sư Tử trong chúng
Đã nói ra lời này:
Lợi dưỡng chó gàn ta
Ta cũng xa lánh nó.
Người tâm trí sáng suốt
Đâu ai tham lợi dưỡng
Lợi dưỡng rối loạn tâm
Làm hại hơn kẻ thù.
Như dùng dây thô giết
Cắt da, nát thịt xương
Phá tủy mới chịu thôi
Lợi dưỡng hơn dây thô
Cắt đứt da giữ giới
Phá hoại thịt thiên định
Làm gãy xương trí tuệ
Làm nát tủy tâm lành.
Cũng thí như đĩa tre

Bốc lửa nóng định ăn,
Như cá nuốt mỗi câu
Như chim bị sa lưới,
Các thú rơi hố sâu
Đều do bởi tham mỗi
Tỳ-kheo tham lợi dưỡng
Cũng như kia khác gì.
Miếng mỗi quả bé nhỏ
Gặp họa lại quá lớn
Dối gạt và nịnh hót
Ăn náu trong lợi dưỡng.
Gần gũi sự mê loạn
Mầm mống của tai họa
Giống như gãi mụn ghẻ
Càng gãi thì càng ngứa
Kiêu căng, dục, buông lung
Đều do lợi dưỡng sinh.
Người này vì chúng ta
Ngăn chặn giặc lợi dưỡng
Ta vì ý nghĩa đó
Nên tận tâm cúng dường
Thiện tri thức như thế
Sao gọi đáng ghét được?
Bởi vì tham lợi dưỡng
Không ưa nơi vắng lặng
Tâm chạy theo lợi dưỡng
Ngày đêm không ngừng nghỉ:
Nơi ấy có cơm áo

Người đó bạn thân ta
 Ất đến mời thỉnh ta.
 Tâm thường chạy theo cảnh
 Làm tâm không vắng lặng
 Không thích chỗ thanh vắng
 Thường ưa chốn đông người
 Lợi dưỡng làm hủy hoại
 Chẳng quý pháp thanh vắng
 Vì bỏ pháp vắng lặng
 Không gọi là Tỳ-kheo
 Cũng chẳng gọi Cư sĩ.



Chương 42

Muốn đạt đến lậu tận thì vấn đề dạy dỗ và tu học phải tùy theo căn cơ khác nhau.

Tôi từng nghe:

Thuở xưa, Tôn giả Mục-liên dạy hai người đệ tử chuyên ròng tu thiền nhưng không đạt kết quả. Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi ngài Mục-liên:

– Hai vị đệ tử của thầy chứng được thắng pháp chưa?

Ngài Mục-liên đáp:

– Chưa được.

Ngài Xá-lợi-phất lại hỏi:

– Thầy dạy họ pháp môn gì?

Ngài Mục-liên đáp:

– Tôi dạy một người quán bất tịnh và một người đếm hơi thở. Nhưng tâm ý của họ quá trì trệ nên không giác ngộ.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi ngài Mục-liên:

– Hai vị đệ tử đó từ dòng họ nào mà đi xuất gia?

Ngài Mục-liên nói:

– Một người là thợ giặt và một người nữa là thợ luyện vàng.

Ngài Xá-lợi-phất bèn bảo ngài Mục-liên:

– Đối với người thợ luyện vàng, thầy nên dạy họ pháp đếm hơi thở, còn người thợ giặt thầy nên dạy họ quán bất tịnh.

Tôn giả Mục-liên bèn dạy đệ tử theo pháp như thế, họ liền siêng năng tu tập và chứng quả A-la-hán. Sau khi chứng quả, họ rất vui mừng, hớn hở nói kệ ca ngợi Tôn giả Xá-lợi-phất:

*Bậc chuyển pháp thứ hai
Đại tướng của pháp Phật
Đạt trí tuệ trên hết
Trong các vị Thanh văn
Có năng lực trí tuệ,
Và giác ngộ hơn hết.
Hay thay Xá-lợi-phất!
Chỉ bày đường giải thoát
Tùy thuận theo thói quen*

Dắt dìu khai ngộ con
Cả hai chóng giải thoát
Thực hành cảnh giới mình
Đạt được điều nên đạt
Thực hành cảnh giới khác
Như cá nằm trên đất.
Con thường quen giặt áo
Màu trắng bên bờ sông
Tâm trụ trong xương trắng
Giống nhau để khai ngộ
Không cần dùng công lắm
Cũng mau vào tâm con,
Thọ vàng thường thổi bệ
Hơi ra vào là gió
Đếm thở dễ thích hợp.
Thói quen của chúng sinh
Ai cũng có chỗ mạnh
Nay Ngài Xá-lợi-phát
Giềng mối trong pháp Phật.
Phật nói Xá-lợi-phát
Bậc chuyển pháp thứ hai
Thích ứng đúng như thật
Tâm đã được tự tại
Khiến cho hai chúng con
Khéo biết nẻo đường thiền.
Con như voi chưa thuần
Đại tướng trong pháp Phật
Dạy bảo điều phục con

*Giúp đến nơi an ổn
Nên con rất vui mừng.*



Chương 43

Người căn lành thuần thực, dù có lẩn tránh nơi nào thì Đức Như Lai đại bi vẫn không bao giờ lìa bỏ họ.

Tôi từng nghe:

Xưa kia Đức Như Lai là ruộng phước tốt đẹp vô thượng, mọi việc Ngài làm đều đem đến phước đức, lợi ích cho chúng sinh, chẳng phải như ruộng của thế gian. Muốn nói lên việc thực hành ruộng phước khác với ruộng thế gian thì người thực hành ruộng phước (là Đức Như Lai) đến nhà các đàn-việt thuộc giai cấp thấp hèn, vào thành Xá-vệ khát thực. Cho đến khi làm Bồ-tát, vào thành Vương xá khát thực. Trong thành, tất cả những người già trẻ, nam nữ, lớn nhỏ, trông thấy dung nghi Ngài đều sinh tâm yêu kính. Ngoài ra, như trong kinh Phật Bản Hạnh có ghi:

Ngày xưa, khi Phật còn tại thế, chúng sinh nhàm chán việc ác, hạt giống căn lành rất dễ nảy mầm. Vì muốn cứu độ mọi người cho nên Đức Phật đã ứng hóa vào thành khát thực. Ngài nói kệ:

*Nếu với tâm tin sâu
Kính lễ dưới chân Phật*

*Người này đối sinh tử
Chẳng còn vương lâu nữa,
Làm được ruộng phước lành
Cúng dường tạo nhân duyên
Ắt được quả báo lớn
Với tâm kính tin dù
Cúng đất vào bát Phật
Cũng được có quả báo.*

Khi Đức Như Lai vào thành thị hiện thần thông
tất cả nhân dân cùng reo vui:

– Đức Phật vào thành!

Ngoài ra, như trong các kinh khác ghi:

Lúc Đức Phật vào thành, tất cả các thứ đều
trang nghiêm đầy đủ. Mọi người nam nữ, già trẻ
nghe tin Phật vào thành, tất cả đều xôn xao, giống
như biển lớn gió làm nổi sóng phát ra âm thanh lớn,
cõi Diêm-phù chưa có hiện tượng như vậy.

Bấy giờ, trong thành có người dọn phân dơ tên
là Ni-đề, mình mặc dơ bẩn, đầu tóc rối bù, áo quần
rách rưới, bẩn thỉu. Nếu trên đường đi gặp những
mảnh vải xấu, anh ta liền nhặt đem về vá áo, điều
này nói lên nghiệp bất thiện đời trước. Ni-đề vác
vò phân nặng trên lưng định đến đổ ở chỗ thật xa,
giữa đường bỗng gặp Đức Phật, anh ta chiêm
ngưỡng tôn nhan Ngài như thấy biển rộng bao la.
Vàng ánh sáng tròn bao quanh Phật một tầm, trang
nghiêm thân Đức Phật, giống như khối vàng ròng

tinh khiết, không có vết nhơ. Ca-sa Ngài đắp màu như chiêm-đàn đỏ, cũng như tòa lâu đài báu, chiêm ngưỡng mãi không chán, nên anh nói kệ:

*Sắc vàng như hoa nở
Y màu đỏ chiêm-đàn
Y phục thật ngay ngắn
Trong sạch như gương đồng
Như trăng sáng mùa thu
Mặt trời trong hư không
Thế Tôn ngự giữa chúng
Thanh tịnh như trăng thu.*

Bây giờ, chúng sinh thấy Phật Thế Tôn sinh tâm rất vui mừng. Loài súc sinh thấy Phật, đôi mắt còn hơn hở, huống chi là loài người, cho nên có bài kệ:

*Tôn nhan thật khó sánh
Thâm tâm rất kính yêu
Đáng gọi Đáng Thiên Định
Oai quang vàng rực rỡ
Tâm tà kiến ác độc
Thấy Phật cũng vui mừng
Chiêm ngưỡng hình tượng Ngài
Mắt nhìn không nhàm chán.
Thấy Phật tâm vui mừng
Thân Phật đều chiếu sáng
Càng nhìn càng sáng hơn,
Thân thể Ngài viên mãn
Không chỗ nào đáng chê*

Dòng họ đáng ca ngợi
Không ai chê bai được
Bậc trượng phu trí sáng
Tiếp nối sinh giống tốt.
Người đời trang sức báu
Để làm đẹp thân hình
Thân Phật đủ tướng đẹp
Chẳng cần trang sức ngoài
Tướng đẹp, người yêu thích
Vẻ đẹp thường theo thân.
Người đời dùng chuỗi ngọc
Chẳng được mãi đẹp luôn
Hoa sen đều nở thắm
A-du-già tốt tươi
Trang sức trên mặt đất
Đẹp ấy không bằng Phật.
Mắt trong, các tướng tốt
Rực rỡ trang nghiêm thân
Dụ như áo giáp ngọc
Trang sức bằng các báu,
Cũng như trong ao nước
Làm đẹp bằng các hoa
Các loại như thế sánh
Không bằng thân Như Lai.
Hình thể Đấng Thiện Thệ
Tướng tốt thật rực rỡ
Cũng như trong hư không
Lúc không có mây che

Muôn sao trang điểm trắng.
 Đáng khéo làm việc tốt
 Chiêm ngưỡng không chán đủ
 Như uống vị cam lộ
 Như trăng tròn, trong vắt
 Được mọi người mến yêu.
 Trang nghiêm bằng tướng màu
 Khéo điều phục oai đức
 Muôn đức đều đủ đầy
 Ai mà ca ngợi hết.
 Các lỗi xấu đã hết
 Thí như trong sinh tử
 Các con rồi hiện hình
 Không bao giờ biến được
 Dung nghi giống như Phật,
 Tuy làm con rồi đẹp
 Chẳng bằng thân tướng Phật
 Tướng nhiệm màu của Phật
 Trời, người không sánh bằng.

Lại nữa, không thể dùng ngôn từ khen ngợi cho hết được về tướng tốt nhiệm màu của Đức Thế Tôn. Các hạnh đầy đủ, công đức trọn vẹn, nên nói kệ khen:

Những điều Như Lai dạy
 Được người trí kính trọng
 Cung cách và cử chỉ
 Không hề có lỗi lầm.
 Hơn hết trong Mâu-ni

Gặp việc chưa từng có
 Tuệ giác không dao động
 Chê khen, tâm không khác
 Vì có mười năng lực
 Hiện tướng rất vắng lặng
 Tròn đủ và ngay thẳng
 Nhóm công đức lợi ích.
 Bước đi thật khoan thai
 Được mọi người yêu thích
 Lời nói nghĩa sâu rộng
 Xét trông rất chắc thật
 Có trình tự rõ ràng.
 Tất cả đều buông bỏ
 Không tham đắm ăn uống
 Tóm lại mà nói thì
 Không gì chẳng đáng yêu.

Lúc đó, Ni-đề thấy Đấng Điều Ngự Vô Thượng
 các căn vắng lặng và các thầy Tỳ-kheo các căn
 không tán loạn vây quanh theo hầu Ngài, tâm càng
 yêu kính hơn. Ni-đề nói kệ:

Các căn đều vắng lặng
 Người điều căn vây quanh
 Đắp y màu mới nhuộm
 Trước sau đi theo người.
 Đạo thù thắng dòng Thích
 Thân vàng không dao động
 Bốn chúng thường vây quanh
 Như mây vờn mặt nhật.

Ni-đề trông thấy Đức Phật, tự then mình như nhóp thóp hèn, trên vai lại vác vò phân, thì làm sao dám gặp Phật, bèn quay bước rẽ sang con đường khác để không gặp Phật, nhưng trong lòng buồn khổ vô cùng: “Vì đời trước ta không làm việc phước, bị bao điều xấu ác kéo lôi nên nay phải chịu nỗi khổ này. Ta không buồn với cái nghề thấp hèn này, nhưng thấy mọi người đều được đến chỗ Phật, còn ta vì bần thủ, hôi thối, cho nên không đến được bên Ngài”. Vì thế nên Ni-đề bị lửa buồn phiền thiêu đốt tâm tư.

Ni-đề nói kệ:

*Phật ra đời rất khó
 Khó có thể gặp được
 Trời, người, A-tu-la
 Bát bộ đều vây quanh,
 Nay ta tuy được gặp
 Hôi thối chẳng dám gần
 Rõ ràng do nghiệp ác
 Tội báo xả bỏ ta.*

Nghĩ xong, Ni-đề liền rẽ vào ngõ khác và tránh thật xa. Nhưng lòng Đại bi bình đẳng của Đức Phật Thế Tôn vẫn dõi theo bước chân của Ni-đề không rời bỏ. Ngài liền hiện thân trong con hẻm kia và đứng ngay trước mặt Ni-đề. Ni-đề thấy vậy, vô cùng kinh sợ, thầm nghĩ: “Vừa rồi ta đã tránh Đức Phật nhưng bây giờ lại gặp Ngài, ta phải biết tránh nơi nào đây?”.

Vừa lo âu, vừa sợ sệt, Ni-đề tự trách: “Ta thật bạc phước, chừ Phật thơm tho thanh khiết, làm sao thân bẩn thỉu này dám đến gần Phật? Nếu ta đến gần Ngài, thì tội càng thêm nặng. Do nghiệp ác đời trước khiến cho ta đến nỗi như vậy”.

Ni-đề nói kệ:

*Trời dùng hương chiên-đàn
Hoa Mạn-đà thượng diệu
Các thứ vật cúng dường
Đem đến dâng Thế Tôn,
Khi Đức Phật vào thành
Có nước thơm rưới đất
Trời, người đều cúng dâng
Thật là Đáng Ứng Cúng,
Còn ta mang vò phân
Sao dám đến trước Phật!*

Ni-đề lại nghĩ: “Ta phải làm cách nào cho thích hợp bây giờ?”. Ni-đề liền bỏ Phật, đi vào con hẻm khác. Đức Như Lai cũng lại hiện đến trong con hẻm ấy. Ni-đề thấy vậy càng ngạc nhiên hơn, bèn nói kệ:

*Ánh sáng quanh một tâm
Rực rỡ biết bao màu
Mọi người trong thành ấy
Chắp tay đứng vây quanh,
Đế Thích cầm phát trần
Trời, người đều cúng dường*

*Con vừa tránh hẻm khác
Phật lại hiện đến ngay.*

Nói kệ xong, Ni-đề nghĩ rằng: “Đức Thế Tôn là Bậc trên hết trong cõi trời, cõi người, còn ta là kẻ thấp hèn nhất trong các chúng sinh. Bây giờ, với cái thân hôi hám này ta đâu dám đến gần Đức Thế Tôn.” Ni-đề liền tránh vào trong một con hẻm khác. Lúc đó, Đức Thế Tôn trước đã hiện đến trong con hẻm ấy rồi. Thấy Phật, Ni-đề xấu hổ nên bỏ đi, không ngờ vò phân va vào tường bể tan, nước phân chảy ra làm bẩn cả áo Ni-đề. Thấy mình quá bẩn thỉu, Ni-đề xấu hổ buồn rầu, mặt mày thất sắc, thầm nghĩ: “Lúc nãy phân tuy hôi dơ nhưng còn ở trong thùng, bây giờ thùng đã bể, phân ứ rơi ra, thật đáng xấu hổ, thật đáng quở trách!”.

Ni-đề liền nói kệ:

*Than ôi! Thật lạ thay
Nay ta như sắp chết
Nhờ nhớp khắp toàn thân
Ta phải làm sao đây?
Đáng hơn hết ba cõi
Mà đến gần chỗ ta
Đứng ngay trước mặt ta
Ta hét chỗ tránh đi.
Ôi thôi! Thật đáng ghét
Trong ngoài đều bất tịnh
Rất xấu hổ, khổ não
Giống như già suy đến.*

Lúc đó, đại chúng thấy Đức Thế Tôn theo sau Ni-đề. Trong chúng đó có một thầy Tỳ-kheo suy nghĩ: “Đức Như Lai vào thành sao không lần lượt khát thực từng nhà giàu sang, thấp hèn, mà Ngài lại đi theo Ni-đề? Vì sao như vậy? Chắc là có lý do gì đó”. Thầy lại suy nghĩ: “Ta phải tìm hiểu việc này”.

Thầy Tỳ-kheo này liền nói kệ:

*Đây chắc người công đức
Được Phật đi theo sau
Như ngọc rơi thùng phân
Khuấy lên để kiếm tìm.
Như Lai xét tâm kia
Không chọn sang hay hèn
Không cần dòng dõi quý
Bậc Thắng Diệu nói rằng:
Như thầy thuốc chữa bệnh
Xem bệnh nặng hay nhẹ
Tùy bệnh mà bốc thuốc
Không xét theo dòng họ.
Như Lai tâm bình đẳng
Quán sát tâm thô tế
Cũng không chọn dòng dõi
Cho thuốc dứt phiền não.*

Bấy giờ, Ni-đề đi vào con hẻm chật hẹp gặp Đức Thế Tôn, xấu hổ co ro, không biết ẩn nấp vào nơi nào, bèn chấp tay nhìn xuống đất nói:

– Ngài có khả năng hộ trì tất cả chúng sinh. Xin Ngài hé một kẽ hở cho con có chỗ dung thân.

Ni-đề nói kệ:

*Hôm nay Đức Như Lai
Cùng đi gần đến con
Thân con quá hôi thối
Không dám gần Thế Tôn
Lành thay một kẽ hở
Để con được dung thân.*

Đức Như Lai với tâm Đại bi làm an vui lợi ích cho tất cả chúng sinh, với dung nhan từ hòa, sắc mặt tươi vui, Ngài đến bên Ni-đề dùng lời lẽ êm dịu an ủi Ni-đề, làm cho thân tâm Ni-đề thoải mái, vui sướng. Phật gọi Ni-đề, Ni-đề ngơ ngác nhìn khắp bốn phía: “Nhu lời Phật gọi, chẳng lẽ Đức Chí Tôn trong ba cõi, lại gọi người thấp hèn như ta sao, hay là có người đồng tên với ta mà Ngài gọi họ chẳng?” Tâm Phật bình đẳng tuyệt đối, không hề có yêu hay ghét. Đức Thế Tôn đưa tay về phía Ni-đề, ngón tay dài thon nhỏ có móng như màu đồng đỏ. Giữa những ngón tay có màng lưới nổi liền, tay Phật đẹp như hoa sen, bàn tay mềm mại tinh khiết có hình bánh xe. Đức Phật muốn làm cho Ni-đề sinh tâm mạnh mẽ bèn nói kệ bảo Ni-đề:

*Ngươi có căn duyên lành
Nên ta đến chỗ ngươi
Nay Ta đã đến rồi*

*Sao người cố lẩn tránh?
 Hãy nên đứng lại đây
 Tuy thân người không sạch
 Nhưng tâm có pháp lành
 Hương thơm rất nhiệm mầu
 Hiện đang ở trong người
 Chớ nên thấy thấp hèn.*

Ni-đề nghe lời Đức Phật dạy, đưa mắt nhìn Phật, trong lòng tràn ngập hân hoan, chấp tay thưa với Phật:

– Đối với kẻ không nơi nương tựa, Ngài làm chỗ nương tựa. Đối với các chúng sinh không có nhân duyên, mà Ngài tưởng như con, tâm Ngài thật là bình đẳng, thật là Đẳng Chân Tế. Nay Phật Thế Tôn nói chuyện với con, như rưới nước cam lộ lên thân tâm con.

Ni-đề nói kệ:

*Giả sử Đại Phạm vương
 Cùng nói chuyện với con
 Bậc Thiên đế tôn trọng
 Hạ mình ôm dắt con
 Bậc Chuyển luân thánh vương
 Ăn chung bữa với con
 Không bằng Thầy ba cõi
 Thương xót ban một lời.
 Con được Ngài quan tâm
 Còn vui mừng hơn kia*

*Chọn lựa bỏ dơ xấu
 Việc bất thiện đã dứt
 Việc lành đã đầy đủ.
 Đáng Tự Tại cứu giúp
 Khiên con được vui sướng
 Bụi trên chân Thế Tôn
 Để Thích còn đội đầu
 Cho là được phước đức
 Huống con rất thấp hèn
 Đích thân nhờ Phật dạy,
 Mà kêu gọi tên con
 Làm sao không vui thích?*

Đức Phật bảo Ni-đề:

– Bây giờ người xuất gia được không?

Ni-đề nghe Phật nói, sinh tâm vui mừng nói kệ:

*Như con dòng thấp hèn
 Có được xuất gia chăng?
 Thế Tôn rủ lòng thương
 Nếu con được xuất gia
 Như dắt người địa ngục
 Đem lên tận cõi trời.*

Phật bảo Ni-đề:

– Người không nên nghĩ như vậy.

Ngài bèn nói kệ:

*Như Lai không xét theo
 Dòng dõi và giàu sang
 Chỉ xét nghiệp chúng sinh*

Hạt giống lành quá khứ,
Các phiền não buộc ràng
Không hề được giải thoát
Sinh già bệnh chết kia
Vui khổ đều như nhau.
Vì sao Bà-la-môn
Riêng mình được giải thoát
Người khác không thể được?
Câu chữ và âm thanh
Đâu chỉ Bà-la-môn
Dòng dõi khác cũng biết.
Thí như qua bến sông
Không chỉ Bà-la-môn
Dòng dõi khác cũng biết,
Tất cả mọi việc làm
Đâu chỉ họ làm được
Người khác không thể ư?
Hôm nay người phải nên
Tin Ta mà xuất gia
Như trong pháp Phật Ta
Tâm bi không thiên lệch
Không giống các ngoại đạo
Có những pháp che giấu.
Cứu giúp đều bình đẳng
Pháp Phật không tổn giảm
Nói pháp không thiên lệch
Bình đẳng nêu đạo chánh
Vì tất cả chúng sinh

Làm đường ngay an ổn.
 Thí như trong chợ lớn
 Bán mua tất cả vật
 Chợ pháp Ta cũng vậy
 Không chọn dòng họ nào
 Giàu sang và nghèo hèn
 Thí như dòng nước trong,
 Sát-lợi, Bà-la-môn
 Tỳ-xá và Thủ-đà
 Không có ai ngăn giữ
 Không hạn người, chẳng người
 Tất cả đều được uống
 Pháp Ta cũng như vậy.
 Nay Ta không riêng gì
 Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni
 Mà vì cả thế gian
 Làm Thầy thuốc trời, người.

Ta không phải chỉ vì người giàu sang, lựa chọn các vua hiền mà còn hóa độ cho cả hạng người thấp hèn như Ưu-ba-ly. Ta không những cứu giúp hàng đại phú trưởng giả như Tu-đạt-đa mà còn hóa độ những người nghèo cùng như Tu-lại-đa. Ta không những hóa độ người có trí tuệ rộng lớn như Xá-lợi-phất mà còn hóa độ kẻ có căn tánh chậm lụt như Châu-lợi-bàn-đặc. Ta không những hóa độ người có tâm ít muốn biết đủ như Ma-ha Ca-diếp mà còn hóa độ người nặng nề về dâm dục như Bà-nan-đa. Ta không những hóa độ bậc kỳ lão, nhiều

phước đức như Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp mà còn hóa độ kẻ ấu trĩ Tu-đà-da. Ta không những hóa độ hạng người kiêu mạn như Bà-ca-lại mà còn hóa độ kẻ cực ác tay luôn cầm kiếm như Ương-quật-ma-la. Ta không chỉ nói pháp cho người nam hiểu biết nhiều nghe mà còn nói pháp cho người nữ có sự hiểu biết nông cạn nghe. Ta không chỉ là Đấng Chân Tế của chúng xuất gia mà còn nói pháp cho hàng tại gia cực ác nghe. Ta không chỉ nói pháp cho người thiếu dục nghe mà còn nói bốn Chân đế cho những kẻ thiếu niên tại gia buông lung năm dục nghe. Ta không chỉ nói pháp cho người buông bỏ các việc như Bồ-đà-lê nghe mà còn nói pháp cho người coi sóc việc nước, việc đời rối rắm như vua Tân-bà-sa-la nghe. Ta không chỉ nói pháp cho người dứt rượu nghe mà còn nói pháp cho người say sưa như Nữ-già nghe, giúp y được dầu đạo. Ta không chỉ nói pháp là sinh tử cho người ưa tu thiền định như Ly Việt nghe mà còn nói pháp cho người mất con, cuồng loạn Bà-tư-tra nghe. Ta không chỉ nói pháp cho người hiền đức sinh trong nhà Ưu-bà-tắc nghe, mà còn nói pháp cho đệ tử tà kiến là A-tu-bạt-đề nghe. Ta không chỉ nói pháp cho người tráng niên như La-tra-hòa-la nghe mà còn nói pháp cho người già cả như La-câu-la. Ta không chỉ nói pháp cho người già cả như Bà-câu-la nghe, chứng quả La-hán mà còn nói pháp cho vị Sa-di bảy tuổi là Tu-đà-diên nghe, khiến chứng

quả La-hán. Ta không chỉ trả lời những thắc mắc trong tâm của mười sáu người Bà-la-diên, mà còn nói pháp cho những đứa trẻ ngu ngơ, tham dục tìm cầu người nữ ở trong sáu mươi ngôi làng nghe. Ta không chỉ nói pháp cho Mãn Nguyên Tử, là Đại luân Nguu vương có biện tài vô tận nghe, mà còn nói pháp cho Tỳ-kheo-ni Đạt-ma-địa-na có sự hiểu biết nông cạn nghe, giúp cô được trí sâu xa, có khả năng giải thích tất cả những lời gạn hỏi của Đại trượng phu. Ta không chỉ nói pháp cho phu nhân của vị vua giàu sang là bà Di-bạt-đề giúp bà chứng được đạo quả, mà còn nói pháp cho người hầu cận thấp hèn là Cưu-thục-đa-la nghe, giúp ông đạt được dấu đạo. Ta không chỉ nói pháp cho người trinh phụ như Tỳ-xá-khư nghe mà còn nói pháp cho dân nữ Liên Hoa nghe. Ta không chỉ nói pháp cho người nữ đại đức biện tài là Cù-đàm-di nghe mà còn nói pháp cho vị Sa-di ni bảy tuổi là Chí-la có khả năng hàng phục ngoại đạo nghe.

Bảy giờ, Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Nương vào pháp của Ta
 Hãy nhanh chóng xuất gia
 Nhờ trí được cam lộ
 Chẳng do nơi dòng họ.
 Bốn đại đều là không
 Sang, hèn ai cũng có
 Vô trí thì không được
 Không phải do dòng họ.*

Ni-đề vâng lời Đức Phật dạy, liền đi xuất gia, chứng quả A-la-hán. Lúc đó trong thành Xá-vệ, các trưởng giả Bà-la-môn nghe tin Ni-đề được xuất gia đều bàn tán, sinh tâm tức giận, chê bai:

– Ni-đề kia là kẻ hèn hạ, bản thủ ở trong thành bây giờ được xuất gia. Nếu như có cuộc lễ, hẳn ta đến đây sẽ làm nhor nhóp nhà cửa, giường ghế của chúng ta.

Người trong thành đều phân vân, dần dần đến tai vua Ba-tư-nặc. Nhà vua nghe xong, bèn nói với các quan:

– Các khanh chớ có phân vân làm gì. Bây giờ chúng ta hãy đến chỗ Đức Thế Tôn bạch với Ngài rằng đừng cho kẻ hèn hạ này được xuất gia.

Vua Ba-tư-nặc bèn dẫn đoàn người theo hầu đến tinh xá Kỳ hoàn. Họ thấy có một thầy Tỳ-kheo ngồi trên tảng đá lớn, đang may chiếc y phần tảo. Có bảy trăm Phạm thiên đang đứng hai bên, có vị chấp tay lễ kính. Có vị lấy chỉ, có người xỏ kim, như trong kinh có nói rộng.

Khi ấy, chư Thiên nói kệ khen ngợi:

*Quan sát các căn lạng
Dung nghi rất oai đức
Chứng đắc đủ ba Minh
Lợi căn không lui sụt
Các điều lành đều đủ
Ngồi may y phần tảo*

*Bảy trăm trời oai đức
Đến từ cung Phạm thiên
Quy mạng và kính lễ
Mong vượt đến bờ kia.*

Khi ấy, vua Ba-tư-nặc không biết thầy Tỳ-kheo đó là Ni-đề bèn nói thế này:

– Xin Đại đức vào bạch Đức Thế Tôn giùm trăm là có vua Ba-tư-nặc đang đứng ngoài cửa, muốn đến gặp Phật.

Ni-đề nghe xong, liền đi vào trong tảng đá như đi xuống nước, rồi hiện lên đến trước Phật, bạch:

– Bạch Đức Thế Tôn, vua Ba-tư-nặc hiện đang ở ngoài cửa, muốn gặp Đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn bảo:

– Thầy hãy trở ra bằng con đường lúc nãy đã vào và hãy mời vua Ba-tư-nặc vào đây.

Ni-đề vâng lời Đức Phật dạy, từ tảng đá hiện ra mời vua Ba-tư-nặc. Vua Ba-tư-nặc đánh lễ thăm hỏi Đức Thế Tôn và bạch:

– Bạch Thế Tôn, vừa rồi thầy Tỳ-kheo kia là Đại đức nào mà được chư Thiên cúng dường, đứng hầu hai bên, lại có thể ra vào tảng đá không hề bị trở ngại như thế?

Vua nói kệ:

*Trí Phật tịnh thông suốt
Việc gì cũng rõ thông
Những điều con muốn hỏi*

*Phật đã biết trước rồi.
Việc trước hãy tạm gác
Con có điều muốn hỏi
Vừa thấy một Tỳ-kheo
Ra vào trong tảng đá
Thân như cò trong nước
Nổi chìm đều tự tại.*

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo vua Ba-tư-nặc:

– Thầy Tỳ-kheo vừa rồi mà nhà vua muốn biết chính là Ni-đề, kẻ mà Ngài cho là kẻ hạ tiện hèn hạ đây.

Nhà vua nghe xong, kinh hoàng, quỵ té xuống đất, ăn năn tự trách: “Ta đã tự đốt cháy mình. Tại sao một Đại đức như vậy mà ta lại sinh tâm chê bai khinh ghét”. Sau khi thấy việc ấy, nhà vua đối với giáo pháp Phật-đà được sự chưa từng có, càng kính tin hơn. Ông liền đánh lễ dưới chân Đức Phật mà nói kệ:

*Thí như núi Tu-di
Do có báu hợp thành
Chim muông và cầm thú
Đến đó đều sắc vàng,
Xưa nay, tuy đã nghe
Giờ đây mới chứng biết
Phật như núi Tu-di
Vô lượng công đức nhóm
Có người đến nương Phật*

Trở thành dòng giống quý.
 Phật không xét dòng dõi
 Sang giàu hay danh tiếng
 Như thầy thuốc xem bệnh,
 Cũng đâu xét giống dân
 Chỉ trao các thuốc tốt
 Khiến người được hết bệnh.
 Sang, hèn cùng tánh chất
 Từ bất tịnh mà ra
 Thành tựu được đạo quả
 Bình đẳng nào sai khác
 Các dòng dõi đều đồng
 Chứng quả cũng như nhau.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn làm cho lòng tin thuần nhất của vua Ba-tư-nặc thêm lớn nên dạy về “Bốn giai cấp đều thanh tịnh”. Nếu khi cưới hỏi thì dựa vào bốn giai cấp, bốn giai cấp này đều có khả năng được trong sạch.

Phật bảo vua:

— Nếu người lấy vợ, gả con phải chọn dòng dõi, còn trong pháp Phật chỉ xét nhân duyên thiện ác đời trước chứ không lựa chọn dòng họ nào. Chỉ xét sự bố thí do lòng tin chứ không xem trọng đặng ý của cải vàng bạc. Chỉ đòi hỏi giới pháp thanh tịnh chứ không đòi hỏi gia môn trong sạch. Chỉ cầu sự an định tự tại chứ không cần dòng họ tôn quý, chỉ xét trí tuệ chứ không xét nơi sinh.

Đức Phật thuyết kệ:

*Như luyện quặng trong núi
Để tìm lấy vàng ròng
Thí như cây Y lan
Cọ xát liền phát hỏa
Cũng như trong bùn lầy
Mọc lên hoa sen xanh
Không xét nơi sinh ra
Chỉ xét về đức hạnh.*

Nếu người sinh vào dòng họ cao quý, có đức hạnh, thì nên cúng dường. Nếu người sinh vào dòng thấp kém mà có đức hạnh, thì cũng nên cúng dường. Những người có trí tuệ nên cúng dường. Người có đức, dòng họ có khác nhưng đức hạnh thì không khác nhau. Cũng như cây Y lan và cây Chiên-đàn đều có thể phát ra lửa nóng và ánh sáng không khác nhau.

Lời Phật chân thật, không có lỗi lầm. Lời dạy ấy thấm sâu vào lòng người, làm cho nhà vua được giải ngộ. Vua Ba-tư-nặc đánh lễ dưới chân Phật, năm vóc gieo sát đất, khen ngợi:

– Nam-mô Quy mạng Điều Ngự Trượng Phu Nhất Thiết Chúng Trí, đối với tất cả nghĩa, đều thấu đạt không có chướng ngại. Đấng Thập Lực mạnh mẽ, có bốn thứ không sợ, Bà-già-bà Tam-miệu-tam Phật-đà, là người bạn thân không rời mà đến của tất cả chúng sinh. Đối với bốn giai

cấp, Ngài không có thiên lệch. Nói tóm tắt như vậy.

Nhà vua liền nói kệ:

*Biển trí Nhất thiết chủng
Ý tịnh đến bờ kia
Đời chỉ Phật có bi
Tâm ý không dơ xấu
Vì tất cả chúng sinh
Làm người bạn thân nhất.
Chỉ Ngài nói giải thoát
Nhưng bằng nhiều phương tiện
Nương trí nhiều phương tiện
Ngoại đạo cuồng điên đảo
Khổ hạnh rất thô xấu
Chuyên mê chấp dòng dõi.*

Vua Ba-tư-nặc đánh lễ dưới chân Phật và dưới chân Tỳ-kheo Ni-đề rồi trở về thành Xá-vệ.



Chương 44

Người tuy chưa nhập Kiến đế nhưng nhờ năng lực tu tập học rộng nghe nhiều nên các ma không khuấy nhiễu được. Thế nên phải siêng tu, học vấn.

Tôi từng nghe:

Thuở xưa, có một con ma hóa thành thầy Tỳ-kheo, vào trong Tăng phường, nơi ấy có một vị

Pháp sư đang nói pháp cho đại chúng nghe. Vị Tỳ-kheo hóa hiện nói:

– Ta đã đắc đạo La-hán. Ai có thắc mắc gì hãy hỏi ta.

Khi ấy, chúng Tăng thưa Pháp sư:

– Nên ghi nhận lời ông ta không?

Vị Pháp sư hỏi vị Tỳ-kheo hóa hiện:

– Thế nào là dứt bỏ kết sử? Thế nào là nhập định?

Vị Tỳ-kheo hóa hiện nói pháp một cách điên đảo. Bấy giờ, vị Pháp sư nói với chúng Tăng:

– Người này chẳng phải La-hán. Lời nói của ông ta không thể lãnh hội được.

Khi ấy, Tỳ-kheo hóa hiện bay vọt lên hư không, hiện mười tám thứ thần biến. Đại chúng chê trách vị Pháp sư:

– Người như thế này mà sao Pháp sư bảo chẳng phải La-hán?

Bấy giờ, vị Pháp sư tuy bị chê trách nhưng nhờ năng lực học rộng nghe nhiều nên vẫn bảo là không phải. Pháp sư nghĩ rằng: “Nếu đúng thật là La-hán thì tại sao lời ông ta nói ra điên đảo, nhưng lại có thể bay được, bây giờ ta cũng chẳng biết phải hiểu thế nào!”

Pháp sư nói kệ:

*Ta đối người công đức
Không có tâm ganh ghét*

*Lấy đá A-tỳ-đàm
 Mà thử biết đúng sai.
 Nếu chỉ là vàng mạ
 Khi mài, sắc không hiện
 Nếu không phải vàng thật
 Dùng đá mài ắt biết.
 Phật dùng trí tuệ ẩn
 Không tương ưng với ẩn
 Thành cam lộ khó vào
 Không ẩn, không vào được
 Người muốn vào thành ấy
 Làm ta muốn tức cười!*

Mọi người hỏi:

– Nếu không phải La-hán, tại sao ông ấy bay được?

Bấy giờ, Pháp sư lại nói kệ:

*Hoặc là Nhân-đà-la
 Hay ảo thuật làm ra
 Gai góc trong Phật pháp
 Ất do ma làm ra.*

Lúc đó vị Tỳ-kheo hóa hiện trở lại thân cũ, rất lấy làm vui mừng nói:

– Hay thay! Pháp Phật thật nhiệm mầu, dựa vào năng lực học rộng nghe nhiều mà phân biệt, xác định được ta.

Bèn nói kệ:

Cư sĩ, Thủ-la thầy

Đã được pháp nhãn tịnh
Không thể bị dao động
Việc này không lạ chi,
Dùng trí lực của mình
Nay thầy chưa Kiến đế
Nhưng vững tâm, không động
Việc này thật ít có!
Không có sức Thánh trí
Ta không thể lay chuyển
Việc này là ít có.
Quy y Phật Niết-bàn
Vì lời kia chân thật.
Người trí không dao động
Trí Nhất thiết chủng Phật
Nói quán sát La-hán
Không ai hủy hoại được
Giống như sóng biển lớn
Không hề sai kỳ hạn.
Giả sử lửa làm lạnh
Gió mà lại đứng yên
Lời Đức Như Lai dạy
Đều không có biến đổi.
Thế cho nên lời Phật
Trên hết trong các luận
Giống như ánh mặt trời
Xua tan bao tăm tối.
Đáng Ứng Cúng chân thật
Biện tài phân minh rõ

*Người khéo phân biệt được,
Người không thể quán sát
Không thấy lý như vậy
Lời thật và lời dối
Cả hai trái nhau xa
Lời Phật và ngoại luận
Sự việc cũng như thế.*



ĐẠI TRẠNG NGHIÊM KINH LUẬN

QUYỂN 8

Chương 45

Chỉ có pháp Phật là chữa trị được bệnh cả thân lẫn tâm, thế nên phải siêng năng nghe nói pháp.

Tôi từng nghe:

Thuở xưa, trong mắt vị thái tử, con vua Hán Địa, bị kéo màng che lấp cả mắt, sau đó bị mù. Tuy chữa trị bằng mọi cách nhưng không khỏi. Bấy giờ, ở nước Trúc-xoa-thi-la, các nhà buôn đi đến nước Hán địa. Vua nước Hán địa hỏi những người thương buôn:

— Con ta bị bệnh đau mắt, các người từ phương xa đến có thể chữa trị được không?

Những người thương buôn thưa:

— Tâu đại vương, ở nước ngoài có một thầy Tỳ-kheo tên Cù-sa có thể chữa trị được.

Vua nghe xong, liền sắm sửa hành trang đưa con mình đến nước Trúc-xoa-thi-la. Đến nước kia rồi, vua đến chỗ Tôn giả Cù-sa thưa rằng:

– Tôi từ phương xa đến chữa bệnh mắt. Cúi xin ngài thương xót mà chữa trị cho tôi.

Tôn giả hứa sẽ chữa cho. Ngài làm nhiều chén đồng đưa cho mọi người rồi nói:

– Khi nghe tôi nói pháp, nếu có ai rơi nước mắt thì hãy hứng vào bát (đồng) này. Tôn giả nói kinh Thập Nhị Duyên. Chúng hội nghe xong, than khóc rơi lệ, liền hứng vào bát. Tôn giả Cù-sa gom hết nước mắt của mọi người đem đến chỗ con vua đồ vào lòng bàn tay phải rồi nói kệ:

*Nay tôi đã nói pháp
Mười hai duyên sâu xa
Xua tan tối vô minh
Người nghe đều rơi lệ
Điều này nếu quả thật
Nên gom lệ mọi người
Trong Người, Trời, Dạ-xoa
Các thứ nước không bằng
Đem rửa mắt vương tử
Là chương được sáng trong.
Liền lấy nước mắt rửa
Màng mắt được vệt tan.*

Tôn giả Cù-sa lấy nước mắt rửa mắt cho vương tử. Sau khi mắt được sáng trong, vì muốn cho tín tâm của mọi người được thêm lớn nên ngài nói kệ:

*Phật pháp rất chân thật
Vén tan màng che mắt*

*Nước mắt cũng chữa được
Như nắng tan băng tuyết.*

Mọi người thấy việc ấy, chấp tay cung kính, càng tin tưởng hơn. Chứng kiến được điều chưa từng có, toàn thân nổi ốc, mọi người liền nói kệ:

*Việc ngài làm ít có
Giống như hiện thân tức
Thuốc men không chữa được
Nước mắt rửa khỏi bệnh.*

Các thầy Tỳ-kheo nghe pháp buồn khóc rơi lệ. Tôn giả Cù-sa bảo mọi người:

– Mặc dầu làm được việc ấy nhưng không có gì khó. Xưa kia, Đức Như Lai tu hành khổ hạnh trong ngàn ức kiếp. Ngài chữa nhóm công đức tu hành ấy thành thuốc pháp mười hai Nhân duyên này có công năng làm cho người nghe cảm động rơi lệ. Rong của Bà-tu phun nọc độc, Dạ-xoa, ác quỷ đầy khắp cả nhà, Kiết-tỳ-đề-đà-la xưa nay chán ghét đạo thì nước mắt này có công năng tiêu diệt tất cả. Việc đó mới khó, huống gì chướng ngại của màng mắt đây giống như rút cánh con ong đâu có gì khó. Giả sử như có mây mù nổi lên đen nghịt, mưa to gió lớn thì nước mắt này cũng có công năng làm cho trời quang mây tạnh.

Lúc ấy, đoàn voi say cho đến bộ binh mặc giáp cầm trượng trông thật dữ tợn; nếu rảy nước mắt này vào thì quân trận tháo lui tan rã. Pháp tu tập

bằng Nhất thiết chủng trí ai nghe mà không rơi nước mắt, nhưng dùng nước mắt này để cúng tế diệt hết tai họa thì chỉ trừ được nghiệp đời trước.

Bấy giờ, vương tử đã được lành mắt, vui mừng hơn hở; lại nghe nói pháp, nhằm chán sinh tử, chứng quả Tu-đà-hoàn sinh ý tưởng ít có liền nói kệ:

*Ai được nghe pháp Phật
Mà không sinh vui mừng
Tôi đã rất kính tin
Dốc lòng nghe nói pháp,
Tai nghe việc ít có
Bệnh mắt cũng được lành
Mắt tuệ và mắt thịt
Tất cả đều thanh tịnh.
Người trị mắt hay nhất
Không ai bằng Đức Phật
Nay tôi cúi đầu lạy
Vị thầy thuốc giỏi nhất
Dùng thuốc Nhất thiết trí
Mở hai mắt sạch tôi
Người có tâm ở đời
Ai mà không kính tin
Giả sử có ít trí
Vì sao không sinh tin?
Đức Thích-ca Mâu-ni
Cha lành của chúng sinh
Nói lời rất hay đẹp*

*Nhu hòa đáng ưa thích
Cứu giúp việc xong rồi
Đến được bờ bên kia
Pháp ý căn nhỏ nhiệm
Tác ý sẽ hiểu rõ
Cho đến người biên địa
Cũng sẽ được khai ngộ.*



Chương 46

Nếu có được “Bốn pháp thanh tịnh không thể phá hoại” thì thà xả bỏ thân mạng chứ không bao giờ giết hại chúng sinh. Cho nên phải siêng năng tu hành “Bốn pháp thanh tịnh không thể phá hoại”.

Tôi từng nghe:

Thuở xưa có một người bị tội tử hình. Lúc ấy, Chiên-đà-la sẽ lần lượt giết người, mà người Chiên-đà-la kia là vị Ưu-bà-tắc hữu học, đã thấy được đạo đế nên không chịu giết người. Quan trông coi về hình pháp rất tức giận nói với ông ta:

– Nay ông muốn làm trái với pháp luật của vua sao?

Ưu-bà-tắc nói:

– Ông thật là người không hiểu biết gì cả. Đức vua chắc gì biết được nỗi khổ giết người của tôi. Mặc dầu sắc thân tôi phụ thuộc nhà vua làm Chiên-

đà-la, nhưng sinh trong dòng Thánh gọi là Pháp thân. Pháp thân không phụ thuộc vào vua cho nên không làm.

Ưu-bà-tắc nói kệ:

*Đức Thích-ca Mâu-ni
Có trí Nhất thiết chủng
Giáo hóa khi gây nhân
Diệt trừ tất cả tội.
Pháp của vua Diêm-la
Giáo hóa khi kết quả
Gặp khổ mới nói khổ
Dễ phá cũng dễ trái.*

Vị Chiên-đà-la này không tuân theo mệnh lệnh của vua, liền được dẫn đến chỗ vua. Vua hỏi Chiên-đà-la:

– Vì sao ngươi không tuân theo mệnh lệnh của vua?

Ưu-bà-tắc tâu:

– Thừa đại vương, ngay bây giờ ngài nên sinh lòng tin, phát tâm vui mừng. Vị ấy liền nói kệ:

*Dứt ba độc cho tôi
Tôi được nhân vắng lặng
Tại chỗ Phật Thế Tôn
Đáng Đại Bi vô thượng
Thọ trì các giới cấm
Cho đến loài ruồi muỗi
Cũng không sinh tâm hại*

Huống chi đối với người.

Vua nói:

– Nếu không giết thì tánh mệnh của người khó chu toàn.

Nhờ năng lực kiến đế nên Ưu-bà-tắc ở chỗ vua chống đối không sợ nguy hiểm sâu:

– Thưa đại vương, thân mạng của bề tôi tùy thuộc nơi ngài. Ngài muốn làm gì cũng được. Còn ý của bề tôi dù trời Đế Thích dạy bề tôi vẫn không tuân theo.

Vua nghe lời ấy rất giận dữ, ra lệnh giết chết Chiên-đà-la. Bảy người gồm cha, anh, em... của Chiên-đà-la kia đều không theo lệnh vua hành xử tội. Vua liền giết họ, chỉ còn lại hai người. Đến người thứ sáu vua ra lệnh giết, vị ấy cũng không chịu giết. Vua lại giết luôn người này. Đến người thứ bảy cũng không chịu giết. Vua toan giết người ấy, thì người mẹ già đau:

– Thưa đại vương, xin ngài hãy vì tôi mà tha cho đứa con út thứ bảy.

Vua hỏi:

– Người này là gì của bà?

Bà lão đau:

– Thưa đại vương, nó là con của tôi.

Vua hỏi tiếp:

– Sáu người trước không phải là con của bà hay sao?

Bà lão râu:

– Thừa đại vương, chúng nó cũng đều là con của tôi cả.

Vua hỏi:

– Vậy tại sao bà chỉ xin tha tội chết cho đứa con thứ bảy?

Bà lão liền nói kệ:

*Xin đại vương biết cho
Sáu con đều kiến đế
Đều là chân Phật tử
Nhất định không làm ác
Cho nên tôi không sợ
Riêng đứa thứ bảy này
Còn là kẻ phàm phu
Bị thân mạng ép ngặt
Sẽ gây các nghiệp ác
Cho nên ngày nay tôi
Xin ngài tha cho nó.
Ngài sẽ được tự tại
Mong ngài cho nó sống!
Lúc sắp chết sợ hãi
Hoặc gây các điều ác
Phàm phu lúc sắp chết
Chỉ thấy thân hiện tại
Không thấy những việc sau
Xét quả báo đời sau
Chẳng phải cảnh giới phàm.*

Bấy giờ, đại vương nói:

– Đối với ngoại đạo ta chưa từng nghe lời ấy, giờ đây bà nói về nhân quả rõ ràng như ngọn đèn sáng.

Bà lão Chiên-đà-la thưa như vậy:

– Đại vương sinh tâm quyết định thì gọi là người ở trong xóm làng của bậc Hiền thánh, chứ chẳng phải là Chiên-đà-la. Tôi tuy bị gọi là Chiên-đà-la nhưng thật là người tu khổ hạnh, ngay cả thân mạng còn không luyến tiếc, huống gì đối với những người thân là những người giữ giới hơn là những người giữ tài sản. Họ không đoái hoài thân mạng và bà con quyến thuộc, chỉ giữ gìn giới cấm.

Bà lão liền nói kệ:

*Người đời xét dòng dõi
Không xét giữ giới cấm
Giữ giới là dòng dõi
Nếu người không giữ giới
Dòng dõi sẽ hoại diệt.
Tôi là Chiên-đà-la
Kia là người tịnh giới
Họ sinh Chiên-đà-la
Nhưng tạo nghiệp thanh tịnh
Ngài tuy là dòng vua
Nhưng thật là Chiên-đà
Không có lòng thương xót
Cực ác giết người hiền*

Chính thật Chiên-đà-la.

Nhà vua bèn dẫn đầu các quyền thuộc đến chỗ gò mả cúng tế các thầy chết của họ. Vua lại nói kệ:

*Ngăn các công đức lành
Như đem tro lấp lửa
Tuy miệng không tự nói
Nhưng tạo nghiệp rõ ràng.
Để Thích thường cúng dường
Người giữ giới bền chắc
Không tiếc thân mạng mình
Mà vì giữ giới hạnh.*

Vua dẫn đầu các quan và mấy ngàn ức vị Bà-la-môn đi bộ đến gò mả rồi nói:

— Các vị Đại sĩ này, tuy gọi là Chiên-đà-la nhưng thật là bậc Đại tiên.

Vua cho thu lấy các tử thi rồi ứa nước mắt, nói kệ:

*Người mạnh mẽ giữ giới
Dùng dao chém chặt thân
Thi hài bỏ trên đất
Máu huyết chảy khắp người
Vì giữ gìn giới cấm
Nay bỏ thân mạng này,
Vững tâm không làm ác
Giữ giới cho đến chết
Hưởng được vị Phật pháp
Người trí đều phải thề.*

Vua lại nói kệ tiếp:
 Người ngu si đui mù
 Tham đắm dục cấu uế
 Dính mắc các căn mình
 Dao động không yên định
 Không nghĩ đến nghiệp ác
 Chỉ biết vui hiện tại
 Kết sử làm như bần.
 Người trí thường quán sát
 Nghĩ thân, của mong manh
 Như cây mọc ven sông
 Không bao giờ làm ác
 Nước trí rửa tâm dơ.

Bấy giờ, đại vương gần gũi với Chiên-đà-la. Vì kính chuộng pháp nên vua nhiều quanh tứ thi ba vòng, quỳ thẳng chấp tay nói kệ:

Kính lễ quy mạng Pháp
 Người khéo léo quán sát
 Bỏ mạng sống ngăn ngại
 Chứ không xả bỏ Pháp.
 Giả sử vào rừng lửa
 Kiến đế mà phá giới
 Quyết không có việc ấy
 Đây là điều minh chứng
 Người này vâng lời Phật
 Không hề có hai lòng.
 Gục chết trong vũng máu
 Do giữ gìn giới Phật

*Dùng lửa đốt thi hài
 Liền biến thành tro đất
 Tiếng thơm người giữ giới
 Cùng khắp cả thế giới.*



Chương 47

Vì nhân duyên gì mà nói việc này? Vì muốn nói lên sự chứng đạo không có đổi khác. Phật nói bậc Kiến đế không bao giờ ai phá hoại được, thân tứ đại có thể tan hoại, nhưng “Bốn pháp thanh tịnh không thể phá hoại” thì không bao giờ bị tan hoại.

Tâm kiêu mạn thì không có điều ác nào mà không làm. Người kiêu mạn tuy tự cao nhưng cho là mình nhún nhường. Cho nên phải dứt bỏ kiêu mạn.

Tôi từng nghe:

Thuở xưa Đức Phật thành đạo không bao lâu thì Ngài hóa độ cho anh em và những người dưới trướng của ngài Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp cả ngàn vị. Phiền não đã dứt bỏ thì râu tóc tự rụng, họ theo Đức Thế Tôn đến nước Ca-tỳ-la-vệ. Như trong kinh Phật Bản Hạnh có nói rõ. Vua Duyệt-đầu-đàn được hóa độ, điều phục. Những người dòng họ Thích cấy vào tộc họ của mình sinh ra kiêu mạn. Đức Phật Thế Tôn ai nhìn thấy thân Ngài cũng

không nhàm chán, thân thể đầy đặn, vừa người. Còn các vị Bà-la-môn tu khổ hạnh đã lâu, thân thể gầy ốm. Tuy bên trong họ có chứng đạo nhưng diện mạo bên ngoài rất xấu xí. Đi theo Phật thật không tương xứng. Bấy giờ vua cha nghĩ rằng: “Nếu dòng họ Thích xuất gia đi theo Phật thì sẽ tương xứng với Ngài”. Nghĩ xong, vua đánh trống tuyên bố:

– Mỗi nhà họ Thích cho một người đi xuất gia.

Họ liền vâng lệnh vua, mỗi nhà cho một người đi xuất gia.

Lúc ấy, Ưu-ba-ly là người thợ hớt tóc cho dòng họ Thích khóc than buồn bã. Những người dòng họ Thích hỏi:

– Vì sao ông khóc?

Ưu-ba-ly thưa:

– Nay, những người trong dòng họ Thích đều đi xuất gia, tôi biết sống làm sao đây?

Những người dòng họ Thích đi xuất gia nghe Ưu-ba-ly nói liền cởi y phục đang mặc và chuỗi anh lạc, đồ trang sức chất thành một đống vật báu cho Ưu-ba-ly hết, rồi nói:

– Những vật này đủ nuôi sống cả đời người.

Ưu-ba-ly nghe nói như thế thì sinh nhàm chán thưa:

– Nay các ngài đều chán ghét những thứ châu báu trang sức nên vứt bỏ còn tôi lấy nó để làm gì

chứ.

Rồi liền nói kệ:

*Những người họ Thích này
Vứt bỏ các châu báu
Như đổ bỏ phần dơ
Cho đến các rác rưởi
Họ xả bỏ mê đắm
Sao tôi lại tham lấy?
Nếu tôi lấy đồng báu
Trong tâm sẽ tham đắm
Chấp là cái của ta
Đó là tai họa lớn,
Họ Thích bỏ tai họa
Giờ nếu ta nhận lấy
Chính là lỗi lầm lớn.
Ví như người ói mửa
Chó lại đến liếm ăn
Tôi lấy của người bỏ
Thì khác gì với chó.
Nay tôi sợ đồng báu
Như là xa bốn độ
Căn lành tự bộc phát
Không tham luyện đồng báu
Nay tôi phải xả bỏ
Muốn đến chỗ Thế Tôn
Cầu xin được xuất gia.*

Ưu-ba-ly nói kệ trên xong, lại nói bài kệ khác:

*Thấy người được pháp hơn
 Mới sinh tâm vui mừng
 Nay nguyện cho thân tôi
 Cùng họ được việc tốt
 Nay tôi muốn thoát ra
 Nên siêng làm phương tiện.*

Ưu-ba-ly lại nghĩ: “Nay ta nhất định sẽ xuất gia vậy phải nên cần cầu, bởi cả ngàn vị Bà-la-môn đã được Phật xuất gia, năm trăm người họ Thích dòng Sát-lợi cũng được xuất gia, hai dòng họ Bà-la-môn, Sát-lợi đều cao quý, còn ta là Thủ-đà-la thuộc dòng hạ tiện, lại làm việc thấp hèn, xin xuất gia chung với những người cao quý ấy biết có được chăng? Nay ta đâu có thể lực gì, làm sao mà được xuất gia chung với họ? Ưu-ba-ly liền nói kệ:

*Dòng Sát-lợi thuần tịnh
 Bà-la-môn học rộng
 Xuất thân chỗ cao quý
 Đều nhóm họp đến đây
 Thân tôi dòng Thủ-đà
 Làm sao được tham dự?
 Giống như viên sắt vụn
 Lẫn lộn giữa vàng ròng.
 Bà-già-bà Phật-đà
 Tôi nghe có Chủng trí
 Nay tôi đến chỗ Ngài
 Từ bi thương tất cả
 Đáng tịnh, không đáng tịnh*

*Đáng xuất, không đáng xuất.
Tất cả chúng ngoại đạo
Không biết nơi giải thoát
Chỉ người diệt kết sử
Mới biết được giải thoát.*

Ưu-ba-ly nói kệ xong bèn đến chỗ Đức Thế Tôn quỳ thẳng chấp tay, gối phải sát đất, nói kệ:

*Tất cả bốn dòng họ
Đều được xuất gia chăng?
Vui Niết-bàn giải thoát
Chúng con có được chăng?
Lành thay Bạc Cừ Thế
Đại bi bình đẳng khắp
Thương xót, xin cho con
Được thứ lớp xuất gia.*

Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết tâm ý Ưu-ba-ly đã được điều phục, căn lành thuần thực, đã đến lúc hóa độ. Ngài đưa tay phải tướng tốt trang nghiêm xoa đánh Ưu-ba-ly rồi bảo:

– Cho phép người xuất gia. Ngoại đạo không chỉ bày pháp bí mật cho đệ tử. Còn Như Lai thì không như thế, mà đại bi bình đẳng nói pháp không thiên vị; chỉ bày đạo lý vượt hơn để cứu độ họ. Giống như đi chợ mua đồ không lựa chọn đắt rẻ, pháp Phật cũng vậy, không phân biệt giàu nghèo cho đến dòng họ.

Ngài liền nói kệ:

*Ai khát uống nước trong
Mà không được no đủ
Ai cầm lửa đốt đèn
Mà không xua bóng tối,
Pháp Bạc Nhất Thiết Trí
Chung cho mọi chúng sinh
Ai người có tu hành
Mà không được nghĩa mầu.
Ví như ăn đường phèn
Sang, hèn đều hết mệt
Sát-lợi, Bà-la-môn
Pháp Phật bình đẳng khắp
Khi ra khỏi ba cõi
Các dòng họ không khác.
Ví như ba loại thuốc
Đối trị nóng, lạnh, gió
Thuốc không chọn dòng họ
Sang, hèn đều trị được,
Thuốc pháp cũng như thế
Trị được tham sân si
Bốn dòng họ đều trừ
Không cao thấp khác nhau.
Giống như lửa bắt cháy
Không lựa củi tốt, xấu
Nọc độc cũng giống lửa
Không phân biệt sang, hèn.
Giống như nước tắm gội
Bốn họ đều trừ dơ*

*Bến bờ của hết khổ
Các họ đều xa là.*

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn, giống như trời quang mây tạnh, Ngài phát ra âm thanh sâu xa giống như tiếng sấm, như tiếng rống lớn đầu đàn, trâu đầu đàn, ca-lăng-tần-già, ong chúa, vua cỡi người, kỹ nhạc trời phát ra tiếng Phạm âm bảo Ưu-ba-ly:

– Có muốn xuất gia chăng?

Ưu-ba-ly nghe âm thanh ấy tâm sinh vui mừng chấp tay bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, con mong muốn xuất gia.

Đức Phật bảo:

– Nay Ưu-ba-ly, lành thay Tỳ-kheo! Ông hãy tu phạm hạnh trong pháp lành này.

Ưu-ba-ly nghe Đức Thế Tôn nói lời ấy rồi, râu tóc tự rơi rụng, áo ca-sa mặc trên thân, oai nghi khoan thai, các căn vắng lặng như vị Tỳ-kheo tu đã lâu năm.

Năm trăm người họ Thích đều phải bạch bốn lần yết-ma, thọ giới Cụ túc. Đức Phật dạy:

– Bây giờ Ta sẽ dùng phương tiện để trừ bỏ tâm kiêu mạn của những người dòng họ Thích.

Bấy giờ, Thế Tôn nói với những người dòng họ Thích:

– Bây giờ các thầy phải nên kính lễ theo thứ lớp từ các vị cựu Tỳ-kheo Thượng tọa Kiều-trần-như,

Tỳ-kheo A-tỳ Mã Sư... cho đến Ưu-ba-ly là vị hạ tọa sau rốt.

Thích Hiền vương là người dẫn đầu trong những người dòng họ Thích.

Những người dòng họ Thích kính thuận theo lời Đức Phật dạy, lần lượt đánh lễ dưới chân các Tỳ-kheo, đến chỗ Ưu-ba-ly thì thấy chân của thầy khác lạ liền ngược lên nhìn thấy mặt Ưu-ba-ly, những người họ Thích hết sức kinh ngạc, giống như âm ba vang vọng của suối nước từ đỉnh đồi xuống và vào sườn núi. Họ liền nói:

– Chúng tôi là dòng Sát-lợi nhật chủng được người đời kính trọng. Nay vì sao phải kính lễ người xuất gia từng làm kẻ tôi tớ thấp hèn của mình, chúng ta sẽ thừa hết việc này lên với Đức Thế Tôn. Họ thưa với Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, Ưu-ba-ly cũng được kính lễ sao?

Phật bảo những người họ Thích:

– Nay dòng họ Thích của Ta nên cư xử theo pháp lễ lạy này để dứt trừ tâm kiêu mạn.

Những người họ Thích bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, Ưu-ba-ly thuộc giai cấp Thủ-đà-la.

Đức Phật dạy:

– Tất cả đều vô thường, giai cấp không nhất định. Vô thường chỉ có một vị, giai cấp cũng thế,

đâu có gì khác nhau!

Những người họ Thích lại bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, đây là dòng họ xuất gia, chúng con xuất thân dòng Sát-lợi nhất chủng.

Đức Phật dạy:

– Tất cả thế gian như mộng như huyễn, các dòng họ đâu có gì khác nhau.

Những người dòng họ Thích bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, đây là kẻ tôi tớ, còn chúng con là chủ.

Đức Phật dạy:

– Tất cả thế gian đều vì ân ái mà làm tôi tớ. Nếu chưa thoát khỏi sinh tử thì sang hèn không khác nhau. Hãy xả bỏ tâm kiêu mạn của các người!

Lúc ấy những người dòng họ Thích trang nghiêm khác thường, như hoa nở rộ. Họ chấp tay hướng về phía Phật với sự do dự hoài nghi mà thưa như vậy:

– Bạch Đức Thế Tôn, Ngài nhất định bắt chúng con kính lễ dưới chân Ưu-ba-ly hay sao?

Đức Phật bảo họ:

– Không phải chỉ riêng Ta mà pháp xuất gia của tất cả chư Phật cũng đều như thế.

Những vị dòng họ Thích nghe Đức Phật nhắc lại pháp xuất gia liền đứng sững sờ như cây không gió. Tâm ý buồn bực, họ đều đồng thanh thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn, chúng con làm sao dám

trái lời Đức Phật dạy? Mà phải kính thuận lời Đức Phật dạy.

Trước tiên, vị Tỳ-kheo hiểu biết tu hành đã lâu thừa như vậy:

– Sở dĩ Đức Như Lai hóa độ Ưu-ba-ly trước là vì muốn dứt bỏ tâm kiêu mạn cho những người dòng họ Thích.

Khi ấy, những người dòng họ Thích bèn xả bỏ tâm kiêu mạn, thuận theo pháp xuất gia, mà cũng là pháp mà các vị quý tộc xuất gia trong tương lai nên thuận theo. Bạt-đà-thích... có thói quen kiêu mạn đã lâu nay nhờ tận gốc, kính lễ dưới chân Ưu-ba-ly. Khi họ đang kính lễ thì mặt đất, thành quách, núi rừng, sông biển đều rung chuyển. Chư Thiên xướng rằng:

– Ngày hôm nay ngọn núi kiêu mạn của dòng họ Thích đã sụp đổ. Chư Thiên nói kệ:

*Hay thay! Bỏ kiêu mạn
Dòng họ, sắc lực, tài
Thuận theo lời Phật dạy
Như cây nghiêng theo gió.
Dòng Sát-lợi nhật chủng
Đánh lễ Ưu-ba-ly
Dứt bỏ tâm ngã mạn
Các căn đều vắng lặng.
Những người rất cao quý
Chân thật không dua nịnh*

*Phước lợi, đủ các đức
 Số nhiều như rừng trúc
 Bà-la-môn tiếng tăm
 Sát-lợi quý tộc thầy
 Các danh đức như thế
 Vào trong pháp Mâu-ni
 Trang nghiêm các Thánh chúng
 Như sao vây quanh trăng
 Lắm tấm khắp bầu trời.
 Hay thay! Pháp hưng thịnh
 Biển lớn của Như Lai
 Nước công đức trên hết
 Tràn đầy ở trong ấy
 Nơi quy tụ các sông
 Các thắng trí thế gian
 Đều quay về pháp Phật
 Các trời, người thêm nhiều
 Khổ là đường phải thoát.
 Như Lai khéo giải thích
 Nói pháp dứt kiêu mạn
 Chúng đệ tử một vị
 Như biển chỉ vị mặn.*

Vì nhân duyên gì nói việc này? Pháp Phật xuất hiện trên thế gian để dứt bỏ kiêu mạn.



Chương 48

Người đã Kiến đế không bị ma trời hay các ngoại đạo dối gạt. Thế nên phải siêng năng dùng mọi phương pháp tu hành cầu được Kiến đế.

Tôi từng nghe:

Thuở xưa cư sĩ Thủ-la hết sức keo kiệt. Các ngài Xá-lợi-phất... thường lui tới nhà cư sĩ này.

Ngài nói kệ:

*Đường ác sâu như biển
 Tâm loạn như nước đục
 Bị nước bợn xén cuốn
 Miệng liền nói không tiền.
 Dòng sông lớn ganh ghét
 Các cá, rùa tà kiến
 Lội đầy dưới sông ấy
 Theo dòng không dừng nghỉ.
 Phải nhổ gốc keo kiệt
 Được quả báo của thí
 Đức Thế Tôn đại bi
 Hàng Thích tử vô úy
 Thấy người chìm trong khổ
 Chúng tôi phải cứu giúp.*

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp, sáng sớm đắp y, ôm bát đến nhà trưởng giả Thủ-la khen ngợi hạnh bố thí. Trưởng giả lấy làm không vui giống như dao nhọn đâm vào tim, ông nói với ngài Ca-diếp:

– Ngài được mời hay muốn đến xin ăn.

Ngài Ca-diếp đáp:

– Tôi thường khát thực.

Trưởng giả nói:

– Nếu thầy khát thực thì nên đứng giờ.

Ngài Ca-diếp bỏ đi. Cứ như thế, ngài Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên... các vị đệ tử lớn của Đức Phật lần lượt đến nhà trưởng giả nhưng đều không được ông tiếp đãi. Bảy giờ, Đức Thế Tôn đến nhà trưởng giả nói:

– Ông nên thực hành năm việc bố thí rộng lớn.

Trưởng giả Thủ-la nghe xong trong lòng rất buồn bã liền nghĩ rằng: “Một việc bố thí nhỏ ta còn không làm được, thì sao làm được năm việc bố thí rộng lớn. Trong pháp của Như Lai chẳng lẽ không còn pháp nào? Vì các đại đệ tử của Ngài dạy tôi bố thí; nay Đức Thế Tôn cũng dạy tôi bố thí.” Nghĩ xong, trưởng giả bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, một việc bố thí nhỏ nhất con còn không thể làm được huống gì là năm việc bố thí rộng lớn?

Phật bảo trưởng giả:

– Không sát sinh là bố thí rộng lớn, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu; những việc như thế gọi là năm việc bố thí rộng lớn.

Trưởng giả nghe xong, trong lòng rất vui mừng, bèn suy nghĩ: “Năm việc như thế không hao

tồn may mắn mà được gọi là bổ thí rộng lớn. Vì sao ta không làm?” Suy nghĩ xong, trưởng giả rất vui mừng, sinh tâm kính tín Đức Thế Tôn, rồi thưa:

– Đức Phật là Bạc Điều Ngự Trượng Phu, điều này quả thật không luống dối. Ngoài Đức Thế Tôn ra thì không ai có thể hiểu rõ để nói như thế. Ai cũng kính thuận và không dám trái lời Ngài dạy.

Ông nói kệ:

*Dung mạo không ai bằng
Biện tài đời ít có
Thế Tôn nói đúng thời
Tiếng Phạm âm tốt đẹp
Lời dạy không luống dối
Người nghe đều kết quả.*

Nói kệ xong, trưởng giả sinh tâm vui mừng đối với Phật, liền vào kho lấy hai tấm dạ định dâng cúng Phật. Ông lại nghĩ là nhiều nên chỉ muốn cúng một tấm nhưng lại ngại ít nên cúng luôn hai tấm. Biết tâm niệm của ông, Đức Phật nói kệ:

*Vừa thí vừa đấu tranh
Nói cả hai giống nhau
Hai đức đều không trụ
Mạnh yếu của trượng phu
Vừa thí vừa đấu tranh
Gieo duyên giống như nhau.*

Nghe kệ xong, trưởng giả Thủ-la cho là Đức Như Lai Thế Tôn biết được tâm niệm của mình,

ông vui mừng hơn hờ đẹp bỏ tâm keo kiệt, lấy dạ cúng dường Đức Phật. Biết Thủ-la có tâm vui mừng, Đức Phật bèn nói pháp đúng theo căn cơ, giúp trưởng giả dứt bỏ gốc rễ hai mươi ức ngã kiến, trưởng giả chứng quả Tu-đà-hoàn. Lúc ấy, Đức Thế Tôn từ ngòi đứng dậy trở về nơi an trụ của mình.

Thủ-la vui mừng tiễn chân Phật rồi trở về nhà mình mà trong lòng cảm thấy sung sướng. Thấy Thủ-la vui vẻ, Ma vương nghĩ: “Nay ta sẽ đến chỗ Thủ-la phá hoại tâm lành của ông ta”. Nghĩ xong, Ma vương hóa thành thân Phật có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp đến nhà Thủ-la nói kệ:

*Thân như núi vàng sạch
Ánh sáng rất rực rỡ
Hóa hiện thật tự tại
Đi như voi đầu đàn
Đi vào nhà Thủ-la
Như trời ẩn trong mây
Người nhìn không nhàm đủ
Sáng như ngàn mặt trời.*

Ánh sáng chói sáng cả nhà Thủ-la, Thủ-la kinh ngạc nghi ngờ không biết đây là người nào, liền nói kệ:

*Như đồng vàng ròng chảy
Chiếu sáng cả nhà tôi
Như mặt trời lộ dạng*

Ánh sáng hơn lúc thường.

Nói kệ xong, trưởng giả Thủ-la rất vui mừng như toàn thân được vẩy nước cam lộ. Ông nói:

– Con có phước lớn, hôm nay Như Lai lại vào nhà con. Tuy Như Lai lại đến nhưng con không cho là ít có, vì sao? Vì hạnh nghiệp của Như Lai Thế Tôn là tế độ chúng sinh bằng tâm Từ bi.

Thủ-la liền nói kệ:

*Đầu như quả Ma-ni
Màu da như vàng ròng
Sợi lông trắng giữa mày
Mắt sáng trong dài rộng
Như sen xanh nở tròn,
Điều phục trong vắng lặng
Bước khoan thai không sợ
Dung mạo đẹp khác thường
Ánh sáng chiếu một tâm
Tự trang nghiêm thân Ngài,
Tự nói mạnh mẽ rằng
Ta đây thật là Phật.*

Bấy giờ, Ma vương đứng rất trang nghiêm trước mặt Thủ-la nói:

– Trước kia ta có nói cái khổ của năm thọ ấm do tập mà sinh, tu tám con đường chánh diệt được năm thọ ấm. Điều đó là sai.

Thủ-la nghe xong rất nghi ngờ: “Tướng mạo giống Đức Phật nhưng những lời nói ra không

đúng pháp, ta nằm mơ hay tâm trí đảo điên, nghe những lời ông ta nói nặc mùi tham lam ganh ghét, đây chắc là kẻ ác nào đã hóa hiện ra thân Phật? Như trong bụi hoa có rắn độc, nay ta xét biết đây chắc chắn là ma. Như người bán kim đến nhà người làm kim để bán.” Trưởng giả bèn bảo:

– Người là ma Ba-tuần hãy nghe lời của ta là đệ tử Phật nói đây:

*Cánh ngỗng quạt Tu-di
 Làm sao nghiêng động được
 Muốn cho tâm Kiến đế
 Nghiêng động theo ý người
 Không hề có việc ấy.
 Người mê hoặc mắt thịt
 Không mê được mắt pháp
 Phật biết được việc này
 Cho nên nói như vậy
 Mắt thịt rất yếu kém
 Không phân biệt thật giả
 Nếu người được mắt pháp
 Liền thấy Đáng Mâu-ni.
 Ta được mắt pháp tịnh
 Thấy được việc diệt kết
 Không hề nghe lời người
 Người luống tự mệt nhọc
 Không thấy được mê loạn.
 Nay ta biết rõ người
 Chính là ma Ba-tuần.*

Người thấy bốn Chân đế
Không thể lay động họ
Như tiền được mạ vàng
Muốn đổi gặt tiệm vàng
Việc này cũng khó thành
Ngoài hiện tướng vàng ròng
Nhưng trong thật là đồng.
Giống như lấy da cộp
Đem phủ lên mình lừa
Hình sắc lừa mắt thịt
Người nói là biết dối.
Như lửa có tính lạnh
Tướng gió luôn thường trụ
Dù mặt trời u ám
Trăng có thể nóng lên
Không thể làm Kiến đế
Mà có tâm động chuyển.
Giả sử khắp thế giới
Cỏ cây đến ngói đá
Loài cầm thú hươu nai
Đều có tướng như Phật
Không lay được ý ta,
Nay tướng có đôi khác
Huống thân ma của người
Sao lay động được ta.
Thủ-la bằng mọi cách
Trách Ba-tuần thậm tệ
Giống như người khỏe mạnh

*Xông trận đánh kẻ ác.
Ma Ba-tuần sợ hãi
Vội trở về cõi trời.
Nơi sư tử chúa ở
Voi đến liền bỏ chạy
Ba-tuần cũng như thế
Chỗ người kiến đế ở
Ma không dám khuấy phá.*



Chương 49

Người chưa chứng được thiên định lúc sắp qua đời không được quyết định.

Tôi từng nghe:

Thuở xưa, Đa-xí-na-ca là người hầu được vua Bà-tu yêu quý. Vì tội gièm pha hủy báng nên bị giam vào ngục nhưng ông vẫn tiếp tục tội lỗi của mình. Vua rất giận dữ sai người đến giết ông, bà con quyền thuộc đều đến thăm và nói với ông:

– Ông là người thông minh, sự hiểu biết vượt hơn người khác, nay vì sao tâm ông khuấy động? Khi cái chết đến thì có nỗi khổ nào bằng?

Na-ca đáp:

– Tôi sợ sệt cái chết, tâm không ổn định.

Ông liền nói kệ:

Trước kia đối cha mẹ

Bà con và quyến thuộc
Xa lìa sinh buồn đau
Cho là điều khổ nhất
Nay gặp khổ khi chết
Khổ trước không đáng kể.
Xét trong các thứ khổ
Khổ chết cũng không lớn
Không biết nơi sẽ sinh
Khổ nào đốt thân tâm.
Nay chết rất nhanh chóng
Không biết nơi sinh đến
Thân không lìa tham dục
Ai không khỏi kinh sợ
Tinh thần rất hoang mang
Như mù đi đường xa
Chẳng biết nơi nào đến.
Tâm ý rất suy sụp
Giống như tung nắm cát
Không thể ngăn được nơi
Như những lời Phật dạy.
Có tâm, tâm sai khiến
Tôi điên đảo sai lầm
Khó được sinh cõi lành
Do tâm được tự tại
Tùy ý chọn các cõi
Giờ tâm tôi xao động
Không thể giữ cho yên.
Xưa nay tôi ngu dốt

Tham đắm vui năm dục
Không thể quán nội thân
Buộc niệm vào chỗ lành
Nương vào rừng núi nào
Ngồi thẳng mà buộc niệm
Việc tốt nhất như thế
Giờ mới sinh mong muốn.
Kia được thiền ẩn nấu
Nên an vui vắng lặng.
Tôi nhớ Thế Tôn dạy
Nghĩa của ba câu kệ
Buông lung làm phi pháp
Tu sửa điều đáng tu
Vứt bỏ các nghĩa lợi
Tham đắm nơi yêu quý,
Vừa muốn tu việc lành
Bỗng chốc cái chết đến
Xa lìa đường chánh kia
Theo đường tà hiểm này.
Như trục gãy xe dừng
Ngồi giữ rất lo buồn
Đến với pháp như thật
Tu những việc phi lý
Kẻ phàm phu chết đến
Trục gãy chịu sâu đau.

Vì lý do gì nói việc này? Vì trước kia không khéo quán sát để chuẩn bị tư tưởng cho cái chết. Nên lúc sắp chết sợ hãi mới tu tập thiền quán. Do

không dứt bỏ năm dục nên không biết nơi đến mới ăn năn sợ hãi.

Cho nên nói kệ:

*Người trí nên buộc niệm
Dứt bỏ tướng năm dục
Người siêng năng giữ tâm
Lúc chết không ăn năn.
Tâm ý đã chuyên nhất
Không có niệm tán loạn
Người trí siêng giữ tâm
Sắp chết tâm không loạn.
Chuyên chú nơi cảnh giới
Không tu tâm chuyên chú
Sắp chết ắt tán loạn.
Nếu tâm bị tán loạn
Như dùng cương điều ngựa
Nếu khi nó chiến đấu
Lòng vòng không đi thẳng.*

Người không khéo quán sát, không thu nhiếp năm căn, lúc sắp chết tâm khó kiềm chế. Như áo giáp trong kho đã bị mục nát, lúc gặp địch đem ra dùng thì áo giáp đã mục nát tơi tả. Không tập kiềm chế tâm lúc sắp chết cũng như vậy.



Chương 50

Người có công đức chân thật thì nên cúng

đường. Người trí nên cung kính Bậc có đức.

Tôi từng nghe:

Thuở xưa, có nước A-việt-đề, vua nước này tên là Nhân-đề-bạt-ma. Vua có người em tên là Tu-lợi-bạt-ma. Vì tranh giành lãnh thổ nên hai anh em đánh nhau. Tu-lợi-bạt-ma ném dây tròng vào đầu Nhân-đề-bạt-ma, kéo thật nhanh, Nhân-đề-bạt-ma hết sức sợ hãi phát nguyện: “Nếu được cứu thoát, tôi sẽ mở hội Vô già trong Phật pháp”. Nguyện xong thì sợi dây liền đứt ngay. Từ đó vua rất kính tin Phật, Pháp, Tăng. Vua ra lệnh cho quan đại thần Phù Giả Diên-mật-đa lập hội Vô già. Đại thần vâng lệnh vua, lập hội Vô già để làm lợi ích cho mọi người. Lúc ấy, quan đại thần ngồi hàng đầu trông thấy vị Thượng tọa Tỳ-kheo lưu lại nửa phần ăn, chú nguyện xong bỏ thức ăn dư vào đầy bát rồi đứng dậy đi. Như thế đến ba lần. Quan đại thần trông thấy liền sinh tâm bất tín. Ông suy nghĩ: “Tỳ-kheo như thế chắc chắn là không thanh tịnh”. Nghĩ xong, ông tâu mọi việc lên vua. Vua hỏi quan đại thần:

– Khanh có lòng tin chứ?

Quan đại thần tâu:

– Thưa đại vương, hạ thần không có lòng tin. Vì sao? Vì vị Tỳ-kheo Thượng tọa lưu lại nửa phần ăn rồi đứng dậy đem đi, chắc chắn là thức ăn ấy được mang về cho vợ con, nên hạ thần nghi ngờ

ông ta.

Vua nghe xong, đưa hai tay bịt tai, bảo quan đại thần:

– Đừng nói nữa! Khanh chớ nghĩ quấy cho người. Khanh không có năng lực trí tuệ, làm sao có thể xét đoán được người ấy. Như Đức Phật có dạy: “Nghĩ sai cho chúng sinh chắc chắn tự làm hại mình”. Khanh chớ có sinh tà kiến điên đảo.

Vua liền nói kệ:

*Giới, Định, Tuệ vắng lặng
Được Tuệ giác học rộng
Đệ tử Phật như thế
Che giấu các công đức
Như lửa được tro lấp
Hành giới trí lâu ngày
Điều Đức Thế Tôn dạy.
Khanh không cùng sống chung
Sao biết hạnh của người?
Phật nói quả Yêm-la
Dụ cho bốn hạng người
Chỉ người trượng phu khéo
Mới biết phân biệt được,
Chỉ Phật Thế Tôn nói
Và người ngộ như Phật
Mới suy lường người được.
Vì thế khanh không nên
Khinh thường đệ tử Phật*

*Mà đánh giá hồ đồ
 Như kho tàng trong đất
 Bị phủ bởi đất cát
 Ai biết dưới có báu.
 Thôi khanh đừng đi nữa
 Tự nên xem xét lại
 Ta từ nay về sau
 Đích thân cúng dường Tăng
 Người ngu uống thuốc hay
 Cũng biến thành thuốc độc.*

Sau đó, đích thân vua đến cúng dường chúng Tăng, tự tay dâng thức ăn. Vị Tỳ-kheo Thượng tọa lúc trước cũng để lại thức ăn, chú nguyện xong liền đem đi. Vua đi theo sau và thưa với Thượng tọa:

– Bạch Thượng tọa, ngài tuổi tác đã cao, có thể đưa bát cho trăm cầm giúp.

Khi ấy, vị Thượng tọa không muốn trao bát, vua cố tình xin cầm giúp, cho đến thôn Chân-đà-la vị Thượng tọa vẫn không muốn trao bát. Lúc ấy, vị Tỳ-kheo Thượng tọa liền nói kệ:

*Tôi biết vua tịnh tín
 Xót thương hay cứu giúp
 Tuy vua sinh đời trước
 Nhưng oai nghi trang nghiêm
 Các vua tài trên đời
 Vẫn cũng không bằng được.
 Không biết giới hạnh tôi*

Chỉ thấy tôi xuất gia
Chưa từng có qua lại
Cũng không có quan hệ
Mà rất là yêu kính
Ân còn hơn cha hiền
Dù không thấy tâm ông
Các căn đều vui hòa.
Mặt trời mọc trên không
Mây dày che không hiện
Dù có mây che khuất
Hoa nở biết trời sáng,
Biết vua tâm tin sâu
Đặc biệt chưa từng có
Biết nhún mình tự thấp
Muốn ôm bát giùm tôi
Giàu sang phước lợi nhưng
Không hay mạn, buông lung.
Các vua được tự tại
Kiêu mạn làm mù mắt
Chỉ gây các nghiệp ác
Sa đọa nhiều lắm lỗi
Mạnh mẽ có trí lực
Khéo biết dùng tài thi
Quán thân như huyễn hóa
Biết giữ pháp chắc thật.
Nếu nói tóm lại thì
Tất cả đều thêm lớn
Như vua tự điều phục

*Trên hết trong giáo hóa
Đạo Hiền thánh thực hành
Hạnh tùy thuận của chúng.*

Tôi đã nhận sự cúng dường của vua và vua cũng hạ mình xin ôm bát giùm tôi, việc cúng dường đã đủ, không cần phải lấy bát.

Bấy giờ, nhà vua lại ân cần xin theo ôm bát. Tỳ-kheo Thượng tọa nghĩ: “Vì sao vua muốn ôm bát giùm ta?”. Vị Tỳ-kheo Thượng tọa liền nhập định quán sát, biết vua muốn điều phục quan đại thần cho nên xin ôm bát. Ngài liền nói kệ:

*Kẻ phạm phu ngu tối
Muốn động núi Tu-di
Giờ ta sẽ đưa bát
Để giúp tâm ý họ.
Đối với tiếng khen chê
Tâm ta đều không khác
Sinh bất tín với ta
Làm tổn giảm nhiều người.*

Nói kệ xong, vị Tỳ-kheo Thượng tọa đưa bát cho vua. Vua liền ôm bát, giống như vôi vôi cuốn lấy hoa sen xanh. Vua theo Tỳ-kheo Thượng tọa đi đến nhà Chiên-đà-la. Tỳ-kheo Thượng tọa mời vua vào nhà, vua không chịu vào mà chỉ đứng trước cửa. Bà mẹ của Tỳ-kheo trước đã chứng quả A-na-hàm, có Thiên nhãn biết được tâm người (khác) và cũng biết nhân duyên căn lành của người khác. Mẹ

của vị Tỳ-kheo thừa với vua:

– Ngài chớ khiếp sợ! Hãy vào nhà tôi.

Bà liền nói kệ:

*Ngài không nên nghi ngờ
Đây nhà Thủ-đà-la
Chẳng phải nhà Chiên-đà
Con đầu chứng La-hán
Con thứ ba Dự lưu
Tôi là Ưu-bà-di
Của Phật Nhất Thiết Trí
Chứng quả A-na-hàm.
Ngài chỉ xét Giới hạnh
Chớ hỏi dòng họ nào
Chấp xét đạo đức tôi
Chớ màng đến gia quyến
Sau rốt sinh nhà này
Có công đức tốt đẹp.
Giống như trong cát đá
Có thể đãi ra vàng
Y-lan phát được lửa
Bùn hôi mọc hoa sen,
Xét người theo đạo đức
Đừng y cứ dòng họ?
Y-lan với chiên-đàn
Đốt cháy đều tỏa nhiệt
Cả hai đều có ích
Công đức giống như nhau.*

Nghe bà mẹ nói kệ xong, vua than: “Hỡi ôi, đây chính là bậc Đại nhân trong Phật pháp. Thế tánh Phật đại bi giúp cho Chiên-đà-la được đến chỗ bất sinh bất diệt mà không phân biệt dòng họ, gầm lên tiếng rống sư tử giữa giai cấp Chiên-đà-la trong Chánh pháp do Phật nói”. Vua lại nghĩ: “Nếu cúng dường theo dòng họ thì mất công đức, còn nếu cúng dường theo công đức thì không nên phân biệt Chiên-đà-la”.

Vua liền nói kệ:

*Chỉ cúng dường công đức
Không nên xét dòng họ
Bà-la-môn nói dụ
Trong bùn mọc hoa sen
Trời và A-tu-la
Tôn kính đội trên đầu.
Bà-la-môn có lỗi
Người trí đều dứt bỏ
Nếu họ gây nghiệp ác
Nói không lỗi được chăng?
Nhưng thật là có lỗi
Nếu Chiên-đà có đức
Há có thể không nhận
Mà thật có công đức
Chiên-đà-la như thế
Ta phải nên cúng dường.
Chiên-đà-la như vậy
Tu khổ hạnh trong rừng*

Đó gọi là Tiên thánh
 Chẳng phải Chiên-đà-la.
 Chiên-đà-la giết nai
 Vua chúa ăn thịt nó
 Chiên-đà-la làm tên
 Và cũng dùng tên bần
 Vì lý do như thế
 Ta nên tùy thuận hành
 Chiên-đà người có đức
 Vì sao không dám nhận?

Nói kệ xong, vua vào nhà quỳ thẳng chấp tay suy nghĩ: “Trước khi kính lễ bà lão ta nên đánh lễ Đức Phật trước. Đức Như Lai Thế Tôn chỉ bày con đường chân chính cho Chiên-đà-la, cũng chỉ bày con đường chân chánh an ổn cho tất cả chúng sinh, cho nên ta đánh lễ Đức Phật trước.

Vua bèn nói kệ:

Kính lễ Phật khổ hạnh
 Vị thầy thuốc trên hết
 Nay con vì Thế Tôn
 Kính lễ người thấp hèn.
 Như nương núi Tu-di
 Nai, chim đều sắc vàng
 Nghe Ngài nói việc này
 Nay con đang chứng biết,
 Nương núi Tu-di Phật
 Kẻ hèn có thể sang
 Biền trí Nhất thiết chủng

*Ý tịnh lên bờ giác.
Chỉ có Phật cứu đời
Lòng từ, không ác ý
Đối với các chúng sinh
Làm người bạn gần gũi
Với một vị giải thoát
Phân biệt nói nhiều loại
Ngoại đạo thì nông cuồng
Phân biệt xằng dòng dõi.
Vua nói kệ xong, đánh lễ ra về.*



ĐẠI TRẠNG NGHIÊM KINH LUẬN

QUYỂN 9

Chương 51

Nhân duyên sân giận Đức Phật không thể can ngăn. Cho nên người có trí tuệ nên dứt bỏ tức, sân giận.

Tôi từng nghe:

Thuở xưa, các Tỳ-kheo nước Câu-diệm-di vì tranh cãi nên chia làm hai bộ, tranh chấp nhau về đạo lý suốt trong thời gian dài. Đức Thế Tôn có lòng Đại bi vô thượng dùng bàn tay có hình bánh xe để ngăn các Tỳ-kheo. Ngài nói kệ:

*Tỳ-kheo chớ tranh cãi
 Tranh cãi nhiều mất mát
 Tranh hơn thua không ngừng
 Nói nhau luôn không dứt
 Bị người đời chê trách
 Việc bất lợi thêm lớn.
 Tỳ-kheo cầu lợi lành
 Dứt bỏ các ái dục
 Là gia đình, vợ con
 Tâm mong được giải thoát*

Nên nương pháp xuất gia
 Chớ làm việc không nên,
 Mà phải dùng móc trí
 Khéo bỏ tâm ngạo mạn
 Không hợp, gây tranh cãi
 Gốc rễ của oán hại
 Nương theo pháp xuất gia
 Chẳng nên khởi tâm xấu.
 Ví như nước trong mát
 Chẳng thể sinh lửa dữ
 Đã đắp y hoại sắc
 Phải nên tu pháp lành
 Áo này nên vắng lặng
 Thường nghĩ tự điều phục.
 Vì sao mặc áo này
 Mà trợn mắt sừng sộ
 Lại nhăn mày nhú trán
 Khởi lên tâm tức giận?
 Phải nhớ đã đắp y
 Cạo đầu làm Sa-môn
 Tất cả đều xả bỏ
 Tại sao lại tranh giành
 Tướng Sa-môn như vậy
 Phải chấm dứt tranh cãi.

Các Tỳ-kheo ấy quay hướng về Đức Phật và thưa:

— Bạch Đức Thế Tôn, xin Ngài tha thứ. Các thầy Tỳ-kheo kia khinh thường con thì tại sao con

không trả thù?

Rồi họ nói kệ:

*Việc khó điều phục kia
Nhẫn được càng thấy nhẹ
Nhẫn là muốn nhún mình
Giận dữ càng đầy ắp,
Tâm ác muốn chê bai
Giống như búa chặt đá
Người kia làm tổn hại
Ta cũng phải báo thù.*

Đức Thế Tôn giống như Đấng Cha Lành nói như vậy:

– Người xuất gia phải siêng năng dùng mọi phương tiện dứt bỏ sân hận. Nếu thuận theo sự tức giận thì rất trái với đạo lý. Tức giận gây ra nhiều lỗi lầm.

Thế Tôn liền nói kệ:

*Tức giận như dao bén
Cắt đứt tình thân thuộc
Tức giận giết hại họ
Người giữ đúng pháp luật
Người xuất gia tức giận
Là việc không nên làm.
Giận ghét như gông cùm
Tức tôi là sợ hãi
Nhà cửa của khinh thường
Hạt giống của xấu ác*

*Bạn của lời thô ác
 Lửa dữ đốt rùng ý.
 Người chỉ ra nẻo ác
 Cửa oán hại tranh cãi
 Giường chiếu tiếng tăm xấu
 Cội gốc gây điều ác.*

Người tức giận bị người khác chê bai quả trách.
 Thầy hãy nên quán sát lỗi lầm như thế.

Ngài lại nói kệ:

*Sân mạnh hơn cọp dữ
 Như ghẻ lở khó chạm
 Rắn độc, khó thấy vui
 Tức giận cũng như vậy.
 Người sân ngủ cũng khó
 Phá hoại tiếng tăm tốt
 Người tức giận bưng bưng
 Không biết việc mình làm
 Và việc người khác làm
 Lúc phân chia tài lợi
 Thì mình không được phần.
 Nếu ở nơi vui chơi
 Không hòa hợp với người
 Nơi có lợi như thế
 Do sân không vào được.
 Người sân không ưa thích
 Việc của họ rất nhiều
 Thường có tâm hổ thẹn
 Dù nói bằng trăm lưỡi*

Nói không thể nào hết.
 Nếu nói tóm lại thì
 Chịu khổ trong địa ngục
 Không thể nào nói hết
 Tức giận gây ác rồi
 Ăn năn đốt thân tâm
 Cho nên người hiểu biết
 Phải dứt bỏ tức giận.

Đức Như Lai nói pháp bằng nhiều cách cho các thầy Tỳ-kheo nghe nhưng sự giận dữ của các thầy vẫn không dứt. Do nhân duyên này chư Thiên, Thiên thần đều nổi giận mà nói kệ:

Giống như trong nước đục
 Bỏ châu Ma-ni vào
 Nước liền được lắng trong
 Không còn bản đục nữa,
 Như Lai, Bạc Tôn Quý
 Vì các thầy Tỳ-kheo
 Tùy thuận phương tiện nói
 Các pháp màu tốt đẹp.
 Các thầy Tỳ-kheo này
 Tâm như còn chưa sạch
 Thà làm nước dơ bản
 Sức châu làm cho trong
 Không làm Tỳ-kheo này
 Nghe pháp do Phật nói
 Mà trong tâm ý họ
 Vẫn còn dơ không sạch.

*Như nhật chiếu thế gian
Xua tan mọi bóng tối
Mặt trời Phật gần thầy
Tâm đen tối quá sâu.*

Đức Như Lai Thế Tôn quở trách các Tỳ-kheo mang gánh nặng như vậy. Ngài có tâm thương xót, lại kể câu chuyện về vua Trường Thọ, nhưng các Tỳ-kheo cứ nhăn trán nhíu mày không thôi. Họ thưa:

– Đức Phật là Đấng Tự Tại đối với các pháp, xin hãy đợi giây lát! Chúng con tự biết.

Như Lai nghe lời này liền bỏ nơi ấy, đi đến chỗ khác cách đó mười hai do-tuần đến rừng Ta-la ngồi dưới gốc cây tự nghĩ: “Giờ đây Ta đã xa lìa các Tỳ-kheo tranh cãi nước Câu-diêm-di.”

Lúc ấy, có một con voi đầu đàn tránh xa bầy voi đến ở dưới gốc cây, cách Phật không xa, nhắm mắt đứng yên. Nó cũng khởi niệm: “Ta xa lìa bầy cảm thấy rất yên tịnh.” Đức Phật biết tâm niệm của voi đầu đàn liền nói kệ:

*Voi kia voi đây ngà rất dài
Xa lìa bầy thấy vui yên tịnh
Vui thích một mình, Ta cũng vậy
Xa lìa nơi nhóm họp tranh cãi.*

Nói kệ xong, Ngài nhập vào thiền định thật sâu. Các thầy Tỳ-kheo không chịu nghe lời Đức Phật dạy về sau ăn năn. Thiên thần giận dữ, cả nước

nghe được việc ấy đều tức giận quát tháo. Các thầy Tỳ-kheo nói với nhau:

– Làm sao chúng ta còn được thấy Phật.

Họ bèn cùng nhau chấp tay thỉnh Phật, nói kệ:

*Chúng con trái lời Phật
Phật, Thầy ba cõi dạy
Tội lỗi xấu tức giận
Ở tại trong tâm ta
Ngọn lửa hừng ăn năn
Đốt cháy cả rừng ý.
Lành thay! Đáng thương xót
Xin lại dạy chúng con
Nay chúng con phát nguyện
Đều cầu mong giải thoát
Từ nay trở về sau
Thà xả bỏ nhục thân
Chứ không trái lời Phật.*

Đức Phật biết ý nghĩ trong tâm các thầy Tỳ-kheo, Ngài liền nói kệ:

*Muốn ngăn chặn tức giận
Không thuận theo buồn bực
Giờ Ta nên thương xót
Trở về cứu khổ nạn.
Trẻ ngu gây lỗi xấu
Người trí phải nhẫn chịu
Ví như người bé con
Chịu mọi thứ ô uế*

*Không thể vì phân thối
Mà vất bỏ con mình.*

Nói kệ xong, Đức Phật từ tấm trải ngồi bằng cỏ đứng dậy, định trở về Tăng phường. Trời, Rồng, Dạ-xoa, A-tu-la... chấp tay hướng về phía Phật nói kệ:

*Than ôi! Đáng Đại Bi
Bậc Đại Tiên chánh đạo
Các thầy Tỳ-kheo kia
Bị buông lung làm mù
Tâm ganh tức không ngừng
Xúc nã Đức Thế Tôn.
Như Lai tâm Đại bi
Vẫn không hề xả bỏ
Thương xót không giận ghét
Ý muốn cho điều phục
Như cưỡng ép ngựa dữ
Quất roi để điều phục.*

Như Lai trở về đến Tăng phường, ánh sáng chiếu soi, các thầy Tỳ-kheo biết Phật đã trở về liền ra đón rước. Họ kính lễ Đức Thế Tôn rồi thưa:

— Bạch Đức Thế Tôn, chúng con tranh chấp làm cho nhiều người sinh tâm tức giận, lại còn bị họ khinh thường. Ngày nay chúng con đều phạm tội phá Tăng. Cúi xin Ngài trở lại nói pháp, làm cho chúng con được hòa hợp.

Lúc ấy Như Lai nói sáu pháp hòa kính cho các

thầy Tỳ-kheo nghe, giúp họ trở lại hòa hợp. Thế nên Đức Phật dạy dứt bỏ tức giận.



Chương 52

Phải nên quán sát các thức ăn. Đức Thế Tôn cũng dạy chánh quán trong khi ăn.

Tôi từng nghe:

Thuở xưa, vì việc khát thực của Tôn giả Hắc-ca-lưu-đà-di mà Đức Phật chế giới. Đức Phật nói các nhân duyên khen ngợi giới, khen ngợi giữ giới, ít muốn biết đủ, thực hành hạnh đầu-đà. Đức Phật nhóm họp Tỳ-kheo Tăng, khen ngợi pháp giữa ngày ăn một bữa, cho đến muốn chế giới giữa ngày ăn một bữa. Tỳ-kheo Tăng đều yên lặng, giống như biển lớn lặng yên, không có tiếng sóng. Lúc ấy, trong chúng Tăng có một thầy Tỳ-kheo tên Bà-đa-lê bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, Ngài đừng chế giới ấy vì con không giữ được.

Phật bảo thầy Tỳ-kheo:

– Việc sinh tử ở quá khứ là do ăn uống, trong khi đang sinh tử phải chịu khổ vô cùng, trôi lăn cho đến nay. Thuở xưa, cách nay vô lượng kiếp có bốn vị Tiên cầm thú. Vị Tiên thứ nhất lúc bấy giờ là con quạ nói như vậy: “Trong các khổ, đói khát là khổ nhất.” Lúc kiếp mới bắt đầu, chư Thiên ở tầng

trời Quang âm xuống nhân gian. Có một vị trời, đầu tiên dùng ngón tay ném thử vị đất rồi liền lấy ăn. Vị trời ấy nay chính là Bà-đa-lê. Vào thời đó Bà-đa-lê ném vị đất trước, ngày nay cũng lại như vậy, chỉ vì ăn uống.

Bà-đa-lê không vì pháp nên từ chỗ ngồi đứng dậy sửa lại y phục bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, xin Ngài đừng chế pháp giữa ngày ăn một bữa.

Bà-đa-lê liền nói kệ:

*Nay con không thể giữ
Giới một bữa của Phật
Nếu một người không kham
Không nên chế giới này.*

Tất cả các Tỳ-kheo nghe kệ này xong đều cúi đầu suy nghĩ thật lâu rồi nói:

– Chao ôi! Vị ấy không thấy được tội lỗi của việc ăn uống. Vì việc ăn uống nên ở trong đại chúng bị hủy nhục.

Họ nói kệ:

*Thà ăn cỏ với nai
Như rắn hít thở gió
Không ở trước Phật, Tăng
Cũng vì việc ăn uống
Mà trái lời Phật dạy.*

Đức Phật bảo Bà-đa-lê:

– Cho phép thầy ăn một nửa tại nhà đàn-việt,

còn một nửa đem về chùa ăn.

Bà-đa-lê vẫn cố ý không chịu. Ngay lúc ấy, Đức Phật chế giới giữa ngày ăn một bữa. Lần thứ hai, thứ ba Bà-đa-lê cũng xin Phật như vậy. Đức Phật không chấp nhận liền chế giới. Bà-đa-lê liền bỏ Phật mà đi, trong lòng rất ăn năn liền nói kệ:

*Tôi trái lời Phật dạy
 Vì sao lưỡi không đứt
 Vì sao đất không lấp
 Mà vẫn mang chở tôi?
 La-sát, Tỳ-xá-xà
 Rong độc và giặc cướp
 Không ai dám trái lời
 Chỉ vì việc ăn uống
 Ngu si trái lời Phật,
 Thà dùng dao mổ bụng
 Ăn nuốt các dòi trùng
 Ăn đất cho đầy bụng
 Tại sao vì ăn uống
 Mà trái lời Phật dạy!
 Nay con tự quả trách
 Dụ như người vô tâm.*

Bà-đa-lê nói kệ xong, hổ thẹn tự trách. Trong ba tháng thầy cảm thấy xấu hổ không dám gặp Phật. Lúc gần đến ngày Tự tứ ngày đêm ông buồn bã bức rứt, thân thể gầy ốm xấu xí, mất hết oai đức. Các thầy Tỳ-kheo những vị có tâm Từ rất thương xót nói kệ:

*Nay các thầy Tỳ-kheo
 May y và giặt nhuộm
 Không lâu sẽ ra đi
 Sau thầy đừng ăn năn
 Thầy mau đến chỗ Phật
 Lễ dưới chân hoa sen
 Hướng về Bạc Tôn Quý
 Hết lòng mà cầu xin
 Phải đem hết sức lực
 Mới có thể sám hối.*

Nghe kệ xong, Bà-đa-lê nghen ngào rơi lệ nói
 kệ:

*Lời Đức Thế Tôn dạy
 Đòi đều không dám trái
 Vì tôi quá ngu si
 Dám trái lời Phật dạy.
 Tôi quá sức xem thường
 Trước chúng không hổ thẹn
 Không thấy đời sau cười
 Làm giặc cướp trong chúng.
 Không nghĩ lỗi xấu ấy
 Nên nói lời như vậy
 Việc này Tăng nên làm
 Chẳng phải điều tôi xin
 Do tôi không tâm định
 Lỡ nói lời như vậy.*

Những vị Tỳ-kheo đồng phạm hạnh nghe kệ,
 liền muốn thỉnh Phật cầu xin sám hối.

Bà-đa-lê lại nói kệ:

*Giờ tâm con tha thiết
Cầu xin được sám hối
Xấu hổ làm sao dám
Đưa mắt nhìn Thế Tôn.*

Các Thầy Tỳ-kheo bảo Bà-đa-lê:

– Nếu Đức Thế Tôn còn phiền não lậu hoặc thì thầy hãy sợ, giờ đây Đức Thế Tôn từ lâu đã dứt bỏ các lậu hoặc, thầy có điều gì sợ mà không đi? Bà-đa-lê nói kệ:

*Tôi nghi tội lỗi mình
Như thấy vàng trắng tròn
Không sân, mặt dễ nhìn.
Đáng Từ Bi ba cõi
Nay con muốn nhìn thấy
Từ bi dạy cho con
Bị ngu si che mờ
Nên không vâng lời Phật.
Ví như người muốn chết
Không uống thuốc đúng bệnh
Trái với lời Phật dạy
Giờ chịu khổ ăn năn.*

Các thầy Tỳ-kheo đồng tu phạm hạnh nói:

– Thầy hãy cùng chúng tôi đến gặp Đức Thế Tôn để bày tỏ lỗi lầm.

Các thầy Tỳ-kheo lại hỏi Bà-đa-lê:

– Thầy có quyết định sám hối chăng?

Bà-đa-lê liền nói kệ:

*Giờ, nếu tôi lễ Phật
Thà khiến thân tan nát
Phật không bảo tôi dừng
Tôi không bao giờ dừng
Nếu Phật nói với tôi
Thân tâm mới thỏa mãn.*

Bà-đa-lê cùng các thầy Tỳ-kheo đến chỗ Phật. Lúc ấy, Đức Phật Thế Tôn đang ở trong đại chúng. Ở trước Đức Phật, Bà-đa-lê sụp lạy và nói kệ:

*Cho con sám hối tội
Thầy Điều Ngự loài người
Đáng thể tánh thương xót
Con như ngựa bị ép
Vượt qua đường điều thuận
Dù cho không được ăn
Mất sâu, xương má lồi
Gầy còm cho đến chết
Thà chịu khổ như thế
Không trái lời Phật dạy.
Đế Thích và Phạm thiên
Kính vâng theo lời Phật
Con vì quá ngu si
Không vâng lời Phật dạy.*

Đức Như Lai khéo biết lúc nào là đúng thời và lúc nào chẳng đúng thời. Ngài quả trách thật nặng để tất cả đều hiểu rõ. Đức Phật bảo Bà-đa-lê:

– Nếu có vị A-la-hán bị ngã vào đồng phần dơ bẩn hôi thối, Ta đi trên lưng, ý thầy nghĩ thế nào? Vị A-la-hán kia có buồn khổ chăng?

Bà-đa-lê thưa:

– Thưa không, bạch Đức Thế Tôn.

– Nếu thầy đã chứng quả A-la-hán, A-na-hàm, Tu-đà-hàm, Tu-đà-hoàn thì không bao giờ trái lời Đức Phật dạy, bởi thầy còn là phàm phu ngu si chưa chứng được gì hết. Dụ như trong cây chuối không có lõi... *nói rộng như trong kinh*.

Lúc ấy người ta cho rằng Bà-đa-lê chứng A-la-hán nhưng nghe Đức Phật nói xong họ biết Bà-đa-lê là phàm phu còn đầy phiền não. Các thầy Tỳ-kheo đều không tin khi nghe Bà-đa-lê chưa chứng quả A-la-hán. Như thế, nếu hàng quý tộc xuất gia mà không chứng quả A-la-hán thì làm sao Ni-đề thuộc dòng dõi thấp hèn xuất gia lại chứng quả A-la-hán được? Đức Phật muốn làm cho người nào hết lậu hoặc thì người ấy được hết lậu hoặc, còn không muốn cho người nào hết lậu hoặc thì người ấy không được hết lậu hoặc. Phật biết tâm niệm của các thầy Tỳ-kheo, liền bảo:

– Nếu tu Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na thì chắc chắn sẽ dứt được lậu hoặc, còn không tu pháp ấy thì không thể dứt hết lậu hoặc. Nếu ai biết hoặc thấy như vậy thì dù sinh trong dòng họ thấp hèn vẫn chứng được quả A-la-hán. Nếu Bà-đa-lê không

biết, không thấy dù sinh trong dòng họ cao quý cũng vẫn không chứng được quả A-la-hán. Cho nên Như Lai nói một cách bình đẳng không có thiên vị.



Chương 53

Điều làm cho buông lung ngông cuồng không gì hơn tham dục. Vì vậy phải siêng năng dứt bỏ tham dục.

Tôi từng nghe:

Thuở xưa, lúc Đức Thế Tôn còn tu hành đạo Bồ-tát, lúc ấy thế gian hoàn toàn không có Phật, Hiền thánh xuất hiện ở đời. Bấy giờ, có vị vua tên là Quang Minh cỡi voi đã được huấn luyện thuần thục đi du ngoạn.

Vua có các kỹ nữ ca múa theo hầu trước sau, đến chỗ núi nguy hiểm, con voi vua cỡi nhìn thấy voi cái ở đằng xa thì tâm dục rạo rực, liền rống lên một cách hung hăng cuồng dại. Nhanh như gió thổi, nó liền chạy đến chỗ voi cái, bắt chấp nguy hiểm. Lúc ấy người nài voi dùng các móc sắt kèm hãm lại nhưng không làm cho voi đứng lại được. Vua Quang Minh rất sợ hãi nói:

– Sử dụng móc sắt mà không kèm hãm được, giống như đệ tử tội ác không thuận theo lời thầy.

Voi đi quá nhanh, vua rất hoảng hốt, trong lòng

buồn khổ, cho rằng chắc chết, liền nói kệ:

*Như thấy hư không động
Nhanh chóng trốn các nơi
Thấy đều nhóm họp lại
Thấy khắp nơi chuyển động
Mặt đất đều rung chuyển.
Voi kia chạy quá nhanh
Ví như núi đi mau
Các núi như theo sau
Sông giữa khe hang cao
Cây cối hại thân thể.
Vua sợ hãi buồn bực
Phát nguyện cầu Thần núi
Cho mình được an toàn,
Móc sắt làm hại thân
Dục khởi không biết khổ
Voi càng chạy càng nhanh
Giống như bị gió mạnh
Gai, góc đâm vào thân
Bị đá làm tổn thương
Đầu tóc đều rơi tung
Bụi đất bám như bùn
Áo quần lại rách nát
Chuỗi ngọc và vòng vàng
Rơi rớt hết xuống đất.*

Bây giờ, vua bảo người nài voi:

– Mạng sống của ta sợ khó an toàn.

Vua lại nói kệ:

*Người gặng tìm cách nào
Kèm chế cho dừng lại
Ta như ở trên cân
Nghiêng hẳn về bên chết.*

Người nài voi dùng hết sức dùng móc sắt đâm voi nhưng vẫn không kèm chế được. Ông ta luôn luôn than thở, sắc mặt xấu hổ, nước mắt ràn rụa, ngoảnh mặt tránh đi nơi khác không nỡ để vua nhìn thấy, rồi tâu:

– Thưa đại vương, hạ thần phải làm sao đây?
Ông liền nói kệ:

*Hết sức tưng chú voi
Lời dạy của cổ tiên
Móc sắt đập hết sức
Đều không kèm chế được.
Như người lúc sắp chết
Chú thuật và thuốc hay
Mạng hết ắt phải chết
Thuốc hay không cứu được.*

Đại vương bảo người nài voi:

– Bây giờ chúng ta rơi vào hoàn cảnh này phải tính sao đây?

Người nài voi tâu với vua:

– Thưa đại vương, không có cách nào khác chỉ còn cách leo lên cây.

Nghe người nài voi nói, vua đưa tay đu lên cây,

con voi vụt chạy theo voi cái. Khi voi đi rồi thì đoàn người theo hầu mới đến chỗ vua. Vua từ từ bước về hướng quân lính. Người nài voi tìm theo dấu vết voi. Trải qua nhiều ngày, ông ta tìm được voi và trở về trong quân. Lúc ấy, vua đang ngự giữa mọi người thì người nài voi cỡi voi đến chỗ vua. Vua tức giận nói:

– Trước kia người nài voi đã được huấn luyện thuần thục có thể cỡi được. Nay tại sao đem con voi nông cuồng này để dối gạt ta?

Người nài voi chấp tay tâu với vua:

– Thưa đại vương, con voi này thật sự đã được huấn luyện thuần thục. Nếu vua không tin hạ thần sẽ làm cho nó thể hiện rõ sự thuần thục để ngài được biết.

Người nài voi nung hòn sắt đem để trước mặt con voi rồi bảo nó nuốt. Vua không nghe lời người nài voi thưa. Vua bảo:

– Người nài voi nói nó đã được thuần thục, tại sao lại hung hăng cuồng dại như thế?

Người nài voi quỳ thẳng chấp tay tâu:

– Thưa đại vương, voi hung hăng cuồng dại như thế chẳng phải lỗi nơi hạ thần.

Vua bảo:

– Vậy thì lỗi nào mới chẳng phải do người làm?

Người nài voi tâu:

– Thưa đại vương, voi có tham dục vì đó là tâm

bệnh của nó chẳng phải do nơi hạ thần. Cúi xin đại vương hiểu cho, bệnh như thế dù dùng roi quất móc đâm cũng không thể trị được. Tham dục phá hoại tâm cũng lại như thế.

Ông liền nói kệ:

*Dục, tên độc của tâm
Không biết từ đâu sinh
Nhờ đâu được thêm lớn
Làm sao tiêu diệt nó?*

Vua nghe nói tham dục không thể trị được liền hỏi người nài voi:

– Bệnh tham dục này không thể trị được sao?

Người nài voi tâu:

– Thừa đại vương, bệnh tham dục này không thể nào che đậy hoặc cho qua mà không điều trị.

Ông liền nói kệ:

*Nên làm các phương tiện
Siêng tìm cách đoạn dục
Không biết nơi nó đến
Nhớ tỉnh tấn lui về
Xả bỏ năm món dục
Xuất gia tu khổ hạnh
Vì dứt bỏ dục kết
Phải siêng năng tu đạo.
Hoặc buông lung năm dục
Nói đủ sức tự dứt
Bao nhiêu thứ hạnh tu*

Mong được xa lìa dục
 Mỗi mỗi nơi như thế
 Mong nhỏ sạch gốc dục
 Rừng dục khó nhỏ sạch.
 Trời, người, A-tu-la
 Dạ-xoa, Cưu-bàn-trà
 Tất cả loài hữu sinh
 Lưới dục tâm nhỏ nhiệm
 Trói buộc các chúng sinh
 Xoay vòng trong rừng hữu
 Bởi không tự nhỏ sạch.

Nghe nói tham dục không thể dứt bỏ, vua rất lấy làm quái lạ, liền nói kệ:

Nếu không có người nào
 Dứt trừ được dục ấy
 Vậy không có người nào
 Dứt được tham dục sao?
 Trong trời, người không có
 Người nào dứt dục sao?

Bấy giờ, người nài voi tâu vua:

– Thưa đại vương, thần được nghe người ta nói chỉ có Đức Phật Thế Tôn, Bạc Thầy cao cả của thế giới có tâm Đại từ xem tất cả chúng sinh đều như con, thân như vàng ròng, được trang nghiêm bằng tướng của bậc Đại nhân. Ngài có trí tự nhiên biết được nhân duyên dục sinh khởi và sự diệt dục. Ngài có tâm vô ngại, từ bi thương xót tất cả.

Vua nghe Đức Phật là Bạc Đại Nhân liền đứng dậy chấp tay như hoa sen chưa nở ở trước mọi người phát thệ nguyện rộng lớn:

– Tôi dùng chánh pháp giúp cho nước nhà và đem bố thí của cải, nhờ công đức này, nguyện đời vị lai tôi được thành Phật, dứt bỏ tai họa tham dục cho chúng sinh.

Vì nhân duyên gì mà nói việc này? Vì chúng sinh không biết nhân duyên và cách đối trị tham dục nên nói kinh này.



Chương 54

Đức Phật quán xét trong thời gian lâu xa mới có được tín tâm, cho nên không làm việc một cách vội vã.

Tôi từng nghe:

Thuở xưa Tôn giả Ưu-ba-cúc-đa ngồi thiền ở trong rừng. Ma Ba-tuần đội các vòng hoa lên đầu Tôn giả. Bấy giờ, Tôn giả xuất thiền thấy các vòng hoa ở trên đầu, ngài liền nhập định xem ai làm việc đó. Biết chính là do Ma vương Ba-tuần làm, ngài dùng năng lực thần thông cột ba cây chết vào cổ Ma vương. Ma vương thấy cây chết cột trên cổ mình, từ xa thấy Tôn giả biết chính là do ngài làm. Bấy giờ, Tôn giả liền nói kệ:

Đồ trang sức vòng hoa

Là vật Tỳ-kheo bỏ
 Thân chết rất hôi thối
 Người ái dục chán ghét.
 Phật tử đấu sức nhau
 Tranh giành ai thắng được
 Nay ta đề tử Phật
 Bỏ vòng hoa của người
 Nếu người có sức mạnh
 Hãy tháo gỡ thân chết.
 Biển lớn sóng đánh vào
 Người không thể kèm chế
 Chỉ có núi Thiết vi
 Nước tập thì dội ngược.

Nghe xong kệ, Ma vương muốn cởi bỏ thân chết. Dù dùng hết năng lực thần thông nhưng Ma vương không thể cởi được. Như muỗi kiến muốn lay động núi Tu-di cao nhất thế giới, dù kiệt sức chúng cũng không thể lay động được. Ma Ba-tuần không thể cởi bỏ thân chết liền bay đi và nói kệ:

Nếu ta không tháo được
 Thì các vị trời khác
 Người oai đức tự tại
 Chắc chắn họ gỡ được.
 Bây giờ, Tôn giả lại nói kệ:
 Đế Thích và Phạm thiên
 Đều không thể tháo được
 Dù nhả vào lửa cháy
 Hay lặn xuống biển lớn

*Không tiêu cũng không hoại
 Thấy trên cổ người ấy
 Không khô không mục nát
 Cứ cột trên cổ người
 Không có người giải cứu.
 Trời Ma-hê-thủ-la
 Và ba vị vua trời
 Vua trời Tỳ-sa-môn
 Và cho đến Phạm thiên
 Các vị trời như thế
 Dù dùng hết thần lực
 Không thể giải cứu được.*

Bấy giờ Phạm thiên vương thấy Ma vương dùng hết sức nhưng không thể cởi bỏ thầy chết liền bảo:

– Người chớ sinh tâm kiêu mạn!

Phạm thiên vương liền nói kệ:

*Đệ tử của Thế Tôn
 Dùng thần thông của mình
 Do người xem thường họ
 Họ cố hủy nhục người.
 Ai mà có năng lực
 Để giải cứu cho người
 Dù có sóng biển lớn
 Không ngăn được sóng mòi,
 Ví như dùng tơ sen
 Để mà treo núi Tuyết*

*Ta dùng hết thân lực
 Cũng không gỡ giùm được.
 Ta tuy có sức mạnh
 Không bằng Sa-môn kia
 Giống như ngọn đèn sáng
 Không bằng đồng lửa lớn
 Đồng lửa lớn tuy sáng
 Nhưng không bằng mặt trời.*

Ma vương nghe kệ xong hỏi Phạm thiên:

– Tôi phải nhờ ai mới thoát được tai họa này?

Để đáp lời Ma vương, Phạm thiên nói kệ:

*Ngươi mau hướng Sa-môn
 Để cầu xin quy y
 Tiếng thần thông vang lừng
 Giúp ngươi khỏi tai họa
 Giống như người bị ngã
 Chống đất để đứng lên.*

Ma vương suy nghĩ: “Đệ tử của Như Lai phạm hạnh cao cả, oai lực của chư Thiên không bì kịp. Chính là các vị được Phạm thiên tôn kính.” Ma vương nói kệ:

*Các đệ tử của Phật
 Được Phạm thiên tôn kính
 Huống gì đức hạnh Phật
 Làm sao xét lường được!
 Ta quá làm náo loạn
 Thương xót nên cố nhịn*

*Cho nên không vì ta
Làm các việc suy não
Hay nhận giúp đỡ ta
Đâu thể nào nói được.
Nay ta mới biết Phật
Bạch Đại Bi chân thật
Thể tánh rất thương xót
Không sinh tâm oán ghét.
Thân như ngọn núi vàng
Sáng chói hơn mặt trời
Ngu si mờ tâm ta
Làm những việc não loạn,
Ngài tinh tấn chắc thật
Chưa bao giờ nặng lời
Thường thấy Ngài thương xót.
Khiến tâm ta không vui.*

Bấy giờ, Ma vương tự tại ở cõi Dục nói như vậy:

– Thấy khắp trong ba cõi không ai có khả năng giải cứu. Giờ đây ta chỉ còn trở về quy y với Tôn giả mới được thoát nạn.

Nói lời ấy xong, Ma vương hướng về chỗ Tôn giả, năm vóc gieo sát đất đánh lễ dưới chân ngài rồi thưa như vậy:

– Bạch Đại đức, con ở dưới cây Bồ-đề cho đến gây ra trăm thứ khổ não làm não loạn Phật, nhưng Ngài vẫn không làm khổ con.

Ma vương liền nói kệ:

*Trong ngôi làng Bà-la
Xóm ấp Bà-la-môn
Cù-đàm đến khát thực
Con làm cho bát không
Đúng ngộ không được ăn
Nhưng Ngài không trách con.
Con từng làm trâu dữ
Cho đến làm rắn độc
Năm trăm xe lội nước
Làm Phật không uống được
Phật đều biết con làm
Nhưng Ngài không nói ác.
Việc con làm ít thôi
Tôn giả hủy nhục con
Trời, người, A-tu-la
Tất cả đều khinh thường
Trách con làm hư danh
Đem thân làm khổ con.*

Tôn giả bảo Ma vương:

– Nay, ngươi là chúng sinh độc ác, bất thiện.
Thanh văn làm sao hơn Thế Tôn.

Ngài liền nói kệ:

*Sao sánh hạt đing lịch
Với núi Tu-di được
Ánh sáng của đom đóm
Sao sánh với mặt trời?*

*Một vốc nước trong tay
 Dem sánh với biển lớn,
 Phật có tâm Đại bi
 Thanh văn không đại bi
 Như Lai dùng Đại bi
 Tha thứ lỗi cho người
 Ta cũng theo ý Phật
 Muốn người gieo căn lành.
 Ma vương nghe xong, liền nói kệ:
 Nghe con nói Phật đức
 Phước lợi, oai đức sáng
 Ngài đã làm được việc
 Dứt sạch các ái dục
 Nhân nhục không chê trách
 Nhưng vì con ngu si
 Thường ngày hay xúc nã
 Như mẹ thương con một.*

Tôn giả Ưu-ba-cúc-đa bảo ma Ba-tuần:

– Người hãy nghe ta nói, đối với Đức Như Lai người luôn luôn làm các việc ác. Muốn dứt sạch tội lỗi ấy để sinh các căn lành không gì hơn niệm Phật Thế Tôn.

Tôn giả liền nói kệ:

*Nhờ nhân duyên như vậy
 Biết Phật thấy sâu xa
 Chưa từng đối với người
 Sinh tâm không thương xót.*

*Bậc trí đệ nhất ấy
Muốn người được tín tâm
Thường nói lời thân ái
Người trí sinh chút tin
Liên được vui Niết-bàn.
Ta nói lược cho người
Nói về lỗi lầm của
Ngu si và tối tăm
Nay người sinh lòng tin
Có thể rửa sạch hết.*

Toàn thân Ma vương nổi ốc như các thứ hoa Ba-đàm kia sinh ra xúc não, giống như đứa con có lỗi, tấm lòng mà người cha thương yêu hơn cả mặt đất bao dung, không hề trách mắng. Đức Phật là Bậc hơn hết trong các vị Tiên. Nếu tin Phật một chút thôi cũng rửa sạch tội lỗi. Lúc ấy, Ma vương ở trước Tôn giả nghĩ nhớ công đức Phật, đánh lễ dưới chân Tôn giả rồi thưa như vậy:

– Bạch Tôn giả, ngài đã cứu con và giúp cho con sinh tâm kính tín. Xin ngài phát tâm cởi bỏ thân chết treo trên cổ con. Con tuy làm xúc não ngài nhưng cúi xin ngài mở lòng Từ bi cởi bỏ cho con.

Tôn giả bảo:

– Người phải làm một việc thì sau đó ta mới cởi các thân chết cho người.

Ma vương thưa:

– Bạch Tôn giả, đó là những việc gì?

Tôn giả đáp:

– Đó là bắt đầu từ hôm nay người không được làm náo hại các Tỳ-kheo.

Ma vương thưa:

– Con không dám náo hại nữa.

Tôn giả nói:

– Người nên biết cách Đức Phật Niết-bàn một trăm năm ta mới ra đời.

Tôn giả nói kệ:

*Bạc Chân Tế ba cõi
Ta thấy pháp thân Ngài
Nhưng không thấy thân vàng.
Nay người hãy hóa hiện
Thân Phật cho ta thấy
Nay ta rất mong mỏi
Yêu kính thân Như Lai.*

Ma vương thưa với Tôn giả:

– Con cũng xin một điều là: Nếu thấy hình tướng Phật xin Ngài đừng vội đánh lễ; dùng trí Nhất thiết chủng thiện trọng đừng đánh lễ con. Con giả làm tướng mạo Phật xin Ngài cẩn thận đừng đánh lễ con. Ma vương nói kệ:

*Vì cung kính nhớ Phật
Mà ngài đánh lễ con
Thì con bị tiêu diệt
Con có thể lực gì*

*Được Bạc Ly Dục kính.
 Dụ như mâm Y-lan
 Bị cuốn bởi vòi voi
 Hư hoại không dùng được
 Nếu con nhận ngài kính
 Việc ấy cũng như vậy.*

Tôn giả đáp:

– Ta sẽ không kính lễ, ngươi cũng không trái lời đã hứa.

Ma vương lại thưa với Tôn giả:

– Xin đợi con trong giây lát.

Ma vương đi vào rừng vắng, nói kệ:

*Con dùng phép thần thông
 Hiện thân vàng sáng chói
 Thân Phật không nghĩ bàn
 Con làm thân như thế
 Hiện thân sáng rực rỡ
 Hơn mặt trời, mặt trăng
 Làm vui mắt mọi người
 Rõ như uống cam lộ.*

Tôn giả nói:

– Bây giờ ngươi hãy hiện ra thân Phật cho ta thấy.

Ma vương thưa:

– Bây giờ con sẽ hiện thân Phật để cời bỏ thầy chết.

Lúc bấy giờ, Ma vương liền vào trong rừng

vàng hiện làm thân Phật giống như người thợ tài giỏi trang trí từng nét đẹp. Các thân của Như Lai thể hiện tướng của bậc Đại nhân, có công năng giúp cho người nhìn thấy được mắt pháp thanh tịnh. Dụ như bức tranh mới vẽ, thân Phật bắt đầu từ trong rừng đi ra, làm trang nghiêm khu rừng ấy, khiến người chiêm ngưỡng không nhầm chán và thấy đủ, vàng ánh sáng tròn vây quanh một tâm hóa làm thân Phật, Xá-lợi-phất đứng hầu bên phải, Mục-kiền-liên đứng hầu bên trái, A-nan theo sau ôm bình bát của Phật. Tôn giả Ma-ha Ca-diếp, A-ni-lô-đầu, Tu-bồ-đề, các vị đại Thanh văn một ngàn hai trăm năm mươi vị như thế đứng hầu hai bên Phật giống như hình bán nguyệt, biểu hiện tướng mạo của Phật, hướng về chỗ Tôn giả Ưu-ba-cúc-đa.

Tôn giả thấy tướng mạo Phật tâm rất vui mừng liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi quan sát hình tướng Phật. Chao ôi! Thật chán ghét vô thường không có tâm thương xót thân sắc tuyệt diệu của Kim Sơn vương, vì sao lại phá hoại thân Mâu-ni? Bị vô thường hoại diệt như thế? Bây giờ, Tôn giả thấy tâm ý của mình muốn rối loạn. Ta thật sự thấy Phật, liền chấp tay như hoa sen nói như vậy: “Đẹp thay! Sắc thân kỳ diệu không thể tả xiết”, liền nói kệ:

Mặt đẹp hơn sen nở

Mắt như lá sen xanh

Thân hình đẹp tuyệt diệu

*Tướng đẹp hơn mặt trăng
 Sâu xa như biển cả
 Đứng vững như Tu-di
 Oai đức hơn mặt trời
 Đi oai như sư tử
 Mắt như trâu đầu đàn
 Sắc đẹp hơn vàng ròng.*

Tôn giả càng vui mừng kính tin hơn, hoan hỷ càng sinh thêm, liền nói kệ:

*Than ôi! Nghiệp thanh tịnh
 Được quả báo nhiệm mầu
 Do nghiệp trước cảm nên
 Chẳng phải nghiệp đang làm.
 Trong trăm ngàn ức kiếp
 Thân, miệng làm việc tốt
 Tu thí, giới, nhân nhục
 Thiên định và trí tuệ
 Quyết định làm chánh hạnh
 Lấy đó tự trang nghiêm.
 Mọi người đều ưa nhìn
 Thanh tịnh không như bản
 Khi hiện hình tướng này
 Oan gia đều vui mừng
 Huống gì ta ngày nay
 Lẽ nào không ai kính.*

Tôn giả nghĩ như vậy, chỉ nhớ đến Phật mà không nhớ đến ma, Ngài liền đứng dậy, gieo năm vóc lạy sát đất. Lúc ấy Ma vương kinh sợ nói như

vậy:

– Vì sao Đại đức không giữ lời hứa?

Tôn giả hỏi:

– Ta đã hứa gì?

Ma vương nói:

– Lúc nãy ngài có hứa là không làm lễ, bây giờ sao ngài lại lễ.

Tôn giả liền đứng dậy nói kệ:

Mắt ưa thích muốn thấy

Tâm nghĩ là lễ Phật

Nay ta thật không phải

Cung kính làm lễ người.

Ma vương nói:

– Ngài gieo năm vốc sát đất làm lễ con, ngài lại nói là không kính lễ?

Tôn giả nói với Ma vương:

– Ta không kính lễ, người cũng không trái với lời hứa. Dụ như lấy bùn gỗ làm tượng Phật thì người trời đều kính lễ. Ta không kính lễ bùn gỗ mà ta muốn kính lễ Đức Phật. Ta kính lễ sắc tượng của Phật chứ không kính lễ hình tượng của ma.

Nghe những lời ấy xong, Ma vương hiện lại nguyên hình như cũ, đánh lễ dưới chân Tôn giả rồi bay về trời.

Vì nhân duyên gì mà nói việc này? Vì hàng đại Thanh văn... muốn cho đàn-việt cùng đường chúng Tăng, không để bị thiếu thốn. Lại khiến cho Tỳ-

kheo nghe pháp rồi thực hành theo, cho nên nói pháp cho bốn chúng nghe. Nếu muốn khen ngợi Phật phải làm theo lời ấy. Tuy đã dứt bỏ kết sử tham dục nhưng bất giác cũng làm lẽ.



ĐẠI TRANG NGHIÊM KINH LUẬN

QUYỂN 10

Chương 55

Nếu người nào khen ngợi Phật thì được quả báo lớn, được mọi người cung kính. Thế nên phải thành tâm cung kính khen ngợi.

Tôi từng nghe:

Thuở xưa, vào thời Phật Ca-diếp có một vị Pháp sư nói pháp cho đại chúng nghe. Ở trước đại chúng, vị Pháp sư ấy khen ngợi Đức Phật Ca-diếp, nhờ nhân duyên ấy nên lúc qua đời được sinh lên cõi trời. Trong cõi trời, cõi người vị ấy thường thọ hưởng sự vui sướng. Sau khi Đức Phật Thích-ca nhập Niết-bàn một trăm năm, vào thời vua A-du-già vị ấy làm đại Pháp sư chứng quả A-la-hán có đầy đủ ba minh, sáu thông, tám giải thoát, từ nơi miệng thường tỏa mùi thơm. Ở cách vua A-du-già không xa, vị Pháp sư ấy nói pháp cho đại chúng nghe. Mùi thơm trong miệng ngài bay đến chỗ vua A-du-già. Vua ngửi mùi thơm tâm sinh thắc mắc liền nghĩ rằng: “Có lẽ vị Tỳ-kheo kia hòa các mùi thơm ngấm vào miệng nên có mùi thơm như vậy”.

Nghĩ rồi, vua thưa với vị Tỳ-kheo:

– Xin thầy há miệng ra.

Thầy Tỳ-kheo há miệng thì trong miệng không có gì cả.

Vua lại thưa:

– Xin thầy súc miệng.

Vị Tỳ-kheo súc miệng xong thì trong miệng vẫn có mùi thơm.

Thầy Tỳ-kheo hỏi vua:

– Vì sao đại vương bảo tôi há miệng rồi súc miệng làm gì?

Vua đáp:

– Vì trẫm nghĩ thấy mùi thơm, trong tâm thắc mắc nên bảo thầy há miệng và súc miệng. Mùi thơm càng nồng, chỉ có mùi thơm, trong miệng không có gì.

Vua nói:

– Xin thầy hãy giải thích cho trẫm biết.

Thầy Tỳ-kheo mỉm cười nói kệ:

*Bạc tự tại trên đời
Sẽ giải thích ngài hiểu
Đó chẳng phải các hương
Trầm thủy, hoa lá cọng
Của loại gỗ chiên-đàn
Hòa hợp ra thế ấy.
Tôi sinh tâm ít có
Nên nói lời như vậy*

*Nhờ xưa khen Ca-diếp
 Nên được mùi thơm ấy.
 Hương của thời Phật ấy
 Không khác với hương nay
 Ngày đêm cũng đều thơm
 Không bao giờ dứt tuyệt.*

Vua thưa:

– Bạch Đại đức, ngài có được mùi thơm này bao lâu rồi?

Thầy Tỳ-kheo đáp:

– Tôi được đã lâu rồi. Xin đại vương hãy lắng nghe: Thuở xưa có Đức Phật hiệu là Ca-diếp, vào thời Đức Phật ấy tôi siêng năng tu tập nên có được mùi thơm này.

Nghe xong, vua sinh tâm ít có, hỏi thầy Tỳ-kheo:

– Trẫm vẫn chưa hiểu. Xin thầy giải thích.

Thầy Tỳ-kheo thưa với vua:

– Thưa đại vương, xin ngài dốc lòng lắng nghe: Vào thời Đức Phật Ca-diếp, tôi là một vị Tỳ-kheo nói pháp, ở trước đại chúng, tôi sinh tâm vui mừng khen ngợi Đức Phật Ca-diếp, nói kệ rằng:

*Thân sắc vàng rực rỡ
 Vui mừng sinh khen ngợi
 Nhờ sức phước đức này
 Hễ sinh đến nơi nào
 Mỗi thân theo nghiệp này*

*Thường có mùi thơm ấy,
Thơm hơn Ưu-bát-la
Và mùi thơm Chiêm-bặc
Mùi thơm thoảng khắp nơi
Ai ngửi đều vui thích
Như uống nước cam lộ
Uống hoài không chán đủ.*

Đại vương nghe xong, khắp mình nổi ốc liền nói như vậy:

– Ôi, nhờ khen ngợi công đức Phật mà được phước báo ấy.

Thầy Tỳ-kheo thưa:

– Thưa đại vương, ngài chớ cho rằng quả này được báo như thế.

Vị Tỳ-kheo liền nói kệ:

*Tiếng khen và phước đức
Sắc lực và an lạc
Đã có công đức này
Người không kể sang hèn
Oai quang đáng yêu thích
Ý chí rất rộng lớn
Lìa được các lỗi ác
Đều do khen ngợi Phật.
Những phước báo như thế
Hiện trí mới nói được
Thọ thân đã chấm dứt
Được dấu vết cam lộ.*

Đại vương lại hỏi thầy Tỳ-kheo:

– Bạch Đại đức, khen ngợi công đức Phật, việc ấy như thế nào?

Thầy Tỳ-kheo nói kệ:

*Tôi ở trong chúng khen
Công đức thật của Phật
Do nhờ nhân duyên ấy
Tiếng khen khắp mười phương.
Nói nghiệp lành của Phật
Đại chúng nghe vui mừng
Hình tướng đều vui hòa.
Do trước khen ngợi Phật
Nhan sắc có oai quang
Nói pháp được hết khổ.
Điều Đức Phật ấy dạy
Cho những người tu thiện
Tạo các nhân duyên vui
Được quả báo an vui.
Thế nào gọi là Phật?
Lời nói có mười lực
Mà ở trong ba cõi
Không bị người khinh thường,
Huống người nói các pháp
Bước lên trên pháp tòa
Khen ngợi công đức Phật
Hàng phục các ngoại đạo.
Nhờ khen công đức Phật
Được thân tướng tốt đẹp*

*Liên nói mọi người nghe
Chánh đạo đáng ưa thích,
Nhờ vào nhân duyên ấy
Như trăng tròn mùa thu
Được mọi người yêu thích.
Khen đức thật của Phật
Suốt kiếp vẫn không hết
Giả sử lưỡi tiêu tan
Cũng không ngưng giữa chừng
Thường giữ tâm như vậy
Đời đời sinh nơi nào
Lời nói đều rõ ràng.
Nói trí tự nhiên Phật
Các trí tuệ thêm lớn
Nhờ vào nhân duyên ấy
Sinh đâu đều có trí.
Nói tất cả thế gian
Đều do nghiệp duyên tạo
Nghe rồi được điều lành,
Do xa lìa điều ác
Sinh đâu, lìa các lỗi.
Tham sân ngã kiến thấy
Như dầu rót sắt nóng
Khô cạn hết không còn
Các sự việc như thế
Nơi nào không thích ý?
Nhờ mũi tên nhân duyên
Tôi phá cung của ngài*

*Đã nói rõ cha rồi
Suy nghĩ khéo nói mẹ.*

Đại vương nghe kệ xong, liền đứng dậy chấp tay thưa:

– Điều Đại đức nói rất nhiệm màu khéo nhập vào tâm trẫm.

Vua nói kệ:

*Nghe nói, ý ta hiểu
Quả khen công đức Phật
Nếu nói tóm lại thì
Thường nên khen ngợi Phật.*

Do nhân duyên gì nói việc này? Vì người nói pháp được quả báo lớn. Những người nói pháp trong ba cõi nên sinh tâm vui mừng.



Chương 56

Người có công đức lớn còn tu không hề biết mỗi một, huống gì người không có phước đức mà lại biếng nhác, ngã mạn.

Tôi từng nghe:

Thuở xưa, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp nhập vào các tam-muội thiền định giải thoát. Ngài muốn làm cho chúng sinh tu phước gieo hạt giống lành, được phước vô lượng. Vào lúc sáng sớm, Ngài đắp y Tăng-già-lê do Đức Phật cho, rồi đi khát thực. Lúc

ấy có người trông thấy nói kệ:

*Tán thán Bạc hơn người
Đắp y của Như Lai
Trước trời, người, tám bộ
Phật chia tòa cho ngồi.*

Đức Phật cũng khen ngợi Tôn giả Ca-diếp với bài kệ:

*Nay thầy tu hạnh lành
Như trăng dần dần tròn
Như tay vung trong không
Không có gì chướng ngại.
Thân như nước sạch trong
Không có các bụi đất
Phật thường ở trước người
Khen ngợi công đức thầy.
Cho đến đời vị lai
Lúc Di-lặc thành Phật
Cũng khen công đức thầy
Mà bảo đại chúng rằng:
Đây là vị đệ tử
Khổ hạnh của Mâu-ni
Đủ mười hai đầu-đà
Trong ít muốn biết đủ
Được gọi là bậc nhất.
Đây gọi là Ca-diếp
Trước trời, người, tám bộ
Khen ngợi công đức Thầy.*

Lúc bảy giờ, từ xa thấy ngài Ca-diếp ung dung đi bộ, trời Đế Thích đang ngự trong cung điện bèn chấp tay cung kính. Phu nhân của trời Đế Thích là Xá-chi liền hỏi:

– Thưa ngài, ngài đang thấy ai mà cung kính như vậy?

Đế Thích nói kệ đáp:

*Ở trong lửa tham dục
Thường buộc niệm ở trước
Tuy được vợ sắc vàng
Cùng phòng tâm không đắm.
Thân nương vào thiên định
Tâm ý cũng vui sướng
Vào thành ấp xóm làng
Vì muốn đi khát thực,
Dùng trí tuệ cày xới
Nhỏ bỏ cỏ xấu hại
Đó gọi ruộng phước lành
Quả được trông tốt tươi.*

Nhìn Đế Thích với lòng kính trọng, Xá-chi thưa:

– Ngài sang quý cao tột lại ở nơi nhàn nhã mà còn có tâm lành tu phước đức.

Đế Thích dùng kệ đáp:

*Nhờ nhân duyên bố thí
Ta rất được tự tại
Trời, Người, A-tu-la*

*Quý trọng, tôn kính ta.
Ngày đêm nghĩ bố thí
Nên ta được như vậy
Nhiều kho tàng như thế
Lấy ra đầy của báu.*

Tôn giả Ca-diếp vào trong các hang cùng ngõ hẻm, thích nhận người nghèo khó bố thí. Lúc ấy, Đề Thích hóa thành ông lão thợ dệt nghèo nàn, còn Xá-chi hóa làm bà lão ăn mặc rách rưới. Vợ chồng ngồi nghỉ bên vệ đường.

Tôn giả thấy hai vợ chồng người kia nghèo nàn rách rưới liền nghĩ: “Trên thế gian không có ai nghèo hơn hai người này”, bèn đến chỗ họ muốn an ủi. Ông lão thợ dệt vội đứng dậy cầm lấy bát của Tôn giả, đổ thức ăn Tu-đa cồi trời vào đầy bát rồi dâng lên Tôn giả.

Sau khi nhận thức ăn, trong tâm Tôn giả thắc mắc nên nói kệ:

*Người kia quá nghèo nàn
Lại ăn ngon khác thường
Việc này rất đáng nghi
Thật là việc điên đảo.*

Nói kệ xong, Tôn giả lại nghĩ: “Bây giờ ta nên hỏi ai? Ta phải tự quán sát.”

Tôn giả liền nói kệ:

*Ta là hạt giống lành
Dứt mê cho người khác*

*Trời người làm việc gì
Ta còn giải thích cho,
Nay ta có thắc mắc
Không biết phải hỏi ai?*

Nói kệ xong, Tôn giả dùng mắt tuệ thấy chính là trời Đế Thích, liền nói:

– Hay thay! Người thích tu phước dùng mọi cách để được phước báo tốt đẹp.

Tôn giả nói kệ:

*Xả bỏ tướng tôn quý
Hóa thành người nghèo nàn
Già yếu và tiêu tụy
Mặc y phục rách rưới
Xả bỏ cung điện trời
Giả dùng nghỉ bên đường.*

Nói kệ xong, Tôn giả mỉm cười, lại nói kệ:

*Ta muốn người vô phước
Có được phước nghiệp tốt
Phước ông đã đầy đủ
Cớ sao lại quấy nhiễu
Cúng dường ta thức ăn?
Hơn cả năm diệu dục
Thế Tôn lậu đã dứt
Ba đường ác cho ông
Nhưng ông vẫn tinh tấn
Tìm cách cầu phước nghiệp.*

Trời Đế Thích hiện lại nguyên hình, ở trước

mọi người đánh lễ dưới chân Tôn giả rồi thưa:

– Bạch Tôn giả, vì sao ngài làm vậy?

Đế Thích liền nói kệ:

*Tôi thấy thí được báo
Được lợi ích tốt đẹp
Giúp nghiệp thêm rộng lớn
Tín tâm vững chắc hơn
Vì có gì Đại đức
Ngăn cản việc tôi làm?
Đế Thích lại nói kệ:
Người nghe nói bố thí
Vẫn còn bố thí được
Huống tôi được báo thí
Tự chứng biết rõ ràng.
Cha mẹ và bạn thân
Cứu giúp muốn lợi ích
Không thể bằng bố thí
Dứt bỏ khổ sinh tử.
Báo thí như hình bóng
Ban an vui khắp nơi
Trong sinh tử nguy nan
Chỉ có thí đi theo,
Lúc mưa gió lạnh lẽo
Chỉ thí làm an lạc
Như đi đường hiểm xấu
Hành trang phải đầy đủ.
Thí là chiếc xe lành
An ổn khỏi mệt mỏi*

*Nơi nạn cướp hiếp ác
 Thí chính là bạn tốt.
 Thí dứt các sợ hãi
 Cao tột trong cứu giúp
 Ở trong chỗ giặc thù
 Thí là thanh kiếm bén.
 Thí là thuốc hay nhất
 Trị lành các bệnh nặng
 Đi trên đất gồ ghề
 Dùng thí để làm gậy.*

Nói kệ xong, Đế Thích cúng dường Tôn giả rồi trở về cõi trời.

Do nhân duyên gì nói việc này? Vì người có trí tuệ hiểu rõ quả báo của sự bố thí, muốn làm cho người siêng làm việc phước. Trời Đế Thích là người có phước báo hơn người vẫn còn tu phước, huống gì người đời lại không tu bố thí. Đối với bậc Thanh văn mà Đế Thích còn cúng dường, huống gì đối với Đức Thế Tôn.



Chương 57

Tuy gieo chút ít căn lành nhưng phải cầu thành Phật, với chút ít căn lành mà cầu thành Phật giống như được cam lộ. Thế nên phải hết lòng cầu thành Phật.

Tôi từng nghe:

Thuở xưa, có một người nhờ năng lực nhân duyên nên phát tâm xuất gia. Vì muốn cầu giải thoát, nên ông đến Tăng phường, gặp lúc Phật đi giáo hóa không có ở Tăng phường. Ông ta suy nghĩ: “Không có Đức Thế Tôn ở Tăng phường ta nên đến chỗ ngài Xá-lợi-phất đại tướng của chánh pháp”.

Bấy giờ, ngài Xá-lợi-phất quán sát nhân duyên của vị ấy, xem thuở xưa ông ta có chút nào ghét việc ác, tu căn lành hay chẳng. Quán sát xong, ngài không thấy có chút ít căn lành nào cả; một đời không có cho đến trong trăm ngàn đời cũng không có căn lành; lại thấy một kiếp không có căn lành cho đến trăm ngàn kiếp cũng không có. Tôn giả Xá-lợi-phất nói với người ấy:

– Ta không xuất gia cho ông.

Người ấy lại đến chỗ vị Tỳ-kheo khác. Thầy Tỳ-kheo hỏi:

– Vừa rồi ông xin xuất gia với ai?

Ông ta thưa:

– Bạch Đại đức, con đến xin xuất gia với Tôn giả Xá-lợi-phất nhưng ngài không chịu xuất gia cho con.

Các thầy Tỳ-kheo nói:

– Tôn giả Xá-lợi-phất không chịu xuất gia cho ông, chắc hẳn ông có lỗi làm gì rồi. Chúng tôi làm sao dám xuất gia cho ông?

Cứ như thế người ấy lần lượt đến chỗ thầy Tỳ-kheo này rồi thầy Tỳ-kheo khác nhưng không có vị nào chịu xuất gia cho ông ta. Giống như người bệnh, người thầy thuốc giỏi đã không chữa trị được thì các thầy thuốc tầm thường khác không ai chữa trị được. Không được toại nguyện, ông ta đứng khóc trước cửa Tăng phòng và nói:

– Sao tôi bạc phước quá! Không có ai chịu xuất gia cho tôi cả. Cả bốn giai cấp đều được xuất gia, còn riêng tôi gây ra nghiệp ác gì mà không được xuất gia? Nếu không được xuất gia chắc tôi phải chết.

Ông liền nói kệ:

*Giống như nước sạch trong
Tất cả đều uống được
Dù cho Chiên-đà-la
Cũng đều được xuất gia.
Trong Phật pháp như thế
Không chịu thấu nhận tôi
Tôi không được toại nguyện
Vậy còn sống làm gì.*

Bấy giờ Đức Thế Tôn với tâm Từ bi muốn giáo hóa người ấy. Như người mẹ thương con, như bóng rợp của núi Hành kim che lấp mặt trời, Ngài đến cửa Tăng phòng nói kệ:

*Thân Nhất Thiết Chúng Trí
Lấy đại Bi làm thể*

*Phật ở trong ba cõi
Tìm người đáng hóa độ
Như bò mẹ tìm con
Thương nhớ mãi không thôi.*

Đức Thế Tôn thanh tịnh vô cấu như hoa sen nở, cánh tay sáng rực, lòng bàn tay có hình bánh xe, có màng lưới bao bọc các ngón tay, Phật dùng cánh tay nhiệm màu này xoa đầu ông ta rồi hỏi:

– Vì sao ông khóc?

Ông ta buồn bã thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn, con xin xuất gia nhưng tất cả các thầy Tỳ-kheo đều không nhận, do đó mà con khóc.

Đức Thế Tôn hỏi:

– Các thầy Tỳ-kheo không nhận hay ai ngăn cản không cho ông xuất gia?

Phật liền nói kệ:

*Ai có Nhất thiết trí
Mà còn muốn do dự
Nghiep lực rất nhỏ nhiệm
Ai biết được cạn sâu.*

Nghe kệ xong, người ấy bạch với Đức Thế Tôn:

– Bạch Đức Thế Tôn, vị đại tướng trong Phật pháp là Tỳ-kheo Xá-lợi-phất có Trí tuệ bậc nhất không cho con xuất gia.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dùng âm thanh như tiếng sấm vang an ủi người ấy:

– Trí lực của Xá-lợi-phất chẳng thể biết được. Trong vô lượng kiếp, ta đã làm những hạnh khổ khó làm, tu tập trí tuệ. Bây giờ Ta sẽ nói kệ cho người nghe:

*Đệ tử Xá-lợi-phất
Không phải Nhất Thiết Trí
Cũng không hiểu thể tánh
Không biết hết trung, hạ
Hiểu biết có hạn chế
Không hiểu được sâu xa
Không có trí hiểu biết
Các nghiệp báo nhỏ nhiệm.*

Đức Thế Tôn bảo vị ấy:

– Giờ đây Ta cho phép người xuất gia trong Phật pháp. Ta cho người ở trong giáo pháp của Ta thử qua, nếu người là người có tâm tin tưởng ưa thích thì Ta sẽ hóa độ đúng pháp, không để lỡ mất cơ hội.

Đức Thế Tôn đưa cánh tay mềm mại tốt đẹp có hình bánh xe cầm tay ông ta dặt vào trong Tăng phòng, ở trước chúng Tăng bảo ngài Xá-lợi-phất:

– Nay Xá-lợi-phất, vì lý do gì thầy không cho người này xuất gia?

Ngài Xá-lợi-phất bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, vì con thấy ông ta không có chút căn lành nào cả.

Đức Phật dạy:

– Nay Xá-lợi-phất, thầy chớ nói như thế.
Thế Tôn liền nói kệ:

*Ta thấy căn lành này
Thật là rất nhỏ nhiệm
Như cát đá trong núi
Nung chảy cho ra vàng.
Thiên định và trí tuệ
Như ống bể, lò rèn
Ta dùng công đức thôi
Ất sinh ra vàng ròng
Người này cũng như vậy
Lành nhỏ như vàng kia.*

Lúc ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất sửa lại y Uất-đa-la-tăng, bày vai bên phải, quỳ gối chấp tay hướng về Đức Phật Thế Tôn nói kệ:

*Đáng hơn hết trong luận
Cúi xin nói con nghe
Ngọn đèn trí tuệ lớn
Xua tan các bóng tối
Trong bao lâu người kia
Trông được căn lành này
Làm được ruộng phước nào
Nảy mầm rất mau chóng?*

Phật bảo Xá-lợi-phất:

– Bây giờ thầy hãy lắng nghe, Ta sẽ nói cho nghe: Nhân ấy rất nhỏ nhiệm, không phải cảnh giới mà hàng Bích-chi-phật thấy được. Thuở xưa có

một người nghèo vào trong núi A-luyện-nhã đốn củi bị cốp uy hiếp. Vì sợ hãi nên ông ta niệm “Nam-mô Phật “. Nhờ hạt giống này mà được nhân giải thoát.

Ngài nói kệ:

*Chỉ thấy họ xưng Phật
Cho đó là nhỏ nhiệm
Nhờ đó dirt mé khổ
Như thế là tốt lành.
Dốc lòng quy mạng Phật
Chắc chắn được giải thoát
Được quả giống như vậy
Thật không có ai bằng.*

Bấy giờ Đức Phật liền độ cho người ấy xuất gia. Dích thân Ngài giáo hóa, Tỳ-kheo tâm khai ngộ, chứng đắc quả La-hán. Do nhân duyên này cho nên người nào gieo chút ít căn lành đối với Đức Thế Tôn cũng được vô lượng quả báo, hưởng gì là xây dựng hình tượng tháp miếu.



Chương 58

Người nào căn lành đã chín muồi thì được quả giải thoát. Do đó nên tu điều lành.

Tôi từng nghe:

Thuở xưa, khi Đức Thế Tôn còn học đạo, làm Bồ-tát, Ngài khổ hạnh trong sáu năm, mỗi ngày chỉ

ăn một hạt mè, một hạt gạo nhưng không đạt được kết quả gì, cũng không được lợi ích gì.

Vì không đạt được kết quả gì nên Bồ-tát bèn ăn cháo sữa ngon. Lúc ấy, năm người bạn hỏi Bồ-tát:

– Thưa Ngài, trước đây Ngài tu khổ hạnh còn không đạt được kết quả gì, huống gì bây giờ ăn cháo sữa mà đắc đạo sao?

Nói xong, họ liền bỏ đi, đến thành Ba-la-nại.

Sau khi thành Phật, Đức Thế Tôn suy nghĩ: “Ta nên hóa độ chúng sinh nào trước?” Ngài lại nghĩ: “Chỉ có năm vị ấy có nhân duyên đắc đạo, họ có ân nghĩa với Ta”. Nghĩ rồi, Đức Thế Tôn đến thành Ba-la-nại, tới chỗ năm vị ấy nói kệ:

*Với oai quang tốt đẹp
Khắp thân đều trang nghiêm
Đi một mình tướng hảo
Sáng chói đầy oai đức,
Mắt hơn trâu đầu đàn
Ngực rộng, thân sáng rực
Dung nghi rất xinh đẹp
Đi như voi đầu đàn
Bước từng bước khoan thai,
Việc làm đã làm xong
Trí hạnh đã đầy đủ
Trí sâu là mào trời
Lựa giải thoát buộc đầu
Tôn quý trong loài người*

Vua Pháp luân trên hết.
 Cõi trời trời kỹ nhạc
 Theo hầu cả trước sau
 Dù các vua mạnh mẽ
 Có xe giá, bốn binh
 Vây quanh không bằng Phật.
 Đi một mình khắp cõi
 Ví như vua Chuyển luân
 Các xe, ngựa, voi, binh
 Mãi trời rất tốt đẹp
 Lọng lưa che ở trên
 Như vua Đại Chuyển luân
 Các phước lợi đầy đủ
 Không trang nghiêm bằng Phật.
 Tốt đẹp hơn vua kia
 Tướng bậc nhất ai bằng
 Oai đức hơn các Thánh
 Chúng sinh thấy dung nghi
 Sáng chói hơn mặt trời
 Người, thú, các chim muông
 Chiêm ngưỡng thân tướng Phật
 Đang đi, chạy cũng dừng.

Thấy Đức Phật tướng mạo sáng chói, oai đức đầy đủ, trí đức vẹn toàn, không giống như trước kia, cả năm vị chưa biết là ai thì một vị nói kệ hỏi bốn vị kia:

Ai phát ra ánh sáng
 Soi chiếu khắp núi rừng

Giống như nhiều mặt trời
Từ dưới đất mọc lên
Lưới ánh sáng đầy khắp
Chiếu soi khắp tất cả,
Như ngôi lầu vàng rỗng
Ca-sa phủ lên trên,
Lại giống như luyện vàng
Chảy tan khắp trên đất.
Các thú ở đất liền
Và các trâu đầu đàn
Hươu nai và chim thỏ
Thấy Phật đều đứng lại
Đang ăn cỏ thì nhả
Nhìn chăm không chớp mắt,
Chim công xòe đôi cánh
Giống như vòng sen xanh
Khi ấy không buông lung
Đều vui múa với nhau
Vui vẻ hót tiếng hay.
Khi Phật đi trên đường
Tất cả loài chúng sinh
Mắt tâm đều thích quán
Bị sắc Phật hấp dẫn
Tự nhiên chạy đến nhìn.
Khi Phật đi trên đường
Ai sờ dấu chân Phật
Vui cả bảy ngày đêm
Theo đạo hạnh hơn hết

*Trong sáng không xao động
 Thân thể rất mềm mại
 Bước nhẹ không chạm đất
 Đi bộ không mỏi mệt.
 Một vị khác lại nói với bốn vị kia:
 Tôi thấy tướng mạo ấy
 Trong lòng cũng thắc mắc
 Là oai quang của ai?
 Sáng chói hơn mặt trời
 Do tướng sáng chói kia
 Núi rừng đều màu vàng.*

Thấy Đức Phật đến gần, năm vị bèn nói với nhau:

– Đây chính là người thanh niên dòng họ Thích đã bỏ nếp sống khổ hạnh trở về nuôi dưỡng thân mình bằng dục lạc. Ông ta đã bỏ nếp sống khổ hạnh mà còn đến gặp chúng ta.

Họ nói kệ:

*Chúng ta chớ đứng dậy
 Cũng đừng có kính lễ
 Nên ở xa chỉ chỗ
 Rồi bảo ông ta ngồi.*

Đức Phật đi đến nơi, lúc ấy bỗng dừng cả năm vị tự đứng dậy và nói kệ:

*Mặt như trăng tròn đầy
 Thấy Ngài chợt đứng dậy
 Ví như biển cả kia*

Trăng tròn thì nước dâng.
Chúng ta tự đứng dậy
Như người bị kéo lên
Đây do oai Đức Phật
Tự nhiên khiến như vậy.
Như cột cờ Đế Thích
Trời khác đến không đứng
Khi trời Đế Thích đến
Tự nhiên nó đứng thẳng,
Chúng ta cũng như vậy
Phật đến tự nhiên đứng
Như dầu châm vào lửa
Lửa cháy nhanh phùng phục
Chúng ta thấy Phật đức
Đứng dậy nhanh hơn lửa.
Vô số kiếp đến nay
Bể gây các kiêu mạn
Được mọi người tôn trọng
Thầy tổ và cha mẹ
Loài trời và loài người
Các Quỷ, Rồng, Dạ-xoa
Nếu có ai thấy Phật
Tất cả đều kính lễ.
Người trí tâm thức mắc
Phải nên khéo phân biệt
Nếu Phật đưa chân xuống
Đất từ trên hạ xuống
Các núi như cỏ nhẹ

Thấy Phật đều nghiêng động.

Năm vị thấy Đức Phật thì cùng đứng dậy, đến đón rước. Người thì ôm bát, người trái đồ ngồi, người lấy nước; người thì rửa chân cho Ngài và nói kệ:

*Năm người gặp Thiện Thệ
Thấy Phật rất oai đức
Tâm cả tâm đều vui
Không còn giữ lời hứa
Chậu rửa tay ba chân
Nhìn kỹ sợ núi lở
Đều thọ pháp không nói
Mười phần cũng được nửa.*

Nghe kệ, Đức Thế Tôn mỉm cười bảo họ:

— Các vị là người si mê, tại sao lại bỏ lời hứa với nhau?

Sau khi Đức Phật ngồi, họ cung kính đứng hầu và nói như vậy:

— Thưa Ngài Cù-đàm có mạng sống bừng trí tuệ, Phật là người có tâm Từ không có ý thương ghét.

Đức Phật nói kệ:

*Nay Ta đã đắc đạo
Lau sạch các bụi nhơ
Các vị chớ xem thường
Nên đứng dậy cung kính.
Ví như dùng bùn gổ*

Để đắp thành tượng Phật
 Khi chưa đắp xong thì
 Đạp dưới chân để đẽo
 Khi đã đắp xong rồi
 Thì hương hoa kính lễ.
 Các vị cũng phải nên
 Đừng xem Ta như bạn
 Mà nên cung kính Ta
 Không nên sinh khinh mạn.
 Khen ngợi cũng không mừng
 Mắng nhiếc cũng không giận
 Ta thương xót các vị
 Muốn giúp cho giải thoát
 Để được vui vắng lặng
 Được các việc lợi ích.
 Các si ái, giận tức
 đều tự có tướng mạo
 Chê bai nói lời ác
 Như bôi tro vào gẻ.
 Nay Ta đã giác ngộ
 Gọi Ta là Cù-đàm
 Ta không còn thương, ghét
 Nên sinh tâm cung kính
 Chớ buông ra những lời
 Hủy báng chê bai người.

Dù nghe Đức Thế Tôn nói như thế nhưng năm
 vị ấy vẫn còn cho Đức Thế Tôn chưa chứng được
 quả vị Giác ngộ nên nói kệ:

*Trước Ngài tu khổ hạnh
 Còn chưa được Giác ngộ
 Nay chìm đắm trong bùn
 Làm sao ngộ đạo được?
 Ví như bỏ thuyền lớn
 Mà vác cục đá to
 Muốn vượt qua sông hiểm
 Làm sao có thể được?*

Biết tâm niệm của năm vị còn dính mắc khổ hạnh, cho đó là Chánh đạo. Phật liền dạy rằng dứt bỏ năm dục chính là Chánh đạo và cho rằng bỏ lối tu khổ hạnh cũng là Chánh đạo, Ngài dạy phải bỏ tất cả hai bên là không quá khổ hạnh, cũng không quá hưởng thọ năm thứ dục lạc. Ngài nói về pháp Trung đạo, lấy tâm từ làm đầu. Phật nói kệ đáp:

*Chỉ người trí dứt được
 Chương Vô trí ngu si
 Thế nên cần trí tuệ
 Để giữ gìn thân mạng.
 Có mạng, được trí tuệ
 Giường đệm, y phục thảy
 Ăn uống và thuốc thang
 Dùng nó giữ thân mạng
 Không có những thứ này
 Thì thân mạng phải chết.
 Dùng nó giữ thân mạng
 Nên giữ vững giới cấm
 Giữ giới được định, tuệ*

Tu khổ hạnh không được,
Pháp nhịn đói không ăn
Chắc chắn không được đạo
Thân chết thì mạng mất
Mạng mất, thân không còn.
Hủy giới, không thiên định
Không thiên thì không trí
Vì thế nên giữ mạng
Cũng giữ gìn giới cấm.
Nhờ giữ gìn giới cấm
Được thiên định, trí tuệ
Cho nên phải dứt bỏ
Khổ não hại pháp thân
Cũng dứt bỏ năm dục
Không đắm sâu dục lạc.
Nếu mê đắm tham dục
Là hủy phạm giới cấm
Lại nuôi lớn ái dục
Ngu si đắm khổ hạnh.
Tự thích pháp không ăn
Hoặc ăn các cỏ lá
Nằm trên tro, gai nhọn
Hại thân mạng như thế
Không thể được định tuệ.
Vì thế, theo Trung đạo
Nương nhờ pháp như thế
Không chìm trong bùn dục
Cũng không làm khổ thân.

*Có trí khéo phân biệt
 Hai lỗi lầm như thế
 Như trăng mọi người thích,
 Ở đây cũng như vậy
 Tham dục chìm bùn nhơ
 Nhiều người bị chết chìm
 Khổ hạnh đốt thân tâm
 Không tránh khỏi họa ấy
 Dứt bỏ hai bên này
 Trung đạo đến Niết-bàn.*

Bây giờ ngài Kiều-trần-như là người có mạng sống bằng trí tuệ,... hiểu được lời Đức Phật dạy, muôn dứt bỏ các kết sử, khen ngợi lời Đức Phật dạy là pháp lành chân chánh ngay thẳng, liền nói kệ:

*Nếu sống với trí tuệ
 Dây si tự nhiên mở
 Do vì các nghĩa này
 Khổ thân thì vô ích.
 Nếu có giới, định, tuệ
 Sẽ đạt được dấu đạo
 Ví như người giữ thân
 Muốn diệt các lỗi ác.
 Nên giữ tâm như vậy
 Vì các ý nghĩa này
 Không nên bỏ y phục
 Ăn uống và đồ nằm
 Cũng không sinh ưa đắm*

*Đối với các vật này.
Củ lửa và đông tuyết
Các vị nên lìa bỏ
Nướng mình trên đông lửa
Và sống cạnh bên tuyết
Cả hai nên chấm dứt
Không nên hành trì nữa.*

Thấy Kiều-trần-như hiểu rõ việc này, Phật khen lành thay và Ngài nói kệ:

*Uống ăn và thuốc men
Phòng nhà, đồ nằm thây
Người yêu mến thân mạng
Việc ăn uống đúng thời,
Với các thức ăn ngon
Không nên sinh đắm nhiễm
Không hoàn toàn lìa bỏ.
Ví như đông lửa lớn
Thể tánh là đốt cháy
Người trí dùng tùy lúc
Sinh các thứ lợi ích
Nhưng không bị đốt cháy.*

Đạt được văn tuệ rồi, muốn đi vào tư tuệ, Tôn giả Kiều-trần-như suy nghĩ giây lâu, bèn bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, bỏ ăn uống và các nhạc cụ không phải là tu đạo pháp sao?

Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Phật bảo Kiều-trần-như
 Tâm thầy nên tin Ta
 Nếu có gì thắc mắc
 Nên thưa hỏi việc ấy
 Thầy nên phá rừng nghi
 Ta đốt bằng lửa trí.*

Nghe Đức Phật nói như vậy, Kiều-trần-như hết sức vui mừng, nét mặt hớn hở, liền bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, cúi xin Ngài cho phép con được nêu lên những điều thắc mắc.

Kiều-trần-như liền nói kệ:

*Chán ác, cảm thấy đủ
 Khổ hạnh rất là khó
 Bỏ khổ hạnh khó này
 Mà mê đắm năm dục
 Thì làm sao Tỳ-kheo
 Dứt bỏ được tham dục?*

Đức Thế Tôn bảo Kiều-trần-như:

– Ông quán khổ Thánh đế sẽ thoát được sinh tử.

Kiều-trần-như đứng dậy khỏi chỗ ngồi chấp tay hướng về Đức Phật thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn, con vẫn chưa hiểu! Cúi xin Ngài dùng phương pháp nào giải thích để con được hiểu. Vì sao muốn giải thoát phải quán khổ Thánh đế?

Thấy Kiều-trần-như đã được Văn, Tư tuệ, nay

đúng lúc nói pháp Tu tuệ, Đức Phật liền nói kinh Chuyển Pháp Luân. Ngài bảo các Tỳ-kheo:

– Khổ Thánh đế này trước đây chưa từng nghe. Ta chứng được chánh quán nhãn trí mình giác... như trong kinh Chuyển Pháp Luân có nói rộng.

Hỏi rằng:

– Phật nói pháp cho Kiều-trần-như nghe tại sao Phật tự nói pháp do mình chứng đắc?

Đáp:

– Vì để nói lên pháp Vô sư tự ngộ.

Hỏi:

– Vì sao Đức Phật lại nói pháp trước kia chưa từng nghe?

Đáp:

– Vì dứt bỏ các thắc mắc của Kiều-trần-như. Nghe pháp với A-lan-ca-lan, Uất-đầu-lam-phất... mà được hiểu, vì dứt bỏ được thắc mắc như thế cho nên nói: “Trước kia ta chưa từng nghe.” Như nay chỉ bày rõ ràng, hiện làm năng lực của mình mà nói pháp Trung đạo. Nếu có người nào tu được Trung đạo thì không cần nghe người khác nói mà vẫn hiểu được nghĩa của Chân đế.

Đức Phật chỉ bày pháp Tứ đế. A-nhã Kiều-trần-như theo đó thấy được Chân đế, thuận theo Trung đạo thấy được bốn Chân đế, liền chứng đạo quả, vui mừng đến rơi lệ, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, đánh lễ dưới chân Phật, rồi nói kệ:

Như bệnh đại, mụn nhọt
Bị sâu dò rỉ rủa
Thầy thuốc trị bằng dầu
Chẳng những không biết ân
Lại còn mắng thầy thuốc.
Phật dùng dầu thiên định
Nấu với trí oai đức
Giết bỏ sâu kết sử
Con bị vô minh che
Không biết làm lợi mình
Vì đại Bi tự đến
Trái lại còn xúc não.
Tất cả các trời thấy
Còn nên phải cúng dường
Bạc tự tại với pháp.
Nay cho con sám hối
Trước con cho khổ hạnh
Được trí Nhất thiết chủng
Do ngu si làm mờ
Che lấp mất tâm này.
Nay, con nghe Ngài dạy
Muốn xé màng vô minh
Nay mới chân thật biết
Nhịn đói là pháp tà.
Thế Tôn dạy thế gian
Hướng về đạo giải thoát
Luận ngoại đạo nghĩa hẹp
Chải chuốt các ngôn từ

*Lời nói ra tốt đẹp
 Gian xảo và dối trá
 Lừa gạt cả thế gian
 Ngu si tự trói buộc
 Lời nói Thiện Thệ rộng
 Sáng sửa ai cũng hiểu.*

Tại sao Đức Phật nói việc này? Vì muốn giúp cho năm vị Tỳ-kheo dứt bỏ chấp hai bên mà tu hành Trung đạo, để thấy rõ Chân đế, chứng đắc đạo quả.



Chương 59

Chúng sinh gây ra nghiệp nào thì phải chịu quả báo của nghiệp ấy.

Tôi từng nghe:

Thuở xưa, có một người nghèo nghĩ như vậy: “Ta nên đến đền thờ trời cầu xin trong đời này được nhiều tiền tài của báu”. Nghĩ rồi, ông ta nói với người em:

– Này em, em hãy siêng năng làm ruộng cho tốt để kiếm sống, đừng để cho gia đình phải thiếu thốn!

Rồi ông ta dẫn người em đến ruộng chỉ cho biết chỗ này có thể trồng mè, chỗ kia để trồng lúa, chỗ nọ để trồng đậu, trồng bắp. Hướng dẫn cho em xong, ông ta đi đến đền thờ trời làm đệ tử vị Thiên

thần, tổ chức hội tế trời thật lớn, cúng dường hương hoa, tô bùn thêm dưới mặt đất rồi ngày đêm lễ bái cầu xin ân phước, mong đời này được thêm nhiều tài sản.

Bấy giờ, vị Thiên thần nghĩ như vậy: “Ta phải quán xét coi người nghèo kia ở đời trước có gieo nhân duyên công đức bố thí hay không? Nếu có chút ít nhân duyên thì ta sẽ bày cách để ông ta được lợi ích”. Quán xong, không thấy ông ta có chút nhân duyên bố thí nào cả, vị Thiên thần lại nghĩ: “Ông ta không có chút nhân duyên nào cả, nay lại tha thiết cầu xin ta, chỉ uổng công khổ nhọc chứ không có lợi ích, rồi đây sẽ oán ta”, nên liền hóa làm người em đi đến đền thờ. Bấy giờ người anh bảo:

– Tại sao em không lo trông trọt lại đến đây làm gì?

Người em hóa thân thưa:

– Thưa anh, em cũng muốn đến cầu xin Thiên thần vui lòng ban cho cơm áo. Em dù không trông trọt gì cả nhưng nhờ năng lực Thiên thần, trong ruộng tự nhiên có đầy đủ lúa bắp!

Người anh trách em:

– Em à, đâu có thửa ruộng nào không gieo hạt mà hy vọng được thu hoạch!

Ông liền nói kệ:

Trong bốn biển, đất liền

*Cho đến khắp mọi nơi
Đâu có việc không trông
Mà thu hoạch quả trái!*

Bấy giờ, người em do Thiên thần hóa hiện thật thà thưa với anh mình:

– Thưa anh, ở thế gian hễ ai không gieo hạt thì không gặt quả phải không?

Người anh đáp:

– Thật đúng như vậy! Nếu không gieo hạt thì không được quả.

Lúc ấy, vị Thiên thần kia hiện lại nguyên hình, rồi nói kệ:

*Nay, chính ông tự nói
Không trông không gặt quả
Đời trước không nhân thí
Nay làm sao được quả?
Dù ông chịu khổ nhọc
Nhịn ăn cũng dường ta
Luống tự mình khổ nhọc
Lại còn quấy nhiễu ta.
Do đâu sai sử ông
Hiện có việc lợi ích?
Nếu muốn được của báu
Vợ con và quyến thuộc
Phải giữ gìn thân, miệng
Mà làm việc bố thí
Không gieo mà thu hoạch*

Thì trời và trăng sao
 Không nên soi thế gian
 Do soi sáng thế gian
 Nên biết do nghiệp duyên.
 Trong các trời trên trời
 Cũng đều khác nhau cả
 Phước nhiều, oai đức lớn
 Phước ít, oai đức kém.
 Cho nên biết thế gian
 Tất cả đều do nghiệp
 Bồ thí được giàu có
 Giữ giới sinh cõi trời.
 Nếu không có bồ thí
 Oai đức đều tổn giảm
 Định, tuệ được giải thoát
 Quả báo ba thứ này
 Lời do Phật đã dạy.
 Giống này đều là nhân
 Không nên nhiều loạn ta
 Thế nên phải tu nghiệp
 Để cầu các quả lành.



Chương 60

Gieo hạt được quả, chẳng phải nhờ vào năng
 lực của điền lành nào cả. Vì vậy không nên mê
 đắm các điền lành.

Tôi từng nghe:

Thuở xưa, có một thầy Tỳ-kheo đến nhà người đàn-việt. Bảy giờ, người đàn-việt sau khi đánh răng và súc miệng xong, bôi nguru hoàng lên trán, cầm tù và đội lên đỉnh đầu, cầm quả Tỳ-lặc giơ lên cao, cung kính đặt ngay trên trán. Thầy Tỳ-kheo thấy vậy bèn hỏi:

– Vì sao đàn-việt làm những việc như vậy?

Người đàn-việt thưa:

– Tôi làm điềm lạnh.

Thầy Tỳ-kheo lại hỏi:

– Đàn-việt làm điềm lạnh có phước lợi gì?

Người đàn-việt thưa:

– Là công đức lớn, bây giờ thầy hãy thử xem! Điều gọi là điềm lạnh có công năng làm cho người chết không chết, người bị roi vọt giam cầm đều được giải thoát.

Thầy Tỳ-kheo mỉm cười rồi nói:

– Nếu điềm lạnh được như thế thì rất tốt! Nhưng điềm lạnh này từ đâu đến, xuất xứ từ chỗ nào?

Người đàn-việt thưa:

– Chắt nguru hoàng này lấy từ trong tim và phổi con bò.

Thầy Tỳ-kheo hỏi:

– Nếu chắt nguru hoàng đem lại điều lành thì tại sao con bò lại bị người ta dùng dây xỏ mũi bắt cày,

kéo xe còn đánh bằng roi, đâm bằng dùi, đánh đập đủ mọi cách, dù đói khát mệt mỏi vẫn phải cày kéo không được ngừng nghỉ?

Người đàn-việt thưa:

– Thật có việc ấy!

Thầy Tỳ-kheo hỏi:

– Con bò có chất ngưu hoàng còn không tự cứu được mình, phải chịu khổ như vậy thì làm sao có khả năng đem lại điềm lành cho ông?

Thầy Tỳ-kheo liền nói kệ:

Ngưu hoàng ở trong tim

Không thể tự cứu giúp

Huống gì là chút ít

Được bôi lên da trán

Làm sao mà giúp được

Ông nên khéo xem xét.

Lúc ấy, dù suy nghĩ rất lâu nhưng người đàn-việt vẫn im lặng không trả lời được. Thầy Tỳ-kheo lại hỏi:

– Đây gọi là vật gì mà trắng như nắm tuyết và làm bằng cái gì mà phải ngâm bằng nước, thôi mới ra tiếng?

Người đàn-việt thưa:

– Nó là con ốc sống ở dưới biển.

Thầy Tỳ-kheo hỏi:

– Ông nói con ốc đó từ ngoài biển trôi dạt vào đất liền, bị phơi nắng khổ sở nhiều ngày rồi mới

chết phải không?

Người đàn-việt thưa:

– Thật đúng như vậy!

Thầy Tỳ-kheo nói:

– Nếu như thế thì nó không phải là điềm lành rồi!

Vị Tỳ-kheo nói kệ:

*Ruột, vỏ ốc cùng sinh
Ngày đêm ở trong vỏ
Đến khi ruột bị chết
Vỏ không thể cứu được,
Huống ông cầm chốc lát
Mà là điềm lành sao?
Lành thay! Việc như vậy
Ông phải nên phân biệt
Nay vì lý do gì
Đi vào đường si mê?*

Người đàn-việt cúi đầu im lặng suy nghĩ nhưng không trả lời được. Thầy Tỳ-kheo nghĩ: “Dường như người đàn-việt kia sắp hiểu, ta nên hỏi tiếp”, rồi hỏi người đàn-việt:

– Người đời gọi viên hoan hỷ đó là vật gì?

Người đàn-việt thưa:

– Đó là quả Tỳ-lặc.

Thầy Tỳ-kheo hỏi:

– Quả Tỳ-lặc là loại quả ở trên cây mà lúc hái, người ta ném đá để quả và cành đều rơi xuống, do

đó quả và cành lá đều bị dập có đúng không?

Người đàn-việt thưa:

– Thật đúng như vậy!

Thầy Tỳ-kheo hỏi:

– Nếu đúng như vậy thì tại sao ông cầm nó, lại mong được điềm lành?

Vị Tỳ-kheo liền nói kệ:

*Quả này sống nhờ cây
Không thể tự sống được
Khi có người hái quả
Cành lá gãy rụng theo,
Nhặt lại để làm củi
Khô thì dùng để chum
Nó không tự cứu được
Làm sao giúp cho ông?*

Nghe những câu hỏi này, người đàn-việt không đối đáp được nên thưa với Tỳ-kheo:

– Bạch Đại đức, như những câu ngài đã hỏi thì đó thật không phải là các điềm lành! Con có điều thắc mắc, cúi xin ngài giải thích cho con được hiểu.

Thầy Tỳ-kheo đáp:

– Ông cứ việc hỏi, tôi sẽ giải thích.

Lúc ấy người đàn-việt dùng kệ hỏi:

*Các Thần tiên thuở xưa
Đều nói là điềm lành
Nhưng thật sự quán sát
Đều không có việc lành*

*Làm sao truyền nhau làm
Nói bừa có điểm lành
Vì những lý do gì?
Xin giải thích con hiểu!*

Thầy Tỳ-kheo giải đáp cho người đàn-việt:

– Tất cả những kiến thức nảy sinh đều có lý do gốc gác.

Thầy Tỳ-kheo liền nói kệ:

*Thuở xưa, vào kiếp đầu
Tất cả chưa có dục
Về sau dục phát khởi
Lìa dục, vào rừng sâu.
Người tham dục ở rừng
Sau này đi về nhà
Nói những lời như vậy:
Vô dục, không vợ con
Không được sinh cõi trời.
Nhiều người nói lời này
Cho lời đó là thật
Do tin lời nói ấy
Nên tìm cầu người nữ.
Việc dục đã lan rộng
Thay nhau tự trang nghiêm
Lại dối gạt lẫn nhau
Rồi lại sinh kiêu mạn.
Người kiêu mạn lấy lòng
Cho dục là xinh đẹp*

Soạn sách điếm lành này
 Bị mọi người, chê trách:
 Tại sao như phụ nữ
 Lại trang điếm như vậy?
 Người kia nói dối rằng:
 Tôi mới làm điếm lành
 Chẳng phải tự tô chuốc
 Ngưu hoàng, vỏ, quả thủy
 Đều là vật trang điếm
 Vì những lý do này
 Điếm lành càng thêm nhiều.
 Mỗi nhân duyên sinh khởi
 Do phụ nữ trang điếm
 Người ngu, tâm kiêu mạn
 Cho thật là điếm lành.

Nghe kệ xong, người đàn-việt nổi óc khắp
 mình, liền nói kệ:

Người nên gần bạn tốt
 Khen ngợi đáng Trượng phu
 Bởi vì bậc Thánh kia
 Khéo phân biệt tốt xấu.
 Thế nên phải thuận theo
 Ở trong các thế giới
 Lời Phật đều chân thật.
 Không cầu chỗ hay dở
 Cũng không có hơn thua
 Lời nói có nhân duyên
 Mỗi việc có nguồn gốc

*Nay con cũng hiểu rõ
Phước nghiệp là điềm lành
Ác nghiệp là điềm dữ
Lành cùng với không lành
Đều từ nhân duyên quả.*

Thầy Tỳ-kheo bảo người đàn-việt:

– Lành thay! Lành thay! Ông là bậc Trượng
phu khéo léo, biết Chánh đạo!

Thầy Tỳ-kheo nói kệ:

*Tất cả các thế gian
Đều do nghiệp thiện, ác
Thiện, ác đọa năm đường
Nghiệp giữ mạng chúng sinh.
Nghiệp duyên tạo ngày tháng
Mười lăm ngày đầu tháng
Mười lăm ngày cuối tháng
Nghiệp ác tuy nhỏ nhiệm
Gọi là nửa tháng cuối
Nghiệp lành là nửa đầu
Do nghiệp gọi nửa đầu
Do nghiệp mà phân biệt
Cho nên có đầu, cuối.
Những người có phước nghiệp
Không tốt cũng thành tốt
Giống như núi Tu-di
Đầu, cuối đều màu vàng.
Những người không phước nghiệp*

*Điềm lành cũng thành dữ
Giống như nước biển cả
Tốt, xấu đều vị mặn.
Tất cả các thế gian
Đều có từ nghiệp duyên
Cho nên người hiểu biết
Nên dứt bỏ nghiệp ác
Bỏ tà vạy là lành
Siêng năng tu nghiệp lành,
Giống như người làm ruộng
Cày cấy trên đất lành
Nếu không gieo hạt giống
Mà thu hoạch kết quả
Đó mới gọi điềm lành!*

Tại sao nói là phải thường siêng năng nghe pháp? Vì nghe pháp có công năng diệt trừ ngu si, tâm có khả năng phân biệt rõ ràng những điều thiện ác.



ĐẠI TRẠNG NGHIÊM KINH LUẬN

QUYỂN 11

Chương 61

Người có chút ít trí tuệ thấy Đức Phật tướng hảo còn sinh tâm lành, huống gì người có trí tuệ phước đức lớn lao mà không sinh được tâm lành hay sao?

Tôi từng nghe:

Thuở xưa, Đức Phật ngự tại nước Xá-vệ. Bấy giờ vua Ba-tư-nặc thỉnh Phật và chúng Tăng an cư chín mươi ngày mùa hạ. Nhà vua cho tập trung đàn bò ở gần tinh xá để vắt sữa cúng dường Đức Phật.

Lúc ấy, có một ngàn Bà-la-môn vì tham lấy sữa bò nên theo sát bên những người chăn bò. Những người chăn bò nghe Bà-la-môn tụng Vi-đà đều thông suốt lanh lợi, khéo léo phân biệt rõ ràng, có Bà-la-môn chỉ có danh mà thật sự không hiểu biết; lại có Bà-la-môn biết rõ chú thuật mà không hiểu sách Vi-đà, hoặc có Bà-la-môn hiểu rõ Vi-đà mà không biết chú thuật.

Sau khi Thế Tôn an cư bốn tháng mùa hạ

xong², vào ngày Tụ tứ, Vua ra lệnh cho những người chăn bò:

– Nay trăm không cần sữa nữa, các người xem nơi nào có đồng cỏ và nguồn nước thì thả bò ra!

Vua lại ra lệnh:

– Khi các người đi thì phải đến từ giã Đức Phật, nếu Ngài có nói pháp các người hãy lắng nghe.

Những người chăn bò suy nghĩ: “Đức Phật Thế Tôn có phải là Bạc Nhất Thiết Trí hay không?” Nghĩ rồi, họ đến rừng Kỳ-đà, tới chỗ Đức Thế Tôn.

Bấy giờ Đức Thế Tôn ngồi dưới gốc cây, có đại chúng vây quanh. Biết những người chăn bò đi vào rừng, Ngài liền vì họ mà làm cho mỗi lỗ chân lông trên thân Ngài phát ra các thứ ánh sáng. Ánh sáng đó chiếu khắp cả khu rừng giống như khối vàng sáng rực, lại giống như mưa dầu rơi xuống rót vào trong lửa. Những người chăn bò nhìn không biết chán, liền sinh ý nghĩ cho là ít có khó gặp và nói với nhau:

– Ánh sáng này giống như hoa Chiêm-bạc, đầy khắp trong rừng, là ánh sáng gì vậy?

Họ liền nói kệ:

*Rừng này rất sáng đẹp
Ánh sáng chợt khác thường
Có phải rừng báu trời*

² Nguyên bản: 於夏四月安居已訖, ư hạ tứ nguyệt an cư dĩ ngật. Có lẽ sai sót trong nguyên bản vì đoạn trên có câu: 時波斯匿王請佛及僧於九十日夏坐安居; thời Ba-tư-nặc vương thỉnh Phật cập Tăng ư cữu thập nhật hạ tọa an cư.

*Dời đến vườn này chẳng?
Sáng rực như lầu vàng
Cũng như cò thiên đế
Sáng hơn cả ánh chớp
Sáng rực hơn lửa dầu
Hay hai trời Nhật, Nguyệt
Xuống chơi trong rừng này?*

Nói kệ xong, những người chăn bò đi đến rừng Kỳ-đà, tới chỗ Đức Thế Tôn. Thấy vàng sáng tròn bao quanh Phật như trăm ngàn mặt trời, ba mươi hai tướng tốt rực rỡ của Bạc Đại Nhân sáng chói rõ ràng, mỗi người đều vui mừng, sinh ý nghĩ cho là ít có, cùng nhau khen ngợi và nói kệ:

*Thân vương tử họ Thích
Trang nghiêm rất sáng đẹp
Oai quang thật rực rỡ
Thấy Ngài sinh vui mừng
Thân tâm đều vui sướng.
Lành thay Đáng Thanh Bạch!
Vững lạng không sợ hãi
Nói qua sắc tướng Ngài
Khéo đáng gọi Chúng trí
Thế gian đều truyền nói
Chân thật không lường dối
Đều gọi là Phật-đà.
Ai cũng đều gọi Phật
Ghi nhớ chặt vào tâm
Miệng cũng nói như thế*

Sơ lược điều quan trọng
Không thể nói đầy đủ
Nói chung điều cốt yếu:
Mặt trời trong họ Thích
Tên thật xứng với tướng
Tướng cũng xứng với tên
Tướng hảo và phước lợi
Hiện hiện thật sáng tỏ.
Giống như các vật báu
Tự trang sức khắp mình
Oai đức thật sáng ngời
Vàng sáng tròn một tâm.
Giống như núi vàng ròng
Thu hút mọi người nhìn
Chiêm ngưỡng không muốn rời
Được mọi người yêu kính.
Thế là Nhất thiết trí
Như người nói thật lớn
Mà xưng như thế này:
Bậc Nhất Thiết Chứng Trí
Nay ở trong thân này
Trí tuệ vượt thế gian
Chắc chắn ở trong đây
Có trí công đức gì?
Chưa thấy trí như vậy
Thân tốt đẹp như thế
Chân thật kham nhận được
Khéo léo hơn tô vẽ,

*Chưa từng thấy thân này
Không còn sinh nghi ngờ
Chẳng phải Nhất Thiết Trí
Hình dung đẹp như thế
Công đức ắt đầy đủ
Có hình tướng đẹp này
Không bao giờ vô đức
Nên phải hiểu chắc chắn
Không nên theo lời nói.*

Bây giờ những người chần bô nói như vậy:

– Bạch Đức Thế Tôn, chúng con cần phải hiểu cho chắc chắn!

Họ lại nghĩ: “Chúng ta là người chần bô đâu có năng lực trí tuệ gì để hiểu rõ nhưng cũng nhất quyết hiểu biết cho kỳ được! Vậy làm sao để biết đây?”
Rồi lại nói:

– Đối với việc chần bô, chúng ta có thể biết rành rẽ, còn Đức Phật sinh trong cung vua, là người có năng lực trí tuệ, học hiểu tất cả các kỹ thuật, nhưng chắc có lẽ Ngài không biết cách chần bô đâu? Bây giờ chúng ta nên hỏi việc chần bô, chắc chắn Ngài không biết!

Họ liền nói kệ:

*Vi-đà và bắn cung
Y thuật và cúng tế
Thiên văn cùng thanh luận
Văn chương căn bản luận*

Lập ra luận tế trời
Nguồn gốc của các luận,
Luận biện bác khéo léo
Luận khéo học thâm dật
Luận tìm cầu tài lợi
Luận dòng họ thanh tịnh,
Luận tất cả muôn vật
Luận mười thứ tên họ
Luận toán số, tính lường
Luận cờ vây, bài bạc,
Luận sách học nguyên bản
Luận âm nhạc, ca múa
Luận thổi ốc ca hát
Luận nhảy múa, hài hước,
Mánh khéo và trường lớp
Luận lắc các vòng hoa
Các bộ luận như thế
Đều thông suốt hoàn toàn.
Xoa bóp hết mệt nhọc
Phân biệt giá Ma-ni
Cách phân biệt y phục
Màu sắc và dấu in
Máy móc và keo dán
Thuật bắn gần hay xa,
Lại khéo biết chặt, cắt
Chạm trở thành các tượng
Văn chương và viết, vẽ
Đều thông suốt tất cả.

*Lại còn khéo biết cách
 Hòa hương, làm tràng hoa
 Khéo biết cách đoán mộng
 Khéo biết tiếng chim muông
 Khéo biết tướng nam nữ
 Biết cách điều voi, ngựa,
 Lại khéo biết tiếng trống
 Cho đến cách đánh trống
 Khéo biết cách chiến đấu
 Biết rõ cách hòa giải,
 Cách điều ngựa, múa giáo
 Khéo biết cách chạy nhảy
 Khéo biết cách bước đi
 Khéo biết cách cứu giúp
 Các cách thức như vậy
 Tất cả đều biết rõ.*

Các trí tuệ kỹ năng vượt bậc như thế vương tử đều thông suốt. Nếu Ngài biết những việc đó thì vì đó là sở học của Ngài, nên không có gì là lạ, còn nếu Ngài biết cách chăn bò là việc của hàng thứ dân cạn cọt thì biết Ngài quả thật là Bạc Nhất Thiết Trí.

Lúc bấy giờ người chăn bò hỏi Đức Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, có mấy phương pháp chăn bò, giúp đàn bò ngày càng tăng thêm về số lượng?

Đức Phật dạy:

– Có mười một phương pháp chăn bò, giúp đàn bò ngày càng tăng thêm về số lượng, không bị ít đi. Nếu không biết sắc, không biết tướng, không biết dậy sớm... cho đến quét dọn, không biết băng bó vết thương, không biết ung khói, không biết dẫn chúng đi đường lớn, không biết cách làm cho đàn bò đi lại được thoải mái, không biết cách dẫn lội nước, không biết nơi thả bò cho tốt, không biết cách vắt sữa đúng để sót, không biết cách xử lý đối với chủ khi bò bị mất trộm. Nếu không hiểu rõ các pháp như thế thì không gọi là biết cách chăn bò, còn như hiểu được pháp này thì gọi là biết cách chăn bò.

Nghe Đức Phật dạy những điều ấy, những người chăn bò vui mừng thừa như vậy:

– Bạch Đức Thế Tôn, những người chăn bò lâu năm còn không biết được những pháp ấy, huống gì lũ chúng con làm sao biết được mười một phương pháp này. Vì vậy nên biết Đức Như Lai Thế Tôn thật là Bạc Nhất Thiết Trí.

Những người chăn bò sinh tâm tin hiểu, xin Phật xuất gia. Đức Phật liền nói cho họ nghe:

– Có mười một pháp, Tỳ-kheo nên học... *như trong kinh có nói rộng.*



Chương 62

Bậc Đại nhân chỉ mong giữ gìn đức hạnh chứ không cầu mong cúng dường và cung kính.

Tôi từng nghe:

Thuở xưa, sau chín mươi ngày hạ an cư trong vườn ông Cấp Cô Độc rừng cây thái tử Kỳ-đà tại nước Xá-vệ xong, Đức Như Lai định ra đi thì trưởng giả Tu-đạt-đa liền thỉnh ở lại nhưng Ngài không nhận lời. Các Ưu-bà-di như bà Tỳ-xá-khư Lộc Tử Mẫu..., cũng cầu thỉnh Phật, nhưng Phật cũng không nhận. Các Ưu-bà-tắc và các quan đại thần, phụ tướng kỳ cựu... trong nước Xá-vệ cũng cầu thỉnh Đức Phật, các anh em vua Ca-tỳ-lê... và các vương tử Kỳ-đà, vua Ba-tư-nặc... cũng cầu thỉnh Phật nhưng Ngài cũng không nhận lời.

Không được toại nguyện vì Đức Phật không nhận lời, trưởng giả Tu-đạt-đa trở về nhà buồn bã khóc than.

Trước kia, khi Như Lai còn làm Bồ-tát, Ngài đến chỗ các đạo sĩ Ca-lan và Uất-đầu-lam-phát. Lúc từ giã đồ chúng của họ, Ngài còn buồn khổ, hướng gì Tu-đạt-đa, là người đã thấy được Chân đế, là Ưu-bà-tắc phụng sự Đức Phật đã lâu làm sao tránh khỏi buồn rầu khi thấy Đức Thế Tôn ra đi. Như trong kinh Bản Hạnh có nói rộng.

Lúc ấy, Phúc-lê-già là người tớ gái của trưởng giả Tu-đạt-đa từ bên ngoài đem nước đến chỗ

trưởng giả đổ vào bồn lớn. Chưa đổ xong thì thấy trưởng giả buồn bã than khóc, Phúc-lê-già liền đặt bình xuống đất, thưa với trưởng giả:

– Thưa trưởng giả, vì sao ngài buồn khóc như vậy?

Trưởng giả Tu-đạt-đa đáp:

– Đức Thế Tôn định đi nơi khác. Các đại trưởng giả, quốc vương, đại thần, đều cầu thỉnh nhưng Ngài không bằng lòng ở lại cho nên ta buồn khóc như vậy.

Đứa tớ gái thưa với trưởng giả:

– Thưa trưởng giả, trưởng giả không thể thỉnh Đức Phật ở lại trong nước được sao?

Trưởng giả nói:

– Ta đã hết sức cầu thỉnh và nhiều người, nhiều Bà-la-môn trong thành cũng đều cung thỉnh nhưng Ngài vẫn không nhận lời. Các vua và các đại thần cung thỉnh Đức Như Lai, tất cả đều rất nhọc sức nhưng không thể làm cho Ngài ở lại. Nay Bạc Chân Tể của thế gian nhất định ra đi. Vì luyến tiếc, kính mến Ngài nên họ buồn bã không vui.

Trưởng giả nói tiếp:

– Không phải chỉ riêng mình ta buồn khổ mà mọi người trong nước Xá-vệ cũng không vui.

Trưởng giả liền nói kệ:

Người trong nước Xá-vệ

*Già trẻ và trai gái
Tất cả đều lo buồn
Ví như lúc nguyệt thực
Mọi người đều lo sợ
Đều cùng nhau cầu thỉnh.*

Khi nghe kệ xong, Phúc-lê-già vui mừng, hơn hờ thưa với trưởng giả:

– Thưa trưởng giả, ngài nên vui vẻ, đừng lo buồn nữa! Con có thể thỉnh Đức Phật ở lại được.

Tu-đạt-đa liền nói:

– Từ quốc vương cho đến mọi người trong nước còn không thỉnh Đức Như Lai ở lại được, giờ đây người dám nói có thể thỉnh Ngài ở lại, ta không tin!

Phúc-lê-già thưa:

– Thưa trưởng giả, con chắc chắn làm được!

Nghe Phúc-lê-già nói, trưởng giả Tu-đạt-đa vui hẳn lên, liền hỏi:

– Người có năng lực gì?

Phúc-lê-già thưa:

– Thưa trưởng giả, con không có năng lực gì hết mà chính Đức Thế Tôn có tâm Đại bi!

Vị ấy nói kệ:

*Bậc Nhất Thiết Chúng Trí
Như người mẹ thương con
Mong dạy dỗ con mình
Tâm không hề mỏi mệt,*

Chúng sinh đắm vào hữu
 Phật thường muốn cứu vớt
 Ví như mẹ mất con
 Tìm cho được mới thôi.
 Con nắm áo Đại bi
 Chắc chắn Ngài trở về.
 Phật không phân dòng họ
 Giàu sang và đẹp xấu
 Tài sắc hay tốt xấu
 Chỉ xét có lòng tin
 Người căn lành thành thực
 Nếu thấy chúng sinh này
 Liên thương xót cứu giúp.
 Nay con giữ Phật lại
 Nhân dân ở trong nước
 Tất cả đều vui mừng.

Đang gánh nước, áo còn ướt đầm chưa khô,
 Phúc-lê-già cùng với các bạn đi đến Kỳ hoàn. Lúc
 ấy nhà vua và mọi người đang ở tinh xá Kỳ hoàn,
 mọi người đều tránh đường để Phúc-lê-già đến chỗ
 Phật. Các căn lành đã trồng trước kia, nay đều hiển
 hiện, Phúc-lê-già lớn tiếng thỉnh Phật và nói kệ:

Nhà vua và đại thân
 Sát-lợi, Bà-la-môn
 Tất cả người cao quý
 Đều cúng dường Đức Phật.
 Nay tâm con ao ước
 Cũng muốn được cúng dường

Nay xin thỉnh cầu Phật
Mong Thế Tôn nghe cho.
Tuy biết các vị quý
Cầu thỉnh Đức Thế Tôn
Như Lai đại Từ bi
Xin nhận lời con thỉnh,
Tâm Thế Tôn bình đẳng
Không phân biệt cao, thấp
Kẻ nghèo hèn, thấp kém
Và cao sang, Đế Thích
Con sợ biển nghèo nàn
Lặn hụp trong các khổ
Chìm đắm mãi không thôi
Thường nghe tiếng khổ não,
Thế Tôn nên thương xót
Cứu vớt khỏi lửa nghèo
Nay con rất kính tin
Bậc hơn cả trong chúng.
Xin Đại Bi chứng biết
Mặt đất và hư không
Trong tất cả thế giới
Đều thấy biết tất cả
Không có gì không rõ
Chỉ Phật thấy đầy đủ
Tất cả đều biết hết,
Nay con không có gì
Cúng Phật và chúng Tăng
Chỉ có tin, nhận, hiểu

Thân này chẳng của mình
Thuộc người, không tự do
Không được theo Đức Phật
Cúi xin nhận lời con!
Nếu Phật bỏ đi xa
Tâm con như say cuồng
Sắc thân đã cứng đường
Nếu Phật ở lại đây
Con được kính Pháp thân
Pháp do Phật nói ra
Con đều thực hành được.
Lành thay! Cúi xin Ngài
Ở lại giáo huấn con.
Sang hèn không khác nhau
Chắc thật trong chúng sinh
Cùng tất cả thế gian
Làm người bạn không rời.
Màng lưới bao các ngón
Tay có bánh xe đẹp
Tất cả đều sợ hãi
Phật dùng tay an ủi.
Ai có tâm Đại bi
Bủa khắp cả thế gian
Đều là lời Chân tế
Lục sư xưng Chúng trí
Xưa đã điều phục họ?
Ai ở trước đại chúng
Tiếng Sư tử không sợ

Tiếng khen khắp ba cõi
 Lay động khắp tất cả
 Thế giới đều nghe biết?
 Ai không có lỗi lầm?
 Chỉ có Phật Thế Tôn.
 Lành thay! Xin hòa vui
 Tâm về nương Tam bảo
 Giống như con nhớ mẹ.
 Ngài vì các chúng sinh
 Tu khổ hạnh khó làm
 Chịu khó đi đến đây
 Nói tám con đường chánh
 Mở bày nẻo cam lộ
 Người trí làm pháp khí.

Bây giờ căn lành của Phúc-lê-già đã thuần thực.
 Đức Phật Bà-già-bà phát ra tiếng Phạm âm, dùng
 kệ bảo Phúc-lê-già:

Người đã khéo tìm cách
 Làm cho Ta ở lại
 Người dùng lời móc câu
 Chế ngự các voi mạnh,
 Người có chí bền vững
 Có độ lượng rộng rãi
 Đã dùng tâm tha thiết
 Cầu thỉnh Ta ở lại
 Giờ đây Ta làm sao
 Không nhận người thỉnh được?
 Nếu xa quán tâm người

Còn phải nên đi đến
Huống giờ đứng trước người
Mà nỡ bỏ đi sao?
Ta không vì tài lợi
Giàu sang và tiếng khen
Vì thật tâm của người
Ta sẽ ở đây lâu.
Thấy tâm người thanh tịnh
Giống như ngựa tài giỏi
Trang sức yên và dây
Ai không cỡi dạo chơi?
Ta đã vì mọi người,
Vì gây nhân giải thoát
Cho nên lìa gia đình
Không bị lợi dưỡng buộc
Giống như con voi mạnh
Dùng tơ sao buộc được?
Lợi dưỡng cũng như vậy
Không thể ngăn cấm Ta.
Lúc Ta ở trong thai
Trong chỗ tối tăm kia
Còn nghĩ lợi chúng sinh
Huống nay thành Chánh giác?
Khổ hạnh chứa vô lượng
Vẫn thường tự khô cạn
Nếu không vì chúng sinh
Ta đã nhập Niết-bàn
Vì muốn độ chúng sinh

Cho nên ở lại đời.
Ta vì các chúng sinh
Nhảy xuống vực, vào lửa,
Ta vì giáo hóa họ
Không nệ các khổ não,
Cũng không từ khó nhọc
Làm mãn nguyện Lê-già
Cho nên phải ở lại.
Phúc-lê-già nên biết,
Ta giúp người mãn nguyện
Ta vì độ chúng sinh
Gánh vác lũ rắn độc
Ta ở vì Phúc-già.
Chúng sinh thành Xá-vệ
Đều sinh tâm ít có
Cùng nói lời như vậy:
Vui thay! Phật ít có
Không nhận lời của vua
Không nhận lời đại thần
Lời thỉnh người trong thành,
Không vì lời người nữ
Dịu dàng và mềm mỏng
Phật là người giáo hóa
Thấy nàng có tâm lành
Nên quyết định ở lại.
Tất cả việc đi, ở
Biết Phật vì Phúc-già
Cho nên phải ở lại

*Không vì các lợi dưỡng
 Danh lợi và tài vật.
 Phật không các kết sử
 Vì người được giáo hóa
 Đi đứng và nằm ngồi
 Thường xem xét chúng sinh
 Ngài vì các chúng sinh
 Đáng đi thì đi ngay
 Đáng ở thì cứ ở.*



Chương 63

Phải giữ gìn giới cấm, thà xả bỏ thân mạng chứ không bao giờ hủy phạm.

Tôi từng nghe:

Thuở xưa, có một thầy Tỳ-kheo theo thứ lớp đi khát thực, đến tiệm xâu ngọc đứng ở ngoài cửa. Lúc ấy người thợ đang xâu ngọc Ma-ni cho nhà vua, thầy Tỳ-kheo đi qua, màu y ánh vào viên ngọc làm cho nó có màu đỏ hồng. Người thợ vào nhà lấy thức ăn cúng dường thầy Tỳ-kheo, lúc ấy có một con ngỗng thấy viên ngọc màu đỏ giống như miếng thịt liền đến mổ và nuốt mất. Dem thức ăn cúng dường thầy Tỳ-kheo xong, người thợ tìm viên ngọc nhưng không thấy. Viên ngọc quý giá này là vật của vua. Nhà người thợ làm ngọc đã nghèo khổ nay lại làm mất ngọc quý của vua nên

trong lòng khiếp sợ, bèn nói với vị Tỳ-kheo:

– Thầy ơi, hãy trả ngọc quý lại cho tôi!

Lúc ấy, thầy Tỳ-kheo suy nghĩ: “Viên ngọc ấy bị con ngỗng nuốt, nếu ta nói ra thì người thợ chắc chắn sẽ giết con ngỗng để lấy viên ngọc. Như vậy sự khổ sẽ đến với ta! Ta phải làm cách nào để tránh khỏi tai họa này?”

Vị Tỳ-kheo liền nói kệ:

*Nay vì giữ mạng ngỗng
Thân ta chịu khổ não
Không còn cách nào khác
Lấy mạng ta thay ngỗng.
Nếu cho người thợ biết
Rằng chính do ngỗng nuốt
Người kia chưa chắc tin
Mà còn giết con ngỗng.
Ta phải làm cách nào
Để cứu được thân mình
Lại không hại ngỗng kia?
Nếu nói người khác lấy
Nói như vậy không được
Dù cho mình không lỗi
Cũng không nên nói dối.
Ta nghe Bà-la-môn
Vì sống được nói dối
Ta nghe Tiên thánh nói
Thà xả bỏ thân mạng*

Không bao giờ luống dối.
Phật nói kẻ cướp ác
Bị cưa cưa đứt thân
Dù chịu sự đau đớn
Không bao giờ hủy pháp,
Nói dối được toàn mạng
Vẫn còn không nên làm
Thà có tâm giữ giới
Mà xả bỏ thân mạng.
Nếu ta nói dối thì
Những vị cùng phạm hạnh
Chê bai ta phá giới
Khinh chê ta như vậy
Giống như đốt tâm ta.
Vì những lý do ấy
Không nên phá giới cấm
Nay phải chịu khổ lớn
Ta phải nên học như
Ngỗng uống sữa pha nước
Chỉ uống hết phần sữa
Còn chừa lại phần nước
Nay ta cũng phải vậy
Bỏ ác mà lấy thiện.
Trong kinh dạy như vậy
Người trí và trẻ ngu
Tuy cùng làm một việc
Nhưng không theo việc ác
Người lành bỏ điều ác

*Như ngỗng uống sữa nước.
Nay ta bỏ thân mạng
Vì mạng sống ngỗng kia
Bởi vì ta giữ giới
Để thành đạo giải thoát.*

Khi nghe kệ ấy xong, người thợ xâu ngọc nói với thầy Tỳ-kheo:

– Trả viên ngọc lại cho tôi! Nếu không trả lại thì thầy phải chuốc lấy khổ não, không thể bỏ qua được.

Thầy Tỳ-kheo đáp:

– Ai lấy ngọc của ông!

Và thầy đứng im lặng. Người thợ nói:

– Ở đây không có người nào khác, ai lấy viên ngọc ấy?

Khi đó người thợ xâu ngọc liền đóng cửa lại rồi nói với thầy Tỳ-kheo:

– Bây giờ, thầy cứ ngoan cố đi!

Thầy Tỳ-kheo nhìn khắp bốn phía nhưng không biết nhờ cậy ai. Giống như con nai đi vào vườn mà không biết lối ra, thầy Tỳ-kheo không cầu cứu được ai cũng lại như vậy.

Bấy giờ thầy Tỳ-kheo tự thúc liễm thân, sửa y phục ngay ngắn. Người thợ lại nói:

– Bây giờ, ông có muốn đấu với ta không?

Thầy Tỳ-kheo đáp:

– Tôi không muốn đấu với ông! Tôi tự đấu với

bọn giặc kết sử kia. Sở dĩ như vậy là vì tôi e rằng khi đánh nhau thân thể sẽ lộ liễu ra ngoài, mà Tỳ-kheo chúng tôi dù cho có khôn khéo nhưng lúc lâm chung y phục vẫn thường tự che kín, không để lộ thân thể.

Thầy Tỳ-kheo lại nói kệ:

*Thế Tôn biết hổ thẹn
Nay ta tu học theo
Cho đến lúc qua đời
Không để lộ thân thể.*

Người thợ nói với thầy Tỳ-kheo:

– Vậy thầy không tiếc thân mạng hay sao?

Thầy Tỳ-kheo đáp:

– Theo pháp xuất gia của tôi thì đến khi giải thoát cũng thường giữ gìn thân mạng, dù ở trong chỗ hiểm nạn vẫn giữ gìn thân mạng. Nay tôi nhất định bỏ thân này để chúng xuất gia khen ngợi tên tôi.

Vị Tỳ-kheo liền nói kệ:

*Khi tôi bỏ thân mạng
Ngã xuống như củi khô
Khiến cho người ngợi khen
Vì ngỗng mà bỏ thân
Cũng khiến cho người sau
Đều buồn bã thương tiếc.
Xả bỏ thân mạng này
Người nghe siêng tinh tấn*

*Tu hành theo đạo chân
Giữ vững các giới cấm
Nếu có ai hủy giới
Nguyện cho ưa giữ giới*

Bấy giờ người thợ nói với thầy Tỳ-kheo:

– Vừa rồi, ông đã nói những lời tà vạy không chân thật mà lại muốn cho người khác khen ngợi tên mình.

Thầy Tỳ-kheo đáp:

– Ông cho rằng tôi mặc chiếc y nhuộm này là hư dối hay sao? Tại sao phải khoe khoang cái tốt? Vì không tà vạy nên tự vui mừng, cũng không phải vì muốn người khác khen ngợi tên tôi mà chính là muốn cho Đức Thế Tôn biết rõ tâm chí thành của tôi.

Vị Tỳ-kheo liền nói kệ:

*Đệ tử của Đức Phật
Vì giữ gìn giới cấm
Xả bỏ thân khó bỏ
Khiến những người thế gian
Sinh tâm chưa từng có,
Đối các vị xuất gia
Giờ tuy chưa sinh tâm
Tương lai ắt sẽ sinh.*

Khi ấy, người thợ trối thầy Tỳ-kheo lại rồi dùng gậy đánh và hỏi:

– Viên ngọc ở đâu? Trả lại cho tôi!

Thầy Tỳ-kheo đáp:

– Tôi không lấy ngọc!

Người thợ khóc lóc, trong lòng ăn năn lại càng thêm khổ não vì để mất ngọc của vua, liền nói kệ:

Chao ôi, cái nghèo này!

Ta biết nghiệp lành, dữ

Nên sinh tâm ăn năn

Chao ôi, cái nghèo này!

Do tham nên làm ác.

Người thợ khóc lóc, đánh lễ dưới chân thầy Tỳ-kheo rồi thưa:

– Xin thầy vui lòng trả viên ngọc lại cho tôi!

Thầy chớ tự thiêu đốt mà cũng đừng thiêu đốt tôi!

Thầy Tỳ-kheo đáp:

– Thật sự tôi không lấy!

Người thợ nói tiếp:

– Tỳ-kheo này thật ngoan cố, chịu đau đớn như vậy mà vẫn không chịu nói ra!

Bị cái nghèo ép ngặt mà không lấy lại được viên ngọc, người thợ lại càng tức giận đánh đập. Hai tay và cổ đều bị trói, nhìn khắp bốn phía không biết kêu ai, thầy Tỳ-kheo chắc chắn phải chịu chết một cách luống uổng, liền nghĩ như vậy: “Sống, chết, chịu khổ đều phải như thế, ta nhất quyết không nói ra, không để trái phạm giới luật. Nếu ta phạm giới sẽ chịu khổ địa ngục còn hơn cái khổ hiện giờ”.

Thầy Tỳ-kheo nói kệ:

*Phải nhớ Nhất Thiết Trí
Lấy đại Bi làm thể
Vì tôi tôn trọng Phật
Nên nhớ lời Phật dạy,
Lời của Phú-na-già
Lại phải nên nhớ nghĩ.
Tiên nhân nhục trong rừng
Chặt bỏ cả tay, chân
Và tai, mũi của mình
Mà tâm không tức giận.
Tỳ-kheo phải nhớ nghĩ
Trong kinh Phật có dạy
Rằng các thầy Tỳ-kheo
Dầu bị cưa sắt cưa
Thân thể và chân tay
Cũng không sinh tâm ác,
Chỉ chuyên tâm nhớ Phật
Nghĩ mình đã xuất gia
Và nhớ nghĩ giới cấm.
Tôi ở đời quá khứ
Vì dâm, trộm bỏ thân
Như thế không thể đếm,
Dê, nai và lục súc
Bỏ thân không thể tính,
Khi ấy luống chịu khổ
Vì giới bỏ thân mạng
Hơn sống mà phá giới.*

*Dù cho muốn giữ mình
 Rồi cuối cùng cũng chết
 Không bằng giữ gìn giới
 Cứu mạng sống vật khác.
 Bỏ thân nguy ách này
 Để cầu thân giải thoát
 Tuy xả bỏ thân mạng
 Nhưng có các công đức
 Có được vô sở đắc.
 Người trí giữ thân mạng
 Mạng ấy có công đức
 Người ngu bỏ thân mạng
 Luống uổng không được gì.*

Khi đó thầy Tỳ-kheo nói với người thợ xỏ ngọc:

– Giữ tâm Từ bi thật là khổ thay!

Người thợ khóc lóc, buồn rầu nói kệ:

*Mặc dù tôi đánh thầy
 Nhưng hết sức khổ não
 Lo sợ vua trách phạt
 Lại muốn tra khảo thầy
 Nay thầy bỏ khổ ấy
 Cũng khiến ôi bỏ ác.
 Thầy là người xuất gia
 Phải dứt bỏ tham dục
 Nên bỏ tâm tham ái
 Hãy trả ngọc cho tôi!*

Thầy Tỳ-kheo mỉm cười nói kệ:
Tôi tuy có tâm tham
Nhưng không hề tham ngọc.
Ông hãy nghe tôi nói
Tôi tuy tham tiếng khen
Nhưng người trí ca ngợi,
Cũng tham cả giới cấm
Cho đến pháp giải thoát
Con đường đến bất diệt
Là điều tôi tham nhất.
Đối với ngọc của ông
Thật không có tâm tham.
Tôi mặc y phẩn tảo
Khát thực là sự sống
Sống ở dưới gốc cây
Tôi cho đó là đủ
Vì những lý do nào
Lại đi làm kẻ cướp?
Ông nên khéo xem xét!

Người thợ nói với thầy Tỳ-kheo:

– Thầy chớ nói nhiều?

Thế rồi người thợ lấy dây trói thêm và đánh đập nữa. Vì dây xiết mạnh quá nên mắt, tai, miệng, mũi của thầy Tỳ-kheo đều chảy máu. Khi ấy, con ngỗng liền đến uống máu; người thợ tức giận đánh con ngỗng chết. Thầy Tỳ-kheo hỏi:

– Con ngỗng còn sống hay chết?

Người thợ đáp:

– Con ngỗng sống hay chết đâu có gì đáng hỏi?

Thầy Tỳ-kheo hướng về chỗ con ngỗng, thấy nó đã chết bèn rơi nước mắt không vui mà nói kệ:

*Tôi chịu các khổ nã
Mong cho ngỗng được sống
Nay mạng tôi chưa chết
Mà ngỗng chết trước tôi.
Tôi mong cứu mạng nó
Mới chịu khổ như vậy
Sao nó lại chết trước
Mục đích tôi không thành!*

Người thợ hỏi thầy Tỳ-kheo:

– Con ngỗng đối với thầy có liên can gì, sao thầy buồn bã như thế?

Thầy Tỳ-kheo đáp:

– Vì không được mãn nguyện nên tôi không vui! Nãy giờ tôi có ý muốn chết thay cho ngỗng nhưng giờ nó đã chết làm cho tôi không được như ý nguyện.

Người thợ lại hỏi:

– Thầy muốn nguyện điều gì?

Thầy Tỳ-kheo đáp:

– Khi Đức Phật còn làm Bồ-tát, vì chúng sinh Ngài đã chịu chặt bỏ chân tay không hề tiếc thân mạng. Tôi muốn học theo hạnh của Ngài.

Vị Tỳ-kheo nói kệ:

*Thuở xa xưa Bồ-tát
 Bỏ thân thể mạng ngỗng
 Tôi cũng làm như thế
 Muốn bỏ mạng thay ngỗng.
 Tôi có tâm cao thượng
 Muốn ngỗng được toàn mạng
 Do ông giết chết ngỗng
 Tâm nguyện tôi không tròn.*

Người thợ hỏi:

– Thầy nói điều ấy tôi vẫn chưa hiểu, thầy nên giải thích rõ ràng nguyên nhân.

Bấy giờ, thầy Tỳ-kheo nói kệ đáp:

*Tôi mặc y màu đỏ
 Sắc ngọc tựa màu thịt
 Ngỗng cho đó là thịt
 Liền đến nuốt ngọc ngay.
 Tôi cam chịu khổ đau
 Vì muốn giúp ngỗng kia
 Bị tra khảo rất khó
 Mong nó được toàn mạng.
 Tất cả các chúng sinh
 Phật đều xem như con
 Người không có công đức
 Ngài cũng đều thương xót.
 Cù-đàm là Thầy tôi
 Làm sao giết chúng sinh
 Tôi là đệ tử Ngài*

Nỡ nào lại sát hại!

Nghe kệ xong, người thợ liền mở bụng ngỗng lấy viên ngọc ra rồi khóc nức nở thưa với thầy Tỳ-kheo:

– Vì cứu mạng con ngỗng mà thầy không tiếc thân mình, làm cho tôi không biết mà gây ra những việc không đúng pháp này.

Người thợ liền nói kệ:

*Thầy chữa việc công đức
Như lấy tro phủ lửa
Tôi vì quá ngu si
Thieu đốt mấy trăm thân.
Thầy rất là xứng đáng
Tiêu biểu cho Đức Phật
Tôi vì quá ngu si
Không chịu xem xét kỹ
Bị lửa si thieu đốt.
Xin thầy tạm ở lại
Cho tôi được sám hối
Giống như ngã xuống đất
Chống đất để đứng dậy
Đợi tôi cứng chút ít.*

Khi ấy, người thợ chấp tay hướng về thầy Tỳ-kheo, lại nói kệ rằng:

*Kính lễ hạnh thanh tịnh
Cung kính giữ vững giới
Gặp nạn khổ dữ dội*

*Không hề phá hủy giới.
Không gặp việc dữ này
Giữ giới nào có khó
Cần phải gặp việc khổ
Mới giữ gìn giới cấm
Đây mới gọi là khó.
Vì ngỗn thân chịu khổ
Không hủy phạm giới cấm
Việc này thật khó có!*

Sám hối xong, người thợ đưa tiến thầy Tỳ-kheo
ra về.



ĐẠI TRẠNG NGHIÊM KINH LUẬN

QUYỂN 12

Chương 64

Pháp Phật khó được nghe. Thuở xưa, khi Đức Như Lai còn tu hạnh Bồ-tát, không tiếc thân mạng để cầu giáo pháp. Thế nên, chúng ta phải siêng năng tinh tấn nghe pháp.

Tôi nghe thí dụ về con chim bồ câu rằng:

Thuở xưa, có vị Pháp sư tà kiến nói pháp điên đảo cho Thích Đề-hoàn Nhân nghe. Vị Pháp sư ngoại đạo kia không có trí tuệ chân chánh mà tự xưng là Bạc Nhất Thiết Trí, nói rằng không có đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Trời Đế Thích nghe nói như vậy trong lòng không vui, sinh tâm buồn. Đế Thích nhìn xem các thế gian, có những vị tu hành khổ hạnh cùng cực để tìm cầu Nhất thiết trí, như trong kinh Đế Thích Vấn có bài kệ:

*Nay tâm ta mong cầu
Mà không được đầy đủ
Ngày đêm cứ thắc mắc*

*Chẳng biết đúng hay sai.
 Từ lâu xa đến nay
 Ta thường nghĩ tìm khắp
 Chẳng biết Bạc Chân Tế
 Hiện giờ ở nơi đâu?*

Tỳ-thủ-yết-ma bạch với trời Đế Thích:

– Ở cõi trời ngài không nên lo buồn. Nước Câu-thi ở dưới trần gian có vị vua hiệu là Thi-tỳ, rất siêng năng tinh tấn tu hành khổ hạnh cầu đạo Chánh đẳng Chánh giác. Người có trí tuệ quán sát thấy nhà vua ấy không bao lâu sẽ thành Phật, ngài hãy đến gần gũi học hỏi.

Đế Thích đáp:

– Việc làm của nhà vua ấy không thay đổi chẳng?

Đế Thích liền nói kệ:

*Giống như cá đẻ trứng
 Tuy nhiều nhưng nở ít
 Lại như quả Am-la
 Sống chín khó phân biệt,
 Bỏ-tát cũng như vậy
 Người phát tâm tuy nhiều
 Thành tựu thì rất ít.
 Nếu hành hạnh khó khổ
 Mà không bị lui sụt
 Có thể nói chắc được
 Muốn biết bậc Bỏ-tát*

Phải giữ tâm vững chắc.

Tỳ-thủ-yết-ma nói:

– Bây giờ chúng ta nên đi đến xem thử, nếu thật tâm nhà vua bất động thì ta phải cúng dường.

Lúc bấy giờ trời Đế Thích vì muốn xem xét tâm của vị Bồ-tát, nên tự biến thành con chim ưng, nói với Tỳ-thủ-yết-ma: “Thầy hãy hóa thành con chim bồ câu”. Tỳ-thủ-yết-ma liền hóa thành chim bồ câu, thân màu xanh da trời, mắt như hạt châu đỏ, bay về chỗ trời Đế Thích. Đế Thích sinh tâm thương xót nói với Tỳ-thủ-yết-ma:

– Vì sao chúng ta lai sinh tâm bức xúc đối với Bồ-tát, gây sự khổ não cho vua Thi-tỳ. Tuy nhà vua đã chịu đựng những khổ đau, như rèn luyện vật báu tốt đẹp, thử nhiều lần như thế mới biết được thật giả. Cách thử vật quý là chặt, chẻ, bẻ cong, thiêu đốt, lấy chày đập, có như thế mới biết được thật giả.

Bấy giờ chim bồ câu biến hóa kia bị chim ưng đuổi. Chim bồ câu rất sợ hãi, bay đến trước đại chúng, núp dưới nách vua Thi-tỳ. Màu xanh thân chim giống như lá sen, ánh sáng rực rỡ như cầu vồng chiếu sáng trong mây đen rất xinh đẹp. Mọi người sinh tâm cho là việc ít có. Chim ưng liền nói kệ:

*Người có tâm Từ bi
Chúng sinh đều thể tin*

*Giống như khi trời tối
Bay về ổ của mình.*

Chim ưng hóa nói rằng:

Xin vua cho tôi ăn.

Nhà vua nghe chim ưng nói và trông thấy chim
bồ câu kia rất sợ hãi, liền nói kệ:

*Bồ câu sợ chim ưng
Bay vun vút đến ta
Tuy miệng không nói được
Vì sợ nước mắt tuôn
Do vậy nên hôm nay
Ta phải cần cứu giúp.*

Nhà vua an ủi chim bồ câu, lại nói kệ:

*Ngươi chó có sợ sệt
Không ai giết ngươi được
Khi ta đây còn sống
Chắc chắn sẽ cứu ngươi.
Ta đâu riêng giúp ngươi
Còn che chở chúng sinh
Ta vì tất cả chúng
Mà làm cả mọi việc
Như làm thuê cho người
Ta được một phần sáu.
Ta đối tất cả chúng
Chính là người làm thuê
Cần phải luôn giữ gìn
Không để họ chịu khổ.*

Lúc bấy giờ chim ưng kia tâu với nhà vua:

– Đại vương, xin hãy thả con chim bồ câu này ra vì đó là thức ăn của tôi.

Nhà vua đáp:

– Từ lâu, ta đã có lòng Từ cứu giúp tất cả chúng sinh.

Chim ưng hỏi nhà vua:

– Đại vương, ngài nói đã lâu là thế nào?

Đại vương liền nói kệ:

*Tôi vừa phát Bồ-đề
Lúc ấy liền nhiếp hộ
Đối với các chúng sinh
Đều sinh tâm thương xót.*

Chim ưng đáp bằng bài kệ:

*Nếu ngài nói thật thì
Mau trả chim cho tôi
Nếu tôi bị đói chết
Thì ngài chẳng tâm Từ.*

Nhà vua nghe xong liền suy nghĩ, bây giờ ta xử trí thật khó, ta phải làm các nào cho hợp lý. Nghĩ rồi, nhà vua liền trả lời chim ưng:

– Nếu có thịt khác thì người có chịu ăn không?

Chim ưng đáp:

– Đại vương, chỉ có máu thịt tươi mới cứu được mạng sống của tôi.

Lúc ấy nhà vua suy nghĩ không biết phải làm cách nào, liền nói bài kệ:

*Tất cả các chúng sinh
Ta thường cứu giúp cả
Máu thịt nóng như thế
Không giết thì không được.*

Nhà vua nghĩ rằng chỉ có thịt của thân mình mới cứu giúp được mạng sống chim ưng. Đây là việc làm rất dễ, liền nói kệ:

*Tự cắt thịt thân mình
Để cho chim ưng kia
Cho đến bỏ thân mình
Để giúp mạng sợ hãi.*

Lúc ấy vua nói bài kệ xong liền bảo với chim ưng:

– Người ăn thịt ta để nuôi mạng sống được chăng?

Chim ưng đáp:

– Đại vương, được chứ. Xin đại vương hãy cân thịt của Ngài bằng với thịt chim bồ câu rồi đưa cho tôi, thì tôi sẽ ăn.

Nhà vua nghe chim ưng nói trong tâm rất vui mừng, liền bảo với người hầu cận hãy mau đem cân đến, cắt lấy thịt mình để đổi mạng cho chim bồ câu. Vua nghĩ: “Hôm nay chính là ngày hội rất tốt đẹp của ta. Sao gọi là ngày hội rất tốt đẹp?” Vua liền nói kệ:

*Chỗ ở của già bệnh
Mong manh rất hôi nhơ*

*Nay ta nên vì pháp
Cắt bỏ thịt dơ này.*

Vâng lệnh nhà vua, người hầu liền đem cân đến. Nhà vua thấy đem cân đến sắc mặt không ưu sầu, tự mình đưa chân ra, bắt chân trắng như lá đala. Nhà vua liền gọi một người hầu đến và nói kệ:

*Ngươi hãy dùng dao bén
Cắt lấy thịt đùi ta
Ngươi chỉ nghe lời ta
Đừng sinh tâm nghi sợ
Không làm hạnh khó khổ
Không được Nhất thiết trí
Bậc Nhất Thiết Chứng Trí
Hơn hết trong ba cõi
Bồ-đề dùng duyên nhỏ
Không bao giờ chứng được
Vì thế hôm nay ta
Làm việc rất vững chắc.*

Lúc bấy giờ, người hầu rơi lệ buồn khóc, nước mắt đầm đìa, chấp tay thưa:

– Xin đại vương hãy tha thứ cho tôi, tôi không làm được việc này. Tôi thường được nhà vua cung cấp, sai khiến, thì đâu nữ dùng dao bén cắt thịt đùi của đại vương.

Vị ấy nói kệ:

*Vua là người cứu giúp
Nếu tôi cắt thịt vua*

*Thân tôi cùng dao này
Đều sẽ bị đọa lạc.*

Khi ấy nhà vua tay tự cầm dao định cắt thịt đùi của mình. Các quan đại thần, phụ tướng kêu khóc can ngăn không thể làm cho nhà vua thay đổi ý định. Mọi người trong thành ai cũng khuyên can, nhưng vua không nghe theo, tự cắt miếng thịt đùi mình.

Những người đứng gần đều quay đi chỗ khác, vì không nỡ nhìn thấy. Các vị Bà-la-môn lấy tay che mắt không dám nhìn. Các thể nữ trong cung cất tiếng buồn khóc, Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già... ở trên hư không đều bảo nhau:

– Như việc làm này, ta tin chưa bao giờ có.

Lúc đó, thân thể nhà vua rất mềm mại, vì nhà vua sinh ra và lớn lên trong cung, chưa bao giờ gặp phải sự khổ như thế này nên toàn thân đau đớn, mờ mịt sắp chết. Để tự khuyên mình, nhà vua liền nói kệ:

*Ôi! Tâm phải vững chắc
Việc khổ nhỏ như vậy
Vì sao lại buồn phiền?
Ngươi xem các thể gian
Trăm ngàn khổ ép ngặt
Không ai nương, ai giúp
Ai che chở, nuôi dưỡng*

*Đều không được tự tại
Chỉ có tâm người thôi
Nên làm việc cứu giúp
Vì sao không tự trách
Lại sinh tâm khổ não.*

Thích Đề-hoàn Nhân bèn nghĩ: “Việc làm của vị vua này rất khổ sở, không biết có thể giữ vững ý chí chẳng? Ta muốn thử xem việc làm của vị vua này như thế nào.” Liên hỏi:

– Hiện giờ nhà vua rất đau khổ, khó có thể chịu đựng được. Tại sao đại vương không bỏ việc làm khổ hạnh đó mà phải chịu khổ não như vậy? Ngài đã làm đủ rồi không cần phải làm nữa, hãy thả chim bồ câu kia cho nó bay đi.

Bồ-tát mỉm cười đáp:

– Không bao giờ vì đau đớn mà ta trái lời thệ nguyện. Nếu như có sự đau khổ nào hơn thế nữa thì cũng không bao giờ làm lui sụt ý chí của ta. Đây chỉ mới là nỗi khổ nhỏ, so với địa ngục thì không thể ví dụ được. Thế nên ta phải càng sinh tâm Từ bi hơn nữa đối với các nỗi khổ của chúng sinh.

Nói rồi, Bồ-tát nói kệ:

*Nay ta cắt thân khổ
Tâm ý rất rộng lớn
Người trí nhỏ, tâm yếu
Chịu khổ nơi địa ngục
Nỗi khổ ấy lâu dài*

*Mênh mông không bờ bến
Làm sao chịu đựng được?
Ta thương những hạng ấy
Vì thế phải nhanh chóng
Gấp cầu đao Bô-đề
Các nỗi khổ như vậy
Giúp cho họ giải thoát.*

Trời Đế Thích lại nghĩ: “Việc làm của nhà vua chưa phải là khổ lắm đâu, còn có những nỗi khổ dữ dội hơn thế nữa, không biết tâm của ông có bị lay động chăng? Bây giờ ta sẽ thử xem”. Trời Đế Thích suy nghĩ như thế nhưng im lặng không nói.

Khi nhà vua lấy dao cắt thịt và đặt ở một đầu cân, lại đặt chim bồ câu ở đầu cân còn lại thì thân bồ câu nặng hơn. Lại cắt thịt hai đùi cho đến thịt trong mình đặt thêm vào nhưng vẫn còn nhẹ hơn chim bồ câu.

Nhà vua lúc ấy rất kinh ngạc. Vì nguyên nhân nào lại như vậy? Ngài liền định bước lên trên quả cân. Chim ưng hỏi:

– Đại vương, ngài làm như vậy có ăn năn chăng?

Vua đáp:

– Ta không ăn năn, ta muốn bước toàn thân lên cân để cứu mạng chim bồ câu này.

Khi nhà vua sắp bước lên cân, sắc mặt nhà vua rất vui vẻ. Những người đứng gần bên đều không

nữ nhìn thấy việc làm như vậy và lại xua đuổi những người khác không để cho họ nhìn cảnh tượng ấy. Nhà vua nói:

– Hãy giữ tâm, cứ nhìn. Khi nhà vua cắt hết thịt trên thân mình, đến các đốt xương, giống như đang vẽ một bức tranh trong mưa bị hủy hoại khó nhìn rõ được. Lúc ấy nhà vua liền nói:

– Nay ta bỏ thân mạng, không vì tiền tài vật báu, không vì dục lạc, không vì vợ con, cũng không vì bà con quyến thuộc mà chính vì cầu được Nhất thiết chủng trí để cứu giúp chúng sinh,

Vua liền nói kệ:

*Trời, Người, A-tu-la
Càn-thát-bà, Dạ-xoa
Rồng và Quỷ thần thấy
Tất cả các chúng sinh
Ai thấy được thân ta
Đều được không lui sụt.
Vì tham cầu trí tuệ
Khổ sở cắt thân này
Vì mong cầu Chủng trí
Phải giữ vững tâm Từ
Nếu người không giữ vững
Thì bỏ đạo Bồ-đề.*

Lúc bấy giờ nhà vua không tiếc thân mạng, liền bước lên cân. Khi ấy cả mặt đất đều rung chuyển sáu cách, cỏ lá theo sóng bị vùi dập, các trời trên

hư không khen ngợi việc làm chưa từng có và xướng nói:

– Lành thay! Lành thay! Thật đáng gọi là tinh tấn, tâm ý vững chắc.

Vua liền nói kệ:

*Ta bảo vệ mạng chim
Tự cắt thịt thân mình
Tâm thương xót thuần thiện
Giữ tâm không lay động
Tất cả các trời, người
Tâm đều nghĩ ít có.*

Chim ưng khen ngợi là việc chưa từng có, tâm nhà vua quả là chắc thật, không bao lâu sẽ thành Phật, tất cả chúng sinh sẽ có chỗ nương cậy. Chim ưng hiện trở lại thân trời Đế Thích và ở trước vua nói:

– Tỳ-thủ-yết-ma hãy hiện trở lại thân gốc của ngài đi. Hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau thiết trai cúng dường Bồ-tát. Vị Bồ-tát này có một ý chí và sức mạnh vững bền. Như núi Tu-di ngự giữa biển lớn không bao giờ bị lay động. Tâm vị Bồ-tát cũng như vậy.

Đế Thích nói kệ:

*Chúng ta nên cúng dường
Bậc tinh tấn mạnh mẽ
Nay nên cùng phát khởi
Khen ngợi làm lớn thêm.*

*Chúng sinh gặp khổ nạn
 Nên cùng nhau ngăn dút
 Cùng làm bạn với họ
 Tu hành lâu vững chắc
 An trụ đất đại Bi
 Cây trí Nhất thiết chủng
 Mầm móng mới nhô lên
 Người trí nên che chở.*

Tỳ-thủ-yết-ma nói với Thích Đề-hoàn Nhân:

– Nhà vua đối với tất cả chúng sinh có tâm thương xót, chúng ta nên giúp cho nhà vua trở lại thân hình cũ, nguyện cho tất cả chúng sinh tâm trí không lay động.

Lúc ấy trời Đế Thích hỏi nhà vua:

– Đại vương vì một con chim bồ câu mà bỏ thân mạng, ngài có lo buồn gì chăng?

Nhà vua liền nói kệ:

*Thân này rồi cũng bỏ
 Giống như gỗ đá kia
 Sẽ bỏ cho cầm thú
 Lửa đốt, mục trong đất.
 Dùng thân vô ích này
 Để cầu lợi ích lớn
 Phải nên rất vui mừng
 Tâm không hề ăn năn.
 Ai người có trí tuệ
 Dùng thân mong manh này*

*Đổi lấy pháp bền chắc
Mà không vui thích ư?*

Khi ấy trời Đế Thích nói với nhà vua:

– Đại vương, lời nói ấy thật khó tin. Lại nữa, việc như thế thật là việc làm không hề có, vậy ai là người dám tin?

Nhà vua đáp:

– Ta tự biết tâm ta, trên đời có vị Đại tiên có khả năng xem xét và chắc chắn biết được tâm ta, chân thật không thay đổi.

Trời Đế Thích nói:

– Đại vương hãy nói lời chân thật.

Bấy giờ nhà vua liền phát thệ nói:

– Nếu tâm tôi không ăn năn thì hãy khiến cho thân này trở lại như cũ.

Nhà vua xem xét những chỗ thịt bị cắt trên thân, liền nói kệ rằng:

*Khi ta cắt thịt mình
Tâm không có khổ, vui
Không giận cũng không lo
Không có tâm không vui,
Nếu việc này chân thật
Thân trở lại như cũ
Mau thành đạo Giác ngộ
Cứu khổ các chúng sinh.*

Nói kệ xong, những chỗ thịt trên thân mà nhà vua đã cắt liền đầy đặn lại như cũ. Vua bèn nói kệ:

Các núi và đất đai
Tất cả đều rung chuyển
Cây cối và biển cả
Ấn, hiện không tự dừng
Giống như người sợ hãi
Run rẩy không tự an.
Các trời trời âm nhạc
Không trung mưa hoa thơm
Các âm thanh chuông trống
Đồng thời cùng trời lên.
Âm nhạc của trời người
Tất cả đều trời lên
Chúng sinh đều rung động
Biển lớn cũng âm vang.
Trời mưa hương bột mịn
Đầy khắp các lối đi
Hoa ở trong hư không
Rơi nhanh chậm không đồng,
Các Thiên nữ trên không
Rải hoa đầy mặt đất
Bao nhiêu màu sắc đẹp,
Áo trang sức vàng báu
Từ trời rơi như mưa
Áo trời các tua vải
Chạm nhau phát ra tiếng.
Trong nhà của mọi người
Vật báu tự phát tiếng
Trang nghiêm ở trong nhà

Tự nhiên phát ra tiếng
 Giống như kỹ nhạc trời.
 Các phương đều quang đặng
 Bốn phía đều trong sáng
 Gió nhẹ thổi hơi thơm
 Sông trôi chảy êm đềm.
 Dạ-xoa khát ngưỡng pháp
 Càng vui mừng thêm lên
 Không lâu thành Chánh giác
 Ca vịnh và khen ngợi.
 Trong tâm rất vui mừng
 Các vị Càn-thát-bà
 Ca tụng trời âm nhạc
 Âm thanh hay dịu dặt
 Khen ngợi mà nói rằng:
 Không bao lâu thành Phật
 Vượt qua biển thệ nguyện
 Mau chóng đến chốn vui
 Kết quả đã thành tựu
 Hãy nhớ độ thoát ta.

Lúc bấy giờ trời Đế Thích và Tỳ-thủ-yết-ma cùng đường Bô-tát xong, liền trở về cõi trời.



Chương 65

Phải gần gũi bậc thiện tri thức, nếu gần gũi thiện tri thức thì các phiền não lấy lòng cũng dứt

bỏ được.

Tôi từng nghe:

Thuở xưa, thái tử Ta-la-na con của vua Tổ-tỳ-la. Sau khi nhà vua băng hà, thái tử Ta-la-na không chịu lên nối ngôi, giao sự nghiệp lại cho em và đến xin ngài Ca-chiên-diên xuất gia.

Sau khi xuất gia, thái tử theo Tôn giả Ca-chiên-diên đến vương quốc Ba-thọ-đề vào ngôi tịnh tọa trong khu vườn của vua. Vua Ba-thọ-đề dẫn các cung nhân vào trong khu rừng này nghỉ ngơi dưới gốc cây. Tôn giả Ta-la-na đi khát thực trở về ngôi yên lặng dưới gốc cây. Bảy giờ, các cung nhân tánh rất thích hoa quả, nên đi khắp nơi trong rừng tìm kiếm. Tỳ-kheo Ta-la-na đi xuất gia khi tuổi còn trẻ nên tướng mạo rất khôi ngô. Khi ấy, các cung nhân thấy thầy Tỳ-kheo kia tuổi trẻ dung mạo lại tuấn tú khác thường nên sinh tâm cho là ít có bèn nói:

– Trong Phật pháp lại có người này xuất gia học đạo.

Họ liền đến ngồi chung quanh thầy Tỳ-kheo ấy. Bảy giờ, vua Ba-thọ-đề thức dậy, bèn tìm kiếm các cung nhân và những người theo hầu, nhưng tất cả đã đi tứ tán nên vua tìm không thấy. Vua lại đích thân đi tìm và trông thấy các cung nhân ngồi chung quanh thầy Tỳ-kheo nghe nói pháp. Vua liền nói kệ:

*Tuy mặc áo sáng đẹp
Không bằng miệng nói pháp
Ngàn cô ngồi chung quanh
Yêu kính dung mạo người.*

Vua Ba-thọ-đề rất giận dữ, nói với Tỳ-kheo:

– Người đã chứng quả La-hán chưa?

Thầy Tỳ-kheo đáp:

– Tôi chưa chứng.

– Người đã chứng quả A-na-hàm chưa?

– Tôi chưa chứng.

– Người đã chứng quả Tu-đà-hoàn chưa?

– Tôi chưa chứng.

– Người đã chứng Sơ thiên, Nhị thiên, cho đến Tứ thiên chưa?

– Tôi chưa chứng.

Vua Ba-thọ-đề nghe Tỳ-kheo nói như vậy trong lòng rất giận dữ, nói:

– Người chẳng phải là người đã lìa dục, tại sao lại ngồi chung với các cung nhân như thế này?

Nhà vua liền ra lệnh cho những người theo hầu bắt giữ thầy Tỳ-kheo ấy, cởi bỏ y phục, chỉ chừa lại nội y, dùng cây có gai nhọn đánh đập thầy Tỳ-kheo. Các cung nhân khóc lóc đau với nhà vua:

– Đại vương, vị Tôn giả này không có tội lỗi gì, vì sao lại đánh đập như thế?

Vua Ba-thọ-đề nghe các cung nhân nói, càng

giận dữ đánh đập dữ dội hơn. Trước kia, Tỳ-kheo Ta-la-na là vương tử nên thân hình mềm mại, không chịu được sự khổ đau, toàn thân chảy máu. Các cung nhân thấy thế đều rơi lệ. Tôn giả Ta-la-na bị đánh đập chắc không còn sống được, té xỉu xuống đất, hồi lâu mới tỉnh dậy, thân thể bị rách toác như bị chó cắn, cũng giống như có người bị con mãng xà nuốt, đã vào trong miệng, thật khó có thể khỏi chết. Nếu như ra khỏi được miệng con mãng xà giữ mạng sống cũng rất khó. Tôn giả Ta-la-na thoát được nạn này cũng giống như vậy. Tôn giả mở mắt nhìn sợ sệt, lại sợ bị đánh. Khắp thân chảy máu, không thể mặc y, Tôn giả bèn ôm y phục mà đi, nhìn khắp bốn bề, lại sợ có người đến bắt mình. Các vị đồng tu phạm hạnh thấy việc ấy, liền nói kệ:

*Ai không tâm thương xót
Đánh đập Tỳ-kheo này
Sao có ý hung dữ
Đối với người xuất gia!
Vì sao không nương tay
Sinh tâm tàn hại thầy
Không lỗi, vô có hại
Thật là kẻ phi lý!
Xuất gia bỏ giàu sang
Một mình, không thể lực
Y bát mang bên mình
Không chứa để vật dư*

*Người nào nữ tàn hại
Đánh đập đến thế này?*

Những người bạn đồng tu học dìu đỡ thầy đi đến chỗ Tôn giả Ca-chiên-diên. Vừa nhìn thấy Tỳ-kheo Ta-la-na thân thể như vậy, Tôn giả bật khóc, tỏ ý tưởng chán ghét thân này, nói kệ:

*Như quả Diêm-phù kia
Đỏ, trắng, xanh loang lổ
Cũng có chỗ ứ đỏ
Máu chảy khắp mọi chỗ
Ai làm thân thể ông
Có màu sắc như vậy?*

Lúc bấy giờ Tỳ-kheo Ta-la-na đưa những chỗ thân thể bị rách toác máu chảy cho Tôn giả Ca-chiên-diên thấy và nói kệ:

*Con không người cứu giúp
Một mình mong được sống
Tự xét không lỗi lầm
Bị đánh vì xem thường.
Ba-thọ-đề tự ý
Người giàu chủ đất nước
Khởi tâm buông lung ác
Roi dữ như rót lửa
Thieu hủy thân thể con.
Con đã không lỗi xấu
Bị đánh đập vô cớ
Bị thương đến như vậy.*

Tôn giả Ca-chiên-diên biết được trong lòng của Tỳ-kheo Ta-la-na rất tức giận, Ngài liền nói:

– Tỳ-kheo Ta-la-na, pháp của người xuất gia không giữ gìn thân mạng mình, mà chính là dứt bỏ khổ não trong tâm.

Tôn giả liền nói kệ:

*Thân ông bị khổ ách
Sinh thù ghét làm gì?
Chớ vung roi tức giận
Tâm cuồng tự hại mình.*

Thầy Tỳ-kheo Ta-la-na trong tâm rất khổ não, nên lộ vẻ tức giận giống như khi con rồng đánh nhau le lưỡi phát ra ánh sáng như sấm chớp, liền nói kệ:

*Xin Hòa thượng biết cho
Tức giận đốt tâm con
Giống như cội cây khô
Giữa trời mà phát hỏa,
Xuất gia tu phạm hạnh
Trải qua bao tháng ngày
Như con ngày hôm nay
Muốn quay trở về nhà.
Người yếu đuối kém hèn
Không chịu nổi khổ này
Làm sao con chịu nổi
Việc khổ dữ dội này?
Nay, con muốn về nhà*

*Trở về lên ngôi vua
Nhóm tượng chúng, binh chúng
Che tối cả mặt đất.
Tâm tức giận bùng lên
Ngày đêm không dừng nghỉ
Giống như ngọn lửa dữ
Thiêu đốt cả núi rừng
Ba-thọ-đề bị cháy
Như đom đóm trong lửa.*

Nói kệ xong, thầy liền trao ba y cho người đồng phạm hạnh, nện ngào khóc lóc lễ dưới chân Hòa thượng, từ tạ trở về nhà, lại nói kệ:

*Xin Hòa thượng cho con
Sám hối dứt tội lỗi
Nay, con muốn về nhà
Tâm ý không an vui
Sống trong pháp xuất gia
Không trả được oán này.*

Hòa thượng là người thông thạo bậc nhất về giáo nghĩa trong kinh, ngôn từ biện thuyết cũng là bậc đệ nhất nên nói:

– Con không nên làm như thế. Bởi vì sao? Vì thân này không bền chắc, rốt cuộc rồi cũng chết. Vậy con không nên vì thân mà trái xa pháp Phật. Con phải quán xét vô thường bất tịnh.

Ngài liền nói kệ:

Thân này không thanh tịnh

Chín lỗ thường chảy nơ
Hôi thúi thật đáng ghét
Là đồ chứa các khổ.
Thân này rất xấu xa
Chỗ chứa nhóm các bệnh
Khi bị xúc phạm nhỏ
Sinh khổ não dữ dội.
Tâm ông mê đắm thân
Thật trái với trí tuệ
Nên bỏ tâm thấp hèn
Kệ do Như Lai nói.
Nay ông nên nhớ giữ
Khi tức giận phiền não
Ông hãy tự cấm chế
Cũng như dùng dây cương
Ngăn chặn con ngựa dữ
Cấm chế gọi khéo cỡi
Không chế gọi buông lung.
Tại gia gọi lao ngục
Xuất gia là giải thoát
Con đã được giải thoát
Về nhà tìm ràng buộc
Nơi lao ngục giam cầm.
Sân là kẻ cướp trong
Ông chớ khởi tâm sân
Bị tức giận ngăn cấm,
Phật do nhân duyên này
Khen ngợi người học rộng

Đứng đầu các Tiên thánh.
Ông phải theo lời Phật
Nay nên nhớ học rộng
Chớ khởi tâm giận dữ
Dù bị cưa sắt xẻ
Thân thể và tay chân
Phật vì Phú-na-kỳ
Nói điều phải nên nói.
Ông phải nhớ học rộng
Những lời dạy như thế.
Nên nhớ Xá-lợi-phát
Nói năm pháp không khó
Ông nên xem xét kỹ
Tám pháp của thế gian.
Ông nên suy tính kỹ
Lỗi lầm của tức giận
Phải nên tự quán xét
Hình tướng người xuất gia
Tâm và tướng tương ứng
Nay sao không tương ứng?
Pháp của thầy Tỳ-kheo
Khất thực tự nuôi sống
Vì sao thọ tín thí
Mà sinh nhiều sân si.
Ăn của người vào bụng
Sao lại sinh tức giận
Làm sao của tín thí
Có chỗ tiêu hóa được?

Ông muốn thực hành pháp
Không nên sinh tức giận
Tự nói mình hành pháp
Làm pháp tắc cho người
Mà sinh tâm giận tức
Là việc không nên làm.
Giận tức khổ tâm ông
Miệng nói những lời ác
Bị người trí chê trách
Vì thế không nên làm.
Những người đi xuất gia
Phải nên có ba việc
Điều phục thầy Tỳ-kheo
Chịu đựng không giận tức
Nhất định giữ giới cấm
Nói thật không nói dối
Khéo thực hành chịu đựng
Không nên sinh tâm sân.
Những bậc Sa-môn này
Không nên nói lời ác
Phải mặc y nhu hòa,
Người xuất gia không nên
Giận nói lời thô ác
Như vị Tiên ngời thiên
Rút kiếm nắm trên tay.
Y bát và Tỳ-kheo
Tất cả khác người đời
Tức giận đồng tại gia

Là việc không nên làm.
Lời ác đồng người đòi
Làm sao gọi Tỳ-kheo?
Cạo tóc, bỏ trang sức
Nhún mình đi khát thực
Tạo dáng vẻ thấp hèn
Mà không dứt kiêu mạn,
Nếu muốn dứt kiêu mạn
Nên bỏ tâm như xấu
Mau cầu đến giải thoát.
Thân như đích bắn kia
Có đích bắn thì trúng
Có thân thêm các khổ
Không thân thì không khổ.
Thí như người giữ cửa
Để chiếc trống bên cạnh
Có người từ xa đến
Mỗi một muốn ngủ nghỉ
Người ấy đều đánh trống
Không hề ngủ nghỉ được.
Người ấy không ngủ được
Tức giận người đánh trống,
Tranh cãi với nhiều người
Sau suy nghĩ nguyên nhân
Đây vốn chính là trống
Chẳng phải lỗi mọi người
Đừng dậy đập bỏ trống
Mới được ngủ an ổn.

*Thân Tỳ-kheo như trống
 Vì an vui xuất gia
 Muối mòng và cỏ độc
 Đều có thể cắn người
 Phải thường xuyên tinh tấn
 Đừng coi trọng thân này.
 Đừng tưởng vui lâu dài
 Nên xem xét cội nguồn
 Chỉ là nhóm ẩm, giới
 Phá hoại khổ ẩm, giới
 An ổn ngủ Niết-bàn.*

Hòa thượng nói kệ rồi, lại dạy:

– Nay Ta-la-na, ông nên dứt bỏ tâm tức giận, nào hại đi, nếu ông muốn nào hại người khác thì nên nghe ta nói. Tất cả thế gian đều bị nổi khổ não quấy nhiễu, tại sao ông lại còn muốn gây hại chúng sinh? Tất cả chúng sinh đều nằm trong tay Thần chết. Ta và ông cùng vị vua kia không bao lâu sẽ chết, nay sao ông còn muốn giết kẻ thù? Tất cả có sinh thì phải có chết, đâu cần ông phải ra tay giết hại? Có sinh ắt có tử không có gì nghi ngờ cả. Cũng như mặt trời có mọc thì phải có lặn, thể tánh là chết đâu cần phải gây hại. Nếu ông muốn hại người thì đâu có lợi lạc gì? Ông là người giữ giới mà muốn làm hại người, đời vị lai chắc chắn phải chịu quả báo nặng nề, chịu khổ vô lượng, quả báo này cũng như vậy, đâu nên hủy hoại họ. Vị vua kia muốn hủy hoại thân thể ông, ông sinh tâm tức giận, sự

tức giận hiện tại rất khổ sở, đến đời vị lai lại chịu quả báo đau khổ, vậy trước nên dứt bỏ sự tức giận. Thế nào là thương hại? Nếu trong một sát-na khởi lên sự tức giận thì sẽ bức náo thân tâm. Nay ta vì ông mà nói pháp này, hãy nghe rõ ví dụ: Như người lấy tay bốc lửa để đốt người khác, thì chưa hại được người mà tự mình đã chuốc lấy khổ sở. Sự tức giận cũng vậy, muốn hại người khác thì tự mình đã chịu khổ sở rồi. Thân như khúc củi khô, tức giận như lửa, chưa đốt được người mà tự thân mình đã bị đốt cháy. Ông luống khởi tâm tức giận muốn làm hại người khác thì có thể hại được, có thể không hại được nhưng tự hại mình thì chắc chắn đã.

Bảy giờ Tỳ-kheo Ta-la-na im lặng nghe pháp yếu do Hòa thượng chỉ dạy. Những người bạn đồng tu phạm hạnh đều sinh tâm vui mừng, nói với nhau:

– Ta-la-na nghe pháp yếu do Hòa thượng giảng nói chắc chắn không bỏ đạo.

Thầy Tỳ-kheo Ta-na-la không nén được sự tức giận, lớn tiếng nói:

– Người vô tâm cũng không thể chịu đựng được việc này, huống gì con có tâm mà chịu đựng sao?

Ta-la-na bèn nói kệ:

*Ánh chớp khắp hư không
Như roi đánh ngựa vàng
Hư không vật vô tình*

*Còn phát ra tiếng sấm,
Nay con là vương tử
Không khác với vua kia
Làm sao mà chịu đựng
Không báo thù cho được?*

Nói bài kệ xong, thầy bạch với Hòa thượng.

— Bạch Hòa thượng, lời thầy dạy thật đúng. Nhưng giờ đây tâm con vững chắc như đá, giọt nước không thấm vào được, con thấy da thịt bị rách toác máu tuôn ra ngoài, cho nên sinh tâm tức giận kiêu mạn. Con không van xin, cũng chẳng phải phùng tôi tớ, cũng chẳng phải kẻ thấp hèn, con cũng chẳng phải là người dân của họ, con không phải là trộm cướp, không gây hại cho người, cũng không gây loạn đến vua, Con có lỗi gì mà lại bị gia hình như thế? Ông ấy là vua, cho mình có quyền lực, còn con là người thấp hèn, nhưng mỗi người đều có địa vị khác nhau. Con đi khất thực ngồi thiền trong rừng bị hủy nhục một cách oan uổng, Con sẽ làm cho vị vua kia chịu khổ như con, không còn dám hủy hại nữa. Con sẽ báo thù không để cho ông ta được yên ổn ngủ nghỉ. Con là người lành mà bị hủy nhục oan uổng, con sẽ báo thù làm cho ông ta phải chịu khổ sở còn hơn con ngày nay, khiến cho kẻ làm ác không dám làm ác nữa.

Nói xong, thầy đến trước mặt Hòa thượng quỳ thẳng bạch rằng:

– Thừa Hòa thượng, xin ngài hãy xả giới cho con!

Lúc bấy giờ, những vị đồng sư và những vị cùng tu đồng học phạm hạnh khóc thật lớn mà nói:

– Thầy Ta-la-na, sao thầy lại bỏ Phật pháp?

Có người nắm tay, có người ôm chầm lấy thầy, gieo năm vốc sát đất làm lễ và nói:

– Thầy Ta-la-na, thầy hãy cẩn thận không nên bỏ Phật pháp.

Họ liền nói kệ:

*Vì sao ở trong chúng
Một mình tự bỏ đi
Xả giới cấm của Phật
Sao nói lời ác rằng:
Phật chẳng phải thầy tôi!
Tỳ-kheo đến nhà thầy
Vì sao không hổ thẹn?
Lúc thầy mới thọ giới
Thệ nguyện giữ trọn đời
Sao lại không trung tín
Mà muốn bỏ phạm hạnh?
Ôm bát mặc ca-sa
Khất thực đã lâu ngày
Mặc giáp, cầm đao gậy
Vừa định vào chiến trận
Roi vua hủy thân thầy
Lìa bỏ pháp Sa-môn.*

*Không nhớ Tiên nhũn nhục
Bị chặt hết tay chân
Chỉ người ấy xuất gia
Thầy không xuất gia sao?
Chỉ người ấy biết pháp
Thầy không biết pháp sao?
Tiên bị chặt chân tay
Còn sinh tâm thương xót
Tâm vững chắc không loạn
Nay thầy bị gây đánh
Mà vội mất tâm chăng?*

Tôn giả Ca-chiên-diên nói với mọi người:

— Tâm Ta-la-na đã nhất định rồi, các thầy hãy ra về, ta sẽ lo liệu cho thầy ấy.

Sau khi các Tỳ-kheo ra về, Tôn giả Ca-chiên-diên đưa tay xoa đầu Ta-la-na mà bảo:

— Ta-la-na, ông hãy suy nghĩ thật kỹ.

Ta-la-na đáp:

— Bạch Hòa thượng, con nhất định ra đi.

Tôn giả Ca-chiên-diên nói:

— Ta-la-na, ông nên nghỉ ở đây lại một đêm, sáng mai hãy đi, đừng vội xả giới.

Thầy Ta-la-na đáp:

— Dạ vâng! Con xin nghe lời dạy của Hòa thượng lần cuối. Đêm nay con sẽ ngủ bên Hòa thượng, sáng mai khi xả giới xong con trở về, lên ngôi vua, chiến đấu với Ba-thọ-đề.

Ta-la-na lấy cỏ trải một chỗ bên cạnh Hòa thượng mà ngủ.

Bấy giờ Tôn giả Ca-chiên-diên dùng năng lực thần thông làm cho thầy Ta-la-na ngủ thật say, nằm mộng thấy trở về nước mình, xả giới trở về lên ngôi vua, tập hợp bốn thứ binh, đến nước Ba-thọ-đề. Quốc vương Ba-thọ-đề cũng tập hợp bốn thứ binh cùng chiến đấu, binh lính của Ta-la-na tất cả đều bị đánh tan. Ta-la-na bị bắt giữ sắp sửa đem đi giết. Vua Ba-thọ-đề nói: “Đây là kẻ ác hãy đem đi giết, đóng gông trên cổ, treo trên thành La-tỳ-la.”

Đao phủ cất tiếng dữ tợn, sai mọi người dùng binh khí áp giải Ta-la-na dẫn ra gò mả. Trên đường đi trông thấy Tôn giả Ca-chiên-diên mặc y ôm bát vào thành khát thực, Ta-la-na rơi lệ khóc than nhìn Hòa thượng nói:

*Con không nghe lời Thầy
Tức giận làm khổ thân
Nay sẽ đến dưới cây
Xin giã từ Phật pháp.
Nay con đến chỗ chết
Đao kiếm vây quanh con
Như nai ở trong chuồng
Nay con cũng như vậy.
Không thấy Diêm-phù-đề
Lần cuối thấy Hòa thượng
Tuy con có tâm ác
Vẫn như mẹ nhớ con.*

Đao phủ kia cầm dao giống như hoa sen xanh, mà nói:

– Dao này chặt đầu người, dù cho có Hòa thượng cũng không làm gì được.

Ta-la-na than khóc thảm thiết, cầu cứu Hòa thượng: “Nay con xin quy y Hòa thượng”. Ta-la-na liền thức dậy, sợ hãi lễ dưới chân Hòa thượng thưa:

– Bạch Hòa thượng, xin ngài hãy cứu con.

Và đến bên Hòa thượng thưa:

– Con vốn là người ngu si muốn bỏ giới pháp của Phật, xin hãy cho phép con được xuất gia, con không trả thù và cũng không làm vua nữa. Vì sao? Vì dục lạc thì ít mà khổ não thì nhiều. Những lỗi lầm oán hận con đều đã chứng biết. Giờ đây, con chỉ muốn được pháp giải thoát. Vì không có chí định nên con coi thường chúng sinh, không khéo quán sát. Đối với những người hiểu biết con không nói chuyện với họ, bị tất cả chúng sinh quả trách. Cúi xin Hòa thượng hãy cho phép con xuất gia. Khi khổ não ngài rủ lòng thương xót. Con đang khổ não, xin Hòa thượng hãy thương xót con.

Tôn giả Ca-chiên-diên nói:

– Nay Ta-la-na, ông chưa bỏ đạo, ta đã dùng năng lực thần thông hiện ra giấc mộng này.

Ta-la-na vẫn chưa tin, từ cánh tay phải của Hòa thượng phát ra ánh sáng. Hòa thượng bảo:

– Nay Ta-la-na, ông chưa bỏ đạo, hãy tự nhìn lại thân tướng của mình.

Ta-la-na vui mừng nói:

– Hay thay! Bậc thiện tri thức! Ngài đã dùng phương tiện khéo léo mở bày cho con. Vì con có lỗi, nên ngài dùng giấc mộng cứu giúp con.

Đức Phật dạy: “Thiện tri thức là thể tánh hoàn toàn của Phạm hạnh”. Lời dạy này thật đúng. Có ai được giải thoát mà không nhờ vào Thiện tri thức? Có ai ngu si không nương vào bạn lành mà được giải thoát?

Tôn giả Ca-chiên-diên cứu giúp Tỳ-kheo Ta-la-na. Thuốc độc tức giận của vua Ba-thọ-đề tan biến không còn. Thế nên, người hiểu biết nên gần gũi bậc Thiện tri thức.



ĐẠI TRẠNG NGHIÊM KINH LUẬN

QUYỂN 13

Chương 66

Cúng dường tháp Phật công đức rất lớn, vì thế cần phải chuyên tâm cúng dường.

Tôi từng nghe:

Thuở xưa, vua Ba-tư-nặc đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Ngài, nghe có mùi thơm khác lạ hơn mùi thơm ở cõi trời. Nghe mùi thơm ấy, nhà vua nhìn khắp bốn phía, chẳng biết ở đâu, liền thưa hỏi Đức Thế Tôn:

– Bạch Đức Thế Tôn, đây là hương gì?

Đức Phật bảo:

– Đại vương muốn biết mùi thơm này ở đâu phải không?

Vua đáp:

– Vâng. Bạch Đức Thế Tôn, con muốn biết.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn ấn ngón tay xuống đất, liền có bộ xương hiện ra như gỗ chiên-đàn đỏ, dài năm trượng. Đức Thế Tôn bảo:

– Đại vương, mùi thơm ấy phát xuất từ bộ

xương này.

Vua Ba-tư-nặc liền bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, do nhân duyên gì mà bộ xương này có mùi thơm như thế?

Đức Phật dạy:

– Đại vương, hãy khéo lắng nghe. Thuở xưa có Đức Phật hiệu là Ca-diếp, Đức Phật Thế Tôn kia hóa duyên xong, bèn nhập Niết-bàn. Lúc ấy có nhà vua tên là Già-xí, thâu lấy xá-lợi của Phật, xây ngôi tháp bằng bảy chất báu, cao rộng hai do-tuần. Vua ra lệnh cho những người trong nước có các thứ hoa thì không được dùng vào việc khác mà phải đem đến cúng dường ngôi tháp kia.

Khi ấy, trong nước có con của vị trưởng giả tư thông với dân nữ, chỉ nghĩ những việc dâm dục, không dứt bỏ được. Tất cả các loại hoa đều cúng dường tháp Phật, bị dục vọng làm mờ mắt nên anh chàng bèn lén vào trong tháp Phật Ca-diếp, trộm một cành hoa đem đến tặng dân nữ.

Con của vị trưởng giả biết công đức Phật, nhưng vì bị dục vọng ngăn che, mê mờ tâm trí nên làm việc không đúng pháp này. Vị ấy tâm ăn năn và muốn dứt bỏ tình ý dâm dục. Sáng hôm sau, anh sinh tâm chán ghét bèn suy nghĩ: “Ta làm việc bất thiện, ăn cắp hoa cúng Phật tặng cho dân nữ.” Liên khi ấy, do sức nóng của tâm hối hận nên khắp mình anh ta sinh ghê lở, ban đầu nhỏ như hột cải, sau đó

lớn dần và lan ra khắp cơ thể, liền nói kệ:

*Ta làm việc không tốt
Trái phạm lời chư Phật
Không có tâm hổ thẹn
Không có tâm cung kính
Trái với lời Thiện Thệ
Chẳng phải đệ tử Phật.
Tất cả mọi người dân
Không dám trái lời vua
Chỉ có ta hủy phạm
Phép nước và phép Phật,
Nay ta không hổ thẹn
Giống như loài cầm thú.
Hơn hết trong ruộng phước
Không gì bằng tháp Phật
Nhưng vì ta ngu si
Trộm hoa làm việc xấu
Vì sao cánh tay này
Không rơi xuống ngay đi
Và trên mặt đất này
Vì sao không vùi lấp
Mà lại chuyên chở ta!
Lạ thay! Lửa dục đốt
Đốt mất các việc lành
Bị dục làm mê hoặc
Vào trong khu rừng tối
Bị giặc phiền não cướp
Ta bị dục sai khiến*

*Không thấy quả báo này
 Trộm hoa để tặng người
 Mãi chịu khổ địa ngục
 Càng sinh tâm ăn năn
 Thân này càng bị đốt.*

Bấy giờ những mụn nhọt trên thân anh ta vỡ ra và rất hôi thúi. Cha mẹ, anh em của anh ta đều đến săn sóc và đưa thuốc uống nhưng bệnh càng nặng thêm. Họ mời thầy thuốc giỏi đến xem bệnh cho anh ta. Thầy thuốc bảo:

– Phải có gỗ Ngưu đầu chiên-đàn thoa trên thân thể thì người này mới hết bệnh.

Cha mẹ anh ta lấy vật quý để mua gỗ Ngưu đầu chiên-đàn thoa thân thể cho con, nhưng bệnh càng nặng thêm không hề thuyên giảm. Người con khóc than sợ hãi và thưa với cha mẹ:

– Mọi người đã luống khổ nhọc vì con, nhưng bệnh này từ trong tâm con gây ra chớ không phải thân bệnh.

Người cha hỏi:

– Bệnh từ trong tâm nghĩa là thế nào?

Người con liền đáp bằng bài kệ:

*Ngượng thay việc hèn này
 Không dám nói với cha
 Nhưng giờ bệnh nguy khôn
 Vì không biết xấu hổ.
 Trộm lấy hoa tháp Phật*

Đem tặng cho dâm nữ
Đã làm việc xấu ấy
Sau trong tâm ăn năn
Ban ngày như lửa đốt
Ban đêm biết rõ tâm.
Nếu người mong hồi lỗi
Dụ như tưới nước lạnh
Giờ thân tâm nóng bức
Sau chịu khổ địa ngục.
Giống như thân cây mục
Lửa từ trong cháy lên
Nay con cũng như vậy
Lửa tâm từ trong phát.
Nước lạnh Ưu-thi-la
Sen xanh trên châu quán
Cù-mạch-ma-la thấy
Cùng với các chiêm-đàn,
Nếu dùng các thứ này
Thoa bên ngoài thân thể
Cũng không thể hết bệnh.
Sức nóng từ trong phát
Vậy phải nên thoa tâm
Thoa thân có ích gì?
Dẫn con vào trong tháp
Trai tăng rồi hồi hướng
Bệnh này mới hết được.
Cha mẹ và anh em
Cùng kiêng giường người bệnh

*Đem đến chỗ tháp Phật
 Thân thể càng nóng dần
 Hơi thở sắp chám dứt.*

Khi ấy cha mẹ, anh em và những người thân
 khiêng giường người bệnh đến chỗ tháp, người
 bệnh chỉ nghĩ nhớ Đức Như Lai Ca-diếp Chánh
 Đẳng Chánh Giác, nước mắt lưng tròng, giờ hương
 chiên-đàn mà mình đang cầm, buồn bã hướng về
 tháp mà nói kệ:

*Đáng Đại Bi cứu khổ
 Thường nói các việc lành
 Con bị dục làm mê
 Tôi tâm không thấy biết.
 Đối với Bạc Chân Tể
 Con làm các điều ác
 Tháp như núi Tu-di
 Vì si nên con phạm
 Giờ bị mang tiếng xấu
 Đòi sau đọa đường ác.
 Không quán công đức Phật
 Giờ chịu quả báo xấu
 Quả báo hiện đang mang
 Sau sẽ chịu khổ nào
 Người trí dùng mắt tuệ
 Dứt khổ, bỏ các dục.
 Giờ tâm con lo buồn
 Thành tâm quy mạng Phật
 Các lỗi lầm đã gây*

*Nguyện xin cứu giúp con
Như người té xuống đất
Chống đất mà đứng lên.*

Lúc bấy giờ cha mẹ và những người quyền thuộc khen ngợi:

– Lành thay! Lành thay! Giờ đây con đã làm được việc đáng khen này, chỉ có Phật Thế Tôn mới trị được bệnh của con.

Họ liền nói kệ:

*Nay con đến chỗ Phật
Nên sinh tâm tin hiểu
Chỉ công đức lớn của
Phật mới cứu được con,
Thí như ra biển lớn
Thuyền vỡ mất tài vật
Chẳng những thân không chết
Mà còn được tài lợi.*

Bấy giờ những người thân của con vị trưởng giả thấy các vết ghẻ lở trên thân thể anh ta bị vỡ ra hôi thúi, nên họ chán ghét sinh tử, bèn đem hương hoa, hương xoa, hương bột để cúng dường tháp Phật Ca-diếp và dùng gỗ Nguưu đầu chiên-đàn để họa vẽ thân Phật. Các vết ghẻ lở trên thân người con trưởng giả dần dần lành lặn, trong lòng chàng thư thái và bệnh nóng trên thân được dứt hẳn. Lúc ấy con của vị trưởng giả đã được quả báo hiện tiền, trong lòng rất vui mừng, biết tội lỗi đã dứt hết, liền

nói kệ:

*Như Lai, Nhất Thiết Trí
 Giải thoát các kết sử
 Đức Phật-đà Ca-diếp
 Cứu giúp các chúng sinh
 Phật là cha chúng sinh.
 Vì khắp các thế giới
 Làm người bạn không rời
 Chỉ có Phật Thế Tôn
 Có tâm Từ bi này.
 Nay con đối với Phật
 Gây ra tội lỗi lớn
 Xin cho con sám hối
 Trong tâm phát thệ nguyện
 Cúi xin nghe con nói:
 Vì dâm dục ép ngặt
 Tâm mê gây tội ác
 Giúp con dứt ái dục
 Và các oán kết sử
 Các căn không điều phục
 Như ngựa chưa thuần thục.
 Nguyện chẳng làm việc ác
 Thường được đạo vắng lặng
 Dùng Nguru đầu chiên-đàn
 Cúng dường lên tháp Phật
 Thân thường được hương thơm
 Chẳng đọa vào đường ác.*

Về sau con của vị trưởng giả qua đời, được sinh

lên cõi trời, hoặc sinh làm người, thân thường có mùi thơm, các bộ phận trên thân đều có tướng tốt, cha mẹ bèn đặt tên là “Hương Thân”.

Bấy giờ, Hương Thân đã chán ghét âm giới, xin được xuất gia và chứng được quả Bích chi phật. Mùi hương này chính là mùi hương phát ta từ bộ xương của vị Bích-chi-phật. Vì thế, mọi người nên cúng dường tháp, sẽ được công đức lớn.



Chương 67

Trước có căn lành đáng lẽ được giải thoát nhưng vì không nghe các pháp nhân duyên nên lại đọa vào địa ngục. Vậy chúng ta phải dốc lòng nghe pháp.

Tôi từng nghe:

Thuở xưa, đệ tử của Phú-lan-na là Thi-lợi-cúc-đa, là chồng bà Thọ-đề-già. Cha của Thọ-đề-già trước kia là đệ tử của Ni-kiền-đà, tất cả chúng sinh đều tu học theo giáo pháp nên Thọ-đề-già cũng được Phật hóa độ. Người cha cũng là đệ tử Phật có tâm kính tin, không tu học theo sáu vị giáo chủ ngoại đạo.

Vì muốn hóa độ chồng là Thi-lợi-cúc-đa nên bà thường ở bên cạnh chồng nói:

— Đức Phật Bà-già-bà là Bạc Nhất Thiết Trí.

Người chồng nói:

– Phú-na-lan cũng là bậc Nhất thiết trí.

Vì vấn đề ai là bậc Nhất thiết trí nên họ bàn luận tranh cãi nhau. Thọ-đề-già nói với Thi-lợi-cúc-đa:

– Em sẽ nói cho anh nghe về Nhất thiết trí. Phú-lan-na của anh chẳng phải là bậc Nhất thiết trí. Vì ông ấy có chút ít trí tuệ nên mê hoặc người đời, tự xưng mình có trí nhưng thật ra chẳng phải bậc Nhất thiết trí. Cứ xem tướng mạo ông ấy thì sẽ đoán được, chỉ biết được một vài việc nhỏ thì sao gọi là bậc Nhất thiết chủng trí được.

Thọ-đề-già liền nói kệ:

*Như người mù bầm sinh
Mắt giả bằng thủy tinh
Dối gạt đứa trẻ nhỏ
Tự nói mình có mắt,
Lúc trước vốn không mắt
Nay nói mình có mắt
Lời này không đáng tin
Chỉ gạt được kẻ ngu.
Hiếu được nhân tướng luận
Phương tiện dối tự bày
Dùng tướng mạo giả này
Để lừa dối mọi người
Tướng mạo gần việc ấy
Rốt cuộc sao hiểu biết?*

Thi-lợi-cúc-đa bảo Thọ-đề-già:

– Em bị huyền thuật của Cù-đàm mê hoặc rồi. Phú-lan-na là bậc Nhất thiết trí, em không biết mà sinh ra phỉ báng. Phú-lan-na trong lúc đi, đứng, nằm, ngồi, những việc trong cả ba đời đều biết rõ.

Thọ-đề-già nói:

– Em sẽ cho anh thấy Phú-lan-na chẳng phải là bậc Nhất thiết trí.

Bà liền mời Phú-lan-na đến nhà. Khi ấy Phú-lan-na suy nghĩ: “Trước kia cha của Thọ-đề-già là đệ tử ta, nay theo Cù-đàm biết rõ lỗi lầm, trở về với ta, đó là phước đức của ta”. Nghĩ rồi, ông chấp nhận lời thỉnh cầu của Thọ-đề-già.

Hôm sau Phú-lan-na dẫn mấy trăm ngàn đồ chúng, lại có năm trăm đệ tử vây quanh cùng đi đến nhà Thọ-đề-già. Thấy đoàn người đến nhà, Phú-lan-na mỉm cười. Thi-lợi-cúc-đa hỏi Phú-lan-na:

– Bà-già-bà sao ngài cười?

Phú-lan-na đáp:

– Từ xa ta trông thấy bên bờ sông Na-ma-đa kia có con khỉ rơi xuống nước thế nên ta cười.

Thi-lợi-cúc-đa nói tiếp:

– Bà-già-bà mắt trời thanh tịnh, đang ở trong thành mà từ xa trông thấy ngoài ngàn dặm trên bờ sông Na-ma-đa có con khỉ rơi xuống nước.

Khi ngoại đạo kia dẫn các đệ tử đi vào nhà Thọ-đề-già và đến chỗ ngồi. Sau khi mọi người đã an

tọa, Thọ-đề-già lấy cơm che trên canh mà trao cho Phú-lan-na.

Phú-la-na nói:

– Cơm này không có canh làm sao mà ăn?

Thọ-đề-già vệt cơm, canh lộ ra, bèn nói với Thi-lợi-cúc-đa:

– Nay thầy anh còn không thấy dưới cơm có canh, làm sao có thể từ xa cả ngàn dặm biết được có con khỉ rơi xuống sông. Nghiệm lại sự việc, có thể biết chẳng phải là bậc Nhất thiết trí. Chỉ vì tham tiếng tăm, tham lợi dưỡng, chúng sinh thật đáng thương! Đã tự dối gạt mình, còn dạy cho người khác dối gạt.

Cô liền nói kệ:

*Phú-lan-na thầy anh
Tà kiến điên đảo hoặc
Không có đèn trí tuệ
Sống trong tối vô minh
Mê làm luyến ái nhau
Người ngu lại coi trọng.
Hơn hết trong họ Thích
Có đủ ba hai tướng
Chỉ Nhất Thiết Trí này
Không còn bậc nhất khác.*

Lúc ấy Phú-lan-na vì quá xấu hổ, nên ăn không no bèn cúi đầu ra về. Lúc ấy Thi-lợi-cúc-đa buồn bã không vui, đã là thầy trò, tuy thầy có những việc

thua kém nhưng Thi-lợi-cúc-đa vẫn muốn cho thầy mình chiến thắng. Thi-lợi-cúc-đa bèn đến chỗ của Phú-lan-na nói:

— Thầy đừng nên buồn rầu. Nay Thọ-đề-già hủy nhục thầy nhưng thầy vẫn còn được về nhà, không có gì đáng xấu hổ. Nếu như tôi mời thầy của Thọ-đề-già đến nhà thì chỉ được vào mà không được ra.

Nói xong, Thi-lợi-cúc-đa liền đến Kỳ hoàn cầu thỉnh Đức Thế Tôn, trong tâm thật tà vạy nhưng giả bộ cung kính, chấp tay hướng về Đức Thế Tôn mà nói bài kệ:

*Mai con thiết lễ mọn
Cúi xin đến nhà con
Bậc hơn hết ba cõi
Xin Ngài không từ chối.*

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn biết trong tâm Thi-lợi-cúc-đa tà vạy, nhưng bên ngoài thì tỏ ra cung kính, liền nói kệ:

*Trong tâm hai tính cách
Ngoài tỏ vẻ hiền lành
Giống như nơi có cá
Thì nước bị lay động,
Ví như làm anh lạc
Trong đồng ngoài mạ vàng
Người trí xem xét rồi
Biết chẳng phải vàng thật.
Tâm có sự hẹp hòi*

*Ngoài mặt sẽ có khác
 Vô tâm còn biết được
 Hướng gì là có tâm.
 Thuần vàng hình sắc đẹp
 Người xem biết đúng vàng
 Nếu dùng vàng mạ đồng
 Khéo phân biệt không thật.*

Đức Thế Tôn biết rõ Thi-lợi-cúc-đa có tâm tà vạy. Như Lai Thế Tôn có tâm Đại bi thương xót, Ngài quán thấy việc cúng dường này căn lành chưa thuần thực nhưng Ngài lặng im chấp nhận lời thỉnh cầu.

Thi-lợi-cúc-đa tự nghĩ: “Nếu là Bạc Nhất Thiết Trí, thì tại sao không biết được ý định trong tâm ta mà lại chấp nhận lời thỉnh cầu của ta như thế?”, liền nói kệ:

*Sao có Nhất thiết trí
 Mà không tu khổ hạnh
 Ưa đắm các việc vui,
 Không biết được tâm ta
 Sao gọi Nhất Thiết Trí?
 Ôi! Kẻ ngu trên đời
 Không biết chỗ dở mình
 Lại có tướng công đức
 Thật không có trí tuệ
 Dối khen ngợi công đức
 Làm đắm thân tướng đẹp
 Ca tụng khắp thế gian.*

Thi-lợi-cúc-đa nói kệ xong, liền trở về nhà sắm sửa các vật cúng dường. Y trộn thuốc độc trong thức ăn và ở phía trong cửa giữa đào một cái hố rất sâu, dưới hố đốt đầy than cháy mà không có khói, rồi dùng tro đất phủ lên trên, phía trên nữa lại phủ một lớp cỏ. Lúc ấy người vợ hỏi:

– Anh làm những việc cực khổ này để làm gì?

Người chồng đáp:

– Hôm nay, anh làm những việc này vì muốn hại kẻ thù.

Người vợ hỏi:

– Ai là kẻ thù?

Thi-lợi-cúc-đa liền nói kệ:

*Ưa đắm các việc vui
Chán sợ việc khổ não
Không tu các khổ hạnh
Muốn cầu được giải thoát
Ưa thích thức ăn ngon
Lại biện thuyết mạnh mẽ
Người đàn ông họ Thích
Là kẻ thù của ta.*

Vợ của Thi-lợi-cúc-đa chấp tay nói với chồng:

– Anh hãy bỏ tâm tức giận, trước đây có lần tại nhà đưa em trai thấy Phật như Bạc Đại Trọng Phu, sao bây giờ anh sinh tâm oán ghét như thế.

Cô liền nói kệ:

Mâu-ni kia nhẫn chịu

*Dứt bỏ sự hận thù
Trừ ngã mạn, cống cao
Dứt bỏ việc tranh chấp
Oán thù với vị ấy
Vậy còn thân với ai?
Thấy tướng Đại nhân kia
Không có tâm sân hại
Thường nói lời mềm mỏng
Trước hỏi thăm, an ủi.
Đầu mũi tròn lại thẳng
Không có vết bị gãy
Nhìn thẳng, không quay đầu
Không nhìn ngó hai bên,
Lời nói không thô tục
Không nói ác, hai lời
Mặt hiền hòa, không sân
Cũng lại không bạo ác;
Lời nói không thương tổn
Cũng không gây ưu sầu
Vì sao tâm sân độc
Muốn làm hại người ấy?
Mặt Ngài như trăng thu
Mắt như sen xanh nở
Tướng đi như sư tử
Tay dài quá đầu gối
Thân như núi vàng ròng,
Anh gặp “kẻ thù” này
Thì đường ác không còn*

*Nếu không “kẻ thù” này
Thế gian khổ dữ dội
Ba đường ác đầy chật.*

Thi-lợi-cúc-đa suy nghĩ: “Em trai của Thọ-đề-già đã có ý hòa theo cô ta, vậy ta phải thận trọng, bằng không, thì cô ta sẽ tiết lộ việc của ta cho người khác biết”. Nghĩ xong, Thi-lợi nhốt người vợ vào phòng kín, rồi liền sai người đến mời các vị Ni-kiền tử đến. Thi-lợi-cúc-đa nói với các vị Ni-kiền tử:

– Hôm nay các ngài hãy xem tôi diệt trừ kẻ thù cho các ngài. Tôi đã chuẩn bị hồ lửa, cơm có trộn thuốc độc.

Các Ni-kiền tử này đốt thân bằng năm nguồn nhiệt, tất cả đều bị cháy đen như cục than, cùng nhau đến nhóm họp tại nhà Thi-lợi-cúc-đa.

Thi-lợi-cúc-đa trang hoàng nhà cửa sạch sẽ, tinh khiết như cây quý Tra-ca. Các Ni-kiền tử đã đến nhà ông và ở trên lầu, giống như một đàn chim, cũng như chim Câu-xí-la. Như những con ong đen vây quanh bên cây quý Tra-ca vui mừng hớn hở, các Ni-kiền tử cũng như vậy. Họ nói:

– Chúng ta hãy xem Sa-môn Cù-đàm bị thiêu cháy ở đây. Nếu không bị lửa đốt thì cũng bị cơm độc làm hại, nhất định sẽ chết.

Nói rồi, họ mỉm cười vui vẻ. Thi-lợi-cúc-đa sai một người đến chỗ Đức Phật và thưa:

– Bạch Thế Tôn, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong.

Lúc các Ni-kiền tử và Phú-lan-na bàn luận với nhau việc này thì vị Thần trong nhà Thi-lợi-cúc-đa buồn lo, than khóc nói:

Đức Như Lai Thế Tôn là Bạc Đại Hùng trong ba cõi, là Phật Bà-già-bà, vì sao lại sinh tâm ác muốn hại Ngài? Nay ta hoàn toàn không còn con đường sống. Vì sao? Vì Đức Như Lai Thế Tôn là Bạc Vô Thượng trong ba cõi, nếu Ngài chết ở đây thì tiếng xấu sẽ đồn khắp thế gian. Tất cả các Thiện thần đều chê cười ta, cho ta là người xấu làm sao ta sống được? Thuở xưa, khi Đức Như Lai còn tu hạnh Bồ-tát, Ngài đã không tiếc tài sản, thân thể, tay chân. Vì thương xót chúng sinh nên Ngài làm những việc như vậy, hướng gì ngày nay mà Ngài yêu quý thân mình? Làm sao đối với người như vậy mà lại sinh tâm tội ác, giết hại, cho nên nhất định ta sẽ bỏ mạng. Lại nữa, Đức Như Lai ở đời hiện tại vì chúng sinh nên Ngài tu khổ hạnh trong suốt sáu năm, một ngày chỉ ăn một hột gạo, một hạt mè, thân thể gầy gò, xương thịt khô khan.

Thần liền nói kệ:

*Như Lai tu khổ hạnh
Sáu năm tự khô kiệt
Làm việc khó khổ này
Vì tất cả chúng sinh*

*Bạc Từ Mẫn như vậy
Vì sao muốn hại Ngài?*

Thi-lợi-cúc-đa sai người đến rừng Trúc, nói:

– Bạch Thế Tôn, thức ăn đã chuẩn bị đầy đủ xin Ngài biết cho đã đến giờ.

Khi ấy, với tâm được xông ướp bằng đức tánh đại Bi, Đức Thế Tôn vì muốn làm lợi ích cho các chúng sinh nên Ngài duỗi tay nói:

– Than ôi! Kẻ phàm phu ngu si, ngay bây giờ người nên thấy rõ Chân đế, thuở xưa người đã cúng dường chư Phật, có nhân duyên giải thoát, căn lành đã chín muồi, sao người lại sai người làm những việc điên đảo, dùng hàm lửa, cơm độc để thiết đãi Ta? Tại sao người làm việc cực ác như vậy mà đến đây mời thỉnh Ta? Việc làm này rất phi lý.

Ngài nói kệ:

*Thuở xưa Ta đã từng
Tu khổ hạnh sáu năm
Vì tất cả chúng sinh
Làm những việc khó làm
Nay vì sao chúng sinh
Trở lại muốn hại Ta?
Than ôi! Thật ngu si
Kẻ mù không mắt tuệ
Làm những việc phi pháp
Muốn nào hại oan uổng.
Ta nghĩ nhớ chúng sinh*

Hơn lòng từ cha mẹ
 Vì sao đối với Ta
 Mà sinh tâm tàn hại?
 Bây giờ đã đúng lúc
 Theo thường pháp chư Phật
 Vì cứu giúp chúng sinh
 Như thầy thuốc chữa bệnh
 Mỗi một lời hủy nhục
 Cũng nên sinh tâm nhân.
 Nay Ta như thầy thuốc
 Đi đến nơi nhà kia.
 Vì sao đến nơi ấy?
 Vì tâm Bi bức xúc.
 Như người bị bệnh nặng
 Tâm ý không ổn định
 Nên hủy mạng thầy thuốc
 Vì để trị bệnh nặng
 Cũng không trách người bệnh.
 Ngày nay các chúng sinh
 Quỷ phiến não trong tâm
 Ngu si không phân biệt
 Vô có muốn giết hại
 Nay Ta cũng như vậy
 Chỉ giết quỷ phiến não
 Không trách cứ người kia.

Đức Thế Tôn rời chỗ ngồi đứng dậy, Ngài lộ vẻ không vui, lại nói kệ:

A-nan đem y đến

*La-hầu-la lấy bát
 Nan-đà cũng đi theo.
 Hãy mau gọi Tỳ-kheo
 Không được dừng không đi
 Phải nên mau đến đó
 Thi-lợi-cúc-đa kia
 Đang chờ được giáo hóa.
 Ta sống thân rắn độc
 Vì muốn độ chúng sinh
 Nay Ta chữa oán này
 Vì lợi ích chúng sinh.*

Lúc bảy giờ Đức Như Lai ra khỏi rừng Trúc, như đám mây tan thì mặt trời xuất hiện. Thần cây nhìn bằng mắt trời thấy trong nhà của Thi-lợi-cúc-đa có đào một hầm lửa và chuẩn bị cơm có thuốc độc. Thần than khóc thảm thiết, vì kính yêu Đức Phật nên đánh lễ dưới chân Ngài, cố nhìn dung nhan Đức Phật mà nói kệ:

*Tâm kẻ kia tàn ác
 Không có tâm ích lợi
 Xin Phật không nên đến
 Nên trở về rừng Trúc!
 Thế Tôn rất khó gặp
 Nhiều kiếp mới một lần
 Phật tuy không tiếc thân
 Nhưng vì độ chúng sinh
 Như thân tốt đẹp này
 Cần phải nên gìn giữ.*

Người chưa được cứu độ
 Phải làm cho được độ
 Người sợ cho không sợ
 Người mệt được nghỉ ngơi
 Giúp người không chỗ nương
 Có được chỗ nương tựa
 Nói tóm lược lại thì
 Có vô lượng lợi ích.
 Chỉ xin Phật Thế Tôn
 Chớ đi đến nhà ấy
 Mà làm chỗ nương tựa
 Cho Trời, A-tu-la.

Lúc ấy Đức Thế Tôn biết mà cố hỏi. Ngài hỏi Thiên thần:

– Này Thiên thần, vì việc gì mà không nên đến chỗ của Thi-lợi-cúc-đa?

Lúc ấy, có vị trời nói kệ:

Nhà Thi-lợi-cúc-đa
 Đào hầm lửa thật sâu
 Đốt lửa đầy trong đó
 Rồi nguy trang ở trên.
 Đức Phật lại nói kệ:
 Lửa tham dục ngu si
 Rất khó dập tắt được
 Ta tưới bằng nước trí
 Chúng hoàn toàn tắt ngấm
 Huống gì lửa thế gian

*Làm sao hại Ta được?
 Lửa dữ ở địa ngục
 Đốt cháy khắp thế gian
 Đốt trời đất bảy ngày
 Thế gian đều tiêu tan,
 Thứ lửa dữ như thế
 Còn không thể hại Ta
 Thì lửa của Thi-lợi
 Làm sao hại Ta được?*

Lại có vị trời nói:

– Bạch Thế Tôn, lửa không thể nào thiêu đốt Như Lai nhưng nếu Ngài ăn cơm độc thì sẽ như thế nào? Nay Thi-lợi-cúc-đa bị chất độc tà kiến làm nhuốm bản tâm mình. Với tâm ác nghịch độc hại, ông ta trộn thuốc độc vào cơm để hại Ngài. Lại nữa, bên trong tà vạy bên ngoài làm ra vẻ hiền lành đến mời thỉnh Đức Thế Tôn. Thế thì trong lòng ông ấy thật là xấu ác, cúi xin Ngài không nên đi đến đó.

Phật bảo vị trời ấy:

– Ta đã dùng thuốc Từ bi A-già-đa để thoa thân tâm, chất độc tham ái rất khó làm hại. Ta đã nhổ sạch cội gốc của nó từ lâu rồi, huống gì là chất độc của thế gian mà hại được Ta, vậy người chớ có ưu sầu lo lắng.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn từ rừng Trúc đi đến cửa thành. Thần cây trông thấy Đức Thế Tôn tiến thẳng vào thành bèn thưa:

– Đức Như Lai Thế Tôn sẽ không trở về rừng Trúc này nữa, ngày nay Phật hướng về nơi giải thoát kia, cũng như mặt trời mọc thì nhất định chỉ hướng về phía Tây.

Mắt vị Thần ấy cứ nhìn mãi, sợ rằng sau này không còn thấy Ngài. Nếu như lửa không thiêu đốt thì nhất định cơm độc sẽ hại Ngài, vì các nhân duyên khó thấy, chỉ có người nào có phước đức mới trông thấy được. Ngài phá dẹp sự luận bàn, trong đại chúng cất tiếng sư tử rống, người có phước mới được nghe, người có phước lợi mới được lay dưới chân Ngài.

Đức Thế Tôn đi lên lầu báu với các căn vắng lặng. Các thầy Tỳ-kheo đều theo sau, giống như mặt trăng sáng, các ngôi sao vây quanh, đến nhà của Thi-lợi-cúc-đa. Bấy giờ vị Thần trong nhà của Thi-lợi-cúc-đa cất tiếng muốn khóc:

– Than ôi! Lạ thay! Đức Phật lại đến đây, hôm nay Thi-lợi-cúc-đa đào hầm lửa và làm cơm độc muốn hại Ngài.

Vị Thần trong nhà lễ dưới chân Ngài và nói kệ:

*Khi con chưa thấy Phật
Thì mong Ngài đến nhà
Nay thấy Phật đến nhà
Trong tâm không vui mừng
Sở dĩ không vui mừng
Vì có việc phi pháp.*

*Tướng tốt, thân trang nghiêm
 Chiêm ngưỡng không nhàm đủ
 Như Bạc Đại Nhân này
 Nay sẽ thành đống tro.
 Ta nhớ nghĩ việc ấy
 Thân thể muốn chết đi
 Ai thấy việc như vậy
 Mà không bị khổ não.
 Giả sử rất hung dữ
 Ngu si tàn hại người
 Nếu thấy thân Như Lai
 Không nổi sinh tâm ác
 Huống gì là giết hại.
 Trống vào miệng La-hầu
 Người đời đều giận dữ
 Lành thay! Ngài hãy về
 Hàm lửa sâu bảy nhận
 Dưới đó lửa cháy hừng
 Xin đừng vào chỗ này
 Tự giữ và giữ con
 Cùng giữ người chủ ấy
 Và tất cả chúng sinh.*

Đức Thế Tôn bảo vị Thần trong nhà Thi-lợi-cúc-đa:

— Đao kiếm, chất độc, nước, lửa không thể nào làm hại tâm Từ.

Ngài liền nói kệ:

*Ta cứu giúp chúng sinh
Nghĩ như đứa con một
Giả sử muốn hại Ta
Ta cũng sinh tâm Từ.
Lửa phiền não cháy mạnh
Tâm Từ giúp bỏ ác
Do vì nhân duyên này
Lửa nào đốt được Ta.*

Đức Phật bảo vị Thần trong nhà:

– Ông đừng sợ nữa, nay Ta cất tiếng sư tử rống để dẹp tan ngoại đạo, như La-hầu-la nuốt mặt trời, mặt trăng. Ta không thể bị Thi-lợi-cúc-đa làm hại, nếu không trừ được thì làm sao hàng phục được ma chướng?

Sau khi an ủi vị Thần trong nhà, Đức Thế Tôn liền đi vào nhà. Khi ấy bọn ngoại đạo trông thấy Đức Phật vào nhà, trong tâm rất vui mừng và nói với nhau:

– Sa-môn Cù-đàm đã vào đến cửa ngoài, lại vào đến cửa giữa.

Phật dùng uy quang không sợ đi thẳng vào không e ngại, đến cửa thứ ba và dần dần đến gần hầm lửa. Bấy giờ Thọ-đề-già đang ở trong phòng trống, nghe Đức Phật đến bên hầm lửa, trong lòng cuồn cuộn, cô nghĩ: “Đức Như Lai đã đến gần hầm lửa, nếu chân Ngài đạp lên cỏ thì lửa sẽ bùng lên. Ôi! Thật là khủng khiếp”. Cô nói kệ:

Nay sẽ chìm trong khói
Sắc sụa chảy nước mắt
Khi lửa cháy đốt y
Thì làm sao giữ được?
Mắt nhìn cầu cứu giúp
Nghiêng ngả khắp chung quanh
Đã bị đốt cháy rồi
Uy quang đâu còn nữa.
Thân mình bị đốt cháy
Đầu tóc cháy rơi rụng
Trán rộng, tướng lông trắng
Nay đều tiêu diệt hết.
Như chim hộc trên hoa
Bị lửa đốt cháy rụi
Mặt như trăng tròn sáng
Chúng sinh nhìn mắt Ngài
Như được uống cam lộ
Đã rơi xuống hầm lửa
Sợ hãi nhìn bốn bên
Lửa dữ không thương xót
Sẽ đốt khiến cháy rụi.
Màu vàng ròng tinh luyện
Người thấy đều vui mừng
Lửa phủ Bạc Đại Nhân
Tốt đẹp rất khác thường
Hình dung như thế này
Nay lửa làm co rút.
Tóm lại mà nói thì

*Giống như cuộn vải vàng
 Cuốn tròn lại một chỗ
 Lăn lăn bị tiêu diệt
 Khi mặt trăng sắp lặn
 Thân Phật rất nhiệm mầu
 Người thấy thân tâm vui
 Như Lai rất kỳ lạ
 Thế gian không ai bằng.*

Đức Như Lai đã vào cửa thứ ba và dần dần tiến đến gần hầm lửa. Các Ni-kiền tử ở trên lầu trông thấy Ngài đã đến gần hầm lửa trong tâm vui mừng hơn hờ. Như cây ở giữa gò mả có bầy chim đậu trên đó, bầy chim này muốn được ăn thịt người chết, các Ni-kiền tử ở trên lầu cao cũng như vậy. Trong lòng Phú-lan-na vui mừng, bèn nói kệ:

*Ông khéo làm huyền thuật
 Xoay chuyển các thế gian
 Giờ đây rơi hầm lửa
 Còn làm huyền nữa không?
 Lại có một Ni-kiền
 Nói lời như thế này:
 Một chân đã bước lên
 Vì sao không rơi xuống
 Vì mắt ta không rõ
 Đây là mộng huyền chăng?*

Đức Thế Tôn dùng bàn chân hình bánh xe bước lên hầm lửa và biến hầm lửa thành ao nước trong mát, trong ao mọc đầy hoa sen, lá sen tròn tốt, hoa

nở tươi đẹp. Các hoa sen có hoa nở rộ, có hoa chưa nở.

Thi-lợi-cúc-đa thấy việc ấy, liền nói với Phú-lan-na:

– Phú-lan-na, trước đây ngài nói muốn cùng với Đức Phật luận bàn Nhất thiết trí, nay ngài hãy bỏ lời ấy đi.

Thi-lợi-cúc-đa bèn nói kệ:

*Lành thay! Hãy tin hiểu
Phải dứt tâm giận tức
Bỏ đi ý giận ghét.
Ông nên xem Cù-đàm
Oai nghi chưa từng có
Lửa dữ biến thành nước
Đất đều hóa thành cá
Các than lửa trong hầm
Đều biến thành ong đen,
Lại ở trong ao nước
Hóa ra các hoa sen
Có đủ cả ngàn cánh
Mọc đầy khắp trong ao,
Râu sen rất rục rở
Như hoa nở mùa thu
Trăm cánh rất mềm mại
Xinh đẹp khắp trong ao.
Các chim hạc trong đó
Đều hát tiếng êm tai*

*Chim Ca-lan-đà thả
 Cũng nô đùa vui chơi
 Vẫy cánh tạt nước nhau,
 Bầy ong vây quanh Phật
 Vo ve tiếng nhiệm màu
 Chim Uyên ương từng đôi
 Đều vui vẻ tự tại.*

Bấy giờ Phú-lan-na bảo Thi-lợi-cúc-đa:

– Ông chớ để cho những trò huyền thuật của Cù-đàm làm cho mê muội.

Thi-lợi-cúc-đa sinh tâm rất kính tin đối với Đức Như Lai, nói với Phú-lan-na:

– Đây là huyền à?

Phú-lan-na đáp:

– Đúng vậy. Đây là do huyền hoặc tạo ra.

Thi-lợi-cúc-đa nói:

– Ngài có phải là bậc Nhất thiết trí không?

Phú-lan-na đáp:

– Tôi là bậc Nhất thiết trí.

Thi-lợi-cúc-đa lại nói

– Nếu ngài đúng là bậc Nhất thiết trí thì hãy nghe tôi nói.

Vị ấy liền nói kệ:

*Nếu là Nhất thiết trí
 Ngài phải biết huyền này
 Nay sao ngài không làm
 Những việc huyền hóa này?*

*Nếu ngài không biết làm
Chẳng phải Nhất thiết trí.*

Khi ấy Phú-lan-na cặn lời đuôi lý nên không thể đáp lại. Các Ni-kiền tử nói với Thi-lợi-cúc-đa:

— Ông không nên nói như vậy. Vì sao? Vì Phú-lan-na đúng thật là bậc Nhất thiết trí, ông ấy có thể thị hiện tất cả.

Thi-lợi-cúc-đa nói với các Ni-kiền tử:

— Các ông cố cho rằng Phú-lan-na là bậc Nhất thiết trí phải không? Phú-lan-na có nghĩa là đầy khắp, vì ông ta làm các việc ác đầy khắp địa ngục, nên gọi là Phú-lan-na. Các ông đối với Phú-lan-na là người đã gây tội lỗi đầy khắp đường ác mà còn có ý nghĩ cho rằng ông ta là bậc Nhất thiết trí hay sao?

Thi-lợi-cúc-đa lại nói:

— Còn đối với Đấng Thích Chủng đã đạt được sự giải thoát là Đấng Như Lai Chánh Đẳng Giác mà các ông không có ý nghĩ Ngài là Bậc Nhất Thiết Trí ư?

Vị ấy liền nói kệ:

*Các người hãy đi đi
Thật là kẻ vô tâm!
Nếu các ông có tâm
Giả sử như kim cương
Thấy việc ít có này
Còn nên sinh kính tin,*

*Hiện thấy Đức Như Lai
Làm việc chưa từng có
Mà không sinh lòng tin
Thì đó là ngu si.*

Bấy giờ các Ni-kiền tử đều bỏ ra về, như vị chú sư tài giỏi làm cho các quỷ bỏ chạy tứ tán, như ánh mặt trời xuất hiện thì bóng tối đều tan biến.

Thi-lợi-cúc-đa thấy các Ni-kiền tử đã bỏ ra về, liền nói kệ rằng:

*Sợ sệt mắt dớn dác
Kinh hãi đua nhau về
Nhờ sức oai thần Phật
Sợ hãi đều bỏ về.
Nay Ni-kiền thất bại
Cũng như ma quân thua
Bụi dơ lấm thân thể
Như mặc áo giáp dày.
Khi ấy các Ni-kiền
Bỏ về thật mau chóng
Giống như con nghé kia
Bị trúng độc trong rừng
Lăn lộn bùn dính thân
Cuồng chạy không tự dừng
Như mây đen bủa khắp
Gió thổi tự nhiên tan.*

Bấy giờ các Ni-kiền đã bỏ về hết. Trong lòng của Thi-lợi-cúc-đa rất hổ thẹn, ông nghĩ: “Ai sẽ

đưa ta đến gặp Đức Thế Tôn?”. Ông lại nghĩ: “Thọ-đề-già trước đây có gặp Đức Phật, nay ta sẽ cùng nàng đến chỗ Đức Thế Tôn”.

Nghĩ rồi, Thi-lợi đến trước cửa phòng vợ mình, gõ cửa kêu vợ và nói kệ:

*Lành thay! Em thật là
Pháp khí mẫu vô thượng
Do em có trí tuệ
Gần gũi thờ phụng Phật.
Bởi do ta tà kiến
Thờ phụng các Ni-kiền
Giờ em mau bước ra
Cùng em cùng đường Phật.*

Thọ-đề-già nghe chồng nói xong, thầm nghĩ: “Thi-lợi-cúc-đa đã hại Phật rồi, lại còn đến dối gạt ta”.

Nàng bật khóc, trong tâm không vui, liền nói kệ:

*Anh biết tôi sâu khổ
Nên đến đùa giỡn tôi
Nay ta làm thế nào?
Để đến gặp Như Lai
Khi Kiền tử tập hợp
Giống như đám sâu trùng
Ngọn lửa hừng tà kiến
Làm tắt đèn họ Thích.*

Thi-lợi-cúc-đa nói với vợ:

– Chẳng lẽ em không biết năng lực thần thông của Phật hay sao mà lại nói như vậy?

Ông liền nói kệ:

*Tất cả lửa thế gian
Sao thiêu đốt Phật được?
Ai đốt được Kim cang
Ai nâng được quả đất?
Em xem Đấng Thập Lực
Phá tan các ngoại đạo
Khắp bốn bên hầm lửa
Hoa sen đều nở rộ
Như chim ở giữa hoa
Hoa vây quanh Đức Phật.*

Nghe kệ xong, vợ của Thi-lợi từ xa thấy Đức Thế Tôn trong hoa sen nên nàng rất vui mừng hơn hờ nói:

– Đức Phật không bị thiêu đốt.

Thi-lợi-cúc-đa nghẹn ngào rơi lệ, nói kệ:

*Thân Kim cang của Phật
Không gì thiêu đốt được
Do gần Phú-lan-na
Nay ta tự thiêu đốt
Cũng như ít củi ướt
Để ở gần củi khô
Khi châm lửa để đốt
Cả hai đều bị cháy.*

Lúc bấy giờ vợ của Thi-lợi vội ra khỏi nhà và

đến chỗ Đức Thế Tôn, đánh lễ dưới chân Ngài, quỳ gối chấp tay, ngược nhìn dung nhan Phật mà nói kệ:

*Thấy được oai dung Ngài
Thế gian đều kính tin
Nay con nhờ có phước
Lại được nghe âm thanh.
Mặt như trăng tròn sáng
Nay con được trông thấy
Nay con nhờ có phước
Lại được thấy Thế Tôn.
Thân tướng hảo trang nghiêm
Nếu đã bị hoại diệt
Tiếng xấu sẽ đồn khắp
Đốt mất thân chúng con.*

Người vợ đã chuẩn bị đầy đủ các vật cúng dường, thỉnh cầu Đức Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo an tọa, rồi nói với chồng:

— Thánh tử, anh hãy đến đánh lễ dưới chân Đức Thế Tôn.

Lúc ấy Thi-lợi-cúc-đa nước mắt lưng tròng, nói kệ rằng:

*Nay con làm hãm lửa
Muốn giết hại Thế Tôn
Bây giờ mặt mũi nào
Mà dám đến gặp Ngài.*

Bây giờ người vợ nói với chồng:

– Thánh tử, anh đừng có mặc cảm như vậy. Đức Như Lai không bao giờ có tâm giận ghét.

Cô liền nói kệ:

*Như hươu tay trong không
Không hề bị chướng ngại
Pháp chư Phật cũng vậy
Phật đối tất cả pháp
Không nhiễm cũng không đắm
Lìa tám pháp thế gian
Như hoa sen trong nước.
Thuở xưa Đề-bà-đạt
Tâm tức giận che mờ
Vì muốn làm hại Phật
Bèn xô tảng đá lớn
Lăn từ trên không xuống
Không thể giết hại Phật,
Như La-hầu-la kia
Chính là con Như Lai
Phật đối với hai người
Bình đẳng không thương ghét.
Như hai mắt không khác
Đối với các chúng sinh
Từ bi hơn con một
Ngài không bao giờ có
Tâm oán ghét anh cả
Vì thế không nên sợ.*

Thi-lợi-cúc-đa vì hổ thẹn, nên vợ phải dìu đi, môi miệng khô khát, lê chân từng bước như kẻ sắp

chìm xuống đất, toàn thân run rẩy, tâm khiêm hạ rất sợ sệt, gieo năm vóc sát đất buồn bã than khóc và nói kệ:

*Thà ôm đống lửa cháy
Cùng với rắn độc dữ
Chứ không gần bạn ác.
Nay con làm kẻ xấu
Bị rắn độc cắn hại
Về nương thầy thuốc hay
Mong được trừ độc hại.
Đáng Chân Tế ba cõi
Nguyên lại được thương xót
Con gây tội ác nặng
Xin Ngài rủ lòng thương
Cho con được sám hối.*

Bấy giờ sắc mặt Đức Thế Tôn rất vui, Ngài bảo Thi-lợi-cúc-đa:

– Thánh tử, ông chớ lo sợ!

*Đứng dậy, Ta không giận
Không còn tâm oán thân
Tay phải thoa chiêm-đàn
Tay trái bị dao cắt
Đối với hai người này
Xem như nhau, không khác.*

Hôm nay việc này đối với Ta không phải là hiểm có. Ta đã dứt bỏ kết sử, không có tâm thêm bớt. Xưa kia, khi Ta làm voi trắng bị chắt độc hại,

Ta vẫn dùng hai chân để che chở, cứu giúp cho người săn bắn không bị thương.

Lại nữa, khi Ta làm con rùa, bị người ác cắt xẻ tay chân, thân thể ra từng miếng nhưng Ta không khởi tâm giận tức. Có lúc, Ta làm con gấu, thương người bị nạn. Lúc ấy kẻ bị nạn còn chỉ cho người thợ săn chỗ ở của Ta, nhưng Ta không khởi tâm giận tức. Khi Ta làm vị Tiên tay, chân, tai, mũi đều bị cắt đứt mà Ta không khởi lên một chút tâm giận hờn. Thuở xưa, khi Ta bị Bà-la-môn Nhất Thiết Thí chặt cổ, Ta cũng không có tâm tức giận, huống gì hôm nay Ta đã dứt bỏ tất cả kết sử mà có tâm giận ghét người hay sao? Cũng như hư không không dính bụi bặm và như hoa sen không bị dính nước, Ta tránh xa tám pháp cũng như vậy.

Bấy giờ Thi-lợi-cúc-đa chấp tay bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, nếu thương con, xin Ngài hãy đợi con trong chốc lát, con sẽ làm cơm cúng dường.

Đức Phật dạy:

– Thế chẳng phải ông đã sai người đến thưa với Ta đã đến giờ ăn hay sao?

Thi-lợi-cúc-đa thưa:

– Đúng thật vậy! Con đã sai người đến thỉnh Đức Phật, nhưng con đã làm việc không có lợi ích.

Đức Phật dạy:

– Nhưng Ta đã dứt bỏ được những việc làm

không lợi ích, vậy hôm nay ông đã làm việc gì không lợi ích?

Thi-lợi-cúc-đa nói kệ:

*Do ngu, con làm việc
Kẻ sẵn giết không làm
Lỗi con nặng hơn họ
Trộn thuốc độc vào cơm
Nhưng không hại được Phật
Chỉ tự hại thân mình.*

Đức Phật dạy Thi-lợi-cúc-đa:

– Bây giờ đã đúng lúc ông làm việc cúng dường.

Thi-lợi-cúc-đa đáp:

– Bạch Thế Tôn, cơm con cúng dường có trộn thuốc độc.

Đức Thế Tôn nói kệ:

*Ròng chúa Bà-tu-kiết
Khi tức giận dữ dội
Nhưng chất độc dữ này
Không làm hại Ta được.
Nay Ta tu tâm Từ
Cơm độc đâu hại được
Ta dùng quả đại Từ
Nay sẽ chỉ dạy ông.*

Thi-lợi-cúc-đa liền đem cơm độc đến trước Đức Thế Tôn, buồn khóc thưa:

Nay con đem cơm độc

*Kho tàng ngầm công đức
 Tâm con rất độc ác
 Biểu hiện bằng cơm độc.
 Phật dứt bỏ ba độc
 Thần tức trừ cơm độc
 Ngài dùng giúp cho con
 Có được tâm bất động.*

Đức Phật dạy các Tỳ-kheo:

– Các thầy phải đợi xướng Tăng bát sau đó mới được ăn.

Ngài nói kệ:

*Ở trước vị Thượng tọa
 Khi xướng Tăng bát rồi
 Các độc tự tiêu tan
 Các thầy mới ăn được.*

Khi xướng Tăng bát rồi, Đức Phật và chúng Tăng đều thọ trai. Thi-lợi-cúc-đa xem xét trên dưới rồi suy nghĩ:

– Nay trong chúng đây, không ai bị trúng độc.

Thấy các thầy Tỳ-kheo đều được an ổn không bị trúng độc, Thi-lợi-cúc-đa càng thêm kính tin, sinh tâm vui mừng.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nghĩ: “Thi-lợi-cúc-đa đã được tâm kính tin và nhân duyên đã đúng thời, phải nên làm gì? Ta sẽ dập tắt lửa phiền não và dứt bỏ tà kiến cho ông ta.” Đức Phật đúng như sự thích ứng liền nói pháp Tứ đế. Thi-lợi-cúc-đa

nghe pháp xong tin hiểu, dứt bỏ kết sử, kiến đế, loại bỏ chất độc thân kiến, dập tắt lửa các sử.

Do được Kiến đế nên Thi-lợi-cúc-đa nói kệ:

*Con vượt khỏi ngu si
 Và biến lớn tà kiến
 Không còn sợ đường ác,
 Con sắp vào chỗ tối
 Gặp Phật được đèn sáng
 Sắp vào trong lửa dữ
 Lại được ao mát mẻ.
 Lành thay! Phật Đại Nhân
 Lành thay! Pháp thanh tịnh
 Không thể nói cho hết
 Nay con chỉ nói lược,
 Con vốn muốn cho độc
 Mà được ăn cam lộ
 Tranh chấp đáng mất của
 Trái lại được lợi lớn
 Vì thế gần gũi Phật
 Chúng sinh mở mắt tuệ
 Và được thấy đường chánh.*



ĐẠI TRẠNG NGHIÊM KINH LUÂN

QUYỂN 14

Chương 68

Đức Phật xuất hiện ở thế gian rất hy hữu, mặc dầu người nữ có kết sử nặng nề nhưng vẫn được giải thoát.

Tôi từng nghe:

Khi sắp nhập Niết-bàn, Tỳ-kheo-ni Cù-đàm-di, di mẫu của Đức Phật muốn mọi việc trang nghiêm tốt đẹp. Bấy giờ, ở giữa đại chúng, Đức Thế Tôn nhảy mũi. Vì nuôi dưỡng và thương yêu Đức Phật như con ruột của mình, nên khi nghe tiếng nhảy mũi của Đức Phật, bà Cù-đàm-di liền chúc:

– Cầu Thế Tôn trường thọ! Những âm thanh như thế sẽ chuyển đến Phạm thiên.

Đức Phật bảo bà Cù-đàm-di:

– Này Cù-đàm-di, đây chẳng phải pháp chú nguyện kính Phật đâu!

Ngài nói kệ:

*Nên siêng năng tinh tấn
Điều phục ở thân ta*

*Siêng tu pháp chắc thật
 Siêng làm việc tinh tấn
 Thấy nơi chúng Thanh văn
 Tất cả đều hòa hợp
 Khi kính lễ Thế Tôn
 Nên lập nguyện như thế.*

Khi ấy, Tỳ-kheo-ni Cù-đàm-di nghĩ: “Chúng Thanh văn hòa hợp gọi là lễ Phật nhưng Thế Tôn vẫn không làm cho chúng Thanh văn hòa hợp mãi, cũng không muốn thấy họ có sự biệt ly. Vì lý do này, ta không muốn thấy Đức Phật nhập Niết-bàn và chúng Thanh văn của Ngài bị phân tán. Do nguyên nhân này, ta nên nhập Niết-bàn trước Ngài”.

Bấy giờ, biết Cù-đàm-di muốn nhập Niết-bàn, Thiên thần ở Già-lam của Ni buồn rầu khóc lóc, rơi lệ trên áo Tỳ-kheo-ni. Lúc đó vị Tỳ-kheo-ni xem xét Thiên thần ấy vì lý do gì rơi lệ trên áo bà. Quán sát xong, biết bà Cù-đàm-di muốn nhập Niết-bàn, năm trăm Tỳ-kheo-ni đều đến chỗ Cù-đàm-di. Tôn giả Ni nói với họ:

– Nay chư Hiền, khó có thể ở lâu trong rừng rậm độc tứ đại. Vì thế, tôi muốn nhập Niết-bàn. Thiên thần ấy có tâm mềm yếu nên khóc lóc làm rơi lệ trên áo người.

Năm trăm vị Tỳ-kheo-ni thưa:

– Chúng ta xuất gia cùng một lúc, Tôn giả chớ

nên nhập Niết-bàn trước mà bỏ chúng con.

Họ nói kệ:

*Chúng con cùng xuất gia
Lìa vô minh tối tăm
Nay chúng con cùng đến
Thành Niết-bàn an ổn
Các sinh tử khổ não
Ở nơi rừng rậm hữu
Tại sao riêng mình đi
Đến ở chốn cam lộ?*

Tỳ-kheo ni Cù-đàm-di nói kệ:

*Các vị ngay bây giờ
Vì sao Niết-bàn hết?
Nếu các vị Niết-bàn
Ta sẽ theo các vị.*

Bây giờ Tôn giả Cù-đàm-di và năm trăm Tỳ-kheo-ni đứng dậy tạm biệt vị Thần trụ xứ để rời khỏi nơi mình ở.

– Đây là lần cuối cùng ta từ biệt căn nhà này.

Thiên thần hỏi:

– Thừa Tôn giả, ngài muốn đi đâu?

Tỳ-kheo-ni Cù-đàm-di đáp:

– Ta sẽ đến một nơi không già, không chết, không bệnh, không khổ... cho đến không yêu ghét, cũng không còn ái biệt ly. Ta muốn đến nơi Niết-bàn.

Khi ấy các phàm phu Tỳ-kheo-ni cùng lên

tiếng:

– Than ôi! Lạ lùng thay! Trong khoảng một sát-na mà tất cả Tăng phường của Tỳ-kheo-ni đều trống rỗng, ví như dây ngân hà trên không biến mất khắp bốn phương.

Tỳ-kheo-ni Cù-đàm-di và năm trăm Tỳ-kheo-ni đều ra đi, như sông Hằng và năm trăm con sông cùng chảy vào biển cả.

Lúc ấy các Ưu-bà-di đánh lễ sát chân Tôn giả Cù-đàm-di rồi thưa:

– Cúi xin ngài thương xót, chớ nên bỏ chúng con!

Các Tỳ-kheo-ni an ủi các Ưu-bà-di:

– Bây giờ các người chớ nên buồn rầu!

Tôn giả nói kệ:

*Chúng tôi đã biết khổ
Đoạn trừ tập trói buộc
Do tu bát Chánh đạo
Chúng đắc được Diệt đế.
Việc làm đã làm xong
Các người chớ buồn khổ
Tăng chúng Phật còn đủ
Tạng pháp Mâu-ni còn
Thế Tôn còn tại thế
Tôi nên nhập Niết-bàn.
Tỳ-kheo Kiều-trần-như
A-phú, các vị khác*

Bạc vô cầu như vậy
Chưa có ai phân tán
Tôi muốn nhập Niết-bàn.
Nan-đà, La-hầu-la
A-nan, Tam-ma-đà
Cho đến A-nan-đà
Các vị còn ở đời
Tôi nên nhập Niết-bàn.
Mâu-ni được an ổn
Tỳ-kheo Tăng hòa hợp
Phá hoại bọn ngoại đạo
Tà đạo cũng lụi tàn
Bạc Tôi Tôn hãy còn
Nay tôi nhập Niết-bàn
Chính là lúc tốt nhất.
Tâm tôi nguyện giải thoát
Đến nay được đầy đủ
Các người vì có gì
Buồn khóc đến rơi lệ?
Hãy đánh trống vui mừng
Âm thanh chưa chấm dứt
Tôi đến nơi giải thoát
Nay chính là lúc ấy
Các người chớ nên buồn!
Nếu các người nhớ ta
Nên siêng năng hộ pháp
Khiến chánh pháp trường tồn
Tức là nhớ nghĩ ta.

*Thế nên siêng tinh tấn
 Phải hộ trì chánh pháp.
 Phật đem lòng thương xót
 Cho người nữ xuất gia
 Các người nên hộ giới
 Chớ để người mạ nhục
 Cho đến đời vị lai
 Đừng để họ chê Ni.*

Các Tỳ-kheo-ni an ủi các Tỳ-kheo-ni khác và các Ưu-bà-di. Khi ấy năm trăm vị Tỳ-kheo-ni đi đến gặp Đức Thế Tôn, sửa lại y Uất-đa-la-tăng, họ đánh lễ sát chân Ngài rồi quỳ xuống chấp tay nói kệ, thưa:

*Nay con là Phật mẫu
 Như Lai là cha con
 Con từ pháp sinh ra
 Sữa con nuôi sắc thân
 Phật nuôi Pháp thân con
 Sữa con đổi Thế Tôn
 Hết khát trong giây lát
 Sữa pháp Ngài cho con
 Mãi mãi không đói khát
 Đoạn sạch các ân ái.
 Nay con sẽ lược nói
 Tuy con đem sữa nuôi
 Báo ân là lớn nhất
 Nguyên tất cả người nữ
 Có con giống như Phật.*

*La-ma và A-thuần
Bà-tu và các mẹ
Ở trong chốn biển hữu
Luân hồi không thỉ chung
Ý con nhờ vào Phật
Vượt qua biển sinh tử.
Người nữ rất cao quý
Mọi người xưng hoàng hậu
Mẹ Bạc Nhất Thiết Trí
Danh ấy khó có được.
Ý nguyện có lớn nhỏ
Nhưng con đều đầy đủ
Giờ đây muốn Niết-bàn
Bạch Phật để Ngài biết.
Chân như cánh hoa sen
Luân tướng rất sáng tỏ
Xin cho con trọn nguyện
Đảnh lễ lần sau cùng,
Cung kính lần sau cuối
Thâm tín nên đảnh lễ
Đảnh lễ Bà-già-bà
Thân như khối vàng ròng.
Xin mở Uất-đa-la
Hiện thân cho con thấy
Nhìn toàn thân Như Lai
Con về cõi tịch diệt.*

Bấy giờ Đức Như Lai vén y Uất-đa-la-tăng, hiển bày thân ba mươi hai tướng tốt và tám mươi

vẻ đẹp. Thấy được thân tướng Thế Tôn, Tôn giả đánh lễ sát chân Ngài, thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn, con nhập Niết-bàn.

Đức Phật bảo:

– Này Cù-đàm-di, bà muốn nhập Niết-bàn, Ta cho bà được toại ý, nhưng chúng Tăng không giảm bớt. Giống như trăng sắp tàn, dần dần lặn mất, không còn gì cả. Đệ tử cứ đi trước, còn Ta sẽ đi sau.

Như đoàn người lái buôn, người lái buôn đi đường thì người chủ lái theo sau. Năm trăm Tỳ-kheo-ni nhiều quanh Đức Phật Thế Tôn như đi quanh núi Tu-di. Họ đứng trước mặt Như Lai chiêm ngưỡng tôn nhan của Ngài không biết nhàm chán. Đức Phật cho nghe âm thanh diệu pháp, họ cũng không biết nhàm chán. Khi cảm thấy được đầy đủ rồi thì họ cố giữ pháp vị. Các Tỳ-kheo-ni đến gặp các Tôn giả Nan-đà, La-hầu-la, A-nan-đà, Tam-ma-đề, Bạt-đà đánh lễ cầu xin sám hối nhưng tất cả Thánh chúng đều lặng yên không một chút gió, họ chấp tay mà nước mắt cứ tuôn tràn.

Bấy giờ Cù-đàm-di thưa với Tôn giả:

– Thưa Tôn giả A-nan, ngài là bậc Dự lưu nghe nhiều thấy rộng, tại sao bây giờ giống như phạm phu? Đức Như Lai thường dạy: Tất cả ái ân đều có biệt ly. Nếu ngài không xin Đức Thế Tôn cho tôi xuất gia thì ngày nay làm sao tôi được pháp này?

Tôn giả nói kệ:

*Nhờ ngài cầu xin Phật
Chúng con được xuất gia
Thật không uổng công ngài
Đều được quả báo thật.
Tất cả thầy ngoại đạo
Chưa từng có việc này
Ngay thân của người nữ
Có thể chứng Niết-bàn.
Nhờ Phật, Thiện tri thức
Thế nên được chứng đắc
Ngài giữ tạng Phật pháp
Phải khéo léo giữ gìn.
Đây là lần cuối cùng
Con được gặp mặt Ngài
Nay con nhập Niết-bàn
Nương theo đạo đi đến.
Giữa chúng, Phật hắt hơi
Con liền chúc trường thọ
Phật dạy: không kính lễ
Việc ấy nói như trên.
Phật cũng ủng hộ Tăng
Không muốn cho giảm bớt
Con cũng không mong muốn
Nên vào nơi giải thoát.
Gió lớn vô thường đến
Thổi đến rừng Thanh văn
Trốc gốc ngã trên đất*

Gió kim cương vô thường
 Làm sụp núi Tu-di
 Mặt trời Phật lặn mất
 Thì bóng tối bao vây.
 Phật vẫn còn tại thế
 Đạo thẳng diệu Niết-bàn
 Đấng Thập Lực chỉ dạy
 Ánh sáng pháp chiếu rạng
 Phá hoại luận đạo khác.
 Nhật quang chiếu khắp nơi
 Đức của Phật cũng vậy
 Nay gặp lúc tốt đẹp
 Cho nên muốn xả thân.

Bấy giờ ngài A-nan nghe kệ xong liền nín khóc, nói kệ:

Bà có ý chí lớn
 Tôi không còn buồn nhớ
 Giống như trong rừng sâu
 Gai đâm rất khôn khéo.
 Lại như voi cái đi
 Ra khỏi rừng khổ não
 Nay bà cũng như thế
 Vượt ra khỏi thế gian.
 Người nào còn buồn rầu
 Kiêu mạn và ngu si
 Lửa các ác kết sử
 Thiêu đốt cả ba cõi.
 Các vị Niết-bàn trước

*Tôi e Phật Thế Tôn
Giống như đồng lửa lớn
Hết nhiệt thì lửa tàn.*

Lúc ấy Tỳ-kheo-ni Ma-ha-ba-xà-ba-đề chấp tay hướng về Đức Phật chiêm ngưỡng tôn nhan Ngài rồi nói kệ tán thán:

*Nam-mô quy mạng Phật
Đại Thế Tôn Như Lai
Chân thật ngữ, đế ngữ
Nghĩa ngữ và pháp ngữ
Lời lợi ích không vọng
Hay nói chân tịch diệt
Nói vô ngã và ngã
Nói hơn hết tất cả.
Bậc Túc Nhân viên mãn
Chỉ dẫn đến tương lai
Đi trên đường thắng diệu
Lại thường hay quán sát
Tướng chân thật các pháp
Làm sáng tỏ cùng khắp.
Hay trừ các tối tăm
Hay diệt trừ tranh giận
Như đốt thuốc pháp lớn
Chiếu sáng khắp tất cả,
Hay đem nhiều đèn sáng
Cho chúng nhiều đèn sáng
Và đi theo ánh sáng
Đại Trượng Phu Điều Ngự.*

*Vị Thầy đại giải thoát
 Bạc đầy đủ mười lực
 Đủ bốn Vô sở úy
 Thành tựu không thoái chuyển
 Thuyết pháp không lường đo
 Nhất định có lợi ích
 Cho tất cả chúng sinh.
 Sư tử rống họ Thích
 Chắc thật trong tinh tấn
 Bạc thắng diệu tinh tấn
 Đầy đủ thể đại Bi
 Tám pháp của thế gian
 Không thể làm ô nhiễm.
 Thích, Phạm, bốn Thiên vương
 Ma-hê-thủ-la vương
 Diêm vương Bà-lâu-na
 Bạc giàu có tự tại*

Như thế, các bậc Thắng nhân chấp tay cùng tán thán Đức Phật:

– Đức Thế Tôn là Bạc Hòa Hợp giải thoát vi diệu thậm thâm, Bạc Vô Úy, chân thật hiển bày và hướng dẫn thuyết giảng giáo pháp, giảng giải tất cả âm thanh vi diệu như chim, danh vang khắp cả hư không. Ngài xuất thân trong dòng họ của các đại vương kế tục, được sinh từ đảnh sinh Ưu-bát-giá-na-bạt-la-đà.

Đức Như Lai như nhật nguyệt, là nơi trời, người, A-tu-la cúng dường; là Bạc được bảy giác

ý, trừ ám vô minh, lại hay tạo dựng cờ Tam bảo tối thắng.

Diện mạo của Như Lai giống như đỉnh núi vàng, ánh sáng tỏa chiếu như mặt trời. Bạc Trượng Phu tối thượng này gọi là hoa sen. Trượng phu Câu-vật-đầu, Trượng phu Phân-đà có năng lực đoạn trừ các kết sử tham dục, sân hận, ngu si... cho đến bốn sự trói buộc: Lo buồn khổ não, phóng dật kiêu mạn, tranh cãi giận dữ, tự cống cao.

Đức Như Lai Thế Tôn đều đoạn sạch cờ bạc, dối trá, tranh hơn phạt người, cùng nhau tranh cãi rồi giận dữ xa cách như ngoại đạo sư nói pháp còn giấu giếm. Các ác ấy Ngài đoạn trừ hết, xô ngã cờ kiêu mạn, dựng cờ thắng pháp, hay chuyển pháp luân làm cho biến lệ, sửa máu đều khô cạn, được biến thiên định bát ngát không bờ mé, hay xả bỏ tất cả tài vật trong ngoài không hề tham tiếc; đối với oán thân, tâm Ngài đều bình đẳng.

Thân Phật vi diệu như khối vàng rực sáng, tướng lưỡi dài rộng như cánh hoa sen không có dơ uế, thanh khiết tươi tốt, bụng đầy đặn, bằng phẳng, rón xoáy bên phải giống như hộp hương tròn sáng một tâm, giống như điện sáng, cũng như vàng ròng.

Ngài mặc áo giáp tinh tấn, được hộ vệ bằng thiên định, dùng tên trí tuệ bắn trúng vào điểm nhỏ bằng một phần trăm sợi lông, phá hoại chúng ma

quân, dũng mãnh không sợ.

Ngài là Bạc Long Tượng, Bạc Chân Tế trong loài người, định Như ý túc vô lượng, vô biên, vô sắc, chỉ dạy phân biệt tám Chánh đạo, đoạn trừ tướng ái dục sân hại, thệ nguyện kiên cố, ý chí vững vàng không hề loạn động. Như hoa Ưu-đàm-bát rất khó gặp, công đức của Như Lai hơn cả đại địa cho đến trăm ngàn vạn ức vi trần đều lấy tám Chánh đạo diệu trừ kết sử, cứu giúp chúng sinh vượt qua sông sinh tử, đến bờ giải thoát.

Ngài hay hiển bày ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp để tự trang nghiêm, giống như bức họa rực rỡ, chày trí Kim cang tiêu diệt tất cả tà luận ngoại đạo.

Ngài hay chỉ bày phương pháp vi diệu, đạt giải thoát Niết-bàn để được pháp tự tại, không còn tham đắm thế gian. Ngài hay nói pháp đối trị phiền não và các nhập xứ được biện tài thù thắng, hay phân biệt rõ ràng các pháp, trừ sạch việc dối trá huyễn hoặc, đạt đến Bồ thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ ba-la-mật, là Bạc mà Tiên A-tư-đà tôn kính, vang danh khắp mười phương, trụ thân cuối cùng, đã tự giác ngộ rồi khai ngộ cho chúng sinh.

Ngài có kho tàng công đức, núi Tu-di công đức, biển lớn công đức, vô lượng danh xưng, vô lượng biện tài, tri ân báo ân.

Khen ngợi xong, Tôn giả đánh lễ Đức Phật rồi lui ra, dẫn năm trăm Tỳ-kheo-ni vào nơi yên tĩnh, ngồi bán già để xả bỏ thân mạng.

Trước khi đó, các Ưu-bà-di đến chỗ các vị Tỳ-kheo-ni lễ sát chân Tôn giả, khóc lóc nức nở nói kệ:

*Chúng con có các lỗi
Thanh trí cho con sám
Nhất định không tái phạm
Lại được gặp gỡ nhau*

Vì ly dục nên tâm ý dũng mãnh, Tỳ-kheo-ni Ba-xà-ba-đề đưa tay rờ vị Ưu-bà-di nói:

— Các người không nên luyến tiếc, ái ân có tụ hợp ắt có chia ly.

Tôn giả nói kệ:

*Phật dạy có tụ hợp
Ắt sẽ có chia ly
Tất cả pháp hữu vi
Thảy đều là vô thường.
Lửa vô thường thiêu đốt
Thiêu rụi cả ba cõi
Người yêu ta rất nhiều
Ta yêu người chẳng ít.
Nay ta đều bỏ hết
Các tham ái như vậy
Nơi sinh tử đen tối
Trong luân hồi hiểm trở.*

Thân quen lại mến nhau
 Ất gặp nhau tụ họp
 Vô thường không buồn thương
 Phá hoại làm chia lìa.
 Không xa lìa ân ái
 Chớ mong cầu giải thoát
 Lẫn lưa yêu mến nhau
 Mến nhau thành thân thiện,
 Cuối cùng chắc chia lìa
 Do nhân duyên thế ấy
 Người trí cầu giải thoát
 Không có gì luyến tiếc.

Lúc ấy, bằng nhiều cách Tôn giả Cù-đàm-di khen ngợi Niết-bàn, rồi lặng im tạ từ Đức Phật Thế Tôn, nhập Niết-bàn.

Thật không sai lời! Muốn là làm được, các Tỳ-kheo-ni nhiếp niệm trước mặt, nhập Sơ thiền. Như thế theo thứ lớp, đến diệt tận định, quán thuận nghịch rồi hiện các thứ thần thông và nói kệ:

Thân ở trên mặt đất
 Đưa tay vượt trời trăng
 Biến thân làm ẩn mất
 Vọt lên trên hư không
 Một thân biến nhiều thân
 Nhiều thân hợp làm một.
 Thân phóng ánh sáng lớn
 Làm chao động đại địa
 Vào đất như xuống nước

*Xuống nước như trên đất.
 Thân phóng ánh sáng lớn
 Lại trút xuống mưa to
 Vì Thân tức như ý
 Nên hiện được như vậy.*

Ngoài ra, năm trăm vị Tỳ-kheo-ni cùng hiện các đại thần biến như thế. Vì hiển bày năng lực Phật pháp của Đức Như Lai, tất cả đều hiện thần thông bay vọt lên hư không. Giống như mây kéo đùn lại làm mưa lớn, cũng như ngọn đuốc lớn giữa hư không bị gió thổi tứ tán, trên thân các vị phun ra lửa, dưới thân phun ra nước và ngược lại. Họ nói kệ:

*Phát ra ngàn hỏa quang
 Vây quanh tự trang nghiêm
 Trên thân phát hỏa quang
 Dưới thân tuôn mưa lớn,
 Hoa đầy khắp hư không
 Giống như càn Chiêm-bặc
 Trên nước nổi nhiều hoa
 Biến hiện thần thông rồi
 Làm cho các đàn-việt
 Đều phát tâm hoan hỷ
 Như củi hết lửa tắt
 Vào Vô dư Niết-bàn.*

Lúc ấy vua Phạm thiên cúng dường Phạm thiên, Thích Đề-hoàn Nhân cùng chư Thiên sáu cõi trời dục, các đại Thiên thần và các bậc Tôn thắng,

Rồng, Thần, Dạ-xoa đi đến chỗ Đức Phật. Tất cả đều chấp tay bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, Ngài xa lìa kết ái nhưng vì tùy thuận theo thế gian. Vậy Thế Tôn muốn sai chúng con làm những gì cho người thân sau cùng của Ngài?

Tùy theo thời gian thích hợp, Đức Như Lai bố trí công việc. Ngài bảo:

– Này A-nan, vì cúng dường Phật mẫu, thầy hãy nói với tất cả người ở xa gần đến hội họp.

Với giọng buồn rầu, Tôn giả A-nan nói:

– Những đệ tử Phật bất luận xa gần lắng nghe tôi nói: “Tất cả hãy đến hội họp nghe Đức Thế Tôn dạy”.

Đức Thế Tôn dạy:

– Cù-đàm-di là người nuôi dưỡng bú mớm cho Ta. Bây giờ, thân cuối cùng của Bồ-tát nhập Niết-bàn như dầu hết đèn tắt. Những Phật tử nào có tín tâm muốn cúng dường thân Phật mẫu, hãy mau chóng đến đây hội họp. Trong trời, người không có người nữ nào làm được công việc bú mớm và nuôi dưỡng thân Phật như vậy. Vì vậy, tất cả các Tỳ-kheo phải tập hợp hết lại.

Khi ấy các Tỳ-kheo xa gần ở bốn phương mang gổ Ngưu đầu chiên-đàn đến. Từ không trung như Nhạn vương, như mặt trời chiếu vào mây khắp cả hư không, các Tỳ-kheo-ni cũng hiện như vậy đầy

cả hư không.

Bốn Thiên vương nhắc bốn chân tử sàng của Tôn giả Ma-ha-bà-đề, chúng Đế Thích, Phạm thiên cũng khiêng tử sàng của năm trăm Tỳ-kheo-ni.

Mỗi tử sàng đều dựng tràng phan, hoa trời Mạn-đà-la giống như màn hoa phủ ở trên các Tỳ-kheo-ni, giống như hang thiên dựng các tràng phan đầy khắp đại địa. Phan lọng bằng lụa trời nhiều màu, nhiều kiểu cũng đầy cả hư không. Trời mưa xuống, các tràng hoa lại cũng mưa xuống bột hương, khói hương như mây đầy khắp hư không, có đầy đủ âm thanh các loại nhạc trời. Các Tôn giả Xá-lợi-phất, Mục-liên, Nan-đà, La-hầu-la, A-na-luật, A-nan, Phạm vương, chư Thiên, A-tu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Trời, Rồng, Dạ-xoa đi theo sau Đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn như núi vàng di chuyển, ở trước tử sàng Tỳ-kheo-ni Ma-ha-ba-xà-ba-đề và tiếp theo sau là tử sàng của năm trăm Tỳ-kheo-ni. Tất cả đại địa sáng đẹp trang nghiêm chưa từng có, giống như sự trang nghiêm của Tỳ-kheo-ni Ba-xà-ba-đề đã làm.

Khi Cù-đàm-di nhập Niết-bàn, Đấng Pháp Vương Thế Tôn liền tập hợp các Thánh chúng hiện có mặt, như các ngài Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên...

Khi Đức Phật nhập Niết-bàn, các ngài Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên đã nhập diệt. Do vậy việc

trang nghiêm của Thế Tôn không bằng Ba-xà-ba-đề.

Tử sàng này được đặt ở nơi rộng rãi, thoáng mát, chất nhiều gỗ thơm dùng để làm củi, năm trăm thi thể Tỳ-kheo-ni ấy an trí lên trên và chất các loại gỗ Ngưu đầu chiên-đàn, nhiều hương thơm lên trên nữa, lại đem nhiều dầu thơm rưới lên đó.

Thấy các Tỳ-kheo-ni đã được hỏa thiêu, Tôn giả A-nan buồn bã khóc lóc nói kệ:

*Như thế theo thứ lớp
Như Lai cũng không lâu
Sẽ vào nơi tịch diệt
Như lửa đốt cháy rừng
Chỉ còn một cây lớn
Lửa ngọn đốt cành lá
Thế lực không lâu dài
Thế gian đều khổ não
Nói pháp khắp ba cõi
Đáng Tội Tôn tịch diệt
Không còn ai niệm pháp.
Vô lượng kiếp gom góp
Được mật pháp tối thắng
Thanh văn như ong hút
Đức Phật nhập Niết-bàn
Ai sẽ cho mật pháp?
Pháp diệt không bao lâu
Hình tượng chùa tháp diệt
Người vẽ tượng không còn*

*Huống gì có pháp phục.
 Những người chưa ly dục
 Khóc lóc rất áo não
 Bạc Ly dục quán pháp
 Lễ trà-tỳ đã xong
 Thâu cốt xây tháp thờ
 Để chúng sinh cúng dường.*

Lúc ấy có người nghi ngờ: “Ai là người đáng được xây tháp để cúng dường?”. Vì muốn chấm dứt sự nghi ngờ, Đức Thế Tôn dạy:

– Có ba bậc đáng được xây tháp cúng dường là Đức Phật, A-la-hán lậu tận và Chuyển luân thánh vương.



Chương 69

***Vị nào thường nhớ công đức Tăng bảo với
 nhận thức rõ ràng nên dù có xả bỏ thân mạng
 vẫn còn phát tâm lành.***

Tôi từng nghe:

Thuở xưa, khi còn là Bồ-tát, Đức Thích-ca Mâu-ni làm bạch tượng sáu ngà. Lúc đó, vì có oán thù với bạch tượng, hoàng hậu sai người tìm chỗ voi ở để lấy ngà.

Khi ấy người bị sai đến chỗ voi ở, thấy bạch tượng sáu ngà giống như voi Y-la-bát lìa bầy, cùng với voi cái ở riêng một nơi, anh ta nói kệ:

Hoa sen Ưu-bát-la
Nước trong đầy ao lớn
Đi đến nơi như thế
Thấy được nơi Long tượng.
Hoa Câu trần màu trắng
Màu giống như sữa tuyết
Đều cùng là màu trắng
Giống như núi trắng lớn,
Có chân đi lại được
Con voi chúa lớn ấy
Màu sắc giống như trắng
Từ miệng mọc sáu ngà
Sáng chói rất trang nghiêm
Như bó hoa sen trắng
Nhìn gần là ngà voi
Giống như ngó sen trắng.

Lúc ấy, người thợ săn mặc áo ca-sa, nách kẹp cung tên, ở trong lùm cây, từ từ bước đến chỗ bạch tượng. Thấy người thợ săn kẹp cung tên dưới nách, voi cái nói với voi chúa:

– Người kia có vẻ muốn hại ta.

Voi chúa hỏi:

– Người ấy mang cung tên nhưng mặc áo gì?

Voi cái thưa:

– Người ấy mặc áo ca-sa.

Voi chúa nói:

– Người ấy mặc áo ca-sa thì đâu có gì phải sợ

hãi.

Rồi voi nói kệ:

*Với biểu tướng như vậy
Không làm hại vật khác
Trong có tâm Từ bi
Thường cứu giúp tất cả
Thế nên với người kia
Không nên sinh sợ hãi.
Người thấy được an ổn
Vững lặng được tốt đẹp
Như mặt trăng trong mát
Nhất định không tỏa nhiệt.*

Nghe kệ xong, voi cái không còn nghi ngờ. Khi ấy, người thợ săn vào khu rừng rậm rạp rình, đợi voi chúa đến thì dùng tên độc bắn trúng nó.

Voi cái nói với voi chúa:

– Ngài nói ai mặc áo ca-sa chắc chắn có tâm Từ bi, thế sao bây giờ hắn ta lại làm như vậy?

Voi chúa liền nói kệ:

*Đây là áo giải thoát
Tâm phiền não đã tạo
Xa lìa nơi Từ bi
Chẳng phải lỗi nơi áo.
Như đồng được dát vàng
Nấu chảy mới biết tạp
Mê hoặc các phàm phu
Kẻ ngu cho là thật*

*Người trí phân biệt rõ
 Biết là đồng mạ vàng.
 Do cung tên ác tâm
 Cho nên làm hại ta
 Ca-sa áo thiện tịch
 Chính là các ác tâm
 Nếu ai xem xét kỹ
 Ca-sa áo toàn thiện.*

Voi cái rất tức giận, nói với voi chúa:

– Ngài nói rất đúng! Nhưng tôi không thể nhẫn
 nhịn được. Tôi muốn bắt hấn xé tan ra.

Voi chúa BỒ-tát nói:

– Vì không điều trị tâm kết sử nên mới như thế.
 Nàng chó nên tức giận mà nói như vậy! Không cần
 phải căm ghét hấn ta!

Voi chúa nói kệ:

*Như người bị quỷ nhập
 Mê dại mắng nhiếc thầy
 Thấy thuốc trị bệnh quỷ
 Không trách người khổ bệnh
 Kết sử cũng như quỷ
 Vì vô minh che lấp
 Hay có tham, sân, si
 Chỉ nên trừ phiền não
 Đâu cần trách người bệnh.
 Nếu ta thành Chánh giác
 Danh xưng khắp ba cõi*

*Các kết sử dối trá
Dùng niệm, định, cần, tấn
Diệt trừ các kết sử
Dùng dùi trí sắc bén
Đập tan các kết sử
Chắc chắn làm khô cạn
Đốt cháy hết không còn.
Mai sau ta cần phải
Trừ sạch hết khổ não.*

Nghe voi chúa Bồ-tát nói kệ này thì voi cái im lặng.

Khi ấy, bảy voi đều đến tụ tập, voi chúa nghĩ: “Không được để bảy voi này làm hại người thợ săn”. Nghĩ xong, voi chúa đến chỗ người thợ săn nói:

– Hãy núp dưới bụng tôi! Tôi sẽ che chở cho ông.

Bảy voi tiến đến giết hại thì voi chúa liền đuổi đi, rồi bảo người thợ săn:

– Người cần gì thì cứ tùy ý lấy.

Khi nghe lời ấy, người thợ săn suy nghĩ: “Bây giờ, nếu ta không có tâm Từ thì không bằng voi kia”, rồi anh ta khóc lóc thảm thiết.

Voi chúa hỏi:

– Vì sao ngươi khóc?

Người thợ săn đáp:

– Vì bị khổ não bức bách nên tôi khóc.

Voi chúa nói:

– Tôi sợ bầy voi làm hại nên tôi kêu ông núp dưới bụng, phải chăng thân thể tôi đè ép ông?

Người thợ săn đáp:

– Không. Không phải thân thể ngài đè ép tôi.

Voi chúa lại hỏi:

– Phải chăng voi cái nói những lời cay cú làm ông buồn bực đến khóc?

Người thợ săn đáp:

– Cũng không phải lời cay cú kia làm tôi buồn bực mà chính là đạo đức và tâm đại Từ bi của ngài. Vì ác tâm, tôi đã dùng tên độc hại ngài mà ngài vẫn có tâm Từ lo sợ bầy voi trông thấy làm hại nên kêu tôi núp dưới bụng. Do việc này, tôi bút rút trong lòng, lo sợ nên khóc vậy.

Ông ta nói kệ:

*Nay tôi dùng tên độc
Làm hại thân voi chúa
Ngài đem đạo đức, từ
Thương hại cho tâm tôi.
Nhờ ngài tâm hại hết
Nhưng tôi hại đức ngài
Nhọt tâm ngu khó lành
Đức ngài như biển lớn
Làm sao nói hết được
Kẻ làm hại mạng ngài
Vẫn Từ bi cứu giúp.*

*Nếu nói cho đúng ra
Thân tôi tuy là người
Không Từ bi nhân đức
Luống uổng hình hài này
Còn tệ hơn thú vật.
Tướng mạo giống như người
Làm ác hơn súc sinh
Ngài tuy mang thân thú
Đạo đức hơn loài người
Hình tướng chẳng phải người
Nhưng đạo đức là người.*

Voi chúa hỏi:

– Hãy mau trả lời cho tôi biết, vì việc gì mà ông đến bắt tôi?

Người thợ săn đáp:

– Tôi bị vua sai lấy chút ít thân phần của ngài, chứ không phải tự ý tôi đến làm hại ngài.

Voi chúa nói:

– Nếu có cần gì, ông hãy mau lấy.

Lúc ấy voi chúa nói kệ:

*Ông có muốn cần gì
Mau đưa tay nhận lấy
Người phát tâm Bồ-đề
Không tham tiếc gì cả.
Tùy theo ông cần gì
Đều cho ông hết cả
Cần ngà thì cho ngà*

*Tùy ý ông nhờ lấy.
 Tôi vì việc cứu giúp
 Do đó thọ thân này
 Tôi đều bỏ tất cả
 Cần gì tùy ý lấy.
 Tôi làm việc lợi mình
 Nhanh chóng đến Niết-bàn
 Vì tất cả chúng sinh
 Thọ thân trong ba cõi
 Vì Nhất thiết chủng trí
 Lấy Từ bi làm nhân.*

Người thợ săn xấu hổ nói:

– Tôi bị vua sai đến lấy ngà của ngài.

Voi chúa nói:

– Ông cứ tùy ý lấy, chớ có nghi ngờ.

Người thợ săn đáp:

– Tôi thật không thể nào lấy ngà của ngài được.

Và nói kệ:

*Từ tâm ngài tràn trề
 Tôi sợ lửa từ kia
 Nếu nhờ lấy ngà ngài
 Tay tôi chắc gãy mất.*

Voi chúa bảo:

– Nếu ông sợ, tôi sẽ nhờ cho ông.

Nói xong, voi chúa lấy vòi quấn lấy ngà mình, vì chân gốc của ngà rất sâu nên nhờ lâu lắm mới ra. Voi chúa nhờ ngà của mình xong thì máu ra

dầm dề. Voi chúa nói kệ:

*Máu chảy nơi nhỗ ngà
 Từ mặt máu chảy xuống
 Voi chúa rất phước lợi
 Nó trắng như sen trắng
 Lẫn với hoa sen đỏ
 Chứa nhóm thành đồng lớn.
 Các hoa kết đồng kia
 Trắng như thân voi chúa
 Lại giống núi đá lớn
 Tuyết trắng phủ lên trên
 Giống như đỉnh núi cao
 Dòng nước đỏ chảy xuống.*

Voi chúa đau đớn, run rẩy quy xuống nhưng còn tự an ủi mình. Lúc đó, có một vị trời nói kệ:

*Tâm an trụ vững chắc
 Không bị si buồn bực
 Nên quán các khổ não
 Làm sao cứu giúp được.
 Thế giới đều có chết
 Ngài làm việc cứu giúp
 Nên giữ vững ý chí
 Chớ có tâm buồn rầu.
 Trời, Người, A-tu-la
 Càn-thát-bà, Dạ-xoa
 Đầy khắp cả hư không
 Khen việc chưa từng có.
 Thiên thần nói như vậy:*

*Xưa nay rất ít có
 Hay làm việc khổ khó
 Nhỏ ngà rất khôn khéo,
 Ngay trong lúc đau đớn
 Tâm hướng đến Bò-đề
 Cầu được quả Tội thắng
 Ý quyết không thoái chuyển.*

Lại có Thiên thần nói với vị trời kia:

– Bò-tát như vậy, nhất định không thoái chuyển!

Thiên thần lại nói kệ:

*Biết ngài nhỏ ngà khó
 Thường nhớ ở địa ngục.*

Nhỏ ngà xong, voi chúa đứng im lặng. Bấy giờ người thợ săn suy nghĩ: “Ngài nhỏ ngà thả xuống đất có hối tiếc hay không, sao không cho tôi?” Biết tâm niệm người thợ săn, voi chúa dùng lời an ủi nói kệ:

*Ngà như hoa sen đỏ
 Đầu kia như ngó sen
 Sáu ngà cho người hết
 Tôi thượng trong các ngà.
 Để cho ông an vui
 Đợi chút, mong tâm tôi
 Lần lần hết đau đớn
 Để tôi đối với ông
 Có tín tâm kính trọng.*

*Giả sử ý ông nói
Tôi là người rất ác
Sát, đạo, dâm, dối ông
Lừa dối đầy bất thiện
Nghe tôi nói ý ông:
Ông làm nhiều việc ác
Cung tên nhon hại tâm
Tôi đều quên không nhớ
Chỉ kính nhớ ca-sa
Thấy được tâm kính tín
Người cho và người nhận
Thanh tịnh hay cấu uế
Nay tôi là thí chủ
Thả đầy đủ thanh tịnh.
Đợi tôi được chánh niệm
Để quả báo rộng lớn
Mới bố thí cho ông.*

Lúc ấy, voi chúa nói với người thợ săn:

– Ca-sa này là biểu tượng ly dục. Thấy nó thì tâm tôi cung kính tôn trọng.

Voi chúa dùng vòi nâng lấy ngà trao cho người thợ săn rồi nói kệ:

*Bây giờ tôi nói thật
Tên độc bản thân tôi
Không có chút oán hận
Gây ác báo cho ông.
Do nhân nói thật này*

*Mau chóng chứng Bồ-đề
Độ thoát các chúng sinh
Các khổ não như thế.*

Nói kệ xong, voi chúa đưa ngà cho người thợ săn.

Do nhân duyên gì mà dẫn ví dụ này? Vô lượng trăm ngàn thân trong quá khứ, Đức Thế Tôn thường bố thí những thứ khó xả bỏ như thế, bản nguyện là muốn thành tựu được kết quả. Ngài muốn làm cho chúng sinh đang chịu khổ não đạt được đạo lý căn bản, muốn làm cho con người giải thoát, tự giữ thanh tịnh, tâm sinh kính tín cho nên dẫn ví dụ cao đẹp này.



Chương 70

Vì các chúng sinh nên bậc Bồ-tát Đại nhân không hề tiếc thân mạng.

Tôi từng nghe:

Trong núi Tuyết có hai con nai chúa, mỗi con thống lãnh một đàn nai năm trăm con ăn cỏ ở trên núi.

Bấy giờ, trong thành Ba-la-nại có vua Phạm-ma-đạt đến núi tuyết, sai người giăng lưới bao vây nai.

Lúc ấy đàn nai đều lọt vào vòng vây không thể làm cách nào để thoát thân, cho nên không có một

con nai nào thoát được.

Bấy giờ nai chúa có bộ lông sặc sỡ nhiều màu sắc, suy nghĩ: “Ta phải tìm cách nào để làm cho đàn nai thoát khỏi nạn này”. Rồi voi chúa lại nghĩ: “Không có cách gì tính được nữa, chỉ còn đến gặp ngay đức vua”. Nghĩ xong, nai chúa đi thẳng đến chỗ vua.

Đức vua trông thấy liền ra lệnh cho tả hữu của mình phải cẩn thận, không được làm hại, để nó tự ý đi đến. Nai chúa yết kiến đức vua rồi thưa:

– Tâu đại vương, xin ngài chớ nên vì việc vui chơi mà giết hại đàn nai để làm thú vui. Cúi mong ngài thương xót, chớ nên làm việc này! Hãy phóng thích đàn nai, đừng làm hại chúng!

Đức vua nói:

– Trẫm cần ăn thịt nai.

Nai chúa thưa:

– Tâu đại vương, nếu ngài cần thịt, mỗi ngày tôi sẽ dâng lên một con, còn như ngài giết sạch thì chắc chắn sẽ sinh thôi không đẻ lâu được. Một ngày lấy một con thì nai ngày càng thêm nhiều, sẽ không thiếu thịt cho ngài dùng.

Đức vua liền bằng lòng. Lúc ấy nai chúa Bò-tát nói với nai chúa Đề-bà-đạt-đa:

– Bây giờ mỗi ngày tôi và ngài dâng nộp một con nai để cung cấp thịt cho đức vua dùng. Hôm nay tôi dâng nộp một con, ngày mai đến lượt ngài

dâng một con.

Cả hai cùng giao ước thay nhau dâng nộp nai được khá lâu.

Sau đó, vào một hôm, nai chúa Đề-bà-đạt-đa dâng nộp một con nai cái có thai sắp sinh. Nó đến nai chúa Đề-bà-đạt-đa cầu xin tha mạng và thưa:

– Thưa ngài, bây giờ thân tôi có chết cũng không dám từ chối. Chỉ cần đợi tôi sinh xong, dù có chết, cũng không hối tiếc!

Không nghe lời nai cái phân trần, nai chúa tức giận quát:

– Bây giờ, ngươi phải đi thôi! Đâu có ai chịu thay ngươi!

Bị nai chúa tức giận trách mắng, nai cái suy nghĩ: “Nai chúa đàn bên kia rất Từ bi, ta nên đến đó xin cứu mạng cho con”.

Nghĩ xong, nó đi đến chỗ nai chúa Bồ-tát quỳ xuống trình bày đầy đủ lại mọi việc và nói kệ:

*Không ai cứu giúp con
Cúi xin ngài cứu giúp
Có rất nhiều chúng sinh
Nhưng riêng con sợ hãi.
Xin rủ lòng thương xót
Cứu con khỏi nạn khổ
Con không nơi nương tựa
Đến đây quy y ngài.
Ngài thường làm lợi ích*

*An vui cho chúng sinh
Nếu bây giờ con chết
Mẹ con không chu toàn
Xin cứu giúp thai nhi
Để một mạng sống sót.*

Nghe kệ xong, nai chúa Bồ-tát hỏi nai cái:

– Người đến chúa đàn người trình bày mọi việc chưa?

Nai cái thưa:

– Con đã đem mọi việc trình bày nhưng ngài ấy không chịu nghe, còn tức giận trách mắng: “Ai thay thế cho người?”

Nó nói kệ:

*Bị chúa đàn mắng giận
Không có lòng thương xót
Ra lệnh mau đến vua
“Nào có ai thay người”.
Nay con quy y ngài
Xin thương xót thân này!
Vì thế làm cho con
Khỏi mất đi một mạng.*

Nai chúa Bồ-tát nói với nai cái:

– Người chớ nên buồn rầu! Ta chấp nhận lời thỉnh cầu của người. Hãy để ta suy nghĩ.

Nghe xong, nai cái vui mừng hơn hờ trở về đàn của mình. Nai chúa Bồ-tát suy nghĩ: “Nếu sai con khác đi thì nó sẽ nói: “Ngài còn chưa chịu đi, làm

sao sai con”. Nghĩ xong tâm liền khai ngộ, nai chúa nói kệ:

*Bây giờ ta tự mình
Đến nhà bếp của vua
Ta đổi với chúng sinh
Nguyên nhất định cứu giúp.
Nếu ta đem thân mình
Đổi mạng cho kiến mối
Làm được việc như thế
Còn có lợi ích lớn.
Sở dĩ làm súc sinh
Chính là vì cứu giúp
Giả sử được thế mạng
Bỏ thân như cỏ rác.*

Nói kệ xong, nai chúa lập tức triệu tập đàn nai của mình thống lãnh, rồi bảo:

– Ta đổi với các người có gì không đúng, cho ta sám hối. Ta muốn đem thân này thay mạng cho nai cái sắp dâng thịt của nó cho đầu bếp đức vua.

Nghe nai chúa nói như vậy, cả đàn đều buồn bã quyến luyến thưa:

– Xin ngài chớ nên đi! Chúng tôi sẽ đi thay ngài.

Nai chúa đáp:

– Vì ta lập nguyện nên phải tự đích thân đi. Nếu sai ai khác, chắc chắn các người sẽ buồn khổ. Hiện giờ, ta hoan hỷ không có điều gì buồn bực.

Nai chúa nói kệ:

*Không ly dục xả thân
Nhất định còn tái sinh
Nay ta vì cứu giúp
Xả thân sinh nơi tốt
Ta biết hình hài này
Chắc chắc có hư hoại
Nay vì việc cứu giúp
Chỉ vì pháp xả thân
Được lấy pháp làm nhân
Làm sao không vui mừng.*

Lúc ấy cả đàn nai phân trần mọi thứ ví dụ để can gián nhưng chỉ hoài công phí sức, không thể làm cho nai chúa đổi ý. Khi nai chúa đi đến nhà bếp đức vua để nộp mình thì cả đàn nai của mình thông lãnh và cả đàn nai của Đề-bà-đạt-đa đều theo đến Ba-la-nại. Ra khỏi rừng, nai chúa từ giã cả hai đàn nai và bảo chúng trở về, chỉ còn lại một mình đi đến nhà bếp đức vua.

Trước đó, người trông coi nhà bếp đức vua đã gặp nai chúa nên biết ngay là nó. Ông ta đến tâu với đức vua:

– Tâu đại vương, nai chúa tự đến nhà bếp nộp mình.

Nghe xong, đức vua đích thân đến gặp nai chúa hỏi:

– Thế nào, nai của ngươi hết sạch cả hay sao

mà người đích thân đến vậy?

Nai chúa thưa:

— Tâu đại vương, nhờ ngài giúp đỡ, nai của tôi càng thêm nhiều. Tôi tới đây là vì con nai cái đang mang thai, tôi muốn thay nó nộp mình.

Rồi nai chúa nói kệ:

*Ý có điều mong muốn
Chưa thỏa mãn tâm ấy
Sức tôi có thể làm
Nếu không làm điều đó
Khác gì với cỏ cây?
Giả sử trong sinh tử
Bỏ thân như nhóp này
Cũng hư hoại uông thôi
Không làm chút điều lành
Thân tâm nay cũng hoại
Bỏ mình, người được cả
Ta làm được lợi lớn.*

Nghe kệ xong, toàn thân rợn tóc gáy, vua Phạm-ma-đạt nói kệ:

*Tôi thân người, tâm nai
Người thân nai, tâm người
Đủ công đức là người
Tàn ác là súc sinh.
Hay thay! Người có trí
Hay thay! Có dũng mãnh
Hay thay! Hay từ mẫn*

*Cứu giúp các chúng sinh.
 Người hiện thân như vậy
 Tức là chỉ dạy ta
 Nay người hãy trở về
 Cùng cả hai đàn nai
 Chớ có tâm lo sợ
 Nay ta phát thệ nguyện
 Vĩnh viễn không còn ăn
 Tất cả loại thịt nai.*

Bấy giờ nai chúa thưa với đức vua:

– Tâu đại vương, nếu ngài rủ lòng thương tưởng thì hãy đến chỗ đàn nai đích thân an ủi, làm chúng không sợ hãi.

Nghe xong, đức vua đích thân vào rừng, đến chỗ đàn nai ở, ban bố sự an vui cho chúng:

*Tất cả các đàn nai
 Ở trong nước của ta
 Ta nhất định bảo hộ
 Chớ có nên sợ hãi!
 Rừng cây này của ta
 Cho đến các ao suối
 Đều đem cho đàn nai
 Lại cấm không giết hại
 Cho nên gọi rừng này
 Là rừng thí cho nai.*



ĐẠI TRẠNG NGHIÊM KINH LUẬN

QUYỂN 15

Chương 71

Dù cho đất nước rộng lớn, có đầy đủ mọi thứ, nhưng người phân biệt rõ ràng biết được khổ não của nó cũng là bỏ tránh xa.

Tôi từng nghe:

Thuở xưa, khi tu hạnh Bồ-tát, Đức Thế Tôn làm vua một nước lớn. Tất cả những người nghèo nàn đến xin ăn, đức vua đều bố thí. Với trí tuệ thông minh, lại ở vào ngôi vị vua chúa, ngài muốn làm lợi ích cho tất cả chúng sinh nên hay cứu giúp người bị nạn khổ.

Khi vua nước láng giềng đem binh đến giao chiến, thì ngài suy nghĩ: “Đắm trước năm dục lạc không thể điều phục tâm, sáu căn khó thỏa mãn, của cải quá nhiều, ta cần phải liệu tính để giúp đỡ họ. Vì của cải mà có đấu tranh, nguyện xả bỏ việc này để không còn đấu tranh nữa. Ta nên tu tập pháp tùy thân thù thắng”.

Vị ấy nói kệ:

*Khi quán sát rõ ràng
Bậc trí nên phân biệt
Làm việc không suy nghĩ
Sau hối hận không kịp.*

Thấy rõ việc đó là sai thì biết phải làm gì, ngài nói kệ:

*Dục như cầm đuốc cỏ
Như thịt bị chúng dành
Đắm dục làm thương tổn
Hại hơn cả hai đời.
Bậc trí mau tránh xa
Cõi nước, nhiều của cải
Nhiều của báu như thế
Rớt cuộc phải xả bỏ,
Thà bây giờ chịu khổ
Nguyên không ở đời sau
Chịu khổ lâu dài này.
So thế lực của ta
Chiến thắng được quân địch
Hiện tại biết kết quả
Dù được tiếng tốt đẹp
Sau chịu khổ tổn hại.
Dù biết mình tài giỏi
Vẫn nguyện giúp quân địch
Nếu không giúp được họ
Sau nhất định hại mình.*

Nghĩ xong, vị quốc vương Bồ-tát bỏ vào rừng.
Gặp một ông lão Bà-la-môn đi lạc vào đó. Bồ-tát

hỏi:

– Này ông lão, vì sao ông vào rừng này?

Ông lão Bà-la-môn đáp:

– Tôi muốn yết kiến đức vua.

Bồ-tát hỏi:

– Vì sao ông muốn yết kiến đức vua?

Bà-la-môn đáp:

– Hiện nay tôi nghèo khổ, lại mắc nhiều nợ nần, nghe đức vua hay bố thí nên đến xin về trả nợ để không còn nghèo nàn nữa! Tôi không nơi nương tựa, chỉ hy vọng đức vua ban ân cứu giúp.

Bồ-tát nói:

– Này ông lão, ông hãy về đi! Ở đây không có đức vua, sao ông thành khẩn tha thiết đến thế?

Nghe xong, vị Bà-la-môn buồn bã quy xuống đất. Bồ-tát thấy ông ta như vậy rất thương xót. Ngài suy nghĩ rồi nói kệ:

*Tôi vì cứu giúp người
Bỏ hết, việc khó bỏ
Bây giờ tôi hết sạch
Lấy vật gì để cho?
Nay tôi vì người ấy
Xả bỏ thân mạng mình.*

Nói kệ xong, Bồ-tát đỡ Bà-la-môn dậy rồi bảo ông ta:

– Ông chớ nên buồn rầu! Tôi sẽ làm cho ông có được của cải.

Vị Bà-la-môn nghe như thế thì trong lòng rất vui mừng. Bồ-tát tức thời lấy cỏ se thành sợi dây rồi đưa cho Bà-la-môn:

– Cho tất cả, thân ta cũng thế!

Ngài nói kệ:

*Vua kia chưa bắt ta
Nhất định không an tâm
Lão nên lấy dây này
Trói hai tay ta lại
Dẫn đến chỗ vua kia
Làm ông ta vui mừng
Sẽ cho lão châu báu
Vàng bạc các tài vật
Lão sẽ được giàu to
Vua kia lại vui mừng.
Có sống ắt có chết
Mạng sống hợp rồi tan
Do cứu giúp khổ nạn
Nên tổn hoại thân mạng
Bạc trí chết như vậy
Gọi là mang anh lạc.*

Nghe kệ xong, vị Bà-la-môn rất vui mừng liền lấy dây trói Bồ-tát lại, dẫn đến vị vua kia.

Đức vua kia trông thấy liền nhìn Bà-la-môn nói kệ:

*Đây là người nào vậy?
Sắc thân như núi vàng*

*Oai quang rất rực rỡ
 Giống mặt trời chiếu khắp
 Diện mạo rất đoan nghiêm
 Ai thấy cũng vui mừng.
 Người phước đức như vậy
 Đáng làm chủ đại địa
 Bấy giờ bị bắt giữ
 Khổ sở đến như thế.
 Ta ngồi tòa Sư tử
 Thật là đáng xấu hổ
 Người kia đáng làm vua
 Còn ta chẳng đáng làm
 Ta không kèm chế được
 Không xứng ở ngôi vua.*

Nghe kệ xong, vị Bà-la-môn tâu với đức vua:

– Tâu đại vương, đây là vua oán địch của ngài.

Đức vua hỏi Bà-la-môn:

– Ai trói người này?

Bà-la-môn thưa:

– Tâu đại vương, người đó đích thật do con trói.

Vua nói:

– Không lý nào người này bị người trói? Người nói dối!

Đức vua nói kệ:

*Người kia to như voi
 Sức lực rất hùng tráng
 Thân thể người yếu ớt*

*Lại không có binh mã
 Làm sao trối được người?
 Việc này không thể tin
 Người hãy nói thành thật
 Chớ có nói dối trá!*

Bà-la-môn tâu trình đầy đủ mọi việc rồi nói kệ:

*Thấy tôi hết hy vọng
 Người kia liền tự trối
 Vì Từ bi giúp tôi
 Ông ta tự trối mình.
 Trượng phu tốt như thế
 Danh vang khắp mười phương
 Giống như đốt đuốc lớn
 Chiếu sáng khắp tất cả.
 Người hung ác ngu si
 Giết hết không còn gì
 Khi đuốc lớn thấp sáng
 Hay diệt trừ tối tăm.*

Nghe xong, đức vua kinh sợ đứng dậy chấp tay thưa:

– Lành thay! Lành thay! Bậc Trượng phu toàn thiện. Vì cứu giúp người khác mà ngài làm như vậy.

Và vị ấy nói kệ:

*Đã nghe về đại vương
 Danh hiệu là La-xà
 Lợi ích cho thế gian*

Cho nên gọi La-xà.
 Ngài cần phải làm vua
 Giữ gìn cho đại địa
 Cúi xin ngài cho tôi
 Sám hối các tội lỗi.
 Tôi là trẻ dại khờ
 Kẻ hèn mọn vô trí
 Ngài hãy lên làm vua
 Tôi rời khỏi nước này.
 Ngài làm cho chúng sinh
 Tất cả được an vui
 Nếu người khác làm vua
 Gây khổ não thế gian.

Đức vua kia trao lại ngôi vị cho Bồ-tát rồi trở về nước mình.



Chương 72

Vị nào tu tạo phước nghiệp thanh tịnh, xứng đáng được thiết lễ cúng dường. Vì vậy, nên siêng tu phước nghiệp.

Tôi từng nghe:

Vua Ô-việt-kỳ nước Thạch thất, cùng nhân dân cả nước thiết lễ hội cúng Phật. Có một phụ nữ ở trong cửa sổ nhìn chăm chú Đức Thế Tôn. Trông thấy cô gái đoan trang xinh đẹp, đức vua mở chuỗi anh lạc, sai quan thị vệ đem đến ban tặng cô ta.

Quan tả hữu tâu với vua:

– Tâu đại vương, cô gái kia là phụ nữ trong nước ta, nếu ngài ưa thích thì gọi đến, chứ cần gì tặng ngọc để người chê cười.

Nghe lời ấy, đức vua bịt hai tai lại rồi nói:

– Trời ơi! Thật quá ghê tởm! Tại sao người dám nói những lời này với ta?

Và vua nói kệ:

*Ta thệ lập nguyện này
Nếu có tâm ý xấu
Khiến ta thành đại ác
Ta không vì nhiễm trước
Đem ngọc tặng cô kia.*

Hãy nghe ý ta nói:

*Nghiep làm chủ, tự tại
Bậc nghiệp tối thắng nói
Không phải chủ tể làm
Chỉ là nghiệp làm ra.
Tâm tạo ra chủ tể
Nghiep lành Phật ngợi khen
Như thế đến sắc đẹp
Hoàn toàn không có ngã
Chỉ nghiệp lành làm ra.
Nghiep lành, ta cung kính
Nghiep dữ, ta lánh xa
Quả khứ tạo nghiệp lành
Quả báo ngay hiện tại.*

Ta đem râu chuỗi ngọc
 Nhiều của báu trang nghiêm
 Đeo vào cổ nhiều vòng
 Chuỗi ngọc trắng như tuyết.
 Ta nhờ đức đời trước
 Không đắm nhiễm sắc dục
 Nếu biết nghiệp lành dữ
 Làm sao còn đắm sắc?
 Tránh xa không muốn thấy
 Huống gì lại đắm nhiễm.
 Thà chịu đói khát chết
 Không tham lam phi pháp,
 Thà nhảy vào đồng lửa
 Không làm việc gian tà
 Nếu ta đắm nhiễm ái
 Thân này hoặc thân sau
 Chịu khổ nhọc vô lượng.



Chương 73

Người nào có nghiệp lực lành, thì tự nhiên thọ nghiệp báo tốt. Dù có sức lực của vua chúa cũng không bằng nghiệp lực được quả báo tốt. Vì thế, nên tu nghiệp lành.

Tôi từng nghe:

Khi ngủ nghỉ vào ban ngày, vua Ưu-duyet-già có hai nội quan, một người hầu phía trên đầu, còn

một người hầu dưới chân, cầm quạt phe phẩy. Họ bàn với nhau:

– Hiện nay chúng ta được vua thương tưởng đến là vì lý do gì?

Một người tự cho là nghiệp lực của mình, còn một người tự cho là nhờ oai lực của vua. Do việc này mà họ hầu hạ cung phụng đức vua. Vì thường nghe pháp, nên cả hai cùng nhau luận bàn giải thích ý nghĩa pháp. Họ nói kệ:

*Như trâu dữ lội nước
Dẫn đúng thì theo đúng
Vua hiền hành chánh pháp
Người theo cũng như thế.*

Do tranh giành lý lẽ, nên hai người to tiếng với nhau.

Người thứ nhất nói:

– Tôi sống nhờ vào đức vua.

Người thứ hai nói:

– Còn tôi nhờ vào nghiệp lực.

Nghe ồn ào, đức vua thức giấc hỏi họ:

– Tại sao ồn ào vậy?

Vua lại nghe họ tranh lý lẽ. Dù biết chưa trừ hết ngã kiến, nhưng cũng muốn giúp kẻ tăng bốc mình, trong lòng không vui, vua đọc kệ hỏi người nói “nhờ vào nghiệp lực”:

*Sống nhờ vào nước ta
Tự cho là nghiệp lực*

*Vậy ta xem thử người
Là sức của ai đây?*

Nói kệ xong, đức vua đi đến gặp phu nhân, nói:

– Nay ái khanh, bây giờ trẫm sai người qua bên khanh, khanh hãy phục sức thật xinh đẹp như phu nhân của Đế Thích.

Phu nhân thưa:

– Thần thiếp xin vâng lệnh.

Khi ấy vua trao nước bồ đào cho người hầu nói “sống nhờ vua” đem đến ban thưởng cho hoàng hậu. Đuổi người hầu nói “sống nhờ vào nghiệp lực” đi rồi, đức vua suy nghĩ: “Nó sẽ phải hồi hận!”. Vua suy nghĩ chưa bao lâu thì người nói “nhờ nghiệp lực” mặc y phục đẹp đẽ đến bên mình. Thấy ông ta, vua hết sức kinh ngạc nói kệ:

*Ta tự mình làm lẫn
Cho người chút nước thừa
Bị nghiệp lực của người
Cưỡng đoạt đem đến đây
Hay có thể thân hậu
Cho nhà người đem đi
Hoặc là phu nhân giận
Đoạt kia cho người chẳng?
Có thể ta nhâm lẫn
Đưa cho hấn ta sao?
Hay hấn mê hoặc ta
Làm cho ta rối loạn?*

Nói kệ xong, đức vua hỏi người kia:

– Hãy nói thật cho ta biết! Nhờ nghiệp lực nào, chứ tại sao ta cố ý không cho mà người vẫn được.

Người kia tâu:

– Tâu đại vương, thần nhờ vào nghiệp lực mà được.

Người kia đem mọi việc tâu đầy đủ lên đức vua:

– Tâu đại vương, người được ngài sai vừa ra khỏi cửa, bỗng nhiên bị chảy máu cam nên liền đưa nước này nhờ bề tôi đem đến phu nhân và được lệnh bà ban cho y phục này.

Nghe xong, vua nói kệ:

Nghiệp báo như bóng vang

Như tốt đẹp của người

Người nói nhờ nghiệp lực

Điều này đáng tin cậy.

Do năng lực nghe pháp

Lời nói hợp đạo lý

Người nói do nghiệp lực

Lời này quả hiệu nghiệm.

Ta quá ư tự phụ

Người nhờ nghiệp lực tốt

Phật dạy: nghiệp lực mạnh

Lời này đúng hoàn toàn.

Phật, Bạc Điều Ngự giỏi

Lành thay cho nghiệp lực!

Hay phá hoại sức vua

*Mười phương Phật Thế Tôn
Cũng nói tùy nghiệp lực.
Nay người nhờ nghiệp lực
Để tự trang nghiêm thân
Chẳng cần sức lực ta.*



Chương 74

Tuy có oán thù với người trí nhưng vẫn được lợi ích. Thế nên, dù bị người trí oán thù, vẫn thường xuyên gần gũi.

Tôi từng nghe:

Nước Ma-đột-la có vị Bà-la-môn trí tuệ thông minh, nhưng không tin Phật pháp, cũng không gần gũi các thầy Tỳ-kheo. Trước đó vị Bà-la-môn này xích mích với vị Bà-la-môn khác, nên ông tức giận đến Tăng phường nói dối:

– Thưa các Đại đức, ngày mai ở nhà vị Bà-la-môn kia có mở đại hội thiết lễ cúng dường, xin thỉnh các thầy Tỳ-kheo đến dự!

Vì ông muốn sáng mai các thầy Tỳ-kheo đến nhà vị Bà-la-môn kia mà không được ăn uống gì cả để tiếng xấu của ông ấy đồn khắp trong nước.

Sáng sớm hôm sau, các thầy Tỳ-kheo đến nhà vị Bà-la-môn kia nói với người giữ cổng:

– Chủ nhân của ông mời chúng tôi đến cúng dường, ông hãy vào thưa lại.

Người giữ cổng vào thừa lại với chủ nhân.

– Thừa ông, hiện giờ ở ngoài cổng có các thầy Tỳ-kheo nói ông mời nên họ đến.

Người chủ nghe xong suy nghĩ: “Vì lý do gì xảy ra sự việc như thế? Hay là Bà-la-môn có thù oán với ta làm việc này? Bây giờ ta phải cho người vào thành đi chợ mau sắm đầy đủ các thứ để cúng dường các thầy Tỳ-kheo”. Nghĩ xong, ông ta lập tức cho người mời các thầy Tỳ-kheo vào nhà an tọa rồi dọn thức ăn cúng dường.

Các thầy Tỳ-kheo thọ thực xong nói với thí chủ:

– Bây giờ ông hãy ngồi xuống! Theo pháp Tỳ-kheo của chúng tôi, sau khi thọ thực xong phải thuyết pháp cho thí chủ. Dù ông không tin nhưng theo pháp Phật là phải như thế.

Lúc ấy vị chủ nhân lấy ghế nhỏ ngồi trước vị Thượng tọa và được nghe thuyết pháp về bố thí, luận bàn về giới, sinh cõi trời, dục là bất tịnh, xuất thế là an vui... cho đến nói pháp bốn Chân đế.

Trong đời quá khứ, vị Bà-la-môn này có gieo trồng căn lành, nên ngay trên tòa ngồi, ngộ được bốn Chân đế, đắc quả Tu-đà-hoàn. Vị ấy nói kệ:

*Than ôi! Sức ngu si
Hay làm hại Chánh kiến
Người ngu không phân biệt
Báu tướng chẳng phải báu.*

Nay con được thắng lợi
Biết phân biệt Tam bảo
Thật sự là của báu
Phật pháp là Thánh chúng.
Con đã thấy rõ ràng
Đóng bít ba đường ác
Thích, Phạm và chư Thiên
Không thể nào đạt được.
Nay con được đầy đủ
Giờ đây Bà-la-môn
Được gọi là Phạm thiên
Sẽ đạt được mục đích
Giải thoát không còn chết
Nay con mới đạt được
Thắng pháp Bà-la-môn.
Bản tánh con thay đổi
Hôm nay thật thay đổi
Hôm nay mới đạt được
Pháp thắng diệu Tỷ-đà.
Giờ đây được vô lậu
Vượt qua khỏi Tỷ-đà
Nay con chân thật là
Cúng tế ruộng phước lớn.
Con sẽ siêng cúng lớn
Không phân biệt rõ ràng
Có cúng hay không cúng.
Từ ngày nay trở đi
Sẽ cúng Thiên Trung Thiên

Đa-đà A-già-đà
Nói tóm lại rằng là
Ngày nay mới được lợi
Đạt kết quả thân người.
Từ ngày nay trở đi
Sẽ theo lời Phật dạy
Nhất định không cầu xin
Các trời thần nào khác.
Nay con được học pháp
Tùy thuận theo chánh đạo
Pháp và tùy thuận pháp
Tôi ắt được quả ấy.
Con nay quy mạng lễ
Đời trước nhàm việc ác
Từng tu pháp, hướng pháp
Nay được quả lợi ích
Gân gũi Thiện tri thức
Pháp lợi tự nhiên thành.
Nếu con không gân gũi
Đệ tử Đấng Đại Bi
Mãi rơi vào tà kiến
Luân hồi ba đường ác.
Không có Bà-la-môn
Là kẻ thù ghét con
Con không được gân gũi
Thánh chúng như thế này.
Bên ngoài giống bạn xấu
Nhưng thật là bạn tốt

Ân quá hơn cha mẹ
 Cho đến các quyến thuộc.
 Nhờ Bà-la-môn này
 Chúng Tăng đến nhà con
 Tưới xuống mưa cam lộ
 Mầm tốt đều được sống
 Mưa pháp thấm ướt thêm
 Rưới đất bụi tâm con
 Bụi đất đã sạch sẽ
 Ngộ được pháp chân thật.
 Cho nên thế gian nói
 Nhờ ghét được của cải
 Tự nghĩ được lợi lớn
 Liền thọ Tam quy y
 Đãi các món ăn ngon
 Cho Bà-la-môn kia.



Chương 75

Nếu người nào thuần thành đem của cải bố thí, giống như gia sản được giàu có thêm. Do biết việc này, nên hết lòng bố thí.

Tôi từng nghe:

Vợ chồng người nước Kế tân nằm trên nệm cỏ. Vào lúc trời sắp sáng, người chồng nảy sinh ý niệm lành: “Trong nước này, vô lượng trăm ngàn người đều tu phước cúng dường chúng Tăng, còn

chúng ta nghèo khổ gặp được bến bấu này không bám chút ít thì đến đời sau nghèo khổ vô cùng. Bây giờ ta không tạo phước thì tương lai sẽ khổ mãi”.

Nghĩ xong, người chồng buồn bã than thở rồi khóc lóc rơi lệ trên tay người vợ. Người vợ liền hỏi chồng:

– Việc gì làm chàng không vui vậy?

Và nói kệ:

*Vì sao quá buồn thảm
Chàng luôn luôn than thở
Nước mắt ướt tay em
Giống như lấy nước nhiều?
Người chồng nói kệ đáp:
Tôi không có chút thiện
Để mang đến đời sau
Suy nghĩ việc này rồi
Cho nên tự buồn than.
Đời có ruộng phước lành
Tôi không hạt giống thiện
Thân này hoặc thân sau
Đói khổ khó lường được.
Đời trước không gieo giống
Đời này rất nghèo khổ
Nay nếu không gieo nhân
Tương lai không có quả.*

Nghe kệ xong, người vợ nói với chồng:

– Chàng chớ nên buồn rầu nữa! Em là vợ chàng, bản thân lệ thuộc vào chàng. Nếu bán thân em, chàng sẽ có tiền của thì được mãi nguyên.

Nghe xong, người chồng vui mừng, nét mặt hớn hở bảo vợ:

– Nếu không có em, ta không thể nào sống được!

Rồi nói kệ:

*Thân tôi và thân em
Giống như đôi uyên ương
Có thể cùng bán thân
Có tiền đem làm phúc.*

Lúc ấy hai vợ chồng đến nhà trưởng giả thưa:

– Thưa trưởng giả, ông làm ơn cho chúng tôi vay vàng! Nếu sau một tháng không trả hết thì hai vợ chồng tôi sẽ thuộc về ông. Sau một tháng, nếu không trả hết số vàng chúng tôi sẽ làm phận nô tỳ. Trong vòng một tháng, chúng tôi có thể cúng dường các Tỳ-kheo Tăng.

Trưởng giả liền đưa vàng cho họ. Nhận được vàng, họ nói với nhau:

– Chúng ta có thể vào chùa Ly việt cúng dường chúng Tăng.

Người vợ hỏi chồng:

– Ngày nào cúng dường?

Người chồng đáp:

– Ngày mười lăm.

Người vợ lại hỏi:

– Tại sao lại ngày mười lăm?

Bây giờ người chồng nói kệ đáp:

*Thế gian ngày mười lăm
Các Thiên vương Câu-tỳ
Đi xem xét thế gian
Đây là lời Phật dạy
Muốn cho người trời biết
Thế nên ngày mười lăm.*

Đến ngày mười ba, hai vợ chồng tận lực chuẩn bị đầy đủ thức ăn đem đến chùa thura với vị tri sự:

– Thura Đại đức, sáng ngày mười lăm xin Đại đức giữ chúng Tăng lại chùa và nhận lời mời của con.

Vị tri sự đáp:

– Được.

Ngày mười bốn, hai vợ chồng ở lại đêm trong chùa, nói kệ đề tự khuyên bảo nhau:

*Tự khuyên nhủ thân mình
Chớ nên sợ mệt nhọc
Nay mình được tự tại
Phải nên làm hết sức
Sau bị người quản thúc
Hành động không tự do
Chỉ uổng công khổ nhọc
Chẳng có lợi ích gì.*

Nói kệ xong, suốt đêm hai vợ chồng không ngủ

được, cứ lo nấu nướng thức ăn ngon để đến sáng mai là hoàn tất. Người chồng nói với người vợ:

– May quá! Đã xong hết rồi, chúng ta được mãn nguyện trong ngày tốt này, bán có một thân này mà trong trăm ngàn thân thường được giàu có.

Lúc ấy, có vị vua một nước nhỏ dọn các thức ăn uống rồi đến chùa thưa:

– Bạch chư Đại đức, cúi xin chư Tăng nhận sự cúng dường của con!

Vị tri sư nói:

– Thưa đại vương, vừa rồi chư Tăng chúng tôi có nhận lời mời của người khác rồi. Xin ngài đợi ngày khác!

Đức vua ân cần mời thỉnh:

– Thưa Đại đức, con có nhiều việc cần gấp, xin Đại đức nhận lời mời của con!

Chư Tăng im lặng không trả lời. Đức vua nói với vợ chồng người kia:

– Hôm nay, đích thân trẫm đánh kiền chùy. Trẫm sẽ bồi thường lại thức ăn người đã làm.

Nghe xong, hai vợ chồng hướng đến đức vua lạy sát đất rồi thưa:

– Tâu đại vương, vợ chồng con nghèo khổ không có gì cả, phải tự bán thân mình để thiết lễ cúng dường. Suốt đêm lo sắp xếp nấu nướng đã xong, chỉ có hôm nay được tự do cúng dường, đến ngày mai, thì chúng con bị người khác quản thúc,

không còn tự do. Cúi xin ngài rủ lòng thương xót
chớ nên giành ngày của chúng con!

Họ nói kệ:

*Vợ chồng như uyên ương
Thiết cúng đã làm xong
Cúi xin nghĩ nhớ cho
Mai lệ thuộc người khác.
Vợ chồng thuộc người khác
Không thời gian làm phúc
Tự bán thân như thế
Chính vì muốn tu thiện*

Nghe đầy đủ mọi việc, đức vua khen ngợi:

– Lành thay!

Và nói kệ:

*Ngươi khéo hiểu lời Phật
Hiểu rõ ràng nhân quả
Hay đem thân giả dối
Đổi tài mạng vững chắc.
Ngươi chớ có sợ hãi
Cứ làm theo ý nguyện
Ta đem lòng thương xót
Lấy tiền của thưởng ngươi
Nay thân ngươi chịu khổ
Sau được nhiều lợi lạc.*

Sau khi nói kệ xong, đức vua cho phép vợ
chồng người kia cúng dường chúng Tăng và đem
tài vật ban cho để đền bù lại chi phí, lại còn cấp

phát tài sản để họ còn mưu sinh.

Hai vợ chồng người kia được hưởng phước báu ngay trong hiện tại, không còn thiếu thốn nữa.



Chương 76

Người nào hết lòng giữ giới dù cho mất mạng vẫn được quả báo ngay trong hiện tại.

Tôi từng nghe:

Ở thành Nan-đề-bạt-đề có hai anh em Ưu-bà-tắc đều giữ năm giới. Bấy giờ, người em bỗng nhiên bị bệnh, hông sườn đau nhức, hơi thở thoi thóp. Thầy thuốc chẩn đoán bảo phải ăn thịt chó mới giết và uống rượu mới khỏi bệnh.

Bệnh nhân thưa:

– Thịt chó có thể mua ở ngoài chợ về ăn được, còn uống rượu thì tôi xin nguyện thà bỏ thân mạng, chứ nhất định không phạm giới.

Thấy bệnh tình của em nguy cấp, người anh mua rượu rồi bảo em:

– Em à, hãy bỏ giới uống rượu để trị bệnh!

Người em thưa:

– Anh à, dù bị bệnh nặng nhưng em nguyện thà bỏ thân mạng, nhất định không phạm giới để uống rượu.

Và nói kệ:

*Lạ thay! Lúc sắp chết
 Phá giới anh lạc ta
 Dùng giới trang nghiêm thân
 Không cần đồ tẩn táng.
 Thân người đã khó được
 Gặp giới pháp lại khó
 Nguyên bỏ trăm ngàn thân
 Không hủy phá cam giới.
 Vô lượng trăm ngàn kiếp
 Mới gặp được giới pháp
 Trong thế giới Diêm-phù
 Thân người rất khó được.
 Dù có được thân người
 Nhưng chánh pháp khó gặp
 Khi gặp được pháp bảo
 Người ngu không biết giữ.
 Người khéo phân biệt pháp
 Việc này càng khó hơn
 Giới báu vào tay tôi
 Tại sao lại muốn đoạt
 Chính là kẻ oán ghét
 Chẳng phải quyền thuộc tôi.*

Nghe kệ xong, người anh nói với em:

– Này em, anh vì tình cốt nhục nên không muốn để em chết.

Người em thưa:

– Anh chẳng phải thương yêu gì cả mà chính là

hại tôi.

Và nói kệ:

*Tôi muốn đến nơi tốt
Phá giới làm đọa lạc
Hại tôi mới như thế
Sao nói yêu thương tôi?
Tôi siêng tu tập giới
Mới sắp bị cướp đoạt
Trong năm giới đã giữ
Giới rượu là nặng nhất
Nay muốn ép tôi phá
Chớ nên nói thương tôi.*

Người anh hỏi:

– Tại sao rượu là giới căn bản?

Người em nói kệ đáp lời anh:

*Nếu ở trong giới cấm
Không hết lòng giữ gìn
Làm trái đạo Đại bi
Đầu cỏ có tấm rượu
Còn không dám ném thử
Vì thế nên tôi biết
Rượu là nhân đường ác.
Kinh dạy người tại gia
Nói ác báo của rượu
Chỉ có Phật biết rõ
Ai có thể lường được.
Phật dạy thân, miệng, ý*

Ác hạnh của ba nghiệp
Rượu là cội rễ
Đọa lạc trong ác hạnh.
Xưa kia Ưu-bà-di
Vì nhân duyên uống rượu
Phá bốn giới còn lại
Đây là kẻ hạnh ác.
Lại nói năm đại thí
Cũng là năm vô úy
Rượu là gốc phóng dật
Không uống, thoát đường ác.
Hay được tâm tin vui
Bố thí, bỏ keo kiệt
Thủ-la nghe Phật dạy
Được vô lượng lợi ích.
Tôi không có ý khác
Người muốn phá giới cấm
Nói tóm lại rằng là
Thà bỏ trăm ngàn thân
Không hủy phạm lời Phật
Thà để thân khô héo
Nhất định không uống rượu.
Giả sử hủy phạm giới
Sống được trăm ngàn năm
Không bằng giữ giới cấm
Thân bị chết tức thời.
Dẫu chắc chắn hết bệnh
Tôi vẫn không uống rượu

*Huống nay chưa biết chắc
Là hết hay không hết
Tâm tôi vẫn quyết định
Trong lòng rất vui mừng.
Liên thấy được Chân đế
Bệnh tật liền tiêu trừ.*



Chương 77

Ai tin lời Đức Phật thì cho các luận ngoại đạo giống như lời nói của đứa bé khờ khạo điên cuồng. Thế nên, cần siêng năng học luận Phật pháp.

Tôi từng nghe:

Có một nước tên là Thích-già-la, vua của nước ấy là Lô-đầu-đà-ma thường xuyên đến chùa nghe pháp. Lúc Pháp sư nói về lỗi lầm uống rượu, đức vua liền vặn hỏi Pháp sư trên tòa cao:

– Bạch Đại đức, người nào cho người khác uống rượu sẽ mắc quả báo si cuồng, nhưng bây giờ có nhiều người uống rượu vẫn không mắc quả báo si cuồng?

Pháp sư chỉ các ngoại đạo, đức vua hiểu ý khen ngợi:

– Hay thay! Hay thay!

Lúc ấy, có ngoại đạo bàn tán với nhau:

– Pháp sư kia không hiểu biết gì cả, cứ chỉ không không mà thôi. Đức vua bị Pháp sư lừa bịp, đã không hiểu còn khen suông “Hay thay!”.

Không ai có thể giải đáp câu hỏi này nhưng trong hội chúng cũng có người rất thông minh, nói kệ hỏi vì sao không giải đáp cho đức vua:

*Pháp sư tài hùng biện
Khéo hay đáp nghĩa này
Vì thương xót các người
Giữ gìn nên không nói.*

Bọn ngoại đạo thưa:

– Tâu đại vương, ngài cho Pháp sư này lừa bịp hay thông suốt đạo lý?

Vua bảo:

– Điều mà ta hiểu có ý khác.

Vua thưa với Pháp sư:

– Bạch Đại đức, xin ngài giải thích rõ ràng ý nghĩa vừa rồi.

Vị Pháp sư đáp:

– Tâu đại vương, sở dĩ tôi chỉ ngoại đạo vì họ có tư tưởng khác nhau nên tâm điên đảo. Thế nên gọi là người cuồng si.

Vị Pháp sư liền nói kệ:

*Không hấn quỉ nhập thân
Gọi là người điên cuồng
Tâm tà kiến Dạ-xoa
Mới chính là điên cuồng,*

Người cuồng si làm lỗi
Không hiểu biết việc ấy.
Các người có lỗi cuồng
Bậc Nhất Thiết Trí dạy:
Người trái lời Chủng trí
Chạy theo các tà kiến.
Với thần biến hiện thấy
Làm nhục đại Tiên kia
Nói lỗi họ cấm ngăn
Điên cuồng trước đã đứng
Tại vì sao ta nói?
Gieo trăm ngàn nhân cuồng
Vì sao nói rõ ràng?
Nhảy vực, đem vào lửa
Tự rơi từ đỉnh cao
Bỏ bố thí, trì giới
Theo mê tà cuồng điên
Không tu theo chánh hạnh,
Cuồng mê nhảy vào lửa
Làm hư hoại tịnh hạnh,
Uống, tắm nước sông Hằng
Gọi là theo chánh hạnh.
Bất tịnh và được mắt
Có ý nghĩa thế nào?
Bán thịt, gom điều ác
Ba loại Thần tức biến
Ngoại trừ ba loại này
Lại cũng có thần biến.

Chỉ có mười hai pháp
Ngoài ra không có ngã
Hiện thấy Tiên thân biến
Lại thấy pháp mười ba.
Việc điên cuồng như thế
Kể ra có cả trăm
Hiện thấy nhảy vào lửa
Tự rơi từ đỉnh cao
Bởi vì muốn sinh Thiên.
Đó chỉ là tà kiến
Chẳng phải nhân sinh Thiên
Thí, giới khéo điều tâm
Tức là nhân sinh Thiên
Bán muối gây ác lớn
Tắm sông có thiện lớn
Như thế có nghĩa gì?
Được gọi là thiện ác
Bà-la-môn bán thịt
Là bị mất pháp rồi
Cầm đao cũng mất pháp
Nếu lại còn bán thịt
Đủ ba mươi sáu căn
Bại hoại Bà-la-môn
La sát đến ăn mật
Đều gọi là mất pháp
Thấy La-sát ném mật
Cả hai đều có tội.
Dùng cân lừa dối người

Thiếu hụt gọi là trộm
Bán thịt thành sát sinh
Lúa, dê đều có mạng
Ăn lúa không phải giết
Dê, lúa đều nên ăn
Vì sao được ăn lúa
Mà không được ăn dê?
Các người nói tự giết
Nhất định không sinh Thiên
Nhảy núi gieo xuống vực
Lại nói được sinh Thiên
Giết mình nói có tội
Người nuôi dưỡng thân mình
Tại sao không được phước?
Xem xét không đúng lý
Là ngu si điên đảo
Do nhân duyên như vậy
Gọi các người là cuồng.
Đây tức là ngu si
Biểu tượng của La-sát
Thế nên nói các người
Thành tựu pháp điên cuồng.
Đó tức là nhân quả
Cho rượu và uống rượu
Sân hận là nhân si
Sân nhuế nên cấu uế
Hay thay đổi nhan sắc
Do nhân duyên như vậy;

*Sân là vợ nhân đen
 Uống rượu nhan sắc xấu
 Hai việc này đều xấu.
 Mục-liên thấy ngạ quỉ
 Người trước tự uống rượu
 Nói không có tội báo
 Cho nên trong hiện tại
 Đã bị thân ngạ quỉ
 Hoa báo đã như thế
 Quả báo mới đến sau.*

Khi các Bà-la-môn nghe việc này, ngay lúc ấy có nhiều ngoại đạo xuất gia.



Chương 78

Người nào khéo phân biệt tôn kính công đức sẽ không mong mỏi vào dòng dõi.

Tôi từng nghe:

Ở thành Hoa thị, có hai vương tử chạy trốn về nước Đâu-mạt-đâu-la. Trong nước ấy có một nội quan tên Bạt-la-bà-nhã làm phụ tá cho vua, tự tay đem thức ăn cúng dường chúng Tăng.

Chúng Tăng thọ thực xong, ông sai người thu dọn thức ăn thừa trên cỏ đem vào cung, rồi hướng về đó làm lễ, sau đó mới ăn và đem phân chia cho người yêu mến. Ăn thức ăn dư kia có thể phá trừ bệnh ngã chấp, cho nên ông ta trước tiên lấy ăn rồi

mới đưa cho hai vương tử.

Hai vương tử ăn xong, trong lòng cảm thấy ghê tởm nên đi ra ngoài ỏi mưa và nói:

– Người xuất gia xuất thân từ nhiều dòng họ. Bây giờ, chúng ta ăn thức ăn dư của họ rồi ỏi ra thì sau đó không có lỗi.

Nghe việc ấy, vị phụ tá cho vua nói:

– Hai đứa bé dại khờ này thật không biết gì cả!

Và nói kệ:

*Được thức ăn thừa này
Người trí trừ tội lỗi
Người ghê tởm chê bai
Đây gọi là trẻ dại.
Pháp Phật quán khi ăn
Ngoại đạo đều không có
Sa-môn quán khi ăn
Hay trừ phiền não chương
Dùng đồ dư của Phật
Nên cung kính trên đầu
Tay cầm thức ăn dư
Nước rửa trừ tội lỗi.*

Hôm sau vị phụ tá quốc vương không đưa thức ăn dư, nên người hầu hỏi:

– Thưa ngài, tại sao ngài không chia thức ăn cho hai vương tử?

Vị phụ tá quốc vương nói kệ:

Hai vị ấy không hiểu

*Cơm dư của Sa-môn
Vì tự ý dòng họ
Ăn dư là bất tịnh.
Tâm họ không hoan hỷ
Thế nên ta không cho.
Không biết họ Sa-môn
Không ăn thừa của họ
Không biết dòng họ ta
Không nên ăn của ta.
Sa-môn sống mọi nơi
Không như dòng họ ta
Ta không bằng Sa-môn
Lại không ăn của ta.
Hoặc nói không dòng họ
Cũng không có tuổi tác
Như ngựa không giống nòi
Nội quan cũng như thế.
Nội quan đến mọi nơi
Không có định phương nào
Chỉ thấy ta giàu sang
Không xem dòng họ ta.
Vì chỉ thấy giàu sang
Nên ăn dư của ta
Không ăn của Sa-môn
Gọi đây là trẻ dại.
Tâm Sa-môn tự tại
Đầy đủ bảy thứ tài
Không ăn của Sa-môn*

Mà ăn dư của ta,
 Giống như lên nửa giếng
 Không thấy được gì cả.
 Thấy ta có thể lực
 Được đức vua nhớ tưởng
 Liền ăn dư của ta.
 Sinh trong dòng Cam Giá
 Thái tử vua Du-đầu
 Dòng họ đến như thế
 Không hơn được ta sao?
 Thắng trí của Sa-môn
 Không ai bằng hay hơn
 Không xét dòng tộc họ
 Mà chỉ xét đức hạnh.
 Dòng họ làm điều ác
 Cũng gọi là thấp hèn
 Đủ giới, có trí tuệ
 Gọi đây là tôn quý.

Nghe xong, hai vương tử thưa:

– Thưa ngài, ngài dạy chánh đạo tức là cha chúng tôi. Từ nay trở đi, chúng tôi kính cần vâng theo lời ngài đã dạy.

Và nói kệ:

Nay ngài nói dòng họ
 Khác với lời phi pháp
 Nhân hạnh không nhất định
 Hiểu biết không định phương

*Bàn luận đúng lý rồi
Không gọi là thiên kiến
Như điều ngài hiểu biết
Tức dòng họ tôn quý.*



Chương 79

Ai muốn biết rõ thân biến của Đức Phật thì nên đích thân đến cúng dường tháp Phật.

Tôi từng nghe:

Ở thành nước A-lê-xa-tỳ-già có tháp thờ móng tay của Đức Phật, gần tháp có cây Ni-câu-đà, bên cạnh có giếng nước. Khi ấy, có vị Bà-la-môn tâu với đức vua:

– Tâu đại vương, nếu ngài du hành sẽ thấy tháp kia. Tháp đó phá hoại phước đức của ngài. Quyền lực của ngài bao trùm cả cõi đất này, vậy nên phá bỏ tháp đó.

Đức vua tin lời vị Bà-la-môn liền ra lệnh cho quần thần:

– Các khanh hãy mau phá bỏ tháp đó cho ta! Ngày mai khi ra ngoài, chớ để ta thấy nữa!

Khi ấy Thần linh trong thành và dân chúng đều buồn khóc. Các Ưu-bà-di thiết lễ cúng dường, người đốt đèn nói:

– Bây giờ là lần cuối cùng chúng ta cúng

dường!

Có một Ưu-bà-tắc ôm tháp khóc thảm thiết rồi nói kệ:

*Nay con ôm lần cuối
Chân nền tháp Thế Tôn
Như Tu-di ngã nhà
Ngày nay bị phá hoại.
Tháp Thập Lực Thế Tôn
Giờ đây sẽ không còn
Nếu con có lỗi lầm
Xin cho con sám hối
Chúng sinh không còn thấy
Biểu tượng của Đức Phật.*

Lúc ấy, các Ưu-bà-tắc cùng nói:

– Bây giờ có thể trở về nhà, chúng ta không thể đứng nhìn người ta phá hoại tháp được!

Sau đó, vua đích thân sai người đem dụng cụ đến đập phá. Khi họ đến đó thì tháp và cây không còn nữa. Họ nói kệ:

*Lạ thay! Thật kỳ quái.
Cả thành đều hét lên
Giống như làn sóng biển:
Không thấy tháp Thập lực.
Ni-câu-đà và giếng
Không biết ở nơi nào.
Tất cả Bà-la-môn
Đều xấu hổ sợ hãi.*

*Đức vua nghe việc ấy
Sinh lòng rất thán phục.
Khi ấy vua nghĩ rằng:
Ai đem tháp này đi
Đích thân đi đến tháp
Chẳng thấy tháp ở đâu.*

Bấy giờ đức vua sai cả ngàn người cỡi voi, phóng ngựa tìm kiếm khắp nơi. Một bà lão bên đường thấy nhiều người đi lại vội vã hỏi họ:

– Các ông làm gì vậy?

Họ đáp:

– Chúng tôi đi tìm tháp và cây.

Bà lão nói:

– Hồi nãy ở bên đường, tôi thấy một việc rất lạ. Có một cái tháp cùng với cây Ni-câu-đà bay trên không, còn cái giếng thì tôi không nhớ. Tôi chỉ thấy nhiều người, đầu đội thiên quan, đeo vòng hoa, thân mang nhiều hoa đem tháp đi. Khi thấy họ đi qua, tôi cho là kỳ lạ.

Nói xong, bà lão chỉ hướng tháp đi. Nghe xong, mọi người đem đầy đủ mọi việc về tâu vua. Đức vua rất vui mừng nói kệ:

*Tháp kia tự bay đi
Hay là bay lên trời
Lòng tôi rất kính tin
Và hết sức vui mừng
Nếu tôi phá tháp đó*

Sẽ đọa vào địa ngục.

Đức vua liền hướng về chỗ tháp thiết lễ cúng dường lớn. Tháp ấy hiện này được gọi là Tự di. Tháp, cây và giếng ở cách thành Tỳ-già ba mươi dặm.



Chương 80

Tháp Phật có oai thần lớn. Vì vậy, nên cúng dường tháp Phật.

Tôi từng nghe:

Nước Trúc-xoa-thi-la có chùa tháp do vua Batur-nặc xây cất bị hỏa hoạn. Đức Phật còn để lại đó một cái bậc cửa hư.

Bấy giờ vua nước ấy tên là Câu-sa-đà-na. Có một thầy Tỳ-kheo cầu xin đức vua:

— Tâu đại vương, tôi đang làm bậc cửa cho tháp, xin ngài cho tôi cây.

Có cây lớn nhưng vua không tiếc giữ, liền nói:

— Trừ cây cối trong nội cung của trẫm ra, còn bao nhiêu cây khác đều được lấy.

Được vua cho phép rồi, các thầy Tỳ-kheo tìm kiếm cây khắp mọi nơi. Lúc đó có một ao nước lớn ở ven một thôn nọ, trên bờ cỏ cây Thủ-già to lớn được rỗng giữ gìn. Vì rỗng dữ kẻ cận, nên không người nào dám chạm đến cây. Cây ấy rất to lớn.

Nếu có người nào đến lấy cành lá, có thể bị rồng giết chết. Do đó, không ai dám đến gần cây. Có người mách với thầy Tỳ-kheo:

– Bạch Đại đức, ở đó có cây to.

Thầy Tỳ-kheo liền dẫn nhiều người đem theo búa rìu muốn đến đó đốn chặt, thì lại có người thưa:

– Bạch Đại đức, con rồng đó rất dữ.

Thầy Tỳ-kheo nói:

– Ta làm Phật sự nên chẳng sợ rồng dữ.

Lúc ấy, có vị Bà-la-môn phụng sự thưa với thầy Tỳ-kheo:

– Bạch Đại đức, con rồng đó rất dữ, nếu chặt cây ấy sợ có nhiều điều tổn hại. Xin thầy chớ chặt phá!

Bà-la-môn nói kệ:

Thầy không nghe mà chặt

Vì tham lam làm ác

Thầy nên bỏ tất cả

Thầy phải nhớ việc này

Thường nên tự giữ gìn

Chớ nên vì cây kia

Tự đi đến tổn hại

Thầy Tỳ-kheo nói kệ:

Ông là con rồng dữ

Nên tự mình công cao

Tôi nương vào Đức Phật

*Nhờ đó cũng lên cao
 Xem sức người, ta hơn
 Thế lực ta như vậy.
 Làm cho mọi người thấy
 Vì ta cung kính Phật
 Nên hy sinh thân mạng
 Với bảy rồng dữ tợn.
 Vì ông làm rồng chúa
 Có ý rất cung kính
 Phật là Nhu Điều Tịch
 Và là vua trong chúng
 Nay tôi cũng cung kính
 Như Lai Bà-già-bà
 Ai hàng phục rồng dữ
 Nên được làm đệ tử.*

Thầy Tỳ-kheo cùng với thầy Bà-la-môn tranh lý lẽ nhân đó kinh cãi nhau. Khi chặt cây, thầy Tỳ-kheo cũng không thấy hiện có hiện tượng mây sấm đôi khác xảy ra.

Thấy như thế, vị Bà-la-môn nói kệ:

*Trước, ai lấy cành lá
 Nổi mây sấm sét đánh
 Thầy dùng thần chú nào
 Bị chết đến đời sau.*

Nói kệ xong, vị Bà-la-môn đi ngủ và mộng thấy rồng dữ hướng về mình nói kệ:

Ngươi chó có sân hận

Đây là được cúng dường
Chẳng phải khinh khi ta
Đích thân ta công tháp
Nên ta không tiếc giữ
Tháp Thập Lực Thế Tôn
Ta làm sao giữ được?
Rừng này cây tự mọc
Để làm tháp của Phật
Như thế cây tự mọc
Làm sao luyến tiếc được?
Lại có lý do khác
Sẽ nói rõ người nghe:
Ta không có thế lực
Long vương Đứơc-xoa-ca
Tự đến lấy cây này
Ta làm sao giữ được?
Long vương Y-la-bát
Cho đến Tỳ-sa-môn
Tự đích thân đến đây
Ta đâu có thế lực
Để chống cự lại họ!
Oai đức các Thiên, Long
Như Lai đời hiện tại
Cho đến sau diệt độ
Người xây dựng tháp miếu
Hai việc đó như nhau.
Có nhiều người đăc đạo
Trời, Người và Dạ-xoa

*Danh vang khắp mười phương
Thế giới không ai bằng.
Do tiếng tăm như thế
Tháp cửa treo linh báu
Tiếng linh rất hòa nhã
Xa gần đều nghe biết.*

Nghe kệ xong, Bà-la-môn tỉnh dậy, lập tức xuất gia.



Chương 81

Tôi từng nghe:

Có một bà lão, mang bình váng sữa đang đi giữa đường, thấy cây Yêm-ma-lặc liền hái quả ăn. Ăn xong lại khát nước, bà liền tìm giếng xin nước uống và được người xách nước đưa cho. Vì trước đó ăn quả Yêm-ma-lặc nên bà cho rằng có vị ngon ngọt giống như đường phèn. Bà nói với người kia:

– Tôi đem bình váng sữa đổi bình nước của ông.

Người xách nước thuận lời, đưa cho bà một bình nước. Được nước rồi, bà lão mang về nhà. Vừa đến nhà thì vị ngọt của quả Yêm-ma-lặc đã ăn lúc trước cũng vừa hết, nên khi uống thì chỉ có vị lạt như nước, ngoài ra không có mùi vị nào khác. Bà liền mời bà con đến nếm thử. Họ đều nói:

– Nước có mùi hôi thối của dây mục nát hòa

lẫn với bùn rất gớm ghiếc, tại sao bà đem về đây?

Nghe mọi người nói xong, bà tự lấy uống thử, rồi hỏi hận: “Tại sao tôi lại đem váng sữa tốt đôi lấy nước hôi thối này?”

Tất cả chúng sinh, người phàm phu cũng lại như thế. Vì ngu si không trí tuệ nên đem bình váng sữa công đức đời vị lai đổi lấy bốn bình điên đảo hôi thối mà cho là thơm ngon, về sau mới biết chẳng phải chân thật, nên rất hối hận. “Trời ơi! Tại sao ta đem bình váng sữa công đức đổi lấy thứ nước điên đảo hư thối”. Và nói kệ:

*Than ôi! Tại sao tôi
Đem ba nghiệp thanh tịnh
Mà đổi lấy các hữu
Như đem váng sữa ngon
Đổi lấy nước hôi thối.
Vì ăn Yêm-ma-lặc
Lưỡi không biết mùi vị
Nước thối gọi cam lộ.*



Chương 82

Tôi từng nghe:

Có vợ một vị trưởng giả bị mẹ chồng giận rượt chạy vào rừng muốn giết hại nhưng không được, cô ta leo lên cây. Dưới cây có ao nước, bóng cô ta hiện dưới nước. Khi ấy, có một nô tỳ mang vò lấy

nước, thấy bóng dưới nước ngỡ là bóng của mình, nên nói như vậy:

– Lúc này, dung mạo của ta xinh đẹp như thế, tại sao phải lấy nước cho người khác?

Rồi cô đập bể vò, đi về nhà thưa với chủ nhà:

– Thưa ông, dung mạo con nay xinh đẹp như vậy, tại sao ông lại sai con mang vò lấy nước chứ?

Lúc đó, ông chủ nói:

– Con nô tỳ này đã bị ma nhập, nên mới làm việc ấy.

Ông ta lại đưa một cái vò khác bảo đến ao lấy nước, cô vẫn thấy cái bóng kia dưới nước liền đập vỡ cái vò. Người vợ của vị trưởng giả ở trên cây thấy vậy liền mỉm cười.

Thấy bóng người, nô tỳ tự tỉnh mộng ngược lên thấy người phụ nữ ở trên cây mỉm cười; người phụ nữ xinh đẹp ấy mặc y phục khác mình mới đâm ra xấu hổ.

Vì nhân duyên gì nói thí dụ này? Vì những bọn người tà kiến ngu si. Ví như dầu Chiêm-bạc thoa lên tóc, do mê mờ không biết, nên họ cho rằng dầu tôi tỏa ra mùi hương này. Cho nên nói kệ:

Bột hương để thoa thân

Và xông y, anh lạc

Tâm mê lầm cũng vậy

Cho thân mình tỏa hương

Như tờ giấy xấu xa

Thấy bóng người tưởng mình.



Chương 83

Mèo con được mẹ sinh ra, nuôi đến lớn.

Nó hỏi mẹ:

– Mẹ à, những thứ gì con ăn được?

Mèo mẹ bảo:

– Này con, loài người sẽ dạy cho con.

Đêm đến, nó vào nhà người ta và núp trong cái hủ. Có người thấy được liền bảo:

– Các thứ tô, sữa, thịt rất ngon, hãy lấy vung đập lại! Còn gà con đưa lên cao, chớ để mèo ăn.

Lúc ấy, mèo con mới biết gà, tô, sữa, lạc đều là thức ăn của mình.

Vì nhân duyên gì mà nói ví dụ này? Đức Phật thành đạo Chánh đẳng Chánh giác, đầy đủ mười lực, tâm nguyện đã mãn, đem tâm đại bi cứu độ nhiều nơi.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn suy nghĩ: “Ta nên dùng phương pháp nào để hóa độ chúng sinh?”. Đấng Đại Bi tự đáp: “Tất cả tâm hạnh của chúng sinh đều hiển hiện. Ta dùng tha tâm trí quán sát phiền não, tất cả các hành tham dục, sân nhuế, ngu si... tăng trưởng trong chúng sinh suốt ngày đêm, tưởng thường, tưởng lạc, tưởng tịnh, lần lượt nương

nhau”.

Ngài dạy: “Không thể nào làm tăng trưởng pháp vô thường, khổ, không, vô ngã. Như Lai đã biết như vậy, nên ngài nói các pháp đối trị tà kiến cho chúng sinh. Như Lai thuyết pháp vi diệu thâm thâm, khó hiểu, khó thâm nhập, gọi là đạo giải thoát.”

Tại sao ngài thuyết pháp này cho chúng sinh? Vì các chúng sinh có tà kiến điên đảo. Ngài quán sát biết được như thế, liền tùy theo căn cơ của họ mà nói pháp yếu.

Chúng sinh tự có bao nhiêu nghiệp khác nhau. Vì vậy nên biết rằng Đức Như Lai thuyết pháp đối trị phá trừ điên đảo giống như vì mèo con nên đập thịt, tồ, sữa.



Chương 84

Tôi từng nghe:

Ở một nước nọ, có một thí chủ dựng một trụ đá rất cao lớn. Ông ta chặt bỏ thang dây bắt lên trụ để người thợ kia ở trên chót trụ. Vì sao vậy? Vì sợ người thợ kia còn sống sẽ đến nơi khác xây dựng trụ khác đẹp hơn trụ này.

Đêm ấy, cả gia đình quyến thuộc của người thợ kia tụ họp bên trụ đá rồi nói với anh ta:

– Bây giờ làm sao ông xuống được?

Lúc ấy người thợ đã có rất nhiều phương chước. Anh ta xé vải áo có chiều dài gấp đôi thả xuống dưới trụ. Thân quyền anh liền lấy sợi dây to cột vào sợi dây áo, anh kéo lên, cầm lấy sợi dây to rồi nói với thân quyền:

– Bây giờ các người có thể bện dây to vào dây nhỏ.

Thân quyền nghe theo lời anh cứ lần lượt làm như thế. Cuối cùng, họ thắt được một sợi dây to lớn. Bây giờ, người thợ dùng sợi dây tuột xuống dưới.

Nói trụ đá là dụ cho sinh tử. Dây thang dụ cho giáo pháp của Đức Phật quá khứ đã diệt. Nói thân quyền là dụ cho chúng Thanh văn. Sợi dây áo dụ cho Định và Tuệ của Đức Phật quá khứ. Chiều dài sợi dây áo dụ cho tín tâm. Cột dây lớn dụ cho gần bạn lành được nghe nhiều. Dây nhỏ là dây nghe nhiều nhờ vào dây Trì giới, dây Trì giới nhờ vào dây Thiền định, dây Thiền định nhờ vào dây Trí tuệ. Sợi dây to cột chắc chắn dụ cho sinh tử trôi buộc. Từ trên xuống dưới dụ cho sinh tử.

Lấy Tín làm sợi dây

Đa văn và Trì giới

Giống như sợi dây to

Giới, Định là dây nhỏ

Trí tuệ là dây to

Đi xuống trụ sinh tử.



Chương 85

Tôi từng nghe:

Có một vị vua ở nước nọ sắp tuyệt tự. Mọi người đến ép buộc người dòng họ của vua trước đó đã vào rừng học đạo tu Tiên để về làm vua. Vua theo người hầu trái chỗ nằm hỏi y phục cho đến thức ăn uống. Người này tâu với vua:

– Tâu đại vương, mỗi việc đều có quan trông coi. Bây giờ đại vương không nên mỗi việc theo hỏi con, con chỉ biết việc trái chỗ nằm, còn tắm, giặt, y, thực có người khác, chẳng phải việc của con đảm đang.

Do ví dụ này có thể biết tất cả các nghiệp giống như người trái chỗ nằm cho vua, nói mỗi việc đều có quan trông coi. Nghiệp cũng như vậy, đều không giống nhau, về hình sắc không bệnh thì các vật đáng yêu. Các nghiệp về trí đều khác biệt, có nghiệp được vô bệnh, có nghiệp được sắc lực xinh đẹp, đoan trang. Như Tiên nhân kia theo người hầu trái chỗ nằm đòi lo đủ mọi vật, trọn không thể được.

Ai sinh dòng họ trên không hẳn giàu có, các nghiệp thọ báo đều sai khác, không do một nghiệp mà chịu mọi thứ quả báo. Ai tạo nghiệp đoan chánh, sẽ được sắc lực đoan trang xinh đẹp, giàu

có lẽ ra phải từ nghiệp khác. Vì vậy, người trí phải nên tu tập mọi thứ tịnh nghiệp để được mọi thứ quả báo khác nhau.

*Vô bệnh, sắc, chủng tộc
Trí năng, nhân khác nhau
Như vua Tiên nhân kia
Đòi người làm mọi việc.*



Chương 86

Tôi từng nghe: Có một vị vua nước nọ, nuôi nhiều ngựa tốt. Gặp lúc đánh nhau, vua nước láng giềng mới biết vua nước này có nhiều ngựa tốt, nên lập tức rút lui.

Bấy giờ, đức vua suy nghĩ: “Trước đây ta nuôi ngựa mưu toan chống cự nước địch, giờ đây quân địch đều rút lui, ta còn nuôi ngựa làm gì? Ta đem số ngựa này thay thế sức người để ngựa không hao tổn mà người lại có lợi ích nữa”.

Nghĩ xong, vua ra lệnh cho quan hữu ty đem bày ngựa phân phát cho mọi người. Người ta dùng nó kéo cối xay trải qua nhiều năm.

Sau đó, nước láng giềng lại đến xâm chiếm bờ cõi. Đức vua ra lệnh lấy ngựa lại để đem ra chiến đấu. Vì ngựa dùng kéo cối xay nên chúng cứ đi vòng quanh chứ không chịu tiến tới được. Nếu lấy roi quất nó cũng không chịu đi.

Chúng sinh cũng như vậy. Nếu muốn được giải thoát, phải nhờ vào tâm, nếu cho rằng thọ năm dục sau mới được giải thoát thì thân chết đã đến mà tâm ý còn đeo bám năm dục lạc không thể thẳng tiến để được giải thoát.

Cho nên nói kệ:

*Bậc trí nên điều tâm
Chớ đắm trước năm dục
Vốn không điều được tâm
Lâm chung sinh luyến ái.
Tâm đã không điều thuận
Làm sao được tịch tĩnh
Tâm thường mê ngũ dục
Mê man không thể tỉnh
Tâm đã không điều thuận
Làm sao được thanh tịnh?
Tâm đắm say ngũ dục
Mê muội không giác ngộ
Như ngựa không tập luyện
Đánh trận mà đi vòng.*



Chương 87

Lại nữa, tôi từng nghe: Có một vị vua bị bệnh nặng, các lương y trong nước đều bó tay.

Lúc ấy, có một lương y từ xứ xa đến trị lành bệnh cho đức vua. Đức vua rất vui mừng, nghĩ như

vậy: “Ta được lương y cứu chữa, bây giờ phải đền đáp trọng hậu cho ông ta”. Nghĩ xong, đức vua bảo riêng người hầu cận:

– Người hãy mang nhiều tài vật đến chỗ vị lương y kia ở cất nhà, sắm đủ mọi vật dụng nuôi sống như nhân dân, ruộng đất, trâu, ngựa, voi, dê, tôi trai, tớ gái... tất cả vật dụng của cải đều không được thiếu thứ gì.

Làm xong mọi việc, đức vua bảo vị lương y trở về nhà. Trước mắt, không thấy vua có gì làm quà cho lời giao ước, vị lương y đành phải tay không trở về nhà mà trong lòng rất hận.

Sắp đến nhà, trên đường gặp trâu dê, voi, ngựa nhưng ông ta không biết gì cả chỉ hỏi là ai cho. Mọi người đều nói tên của vị lương y và trâu ngựa này là của ông ta. Vừa đến nhà, lương y thấy nhà cửa của mình tráng lệ, trang trí giường màn, thảm... các vật dụng bằng vàng bạc, còn vợ ông ta đeo anh lạc và đủ thứ y phục. Thấy thế, ông ta rất kinh ngạc, giống như đang ở cung trời. Ông hỏi vợ:

– Này bà, sao bà được giàu sang như thế?

Người vợ thưa:

– Ông không biết sao? Do ông trị hết bệnh cho vua, nên ngài đền đáp công ân của ông.

Nghe xong, người chồng vui mừng suy nghĩ: “Đức vua rất có đức, biết tri ân báo ân hơn cả ta trông mong. Do ta cạn cợt, lúc đầu thấy không

được gì nên trong lòng căm hận”.

Lấy chuyện trên làm ví dụ, nay sẽ nói ý nghĩa:
Lương y dụ cho nghiệp lành.

Vua không cho gì dụ cho chưa được hiện báo.

Thân không được gì như vị lương y kia không thấy vật giao ước cho là không được gì nên đem lòng căm hận. Như người đang làm điều thiện thấy chưa có quả báo nên trong lòng rất giận ghét và cho là: “Tôi không được gì”.

Đi về nhà giống như bỏ thân này hướng đến đời sau, thấy đàn trâu, dê, voi, ngựa như từ thân trung ấm thấy đủ thứ tướng tốt mới nghĩ: “Do ta tu điều lành nên được quả báo tốt này, chắc chắn sinh lên cõi trời”.

Đã đến cõi trời là dụ cho vào trong nhà thấy mọi thứ đầy đủ mới có tâm kính trọng, biết là nhờ sự báo ân của vua.

Đàn-việt thí chủ được sinh Thiên rồi mới biết Bồ thí, Trì giới nhận quả báo như thế và biết rõ lời Phật là chân thật, không hư dối.

Tu chút ít nghiệp lành sẽ được quả báo vô lượng. Vì vậy nên nói kệ:

*Khi cho chưa thấy quả
Tâm có ý nghi hoài
Nói uổng công mệt sức
Rốt cuộc không được gì.
Đã được thân trung ấm*

*Mới thấy tướng mạo tốt
Như lương y về nhà
Trong lòng rất vui vẻ.*



Chương 88

Lại nữa, từng nghe:

Có hai cô gái đều được quả Yêm-la. Trong đó, có một cô ăn vứt hột, còn một cô ăn xong giữ hột lại.

Cô giữ hột lại thấy quả Yêm-la ngon, đem trồng vào đám đất tốt, tưới bón đúng thời nên cây lớn ra quả tốt như người thế gian kia làm cội lành, lại tu nhiều nghiệp lành, sau được quả báo.

Người vứt hạt cũng giống như người không biết nghiệp lành, cuối cùng không tu tạo nên không thu hoạch được gì mới ôm lòng hối hận. Do vậy nên nói kệ:

*Giống như được ăn quả
Ăn xong không giữ hạt
Sau thấy người ăn quả
Mới ôm lòng hối hận
Cũng như cô gái kia
Đem hột trồng được quả
Trong lòng rất vui mừng.*



Chương 89

Lại nữa, từng nghe:

Thuở xưa có thầy Tỳ-kheo Tu-di-la có tài giỡn cợt. Thầy cùng với vua nói cười vui vẻ, rất xứng ý.

Bấy giờ, thầy Tỳ-kheo muốn lập Tăng phường nên theo vua xin đất. Vua nói:

– Nay Đại đức, thầy hãy chạy nhanh không nên ngừng nghỉ, đến hết chỗ nào thì đó là đất trẫm cho thầy.

Thầy Tỳ-kheo sửa soạn y phục, lập tức chạy nhanh. Tuy mỗi mệt nhưng vì tham đất, nên thầy vẫn không dừng nghỉ. Sau quá mệt, không thể chạy nổi, thầy nằm xuống đất đê bò đi. Trong chốc lát lại mệt như, thầy lấy gậy phóng đi và nói:

– Đến chỗ có dấu trưng đều là đất của tôi.

Đã nói ví dụ, tôi nay sẽ nói ý nghĩa tương đương:

Như muốn lấy đất, thầy Tỳ-kheo Tu-di-la dù mỗi mệt vẫn không dừng nghỉ. Đức Phật cũng như thế, vì muốn cứu độ tất cả chúng sinh. Ngài đã suy nghĩ: “Làm sao để chúng sinh được hưởng vui ở cõi trời, người, cho đến được giải thoát?”

Giống như Tu-di-la chạy không dừng nghỉ, Đức Phật Bà-già-bà cũng lại như thế. Ngài đã điều phục những vị như: Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp, Ương-quật-ma-la. Có nhiều chúng sinh có thể hóa độ được thì lúc ấy Thế Tôn liền đến hóa độ.

Như Tỳ-kheo Tu-di-la đã mỏi rồi mà còn bò đi, Đức Phật cũng như vậy. Độ các chúng sinh đã khổ nhọc rồi, Ngài đem thân ngũ ấm này nằm nghỉ giữa hai cây Ta-la. Như cây Ca-thi-ca bị chặt gốc thì phải ngã. Dù chỉ tựa mình dưới hai cây đề nghỉ, ngài vẫn nhất quyết không bỏ tâm tinh tấn, độ cho các lực sĩ Câu-thi-la và Tu-bạt-đà-la. Giống như thầy Tu-di-la, vì muốn lấy được đất nên phóng gậy đề lấy đất. Đức Phật cũng như thế, vì muốn cứu độ chúng sinh, nên Ngài nhập Niết-bàn lưu lại xá-lợi, làm tám học bốn đầu để chúng sinh được lợi ích. Loại xá-lợi nát nhỏ như những hạt cải, nhưng người nào đến nơi cúng dường xá-lợi ấy thì chẳng khác gì cúng dường Đức Phật, làm cho họ đều được vào Niết-bàn. Do vậy nên nói kệ:

*Đích thân Như Lai độ
 Ông Ưu-lâu-tần-loa
 Quyến thuộc và đồ đảng
 Ưu-già Ương-quật-ma.
 Sức tinh tấn thiên độ
 Lúc nằm nghỉ cuối cùng
 Còn độ các lực sĩ
 Và Tu-bạt-đà-la.
 Vì muốn độ chúng sinh
 Phân chia các xá-lợi
 Cho đến để lại pháp
 Đều là cúng dường ta
 Như Tu-di-la kia*

Phóng gậy để được xa.



Chương 90

Lại nữa, tôi từng nghe:

Trong thôn Bát-la-vu-la, ở nước Trúc-xoa-thi-la hiện giờ vẫn còn ngôi chùa do vị thương gia Xung-già-bạt-tra xây dựng.

Trước kia Xung-già-bạt-tra là con của trưởng giả giàu có, về sau bị sa sút đến nghèo nàn. Tất cả bà con quyến thuộc đều khinh chê, không xem ông như người trước đây nữa. Ông buồn rầu bỏ nhà ra đi và cùng với bạn bè đến nước Đại tần lập nghiệp, được nhiều của báu mới trở về quê cũ.

Khi nghe việc ấy, bà con quyến thuộc dọn các thức ăn uống, hương hoa, kỹ nhạc ở trên đường để đón tiếp.

Lúc ấy Xung-già-bạt-tra mặc áo xấu xí đi phía trước bạn bè. Trước kia ông nghèo hèn, tuổi tác lại nhỏ; sau đó giàu có, tuổi tác lại lớn nên bà con đón tiếp không biết mặt ông.

Họ hỏi ông:

– Xung-già-bạt-tra đang ở đâu?

Ông liền nói:

– Hiện giờ, ông ta còn ở phía sau.

Họ đến giữa bạn bè của ông hỏi:

– Này các ông, Xung-già-bạt-tra đang ở đâu?

Bạn bè ông đáp:

– Người đi phía trước chính là ông ta.

Bà con đến chỗ ông nói:

– Ông là Xung-già-bạt-tra, tại sao nói với tôi là ở sau?

Xung-già-bạt-tra nói:

– Xung-già-bạt-tra chẳng phải là tôi. Ông ta đang cỡi lừa ở giữa bạn bè. Vì sao? Vì thân tôi trước đây bị bà con khinh chê không hỏi han, bà con khinh chê không hỏi han, sau nghĩ tôi giàu có mới chịu đón tiếp. Do vậy, tôi cố ý cỡi lừa đi sau.

Bà con nói:

– Ông nói cái gì vậy? Chúng tôi không hiểu!

Xung-già-bạt-tra đáp:

– Lúc tôi nghèo nàn, không thấy các ông nói tiếp đãi. Bây giờ, thấy tôi giàu có mới dọn đủ thức ăn để đón tiếp. Như vậy, là vì tiền tài mà đến chứ không phải vì tôi.

Ví dụ này dụ cho Đức Thế Tôn. Xung Già-bạt-tra vì có được tài vật nên được bà con quê cũ thiết lễ đón tiếp. Như Lai cũng vậy, sau khi được thành Phật rồi thì Người, Trời, Quỷ, Thần, các Long vương mới đến cúng dường. Họ chẳng phải đến cúng dường Đức Phật khi Ngài chưa đắc đạo và chưa có công đức, Ngài không hề được các chúng sinh nói đến hưởng gì lại cúng dường. Vì vậy nên

biết họ cúng dường công đức Phật chứ không phải cúng dường Đức Phật. Dù được tất cả Trời, Người... cúng dường, Ngài cũng không có sự thêm bớt là do khéo quán kiến như vậy.

*Trời, Người, A-tu-la
Đa-xoa, Càn-thát-bà
Như thế các chúng sinh
Dù cúng dường thật nhiều
Phật cũng không hoan hỷ
Do khéo quán sát vậy.
Vì cúng dường công đức
Chẳng phải cúng dường Ta
Như xưng Già-bạt-tra
Chỉ dạy các quyền thuộc
Nói mình đang ở sau
Dụ đó cũng như vậy.*



SỐ 202

KINH HIỀN NGU

Hán dịch: Đời Nguyên Ngụy, xứ Kinh châu, quận Cao xương, Sa-môn Tuệ Giác và các vị khác cùng dịch.

QUYỂN 1

Phẩm 1: PHẠM THIÊN THỈNH PHÁP

Tôi nghe như thế này:

Một thời Đức Phật ở nước Xá-vệ, tại đạo tràng Thiện thắng. Khi mới thành Phật, Ngài tự nghĩ: “Tất cả chúng sinh do lưới mê mờ, lòng dạ đảo điên, theo lối tà đạo, rất khó giáo hóa, Ta có ở đời cũng vô ích, chi bằng nên sớm vào cõi Niết-bàn Vô dư.”

Khi đó vua cõi Phạm thiên biết Đức Phật suy nghĩ như vậy, liền từ trên trời bay xuống, tới trước làm lễ, rồi quỳ gối chấp tay cung kính thưa với Ngài:

– Kính bạch Đức Thế Tôn, xin Ngài chuyển vận bánh xe Chánh pháp, chớ vào Niết-bàn.

Đức Phật dạy:

– Nay Phạm thiên, vì tất cả chúng sinh bị trần cấu che mờ say mê, tham đắm dục lạc nơi thế tục,

không có trí tuệ, vì thế Ta có ở đời cũng chỉ luống công! Nên Ta muốn vào Niết-bàn tịch diệt.

Phạm thiên lại thưa:

– Kính bạch Đức Thế Tôn, ngày nay biển pháp đã đầy, cò pháp đã dụng, mong Ngài khai đạo, thời gian đã thích hợp. Hơn nữa những chúng sinh có thể độ được, con xem số đó cũng khá đông nhiều. Vậy vì sao Ngài vào Niết-bàn để cho số chúng sinh non sót vĩnh viễn mất đi bóng mát che phủ và bảo hộ.

– Bạch Thế Tôn, con nhớ cách đây vô số kiếp, cũng vì chúng sinh nên Ngài từng góp nhặt phương thuốc chánh pháp, cho đến một bài kệ, đến nỗi quên mạng sống, bỏ cả vợ con yêu dấu, để tìm cầu đạo. Vậy vì sao mà Ngài không nhớ nghĩ đến chúng sinh mà bỏ vào Niết-bàn.

Con lại nhớ kiếp quá khứ cách đây đã khá lâu xa có một vị vua tên là Tu-lâu-bà ở châu Diêm-phù-đề, cai trị tám mươi bốn ngàn nước nhỏ, sáu muôn núi sông, tám mươi ức làng xóm, có hai vạn phu nhân và một vạn quan đại thần.

Đối với thời ấy, phúc đức và thế lực của vua Tu-lâu-bà không ai bì kịp, nhân dân thuở đó nhờ đức vua, được an lạc thái bình, mưa hòa gió thuận, vui sướng vô cùng. Một hôm vua tự nghĩ rằng: “Đối với vật chất ta giúp dân đầy đủ, nhưng về tinh thần đạo giáo giải thoát cho con người thì chưa có.

Đây là cái lỗi của ta, thật khổ làm sao! Nay ta phải tìm cầu chánh pháp kiên cố chân thật để cho tất cả đạt được giải thoát.”

Bấy giờ vua cho ban lệnh khắp trong cõi Diêm-phù: “Nêu ai biết đạo giải thoát của Đức Phật, nói cho ta hay, muốn gì ta sẽ cung cấp cho đầy đủ, không làm trái ý.”

Tuyên lệnh đã lâu, nhưng không thấy ai đến nói, nhà vua luôn luôn mong mỏi và tâm ý lúc nào cũng không được vui. Sau đó vua Tỳ-sa-môn thấy vậy bèn đến thử vua, liền biến hình làm một con quỷ Dạ-xoa, mặt xanh lè, mắt đỏ như huyết, răng mọc chìa ra ngoài, tóc dựng ngược, mồm phun lửa đến trước cửa cung, nói:

– Ai muốn nghe pháp tôi sẽ giảng cho.

Nhà vua nghe nói, lòng vui mừng khôn tả, tự mình ra đón tiếp mời vào đích thân làm lễ, sai sửa soạn tòa ngồi cao trọng, mời Pháp sư thăng tòa, cho gọi mọi người đến, cung kính nhiều quanh, mong được nghe pháp.

Pháp sư nói:

– Học pháp rất khó, ông muốn được nghe không phải dễ.

Nhà vua thưa:

– Kính thưa Pháp sư, việc nghe pháp phải đúng lễ thể nào, xin cho chúng tôi được rõ không dám trái ý.

Pháp sư nói:

– Nếu nhà vua đem vợ yêu con quý cho ta ăn, thì ta sẽ nói cho nghe.

Lúc ấy vua liền đem vợ con yêu quý công nạp cho quỉ Dạ-xoa. Pháp sư nhận rồi, ngồi trên tòa cao, giữa đám hội đông người nghiêm nhiên ngồi ăn, nháy mắt đã ăn hết.

Khi đó quần thần, dân chúng thấy nhà vua hành động như vậy tất cả đều khóc lóc, áo não, vật vã, khuyên nhà vua nên ra lệnh hủy bỏ việc làm này. Nhưng nhà vua do một lòng cầu pháp nên tâm không lay chuyển. Ăn xong, Dạ-xoa nói một bài kệ:

*Tất cả hành vô thường
Có sinh tất phải khổ!
Năm ấm không, vô tướng
Ngã, ngã sở đều không.*

Nhà vua nghe xong vui vẻ khôn xiết, sai người chép lấy, đề ban pháp cho mọi người trong nước, bắt ai cũng phải tụng đọc.

Bấy giờ vua Tỳ-sa-môn liền hiện lại nguyên hình, ca ngợi:

– Thật cao thượng! Thật đặc thù!

Nói xong, bỗng nhiên lại thấy phu nhân và thái tử hãy còn toàn vẹn.

– Bạch Thế Tôn, vua Tu-lâu-bà thuở đó chính là Ngài. Xưa kia Ngài đã hy sinh vì pháp như vậy,

sao nay Ngài nữ bỏ chúng sinh đẽ vào Niết-bàn mà không giáo hóa, cứu độ?

Lại nữa, bạch Thế Tôn, vào thời quá khứ xa xưa a-tăng-kỳ kiếp về trước ở châu Diêm-phù-đề này, có một vị vua tên là Kiền-xà-ni-bà-lê, thống trị nhiều nước, tám vạn bốn ngàn dân làng, hai muôn phu nhân và thể nữ, một vạn quan đại thần. Nhà vua nhân từ, yêu thương tất cả, nhân dân sung sướng, lúa gạo dư thừa. Cảm phục ân đức coi vua như cha lành.

Nhà vua tự nghĩ như vậy: “Ta được đại vị cao sang, tôn trọng quý giá! Nhân dân trong nước được an vui sung sướng! Tuy thế nhưng chưa đủ, ta muốn tìm cầu chánh pháp cao siêu, nhiệm mầu để đem lại lợi lạc cho thân dân.”

Nghĩ thế rồi, vua sai các quan viết bảng cáo thị và truyền lệnh cho khắp trong nước biết: “Nếu ai có Diệu pháp nói cho ta nghe, ý muốn gì ta sẽ cung cấp cho đầy đủ.”

Lúc đó, có vị Bà-la-môn tên là Lao-độ-sai, đi tới cung môn nói:

– Tôi có Diệu pháp, các ông vào báo cho vua biết.

Nhà vua nghe nói, ý rất vui mừng, tự ra nghênh tiếp lễ bái và cho sửa soạn một tòa cao đẹp, mời Pháp sư lên tòa ngồi yên tĩnh. Vua và hai bên tả hữu chấp tay thưa:

– Mong ngài rủ lòng thương xót đến chúng tôi mà mở bày chánh pháp nhiệm mầu để cho chúng tôi được thấu hiểu.

Lao-độ-sai đáp:

– Ta có được trí tuệ cũng phải mất bao công khó nhọc, tìm mãi ở phương xa, dày công học tập, không phải là một việc dễ dàng quá như vậy.

Nhà vua thưa:

– Kính thưa Đại sư, ý Đại sư như thế nào, xin dạy bảo cho chúng tôi được rõ?

Lao-đô-sai nói:

– Nhà vua muốn được nghe pháp, thì phải khoét trên mình ra một ngàn lỗ, đổ dầu cho bắc vào, đốt lửa cúng dường ta, ta sẽ thuyết cho nghe.

Nghe vậy, nhà vua vui vẻ nhận lời và khất lại bảy ngày, để thông báo cho dân chúng biết. Lời thông báo như sau: “Tất cả quốc dân nên biết, vua Kiên-xà-ni-bà-lê sau bảy ngày nữa vì sự cầu đạo, sẽ khoét trên mình một ngàn lỗ, đốt đèn cúng dường Pháp sư, ai muốn nghe và xem sự hy sinh cúng dường của nhà vua thì đến.”

Bấy giờ các vị vua nước nhỏ và nhân dân các nước, hay tin ai cũng buồn rầu, cùng nhau đến yết kiến và tâu:

– Kính thưa đại vương, tất cả muôn dân đều nương nhờ vào phúc đức của đại vương nên được an lạc thái bình, như kẻ mù được nhờ cây gậy, con

dại trông ngóng mẹ hiền. Nếu đại vương khoét mình đốt lên, tất nhiên tuyệt mạng, thì muôn dân trông cậy vào ai? Xin Ngài không nên vì một người mà nỡ bỏ chúng sinh trong thiên hạ.

Sau đó hai vạn bà phu nhân và năm trăm thái tử, một vạn quan đại thần, tất cả đều can vua việc đó.

Nhà vua liền lớn tiếng nói:

– Các ông không nên cản trở tôi cầu đạo Vô thượng, tôi hy sinh thân này là để cầu làm Phật, sau này tôi thành Phật, tôi sẽ độ cho các ông trước.

Họ thấy nhà vua khẳng khái như vậy, ai nấy đều tha thiết kêu van, nhưng vua cũng quyết định không thay đổi ý kiến.

Hết hạn bảy ngày, nhà vua tới trước Pháp sư làm lễ và thưa:

– Kính thưa Đại sư, tôi xin dốc lòng thành kính, theo lời chỉ giáo của Đại sư bắt đầu khoét mình đốt đèn cúng dường, xin Đại sư hoan hỷ!

Nói xong nhà vua sai khoét lỗ đổ dầu trên thân mình, nhưng không ai dám làm. Sau đó có người Chiên-đà-la đến khoét hộ cho vua. Anh này khoét xong, vất dao xuống đất chạy mất. Khi đổ dầu bỏ bắc xong, mọi người coi thấy ai cũng rùng mình run sợ.

Nhà vua thưa:

– Kính xin Đại sư thuyết pháp trước, sau sẽ đốt

lửa, sợ mạng tôi tuyệt thì không được nghe pháp.

Lao-độ-sai đọc bài kệ:

Thường đến đoạn tận

Cao thì phải rơi

Hợp rồi có tan

Sinh thì có tử.

Đọc xong, vua sai đốt lửa, trong khi lửa cháy vua vẫn hoan hỷ không hề hối tiếc. Ngài tự phát thệ rằng:

– Tôi nay cầu nghe đạo giải thoát, nguyện đem công đức này hướng về Phật quả, sau khi được thành, tôi sẽ lấy trí tuệ quang minh, phá ngu si hắc ám cho tất cả chúng sinh.

Nói dứt lời thì trời đất tự nhiên chuyển động tới cõi trời Tịnh cư. Khi đó các vị cõi trời ngó xuống xem, thấy một vị Bồ-tát đốt mình làm đèn cúng dường Pháp sư để nghe pháp không tiếc thân mạng. Họ bay xuống đứng kín cả hư không. Vì quá cảm động nên nhiều vị tuôn nước mắt như cơn mưa lớn, đồng thời họ lại tung hoa xuống để cúng dường. Vua Đế Thích đến tận nơi, tới trước khen và hỏi:

– Nhà vua đau khổ như vậy, có hối hận gì không?

Nhà vua đáp:

– Thừa không!

Đế Thích nói:

– Tôi thấy nhà vua run rẩy không yên như vậy mà tự nói không hồi, lấy gì chứng có biết rõ được?

Đế Thích nói dứt lời, thì ngài tự thệ:

– Nếu tâm tôi thủy chung như một, không hồi hận gì, thì xin những vết trên mình tôi, lại được bình phục như cũ.

Vì lòng chân thực cầu đạo pháp tha thiết, cảm động mười phương, nên những lỗ trên mình tự nhiên lại được bình phục như cũ, thân thể lại tốt đẹp hơn xưa.

Bạch Thế Tôn, vị vua khoét mình để đốt đèn cầu đạo thuở đó, chính là Ngài đấy. Ngài đã cực khổ cầu pháp như vậy vì chúng sinh, duyên tới nay đã đầy đủ, tại sao không thuyết pháp, lại sớm vào Niết-bàn, để chúng sinh mất đi ánh sáng chánh pháp vĩ đại?

Bạch Thế Tôn, lại nữa, vào kiếp quá khứ, ở châu Diêm-phù-đề này có một vị vua, tên là Tỳ-lăng-kiệt-lê, thống trị được nhiều nước, tám vạn bốn ngàn dân làng, hai vạn phu nhân và thể nữ, năm trăm thái tử, một vạn quan đại thần. Nhà vua có nhân đức, coi dân như con đẻ, lại muốn nghe chánh pháp, nên sai quan đại thần tuyên lệnh cho toàn quốc biết như sau: “Thông báo cho toàn quốc biết: Hoàng thượng muốn được nghe Phật pháp, ai biết đến nói cho ngài nghe, ngài sẽ trọng thưởng tùy ý muốn.”

Sau đó có một người dòng Bà-la-môn, tên là Lao-độ-sai tới cung môn nói:

– Tôi là người đã từng nghiên cứu và tu tập giáo lý của Phật, xin ông hãy vào tàu Hoàng thượng cho.

Theo lời yêu cầu của Lao-độ-sai, quan giữ cửa vào tàu vua.

Nhà vua được tin rất vui vẻ, tự thân ra nghênh tiếp đánh lễ trình trọng chào hỏi, rồi mời vào trong chánh điện, thiết đãi trọng hậu, rồi sai bày một tòa cao đẹp, thỉnh Pháp sư thăng tòa.

Nhà vua và bá quán, nghiêm chỉnh thân tâm, tới trước Pháp sư cúi đầu lễ lạy, rồi quỳ xuống thưa:

– Kính thưa Đại sư phát tâm Từ bi, thuyết pháp cho chúng tôi được thừa ân công đức?

Lao-độ-sai đáp:

– Sự hiểu biết của ta đây, là do ta chịu khổ đã lâu năm, đi tìm học ở bốn phương xa mới được. Nhà vua coi sự học một cách dễ dàng quá!

Nhà vua một lòng kính cẩn thưa rằng:

– Tất cả những gì cần thiết mong Đại sư cứ nói, tôi không lẩn tiếc một điều gì.

Đại sư trả lời:

– Nhà vua có thể đóng lên mình một ngàn cái đinh sắt, được như vậy ta sẽ thuyết pháp cho nghe.

Nhà vua thưa:

– Vâng! Xin tuân lời dạy bảo của Đại sư. Xin ngài cho lui lại bảy ngày rồi sẽ thực hiện việc đó.

Bấy giờ nhà vua sai người lên tám muôn cỗ xe voi, đi khắp mọi nơi trong cõi Diêm-phù-đề loan báo cho mọi người biết: “Vua Tỳ-lăng-kiệt-lê vì muốn được đạo giải thoát cho chính mình và toàn thể, nên đóng một ngàn cây đinh trên thân thể mình, cúng dường Pháp sư. Quốc dân ai muốn biết sự thực hành của vua, sau bảy ngày nữa xin mời đến.”

Dân chúng được tin nhà vua đóng đinh trên mình để cầu nghe giảng đạo, họ nô nức kéo nhau đến kinh thành rất đông. Sau đó một đại biểu của dân chúng lên tâu vua:

– Kính tâu Hoàng thượng, lũ chúng tôi thay mặt cho toàn thể quốc dân, đến đây kính mừng Thánh thượng, thọ lạc thiên thu, hưởng phúc lâu dài. Chúng tôi tự biết nhờ ân đức của Hoàng thượng nên được thái bình an lạc, cúi xin thương đến toàn thể quốc dân, miễn bỏ sự đóng đinh trên mình.

Sau đó, tiếp đến phu nhân, thể nữ, thái tử, quan đại thần cũng đồng thanh tâu vua xin miễn bỏ việc đó.

Nhà vua đáp:

– Tôi nhận thấy đã bao kiếp tới nay, bị sống thác trong vòng sinh tử luân hồi, thân mạng đã mất đi biết bao lần; những thân mạng ấy cũng chỉ đeo những tấm lòng tham dục, giận tức, ngu si, nhìn lại

số xương thịt trong những kiếp sinh tử ấy, có thể chất cao hơn núi Tu-di, đầu rơi máu chảy ra nhiều hơn năm nước sông lớn; nước mắt khóc người thân nhiều hơn nước bốn biển; những thân mạng sống chết đó, chẳng qua cũng chỉ uổng mà thôi, chưa từng bao giờ vì đạo pháp mà hiến thân. Tôi đóng đinh cúng Pháp sư để cầu thành Phật, sau khi thành Phật, tôi sẽ lấy trí sáng suốt để trừ diệt bệnh kết sử của các người và đưa dắt các người lên đường giác ngộ giải thoát thành Phật, làm sao mà ngăn chặn đạo tâm của tôi được.

Theo lời nhà vua tuyên bố, mọi người ai nấy đều im lặng, không dám nói năng gì nữa.

Tới giờ phút này nhà vua đến trước Pháp sư thưa:

– Kính xin Đại sư ra ân, thuyết pháp trước khi đóng đinh, nếu đóng trước, thì sợ rằng tôi sẽ chết không được nghe.

Đại sư đọc bài kệ:

*Tất cả đều vô thường
Có sinh đều có khổ.
Các pháp không, vô chủ
Chẳng có ngã sở hữu.*

Sau khi Đại sư thuyết kệ xong, vua liền cho người đóng một ngàn cây đinh vào thân thể mình. Tất cả các vị vua nước nhỏ và quần thần, dân chúng trong đại hội đều gieo mình xuống đất như núi

bằng lớn, vật vĩa khóc lóc, không còn hay biết gì. Bảy giờ trời đất sáu lần chấn động, chư Thiên các cõi Dục và Sắc thấy điều kỳ lạ bay xuống, thấy một vị Bồ-tát đang khốn khổ vì mong cầu chánh pháp mà làm thương hại đến bản thân, ai nấy đều cảm động, đôi lệ chứa chan, một lòng tôn kính, tung hoa xuống cúng dường. Vua trời Đế Thích xuống tận nơi hỏi:

– Nhà vua tinh tấn dũng mãnh, cầu đạo không tiếc mạng sống như vậy, ý mong muốn điều gì? Làm Đế Thích ư, làm Chuyển luân vương ư, làm Ma vương, Phạm vương ư?

Vua đáp:

– Thưa ngài, tôi quên mình để cầu đạo giải thoát của Phật, để cầu làm Phật và tế độ cho chúng sinh cũng được giải thoát, chứ tôi không cầu phúc báo ở ba cõi sinh tử như Đế Thích, Chuyển luân vương, Ma vương hay Phạm vương.

Đế Thích hỏi:

– Tôi coi nhà vua đau đớn như thế, thì tâm có hối hận gì không?

Vua đáp:

– Không!

Đế Thích hỏi:

– Ngài nói không hối hận thì lấy gì chứng tỏ?

Nhà vua liền lập thệ như sau:

– Với tâm chí thành cầu đạo Bồ-đề, nếu tâm

không hối hận, thì thân thể tôi nay lại được bình phục như cũ.

Phát thế dứt lời, thân thể vua quả nhiên lại được bình phục như cũ. Khi đó tất cả trời, người và quan quân, dân chúng, ai nấy đều vui mừng không tả xiết!

— Bạch Thế Tôn, nay biển pháp đã tràn đầy, công đức đã đầy đủ, sao Ngài lại muốn bỏ chúng sinh, mau vào Niết-bàn không thuyết pháp hóa độ chúng sinh được.

Bạch Thế Tôn, vào quá khứ xa xưa cách nay vô lượng a-tăng-kỳ kiếp cũng ở châu Diêm-phù-đề này, có một vị vua tên là Phạm thiên, sinh được một thái tử tên là Đàm-ma-kiêm, yêu thích chánh pháp, sai người đi khắp bốn phương tìm cầu, nhưng không được thỏa mãn. Do tìm cầu chánh pháp không được, thái tử sinh ra sầu ưu, áo não.

Bấy giờ vua Đế Thích biết thái tử lòng thành như vậy, liền hóa thân làm người dòng Bà-la-môn, đi đến trước cửa cung nói:

— Tôi là người hiểu biết Phật pháp, nếu ai muốn nghe, tôi sẽ giảng giải cho.

Thái tử nghe như vậy, liền ra cung đón rước, đánh lễ, mời vào đại điện, cho sửa soạn chỗ ngồi, cung thỉnh an tọa, chấp tay thưa:

— Cúi mong Đại sư rủ lòng thương xót, thuyết pháp cho chúng tôi.

Vị Bà-la-môn nói:

– Học đạo rất khó, ta đã biết bao công trình tìm thầy tu học, mới được hiểu biết. Người chưa chút khó nhọc, nay muốn được nghe ngay, thực là coi sự học đạo dễ dàng quá.

Thái tử thưa rằng:

– Kính thưa Đại sư, từ thân tôi cho đến vợ con tôi, vàng bạc châu báu, Đại sư dạy bảo thế nào, chúng tôi xin tuân mệnh không dám trái ý.

Đại sư đáp:

– Muốn nghe pháp, thái tử hãy đào một hố lớn, sâu chừng mười trượng, ở dưới đốt than cho thật đỏ hồng, rồi thái tử nhảy vào hố lửa ấy cứng dường ta, thì ta sẽ thuyết pháp.

Thái tử nói:

– Vâng, xin tuân lời chỉ dạy của Đại sư.

Sau khi thái tử sai người đào hố thì nhà vua biết tin. Từ vua cho đến tất cả mọi người trong hoàng cung, ai ai cũng lo phiền và khuyên can, nhưng thái tử quên mình vì sự cầu đạo giải thoát, nên không nghe theo những lời khuyên can ấy.

Nhà vua và các quan đều thưa với Đại sư rằng:

– Kính mong Đại sư thương đến chúng tôi, để miễn bỏ việc thái tử nhảy xuống hố lửa, ngoài ra Đại sư muốn dùng gì chúng tôi xin dâng.

Đại sư đáp:

– Việc đó tùy ý thái tử, ta không bó buộc. Đúng

thế thì ta thuyết pháp, bằng không thì thôi.

Nhà vua thấy tâm địa của Đại sư quá khẳng khái, nên ngài cũng vái chào rồi trở ra về, không nói năng gì nữa. Trở về nhà vua sai người đi bằng tám vạn xe voi báo cho quốc dân trong cõi Diêm-phù-đề biết rằng: “Sau bảy ngày nữa thái tử Đàm-ma-kiền vì nghe đạo nên xả thân, nhảy xuống hồ lửa, ai muốn thấy việc đó, thì lại sớm nơi đây.”

Các tiểu vương và nhân dân được tin thái tử nhảy xuống hồ lửa, họ nô nức kéo nhau đi đến kinh thành đông như hội. Sau đó một số đại biểu của nhân dân tới thưa với thái tử:

– Kính thưa thái tử, chúng tôi là thần dân gặp được thái tử như gặp được cha mẹ, nay ngài nhảy xuống hồ lửa, khiến thiên hạ bị mất cha, suốt đời không còn nơi nương tựa. Vậy kính mong ngài miễn bỏ việc đó, để cho quốc gia được an lạc.

Thái tử nói với mọi người:

– Chúng ta sống thác từ đời vô thủy cho tới nay thật vô số, chết cõi này sinh cõi kia, con người vì lòng tham dục, nên giết hại lẫn nhau. Trên cõi trời, khi hết tuổi thọ thì lo về mất hưởng thụ dục lạc; nơi địa ngục lửa đốt suốt ngày đêm, nào nước sôi, búa chém, dao đâm, núi dao, rừng kiếm, hình phạt vô cùng thảm khốc, trong một ngày chết đi sống lại biết bao lần, thân tâm thống khổ không thể giải bày cho xiết. Cái khổ trăm thứ tên độc xiên dùi vào

mình loài nga quỉ. Cái khổ kéo cày chở nặng của loài súc sinh, sau lại dâng thân cho con người ăn thịt, những nỗi khổ như thế, khó nói hết trong những kiếp đã chịu đọa đày. Xét lại những thân mạng ấy chỉ uổng mà thôi, có làm được một việc gì về vấn đề giải thoát cho chính mình và chúng sinh trong pháp giới, ai đã biết đem thân ấy chết về việc nghe đạo bao giờ. Ta đem dâng thân này, cúng dường để nghe đạo giải thoát, sau thành Phật, ta sẽ đem lại cho các ông năm phần pháp thân, có chi phải ngăn cản công việc ta đã quyết định làm.

Mọi người nghe thái tử nói xong, ai nấy đều im lặng không dám trả lời.

Đứng bên miệng hố lửa, thái tử thừa vị Bà-la-môn:

– Kính thưa Đại sư, xin thuyết pháp cho tôi nghe trước khi nhảy xuống hố, kẻo không được nghe chánh pháp.

Vị Bà-la-môn bèn đọc bài kệ:

*Thường làm theo tâm Từ
Trừ bỏ tưởng, giận hại
Đại bi thương chúng sinh
Quặn lòng rơi nước mắt!
Tu tập tâm đại Hỷ
Với mình cùng đấng pháp
Cứu giúp bằng đạo lý
Ấy là hạnh Bồ-tát.*

Khi thái tử sắp gieo đầu xuống hồ lửa, vua Đế Thích và Phạm vương chạy lại cầm tay hỏi:

– Chúng sinh trong cõi Diêm-phù-đề không ai là không nương nhờ hồng ân của thái tử, nay thái tử quyết định gieo mình xuống hầm lửa thì thiên hạ giống như con mất cha, vì sao một mình ngài ra đi mà bỏ cả thiên hạ.

Thái tử tạ Thiên vương và thần dân:

– Quý ngài không nên cản trở đạo tâm cao cả của tôi làm gì.

Tất cả trời, người đều im lặng. Nói xong thái tử nhảy xuống hồ lửa. Trời đất tự nhiên chuyển biến làm cảm động cả Thiên cung. Khi đó mọi người đều sa nước mắt, lệ tràn như mưa. Ngay khi ấy hồ lửa tự nhiên biến thành một ao sen, họ nhìn vào thấy thái tử ngồi trên đài sen. Lúc đó hoa trên trời bay xuống như mưa ngập ngang gối.

Nhà vua thuở đó nay là thân phụ Ngài, Tịnh Phạn vương; vị hoàng hậu thuở đó nay là thân mẫu Ngài, Ma-da; vị thái tử nhảy xuống hồ lửa nay chính là Ngài. Vì cứu độ chúng sinh nên Ngài thuở xưa đã cầu pháp như thế, nay đã thành công, Từ bi thuyết pháp, thấm nhuần cho muôn loài đang khao khát. Sao Ngài nỡ bỏ tất cả mà vào Niết-bàn, không chịu thuyết pháp?

Kính bạch Thế Tôn, lại nữa, vào thời quá khứ xa xưa, cách nay vô lượng kiếp, có một nước tên

là Ba-la-nại, nước ấy có năm trăm vị Tiên tu trong núi, ông Uất-đa-la làm thầy các vị Tiên này. Tuy tu theo Tiên đạo, nhưng ông hằng mong được gặp chánh pháp của Như Lai. Ông đã từng đi khắp bốn phương trời và thông báo cho thiên hạ biết rằng: “Ai biết chánh pháp nói cho tôi nghe, nếu muốn dùng gì tôi xin dâng biếu.”

Khi đó có một vị Bà-la-môn tới chỗ ông nói rằng:

– Tôi hiểu biết giáo pháp của Như Lai, ai muốn nghe, tôi sẽ giảng thuyết.

Vị thầy Tiên nhân chấp tay nói:

– Cúi xin thương xót nói pháp cho tôi.

Vị Bà-la-môn nói:

– Học pháp rất khó, cần khổ lâu năm mới đạt được. Nay vì sao ông lại muốn nghe ngay, không thể được. Nếu ông chí thành muốn được nghe pháp thì phải theo sự dạy bảo của tôi.

Đại Tiên thưa:

– Lời giáo huấn của Đại sư, tôi không dám trái.

Vị ấy liền nói:

– Nếu ngài có thể lột da của ngài làm giấy; chẻ xương của ngài dùng làm bút; lấy máu của ngài để làm mực, viết lấy giáo pháp của Như Lai, thì tôi sẽ thuyết pháp cho ngài nghe.

Uất-đa-la nghe lời ấy xong, vô cùng vui mừng, tôn kính lời Phật dạy nên lập tức sai người lấy dao

lột da, chẻ xương, lấy máu. Làm xong ông ngửa mặt thưa rằng:

— Nay đã đúng thời nói pháp, cúi xin Đại sư mau nói.

Vị Bà-la-môn đọc bài kệ:

*Thường phải nhiếp thân hành
Và không sát, trộm, dâm
Không hai lưỡi, nói ác
Nói dối, nói đơm đặt,
Tâm không tham mọi dục
Không sân giận, độc tưởng
Xa lìa mọi tà kiến
Ấy là hạnh Bồ-tát.*

Vị Bà-la-môn nói xong, vị Tiên tự tay viết lại và sai người sao chép bài kệ này truyền bá khắp nhân gian để dạy bảo cho mọi người biết lối tu hành.

Bạch Thế Tôn, thuở xưa Ngài đã vì chúng sinh cầu học đạo một cách khổ cực đến như vậy mà tâm không hề hối hận, nay tại sao lại bỏ tất cả để vào Niết-bàn mà không thuyết pháp?

Bạch Thế Tôn, lại nữa, vào thời quá khứ xa xưa, cách nay vô lượng kiếp, cũng châu Diêm-phù-đề này, có một vị vua tên là Thi-tỳ, ở thành Đê-bà-bạt-đê, dân nước lúc đó giàu thịnh vô cùng. Nhà vua thống trị tám vạn bốn ngàn nước nhỏ, sáu muôn núi sông, tám ngàn ức dân ấp. Nhà vua có

hai muôn phu nhân và thể nữ, năm trăm thái tử, một vạn quan đại thần, vua có hạnh từ bi, thương dân như con ruột.

Lúc ấy vua Đế Thích gặp lúc năm đức lìa thân, sắp tới ngày tận số, khí sắc lúc nào cũng âu sầu, vì trời Tỳ-thủ-yết-ma thấy thế, bèn hỏi:

– Tâu Thiên vương, ngài lo lắng việc gì mà khí sắc âu sầu như vậy?

Đế Thích đáp:

– Khanh không biết hay sao? Hoa trên đầu ta đã héo, tử chướng đã xuất hiện, mạng sống chẳng còn được là bao, hiện nay ở thế gian không có giáo pháp của Như Lai cũng không còn các vị Bồ-tát, ta không biết quy hướng về đâu nên ta buồn!

Tỳ-thủ-yết-ma thưa:

– Tâu Thiên vương, hiện nay ở thế gian thuộc châu Diêm-phù có một vị vua tu theo hạnh Bồ-tát, tên là Thi-tỳ, tâm ý rất bền vững và tinh tấn, sau này quyết định thành Phật. Xin Thiên vương tới đó quy y thì sẽ được hoàn thành ý nguyện và giải thoát.

Vua Đế Thích nói:

– Nếu quả như lời của khanh nói, thì may cho ta lắm, nhưng phải thử xem hư thực thế nào. Vậy khanh hóa làm con chim bồ câu, ta hóa làm chim cắt, khanh bay trước ta bay đuổi theo sau. Khi tới nơi khanh bay vào lòng nhà vua và yêu cầu vua

cứu, còn ta đến sau ta sẽ đòi trả để ăn thịt, xem nhà vua giải quyết thế nào.

Tỳ-thủ-yết-ma nói:

– Tâu Thiên vương, Bồ-tát là bậc xứng đáng để chúng ta cúng dường và ủng hộ, chứ không nên làm những sự đau khổ đến Bồ-tát.

Vua Đế Thích liền đọc bài kệ đáp:

*Ta chẳng phải ác tâm
Nếu thật vàng nên thử
Để thử Bồ-tát xem
Có thật chí thành không?*

Vua Đế Thích đọc xong, Tỳ-thủ-yết-ma tự hóa làm chim bồ câu bay trước, vua Đế Thích hóa làm chim cắt bay đuổi theo sau. Khi tới cung thành, chim bồ câu bay thẳng vào lòng nhà vua tỏ vẻ sợ hãi, rồi kêu vua cứu. Chim cắt bay tới sau, đứng ở trên điện nói:

– Tâu thiên vương, con chim bồ câu ấy là món ăn của tôi.

Chim cắt bay lại cạnh nhà vua, nói tiếp:

– Tâu thiên vương, ngài hãy mau trả lại cho tôi, tôi đang rất đói.

Vua Thi-tỳ đáp:

– Ta vốn có thệ nguyện cứu tế cho muôn loài, nó đã lại đây với ta thì ta không trả đâu.

Chim cắt lại nói:

– Tâu thiên vương, ngài tự nói cứu tế cho muôn

loài, mà cướp món ăn của tôi thì tôi phải chết đói, vậy tôi không phải là một trong muôn loài hay sao?

Vua đáp:

– Nếu ta cho người thứ thịt khác thì người có ăn hay không?

Chim cắt nói:

– Tâu Thiên vương, vâng! Nhưng phải cho tôi thứ thịt hãy còn tươi, máu hãy còn nóng, thì tôi mới dùng.

Nhà vua trầm nghĩ: “Nếu thế thì phải giết một con vật khác; nhưng nếu giết một con, cứu một con cũng vô ích, chi bằng ta cắt thịt của ta thay thế cho nó là hơn.” Nghĩ xong, vua lấy dao cắt một miếng thịt đùi ra trao cho chim cắt để cứu sống chim bồ câu.

Chim cắt nói với nhà vua:

– Tâu thiên vương, ngài đã mang danh là vị đại thí chủ, đã dùng con mắt bình đẳng đối với tất cả, tôi đây tuy là một con chim nhỏ, nhưng nếu theo sự công bình, thì ngài phải mang cân để chim một bên thịt một bên; thịt và chim bằng nhau thì tôi sẽ nhận.

Theo lời chim nói có lý phải, nên nhà vua sai người mang cân để chim một bên để thịt nhà vua một bên, bắt đầu để một miếng hãy còn nhẹ, lại cắt thêm miếng nữa, vẫn thấy còn nhẹ, cho đến nhà vua cắt hết một vế đùi, nhưng vẫn nhẹ như thường,

sau cắt hết hai vế đùi cho đến hai cánh tay, hai bạng mỡ xong vẫn còn nhẹ, sau róc hết các thớ thịt ra để lên cũng vẫn còn thấy nhẹ, chim vẫn nặng hơn, nhà vua liền đứng dậy để bước lên bàn cân, thì đau quá, khí lực đã hết nên ngài ngã lăn xuống đất, mê mết không biết gì. Giờ lâu tỉnh lại, vua thâm nghĩ: “Ta từ bao kiếp đến nay, cũng chỉ vì có thân này, mà làm cho ta khốn khổ, chìm nổi trong ba cõi, ném đủ tất cả mùi vị đắng cay, chưa từng làm việc phước đức. Nay, ta phải tinh tấn lập hạnh không giải đãi.” Suy nghĩ xong, vua dũng mãnh đứng lên vào bàn cân, trong tâm hoan hỷ đối với việc lành đã được thực hiện.

Bảy giờ trời đất tự nhiên chuyển động sáu cách, Thiên cung nghiêng ngả, có rất nhiều vị Thiên tử ở các cõi trời bay xuống xem. Họ thấy một vị vua quên mình để cứu một con vật, tất cả nhân gian thiên thượng, chưa từng ai làm nổi. Họ đều cảm động rơi lệ chứa chan và tung các thứ hoa xuống cúng dường.

Lúc ấy Đế Thích trở lại thân trời, đứng trước vua hỏi:

– Ngài làm những việc mà người đời không làm nổi như vậy để cầu làm gì? Nay ngài mong làm Đế Thích, Chuyển luân thánh vương hay Ma vương? Trong ba cõi ngài mong cầu làm gì?

Bồ-tát đáp:

– Thưa ngài, tôi nguyện đem lòng Từ bi cứu hộ chúng sinh để cầu thành Phật, chứ không có ý cầu làm Đế Thích hay Chuyển luân thánh vương mong hưởng những thú vui trong ba cõi.

Vua Đế Thích nói:

– Đại vương cắt thịt đau đớn như vậy, thì tâm có hối hận không?

Đáp:

– Thưa không!

Vua Đế Thích nói:

– Nhà vua nói không, việc đó thì ai biết? Tôi thấy thân thể nhà vua run rẩy như vậy, khí sắc đã gần hết mà tự nói không thì lấy gì làm bằng?

Nhà vua liền lập thệ:

– Tôi từ trước đến nay, không mảy may hối hận, tâm nguyện của tôi quyết sẽ đạt kết quả. Nếu lòng tôi chí thành không trái với lời nguyện của tôi thì cho thân thể của tôi liền được bình phục.

Thệ nguyện dứt lời, thân thể nhà vua lại được lành mạnh như cũ, những vết thương tiêu tan da dẻ lại tươi sáng hơn xưa. Bây giờ tất cả trời người, ai nấy đều vui mừng, khen la một việc chưa từng có.

Bạch Thế Tôn, ngày trước Ngài vì chúng sinh chẳng kể đến thân mạng như vậy. Nay bạch Thế Tôn, biển pháp đã đầy, cò pháp đã dựng, trống pháp đã lập, đèn pháp đã chiếu, vì lợi lạc mà thuyết pháp độ sinh, nay đã đúng thời. Bạch Thế Tôn, sao

Ngài nữ bỏ chúng sinh mà vào Niết-bàn.

Bấy giờ Phạm vương đứng trước Đức Phật chấp tay tán dương công đức và tha thiết cầu thỉnh Ngài thuyết pháp độ sinh một cách thành thực, nên Đức Phật hứa nhận lời ông thỉnh.

Đầu tiên Ngài đến nước Ba-la-nại ở khu Lộc uyển chuyển vận bánh xe chánh pháp. Ngôi Tam bảo từ đây mới xuất hiện ở thế gian.

Bấy giờ các vị Trời, Người, Rồng, Quỷ thần, tám bộ chúng ai cũng đều hoan hỷ kính vâng phụng hành.



Phẩm 2: MA-HA-TÁT-ĐOÀ BỒ THÍ THÂN CHO CỢP

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Thế Tôn trú tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ Đức Thế Tôn đã đến giờ khát thực. Ngài mang y, cầm bát cùng với A-nan vào thành khát thực. Khi đó có một bà lão chỉ có hai người con trai do tội trộm cắp ngang tàng, chủ nhân bắt được dẫn đến nhà vua, xét theo sự bình đẳng của luật pháp thì tội này phải xử tử, liền giao cho quân pháp đem đến pháp trường. Trên đường đi gặp Phật, cả ba mẹ con hướng đến Phật đánh lễ cầu xin

cứu giúp:

– Bạch Thế Tôn, xin Ngài rủ lòng thương xót nỗi khổ, cứu giúp mạng sống con tôi.

Với sự thành tâm chí thiết thật đáng thương tâm, Như Lai với lòng Từ bi, liền sai A-nan đến chỗ nhà vua để xin tha mạng. Sau khi nghe lời Đức Phật dạy, vua liền cho phóng thích họ.

Thoát được sự hiểm nguy, cảm ân đức cao dày của Đức Phật, họ vui mừng khôn xiết đi đến chỗ Đức Phật đánh lễ sát đất, chấp tay thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn, mong nhờ hồng ân của Phật mà chúng con được thoát chết, cúi mong Đức Thế Tôn, vì chúng con, rộng mở tâm Từ bi chấp nhận chúng con vào đạo.

Đức Phật chấp nhận và nói: “Thiện lai Tỳ-kheo!” Tự nhiên râu tóc họ rụng xuống, áo quần đang mặc biến thành pháp y ca-sa, trong tâm phát khởi cung kính và lòng tin vững chắc. Sau đó Đức Phật thuyết pháp, các trần cấu được đoạn tận, hai người con chứng quả A-la-hán và người mẹ chứng quả A-na-hàm.

Bấy giờ A-nan thấy rõ sự việc như vậy, liền ca ngợi:

– Thật là việc rất hiếm có.

Ca ngợi vô lượng đức hạnh của Đức Như Lai rồi ngài tự nghĩ: “Ba mẹ con người này do phước nghiệp gì từ đời trước mà nay gặp được Thế Tôn,

thoát khỏi tội nặng lại chứng được Niết-bàn? Ngay tại đời này gặp được nhiều lợi ích thù thắng như vậy? Thật là may mắn quá!”

Đức Phật dạy A-nan:

– Ba vị này chẳng những ngay kiếp này Ta đã cứu mạng sống mà trong kiếp quá khứ lâu xa Ta cũng đã từng gia ân cứu giúp mạng sống của họ.

Ngài A-nan bạch Phật:

– Không rõ trong quá khứ lâu xa, Đức Thế Tôn cứu mạng sống của họ bằng cách nào, mong Đức Thế Tôn dạy rõ.

Đức Phật dạy:

– Nay A-nan, vào thuở quá khứ xa xưa, cách nay vô lượng a-tăng-kỳ kiếp, tại Diêm-phù-đề này có một vị vua nước lớn tên là Ma-ha-la-đàn-na (*Tên gọi là Đại Bảo*), cai trị ba ngàn nước nhỏ. Vua có ba người con: Người thứ nhất tên là Ma-ha-phú-na-ninh. Người thứ hai tên là Ma-ha-đề-bà. Người thứ ba tên là Ma-ha-tát-đỏa. Người con út này hay thực hành hạnh Từ bi, thương xót mọi loài như con ruột.

Một hôm, đức vua cùng quần thần, phu nhân và các thái tử ra ngoài thành du ngoạn ngắm cảnh. Đi một quãng nhà vua muốn nghỉ mệt dưới gốc cây. Khi đó ba vị thái tử đi vào rừng chơi, thấy con cọp mẹ sinh hai cọp con, dáng bộ đói khát suy kiệt lại muốn ăn thịt con của nó. Khi đó người em nói với

hai anh rằng:

– Con hồ này khôn khổ khóc liệt, suy yếu kiệt quệ lại mới sinh hai cạp con, em xem thấy nó muốn ăn hai con nó.

Hai người anh đều đáp:

– Đúng như lời em nói.

Người em lại hỏi:

– Con hồ này thường ăn thứ gì?

Hai người anh đáp:

– Nó ăn thịt và huyết tươi.

Khi hiểu được như vậy, người em nói:

– Nay có ai có thể hy sinh, làm việc cứu mạng nó để nó được sống còn không?

Hai người anh đáp:

– Việc ấy khó lắm.

Lúc đó người em tự nghĩ: “Ta từ trước tới nay trong dòng sinh tử đã bỏ thân này vô số kể. Nhưng việc xả bỏ thân mạng hoặc vì tham dục, sân hận hoặc si mê chứ chưa lần nào vì đạo pháp; nay gặp phước điền, thân này đâu có thiết. Sau khi suy nghĩ kỹ và quyết định, cả ba anh em tiến về phía trước. Đi chưa xa lắm, người em nói với hai anh:

– Hai anh cứ đi, em có chút việc riêng.

Nói rồi, người em quay ngược lại, theo lối cũ đi đến với ba mẹ con cạp, gieo mình nơi miệng cạp mẹ, nhưng vì quá kiệt sức cạp mẹ không thể há mồm ăn được. Khi ấy thái tử liền lấy que nhọn

đâm vào thân mình khiến chảy máu, hồ mới liếm được. Liếm xong hồ tỉnh táo mới đứng dậy há miệng ăn thịt thái tử.

Hai anh đợi một hồi lâu không thấy trở lại liền đi tìm kiếm, bỗng nhớ lại ý định của người em trước đây, chắc đến nơi đó để thí thân cho mẹ con cọp. Khi hai người anh đến nơi thì thấy thi thể của Ma-ha-tát-đỏa nằm trước mặt hồ, hồ ngấu nghiến ăn, máu thịt lai láng. Hai người anh thấy vậy vật vờ trên đất bất tỉnh, một lúc sau mới hồi tỉnh.

Bấy giờ phu nhân đang nghỉ mệt dưới gốc cây, nằm mộng thấy có ba con chim bồ câu đang đùa giỡn trong rừng, bỗng nhiên có con chim ưng xuất hiện vồ mất chim bồ câu nhỏ. Tỉnh giấc, hoàng hậu hướng đến vua, thuật lại câu chuyện:

– Thiếp nghe người ta bàn rằng: “Mộng thấy chim bồ câu tức có liên hệ đến con cháu, nay con bồ câu nhỏ bị chết tức có liên hệ đến ái tử, người con út của chúng ta gặp việc không lành.”

Vua liền sai bề tôi thân cận đi khắp nơi để tìm kiếm, chưa được bao lâu thì hai người anh trở về. Cha mẹ liền hỏi:

– Ái tử yêu quý của ta nay đang ở đâu?

Hai người anh nghẹn ngào không nói được nên lời, một lúc sau mới thốt ra được:

– Em của con đã bị hồ ăn thịt rồi!

Cha mẹ vừa nghe nhào người xuống đất chết

lặng không hay biết gì nữa, thật lâu sau đó mới tỉnh lại. Rồi vua, phu nhân và hai người con cùng nhóm thê nữ tức tốc đi đến chỗ thi thể của thái tử, khi đến nơi hỏ đói đã ăn hết thịt, còn lại bộ xương nằm bừa bãi trên đất. Người mẹ nâng cái đầu, cha giữ đôi tay, thương khóc thảm thiết, ngất rồi lại tỉnh.

Sau khi Ma-ha-tát-đỏa mạng chung, liền sinh lên cõi trời Đâu-suất, tự nghĩ: “Ta do nhân duyên gì mà thọ nhận được quả báo này?” Ngài liền dùng Thiên nhãn quán sát khắp năm cõi thấy tử thi trước của mình đang ở trong núi, cha mẹ đang còn luyến tiếc thương khóc. Vì thương cha mẹ mê mờ không biết nên mới thương khóc thảm thiết, có thể do thương tiếc buồn rầu mà ảnh hưởng nguy hiểm đến tánh mạng, ta làm sao để lựa lời can gián. Sau khi nghĩ vậy, Ngài bèn từ cõi trời bay xuống đứng giữa không trung mà giải thích và khuyên can.

Hai người trông lên và hỏi:

– Ông là thần gì xin cho biết?

Từ trên không trung, ngài trả lời:

– Con là Ma-ha-tát-đỏa do xả thân cứu cạp đói nên được sinh lên cõi trời Đâu-suất. Thừa phụ hoàng và mẫu thân, nên biết rằng tất cả sự việc đều trở về không, có sinh ra tất phải có hồi kết thúc, làm ác thì đọa địa ngục, làm lành thì được sinh

Thiên. Sống chết là lẽ thường nhiên cha mẹ không nên mãi chìm đắm trong biển khổ phiền não sâu ưu, mà sớm tự mình giác ngộ, siêng năng tu tập, làm các việc lành.

Cha mẹ đáp:

– Con thực hành hạnh Từ bi, thương xót tất cả, bỏ cha mẹ mà chọn lấy cái chết, lòng cha mẹ luôn luôn nhớ nghĩ đến con, thương nhớ đứt từng khúc ruột, cha mẹ ngày đêm nhớ thương sâu khổ, con lo tu hạnh Từ bi như vậy có xứng hợp không?

Bấy giờ, trên không trung người con dùng nhiều lời kệ có nội dung khéo léo, nhiệm màu để báo đáp công ân cha mẹ. Cha mẹ nghe xong bớt đi sầu muộn và có phần tỉnh ngộ. Sau đó vua cha làm hòm bằng thất bảo, thu xương cốt bỏ vào trong, cho an táng và xây tháp phụng thờ. Ngài trở về cung trời. Vua, hoàng hậu cùng tất cả trở về hoàng cung.

Đức Phật dạy A-nan:

– Thuở ấy, đại vương Ma-ha-la-đàn-na chẳng phải ai khác, nay chính là phụ vương của Ta, Duyệt-đầu-đàn. Vương phu nhân là mẹ của Ta, Ma-ha Ma-ya. Ma-ha-phú-na-ninh, nay là Di-lặc. Thái tử Ma-ha-đề-bà nay là Bà-tu-mật-đa-la. Thái tử Ma-ha-tát-đỏa, chẳng phải ai khác chính là Ta đây. Hồ mẹ nay chính là lão mẫu. Hai hồ con tức là hai người con trai này. Ta vào kiếp quá khứ đã cứu họ được an toàn tánh mạng. Ta nay đã thành

Phật cũng cứu thoát họ khỏi ách nạn kia và thoát được nỗi khổ lớn sinh tử luân hồi.

Bấy giờ ngài A-nan cùng mọi người trong hội chúng nghe Đức Phật dạy như thế, đều hoan hỷ phụng hành.



Phẩm 3: Hai Vị Phạm Chí Thọ Trai Giới

Tôi nghe như thế này, một thời Đức Phật trú tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, vào lúc đầu đêm có hai vị trời đến chỗ Đức Phật, thân phóng ra ánh sáng chiếu khắp vườn Kỳ hoàn, sắc như màu vàng. Đức Phật cũng tùy nghi mà diễn nói Diệu pháp. Cả hai vị tâm ý đều được khai ngộ và chứng được Đạo tích (*Nhập lưu*). Họ đánh lễ Đức Phật và trở về cõi trời.

Sáng sớm ngày mai ngài A-nan hỏi Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, đêm hôm qua có hai vị trời đến yết kiến Thế Tôn, con thấy họ oai tướng rạng ngời, ánh sáng tỏa khắp, ngày trước họ tạo công đức gì mà nay lại được kết quả thù thắng như vậy?

Đức Phật dạy:

– Nay A-nan, vào thời Phật Ca-diếp, sau khi Phật diệt độ, chánh pháp bước vào thời kỳ cuối cùng, có hai vị Bà-la-môn thọ trì tám pháp trai giới.

Một người mong được sinh lên trời, còn vị kia mong được làm vua một nước.

Người thứ nhất khi trở về nhà, bị người vợ ép cùng ăn phi thời. Người chồng đáp:

– Anh đã thọ trai giới, quá giờ ngộ không được ăn.

Người vợ nói:

– Anh thuộc dòng họ Phạm chí đã sẵn có giới pháp, tại sao anh lại đi thọ trai giới của ngoại đạo, rồi sinh ra mâu thuẫn không cùng ăn với em. Việc này em sẽ đem ra nói cho các Phạm chí khác được biết, họ sẽ đuổi và không cho anh tham dự vào các buổi hội họp.

Sau khi nghe lời hăm dọa, ông ta rất sợ hãi liền cùng người vợ ăn uống phi thời. Hai người tùy theo tuổi thọ dài ngắn rồi cũng đều chết.

Người mong làm vua, do công phu trì trai giữ giới trọn vẹn nên được sinh trong gia đình vương giả. Người mong sinh lên trời, do phạm trai giới, nên sinh trong loài rồng.

Bấy giờ có một người giữ vườn cho vua, ngày ngày dâng các loại trái cây. Sau đó người này đi ra ngoài dòng suối, thấy được một quả nài khác lạ vô cùng ở trong nước, màu sắc và mùi vị rất thơm ngon, liền nghĩ: “Ta mỗi ngày ra vào thường gặp quan môn giám, nên đem biếu cho ông ta.” Sau khi nghĩ như vậy, ông liền đem biếu cho quan giám

môn. Sau khi nhận, liền nghĩ: “Mọi việc của ta tốt đẹp đều nhờ quan hoàng môn, nhờ ông mà được tới lui, nên đem biếu cho ông ta”, liền đem quả nài biếu cho quan hoàng môn. Quan hoàng môn nhận rồi đem biếu cho phu nhân, phu nhân đem dâng cho vua. Vua ăn trái xong biết được mùi vị thơm ngon tuyệt vời liền hỏi phu nhân trái này từ đâu mà có. Phu nhân thuật lại ngọn ngành, được biết từ quan viên giám, vua cho triệu vào và hỏi:

– Vườn của ta có trái thơm ngon như vậy, sao không thấy dâng cho ta, mà lại đem cho người khác.

Quan viên giám giải thích rõ đầu đuôi. Vua ra lệnh:

– Từ nay về sau, ngày nào cũng dâng quả nài này cho ta, không được gián đoạn.

Quan viên giám tâu:

– Quả nài này không thấy gốc gác, hạ thần nhất được từ dòng suối, nếu nhà vua ra lệnh ngày nào cũng đem dâng thì không làm sao mà hoàn thành được.

Nhà vua nghiêm khắc phán lệnh:

– Nếu nhà ngươi không hoàn thành nhiệm vụ, ta sẽ xử trảm.

Quan viên giám thất thểu bước ra, tiến về khu vườn khóc lóc sầu não. Tiếng khóc càng lúc càng lớn, rùng nghe tiếng khóc hiện làm thân người, tiến

đến gần hỏi:

— Ông có chuyện gì mà buồn thảm khóc lóc như vậy?

Quan giữ vườn trình bày đầy đủ sự việc, rồng liền trở lại dòng nước, lấy nhiều quả ngon ngọt đặt trên mâm bằng vàng, đem đến cho quan viên giám và bảo:

— Ông đem mâm quả này dâng đến nhà vua của ông và nhắc lại rằng: ‘Ta và vua trước đây là bạn hữu, kiếp trước ở trên thế gian này đều thuộc dòng Phạm chí, cả hai cùng thọ giới Bát quan trai, mỗi người có một ý nguyện. Ông ta giữ giới trọn vẹn được làm ngôi vua, còn ta không giữ giới hoàn toàn nên sinh vào trong loài rồng.’ Nay ta muốn thọ trì và tu tập pháp Bát quan trai để xả bỏ thân này, mong vua tìm giúp ta một phương tiện để thọ trì tám pháp trai giới. Nếu trái với ý định ta sẽ lật úp quốc độ của vua biến thành biển cả.

Quan viên giám khi nhận được mâm quả đem dâng cho vua và trình bày lại những lời khẩn gởi của rồng. Vua nghe xong trong lòng không vui. Tại sao? Vì hiện tại ở trong nước không có truyền bá Phật pháp, văn kinh Bát quan trai cũng đã tận diệt từ lâu, nay không cách nào mà kiếm ra được, nếu không cân nhắc vấn đề này, sợ rằng sẽ có nguy hại đến đất nước. Ngày đêm dốc tâm vào việc này nên vua sinh buồn rầu lo lắng. Nhà vua, lúc ấy có một

vị đại thần, được mọi người hết sức kính trọng, vua nói với vị đó:

– Thần rồng nhờ ta tìm giúp bài văn Bát quan trai giới. Mong khanh làm được, ta giao việc này cho khanh.

Vị đại thần tâu:

– Thời nay không có Phật pháp, làm sao mà kiếm ra được?

Nhà vua lại ra lệnh:

– Khanh không làm được việc này, ta sẽ giết khanh.

Khi nghe vua phán như vậy, vị ấy tâm ý buồn rầu liền trở về nhà. Vị đại thần có một người cha già tuổi rất cao, bất kỳ khi nào về nhà ông cũng luôn tỏ ra vui vẻ để làm vui lòng người cha, nhưng hôm đó người cha thấy sắc mặt của con khác thường, ông liền hỏi con có chuyện gì xảy ra. Người con nói ra sự việc. Người cha nói:

– Nhà ta có cây trụ, ngày đêm phát ra ánh sáng con thử phá ra xem sao, chắc có vật gì kỳ lạ bên trong.

Nghe theo lời cha, người con sai người cầm rìu bổ cây, lấy ra được hai quyển kinh: Một quyển kinh Thập Nhị Nhân Duyên và một quyển văn thọ giới Bát quan trai. Vị đại thần liền đem dâng vua, vua rất mừng đến nỗi mất tự chủ, vua liền sai lấy mâm vàng đặt quyển kinh lên biếu cho rồng, rồng

nhận được kinh lòng rất hân hoan, đem rất nhiều báu vật dâng tặng cho vua. Rồng liền thọ trì tám phép trai giới một cách tinh tấn chuyên cần. Sau khi mạng chung liền sinh Thiên giới. Nhà vua cũng vậy, lo tinh tấn tu tập Bát quan trai giới nên sau khi chết cũng sinh lên cõi trời cùng ở một chỗ.

Đến đây, Đức Phật dạy:

– Nay A-nan đêm hôm qua hai vị trời ấy đến nghe Ta thuyết pháp chứng được quả Tu-đà-hoàn, vĩnh viễn ra khỏi ba đường, dạo đi trong cõi trời, cõi người, sau cùng sẽ đắc được đạo quả Niết-bàn.

Đức Phật dạy xong, tất cả trong chúng hội đều hoan hỷ phụng hành.



Phẩm 4: Một Người Nghèo Ở Xứ Ba-la-nại Cúng Đường Đức Phật

Tôi nghe vầy:

– Một thời Đức Phật trú tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ trong nước có Đại trưởng giả sinh một người con trai, mặt mày khôi ngô, vừa sinh được mấy ngày đã biết nói. Cậu bé hỏi cha mẹ:

– Đức Phật đang còn tại thế không?

Đáp:

– Đang còn.

Lại hỏi:

– Ngài Xá-lợi-phất và A-nan còn tại thế không?

Đáp:

– Vẫn đang còn.

Cha mẹ cậu bé suy nghĩ: “Nếu sinh ra liền biết nói, đây chắc không phải là người, một hiện tượng hết sức quái dị! Họ liền đến hỏi Phật. Đức Phật dạy:

– Đứa hài nhi này rất có phước đức, không nên hoài nghi.

Cha mẹ cậu bé nghe vậy, tâm rất hoan hỷ liền trở về nhà.

Cậu bé nói:

– Con muốn cha mẹ thỉnh Đức Phật và chúng Tỷ-kheo Tăng về nhà để cúng dường.

Cha mẹ đáp:

– Muốn thỉnh Phật và chúng Tăng cần phải chuẩn bị đầy đủ nghiêm túc, không thể không chu đáo.

Người con nói:

– Cha mẹ cho quét dọn nhà cửa sạch sẽ, giường chiếu trang nghiêm, bày ba tòa cao đẹp, rồi trăm món ăn thượng vị tự nhiên sẽ có. Con còn một bà mẹ nữa nay đang còn sống ở tại nước Ba-la-nại, xin cho người mời về.

Cha mẹ đồng ý cho người cấp tốc mang xe voi mời về. Nguyên nhân cho bày ba tòa cao: Một là

cúng dường cho Đức Như Lai, hai là cho bà mẹ sinh, ba là cho bà mẹ dưỡng.

Khi Đức Phật và chúng Tăng vào nhà theo thứ tự mà ngồi, đồ ăn ngon bổ được dọn ra đầy đủ và đẹp đẽ. Đức Phật thuyết pháp, người cha, hai người mẹ cùng các vị trong nhà đều nghe và chứng được Sơ quả.

Cậu bé sau khi lớn cũng xin xuất gia, siêng năng tu tập Chánh đạo và chứng đắc quả A-la-hán.

A-nan bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, Sa-môn này do phúc đức và thiện căn đời trước như thế nào, mà nay được sinh vào gia đình giàu có, mới sinh liền biết nói, lại được học đạo và đắc quả Thần thông?

Đức Phật dạy:

– Nay A-nan, vị ấy kiếp trước sinh trong một gia đình trưởng giả ở Ba-la-nại, sau khi cha mẹ mất, gia sản tiêu hao đi đến bàn cùng khốn khổ. Tuy gặp Phật ở đời nhưng không có gì để cúng dường, trong lòng không vui, tự thấy bế tắc. Một hôm anh ta nghĩ: “Ta nên xả bỏ mặc cảm dòng họ làm người thuê mướn.” Sau đó một năm anh ta đòi mượn tiền của chủ.

Chủ hỏi:

– Anh mượn tiền cưới vợ phải không?

Đáp:

– Không.

Người chủ hỏi:

– Vậy ông hỏi mượn tiền để làm gì?

Đáp:

– Tôi muốn dùng số tiền đó mua sắm lễ vật, trai phạn để cúng dường Phật và chúng Tăng.

Người chủ giàu có nói:

– Nếu thỉnh Phật và chúng Tăng thì ta sẽ cho tiền và lo tổ chức trai hội tại tư gia của ta.

Anh ta đồng ý, liền lo thiết trai, những món ngon lạ quý hiếm thỉnh Phật và chúng Tăng đến cúng dường. Do những nhân duyên đó mà nay, sau khi chết, được sinh vào nhà trưởng giả giàu có, thỉnh Phật, Tăng cúng dường, nghe được chánh pháp và chứng đắc đạo quả.

Đức Phật dạy:

– Nay A-nan, người bạn cùng ở kiếp trước đó, nay là con của vị trưởng giả, là bậc Sa-môn này vậy.

Sau khi nghe Đức Phật dạy, tất cả người trong hội chúng đều hoan hỷ ghi nhớ phụng hành.



Phẩm 5: Thần Biển Vấn Nạn Các Thuyền Khách

Tôi nghe như thế này:

Một thời Đức Phật trú tại khu lâm viên Kỳ-đà

Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ.

Lúc bấy giờ, trong nước có năm trăm người lái buôn định ra biển để tìm châu báu, họ bàn với nhau, cần thỉnh cầu một người sáng suốt tài đức để dẫn đường. Sau đó họ tìm và mời được một vị Ưu-bà-tắc, thọ trì năm giới cùng đi với họ vào biển cả.

Khi đang lênh đênh trên biển, vị Thần biển biến thành quỷ Dạ-xoa, hình thể xấu xí, sắc diện tái xanh, răng nanh chìa ra, lửa dữ trên đầu, đến năm thuyền lại rồi hỏi.

– Này các lái buôn, trên thế gian này có ai đáng sợ hơn tôi không?

Vị hiền giả đáp:

– Có người đáng sợ hơn ông gấp trăm ngàn lần.

Thần biển hỏi:

– Đó là những ai?

Đáp:

– Trên đời có nhiều kẻ ngu, làm những việc bất thiện: giết hại, trộm cắp, dâm dật vô độ, nói dối, nói hai lưỡi, nói thô ác, dùng lời trau chuốt, tham dục, sân hận, chìm sâu vào tà kiến, chết đọa địa ngục, chịu khổ muôn điều, quân ngục tốt bất kể có tội trừng trị theo nhiều cách, hoặc dùng đao đâm, dùng xe nghiền nát ra nhiều mảnh, hoặc bỏ vào cối để giã, hoặc xay và các hình phạt như núi đao, rừng kiếm, xe lửa, vạc dầu, nước sôi, băng giá, nước tiểu... tất cả chịu khổ, trải qua ngàn vạn năm, như

vậy thật là đáng sợ hơn ông rất nhiều.

Quý Dạ-xoa nghe xong buông thuyền cho đi, rồi ẩn hình biến mất, thuyền đi được vài dặm, thần biển liền hóa hình thành một người, hình thù xấu xí, gân cốt liền nhau, nắm thuyền kéo lại, hỏi mọi người:

– Này các ông, trong thế gian có ai xấu hơn tôi không?

Vị hiền giả đáp:

– Có nhiều kẻ xấu xí hơn ông rất nhiều.

Vị Thần biển hỏi:

– Ai là người xấu hơn?

Hiền giả đáp:

– Có kẻ ngu si, tâm tánh xấu ác, tham lam, đồ kỵ, không biết bố thí, sau khi chết đọa kiếp ngựa quỉ thân lớn như ngọn núi, cổ bé như cây kim, đầu tóc rối bời, hình thể đen xấu, trải qua muôn ngàn năm không biết cơm, nước ra sao? Chịu những cực hình như vậy, một cách kịch liệt hơn ông nhiều.

Thần biển buông thuyền cho đi, rồi ẩn mình biến mất. Thuyền đi được vài dặm, Thần biển lại biến thành một người vô cùng xinh đẹp, đến vịn thuyền hỏi:

– Này các khách buôn, trong đời có ai đẹp hơn ta không?

Vị hiền giả đáp:

– Có người đẹp gấp trăm ngàn lần vẻ đẹp của

ông.

Thần biển hỏi:

– Ai đẹp hơn ta?

Đáp:

– Trong đời gặp người có trí, tôn trọng và thực hành các điều lành, luôn giữ thân khẩu ý nghiệp thanh tịnh, tin kính Tam bảo. Tùy lúc cúng dường, người ấy mạng chung được sinh lên cõi trời, hình thể trong sáng, tướng mạo trang nghiêm, sắc đẹp vượt ông trăm ngàn vạn lần. Nếu đem ông mà so sánh thì cũng giống như con khỉ cái so với cô gái trẻ đẹp.

Thần biển lại bốc một vốc nước rồi hỏi:

– Nước trong tay ta nhiều hay nước trong biển nhiều.

Vị hiền giả đáp:

– Nước trong tay ông nhiều hơn nước trong biển.

Thần biển hỏi:

– Ông nói như vậy, có thành thật không?

Đáp:

– Lời nói của tôi hết sức thành thật, không bao giờ hư dối.

Thần biển liền hỏi:

– Ông lấy gì để chứng minh cho cách nói đó.

Vị hiền giả đáp:

– Nước trong biển tuy nhiều nhưng cũng có ngày khô cạn, khi trời tai kiếp đến hai mặt trời xuất hiện thì ngòi, lạch, suối, ao khô cạn. Ba mặt trời xuất hiện thì các sông nhỏ khô cạn. Bốn mặt trời xuất hiện thì các sông lớn, biển nhỏ khô cạn, khi năm mặt trời xuất hiện thì biển lớn lượng nước giảm bớt. Sáu mặt trời xuất hiện thì lượng nước ba phần giảm bớt hai, khi bảy mặt trời xuất hiện thì nước biển cạn hết. Núi Tu-di băng hoại, cho đến khu vực núi Kim cương cũng đều cháy rụi.

Nếu có người đầy đủ tín tâm dùng vốc nước đó mà cúng dường Đức Phật hoặc chư Tăng hay dâng cho cha mẹ, hoặc bố thí cho kẻ bần cùng hoặc cho cầm thú thì công đức này trải qua nhiều kiếp cũng không hết được. Qua sự trình bày đó thì đã rõ là nước trong biển kia so với nước trong nắm tay kia không nhiều lắm.

Thần biển nghe xong lòng rất hoan hỷ liền đem châu báu dâng tặng Hiền giả và gởi cúng dường Đức Phật cùng chư Tăng. Đến đây, các người lái buôn cùng vị Hiền giả thu nạp bảo vật đầy đủ trở về nước. Sau khi về nước, họ đem số bảo vật mà Thần biển gởi cúng dâng lên Đức Phật và chúng Tăng. Tất cả đều đánh lễ Phật, quỳ xuống chấp tay và bạch:

– Bạch Đức Thế Tôn, chúng con xin Đức Thế Tôn từ bi cho chúng con được xuất gia học đạo.

Đức Thế Tôn thấy cơ duyên đã đến, Ngài chấp nhận và gọi: “Thiện lai Tỳ-kheo!” Tất cả họ râu tóc đều rụng, thân mặc Pháp y. Đức Phật thuyết pháp ứng hợp với căn cơ, tất cả đều được khai ngộ, các dục đều được vắng lặng chứng quả A-la-hán.

Tất cả hội chúng nghe Phật thuyết pháp, tất cả đều hoan hỷ ghi nhớ, cung kính thực hành.



Phẩm 6: Hằng-Già-Đạt

Tôi nghe như thế này:

Một thời Đức Thế Tôn trú tại tinh xá vườn Trúc, nước La-duyệt-kỳ.

Bấy giờ, ở trong nước có quan phụ tướng, nhà cửa giàu có mà không có con. Ở bên sông Hằng có một ngôi đền thờ thần Ma-ni-bạt-la, nhân dân tại đó đều tôn sùng lễ bái. Một hôm quan phụ tướng đến ngôi đền đó cầu đảo:

– Vợ chồng tôi không có con, được nghe về sự linh ứng của ngài, cứu độ quần sinh, ai cầu gì đều được mãn nguyện, vì thế nay tôi đến xin quy y ngài mong ngài chứng giám lời nguyện thành khẩn của tôi và ban cho tôi một đứa con trai. Nếu được như vậy tôi sẽ đem vàng bạc để trang điểm trên thân của ngài và đem hương hoa quý để điểm tô nơi miếu của ngài, bằng không linh nghiệm tôi sẽ phá tan ngôi miếu và đem phân dơ trát vào thân của

ngài.

Thiên thần nghe xong liền suy nghĩ: “Người này giàu sang, có thể lực mạnh, chẳng phải thuộc hạng tầm thường, đến đây cầu con nhưng ta đức độ quá ít không thể đáp ứng lời nguyện đó được. Nếu như lời cầu nguyện đó không mang lại kết quả chắc chắn ta phải bị hủy nhục.” Thần miếu liền sang cầu cứu Ma-ni-bạt-la. Ma-ni-bạt-la cũng không đủ sức thực hiện được, liền đến Tỳ-sa-môn vương trình bày sự việc, Tỳ-sa-môn cũng không thể, liền đến Thiên đế để cầu ngài giúp, Tỳ-sa-môn lên trời trình bày sự việc với vua Đế Thích:

– Tôi có một hạ thần tên là Ma-ni-bạt-la lên kêu rằng: “Ổ thành Vương xá có quan phụ tướng muốn cầu có được người con và hứa nếu được thì ông ta sẽ cúng dường trọng hậu, còn nếu ngược lại thì ông ta sẽ phá tan ngôi miếu đó và làm nhục tôi.” Tánh khí của người giàu có kia hung hăng chắc chắn sẽ làm như vậy. Thật may mắn, mong Thiên đế cứu giúp cho!

Đế Thích đáp:

– Sự việc này cũng rất nan giải, để ta thử tìm một cách thức nào đó.

Khi ấy có một vị trời năm đức lìa thân sắp đến ngày chết, Đế Thích liền bảo:

– Người đến ngày sắp mạng chung nên cầu thọ sinh vào gia đình của quan phụ tướng kia.

Vị Thiên tử đáp:

– Ý thần muốn xuất gia tu tập thực hành chánh pháp. Nếu sinh vào nhà của người giàu có ắt khó xả ly. Thần muốn sinh vào nhà trung lưu để hoàn thành được chí nguyện.

Đế Thích khuyên:

– Người cứ hạ sinh vào gia đình kia đi, rồi muốn xuất gia tu đạo ta sẽ hỗ trợ cho.

Vị trời liền thọ sinh vào gia đình quan phụ tướng. Khi sinh ra đứa bé có tướng mạo rất xinh đẹp. Cha mẹ cho mời tướng sư để đặt tên cho con. Vị tướng sư hỏi:

– Đứa bé này được cầu tự từ đâu?

Quan phụ tướng đáp:

– Cầu ở miếu thần gần bên sông Hằng.

Nhân đó mà đặt tên cho chú bé là Hằng-già-đạt. Càng ngày càng khôn lớn, tâm trí cậu bé chuyên vào chánh pháp. Một hôm cậu ta xin với cha mẹ được xuất gia học đạo. Cha mẹ cậu trả lời:

– Sản nghiệp của cha giàu sang phú quý, chỉ có mình con để nối nghiệp gia đường, nếu con xuất gia thì cha mẹ chẳng có ai sớm khuya hầu hạ.

Do vậy nên cha mẹ cậu đều không ưng thuận. Người con chí nguyện bị trở ngại lòng rất buồn rầu, liền nghĩ: “Có lẽ ta phải bỏ thân này cầu sinh vào một gia đình thường dân, để thực hiện chí nguyện xuất gia chắc dễ dàng hơn nhiều.”

Người con âm thầm ra đi, lên ngọn núi cao lao đầu xuống vực nhưng không bị tổn thương. Lại đến bên bờ sông lao mình xuống nước tự tử, nhưng có dòng nước đưa anh ta trôi dạt vào bờ không gặp hiểm nguy. Anh ta bèn uống độc dược tự sát nhưng thuốc độc không có tác dụng. Anh ta dùng mọi phương tiện để tìm cái chết nhưng vô hiệu, liền nghĩ có lẽ ta làm một việc gì phạm vào pháp vua, sẽ bị vua bắt và giết đi. Khi đó, gặp lúc vua, phu nhân cùng các thê nữ ra khỏi cung thành đến ao vua để tắm rửa, tất cả đều thoát y phục để dưới bụi cây. Hằng-già-đạt lén vào bụi cây đánh cắp y phục đem ra ngoài. Quan môn giám thấy vậy bắt lại dẫn đến vua A-xà-thế tâu. Vua nghe xong nổi giận lôi đình liền lấy cung tên hạ thủ anh ta ngay, nhưng khi tên bắn ra liền bay ngược trở lại ngay hướng của vua. Bắn ba lần như vậy mà không trúng, vua hoảng hốt liền ném cây cung mà hỏi:

– Khanh là Trời, Rồng hay Quỷ thần?

Hằng-già-đạt nói:

– Xin hãy giúp cho tôi hoàn thành được chí nguyện, tôi mới nói.

Vua nói:

– Người nói rồi ta sẽ giúp.

Hằng-già-đạt trình bày:

– Tôi chẳng phải là Trời, cũng không phải là Rồng hoặc Quỷ. Tôi là con của quan phụ tướng ở

thành Vương xá, muốn xuất gia học đạo nhưng cha mẹ không chấp thuận, nên muốn tự sát để đầu thai vào nơi khác để dễ hoàn thành ý nguyện. Tôi đã nhảy từ núi cao, lao xuống sông sâu, uống độc dược mà không chết được, vì thế cố ý phạm vào phép vua mong vua gia hình phạt xử tử để hoàn thành ý nguyện, sự tình là như vậy. Với chí nguyện cao cả đó mong ngài chiếu cố thương xót cho lòng mong cầu Chánh đạo của tôi.

Nhà vua nói:

– Người có tâm xuất gia tu học Chánh đạo, rất tốt. Khi nhân duyên hội đủ ta sẽ đưa đi đến chỗ Phật.

Vua bạch với Đức Thế Tôn về ý chí mong muốn của chàng trai, Đức Phật bảo: “Thiện lai Tỳ-kheo!” Râu tóc chàng tự rụng thân mặc pháp y, thành tướng Tỳ-kheo, nghe Phật thuyết pháp, tâm ý khai mở chứng A-la-hán đầy đủ ba Minh, sáu Thông và tám Giải thoát.

Vua A-xà-thế liền bạch Đức Phật:

– Hằng-già-đạt này trước đây đã trồng căn lành gì mà gieo mình từ núi cao không chết, nhảy xuống nước không chìm, độc dược chẳng hại, tên bắn không trúng, lại gặp được Đức Thế Tôn thoát khỏi sinh tử luân hồi.

Đức Phật dạy:

– Vào quá khứ vô số kiếp về trước, có một nước

lớn tên là Ba-la-nại, vua tên là Phạm-ma-đạt.

Bấy giờ vua cùng các mỹ nữ dạo chơi trong rừng, trong lúc các thể nữ đang ca hát, ở ngoài có một người cất tiếng hát họa theo, vua nghe lời hát họa theo đó liền nổi giận cho người tìm bắt rồi hạ lệnh xử tử. Bấy giờ có vị đại thần trấn giữ bên ngoài thấy đem tội nhân đi xử liền hỏi quân hầu thân cận:

– Người này vì lý do gì mà bị vậy?

Mọi người trình bày có sự.

Vị quan nói:

– Hãy dừng lại! Tội trạng của người này chưa đến nỗi trầm trọng phải phạm vào tội chết, tuy có hát họa theo mà chưa thấy hình hài, cho nên chưa xảy ra chuyện thông dâm với nhau, mong bệ hạ thương xót cho hãn khỏi tội chết.

Nhà vua đồng ý tha cho ông ta tội chết. Sau khi được tha, ông ta hết lòng phụng sự vị đại thần, siêng năng cần mẫn liên tục trải qua nhiều năm.

Một hôm ông ta tự nghĩ: “Dâm dục có thể đưa con người ta đi đến chỗ chết, sắc như dao kiếm, ta gần như bị khốn khổ cũng do ý niệm dâm dục.” Sau đó ông xin phép với đại thần được đi xuất gia tu hành đạo nghiệp.

Đại thần đáp:

– Tôi không dám trái lời. Nếu khi học đạo hoàn thành, hãy trở lại gặp tôi!

Ông ta hướng thẳng đến chỗ yên tĩnh núi đầm, chuyên tâm tư duy về giáo lý nhiệm mầu, tinh thần được khai ngộ, sau đó chứng được quả vị Bích-chi-phật. Như lời đã hứa trước đây, ngài trở về thành ghé nhà quan đại thần. Quan đại thần thỉnh ngài ở lại cúng dường ẩm thực ngon và y phục tốt, tứ sự đầy đủ. Khi đó vị Bích-chi-phật biến hiện thần thông ở trong hư không, nước và lửa xuất ra từ thân, phóng ra ánh sáng lớn. Vị đại thần thấy vậy lòng hân hoan vô cùng và lập lời nguyện: “Do ân cứu giúp của tôi thuở trước, nay mong ngài cho tôi đời được giàu sang và trường thọ, đạt được những điều đặc thù và vượt bậc gấp trăm ngàn lần, phước đức và trí tuệ và các đức tính khác được như ngài.

Đức Phật dạy:

– Nay đại vương, vị đại thần cứu sống một người thuở ấy liền được đắc đạo nay chính là Hằng-già-đạt, do nhân duyên đó nay được sinh vào xứ này, không bị chết yếu, sinh ra đời gặp được Ta và chứng được đạo quả A-la-hán.

Đức Phật dạy xong, tất cả hội chúng đều kính tin, hoan hỷ phụng hành.



Phẩm 7: Thái Tử Tu-Xà-Đề

Tôi nghe như thế này:

Một thời Đức Phật trú tại tinh xá vườn Trúc,

thuộc nước La-duyệt-kỳ.

Bấy giờ Đức Thế Tôn cùng với A-nan vận y, cầm bát vào thành khát thực. Trong thành có hai ông bà lão đã mù đôi mắt, bần cùng khốn khổ, không nơi nương tựa, ngày đêm chỉ ngủ dưới ngo môn. Hai người chỉ có một cậu con trai lên bảy, thường ngày đi ăn xin để về nuôi cha mẹ, xin được hoa quả tươi, thức ăn ngon thì đem về dâng cha mẹ, còn lại đồ dư thừa thuộc phần mình. Khi ấy ngài A-nan trông thấy chú bé còn nhỏ mà biết cung kính hiếu thuận cha mẹ liền đem lòng thương mến, một hồi sau Đức Phật và A-nan khát thực xong trở về tinh xá.

Đúng thời Đức Thế Tôn diễn thuyết chánh pháp cho đại chúng. Ngài A-nan quỳ xuống chấp tay bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, sáng nay cùng với Thế Tôn đi vào thành khát thực, con thấy một cậu bé có tâm Từ bi rất hiếu thuận với cha mẹ, cha mẹ đều mù, ở dưới cửa thành, đi khát thực cùng khắp nếu được hoa quả tươi tốt, đồ ăn ngon, thì đem dâng cha mẹ, còn đồ dư thừa thì mình ăn, thường ngày như thế, thật đáng thương quý!

Đức Phật dạy A-nan:

– Bất luận là xuất gia hay tại gia mà có lòng hiếu thuận với cha mẹ thì công đức không thể nghĩ bàn, thù thắng khó lường. Vì sao? Ta nhớ vào kiếp

quá khứ Ta có Từ tâm, hiếu thuận với cha mẹ, hết lòng hiếu thuận đến nỗi lấy thịt nơi thân mình mà cứu sống cha mẹ gặp lúc ngặt nghèo nguy khốn, nhờ công đức này mà trên Thiên đế dưới Thánh chủ cho đến nay thành Phật, Bạc Tối Tôn trong ba cõi đều từ phước đức này.

Ngài A-nan bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, con không hiểu trong thời quá khứ Ngài báo hiếu cha mẹ, không tiếc thân mạng kể cả cắt thịt thân mình mà cứu cha mẹ trong lúc gặp nguy khốn. Sự việc diễn ra như thế nào mong Đức Phật chỉ dạy.

Đức Phật dạy A-nan:

– Hãy lắng nghe và suy nghiệm cho kỹ.

Ngài A-nan vâng lời và chú ý nghe.

Đức Phật dạy:

– Nay A-nan, vào kiếp quá khứ vô lượng, vô số a-tăng-kỳ, trong cõi Diêm-phù-đề này có một nước lớn là Đạc-xoa-thi-lợi, vua tên là Đề-bà. Vua có mười vị thái tử, mỗi người cai trị một nước, người con út tên là Tu-bà-la-đề-trí (*đời Tấn dịch là Thiên Trúc*), cũng cai trị một nước, nhân dân mến chuộng, rất an lạc và sung túc.

Vào lúc đó, ở nước của vua cha có quan đại thần tên là La-hầu, ôm lòng phản nghịch giết chết đại vương, soán đoạt ngôi vua, liên cất binh đi thanh toán các thái tử ở các nước nhỏ. Người em

út được Quỷ thần tôn kính, một hôm ông vào trong vườn để ngoạn cảnh có quỷ Dạ-xoa hiện lên quỳ xuống thưa:

– Đại thần La-hầu đã phản nghịch giết vua cha, bây giờ đang cất quân đi giết các anh của ngài rồi sẽ cho người đến đây để giết ngài, ngài nên tìm cách mà lánh xa cái tai họa đó đi.

Khi vua nghe như vậy, trong tâm bồi hồi lo sợ chờ lúc trời tối tìm cách lén trốn ra đi; còn người con trai tên là Tu-xà-đề (*đời Tấn dịch là Thiện Sinh*), vừa mới lên bảy, thông minh tuấn tú, rất là đáng yêu, vua thương nhớ con, bèn quay trở lại ẵm đưa con trai, buồn khổ than khóc, người vợ trông thấy vua ra vào hoảng hốt lo sợ, liền hỏi:

– Có chuyện gì xảy ra mà phu quân ở trong trạng thái bồi hồi lo sợ như vậy?

Vua đáp:

– Khanh không nên biết.

Bà kéo vua lại và nói:

– Thiếp cùng bề hạ, thân mạng như một, khi gặp hiểm nguy cùng nhau chia sẻ, chớ nên bỏ đi, có chuyện gì nên cho thiếp biết.

Vua liền nói:

– Ta đang dạo chơi trong vườn có một con quỷ Dạ-xoa hiện lên, quỳ xuống thưa với ta rằng đại thần La-hầu đã dấy binh làm phản nghịch, đã giết phụ vương ta, đang đem binh lính giết hại các anh

ta và nay đang đem quân đến muốn giết hại ta, nên tìm cách lánh đi. Ta nghe như vậy trong lòng lo sợ, ta sợ quân phản nghịch kéo đến rất nhanh, cho nên ta phải cấp tốc ra đi lánh nạn.

Người vợ quý xuống thưa rằng:

– Tâu bệ hạ cho thiếp được theo hầu, đừng bỏ thiếp một mình mà ra đi.

Lúc đó vua cùng vợ và con ra đi đến một nước khác. Lộ trình đi đến nước đó có hai con đường, thứ nhất mất bảy ngày và thứ hai mất mười bốn ngày. Lúc đầu lo sợ chỉ chuẩn bị lương thực cho bảy ngày chỉ đủ một người ăn, nhưng lúc ra khỏi thành do tâm thần hỗn loạn, nên rẽ sang lộ trình mười bốn ngày. Trải qua vài ngày lương thực đã cạn kiệt, chịu đựng cơn đói dữ dội, không có cách nào khác, vì người con yêu, vua dự tính lấy thịt của mẹ để cứu sống con. Vua bảo người vợ dẫn con đi trước, vua ở sau rút đao để lấy thịt người mẹ, bất chợt người con nhìn lại thấy vậy, liền chấp tay thưa với phụ vương:

– Xin phụ vương hãy giết con đi, chớ hại đến mẹ con.

Người con hết lòng can gián cứu được mẹ sống và thưa với phụ vương:

– Không nên đoạn dứt mạng sống của con, chỉ cắt dần thịt ăn để vượt qua những ngày khôn khó, nếu dứt mạng sống thì thịt không đủ lâu được và sẽ

bị thối rửa ra.

Cha mẹ lòng đau như cắt buồn rầu áo não, không các cách nào khác đành cắt thịt con mà ăn. Ngày ngày ăn thịt con, đến khi gần hết, chỉ còn toàn xương mà chưa đến xứ sở đó, càng lúc nạn đói càng nguy cấp. Nhà vua lại cầm đao cắt thêm một ít thịt nữa, đến lúc cha mẹ sắp từ già, người con thừa:

– Mạng con sắp chết xin cha mẹ cho con một phần thịt, cha mẹ đồng ý chia làm ba phần, hai phần mang đi ăn và một phần để lại cho con gồm cả da, thịt, mắt, tai, mũi, lưỡi...

Lúc cha mẹ ra đi, người con lập nguyện: “Nay ta đem thịt của chính mình dâng lên cha mẹ xin hồi hướng công đức này để mong cầu Phật đạo, rộng độ tất cả chúng sinh trong mười phương, xa lìa các khổ, chứng nhập Niết-bàn.” Sau khi phát nguyện cả ba ngàn thế giới đều chấn động theo sáu cách, chư Thiên ở trong Sắc và Dục giới đều ngạc nhiên không hiểu vì sao mà cung điện bị dao động, liền dùng Thiên nhãn quan sát trong thế gian thấy một vị Bồ-tát đem thịt của chính mình mà cúng dường cho cha mẹ để mong cầu Phật đạo và hóa độ chúng sinh, vì lý do đó cho nên trời đất chấn động. Bấy giờ chư Thiên giáng xuống rất đông, đầy cả hư không, cảm động khóc lóc rơi lệ như cơn mưa lớn.

Bấy giờ có một vị trời Đế Thích muốn thử tám

lòng của thái tử, liền hóa thành đứa bé đến xin, thái tử liền cho cả sớ thịt đang cầm trong tay, rồi lại hóa ra một con sư tử xông tới định vồ thái tử, thái tử tự nghĩ: “Các loài muông thú này muốn ăn thịt ta, ta còn lại ít thịt xương tủy não cũng bố thí cho nó.” Sau khi suy nghĩ như vậy, tâm thái tử liền hoan hỷ không có hối tiếc. Đế Thích thấy được chí khí cương nghị của thái tử liền hoàn lại nguyên hình đứng trước mặt thái tử hỏi:

– Nay người thể hiện tâm hiếu, lấy thịt cúng dường cha mẹ, với công đức này nhằm mong cầu điều gì: Thiên đế, Ma vương hay vua Phạm thiên?

Thái tử trả lời:

– Tôi không mong cầu khoái lạc trong tam giới mà với công đức này để mong cầu Phật đạo, rộng độ tất cả vô lượng chúng sinh.

Đế Thích lại hỏi:

– Người đem thân cúng dường cha mẹ có hối hận không?

Thái tử đáp:

– Lời hết lòng thành khẩn đem thân cúng dường cha mẹ không mảy may hối hận.

Thiên đế:

– Ta thấy người đem toàn thân cúng dường cha mẹ mà không hối hận, việc ấy thật khó tin!

Thái tử liền phát thệ nguyện:

– Tôi cúng dường thân nguyện thành Phật đạo,

không có hối hận. Để có sự xác tín, tôi với lời nguyện đó, tôi mong thân thể lại bình phục như cũ.

Vừa nói xong, thân thể thái tử được bình phục như cũ. Bấy giờ, Thiên đế Thích và chư Thiên cùng nhau nói lời tán thán: “Lành thay!” Cha mẹ của thái tử và nhân dân trong nước đều đến chỗ thái tử và ca ngợi là việc chưa từng có.

Khi sự việc xảy ra như thế, có một vị vua nước lân cận biết rõ thái tử có một đức tính cao cả đặc thù như vậy, trong lòng cung kính bội phần, hoan hỷ vô lượng, rồi mời cha mẹ cùng thái tử vào cung cúng dường một cách cung kính. Với lòng thương thái tử, vị vua nước lân cận liền cất binh mã cùng với vua Thiện Trụ và thái tử Tu-xà-đề trở về bốn quốc tiêu diệt La-hầu, phục hồi lại ngôi vua, cha con tiếp tục trị vì, đất nước được thịnh trị, thái bình.

Đức Phật dạy ngài A-nan:

– Vua Thiện Trụ lúc bấy giờ chính là phụ vương Bạch Tịnh của Ta ngày nay, mẫu hậu chính là Ma-ha Ma-da, thái tử Tu-xà-đề chính là Ta.

Đức Phật dạy:

– Nay A-nan, trong quá khứ Ta đã từng đem thân lấy thịt cúng dường cha mẹ trong lúc nguy khốn, do công đức này được sinh vào nơi cao quý của trời và người, thọ nhận vô lượng phước đức, cũng từ công đức này mà nay Ta thành quả vị Phật.

Trong hội chúng, sau khi nghe Đức Phật giảng

về nhân duyên của đời trước tất cả đều thương cảm và ca ngợi hạnh hiếu của Đức Phật rất đặc thù và cao quý. Có người đắc được quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm hoặc A-la-hán, có người phát tâm vô thượng chân đạo, có người trú ở địa vị Bất thoái. Tất cả đều hoan hỷ nghe theo và phụng hành.



KINH HIỀN NGU

QUYỂN 2

Phẩm 8: NÀNG KIM CƯƠNG, CON GÁI VUA BA-TU'- NẶC

Tôi nghe như thế này:

Một thời Đức Thế Tôn trú tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ vua Ba-tu-nặc và phu nhân Mạt-lợi sinh được một người con gái đặt tên là Ba-xà-la (*đời Tán dịch là Kim Cương*). Người con gái này diện mạo xấu xí, da dẻ thô ráp giống như da ngựa, tóc mọc trên đầu cứng tựa lông đuôi ngựa. Vua thấy người con gái như vậy, không một chút vui, liền bảo người trong cung, giữ gìn cẩn mật không để cho người ngoài thấy biết. Con gái hình thù tuy xấu xí không giống người bình thường, nhưng do phu nhân Mạt-lợi sinh ra, mặc dầu xấu xí như thế nhưng vua cũng ngầm sai người lo nuôi dưỡng đàn hoàng. Khi đã đến tuổi trưởng thành, thành lập gia thất, vua lại buồn rầu không tìm ra cách, liền sai bảo một vị quan:

– Khanh đi vào đám dân thường tìm một người

con trai nghèo khổ mà đảng hoàng gọi về đây cho ta.

Vị quan này sau khi nghe lời sai bảo liền ra đi khắp nơi để tìm một người như vậy và gọi cậu ta về chỗ vua. Nhà vua đưa cậu ta đến một nơi chỉ rõ sự tình và nói:

– Ta có một người con gái, diện mạo xấu xí, muốn tìm nơi cưới gả, mà chưa được đáp ứng, nghe khanh con nhà đảng hoàng, dẫu cho gia đình nghèo khổ nhưng ta sẽ chu cấp đầy đủ, mong người không trái ý của ta và lấy con gái ta làm vợ.

Bấy giờ, cậu ta quỳ xuống tâu:

– Con xin tuân theo sắc chỉ của vua, nay đại vương có ban cho con một con chó nhỏ, con cũng không dám trái ý, huống nữa đây là con gái của vua đã đem ban tặng cho con, con xin ưng thuận.

Nhà vua đem người con gái gả cho người con trai bần hàn đó và cho xây cung điện nhà cửa, lầu gác có bảy lớp cửa và bảo chàng rử khóa cửa cẩn thận. Vua căn dặn:

– Nếu mỗi lần muốn đi ra ngoài thì phải đóng cửa lại, vì con gái của ta xấu xí thậm tệ chớ để cho người ngoài thấy được diện mạo của nó. Chàng ta luôn luôn để vợ trong cung cấm và khóa cửa thật kỹ. Từ đó vua cung cấp của cải cho hai vợ chồng đầy đủ không thiếu vật gì. Nhà vua ban cho chức quan đại thần, người đó trở nên giàu có sung túc.

Hàng tháng có tổ chức yến tiệc, chàng phò mã cùng đi dự với các nhà hào tộc phú quý, khi đến dự ai cũng cùng vợ cùng chồng nam nữ chung vui, mọi người đến dự hội ai cũng mang theo vợ, riêng quan đại thần đó luôn đi một mình, mọi người lấy làm lạ, thắc mắc: ‘Vợ của người kia hoặc quá đoan trang thuần thực, tuyệt sắc giai nhân hoặc là quá xấu xí thậm tệ nên không dám xuất hiện giữa đám đông. Nay chúng ta tìm cách đến xem người vợ của ông ta thật hư thế nào?’ Mọi người cùng nhau bàn kế, phục rượu cho ông ta uống thật say, lén lấy chìa khóa, liền bảo năm người đến nhà của vợ chồng kia mở khóa vào nhà.

Cùng thời gian đó, người phụ nữ kia âu sầu áo não, tự trách tội lỗi của mình, thậm nhủ: “Ta mắc phải tội gì mà chồng con oán ghét, cứ bị giam giữ trong nhà, tối tăm mù mịt không thấy trời trăng và bóng dáng con người.” Kim Cương liền nghĩ ra, hiện tại Đức Phật đang còn tại thế, cứu giúp quần sinh thoát khỏi khổ ách, tất cả đều được Ngài cứu độ. Bà liền chí thành khẩn thiết, hướng về và đánh lễ Thế Tôn, cúi mong Đức Thế Tôn thương xót hiện đến tư gia để được nghe giáo huấn. Do tâm nhiệt thành, cung kính thuần nhất, Đức Phật biết được chí nguyện của bà, Ngài liền hiện đến trước mặt. Trước hết Ngài hiện mái tóc đẹp cho bà thấy, vừa mới ngược mắt lên nhìn thấy mái tóc đẹp của Phật. Bà rất hoan hỷ, hoan hỷ một cách cung kính

hết mực, từ sự giao cảm nhiệm mầu đó nên tóc trên đầu bà trở nên mềm mại, mượt mà, màu sắc đen huyền. Rồi đến Ngài hiện lên khuôn mặt, bà thấy và tâm rất hoan hỷ, liền khi ấy mặt trở nên đoan chánh, những dị tướng và sắc da xù xì tự nhiên biến mất. Tiếp đến Ngài hiện tướng thân từ eo lưng trở lên, sắc vàng rực chiếu như ánh sáng mặt trời, bà nhìn thấy thân của Phật như vậy, niềm hoan hỷ tăng thêm, nhờ vậy năng lực từ tâm hoan hỷ đó mà tướng xấu trên người biến mất, thân thể cân đối đoan nghiêm, giống như Thiên nữ, sắc đẹp hơn đời không ai sánh kịp. Đức Phật vận dụng từ tâm cho bà thấy toàn thân, bà quan sát kỹ lưỡng mắt không rời xa, từ đó tâm rất hoan hỷ hạnh phúc không gì sánh được, khi ấy toàn thân đều khác, đoan chánh, tướng tốt phi phạm, trong đời hiếm có, tất cả những gì xấu xí đều biến mất hết.

Sau đó Đức Phật thuyết pháp cho bà nghe, tất cả các niệm ác đều được đoạn diệt, liền sau đó bà đắc đạo quả Tu-đà-hoàn, Đức Phật dùng thần thông trở về tinh xá.

Năm người kia mở cửa vào nhà, thấy người phụ nữ kia thân thể đoan chánh, sắc đẹp vô song, họ bảo nhau rằng:

– Thật là quái lạ! Người này chưa hề đi đâu, đoan chánh tuyệt vời!

Sau khi quan sát xong, năm người đóng cửa lại

trở về và trả lại chìa khóa vào túi của phò mã. Đến khi tỉnh rượu, tiệc xong trở về nhà, vào thấy một người phụ nữ thân hình đoan chánh, sắc đẹp kỳ tuyệt, dung mạo lạ thường, người đời hiếm có. Thấy vậy trong lòng hân hoan, ông liền hỏi:

– Nàng là ai?

Người vợ đáp:

– Thiếp là vợ của chàng.

Người chồng thắc mắc hỏi:

– Em trước đây không đẹp lắm mà nay do nhờ nhân duyên nào mà được sắc đẹp hơn xưa như vậy?

Người vợ trình bày sự việc đã xảy ra như thế với người chồng, nhờ ân Đức Phật mà được như thế này và nói với chồng:

– Em muốn chúng ta đồng đi yết kiến phụ vương.

Người chồng đồng ý, liền đi đến vua cha thưa:

– Vợ con muốn đến để yết kiến phụ vương.

Vua nói với người con rể:

– Sao nói vậy được, hãy mau đóng cửa lại cẩn thận không cho ra ngoài. Người con rể thưa:

– Sở dĩ có việc như ngày hôm nay là nhờ hồng ân của Đức Phật, nên thân hình vợ con mới được đoan chánh như Thiên nữ không khác.

Sau khi vua nghe chàng rể trình bày xong, vua phán:

– Vậy thì mau đem ái nữ của ta đến đây.

Vua liền cho xa giá nghênh đón ái nữ vào cung. Vua thấy thân hình ái nữ đoan chánh đặc thù nên hoan hỷ vô cùng, liền ra lệnh sửa soạn xa giá vua phu nhân, ái nữ cùng phò mã đi đến chỗ Phật, lễ Phật xong liền đứng một bên. Khi ấy vua Ba-tư-nặc quỳ xuống bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, không rõ con gái trăm do phước đức ngày trước như thế nào mà được sinh vào gia đình giàu sang phú quý và do tạo tội lỗi gì mà lại mang thân hình xấu xí, da tóc thô cứng giống như súc sinh? Cúi mong Thế Tôn chỉ bảo cho chúng con được rõ.

Đức Phật khai thị cho nhà vua và phu nhân:

– Ở đời xấu đẹp đều do quả báo từ nơi việc thực hành tội phước. Trong quá khứ lâu xa, có một nước lớn gọi là Ba-la-nại, trong nước có một vị trưởng giả giàu có vô cùng. Bấy giờ có nhiều người trong vùng thường đi đến cúng dường vị Bích-chi-phật; vị này có thân thể thô kệch, hình hài xấu xí, tiêu tụy khó coi. Vị trưởng giả đó có một người con gái hàng ngày thấy vị Bích-chi-phật đến, sinh tâm xấu ác khinh khi nói lời hủy báng, nào là diện mạo xấu xa, thân hình thô kệch thật là đáng ghét... Vị Bích-chi-phật vài lần đến gia đình đó khất thực, nhận sự cúng dường. Ngài trụ thế một thời gian và nhập Niết-bàn. Trước khi sắp nhập Niết-bàn, ngài thị hiện các loại thần thông để giáo hóa cho đàn-việt. Thân bay lên hư không phun ra lửa và nước, hiện

từ phía Đông biển ở phía Tây, hiện phía Tây biển phía Đông, hiện phía Nam biển phía Bắc, hiện phía Bắc biển phía Nam, năm ngôi biển hiện các cách trên hư không. Toàn gia đình kia thấy được thần thông biến hiện của ngài. Rồi từ trên hư không ngài hạ xuống vào trong gia đình kia, ông trưởng giả thấy như vậy tâm càng hoan hỷ. Bấy giờ người con gái kia hối hận tự trách: “Xin ngài tha thứ! Con trước đây do tâm xấu ác, tội lỗi sâu dày mong ngài đừng để tâm những lỗi lầm của con.” Vị Bích-chi-phật cũng thuận theo sự ăn năn, sám hối của cô ta.

Đức Phật khai thị cho nhà vua:

– Cô gái lúc bấy giờ nay chính là con gái của đại vương, do tâm bất thiện xấu ác, hủy báng bậc Hiền thánh Bích-chi-phật, tạo những lỗi lầm về khẩu nghiệp từ đó đến nay thường chịu thân hình xấu xí. Sau này cô ấy tự mình ăn năn sám hối nên có sự biến đổi nhiệm mầu thân hình đoan chính, trí tuệ siêu quần, không ai hơn được. Do nhân duyên cúng dường Bích-chi-phật đời đời được phú quý chúng đắc giải thoát.

Như vậy, này đại vương, tất cả các loại hữu tình chúng sinh cần phải thủ hộ thân và miệng chớ nên nói dối, làm những điều sai trái, khinh khi, mắng chửi người khác.

Bấy giờ vua Ba-tư-nặc và các vị quần thần, cùng tất cả đại chúng sau khi nghe Đức Phật giảng

thuyết về nhân duyên, quả báo, tất cả đều phát khởi lòng tin và sinh tâm cung kính, tự mình cảm ứng trước Phật, từ niềm tin đó mà chứng đắc từ Sơ quả đến quả vị thứ tư và có người phát tâm vô thượng bình đẳng và cũng có người an trú vào Bất thoái chuyển. Mọi người ai cũng đều khát ngưỡng, cung kính tôn thờ và phụng hành các giáo huấn của Đức Phật.



Phẩm 9: NHÂN DUYÊN KIM TÀI

Tôi nghe như thế này:

— Một thời Đức Phật trú tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ, cùng với các đệ tử lớn một ngàn hai trăm năm mươi vị.

Bấy giờ, trong thành có hai vợ chồng trưởng giả sinh một cậu con trai, đặt tên là Kim Tài. Cậu bé sinh ra khôi ngô tuấn tú, trên đời rất hiếm. Nhưng cậu bé khi sinh ra đời hai nắm tay nắm chặt, cha mẹ lo sợ cho là điều không tốt liền mở hai nắm tay ra thấy nắm hai đồng tiền vàng, lại cho là điềm tốt lành. Cha mẹ vui mừng liền nhặt lấy tiền vàng, vừa nhặt hai đồng này thì hai đồng khác lại hiện ra, rồi lại nhặt, cứ thế nhặt cất đến nỗi tiền vàng đầy cả kho tàng mà trong hai nắm tay của cậu bé còn nắm hai đồng tiền vàng không dứt.

Đến khi Kim Tài trưởng thành, thừa với cha mẹ

cầu xin xuất gia, cha mẹ đồng ý, cho phép xuất gia. Kim Tài đến chỗ Phật cúi đầu đánh lễ và bạch Phật.

– Bạch Đức Thế Tôn, xin Ngài thương xót cho con xuất gia và nhận con vào đạo.

Đức Phật chấp nhận cho Kim Tài xuất gia. Sau khi Đức Phật chấp nhận, Kim Tài liền cạo đầu, mặc áo ca-sa và thành vị Sa-di. Đến khi tuổi đủ để thọ đại giới, Kim Tài xin phép chúng Tăng để được thọ giới Cụ túc, khi chúng Tăng đang đàn truyền giới, Kim Tài đối trước từng Giới sư làm lễ, khi lạy xuống hai lòng tay giáp xuống mặt đất để lạy thì ở đó bày ra hai đồng tiền, như vậy lần lượt lễ bái, bất cứ chỗ nào mà Kim Tài đã lạy xuống thì ở chỗ đó xuất hiện hai đồng tiền. Thọ giới xong, thầy tinh tấn tu tập, sau đó đắc được đạo quả A-la-hán.

Ngài A-nan hỏi Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, Tỳ-kheo Kim Tài này nguồn gốc tạo phước đức gì mà từ khi sinh ra đến nay, trong tay luôn nắm đồng tiền. Xin Đức Thế Tôn khai thị cho chúng con.

Đức Phật bảo A-nan:

– Hãy khéo nghe, Ta sẽ giải thích về điều đó.

A-nan đáp:

– Chúng con đang muốn nghe lời Đức Phật dạy.

Đức Phật dạy:

– Vào thời quá khứ cách đây chín mươi một

kiếp, có Đức Phật hiệu là Tỳ-bà-thi xuất hiện trong đời đem chánh pháp giáo hóa để độ thoát cho chúng sinh không thể kể hết. Một hôm Đức Phật cùng chúng Tăng đi du hóa trong nước, có các gia đình trưởng giả giàu có thiết trai cúng dường Đức Phật và chúng đệ tử. Lúc đó có một người rất nghèo chẳng có một chút của cải, hàng ngày ở nơi đầm hoang hái củi bán kiếm sống, gặp lúc kiếm củi bán được hai đồng thì thấy Phật cùng chúng Tăng đang đi đến chỗ nhà vua mời. Thấy hình bóng chư Tăng, tâm chàng rất cung kính và hoan hỷ liền đem hai đồng tiền kiếm được cúng dường lên Đức Phật và chúng Tăng. Đức Phật hết sức cảm động và nhận lấy.

Đức Phật dạy A-nan:

– Người bạn cùng lúc đó đem hai đồng tiền cúng dường Phật và chúng Tăng, suốt chín mươi một kiếp đến nay luôn cầm tiền vàng, tài bảo vô số không cùng tận. Người nghèo hời đó, nay là Tỳ-kheo Kim Tài vậy.

Ngày nay vị ấy mà chưa đắc đạo thì quả báo ở đời vị lai cũng nhiều vô số như vậy. Vì vậy, này A-nan, tất cả chúng sinh đều lấy sự siêng năng bố thí cúng dường làm sự nghiệp.

Lúc bấy giờ ngài A-nan cùng đại chúng nghe Đức Phật dạy tất cả đều tin hiểu, có người đắc quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán,

hoặc có người phát tâm Vô thượng chánh chân và cũng có người an trú địa vị Bất thoái. Tất cả chúng hội nghe Phật thuyết xong đều hoan hỷ phụng hành.



Phẩm 10: NHÂN DUYÊN HOA THIÊN

Tôi nghe như thế này:

Một thời Đức Phật trú tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ cùng đại chúng Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị.

Bấy giờ trong nước có một vị trưởng giả rất giàu có sinh một người con trai, mặt mày khôi ngô tuấn tú, khi cậu bé ra đời, tự nhiên trời hiện mưa hoa rơi đầy trong nhà, nhân đó đặt tên cho cậu bé là Phát-ba-đề-bà (*đời Tán dịch là Hoa Thiên*). Đến khi cậu bé trưởng thành, chàng đi đến chỗ Đức Phật, thấy tướng hảo của Đức Phật không gì sánh bằng, tâm rất hoan hỷ, liền nghĩ: “Ta sinh ra gặp được Thánh nhân. Nay ta quyết định cung thỉnh Phật cùng chư Tăng.” Chàng bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, con xin thỉnh Thế Tôn cùng chư Tăng ngày mai hoan hỷ đến nhà con thọ trai.

Đức Phật biết được căn duyên, phước đức của Hoa Thiên nên Ngài chấp nhận lời mời. Hoa Thiên trở về nhà lo chuẩn bị cho buổi cúng dường vào

ngày mai. Đến giờ thọ thực Đức Phật và chúng Tăng đến nhà của Hoa Thiên, bỗng nhiên trong nhà hóa hiện những tòa ngời vô cùng trang nghiêm, thiên vị. Đức Phật và chúng Tăng đến và ngồi trên những tòa đó. Hoa Thiên chuẩn bị các món ăn thì do năng lực phước đức các món ăn tự nhiên bày biện đầy đủ. Đức Phật và chúng Tăng cất bát, Ngài giảng rộng về các pháp cho Hoa Thiên và cả nhà đều nghe và đều chứng đắc Tu-đà-hoàn.

Sau đó Hoa Thiên xin phép cha mẹ từ biệt để đi xuất gia làm đệ tử của Đức Phật. Cha mẹ cho phép, Hoa Thiên đến chỗ Phật, đánh lễ ngang chân Phật, cầu xin làm Tỳ-kheo và nghe theo giáo giới của Phật. Phật chấp nhận và nói:

– Thiện lai Tỳ-kheo.

Tự nhiên râu tóc của Hoan Thiên tự rụng, thân mặc áo ca-sa thành vị Sa-môn và tuân theo, tu tập lời giáo huấn của Đức Phật, sau một thời gian chứng được quả A-la-hán.

Ngài A-nan thấy rõ sự việc vừa qua như vậy, liền đến Đức Phật và thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn, Tỳ-kheo Hoa Thiên này nguyên do đời trước tạo phước đức gì mà nay tự nhiên hóa hiện được tòa ngời và thức ăn để cúng dường Đức Phật. Xin Ngài từ bi xua tan mọi nghi ngờ cho chúng con.

Đức Phật dạy A-nan:

– Ông muốn biết thì hãy lắng nghe cho kỹ.

Trong quá khứ có Đức Phật hiệu là Tỳ-bà-thi ra đời để độ thoát chúng sinh, vào mỗi buổi sáng chúng Tăng vào làng khát thực ngang qua các gia đình giàu có đều được cúng dường. Trong làng đó có một người rất nghèo khó không có tiền của, khi thấy chư Tăng trong lòng ông hết sức hoan hỷ nhưng rất ân hận vì không có gì để cúng dường cả. Ông ta vào chốn đầm hoang hái những cành hoa dại đem cúng dường cho chúng Tăng hết lòng cung kính, đánh lễ rồi đi.

Đức Phật dạy A-nan:

– Người nghèo khó chia hoa cúng dường cho chư Tăng thời đó nay chính là Tỳ-kheo Hoa Thiên này. Do trong quá khứ có niềm tin và cung kính Phật và chúng Tăng hái hoa cúng dường hết lòng cầu nguyện, cho nên trong chín mươi một kiếp vừa qua tái sinh bất cứ nơi nào thân thể đều được đoan trang, ý muốn gì cũng toại nguyện, thức ăn, giường tọa, đồ dùng muốn có, đều tự nhiên đến đầy đủ. Do nhân duyên phước đức đó mà chúng đắc được đạo quả.

Này A-nan, đối với tất cả chúng sinh chớ khinh việc nhỏ thí nhỏ cho là không mang lại phước đức. Cũng như Hoa Thiên, nay được như vậy thì tự biết.

Bây giờ ngài A-nan và tất cả đại chúng nghe Đức Phật giảng thuyết như vậy đều hoan hỷ phụng

hành.



Phẩm 11: NHÂN DUYÊN BẢO THIÊN

Tôi nghe như thế này:

Một thời Đức Phật trú tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Lúc bấy giờ có một trưởng giả sinh được một người con trai, khi sinh ra trời mưa xuống bảy loại hoa báu rơi khắp trong ngoài nhà. Trưởng giả liền mời một tướng sư để đoán sự việc vừa xảy ra đối với hài nhi. Tướng sư xem xong thấy tướng của hài nhi hết sức đặc thù, liền nói cho trưởng giả nghe về điều đó. Sau khi nghe như vậy, lòng của trưởng giả vô cùng hoan hỷ, trưởng giả hỏi tướng sư về việc đặt tên. Tướng sư hỏi:

– Khi sinh ra có tướng lành gì xuất hiện?

Trưởng giả đáp:

– Khi sinh ra có mưa hoa trời bảy báu rải xuống cùng khắp nhà cửa.

Tướng sư đáp:

– Phước đức của hài nhi này như vậy nên đặt tên là Lạc-na-đề-bà (*đời Tấn dịch là Bảo Thiên*).

Đến khi tuổi đã trưởng thành, tất cả các môn nghệ thuật tài hoa chàng trai đều thông thái, bác lãm. Nghe oai đức phi thường của Đức Phật, lòng chàng rất ngưỡng mộ, ý muốn xuất gia, xin phép

từ biệt cha mẹ đi đến chỗ Phật làm lễ và bạch:

– Bạch Đức Thế Tôn, xin Ngài cho phép con được xuất gia. Đức Phật chấp nhận và gọi: “Thiện lai Tỳ-kheo!” Râu tóc chàng tự rụng, thân mặc pháp y. Sau đó Đức Phật thuyết pháp cho Bảo Thiên nghe, nghe xong chàng chứng được quả A-la-hán.

Ngài A-nan Bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, con không rõ Tỳ-kheo Bảo Thiên này, trước do tạo phước đức gì mà khi vừa mới sinh ra trời mưa hoa xuống, y phục và vật thực tự nhiên đầy đủ không có thiếu thốn.

Đức Phật dạy A-nan:

– Vào thời quá khứ có Đức Phật Tỳ-bà-thi ra đời để cứu độ chúng sinh không thể tính hết. Bấy giờ chúng Tăng vào trong thôn xóm để khát thực, các cư sĩ cùng nhau mời thỉnh cúng dường đủ loại. Trong khi đó có một người nghèo trong lòng rất thích thú nhưng không có bất cứ một vật gì để cúng dường chư Tăng, người nghèo khổ đó lấy một mảnh đá cúng dường chư Tăng và phát nguyện lớn.

Đức Phật dạy A-nan:

– Người nghèo cúng dường cho chúng Tăng khi ấy, nay là Tỳ-kheo Bảo Thiên. Do lòng có niềm tin và cung kính chư Tăng và lấy mảnh đá để cúng dường, nên vị ấy trong chín mươi một kiếp đến nay nhận được phước đức vô lượng, tài bảo rất nhiều,

y phục và vật thực không thiếu đều do lúc đó phát khởi niềm tin và cung kính chư Tăng. Nay vị ấy sinh ra đời gặp Ta và chứng được đạo quả.

Bây giờ, trong hội chúng nghe Phật giảng thuyết xong, tất cả đều sinh tín tâm, có người chứng đắc Sơ quả, cho đến Tứ quả; có người an trú quả vị Bất thoái. Tất cả đại chúng nghe xong đều hoan hỷ phụng hành.



Phẩm 12: SẠN-ĐỀ-BA-LÊ

Tôi nghe như thế này:

Một thời Đức Thế Tôn trú trong rừng Trúc, tại La-duyet-kỳ.

Lúc Thế Tôn mới đắc đạo, Ngài hóa độ cho anh em A-nhã Kiều-trần-như... rồi sau đó hóa độ cho anh em Uất-tỳ-la Ca-diếp một ngàn người. Sự hóa độ càng rộng rãi, chúng giải thoát ngày càng đông. Vào lúc đó nhân dân ở thành La-duyet-kỳ ai cũng hân hoan vô cùng, không có ai mà không ca ngợi sự ra đời của Như Lai rất là đặc biệt, nhiều loại chúng sinh nhờ ân đức của Ngài mà được giải thoát. Lại khen ngợi anh em Kiều-trần-như, Uất-tỳ-la Ca-diếp và các Đại đức Tỳ-kheo do có nhân duyên gì với Đức Phật trong đời trước mà nay tiếng trống pháp vừa gióng lên thì được ưu tiên nghe trước và được nếm trước pháp vị cam lộ.

Khi các Tỳ-kheo nghe nhân dân trong thành khen ngợi như vậy liền đem sự việc này bạch lại với Đức Thế Tôn. Đức Phật dạy:

– Trong quá khứ Ta cùng với những nhóm người này đã phát lời thệ nguyện lớn là khi Ta thành đạo, trước hết độ cho những nhóm người này.

Các Tỳ-kheo nghe xong, lại hỏi Đức Phật:

– Những lời thệ nguyện lớn trong quá khứ đó là gì? Cúi mong Đức Thế Tôn thương xót giải thích cho chúng con.

Đức Phật dạy các Tỳ-kheo:

– Hãy lắng nghe và khéo tư duy! Trong quá khứ lâu xa vô lượng vô biên a-tăng-kỳ kiếp không thể tính được, ở cõi Diêm-phù-đề này có một nước lớn gọi là Ba-la-nại, vua của nước này tên là Ca-lê.

Bấy giờ, trong nước có một vị đại Tiên tên là Sạn-đề-ba-lê và năm trăm đệ tử, ở cõi sơn lâm tu hành nhẫn nhục. Một hôm vua, quần thần, phu nhân cùng các thê nữ đi dạo chơi trong núi rừng, vua dừng lại nghỉ mệt, các thê nữ tiếp tục đi xem các rừng hoa thì thấy Sạn-đề-ba-lê đang tĩnh tọa tư duy, trong lòng sinh tâm cung kính, liền nhặt các loại hoa rải trên thân để cúng dường ngài, rồi ngồi trước ngài để nghe pháp. Nhà vua nghe tiếng vọng lại mà không thấy các thê nữ và bốn vị đại thần, vua liền đi tìm, thấy họ đang ngồi quanh vị đại Tiên

đề nghe pháp. Vua tiến đến hỏi:

– Ông đã chứng đắc Tứ không định chưa?

Vị Tiên đáp:

– Thừa chưa.

Vua lại hỏi:

– Đã chứng đắc Tứ vô lượng tâm chưa?

Tiên nhân thưa:

– Thừa chưa.

Vua lại hỏi:

– Đã đắc Tứ thiên chưa?

Vị ấy cũng đáp:

– Thừa chưa.

Nhà vua tức giận quát:

– Từng ấy công đức mà người nói chưa được thì như phạm phu, vậy mà cùng ngồi chung với những người con gái này ở nơi vắng vẻ làm sao mà tin được?

Vua lại hỏi tiếp:

– Người là người thế nào, tu hành ra sao?

Vị Tiên đáp:

– Tôi tu hạnh nhẫn nhục.

Vua liền rút kiếm ra, nói:

– Nếu người tu hạnh nhẫn nhục, ta muốn thử người xem khả năng nhẫn nhục của người thế nào?

Nhà vua chém lìa hai cánh tay vị Tiên, rồi hỏi:

– Người vẫn nhẫn nhục chứ?

Vua chém tiếp hai chân, rồi lại hỏi như thế.

Tiên nhân vẫn nói:

– Tôi tu nhân nhục.

Vua lần lượt cắt tai, cắt mũi, Tiên nhân vẫn ngồi yên, sắc mặt không biến đổi và vẫn nói:

– Tôi tu nhân nhục.

Lúc ấy trời đất đều chấn động theo sáu cách, Tiên nhân và năm trăm đệ tử bay lên hư không. Các vị đệ tử hỏi:

– Thầy bị các khổ hành hạ như vậy mà tâm nhân nhục vẫn không dao động.

Vị thầy đáp:

– Ta giữ tâm không biến đổi.

Vua hết sức ngạc nhiên hỏi:

– Người bảo là nhân nhục, lấy cái gì làm bằng chứng?

Tiên nhân đáp:

– Nếu sự nhân nhục của tôi là chân thật, chí thành không hư dối thì máu huyết của tôi sẽ biến thành sữa, thân của tôi sẽ hoàn lại giống như cũ.

Vừa mới nói xong, máu biến thành sữa, thân thể hồi phục lại như cũ. Vua nhận ra chứng cứ của sự tu nhân, trong lòng liền bồi hồi lo sợ, tự trách:

– Ta thật không có đầu óc, lại hủy nhục bậc Đại tiên. Xin ngài thương xót, nhận sự ăn năn sám hối của tôi.

Tiên nhân dạy:

– Người vì nữ sắc, dùng đao mà cắt thân hình của ta, ta vẫn nhẫn nhục như đất. Sau này ta thành Phật trước hết sẽ dùng đao trí tuệ để đoạn trừ ba độc của người.

Bấy giờ trong núi có các Rồng, Quỷ, Thần thấy vua Ca-lê làm hại vị Tiên nhẫn nhục tất cả đều sầu thương áo não định nổi mây mưa, sấm sét vang rền làm hại nhà vua và quyền thuộc của vua. Vị Tiên ngửa mặt lên trời nói:

– Nếu các vị vì tôi thì xin đừng làm hại vua nước Ca-lê.

Sau khi nhà vua xin sám hối thường cung thỉnh Tiên nhân đến cung điện để cúng dường. Khi đó có vị Phạm chí và một ngàn đồ chúng thấy vua cung kính thiết đãi Sạn-đề-ba-lê trong lòng đồ kỵ cho người lấy bụi đất, phân làm dơ chỗ của đại Tiên, Tiên nhân thấy sự việc như vậy, liền phát lời nguyện:

– Tôi tu hạnh nhẫn nhục để độ cho quần sinh, nguyện thực hành liên tục để cầu thành Phật, thành Phật đạo rồi trước hết tôi dùng nước chánh pháp để rửa sạch những bụi trần cấu uế cho họ được thanh tịnh.

Đức Phật dạy các Tỳ-kheo:

– Sạn-đề-ba-lê lúc đó nay chính là Ta. Vua Ca-lê và bốn vị đại thần là năm anh em Kiều-trần-như,

một ngàn vị Phạm chí chính là Uất-tỳ-la và ngàn vị Tỳ-kheo. Lúc đó Ta là người lập nguyện tu nhân nhục, trước hết nhằm để tự độ thoát cho nên khi thành đạo Ta độ cho tất cả thoát khỏi khổ đau.

Các vị Tỳ-kheo nghe Đức Phật dạy xong đều khen ngợi là chưa từng có và tất cả đều hoan hỷ phụng hành.



Phẩm 13: VUA TỪ LỰC HIỂN MÁU

Tôi nghe như thế này:

Một thời Đức Phật trú tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ Tôn giả A-nan, sau khi thọ trai xong, vào trong rừng tọa thiền, tự mình khởi lên tư duy: “Như Lai ra đời thật là đặc biệt tất cả các loại chúng sinh đều được nương nhờ ân đức mà được an lạc.” Lại suy nghĩ: “Năm Tỳ-kheo anh em Kiều-trần-như nhờ thiện căn gì, nương nhân duyên gì mà cửa pháp vừa mới khai mở đã được vào trước tiên, trống pháp vừa gióng liền được nghe, nước mưa cam lộ vừa tuôn xuống liền được thấm nhuần?” Sau khi tư duy như vậy, ngài xả thiền đứng dậy đi đến chỗ Phật đem hết tất cả những điều suy nghĩ trình bày với Phật.

Đức Phật dạy:

– Năm anh em Kiều-trần-như trong tiền kiếp

thật có nhân duyên với Ta. Trong kiếp quá khứ Ta lấy máu trong thân đem hiến cho họ khỏi cơn đói khát, được sự an ổn. Cho nên ngày nay họ được nghe pháp và được giải thoát trước.

Ngài A-nan lại bạch Phật:

– Trong quá khứ Ngài đã hiến máu để cứu đói cho những vị kia, sự việc ấy như thế nào, xin Ngài dạy thêm cho đầy đủ để hội chúng hiểu được rõ ràng hơn.

Đức Phật dạy tiếp:

– Trong a-tăng-kỳ kiếp quá khứ lâu xa về trước, ở cõi Diêm-phù-đề này có một vị vua nước lớn tên là Di-khư-la-bạt-la (*đời Tấn dịch là Từ Lực*) cai trị tám mươi bốn ngàn nước nhỏ trong cõi Diêm-phù-đề, có hai vạn phu nhân, một vạn đại thần. Nhà vua có lòng Từ thực hành đầy đủ Tứ vô lượng tâm, luôn thương xót tất cả chúng sinh chưa từng giải đãi thường đem mười điều thiện mà giáo hóa nhân dân. Bốn phương đều khâm phục và mến mộ phương pháp cai trị của vua. Nhân dân trong nước được an lạc, tất cả đều hưởng được thái bình.

Bấy giờ có loài dịch quỷ thường hay hút khí huyết của người để sống. Biết vậy, trong dân chúng tất cả đều thu nhiếp thân, khẩu, ý, thực hành theo mười điều lành. Nhờ vậy, loại dịch quỷ không dám xâm phạm vào, nên chúng đói khát khôn khổ, tiêu tụy kiệt lực. Sau đó năm quỷ Dạ-xoa đi đến chỗ vua

tự xưng là cùng loại và thừa:

– Chúng tôi chỉ hút khí huyết của người để bảo toàn thân mạng. Nay vì vua hướng dẫn giữ mười điều thiện, nên chúng tôi không có cái để ăn uống, đói khát khôn đốn, tuyệt con đường sống. Đại vương hành hạnh Từ bi thật không thương xót chúng tôi sao!

Vua nghe trong lòng thấy thương, mở đường mạch chính năm chỗ, năm quỷ Dạ-xoa lấy năm cái tô hứng máu để uống. Nhờ ân của vua, năm quỷ Dạ-xoa uống được no nê vui sướng vô cùng.

Sau đó nhà vua khuyên:

– Các người đều đã được no đủ, cần ghi nhớ và tu tập mười điều thiện. Ta nay lấy máu trong thân giúp các người qua cơn đói khát để được an ổn. Sau này khi thành Phật, ta lấy pháp thân và máu Giới, Định, Tuệ để diệt trừ ba độc, các sự ham muốn đói khát của các người nhằm để an trú vào nơi an ổn Niết-bàn.

Này A-nan, ông nên biết vua Từ Lực lúc bấy giờ chính là Ta, năm quỷ Dạ-xoa chính là năm Tỷ-kheo anh em Kiều-trần-như. Ta nguyện đời đời độ cho họ trước, nên Ta mới thuyết pháp họ nghe liền được giải thoát.

Ngài A-nan và hội chúng nghe Đức Phật dạy xong, càng tăng thêm lòng tôn kính, đều hoan hỷ phụng hành.



Phẩm 14: HÀNG PHỤC LỤC SƯ

Tôi nghe như thế này:

Một thời Đức Phật trú tại vườn Trúc, thành Vương xá, cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo.

Bấy giờ vua Bình-sa chứng được Sơ quả nên đức tin và sự cung kính tăng lên bội phần. Vua thường sắm bốn loại tốt nhất là thuốc thang, y phục, giường nằm và đồ ẩm thực để cúng dường Phật và chúng Tăng. Vua hoan hỷ với người làm việc thiện và tích cực khuyến khích người tu. Trong nước bấy giờ có nhóm Lục sư như Phú-lan-na... ra đời trước Đức Phật, chủ trương tà kiến và thuyết điên đảo nhằm lừa dối và mê hoặc nhân dân và tín đồ. Mọi người tin theo tà giáo đó rất đông, kết bè kết đảng xấu ác cùng khắp. Vua có người em tôn kính và phụng thờ nhóm Lục sư, mê hoặc theo thuyết tà kiến điên đảo đó, cho là chánh đạo đem tài sản dâng cúng cho họ đến nỗi gia đình kiệt quệ.

Ngày Đức Phật mới ra đời, ánh sáng trí tuệ soi chiếu cùng khắp, tự nhiên cứu vớt tất cả những ai chìm đắm trong lưới mê. Vương huynh Bình-sa rất thương em, ân cần khéo léo làm cho người em hiểu rõ và khuyên tôn thờ Đức Phật. Người em vẫn mê

theo lý thuyết tà kiến không nghe theo lời khuyên bảo của vương huynh, cứ mỗi lần vua sai người em mời Phật cúng dường, người em thưa:

– Tôi đã có thầy, không thể nào lại bỏ thầy mình mà tôn thờ Cù-đàm.

Sau đó nhà vua đưa ra một điều kiện chung không ai được làm trái là chúng ta thiết lập một đại hội không hạn chế số người dự đến. Nếu nhóm nào tự đến ta sẽ mời cùng thọ thực. Sau khi chấp nhận như vậy rồi, vua cho người bày biện đủ các thứ cúng dường, sắm sửa tòa ngồi, sự việc đâu vào đấy. Người em cho người mời nhóm đồ chúng của Lục sư đến tập hợp đầy đủ ngồi vào vị trí hàng trên.

Điều lạ là Đức Phật và chúng Tăng chưa đến. Người em liền thưa với vua, hôm trước đã cho người mời thỉnh ông Cù-đàm rồi, nay đã thiết lập đại hội, ngày giờ đã đến mà sao không thấy họ đến tham dự. Vua nói với người em:

– Nếu em không tự mình đến thỉnh được thì có thể cho một người đến bạch với Phật là đã đúng giờ.

Người em vâng lệnh cho người đến báo là đã đúng giờ. Khi ấy Đức Phật và đại chúng đi đến đại hội. Thấy các nhóm Lục sư ngồi trước đâu đó vào hàng trên, Đức Phật và chúng Tăng kế tiếp lần lượt mà ngồi. Sau đó Đức Phật vận thần thông làm cho nhóm Lục sư và đồ chúng của họ bỗng nhiên

xuống hàng dưới cùng, nhóm Lục sư lấy làm hổ thẹn cùng đứng dậy kéo nhau lên hàng trên, vừa mới ngồi yên lại thấy mình tự nhiên bị kéo xuống hàng dưới. Lên xuống ba lần như vậy rồi rốt cục cũng thấy mình ngồi ở hàng dưới cùng, nhóm Lục sư cảm thấy bất lực rồi gắng gượng mà ngồi. Đến lượt thí chủ dâng nước, theo lệ đến dâng hàng trên trước, Đức Phật bảo với thí chủ nên dâng cho thầy của người trước, thí chủ đem bình đến trước thầy họ, muốn rót nhưng nắp bình không mở ra được và nước không chảy ra được. Trở lại trước Đức Phật, lần lượt tiếp theo, rót nước ra dâng Phật rửa tay, rồi nói lời chú nguyện.

Dâng nước xong, đến lượt dâng cơm, thí chủ cũng đem dâng cho hàng trên trước, Đức Phật nói:

— Bữa trai phạn hôm nay vốn không phải cho Ta, nên đem dâng cho thầy ông trước để thầy ông chú nguyện cho.

Nghe xong vị ấy liền đem xuống cho nhóm Lục sư, vừa mới mở miệng liền bị cấm khẩu không nói ra lời, tất cả đều chỉ về phía Đức Phật. Đức Phật liền chú nguyện bằng Phạm âm. Sau khi nói lời chú nguyện xong đến lượt ăn cơm, theo thứ tự đem vật thực lên hàng trên trước. Đức Phật nói:

— Nên đem cho thầy các người trước.

Họ liền đem vật thực cho nhóm Lục sư, vừa trao bỗng nhiên vật thực bay lên trên không trung,

không thể nhận lấy được. Sau khi dâng vật thực cho Đức Phật và chúng Tăng xong, vật thực của nhóm Lục sư mới rơi xuống và nhận được. Đức Phật và chúng Tăng thọ thực xong, uống nước, ngồi nghỉ.

Đến khi thuyết pháp, Đức Phật nói:

– Nên mời thầy của các người thuyết pháp trước.

Họ liền mời thầy của họ thuyết pháp, nhưng nhóm Lục sư đều bị cấm khẩu không nói ra lời được, liền đưa tay gợi ý mời Đức Phật thuyết. Khi ấy Đức Phật thuyết rộng rãi cho toàn hội chúng nghe bằng những lời nhu nhuyến, diễn nói về pháp tánh, phân biệt nghĩa lý, thích hợp với căn cơ của mọi người. Sau khi nghe Đức Phật thuyết pháp xong, tất cả ai cũng được mở rộng tri thức hiểu biết. Em của Bình-sa vương chứng được pháp nhãn thanh tịnh. Có một số người trong hội chúng đắc từ Sơ quả cho đến đệ Tam quả, có người xuất gia đoạn trừ hết các lậu phát tâm vô thượng, an trú địa vị Bất thoái, tùy theo tâm nguyện mà đạt được. Tất cả mọi người đều hiểu rõ được sự thật, phát khởi niềm tin, tôn kính Tam bảo. Nhóm Lục sư đáng khinh và thấp kém đó bị bỏ rơi và không nhận được sự cúng dường nữa.

Lúc ấy, trong lòng nhóm Lục sư ôm sự buồn rầu và giận dữ đều tìm nơi thanh vắng để cầu học

những xảo thuật. Ma Ba-tần lo sợ mọi người xa lánh, không được lưu truyền rộng rãi những chước độc hại, tà kiến xấu ác liền hóa hình thành nhóm Lục sư. Một người ở trước, năm người hiện các pháp thuật bay lên không trung, trong thân phát ra lửa nước, thân thể phân ra nhiều mảnh, biến hiện hàng trăm cách. Đồ chúng của đám ngu si kia nường cậy vào đó hờn giận nổi nhục nhã trước kia làm mất sự cúng dường. Nhóm Lục sư hội họp lại cùng nhau đưa ra ý kiến:

– Kỹ năng của anh em chúng ta không thua gì Cù-đàm. Hôm trước chúng ta bị nhục, mọi người ly tán, nay thần thông pháp thuật do thầy chúng ta truyền lại xem ra lợi hại vô cùng đủ sức đề tỷ thí với vị Sa-môn Cù-đàm ấy. Nên đến chỗ vua để phân rõ thắng bại. Sau khi suy nghĩ và đi đến quyết định, họ cùng đi đến chỗ vua trình bày về những trí năng, thần thông, biến hóa, linh hoạt của họ và muốn đo sức cùng Sa-môn để mọi người biết đến sự thần biến kỳ diệu của họ, sau khi giao chiến xong sẽ rõ ai là cao siêu tài năng. Nhà vua mỉm cười và nói:

– Các người thật là khờ dại, oai đức của Đức Phật rất vĩ đại, thần túc vô ngại. Các người đem đốm lửa mà so với ánh sáng mặt trời, một vệt nước của dấu chân trâu làm sao mà so với biển cả, loài dã can mà so với sư tử, ổ kiến mà sánh với núi Tu-di. Lớn nhỏ rõ ràng có khác, thấp kém mà muốn

vươn cao, sao mà khờ dại quá vậy?

Lục sư lại nói:

– Mọi việc cần phải thử nghiệm sau đó mới biết, đại vương chưa thấy được thần biến đặc thù của anh em chúng tôi mà ngài cứ có ý thiên vị hướng về vị Sa-môn đó cho là to lớn, chúng tôi quyết định tử thí rồi sau đó ai hay ai dở tức khắc sẽ rõ.

Vua nói:

– Muốn đấu cứ đấu, chỉ sợ các người chuốc lấy nhục nhã mà thôi. Chẳng phải các người đã tử thí thần túc cùng với Phật. Lục sư nói:

– Nay chúng tôi mới đầy đủ tất cả những phép biến hóa dị thường, trong thời gian bảy ngày xin đại vương cho sửa sang lại trường đấu thí.

Sau khi nhóm Lục sư đi rồi, nhà vua chuẩn bị xa giá đi đến Đức Phật và đem sự việc trình bày:

– Nhóm Lục sư phiền hà quá, muốn thi thần thông cùng với Ngài. Con đã dùng lý lẽ phải trái, trách mắng đủ điều nhưng cứ chứng nào tật nấy không bỏ. Cúi xin Đức Thế Tôn hiển hiện thần lực để giáo hóa điều phục nhóm Lục sư tà ác đó trở về với chân chánh và nhân đó chúng con được chiêm ngưỡng sự thần biến của Đức Thế Tôn.

Đức Phật dạy vua Bình-sa:

– Ta biết sự việc cần phải giải quyết như thế nào!

Vua Bình-sa biết Đức Phật có thể biểu diễn thần thông, liền ra lệnh cho quần thần sửa soạn thí trường bằng phẳng rộng rãi, cho sắp xếp chỗ ngồi và treo cờ dựng phướn, trang hoàng mọi thứ hài hòa đẹp đẽ. Đến ngày khai hội, tất cả mọi người đều mong ngóng Đức Phật. Khi ấy Đức Phật cùng Tăng chúng từ Vương xá đi đến Tỳ-xá-ly, nhóm của ông Luật Xương cùng nhân dân ra nghênh tiếp. Sau một ngày mọi người đi kiếm Đức Phật nhưng không thấy, hỏi ra mới biết Ngài đã đến Tỳ-xá-ly. Nhóm Lục sư cao tiếng nói:

– Ta đã biết từ lâu Cù-đàm trí tuệ và pháp thuật yếu kém. Vậy mà mọi người cứ do dự không tin vào lời ta nói. Đến giờ thi đấu tự thấy mình không đủ sức liền tìm cách đào tẩu đến Tỳ-xá-ly.

Nhóm Lục sư lòng công cao sôi sục, cùng nói với nhau:

– Chúng ta phải truy đuổi đến cùng.

Bảy giờ Bình-sa vương cho chuẩn bị đầy đủ các lễ vật cúng dường, năm trăm cỗ xe, vua và mười bốn ức quần thần lo đầy đủ lương thực, trước sau hướng đến Tỳ-xá-ly nơi Phật đang trú ngụ mà đi, Lục sư cũng đi đến đó, rồi thưa với các vị Luật Xương:

– Chúng tôi đến đây để báo cho ông Cù-đàm biết là sau bảy ngày chúng tôi sẽ tỷ thí thần thông và đàm luận về thật tánh.

Luật Xương đến bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, nhóm Lục sư quá si mê, tự cho mình có đạo lực muốn tỷ thí thần lực cùng Đức Như Lai. Cúi mong Đức Như Lai dùng thần lực để hàng phục bọn họ.

Đức Phật dạy:

– Điều ấy Ta tự biết.

Nhóm các Luật Xương cùng nhau loan báo cho các thần dân sửa soạn thí trường như vua Bình-sa. Tất cả mọi người ai cũng trông ngóng, mong đợi.

Vào sáng ngày mai, Đức Phật cùng Tăng chúng đến Câu-diệm-di. Vua Ưu-diên đem quan quân ra nghênh tiếp. Dân chúng ở Tỳ-xá-ly, sáng ngày mai hỏi về Đức Phật, biết rằng Ngài đã sang Câu-diệm-di. Nhóm Lục sư nghe như thế, tâm lại càng cố gắng tập hợp đồ chúng lại, bảo là phải theo đuổi đến cùng.

Nhóm các Luật Xương bày biện đầy đủ các lễ phẩm cúng dường, dùng năm trăm cỗ xe để chở cùng một chúng gồm bảy ức người và Bình-sa vương sang nước Câu-diệm-di để xem Đức Phật và Lục sư thí thố thần thông. Người, xe đầy đường chen chúc nhau mà đến. Nhóm Lục sư đến yết kiến vua Ưu-diên trình bày sự việc và thưa:

– Sa-môn Cù-đàm tự thấy mình không đủ khả năng liền bỏ chạy trốn. Không thể như vậy, nhà vua nhất định phải nói Sa-môn cùng tỷ thí với

chúng tôi.

Vua Ưu-diền đem những lời của Lục sư thưa lại với Phật và hỏi:

– Bạch Thế Tôn, Ngài có thi đấu không?

Đức Phật bảo:

– Việc ấy Ta biết cách để giải quyết.

Vua Ưu-diền rất mong Phật thi đấu tại nước mình, vua cho chuẩn bị trang hoàn đấu trường như cách của vua Bình-sa. Đến ngày thi đấu Đức Phật cùng chúng Tăng bỏ đi đến nước vua Việt-kỳ. Vua Chuân-chân-đà-la cùng với nhân dân trong nước nghênh tiếp Thế Tôn. Sáng hôm sau người Câu-diệm-di không thấy Phật, hỏi biết rằng Phật đã đi đến Việt-kỳ. Nhóm Lục sư tìm đuổi theo.

Khi ấy vua Ưu-diền cùng với tám ức người, vua Bình-sa và nhân dân các nước, cùng đi đến nước Việt-kỳ. Nhóm Lục sư yết kiến vua và trình bày ý kiến muốn tở thí thần thông với Đức Phật. Vua Chuân-chân-đà-la đem việc ấy bạch với Đức Phật. Đức Phật dạy:

– Việc ấy Ta biết cách để giải quyết.

Vua cũng cho chuẩn bị trang hoàng thí trường. Ngày hội sắp đến, Đức Phật và chúng Tăng sang nước Đặc-xoa-thi-lợi. Vua Nhân-đà-bà-di cùng với quan quân ra đón rước.

Vua Chuân-chân-đà-la cùng năm ức người, vua Bình-sa và nhân dân các nước, cũng đến nước Đặc-

xoa-thi-lợi, hướng đến chỗ Phật. Nhóm Lục sư đến yết kiến vua Nhân-đà-bà-di và nói những lời hết sức dối trá đại ngôn khoác lác muốn thi đấu thần thông cùng Cù-đàm. Vua Nhân-đà-bà-di đem sự việc bạch với Đức Phật. Đức Phật dạy:

– Việc ấy Ta biết cách để giải quyết.

Vua cũng cho trang hoàng thí trường. Đến ngày, Phật cùng Tăng chúng lại bỏ đi đến Ba-la-nại. Vua Phạm-ma-đạt và nhân dân đón tiếp Ngài. Nhân dân nước Đạc-xoa-thi-lợi sáng ngày mai biết Đức Phật đã ra đi. Nhóm Lục sư tìm dấu vết để đuổi theo.

Vua Nhân-đà-bà-di cùng sáu ức chúng, Bình-sa vương và nhân dân các nước tất cả đều đi theo. Nhóm Lục sư đến nơi cũng thưa với vua như những lời trước đây, vua đáp lại cũng như vậy. Vua đến bạch Đức Phật, Đức Phật cũng dạy:

– Việc ấy Ta biết cách tự giải quyết.

Vua ra lệnh trang hoàng trần thiết thí trường. Đến ngày, Đức Phật cùng chư Tỳ-kheo bỏ đi đến nước Ca-tỳ-la-vệ. Các người thuộc dòng họ Thích đốc suất mọi người nghênh tiếp Đức Phật. Dân chúng ở Ba-la-nại, sáng ngày mai đã biết rõ sự việc. Đồ chúng Lục sư tiếp tục theo đuổi.

Vua Phạm-ma-đạt cùng với tám ức người, vua Bình-sa cùng nhân dân sáu nước, trước sau kéo đến chỗ Phật. Khi nhóm Lục sư đến gặp những người

thuộc dòng họ Thích, nói những lời khoe khoang về khả năng huyền thuật của mình, rồi đòi thi thố thần thông với Cù-đàm. Các người dòng họ Thích đem sự việc đó bạch với Đức Phật. Đức Phật dạy:

– Việc ấy Ta đã có cách giải quyết.

Các người dòng họ Thích cho trang hoàng thí trường. Đến ngày thi đấu, Phật cùng chư Tăng lại sang nước Xá-vệ. Vua Ba-tư-nặc cùng với nhân dân ra nghênh tiếp. Sáng ngày mai, những người dòng họ Thích biết Phật đã đi, nhóm Lục sư đốc suất đồ chúng bám sát theo Ngài.

Những người dòng họ Thích ra lệnh cho chín ức người, vua Bình-sa cùng nhân dân các nước băng đèo lội suối đến nước Xá-vệ. Nhóm Lục sư đến vào yết kiến vua Ba-tư-nặc trình bày đầu đuôi câu chuyện muốn thi thố thần thông cùng Cù-đàm:

– Đến ngày thi đấu Cù-đàm lại bỏ trốn, không thể thất hứa như vậy. Nay chúng tôi cùng đại chúng theo đến chỗ quốc vương. Thưa đại vương, xin ngài hãy bảo ông ta ra thi thố cùng chúng tôi.

Vua Ba-tư-nặc cười mỉm và nói:

– Đức Phật thần thông biến hóa vô song, không thể nghĩ bàn. Các người thuộc hạng hèn mạt, thấp kém làm sao mà đem so với Bạc Đại Pháp Vương.

Nhóm Lục sư giận dữ hung hăng, xung khí bừng bừng. Vua Ba-tư-nặc đến bạch với Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, nhóm Lục sư quá ham

muốn thi thố, mong Ngài vận dụng thần lực để điều phục và giáo hóa họ và để cho tất cả nhân dân, các nhóm đồ chúng thấy rõ được thật hư thế nào.

Đức Phật dạy:

– Việc ấy Ta có cách để giải quyết.

Vua Ba-tư-nặc ra lệnh cho quan quân sửa sang thí trường, trang hoàng hương hoa, sắp đặt chỗ ngồi, treo cờ dựng phướn, mọi việc hoàn tất. Tất cả mọi người vân tập, vào ngày mùng một tháng mười hai, Đức Phật quang lâm thí trường. Vua Ba-tư-nặc, vào ngày đó lo sửa soạn vật thực cúng dường. Vào sáng sớm đích thân vua dâng cây tầm, Đức Phật xĩa răng xong liệng xuống đất. Vừa rơi xuống cây tầm đó liền mọc thành cây cối um tùm, cao năm trăm do-tuần cành lá sầm uất, chu vi cũng rộng như vậy. Rồi cây lại trở hoa lớn bằng bánh xe, sinh quả to bằng cái bình có dung tích bằng năm đấu lớn. Rễ cây, cành lá thuần bằng bảy báu rất nhiều màu sắc, ánh sáng chiếu ra màu sắc rất đẹp, tùy theo màu sắc mà phát ra ánh sáng lần át mặt trời, mặt trăng. Ai ăn trái này ngon hơn cam lộ. Khi hương tỏa khắp ai nghe được tâm đều hoan hỷ, hương bay đến đâu tất cả đến phần khởi vui tươi, cành lá đều phát ra âm thanh hòa nhã, diễn nói chánh pháp, người nghe không nhàm chán. Tất cả nhân dân thấy sự biến hóa của cây này mà phát khởi niềm tin và tôn kính Đức Phật, tâm càng thuần hậu. Khi đó Đức Phật thuyết giảng chánh pháp

thích hợp với căn cơ của từng người, tâm họ được khai mở tỏ rõ, dốc lòng mong cầu Phật đạo. Rất nhiều người đắc quả sinh Thiên.

Ngày thứ hai, vua Ưu-điền cung thỉnh Đức Phật. Khi ấy Đức Như Lai hóa hiện hai ngọn núi báu ở hai bên, rất trang nghiêm và đẹp đẽ; trên núi đó tập hợp các châu báu, có năm sắc phản chiếu, chiếu sáng rực rỡ. Có rất nhiều loại cây, mọc thành hàng từ trên ngọn núi xuống, hoa quả sum suê, bay ra những mùi hương vi diệu. Trên một ngọn núi, có một loại lúa đã chín sẵn có trăm mùi vị. Hạt lúa tròn nhẵn thơm ngon hợp khẩu vị, bất cứ ai muốn ăn bao nhiêu tùy ý thọ dụng. Trên một ngọn núi khác có một loại cỏ mềm mại thơm ngon, hợp với súc sinh, đến ăn no thỏa thích. Tất cả trong hội chúng thấy sự xuất hiện của hai ngọn núi đặc biệt, sau khi ăn xong trong lòng đều hoan hỷ sinh tâm ngưỡng mộ một cách sâu sắc. Đức Phật tùy theo căn cơ mà thuyết diệu pháp. Mọi người ai cũng được khai mở và hiểu rõ về chánh pháp phát tâm Vô thượng và đắc quả sinh Thiên, số lượng rất nhiều.

Vào ngày thứ ba, vua Chuân-chân-đà-la cung thỉnh Đức Phật cúng dường, dâng Phật nước sạch để súc miệng. Phật súc miệng xong nhổ nước ra thì dòng nước đó hóa thành một ao báu, bao quanh bốn phía mỗi phía hai trăm dặm thuận là bảy báu, cùng xen tạp những loại sắc phản chiếu, ánh sáng

rực rỡ, nước ở trong ao đầy đủ tám đức. Dưới ao rải toàn là cát bảy báu, tám loại hoa sen lớn như bánh xe, màu sắc xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng, lục, tía giao xen, mùi hương thơm phức bay khắp bốn phương, tùy theo màu sắc hoa sen mà phát ra ánh sáng, chiếu sáng trời đất. Chúng trong đại hội thấy được ao báu kỳ diệu này, trong tâm rất hoan hỷ tán thán ân đức vô cùng của Đức Phật. Đức Phật nhân đó quan sát từng căn cơ, vận dụng phương tiện để thuyết giảng chánh pháp. Tâm của mọi người ai cũng được khai mở phát tâm vô thượng đắc quả sinh Thiên, nghiệp phước được tăng trưởng, số lượng rất nhiều không thể tính được.

Qua ngày thứ tư, vua Nhân-đà-bà-di cung thỉnh Đức Phật. Ngày hôm đó, Đức Phật hóa hiện nơi ao báu này có tám dòng nước chảy, tự nhiên chảy xoáy phát ra tiếng trong thanh nhiệm mầu, đều giảng nói chánh pháp: Năm Căn, năm Lực, bảy Giác chi, tám Thánh đạo, ba Minh, sáu Thông, sáu Độ, bốn Đẳng, đại Từ, đại Bi. Đức Phật khuyến khích phát tâm, khai mở tâm đạo, giảng nói nhiều pháp môn. Tất cả mọi người ai nghe tâm cũng đều tỏ rõ, phát tâm mong cầu Phật đạo, đắc quả sinh Thiên, tăng trưởng phước đức và trí tuệ, số lượng rất nhiều.

Tiếp ngày thứ năm vua Phạm-ma-đạt thỉnh Đức Phật cúng dường. Vào hôm đó, trong miệng của Đức Phật phóng ra hào quang, sắc vàng chói

rọi khắp cõi Đại thiên. Nhờ ánh sáng của hào quang soi chiếu, tất cả chúng sinh ba độ, năm âm đều tự tiêu trừ, thân tâm an lạc giống như vị Tỳ-kheo chứng đắc Thiền thứ ba. Đại chúng đều ca ngợi là rất kỳ diệu, mến mộ ân đức của Phật. Đức Phật nhân đó giảng nói chánh pháp, mọi người tâm được khai mở, phát tâm cầu đạo lớn, đắc quả sinh Thiên, tăng trưởng phước đức và trí tuệ, số lượng rất nhiều.

Vào ngày thứ sáu, nhóm Luật Xương lại thỉnh Đức Phật. Ngày hôm đó, Đức Phật làm cho tất cả mọi người trong đại hội hiểu biết tâm niệm của nhau, tâm của một người biết được tất cả tâm niệm của người khác, hiểu rõ những tâm thiện hay ác, tâm ý hướng vào hạnh nghiệp gì. Mỗi người chính họ đã kinh sợ và hoan hỷ, khâm phục ân đức tuyệt vời của Đức Phật, Đức Phật nhân đó giảng nói Diệu pháp, tất cả đều được tỏ rõ, mong cầu Phật đạo, đắc quả sinh Thiên, số lượng rất nhiều.

Đến ngày thứ bảy, dòng họ Thích thỉnh Phật. Ngày hôm đó, Đức Phật hóa hiện trong hội chúng, tất cả tự thấy mình làm Chuyển luân thánh vương, đầy đủ thất bảo và có một ngàn người con; các vua và thần dân cung kính và triều phục mình, thay phiên hầu hạ. Mọi người đều kinh ngạc, rất hoan hỷ. Đức Phật nhân đó tùy theo căn cơ mà thuyết pháp. Tất cả đều phát tâm Vô thượng Chánh giác, đắc quả sinh Thiên, số lượng không thể tính.

Đến ngày thứ tám, vua Đế Thích cung thỉnh Đức Phật. Vua làm tòa Sư tử thỉnh Phật thăng tòa. Đế Thích hầu bên trái, Phạm vương hầu bên phải. Tất cả trong hội chúng đều yên lặng ngồi thiền định. Đức Phật đưa cánh tay ra vịn xuống tòa ngồi bỗng nhiên có tiếng kêu lớn như tiếng voi gầm rú, ngay tức thời xuất hiện năm vị đại quỷ thần phá tan chỗ ngồi và kéo nhóm Lục sư lại. Trên tòa cao vị thần Kim cang Mật Tích tay cầm chày Kim cang, trên đầu phóng lửa cháy rực chạy xông đến đánh bổ vào bọn Lục sư. Nhóm Lục sư kinh hải hoảng hốt tìm lối thoát thân, xấu hổ nhục nhã đâm đầu xuống sông tự vận.

Còn lại chín ức đồ chúng của nhóm Lục sư đều đến quy y theo Đức Phật xin làm đệ tử. Đức Phật nói:

– Thiện lai Tỳ-kheo!

Tự nhiên râu tóc họ tự rụng, thân khoác pháp y trở thành Sa-môn. Đức Phật thuyết pháp khai thị những điều trọng yếu trong chánh pháp cho họ, nhờ đó các lậu dứt sạch, kết sử được giải thoát, tất cả đều chứng quả La-hán.

Lúc đó Đức Như Lai từ nơi tám vạn chân lông phóng ra hào quang sáng rực chiếu khắp hư không. Đầu mỗi hào quang có một đóa hoa sen lớn, mỗi hoa sen đều có một vị Hóa Phật và đại chúng vây quanh thuyết pháp. Đại chúng thấy được sự biến

hóa vô cùng của Đức Phật liền phát khởi niềm tin và lòng tôn kính. Vì để mang lại lợi ích và Phật pháp hưng thịnh, Đức Phật thuyết pháp tùy theo căn cơ mà tiếp nhận đều phát tâm lớn và đắc quả sinh Thiên. Mọi người tinh tấn tu phước thiện, số chúng đông đúc không thể kể hết.

Qua ngày thứ chín, Phạm vương cung thỉnh Đức Phật. Đức Phật hóa thân cao đến Phạm thiên, uy nghiêm hiển hách, ngời sáng khôn cùng, phóng đại quang minh sáng rực trời đất. Mọi người đều được chiêm ngưỡng và nghe được những lời vi diệu kia. Đức Phật vì tất cả chúng sinh mà giảng rõ những chỗ cốt lõi của Phật pháp để cho thính chúng phát tâm mong cầu Phật đạo, đắc quả sinh Thiên, số lượng không thể tính kể.

Đến ngày thứ mười, Tứ Thiên vương cung thỉnh Đức Phật. Bảy giờ Đức Thế Tôn làm cho toàn thể đại chúng thấy được sắc thân của Phật. Khắp cả chư Thiên từ Tứ Thiên vương đến cõi Sắc cứu cánh, đều thấy thân Phật phóng đại quang minh, trong đại chúng từng vị nghe được chánh pháp vi diệu, từ xa cũng được chiêm ngưỡng, thấy thật rõ ràng. Tất cả mọi người trong hội chúng ai cũng tăng trưởng niềm tin và lòng tôn kính. Đức Phật thuyết pháp thích hợp cho căn cơ của từng người, tất cả đều phát đại tâm và an trú vào địa vị Bất thoái, đắc quả sinh Thiên, số lượng nhiều vô số kể.

Ngày thứ mười một, Tu-đạt thỉnh Đức Phật.

Vào ngày hôm đó, Đức Phật ngồi trên tòa cao, Ngài ẩn thân lặng yên không hiển hiện, chỉ phóng hào quang, phát ra những âm thanh nhu nhuyến, diễn nói một cách rõ ràng về cốt lõi của Phật pháp, mọi người trong hội chúng nghe pháp mà được tỏ ngộ. Tất cả đều phát tâm lớn an trú Bất thoái, đắc quả sinh Thiên nhiều vô số kể.

Ngày thứ mười hai, cư sĩ Chấ-đa thỉnh Đức Phật cúng dường. Ngày hôm đó Đức Phật nhập vào tam-muội Từ bi phóng hào quang sắc vàng chiếu khắp Đại thiên, hào quang soi rọi chúng sinh, trong lòng họ ba độc lắng xuống, tâm từ bi tự nhiên được phát khởi, bình đẳng xem tất cả chúng sinh như cha, mẹ, anh, em của chính mình, thấm nhuần tình thương trong tâm, không tăng không giảm. Sau đó Đức Phật giảng thuyết diệu pháp cho tất cả đại chúng đều phát tín tâm lớn và an trú địa vị Bất thoái, đắc quả sinh Thiên, số lượng rất nhiều.

Ngày thứ mười ba, vua Chuân-chân-đà-la lại cung thỉnh Đức Phật thiết trai cúng dường. Ngày hôm ấy, Đức Phật ngồi trên tòa cao, từ nơi rốn Ngài phóng ra hào quang chia thành hai luồng xa đến bảy nhận, đầu luồng hào quang có đóa hoa sen, trên hoa sen có một Hóa Phật, biến chuyển khắp cả quốc độ Đại thiên, tất cả đều được chiêm ngưỡng, tỏ ra kinh ngạc vừa sợ vừa thích. Đức Phật tùy theo căn cơ và thời gian để thuyết giảng chánh Pháp, tất cả đều phát đại tâm và an trú địa vị Bất thoái, đắc

quả sinh Thiên số lượng rất nhiều.

Vào ngày thứ mười bốn, vua Ưu-diên cung thỉnh Đức Phật. Bấy giờ vua lấy hoa rải trên người Đức Phật. Đức Phật liền hóa hiện những hoa được rải đó thành một ngàn hai trăm năm mươi bảy cỗ xe cao đến cõi trời Phạm thiên, ánh sáng vượt hơn núi vàng, màu sắc bằng các loại báu hỗn hợp, ánh sáng phản chiếu vào nhau rực rỡ, nhiều vô số kể như thần châu, anh lạc, để trang trí cho số xe đó. Trong mỗi xe đều có một Đức Phật ngồi phóng hào quang khắp cõi Tam thiên. Hội chúng thấy sự thần biến đó trong tâm hoan hỷ và hết lòng tôn kính. Đức Phật nhân đó thuyết pháp tùy theo bệnh cho thuốc, tất cả đều phát đại tâm an trú địa vị Bất thoái, đắc quả sinh Thiên số lượng rất nhiều.

Ngày thứ mười lăm, vua Bình-sa cung thỉnh Đức Phật. Đức Phật dạy nhà vua lo chuẩn bị thức ăn đầy đủ. Nhà vua ra lệnh cho mọi người bày biện chén bát nhiều vô số kể. Tự nhiên thức ăn đầy đủ trên các chén bát, trăm thứ thức ăn, nhiều loại đặc sản khác lạ, tất cả hội chúng ai cũng đều ăn uống đầy đủ. Sau khi ăn xong, họ đều thấy thân tâm an lạc kỳ lạ. Đức Phật dùng tay trở xuống đất, mười tám cảnh giới địa ngục đều hiện rõ, các người chịu tội nhiều vô số kể, tự kể lại tội lúc sinh tiền làm những tội lỗi như vậy nay chịu khổ báo này. Ai cũng đều thấy, đều nghe đem lòng thương xót nhưng cũng lo sợ cho chính mình. Đức Phật nhân

đó thuyết pháp thích hợp cho từng căn cơ đối tượng. Tất cả đều phát khởi đại tâm, an trú địa vị Bất thoái, đắc quả sinh Thiên vô số kể.

Các chúng sinh trong cảnh địa ngục, nhờ gặp Đức Phật nghe chánh pháp, tâm sinh cung kính đều tái sinh vào trong loài người hoặc chư Thiên.

Bấy giờ vua Bình-sa bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, Ngài có ba mươi hai tướng quý, những tướng thân và tay đều đã được thấy, còn lại luân tướng ở nơi chân Ngài con chưa được thấy. Mong Ngài cho đại chúng thấy để được chiêm ngưỡng.

Đức Phật cất bàn chân lên để cho đại chúng thấy được luân tướng dưới bàn chân của Đức Phật. Bàn chân của Đức Phật đầy đặn, đoan nghiêm phẳng sáng, các đường chỉ như hoa, phân biệt rõ ràng, xem mãi không chán. Vua càng thêm hoan hỷ, lại bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, không rõ Ngài do phước đức gì mà có được luân tướng kỳ diệu như vậy.

Đức Phật dạy:

– Nay đại vương, do Ta trong quá khứ tu mười thiện nghiệp và đem mười thiện nghiệp giáo hóa cho mọi người, cho nên mới có luân tướng hiện rõ như vậy.

Vua Bình-sa thưa tiếp:

– Bạch Thế Tôn, Ngài tự mình tu mười thiện

ngiệp và dạy cho mọi người bằng cách nào? Mong Ngài khai thị cho chúng con.

Đức Phật dạy:

– Đại vương hãy khéo nghe và ghi nhớ Ta sẽ giảng.

Vào vô số a-tăng-kỳ kiếp về trước, trong cõi Diêm-phù-đề này có vị vua của một nước lớn tên là Thi-đà-ni-di cai trị tám vạn bốn ngàn nước, có tám muôn ức xóm làng, một vạn đại thần. Vua có hai vạn phu nhân đều không có con. Nhà vua rất ưu sầu sợ không có người nối dõi tông đường. Vua thường đi cầu tự cùng khắp kể cả nguyện cầu đến chư Thiên. Vị phu nhân thứ nhất của vua tên là Tu-lê-bà-la-mãn, qua một thời gian biết mình mang thai, sau khi mang thai tâm tánh mình mãi lạ thường, nhân từ khoan dung, khuyên người làm lành. Đến ngày nở nhụy khai hoa bà sinh được một nam nhi tướng mạo khôi ngô tuấn tú, xuất chúng khác thường, các lỗ chân lông trên người đều phát ra ánh sáng. Vua rất vui mừng, xem hoài không chán. Vua cho mời thầy tướng để đoán các tướng tốt lành kia. Thầy tướng vừa mới ghé xem, liền khen ngợi là tướng hảo siêu quần, xuất chúng vượt bậc, đức tỏa bốn phương, thiên hạ nường nhờ. Nhà vua càng thêm hoan hỷ, ban lệnh cho đặt tên thái tử. Thầy tướng tâu vua:

– Trong khi mang thai có điềm lạ gì không?

Vua nói:

– Từ khi mang thai hoàng hậu thông minh, trí tuệ, nhân từ, khuyến khích làm điều lành, còn có những điềm khác nhưng điều này là dị thường khác lạ.

Thầy tướng nghe xong rất kinh ngạc mà vui mừng liền tâu vua:

– Bà mẹ mang thai có trí tuệ biện tài, tự thân hài nhi khi chào đời phát ra ánh sáng, vậy thì nên lấy tên là Na-ba-la-mãn (*đời Tấn dịch là Tuệ Quang*).

Thái tử càng lúc càng lớn, trí tuệ khác người. Bỗng nhiên vua cha băng hà. Sau khi lo lễ tống táng vua xong, các đại thần họp lại, khuyên mời thái tử lên kế vị. Thái tử dứt khoát chối từ, bảo:

– Ta không đủ khả năng gánh vác.

Các quan đại thần thưa:

– Đại vương đã băng hà, thái tử là người con duy nhất không có anh em, nay thái tử nói không muốn kế vị, vậy thì muốn nhường ngôi vị suy tôn cho ai?

Thái tử trả lời:

– Người đời làm ác ta ắt không chấp nhận, nếu cứ gia hình phạt thì tội lỗi của ta không nhỏ. Nếu các người đốc suất nhân dân thực hành mười điều lành, ta mới nhận lãnh ngôi vua để lo toan việc nước.

Các vị đại thần trả lời:

– Thừa vâng, xin thái tử lên ngai vàng kế vị, đem đạo lý mười điều lành để ban ra cho nhân dân thực hành.

Bấy giờ thái tử nhận lãnh ngôi vua xong bố cáo khắp trong nhân dân thiên hạ là phải thực hành mười điều lành. Tất cả đều cung kính tuân theo, cải tà quy chánh, đổi ác làm lành. Ma vương sinh lòng đố kỵ, mưu phá hoại sự giáo hóa của vua, liền giả mạo một mật thư ý ngược lại bố cáo khắp thiên hạ trong nước: “Sắc dụ khuyên làm lành trước đây không đem lại lợi ích và hiệu nghiệm, một việc làm hoang đường, khổ nhọc, từ nay về sau tùy theo ý kiến của dân mặc tình thực hành mười điều ác, chớ có nản lòng.” Khi các vị vua tiếp được mật thư này liền lấy làm lạ với chiếu chỉ quái dị, tự hỏi vì lý do gì mà ra một chiếu chỉ vượt ra ngoài đạo lý thế này! Đi khuyên mọi người làm ác. Mỗi vị vua của các nước nhỏ đều ngầm sai người thân tín đến vua đại quốc hỏi lý do. Vua vừa thoát nghe kinh ngạc vô cùng, trả lời:

– Ta đâu có sai làm việc này, nguyên do từ đâu?

Vua liền ra lệnh sửa soạn xa giá, đích thân vua đi đến các tiểu quốc gặp trực tiếp các thần dân cải chính liên chính sách quái dị ấy.

Lúc ấy, ở một bên đường có một hồn ma hóa làm hình người, nằm bên đông lửa đang cháy đỏ

hùng hực, kêu la những lời ai oán. Vua dừng lại hỏi:

– Người vì sao như vậy?

Ma trả lời:

– Tôi vì trước đây khuyên người làm mười điều lành, nay chịu khổ báo này thống thiết không chịu nổi.

Vua nói:

– Vì sao như vậy được, khuyên người làm lành thì làm sao mà chịu khổ báo được!

Nhà vua hỏi tiếp:

– Người khuyên người thực hành mười điều thiện thì người chịu khổ báo, còn những người mà trước đây người khuyên thực hành mười điều thiện, thì nay được phước báo gì?

Đáp:

– Dạ có, người tôi khuyên làm thiện trước đây nay nhận được phước báo. Chỉ riêng tôi dạy người khác làm mười điều thiện chịu khổ báo.

Vua nghe xong hoan hỷ đáp:

– Nếu chỉ người trước đây mình khuyên làm thiện có được phước báo còn mình khuyên làm thiện chịu khổ báo thì ta chẳng vì thế mà sinh hiềm hận.

Ma nghe xong hiểu được tâm kiên cố của vua, liền ẩn hình biến mất, đi khắp nước tuyên truyền thực hành mười điều thiện. Từ đó nhân dân tu theo

điều thiện, chế phục thân, khẩu và ý, chánh pháp được lưu truyền khắp nước. Tất cả đều khâm phục tôn sùng vua, ân đức cao dày, hiển hách. Nhờ đức lành đó nên điềm lành xuất hiện, kim luân ứng hiện, bảy báu tràn đầy, khắp cả bốn phương đều làm việc thiện.

– Nay đại vương, vua Thi-đà-ni-di nay là vua Tịnh Phạn, phụ vương của Ta. Vương mẫu lúc đó nay là Ma-ha Ma-da, mẹ của Ta. Vua Tuệ Quang lúc đó đem mười điều thiện giáo hóa nhân dân nay chính là Ta. Do nhân duyên từ nhiều đời trước, Ta thực hành mười điều thiện và đem mười điều thiện giáo hóa cho mọi người, cho nên đời nay dưới lòng bàn chân xuất hiện tướng luân xa.

Bây giờ vua Bình-sa bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, nhóm Lục sư mê mờ, không biết sức mình, do tham lam lợi dưỡng sinh lòng đố kỵ, đem thần thông thi thố muốn làm nhục Thế Tôn nên nói: “Phật hiện thần lực một thì ta làm gấp hai.” Nhưng khi Đức Phật hiện thần thông, biến hóa diệu kỳ vô song làm cho nhóm Lục sư co rút lại đến nỗi một thuật cũng không phô diễn được, xấu hổ cùng cực, bèn đâm đầu xuống sông tự vận, đồ chúng tan tác, để lại tai họa, nhớ lại việc làm u mê đó, đúng là trò đại bịp bợm.

Đức Phật dạy:

– Nay đại vương, không phải chỉ có ngày nay

nhóm Lục sư mới tranh dành danh lợi và thi thố cùng Ta, đồ chúng tan tác, mà trong quá khứ cũng đã từng tranh với Ta và nhóm Lục sư chuốc lấy thất bại, để chúng trở về quy y với Ta.

Bây giờ vua Bình-sa quỳ xuống bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, con không hiểu trong quá khứ nhóm Lục sư và đồ chúng của họ đấu tranh và quy phục với Ngài, nguyên nhân của sự việc đó như thế nào mong Ngài dạy rõ cho con được lãnh hội!

Đức Phật dạy:

– Đại vương hãy lắng nghe cho kỹ, Ta sẽ giảng.

Trong quá khứ vô lượng vô số a-tăng-kỳ kiếp, trong cõi Diêm-phù-đề này có một nước, đức vua tên là Ma-ha Xa-cừ-lợi cai trị năm trăm nước nhỏ. Vua có năm trăm phu nhân, mà không có thái tử để kế vị. Vua tự nghĩ: “Ta mỗi ngày tuổi tác càng lớn mà không có một mụn con để kế tục vương vị. Nếu một mai sau khi ta băng hà rồi thần dân và vua các nước nhỏ không có người thừa kế để tiếp tục cai trị, rồi sẽ dấy binh nổi loạn tàn hại lẫn nhau, quốc gia bạo loạn. Thật là một đại bi kịch!” Khi nghĩ đến sự việc này lòng vua rất ưu sầu lo nghĩ.

Khi đó trời Đế Thích từ xa biết được sự lo nghĩ của nhà vua, từ trong đám đông dân chúng hóa làm một vị lương y đi đến cung điện vua gặp và hỏi có sự lo buồn của vua. Vua trình bày sự việc cho

lượng y, lượng y thừa với vua:

– Vua đừng lo nghĩ! Tôi đã có cách chữa trị cho Ngài. Tôi sẽ vào núi Tuyết sơn tìm vài loại thảo dược, cho phu nhân uống, sau khi uống thuốc xong vài hôm sau sẽ có thai.

Vua nghe xong sự lo buồn với được phần nào, vua nói với vị lương y:

– Được như vậy thì quá tốt.

Lương y vào Tuyết sơn tìm thảo dược xong, mang về cung dùng sữa trộn vào để sắc, sắc xong đem cho phu nhân dùng, nhưng phu nhân chê là có mùi hôi, trong lòng không tin. Sau đó vị lương y hóa về trời, phu nhân không chịu uống, các tiểu phu nhân chia nhau uống hết, không bao lâu sau những tiểu phu nhân này biết được mình đã mang thai. Họ đem sự việc đó thưa với đại phu nhân. Đại phu nhân nghe như vậy lòng thấy luyến tiếc, hỏi còn thuốc không để uống. Mọi người đáp:

– Đã hết.

Hỏi tiếp:

– Dược thảo còn không?

Đáp:

– Dạ còn.

Phu nhân sai lấy sữa trộn vào để sắc, mọi người sắc xong đem cho phu nhân uống. Sau khi uống vài ngày bà biết mình có thai.

Các tiểu phu nhân đến ngày mãn tháng đều sinh

được con trai, mặt mày chúng đều khôi ngô tuấn tú. Vua thấy các con vui mừng khôn tả, nhưng vẫn áy náy trong lòng vì đại phu nhân. Đến ngày mãn nguyệt khai hoa, đại phu nhân cũng sinh một người con trai nhưng diện mạo cực kỳ xấu xí, hình thù xù xì như quỷ sứ. Cha mẹ thấy vậy trong lòng rất buồn rầu nên đặt tên cho cậu là Đa-la-hầu-thi (*đời Tấn dịch là Chu Ngột*).

Vua cho người nuôi nấng, đến tuổi trưởng thành, các anh của Chu Ngột đều lập gia thất, chỉ có một mình Chu Ngột không ai đề ý tới. Sau đó nước bên cạnh có quân giặc xâm lược lãnh thổ, năm trăm người anh đem binh giao chiến, vừa mới giao chiến đã bại trận trở về. Chu Ngột hỏi:

– Các anh tại sao rút lui với tâm sợ hãi lo lắng như vậy?

Các anh trả lời:

– Vì giao tranh bại trận, quân giặc đuổi theo, cho nên rút lui tẩu thoát.

Chu Ngột nói:

– Quân giặc kia xâm lăng bờ cõi nước ta. Hãy cho người vào lấy cây đại cung trong đền thờ Thiên của tiên tổ đem lại đây, tôi sẽ dùng nó đem đi chinh phạt quân giặc. Tiên tổ của chúng ta trước từng là Chuyển luân vương.

Vua liền sai nhiều người mang đến, Chu Ngột vừa mới trưng cung lên tiếng kêu như sấm, khi

bắn âm thanh vang xa cách bốn mươi dặm. Chàng mang cung, cầm búi lệnh sang đánh, vừa đến thối búi lệnh tiếng rền như sấm, quân giặc nghe tiếng kinh hãi bỏ chạy tán loạn. Sau khi dẹp giặc xong trở về, phụ vương tỏ ra quan tâm đãi ngộ chàng đặc biệt, vua nghĩ đến cưới vợ cho Chu Ngột.

Bây giờ ở nước láng giềng có vị vua tên Luật-sư-bạt-ta, có người con gái nhan sắc tuyệt trần. Vua Ma-ha-xa-cừ-lợi liền sai một sứ giả đến đề cầu hôn cho con. Vua chỉ một người anh của Chu Ngột bảo sứ khi đến vua nước láng giềng có hỏi thì diễn tả giống như tướng mạo của người anh. Vị sứ giả vâng lệnh sang cầu hôn và trình bày đầy đủ cho vua nước láng giềng nghe. Nghe xong vua Luật-sư-bạt-ta hứa gả con gái. Sứ giả trở về báo lại, vua rất vui mừng, liền cho xa giá tổ chức đón cô dâu về. Vua ngầm bảo Chu Ngột, ban ngày không nên gặp vợ. Từ đó về sau, khi mặt trời lặn vợ chồng mới gặp nhau. Những ngày sau đó, thỉnh thoảng các bà gặp nhau bàn tán ca tụng tài trí, đức độ của chồng mình. Khi ấy vợ của Chu Ngột cũng ca ngợi chồng mình nào là sức mạnh như lực sĩ, thân thể dẻo dai, mềm mại, rất đáng yêu thương. Trong đó có một số bà ganh ghét nói rằng:

— Bà đừng nói thế, chồng bà thấy đáng kinh hãi vô cùng!

Vợ Chu Ngột nghe vậy, trong lòng uất ức, thủ sẵn cây đèn cật vào một góc, chờ đến khi chồng

ngủ say, đột đèn lại xem thấy hình dáng chồng rất là kinh hãi, trong đêm ấy lên xe trở về bốn quốc. Sáng ngày mai, Chu Ngột thức dậy mới biết được có sự. Rất lo lắng, giận dữ, liền mang cung, cầm búi, tìm tung tích đuổi theo đến lãnh thổ của nước kia. Chu Ngột trú ở nhà một vị quan. Sau đó vua của sáu nước nhỏ nghe vua Luật-sur-bạt-ta có một mỹ nữ tuyệt sắc giai nhân, ai cũng khởi tâm tham dục muốn chiếm đoạt, bày binh bố trận ganh nhau cầu hôn. Vua Luật-sur-bạt-ta buồn rầu lo lắng, triệu tập quần thần để tìm giải pháp cho sự việc này, nếu gả cho một người thì các người kia oán hận, bây giờ tìm cách gì để ngăn chặn sự thù địch. Có một vị quan đề nghị:

– Nay đại vương cho truyền một tờ cáo thị, nếu ai có khả năng đánh đuổi những toán quân kia thì sẽ gả công chúa cho và chia cho một phần đất để cai trị và gia ân trọng thưởng.

Vua liền đồng ý và cho tuyên bố yết thị.

Khi đó Đa-la-hầu-thi biết được lời yết thị liền mang cung, cầm búi ra khỏi thành tìm đến cát cứ của giặc, giương cung thổi búi lệnh, quân của sau vua kia kinh hãi nằm yên không dám động. Đa-la-hầu-thi liền xâm nhập vào lãnh địa hạ thủ sáu vị vua, tịch thu nhiều chiến lợi phẩm và hàng quân.

Vua Luật-sur-bạt-ta rất hoan hỷ đem con gái trao cho và chia cho Chu Ngột bảy nước để cai trị.

Chu Ngột sau khi chiến thắng mới đem tất cả binh tướng và vợ trở về bốn quốc. Phụ vương hay tin ra ngoài biên giới để đón thấy con chỉ huy quân lính rầm rộ. Vua cha đem quốc gia xã tắc truyền lại cho con và khuyên khích lên ngôi đại vương. Chu Ngột không chịu nhận, nói rằng phụ vương còn sống làm vậy là không hợp lý. Khi trở về hoàng cung, Chu Ngột trách vợ:

– Sao trước đây nửa đêm em bỏ ta mà ra đi?

Người vợ đáp:

– Vì thân hình của phu quân cực xấu, thiếp mới thấy rất là kinh hãi, cho là không phải người nên bỏ trốn đi.

Chu Ngột tìm gương soi mình mới thấy thân hình đầu óc của mình thật giống như quỷ sứ, thấy nhàm chán cái thân của mình. Không muốn nhìn thấy nó nữa, Chu Ngột bèn lên rừng toan tự sát. Vua Đế Thích từ xa biết được, giáng hạ xuống đứng một bên hỏi có sự, biết được liền tìm lời an ủi, khuyên bảo, rồi trao cho một viên bảo châu, nói:

– Hãy đặt viên bảo châu này lên trên đỉnh đầu thì thân hình của ngươi sẽ được đổi khác đoạn chánh và khả ái như ta.

Chu Ngột vâng theo lời khuyên bảo đặt viên bảo châu lên đầu thấy thân hình của mình biến đổi một cách kỳ lạ. Chàng trở về hoàng cung lấy cung và bồi đi ra ngoài dạo chơi, người vợ thấy hỏi:

– Ông là ai? Chớ nên đụng đến các bảo vật này, chồng tôi trở về sẽ không để yên đâu.

Chàng nói:

– Ta là hôn phu của em đây.

Người vợ thấy khác không tin bèn nói:

– Chồng tôi cực xấu, còn ông thân hình đoan chánh, vậy ông là ai mà nói là chồng tôi?

Người chồng bỏ viên bảo châu ra, hoàn lại hình thù xấu xí như cũ. Người vợ thấy thế mừng lo hỏi:

– Tại sao như vậy được?

Người chồng trình bày sự việc được viên bảo châu. Người vợ từ đó về sau rất thương yêu chồng mình. Cái tên Chu Ngột từ đó không còn gọi nữa mà đổi thành Tu-đà-la-phiến.

Sau một thời gian Tu-đà-la-phiến có kế hoạch xây dựng một cung thành. Chàng liền tìm một nơi bằng phẳng thoáng rộng, ra lệnh và đốc suất binh lính và nhân dân thi công. Đến ngày sắp thực hiện có bốn vị Long vương hóa làm hình người lại hỏi:

– Ngài lấy vật liệu gì để xây dựng cung thành này?

Tu-đà-la-phiến đáp:

– Làm bằng đất.

Vua rồng lại hỏi:

– Sao không sử dụng vật liệu quý báu?

Đáp:

– Cung thành này lớn kiếm đâu ra vật liệu quý báu.

Vua rồng liền thưa:

– Tôi sẽ cung cấp.

Long vương liền hóa hiện bốn phía thành bốn cái suối lớn và căn dặn:

– Dùng nước ở suối phương Đông mà làm thì thành trở nên ngọc lưu ly, dùng nước ở suối phương Nam mà làm thì thành trở nên vàng, dùng nước ở suối phương Tây thì thành này trở nên bạc, dùng nước ở suối phương Bắc mà làm thì thành trở nên pha lê.

Sau đó vua ban lệnh xây dựng công trình đúng như lời Long vương nói, các bức thành toàn bằng vật liệu báu. Thành vuông vức bốn trăm dặm. Trong cung thành làm các cung điện, lầu gác, nhà cửa, rừng cây, ao tắm, tất cả đều làm bằng bốn chất liệu quý báu, rất nguy nga, tráng lệ như cung điện cõi trời. Sau khi xây dựng cung thành xong, bảy loại châu báu cùng khắp bốn phía và Tu-đà-la-phiến giáo hóa nhân dân tu tập điều thiện.

Như vậy, này Bình-sa vương, đại vương nên biết Ma-ha Thích-cừ-lê bấy giờ nay là vua Tịnh Phạn, cha của Ta. Người mẹ lúc đó nay là Ma-ha Ma-da, mẹ của Ta. Đa-la-hầu-thi xấu xí, con của vua, nay chính là Ta. Người vợ lúc đó, nay là Cù-di. Cha vợ lúc đó nay là Ma-ha Ca-diếp. Vua của

sáu nước muốn đẩy binh để bức ép cầu hôn với người con gái lúc đó, nay là nhóm Lục sư.

Lúc bấy giờ, nhóm Lục sư đó gây chiến tranh giành cùng Ta và Ta đã hàng phục thâu nhiếp đồ chúng, cho đến nay vì danh lợi muốn thi thố thần thông cùng Ta, đến khi giáp mặt không có khả năng, xấu hổ đâm đầu xuống sông tự vận. Ta thâu nhiếp đồ chúng gồm chín ức người làm đệ tử.

Bấy giờ vua Bình-sa bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, Đa-la-hầu-thi do việc làm gì mà phải chịu hình thù xấu xa như vậy?

Đức Phật dạy vua Bình-sa:

– Tất cả đều có nhân duyên của nó.

Vào quá khứ vô lượng a-tăng-kỳ kiếp, ở cõi Diêm-phù-đề có một nước lớn tên là Ba-la-nại. Trong nước, trên một ngọn núi có một vị Tiên tên là Luật Sư. Trong núi Tiên ấy có một vị Bích-chi-phật bị bệnh phong, một hôm Ngài đến nhà người hàng dầu xin chút ít để trị bệnh. Người chủ nổi sân mắng:

– Dầu óc xù xì như quỉ, tay chân như gọng que, không chịu làm ăn, cứ la cà nhà người khác, không muốn trả tiền, chỉ muốn lấy không.

Mặc dầu la mắng như vậy nhưng ông cũng cho một chút dầu cặn. Vị Bích-chi-phật vẫn cung kính nhận rồi ra đi. Người vợ trên đường trở về nhà thấy vị Bích-chi-phật cung kính hỏi thăm:

– Ngài từ đâu đến mà mang thứ dầu cặn đó, để dùng vào việc gì?

Bích-chi-phật kể lại như thật, bà vợ giận dữ, mời Ngài trở lại, liền lấy một cái bát rót đầy dầu cúng dường và oán trách chồng:

– Ông thật là không phải! Sao lại đem dầu cặn mà cúng dường cho Bích-chi-phật. Ông phải đem lòng sám hối để diệt trừ những lời thô lỗ của ông đi.

Người chồng ăn năn sám hối. Khi vị Bích-chi-phật chào đi, cả hai vợ chồng cùng thưa:

– Khi nào ngài cần dầu hàng ngày ngài cứ đến lấy.

Sau đó vị Bích-chi-phật có trở lại lấy dầu một vài lần. Cảm ân của chủ hàng dầu trước đây, vị Bích-chi-phật hóa hiện thần thông, bay lên hư không thân phát ra nước lửa, phân thân ra rồi hợp lại, biến hóa nhiều cách. Người thấy vậy tâm rất hoan hỷ tăng thêm sự cung kính, nói với vợ:

– Nhờ sự phát tâm cúng dường dầu của nàng, sau này có được phước báo cùng hưởng và nguyện cùng làm vợ chồng với nhau.

Người vợ nói:

– Ông đối với một bậc Hiền trí mà nói những lời thô ác và cho thứ dầu cặn không có lòng trong sạch, e rằng chỗ tái sinh của ông hết sức xấu ác, làm sao cùng ông tác thành vợ chồng được!

Người chồng nói:

– Ta do lao động cực khổ mới có được số dầu, ta không tin là nàng chỉ riêng hưởng, không cùng hưởng với ta từ sự cúng dường này và không cùng ta tác thành vợ chồng.

Người vợ nói:

– Nếu thiếp mà làm vợ của chàng chắc rằng trong đêm phải trốn đi vì thấy thân hình xấu xí của chàng.

Người chồng nói:

– Nếu nàng trốn bỏ đi thì ta phải đuổi theo cho tới nơi mới thôi.

Nói chuyện xong, cả hai vợ chồng quy y với vị Bích-chi-phật, thành khẩn sám hối. Bấy giờ vị Bích-chi-phật nói với hai vợ chồng chủ hàng dầu:

– Nhờ sự bố thí dầu của hai ông bà, bệnh tình của tôi mới được thuyên giảm. Nay hai ông bà muốn cầu điều gì? Những điều mà ông bà muốn cầu rồi sẽ được toại nguyện.

Cả hai vợ chồng quỳ xuống nguyện:

– Bất cứ nơi nào mà vợ chồng tôi tái sinh đến hoặc trên trời hoặc trong loài người đều được toại nguyện như ý.

Đức Phật dạy:

– Nay đại vương, nên biết người bán dầu lúc đó chính là Đa-la-hầu-thi, vợ của người bán dầu chính là vợ của Đa-la-hầu-thi. Do lúc đó gặp vị Bích-chi-

phật nói giống như quỷ sứ, tay chân như gọng que, chỉ cho dầu cặn mà sắc mặt giận dữ, do nhân duyên đó nên sinh bất cứ nơi đâu hình thù cũng xấu xí như những lời mắng trách trước đây. Nhờ sau này tâm ăn năn sám hối, cúng dường dầu tốt mà sinh bất cứ ở đâu thân hình đều được đoan chánh. Do nhân cúng dường lần ấy mà có được sức mạnh phi thường không ai địch nổi, có được phước báo làm Chuyển luân vương hưởng phước cả bốn phương, hưởng dục tùy thích.

Này tất cả chúng sinh, mọi hành động thiện ác đều có quả báo tương ứng của nó, cho nên cần phải tâm niệm về những điều cốt lõi của đạo, phải thận trọng về thân, khẩu, ý, tu tập đạo hạnh.

Khi Đức Phật dạy vua Bình-sa, các vua, thần dân, bốn chúng đệ tử, Thiên, Long, Quỷ, Thần nghe Đức Phật dạy xong có một số đắc quả Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm và A-la-hán, có một số gieo gốc thiện căn Bích-chi-phật và có một số phát tâm Vô thượng đại đạo hoặc an trú địa vị Bất thoái. Tất cả đều hoan hỷ kính lễ phụng hành.



KINH HIỀN NGU

QUYỂN 3

Phẩm 15: CÚ-ĐÀ BỐ THÍ THÂN

Tôi nghe như thế này:

Một thời Đức Phật trú tại núi Kỳ-xà-quật, thành La-duyệt-kỳ.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bị cảm phong. Y vương Kỳ-vực điều chế được loại dược Tô, ông dùng ba mươi hai loại dược liệu điều chế để Đức Phật trị bệnh một ngày uống ba mươi hai lạng.

Khi ấy Đề-bà-đạt-đa sinh tâm đố kỵ, tự cao tự đại có ý sánh ngang hàng với Phật. Nghe Phật Thế Tôn đang dùng dược Tô, có ý tham lam muốn dùng ngang với Phật, nên Đề-bà-đạt-đa cho gọi Kỳ-vực đến bảo:

– Ông nên luyện dược Tô cho ta.

Kỳ-vực luyện dược Tô và bảo Đề-bà-đạt-đa nên dùng một ngày bốn lạng. Đề-bà-đạt-đa thắc mắc hỏi:

– Phật dùng một ngày mấy lạng?

Kỳ-vực đáp:

– Ba mươi hai lạng.

Đề-bà nói:

– Ta cũng dùng ba hai lạng.

Kỳ-vực nói:

– Thân Như Lai không giống như ngài, nếu ngài uống nhiều ắt gặp tai họa.

Đề-bà-đạt-đa nói:

– Thuốc ấy tôi uống vào đủ sức để tiêu hóa, bản thân tôi và Phật có gì khác nhau đâu! Cứ cho ta uống liền công hiệu như Phật.

Hàng ngày Đề-bà vẫn uống ba mươi hai lạng, khi thuốc vào trong thân thể lưu chuyển vào các mạch, do sức yếu kém nên không thể tiêu hóa được, thân thể tứ chi đau đớn thống khổ, rên rỉ, gào thét, ruột gan rời rời vật vữa. Đức Phật thương xót liền đưa bàn tay xoa vào đầu, được liệu được tiêu hóa dứt hết đau đớn, bệnh tình bình phục. Đề-bà-đạt-đa ngó lại thấy tay Phật bèn nói rằng:

– Tất-đạt dùng xảo thuật dối với đời vô dụng, lại học nghề thuốc mới khéo biết như vậy.

Bây giờ A-nan nghe những lời như vậy, trong lòng buồn giận đến quỳ xuống bạch:

– Bạch Đức Thế Tôn, Đề-bà-đạt-đa không biết tri ân. Đức Thế Tôn vì từ bi dứt trừ cơn đau đớn cho ông ta, mà ông ta lại phát ra những lời không mấy thiện cảm, có điều gì trong lòng mà sinh ra tâm địa như vậy, ngày đêm suy nghĩ đô kỵ với Đức

Thế Tôn.

Đức Phật dạy A-nan:

– Đề-bà-đạt-đa không chỉ ngày nay ôm lòng không tốt muốn làm hại Ta, mà trong kiếp quá khứ đã từng nuôi tâm sát hại Ta.

Ngài A-nan bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, con không rõ trong quá khứ Đề-bà-đạt-đa làm việc thương hại Đức Thế Tôn như thế nào và vì lý do gì?

Đức Phật dạy:

– Hãy khéo lắng nghe, Ta sẽ nói.

Ngài A-nan thưa:

– Xin vâng. Bạch Đức Thế Tôn, chúng con nhất tâm lắng nghe.

Đức Phật dạy:

– Nay A-nan, vào thời quá khứ lâu xa, không thể tính số a-tăng-kỳ kiếp, cõi Diêm-phù-đề này có một thành lớn gọi là Ba-la-nại. Vua nước ấy tên là Phạm-ma-đạt hung bạo không có từ tâm, sống xa xỉ, hảo lạc, hiếu dâm, hay ôm lòng ác độc đồ kỵ, thích làm hại người khác.

Một hôm ông mộng thấy một con thú có lông sắc vàng, bộ lông mượt mà phát ra ánh sáng vàng, chiếu khắp hai bên tả hữu đều là sắc vàng. Sau khi tỉnh giấc, ông tự nghĩ: “Theo như giấc mộng của ta thì một bộ lông như vậy không thể có trong thế gian này. Ta phải tổ chức một cuộc đi săn để tìm

cho ra bộ lông kia.” Sau khi suy nghĩ như vậy, vua cho mời các chuyên gia săn bắn đến diễn tả lại giấc mộng về con thú có lông màu vàng, đầu mỗi sợi lông phát ra ánh sáng chói lọi khác thường. Vua nói:

– Ta nghĩ trong nước chắc phải có vật này, mong các người đi khắp mà tìm bắt cho được. Nếu bắt lấy được bộ da kia ta sẽ trọng thưởng, cho con cháu của các người dùng đến bảy đời. Nếu không cố công tìm bắt được ta sẽ tru diệt dòng họ tổ tông của các người.

Các thợ săn nhận lệnh xong, trong lòng sâu nảo lo lắng không có phương kế gì, cùng họp lại một nơi để bàn cách giải quyết sự việc này:

– Giấc mộng về con thú của vua trên đời này chưa từng thấy, cần phải đi nơi nào để tìm cho ra được. Nếu không tìm được, phạm vào phép vua tất cả chúng ta vĩnh viễn không còn đường sống.

Sau khi bàn luận xong họ càng tăng thêm sầu muộn. Có một người trong nhóm kể lại rằng:

– Trong núi đầm này, độc trùng ác thú nhiều vô số kể. Vào sâu mà tìm ắt không thể được, vừa vào đến nơi đã tan thân mất mạng chết toi trong rừng sâu. Riêng ý của tôi nên kiếm một người đi tìm hộ cho.

Mọi người đều đồng ý. Rồi sau đó chọn được một người và nói:

– Anh nên hết lòng đi vào rừng sâu để tìm con thú lông vàng, nếu trở về mọi chuyện tốt đẹp chúng tôi gom lại nhiều bảo vật để trọng thưởng cho anh. Giả sử vào trong rừng sâu lỡ bị hại không trở về được thì chúng tôi sẽ giao số bảo vật cho vợ con anh.

Nghe trình bày xong, anh ta thầm nghĩ: “Ta vì những người này dầu bỏ thân mạng cũng được.” Sau khi tính toán có thể lên đường, vị ấy lo hành trang lương thực đầy đủ, rồi ra đi. Trải qua một thời gian khá lâu, thân suy lực kiệt, trời thì nắng chang chang, lại phải đi qua mỗi bãi sa mạc, cát nóng rang, cổ họng khô khốc, cơn khát trầm trọng, hơi nóng bốc lên uất nghẹn cổ họng gần chết. Khổ đau cùng cực thống thiết, vị ấy nói:

– Có ai rủ lòng Từ bi thương xót đến ta, cứu giúp mạng sống của ta.

Lúc đó trong núi đầm có một dã thú gọi là Cứ-đà, lông thân sắc vàng, đầu lông chiếu sáng, từ xa nghe những lời thống thiết như vậy, rất thương xót người bị nạn, đích thân tìm xuống khe nước lạnh rồi trở lại chỗ đó dùng thân áp ủ cùng khắp người kia. Lát sau người ấy hồi tỉnh có chút sức lực, Cứ-đà liền dẫn đến dòng nước tắm rửa, rồi đi nhặt trái cây cho anh ta ăn. Sau một hồi thân thể bình phục, anh ta nghĩ: “Con thú đặc biệt có lông vàng, sắc sáng này là con thú mà đại vương đang cần đây. Nhưng khi ta sắp chết nó đã cứu mạng ta. Cảm ân

đức chưa lấy gì để đền trả làm sao mà rắp tâm làm hại nó được, nhưng nếu không bắt nó thì đám thợ săn và bà con của họ đều bị giết sạch.” Nghĩ đến việc này lòng anh ta cứ miên man suy nghĩ. Cứ-đà nói:

– Việc ấy chớ lo, da của tôi đây xin biểu anh.

Rồi Cứ-đà kể:

– Tôi từ nhiều đời trước đến nay đã xả bỏ thân này vô số nhưng chưa từng làm việc phước đức. Nay xả bỏ mạng sống lấy tấm da này để cứu bao sinh mạng kia, trong lòng tôi rất hoan hỷ. Nếu anh lấy thì lột lấy da của tôi, đừng vội dứt mạng sống liền. Tôi đã cho anh chẳng có hối tiếc.

Khi ấy người thợ săn từ từ bóc lấy da. Mặc dầu rất đau nhưng Cứ-đà lập nguyện: “Nay tôi dùng da tôi bố thí cho người này để cứu mạng cho những người thân của họ, nguyện đem công đức này hồi hướng cho tất cả đều thành Vô thượng chánh chân Phật đạo và rộng độ cho tất cả chúng sinh đang chìm đắm trong biển khổ sinh tử được an trú vào Niết-bàn an lạc.” Cứ-đà lập nguyện xong, ba ngàn thế giới chấn động sáu lần, cung điện các cõi trời dao động không ngừng. Chư Thiên đều kinh ngạc, tìm hiểu hiện tượng kỳ lạ đó thì thấy Bồ-tát đang lột da mình để bố thí. Ngay khi ấy chư Thiên từ Thiên cung giáng hạ xuống rải hoa cúng dường khóc lę như mưa. Sau khi lột da xong còn lại phần thịt đỏ tươi, máu chảy tràn trề, không thể nhìn được.

Lại có tám vạn con ruồi kiến bu đầy trên thân rúc rĩa ăn thịt. Khi ấy Cừ-đà muốn trở mình nhưng sợ làm thương tổn đến loài ruồi kiến. Nỗi đau thống thiết tự mình nhẫn nhịn, thân không dao động, chia thân ra bố thí, rồi chết. Các loài ruồi kiến nhờ ăn thịt Bồ-tát, sau khi mạng chung đều được sinh Thiên.

Bấy giờ người thợ săn mang bộ da trở về nước dâng lên nhà vua thấy rất hoan hỷ khi bộ lông này thuộc loại vô cùng đặc biệt chưa hề thấy, bền đẹp mịn màng. Vua thường dùng trải nằm, khi nằm trên tám lông thú đó tâm hồn rất an lạc, thoải mái.

Đức Phật dạy:

– Nay A-nan, thân thú Cừ-đà lúc bấy giờ nay chính là Ta. Vua Phạm-ma-đạt nay là Đề-bà-đạt-đa. Tám vạn ruồi kiến lúc đó khi Ta mới thành đạo vừa chuyển vận pháp ở trên cung trời có tám vạn chư Thiên đắc đạo. Đề-bà-đạt-đa thời đó làm thương tổn Ta cho đến nay cũng không có thiện tâm, đêm ngày rắp tâm muốn làm thương hại Ta.

Hiền giả A-nan và hội chúng sau khi nghe Phật kể lại như vậy trong lòng buồn rầu, tất cả đều tinh tấn, chuyên cần thực hành chánh pháp có người đắc quả Tu-đà-hoàn, có người gieo nhân Bích-chi-phật và cũng có người phát tâm Vô thượng Phật đạo, có người an trú địa vị Bất thoái. Tất cả đều hoan hỷ, cung kính phụng hành.



Phẩm 16: TỖ-KHEO-NI VI DIỆU

Tôi nghe như thế này:

Một thời Đức Phật trú tại tinh xá Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Lúc bấy giờ, sau khi vua Ba-tư-nặc băng hà, thái tử Lưu Ly nhiếp chính làm vua, tính tình bạo ngược vô đạo, xua đuổi đàn voi say chà đạp giết người vô số. Lúc ấy những phụ nữ quý tộc thấy sự việc như vậy trong lòng buồn rầu chán nản không vui với tục ấy, cùng rủ nhau đi xuất gia làm Tỳ-kheo-ni. Nhân dân trong nước thấy các người nữ, hoặc thuộc dòng họ Thích, hoặc dòng vua chúa, tôn quý đoan trang thuộc loại hàng số một trong nước, tất cả đều xả bỏ dục lạc, xuất gia học đạo. Ai cũng khen đẹp, mọi người tranh nhau cúng dường. Các Tỳ-kheo-ni cùng nói với nhau:

– Chúng ta tuy trên danh nghĩa là xuất gia nhưng chưa uống được thuốc chánh pháp nhằm tiêu trừ dâm, nộ, si. Chúng ta cùng đến chỗ của Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà để học hỏi về kinh pháp.

Lòng mong mỏi học đạo, họ đều vội vã đến đó. Sau khi làm lễ chào hỏi xong, các vị ấy thưa:

– Chúng con tuy đã nhập đạo nhưng chưa thấm được giọt nước cam lộ. Mong đại Ni sư khai ngộ cho chúng con!

Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà suy nghĩ: “Ta sẽ dạy cho họ đi ngược lại với giới luật của Phật, họ trở về ta thâu một số y bát không thích lắm sao!” Bà dạy:

– Các người thuộc dòng đại quý tộc, có ruộng vườn cơ nghiệp, bảy loại châu báu, voi, ngựa, nô tỳ không hề thiếu thốn. Sao lại bỏ đi mà thọ giới cấm của Phật, làm Tỳ-kheo-ni khổ cực vậy? Chẳng bằng hoàn tục trở về dựng vợ gả chồng cùng hưởng thú vui dục lạc rồi tùy ý bố thí như vậy không sung sướng một đời hay sao!

Nghe nói như vậy, nhóm Tỳ-kheo-ni trong lòng chán nản, khóc lóc rồi bỏ đi. Họ lại đến nơi tịnh thất của Tỳ-kheo-ni Vi Diệu, trước hết làm lễ rồi thăm hỏi đúng pháp và thưa:

– Chúng con sống ở tại gia mê theo thói đời. Nay tuy đã xuất gia nhưng tâm ý còn buông lung phóng dật tâm dục mãnh liệt, tự mình không thể tìm lối thoát được. Mong đại Ni sư thương xót thuyết pháp khai mở, giải thích những tội lỗi mê mờ đó cho chúng con.

Bây giờ Tỳ-kheo-ni Vi Diệu dạy:

– Này các vị, trong ba đời các vị muốn hỏi điều gì?

Các vị ấy thưa:

– Bạch đại Ni sư, quá khứ và vị lai thì không đề cập đến, mong đại Ni sư, căn cứ vào hiện tại mà

giải thích các nghi ngờ rằng buộc cho chúng con.

Tỳ-kheo-ni Vi Diệu dạy:

– Dâm dục giống như ngọn lửa dữ thiêu cháy núi rừng, nó lan ra rất nhanh, làm thương tổn một vùng rất rộng. Con người mà để tâm vào dâm dục là cùng bắt tay với giặc hại qua ngày đoạn tháng đọa vào tam đồ không có ngày ra khỏi. Những niềm vui trong gia quyến, tham đắm vào sự sum họp, ân ái, vinh hoa, lạc phú nhân duyên, sinh, già, bệnh chết, ly biệt, những phiền toái ở công đường đều là nước mắt và luyến tiếc, thương hoại tâm cam, sự quyến luyến gia đình thâm căn cố đế, tâm ý bị trói buộc còn hơn lao ngục.

Ta vốn sinh ra trong một gia đình Phạm chí, thân phụ của ta là bậc tôn quý lớn nhất trong nước. Lúc đó, có người con trai của vị Phạm chí, thông minh tài trí nghĩ ta có sắc đẹp đoan chánh, cho người mai mối, cưới về làm vợ tác thành gia thất sau đó sinh được đứa con trai. Chẳng bao lâu sau, cha mẹ chồng con nhà cửa đều tiêu tan hết. Vào lúc mang thai, ta nói với chồng:

– Nay thiếp đã mang thai, trong mình ô uế, bất tịnh. Gần đến ngày sinh nỡ sợ có điều nguy hiểm xảy ra, thiếp muốn trở về nhà cha mẹ đẻ thăm.

Chồng ta nhất trí cùng đi về nhà, đến được nửa đường thân thể chuyển bệnh. Nghỉ dưới một góc cây chồng ta nằm một bên. Đêm đó ta chuyển bụng

sinh, những chất dơ chảy ra có mùi xú uế, loài rắn được bò đến và cắn chồng ta chết, ta gọi mấy lần mà không nghe tiếng trả lời. Trời chuyển sáng ta cố ngồi dậy lật cánh tay chồng lên biết bị rắn cắn, thân thể sưng tấy, mình mẩy bầm nát, chân tay rũ rượi. Ta thấy vậy liền chết ngất. Đứa con lớn, biết cha chết thất thanh la lớn. Nghe tiếng con la, ta choàng tỉnh dậy, lưng còng đứa con lớn, tay bỗng đứa con nhỏ khóc rồi đi tiếp, quãng đường hiểm trở không có bóng người. Đi tiếp một đoạn đường có con sông lớn vừa sâu vừa rộng, ta để đứa lớn bên bờ này ẵm đứa nhỏ lội qua bờ kia rồi trở lại đón đứa lớn. Đứa nhỏ từ xa thấy ta liền lao tới rớt xuống dòng sông, ta cố lao theo mà không kịp, không thể cứu được chìm lỉm mất hút. Ta trở lại để đón đứa lớn, nhưng than ôi! Lang sói đã ăn mất chỉ còn đồng máu lưu lại trên đất. Vật vã bất tỉnh hồi lâu ta mới tỉnh, lại ra đi tiếp. Đang trên đường về nhà gặp một Phạm chí bạn của cha ta, hỏi:

– Con từ đâu đến mà thấy tiêu tụy như vậy?

Ta liền đem những chuyện đã xảy ra kể cho ông ta nghe. Lúc đó Phạm chí thương xót cho thân phận cô độc buồn khổ của ta. Ta vừa khóc lóc vừa hỏi ông Phạm chí về cha mẹ và người thân có được bình an tất cả không. Được trả lời là gia đình cha mẹ người thân lớn nhỏ, gần đây có một trận hỏa hoạn đã chết hết không còn sống sót một người nào. Sau khi nghe xong vật vã chết ngất hồi lâu

mới tỉnh. Ông Phạm chí thấy vậy thương xót dẫn ta về nhà nuôi nấng đầy đủ, xem ta như con. Sau một thời gian có một Phạm chí khác thấy ta đẹp để đoan chánh xin cưới ta làm vợ, ta cũng đồng ý. Sau khi cưới một thời gian sau ta có thai đã đến ngày gần mãn nguyệt khai hoa, ông ra ngoài la cà nhà người rệu chè nhậu nhẹt, chiều tối mới về gặp lúc ta sắp sinh, một mình trong nhà đóng cửa lại, khi đang sinh thì Phạm chí về nhà gõ cửa gọi lớn nhưng chẳng có ai ra mở cửa, ông ta tức giận phá toang cửa nhảy vào, vừa thấy đánh túi bụi. Ta phân trần, ông ấy càng nổi cơn giận nhảy vào giết chết đứa con, còn bắt ép ta ăn thịt con, đau khổ và sầu muộn cùng cực, không nhẫn tâm ăn thịt con, ông ta lại đánh đập tàn nhẫn, bức ép ta phải ăn, ăn xong trong lòng đau xót, ta nghĩ đã hết phước mới gặp con người như vậy. Ta bỏ ra đi đến Ba-la-nại, ở ngoài thành ngồi nghỉ dưới gốc cây. Trong khi đó có một trưởng giả vợ vừa mới chết đang đem chôn ở ngoại thành, thương mến luyện tiếc người vợ quá cố đó, ngày nào cũng ra ngoài thành đến nơi mà vợ khóc lóc. Một hôm gặp ta và hỏi:

– Cô người ở đâu mà ngồi một mình bên vệ đường này vậy?

Ta kể lại sự việc vừa qua, ông mời ta vào một viên quán và yêu cầu lấy ta làm vợ, ta đồng ý. Trải qua một vài ngày, trưởng giả bị một cơn trọng bệnh không thể cứu chữa được, phút chốc lìa trần. Theo

tục lệ phép nước khi sinh thời người chồng mình yêu mến mà chết thì khi chôn phải cùng chôn người vợ luôn. Mặc dầu ta đã bị chôn vùi nhưng chưa chết, lúc đó có một bọn trộm, đào mồ trưởng giả đó lên để lấy trộm châu báu. Ta được cứu sống, tay anh chị của bọn trộm thấy ta đẹp để đoan chánh lấy về làm vợ, vài tuần sau thực hiện một vụ trộm bị chủ phát giác bắt được, chặt đầu, bọn đàn em đem xác về giao cho ta đem chôn theo tục phép của nước đó người vợ phải chôn theo chồng. Sau đó ba ngày có các con chó sói đến đào mồ lên để ăn thịt người chết, ta tìm cách thoát thân. Ta tự than rằng không biết đời trước ta gieo những tai ương gì mà nay cứ dập dồn oan trái, trong thời gian một tuần lễ đã gặp nhiều cảnh khổ thế này. Chết rồi lại sống, cần phải phụng thờ ai để mạng sống được an toàn, sức nhớ ngày xưa ta thường nghe có người con dòng họ Thích bỏ nhà đi học đạo, thành đạo có hiệu là Phật thông suốt quá khứ, vị lai nên đến đó xin nương tựa, quy y, liền lên đường thẳng đến Kỳ hoàn, từ xa thấy Như Lai như cây đại thọ xanh tươi, như vàng trắng trong các vì sao.

Bấy giờ Đức Phật dùng Tam minh vô lậu quan sát thấy ta cần phải tế độ liền đến đón ta. Ta lúc ấy thân hình lỏa lồ không có gì che thân, liền ngồi phệt xuống đất lấy tay che vú. Đức Phật dạy ngài A-nan:

– Ông đem cái y này cho người nữ kia.

Ta vận y vào đánh lễ ngang chân Đức Phật, trình bày những tai ách tội lỗi cả ta, mong Ngài rủ lòng thương xót nhận ta vào đạo. Đức Phật dạy ngài A-nan nên dẫn người nữ này giao cho Kiều-đàm-di, cho thọ giới pháp. Bà Đại Ái Đạo liền nhận ta làm Tỳ-kheo-ni và thuyết cho ta nghe về pháp Tứ đế, khổ, không, vô thường. Sau khi nghe pháp xong, ta dốc tâm tinh tấn tu hành, tự mình đạt đến quả Ứng chân, rõ biết quá khứ, vị lai. Nay trong đời hiện tại tất cả những khổ báo đều rõ ràng như các nghiệp mà ta đã tạo ra trong quá khứ không sai khác chút nào.

Các Tỳ-kheo-ni thưa hỏi:

– Đời trước do lỗi lầm gì mà nay người phải gánh tai ương như vậy? Cúi mong đại Ni sư thuyết cho.

Tỳ-kheo ni Vi Diệu đáp:

– Các người hãy lắng lòng nghe! Vào quá khứ có một vị trưởng giả giàu có của cải vô số, mà không có con, cưới một người vợ nhỏ, tuy là vợ nhỏ nhưng có sắc đẹp vô song được người chồng rất yêu quý. Sau đó nàng mang thai đã tròn mười tháng sinh được một nam nhi, vợ chồng đều yêu quý xem mãi không chán. Người vợ lớn thầm nghĩ: “Ta tuy dòng quý tộc, nhưng hiện không có con để nối dõi tông đường; đứa nhỏ này mai một khôn lớn cai quản nhà cửa, ruộng vườn tài sản nó sẽ quản

hết. Ta lao khổ cực nhọc mới tích góp được tài sản này đến khi đó ta không còn tự tại thoải mái đối với tài sản đó nữa.” Từ đó tâm ganh ghét nổi lên, bà nghĩ rằng thà sớm trừ nó đi. Ngầm ý lấy một cây kim nhọn bằng thiếc đâm sâu vào mỏ ác không ai biết. Đứa bé chết dần chết mòn, bảy ngày sau thì chết. Người vợ nhỏ buồn rầu nảo, chết đi sống lại. Trong lòng nghi ngờ người vợ lớn sinh lòng ganh ghét giết con của mình, người vợ nhỏ hỏi: “Này chị, con của tôi không có tội tình ân oán gì với chị sao chị lại giết con tôi?”

Người vợ lớn liền thề thốt: “Nếu ta mà giết con của người thì đời đời chồng ta bị rắn độc cắn chết, con cái ta chết sông chết biển, bị lang sói ăn, thân ta bị chôn sống đi, ta ăn thịt con ta, cha mẹ, thân bằng quyến thuộc nhỏ lớn bị tai nạn hỏa hoạn mà chết. Sao lại mắng, lại nghi oan cho ta.” Vào lúc đó, do không tin vào tội phước tai ương quả báo, những lời thề ngày trước nay chịu quả báo không ai thay thế cho được.

Này các Tỳ-kheo-ni, người vợ lớn ngày trước nay chính là ta.

Các Tỳ-kheo-ni lại hỏi:

– Do sự may mắn nào mà đại Ni sư gặp được Đức Thế Tôn rồi được nhận vào đạo học hỏi giáo lý xa lìa sinh tử.

Tỳ-kheo ni Vi Diệu trả lời:

Ngày xưa ở Ba-la-nại có một ngọn núi lớn gọi là núi Tiên, trong núi thường có những vị Bích-chi-phật, Thanh văn, ngoại đạo, Thần tiên. Lúc bấy giờ có một vị Duyên giác vào thành khát thực. Có người vợ của một trưởng giả thấy vị ấy khát thực sinh tâm hoan hỷ cúng dường. Vị Duyên giác ăn xong phi hành lên hư không thân xuất ra nước lửa, nằm ngồi trên không trung, người vợ trưởng giả thấy vậy phát thệ nguyện: “Mong ta đời sau đắc đạo giống vậy.” Người phát thệ nguyện lúc đó, nay chính là ta, do nhân duyên đó mà gặp được Như Lai, tâm trí được khai ngộ, thành La-hán. Ngày nay, thân ta tuy đã đắc quả A-la-hán nhưng ngày đêm thường bị một mũi kim thiếc châm từ trên đầu thẳng xuống dưới chân đau đớn không dứt được. Họa phúc như vậy không bao giờ mất báo ứng của nó.

Lúc bấy giờ năm trăm vị Tỳ-kheo-ni quý phái kia được nghe thuyết pháp như vậy, ai nấy đều lo lắng, quán sát gốc rễ của dục giống như lửa hừng. Từ đó tâm tham dục vĩnh viễn không sinh, nổi khổ tại gia như lao ngục và các trần cấu diệt trừ hết, nhập vào thiền định chứng quả A-la-hán. Tất cả đồng thanh thưa với đại Ni sư:

— Chúng con nghiệp ái dâm dục cứ cột trôi chúng con triền miên không làm sao mà nhổ bật gốc rễ nó được. Nay nhờ ân đức của đại Ni sư

hướng dẫn tất cả chúng con được vượt thoát sinh tử.

Khi ấy Đức Phật khen ngợi:

– Lành thay Vi Diệu! Vì đạo giải thoát đem chánh pháp mà răn dạy mọi người là Phật tử chân chánh.

Tất cả hội chúng nghe xong đều hoan hỷ, đánh lễ phụng hành.



Phẩm 17: A-THÂU-CA CÚNG DƯỜNG ĐẤT

Tôi nghe như thế này:

Một thời Đức Phật trú tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Lúc bấy giờ vào buổi sáng Đức Phật cùng A-nan vào thành khát thực, thấy một đám trẻ em đang chơi trên đường. Chúng dồn đất lại để nặn đồ chơi, nào là cung điện, nhà cửa, bình chứa tài sản, vật báu ngũ cốc. Trong đám nhỏ đó có một em bé từ xa thấy Phật đi tới tướng hảo quang minh, sinh lòng cung kính, hoan hỷ vui mừng tâm muốn cúng dường Phật, em mới lấy cái bình trong đó đựng đồ chơi ngũ cốc muốn dâng lên cúng dường Phật; nhưng với không tới. Em nói với em bé khác:

– Tôi đứng lên người bạn để cúng dường ngũ cốc cho Phật.

Em bé kia đồng ý, nó liền đứng trên vai em bé ấy lấy đất cúng Phật. Đức Phật hạ bát cúi xuống nhận lấy. Nhận xong, Ngài trao cho A-nan và nói:

– Ông hãy giữ số đất này để về quét lên những chỗ dơ ở tường phòng của Ta.

Khất thực xong trở về tinh xá Kỳ hoàn, ngài A-nan lấy đất quét phòng của Phật vừa đủ sạch một bên thì đất vừa hết, xong A-nan sửa lại y phục lên bạch với Phật. Đức Phật dạy A-nan:

– Em bé hoan hỷ cúng dường đất đủ để quét những chỗ dơ một bên phòng của Phật, nhờ công đức này sau khi Ta nhập Niết-bàn khoảng một trăm năm sẽ làm vua một nước lấy hiệu là A-thâu-ca, còn các em bé khác thì làm quan đại thần cùng cai trị các quốc độ trong cõi Diêm-phù-đề này để làm hưng thịnh Tam bảo, cúng dường rộng khắp, phân bố xá-lợi khắp cõi Diêm-phù-đề, xây dựng tám mươi bốn ngàn ngôi tháp cho Ta.

A-nan nghe xong tán thán khen ngợi và hỏi tiếp:

– Bạch Đức Như Lai, ngày xưa do công đức gì mà có phước báo nhiều tháp như vậy?

Đức Phật dạy:

– Nay A-nan, ông phải chuyên chú lắng nghe. Vào kiếp quá khứ lâu xa a-tăng-kỳ kiếp, có vị vua một nước lớn tên là Ba-tắc-kỳ cai trị tám ngàn bốn trăm nước trong cõi Diêm-phù-đề. Vào lúc đó có

Đức Phật hiệu là Phất-sa. Vua Ba-tắc-kỳ và các đại thần đem đủ tứ sự cúng dường Đức Phật và chúng Tỳ-kheo Tăng với một tấm lòng tôn kính vô lượng. Vua suy nghĩ: “Nay đại quốc này toàn thể nhân dân luôn được thấy Phật, lễ bái cúng dường. Còn các nước nhược tiểu kia, ở ngoài biên địa, nhân dân thiếu điều kiện để tu phước, nay cho vẽ hình tượng Phật phổ biến khắp các nước nhằm gợi ý thức cúng dường.” Suy nghĩ xong, vua cho triệu tập các họa sư rồi sai thiết kế hội họa. Các họa sư đến ngồi một bên Phật để vẽ, vừa nhìn Phật vừa vẽ, vì thế chỉ vẽ được một phía. Còn thiếu các phía bên kia. Lại tiếp vừa nhìn các phía còn lại vừa vẽ, vì thế chỉ vẽ được từng mảnh cho nên bức họa không thành toàn bích được. Khi ấy Đức Phật Phất-sa hòa nhập các mảng lại, tự tay Phật vẽ đúng theo pháp thức thành một hình toàn bích, sau đó các họa sư y cứ vào đó phóng ra tám mươi bốn ngàn hình tượng, vô cùng tuyệt tác đúng y như Phật, rồi cho phổ biến khắp mỗi nước mỗi bức và dẫn dò nhân dân mỗi nước dâng hương hoa để cúng dường hình tượng. Nhân dân các nước có được hình tượng Như Lai tôn kính phụng thờ như gặp được chính thân Phật vậy.

Đức Phật dạy:

– Nay A-nan, vua Ba-tắc-kỳ thuở đó nay chính là Ta. Do nhân duyên vào thời đó cho họa tám mươi bốn ngàn hình tượng Phật, phổ biến khắp các nước và bày cách thức cúng dường, công đức này

đời đời tiếp nhận được phước, trên trời hoặc trong loài người, sinh bất cứ nơi nào đều có nhan sắc tuyệt đẹp, đoan chánh. Có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Do công đức này đưa đến thành Phật, sau khi nhập Niết-bàn lại được quả báo có tám mươi bốn ngàn tháp được xây dựng.

Hiền giả A-nan và cả hội chúng nghe Đức Phật thuyết xong hoan hỷ phụng hành.



Phẩm 18: CÚNG DƯỜNG BẢY BÌNH VÀNG

Tôi nghe như thế này:

Một thời Đức Phật trú tại lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ các Tỳ-kheo trong mỗi nước tùy ý an cư, trải qua chín mươi ngày, sau khi an cư xong đều đến chỗ Phật mà hỏi những nghi vấn và nhận lời giáo huấn. Đức Phật và chúng Tỳ-kheo xa nhau đã lâu, lòng càng thương nhớ, Đức Phật cất bàn chân tướng thiên bức luân và cánh tay thần để chúng Tỳ-kheo xem, an ủi vỗ về sự lao khổ của họ, rồi sau đó hỏi thăm:

— Các vị ở xa tới có lẽ sự cúng dường ẩm thực chắc không thiếu chứ?

Công đức Như Lai ở trên thế gian không ai sánh bằng. Nay Ngài hạ cố thăm hỏi các Tỳ-kheo, đặc biệt quan tâm. A-nan thấy đó là một việc lạ nên thưa hỏi Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn, Ngài là một Bạc Xuất Thế, tối tôn đặc thù, công đức trí tuệ hiếm có trên đời. Nay Ngài hạ cố thăm hỏi an ủi các Tỷ-kheo, có điều gì tốt lành chăng? Bạch Đức Thế Tôn, không rõ Đức Thế Tôn có những lời lẽ khiêm tốn như thế là có ý xa gần muốn dạy bảo điều gì?

Đức Phật dạy:

– Nếu người muốn biết, hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ nói:

Ngài A-nan thưa:

– Xin vâng, chúng con cung kính lắng nghe.

Đức Phật dạy:

– Nay A-nan, vào thời quá khứ lâu xa, vô số lượng a-tăng-kỳ kiếp không thể tính hết, ở cõi Diêm-phù-đề này có một nước lớn tên là Ba-la-nại, có một người chăm lo sự nghiệp gia đình, rất ham muốn vàng, ra sức dồn góp, lê thân buôn bán khắp bốn phương trời để có tiền bạc dồn vào mua vàng. Một hôm mua được một bình vàng, đào một chỗ trong nhà để chôn giấu, lo toan nhiều thứ khổ tâm mệt xác, trải qua nhiều năm không dám ăn mặc, liên tục dồn góp được bảy cái bình, đều đem chôn giấu.

Một thời gian sau ông ta ngã bệnh rồi chết. Do tâm luyến ái số vàng đó liền tái sinh làm một con độc xà trở về trong nhà để canh giữ bình vàng đó, thọ mạng trải qua năm tháng đến hồi chung cuộc

phải bỏ thân xác; nhưng tâm luyện ái của cái không dừng, trở lại thọ thân cưu mang các bình vàng đó tiếp tục trải qua số đến muôn tuổi. Đến lần thọ thân sau cùng, tâm ông sinh nhàm chán, tự nghĩ: “Ta từ trước tới nay do vì ái luyện vàng mà chịu mang thân hình độc xà này, chưa có ngày chấm dứt. Nay ta nên chuyên tâm làm nhiều việc phước để đời đời hưởng ân phước báo.” Nghĩ xong, độc xà tìm một chỗ bên vệ đường, khoanh mình nằm trong bụi cỏ, ẩn mình xem xét, nếu có người đi qua sẽ gọi.

Lúc ấy độc xà thấy một người đi hướng về phía mình, độc xà kêu lên, người kia nghe tiếng, nhìn phải nhìn trái không thấy bóng người mà chỉ nghe tiếng, nên lại thẳng đường mà đi. Độc xà liền xuất hiện gọi lớn:

– Này hãy đến gần tôi.

Người kia đáp:

– Người là rắn độc gọi ta có việc gì? Nếu ta đến gần người sẽ hại ta.

Độc xà đáp:

– Ta không có ý hại người, nếu có ý muốn hại người, không lại gần ta cũng hại được vậy!

Người kia rất kinh sợ nhưng cứ đến gần. Độc xà nói:

– Nay ở chỗ ta có cái bình vàng muốn đem cái bình vàng đó để lo việc cúng dường làm phước, người làm được việc này không? Nếu người không

làm ta sẽ hại người.

Người kia đáp rằng tôi sẽ làm. Độc xà liền dẫn người đó cùng đến chỗ cất giấu vàng, lấy bình vàng lên đưa cho người kia rồi nói:

– Người đem bình vàng này chọn ngày để lo việc cúng dường chúng Tăng âm thực. Hẹn ngày xong, khi nào đi mang một cái thúng để bỏ ta vào rồi cùng đi.

Người kia mang bình vàng đem đến Tăng-già-lam, trao cho thầy Duy na và đem sự việc trên trình bày đầy đủ cho thầy, nói:

– Độc xà kia muốn thiết trai cúng dường, xin chọn ngày dâng vật thực.

Vị Tăng nhận bình vàng kia để lo trần thiết sửa soạn những món ăn ngon. Đến ngày cúng dường, người kia mang một cái thúng nhỏ đến chỗ con rắn kia. Rắn mừng rỡ hỏi han liền khoanh thân trên cái mâm bỏ vào trong thúng, che đậy nhiều lớp trên mình rắn rồi mang đến chỗ Đức Phật. Đang đi giữa đường, ông ta bỗng gặp một người, người ấy hỏi:

– Ông từ đâu lại mà mang đôi giày đẹp vậy?

Ông ta im lặng, không đáp. Hỏi đến lần thứ ba, ông ta cũng không thêm trả lời một tiếng. Người mang con rắn nổi sân hùng hục, có ý độc địa muốn giết chết người kia, nhưng tự cố ngăn được cơn giận vì sao người kia hỏi không đúng lúc! Rắn tự nghĩ: “Người kia cũng có ý tốt, dừng lại hỏi thăm,

trình trọng hỏi đến ba lần mà ông ta không trả lời lấy một lời, thật không phải lẽ!” Sau khi suy nghĩ như thế, tâm độc lại dấy lên bộc phát mãnh liệt muốn hại người đang mang mình. Nhưng rồi rấn tự nghĩ: “Người này vì ta mà làm phước chưa trả được ân.” Nhiều lần nghĩ vậy, tâm nó trở lại bình phục: “Đối với người này ta mang ân lớn, tuy có chút lỗi việc ấy nên nhẫn nhịn thì hơn.” Đến chỗ vắng, rấn mới nói với người kia: “Bỏ ta xuống đây,” rồi tìm lời trách móc nặng nề, đem giới pháp mà khuyên bảo. Người kia mới thấy rõ, tự mình trách móc, hối cải, sinh tâm khiêm tốn, lòng thương xót đến mọi người. Rấn rất nhiều lần khuyên bảo không nên tái phạm như vậy.

Người kia mang con rấn đến Tăng-già-lam đặt trước chúng Tăng. Đến giờ chúng Tăng thọ thực đứng thành từng hàng, rấn bảo người kia theo thứ tự mà cúng dường hương, bằng tâm cung kính trực tiếp thấy được chúng Tăng nhận hương, như vậy cho đến vị cuối cùng, tận mắt nhìn thấy không sót một vị, rồi được dẫn theo chư Tăng nhiều vòng quanh tháp. Xong, người kia lấy nước cho chư Tăng rửa tay, rấn trong lòng cung kính, quan sát chúng Tăng rửa tay, tâm không chán. Chúng Tăng thọ thực xong nhiều lần nói pháp cho rấn nghe một cách rộng rãi, tâm hoan hỷ tăng lên gấp bội. Rấn liền khởi tâm bố thí thêm nữa, cho dẫn thầy Duy na đến chỗ giấu vàng, lấy lên sáu bình còn lại và

dâng cúng chư Tăng. Sau việc làm phước đó, răn mạng chung và do nhân duyên phước đức được sinh vào cung trời Đao-lợi.

Đức Phật dạy A-nan:

– Ông nên biết, người mang răn thuở trước không phải ai khác mà chính là Ta. Độc xà nay là Xá-lợi-phất. Ta vào lúc đó trải qua những ngày mang răn đến chỗ chúng Tăng, bị răn quở trách, tự thấy xấu hổ lập lời thệ nguyện và sinh tâm khiêm hạ. Những sự việc đó từ ấy đến nay chưa từng thoái chuyển.

Bấy giờ các Tỳ-kheo trong hội chúng và Tôn giả A-nan nghe Đức Phật thuyết xong đều hoan hỷ phụng hành.



Phẩm 19: PHƯỚC BÁO TRONG HIỆN TẠI CỦA SAI-MA

Tôi nghe như thế này:

Một thời Đức Phật trú tại tinh xá Trúc lâm, thành La-duyet-kỳ, cùng một số đông các đệ tử.

Bấy giờ, ở trong nước có một Bà-la-môn gia đình cùng khổ, tiền gạo thiếu thốn, mặc dầu siêng năng cần mẫn mà tai họa dập dồn. Đi đến đường cùng, cơm áo không đủ, ông đến hỏi một người bạn:

– Trong thế gian này nên làm những việc gì để trong hiện tại con người có thể hưởng được phước đức?

Có người bảo:

– Ông không biết sao, hiện nay đang có Đức Phật ra đời lấy phúc đức độ cho chúng sinh, tất cả đều được lợi lạc, không có ai mà không được độ thoát. Như Lai có bốn vị đại đệ tử: ngài Ma-ha Ca-diếp, Đại Mục-kiền-liên, Xá-lợi-phất và A-na-luật, tất cả đều là những vị Hiền sĩ, đều thương xót những người nghèo khổ, thường làm những việc phước thiện để đem lại lợi lạc, cứu khổ cho chúng sinh. Nếu ông hết lòng kính tin, thiết trai cúng dường các vị Hiền sĩ này rồi nhân dịp đó nói lên những lời ước nguyện ngay tại đời này.

Vị Bà-la-môn nghe những lời khuyên như thế trong lòng rất hoan hỷ. Trở về nước, ông đi khắp nơi rao tìm việc và cật lực làm việc kiếm được một ít tài vật mang về nhà lo sắm sửa vật thực thỉnh các vị Hiền thánh chọn ngày cúng dường, dốc lòng siêng năng mong được quả báo hiện tiền. Vị Bà-la-môn có người vợ tên là Sai-ma (*Tân dịch là An Ổn*). Sau khi chư Tăng Tôn đức thọ trai xong khuyên Sai-ma thọ trì giới Bát quan trai, rồi trở về tỉnh xá.

Khi đó vua Bình-sa đang dạo chơi trong rừng trở về thành, trên đường gặp một người phạm vào

trọng tội của vua bị trói treo đầu ở bên vệ đường. Khi thấy vua đi ngang qua, người ấy khóc lóc thảm thiết van xin một ít thức ăn, vua động lòng thương, hứa sẽ cho rồi tiếp tục đi. Ngày đã trôi qua vua quên sự việc đã hứa trước đó, đêm về sức nhớ rằng khi sáng có hứa cho người phạm tội một ít thức ăn, rồi làm sao quên mất. Vua liền sai người mang thức ăn đến cho người kia, cả nội, ngoại cung không ai muốn đi, đều nói:

– Sợ về đêm trên đường có nhiều mãnh thú, ác quỷ, La-sát, rất nhiều rủi ro tai nạn xảy ra. Thà chết ở đây còn hơn là đi.

Bấy giờ nhà vua nghĩ đến nỗi khổ của phạm nhân kia mà thân tâm sinh phiền não, rất động lòng thương xót vua liền ra lệnh cho trong nước nếu ai có thể đem thức ăn đến cho người kia thì vua ban thưởng cho ngàn lượng vàng, nhưng không có người nào chịu thực hiện lời ban của vua cả. Khi đó Sai-ma thường nghe người ta nói: Nếu ở đời có người thọ trì giới Bát quan trai thì các ác tà quỷ sứ, độc thú, tai ương không thể làm tổn hại được. Sai-ma nghe vua ban lệnh như vậy liền khởi lên ý tưởng: “Nhà ta nghèo khổ, hơn nữa ta lại có thọ giới Bát quan trai. Nay vua có lời ban ta nên đích thân đến đó để nhận lời.” Nghĩ rồi nàng liền đến đó. Vua nói với Sai-ma:

– Khanh giúp ta mang thức ăn đến chỗ đó, ta sẽ ban thưởng cho người một ngàn lượng vàng.

Sai-ma liền nhận mệnh lệnh của vua xong mang thức ăn đi trên đường dốc tâm trì trai giữ giới không có khuyết phạm. Cứ đúng theo đường mà đi, đi được một đoạn khá xa gặp một con quỷ La-sát tên là Lam-bà. Khi ấy quỷ La-sát vừa sinh ra năm trăm đứa con, vừa sinh xong trong bụng rất đói khát thấy Sai-ma đến, trông để ăn nhưng do vì Sai-ma trì trai giới không khuyết phạm, nên La-sát trông thấy đổi ý sợ hãi, con đói hành hạ kịch liệt liền đi theo xin:

– Xin cho tôi một ít thức ăn.

Sai-ma đồng ý lấy một ít thức ăn để cho, thức ăn tuy ít nhưng ăn vào do năng lực của quỷ thần cũng thấy đủ no. Bấy giờ La-sát hỏi Sai-ma:

– Người tên là gì?

Đáp:

– Tôi tên là Sai-ma.

La-sát hoan hỷ nói với Sai-ma:

– Nay tôi vừa sinh xong mà được an ổn là nhờ bạn cứu mạng, thật may mắn cho tôi rất nhiều! Tôi mang ân cứu mạng của bạn rồi nghe được cái tên bạn thật hay. Nay trong nhà tôi có cái chỗ bằng vàng xin biếu cho bạn, mong bạn nhận cho.

La-sát lại hỏi:

– Nay bạn đi đến đâu?

Sai-ma đáp:

– Tôi mang thức ăn này cho phạm nhân ở chỗ

kia.

Lam-bà nói:

– Tôi có người em ở phía trước tên là A-lam-bà, nếu bạn gặp thì cho tôi gửi lời thăm hỏi, nói giúp là tôi vừa mới sinh được năm trăm người con, thân thể được an ổn, trình bày rõ tình cảm của tôi để chị tôi rõ tin tức.

Sai-ma nghe xong thẳng đường mà đi gặp A-lam-bà hỏi thăm và chuyển lời của Lam-bà lại rõ từng chi tiết, sinh được năm trăm đứa con, đều được an ổn. Khi ấy A-lam-bà nghe xong trong lòng vui mừng, hỏi người khách:

– Chị tên gì?

Nàng đáp:

– Tôi tên là Sai-ma.

La-sát nghe cũng vui vẻ nói:

Chị tôi sinh xong được mẹ tròn con vuông, rồi nghe tên của chị thật đẹp làm sao! Nay trong nhà tôi có cái chỗ bằng vàng mang biểu chị, xin chị nhận cho. A-lam-bà hỏi tiếp:

– Chị đi đến đâu? Sai-ma đáp:

– Tôi mang thức ăn đến chỗ đó cho phạm nhân kia.

A-lam-bà nói:

– Tôi có người em trai tên là Phấn-na-kỳ, ở phía trên kia, xin chị giúp tôi hỏi thăm rồi nhân đó chuyển lại lời của chị nó. Sai-ma từ giã đi tiếp,

đúng như lời dặn đến gặp Phấn-na-kỳ, chuyển đạt lại ý kiến của hai chị Phấn-na-kỳ đầy đủ, nói:

– Người chị lớn sinh được năm trăm người con, bình an vô sự không có điều gì không may xảy ra.

Phấn-na-kỳ nghe tin hai chị mình bình an, trong lòng hoan hỷ liền hỏi Sai-ma:

– Tên chị là gì?

Đáp:

– Tên tôi là Sai-ma.

Phấn-na-kỳ đáp:

– Tên chị là ý nghĩa của sự an ổn, lại mang những tin tức tốt đẹp của chị tôi, thật không có gì thích thú bằng!

Liền nói với Sai-ma:

– Tôi có cái chỗ vàng muốn biếu chị, mong chị nhận cho.

Nàng Sai-ma chào từ biệt lên đường đi tiếp, nhớ rõ chỗ đến gặp phạm nhân, trao thức ăn, rồi trở về nhà cùng đem về ba cái chỗ bằng vàng. Trở về đến cung vua, vua ban thưởng một ngàn lạng vàng. Sau đó gia đình thoát khỏi cảnh nghèo đói trở nên giàu có.

Dân chúng trong nước thấy gia đình ấy có nhiều báu vật giàu sang mọi người mến mộ lui tới, vui vẻ đông đúc, trong gia đình trở nên giàu có sung túc. Vua nghe phước đức vị ấy như vậy liền cho triệu vào cung phong làm chức đại thần, nhận

được bổng lộc của vua gia đình trở nên giàu có hơn. Lòng tin thuần nhất thành khẩn, rộng làm phước nghiệp, thỉnh Phật và chúng Tăng mở đàn tràng lớn. Đức Phật và Tăng chúng nhận lời cầu thỉnh. Sau khi đến thọ trai xong, Đức Phật thuyết giảng chánh pháp, tâm trí của họ được khai mở đắc quả Tu-đà-hoàn.

Bấy giờ hội chúng và A-nan sau khi nghe xong đều hoan hỷ phụng hành.



Phẩm 20: CÔ GÁI NGHÈO NAN-ĐÀ

Tôi nghe như thế này:

Một thời Đức Phật trú tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ trong nước có người con gái tên là Nan-đà, bản cùng, cô độc, tự hành khát để nuôi sống. Thấy các vị quốc vương, đại thần, lớn nhỏ đều cúng dường Đức Phật và chúng Tăng, Nan-đà suy nghĩ: “Ta do tội báo đời trước sinh vào chỗ bản tiện. Tuy gặp việc phước điền mà không gieo được chút chủng tử.” Nàng cảm thấy chua xót thảm thương, tự mình rất hối hận, liền tiếp tục hành khát mong để cúng dường một chút nhỏ. Đi liên tục trọn ngày xin được một đồng tiền, nàng đem đến nhà hàng dầu để mua, người bán dầu hỏi:

– Chỉ mua một đồng thôi ít quá chẳng đủ dùng

vào việc gì!

Nan-đà trình bày và nói lên tâm nguyện của mình, người bán dầu thương tình cho thêm dầu. Nàng có dầu rồi rất hoan hỷ đủ châm cho một cây đèn, rồi mang đến tinh xá dâng lên Đức Thế Tôn.

Nàng đem đặt vào số các cây đèn trước Đức Phật, rồi lập lời nguyện:

— Con nay nghèo khổ, có cây đèn nhỏ này kính dâng lên Đức Phật, nguyện với công đức này khiến con trong đời vị lai có được trí tuệ để chiếu soi diệt trừ tất cả các cấu uế và u ám của tất cả chúng sinh.

Lập lời nguyện xong, nàng lễ Phật và lui ra. Đêm đã về khuya, các đèn đều tắt hết chỉ còn cây đèn đó đang cháy đỏ. Bấy giờ ngài Mục-liên đến phiên trực nhật, thấy trời đã sáng thu đèn để dẹp vào một chỗ, thấy riêng cây đèn này vẫn đỏ sáng rực, bắc đã khô quánh lại mà cũng chưa tắt, giống như đèn mới cháy vậy. Ngài Mục-kiền-liên suy nghĩ: “Cây đèn này, trời đã sáng rồi, để cũng vô ích nên thôi tắt, đêm tối thắp lại.” Ngài liền quạt cho tắt, nhưng đèn vẫn sáng như cũ, không cách nào dập tắt được. Ngài bèn lấy tay áo mà quạt nhưng đèn vẫn sáng không tắt. Đức Phật thấy Mục-liên muốn tắt cây đèn này, Ngài dạy:

— Nay Mục-liên, ông nên biết cây đèn này, năng lực Thanh văn của ông không thể làm lay động nó được, dùng nước bốn biển phun vào cùng với gió

thôi cũng không làm cho nó tắt được. Vì sao như thế? Đây là một vật mà người cúng dường đã phát tâm rộng lớn cao siêu vời vợi đã thực hiện.

Đức Phật vừa nói xong thì Nan-đà đến cúi đầu đánh lễ. Ngay khi đó Đức Thế Tôn liền thọ ký cho cô là người vào thời vị lai hai trăm kiếp a-tăng-kỳ sẽ thành Phật lên là Đăng Quang có đầy đủ mười hiệu. Nan-đà được thọ ký rồi hoan hỷ quỳ xuống bạch Phật cầu xin xuất gia, được Đức Phật chấp thuận và trở thành Tỳ-kheo-ni.

Bấy giờ Tuệ mạng A-nan và Mục-liên, thấy người con gái nghèo khổ được xuất gia, thọ ký, liền quỳ xuống chấp tay hỏi Đức Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, cô gái Nan-đà này do hành động gì trong quá khứ mà đến nay phải chịu cảnh xin ăn để nuôi sống; và do nhân duyên gì nay lại gặp được Phật, xuất gia. Cả tứ chúng đều cung kính, mọi người tranh nhau cúng dường?

Đức Phật dạy A-nan:

– Trong quá khứ có Đức Phật hiệu là Ca-diếp. Lúc bấy giờ trong nước có vợ một người cư sĩ đích thân đến thỉnh Phật cùng chư Tăng. Nhưng trước đó, Đức Phật nhận lời mời cúng dường của một người nữ nghèo; người nữ này đã chứng đắc đạo quả A-na-hàm. Khi ấy vợ vị trưởng giả giàu có khinh khi các người nghèo, chê trách Đức Thế Tôn thọ nhận lời mời thỉnh của kẻ nghèo hèn kia, từ

những lời chê trách đó đi đến ý tưởng khinh chê Hiền thánh. Từ đó đến nay năm trăm kiếp thường sinh trong gia đình nghèo khó ăn xin. Người nữ nghèo khổ kia do duyên tổ chức ngày trai cúng dường Phật và chúng Tăng vào lúc đó mà nay được gặp Phật ra đời, được xuất gia thọ ký, trong nước ai cũng cung kính.

Bảy giờ hội chúng nghe Đức Phật dạy về điều này ai cũng đều hoan hỷ. Quốc vương, thần dân nghe người con gái khổ sở này dâng cúng Phật một cây đèn như vậy ai cũng đều sinh tâm cung kính và nhiều người dâng cúng y phục tốt đẹp và bốn loại vật dụng không hề thiếu thốn. Nam nữ trong nước, cao quý thấp hèn, lớn nhỏ đều làm các loại hương hoa đèn dầu mang đến Kỳ hoàn để cúng dường Phật và chúng Tăng rất nhiều, đèn treo cùng khắp trong Kỳ hoàn, khắp các rừng cây bao quanh tứ phía giống như các dãy sao ở trên không trung, kéo dài cho đến bảy ngày đêm.

Ngài A-nan rất hoan hỷ tán thán vô lượng đức hạnh của Như Lai và bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, không rõ Đức Thế Tôn trong kiếp quá khứ đã gieo trồng các thiện căn gì mà nay có được phước báo được cúng đèn nhiều vô số kể như vậy.

Đức Phật dạy:

– Nay A-nan, trong quá khứ lâu xa hai a-tăng-

kỳ chín mươi một kiếp, ở cõi Diêm-phù-đề này có một nước lớn, vua tên là Ba-tắc-kỳ làm chủ tám mươi bốn ngàn các tiểu quốc trong thế giới này. Vua có một đại phu nhân sinh được một thái tử thân có sắc vàng ròng, ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp, trên thượng đỉnh có tướng báu tự nhiên. Các tướng chiếu sáng, ánh sáng chiếu soi mắt người. Vua liền cho mời một thầy tướng để xem điềm cát hung thế nào, từ đó mà đặt tên. Thầy tướng mới vén ra xem, thấy những tướng tốt kỳ diệu, liền cất tay tán thán: “Lành thay, lành thay! Vị thái tử này ở trong thế gian, trời người không ai sánh kịp. Nếu ở tại nhà thì sẽ làm Chuyển luân thánh vương còn đi xuất gia tự nhiên thành Phật.”

Vị thầy tướng hỏi vua:

– Khi sinh thái tử có sự việc gì khác thường không?

Vua đáp:

– Ở trên đỉnh đầu có một tướng báu sáng chói xuất hiện.

Liền từ đó đặt tên là Lặc-na-thức-kỳ (*Tân dịch là “Cái búi tóc báu”*). Trải qua ngày tháng lớn lên, thái tử xuất gia học đạo, chứng ngộ thành Phật, giáo hóa nhân dân, độ được rất nhiều.

Bảy giờ phụ vương thỉnh Đức Phật và chúng Tăng cúng dường trong ba tháng có một Tỳ-kheo tên là A-lê-mật-la (*Tân dịch là Thánh Hữu*), lo việc

liên hệ với đàn-việt về hương đăng hàng tháng vào thành đến nhà. Các trưởng giả, cư sĩ và nhân dân xin đầy đủ các loại dầu, đèn và bắc. Bấy giờ có người con gái tên là Mâu-ni đứng trên lầu cao thấy vị Tỳ-kheo hàng ngày vào thành vất vả với công việc, lòng sinh kính trọng, cho người đến hỏi:

– Thưa Tôn giả ngày nào cũng thấy ngài vất vả vào thành để lo công việc gì?

Vị Tỳ-kheo trả lời:

– Tôi trong ba tháng này lo liên hệ với đàn-việt về dầu đèn để lo cho Đức Phật cùng chư Tăng, cho nên mới vào thành đến nhà chư hiền để xin đầy đủ các thứ dầu, đèn, bắc.

Người thị tỳ trở về báo lại cho vương nữ. Nghe xong cô hoan hỷ đến nói với Thánh Hữu:

– Từ nay về sau ngài khỏi cần phải đi xin cực khổ, tôi sẽ cung cấp đầy đủ đèn dầu cho ngài.

Vị Tỳ-kheo nhận lời. Từ đó trở về sau nàng thường cung cấp đầy đủ đèn, dầu, bắc, Tỳ-kheo Thánh Hữu hàng ngày lo việc hương đăng cúng dường, phát tâm rộng lớn với lòng thành khẩn thiết. Đức Phật thọ ký cho Thánh Hữu vào thời a-tăng-kỳ kiếp sẽ thành Phật hiệu là Định Quang đầy đủ mười đức hiệu. Vương nữ Mâu-ni nghe Đức Phật thọ ký cho Tỳ-kheo Thánh Hữu làm Phật, suy nghĩ: “Tất cả mọi vật dụng đèn dầu ta lo, còn vị Tỳ-kheo ấy chỉ lo việc sửa soạn lại vậy mà nay

được Đức Phật thọ ký còn riêng ta thì không được.” Mâu-ni liền đi đến chỗ Phật để tỏ bày tâm nguyện, lại được Phật thọ ký:

– Nay Mâu-ni, người vào hai a-tăng-kỳ chín mươi một kiếp sẽ thành Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni, đầy đủ mười hiệu.

Bấy giờ vương nữ được Phật thọ ký trong tâm hoan hỷ được hóa thành nam giới, đánh lễ ngang chân Phật, xin làm Sa-môn. Đức Phật liền chấp nhận. Vị ấy siêng năng tinh tấn, tu hành không biếng trễ.

Đức Phật dạy A-nan:

– Tỳ-kheo A-lê-mật lúc ấy đâu phải ai khác trong quá khứ, chính là Phật Định Quang. Vương nữ Mâu-ni cũng chẳng phải ai khác chính là Ta vậy. Nhân duyên ngày ấy cúng dường hương đăng, từ đó vô số kiếp đến nay ở trên chư Thiên hoặc trong thế gian tự nhiên thọ nhận phước đức. Thân thể đặc thù siêu việt hơn người, đến nay thành Phật là do phước báo cúng dường hương đăng lúc đó.

Trong đại hội nghe Đức Phật dạy xong, có người rắc từ Sơ quả cho đến Tứ quả, hoặc có người gieo trồng căn lành vào quả vị Duyên giác, có người phát tâm Vô thượng chánh chân Đạo ý.

Tuệ mạng A-nan cùng các hội chúng, tất cả đều cung kính, hân hoan phụng hành.



Phẩm 21: NHÂN DUYÊN VUA ĐẠI QUANG MINH PHÁT TÂM ĐẠO

Người có hiểu biết, trí tuệ và khéo léo dùng phương tiện, từ nơi nhân duyên nhỏ mà có thể phát đại tâm hướng đến Phật đạo. Người giải đãi biếng nhác, cho dù gặp duyên lớn cũng không thể phát tâm hướng đến Phật đạo. Vì thế hành giả phải lập tâm chí vững bền dững mãnh tinh tấn với nhân duyên lành. Làm sao biết như vậy?

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn trú tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ cùng với bốn chúng, vua quan, nhân dân vây quanh Đức Thế Tôn cúng dường cung kính.

Bấy giờ ở trong đại chúng có nhiều người khởi nghi vấn: “Đức Thế Tôn do nhân duyên căn bản của Ngài là gì mà từ khi sơ phát tâm cho đến lúc thành đạo đã mang lại lợi ích cho nhiều người? Chúng ta cũng muốn phát tâm cầu thành Phật đạo và đem lại lợi ích cho chúng sinh.”

Tôn giả A-nan biết được ý nghĩ đó liền từ chỗ ngồi đứng dậy sửa y áo quỳ trước Đức Phật bạch:

— Bạch Thế Tôn, nay trong đại chúng có nghi vấn là Đức Thế Tôn từ ngày xưa do nhân duyên gì mà phát tâm cầu đạo lớn? Mong Đức Thế Tôn dạy vì lợi lạc cho tất cả.

Đức Phật dạy A-nan:

– Lành thay! Lành thay! Như những lời A-nan hỏi sẽ lợi lạc cho nhiều người. Hãy lắng nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ nói.

Trong đại hội yên tĩnh không có tiếng động. Cả sơn hà đại địa gió mưa sông núi, chim chóc cầm thú đều lặng yên không có một tiếng. Trong đại chúng, có Thiên, Long, Quỷ thần nóng lòng muốn nghe, nhất tâm quán Phật.

Đức Phật dạy A-nan:

– Nay A-nan, trong quá khứ lâu xa vô lượng vô biên a-tăng-kỳ kiếp, ở cõi Diêm-phù-đề này có một vị quốc vương tên là Đại Quang Minh có phước đức rất lớn, thông minh, trí tuệ, đầy đủ vương tướng. Có một nước lân cận giao hảo rất thâm tình nhưng ngặt nỗi thiếu thốn mọi bề, vua Đại Quang Minh tùy thời ban tặng. Một hôm nước kia có được vật báu muốn đem dâng hiến vua Đại Quang. Một hôm vua nước lân cận vào một khu rừng lớn săn bắn bắt được hai con voi hình thù cân đối đẹp đẽ trắng như pha lê, cứng cáp vững vàng, nhà vua rất yêu quý, trong lòng vui mừng suy nghĩ: “Ta đem vật báu này dâng cho vua Quang Minh.” Vua cho trang sức những loại châu báu ở trên thế gian như vàng bạc... mang đến để dâng tặng Quang Minh. Vua vừa thấy voi báu tâm rất hoan hỷ. Lúc đó có người quản tượng tên là Tán-xà, vua ra lệnh:

– Người lo việc trông coi, nuôi nấng và điều phục con voi này.

Tán-xà không bao lâu đã điều phục được voi báu, đến tâu với vua:

– Muôn tâu đại vương, hạ thần đã điều phục được voi báu và trở thành thuần lương, xin đại vương cho ra thí trường đấu.

Vua nghe như vậy trong lòng hoan hỷ muốn đợi xem con voi thuần lương biểu diễn, liền cho đánh trống vàng tập hợp quan dân để xem voi báu tỵ thí. Mọi người tụ tập lại, vua cỡi trên voi báu xuất hiện giống như mặt trời vừa mới ló lên đầu ngọn núi, ánh sáng chói lọi cũng giống như vậy, cùng với các thần dân ra ngoài thành vui chơi đến chỗ thí trường. Khi ấy voi báu dương khí hùng hực thấy các đàn voi đang tìm gốc sen để ăn bên hồ sen, lòng dục phát lên bồn tẩu đi tìm voi cái vào tận rừng sâu, áo mũ của vua rơi vãi tứ tung, áo quần tơi tả, thân thể thương vong. Khi ấy tâm thần vua mê loạn nghĩ chắc mình sẽ chết, rất là lo sợ, hỏi người quản tượng:

– Ta làm cách nào để kèm nó lại được?

Tán-xà thưa:

– Trong rừng có nhiều cây, xin đại vương có thể bám vào bất cứ cây nào để được an toàn.

Vua liền bám vào một nhánh cây, con voi lướt đi vua đứng lại, rồi ngồi dưới một gốc cây, thấy

trên thân mình chẳng còn áo mào, toàn bị thương tích, hết sức khổ não, đang trong cơn mê tìm lối đi ra khỏi rừng; nhưng chẳng biết lối nào mà đi. Người quản tượng, cách một quãng ở trước cũng níu được một cành cây đứng lại rồi trở lại tìm thấy vua âu sầu ngồi một mình. Quản tượng dập đầu thưa:

– Mong đại vương chớ có quá sầu khổ, con voi này khi lòng dâm của nó lắng xuống, nhàm chán cỏ dơ, nước đục, nhớ đến thức ăn mỹ vị, nước uống tinh khiết ở trong cung nó sẽ trở về liền.

Vua nói:

– Ta không quan tâm đến người cùng con voi đó nữa. Suýt nữa con voi làm ta mất mạng.

Bấy giờ, quần thần lo nghĩ có lẽ vua đã bị con voi điên kia làm hại và chia nhau đi tìm khắp các nẻo đường. Có người tìm được chiếc mào, có người tìm được áo bào của vua, có người thấy máu rơi, liền sau đó thấy vua cỡi một con voi khác trở vào thành, dân chúng trong thành thấy đại vương khổ não như thế không ai mà không sầu não.

Sau một thời gian con voi điên này sống trong rừng vắng chán chê cảnh ăn cỏ xấu, uống nước đục, lòng dục lại lắng xuống liền nhớ đến cảnh sung sướng trong cung thức ăn mỹ vị, uống nước tinh khiết, chạy như gió lốc trở về chỗ ở cũ. Quản tượng vừa thấy sang báo với vua:

– Thừa đại vương con voi bị thất lạc trước kia nay đã trở về, xin đại vương ra xem.

Nhà vua bảo:

– Ta đã nói là không cần người và con voi điên ấy nữa.

Tán-xà khởi tấu:

– Vua không cần hạ thần và voi này nữa, xin đại vương xem hạ thần có cách điều phục con voi báu này.

Vua đồng ý, làm chỗ bằng phẳng và bố trí chỗ ngồi nơi điều phục voi. Bấy giờ nhân dân trong nước nghe người quản tượng muốn biểu diễn cách điều phục voi trước mặt vua, khắp nơi đều vân tập. Vua từ cung điện đi ra cùng với mọi người đi theo đến an tọa theo vị trí. Quản tượng Tán-xà cho dẫn voi ra trước bá quan văn võ, cho tìm người thợ rèn làm bảy viên sắc đem thui thật đỏ, tự nghĩ: “Con voi này nuốt các viên sắt này chắc chắn phải chết, sau đó vua sẽ hối tiếc.” Lại bạch với đại vương:

– Con bạch tượng này rất báu chỉ có Chuyển luân vương mới có thể cỡi được. Nay chỉ vì một lỗi nhỏ không đến nỗi phải tội chết.

Đại vương nói:

– Nếu người không điều phục được thì không nên để cho ta cỡi, nếu điều phục được thì sự việc đâu phải như thế này? Nay ta chẳng cần cả người lẫn voi.

Quản tượng nói:

– Ngài không cần dùng thật đáng tiếc!

Vua giận dữ quát:

– Người hãy đi đi!

Tán-xà đứng dậy khóc mà nói:

– Bệ hạ không có thân sơ, tâm thật độc hại chỉ nghe những lời dối trá ngon ngọt.

Bấy giờ trong hội chúng lớn nhỏ nghe xong rơi lệ, nhìn kỹ vào voi, người quản tượng lớn tiếng thị uy bảo voi:

– Hãy nuốt những viên sắt này nếu không ta sẽ lấy móc sắt để móc não mày ra.

Voi hiểu ý liền nghĩ nếu không nuốt những viên sắt này mà chết thì không thể nào chịu nổi chiếc móc sắt kia. Giống như mọi người đều chết thì chịu thất cổ mà chết chứ không ai thích chết thiêu. Voi quỳ hai gối xuống đất hướng về phía vua mong vua cứu mạng, vua dùng dùng nổi giận hướng về phía khác. Tán-xà quát lớn:

– Mày không chịu nuốt hòn sắt này hay sao?

Voi bốn lần nhìn lại trông có người cứu hộ. Người quản tượng lấy hòn sắt đặt vào miệng voi, voi nuốt vào chết ngay tại chỗ, giống như chày kim cang đánh vào núi pha lê, hòn sắt liền rơi xuống đất còn đỏ nóng cũng như vậy. Khi ấy trong hội chúng thấy vậy không ai không thương khóc. Vua thấy sự việc như vậy, rất ngạc nhiên bối rối, trong

lòng hối hận cho triệu Tán-xà đến bảo:

— Sao con voi của người bây giờ lại nhu thuận nghe lời như vậy, nhưng tại sao hôm trước ở trong rừng lại không làm sao mà chế phục nó được?

Bây giờ chư Thiên ở trời Tịnh cư biết được vua Quang Minh đã đúng thời phát tâm Vô thượng Bồ-đề, liền hóa hiện thần lực khiến người quản tượng quỳ xuống đáp:

— Tâu đại vương, hạ thần chỉ điều phục thân của voi chứ không điều phục được tâm.

Vua hỏi:

— Có ai có khả năng điều phục cả thân lẫn tâm không?

Tán-xà tâu:

— Thừa đại vương chỉ có Đức Phật, Thế Tôn mới có khả năng điều phục cả thân lẫn tâm.

Vua Quang Minh nghe đến danh của Phật, tâm run sợ, lông tóc dựng ngược hỏi Tán-xà:

— Đức Phật sinh từ chủng tánh nào?

Đáp:

— Đức Phật sinh từ hai chủng tánh, một là trí tuệ, hai là từ bi, siêng năng làm sáu việc, đó là sáu Ba-la-mật. Công đức trí tuệ thấy đều đầy đủ lấy hiệu là Phật. Không những tự điều phục mình mà còn điều phục tất cả chúng sinh.

Vua nghe vậy dao động sững sốt, đứng dậy vào cung tắm gội bằng hương thơm, mặc long bào mới

lên trên lầu cao lễ khắp bốn hướng khởi tâm Từ bi đối với tất cả chúng sinh, dâng hương phát lời nguyện:

*Nguyện đem công đức này
Hồi hướng đạo quả Phật
Khi con đã thành Phật
Tự điều phục chính mình
Và tất cả chúng sinh.
Nếu có chúng sinh nào
Đọa vào ngục A-tỳ
Dù trải qua một kiếp
Làm lợi lạc hữu tình
Phải vào trong địa ngục
Tâm Bồ-đề không xả.*

Khi vua phát lời nguyện rồi, cả đại địa chấn động theo sáu cách, sơn hà đại địa rung động trập trùng. Trong hư không tự nhiên phát ra tiếng nhạc. Vô lượng chư Thiên biểu diễn nhạc để ngợi khen Bồ-tát và nói: “Như lời nguyện của Ngài thì không bao lâu Ngài sẽ thành Phật, sau khi thành Phật sẽ hóa độ cho chúng tôi, chúng tôi ở trong pháp hội thanh tịnh này sẽ được dự phần.”

Lúc bấy giờ Đức Phật dạy:

– Nay các Tỳ-kheo, bạch tượng nuốt hòn sắt nóng lúc đó nay chính là Nan-đà này vậy. Người quản tượng là Xá-lợi-phất và vua Quang Minh chính là Ta. Ta lúc đó nhờ thấy sự nhu thuận của

voi mà phát tâm cầu đạo quả, thành Phật.

Bấy giờ trong đại hội, nghe Đức Phật tu hành khổ hạnh như vậy. Có người đắc Tứ đạo quả, có người phát đại đạo tâm, có người xuất gia tu đạo tất cả đều hoan hỷ, tôn kính phụng hành.

Đây là nhân duyên do lập chí siêng năng tinh tấn từ nhân nhỏ, duyên vào đó để hoàn thành Đại sự. Biếng nhác giải đãi dần gặp duyên lớn cũng không thành công được. Vậy hành giả cần phải siêng năng tinh tấn để hướng đến Phật đạo.



KINH HIỀN NGU

QUYỂN 4

Phẩm 22: U-U-BÀ-DI MA-HA TU-NA

Tôi nghe như thế này.

Một thời Đức Phật trú tại tinh xá Kỳ hoàn, nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo cung kính vây quanh.

Bấy giờ Đức Phật ca ngợi một hành giả có trí tuệ rằng:

— Muốn thành Phật đạo cần phải vui thích diễn thuyết và đọc tụng kinh pháp, ngay cả giới bạch y thuyết pháp mà chư Thiên và Quỷ thần cũng đều đến nghe nhận, huống là bậc xuất gia kể cả lúc đang đi trên đường mà tụng kinh, nói kệ, thường có chư Thiên theo để nghe nhận; vì vậy cần phải siêng năng tụng kinh thuyết pháp. Vì sao cần phải biết?

Đức Phật lúc mới đến tinh xá Kỳ hoàn, công đức của Ngài được lưu truyền rộng khắp không ai mà không nghe biết. Bấy giờ có một người tốt nghe danh tiếng và đức độ của Phật, hoan hỷ vô lượng, tán dương và ca ngợi. Vì sao? Trong thế gian khi

người ác mà nghe danh tiếng của người tốt thì sinh lòng đố kỵ ganh ghét, họ vui thích điều xấu ác. Bậc Hiền thiện thì luôn luôn ngăn chặn điều ác, tán dương điều lành, muốn điều lành quảng bá rộng rãi, thấy người làm ác biết đó là trói buộc phiền não đáng thương xót, tha thứ. Cho nên người lành khi nghe Đức Phật ra đời ca ngợi và tuyên dương cùng khắp các nước.

Vào thời Ba-tư-nặc có một nước nhỏ lân cận gọi là Tỳ-nụ-càn, trong đó có một ngôi làng nhiều người có tà kiến, không tin vào Phật, Pháp và Tăng. Trong ngôi làng đó có một người nữ tên là Ma-ha Ưu-ba-tư-na có công việc đi đến nước Xá-vệ chỗ vua Ba-tư-nặc. Sau khi công việc xong cùng tháp tùng theo các Ưu-bà-tắc nghe về công đức của Phật, muốn được gặp Phật nên nàng đến tỉnh xá Kỳ hoàn, thấy tướng hảo của Phật rực rỡ trang nghiêm, liền cúi đầu mặt đánh lễ ngang chân Đức Phật.

Khi ấy Đức Thế Tôn đang thuyết về năm giới cho đại chúng nghe: Không sát sinh thì được thọ. Không trộm cắp thì được giàu có. Không tà dâm thì được mọi người ái kính. Không nói dối thì lời nói được người khác tin. Không uống rượu thì được thông minh sáng suốt. Nàng nghe xong rất hoan hỷ, bạch Phật:

— Cúi mong Đức Thế Tôn trao cho con năm giới để con suốt đời phụng trì thanh tịnh. Dầu cho thân mạng này có mất đi trọn đời không hủy phạm,

giống như kẻ đói coi trọng thức ăn, người khát yêu quý nước uống, như người bệnh được chăm sóc, con nay hộ trì giới cấm cũng như vậy.

Đức Phật trao năm giới cho Ưu-ba-tư-na. Sau khi thọ giới xong, Ưu-ba-tư-na bạch với Đức Thế Tôn:

– Chỗ ở của con rất xa trên đường trở về mong Ngài ban cho con một vật nhỏ gì để con thọ trì.

Đức Phật dạy:

– Quá khứ chư Phật nhiều như số cát sông Hằng đều nói kinh Pháp Cú, chư Phật vị lai số lượng như cát sông Hằng cũng nói kinh đó. Khi ấy Đức Thế Tôn dạy kinh Pháp Cú cho Ưu-ba-tư-na phụng hành. Nghe xong nàng làm lễ nhiều quanh ba vòng rồi ra đi. Trở về làng của mình, Ưu-ba-tư-na suy nghĩ và tưởng nhớ về tinh xá của Phật và lời Kinh Phật dạy, vào nửa đêm ở trên lầu cao nghĩ về công đức của Phật và đọc tụng kinh Pháp Cú. Khi ấy Tỳ-sa-môn Thiên vương muốn đến chỗ của Tỳ-lâu-lặc-xoa ở phương Nam, đem theo một ngàn Dạ-xoa ngang qua trên lầu của Ưu-ba-tư-na nghe tiếng tụng kinh tất cả đều ở trên không trung để lắng nghe, tán thán:

– Lành thay, lành thay! Chị em nào đang khéo nói về pháp yếu. Nay ta để lại Thiên bảo thì không thích hợp mà nên có những lời tốt lành.

Tỳ-sa-môn nói:

– Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên từ Xá-vệ đến đang ở lại trong rừng này, sáng ngày mai người đến đó thỉnh về nhà để cúng dường khi chú nguyện nhớ xưng danh tánh của ta.

Ưu-ba-tư-na nghe những lời này ra nhìn lên không trung không thấy hình bóng giống như người mù trong đêm tối, không thấy ai liên hỏi:

– Các người là ai mà không nhìn thấy hình bóng, chỉ nghe được tiếng.

Ở trên không đáp xuống:

– Ta là quỷ vương Tỳ-sa-môn thiên đi qua đây nghe được tiếng Kinh pháp liền ở lại đây.

Ưu-bà-di liền nói:

– Ngài thuộc trời, tôi thuộc về người không liên quan gì sao gọi tôi là chị em.

Thiên vương đáp:

– Đức Phật là Pháp Vương cũng là Từ Phụ của trời người, tôi là Ưu-bà-tắc, người là Ưu-bà-di đều là pháp hữu, nên tôi gọi là chị em.

Khi ấy Ưu-bà-di lòng rất hoan hỷ hỏi:

– Nay Thiên vương khi tôi cúng dường mà xưng danh tánh của Thiên vương có lợi ích gì?

Thiên vương đáp:

– Ta là Thiên vương có Thiên nhĩ nghe được xa, xưng danh tánh ta thì tăng thêm thế lực của ta và oai đức của quyến thuộc, ta sẽ dùng thần lực này mà bảo các quỷ thần hộ niệm cho người này để tăng

phước lộc cho họ và trợ giúp cho họ khỏi bị những tai ương hoạn nạn.

Nói vậy rồi Thiên vương liền ra đi.

Bấy giờ Ưu-bà-di hân hoan vui mừng, thâm nhủ: “Đức Phật trải qua hàng trăm kiếp tinh tấn tu hành khổ hạnh chỉ vì chúng ta, nhờ ân đức của Phật khiến cho quỉ vương trở thành chị em với ta.” Trong đêm đó nàng không hề ngủ say, trời vừa tờ mờ sáng mới ngủ được chút ít. Mỗi sáng trong nhà thường sai người vào rừng lấy củi, sáng hôm đó vừa sai người vào rừng leo lên cây để lấy củi, trông từ xa thấy Tôn giả Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên và năm trăm vị Tỳ-kheo đang trú tại ngôi rừng này tinh tấn tọa thiền tụng kinh. Trong khi đó người đi hái củi lười biếng leo lên cây sa thảo nằm, thâm nghĩ: “Lúc trước ta cùng đại gia đi đến nước Xá-vệ cho nên từ xa thấy hai vị Tôn giả đó, đã biết là hai vị Tôn giả đó đại gia rất cung kính, nay ở trong ngôi rừng này đại gia ta không biết, nếu như ta từ từ hái củi cho xong rồi về thưa lại với đại gia e rằng sẽ có người khác đến thỉnh trước đi ắt ta có lỗi. Đối với việc này chưa cần thiết, trước hết phải lo xong việc quan trọng này đã sau đó mới hái củi. Việc này cũng chẳng mệt nhọc gì!” Vị ấy liền leo xuống đến chỗ các Tôn giả đầu mặt lay ngang chân rồi thưa với Tôn giả:

– Thưa chư Tôn giả, đại gia của con tên là Ưu-ba-tư-na xin đánh lễ và thăm hỏi chư Tôn giả.

Các Tôn giả đáp:

– Chúc phúc cho Ưu-ba-tư-na được yên ổn, an lạc và giải thoát sinh tử.

Vị ấy thưa:

– Thưa chư Tôn giả, đại gia của con cung thỉnh chư Tôn giả hôm nay đến nhà để thọ trai. Cúi mong chư Tôn giả quang lâm.

Các Tôn giả đáp:

– Người trở về nhà, nói với Ưu-bà-di Ưu-ba-tư-na cần phải biết lúc nào là hợp thời. Đức Phật tán thán năm trường hợp bố thí sẽ đem lại phước đức vô lượng: Bố thí cho người từ xa đến, bố thí cho người đi xa; bố thí cho người bệnh hoạn; bố thí thức ăn uống cho người đói khát và bố thí cho người hiểu biết chánh pháp. Năm trường hợp bố thí như vậy trong hiện tại đạt được phước đức lớn.

Vị ấy nhận lời chỉ giáo rồi từ biệt ra khỏi rừng cấp tốc về nhà. Về đến nhà vị ấy hỏi người hầu:

– Đại gia hiện đang ở đâu?

Đáp:

– Đang ở trên lầu cao kia, đầu đêm cuối đêm không ngủ nay vừa mới chợp mắt.

Vị ấy bảo người hầu hãy lên đánh thức dậy. Thị tỳ nói không dám. Vị ấy liền nói:

– Nếu bạn không dám để tôi lên đánh thức.

Thị tỳ nói tùy ý bạn. Vị ấy liền lên lầu trên đánh thức đại gia dậy. Ưu-ba-tư-na hỏi:

– Người có chuyện gì?

Vị ấy nói:

– Thừa đại gia, Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên đang trú trong khu rừng kia.

Ưu-ba-tu-na rất hoan hỷ liền lấy hai chiếc bông tai bằng kim hoàn thưởng cho vị ấy. Vị ấy nói tiếp:

– Tôn giả có những lời giáo huấn tốt đẹp cho đại gia.

– Giáo huấn điều gì người nói ra đi.

Vị ấy nói cặn kẽ năm trường hợp bổ thí cho nàng nghe. Nghe xong, Ưu-bà-di càng thêm hoan hỷ giống như hoa sen thấy được ánh sáng mặt trời liền nở bung ra, sự khai nở của Ưu-bà-di cũng như thế. Nàng liền lấy chuỗi anh lạc, châu báu tặng thêm cho người ấy. Vị ấy thưa tiếp:

– Đại gia dậy rửa tay rồi lo sắm sửa đầy đủ vật thực để cúng dường. Con đã nhận lời chỉ bảo của đại gia vào cung thỉnh hai Tôn giả và năm trăm vị đệ tử trong ngày hôm nay đến thọ thực, mong cho thời cúng dường được tốt đẹp.

Sau khi nghe vậy sự hân hoan của nàng càng tăng thêm và nói:

– Ta muốn thực hiện việc đó. Vì người đã khiến ta vui mừng không nói nên lời, nay ta phóng thích người, người không thuộc về ta nữa. Như những lời tốt đẹp của người, tại gia hay xuất gia, thành ấp làng xóm tùy theo chỉ mà gặp được ánh sáng tốt

đẹp đó.

Bấy giờ Ưu-ba-tư-na dậy rửa tay và bảo gia nhân và những người chung quanh, người làm thức ăn, người lo đốt lò, người lo nước non, người trải chiếu, người lo cắm hoa, phân bố các công việc xong, tự tay mình lấy thuốc giã hòa vào nhau. Mọi vật thực đã bày biện xong, nâng cho sứ giả đó đến chỗ các Tôn giả kịp thời thừa:

– Thức ăn đã bày biện xong xin thỉnh chư Tăng.

Hai Tôn giả và các vị Tỳ-kheo vận y cầm bát, đến nhà Ưu-bà-di theo thứ tự mà ngồi. Khi ấy Ưu-ba-tư-na tự tay lấy nước rưới xuống các loại thức ăn. Sắc, hương và mùi vị đầy đủ. Tất cả các hành tùy theo nghiệp mà thọ nhận quả báo. Bồ thí thức ăn có màu sắc đẹp thì kết quả có nhan sắc tốt đẹp. Thức ăn có hương thơm thì kết quả được danh tiếng thơm xa, đầy đủ các mùi vị thì kết quả được ăn uống tùy thích, sức lực khỏe mạnh.

Sau khi thọ thực xong Tôn giả Xá-lợi-phất nói lời chú nguyện. Khi đang chú nguyện Ưu-ba-tư-na bạch:

– Thừa Tôn giả, xin Tôn giả xưng tên Tỳ-sa-môn Thiên vương.

Tôn giả Xá-lợi-phất chú nguyện xong rồi quay lại hỏi:

Cô và Tỳ-sa-môn Thiên vương có nhân duyên gì mà xưng danh tánh ra.

Ưu-ba-tư-na thưa:

– Thưa Tôn giả, sự việc thật là hy hữu! Đêm hôm trước khi con đang tụng kinh Pháp Cú, vị Thiên vương kia đang trú trên không trung nghe con tụng kinh tán thán rằng: “Lành thay, lành thay! Chị em khéo nói diệu pháp.” Con ra nhìn lên không trung hỏi: “Ông là ai mà không thấy hình mà chỉ nghe tiếng.” Có tiếng đáp rằng: “Ta là quỷ vương Tỳ-sa-môn nghe người tụng kinh cho nên dừng lại đây để nghe, định để lại Thiên bảo cho người nhưng không thích hợp. Nay nói những lời tốt đẹp cho người.” Con liền hỏi: “Những lời tốt đẹp đó là gì?” Thiên vương nói: “Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên ngày mai đến nơi ngôi rừng kia, người nhớ đến cung thỉnh về nhà cúng dường thọ thực, khi nói lời chú nguyện nhớ xưng danh tánh của ta.” Con liền hỏi: “Xưng danh tánh của ngài có lợi ích gì?” Thiên vương đáp: “Như sự việc đã nói ở trên...” Vì sự việc đó nên con xưng danh tánh kia.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

– Thật là kỳ diệu! Cô là người, vị ấy là trời mà có thể hiểu ý nhau và cùng người trao đổi, sao lại gọi là chị em?

Ưu-bà-di đáp:

– Con lại có một sự việc rất là thân thiện với con như chị em gái cùng qua lại với nhau. Khi con bố thí vị thần này nói với con: “Đây là A-la-hán,

đây là A-na-hàm, đây là Tư-đà-hàm, đây là Tu-đà-hoàn, đây là phàm phu, đây là trì giới, đây là trí tuệ, đây là ngu si.” Con tuy nghe nói về sự phân biệt này nhưng tâm ý của con không phân biệt. Đối với phàm phu, phạm giới... con cũng cúng dường như A-la-hán.

Ngài Xá-lợi-phất nói:

– Cô thật là kỳ diệu! Trong việc làm này mà sinh được tâm bình đẳng.

Ma-ha Tư-na nói:

– Lại nữa, con còn có một sự việc rất kỳ diệu, thân con là nữ lại ở tại gia, mà trừ được hai mươi thân kiến đắc quả Tu-đà-hoàn.

Ngài Xá-lợi-phất tán thán:

– Cô thật là kỳ diệu! Làm thân nữ mà chứng đắc được quả vị Tu-đà-hoàn.

Ưu-bà-di thừa:

– Con còn có một sự việc rất là kỳ diệu nữa, con có bốn người con đều có ác tà kiến, chồng con cũng là tà kiến rất sâu nặng. Đối với Tam bảo Phật, Pháp, Tăng không hiểu không kính. Nếu con có cúng dường Tam bảo và bố thí cho người bạn cùng, liền sinh tâm đố kỵ ganh ghét. Còn nói rằng gia nghiệp này do chúng tôi siêng năng lao động cực nhọc mới có được mà đem làm những chuyện không đâu. Tuy nghe nói những lời như vậy mà đạo tâm của con và những việc tu tập hành thiện

không bao giờ thoái thất và hờn giận.

Tôn giả Xá-lợi-phất dạy:

– Theo quy ước bình thường của người phụ nữ, trong tất cả mọi lúc thường không được thoái mái. Thuở nhỏ thì được cha mẹ chăm sóc; vào tuổi trưởng niên lập gia đình thì được chồng bảo hộ; về già thì được con cái nuôi dưỡng. Vậy mà cô vượt ra ngoài vòng cương tỏa của chồng con để được tự do tu tập và hành thiện. Nay Ưu-bà-di, nay tôi có vài lời như sau, hãy cố gắng ghi nhớ. Đây là một việc rất quan trọng, đó là Đức Phật, Thế Tôn chiều nay sẽ đến ngôi rừng Tỳ-nụ-càn-đặc này, tôi báo cho thí chủ biết như vậy rồi tôi sẽ trở về trú xứ.

Vị Ưu-bà-di thưa:

– Điều mà Tôn giả cho biết thật là tốt đẹp không gì hơn.

Sau khi Tôn giả ra đi, thí chủ Ưu-ba-tư-na lo sửa soạn vật thực để cúng dường Thế Tôn. Khi Đức Thế Tôn đến ngôi rừng kia, Ma-ha Tư-na rất hoan hỷ gọi tất cả những Ưu-bà-di đến chiều cùng đi đến chỗ Phật. Từ xa họ đã thấy hào quang của Đức Thế Tôn rất là thù diệu, năm căn hoan hỷ. Tất cả đều vui mừng phấn khởi đến gần làm lễ dâng lên cúng dường Phật các loại hoa hương, rồi ngồi qua một bên nghe Phật thuyết pháp: Luận về bố thí và giới pháp, về đoạn dục và sinh Thiên; luận về Niết-bàn. Sau khi nghe pháp xong, các Ưu-bà-di

muốn trở về nhà, chấp tay bạch Phật:

– Những người trong thôn của con đều theo tà kiến, không hiểu Phật pháp, chẳng biết ân đức của Phật, không thích bố thí. Các Sa-môn, Bà-la-môn khi vào thôn này khát thực thường đến nhà con. Cúi mong Đức Thế Tôn lúc nào đó đến trú tại thôn của chúng con để chúng con cúng dường bốn loại vật dụng cho Đức Phật và các đệ tử của Ngài.

Bạch xong, họ đánh lễ lui ra và lần lượt xem qua các chỗ nghỉ ngơi của các vị Tỳ-kheo. Cuối cùng thấy một vị Tỳ-kheo đang bị bệnh nằm trong lều cỏ, nàng liền hỏi Đại đức:

– Thưa Đại đức, Đại đức bị bệnh gì?

Vị Tỳ-kheo đáp:

– Trên đường đến đây, bốn đại không điều hòa, khôn khổ bị bệnh.

Ưu-bà-di thưa:

– Đại đức bị bệnh nên ăn thức ăn gì?

Đáp:

– Theo thầy thuốc nói nên ăn loại nước thịt mới hầm.

Ưu-bà-di nói:

– Xin ngài yên tâm ngày mai con sẽ dâng cúng.

Đại đức đáp:

– Vâng.

Ưu-bà-di đánh lễ rồi trở về nhà, tự suy nghĩ và nói thầm: “Ta có được một lợi ích lớn là diện kiến

được Đức Phật Thế Tôn, Xá-lợi-phất và các đại Tôn giả khác.” Niềm vui càng tăng thêm, đến nỗi nàng không nhớ ra ngày mai là vào ngày mười lăm, vào ngày này theo quốc pháp là không được giết hại, nếu giết hại là trái với lệnh nước. Sáng ngày mai, nàng liền sai người cầm tiền tìm mua loại thịt mới còn nóng, người giúp việc vâng lời đi khắp các chợ tìm mua nhưng không có đành trở về không, thưa với đại gia:

– Hôm nay là ngày mười lăm chợ không giết thịt.

Ưu-bà-di nói với người giúp việc:

– Người hãy cầm một ngàn đồng tiền chỉ mua một trăm tiền thịt số còn lại cho người.

Người hầu cầm tiền ra đi cố tìm cho ra nhưng vì hình phạt của vua quá nặng không có ai dám. Vị ấy trở về trình bày sự việc như vậy, Ưu-bà-di lo lắng buồn rầu nói:

– Người hãy đem hết số tiền này ra mua cho được.

Người giúp việc cầm tiền đến các hàng thịt cố mua cho được, mặc dầu các người hàng thịt rất ham lợi, nhưng phép vua quá nghiêm, quá nặng, sợ mất mạng nên không ai dám. Người giúp việc trở về chẳng được việc gì.

Khi ấy Ưu-bà-di càng thêm ưu não, nghĩ về bệnh tình của vị Tỳ-kheo đã nhận lời cầu thỉnh của

ta, mà ta đã tìm hết cách không thể cúng dường cho Đại đức được. Sợ rằng Đại đức sẽ mất mạng, ta sẽ mang tội. Đang suy nghĩ tìm cách gì, Ưu-ba-tư-na tự nhiên nhớ đến tích xưa Bồ-tát vì con chim bồ câu tự cắt thịt nơi thân mình để cứu sống, huống nay so với một vị Tỳ-kheo thì hơn nhiều, ta nào có tiếc chỉ thân mạng của mình mà không cứu giúp. Suy nghĩ xong, nàng lựa một người đáng tin cậy nhất dẫn bà ta vào một tịnh thất, tắm rửa sạch sẽ ngồi trên chiếc giường, rồi sai người hầu cắt lấy thịt trong thân mình. Người hầu vâng theo lệnh lấy cây dao thật sắc cắt đi một thớ thịt. Khi lát dao vừa xuyên qua thịt, nàng đau đớn vô cùng chết ngất nằm bất tỉnh. Người hầu dùng loại vải trắng gói vào trong trộn với các thứ thảo dược khác nấu thành một loại thuốc “thần dược” đem đến cho thầy Tỳ-kheo chữa bệnh. Vị Tỳ-kheo nhận lấy phương thuốc của một đàn-việt đầy niềm tin dâng cho, uống vào liền khỏi bệnh.

Người chồng của bà, thuộc dòng Bà-la-môn không có mặt tại đó, từ xa về hỏi:

– Ma-ha Tư-na đang ở đâu?

Đáp:

– Ở phòng trong.

Người chồng vào trong thấy nhan sắc khác thường liền hỏi vì lý do gì mà nhan sắc tiêu tụy như vậy?

Đáp:

– Thiếp nay vì bệnh xâm nhập.

Người chồng ưu sầu cho tìm các vị lương y đến để chẩn bệnh.

Lương y hỏi:

– Bà đau thế nào? Phát bệnh ra sao? Từ lúc bị bệnh đến giờ có lúc nào không đau nhức không?

Nàng Ưu-ba-tư-na đáp:

– Bệnh của tôi lúc nào cũng đau, như hiện giờ đau nhức ghê gớm, không hết cơn đau!

Vị lương y xem mạch không biết được nguyên nhân của bệnh nên im lặng ra về. Người chồng khóc lóc, hỏi nàng bị bệnh gì? Vì tình nghĩa giữa chúng ta nên nói ra đi.

Người vợ đáp:

– Các vị lương y sáng suốt vô cùng mà còn không biết, huống gì thiếp làm sao biết được!

Vị Bà-la-môn hỏi những người trong nhà:

– Mọi người có biết bệnh tình của Ma-ha Tư-na không?

Mọi người đều trả lời:

– Thừa đại gia, chúng tôi không biết.

Đại gia có thể hỏi người hầu thân cận bà chủ sẽ rõ.

Khi đó vị Bà-la-môn gọi người hầu cận đang ở trong chỗ vắng vẻ lại hỏi:

– Tại sao bà chủ bị bệnh?

Người thị tỳ đáp:

– Do có một Tỳ-kheo bị bệnh, bà chủ phải cắt thịt làm thuốc dâng cho thầy đó.

Người chồng nghe vậy tức giận đem lòng làm hại Phật, Pháp, Tăng, vừa đi vừa lớn tiếng nói rằng:

– Sa-môn Thích tử ăn thịt người, giống như bọn Ban túc vương.

Bấy giờ có một Ưu-bà-tắc tín tâm nghe Bà-la-môn hủy báng Phật, Pháp, Tăng, buồn rầu không vui, đến chỗ Đức Phật đánh lễ. Đức Thế Tôn hỏi:

– Các người có việc gì mà buồn rầu không vui như vậy?

– Bạch Đức Thế Tôn có một Bà-la-môn đi khắp nơi lớn tiếng hủy báng Phật, Pháp, Tăng giống như bọn Ban túc vương trước đây ăn thịt người. Nay Sa-môn Thích tử, ăn thịt người cũng như vậy không khác. Cúi mong Đức Thế Tôn dạy cho các Tỳ-kheo chớ ăn thịt người.

Bấy giờ Đức Thế Tôn, nhân sự việc này truyền nhóm họp các Tỳ-kheo Tăng, gọi các Tỳ-kheo bị bệnh. Khi đó các Tỳ-kheo bị bệnh nghe Đức Thế Tôn dạy trong lòng hoan hỷ suy nghĩ: “Thế Tôn là Bạc Đại Từ quan tâm đến chúng ta.” Thân tuy ốm yếu nhưng họ cố gắng đến nơi Thế Tôn đánh lễ rồi ngồi sang một bên. Đức Phật dạy:

– Nay các quý tử, các vị bị bệnh gì?

Vị Tỳ-kheo bạch Phật, con bị bệnh làm sinh sâu não, nay gặp được Đức Thế Tôn bệnh được thuyên giảm phần nào.

Đức Thế Tôn hỏi tiếp:

– Hôm nay ông ăn uống gì?

Vị Tỳ-kheo thưa:

– Hôm nay con đã ăn nước hầm thịt.

Đức Phật hỏi:

– Thịt ông đã ăn là thịt tươi hay thịt khô?

Đáp:

– Là thịt tươi (*nước Thiên trúc thịt nấu không để qua đêm. Thịt ăn hoặc tươi hoặc khô*).

Đức Phật nói:

– Nay thiện nam tử, khi con ăn thịt có hỏi, thịt này là tịnh hay bất tịnh?

Đáp:

– Bạch Thế Tôn, bệnh con đã lâu ngày gặp được liền ăn thật sự chưa hỏi.

Đức Phật dạy:

– Nay Tỳ-kheo, tại sao ông ăn thịt bất tịnh, pháp của Tỳ-kheo là khi đàn-việt cúng dường thức ăn trước hết phải hỏi đây là thịt gì? Nếu đàn-việt nói, đây là tịnh nhục, phải quan sát nhiều lần tin xong mới ăn, nếu không tin thì không ăn.

Bấy giờ Đức Thế Tôn ngăn cấm các Tỳ-kheo nếu các bất tịnh nhục đều không được ăn; nếu thấy, nghe là thịt bất tịnh cũng không được ăn. Như thế

cần phải phân biệt, nên hay không nên ăn.

Bấy giờ Ưu-bà-di nghe Đức Phật, Thế Tôn chính do mình mà cấm các Tỳ-kheo ăn thịt rất là đau khổ, vì mình mà các Tỳ-kheo không được ăn thịt liền nói với chồng:

– Nếu chàng quan tâm đến tôi thì ngày mai thỉnh Đức Phật và chúng Tăng về đây thiết lễ cúng dường thật chu đáo. Nếu không làm vậy, thà tôi bỏ mạng, tôi sẽ lấy thịt từ thân tôi đem bố thí cho mọi người. Ông đừng có hối tiếc.

Vì thương vợ nên vị Bà-la-môn mới thực hiện, nhưng Bà-la-môn này vốn không có lòng tin và tôn kính Tam bảo, chiều theo ý vợ vào trong rừng đến nơi Đức Phật trú nói rằng:

– Thưa Sa-môn Cù-đàm và chúng đệ tử, ngày mai tôi mời đến nhà thọ thực.

Đức Phật im lặng nhận lời vị Bà-la-môn biết Đức Phật nhận lời mời liền trở về nhà nói với vợ là Sa-môn Cù-đàm đã nhận lời mời. Vị Ưu-bà-di sai các người giúp việc trong nhà lo bày biện các loại thức ăn, hương hoa, chỗ ngồi đầy đủ, sáng ngày mai khi đến giờ sai người vào trong rừng bạch với Đức Phật:

– Thức ăn đã sửa soạn xong, cúi mong Bạc Sáng Suốt biết thời gian thích hợp.

Đức Phật và các Tỳ-kheo vận y cầm bát đến nhà Bà-la-môn kia, theo thứ tự mà ngồi. Sau khi an

tọa xong, Đức Phật hỏi:

– Ma-ha Tư-na hiện nay ở đâu?

Người chồng đáp:

– Ở tại trong phòng.

Đức Phật dạy:

– Hãy gọi lại đây!

Vị Bà-la-môn liền đến nói:

– Thầy của em gọi em đến.

Vị Ưu-bà-di bảo chồng:

– Nhờ chàng nói là Ma-ha Tư-na cúi đầu đánh lễ Phật, Pháp, Tăng vì bệnh không ngồi dậy được.

Đức Phật dạy Tôn giả A-nan:

– Ông qua gọi Ưu-ba-tư-na ngồi dậy gặp Phật.

Ngài A-nan liền qua nói với Ưu-ba-tư-na:

– Thế Tôn gọi cô đến gặp Ngài.

Khi ấy Ưu-ba-tư-na nằm ở trên giường chấp tay bạch:

– Con xin đánh lễ Phật, Pháp, Tăng, trong tư tưởng muốn gặp Phật như đói cần ăn, khát cần uống, lạnh cần ấm, nóng cần mát, như mắt đạo cần được đạo. Con nay trong tư tưởng muốn gặp Phật cũng như thế, tâm tuy muốn qua nhưng thân không chịu theo.

Ngài A-nan bạch Phật như Ưu-ba-tư-na đã nói. Đức Phật dạy:

– Nay A-nan, ông hãy cho người khiêng cái

giường đến đây.

Ngài A-nan vâng lời cho người khiêng giường đến đặt trước Đức Phật. Bấy giờ Đức Như Lai phóng đại quang minh, bất cứ ai tiếp xúc được ánh sáng của chư Phật thì người cuồng hóa ra chánh, người loạn hóa ra định, người bệnh hóa ra lành. Sau khi Ưu-ba-tư-na tiếp xúc được ánh sáng của Phật liền hết thống khổ. Khi ấy có vị Thần trong nhà dùng loại nước rửa sạch vết thương và cho uống thuốc vào, thân thể vị ấy được bình phục như cũ. Ưu-ba-tư-na liền đứng dậy xuống khỏi giường tự tay cầm bình vàng rắc một loại nước vào từng món thức ăn, sắc hương, mùi vị đầy đủ. Đức Phật thọ thực xong rửa tay dọn bát và thuyết vi diệu pháp cho Ma-ha Tư-na. Ngài giảng về Bồ thí, Trì giới, quả báo Nhân, Thiên, đau khổ sinh tử, sự tổn hại của tham dục, xuất ly và diệt, lạc, mười hai nhân duyên luân chuyển không dừng. Ưu-ba-tư-na nghe Phật dạy đoạn trừ được xan tham, tật đố, đắc đạo quả A-na-hàm. Tất cả quyến thuộc trong gia đình đều thọ năm giới. Còn vị Bà-la-môn xả ly tà kiến, kính tín Tam bảo, thọ giới Ưu-bà-tắc. Bấy giờ trong bốn hội chúng có người đắc quả Tu-đà-hoàn, có người đắc quả Tư-đà-hàm, có người đắc quả A-na-hàm, A-la-hán. Có người phát đại đạo tâm. Tất cả lớn nhỏ đều hoan hỷ.

Bấy giờ trong chúng có người khiếp sợ sinh tử, suy nghĩ rằng: “Người phụ nữ này có một sức

mạnh như thế, lấy thịt nơi thân mình để cúng dường Sa-môn thật là kỳ diệu! Chúng ta xả bỏ làng xóm ruộng vườn có gì là khó.” Liền sau đó, có một số người xả bỏ làng xóm, gia đình, quyến thuộc, xuất gia cầu đạo, siêng năng tinh tấn, đoạn trừ kết lậu thành A-la-hán. Khi ấy mọi người ở trong xóm làng ấy tin và thực hành Phật pháp, lưu truyền rộng rãi. Nhờ nhân duyên này mọi người có ý chí vững mạnh.

Cho đến người nữ đọc tụng kinh điển, không tiếc thân mạng, đắc các đạo quả. Huống nữa đối với bậc Trưởng phu cần phải siêng năng thực hành đạo nghiệp sao mà không thành đạo quả được. Nhờ nhân duyên này, các thiện nam tử siêng năng tu tập thiện pháp, khiếp sợ sinh tử, liền giảm trừ bớt các kết sử, xa lìa được sinh tử. Tuy rằng vào thời mạt pháp không thể được độ thoát, nhưng nhờ công đức này mà nhận được phước đức vô cùng. Đức Di-lặc Thế Tôn không lâu nữa, còn năm mươi sáu ức mười ngàn vạn năm nữa sẽ ra đời thành Phật. Sẽ rộng nói diệu pháp cho các người. Ở trong đó tùy theo sở cầu mà thành được đạo quả Tam thừa, tất giải thoát. Tất cả hội chúng đánh lễ và phụng hành.



Phẩm 23: XUẤT GIA CÔNG ĐỨC THI-LỢI-

BẬT-ĐỀ

Tôi nghe như vậy:

Một thuở nọ, Đức Phật cư ngụ ở vườn trúc Ca-lan-đà, tại thành Vương xá thuộc nước Ma-già-đà.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn khen ngợi về công đức của sự xuất gia, do nhân duyên này nên được phước rất nhiều. Nếu cho nam, nữ, nô tỳ hay dân chúng hoặc tự mình xuất gia vào đạo thì công đức vô lượng. Phước báo của sự bố thí, dù có hưởng phước mười đời trong trời, người, qua lại mười cõi cũng không thù thắng bằng công đức cho người xuất gia và tự mình xuất gia. Vì sao vậy? Vì phước báo bố thí thì có giới hạn, còn phước xuất gia thì vô lượng vô biên. Lại nữa, quả báo của Trì giới, phước báo cõi trời của những vị Thần tiên có năm thần thông, cho đến phước báo cùng tột của Phạm thiên đi nữa thì đối với trong Phật pháp, quả báo của việc xuất gia là không thể nghĩ bàn, cho đến đạt được đạo quả Niết-bàn, nên xuất gia được phước không cùng tận. Giả sử có người xây tháp bảy báu cao đến cõi trời Ba mươi ba, công đức của người này đạt được không bằng công đức của người xuất gia. Vì sao vậy? Vì tháp bảy báu thì người tham ác, ngu si đều phá hoại được, còn pháp xuất gia thì không ai có thể hủy hoại. Muốn cầu pháp lành, ngoài pháp Phật ra không còn pháp nào thù thắng hơn. Như có trăm người mù, có vị thầy

thuốc giỏi có thể trị lành mắt cho họ, cùng lúc, tất cả đều được lành; lại có trăm người khác bị xử tội móc mắt, gặp người có thể lực có khả năng cứu những người này thoát khỏi tội, khiến cho họ không bị mất mắt, phước của hai người này tuy đã vô lượng cũng không bằng cho người xuất gia và tự mình xuất gia, hai việc này phước cực lớn. Vì sao? Tuy có khả năng bố thí mắt cho hai hạng người trên, nhưng người bố thí này chỉ hưởng lợi ích trong một đời. Lại nữa, tánh của bắp thịt là tánh có tan rã. Cho phép người xuất gia hoặc tự mình xuất gia là lần lượt dần dần chúng sinh muôn kiếp đạt được mắt Tuệ vô thượng. Tánh của mắt Tuệ dù trải qua bao nhiêu kiếp vẫn không tan rã. Vì sao? Vì trong phước báo của trời, người, chỉ được tự ý hưởng lạc, còn phước báo xuất gia thì không cùng không tận, cho đến rốt ráo thành Phật. Vì sao vậy? Vì pháp xuất gia diệt trừ quyền thuộc của ma, tăng trưởng hạt giống Phật, bẻ dẹp pháp ác, nuôi lớn pháp lành, diệt trừ tội lỗi, dấy khởi phước nghiệp vô thượng. Cho nên, Đức Phật dạy: “Công đức xuất gia cao như núi Tu-di, sâu như biển cả, rộng như hư không.” Nếu có người muốn xuất gia mà tìm mọi cách ngăn cản, khiến họ không đạt được chí nguyện, người này tội rất nặng; như đêm tối đen như mực, không thể thấy gì, tội báo của người này cũng vậy, sẽ bị đọa vào địa ngục sâu thẳm, tối đen lại không có mắt.

Ví như trăm dòng sông suối... đều đổ về biển cả, tội báo của người này cũng vậy, tất cả các điều ác đều chứa nhóm ở đó.

Như núi Tu-di đang bùng cháy vào kiếp Hỏa, không còn một thứ gì cả, người này cũng vậy, bị lửa thiêu đốt trong địa ngục, không bao giờ chấm dứt.

Ví như thuốc Ca-lưu-lâu-ê-ni, là loại thuốc đắng cực độc, đem so sánh với đường phèn, thì quả báo thiện, ác của hai người kia cũng như vậy.

Công đức khuyến người xuất gia và tự mình xuất gia rất lớn, vì người xuất gia dùng Tu-đa-la (Kinh) làm nước, rửa sạch các nhơ uế kết sử, có công năng diệt trừ khổ sinh tử, làm nhân Niết-bàn; dùng Tỳ-ni (Luật) làm chân, bước lên đất Giới thanh tịnh; dùng A-tỳ-đàm (Luận) làm mắt, nhìn thấy thiện, ác ở đời, tùy ý đạo đi trên con đường Tám chánh, đến thành vi diệu Niết-bàn. Do vậy, khuyến người xuất gia, hoặc tự mình xuất gia, dù già dù trẻ, phước đức rất thù thắng.

Bây giờ, Đức Thế Tôn đang cư ngụ ở vườn trúc Ca-lan-đa thuộc thành Vương xá.

Khi ấy, ở thành này, có trưởng giả tên Thi-lợi-bạt-đề (Phước Tăng), đã một trăm tuổi, khi nghe công đức xuất gia nhiều vô lượng như vậy, liền suy nghĩ: “Hôm nay, sao ta không xuất gia tu đạo trong Phật pháp?” Trưởng giả liền từ giã tất cả vợ con,

tôi tớ....:

– Ta muốn xuất gia.

Do trưởng lão quá già nua, mọi người trong nhà ai cũng nhàm chán, đều chê bai là vô dụng, nên khi nghe trưởng lão muốn xuất gia, tất cả đều rất vui mừng nói:

– Ông nên đi sớm đi, còn chần chờ gì nữa! Nay là đúng lúc!

Thi-lợi-bạt-đề liền đi khỏi nhà, đến vườn Trúc, muốn diện kiến Đức Thế Tôn để cầu pháp xuất gia. Khi đến vườn Trúc, trưởng giả hỏi các Tỳ-kheo:

– Thưa các Tỳ-kheo, Đức Phật Thế Tôn Đại Tiên, Đấng Đại Bi làm lợi ích cho trời, người, nay đang ở đâu?

Các Tỳ-kheo đáp:

– Đức Như Lai Thế Tôn đã đi giáo hóa, làm lợi ích ở nơi khác rồi, Ngài không có ở đây!

Trưởng giả lại hỏi:

– Xin hỏi bậc Đại sư Trí tuệ Thượng túc kế vị Phật là ai?

Các Tỳ-kheo chỉ đến Tôn giả Xá-lợi-phất.

Trưởng giả chống gậy đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, bỏ gậy làm lễ, thưa:

– Thưa Tôn giả, cho phép con được xuất gia.

Tôn giả Xá-lợi-phất nhìn rồi nghĩ: “Người này quá già, cả ba việc đều thiếu: không thể học hỏi, không thể tọa thiền cũng không thể giúp việc cho

chúng Tăng”, liền nói:

– Ông hãy về đi, ông đã quá già nên không được xuất gia. Trưởng giả đi đến Tôn giả Ma-ha Ca-diếp, Tôn giả Ưu-ba-ly, Tôn giả A-nậu-lâu-đà... lần lượt hết năm trăm đại A-la-hán. Các vị đều hỏi:

– Trước tiên ông đã đến xin vị nào chưa?

Trưởng giả đáp:

– Trước hết, con nghĩ sẽ đến xin Đức Thế Tôn, nhưng Ngài đã đi hoằng hóa, kể đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất. Các vị hỏi:

– Tôn giả ấy nói gì?

Trưởng giả đáp:

– Tôn giả ấy nói đã quá già, không được xuất gia.

Các Tỳ-kheo nói:

– Tôn giả Xá-lợi-phất là bậc Trí tuệ bậc nhất, còn không cho phép ông xuất gia, nên chúng tôi cũng không thể cho phép ông xuất gia được! Như thầy thuốc giỏi biết rõ người bệnh không còn chữa trị được, thì các thầy thuốc khác cũng đành bó tay. Vì biết chắc người này có tướng chết nên Tôn giả Xá-lợi-phất đại trí không chấp nhận thì các Tỳ-kheo khác cũng vậy, không thể chấp nhận.

Thi-lợi-bạt-đề cầu xin các Tỳ-kheo nhưng vẫn không được xuất gia, liền trở về vườn Trúc, đứng ở cửa ngõ, buồn rầu khóc lớn, than:

– Từ khi sinh ra đến giờ, ta không gây tai họa gì lớn, sao lại không cho phép ta xuất gia? Như Ưu-ba-ly – người hót tóc hạ tiện, Ni-đề – người hót phân dơ, Ương-quật-ma-la – giết vô lượng người, Đà-tắc-ky – là giặc đại ác... những người như vậy còn được xuất gia. Ta có tội gì mà không được xuất gia?

Khi nói lời này, Đức Thế Tôn liền xuất hiện trước mặt, phóng ra ánh sáng lớn, tướng tốt trang nghiêm, như vua Đế Thích có xe cao lớn bằng bảy báu ở cõi trời Đao-lợi. Đức Phật hỏi Thi-lợi-bật-đề:

– Vì sao ngươi khóc?

Trưởng giả nghe Phạm âm của Phật, rất đổi vui mừng, như con gặp được cha, liền gieo năm vốc sát đất, đánh lễ Phật, rơi lệ thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn, tất cả chúng sinh từ người giết người, làm giặc, nói dối, chê bai, đến người thấp hèn... đều được xuất gia, riêng con có tội gì mà không được xuất gia trong Phật pháp? Cả nhà con, từ lớn đến nhỏ đều chê bai con già nua, không còn dùng con. Nay trong Phật pháp, con cũng không được xuất gia. Giả sử con trở về nhà thì cũng không được chấp nhận, con nên đi đâu? Hôm nay, con quyết định tự sát.

Lúc ấy, Đức Phật bảo Thi-lợi-bật-đề:

– Ai có thể chỉ tay lên hư không nói rằng người

này thì nên xuất gia, người này già cả không nên cho xuất gia?

Trưởng giả bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, Ngài là Bạc Pháp Vương, người đệ tử Trí tuệ bậc nhất kế tiếp Ngài – bậc Đạo sư thứ hai của thế gian, Tôn giả Xá-lợi-phất— đã không cho phép con được xuất gia trong Phật pháp.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dùng tâm Đại bi, an ủi Phước Tăng, như người cho từ bi an ủi con hiếu thảo:

– Ông chớ lo buồn! Ta sẽ cho ông được xuất gia.

Trong ba a-tăng-kỳ kiếp, Ta siêng năng tu hành khổ hạnh tu phước cả trăm kiếp, chẳng phải Xá-lợi-phất; chẳng phải Xá-lợi-phất đòi đòi tu hạnh khó, chặt đầu khoét mắt, đem tủy não, máu thịt, da xương, tay chân, tai, mũi... để bố thí; chẳng phải Xá-lợi-phất gieo mình cho hổ đói, nhảy vào hầm lửa, đóng ngàn cây đinh lên thân, khoét thân đốt ngàn ngọn đèn; chẳng phải Xá-lợi-phất đem nước thành, vợ con, nô tỳ, voi ngựa, bảy báu... để bố thí; chẳng phải Xá-lợi-phất trong a-tăng-kỳ kiếp giữa cúng dường chín vạn chín ngàn chư Phật, a-tăng-kỳ kiếp sau cũng cúng dường mười vạn chư Phật Thế Tôn, xuất gia trì giới, đầy đủ Giới ba-la-mật; chẳng phải Xá-lợi-phất được tự tại nơi pháp, thì sao lại được phép nói: “Người này nên xuất gia,

người này không nên xuất gia.” Chỉ có một mình Ta là tự tại đối với pháp. Chỉ có một mình Ta đi xe báu sáu Độ, mặc áo giáp nhân nhục, ở bên gốc cây Bồ-đề, ngồi nơi tòa Kim cang để hàng phục ma vương, chỉ có Ta là duy nhất thành tựu Phật đạo, không có ai sánh bằng. Ông hãy đi theo Ta, Ta sẽ cho ông xuất gia.

Đức Thế Tôn dùng đủ lời lẽ để an ủi như vậy, Phước Tăng dứt sạch lo buồn, tâm rất hoan hỷ, liền đi theo Đức Phật. Vào đến tinh xá, Đức Phật bảo Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

– Hãy xuất gia cho người này. Vì sao? Vì chúng sinh tùy duyên mà được độ. Người có duyên với Như Lai thì người khác không thể độ, người khác có duyên với người khác thì Như Lai không thể độ. Người có duyên với Xá-lợi-phất, Mục-liên, Ca-diếp, A-na-luật, Kim-tỳ-la... thì tất cả đệ tử khác không ai có thể độ, lần lượt như thế, tùy theo người có duyên, còn người khác thì không thể độ.

Bấy giờ, Tôn giả Mục-liên cũng suy nghĩ: “Người này đã quá già nua, ba việc tụng kinh, ngồi thiền, giúp việc cho chúng Tăng đều không thể làm, nhưng Phật là Đấng Pháp Vương, dạy ta cho xuất gia, có lý nào dám làm trái?”

Tôn giả liền cho xuất gia, thọ giới Cụ túc. Người này do đời trước đã gieo trồng nhân duyên nên được độ, đã nuốt lưỡi câu Pháp như cá nuốt

câu nên chắc chắn được xuất gia, không nghi ngờ. Trưởng giả này đã từng tu tập các công đức lành, ngày đêm tinh tấn tu tập, đọc tụng Kinh, Luật, Luận, thông suốt tạng Kinh, nhưng nay do tuổi quá cao, không thể theo thời cung kính, nghênh đón, lễ bái, thưa hỏi các bậc Thượng tọa, các Tỳ-kheo nhỏ tuổi do xuất gia trước nên thành Thượng tọa – thường nói lời gắt gỏng. Các Tỳ-kheo Trưởng lão đó ý mình hạ lập cao, có tụng kinh, học hỏi nên ngã mạn tự cao, không cung kính lẫn nhau. Tỳ-kheo già nua này suy nghĩ: “Lúc ta ở nhà, cả nhà ta từ nhỏ đến lớn đều làm ta buồn phiền, hôm nay đến đây xuất gia, hy vọng được nơi nghỉ thì lại bị các Tỳ-kheo nhỏ tuổi này châm chọc, ta có tội gì mới như vậy, phiền não càng tăng thêm.” Lại nghĩ: “Hôm nay, ta thà chết còn hơn.”

Khi ấy, Phước Tăng đến bên bờ rừng, chỗ dòng sông lớn rất sâu, lại chảy xiết. Khi đến bờ sông, ông ta liền cởi ca-sa treo trên cành cây, quỳ xuống hướng về y, khóc lóc tự phát thệ nguyện:

– Hôm nay, con không muốn bỏ Phật, Pháp và chúng Tăng, chỉ muốn bỏ thân mạng. Thân con đã được đáp y này để bố tát, trì giới, tinh tấn tụng kinh, nếu có phước báo thì nguyện sau khi con bỏ thân này, được sinh vào nhà giàu có an lạc, quyền thuộc hòa thuận, đối với pháp thiện của con, họ không ngăn cản, thường được gặp Tam bảo, xuất gia tu đạo; gặp được Thầy hiền thiện, chỉ bày cho

con chứng đặc Niết-bàn.

Phát nguyện xong, Phước Tăng liền gieo mình xuống chỗ nước chảy xiết và sâu nhất của dòng sông.

Bấy giờ, Tôn giả Mục-liên dùng Thiên nhãn quán sát vị đệ tử già nua của mình, xem thử đang làm gì. Tôn giả liền thấy đệ tử đang lao mình xuống dòng sông. Trong khoảnh khắc, Phước Tăng chưa đến mặt nước, Tôn giả dùng năng lực thần thông đưa Phước Tăng trở lại bên bờ, rồi hỏi:

– Nay Pháp tử, ông đang làm gì vậy?

Thi-lợi-bật-đề rất hổ thẹn, suy nghĩ: “Nên trả lời thế nào đây! Hôm nay, ta không nên nói dối với Thầy. Nếu nói dối Thầy thì muôn kiếp phải chịu tội về thiệt căn. Lại nữa, Hòa thượng của ta thần thông vi diệu, dù ta nói dối thì Thầy cũng biết hết. Ở đời, người nào có trí tuệ sáng suốt, tánh thật thà ngay thẳng thì chư Thiên cung kính. Nếu người có trí tuệ mà luôn dối trá, dù có khả năng làm Thầy thì chỉ được loài người cúng dường. Nếu người không có trí tuệ mà tánh ngay thẳng, tuy không được cúng dường nhưng họ tự tiến lên bằng đôi chân của mình; nếu người ngu si lại còn dối trá thì đó là người thấp kém, xấu ác nhất trong chúng, giả sử có nói ra điều gì thì mọi người đều biết là dối trá, rồi nói: ‘Người này lừa dối, không chân thật’, nếu có nói thật đi nữa thì cũng không ai tin. Cho

nên, nếu ta nói dối với Hòa thượng chẳng phải là cách của ta, mà phải nói sự thật”, liền bạch:

– Bạch Thầy, con nhàm chán gia đình nên xuất gia, muốn tìm sự nghỉ ngơi, nhưng nay lại không được an lạc nên muốn bỏ thân mạng này.

Tôn giả Mục-liên nghe xong, liền suy nghĩ: “Đối với người này, nếu ta không đem việc khủng khiếp của sinh tử để làm cho ông ta sợ hãi thì chắc không đạt được lợi ích của việc xuất gia”, liền bảo:

– Nay, người nên chí tâm nắm chéo y của ta đừng buông ra.

Phước Tăng liền làm theo lời Thầy dạy.

Như tánh của gió, dù thổi rất nhẹ nhàng nhưng cũng khiến những hạt bụi, lá cỏ bay vút lên hư không; cũng như dùng thần thông đi lại trong hư không mà cầm theo một sợi lông thì đi đến đâu tùy ý. Thần thông của Tôn giả Mục-liên cũng vậy, giống như chim Ưng mạnh mẽ ngậm con chim nhỏ, bay vút lên hư không. Trong khoảnh khắc co duỗi cánh tay, Tôn giả bay lên hư không, đến bên bờ biển cả, bên bờ biển này có một người nữ mới qua đời, sắc mặt đẹp đẽ, thân tướng đoan chánh, đầy đủ vẻ đẹp; thấy có một con trùng bò ra từ miệng người nữ ấy, rồi bò vào mũi, chui ra ở mắt, rồi bò lại vào tai, Mục-liên đứng nhìn, nhìn xong, bỏ đi.

Thi-lợi-bật-đề thưa:

– Bạch Hòa thượng, người nữ này là ai mà hình tướng như vậy?

Tôn giả Mục-liên đáp:

– Đúng lúc thì ta sẽ nói.

Bước tiếp vài bước, Phước Tăng thấy một người nữ khác vác cái vạc bằng đồng đang lặn hụp dưới nước, bỗng lửa thối đến làm nước sôi sùng sục, cô ta liền cởi áo tụt nhảy vào trong vạc, tóc, móng rơi rụng trước, kể đến thịt chín rã ra lìa khỏi xương, nước sôi làm văng bộ xương ra ngoài, rồi gió thối đến, lập tức trở lại thành người, lại tự bóc thịt mà ăn. Thấy rồi, Phước Tăng quá đổi kinh sợ, thưa:

– Bạch Hòa thượng, người đó là ai mà tự ăn thịt của mình vậy?

Tôn giả Mục-liên đáp:

– Đúng lúc thì ta sẽ nói.

Bước tiếp vài bước, Phước Tăng thấy một thân cây to lớn, có rất nhiều trùng vây quanh rúc rĩa khắp trên thân cây, không có một chỗ hở dù chỉ bằng đầu cây kim. Khi ấy, có tiếng gào khóc, la hét thất thanh làm chấn động khắp nơi như tiếng địa ngục. Phước Tăng thưa:

– Bạch Hòa thượng, tiếng ghê sợ này là của người nào vậy?

Tôn giả Mục-liên đáp:

– Đúng lúc thì ta sẽ nói.

Tiếp đến, có người đàn ông cao lớn, có rất nhiều loài thân người đầu thú vây quanh, các quỷ thần hung dữ, tay cầm cung nỏ, chĩa ba, mũi tên độc... đầu mũi nhọn đều bốc lửa tranh nhau bắn vào người đó, lửa bốc cháy sém khắp thân. Phước Tăng thưa:

– Bạch Hòa thượng, người này là ai mà chịu khổ đau, lại không có lối thoát như vậy?

Tôn giả Mục-liên đáp:

– Hãy ở đây, đúng lúc thì ta sẽ nói.

Lát sau, có ngọn núi lớn, dưới chân núi toàn dao, kiếm, có một người nhảy từ trên núi xuống, dao đâm kiếm chém, khiến thân thể tan rã, liền tự gom lại trở thành thân như cũ, trở lại đỉnh núi nhảy xuống, như lần trước vậy, không hề ngừng nghỉ.

Thấy rồi, Phước Tăng thưa:

– Bạch Hòa thượng, người này là ai mà chịu khổ đau như vậy?

Tôn giả Mục-liên đáp:

– Đợi một lát, đúng lúc thì ta sẽ nói.

Thứ đến, lại thấy phía trước mặt có một ngọn núi xương sườn sừng sững, cao bảy trăm do tuần, che khuất ánh sáng mặt trời khiến biển cả tối đen. Tôn giả Mục-liên cùng đệ tử đi kinh hành trên một xương sườn lớn nơi núi xương này. Phước Tăng suy nghĩ: “Hiện tại, Hòa thượng của ta đang thử thách, ta có thể thưa hỏi những việc vừa rồi đã thấy

chăng?”

Nghĩ xong, Phước Tăng thưa:

– Cúi xin Hòa thượng giảng nói những sự việc vừa thấy cho con được rõ.

Tôn giả Mục-liên đáp:

– Bây giờ đã đúng lúc.

– Bạch Hòa thượng, người nữ đầu tiên con thấy là ai vậy?

Tôn giả Mục-liên đáp:

– Nay Phước Tăng, đó là vợ của Đại Tát-bạt ở thành Xá-vệ, có nhan sắc tuyệt trần, được chồng yêu mến. Bấy giờ, Tát-bạt sắp đi biển, vì quyến luyến vợ nên không thể cách xa, ông ta liền dẫn vợ cùng năm trăm khách buôn lên thuyền vượt biển. Người vợ thường hay trang điểm, chải chuốt soi gương, do tự thấy mình xinh đẹp nên khởi tâm kiêu mạn, tham đắm sắc đẹp của chính mình. Khi ấy, có một con rùa lớn dùng chân đạp thuyền, thuyền thủng rồi chìm xuống biển. Tát-bạt, vợ cùng năm trăm khách buôn đều chết. Quy luật của biển cả là không dung nạp thân chết nên những con sóng hoặc Dạ-xoa, La-sát đẩy tất cả thân chết lên bờ. Khi qua đời, chúng sinh tùy theo tâm luyến tiếc điều gì thì lập tức sinh vào nơi ấy. Có người sẽ hỏi vặn: “Nếu nói tham đắm nơi nào thì sinh vào nơi ấy, vậy ai ưa thích địa ngục mới bị đọa vào địa ngục sao?” Nên trả lời: “Chúng sinh nào trộm cắp

tài sản của Tam bảo, của cha mẹ, cho đến giết người, những tội nặng như vậy phải bị đọa vào địa ngục lửa thiêu đốt. Người này bị bệnh lạnh, bệnh phong hàn bức bách, liền nghĩ đến lửa, muốn được vào trong lửa. Cứ nghĩ như vậy, nên khi qua đời bị đọa vào địa ngục này. Người nào trộm cắp của cải và đèn cúng Phật, hoặc lấy đèn, đuốc, củi cỏ của Tăng, hoặc phá hoại phòng nhà, giảng đường của Tăng, hoặc khi trời rét lại lột áo của người khác, hoặc ý thể lực nên khi mùa đông lạnh giá lấy nước tạt lên nô tỳ và những người khác, hoặc cướp bóc, lột y phục của người... Những tội báo như vậy phải bị đọa vào địa ngục băng giá. Người này bị bệnh nóng bức bách nên thường nghĩ đến những nơi lạnh giá, khi nhớ nghĩ như vậy liền bị đọa vào địa ngục này. Những địa ngục Ưu-bát-la, Bát-đầu-ma, Câu-vật-đầu và địa ngục Phân-đà-lợi cũng vậy. Người chịu tội trong địa ngục băng giá này, thân thể lạnh buốt, khô cứng như hạt đậu cháy sém, tán nhỏ, tủy não như hạt gạo nứt ra, xương đầu bể vụn ra trăm ngàn vạn phần, xương khắp thân gãy nát như mũi tên vót nhọn. Người nào tham lam keo kiệt, cướp giết thực phẩm khiến chúng sinh chết đói thì phải bị đọa vào loài ngạ quỷ, bị bệnh “nghịch khí” (đầy hơi), ăn không tiêu. Thầy thuốc khám bệnh, lấy đủ loại thức ăn đến dỗ dành: “Cái này ngon ngọt, thức ăn này ngon, dễ tiêu, hãy cố gắng ăn.” Người bệnh này liền giận dữ: “Khuyên

bảo làm gì, bây giờ ta không muốn nhìn thấy thức ăn.” Khi chết, người này sẽ bị đọa vào loài ngựa quỉ. Người nào ngu si, không tin Tam bảo, chê bai khinh lờn đạo thì bị đọa vào loài súc sinh, bị bệnh bức ngặt, chỉ được nằm co, không được nằm ngửa, nằm nghiêng, không thích lời nói thiện, mọi người đều biết chắc người này sẽ chết, liền khuyên bảo: “Người nên nghe pháp, thọ trai, giữ giới, sẽ được thấy hình tượng Phật, thấy Tỳ-kheo Tăng, người nên bố thí.” Nhưng người này không vui vẻ, những người khác lại cố khuyên răn nhưng chỉ làm cho người này tăng thêm ý nghĩa xấu ác: “Cho ta được một điều nguyện là: Không nghe tên Tam bảo, và tên các cõi lành, nhất định không nói thêm điều gì nữa!” Khi chết, người này bị đọa vào loài súc sinh.

Người nào tu pháp lành, gieo trồng nhân ở cõi trời, cõi người thì không bị bệnh tật bức ngặt, khi chết, tâm họ không tán loạn, những người thân quyến biết người ấy sắp chết, liền khuyên bảo: “Người có thích nghe pháp, muốn thấy hình tượng Phật, muốn gặp Tỳ-kheo để nghe kinh không? Người có thích được thọ trai giới, muốn có tài sản để cúng dường tượng Phật không?” Người ấy đều đáp: “Tốt lắm!” Lại bảo: “Cúng dường hình tượng Phật thì được thành Phật đạo, cúng dường Pháp thì sinh ra bất cứ nơi nào cũng đạt được trí tuệ sâu xa, thông suốt Pháp tướng; bố thí cho chúng Tăng thì ở đâu cũng có được châu báu, tùy ý sử dụng, không

hề thiếu thốn.” Người bệnh nghe rồi, hoan hỷ phát nguyện: “Nguyện cho tôi sinh ở chỗ nào cũng thường gặp ngôi Tam bảo, nghe pháp được khai ngộ.” Khi qua đời, người ấy được sinh trong loài người.

Người nào gieo trồng nhân lành để cầu sinh lên cõi trời, hoặc bố thí, trì giới thanh tịnh, ưa thích nghe kinh Pháp, thọ trì mười điều thiện thì khi sắp qua đời, được nằm ngửa an ổn, thấy hình tượng Phật, cung nữ cõi trời và được nghe âm nhạc cõi trời, nhan sắc tươi vui, đưa tay hướng lên. Khi lâm chung, người này được sinh lên cõi trời. Vợ của Tát-bạt này do yêu thích, tham đắm thân mình nên khi chết, phải sinh trở lại làm thân trùng nơi thân cũ, khi bỏ thân trùng này, liền bị đọa vào địa ngục chịu vô lượng khổ.

Thi-lợi-bạt-đề thưa:

– Bạch Hòa thượng, còn người phụ nữ kia sao lại tự ăn thịt mình?

Tôn giả Mục-liên đáp:

– Đó là đứa tớ gái của một Ưu-bà-di ở nước Xá-vệ. Ưu-bà-di này thỉnh một vị Tỳ-kheo trì giới thanh tịnh đến cúng dường thực phẩm trong chín mươi ngày vào mùa hạ an cư. Ưu-bà-di lấy tiền của mình xây phòng cho vị Tỳ-kheo ở, tự nấu món ăn ngon tuyệt, cứ đến bữa chiều liền sai tớ gái bưng thức ăn đến cúng dường vị Tỳ-kheo. Đến chỗ

khuất, người tớ gái lựa thức ăn ngon ăn hết, phần còn lại đem đến cho Tỳ-kheo. Dần dần, chủ nhà thấy tớ sắc mặt tươi tắn, thân hình mập mạp nên nghĩ là nó lấy trộm thức ăn, liền hỏi: “Người có lấy trộm thức ăn của Tỳ-kheo không?” Người tớ gái đáp: “Thưa chủ nhân, con cũng có lòng tin, chẳng phải là người tà kiến thì lý do gì lại ăn trước vị Tỳ-kheo? Khi Tỳ-kheo ăn xong, còn dư thức ăn nên cho con, con mới ăn thức ăn đó. Nếu con ăn trước thì thề rằng đời đời con tự ăn thịt của con.” Do nhân duyên này, nên trước tiên, người tớ gái kia phải chịu tội về quả báo khinh lờn, sau khi chết sẽ bị đọa vào địa ngục lớn, chịu quả báo chính thức, đau khổ vô cùng.

Phước Tăng lại thưa:

– Bạch Hòa thượng, thân cây lớn có các trùng rúc rĩa mà con đã thấy, lại phát ra tiếng ghê sợ kia là ai vậy?

Tôn giả Mục-liên bảo:

– Đó là Tỳ-kheo trông coi việc chúng Tăng tên Lại-lợi-tra. Tỳ-kheo này tự ý lấy hoa quả, thực phẩm... của chúng Tăng cho bạch y nên chịu quả báo, sau khi qua đời sẽ bị đọa vào địa ngục lớn, còn những con trùng rúc rĩa ấy chính là những người đã nhận vật của chúng Tăng.

Phước Tăng thưa:

– Bạch Hòa thượng, người gào khóc thống

thiết, bị bắn tên tới tấp, lửa cháy sém toàn thân là ai vậy?

Tôn giả Mục-liên đáp:

– Người này đời trước làm thợ săn, giết hại nhiều cầm thú, do tội này nên chịu khổ sở như vậy, khi chết bị đọa vào địa ngục lớn, trải qua thời gian lâu dài, khó thoát ra được.

– Bạch Hòa thượng, người tự nhảy từ trên núi cao xuống, bị dao kiếm đâm chém, thân thể tan nát rồi lên núi, nhảy xuống lại là ai vậy?

Tôn giả Mục-liên đáp:

– Người ấy là một vị đại tướng ở thành Vương xá, do rất mạnh mẽ nên luôn đi tiên phong, dùng dao kiếm để đâm chém làm thương tổn muôn loài nên chịu quả báo này, sau khi chết sẽ bị đọa vào địa ngục lớn, chịu khổ lâu dài.

Phước Tăng lại thưa:

– Bạch Hòa thượng, còn núi xương này là ai vậy?

Tôn giả Mục-liên đáp:

– Người muốn biết ư? Đây chính là xương thân người đời trước đó!

Nghe xong, Thi-lợi-bật-đề rất đổi kinh sợ, hoảng hốt toát mồ hôi, thưa:

– Bạch Hòa thượng, hôm nay, tâm con tâm tôi chưa biết được, xin Thầy nói rõ đầy đủ nhân duyên cho con.

Tôn giả Mục-liên đáp:

– Sự xoay vần của sinh tử không có bờ bến mà nghiệp báo thiện ác thì không hề tan mất, tạo bao nhiêu nghiệp thì chắc chắn nhận bấy nhiêu quả báo, tùy theo từng việc làm. Vào đời quá khứ, ở Diêm-phù đề này có một vị vua tên Đàm-ma-bật-đề (Pháp Tăng), ưa thích bố thí, trì giới, nghe pháp, có tâm Từ bi, tánh không bạo ác, không làm tổn thương các loài vật, có đầy đủ tướng của vị quốc vương, dùng chánh pháp để trị nước suốt hai mươi năm, lúc rảnh rang trong việc nước, vua cùng đánh bạc chơi với mọi người. Lúc đó, có một phạm nhân phạm tội giết người, các quan liền đến tâu: “Tâu đại vương, bên ngoài có phạm nhân phạm tội, phải trị thế nào?” Do vua mãi chơi, không suy xét mà đáp: “Cứ theo pháp nước mà trị.” Các quan căn cứ theo luật: “Giết người thì phạm tội chết” lập tức đem tội nhân ra giết. Nhà vua vui chơi xong, bèn hỏi các cận thần: “Tội nhân lúc này đâu rồi, nay trẫm sẽ xử.” Các quan tâu: “Tâu bệ hạ, thần chiếu theo phép nước để trị nên đem đi giết rồi.” Nghe xong, nhà vua bất tỉnh ngã xuống đất. Các cận thần lấy nước lạnh rưới lên mặt, hồi lâu vua mới tỉnh lại, liền khóc lóc, nói: “Cung tần mỹ nữ, voi ngựa, bảy báu, tất cả đều đang ở đây, chỉ có một mình ta phải đọa vào địa ngục chịu mọi khổ đau. Khi ta chưa làm vua thì cung điện này có vua cai trị, chẳng bao lâu ta chết đi thì ở đây cũng có vua khác

tiếp tục cai trị, ta xưng là vua mà giết người thì cũng như vua của bọn Chiên-đà-la, không biết đời đời kiếp kiếp, ta sẽ đi về đâu. Nay ta quyết định không làm vua nữa.” Vua liền bỏ ngai vàng vào núi để tu tập. Khi vua qua đời, sinh làm con cá Ma-kiệt trong biển cả, thân lớn dài bảy trăm do tuần. Các ma và Đại thần tự ý vào thế lực, ức hiếp dân chúng, khiến nhân dân ly tán, bóc lột chúng sinh, khi chết sẽ sinh làm nhiều cá lớn Ma-kiệt, có nhiều trùng đến rúc rĩa thân, chui vào vảy để ăn thịt, như những lưỡi câu móc vào mình, lúc mình cá ngứa ngáy, nó cọ vào núi Pha lê, giết những con trùng nát thân, máu chảy đỏ ngầu trong biển cả trăm dặm, vì tội này nên khi chết, bị đọa vào địa ngục lớn. Khi cá Ma-kiệt ngủ một giấc là một trăm năm, tỉnh giấc, chúng quá đói khát nên há miệng lớn để nước biển chảy vào, như chảy vào sông lớn. Bây giờ, có năm trăm khách luôn đi biển tìm châu báu, gặp lúc cá há miệng lớn nên thuyền trôi thật nhanh vào trong miệng cá, mọi người quá kinh sợ nên khóc lóc gào thét, có người nói: “Hôm nay ta chắc chắn sẽ bị chết”, người khác thì cung kính; hoặc xưng danh hiệu Phật, Pháp và Tăng; hoặc gọi tên chư Thiên, Thần sông, Thần núi, cha mẹ, anh em, bà con...: “Hôm nay là lần cuối cùng chúng ta được nhìn thấy Diêm-phù-đề, chắc vĩnh viễn không thấy nữa!” Khi thuyền sắp tới miệng cá Ma-kiệt, mọi người đồng thanh niệm: “Nam-mô Phật!”

Nghe tiếng niệm Phật, cá liền ngậm miệng lại, nước biển ngừng chảy, tất cả khách buôn như từ cõi chết trở về. Do bị đói khát giày vò nên cá liền chết, được sinh trong thành Vương xá. Dạ-xoa, La-sát liền vớt cá lên, để trên bờ biển, trải qua những ngày mưa nắng, thịt đã tiêu tán, chỉ còn xương, chính là núi xương này. Nay Phước Tăng, vua Pháp Tăng thuở đó nay chính là ông, do tội giết người nên đọa làm cá Ma-kiệt ở biển cả này. Hôm nay đã được làm thân người, sao ông không nhàm chán sinh tử? Nếu ông chết ở đây thì sẽ bị đọa vào địa ngục, muốn ra khỏi cũng thật khó.”

Khi ấy, thấy thân cũ của mình, được nghe Thầy thuyết giảng xong, Phước Tăng rất sợ sinh tử, liền ghi nhớ thứ lớp các pháp tu, chú tâm giữ ý, quán sát thân cũ của mình, hiểu rõ pháp vô thường, nhàm chán sinh tử, trừ sạch các kết sử, lậu hoặc, chứng đắc quả vị A-la-hán. Tôn giả Mục-liên hoan hỷ, nói:

– Pháp tử, hôm nay, việc nên làm ông đã làm xong, lúc đến đây, ông đã nương vào thần lực của ta mà đến, bây giờ ông có thể tự dùng thần lực của mình mà đi.

Bây giờ, Tôn giả Mục-liên bay lên hư không, Thi-lợi-bạt-đề bay theo sau Hòa thượng, như chim con bay theo mẹ, cùng trở về Trúc lâm.

Lúc này, các Tỷ-kheo trẻ tuổi chưa biết Phước

Tăng đắc đạo nên vẫn châm chọc như trước. Do tâm đã điều thuận, Thi-lợi-bật-đề vẫn giữ oai nghi đỉnh đạc, yên lặng không phân trần. Đức Phật biết việc này, vì muốn hộ trì các Tỳ-kheo không để họ khởi nghiệp ác, cũng muốn hiển bày đức của Tỳ-kheo già này nên ở trong đại chúng, Ngài gọi:

– Phước Tăng, hãy đến đây! Hôm nay, ông đã đến bên bờ biển sao?

– Bạch Đức Thế Tôn, thật con có đến.

– Ông có thể trình bày lại những điều đã thấy không?

Tỳ-kheo Phước Tăng bạch Phật đầy đủ về những điều đã thấy. Đức Phật dạy:

– Lành thay! Lành thay! Nay Phước Tăng, những điều ông thấy đều là sự thật. Hôm nay, ông đã xa lìa khổ sinh tử, đạt được an vui của Niết-bàn, xứng đáng thọ nhận tất cả sự cúng dường của trời, người, những việc của Tỳ-kheo phải làm, ông đã làm đầy đủ.

Nghe lời Phật dạy, các Tỳ-kheo trẻ tuổi rất lo sợ, hồi hận: “Đây là bậc Hiền thiện trí tuệ, chúng ta không có trí tuệ, dùng tâm ác châm chọc, thế nào chúng ta cũng nhận lấy quả báo của tội này!”

Các Tỳ-kheo trẻ tuổi liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến chỗ Tỳ-kheo Phước Tăng, gieo năm vốc sát đất, thưa:

– Các bậc Thiện nhân xuất hiện thì tâm Bi cũng

phát sinh theo; cũng vậy, hôm nay Đại đức sinh khởi thì tâm Bi cũng phát sinh. Cúi xin Đại đức thương xót chúng tôi mà nhận lời sám hối lỗi lầm.

Phước Tăng đáp:

– Đối với các vị, lúc nào tôi cũng có tâm thiện để tiếp nhận lời sám hối lỗi lầm.

Thấy các Tỳ-kheo trẻ tuổi còn sợ hãi, Phước Tăng liền thuyết pháp. Các Tỳ-kheo nghe xong, lập tức nhàm chán pháp sinh tử, siêng năng tu tập, dứt sạch kết sử, lậu hoặc chứng đắc đạo quả A-la-hán. Do nhân duyên này, tiếng khen về Phước Tăng vang khắp thành Vương xá, mọi người đều nói:

– Lạ thay! Thật là đặc biệt! Trưởng giả trong thành này già nua không thể tưởng, nay xuất gia trong Phật pháp lại được thành đạo, lại thuyết pháp vi diệu hiếm có như vậy!

Bấy giờ, mọi người trong thành đều phát tâm thanh tịnh, có người cho phép nam, nữ, nô tỳ, dân chúng xuất gia, hoặc tự mình xuất gia, tất cả đều hoan hỷ, cùng khuyến khích nhau xuất gia. Do nhân duyên này nên nói công đức xuất gia thật vô lượng vô biên.

Phước Tăng một trăm tuổi mới xuất gia mà thành tựu các công đức lớn lao như vậy, huống là những người trẻ tuổi, muốn cầu quả báo lớn thù thắng vi diệu thì nên siêng năng tu theo pháp xuất gia để học đạo.



KINH HIỀN NGU

QUYỂN 5

Phẩm 24: SA-DI GIỮ GIỚI TỰ SÁT

Tôi nghe như thế này:

Một thời, Đức Phật ở nước An-đà. Bảy giờ Đức Thế Tôn ân cần khen ngợi người trì giới, giữ gìn giới cấm, thà bỏ thân mạng chớ trọn đời không hủy phạm chúng. Tại vì sao? Vì giới là nền tảng ban đầu nhập đạo, là hướng đi tuyệt diệu dứt hết lậu nghiệp, là con đường bằng phẳng đi đến Niết-bàn an lạc. Nếu người giữ giới thanh tịnh thì công đức ấy vô lượng vô biên, thí như biển lớn sâu rộng vô lượng vô biên, giới cũng như vậy. Cũng như biển lớn có nhiều loài chúng sinh thủy tộc to lớn cư trú như: rùa A-tu-la, cá Ma-kiệt..., biển giới cũng như thế, cũng có nhiều chúng sinh lớn Tam thừa ở trong đây. Thí như biển lớn có rất nhiều các thứ của báu vàng, bạc, lưu ly..., biển giới cũng như thế, cũng có nhiều của báu như thiện pháp, bốn phi thường, ba mươi bảy trợ đạo, các thiên tam-muội... Cũng như biển lớn, kim cang làm đáy, vây quanh núi Kim cang có bốn con sông lớn, trôi chảy vào trong

đó mà nó vẫn không thêm không bớt. Biển giới cũng như vậy. Tỳ-ni làm đày, lấy A-tỳ-đàm làm núi bao vây, bốn bộ A-hàm như sông chảy vào trong đó mà vẫn thường trạm nhiên không thêm không bớt. Tại vì sao chảy vào mà vẫn không thêm không bớt? Vì lửa dưới A-tỳ bốc lên biển lớn làm cho nước biển tiêu cạn nên không đầy, vì các sông thường chảy vào cho nên nước biển không bao giờ vơi. Biển giới Phật pháp cũng như thế. Không phóng dật nên không tăng, đầy đủ công đức nên không giảm. Vì thế nên biết, người hay trì giới công đức rất nhiều.

Sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn, ở nước An-đà có một vị Tỳ-kheo ngày đi khát thực một buổi, thích ở nơi thanh vắng, đầy đủ oai nghi. Tỳ-kheo hành hạnh khát thực như thế, Đức Phật thường khen ngợi. Họ không hay ở chung với Tăng chúng. Vì sao? Vì Tỳ-kheo hành hạnh khát thực ít lòng dục, tri túc, không tích trữ, họ cứ thứ tự khát thực hoặc trải tọa cụ ngồi bên vệ đường ngày ăn một bữa, thân mặc ba y, những hạnh như thế, đáng tôn trọng trong hàng Tỳ-kheo Tăng. Ham muốn nhiều không chán, tích trữ của cải, tham cầu, keo kiệt, tật đố ái trước, cho nên không được tiếng tăm vang xa. Còn vị Tỳ-kheo hành hạnh khát thực kia đức hạnh thuần hậu hoàn toàn đầy đủ quả Sa-môn Tam minh, Lục thông, trụ Bát giải thoát, uy nghi đỉnh đạc, tiếng khen vang dội.

Bấy giờ, ở nước An-đà có một vị Ưu-bà-tắc, kính tin Tam bảo, thọ trì ngũ giới, không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không vọng ngữ, không uống rượu, bố thí tu đức, tiếng tăm vang khắp nước, nguyện trọn đời cúng dường vị Tỳ-kheo hành hạnh khát thực đó. Phước cúng dường theo nhân thọ quả báo, nếu thỉnh chúng Tăng đến nhà cúng dường thì e ngại bỏ sự hành đạo, vì trên đường đi phải chịu mệt nhọc bởi nóng, lạnh, sau này có hưởng được quả báo tốt, nhưng phải chịu mệt nhọc, phải đi ra ngoài tìm cầu mới có thể được. Còn đi đến chùa cúng dường sau này khi hưởng được phước báo tự nhiên. Vị Ưu-bà-tắc này lòng tin sâu dày, làm đầy đủ các thứ thức ăn ngon thơm, sai người mang đến tận nơi cúng dường hàng ngày đều như thế.

Bậc Sa-môn có bốn hạng tốt xấu khó nhận biết rõ ràng, giống như trái Am-la sống hoặc chín khó mà biết được. Hoặc có Tỳ-kheo oai nghi đỉnh đạc bước đi ung dung, thế mà nhìn kỹ lại, bên trong đầy đủ tham dục, sân nhuế, si mê, phá giới, phi pháp, giống như trái Am-la bên ngoài chín nhưng bên trong thì sống. Hoặc có Tỳ-kheo bề ngoài coi thô sơ, trái nghịch oai nghi mà bên trong đầy đủ đức hạnh của một vị Sa-môn thiên định, trí tuệ, cũng như trái Am-la bên trong chín mà bên ngoài sống. Hoặc có Tỳ-kheo oai nghi thô kệch, phá giới tạo ác, bên trong có đủ tham dục, sân nhuế, si mê,

xan tham, tất đồ cũng như trái Am-la trong ngoài đều sống. Hoặc có vị Tỳ-kheo, uy nghi nghiêm chỉnh tự thọ trì giới thanh tịnh bên trong đầy đủ đức hạnh Sa-môn giới định, tuệ giải thoát, cũng như trái Am-la trong ngoài đều chín. Vị Tỳ-kheo hành hạnh khát thực kia, trong ngoài đầy đủ cũng lại như vậy. Vì đức hạnh đầy đủ nên được mọi người tôn kính.

Lúc bấy giờ, trong nước ấy có một vị trưởng giả, kính tin Tam bảo sinh được một đứa con trai, ông muốn cho con đi xuất gia, trong lòng tự suy nghĩ: “Nên tìm một vị minh sư để cho con nương theo, vì lẽ thân cận bậc thiện tri thức thì tăng thêm pháp lành, gần gũi ác tri thức thì khởi lên pháp ác. Thí như tính gió không có mùi nhưng thổi ngang qua rừng Chiên-đàn hay rừng Chiêm-bạc tới, thì gió sẽ có mùi hương vì diệu thơm tho; nếu thổi ngang qua phần uế, tử thi thì gió ấy có mùi hôi thối. Lại như áo sạch để trong tủ có hương thơm, khi lấy ra áo sẽ thơm tho, còn nếu để ở nơi hôi thối, thì áo cũng bị hôi thối theo. Thân gần bạn lành thì việc lành ngày càng to lớn, thân gần bạn ác thì việc ác tăng trưởng. Vì thế hôm nay ta nên đem đứa con này gửi cho bậc Tôn giả ấy, để nó được xuất gia tu học.” Nghĩ như thế xong, vị trưởng giả liền đến bạch với vị Tỳ-kheo ấy:

— Tôi có một đứa con trai đây, nay muốn cho nó xuất gia, ngưỡng mong Đại đức thương xót thọ

nhận tế độ. Nếu không thể nhận, xin hãy trả nó trở về nhà.

Lúc bấy giờ vị Tỳ-kheo ấy dùng đạo nhãn quan sát xem người này xuất gia có thể trì giữ tịnh giới, tăng trưởng Phật pháp, bèn nhận đưa trẻ độ làm Sa-di.

Một hôm vị Ưu-bà-tắc ấy có một người cư sĩ thân thiện mời ông và cả nhà vợ con, nô tỳ... ngày mai đi xem trảy hội. Bấy giờ vị Ưu-bà-tắc, sáng sớm nghĩ rằng: “Hôm nay phải đi trảy hội ai ở lại giữ nhà, nếu ta dùng quyền lực giữ lại một người, việc ấy thì được rồi, nhưng ta lại phụ lòng ông ấy (*bạn ông*). Nếu có người nào tự ý chịu ở lại nhà thì ta đi dự hội sẽ tự nhận riêng.” Đứa con gái của ông liền thưa cha:

– Thưa cha, theo ý con trẻ chỉ đi khi được thích muốn, con xin ở lại giữ nhà. Người cha vui vẻ nói:

– Hay lắm! Hay lắm! Hôm nay con ở lại giữ nhà cho cha và mẹ, với con thì lòng ta không còn lo ngại mất mát của cái nhà cửa nữa.

Lúc đó cả nhà đều nhận lời mời ra đi. Đứa con gái bèn đóng chặt cổng, ở trong nhà một mình. Hôm đó, vị Ưu-bà-tắc bỗng quên dâng cơm cho vị Tỳ-kheo, giờ Ngọ đã xế bóng. Bấy giờ vị Tôn giả, tâm tự nghĩ: “Người trần tục bận nhiều công việc, có lẽ họ quên không mang cơm đến, hôm nay ta có thể sai người đến lấy chăng?” bèn bảo chú Sa-di:

– Con đi đến nhà vị Ưu-bà-tắc lấy cơm và phải giữ gìn oai nghi, như lời Đức Phật dạy, vào thôn xóm khát thực, chớ sinh lòng tham trước, thí như con ong hút lấy mật hoa, chỉ lấy vị mật của hoa không làm tổn hại hương sắc. Hôm nay, con cũng phải như thế, đến nhà người ta lấy cơm, thu nhiếp các căn, chớ sinh lòng tham sắc, thanh, hương, vị, xúc. Nếu giữ được giới cấm thì có thể giữ được đạo. Như ông Đề-bà-đạt-đa, tuy tụng kinh nhiều vì tạo ác hủy giới, phải chịu đọa địa ngục A-tỳ. Như ông Cù-ca-lợi, phỉ báng phá giới cũng phải đọa địa ngục. Ông Châu-lợi-bàn-đặc tuy tụng một bài kệ vì trì giới luật mà chứng quả A-la-hán. Lại nữa, giới tức là cửa vào Niết-bàn, là nhân hưởng thọ khoái lạc. Thí như quy pháp của Bà-la-môn nếu thiết lập trường trai ba tháng hoặc bốn tháng, họ thỉnh các vị Bà-la-môn cao minh trì giới phạm hạnh, vì tuyển chọn thỉnh mời không được rộng rãi. Họ để phong bì trong bát của người được thỉnh, có một vị Bà-la-môn tuy học cao nhưng tính tình không thanh liêm, vì tham mùi mật ngọt, liếm sạch mật trong phong bao. Đến ngày nhập hội xuất trình phong bao mới được vào. Có một Phạm chí, không có phong bao đóng dấu muốn đi vào, một người trong ban tổ chức hỏi: “Ngài có phong bao không?” Đáp: “Tôi có nhưng đã liếm hết mật rồi.” Nay con cũng phải như thế, đã không được vào hội tràng vì tham chút ít mật ngọt, mà phải để mất đi cơ hội hưởng các

thú hương vị thơm ngon trong bốn tháng, cho đến dùng các thứ trân bảo khác. Con nay cũng phải như vậy, chớ tham việc nhỏ mà phá giới cấm thanh tịnh, để mất đi mỹ vị ngũ dục trong cõi trời, người cho đến các pháp vô lậu, ba mươi bảy phẩm trợ đạo, Niết-bàn an lạc, pháp bảo vô lượng. Con chớ hủy phá giới ba đời chư Phật, làm ô nhục Tam bảo, Cha mẹ, Sư trưởng.

Chú Sa-di thọ giáo, đánh lễ rồi lui ra, đi đến nhà ông Ưu-bà-tắc kia, gõ cửa. Cô gái chạy ra hỏi:

– Ai gõ cửa đây? Có việc gì?

Đáp:

– Tôi là Sa-di, vâng lời thầy đến đây lấy cơm.

Trong lòng cô gái vui mừng, thầm bảo: “Ta hằng mong ước, nay được toại nguyện”, liền mở cổng mời vào. Là một người con gái đoan chính, dung mạo xinh đẹp lạ thường, tuổi vừa mười sáu, lòng dâm dục như lửa cháy, đứng trước mặt chú Sa-di, cô làm ra vẻ ỡng ẹo, lẳng lơ, lộ tướng dâm dục. Chú Sa-di thấy thế, nghĩ: “Cô gái này mắc chứng bệnh phong, bệnh điên cuồng chẳng? Hay là muốn đem lòng dục vọng phá hủy hạnh thanh tịnh của ta?” Chú giữ vững oai nghi, nhan sắc không thay đổi. Lúc bấy giờ cô gái cúi năm vóc sát đất thưa với chú Sa-di:

– Em luôn ước nguyện từ lâu được gặp ngài để bày tỏ tâm sự, nhưng chưa gặp lúc nào vắng vẻ, em

nghe có lẽ ngài cũng có tâm thương em, trong nhà của em đây có nhiều vàng bạc châu báu đầy kho, cũng giống như bảo tàng của Tỳ-sa-môn Thiên cung nhưng chưa có người làm chủ, ngài hãy chịu ý làm chủ nhà em. Em sẽ làm người vợ hiền, tôn kính, hầu hạ, xin đừng từ chối, để mãn nguyện lòng mong ước của em.

Chú Sa-di thầm nghĩ: “Ta có tội gì, gặp phải ác duyên này. Hôm nay ta thà xả bỏ thân mạng không thể phá hủy giới cấm của chư Phật ba đời chế ra. Ngày xưa có vị Tỳ-kheo đến nhà dân nữ, bị cưỡng bức hành dục thà nhảy vào hầm lửa, quyết không phạm giới. Lại có các Tỳ-kheo bị cướp lấy cỏ trói buộc, chịu đựng gió thổi, nắng nóng, côn trùng hút cắn, vì giữ giới không dám vứt cỏ mà đi. Như con ngỗng nuốt sâu chuỗi ngọc, vị Tỳ-kheo dù trông thấy do vì giữ giới chịu sự đánh đập không nói. Như thuyền bị vỡ ngoài biển, vị Tỳ-kheo hạ tọa, do vì giữ giới, đưa tấm ván cho vị Thượng tọa, còn mình chịu chết chìm nơi biển cả. Những người như thế, riêng là đệ tử Phật có thể giữ được giới cấm, chẳng lẽ ta không phải là đệ tử Phật không thể giữ giới được ư? Đức Thế Tôn Như Lai riêng là thầy của họ, không phải thầy của ta sao? Như bông Chiêm-bạc cùng với mè ép chung thành dầu mùi hoa hôi thì dầu mè cũng hôi. Ngày nay ta đã gặp được bậc Thiện tri thức, có lẽ nào tạo pháp ác, thà bỏ thân mạng trọn đời không phá giới làm ô nhục

Phật, Pháp, Tăng, Phụ mẫu, Sư trưởng.” Lại suy nghĩ: “Nếu như ta bỗng vụt chạy trốn, lòng dục của cô gái đang hùng hực. Không cần hồ thẹn chạy theo níu kéo và phỉ báng ta, người lạ ngoài đường trông thấy ắt không tránh khỏi ô nhục, ta nay quyết định nên xả bỏ thân mạng tại đây.” Vị Sa-di bèn dùng phương tiện nói:

– Đóng cửa nhà lại, tôi vào phòng rồi hãy làm điều gì cần làm.

Lúc đó cô gái liền đi đóng cửa cổng. Chú Sa-di vào phòng, gài kín chốt cửa, lại được một con dao, lòng thầm vui mừng, cỡi y phục vắt trên giá, quỳ thẳng chấp tay hướng về thành Câu-thi-na nơi Đức Phật nhập Niết-bàn, tự thệ nguyện rằng: “Con nay không bỏ Phật, Pháp, Tăng, không bỏ Hòa thượng A-xà-lê, cũng không bỏ giới, chính vì trì giới, xả bỏ thân mạng này, nguyện đời sau sinh ra được xuất gia học đạo, tịnh tu phạm hạnh, dứt sạch lậu nghiệp, thành đạo Bồ-đề.” Nguyện xong, vị Sa-di liền cắt cổ chết, máu chảy ra lênh láng dính đầy thân thể. Bấy giờ cô gái cảm thấy kỳ quái vì chờ lâu quá bèn đến đẩy cửa xem, thấy cửa phòng không mở, gọi cũng không đáp lời, bèn tìm cách xô cửa xông vào. Thấy chú Sa-di đã chết, cô thất sắc, lòng dục tan biến, xấu hổ lo buồn, tự bứt cào đầu tóc, cào rách mặt mũi, nằm lăn lộn trên mặt đất dính đầy bụi bặm, đau đớn khóc lóc, mê mết ngất đi. Cha cô gái xem hội trở về, gõ cửa gọi con gái.

Nghe đứa con gái lặng thinh không trả lời, người cha cảm thấy kỳ lạ, sai người leo vào trong mở cổng. Vào nhà trông thấy đứa con gái như thế, liền hỏi rằng:

– Con làm sao thế? Có người nào xâm phạm làm ô nhục con chăng?

Người con gái lặng thinh không đáp, tâm tự suy nghĩ: “Hôm nay nếu mình nói thật thì rất là hổ thẹn, còn nếu nói chú Sa-di hủy nhục mình thì là phỉ báng người lương thiện, sẽ phải đọa địa ngục, chịu tội rất nặng, khổ sở vô cùng.” Nghĩ thế, cô liền nói thật sự tình:

– Con giữ nhà một mình, có chú Sa-di đến lấy cơm chay về dâng thầy, lòng dâm dục của con khởi lên quá mạnh, nên đã quấy nhiễu Sa-di, bắt theo ý muốn của con. Vì chú giữ giới, tâm không thay đổi, giả vờ vào phòng rồi tự xả bỏ thân mạng. Do con nhớ bản, muốn làm hại hạnh thanh tịnh của người, sự việc như vậy, cho nên con không vui.

Người cha nghe con gái nói như vậy trong lòng cũng không kinh sợ gì. Tại vì sao? Vì ông biết việc ấy là do nghiệp báo khiến như thế, liền bảo với con gái:

– Tất cả các pháp đều là vô thường, con chớ nên lo buồn.

Ông liền bước vào trong phòng trông thấy thi hài chú Sa-di máu chảy dính đỏ, vôi vàng quỳ

xuống đánh lễ khen ngợi:

– Lành thay! Người hộ trì giới của Phật, mà có thể xả bỏ thân mạng.

Lúc bấy giờ, theo quốc pháp nước ấy, nếu có Sa-môn hoặc bạch y chết tại nhà thì phải nộp phạt một ngàn quan tiền vàng. Bấy giờ vị Ưu-bà-tắc mang một ngàn quan tiền vàng đặt trên mâm đồng đem đến cung vua, tâu với nhà vua:

– Hạ thần có tội đáng trách nên vào cung thưa cùng bệ hạ. Xin bệ hạ thọ nhận tiền vàng này.

Nhà vua nói:

– Khanh sống trong nước ta, kính tin Tam bảo, trung cang liêm chính, giữ đạo, lời nói việc làm không trái nghịch nhau, chỉ có một mình khanh như vậy, hôm nay sao có lỗi gì mà đi nộp phạt?

Bấy giờ vị Ưu-bà-tắc trình bày đầy đủ duyên sự như trên và tự chê trách đưa con gái của mình, khen ngợi công đức trì giới của chú Sa-di. Nhà vua nghe hết sự tình, trong lòng rất kính sợ, niềm tin càng tăng thêm mạnh mẽ mà bảo vị Ưu-bà-tắc:

– Chú Sa-di hộ giới, tự bỏ thân mạng, khanh không có lỗi chi cả, không phải nộp phạt, hãy mang tiền về nhà. Nay ta muốn đích thân đến nhà khanh để cúng dường chú Sa-di.

Vua liền đánh trống vàng, ra lệnh mọi người trong nước cùng nhau đi đến nhà đó. Đức vua tự vào trong nhà, thấy thi hài Sa-di đỏ như gỗ chiên-

đàn, quỳ xuống đánh lễ, khen ngợi công đức chú, rồi dùng các thứ báu, trang hoàng một cỗ xe cao chở thi hài Sa-di đến nơi đất bằng phẳng, chắt nhiều các thứ gỗ thơm để hỏa thiêu cúng dường. Vua truyền trang điểm cho người con gái ấy đẹp dễ nhất trên đời và cho đứng ở trên đài cao để mọi người các nơi đều trông thấy và nói với dân chúng:

– Người con gái đẹp này, nhan sắc tươi như ánh sương mùa xuân như thế, là người chưa lìa bỏ hết dục vọng, thì ai mà không có lòng say đắm. Thế mà chú Sa-di đây, dù chưa đắc đạo đã đem thân sinh tử, hộ giới bỏ mạng, thật là việc hy hữu nhất trên thế gian này!

Nhà vua liền sai người đến thỉnh thầy của chú Sa-di vì quần chúng rộng thuyết pháp vì diệu. Lúc bấy giờ, tất cả mọi người đến tham dự nghe thấy sự việc như thế, có người xin được xuất gia trì giữ tịnh giới, có người cầu phát tâm Vô thượng Bồ-đề, không ai chẳng vui mừng đánh lễ vâng lời.



Phẩm 25: TRƯỞNG GIẢ KHÔNG MẮT, TAI, LƯỖI

Tôi nghe như thế này:

Lúc bấy giờ Đức Phật ở tại tinh xá Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ thuyết pháp cho chư đại chúng Tỳ-kheo.

Lúc ấy, ở trong nước có một vị trưởng giả giàu có vô lượng, vàng bạc bảy báu, voi ngựa trâu dê, nô tỳ nhân dân, kho lẫm đầy ắp, nhưng không có một đứa con trai, chỉ hạ sinh được năm đứa con gái tướng mạo đoan chánh, thông minh trí tuệ. Đang lúc vợ mang thai thì vị trưởng giả qua đời. Theo quốc pháp thời đó, nếu người chồng chết, nhà không có con trai, thì tất cả tài sản vật chất đều thuộc về nhà nước. Vua sai đại thần ghi chép tài sản ấy để xung vào cửa quan. Đứa con gái của vị trưởng giả thầm nghĩ: “Mẹ ta đang mang thai chưa biết được là trai hay gái, nếu là con gái thì tài sản nên thuộc về nhà nước, còn nếu thai ấy là con trai thì nó là chủ tài sản này.” Nghĩ như thế rồi, cô bèn đi đến tâu với đức vua:

– Cha con vừa mới qua đời, vì không có con trai nên tài sản xung vào nhà nước, nhưng nay mẹ con đang mang thai, xin cho chờ đợi một thời gian để mẹ con sinh nở. Nếu là con gái, lúc đó đem tài sản cho nhà nước cũng không muộn gì; nếu như sinh được con trai thì nó là chủ tài sản ấy.

Thời bấy giờ vua Ba-tư-nặc là người chấp pháp ngay thẳng liền nhận lời tâu của cô gái. Người mẹ không bao lâu đến ngày khai hoa nở nhụy, sinh được một đứa con trai thân thể đàn độn, lại không có tai, mắt, có miệng mà không có lưỡi, không có chân tay, nhưng có nam căn bèn đặt tên là Man-tư-tỳ-lê. Lúc đó cô con gái lớn đem hết mọi việc trình

bày cho đức vua. Vua nghe xong ngẫm nghĩ: “Dù nó không có mắt, tai, lưỡi, chân tay... nhưng nó là con trai có quyền được làm chủ tài sản”, liền bảo người con gái:

Tài sản ấy thuộc về người con trai, trăm sẽ không thu biên.

Bấy giờ người con gái lớn bỏ đi đến nhà người khác làm các công việc hầu hạ phu chủ, cung kính khiêm tốn; nào là quét dọn giường mền, lo việc ăn uống, đón đưa chào hỏi, giống như là việc nô tỳ của các nhà giàu vậy. Có vị trưởng giả gần đó trông thấy cô đi giúp việc như thế ngạc nhiên hỏi:

— Đạo vợ chồng mọi nhà đều có, tại sao con đi làm công việc như vậy?

Người con gái nói:

— Cha con chết rồi, gia tài vô lượng, dù có năm chị em gái cũng phải xung vào nhà nước, may sao mẹ con vừa sinh được một đứa con trai, không có mắt, tai, lưỡi và chân tay, nhưng có nam căn nên được làm chủ tài sản. Sự việc như thế, dù có các con gái cũng không bằng một đứa con trai, cho nên con đau buồn mà đi làm thế.

Vị trưởng giả nghe rồi cảm thấy sự việc kỳ lạ như vậy, bèn cùng đứa con gái lớn đến chỗ Đức Phật bạch:

— Bạch Đức Thế Tôn, con trai của vị trưởng giả kia vì nhân duyên gì sinh ra không mắt, tai, lưỡi và

chân tay, thế mà sinh được vào nhà giàu có làm chủ được gia tài. Đức Phật bảo vị trưởng giả:

– Ông hỏi rất hay. Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ, Ta sẽ vì ông mà nói.

Vị trưởng giả nói:

– Vâng, con xin vui thích lắng nghe.

Đức Phật nói:

– Nay trưởng giả, ở đời quá khứ có hai anh em con của vị đại trưởng giả; người anh tên Đàn-nhã-thế-chất, người em tên Thi-la-thế-chất. Người anh tánh tình trung tín thành thật, thường thích làm hạnh bố thí, giúp đỡ kẻ nghèo thiếu, vì thế người trong nước đều kính nể tôn trọng. Nhà vua bổ nhậm ông làm chức Quốc bình sự để xử đoán việc tranh tụng, mọi việc ấy đều do ông phán quyết. Theo quốc pháp thời bấy giờ: vay, mượn, lấy, cho... không cần phải viết đơn, chỉ cần đến quan Bình sự Đàn-nhã-thế-chất xác nhận là đủ rồi.

Lúc bấy giờ có một người lái buôn muốn đi biển, đến nhà ông Thi-la-thế-chất vay một số tiền để cần đi buôn bán. Bấy giờ vị trưởng giả em chỉ có một đứa con trai tuổi hãy còn nhỏ, ông dẫn đứa con và đem tiền bạc đến chỗ quan Bình sự thưa:

– Thưa anh, người lái buôn này vay em một số tiền ra biển buôn bán trở về sẽ trả lại. Xin anh chứng nhận cho. Nếu lỡ không may mà chết thì anh xác minh cho con em được nhận thay.

Quan Bình sợ nhận lời, vị trưởng giả em không bao lâu mạng chung. Bấy giờ người lái buôn đi thuyền vào biển gặp trận bão giông sóng vỗ vỗ thuyền mất hết tất cả, nhưng may thay người lái buôn vớ tấm ván được trôi giạt vào bờ an toàn trở về nước nhà. Bấy giờ đưa con vị trưởng giả nghe tin ông bị đắm thuyền thoát chết trở về tay không nên không đòi nợ. Ông lái buôn tự nghĩ: “Lần này đi buôn thất bại cần phải vay mượn để đi nữa.” Bấy giờ có một lái buôn khác cho anh vay một số tiền nên anh tiếp tục đi ra biển nữa, lần này được nhiều châu báu an ổn trở về, tâm tự nghĩ rằng: “Đưa con của vị trưởng giả kia, lần trước dù trông thấy ta nhưng không đòi nợ, khi ta mượn tiền cậu ta hãy còn nhỏ hoặc có thể cậu ta không nhớ, hay là thấy ta lúc trước thua lỗ khó khăn nên không đòi nợ chẳng? Nay ta nên thử cậu ấy.” Vị ấy liền cỡi ngựa tốt trang sức các thứ châu báu, y báu đi vào chợ. Người con trưởng giả trông thấy vị ấy cỡi ngựa mặc y phục đẹp như thế trong lòng thầm nghĩ: “Người này đi buôn trở về dường như phát tài nên đến đòi nợ thử.” Anh liền đến nói:

– Ông vay nợ của cha tôi, hôm nay có thể trả được chưa?

Đáp:

– Có thể!

Lúc bấy giờ người lái buôn suy nghĩ: “Ta vay

mượn một số tiền lớn lâu ngày chồng chất lãi, có trả nợ không biết bao giờ mới xong, nên tính một kế sách mới được.” Ông ta liền cầm một viên ngọc quý đi đến gặp vợ quan Bình sự thưa:

– Thưa phu nhân, tôi vốn có vay ông Thi-la-thế-chất một ít tiền, bây giờ con ông ta đòi tôi phải trả. Hôm nay tôi đem đến một viên ngọc quý, giá trị mười vạn nếu bà nói với quan Bình sự làm nhân chứng cho tôi đắc kiện, thì viên ngọc này thuộc về bà.

Bà vợ quan Bình sự nói:

– Ông trưởng giả nhà tôi thành tín, trung trực, ắt không chịu việc như vậy đâu, để tôi nói thử xem.

Bà liền nhận viên ngọc ấy. Quan Bình sự đến tôi về nhà, bà đem chuyện đó thưa, trưởng giả nói:

– Làm sao có việc đó, vì tôi trung tín chẳng nói dối nên đức vua mới cử tôi làm chức Quốc bình sự, nếu một lời nói dối thì sự việc này không thể làm được. Ngày mai, ông lái buôn đến, bà phải trả lại viên ngọc đó.

Bấy giờ người lái buôn đưa thêm một viên ngọc nữa giá trị hai mươi vạn và thưa rằng:

– Xin bà giúp đỡ! Đây là việc nhỏ, chỉ nói một lời mà được ba mươi vạn, nếu cậu ta thắng kiện, dù là cháu ruột của ông, bà cũng không có được một đồng, sự việc này đã rõ ràng như vậy rồi.

Bấy giờ người đàn bà này ham thích châu báu,

liền nhận nó. Đến tối, bà thưa với chồng như sự việc hôm qua, nếu sự việc xong xuôi thì mọi việc đều như ý. Vị trưởng giả nói:

– Dứt khoát không có lý như vậy, tôi là một người đáng tin, được làm quan Bình sự nếu nói dối thì đời này mọi người không tin tôi, đời sau phải thọ đau khổ vô lượng kiếp.

Lúc bấy giờ, trưởng giả có một đứa con trai chưa biết đi. Bà vợ ông khóc lóc nói:

– Tôi với ông kết nghĩa vợ chồng, nếu có việc cùng chết cũng không trái nhau, huống đây là một việc nhỏ, tôi hết lời thẳng thắn nói với ông mà ông không chịu nghe theo thì tôi còn sống làm chi nữa. Nếu ông không giúp tôi việc này thì trước tiên tôi sẽ giết đứa con, rồi sau đó tôi tự sát.

Vị trưởng giả nghe như thế, cũng thí như người nuốt vào không được mà ói ra cũng không xong, thầm nghĩ: “Ta chỉ có một đứa con trai, nếu nó chết thì gia tài giao phó cho ai, còn nếu nghe theo lời bà ấy thì sẽ không được người đời tín dụng, tương lai phải thọ vô lượng khổ não.” Bút rút mãi không thôi, đành phải chịu theo bà vợ. Vợ ông vui mừng nói với người lái buôn:

– Trưởng giả đã nhận lời!

Người lái buôn nghe rồi vui vẻ hơn hờ về nhà, trang sức một thớt voi lớn, treo các thứ châu báu, mặc y báu lớn, cỡi voi vào chợ. Người con của vị trưởng giả thấy vậy lòng thầm vui mừng nói:

“Người đó nay ắt đã giàu nên cỡi voi mặc phục sức như thế, hôm nay ta được trả lại tiền rồi”, bèn đi đến nói:

– Tất-bạt, ông nên biết, trước kia ông vay tiền cha tôi, nay nên hoàn trả lại cho tôi.

Người lái buôn kinh ngạc nói:

– Tôi đâu có nhớ vay tiền lúc nào cả, nếu có vay phải có ai làm người chứng kiến chứ?

Người con trưởng giả nói:

– Ngày đó, tháng đó, cha tôi và tôi cho ông mượn tiền, quan Bình sự sẽ vì tôi làm người chứng kiến, duyên cớ gì mà ông nói không có?

Người lái buôn nói:

– Tôi nay không nhớ, giả sử việc này có thật, thì phải hoàn trả lại, nhưng cũng phải cùng nhau đến chờ quan Bình sự làm chứng.

Người con trưởng giả nói:

– Ngày trước người này gần gửi cha con vay một số tiền như thế, bác đã làm nhân chứng, con cũng trông thấy, sự việc có đúng như vậy không?

Đáp:

– Không biết.

Người cháu kinh ngạc nói:

– Bây giờ bác phán xét là không nghe thấy, không có lời nói đó, sự việc ấy bác không có dùng tay chỉ vào số bạc chăng?

Đáp:

– Không!

Người cháu nổi giận nói:

– Bác là người trung lương, nhà vua mới cử bác làm quan Bình sự quốc, mọi người đều tín dụng. Tôi là cháu ruột mà bác xử phi pháp như thế, huống nữa là người ngoài, bác xử oan uổng biết chừng nào! Việc này hư thật, người đời sau sẽ biết.

Nói đến đây, Đức Phật bảo vị trưởng giả:

– Quan Bình sự trưởng giả thuở xưa nay chính là Man-tư-tỳ-lê không mất tai (hỗn độn) ngốc nghếch như vậy. Bởi một lời nói dối nên đọa địa ngục, thọ nhiều khổ độc, ra khỏi địa ngục trong năm trăm kiếp chịu mang thân hình ngốc nghếch như vậy. Do ngày trước cũng hay làm việc bố thí, nên thường sinh vào nhà giàu có, làm chủ tài sản quả báo lành dữ, dù cho bao lâu kiếp cũng không phai được. Vì thế các vị cần nên tinh tấn giữ gìn thân, khẩu, ý, đừng tạo nghiệp ác.

Lúc bấy giờ đại chúng nghe Đức Phật thuyết xong, có người chứng được Sơ quả đến Tứ quả, có người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, không ai mà chẳng vui mừng đánh lễ Đức Phật vâng lời.



Phẩm 26: HAI VỢ CHỒNG NGHÈO THÍ VẢI ĐƯỢC HIỆN BÁO

Tôi nghe như thế này:

Thuở nọ, Đức Phật ở tại tinh xá Kỳ hoàn, vườn

Kỳ-đà Cấp cô độc, cùng với chúng đại Tỳ-kheo vây quanh nghe Phật thuyết pháp.

Lúc bấy giờ, trong nước có một vị trưởng giả. Vợ ông mang thai sinh một đứa con gái dung mạo đoan chính, sắc đẹp lạ thường. Khi sinh ra, đã có một miếng lụa trắng quấn quanh thân mình. Cha mẹ thấy thế bèn mời thầy đến bói tướng. Thầy tướng nói:

– Rất tốt, có phước đức rất lớn.

Nhân đó đặt tên đức bé là Thúc Ly. Khi Thúc Ly trưởng thành thì miếng lụa cũng lớn theo thân. Cô rất xinh đẹp, nên trong nước xa gần tranh nhau đến cầu hôn. Cha mẹ cô thầm nghĩ: “Con gái tuổi đã lớn, phải nên gả chồng.” Họ liền nhờ một người thợ làm một xâu chuỗi anh lạc. Thúc Ly thấy thế hỏi cha:

– Làm thứ vàng bạc này để làm gì?

Người cha nói:

– Con đã lớn tuổi muốn gả chồng cho con, nên cha làm xâu chuỗi này.

Cô gái thưa cha rằng:

– Con muốn xuất gia, không muốn đi lấy chồng.

Cha mẹ thương con nên không muốn trái ý, bèn tìm một xấp vải để may y. Đứa con gái thấy thế lại hỏi:

– Cha làm việc gì thế?

Đáp:

– May y áo cho con.

Cô thừa cha mẹ rằng:

– Tám vải con đang mặc đây là đủ rồi, không cần phải làm thêm nữa, chỉ mong cha dẫn con đến nơi Đức Phật ngự.

Cha mẹ cô liền dẫn cô đến nơi Đức Phật cúi đầu làm lễ cầu xin xuất gia cho con. Đức Phật nói:

– Thiện lai!

Tự nhiên tóc trên đầu cơ rơi rụng, tám lụa trên mình biến thành ca-sa ngũ điều. Đức Phật giao cô cho bà Đại Ái Đạo làm Tỳ-kheo-ni. Cô tu hành tinh tấn, chẳng bao lâu thì chứng quả A-la-hán.

Ngài A-nan thấy thế bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo-ni Thúc Ly, vốn gieo trồng công đức gì nay được sinh vào nhà trưởng giả. Khi sinh đã có mảnh lụa quấn thân, xuất gia không bao lâu thì chứng quả A-la-hán?

Đức Phật bảo A-nan:

– Ông hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ông nói về việc đó.

A-nan thưa:

– Vâng, con xin lắng nghe.

Đức Phật nói:

– Vào đời quá khứ lâu xa, có Đức Phật ra đời hiệu là Tỳ-bà-thi, cùng các đệ tử du hóa rộng độ tất cả. Thời bấy giờ vua quan, dân chúng thiết trai

cúng dường rất đông và mở đại hội thỉnh Đức Phật thuyết pháp.

Có một vị Tỳ-kheo thường đi khuyến hóa, khuyên mọi người đến nơi Đức Phật nghe pháp, bố thí. Lúc bấy giờ có người con gái tên Đàn-nhị-già rất nghèo khổ, hai vợ chồng chỉ dùng chung có một mảnh vải, nếu chồng đi ra ngoài thì dùng vải ấy mà đi, còn người vợ trần truồng ngồi trong đồng cỏ khô. Nếu người vợ dùng tấm vải đi ra ngoài xin ăn thì người chồng cũng chịu trần truồng như thế. Vị Tỳ-kheo đi khuyến hóa lần lượt đi đến nhà cô, trông thấy người nữ, nhân đó khuyên:

– Đức Phật ra đời rất khó gặp, kinh pháp rất khó được nghe, thân người khó được, cô nên đến nghe pháp, cô nên bố thí và rộng nói về quả báo của xan tham, bố thí...

Người nữ bạch rằng:

– Xin Đại đức chờ giây lát.

Cô trở vào nhà, nói với chồng:

– Bên ngoài có một vị Sa-môn khuyên em nên gặp Phật, nghe pháp và bố thí. Em nghĩ có lẽ đời trước không chịu bố thí cho nên đời này nghèo khổ, bây giờ phải làm cách gì để gieo nhân lành cho đời sau.

Người chồng nói:

– Nhà chúng ta nghèo khổ như vậy, dù có tấm lòng, nhưng biết lấy gì để bố thí bây giờ?

Người vợ nói:

– Đời trước không bố thí nên đời này khốn khổ, bây giờ lại không gieo nhân, thì đời sau không biết sinh vào chốn nào. Anh nên nghe em, chúng ta quyết bố thí.

Người chồng trầm nghĩ: “Hay là vợ mình có chút ít của riêng, thôi ta nên nghe theo”, liền nói với vợ:

– Em muốn bố thí thì cứ bố thí.

Cô nói:

– Ý em muốn dùng tấm vải này để bố thí.

Người chồng nói:

– Anh và em chỉ có một tấm vải để dùng chung, đi ra vào xin ăn cũng nhờ nó mà duy trì cuộc sống, hôm nay nếu đem đi cúng thí đều phải đành chịu chết sao? Xin em nên tìm cách nào khác.

Người vợ nói:

– Đời người ai cũng chết, nếu nay không cúng thí rồi cũng sẽ chết, thà cúng thí mà chết thì còn hy vọng ở đời sau, còn không cúng thí mà chết, đời sau biết nương cậy vào đâu.

Người chồng vui vẻ nói:

– Chúng ta giữ lấy phần chết đem cúng thí cầu phước lành.

Người vợ liền trở ra, bạch vị Tỳ-kheo rằng:

– Đại đức xin ngài đứng dưới mái nhà, con sẽ bố thí.

Vị Tỳ-kheo đáp:

– Nếu người muốn thí nên đổi mặt mà cúng thí, tôi sẽ vì cô mà chú nguyện.

Thúc Ly (*Đàn-nhị-già*) thưa:

– Tôi chỉ có tấm vải này, trong đây không có vật gì khác. Thân thể người nữ xấu ác không nên ra khỏi đây.

Cô liền trở vào trong, cởi tấm vải trên thân, đưa ra ngoài cho vị Tỳ-kheo. Vị Tỳ-kheo chú nguyện và đem về nơi Đức Phật ngự. Đức Phật bảo vị Tỳ-kheo đem tấm vải đến đây. Tỳ-kheo đưa cho Đức Phật, tự tay Đức Phật nhận tấm vải ô uế.

Bấy giờ vua chúa và đại chúng ai cũng có tâm chê trách Đức Phật thọ nhận tấm vải nhơ bẩn đó. Đức Phật biết tâm đại chúng nên nói với họ:

– Ta xem trong đại hội này, bố thí thanh tịnh không ai hơn người cúng thí tấm vải này.

Đại chúng nghe rồi không ai không tỏ vẻ sợ hãi. Các bà phu nhân vui mừng cởi đồ trang sức đang đeo trên thân, chuỗi anh lạc, y báu... đem cho vợ chồng Đàn-nhị-già. Đức vua cũng hoan hỷ, cởi y phục trên thân, tặng cho chồng cô Đàn-nhị-già và ra lệnh những người đến dự hội của Đức Phật Tỳ-bà-thi, nên rộng vì đại chúng thuyết pháp vì diệu. Lúc bấy giờ, đại chúng tham dự hội được độ rất nhiều.

Đức Phật bảo:

— Nay A-nan, nên biết, người đàn bà nghèo khổ tên Đàn-nhi-già đó chính là tiền thân của Tỳ-kheo-ni Thúc Ly ngày nay. Do đời trước dùng tâm thanh tịnh cúng thí tám vải, nên chín mươi một kiếp, sinh ra bất cứ nơi nào vị ấy đều có được tám vải che thân cùng sinh ra. Do vui mừng được gieo duyên với Đức Phật đó, nghe pháp sâu xa vi diệu, cầu mong giải thoát, nên kiếp này gặp được Ta, thành A-la-hán. Cho nên các ông phải cần tinh tấn nghe pháp, bồ thí.

Lúc Đức Phật thuyết xong chuyện tiền kiếp này, người trong chúng đắc đạo, không ai chẳng vui mừng kính lễ phụng hành.



Phẩm 27: NGÀI CA-CHIÊN-DIÊN DẠY BÀ LÃO BÁN NGHÈO

Tôi nghe như thế này:

Thuở nọ, Đức Phật ở nước Lê-đề. Bấy giờ, trong nước đó có một vị trưởng giả giàu có, nhiều của báu nhưng rất xan tham bạo ác, không có lòng từ. Ông có một nô tỳ bắt ngày đêm hầu hạ không được nghỉ ngơi, làm việc có chút gì trái ý thì bị ông dùng roi đánh đập, áo mặc không đủ kín thân, cơm ăn không đủ no bụng, tuổi già sức yếu tiều tụy, muốn chết cũng không được. Lúc đó bà ôm một cái bình đi đến bờ sông lấy nước, suy nghĩ đến

cuộc đời nghèo khổ mà khóc òa thành tiếng. Bấy giờ ngài Ca-chiên-diên nhân đi hóa duyên, thấy thế đến chỗ bà lão hỏi:

– Bà lão vì sao đau buồn khóc lóc, áo não như thế?

Bà thưa:

– Thưa Tôn giả, tôi tuổi đã già, hàng ngày phục dịch cực nhọc, lại thêm nghèo khổ, ăn mặc không đủ, muốn chết cũng không được, cho nên tôi đau khổ mà khóc.

Ngài Ca-chiên-diên nói:

– Nếu như bà nghèo khổ vì sao không bán cái nghèo đi!

Bà lão nói:

– Cái nghèo làm sao có thể bán? Ai dám mua cái nghèo?

Ngài Ca-chiên-diên nói:

– Cái nghèo thật sự có thể bán.

Ngài nói như vậy đến ba lần. Bà lão thưa:

– Giả sử cái nghèo có thể bán, tôi xin được phép hỏi Đại đức, cái nghèo làm sao bán được?

Ngài Ca-chiên-diên nói:

– Nếu bà muốn bán hãy nghe theo lời ta nói.

Đáp:

– Thưa vâng!

Ngài Ca-chiên-diên bảo:

– Trước tiên bà nên tắm gội sạch sẽ, tắm rửa xong bà nên làm việc bố thí.

Bà lão nói:

– Thừa Tôn giả, tôi rất nghèo cùng, như nay thân tôi đây, trong tay không có chút của cải gì, chỉ có một cái bình này mà nó là của ông chủ tôi, thì làm sao mà bố thí?

Ngài trao bình bát nói:

– Bà cầm bình bát này đi lấy chút nước sạch đem đến dâng ta.

Ngài Ca-chiên-diên thọ nhận và chú nguyện, kể đến dạy bà ăn chay, rồi sau đó dạy niệm Phật, gieo trồng công đức, rồi hỏi bà có chỗ ở không?

Bà đáp:

– Không! Nếu lúc tôi xay lúa thì nằm ngủ bên cối xay, dọn dẹp sạch làm chỗ nằm trong đó, hoặc lúc không làm việc thì nằm ngủ bên cạnh các đồng phân trâu.

Ngài Ca-chiên-diên nói:

– Bà nên giữ tâm cung kính cẩn thận lo việc hầu hạ, chớ sinh lòng hiềm thù oán hận. Chờ mọi người trong nhà ông chủ đi ngủ xong, bà lặng lẽ mở cửa ra ngoài dùng cỏ sạch trải làm chỗ ngồi tư duy quán Phật, chớ sinh niệm ác.

Bấy giờ bà lão vâng lời dạy trở về nhà theo lời dạy mà làm. Trong đêm hôm đó, bà lão qua đời và được sinh lên cõi trời Đao-lợi. Sớm mai mọi người

trong nhà thức dậy thấy bà lão đã chết, nổi giận nói:

– Bà già thường ngày không chịu nghe lời vào trong nhà ngủ, tối hôm qua vì nguyên nhân gì mà chết ở đây!

Họ bèn sai gia nhân dùng cỏ buộc chân cẳng lại lôi đem bỏ trong rừng lạnh. Lúc đó trên cõi trời Đao-lợi có một vị Thiên tử có năm trăm trời quyền thuộc, nơi đó cung điện trang nghiêm tráng lệ. Bấy giờ vị Thiên tử ấy phước hết mạng chung, bà lão này liền được thay vào ngôi vị đó. Theo pháp sinh Thiên, người lợi căn tự biết nhân duyên đời trước, còn người độn căn chỉ biết thọ lạc. Bấy giờ bà lão này đã sinh lên cõi trời, cùng năm trăm Thiên tử vui hưởng dục lạc, không biết nguyên nhân đời trước. Lúc đó ngài Xá-lợi-phất ở cõi trời Đao-lợi, biết được nhân duyên của vị Thiên tử này, hỏi rằng:

– Thiên tử, ngài tạo nhân phước gì mà được sinh lên cõi trời này thế?

Đáp:

– Không biết.

Bấy giờ ngài Xá-lợi-phất cho vị trời mượn đạo nhãn của ngài để quán thấy nhân duyên sinh lên trời: Do ngài Ca-chiên-diên dạy bảo mà được sinh làm quyền thuộc cùng năm trăm Thiên tử. Vị trời bèn đến khu rừng lạnh, rải hoa đốt hương, cúng dường tử thi, ánh sáng hào quang của chư Thiên

chiếu sáng khắp thôn xóm rừng rậm. Mọi người trông thấy biến tướng ngạc nhiên, không biết nguyên nhân gì, ra lệnh mọi người xa gần đến khu rừng xem, trông thấy các Thiên tử cùng đường tử thi, liền hỏi:

– Bà già nô tỳ này bản thủ hồi thôi, lúc còn sống là người ác kiến, huông nay đã chết, vì sao các ngài lại còn cùng đường?

– Bà lão, bây giờ là Thiên tử, bèn nói ngọn nguồn nhân duyên sinh lên cõi trời, rồi đều dẫn đến nơi ở của ngài Ca-chiên-diên. Bây giờ, ngài Ca-chiên-diên vì các chư Thiên rộng nói các pháp về luận bố thí, trì giới, sinh Thiên..., muốn là pháp bất tịnh, xuất ly là an lạc.

Lúc ấy vị Thiên tử đó và năm trăm vị Thiên tử xa lìa trần cấu, đắc pháp nhãn tịnh, bay trở lại cung trời. Người đến nghe pháp lúc đó rồi ai nấy đều được dấu vết đạo, cho đến quả A-la-hán, không ai chẳng vui mừng đánh lễ, cung kính vâng làm, kính lễ rồi lui ra.



Phẩm 28: KIM THIÊN

Tôi nghe như thế này:

Thuở nọ, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bây giờ, trong nước ấy có một vị trưởng giả

giàu có vô cùng, của cải châu báu vô số, sinh được một đứa con trai, thân thể màu vàng. Trưởng giả vui mừng, mở bày hội tiệc, mời các thầy tướng bói xem tốt xấu thế nào. Bảy giờ các thầy tướng bồng đứa bé xem kỹ, trông thấy tướng lạ của nó, vui mừng không gì bằng, bèn đặt tên là Tu-việt-da-đề-bà (*đời Tân dịch là Kim Thiên*).

Đứa trẻ đó rất có phúc đức, tính nết thuần hậu. Ngày sinh ra nó, trong nhà tự nhiên nứt ra một cái giếng nước, ngang rộng tám thước, sâu cũng như vậy. Nước giếng cung cấp tiêu dùng có thể được như ý người ta, cần áo quần thì tung ra áo quần, cần thức ăn thì có ra thức ăn, vàng bạc châu báu, mọi thứ cần dùng đều được lấy như ý muốn tại cái giếng đó. Đứa bé ngày càng lớn lên, tài nghệ tinh thông, vị trưởng giả rất thương yêu nó, không dám làm điều gì nghịch ý nhưng lại nghĩ: “Con ta đoạn chính, dung mạo không ai bằng, phải nên tìm kiếm tuyển chọn một cô gái đẹp dung nhan, đức hạnh hơn người, thân thể vàng ánh giống như con trai ta.” Ông liền nhờ những người đi buôn tìm kiếm khắp nơi.

Lúc bấy giờ, ở nước Diêm-ba có một vị đại trưởng giả sinh được một người con gái tên là Tu-bạt-na-bà-tô (*đời Tân dịch là Kim Quang Minh*), tướng mạo đoạn chánh phi phạm, thân thể vàng chói, da dẻ mịn màng sáng bóng. Ngày mới sinh ra cũng tự nhiên nứt ra một cái giếng sâu rộng tám

thước, giếng ấy cũng có thể vớt ra các thứ châu báu, y phục, các thức ăn uống tùy theo ý muốn người ưa thích. Vị trưởng giả đó cũng tự nghĩ: “Con gái ta đoan chánh, trong người ánh lên màu sắc vi diệu, phải được một hiền sĩ hình sắc sáng sủa, giống như con gái ta, ta mới gả cho cùng làm vợ chồng.”

Bấy giờ tiếng tăm cô gái vang khắp đến nước Xá-vệ và danh của Kim Thiên cũng lại thấu đến nhà cô gái nghe được. Hai vị trưởng giả đều rất vui mừng, đôi bên đến nhau cầu lễ, thành hôn. Lễ cưới xong trở về nước Xá-vệ. Bấy giờ nhà Kim Thiên bèn thiết trai cúng dường Đức Phật và chúng Tăng một ngày. Đức Phật nhận lời mời đến tại nhà dùng cơm. Sau khi dùng cơm xong cất bát, Ngài vì vị trưởng giả và vợ chồng Kim Thiên diễn thuyết pháp âm vi diệu khai mở tâm trí họ. Vợ chồng Kim Thiên và cha mẹ liền cùng lúc phá sạch hai mươi ức ác duyên, tâm trí mở sáng, chứng quả Tu-đà-hoàn. Khi Đức Thế Tôn trở về tinh xá thì Kim Thiên và Kim Quang Minh thưa với cha mẹ cầu xin xuất gia. Cha mẹ liền chấp nhận và cùng đến nơi Đức Phật ngự, cúi đầu dưới chân Đức Phật làm lễ nhiều quanh xong, cầu xin nhập đạo. Đức Phật nghe xong nhận lời, khen rằng:

— Thiện lai Tỳ-kheo!

Râu tóc họ tự nhiên rơi rụng hết, áo đang mặc trên mình bèn biến thành ca-sa, làm Sa-môn. Khi

đó, Kim Thiên ở bên chúng Tỳ-kheo, còn Kim Quang Minh làm Tỳ-kheo-ni gởi cho bà Đại Ái Đạo giáo hóa, tu hành không bao lâu đều chứng quả A-la-hán, Tam minh, Lục thông, Bát giải thoát, tất cả công đức đều được đầy đủ.

Ngài A-nan bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn, vợ chồng Kim Thiên vốn tạo công đức gì, từ khi sinh ra cho đến nay được nhiều của báu, thân thể sắc vàng, đoan chính đệ nhất, được một cái giếng có thể biến ra tất cả mọi thứ. Cúi mong Như Lai nói bày đầy đủ.

Đức Phật bảo A-nan:

– Cách đây chín mươi một kiếp, có Đức Phật ra đời hiệu là Tỳ-bà-thi. Đức Phật đã diệt độ, nhưng chánh pháp còn trụ ở đời, về sau có các Tỳ-kheo du hành giáo hóa đến một thôn xóm. Có các nhân dân, hào hiền trưởng giả thấy chúng Tăng đến họ đều tranh nhau cúng dường nào y phục, các thức ăn uống, không để cho thiếu thốn. Bảy giờ có hai vợ chồng nghèo đói khốn khổ, thầm nghĩ: “Khi cha mẹ ta còn sống giàu có, của cải chất đầy kho vô lượng, nay thân ta nghèo đói vô cùng, nằm ngồi đều trên chiếc chiếu cỏ, áo mặc không đủ kín tâm thân, trong nhà không có một đấu gạo, gieo nhân gì mà khổ đến thế? Lúc giàu sang, của báu vô lượng thì không gặp được các bậc Thánh tăng, hôm nay đã gặp được thì không có tiền để cúng dường.”

Suy nghĩ như vậy rồi người chồng đau buồn mà khóc, nước mắt chảy rớt xuống cánh tay người vợ.

Vợ thấy chồng khóc nên hỏi:

– Có điều gì không thích hợp mà anh đau buồn như thế?

Người chồng bèn nói với vợ:

– Em không biết sao, hôm nay có chúng Tăng vừa đi qua thôn này, các nhà cư sĩ hào hiên tranh nhau cúng dường, nhà chúng ta nghèo thiếu, không có một đấu gạo thì làm sao gieo trồng duyên lành với chúng Tăng đây. Đời này nghèo khổ, kiếp sau lại nghèo khổ nữa, anh suy nghĩ như vậy nên đau buồn mà khóc.

Người vợ nói:

– Bây giờ nên tìm cách gì để được cúng dường, không có tiền bạc, chỉ có tấm lòng thì làm sao được toại nguyện. Anh đi vào tìm kiếm trong nhà coi chỗ cất để tiền bạc, may ra còn được đồng nào thì đem đi cúng dường.

Lúc ấy người chồng nghe lời đến chỗ hay cất giấu tiền bạc, tìm kiếm khắp nơi được một đồng tiền vàng, đem đến nơi vợ, người vợ có một tấm gương sáng, rồi cùng hợp tâm vào việc cúng dường chúng Tăng, mua một cái bình mới, đựng đầy nước sạch, đem đồng tiền vàng bỏ vào bình nước, lấy tấm gương đặt trên miệng bình, mang đến nơi chư Tăng ở. Đến nơi rồi, chí tâm dùng của này cúng

dường chư Tăng, chư Tăng liền nạp thọ, mỗi vị lấy nước dùng để rửa bát, lại có vị dùng nước ấy để uống. Bấy giờ hai vợ chồng ấy rất là vui mừng, làm được việc phước xong, sau này mạng chung, sinh lên cõi trời Đao-lợi.

Đức Phật bảo A-nan:

– Hai vợ chồng nghèo khổ đem một bình nước cúng dường chúng Tăng. Lúc đó chính là vợ chồng Kim Thiên đời nay vậy. Do đời trước đem một đồng tiền vàng, một bình nước và một tấm gương sáng, cúng dường chúng Tăng, cho nên đời đời sinh ra dung mạo đoan chánh, thân hình sắc vàng óng ánh, dung nghi tươi đẹp vô cùng, trong chín mươi một kiếp sinh ra đều được như thế. Thuở ấy, có tâm tin kính cho nên được lìa sinh tử, đạt được Ứng chân.

A-nan nên biết, tất cả phước đức không thể không làm, như hai vợ chồng nghèo khổ kia, dùng ít của bố thí, cúng dường mà được phước báo vô lượng như vậy.

Bấy giờ ngài A-nan và đại chúng nghe Đức Phật nói xong, ai nấy đều ham làm việc bố thí, siêng năng tạo thêm phước nghiệp, vui mừng vâng theo lời dạy.



Phẩm 29: TRỌNG TÁNH

Tôi nghe như thế này:

Thuở nọ, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Trong nước thời đó có một vị trưởng giả giàu có, của cải vô lượng, nhưng không có con trai. Mỗi khi mang thai, vợ chồng đều cầu đảo thần miếu xin một đứa con trai, vì lòng thành kính khẩn nguyện, bà vợ mang thai, ngày tháng tròn đủ, sinh được một cậu con trai. Đứa trẻ tướng mạo đoan chánh, hiếm có trên đời. Cha mẹ thân quyến bày ra yến tiệc, cùng nhau hội tụ bên bờ sông lớn, uống rượu ca hát vui đùa. Cha mẹ ôm con cũng đi đến nơi hội tiệc ấy, người cha yêu mến đứa con, bế lên nhảy múa, nhảy múa xong, lại trao con cho bà. Người mẹ vì lo vui mừng ca múa đến sát bờ sông, do không thận trọng, bế con không chặt, sẩy tay đánh rơi cậu bé xuống nước. Lúc đó xuống mò tìm kiếm mà không vớt được, ông bà thương tiếc con, đau đớn ngất đi hồi lâu mới tỉnh lại. Đứa trẻ có phước đức, cuối cùng lại không chết. Rớt xuống dòng sông, theo nước trôi đi, có một con cá nuốt được đứa bé này, tuy ở trong bụng cá mà vẫn không chết, khi ấy ở một thôn nhỏ hạ lưu, có một người nhà giàu cũng không con trai, cũng luôn luôn cầu nguyện mà vẫn không được. Người nhà giàu đó, thường sai một gia nô bắt cá đem bán. Lúc đó, bắt được một con cá to, mổ bụng ra xem, được một đứa nhỏ diện mạo đoan

chánh. Ông rất vui mừng, ôm đem cho mọi người xem và mừng rỡ nói:

– Từ lâu, tôi đã cầu nguyện miếu thần, đến hôm nay mới được đưa con, lòng thành được báo ứng, nên trời mới cho tôi.

Ông liền nhờ một người vú cho nó bú mớm. Bảy giờ ở thôn trên, ông bà trưởng giả nghe nói ở thôn dưới, có vị trưởng giả nọ bắt được con cá, mổ bụng cá trong đó có một đứa nhỏ, vội vã đi đến nơi đó tìm kiếm con, mà nói:

– Đây là con tôi do ở bên bờ sông kia làm rớt đứa bé, hôm nay, ông được nó xin cho tôi được mang về.

Bảy giờ vị trưởng giả đó nói:

– Nhà tôi từ nào đến giờ cầu thần, cầu tự, nay thần mới báo ứng ban cho một đứa con, ông mất đứa con ở tại chỗ nào.

Sự việc rồi ren, mãi không xong, bèn đến nhờ đức vua xử đoán, lúc đó hai nhà đều có lý riêng, cha mẹ đứa nhỏ nói là con tôi, ngày giờ đó, tôi sảy tay rớt dưới sông. Còn vị trưởng giả kia lại nói:

– Tôi được đứa nhỏ từ trong bụng con cá, đây thật sự là con tôi, không phải vợ ông sinh ra.

Đức vua nghe nói thế, liền biết rõ mọi việc, giải quyết cho hai nhà cùng nhận nuôi một đứa con. Nếu nay cho một nhà, thì về lý không thể được, cho nên cùng chung nuôi dưỡng. Đến lúc nó

trưởng thành, mỗi nhà cưới cho nó một người vợ, an trí gia nghiệp, sống luôn hai nơi. Vợ bên này sinh con tức thuộc nhà bên này, vợ nhà bên kia sinh con tức thuộc nhà bên kia. Lúc đó, hai vị trưởng giả đều vâng theo lời vua, đưa nhỏ lớn lên cả hai bên cùng cưới vợ, cung cấp đồ dùng không cho thiếu thốn. Bảy giờ đưa con ấy thừa với cha mẹ hai bên:

– Khi con sinh ra gặp phải nạn khổ rớt xuống sông bị cá nuốt, thoát chết được sống lại, nay ý muốn của con muốn được xuất gia, chỉ mong hai cha mẹ đồng cho phép con.

Khi đó hai bên cha mẹ lòng yêu mến con, không thể nghịch chống lại, bèn cho phép. Đưa con liền từ giã đến nơi Đức Phật ngự, cúi đầu dưới chân Phật, cầu xin vào đạo. Đức Phật nhận lời, khen rằng:

– Thiện lai Tỳ-kheo!

Râu tóc chàng tự rụng, trở thành Sa-môn, đặt tên là Trọng Tánh. Đức Phật vì Trọng Tánh thuyết pháp được dứt hết các khổ, chứng quả A-la-hán.

Ngài A-nan bạch Đức Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, Tỳ-kheo Trọng Tánh này vốn tạo nhân hạnh gì, trồng căn lành gì mà đời này sinh ra bị rớt xuống sông cá nuốt mà không chết?

Đức Phật bảo A-nan:

– Ông nên lắng nghe, Ta sẽ vì ông mà nói. Về

kiếp quá khứ lâu xa, có Đức Phật ra đời hiệu là Tỳ-bà-thi, tập hợp đại chúng mà thuyết diệu pháp. Bấy giờ có một vị trưởng giả đến ở trong hội nghe, Đức Như Lai ấy rộng nói đại pháp về phước bố thí và phước trì giới. Nghe xong vị trưởng giả vui mừng lòng tin dũng mãnh, liền theo Đức Phật đó thọ Tam quy và thọ giới chẳng sát sinh, lại lấy một đồng tiền cúng dường cho Đức Phật đó. Do nhân duyên ấy, đời đời thọ phước, tiền bạc của báu, tự nhiên có không bị thiếu thốn.

Đức Phật bảo A-nan:

– Nên biết vị trưởng giả thuở xưa, nay chính là Tỳ-kheo Trọng Tánh vậy. Do thuở xưa cúng thí Đức Phật một đồng tiền, mà trong chín mươi một kiếp sinh ra, thường được tiền tài, cho đến đời nay, hai nhà cha mẹ cung cấp đồ dùng, do thọ giới không sát sinh mà bị rớt xuống sông, cá nuốt không chết. Vì thọ Tam quy, nay được gặp Ta, tám gọi pháp hóa, đắc quả A-la-hán.

Bấy giờ ngài A-nan và đại chúng nghe Đức Phật nói thế, vâng tu hạnh lành, kính trọng Phật dạy, vui mừng tín thọ, đánh lễ phụng hành.



Phẩm 30: TÁN ĐÀN NINH

Tôi nghe như thế này:

Thuở nọ, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà

Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ Đức Thế Tôn cùng các đệ tử một ngàn hai trăm năm mươi người hội về đó. Lúc ấy, trong nước có năm trăm đũa trẻ ăn xin, thường theo Đức Phật và chúng Tăng xin ăn để sống, trải qua nhiều năm, chán nản, suy nghĩ: “Lũ chúng ta tuy nương nhờ phước báo của chư Tăng được kéo dài mạng sống mà việc khổ cứ càng nhiều, ngày nay chúng ta thà rằng theo Đức Phật cầu xin xuất gia.” Chúng bèn cùng nhau đi đến chỗ Phật và đồng thưa với Phật:

– Đức Như Lai ra đời rất là khó gặp, chúng con sinh ở nơi hạ tiện, nhờ ân cao cả cứu giúp thân mạng. Chúng con ham muốn được xuất gia, kính mong Thế Tôn, việc ấy có được hay không?

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói với bọn trẻ ăn xin:

– Pháp của Ta thanh tịnh, không có phân biệt sang hèn. Thí như nước sạch dùng rửa các thứ bất tịnh, dù sang hay hèn, tốt hoặc xấu, nam hay nữ, nước có thể rửa cả không thứ chi chẳng sạch. Lại cũng giống như lửa, đến nơi nào, thì núi sông vách đá, tất cả vạn vật có trong trời đất đều bị nó thiêu cháy cả. Giáo pháp của Ta cũng như hư không, trai gái lớn nhỏ, giàu nghèo sang hèn, ai cũng có thể vào được.

Bấy giờ bọn trẻ ăn xin nghe Đức Phật nói thế đều vui mừng, lòng tin mạnh lên gấp bội, thành

tâm hướng về Đức Phật cầu xin nhập đạo. Đức Thế Tôn bảo:

– Thiện lai Tỳ-kheo!

Tóc xanh rơi rụng, pháp y mặc trên thân, trở thành hình tướng Sa-môn. Đức Phật vì họ thuyết pháp tâm khai ý giải, dứt hết các lậu, thành A-la-hán. Lúc đó các trưởng giả, thứ dân trong nước... hay tin Đức Phật cho những đứa ăn mày xuất gia nhập đạo, đều khởi lòng khinh mạn mà nói rằng:

– Tại sao Như Lai nhận những đứa trẻ ăn xin hạ tiện đứng vào trong hàng Tăng chúng. Chúng ta có làm việc phước, thỉnh Phật và chúng Tăng cúng dường trai phạn, làm sao có thể khiến cho bọn hạ tiện này ngồi trên giường chiếu của nhà ta và dùng những thức ăn của ta.

Bấy giờ thái tử Kỳ-đà sửa soạn trai phạn cúng dường thỉnh Đức Phật và chúng Tăng, bèn sai người đến bạch Phật:

– Kính mong Đức Thế Tôn chứng minh thọ nhận con thỉnh mời cùng với chư Tỳ-kheo Tăng.

Nhân tiện thái tử bạch Phật:

– Những đứa trẻ ăn mày vừa làm Tỳ-kheo, chúng con không thỉnh, xin chớ đi đến.

Đức Phật bèn nhận lời thỉnh. Giờ cơm ngày mai Đức Phật và chúng Tăng đã được cúng thỉnh. Đức Phật bảo các đứa trẻ ăn mày Tỳ-kheo:

– Hôm nay Ta và chư Tăng được thỉnh đi phó

traí, các người không có được mời nên đừng đến, hãy đi đến xứ Uất-đa-la-việt lấy lúa tẻ chín tự nhiên rồi trở về (nhà) cùng thái tử theo thứ tự mà ngồi ăn thứ gạo lúa tẻ ấy.

Bây giờ chư Tỳ-kheo theo lời dạy liền dùng Thần túc thông của La-hán bay đến thế giới đó mỗi người tự lấy đầy bát trở về, giữ gìn oai nghi theo thứ tự từ trên hư không mà hạ xuống, giống như đàn chim nhận bay đến vương cung của thái tử Kỳ-đà, theo thứ tự ngồi nghiêm chỉnh và dùng thức ăn ấy.

Bây giờ thái tử trông thấy chúng Tỳ-kheo uy nghi tiến chỉ, thần thông phúc đức, tâm vui mừng cung kính khen ngợi chưa từng có mà bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, các vị Hiền thánh Đại đức này từ đâu đến mà uy thần to lớn, đầy đủ các tướng rất đáng kính phục. Kính mong Như Lai vì con nói về những vị này, nhân duyên ngọn ngành như thế nào?

Đức Phật bảo:

– Nay Kỳ-đà, nếu ông muốn biết, vậy hãy khéo lắng nghe suy nghĩ, Ta sẽ vì ông mà nói. Các Tỳ-kheo này, chính ngày hôm qua ông không chịu thỉnh, Ta và chúng Tăng muốn họ đến để được thái tử mời. Các Tỳ-kheo này vì không được thỉnh, nên đã đi qua xứ Uất-đa-la-việt lấy gạo lúa tẻ tự nhiên về dùng đây.

Bấy giờ thái tử Kỳ-đà nghe nói như thế, ôm lòng xấu hổ, buồn rầu tự than:

– Con bị ngu si che đậy mắt, không phân biệt được sáng tối.

Lại nói:

– Công đức Thế Tôn thật khó nghĩ bàn, ngày nay được thọ pháp hóa thâm nhuần, hiện đời được thân phước an lạc, lại mãi mãi kiếp sau đạt được vô vi an lạc. Như Lai ngày nay sở dĩ đến đây chỉ vì những đứa trẻ này không ngoài việc gì khác. Những vị này kiếp trước gieo trồng hạnh lành gì, tu công đức gì mà đời này gặp được Thế Tôn đặc biệt tế độ. Lại tạo lỗi gì mà từ khi sinh ra đến nay phải chịu đi ăn mày khôn khổ đến thế? Kính mong Thế Tôn từ mẫn chỉ bày cho con thấy được điều ấy.

Đức Phật bảo:

– Nếu ông muốn biết nên khéo lắng nghe, Ta sẽ vì ông mà giải nói đầy đủ ngọn ngành việc ấy.

Thái tử nói:

– Dạ, con xin lắng nghe!

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói:

– Nay Kỳ-đà, trong quá khứ lâu xa vô lượng vô số không thể nghĩ bàn a-tăng-kỳ kiếp, ở cõi Diêm-phù-đề này có một nước lớn tên Ba-la-nại. Trong nước có một ngọn núi tên Lợi sư (*Tân dịch là Tiên sơn*). Chư Phật thuở xưa thường ở trong núi này,

nếu lúc không có Phật thì có Bích-chi-phật trụ trong núi đó, giả sử lúc không có Bích-chi-phật thì có các vị đệ tử của các bậc Tiên nhân ngũ thông, cũng nương nơi ấy, không bao giờ để trống. Bây giờ trong núi có hơn hai ngàn vị Bích-chi-phật thường ở trong núi đó. Khi ấy trong nước có Hỏa tinh xuất hiện là điềm tai ương xấu, sao này đã hiện trong hai mươi năm, trong nước hạn hán không có trời mưa, trồng tía không được, toàn dân đói khát.

Lúc đó trong nước có một vị trưởng giả tên Tán-đà-ninh, nhà ông giàu có, của cải lúa thóc vô lượng, thường cúng dường cho các đạo sĩ. Bảy giờ có một ngàn Đại sĩ đi đến nhà ông, xin được cúng dường, nói:

– Chúng tôi ở trong núi đó, gặp lúc nước bị hạn hán, khát thực không được, nếu trưởng giả có thể cúng dường thì chúng tôi ở lại đây, nếu không thể cúng thí nổi thì chúng tôi đi đến nơi khác.

Khi ấy vị trưởng giả liền hỏi thủ kho:

– Hôm nay trong kho của ta có đủ gạo cúng dường các Đại sĩ này không? Ta muốn thỉnh họ.

Người giữ kho nói:

– Xin cứ thỉnh, có đủ lương thực đủ để cúng dường.

Vị trưởng giả liền thỉnh một ngàn vị Bích-chi-phật cúng dường trai phạn. Hôm sau lại có một ngàn người xấu khác cũng đến nhà ông muốn được

cúng dường, vị trưởng giả lại hỏi người giữ kho:

– Anh xem trong kho lương thực còn nhiều ít, có thể một ngàn vị nữa muốn được cúng dường có thể đủ hay không?

Người giữ kho nói:

– Lương thực có đầy đủ, nếu muốn thiết trai cúng dường, ngài cứ hợp thời mà thỉnh.

Lúc đó, vị trưởng giả bèn thỉnh những vị ấy, sai năm trăm người lo việc cúng dường trai phạn, những người lo công việc cơm nước trải qua nhiều ngày, trong lòng bèn sinh mệt mỏi, chán nản nói:

– Chúng ta đã quá cực nhọc đều do những người nhỏ ăn xin này.

Bấy giờ vị trưởng giả bảo gia nhân đi mời, hãy nuôi một con chó, lúc đi mời cũng dẫn nó theo, cứ hàng ngày như thế. Một hôm, người này bỗng quên đã đến giờ đi mời, đến giờ, con chó một mình đi đến các chỗ thường đến, hướng các Đại sĩ cất tiếng sủa to. Các vị Bích-chi-phật nghe tiếng chó sủa liền biết có người đến thỉnh, liền sửa soạn đi đến nhà trưởng giả đúng như pháp thọ trai và nhân đó nói:

– Trưởng giả, hôm nay trời mưa, ông nên trồng cây.

Vị trưởng giả nghe lời liền sai gia nô đem nông cụ ra đồng cày ruộng trồng tía các thứ ngũ cốc, tiểu mạch, đại mạch... Trải qua một thời gian, các thứ gieo trồng nảy sinh ra những quả bầu. Trưởng giả

thấy kỳ lạ hỏi, các Đại sĩ nói:

– Việc này đừng lo, chỉ nên lo vun tưới.

Như lời các Đại sĩ, họ siêng năng vun bón tưới nước. Thời gian sau, các quả bầu to lớn, liền bỏ nó ra xem thì thấy các thứ ngũ cốc đầy ắp trong đó. Vị trưởng giả rất vui mừng, cả nhà lo kho vựa tích trữ đầy ắp. Trong thân tộc, người cả nước thấy đều được nhờ. Lúc bấy giờ năm trăm người gia nô nói với nhau:

– Hôm nay thu hoạch được tốt như vậy đều do ân đức của các Đại sĩ. Trước đây chúng ta đối với những vị ấy nói lời xấu ác, bây giờ nên đến trước các vị ấy thỉnh cầu xin sám hối.

Những Đại sĩ nghe xong đều hỷ xả cả. Họ sám hối xong lại còn đứng lên thệ rằng: “Nguyện chúng con kiếp sau sinh ra gặp được Hiền thánh, mong được giải thoát.” Vì thế trong năm trăm kiếp họ thường phải chịu làm thân ăn mày, nhân họ được sám hối và thệ nguyện, nên nay gặp Ta và được độ thoát. Thái tử nên biết, Đại phú Tán-đà-ninh kiếp xưa chẳng ai khác lạ, chính là Ta đây, người giữ kho tàng nay là ông Tu-đạt, người hàng ngày đến giờ đi thỉnh mời các đại sĩ nay là vua Ưu-điên. Còn con chó vì có tiếng sủa báo tin, đời đời được tiếng hay, chính nay là trưởng giả Mỹ Âm vậy. Còn năm trăm người gia nô phục dịch công tác cơm nước nay là năm trăm vị A-la-hán này đây.

Bấy giờ thái tử Kỳ-đà và toàn thể hội chúng nghe Đức Phật nói về tiền kiếp như thế cảm niệm ân đức của Đức Phật khắc ghi trong lòng, chuyên cần tinh tấn, có người khởi tâm hướng cầu Phật đạo, người người tinh tấn, cầu đạt bản tâm, vui mừng đánh lễ phụng hành.



KINH HIỀN NGU

QUYỂN 6

Phẩm 31: VUA NGUYỆT QUANG BỐ THÍ ĐẦU

Tôi nghe như thế này:

Thuở nọ Đức Phật ở nước Tỳ-xá-ly trong vườn cây Am-la (*vườn Xoài*). Khi đó Đức Thế Tôn nói với Hiền giả A-nan:

– Người được bốn thần túc có thể tuổi thọ trụ một kiếp, như Ta được bốn thần túc còn phải khéo tu tập. Vậy ông có biết Như Lai thọ mạng bao lâu không?

Ngài hỏi như vậy ba lần. Bấy giờ A-nan dường như bị ma ám, nghe Thế Tôn hỏi mà cứ lặng thinh không đáp lại. Đức Phật lại bảo:

– Nay A-nan, ông hãy đi đến nơi yên tĩnh mà suy xét.

Hiền giả A-nan từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào trong rừng. A-nan vừa đi khỏi thì ma Ba-tuần đến chỗ Phật bạch:

– Đức Thế Tôn ở đời giáo hóa đã lâu, độ nhân

gian thoát khỏi sinh tử nhiều như số cát sông Hằng, nay tuổi già yếu, Ngài nên vào Niết-bàn.

Lúc đó Đức Thế Tôn hót một chút đất để trên móng tay mà hỏi ma Ba-tuần:

– Đất của quả địa cầu nhiều hay là đất trên móng tay nhiều?

Đáp:

– Đất của quả địa cầu nhiều, chứ chẳng phải đất trên móng tay nhiều.

Đức Phật lại nói:

– Ta độ chúng sinh cũng ít như đất trên móng tay, còn những người chưa được độ như đất của quả địa cầu.

Và Ngài nói với ma Ba-tuần:

– Ba tháng nữa Ta sẽ nhập Niết-bàn.

Lúc đó ma Ba-tuần nghe nói thế, vui mừng khoái chí mà đi ra. Bấy giờ A-nan ngồi ở trong rừng, bỗng ngủ mê, mộng thấy một cây to lớn cành lá um tùm che khắp hư không, hoa quả tươi tốt, tất cả những mầm cây nhỏ đâu đâu cũng nường nhờ công đức kỳ diệu của cây ấy không thể tả xiết. Bỗng có trận gió thổi đến làm cho cành lá tan nát như bụi nhuyển, cho đến chỗ ở của lực sĩ, tất cả quần sinh không ai chẳng đau buồn. A-nan giật mình tỉnh dậy lo sợ bất an, lại tự suy nghĩ: “Mộng thấy cây to thật khác lạ khó lường, tất cả thiên hạ đều nhờ nường, duyên gì gặp gió thổi tan nát như

thế? Nay Đức Thế Tôn giáo dục khắp tất cả cũng như cây to, chẳng lẽ Thế Tôn muốn vào Niết-bàn. Nghĩ như thế rồi, A-nan rất là lo sợ, bèn đi đến chỗ Phật, đánh lễ bạch:

– Con vừa mộng thấy sự việc như thế... có lẽ nào Thế Tôn muốn vào Niết-bàn?

Đức Phật bảo:

– Nay A-nan, như lời ông nói, sau ba tháng nữa Ta sẽ vào Niết-bàn! Khi Ta sắp vào Niết-bàn, Ta đã hỏi ông: “Người có được bốn thần túc, tuổi thọ có thể trụ một kiếp, Ta có bốn thần túc còn phải khéo tu.” Hôm nay Ta hỏi như vậy ba lần mà ông không đáp, sau khi ông đi rồi, ma Ba-tuần đến khuyên Ta vào Niết-bàn, Ta đã hứa rồi.

A-nan nghe việc ấy đau thương buồn khổ không thể giữ kín được nữa, bèn đem việc ấy thông tin cho các vị đệ tử khác nghe, ai cũng đau buồn, đồng đi đến chỗ Phật ngự. Bấy giờ Thế Tôn bảo A-nan và các đệ tử:

– Tất cả vạn vật thế gian đều vô thường, có ai được thường, còn Ta đã vì các ông việc đáng làm đã làm rồi, việc đáng nói đã nói, các ông chỉ nên siêng năng tinh tấn tu tập sao lại lo buồn, thật là vô ích.

Lúc đó ngài Xá-lợi-phất nghe Thế Tôn sắp vào Niết-bàn, rất đau buồn than rằng:

– Như Lai nhập Niết-bàn sao mà nhanh chóng

thế, vậy là con mắt sáng của thế gian tiêu diệt, mãi mãi hết chỗ nương cậy.

Lại bạch Phật rằng:

– Nay con không nữa nhìn thấy Thế Tôn diệt độ, con muốn được nhập Niết-bàn trước, cúi mong Thế Tôn chứng minh hứa khả.

Ngài bạch như thế đến ba lần, Đức Phật nói:

– Ông nên biết! Tới thời thì các Hiền thánh cũng đều tịch diệt.

Lúc đó ngài Xá-lợi-phất được Đức Phật hứa khả rồi chỉnh tề y phục quỳ thẳng và nhiễu quanh Phật một trăm vòng, đến trước Đức Phật dùng kệ khen ngợi, rồi đỡ hai chân Phật để trên đầu ba lần, chấp tay đứng hầu đầu đón thừa:

– Con từ ngày nay cho đến mai sau, gặp Thế Tôn lần này là cuối cùng.

Rồi ngài chấp tay cung kính ra đi, dẫn Sa-di Quân-đề đến thành La-duyet-kỳ là nơi sinh quán của ngài và bảo Sa-di Quân-đề:

– Ông vào trong thành rồi đến các thôn xóm nói với quốc vương, đại thần, tri thức, đàn-việt... để họ đến bái biệt.

Khi ấy Sa-di Quân-đề đánh lễ dưới chân thầy rồi đi tuyên bố khắp nơi:

– Hòa thượng Xá-lợi-phất, thầy của tôi, hôm nay đang ở đây, ngài muốn nhập Niết-bàn, quý vị nào có muốn thăm hãy đi đến đó.

Bấy giờ vua A-xà-thế và các bậc hào hiền, đàn-việt, v.v... nghe tin Quân-đề cho hay đều đau buồn khác miệng đồng lời mà nói như vậy

– Tôn giả Xá-lợi-phất là một vị đại tướng trong Phật pháp, là chỗ trông cậy ngưỡng mộ của chúng sinh, hôm nay nhập Niết-bàn sao mà nhanh chóng thế?

Mọi người vội vã đi đến nơi ấy, trước là đánh lễ, thăm hỏi xong, cùng nhau bạch:

– Được tin Tôn giả muốn xả thân mạng vào cõi Niết-bàn, chúng tôi nay mất chỗ nương nhờ.

Bấy giờ ngài Xá-lợi-phất nói với mọi người:

– Tất cả muôn vật thế gian đều vô thường, có sinh ắt phải có tử. Ba cõi đều là khổ, có ai được an vui, các vị có túc duyên sinh ra đời gặp Phật còn tại thế, kinh pháp khó được nghe, thân người khó được, nhớ tưởng siêng năng tu phúc nghiệp cầu thoát khỏi sinh tử, mọi thứ đều là phương tiện, rộng nói vì mọi người như tùy theo bệnh cho thuốc.

Bấy giờ hội chúng nghe ngài nói thế, có người đắc quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-na-hàm, có người xuất gia thì chứng quả A-la-hán. Lại có người phát tâm cầu đạo Vô thượng, nghe pháp xong rồi lễ tạ lui ra. Khi ấy ngài Xá-lợi-phất ngay đêm hôm sau, chánh thân chánh ý, trụ tâm ở trước nhập vào Sơ thiên, từ Sơ thiên vào cõi Nhị thiên, từ Nhị thiên vào cõi Tam thiên, từ Tam thiên vào

cõi Tứ thiên, từ Tứ thiên vào Không xứ định, từ Không xứ định vào cõi Thức xứ, từ Thức xứ vào Bất dụng xứ, từ Bất dụng xứ vào cõi Phi hữu tướng phi vô tướng xứ, từ Phi hữu tướng phi vô tướng xứ vào Diệt tận định, từ Diệt tận định rồi vào Niết-bàn. Bảy giờ trời Đế Thích biết ngài Xá-lợi-phất đã diệt độ, cùng thiên chúng và họ hàng quyến thuộc hơn trăm ngàn người mang hoa hương cúng dường đến nơi ngài Xá-lợi-phất che kín cả hư không, đau buồn than thở lệ chảy như mưa, rải các thứ hoa lút đầy đến gối, lại nói:

– Tôn giả trí tuệ sâu như biển rộng, biện luận ứng cơ, âm thanh như nước suối chảy, giới định tuệ đầy đủ, là một đại tướng quân trong Phật pháp thay Đức Như Lai chuyển pháp luân, ngài nhập Niết-bàn sao mà nhanh chóng thế!

Trong thành, ngoài thành nghe Xá-lợi-phất đã diệt độ, đều đem tô dầu, hương hoa cúng dường, đổ xô về vây tập, đau buồn luyến tiếc không thể cầm lòng mỗi người cầm hương hoa đến cúng dường. Bảy giờ trời Đế Thích sai Tỳ-thủ-yết-ma, hội tập các cửa báu, trang hoàng cỗ xe cao, an trí nhục thân của ngài Xá-lợi-phất trên chiếc xe cao. Trời, Rồng, Quỷ, Thần, quốc vương, thần dân hầu tống hô hào đến nơi đất bằng phẳng. Khi ấy trời Đế Thích sai các Dạ-xoa qua bờ biển lớn, lấy gỗ Nguưu đầu chiên-đàn. Dạ-xoa vâng lời, tìm kiếm mang về, chất thành đống lớn, đặt nhục thân trên đó, đổ dầu

tô rồi phóng hỏa, đánh lễ cúng dường rồi ra về. Sau khi lửa tắt, Sa-di Quân-đề thu xá-lợi của thầy, để đầy trong bát, gói vào ba y, mang đến nơi Phật, đánh lễ, bạch:

– Hòa thượng Xá-lợi-phất, Thầy con đã nhập Niết-bàn, còn đây là y bát và xá-lợi.

Khi đó, Hiền giả A-nan nghe nói thế, đau buồn hôn mê, hết sức cảm động, mà bạch Phật:

– Hôm nay Tôn giả ấy, vị đại tướng quân trong Phật pháp đã nhập Niết-bàn, con biết nương cậy vào đâu.

Đức Phật bảo A-nan:

– Ông Xá-lợi-phất đây tuy nhập Niết-bàn, song Giới, Định, Tuệ, Giải thoát, Giải thoát tri kiến Pháp thân của ông cũng chẳng diệt. Lại nữa, ông Xá-lợi-phất không chỉ ngày nay không nữa nhìn thấy Ta vào Niết-bàn nên diệt độ trước mà ở đời quá khứ cũng không kham nhìn Ta chết, mà ông còn chết trước Ta.

Hiền giả A-nan chấp tay bạch Phật:

– Kính bạch Thế Tôn, trong quá khứ Tôn giả Xá-lợi-phất muốn chết trước Ngài, việc ấy như thế nào, cúi mong Ngài giải nói.

Đức Phật bảo A-nan:

– Trong quá khứ lâu xa vô lượng vô số không thể nghĩ bàn a-tăng-kỳ kiếp, ở cõi Diêm-phù-đề này có một vị đại quốc vương tên Chiên-đà-bà-la-

tỳ (*Tân dịch Nguyệt Quang*) thống lãnh Diêm-phù-đề tám vạn bốn ngàn nước, sáu vạn núi sông, tám mươi ức tụ lạc, vua có hai vạn phu nhân và thể nữ. Bà thứ nhất tên là Tu-ma-đàn (*Tân dịch là Hoa Thi*). Một vạn đại thần, ông quan lớn nhất tên là Ma-chiên-đà (*Tân dịch là Đại Nguyệt*). Vua có năm trăm thái tử, vị thái tử lớn nhất tên là Thi-la-bạt-đà (*Tân dịch là Giới Hiền*). Thành vua ở tên là Bạt-đà-kỳ-bà (*Tân dịch là Hiền Thọ*). Thành ấy ngang dọc bốn trăm do-tuần làm thuẫn bằng vàng bạc, lưu ly, pha lê, bốn bên có một trăm hai mươi cửa, đường sá hẻm phố ngay thẳng chỉnh tề. Trong nước ấy có bốn hàng cây cũng toàn bằng vàng bạc, lưu ly, pha lê; hoặc cành vàng lá bạc lá vàng; hoặc cành lưu ly lá pha lê; hoặc cành pha lê lá lưu ly. Có các ao báu cũng toàn bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê tạo thành, cát dưới đáy ao cũng là bốn báu. Trong cung vua, chu vi bốn mươi dặm làm thuẫn bằng vàng bạc, lưu ly, pha lê. Nước đó giàu mạnh, nhân dân khoái lạc, những đồ quý báu đẹp lạ không thể kể xiết. Hôm đó vua ngồi trên bảo điện bỗng nhiên nghĩ như vậy: “Nói về người ta sống trên đời, tôn vinh hào quý, thiên hạ kính ngưỡng, nói ra không trái nghịch, ngũ dục các thứ quý báu hay đẹp, muốn gì được nấy, quả báo ấy đều do tích đức tu phước mà được. Thí như kẻ nông phu do mùa xuân trồng cây đến mùa hạ, mùa thu thu hoạch. Mùa xuân lại đến, nếu không siêng năng gieo trồng nữa

thì mùa hạ mùa thu trông mong được gì? Nay ta cũng như vậy, do đời trước tu phước, đời này hưởng quả tốt, nếu đời này không tu thì kiếp sau không mong được gì”. Nghĩ như thế rồi bảo quần thần: “Nay ta muốn đem của cải quý báu trong kho bày ra các cửa thành cho đến trong chợ, mở một cuộc bố thí lớn, tùy chúng sinh cần gì đều đem cho hết”. Và còn hạ lệnh tám vạn bốn ngàn nước nhỏ, đều mở kho bố thí cho tất cả. Chúng thần nói: “Rất tốt!”, vâng lời vua dạy liền dựng phướn vàng, đánh trống vàng, loan báo khắp nơi, tuân theo chiếu vua, xa gần trong ngoài khiến đều nghe biết. Lúc đó, trong nước, Sa-môn, Bà-la-môn, người bản cùng, già yếu, neo đơn,...; có người tật nguyền, kẻ mạnh dắt người yếu, đồ xô tụ tập vào cung. Cần y cho y, cần thức ăn cho thức ăn, vàng bạc vật báu, tùy bệnh cho thuốc, tất cả thứ cần thiết đều cho như ý cả. Trong cõi Diêm-phù-đề, tất cả thần dân đều nhờ ân đức của vua vui vẻ vô cùng. Tiếng khen ngợi ca tụng vang rền ngoài đường, danh đức lẫy lừng vang khắp bốn phương, không ai chẳng khâm phục ngưỡng mộ ân hóa của vua.

Lúc đó, có một vị vua nước nhỏ bên cạnh tên Tỳ-ma-tư-na, nghe vua Nguyệt Quang được nhân dân khen ngợi, ôm lòng ghen ghét, ngủ nghỉ không yên, liền tự suy nghĩ: “Không tiêu diệt được ông Nguyệt Quang thì có lẽ danh tiếng của ta không nổi”. Nghĩ thế rồi vị ấy mời thỉnh các đạo sĩ đến

bàn việc này. Sắc lệnh thỉnh mời các Phạm chí trong nước để cúng dường những bữa ăn uống đầy đủ trăm vị, cung kính cúng dâng, không để cho điều gì phật ý, trải qua ba tháng, rồi nói với các Phạm chí:

– Trẫm nay có một việc lo buồn triền miên trong lòng, đêm trăn trở không ngủ được không làm sao có thể giải thích. Đạo sĩ như các ông, trẫm đây rất cung kính, quý ngài có phương tiện gì giúp trẫm trừ diệt chăng?

Các Bà-la-môn cùng tâu vua rằng:

– Đức vua có điều gì lo buồn nên nói bày cho chúng tôi rõ?

Vua liền nói:

– Vua Nguyệt Quang kia, danh đức vang xa, bốn phương mến phục, chỉ có một mình trẫm xấu xí hẹp hòi, không có được tiếng khen. Để thỏa chí nguyện, muốn trừ khử ông ta phải làm cách nào mới có thể được?

Các Bà-la-môn nghe nói như thế đều nói rằng:

– Vua Nguyệt Quang kia từ ân thấm nhuần đến tất cả, giúp đỡ kẻ nghèo nàn, thương dân như con, chúng ta làm sao có tâm mưu làm việc ác này, thà tự giết thân mạng không thể làm việc này.

Họ liền xin cáo thoái không nhận cúng dường nữa. Bấy giờ vua Tỳ-ma-tư-na tăng thêm lòng phần uất, liền ra lệnh khắp nơi:

– Nếu ai có thể vì trẫm, lấy được đầu vua Nguyệt Quang, trẫm sẽ chia nửa giang sơn để cai trị và còn gả cho con gái nữa.

Khi đó ở Hiệp sơn có một vị Bà-la-môn tên là Lao-độ-sai, nghe lệnh tuyên bố của nhà vua nên đến nhận lời. Vua rất vui mừng lặp lại lời ấy:

– Giả sử người có thể làm được thành công, trẫm không trái với lời hứa. Người định ngày nào đi?

Vị Bà-la-môn nói:

– Xin ban cho tôi lương thực cần thiết, bảy ngày nữa tôi sẽ lên đường.

Khi đó vị Bà-la-môn đọc chú tự bảo hộ thân, qua bảy ngày, bèn đến từ biệt, đức vua cấp cho lương thực, vật dụng cần thiết rồi lên đường ra đi. Lúc đó trong nước vua Nguyệt Quang có các thứ điềm quái lạ xuất hiện như: động đất, chớp giạt, sao băng, ban ngày sương khói kéo mờ mịt, sấm chớp vang trời, các loài chim bay đầy trong hư không kêu la thảm thiết và tự nhổ lông cánh, hổ báo sài lang thuộc loài cầm thú tự đâm đầu xuống hố hoặc chạy la kêu rống. Tám vạn bốn ngàn ông vua nước nhỏ đều mộng thấy cảnh phurôn vàng của nhà vua bị gãy, trống vàng bị bể, đại thần Đại Nguyệt mộng thấy quỷ đến cướp mào vàng của vua. Thấy điềm bất tường biến hiện, ai cũng ôm lòng lo buồn không thể tự an. Khi đó vị thần giữ cửa thành

biết có một Bà-la-môn muốn đến lấy đầu vua, ông hóa phép làm cho mê mờ cứ đi lẫn quẩn bên ngoài không biết lối vào thành. Lúc đó, Bà-la-môn đi quanh quẩn công thành bao nhiêu vòng cũng không vào trong thành. Ông trời Thủ-đà-hội biết vua Nguyệt Quang đem đầu mình ra thí để cho đàn tràng được viên mãn, bèn báo mộng nói rằng: “Bệ hạ thế hạnh, bố thí không trái ý chúng sinh, có kẻ ăn xin ngoài cổng mà không vào được”. Nhà vua kinh ngạc liền ra lệnh cho đại thần Đại Nguyệt:

– Ông đi ra ngoài các cổng, bảo mọi người chớ ngăn cản người nào vào xin.

Đại thần Đại Nguyệt đi đến cổng thành. Lúc đó vị Thần giữ cổng thành liền hiện nguyên hình thưa Đại Nguyệt rằng:

– Có một Bà-la-môn từ nước khác đến ôm lòng xấu ác muốn xin đầu vua, nên tôi không cho vào.

Đại thần nói:

– Nếu có việc này, quả là tai nạn lớn, nhưng vua đã có lệnh, không được trái ý, vậy phải làm sao?

Lúc đó Thần giữ cổng thành bèn biến mất dạng. Đại thần Đại Nguyệt liền suy nghĩ: “Nếu để vị Bà-la-môn này đến ắt xin đầu vua, ta nên làm đầu bằng bảy báu năm trăm cái để làm việc buôn bán”. Ông liền mướn thợ làm. Bảy giờ vị Bà-la-môn đi tới trước điện lớn tiếng xưng rằng:

– Tôi ở nơi xa xôi, nghe công đức nhà vua, bô thí cho tất cả, không nghịch ý mọi người, nên từ xa đến đây, muốn xin một việc.

Nhà vua nghe vui mừng, tác lễ hỏi thăm:

– Đi đường không quá mệt mỏi chăng? Tùy ông muốn gì, nước thành, vợ con, châu báu xe cộ, ngựa xa hay voi ngựa, bảy báu hay nô tỳ, tất cả mong muốn đều được cho cả.

Vị Bà-la-môn nói:

– Tất cả vật bên ngoài, tuy đem bô thí nhưng phúc báo chưa là rộng lớn, bô thí nhục thân, phước ấy mới thật là vi diệu. Tôi từ xa đến, muốn được cái đầu nhà vua, nếu không trái nghịch, vậy nên bô thí cho.

Vua nghe lời ấy hăng hái vô lượng. Vị Bà-la-môn nói:

– Như bô thí cái đầu cho ta, vậy bao giờ mới cho được?

Vua nói:

– Bảy ngày sau sẽ cho ông cái đầu.

Bảy giờ đại thần Đại Nguyệt đem cái đầu bằng bảy báu đến để tạ thay, vỗ vào trước ngực nói với Bà-la-môn rằng:

– Đầu của vua bằng xương thịt máu hợp thành là vật bất tịnh, dùng thứ ấy làm gì? Nay ông lấy cái đầu bằng bảy báu dùng để buôn bán đủ để giàu có nuôi sống trọn đời.

Vị Bà-la-môn nói:

– Tôi không dùng của ấy, chỉ muốn được cái đầu của nhà vua.

Khi ấy đại thần Đại Nguyệt dùng mọi thứ can gián mà vẫn mãi không hồi chuyển, liền nổi giận mổ tim thành bảy miếng, chết trước mặt nhà vua. Lúc đó nhà vua hạ lệnh triệu thần cỡi voi đi tám ngàn dặm loan tin các nước nhỏ rằng:

– Sau bảy ngày nữa, vua Nguyệt Quang cái đầu bố thí cho vị Bà-la-môn, ai muốn tới xin của cải hãy mau đi đến.

Bảy giờ tám vạn bốn ngàn vua nước nhỏ nườm nượp kéo đến bái kiến đại vương rồi vỗ vào ngực mình nói:

– Cõi Diêm-phù-đề này, loài người nhờ ân đức của ngài mà được mùa màng tươi tốt, an cư lạc nghiệp, vui vẻ không hoạn nạn. Tại sao chỉ vì một người mà bỏ cả thứ dân không thương xót. Cúi mong rủ lòng thương, xin chớ bố thí đầu.

Một vạn đại thần đều mọp đầu sát đất, vỗ ngực trước mặt vua, chỉ mong thương xót các chúng thần, chớ có bố thí đầu, sẽ mãi mãi xả bỏ. Hai vạn phu nhân cũng đầu mọp sát đất, ngưỡng bạch vua rằng:

– Xin chớ xả thí đầu, bệ hạ như bóng mát che khắp, nếu đem đầu bố thí, chúng thần thiếp biết nương tựa vào đâu?

Năm trăm thái tử khóc to trước mặt vua:

— Chúng con còn non trẻ, phải nương nơi nào, ngưỡng mong thương xót, chớ dùng đầu bố thí, hãy nuôi dưỡng chúng con được lớn thành người.

Bấy giờ đức vua bảo các thần dân, phu nhân, thái tử:

— Xét ra trăm từ xưa thọ thân cho đến nay, trải qua ách sinh tử lâu dài. Nếu như ở trong địa ngục một ngày, sống rồi chết, bỏ thân vô số, trải qua nước sông phân, giường sắt, phân uế, xe lửa, hầm than, cho đến các địa ngục khác, các thân như thế bị thiêu đốt chết rồi lại chết, mãi mãi không có phước báo. Nếu ở trong loài súc sinh, thì bị người chém giết để cung cấp cho người ta ăn, phá hoại tiêu nát, cũng lại vô số, thân ấy bỏ không cũng là không có phước báo. Hoặc đọa làm ngựa quỉ, lửa trong mình cháy ra hoặc là vòng lửa bay tới chém đứt đầu, chết đi sống lại như vậy vô số lần, thân bị giết như thế cũng không có phước báo. Nếu sinh ở nhân gian vì tranh tài sắc, lòng tham hận nổi lên sát hại lẫn nhau, hoặc kéo quân đánh nhau, giết thân như vậy cũng lại vô số. Vì tham nhuế si mê thường giết nhiều thân, chưa từng làm phước mà bỏ thân mạng. Nay thân trăm đây các thứ bất tịnh, sẽ phải xả bỏ, không thể bảo tồn được lâu, bỏ cái đầu như uế xấu xa này, để đổi lấy cái lợi lớn, làm sao không nên cho? Trăm đổi cái đầu này, bố thí cho Bà-la-môn để lấy công đức thế cầu Phật đạo. Nếu thành Phật

rồi công đức đầy đủ sẽ dùng phương tiện độ thoát cho các ông. Nay lòng trẫm muốn bố thí được viên mãn, chớ nên ngăn đạo tâm vô thượng của trẫm.

Tất cả các tiểu vương, thần dân, phu nhân, thái tử nghe vua nói vừa xong, im lặng không nói lời nào.

Hôm ấy đúng ngày hứa, vị Bà-la-môn nói rằng:

– Nay vua, thần dân, đại chúng vây quanh, tôi riêng có một mình, thể lực đơn lẻ yếu kém, không dám ở trong đây mà chặt đầu vua, nếu muốn cho tôi nên ra sau hoa viên.

Bấy giờ đức vua bảo các tiểu vương, thái tử, thần dân rằng:

– Tất cả các ông giả sử yêu thương trẫm, xin chớ làm hại vị Bà-la-môn này.

Nói xong vua cùng vị Bà-la-môn ra sau hoa viên. Khi đó vị Bà-la-môn nói với vua:

– Bệ hạ sức vóc mạnh khỏe, giả sử cắt đầu đau đớn rồi hối tiếc rồi sao? Vậy hãy lấy tóc ngài buộc chặt trên cây, sau đó mới có thể cắt đầu dễ dàng.

Khi đó, vua ngồi dưới gốc cây to cành lá sum suê, buộc tóc vào nhánh ngang, nói với Bà-la-môn:

– Ông cắt đầu xong đem để trên bàn tay tôi, rồi sau đó hãy từ trong tay tôi mà lấy đi. Nay tôi đem đầu bố thí cho ông, nguyện công đức này không cầu được làm Phạm vương, Ma vương, Đế Thích, Chuyển luân thánh vương để vui sướng ở ba cõi

mà chỉ cầu đạo Vô thượng chánh chân, tế độ chúng sinh, dẫn đến cõi Niết-bàn an lạc.

Bấy giờ, vị Bà-la-môn dơ tay muốn chém, Thọ thần thấy thế rất là buồn rầu: “Người như vậy, tại sao lại muốn giết?” liền dùng tay tát vào lỗ tai vị Bà-la-môn, làm cho đầu quay sang hướng khác, rụng rời tay chân, dao rớt xuống đất không thể chém được. Khi ấy nhà vua ngược mặt nói với Thọ thần rằng:

– Từ xưa đến nay, ở ngay tại gốc cây này ta đã từng bố thí chín trăm chín mươi chín cái đầu, hôm nay bố thí cái đầu này vừa đủ số một ngàn. Xả bỏ cái đầu này rồi thì nguyện bố thí mới được viên mãn, ông đừng ngăn cản đạo tâm Vô thượng của tôi.

Lúc đó thọ thần nghe vua nói thế, bèn khiến cho vị Bà-la-môn bình phục như cũ. Bấy giờ vị Bà-la-môn đứng dậy trở lại cầm đao chém ngang cổ vua, đầu rơi vào tay. Khi ấy trời đất sáu lần chấn động, cung điện của các cõi trời dao động không yên, các Thiên tử lo sợ ngạc nhiên không biết điềm tướng gì, mới quán thấy một vị Bồ-tát vì tất cả chúng sinh đem đầu bố thí, đều cùng bay xuống, cảm động việc hy hữu của nhà vua, lệ rơi như mưa, cùng nhau khen ngợi rằng:

– Đại vương Nguyệt Quang đem đầu bố thí, đổi với Đàn ba-la-mật nay được viên mãn.

Tiếng tăm ấy vang khắp thiên hạ. Vua Tỳ-ma-tiền nghe tiếng nói này rồi, vui mừng kinh ngạc, vỡ tim ra chết. Bấy giờ vị Bà-la-môn vác đầu vua đi, các vua, thần dân, phu nhân, thái tử, đã trông thấy đầu vua rơi xuống đất, tiếng đau buồn gào khóc ngất đi, có người cảm thương quá thổ huyết mà chết, còn có người đứng ngây người không biết gì, hoặc có người tự bức tóc mình, hoặc có người xé quần áo mình ra từng mảnh, hoặc có người dùng hai tay cào lên mặt, tiếng khóc vang xa rung động trời đất. Bấy giờ vị Bà-la-môn ghê gớm đầu vua hôi tởm, liền vát xuống đất, giẫm lên rồi đi. Nhân dân mắng chửi vị Bà-la-môn độc ác, không dùng cái đầu, mà xin làm chi. Khi đó vị Bà-la-môn đi đâu người ta thấy cũng nguyên rửa, không người nào cho ăn, đói khát tiêu tụy hết sức khốn khổ, giữa đường gặp người quen hỏi thăm tin tức về vua Tỳ-ma-tiền. Biết vua đã băng hà, mất hết hy vọng, buồn rầu lo lắng, tim vỡ bảy mảnh, thổ huyết ra chết liền. Vua Tỳ-ma-tiền và Lao-độ-sai sau khi chết đều đọa vào địa ngục mê lộ A-tỳ, còn những thần dân vì thương nhớ ân vua mà chết đều được sinh lên cõi trời.

Nói đến đây, Đức Phật nhắc lại rằng:

– Nay A-nan, nên biết vua Nguyệt Quang thuở đó nay chính là Ta. Vua Tỳ-ma-tiền nay là ma Ba-tuần. Vị Bà-la-môn tên Lao-độ-sai nay là ông Điều-đạt. Thọ thần nay là Mục-liên. Đại thần Đại

Nguyệt chính là Xá-lợi-phất ngày nay, nên nay không nữa thấy Ta chết mà muốn chết trước Ta. Cho đến ngày nay, ông cũng không nữa nhìn thấy Ta nhập Niết-bàn, mà ông nhập diệt trước.

Đức Phật nói việc đó xong, Hiền giả A-nan và các đệ tử thương mến vui mừng, cùng nhau tán thán công Đức Như Lai có hạnh kỳ đặc, đều cùng chuyên tu, có người đắc quả A-la-hán, có người phát tâm Vô thượng chánh chân, đều rất vui mừng kính lễ vâng lời.



Phẩm 32: VUA KHOÁI MỤC BỐ THÍ MẮT

Tôi nghe như thế này:

Thuở nọ, Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn đang tuyên diễn chánh pháp, đại chúng vây quanh lắng nghe, nhân dân trong thành, người thích nghe pháp lần lượt kéo nhau đi đến chỗ Phật. Khi đó trong thành có một vị Bà-la-môn mù ngồi bên vệ đường nghe nhiều người đi đường nhộn nhịp liền hỏi:

– Các người đi đâu mà đông thế?

Họ đáp:

– Ông không biết sao, Đức Như Lai ra đời việc ấy rất khó gặp, hiện Ngài đang thuyết pháp ở nước này. Chúng tôi muốn đến đó nghe Ngài thuyết pháp.

Vị Bà-la-môn này tuy bị mù nhưng có biết một thuật nghe được tám thứ tiếng của chúng sinh, đều có thể phân biệt được tướng lộc của nó. Thế nào là tám thứ: 1. Điều thanh; 2. Tam xích điều thanh; 3. Phá thanh; 4. Nhận thanh; 5. Cổ thanh; 6. Lôi thanh; 7. Kim linh thanh; 8. Phạm thanh. Điều thanh là người nói như tiếng chim kêu là người có tính quên ân sinh thành dưỡng dục, chỉ không liêm khiết. Tam xích điều thanh là người bầm tính hung bạo, hay làm tổn hại người, ít có lòng Từ hòa thuận. Phá thanh là người con trai nói tiếng như con gái, con gái nói tiếng như con trai, người này bạc đức bần cùng hạ tiện. Nhận thanh là người này có tính hốt của người làm của mình, nhưng hay chơi nhiều bạn bè và tiếp đón người xa lạ bốn phương. Cổ thanh là người có lời nói biện luận nhanh chóng, giải thích đạo lý sâu huyền, ắt làm quốc sự. Lôi thanh là người tiếng nói âm âm như sấm, trí tuệ sâu xa, phân tích được pháp tánh, giáo hóa thiên hạ. Kim linh thanh là tiếng nói như chuông, người này giàu có nhiều của cải vàng bạc có đến ngàn ức lượng. Phạm thanh là tiếng nói như cội trời Phạm thiên, người này phước đức cao dày, nếu người tại gia làm Chuyên luân thánh vương, nếu xuất gia học đạo ắt thành Phật. Bấy giờ vị Bà-la-môn nói với người đi đường:

– Tôi có thể phân biệt được tiếng nói của người khác. Nếu thật sự là Phật đương nhiên là tiếng

Phạm thiên, nhờ các anh dẫn tôi đến chỗ đó nghe thử coi có đúng là Phật không.

Lúc đó người đi đường dẫn anh ta dần dần đến chỗ Phật nghe Đức Phật thuyết pháp, quả nhiên tiếng Phật là Phạm âm vang xa, vui mừng quá hai mắt vị ấy được mở ra, trông thấy Đức Phật màu vàng tía, ba mươi hai tướng sáng rực như mặt trời, liền cung kính lễ Phật, vui mừng không lường. Đức Phật vì anh ta thuyết pháp, chí tâm lắng nghe, liền phá được hai mươi ức ác kiến, đắc quả Tu-đà-hoàn, được tuệ nhãn, bèn cầu xuất gia. Đức Phật nói:

— Thiện tai.

Vị ấy liền thành Sa-môn, Đức Phật trùng tuyên phương tiện rộng vì anh ta thuyết pháp, không bao lâu đắc quả A-la-hán, tất cả chúng hội không ai cho là lạ.

Hiền giả A-nan, từ chỗ ngồi đứng dậy, quỳ thẳng chấp tay bạch Phật:

— Bạch Thế Tôn, ngài xuất thế làm lợi ích rất nhiều, cứu giúp kẻ mù tối, ân ấy vô cùng cao cả. Vị Bà-la-môn này trong chốc lát được sáng con mắt thịt và được mắt tuệ thanh tịnh, không biết người ấy đối với Ngài ân nghĩa sâu dày như thế nào?

Đức Phật bảo A-nan:

— Không những đời này Ta cho người này được mắt sáng mà ở đời quá khứ cũng đã cho như thế.

Ngài A-nan bạch:

– Bạch Đức Thế Tôn, việc cho mắt ở đời quá khứ như thế nào? Cúi mong Ngài thương xót giải nói đầy đủ cho chúng con rõ!

Đức Phật bảo:

– Nay A-nan, về đời quá khứ lâu xa vô lượng vô số kiếp không thể nghĩ bàn nhiều kiếp a-tăng-kỳ, ở châu Diêm-phù-đề này có một thành tên Phú-ca-la-bạt, ông vua nước đó tên Tu-đề-la (*Tân dịch là Khoái Mục*). Vì sao được gọi là Khoái Mục. Vì mắt ông sáng suốt thanh tịnh, thanh diệu vô cùng trông thấy xuyên suốt qua tường vách, thấy xa bốn mươi dặm bởi thế nên đặt hiệu là Khoái Mục. Vua thống trị châu Diêm-phù-đề tám vạn bốn ngàn nước, sáu vạn núi sông, tám mươi ức tụ lạc. Vua có hai vạn phu nhân thể nữ, một vạn đại thần, năm trăm thái tử. Vị thái tử thứ nhất tên là Thi-la-bạt-đà-đề (*Tân dịch là Giới Hiền*). Nhà vua rất có lòng Từ bi thương xót lo lắng cho dân cũng như người cha hiền chăm dạy dân tu thiện, dân chúng nghe theo sự hóa độ của vua nên trong nước mưa hòa gió thuận, mùa màng tươi tốt, nhân dân an vui sung sướng. Bấy giờ ông vua ấy tự suy nghĩ: “Ta có nhân duyên phúc báu đời trước, nên nay được làm nhân chủ, của cải ngũ dục giàu có như nước bốn biển, phát ra lời nói thiên hạ phục tùng như gió thổi cỏ rạp xuống cả. Đời này thực dụng không biết gây tạo tiếp tục, sợ e đời sau nghèo khổ. Thí như nông

phu cày ruộng, mùa xuân gieo trồng nhiều thì mùa hạ mùa thu thu hoạch ắt được nhiều. Còn nếu mùa xuân lười biếng không làm, đến mùa thu làm sao trông mong có được ngũ cốc? Cho nên hôm nay đối với phước điền gieo trồng nhiều không nên giải đãi. Vua liền bảo quần thần mở kho lấy vàng bạc, châu báu, y phục, lương thực, tất cả thứ cần dùng đem ra công thành cho đến chật đầy trong chợ, tuyên lệnh khắp nơi tất cả nhân dân có ai thiếu thốn đều tới thọ thí và còn sắc lệnh tám vạn bốn ngàn nước nhỏ, cũng mở kho bố thí cho tất cả. Khi ấy các quần thần vâng lời vua dạy liền dựng phướn vàng, đánh trống vàng, khắp châu Diêm-phù-đề, Sa-môn, Bà-la-môn, kẻ nghèo khổ neo đơn, già cả bệnh tật, thấy đều thọ nhận của thí được vừa ý. Tất cả mọi người nhờ ân vua an lạc vui sướng, không còn lo buồn, họ ca tụng khen ngợi ân đức nhà vua vang dội khắp thiên hạ.

Bấy giờ kể bên có một nước nhỏ, vua tên là Bà-la-đà-bạt-di, tánh tình ngạo mạn, không tuân theo sắc lệnh của vua Khoái Mục, trị dân có năm điều quá độ, tánh nết vội vàng, ít suy nghĩ, đam mê sắc dục, bỏ bê việc quốc gia, không biết thân dụng người trung lương hiền sĩ, bắt dân phục dịch cực khổ vô cùng; các nhà thương mại đến buôn bán, đánh thuế quá nặng. Vua đó có một vị quan tên là Lao-đà-đạt, thông minh trí lược, hiểu biết đạo lý thấy đức vua sai trái bèn can gián:

– Bệ hạ có năm việc không thể an ổn quốc gia, ắt phải chiêu họa hoạn, sợ e không bao lâu tai họa sẽ đến.

Nghe quần thần nói thế, nhà vua bèn nói:

– Những việc ấy như thế nào?

Ông quan thưa:

– Bệ hạ có tính vội vàng ít suy nghĩ, không lo việc lớn sau này sẽ hối. Ngài ham mê sắc dục, không lo việc nước, bên ngoài có gian thần, việc tình lý không nơi minh xét, người trung lương hiền sĩ trong nước không trọng dụng, không lo phòng ngừa việc chưa xảy ra. Bắt nhân dân làm nhiều việc cực khổ, oán hận rất nhiều, khách thương buôn nước khác đến đánh thuế quá nặng, trái với thông thường, cho nên hàng hóa bị ách tắc, giá cả đắt đỏ. Năm việc này là triệu chứng mất nước, xin bệ hạ thay đổi để cho dân theo chánh sách cũ. Vua Tu-đề-la ân từ rộng khắp châu Diêm-phù-đề, người người đều khâm phục. Riêng nước ta không kính thuận, nên dân chúng oán hận, không nhờ được ân đức. Cúi xin bệ hạ giáng ý, bố thí cho nhân dân để con cháu hưởng phúc lộc lâu dài.

Vua Ba-la-đà-bạt-di nghe ông quan này nói xong, sắc mặt nổi giận, không chịu nghe theo. Quan Lao-đà-đạt càng thêm bức bối, thầm nghĩ: “Mình thấy nhà vua trị chính không khéo, tiến cử người trung thành ra phụ giúp nước, đã không nghe

lại còn phát cáu, không nghe theo lời mình, lời nói đã không được trọng dụng, tất nhiên sẽ trừ khử mình chẳng? Vì dân lo tính chưa thành mà sự việc đã (phế lộ) hư kế hoạch.” Vua sai quân lính đến hỏi tội, quan Lao-đà-đạt biết trước nhà vua muốn bắt, bèn lên ngựa chạy thoát, quân lính rượt đuổi theo, ông Lao-đà-đạt giỏi về thuật bắn, ông quay lại bắn chết mười tám người, quân lính tuy đuổi kịp, nhưng không dám đến gần. Ông chạy sang đến nước Phú-ca-la-bạt, vào yết kiến vua Khoái Mục. Vua hỏi han vui vẻ, cùng vua đối đáp sự lý phân minh. Vua thấy người có tài liền lập làm đại thần, dần dần thân cận, ông trình bày mọi sự việc nguyên do đến đây để cho vua nghe. Nghe xong, vua hỏi quần thần:

– Nước đó có thuộc quyền cai trị của trẫm không?

Quần thần đáp:

– Thuộc của đại vương nhưng họ làm lơ và ít khi lui tới.

Lao-đà-đạt nói:

– Ba-la-đà-bạt-di kia ngoan cố và mờ ám, hoang dâm vô độ, không biết lễ độ, không tuân lệnh bề hạ, dân chúng oán ghét coi như kẻ thù, xin bề hạ cấp cho binh mã, hạ thần đích thân đến đó hàng phục.

Vua Khoái Mục nghe lời Lao-đà-đạt, liền hạ lệnh các nước tuyển chọn binh lính ngay ngày hôm

đó vân tập kéo quân đến nước vua Ba-la-đà-bạt-di. Bấy giờ vua Ba-la-đà-bạt-di được vua nước bên cạnh sai người đến nói về việc đó, toàn cõi Diêm-phù-đề đều sắc lệnh dấy binh sắp đánh nước của ngài, nhanh chân chạy trốn chớ yên ổn ngôi đó. Vua Ba-la-đà-bạt-di nghe tin lo buồn mê loạn không biết xoay trở cách nào. Vội mặc một cái áo đen dơ dáy, lẩn trốn ở nơi kín đáo, có quan phụ tướng tìm đến chỗ, ông hỏi:

– Bệ hạ có việc gì mà lo lắng thế, xin hãy nói bày.

Vua Ba-la-đà-bạt-di nói:

– Khanh không hay biết gì sao? Trước đây Lao-đà-đạt chạy trốn sang nước vua Khoái Mục, do đó hấn mưu toan với vua Khoái Mục sắc lệnh cho tám vạn bốn ngàn nước đem binh lính đến tiêu diệt nước ta đó.

Quan phụ tướng nói:

– Nên hạ lệnh quần thần cùng bàn bạc thử.

Vua liền triệu tập quần thần bàn bạc mọi kế hoạch, quan phụ tướng nói:

– Tôi nghe vua Khoái Mục tự thệ bố thí, chỉ trừ cha mẹ ra, không thứ gì ông ta không bố thí, cũng không làm nghịch ý người ta. Hiện nay trong nước có một vị Bà-la-môn mù, nên khuyên ông ta đến đó xin đôi mắt của vua. Nếu xin được, ta không cần đánh trả lại mà binh lính cũng tự rút lui.

Vua nghe nói thế liền chịu, sai quan phụ tướng đi tìm vị Bà-la-môn đó. Quan phụ tướng sai người tìm kiếm và dẫn ông ta đến nói:

– Hiện nay trong nước có việc sắp bị giặc xâm chiếm, mong người cùng phụ giúp cho một việc.

Vị Bà-la-môn nói:

– Tôi nay mù lòa làm sao có thể giúp được việc nước?

Quan phụ tướng nói:

– Vua nước Tu-đề-la muốn hợp binh lại đến đánh nước ta, chúng tôi khỏe mạnh còn có thể chạy trốn tránh, còn tàn tật mù lòa như anh có thể chạy thoát được sao? Vua ấy có thể bỏ thí tất cả, tùy theo người cần, không làm nghịch ý, bây giờ anh đến xin đôi mắt ắt chắc chắn được. Nếu anh xin được mắt của vua ấy, thì binh lính có thể ngừng không tấn công nữa. Giả sử làm xong việc này sẽ thưởng anh trọng hậu.

Vị Bà-la-môn nói:

– Nay tôi không thấy đường đi, phải làm thế nào?

Vua lại khuyên: “Trẫm sẽ sai người dẫn anh đi”, liền ban cho lương thực và đồ cần dùng khi đi đường, rồi họ lên đường.

Khi đó nước của vua Khoái Mục có nhiều điềm bất tường hiện ra: Trong hư không vang tiếng sấm chớp, sao rơi, mây kéo mờ mịt, đất nứt, các loài

chim bay kêu la thảm thiết tự mở lông cánh, hô báo sư tử, các loại cầm thú gầm rống rung cả mặt đất. Quốc vương, thần dân đều rất kinh sợ. Bấy giờ vị Bà-la-môn đi đến thành lớn, băng ngang qua trước điện lớn tiếng rằng:

– Tôi ở nước khác, nghe thấy danh đức nhà vua, bồ thí tất cả không trái ý người, cho nên lặn lội từ xa đến đây muốn được ăn xin.

Vua nghe lời ấy, liền hỏi:

– Lặn lội đường xa có bị mệt mỏi không? Nếu muốn xin các thứ cần dùng gì, quốc độ, châu báu, xe ngựa, áo quần, thức ăn uống, tùy bệnh cho thuốc, các thứ cần dùng đều sẽ cấp cho.

Vị Bà-la-môn nói:

– Vật bên ngoài bồ thí phước đức không huyền diệu, bồ thí nơi thân quả báo mới lớn. Tôi từ lâu đã mất đôi mắt, sống trong đêm dài tăm tối, nay nghe đại vương bồ thí, nên có ý đến xin đôi mắt của ngài.

Vua nghe vui mừng, nói với Bà-la-môn:

– Nếu muốn được mắt, trăm sẽ cho.

Vị Bà-la-môn nói:

– Ngài muốn cho tôi, bao giờ thì có thể cho được?

Vua nói:

– Bảy ngày nữa ta sẽ cho ngươi.

Vua liền hạ chiếu tám vạn bốn ngàn nước nhỏ hay. Sau bảy ngày nữa, vua nước Tu-đề-la sẽ khoét

mắt bố thí cho vị Bà-la-môn, vậy ngày hôm đó các vị đều nên vân tập đến. Các vua, nhân dân nghe lệnh này rồi, khắp nơi kéo đến chỗ đại vương, tám vạn bốn ngàn các vua, thần dân cúi đầu sát đất, vỗ ngực trước mặt vua khóc lóc mà thưa:

– Chúng tôi đều là người ở châu Diêm-phù-đề, nhờ ân đức đại vương che chở, nếu đem mắt bố thí cho vị Bà-la-môn thì tất cả nhân dân sẽ nương cậy vào đâu? Cúi mong bệ hạ hồi ý, chớ vì một người mà xả bỏ tất cả.

Một vạn đại thần cũng đều dập đầu sát đất, ngưỡng tâu vua:

– Tại sao không thương xót chúng tôi, vì ý của một người mà bỏ cả chúng tôi, cúi mong hồi ý chớ cho đôi mắt của ngài.

Hai vạn phu nhân, dập đầu xuống đất, vỗ ngực trước vua cũng đều cầu thỉnh:

– Cúi mong đại vương hồi ý chớ đem mắt bố thí, đó là niềm an ủi chúng tôi.

Năm trăm thái tử than khóc trước mặt vua:

– Cúi mong phụ vương nên thương xót chúng con, chớ đem mắt ra bố thí, để vỗ về chúng con.

Bảy giờ thái tử Giới Hiền tâu vua rằng:

– Xin khoét mắt con để thay vua cha, vì thân con dù chết, đất nước không có ảnh hưởng. Đại vương không mất, trong nước làm sao trông cậy được.

Bấy giờ vua Khoái Mục bảo các vương thần, phu nhân, thái tử:

– Trầm thọ thân này đến nay, trầm luân trong sinh tử lâu dài, giả sử chết nhưng xương của thân ấy gom lại trong nhiều kiếp, có thể cao như núi Tu-di, còn máu tiết chảy ra nhiều hơn nước bốn biển, còn bú sữa mẹ nhiều hơn nước bốn con sông lớn, những lúc biệt ly, nước mắt khóc đau buồn hơn nước bốn biển. Khi ở trong địa ngục, thân bị đốt cháy, mồ xẻ thì những đôi mắt bỏ đi vô số kể. Khi mang thân loài ngựa quỉ, thọ các cực hình, lửa từ trong thân cháy ra, thiêu đốt phá hoại như thế biết bao nhiêu là đôi mắt. Lúc đọa làm loài súc sinh, tranh giành nhau ăn, bị người đâm chém, các thứ tử thương không thể kể xiết. Mang thân người ở nhân gian, sống lâu hay chết yểu, hoặc tranh sắc dục, mưu hại lẫn nhau, sát hại với nhau, chết như thế phá hư không biết bao nhiêu đôi mắt. Chính như sinh lên trời, mạng sống cũng không bao lâu. Từ xưa đến nay cũng thọ không biết bao nhiêu thân hình ở trong ba cõi này, trôi nổi trong năm đường. Vì tham, nhuế, si, thân người tan vụn số như bụi trần, chưa từng đem bố thí để cầu Phật đạo. Đôi mắt này là vật tanh hôi, không bao lâu sẽ bị tiêu hoại, nay được dùng bố thí không nên không cho. Nay đem mắt này bố thí cầu được mắt Nhất thiết trí Phật đạo Vô thượng, nếu nguyện ta thành ta sẽ cho các người mắt tuệ thanh tịnh, chớ ngăn cản ý

cầu đạo vô thượng của ta.

Mọi người trong hội im lặng không nói một lời, ngoảnh bảo tả hữu rằng:

– Có thể móc mắt ta.

Các thần tả hữu đều nói:

– Thà đập phá thân tôi nát nhỏ như hạt cải chứ không thể dùng tay khoét mắt của đại vương.

Vua bảo các quần thần:

– Các ông hãy tìm kiếm cho một người có con mắt đen và hay nhìn xuống dẫn đến đây.

Các thần tìm được dẫn đến cho vua. Vua liền đưa đao ra lệnh khoét mắt. Khoét được một con đỉ trong tay vua. Vua bèn lập thệ: “Ta đem mắt này dùng để bố thí, cầu thành Phật đạo, nếu sau này thành Phật thì vị Bà-la-môn được mắt này sẽ trông thấy sáng suốt”. Thệ xong, vua đặt vào hố mắt của vị Bà-la-môn, anh ta được sáng mắt, trông thấy vua và mọi người chung quanh, vui mừng nhảy nhót, không tự chủ được và tâu vua:

– Được một con mắt vua, đủ để tôi trông thấy, xin vua để lại một con mà dùng.

Vua đáp lại:

– Ta đã hứa chắc chắn cho hai mắt, không nên trái lời.

Bèn móc thêm một con, để trong lòng bàn tay, lập thệ rằng: “Ta đem mắt này dùng để bố thí cầu thành Phật đạo, chí thành không dối, vị Bà-la-môn

này được con mắt tôi, xin cho mắt được sáng tỏ.”
Bấy giờ trời đất chấn động, cung điện các cõi trời cũng đều dao động, các thiên nhân kinh ngạc sợ hãi trông thấy Bồ-tát mọc mắt bồ thí, cùng nhau bay đến, chập kín cả hư không, dùng các hương hoa rải xuống cúng dường, khen ngợi:

– Lành thay! Lành thay! Việc làm của đại vương rất là hiếm lạ.

Vua trời Đế Thích đến trước hỏi:

– Thật là hiếm lạ, dám làm công việc như thế, muốn cầu phước báo gì?

Vua nói:

– Tôi không cầu sự an vui của cõi Ma vương, Phạm thiên, Tứ Thiên vương, Đế Thích hay Chuyển luân thánh vương. Tôi đem công đức này thệ cầu Phật đạo độ thoát chúng sinh, đến Niết-bàn an lạc.

Vua Đế Thích lại hỏi:

– Ngài nay mọc mắt đau đớn như thế, có hối hận sân nhuế không?

Vua nói:

– Không hối hận cũng không sân hận.

Trời Đế Thích lại nói:

– Ta nay xem thấy ngài máu chảy như lưu ly, thân thể sa sút, tự nói không hối hận, việc này khó tin.

Vua liền tự thệ:

– Tôi móc mắt bồ thí, không có ý hối hận, để cầu Phật đạo, nếu thật sự không dối thì khiến hai mắt tôi bình phục như cũ.

Vua thệ xong, hai mắt hoàn toàn trông thấy, sáng suốt gấp bội hơn lúc trước. Các trời, nhân dân, tất cả đại hội không thể tự chế, vui mừng nhảy nhót ngợi khen. Vua nói với vị Bà-la-môn:

– Nay ta cho ông mắt khiến ông được trông thấy, sau này thành Phật, sẽ khiến cho ông được mắt trí tuệ.

Nói xong sai người dẫn ông ta vào kho, ban cho một gánh tài vật mang về bốn quốc. Vua Ba-la-đà-bạt-di hay tin đích thân ra nghênh đón và hỏi:

– Anh xin được mắt không?

Đáp:

– Được mắt! Tôi nay đã nhìn thấy.

Lại hỏi:

– Hiện giờ vua Khoái Mục còn sống hay chết?

Đáp:

– Các trời giáng xuống nghe vua ấy thệ nguyện, bỗng mắt vua ấy bình phục như cũ, mà còn sáng mắt hơn lúc trước.

Vua Ba-la-đà-bạt-di nghe lời nói này, buồn rầu tức giận vỡ tim ra chết.

Nói đến đây Đức Phật bảo:

– Nay A-nan, nên biết vua Tu-đề-la thuở đó nay chính là tiền thân của Ta, còn Ba-la-đà-bạt-di nay

là ông Điều-đạt. Vị Bà-la-môn xin mắt nay chính là vị Bà-la-môn đăc đạo bị mù trong hội này đây. Kiếp trước Ta cho ông ta mắt, cho đến ngày nay vừa trông thấy Ta liền được mắt thịt, lại được mắt tuệ. Ta vì chúng sinh đời đời làm những hạnh khổ, tích công lũy đức cho đến ngày nay thành Phật. Các ông nên siêng năng cầu ra khỏi ba cõi. Khi Đức Phật nói đến đây, người trong chúng hội cảm niệm ân của Phật, có người đăc quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, có người phát tâm thành đạo Vô thượng. Ngài A-nan và chúng hội nghe Đức Phật nói xong, vui mừng phụng hành, lễ tạ lui ra.



Phẩm 33: CHUYỆN NĂM TRĂM NGƯỜI MÙ THEO PHẬT

Tôi nghe như thế này:

Thuở nọ, Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Bảy giờ nước Tỳ-xá-ly có năm trăm người mù sống kiếp ăn mày, họ nghe người ta nói Như Lai ra đời rất là hiếm có. Những chúng sinh nào trông thấy được Ngài, cho dù trăm bệnh tàn tật đều được trừ bớt, người mù được sáng, kẻ điếc được nghe, người câm được khai khẩu, kẻ khập khễnh được chân tay duỗi thẳng, người cuồng loạn được an định, kẻ nghèo sẽ được áo cơm, kẻ

ưu sầu khổ ách đều được khỏi cả. Bây giờ những người mù nghe nói như vậy, cùng nhau bàn bạc:

– Lũ chúng ta tội lỗi chồng chất, quá nhiều đau khổ, nếu nay gặp được Phật, ắt sẽ được cứu té.

Họ bèn hỏi người ta:

– Hiện nay Đức Thế Tôn đang ở nước nào?

Người ta bảo:

– Hiện Ngài đang ở nước Xá-vệ.

Nghe nói thế, họ cùng ngồi bên đường hạ mình cầu sự thương xót người đi đường, nói:

– Ai có lòng Từ bi, thương xót chúng tôi, xin dẫn đường đến nước Xá-vệ, nơi Đức Phật đang ở.

Họ kêu to nhưng không có ai giúp, họ cùng nhau bàn luận:

– Lũ chúng ta tay không nhờ vả người ta không ai chịu giúp cả, nay cùng nhau đi xin, mỗi người kiếm được ít tiền dùng để mướn người ta dẫn đến đó.

Mỗi người đi xin trải qua một thời gian, mỗi người được một đồng tiền, tất cả năm trăm người họp lại đã xong, kêu to:

– Ai dắt chúng tôi đến nước Xá-vệ, năm trăm đồng này xin được trả công.

Khi đó có một người nhận lời lấy tiền cho, rồi ra lệnh các người mù nắm tay vào nhau, anh ta đi trước dẫn đường đến nước Ma-kiệt-đà, bỏ các người mù gần một cánh đồng rộng.

Lúc đó những người mù không biết đang ở đâu, là nước nào, cùng nắm tay nhau đi, giẫm phải ruộng người khác, phá hư lúa mạ. Lúc đó có vị trưởng giả đi thăm ruộng thấy năm trăm người giẫm lên lúa non, hư hại rất nhiều, ông nổi giận trách mắng. Những người mù trình bày đủ mọi việc, trưởng giả thương xót, sai một người dắt họ đến nước Xá-vệ. Đến nước đó lại nghe Thế Tôn đã đi trở lại nước Ma-kiệt-đà, người ấy lại dắt họ về đến nước Ma-kiệt-đà. Lúc đó những người mù khát khao mong sớm được gặp Phật, mắt thịt tuy nhắm mà mắt tâm đã thấy, nên họ vẫn hoan hỷ trong lòng không biết mỗi một. Đến nước Ma-kiệt thì đã nghe Thế Tôn trở lại nước Xá-vệ, cứ như thế đi tìm trái qua bảy lần vẫn không gặp Phật. Bấy giờ Đức Như Lai quán thấy những người mù căn lành đã thuần thực, lòng tin kiên cố, nên Ngài ở lại nước Xá-vệ đợi họ. Người kia dẫn các người mù dần dần đến chỗ Phật. Ánh hào quang của Phật vừa chạm đến thân họ vui mừng khôn lường, liền sáng tỏ được hai mắt, trông thấy được Như Lai và bốn chúng vây quanh, sắc thân Phật vàng chói lợi như núi Tử kim, cảm đội ân tuệ, vui mừng không gì bằng, năm vóc gieo sát đất, đánh lễ, khác miệng đồng lời cùng bạch Phật:

– Cúi mong thương xót cho chúng con nhập đạo tu hành!

Bấy giờ Đức Phật nói:

– Thiện lai Tỳ-kheo!

Râu tóc họ tự rơi rụng, pháp y mặc trên mình, nghe Phật thuyết pháp đắc quả A-la-hán.

Bấy giờ ngài A-nan thấy các người mù, mắt thịt sáng sạch, dứt hết các lậu, thành A-la-hán, liền quỳ trước Phật bạch:

– Bạch Thế Tôn, Ngài ra đời thật là kỳ đặc, làm các việc thiện không thể nghĩ bàn. Những người mù này nhờ được ân tuệ, mắt thịt sáng tỏ, lại được mắt tuệ. Thế Tôn ra đời chính vì những việc như vậy.

Đức Phật bảo:

– Nay A-nan, không những ngày nay Ta cứu họ khỏi mù tối mà ở đời quá khứ lâu xa vô lượng kiếp Ta cũng vì những người này, cứu họ thoát khỏi hắc ám.

A-nan bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, trong kiếp quá khứ Ngài đã trừ khỏi mù tối cho họ sự việc như thế nào?

Đức Phật bảo:

– Nay A-nan, cách đây lâu xa vô lượng vô số kiếp a-tăng-kỳ, ở cõi Diêm-phù-đề này có năm trăm người thương buôn cùng đi qua một cánh đồng rộng, tới con đường nguy hiểm vào trong hang núi lớn tối om. Lúc đó những người thương buôn lo sợ buồn rầu, sợ mất của cải. Chỗ này có nhiều giặc cướp nên rất lo sợ, họ đồng tâm hợp lực

hương nguyện trời đất, mặt trời, mặt trăng, sông biển, tất cả thần kỳ ủng hộ cho họ. Khi đó Tát-bạc chủ thương xót các thương khách sầu khổ, bèn nói rằng: “Các anh chớ lo sợ, cứ an tâm đi, tôi sẽ vì các anh làm cho sáng sửa”. Lúc đó, Tát-bạc lấy tấm lụa trắng cuốn vào hai cánh tay tắm dầu tô đốt để làm đuốc, dẫn các thương buôn, trải qua bảy ngày mới vượt khỏi hang núi tối tăm này. Bấy giờ các người thương buôn cảm đội ân ấy, quý kính khôn lường, mỗi người đều được an ổn, vui mừng không gì cho bằng.

Đức Phật bảo:

– Nay A-nan, ông Tát-bạc thuở đó có phải ai khác đâu, chính là Ta. Ta từ vô thủy đến nay đem quốc thành, vợ con cho đến huyết nhục bố thí cho chúng sinh, cho nên đời nay được đặc tôn trong ba cõi. Năm trăm người thương buôn ấy tức là năm trăm Tỳ-kheo này vậy. Ở đời quá khứ, Ta lấy thân sinh tử, bố thí cho họ được sáng sửa, nay được thành Phật cũng thí mất Tuệ vô lậu.

Bấy giờ chúng hội nghe Đức Phật nói xong có người đắc quả Tu-đà-hoàn, A-na-hàm, A-la-hán, có người trông căn lành Bích-chi-phật, hoặc có người phát tâm cầu đạo Vô thượng độ rất nhiều người. A-nan tôi và cả chúng hội nghe Đức Phật nói xong vui mừng phụng hành.



Phẩm 34: PHÚ-NA-KỖ

Tôi nghe như thế này:

Thuở nọ, Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Thuở ấy nước Phóng bát có một vị trưởng giả tên Đàm-ma-tiện (*Tân dịch là Pháp Quân*), giàu có nhất trong nước. Khi đó vợ vị trưởng giả sinh được một đứa con trai, gặp lúc nhà vua xuất quân đi chinh phạt nước khác, nhân đó đặt tên đứa trẻ là Tiện-na (*Tân dịch là Quân*). Sau bà lại sinh được một đứa con trai, gặp lúc vua xuất chinh được thắng, lại đặt tên con là Tỷ-kỳ-đà-tiện-na (*Tân dịch là Thắng Quân*). Hai đứa con lớn lên, mỗi người đều có vợ. Khi ấy vị trưởng giả mắc bệnh, mời các danh y đến trị bệnh cho ông. Trông thấy y sư, ông lo lắng tiếp đãi rất trọng hậu, các thức ăn uống đàng hoàng. Y sư tham lợi dưỡng, ôm lòng gian trá, muốn làm cho bệnh nặng thêm, cho thuốc khác, khiến bệnh còn hoài không hết.

Vị trưởng giả có một nô tỳ, hàng ngày lo ăn uống thuốc thang cho trưởng giả, biết việc ấy nên thưa với trưởng giả:

— Từ nay trở đi, các y sư này, họ có ác ý nên bệnh mãi không hết, nay tôi tự lo, cứ như lần trước theo cách điều trị thì bệnh sẽ khỏi. Vị trưởng giả bèn không kêu y sư mà để cho nữ tỳ trông dưỡng,

trưởng giả hết bệnh. Lúc đó nữ tỳ thừa với vị trưởng giả:

– Đại gia, tôi chăm sóc lo lắng cho đại gia, bệnh đã trừ khỏi, xin hãy thương xót ban cho tôi một điều.

Vị trưởng giả nói:

– Người cần việc gì?

Vị nữ tỳ bèn nói:

– Muốn được đại gia cùng tôi thông dâm, xin theo ý tôi, đừng từ chối. Trưởng giả không trái nghịch, liền theo ước muốn của cô gái. Sau khi cùng trưởng giả giao dâm, bèn cảm thấy có thai, mười tháng đã mãn sinh được một cậu con trai, cô đã mãn nguyện nên nhân đó đặt tên con là Phú-na-kỳ (*Tân dịch là Mãn Nguyện*). Cậu bé có đức tướng đoan chính, lớn lên khéo buôn bán, trông trọt, chăn nuôi, được lợi bội phần, đến đâu cũng gặp sự tốt lành. Tuy bẩm thọ di thể trưởng giả, tài nghệ trí lượng hơn người nhưng là do con gái tiện tỳ sinh ra nên liệt vào hạng hèn hạ không được coi như con của các bà lớn. Bây giờ trưởng giả lại mắc bệnh, biết mình sắp chết, kêu hai đứa con nói:

– Sau khi cha chết chớ có chia gia tài và sống riêng với nhau.

Trưởng giả bị bệnh dù được trị thuốc nhưng không thể cứu tế, vài hôm thì qua đời. Khi đó hai người con vâng lời cha dạy, cùng sống chung trải

qua mấy năm, gặp lúc có duyên sự muốn đến nước khác buôn bán. Các thứ nhà cửa, vợ con đều giao cho Phú-na-kỳ trông coi mọi việc. Lúc từ biệt, Phú-na-kỳ phải nghe theo lời dạy quản lý gia nghiệp. Một hôm con của hai anh muốn cần ăn uống nhờ Phú-na-kỳ cho tiền để mua, gặp lúc ngày không tiền, đưa trẻ con Thắng Quân thưa Phú-na-kỳ:

– Con nay đói khát, cho con được ăn uống.

Trong tay không có tiền nên không mua được gì. Đứa nhỏ nổi giận về mách với mẹ:

– Chú Phú-na-kỳ lòng không rộng rãi thấy bá phụ xin gì cũng cho, hôm nay con xin tiền mua quà ăn mà chú không cho.

Người mẹ nghe đứa con nói sinh hận trong lòng, cho rằng:

– Con của đứa ở mà dám có tâm thiên lệch như vậy.

Thắng Quân trở về nhà. Vợ và đứa con của ông lòng sân chưa nguôi, đem mọi chuyện thưa với Thắng Quân. Nghe xong, ông nổi giận bội phần, nói:

– Đây là con của đứa ở mà dám trái lời ta dạy, đối xử tệ bạc với con ta, nên giết bỏ đi.

Trong lòng đã quyết bèn xin người anh sống riêng. Người anh vâng lời cha dạy, không cho phép ra riêng. Thắng Quân buồn rầu, xin mãi không thôi. Người anh xét thấy ý của em ôm lòng sân hận, bắt

đắc dĩ phải cho sống riêng, tất cả của cải, ruộng vườn chia cho một phần. Phú-na-kỳ cũng được một phần, còn anh cả hai phần. Của người anh thì người anh lấy, của Phú-na-kỳ để người em giữ. Người anh biết Thắng Quân muốn hại Phú-na-kỳ, lòng Từ thương xót, khéo léo sắp xếp bảo Phú-na-kỳ ở nhờ nhà khác. Khi ấy Phú-na-kỳ hỏi chị dâu rằng:

– Cho em ít tiền để mua củi.

Chị dâu nói:

– Chỉ có năm đồng, liền lấy ra cho. Phú-na-kỳ lấy năm đồng ấy ra chợ mua củi, thấy một bó củi giá năm đồng, Phú-na-kỳ liền mua. Nhìn thấy trong bó củi có gỗ ngưu đầu và gỗ chiên-đàn hương, trong lòng rất vui mừng, vác củi về nhà, lấy gỗ hương chặt làm mười đoạn, gặp lúc hoàng hậu mắc bệnh nhiệt dữ dội rất cần gỗ ngưu đầu và đàn hương dùng để xoa trên mình mới trừ được bệnh ấy, ra lệnh cả nước tìm kiếm thứ ấy:

– Ai có gỗ hương một lạng sẽ cho hai ngàn lượng vàng.

Bấy giờ Phú-na-kỳ đem một đoạn nhỏ dâng lên cho vua. Được vua thưởng cho một ngàn lượng vàng, cứ như thế dâng vua hết mười đoạn gỗ hương, được ban cho vạn lượng. Nhân đó chàng tậu ruộng vườn, cất nhà, voi ngựa, xe cộ, nô tỳ, súc sinh, gia nghiệp lúc đó giàu có đầy đủ còn hơn lúc trước gấp bao nhiêu lần. Bấy giờ lại có năm trăm

lái buôn kết giao bạn bè với Phú-na-kỳ rủ ra biển đi buôn bán. Phú-na-kỳ thưa với anh cả là muốn cùng mọi người ra biển tìm châu báu. Anh cả liền nhận lời, cấp cho ít đồ cần dùng và một người bạn đi theo ra biển, dặn dò ra đi bảo trọng để được trở về. Đi ra biển vào đến một nơi hiểm nạn, mọi người nhìn thấy cả ba mặt trời xuất hiện. Kỳ lạ, họ hỏi người dẫn đường:

– Hôm nay có ba mặt trời xuất hiện là điềm ứng thế nào? Người dẫn đường nói:

– Các ông nên biết, một là chánh nhật, hai là mặt cá, khoảng giữa là răng cá. Bây giờ nước đang rút chảy vào nơi tối tăm là miệng cá vậy, rất là đáng sợ. Hôm nay chúng ta không có con đường sống, sắp đến miệng cá rồi, chắc chắn là chết.

Có một Hiền giả, kính tin Phật đạo, nói với các lái buôn:

– Các anh nên thành tâm niệm “Nam-mô Phật”, bậc đức lớn trong ba cõi, không ai hơn Phật, cứu tai nạn cấp bách, hay cứu khổ tai nạn chúng sinh. Chỉ mong Phật thánh nguyện cứu hiểm ách, giúp những người mạng sống mong manh này.

Khi ấy, cá Ma-kiệt nghe xưng danh hiệu Phật liền ngậm miệng lại, lặn xuống đáy biển. Các người lái buôn nhờ vậy mà về nước an ổn. Về đến nhà, Phú-na-kỳ lấy mâm vàng lớn, đem các của báu, châu ma-ni... đựng đầy mâm dâng cho người

anh cả, thưa:

– Em đã vì anh, chứa nhiều của báu, nhà cửa tất cả vật dụng đầy đủ, con cháu bảy đời tiêu dùng cũng không hết, xin biểu anh cả, xin anh cho em được xuất gia.

Tiện-na nói:

– Ta không muốn trái ý, nhưng em tuổi nhỏ, chưa hiểu rõ nhân luân, sự quan trọng của Phật pháp, thực hành rất khó, hãy chậm lại vài năm nữa.

Phú-na-kỳ nói:

– Đại huynh nên biết mạng người vô thường, sớm còn tối mất, khó bảo đảm được, trước đây ở ngoài biển gặp cá Ma-kiệt hút thuyền vào miệng suýt chết, nhờ ân Đức Phật cứu sống mạng này, xin anh cho phép, nghe em lần này.

Anh cả liền nhận lời, khi đó Phú-na-kỳ cùng năm trăm người lái buôn tới nước Xá-vệ, đến chỗ Phật đánh lễ, thăm hỏi, nhân đó bạch Phật cầu xin xuất gia. Phật liền hứa khả cho nhập đạo, khen ngợi:

– Thiện lai!

Họ liền biến thành Sa-môn. Đức Phật vì họ thuyết các thứ khổ, năm trăm Tỳ-kheo ấy tâm khai ý giải, dứt hết các khổ thành A-la-hán, chỉ có Phú-na-kỳ kết sử sâu nặng, nghe Phật thuyết pháp chưa thể thông đạt liền tinh tấn kiên thành lập chí mới chứng được Sơ quả, từ đó siêng năng tu tập, không

dám lười biếng.

Bấy giờ ngày an cư của các Tỷ-kheo sắp tới, Đức Phật bảo các vị tùy ý an cư. Khi ấy Phú-na-kỳ tới trước bạch Phật:

– Đệ tử muốn đến nước Phóng bát an cư ba tháng, cúi xin Đức Phật từ bi hoan hỷ.

Lúc đó Thế Tôn bảo Phú-na-kỳ:

– Nước đó người ta hung ác, tin theo tà đạo, kiến thức điên đảo. Con nay mới học, ở trong Phật pháp chưa có thể đầy đủ Phật pháp thánh hạnh, giả sử bị người ta hủy nhục thì biết làm thế nào?

Phú-na-kỳ nói:

– Giả sử bị người hết sức hủy nhục đi nữa, nhưng họ không làm hại con.

Đức Thế Tôn lại nói:

– Giả sử có người gian ác làm hại thì phải làm sao?

Phú-na-kỳ thưa:

– Bạch Thế Tôn, giả sử như bị người hủy nhục gia hại, nhưng họ không giết con, con cũng còn mang ân họ.

Đức Phật lại bảo:

– Con đến đó, lỡ gặp người ác giết hại mạng con, không được ích lợi gì cho con. thì con phải làm thế nào?

Phú-na-kỳ nói:

– Bạch Thế Tôn, tất cả vạn vật có hình tướng

rồi cũng hoàn không, nếu họ giết con thì con chịu chết.

Lúc đó Thế Tôn bảo Phú-na-kỳ:

– Các người ác kia hủy nhục gia hại mà chưa giết con, con có sân không?

Phú-na-kỳ thưa:

– Bạch Thế Tôn, không. Như người đó không có căn cứ vô cớ chê bai hủy nhục, hoặc dùng đao trượng đánh đập giết con mà chưa chết hẳn, cho đến lúc mạng chung, con cũng không có một niệm sinh khởi tâm sân.

Đức Phật liền khen ngợi:

– Hay thay! Hay thay! Đệ tử thực hành được như vậy là rất hay.

Lúc đó Phú-na-kỳ lễ Phật cầm y bát ra đi, tới nước Phóng bát. Sáng sớm ngày mai, Phú-na-kỳ vào thành khát thực, đến nhà một Bà-la-môn giàu có. Lúc đó vị Bà-la-môn thấy vị Tỳ-kheo liền ôm lòng ác, đi theo chửi mắng. Phú-na-kỳ đi qua nhà khác khát thực, vị Bà-la-môn ấy cũng đi theo dùng tay đánh đập. Phú-na-kỳ cũng vui vẻ không thay đổi sắc mặt. Lúc đó vị Bà-la-môn trông thấy vị Tỳ-kheo bị hủy nhục, bức bách như vậy mà không tỏ chút oán hận, bèn tự trách, xin lỗi việc làm vừa rồi. Phú-na-kỳ ở trong nước đó, siêng năng tu hành không giải đãi, dứt hết kết sử, tâm bỗng khai mở, chứng được vô lậu. Sau ba tháng an cư, bèn từ giả

các đàn-việt và trở về nhà dặn người anh cả rằng:

— Anh cẩn thận chớ có ra biển, ngoài biển có rất nhiều nguy hiểm, tiền bạc của anh đủ dùng cho bảy đời cũng không hết.

Dặn dò xong, Phú-na-kỳ trở về chỗ Phật ở, đánh lễ thăm hỏi xong, rồi đi nghỉ. Người anh Tiện-na không nghe lời Phú-na-kỳ, một hôm có các lái buôn rủ đi ra biển. Tiện-na nghe theo và cùng đi ra biển, tùy ý chọn lấy của báu rất nặng, chỉ có Tiện-na lấy ra rất nhiều gỗ ngưu đầu, chiên-đàn hương, thuyền đầy trở về gặp con rồng có tánh xan tham, ham tiếc gỗ hương ấy, liền nắm thuyền, nhổ cột buồm, thuyền không đi được. Những người lái buôn coi chết là chắc. Lúc đó Tiện-na một lòng gọi tên Phú-na-kỳ nói:

— Nay anh gặp nạn, xin em cứu giúp.

Khi đó Phú-na-kỳ ở nước Xá-vệ tại tỉnh xá Kỳ hoàn, tọa thiền tư duy, do Thiên nhĩ thông, nghe anh Tiện-na đang bị tai nạn ở xứ nọ, chí tâm tụng thần thuật, một lòng đau đớn kêu:

— Phú-na-kỳ! Phú-na-kỳ.

Ngài liền dùng thần túc La-hán, cũng như lực sĩ co duỗi cánh tay, biến hóa thân làm chim Kim sí điều bay vào trong biển khùng bố con rồng ấy. Con rồng thấy bóng chim sợ hãi lặn xuống đáy biển, các người lái buôn được an ổn, trở về nhà. Khi ấy Phú-na-kỳ giáo hóa người anh xây dựng cho Thế Tôn

một cái nhà nhỏ lợp che thuần bằng gỗ chiên-đàn, làm xong ngôi nhà rồi giáo hóa người anh tỉnh Phật. Tiện-na nói:

– Việc tỉnh Phật phải dùng vật gì? Tỉnh như thế nào?

Khi đó Phú-na-kỳ cùng người anh cả bày các thứ cúng dường xong, đốt lư trầm hương, cùng đốt đèn trên lầu cao, hướng về tinh xá Kỳ hoàn đốt hương quy mệnh Phật và Thánh tăng, khẩn nguyện:

– Cúi mong Đức Phật ngày mai đến nước hèn mạt này khai ngộ những chúng sinh ngu muội mê mờ này.

Nguyện xong, khói hương bay tới trên đỉnh đầu Đức Thế Tôn, quyện kết thành một cái lọng bằng khói hương, sau đó phóng nước từ hư không đến rửa chân Thế Tôn.

Bấy giờ A-nan trông thấy sự việc kỳ lạ như vậy, bèn hỏi Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn, ai phóng nước và khói tới đây thế?

Đức Phật bảo A-nan:

– Là vị A-la-hán Tỳ-kheo Phú-na-kỳ ở nước Phóng bát khuyên anh Tiện-na tỉnh Đức Phật và Tăng, cho nên phóng nước và khói để làm tín thỉnh.

Nhân đó Ngài bảo A-nan đến trong Tăng chúng, phát thỉnh những vị Tỳ-kheo có thần túc, ngày

mai đều đến, đáp lời thỉnh của Tiện-na, hiện biến hóa đi khắp nước đó. A-nan tôi phụng lệnh phát thẻ hợp Tăng, những vị có thần túc ngày mai đến thọ thỉnh. Bây giờ các Tỳ-kheo đều đã nhận thẻ xong, sáng sớm ngày mai, người làm cơm tên Kỳ-kiền-trực-kỳ (*Tần dịch Tục Sinh*), ông đã đặc quả A-na-hàm, hàng ngày làm cơm cúng dường tất cả chúng Tăng, lúc ấy ông ngồi kiết già phu, thân phóng ánh sáng soi rọi bốn phương, đem dụng cụ đựng thức ăn, cái muôi, thìa, trăm cái hộc, cái búa lớn... theo ông cỡi hư không đi đến nước Phóng bát. Tiện-na hỏi:

— Đây là thầy em phải không?

Đáp:

— Không phải, là một vị Tỳ-kheo làm cơm hàng ngày đến giúp bữa trai hôm nay.

Khi ấy Tiện-na liền đem hương hoa âm nhạc cúng dường, cúng dường xong rồi vào nhà. Sau đó lại có mười sáu vị Sa-di, trong đó có Sa-di Quân-đề, mỗi vị đều dùng thần túc biến hóa ra rừng cây, hái hoa quả; các thứ biến hiện, thân phóng ánh sáng chói lọi trời đất, vút trên hư không kéo tới nườm nượp. Tiện-na lại hỏi:

— Đây là thầy của em phải không?

Đáp:

— Không phải. Các vị này là đệ tử cùng thầy với em mới bảy tuổi đã đặc quả A-la-hán, dứt sạch các

lậu, đầy đủ thần túc. Hôm nay đến trước hái hoa quả cúng dường.

Tiện-na liền đem hương hoa, âm nhạc ra cúng dường. Cúng xong các vị Sa-di ấy đáp xuống đi vào nhà. Kế đến lại có các trưởng lão đại A-la-hán hóa ra ngàn con rồng, kết thân làm tòa ngóc đầu ra bốn bên, tiếng hát vang trời, miệng của các con rồng phun ra mưa bảy báu, đặt lên tòa ấy thành tòa báu lớn, rồi bay bổng trên hư không, thân phóng ra ánh sáng, chiếu khắp thiên hạ, rồi đến nước Phóng bát. Tiện-na lại hỏi:

– Đây là thầy của em phải không?

Đáp:

– Không phải, là đệ tử của thầy em tên Kiêu-trần-như. Lúc Phật mới thành đạo, thuyết pháp tại vườn Lộc uyển, rộng độ chúng sinh, là năm vị này được độ đầu tiên. Trong hàng đệ tử Phật là bậc đệ nhất thượng thủ, đầy đủ thần thông vô ngại.

Tiện-na nghe nói càng thêm cung kính, liền đem hương hoa âm nhạc ra để cúng dường, cúng dường xong liền mời vào nhà. Kế đến lại có Ma-ha Ca-diếp hóa làm giảng đường bảy báu, thân phóng ánh sáng chiếu khắp bốn phương, đi đến nước đó. Tiện-na trông thấy, hỏi Phú-na-kỳ:

– Đây là thầy của em phải không?

Đáp:

– Là đệ tử của thầy em, tên Ma-ha Ca-diếp,

thanh kiệm tri túc thường hành đầu đà, thương kẻ ty tiện, giúp người nghèo khó.

Tiện-na liền đem hương hoa âm nhạc ra cúng dường, cúng dường xong liền mời vào nhà. Khi ấy Xá-lợi-phất cỡi tòa ngàn con sư tử, đầu xoay bốn phía, miệng phun mưa bảy báu, gầm thét chấn động trời đất, trên tòa sư tử trải giường báu lớn, trang hoàng đẹp đẽ, đứng trên tòa ấy, thân phóng ra ánh sáng, chiếu khắp bốn phương, bay lên hư không, lượn lướt mà đến. Tiện-na hỏi:

– Đây là thầy của em chăng?

Đáp:

– Không phải, người cỡi hư không bay đến đó là vị đại đệ tử của thầy em, trí tuệ rộng lớn, tên Xá-lợi-phất.

Tiện-na nghe rồi, vui mừng gấp bội, liền đem hương hoa âm nhạc cúng dường. Cúng dường xong liền mời vào nhà. Bảy giờ Đại Mục-kiền-liên đến sau cùng hóa làm ngàn con voi, quay đầu ra bốn bên, mỗi con có sáu ngà, mỗi đầu ngà có bảy ao nước tắm, trong mỗi ao có bảy hoa sen, trên mỗi bông sen có bảy ngọc nữ. Ngoài ra còn biến hiện rất nhiều, phóng hào quang sáng lớn, cảm động cả bốn phương trời, lại trên đầu voi đặt cái tòa báu, tự ngồi trên đó, cỡi hư không đi. Tiện-na hỏi:

– Đây là thầy em phải không?

Đáp:

– Không phải, đó là đệ tử của thầy em, tên là Đại Mục-liên, thần túc đệ nhất, đức hạnh thuần bị.

Tiện-na nghe nói vui mừng kính ngưỡng, đem hương hoa âm nhạc để cúng dường, cúng xong rồi mời vào nhà. Kế tiếp sau có ngài A-na-luật-đề hóa ra ao tắm bảy báu, trong ao có mọc hoa sen sắc vàng, lá cọng đu bằng bảy báu hợp thành, ngài ngồi kiết già trên hoa sen ấy, cổ đeo chiếc bội nhật quang, chiếu sáng khắp thiên hạ, chỗ ánh sáng chiếu đến đều là màu vàng, bay trên hư không mà đến nước đó. Tiện-na lại hỏi:

– Đây là thầy của em chăng?

Đáp:

– Không phải, là đệ tử của thầy em, tên A-na-luật-đề. Ở trong đại chúng, ngài có Thiên nhãn đệ nhất.

Tiện-na nghe xong vui mừng, cung kính đem hương hoa cúng dường rồi tự ngài đi vào nhà. Kế tiếp sau có em của Phật là Nan-đà, hóa làm ngàn cỗ xe ngựa bằng bảy báu, trên xe che tán bảy báu phóng ánh sáng chiếu soi bốn phía, cõi hư không mà đến nước Phóng bát. Tiện-na trông thấy hỏi Phú-na-kỳ:

– Đây là thầy của em chăng?

Đáp:

– Không! Là em của Thế Tôn, tên Nan-đà, tướng mạo và đức hạnh đầy đủ. Tiện-na bèn đem

hương hoa ra cúng dường, cúng xong mời vào nhà. Bảy giờ ngài Tu-bồ-đề đến sau cũng hóa ra bảy báu, ngồi trong hang lưu ly, thân phóng ra nhiều sắc ánh sáng lẫn nhau, chiếu khắp trời đất, bay đến nước đó. Tiện-na hỏi:

– Đây là thầy em phải không?

Đáp:

– Không phải, đó là đệ tử thầy em tên Tu-bồ-đề, quảng trí đa văn, giải không đệ nhất.

Tiện-na liền vui mừng đem hương hoa ra cúng dường xong rồi ngài tự vào nhà. Kế đến có ngài Phân-nậu-văn-đà-ni tử hóa làm một ngàn Ca-lâu-la vương, kết thân làm tòa, ló đầu bốn phía, miệng ngậm các thứ báu, phát ra những tiếng hòa nhã, lại ngồi trên tòa báu lớn cõi hư không mà đến. Tiện-na trông thấy hỏi:

– Đây là thầy em chăng?

Đáp:

– Không phải! Là bạn cùng thầy với em tên Phan-nậu-văn-đà-ni tử là một vị biện tài ứng đối đệ nhất.

Tiện-na liền đem hương hoa cúng dường và mời vào nhà. Tiếp theo là ngài Ưu-ba-ly hóa thân làm ngàn chim nhận dùm đầu vào nhau đầu quay ra ngoài kêu, phát ra những âm thanh hòa nhã, miệng ngậm các thứ báu, bay liệng trên hư không, trên mình bày tòa quý báu, phóng ánh sáng chiếu

soi bốn phía, thân cỡi trên đá bay đến. Tiện-na hỏi:

– Đây là thầy em chăng?

Đáp:

– Không phải! Là đệ tử của thầy em tên Ưu-ba-ly là một vị trì luật đệ nhất trong hàng Tỳ-kheo.

Tiện-na nghe rồi bèn đem hương hoa ra cúng dường, cúng xong ngài từ từ hạ xuống vào nhà. Kế tiếp sau có Sa-môn Nhị Thập Ưc hóa làm hàng cây ở trên hư không, dùng ngọc lưu ly xanh làm lối đi kinh hành giữa hai hàng cây giáp nhau làm bằng bảy báu, bên lề đường cũng làm bằng các thứ báu đẹp, đi kinh hành trong đó dần dần đến nước Phóng bát. Tiện-na lại hỏi:

– Đây là thầy em chăng?

Đáp:

– Không phải! Là đệ tử của Phật tên Sa-môn Nhị-thập-úc, trong các hàng Tỳ-kheo là tinh tấn nhất.

Tiện-na đem hương hoa âm nhạc ra cúng dường và các ngài từ từ vào nhà. Kế tiếp lại có Đại Kiếp-tân-ninh hóa làm bảy hàng cây báu, trên cây có rất nhiều hoa quả, dưới gốc cây đều có tòa cao bảy báu, ngài ngồi trên đó, phóng ánh sáng lớn cỡi hư không bay đến. Tiện-na hỏi:

– Đây là thầy của em chăng?

Đáp:

– Không phải. Đây là đệ tử Phật tên Đại Kiếp-

tân-ninh, oai nghi đỉnh đặc, dũng mãnh đệ nhất.

Tiện-na nghe xong, vui mừng đem hương hoa cúng dường. Cúng xong, ngài từ từ vào nhà. Kế tiếp có ngài Tân-đầu-lô-đỏa-xà ngồi trên hoa sen báu, cổ đeo ngọc bội nguyệt quang, phóng ra ngàn ánh sáng, chói đỏ trời đất, bay lên hư không mà đến nước Phóng bát. Tiện-na hỏi:

– Đây là thầy em phải không?

Đáp:

– Không phải, là đệ tử thầy em tên Tân-đầu-lô-đỏa-xà là một vị tọa thiên nhập định giỏi nhất.

Tiện-na liền đem hương hoa cúng dường xong, ngài từ từ vào nhà. Kế đến là La-hầu-la tự hóa làm vua Chuyển luân, có ngàn người con, bảy báu, dẫn đến nước đó. Tiện-na hỏi:

– Đây là thầy em chăng?

Đáp:

– Không phải! Là con của Phật, tên La-hầu-la, nếu còn ở hoàng cung sẽ thống lãnh bốn thiên hạ, bảy báu tự nhiên đầy đủ, không cần dùng binh lính và khí giới mà hàng phục được giặc. Nay đã bỏ ngôi vị ấy, xuất gia học đạo, tu chứng quả A-la-hán, đầy đủ sáu pháp thần thông, không có chương ngại, giờ đây biến hiện thân hình ngôi vị đó.

Tiện-na nghe xong đem hương hoa cúng dường, rồi mời vào nhà. Năm trăm vị đệ tử Phật có thần túc mỗi vị đều biến hiện không thể kể xiết.

Khi đó Đức Thế Tôn biết các đệ tử đều đã đến nước đó, Ngài bèn phóng hào quang chiếu sáng trời đất đều một màu vàng. Bấy giờ Phú-na-kỳ nói với người anh:

– Hiện nay Đức Thế Tôn khởi ý muốn đến đây, nên phóng quang báo điềm trước.

Bấy giờ Thế Tôn ngồi trên tòa bước chân xuống đất, thời trời đất sáu lần chấn động. Phú-na-kỳ nói với người anh:

Đức Thế Tôn đang rời tòa ngồi bước chân xuống đất nên trời đất chấn động như thế.

Khi ấy Thế Tôn vừa rời khỏi tinh xá đứng ở bên ngoài, thì tám thần Kim cang đứng ở tám phía, có Tứ Thiên vương dẫn đường đi trước, vua Đế Thích và các vị Thiên tử cõi Dục trăm ngàn vạn người thị vệ bên trái; Đại phạm Thiên vương và các trời cõi Sắc với vô số chúng đứng bên phải. A-nan đứng ở sau Phật, đại chúng vây quanh, phóng quang minh chiếu khắp trời đất, bay lên hư không đến nước Phóng bát. Bay được giữa đường, gặp năm trăm nông phu đang dùng trâu cày ruộng, các con trâu thấy Phật bay trên hư không, phóng ánh sáng sắc vào khắp cả thế giới, các con trâu chí tâm ngược lên nhìn Thế Tôn rất là cung kính, đứng lại không kéo cày nữa. Nông phu thấy trâu ngược lên nhìn trời làm lạ, họ cũng trông nhìn lên thấy Phật, bèn quỳ xuống bạch:

– Cúi mong Như Lai thương xót chúng con tạm dừng một chút để giáo hóa, khiến chúng con được lìa sinh tử.

Đức Phật lấy lòng Từ bi biết họ có thể hóa độ, liền hạ xuống thuyết diễn diệu pháp cho họ nghe. Năm trăm người, tâm ý khai ngộ, dứt được hai mươi ức tội ác, chứng quả Tu-đà-hoàn, còn những con trâu sau khi mạng chung được sinh lên cõi trời, ai nấy đều rất vui mừng. Lúc đó Như Lai lại bay lên hư không mà đi, chưa được bao xa thì có năm trăm đồng nữ chơi giỡn ngoài đồng trống, thấy mặt đất sắc vàng, ngược nhìn trông thấy Phật biến hiện cõi hư không bay đi, trong lòng vui mừng chấp tay bạch:

– Ngưỡng mong Thế Tôn rủ lòng thương xót tạm dừng để tế độ chúng con.

Đức Phật biết những đứa trẻ này có túc duyên có thể hóa độ, liền hạ xuống đến chỗ đó, thuyết pháp cho chúng. Nghe xong chúng đều khai mở trí tuệ, chứng quả Tu-đà-hoàn. Cảm hóa xong Đức Phật bèn đi bộ trên hư không. Lại có năm trăm Tiên nhân, sống trong đầm rừng thấy ánh sáng khắp mặt đất sắc vàng, ngược trông thấy Như Lai và đại chúng đi trên hư không, trong lòng vui mừng, cung kính gấp bội, ngưỡng bạch Phật:

– Cúi mong Đại Thánh tạm dừng lại, nhân thấy Ngài đi qua, xin giảng đạo cho chúng con nghe.

Đức Phật quán thấy duyên trước của họ, biết có thể độ được, Ngài hạ xuống, họ cầu xin làm Sa-môn, Đức Phật nhận lời nói:

– Thiện lai Tỳ-kheo!

Họ trở thành Sa-môn. Nhân đó Đức Phật thuyết pháp, tâm họ sáng tỏ, dứt hết các lậu, chứng A-la-hán, cũng đi theo Phật, cỡi hư không mà đi.

Bấy giờ Phú-na-kỳ trông thấy Đức Phật từ xa đến, ánh sáng chói cả trời đất, đại chúng cũng từ trên hư không mà đi, liền gọi anh Tiện-na:

– Đức Thế Tôn và đại chúng sắp đến.

Đức Phật đến nước đó, Tiện-na vui mừng đem hương hoa âm nhạc ra cúng dường. Cúng dường xong cùng đến trai đường. Đức Phật và đại chúng đã như pháp an tọa rồi, Tiện-na và cả nhà sửa soạn cỗ bàn, tự bung thức ăn uống dâng cúng. Đức Phật dùng cơm xong, thuyết pháp cho cả nhà Tiện-na và dân chúng nghe. Xong buổi thuyết pháp, cả nhà Tiện-na đắc quả Tu-đà-hoàn, có người chứng đủ hai đạo ba quả, lại có người phát tâm cầu đạo Đại thừa, lại có người trụ vững chắc Bất thoái địa. Phật thuyết pháp xong, nam nữ cả nước, người đắc đạo không thể kể xiết.

Thấy thế, A-nan quỳ bạch Đức Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, Phú-na-kỳ đây ở đời quá khứ tạo nghiệp ác gì mà sinh làm người hạ tiện, con của người nô tỳ? Lại có phúc gì mà gặp Phật

được độ thoát sinh tử?

Đức Phật bảo A-nan:

– Ông muốn biết về Phú-na-kỳ, hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ông mà nói.

Đáp:

– Vâng! Chúng con chú ý lắng nghe.

Đức Phật bảo:

– Nay A-nan, ở đời quá khứ thời Phật Ca-diếp, có một vị trưởng giả giàu có, ông xây một ngôi Già-lam cho Phật và chúng Tăng, cúng dường y phục, thức ăn, thuốc thang tứ sự..., cúng dường tất cả không để thiếu thốn. Sau khi vị trưởng giả qua đời, đưa con trai của ông xuất gia học đạo, nên sau khi người cha mất, sự cúng dường thiếu hụt, chúng Tăng phải tản đi nơi khác, chùa chiền bỏ hoang, mục nát, không có người ở. Người con xuất gia thành một vị Tỳ-kheo, ra sức kêu gọi đàn-việt tri thức gom góp tiền tài tu bổ ngôi chùa, mời chúng Tăng trở về, cúng dường lại như xưa. Bấy giờ chúng Tăng về trụ chùa ấy rất đông, tinh tấn chuyên tu, phần nhiều những vị cao tăng đức hạnh đầy đủ, đạt được tự tại. Khi ấy có một vị La-hán đạo nhân, tới phiên trực nhật, quét cỏ rác gom thành một đồng trước sân, chưa kịp hốt đem bỏ. Lúc đó vị Tỳ-kheo (*con vị trưởng giả xuất gia*) ác tâm la mắng vị Tỳ-kheo kia như nô tỳ không khác, trách móc tại sao quét rác không đem đổ bỏ... A-nan nên biết, vị Tỳ-

kheo đó nay chính là Phú-na-kỳ. Do có tâm ác mắng vị Đạo nhân tựa như nô tỳ và do một lời nói ấy mà trong năm trăm đời thường phải làm thân nô tỳ. Lại do tạo lập chùa khuyên người cúng dường chúng Tăng, đền tội đã xong, nay được gặp Ta đắc quả giải thoát. Hôm nay những người trong nước này được thọ hóa đều là những người kiếp xưa trợ giúp làm chùa, gieo duyên như thế đều được độ thoát.

Khi đó Ngài A-nan và cả đại chúng nghe Đức Phật thuyết xong, vui mừng phụng hành.



Phẩm 35: NHÂN DUYÊN ĐỘ NI-ĐỀ

Tôi nghe như thế này:

Thuở nọ, Đức Phật ở tại vườn cây của ông Cấp Cô Độc và thái tử Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ trong thành Xá-vệ, nhân dân đông đúc, chỗ ở chật hẹp, nhà xí rất ít, nên việc đi đại, tiểu phần nhiều phải ra ngoài thành. Có những nhà giàu không thể đi ra ngoài, bèn đại tiện trong cái bô rồi thuê người đem đổ ngoài thành. Khi đó có một người tên Ni-đề, rất nghèo, hàng ngày sinh sống bằng nghề đổ phân thuê. Bấy giờ Thế Tôn biết ông là người nên độ, dẫn riêng A-nan tới vào thành muốn giúp ông, đi đến đầu phố thì gặp Ni-đề gánh hai thùng đầy những thứ bất tịnh để đem đi đổ. Từ

xa, ông trông thấy Thế Tôn, trong lòng tủi hổ, quẹo sang đường khác để lánh mặt. Vừa ra khỏi hẻm thì lại gặp Thế Tôn, càng xấu hổ, rẽ sang lối khác, muôn tránh đi, tâm ý hoảng hốt, thùng va vào vách vỡ ra, phân bắn dính đầy người, càng thêm hổ thẹn không dám nhìn Phật. Lúc đó Thế Tôn đi đến chỗ Ni-đề nói với ông:

– Này Ni-đề, ông có muốn xuất gia không?

Ni-đề thưa:

– Đức Như Lai tôn quý là dòng Kim luân vương, các đệ tử theo Ngài cũng là dòng quý tộc, con là kẻ rất hạ tiện xấu ác, đâu có đồng với các vị kia, làm sao mà được xuất gia?

Đức Thế Tôn bảo:

– Giáo pháp của Ta thanh tịnh nhiệm mầu, cũng như nước sạch, có thể rửa sạch tất cả cấu uế, cũng như lửa lớn có thể đốt cháy mọi vật, lớn nhỏ, tốt xấu đều có thể đốt cháy hết. Giáo pháp của Ta cũng như vậy, rộng lớn vô biên, giàu nghèo, sang hèn, trai hay gái đều có thể tu, đều lìa hết các dục.

Lúc đó Ni-đề nghe Phật nói, khởi sinh lòng tin muốn xin xuất gia. Đức Phật sai A-nan dẫn ông ra ngoài thành, bên bờ sông lớn, tắm rửa sạch sẽ rồi dẫn về tinh xá Kỳ hoàn, Đức Phật thuyết pháp cho ông về khổ, việc sinh tử đáng sợ, Niết-bàn mãi an lạc. Ông hốt nhiên giác ngộ, chứng được Sơ quả, chấp tay bạch Phật cầu làm Sa-môn. Đức Phật liền

nói:

– Thiện lai Tỳ-kheo!

Râu tóc ông tự rụng, pháp y mặc lên mình. Đức Phật giảng thêm về pháp Tứ đế, thì ông dứt sạch các lậu thành A-la-hán, chứng đủ Tam minh, Lục thông.

Bấy giờ người trong nước nghe Ni-đề xuất gia, ôm lòng chê trách mà nói thế này:

– Tại sao Đức Thế Tôn cho người hạ tiện này xuất gia học đạo, chúng ta làm sao lễ bái ông ta được? Thiết trai cúng dường thỉnh Phật và chúng Tăng, chứ ông ta đến làm dơ bẩn giường ghế chúng ta.

Họ xôn xao đồn khắp trong thành, dần dần đến tai vua. Vua nghe cũng bức bối, bèn lên long xa cùng các tùy tùng đến tinh xá Kỳ hoàn để hỏi Như Lai về chỗ nghi vấn này. Đến trước cổng, vua dừng nghỉ chân bên ngoài, nhìn thấy trên một tảng đá lớn Tỳ-kheo Ni-đề ngồi trên đậy vá y, có bảy trăm Thiên nhân cầm hương hoa tới cúng dường Ni-đề, kính lễ nhiều bên hữu. Bấy giờ vua thấy rất vui mừng, đến chỗ vị Tỳ-kheo mà nói rằng:

– Ta muốn gặp Đức Phật, xin hãy thông báo.

Ngay lập tức Tỳ-kheo Ni-đề thân rẽ xuyên hòn đá đi vào bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, vua Ba-tư-nặc đang ở bên ngoài muốn vào thăm hỏi Thế Tôn.

Đức Phật bảo Ni-đề:

– Ông dùng đạo lực đi ra nói rằng ta cho vào.

Lúc đó Ni-đề từ trong tảng đá đi ra giống như ra khỏi mặt nước, không có chương ngại, liền thừa với vua:

– Tôi đã thừa Thế Tôn rồi, bệ hạ có thể vào.
Vua Ba-tư-nặc thâm nghĩ:

– Việc ta nghi vấn thôi hãy để đó, trước tiên ta nên hỏi vị Tỳ-kheo này có phước hạnh gì mà được thần lực như vậy.

Đức vua vào bái kiến Phật, cúi đầu dưới chân Phật, nhiễu quanh bên hữu ba vòng, lui về ngồi một bên, bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, bên ngoài có một vị Tỳ-kheo thần lực khôn lường, đi vào tảng đá như xuyên qua nước, ra khỏi tảng đá mà không có dấu nứt, vị ấy tên họ gì, cúi mong Thế Tôn chỉ bày.

Thế Tôn nói:

– Đó là một người hèn hạ nhất trong nước của nhà vua, Ta đã hóa độ chúng A-la-hán. Nay đại vương đến đây muốn hỏi về việc này có phải không?

Vua nghe Phật nói tâm kiêu mạn liền từ bỏ, vui vẻ khôn lường. Nhân đó Đức Phật bảo vua:

– Phàm con người ở đời, tôn ty quý tiện, nghèo giàu khổ vui, đều do hành nghiệp đời trước mà được quả đời này. Nhân từ khiêm thuận, kính lớn

mến nhỏ, thì làm quý nhân, hung ác tàn bạo, kiêu ngạo tự đại thì làm người hạ tiện.

Vua Ba-tư-nặc bạch Thế Tôn:

– Bậc Đại Thánh ra đời cứu tế cho muôn loài, phạm người hạ tiện, cứu khổ độ ban cho an lạc. Ông Ni-đề này vì nhân duyên gì, sinh vào nơi hạ tiện, lại gieo trồng đức gì được gặp Đức Thánh Tôn, được thọ giáo hóa thành bậc Ứng chân? Cúi mong Thế Tôn chỉ bày rõ ràng.

Đức Phật bảo vua:

– Hãy lắng nghe kỹ, Ta sẽ giải nói khiến cho bề hạ được rõ. Ở đời quá khứ thời Đức Phật Ca-diếp xuất hiện thế gian, sau khi Ngài diệt độ, đệ tử có mười vạn Tỳ-kheo Tăng, trong đó có một vị Sa-môn trụ trì, thân mắc bệnh uống thuốc xỏ, ông cậy thế kiêu mạn không chịu đi ra ngoài đại tiện, mà dùng cái bình mạ bằng vàng bạc dùng để đi đại tiểu rồi sai một đệ tử xách đi đổ. Nhưng người đệ tử đó đã chứng quả Tu-đà-hoàn. Do ở đời trước không có tính khiêm nhường, tự cậy có nhiều của cải, giữ việc Tăng chúng, gặp có chút bệnh nhẹ, lười biếng không đi, sai vị Thánh nhân phục dịch, đổ phân uế cho mình, do nhân duyên đó, trôi nổi trong sinh tử thường phải làm kẻ hạ tiện trong năm trăm đời, làm người đồ phân. Mãi cho đến đời này, do công đức xuất gia trì giới, gặp được Thế Tôn, nghe pháp đặc đạo. Nay đại vương, vị Tỳ-kheo trụ trì thuở đó

chính là Tỳ-kheo Ni-đề ngày nay.

Vua Ba-tư-nặc thưa:

– Bạch Thế Tôn, Như Lai ra đời thật là hy hữu, làm lợi ích cho không biết bao nhiêu chúng sinh khổ não.

Đức Phật nói:

– Đại vương! Lành thay! Lành thay! Đúng như đại vương nói, chúng sinh luân chuyển trong ba cõi không có định phẩm. Người tích thiện tu nhân sẽ sinh vào nhà giàu có tôn quý, kẻ tạo ác phóng túng sẽ sinh vào nhà hạ tiện.

Nghe Phật nói, nhà vua rất vui mừng, bỏ hết tâm kiêu mạn, đứng lên quỳ xuống ôm chân Ni-đề mà làm lễ, sám hối từ tạ, nguyện trừ tội lỗi. Bảy giờ Thế Tôn nhân đó rộng nói nghĩa pháp vi diệu về luận bồ thí, luận trì giới, luận sinh Thiên. Kẻ phạm dục là hạnh bất tịnh, đoạn dục là hạnh an lạc. Bảy giờ đại hội nghe Đức Phật nói ai nấy đều được chứng đạo, tín thọ phụng hành.



KINH HIỀN NGU

QUYỂN 7

Phẩm 36: CHUYỆN ĐẠI KIẾP-TÂN-NINH

Tôi nghe như thế này:

Thuở nọ, Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Lúc bấy giờ từ vương quốc của vua Ba-tư-nặc, về phương Nam có một nước tên Kim địa. Vua nước đó tên là Kiếp-tân-ninh có một thái tử tên Đại Kiếp-tân-ninh, người thông minh sáng suốt, sức lực khỏe mạnh. Thái tử nối ngôi thống trị nước đó, có ba vạn sáu ngàn binh lính hùng mạnh, không ai có thể địch lại nổi, uy phong vang xa, không nước nào chẳng phục tùng, nhưng đối với nước ở vùng Trung thổ không có bang giao. Sau này có một thương buôn đến nước Kim địa buôn bán, đem dâng lên vua bốn tám lụa rất tốt, vua nhận rồi hỏi người thương buôn:

– Vật này rất tốt, nó sản xuất từ xứ nào?

Thương buôn đáp:

– Sản xuất ở một nước ở vùng Trung thổ.

Vua lại hỏi:

– Nước ở vùng Trung thổ đó tên là gì?

Người thương buôn nói:

– Tên La-duyệt-kỳ, hay Xá-vệ, dân chúng xứ đó rất đông không thể nói hết.

Vua lại hỏi:

– Các vua xứ Trung thổ tại sao không đến cống hiến ta?

Thương buôn nói:

– Họ cũng là vua một xứ, uy danh cũng chẳng ai bằng, cho nên họ không đến cống hiến.

Nhà vua tự suy nghĩ: “Thế lực của ta hiện nay có thể thống nhiếp tất cả thiên hạ, tại sao các vua không đến dâng cống, ta sẽ ra oai để cho họ hàng phục”. Lại nói thương buôn:

– Các vua xứ Trung thổ, nước nào lớn nhất.

Thương buôn thưa:

– Vua nước Xá-vệ là lớn nhất.

Bấy giờ vua nước Kim địa bèn sai sứ đến nước Xá-vệ, mang theo chiếu chỉ nói với vua Ba-tư-nặc như sau:

– Uy phong của ta khắp cả Diêm-phù-đề. Khanh cậy vào đâu mà tuyệt giao với ta, nay ta sai sứ báo cho khanh biết, nếu khanh đang nằm, nghe chiếu chỉ của ta thì phải ngồi dậy ngay; nếu đang ngồi thì phải đứng dậy ngay; nếu đang ăn thì phải nhả ra ngay, nếu đang tắm thì phải quăn tóc lại

ngay; nếu đang đứng thì phải chạy đến đỡ lấy ngay. Bảy ngày nữa sẽ cùng ta gặp nhau, giả sử không làm được như vậy, ta sẽ dẫn binh sang đánh phá nước nhà ngươi.

Vua Ba-tư-nặc nghe xong rất kinh sợ, liền đến chỗ Phật thưa về việc này. Đức Phật nói với vua:

– Bệ hạ hãy về nói với sứ giả rằng: “Ta không phải là lớn, còn có một vị vua lớn hơn nữa, vua ấy theo Phật giáo. Gần đây có một Thánh vương, ông nên đến đó truyền mệnh lệnh của vua ông.”

Sứ giả liền đi đến tinh xá Kỳ hoàn. Lúc đó Thế Tôn tự biến thành vua Chuyển luân, tùy từng đều đầy đủ. Lại hóa tinh xá Kỳ hoàn ra một thành trì báu, bốn bên có bảy lớp hào lũy, ở giữa có bảy hàng cây báu, dưới hào có hoa sen đủ các màu sắc không thể kể xiết, ánh sáng rực rỡ, trong thành cung điện cũng bằng các thứ báu, vua ngồi trên bảo điện tôn nghiêm đáng sợ. Khi ấy sứ giả đó bước vào hóa thành, trông thấy đại vương, tâm hồn kinh ngạc, tự nghĩ: “Đức vua của ta vô cớ lại chiêu họa?”, nhưng bất đắc dĩ phải đem chiếu thư ra cho đại vương. Vua Chuyển luân do Đức Phật hóa ra nhận thư và giẫm chân lên đó, nói với sứ giả:

– Ta là đại vương thống trị bốn thiên hạ, vua của người ngoan cố, mê mờ, sao dám trái nghịch chống cự, người mau trở về nước nói lại lời ta dạy, ngày mà vua nhà ngươi nhận được tin, phải mau chạy đến bái yết, đang nằm nghe tin phải ngồi dậy,

đang ngồi nghe tin phải đứng dậy ngay, đang đứng nghe lệnh ta phải chạy đến, bảy ngày nữa phải đến không được chậm trễ. Nếu dám trái lại lệnh này thì tội sẽ không tha.

Sứ giả thọ giáo xong, vội vàng trở về nước, trình bày đầy đủ sự thấy nghe của mình cho vua nước Kim địa. Vua nghe nói thế, tự trách lỗi mình, bèn thống lĩnh các tiểu vương, chuẩn bị xe ngựa đến bái yết đại vương, song hãy còn nghi, chưa chịu lên đường, bèn sai sứ giả đi trước tâu với đại vương:

– Tiểu vương nước Kim địa thống lĩnh ba vạn sáu ngàn vua các nước nhỏ đang đi đến đây yết kiến, nên đi đến hết hay là đi một nửa?

Đại vương đáp:

– Để lại một nửa, dẫn đi một nửa.

Bấy giờ vua nước Kim địa dẫn đến một vạn tám ngàn tiểu vương, trông thấy vua Chuyển luân do Đức Phật hóa ra bái yết xong, thầm nghĩ: “Đại vương hình mạo tuy đẹp nhưng lực lượng chưa chắc đã hơn ta”. Bấy giờ vua Chuyển luân ra lệnh quan tướng quân cầm cung đưa cho vua nước Kim địa. Ông không thể giương cung nổi, vua Chuyển luân do Đức Phật hóa ra bèn lấy lại, dùng tay giương cung lại đưa cho vua nước Kim địa bắn thử, nhưng vua nước Kim địa không thể bắn. Vua Chuyển luân lấy lại giương bắn, ba ngàn thế giới

đều chấn động, lại lấy mũi tên giương cung bắn, vừa rời khỏi tay thì hóa thành năm mũi tên, trước các mũi tên đều có vô số ánh sáng, trên đầu tia sáng đều có hoa sen lớn như bánh xe, trên mỗi bông hoa đều có một vua Chuyển luân, ngồi tòa bảy báu, ánh sáng tỏa ra chiếu khắp ba ngàn đại thiên thế giới, tất cả chúng sinh trong năm đường đều được lợi ích. Các cõi trời trông thấy ánh sáng ấy và được nghe thuyết pháp, thân tâm thanh tịnh, có người đắc đạo Đệ nhị, Đệ tam quả, có người phát tâm Vô thượng chánh chân, lại có người trụ Bất thoái địa. Chúng sinh ở cõi người thấy ánh sáng của Phật và nghe tiếng thuyết pháp tâm sinh vui mừng, trong đó có người đắc quả thứ nhất, thứ hai, thứ ba, xuất gia nhập đạo chứng quả A-la-hán, có người phát tâm cầu đạo Vô thượng chánh chân, được Bất thoái địa, không thể tính kể. Trong loài ngạ quỷ trông thấy ánh sáng của Phật và nghe tiếng thuyết pháp đều được no đủ, thân tâm thanh tịnh, không các nhiệt nảo, đều sinh lòng tự cung kính đối với Phật, liền được giải thoát sinh lên trời người. Trong loài súc sinh, thấy ánh sáng Phật, tham dục sân si đều được tiêu trừ, tâm si mù mịt đều được tỉnh ngộ vui mừng tin kính đối với Phật liền được giải thoát sinh trong trời người. Những người trong địa ngục thấy ánh sáng Phật, kẻ rét được ấm áp, người nóng được mát mẻ, nơi đau khổ được ngừng nghỉ, thân tâm vui sướng kính mến đức Phật liền được giải thoát,

sinh trong trời người.

Bấy giờ vua Đại Kiếp-tân-ninh và các vua thuộc nước Kim địa thấy phép thần biến như vậy rồi, trong lòng tin phục xa lìa trần cấu được pháp nhãn tịnh, một vạn tám ngàn vua trong khoảng chốc lát đều như thế cả. Đức Phật thu nhiếp thần lực trở lại nguyên hình, các Tỳ-kheo Tăng vây quanh trước sau. Các vua thuộc nước Kim địa cầu xin xuất gia, Đức Phật nhận lời, râu tóc của họ tự rụng, ca-sa mặc trên mình, tư duy diệu pháp, đắc quả A-la-hán.

Ngài A-nan bạch Phật:

– Vua nước Kim địa đời trước gieo trồng công đức gì mà được sinh vào nhà tôn quý công đức cao vòi vọi, lại gặp được Phật chứng quả vô lậu.

Đức Phật bảo:

– Nay A-nan, chúng sinh do hạnh thế nào thì thọ quả báo thế ấy. Ở đời quá khứ sau khi Phật Ca-diếp nhập Niết-bàn, có một vị trưởng giả xây chùa tháp, lập giảng đường, tăng phòng..., cúng dường tứ sự. Trải qua lâu năm chùa tháp hư mục, giường tòa, y phục, thức ăn cũng dứt sạch, con vị trưởng giả xuất gia làm Tỳ-kheo trở về thấy thế, đi khuyên hóa nhân dân tu sửa chùa tháp, cúng dường tứ sự... Mọi người đồng tâm, cùng nhau cúng dường, nhân đó phát nguyện đời này sinh ra được giàu sang trường thọ, gặp Phật ra đời nghe pháp chứng đạo,

hành báo không sai, họ đều chứng quả cả. Thuở ấy Tỳ-kheo, con của vị trưởng giả nay chính là vua Đại Kiếp-tân-ninh thuộc nước Kim địa, các nhân dân được thọ hóa nay là tám ngàn vua các nước nhỏ.

Đức Phật thuyết pháp như thế xong, chúng hội nghe pháp được chứng đạo quả, phát tâm bất thoái, thọ trì lời dạy, tín thọ phụng hành.



Phẩm 37: CHUYỆN BẢY NGƯỜI CON TRAI CỦA LÊ-KỶ-DI

Tôi nghe như thế này:

Thuở nọ, Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ trong triều vua Ba-tư-nặc có một vị đại thần tên Lê-kỳ-di, nhà rất giàu có, sinh được bảy người con trai, sáu người đã lấy vợ rồi chỉ còn lại cậu út người thứ bảy đang hỏi vợ. Vị đại thần tự nghĩ: “Ta tuổi già yếu, chỉ còn một đứa con trai chưa lập gia đình, phải tìm nơi xứng đáng hơn.” Lúc đó vị đại thần có một người bạn thân dòng Bà-la-môn đến chơi, nhân đó mới bàn luận:

– Nay tôi có một cậu con trai út muốn lấy vợ cho nó mà chưa biết nơi nào, anh từ trước đến nay đi nhiều nước, phiền anh vì tôi tìm kiếm, nếu thấy có người con gái đoan chính hiền trí, tính tình

thuần hậu, thích hợp với ý con tôi, giới thiệu để tôi cầu hôn cho nó.

Khi ấy vị Bà-la-môn nhận lời. Sau này đi đến nước Đạc-xoa-thi-lợi, vị ấy thấy có năm trăm đồng nữ hái hoa nô đùa dùng làm đồ trang sức. Vị Bà-la-môn bèn đi theo để quan sát, họ đi đến một dòng suối nhỏ, các cô đều cởi giày lội qua, chỉ có một cô không cởi giày để vấp đi qua. Đi một lát đến một con sông, các cô gái đều vén quần áo lội qua, riêng có cô gái ấy để cả quần áo lội theo. Đi đến một khu rừng, các cô gái đều trèo cây hái hoa, thì cô gái này không leo lên cây mà đi nơi khác tìm kiếm được hoa rất nhiều. Khi đó vị Bà-la-môn đến hỏi cô gái:

– Tôi có chút nghi muốn được hỏi cô.

Cô gái nói:

– Có nghi gì xin cứ hỏi.

Vị Bà-la-môn nói:

– Trong các cô gái kia khi qua suối đều cởi giày, riêng cô không cởi, là có ý gì?

Cô gái đáp:

– Sao ông si mê thế, sở dĩ người ta mang giày là để giữ đôi chân, đi trên đất, mắt có thể trông thấy gai góc, sành sỏi có thể tránh được, ở dưới nước sâu kín, mắt không trông thấy, nếu như có gai và các trùng độc làm hại chân, do đó tôi không cởi giày.

Vị Bà-la-môn lại hỏi:

– Vì có gì cô mặc cả quần áo lội qua sông?

Cô gái đáp:

– Thân thể con gái, vẻ tướng có xấu có tốt, vén áo lội qua sông sợ người trông thấy, giả sử có dáng đẹp thì còn coi được, sợ e xấu xí, người ta trông thấy chê cười, vì lý do đó tôi không cởi áo lội qua.

Vị Bà-la-môn lại hỏi:

– Vì duyên có gì không chịu leo cây?

Cô gái đáp:

– Nếu leo lên cây lỡ cành bị gãy, nguy hại tánh mạng, do đó tôi không leo cây.

Người con gái này là cháu của vua Ba-tư-nặc, mẹ là Đàm-ma-ha-tiện, trước kia bà phạm tội chạy trốn sang nước này, lấy chồng sinh được một đứa con gái tên Tỳ-xá-ly, tức cô gái này. Khi đó vị Bà-la-môn nghe người con gái nói, biết chắc chắn là bậc Hiền năng, bèn hỏi cô gái:

– Cha mẹ cô còn sống không?

Cô gái đáp:

– Còn.

Cô bèn dẫn đến nhà để gặp mặt. Cô gái thưa cha:

– Bên ngoài có một vị Bà-la-môn muốn gặp cha.

Ông Đàm-ma-ha-tiện bèn đi ra. Chào hỏi xong, vị Bà-la-môn nhìn cô con gái nói:

– Đây là con gái của ông chăng?

Đáp:

– Đúng vậy!

Vị Bà-la-môn hỏi:

– Cô có ai hỏi cưới chưa?

Đáp:

– Chưa!

Vị Bà-la-môn nói:

– Trong nước Xá-vệ có một đại thần tên Lê-kỳ-di, ông có biết không?

Đáp:

– Biết.

Vị Bà-la-môn nói:

– Cậu con trai út của ông Lê-kỳ-di là một người thông minh, muốn cầu hôn con gái ông, có được không?

Đàm-ma-ha-tiện nói:

– Ông ta dòng quý phái, muốn cùng giai ngẫu, đôi bên xứng cả. Vậy hãy định ngày làm lễ cưới.

Khi đó có người bạn về nước Xá-vệ, vị Bà-la-môn viết thư gửi cho Lê-kỳ-di, trình bày mọi việc. Quan đại thần nhận tin xong, sắm sửa sính vật, xe ngựa đi đến nước Đạc-xoa-thi-lợi. Sắp đến, ông bèn sai người đi trước báo. Đàm-ma-ha-tiện tiếp đãi rất trịnh trọng để gả con gái, mọi việc cưới gả xong xuôi, sắp trở về nước Xá-vệ. Khi đó, bà mẹ cô gái đứng trước mọi người dặn dò con gái:

– Từ nay về sau thường nên mặc áo đẹp, ăn uống cho ngon lành, hàng ngày phải soi gương, chớ quên lời mẹ dặn. Cô gái quỳ xuống vâng lời mẹ dạy. Ông Lê-kỳ-di nghe nói thế lấy làm bực, thầm nghĩ: “Nhân sinh nhất thế, khổ vui không có định, áo đẹp, thức ăn ngon làm sao phải ngày nào cũng soi gương, thực là phi lý”. Tuy có ý nghĩ này, nhưng ông không tiện nói ra. Đến giờ chủ khách phải từ biệt nhau, lớn nhỏ lên đường tiến về nước. Giữa đường, gặp một khách xá có bốn mái hiên rất là mát mẻ, những người đi trước đều vào nhà nghỉ mệt, cô dâu đến sau, thưa với cha chồng:

– Nơi đây không thể ngừng nghỉ, phải mau đi ra bên ngoài.

Cha chồng không trái ý con dâu, bèn ra ngoài lộ, số người không chịu đi ra. Lúc đó có một đàn voi đi ngang cọ vào cột nhà làm sập hết đề chết mấy người. Khi ấy ông Lê-kỳ-di thầm nghĩ: “Nay ta thoát chết là nhờ con dâu”, tâm nể phục càng thêm sâu đậm rồi cùng lên ngựa thẳng đường đi về. Đi một đôi đến một con suối lớn, cỏ mọc tốt tươi, nước chảy thật đẹp, mọi người dừng chân nghỉ mệt bên bờ suối. Con dâu đến sau thấy thế nói:

– Đứng đây không nên, phải nhanh lên trên cao nghỉ mệt.

Trong chốc lát, mây đen nổi lên, sấm chớp ầm ầm, mưa như thác đổ, chảy ngập tràn cả bờ khe

suối ấy. Ông Lê-kỳ-di lại thầm nghĩ: “Hôm nay ta thoát chết lần thứ hai do con dâu mà được toàn thân mạng.” Lại tiếp tục đi thẳng về đến nước nhà, họ hàng thân quen, kẻ xa người gần đến chào mừng hỏi thăm. Quan đại thần vui mừng thiết tiệc đãi đằng vui vẻ trọn một ngày. Khách khứa ra về hết rồi, ông Lê-kỳ-di triệu tập gia đình nói:

– Ta nay tuổi đã cao, mọi công việc gia đình muốn giao phó cho các người, ai có thể thay ta quản lý kho lẫm...

Sáu cô dâu đều từ chối không dám nhận, cô dâu thứ bảy nói có thể làm được. Lúc đó đại thần bèn giao các chìa khóa kho cho cô ta. Từ khi nhận lãnh trách nhiệm, cô siêng năng, thức dậy sớm quét dọn nhà cửa, nấu nướng xong xuôi, trước tiên dâng cơm nước cho cha mẹ chồng và các anh chị, kế đến lo cho các nô tỳ, gia bộc, phân công tác cho họ đi làm, sau đó mới đi ăn cơm, hàng ngày cứ như thế. Cha mẹ chồng thấy cô trung kiên cẩn thận, giỏi giang khác với người thường, lấy làm lạ tại sao không thấy cô áp dụng lời mẹ ruột dặn dò, bèn hỏi cô:

– Trước khi về nhà chồng, mẹ con căn dặn phải mặc đẹp, ăn ngon, hàng ngày soi gương, việc ấy như thế nào, con có thể nói cho cha nghe không?

Cô dâu út quỳ thưa:

– Mẹ con dạy bảo mặc áo đẹp nghĩa là phải sạch sẽ để khách đến nhà trông thấy tươi đẹp; dạy

ăn ngon không phải là dùng thứ ngon béo mà phải ăn sau, lúc đói ăn thứ nào cũng đều ngon cả; còn soi gương không phải gương bằng đồng, mà ý nói sáng dậy sớm quét dọn trong ngoài, sửa giường chiếu, bàn ghế ngay thẳng, sạch sẽ. Mẹ con dặn là ý như vậy.

Khi ấy cha mẹ chồng nghe rồi biết là người tài giỏi, khéo léo, biệt đãi hơn trước, các công việc trong nhà vui vẻ thoải mái, không còn lo nghĩ nữa. Một hôm có bầy chim nhận bay vào biển kiếm ăn, sau khi no nê nó trở về ngậm những chùm lúa bay ngang qua cung vua rớt xuống trước điện, người trong hoàng cung thấy đem dâng lên cho vua. Đức vua thấy việc lạ kỳ, ắt trong đó có vị thuốc, ra lệnh đem phân phát cho bá quan đem về trồng. Đại thần Lê-kỳ-di cũng được một ít giống mang về nhà bảo con cái gieo trồng. Con dâu út nhận lấy, sai nô bộc cày đất gieo xuống, thời gian sau mọc tốt tươi, thu được nhiều hạt. Còn các quan kia gieo trồng vì chăm sóc không điều độ nên không mọc được. Lúc đó Vương phu nhân có bệnh, triệu tập các danh y để trị liệu, trong đó có một danh y nói:

– Phải cần có gạo lúa ở ngoài đảo để dùng thì khỏi bệnh.

Khi ấy đức vua tự nghĩ: “Trước đây có thứ giống đưa các quan trồng, nay đem thử coi có hiệu quả không”, liền triệu các quan thần hỏi:

– Trước kia trăm sắc lệnh trồng giống lúa tẻ, nay đã chín chưa? Hôm nay có việc gấp cần làm thuốc trị bệnh”. Các quan đều nói nào là lúa không mọc, hoặc nói bị chuột cắn... Riêng quan đại thần Lê-kỳ-di về nhà hỏi:

– Trước kia gieo giống lúa tẻ có kết quả không? Nay cần nó để trị bệnh cho phu nhân?

Người dâu út thưa:

– Trong nhà rất nhiều, nếu dùng làm thuốc cho cả nước cũng đủ hưởng nữa là một người.

Khi đó ông Lê-kỳ-di liền lấy dâng cho vua, để làm thức ăn cho Vương phu nhân, ăn thứ gạo lúa tẻ ấy xong phu nhân khỏe hẳn. Vua rất vui mừng ban thưởng cho rất nhiều.

Lúc bảy giờ hai nước Đạc-xoa-thi-lợi và Xá-vệ hiềm khích với nhau, thường thường xảy chuyện bất hòa thuận. Vua Đạc-xoa-thi-lợi muốn thử nước Xá-vệ coi có bậc Thánh trí không, bèn sai sứ đem đến nước Xá-vệ tặng hai con ngựa cái, dáng vóc sắc lông mẹ con giống nhau không khác, đồ ai có thể biết được con ngựa nào là mẹ và con ngựa nào là con. Vua và quần thần đều không thể phân biệt được. Khi đó quan Lê-kỳ-di từ cung vua trở về nhà, con dâu út hỏi:

– Có tin tức gì hờ cha?

Cha chồng nói:

– Mọi việc như đã thấy.

Con dâu thưa rằng:

– Việc này rất dễ, đâu có gì phải lo, chỉ cần lấy bó cỏ ngon, đưa trước đầu nó, nếu là ngựa mẹ thì nó đẩy bó cỏ cho con kia, nếu là ngựa con thì nó ăn liền.

Bấy giờ, ông Lê-kỳ-di đến tâu vua mọi việc như con dâu nói, bèn đem cỏ nhử thử, quả như lời cô con dâu nói, hai con ngựa phân biệt rõ ràng, rồi bảo với sứ giả đây là ngựa mẹ và kia là ngựa con. Khi ấy sứ giả nói:

– Nhận xét đúng không sai vậy.

Vua rất vui mừng ban tước lộc gấp bội. Khi đó sứ giả trở về nước trình bày mọi việc, vua Đặc-xoa-thi-lợi bèn sai sứ đem sang hai con rắn dài bằng nhau, khó biết con nào đực, cái. Vua Ba-tư-nặc và các quần thần cũng không ai biết. Đại thần Lê-kỳ-di về hỏi con dâu việc đó như thế nào. Con dâu nói:

– Dùng một tấm lụa trải ở trên mặt đất, bắt hai con rắn để trên tấm lụa ấy, nếu là con cái, nó sẽ nằm im không động đậy, nếu là con đực thì nó quậy quọ không yên. Vì sao biết chắc như thế? Vì giống cái thích sự trơn láng, mềm mại nên không muốn dao động; giống đực tánh cương nên lăn lộn không yên, suy ra mà có thể biết được vậy.

Quan đại thần nghe rồi liền đến tâu vua. Đức vua kêu sứ giả ra chỉ đây là con đực và kia là con cái. Sứ giả nói:

– Xác thật không sai.

Vua rất vui mừng, ban cho nhiều báu vật. Bấy giờ vua nước Đạc-xoa-thi-lợi mang sang khúc gỗ dài một trượng, gốc ngọn bằng nhau, trơn nhẵn không có dấu vết búa rìu chặt mà nói:

– Đố biết khúc gỗ này đầu nào là gốc, đầu nào là ngọn?

Rất khó đoán, vua và các quan không ai có thể biết. Khi đó ông Lê-kỳ-di về hỏi con dâu. Con dâu nói:

– Việc này dễ thôi, lấy khúc gỗ ấy để trong nước, đầu gốc chìm xuống, đầu ngọn nổi lên.

Nghe xong, ông đi đến tâu nhà vua. Vua làm theo lời đem khúc gỗ ra thử, quả thật như vậy, đầu chìm đầu nổi rõ ràng và kêu sứ giả nói:

– Nổi là ngọn, chìm là gốc.

Sứ giả nói:

– Đúng như vậy!

Nhà vua vui mừng, ban thưởng thêm nữa. Sứ giả trở về nước trình bày đầy đủ sự việc, đức vua nghe rồi trong lòng tin phục, sai sứ đem cho nhiều châu báu và nói rằng: “Trong nước đại vương thật sự có lắm hiền tài, từ nay về sau nên tu hiếu nghĩa”.

Vua Ba-tư-nặc rất vui mừng, triệu quan Lê-kỳ-di vào hỏi:

– Các việc giải đáp vừa qua, tại sao khanh biết được?

Quan đại thần Lê-kỳ-di nói:

– Chẳng phải thần biết được, đó là do con dâu của thần có trí tuệ hơn người vậy.

Quốc vương nghe rồi càng thêm vui mừng kính nể, kết nghĩa với con dâu của đại thần Lê-kỳ-di làm Vương muội. Trải qua một thời gian, cô Tỳ-xá-ly mang thai, ngày tháng đã mãn, sinh được ba mươi hai quả trứng trong mỗi một trứng nở ra một đứa con trai, hình thể nhan sắc đoan nghiêm đặc sắc, dần theo năm tháng lớn lên, sức khỏe hùng mạnh vô song, sức một người có thể địch nổi ngàn người, cha mẹ rất yêu quý, trong nước ai ai cũng kính nể. Sau này lấy vợ, đều là các cô gái thuần hậu, con của các hào phú trong nước.

Bấy giờ bà Tỳ-xá-ly lòng tin rộng mở, thỉnh Đức Phật và chúng Tăng đến nhà cúng dường. Đức Phật nhân đó thuyết pháp, cả nhà và quyến thuộc đắc quả Tu-đà-hoàn, duy có cậu con út chưa được đạo quả gì. Cậu cỡi con voi trắng muốn ra ngoài dạo chơi, ngoài cổng có một cái hào rất sâu rộng, ngang hào ấy có một cái cầu lớn, khi ấy tuổi trẻ thích đến trên cầu chơi. Lúc ấy cũng có con của phụ tướng ngồi xe đi đến giữa cầu thì gặp nhau, ai cũng cậy thế dòng họ quý tộc giàu có, không chịu tránh sang nhường lối. Cậu con út của bà Tỳ-xá-ly liền nổi giận, trên lưng voi nhảy xuống nắm con quan phụ tướng và cả chiếc xe xô rớt xuống hào, thân thể bị thương tích đau đớn vô cùng, khóc lóc

mà đi về, thưa với cha:

– Con của bà Tỳ-xá-ly ngang tàng hủy nhục làm tổn thương thân thể con đau đớn như thế này.

Người cha nghe xong, rất buồn rầu, thương con mà nói:

– Họ sức lực mạnh, lại là quốc thân, khó mà tranh thắng, nên suy nghĩ mật kế để báo thù này.

Ông liền dùng bảy báu làm thành ba mươi hai chiếc roi ngựa, trong giữa roi để con dao nhọn đem tặng cho ba mươi hai người, mỗi người một cây, mà nói rằng:

– Các cậu tuổi trẻ, tính tình hay vui đùa nên sử dụng roi này, may ra họ nhận lấy, sẽ bắt tại tay. Thật sự các con bà Tỳ-xá-ly được roi rất vui mừng, bèn nhận lấy cả. Theo quốc pháp thời bấy giờ khi gặp vua không được mang đao theo mình, lúc đó quan phụ tướng thấy họ đã nhận lấy mà thường cầm sử dụng, bèn sàm tấu với đức vua rằng:

– Ba mươi hai người con trai của bà Tỳ-xá-ly, tuổi trẻ khỏe mạnh, một địch ngàn người, lại mưu kế định hại nhà vua. Đức vua tuy nghe nhưng vì tình thân nên vẫn chưa tin, ông lại tâu thêm rằng:

– Việc này không dối, hiện có chứng cứ, mỗi người họ có mang đao nhọn để trong roi ngựa, do đó suy đoán ra mà biết rõ ràng.

Nhà vua liền sai lính lấy roi xem, quả như lời nói, ý vua tin, bèn chọn một số lực sĩ phục trong

nội cung, nhất tề hô lên giết sạch, lấy ba mươi hai cái đầu để trong một cái hòm, buộc dây niêm phong lại tặng cho vương muội. Hôm đó là ngày Tỳ-xá-ly thỉnh Đức Phật và chúng Tăng đến nhà cúng dường, thấy vua tặng một cái hòm gọi là đem đến cúng dường, gọi người khuân giúp, muốn mở ra xem, Đức Thế Tôn bảo:

– Hãy để đấy đừng mở ra, đợi khi dùng cơm xong hãy mở nắp.

Sau khi thọ trai xong, Đức Phật bảo mọi người ngồi, Đức Phật vì duyên sự đó mà thuyết pháp:

– Thân này là vô thường, khổ, không, vô ngã, cuộc sống nhiều lo sợ, không được an ổn lâu dài, các thứ khổ não trôi buộc, cay đắng khó lường, ân ái biệt ly đau buồn lẫn lộn, làm cho thân tâm mệt nhọc không được ích gì, chỉ có người trí có thể hiểu biết việc thiết yếu này.

Bấy giờ bà Tỳ-xá-ly bỗng tỉnh ngộ, đắc quả A-na-hàm, vui mừng chấp tay bạch Thế Tôn:

– Cúi mong thương xót, chứng minh cho con xin bốn điều nguyện:

1. Con xin được cúng dường chăm sóc thuốc thang, ăn uống cho các Tỳ-kheo có bệnh.

2. Xin được cúng dường cho các thầy Tỳ-kheo nuôi bệnh.

3. Các vị Tỳ-kheo ở xa đến con xin cúng dường lương thực.

4. Các Tỳ-kheo đi xa con xin cúng dường lương thực.

Tại vì sao? Các vị Tỳ-kheo bệnh, do không có thuốc thang, thức ăn phù hợp thì bệnh khó hết, hoặc có thể dẫn đến mất mạng. Các Tỳ-kheo chăm sóc bệnh nhân vì không đi khát thực được, nguyên do người bệnh cần trợ giúp sớm tối không cố định giờ giấc nên dễ sinh tâm buồn bực, thì bệnh này khó giảm bớt cho nên phải cúng thí cho vị ấy. Hoặc các vị Tỳ-kheo từ phương xa khác đến, vì xứ lạ chưa có người quen như đi khát thực hoặc gặp chó dữ hoặc gặp người xấu làm tổn hại hủy nhục... Vì thế nên con muốn cúng dường trước. Còn vị Tỳ-kheo đi xa phải cần bạn bè, do không lương thực, hoặc đi không kịp, giữa đường gặp nguy hiểm, một mình gặp nhiều thú dữ, còn trùng độc hại hoặc gặp tai nạn cho nên con muốn được cúng dường các vị ấy.

Khi đó, Đức Thế Tôn nghe bà Tỳ-xá-ly xin bốn điều nguyện này, khen rằng:

— Lành thay! Lành thay! Như nguyện của bà công đức rất lớn, giống như cúng dường Phật không khác. Nói xong, Đức Phật cùng chư Tăng trở về Kỳ hoàn. Sau khi Thế Tôn đi rồi, bà sai người mở nắp hòm ra xem, thấy ba mươi hai cái đầu nằm ở trong đó. Vì tâm ái đã dứt, không sinh lòng lo buồn, chỉ nói:

– Đau khổ thay! Thương xót thay! Người sống ắt phải chết, không được lâu dài, trôi lăn trong năm đường đến nỗi thế này!

Bấy giờ thân tộc của ba mươi hai nhà vợ nghe về sự lý như vậy, rất đau buồn phần nộ, đồng nói:

– Đại vương vô đạo, sát hại người hiền lành oan uổng.

Họ cùng hợp binh muốn đi báo thù, quân lính tụ tập vây quanh cung vua. Bấy giờ, nhà vua lo sợ, chạy đến chỗ Phật, họ nghe tin vua chạy trốn bèn dẫn binh đến vây quanh tinh xá Kỳ hoàn.

Khi đó ngài A-nan nghe vua Ba-tư-nặc giết ba mươi hai đứa con của Tỳ-xá-ly, bà con nhà vợ muốn báo thù, bèn chấp tay bạch Thế Tôn:

– Nhân duyên gì mà ba mươi hai đứa con của bà Tỳ-xá-ly bị vua giết.

Đức Thế Tôn bảo:

– Ba mươi hai người con của Tỳ-xá-ly không chỉ đời này bị vua giết chết cùng một lúc. Ông hãy lắng nghe, Ta sẽ vì ông nói về việc đó.

A-nan thưa:

– Dạ vâng!

Đức Phật bảo A-nan:

– Vào thời quá khứ lâu xa, ba mươi hai người này cùng là bạn thân với nhau, một hôm bàn bạc cùng nhau đi trộm trâu của người khác. Khi ấy trong nước đó có một bà già không có con, sống

khốn khổ cô đơn một mình. Những người ăn trộm trâu dẫn đến nhà bà cùng nhau giết trâu. Bà già vui vẻ cho mượn nồi niêu, củi nước để đun nấu, đến lúc hạ đao, con trâu quỳ xuống xin tha mạng, họ không nghe đều muốn giết nó, con trâu bèn kết thề: “Hôm nay các người giết ta, đời sau, ta sẽ không tha cho các người đâu, cho đến các người có tu đắc đạo, ta cũng không tha nữa.” Sau khi con trâu thệ nguyện xong, họ giết trâu, cùng nhau nấu nướng ăn uống no nê. Bà già nhân đó cũng được ăn một bữa no đủ, vui vẻ nói rằng: “Nhờ các anh mà hôm nay ăn đã một bữa.”

Đức Phật bảo A-nan:

– Con trâu thuở đó nay đầu thai làm vua Ba-tư-nặc, mấy người trộm trâu nay là ba mươi hai người con của bà Tỳ-xá-ly. Còn bà già đó chính là Tỳ-xá-ly. Từ đó quả báo mãi đến năm trăm đời, thường bị giết, cho đến hôm nay, bà già đó vì vui mừng theo, thường phải làm mẹ để chịu đau lòng, sầu não. Đời này gặp được Ta, mới được chứng đạo.

Ngài A-nan chấp tay lại bạch Phật:

– Họ tu phước gì mà được sinh ra mạnh khỏe và vào nhà giàu có?

Đức Phật bảo:

– Nay A-nan, ở đời quá khứ, thời Phật Ca-diếp, có một bà lão kính tin Tam bảo, nhà bà giàu có, một hôm lấy các thứ hương với dầu để sơn tháp, đi

giữa đường thì gặp ba mươi hai người. Bà khuyên họ rằng: “Tôi muốn dùng dầu tô lên tháp, các anh giúp tôi đi sau này đời đời sinh ra được phúc đức khỏe mạnh, thân hình đoan chánh”. Lúc đó, ba mươi hai người vui vẻ cùng đi, tô tháp xong xuôi, họ tự nghĩ: “Do bà lão này khiến chúng ta gieo trồng được phước nghiệp, nguyện khi sinh ra nơi được giàu sang, bà ấy làm mẹ, còn chúng ta làm con, thường được như vậy không lìa nhau gặp Phật nghe pháp, tu mau đắc đạo. Bà lão vui mừng nói: “Có thể các cậu sẽ được như nguyện.” Từ đó đến nay đã được năm trăm đời, thường sinh vào nhà tôn quý. Bà lão thuở đó chính là Tỳ-xá-ly, ba mươi hai chàng trai là ba mươi hai đứa con bà ngày nay.

Khi bà Tỳ-xá-ly nghe Phật thuyết pháp, tâm sân của bà liền ngừng dứt, tự nghĩ: “Hình phạt của vua chẳng phải tạo nghiệp ác, mà đó là do các con tự gieo lầy, nên nay phải thọ báo. Do giết một con trâu mà còn chịu quả báo như vậy. Vua Ba-tư-nặc là thí chủ của ta làm sao mà ôm lòng ác muốn giết hại trừ bỏ họ được?” Thân thuộc nhà vợ dập đầu trước đức vua cầu xin tha lỗi, vua cũng vui mừng không hỏi tội họ. Khi đó, Đức Thế Tôn vì bốn chúng rộng thuyết các pháp: “Nghiệp thiện nên tu, nghiệp ác phải lìa”, giảng rõ pháp Tứ diệu đế, chúng hội nghe xong, đều được chứng đạo, vâng lời Đức Phật hoan hỷ phụng hành.



Phẩm 38: CHUYỆN THIẾT-ĐẦU-LA-KIỆN-NINH

Tôi nghe như thế này:

Thuở nọ, Đức Phật ở nước La-duyet-kỳ, trong vườn Trúc. Khi đó A-nan từ chỗ ngồi đứng dậy, chỉnh lại y phục chấp tay quỳ bạch Phật:

– Nhóm ông Kiều-trần-như năm người, đời trước có phước gì, dựa vào nhân duyên gì mà được Như Lai ra đời, giống trồng pháp đầu tiên, các ông ấy được nghe trước, cam lộ pháp vị được thưởng thức trước. Cúi mong Thế Tôn thương xót, giải nói cho chúng con được rõ.

Lúc đó Đức Thế Tôn bảo A-nan:

– Năm người này ở đời trước có ăn thịt Ta mà được an ổn, cho nên ngày nay được nghe pháp thực trước và được giải thoát trước.

– Ngài A-nan lại hỏi Đức Thế Tôn:

– Đời trước họ ăn thịt nhân duyên ấy thế nào, mong Thế Tôn giảng đầy đủ chi tiết cho chúng con được rõ.

Đức Phật nói:

– Vào đời quá khứ lâu xa, vô lượng vô số kiếp a-tăng-kỳ, ở cõi Diêm-phù-đề này, có một đại quốc vương tên Thiết-đầu-la-kiện-ninh, thống lãnh Diêm-phù-đề, có tám vạn bốn ngàn nước nhỏ, sáu vạn núi sông, tám mươi ức tụ lạc, hai vạn phu nhân,

thê nữ. Nhà vua rất có lòng từ bi thương yêu tất cả nhân dân, không ai chẳng được nhờ ân. Khi đó trong nước có Hỏa tinh xuất hiện, các nhà chiêm tinh thấy tâu vua:

– Điềm Hỏa tinh xuất hiện sẽ hạn hán không mưa mười hai năm, nay có điềm biến này phải nên làm thế nào?

– Vua nghe nói thế rất là lo buồn. Nếu có điềm tai biến này thì mạng dân chúng làm sao tránh khỏi, liền họp quần thần cùng nhau bàn bạc. Các quan đại thần nói:

– Nên hạ lệnh các nước tính dân khẩu hiện nay và coi số lúa thóc cân lường trong mười hai năm, mỗi người ăn hết bao nhiêu.

Vua nghe theo lời bàn, liền ra lệnh thi hành cấp tốc. Tính toán xong xuôi tất cả nhân dân, mỗi người được thăng gạo còn không đủ. Từ đó về sau, nhân dân chết đói rất nhiều. Đức vua tự nghĩ: “Nên tính cách nào để cứu sống nhân dân”. Nhân lúc phu nhân và thê nữ đi ra dạo xem ngoài vườn nghỉ ngơi, vua chờ mọi người ngủ nghỉ cả, liền ngồi dậy hướng về bốn phương làm lễ và lập thệ rằng: “Hôm nay nước này đói thiếu chết quá nhiều, tôi nguyện xả bỏ thân này làm con cá lớn để cung cấp thịt đủ cho tất cả nhân dân”. Vua liền leo lên cây đâm đầu xuống đất tự sát. Sau khi mạng chung hóa thành con cá ở trong sông lớn, thân cá dài to năm trăm

do-tuần. Bấy giờ trong nước có năm người thợ mộc, vác búa rìu đi đến bờ sông, định đốn gỗ thì trông thấy con cá to. Con cá ấy nói ra tiếng người:

– Nếu các ông đói, muốn ăn thịt hãy lấy thịt tôi mà ăn, ăn no có thể đem về. Nay các ông ăn thịt tôi mà được no, sau này tôi được thành Phật sẽ đem pháp thực độ thoát các ông, hãy về thông báo mọi người lớn nhỏ trong nước có cần thịt hãy đến đây lấy.

Năm người vui mừng dùng rìu bở lấy thịt, nướng ăn no nê rồi còn mang về nhà và đem việc này nói với mọi người trong nước. Lúc đó nhân dân truyền miệng với nhau, khắp cả Diêm-phù-đề đều tụ tập tới ăn thịt con cá. Vừa lấy hết một bên hông, cá liền xoay mình để lấy thịt hông bên kia cũng đều lấy hết, nó lại xoay trở lại thịt lành như cũ, cứ như thế cung cấp cho tất cả nhân dân trải qua mười hai năm. Nhân dân ấy ăn thịt con cá đều sinh lòng Từ, sau khi mạng chung được sinh lên trời.

Này A-nan, ông nên biết vua Thiết-đầu-la-kiện-ninh thuở đó chính là thân Ta. Năm người thợ mộc trước kia ăn thịt Ta, nay chính là năm anh em Kiều-trần-như vậy. Các người dân ăn thịt Ta nay là tám vạn chư Thiên và các đệ tử được Ta độ thoát. Trước kia Ta đem thân thịt cung cấp cho năm người khiến cứu sống họ nên nay ngày đầu tiên ta thuyết pháp độ năm người họ trước nhất. Lấy ít thịt

pháp thân Ta trừ khổ đối ba độ của họ.

Ngài A-nan và cả chúng hội nghe Đức Phật nói vừa đau thương, vừa vui mừng, đánh lễ phụng hành.



KINH HIỀN NGU

QUYỂN 8

Phẩm 39: NHÂN DUYÊN CÁI SỰ

Tôi nghe như thế này:

Thuở nọ, Đức Phật ở nước La-duyệt-kỳ tại tinh xá Trúc lâm. Ngài A-nan ngồi trong vườn trúc, tâm tư suy nghĩ: “Nhu Lai ra đời rất là đặc biệt nay các đệ tử nhờ ân của Phật mà được bốn việc cúng dường không bị thiếu thốn, đều được an ổn, lại dứt trừ khổ, tất cả thế gian. Vua quan, dân chúng cũng được lợi ích lớn, được gặp Tam bảo, nhân dân an lạc đều nhờ do uy lực của Thế Tôn mà được”. Nghĩ như thế rồi, ngài A-nan từ chỗ ngồi đứng dậy đi đến chỗ Phật. Khi đó Đức Thế Tôn vì bốn bộ chúng rộng thuyết Diệu pháp. Tôn giả A-nan đến trước chỉnh lại y phục, bày vai bên phải, gối phải chầm đất, chấp tay quỳ bạch về ý nghĩ của mình khi ngồi trong rừng. Đức Phật bảo:

— Nay A-nan, như lời ông nói, Như Lai ra đời thật là hy hữu, khiến cho tất cả chúng sinh đều được lợi ích. Lại nữa, này A-nan, Đức Như Lai Chánh Giác chẳng những ngày nay làm lợi ích

chúng sinh, mà ở đời quá khứ, cũng làm lợi ích như vậy.

Ngài A-nan bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, trong đời quá khứ Thế Tôn làm lợi ích chúng sinh như thế nào, xin nói cho chúng con được biết?

Đức Phật bảo:

– Nay A-nan, quá khứ lâu xa kiếp a-tăng-kỳ, ở cõi Diêm-phù-đề này có bốn con sông và hai ông vua nước lớn. Một ông tên Bà-la-đề-bà (*Tân dịch Phạm Thiên*) chiếm cứ riêng ba con sông, nhân dân giàu thịnh, nhưng trái lại quân sự kém cỏi. Một ông vua tên là Phạt-xà-kiến-đề (*Tân dịch Kim Cang Tụ*) chỉ có một con sông, nhân dân cũng ít nhưng về quân sự rất hùng mạnh. Khi đó vua Kim Cang Tụ đang ngồi trên bảo điện một mình suy nghĩ: “Như ta hiện nay, binh lính hùng mạnh mà được có một con sông ít nước, còn nước kia quân lực kém mà chiếm giữ ba con sông, nay nên sai sứ sang đòi một con sông. Nếu cho ta thì cùng thân hậu, trong nước có vật gì tốt, sẽ đem tặng biếu nhau, nếu có gặp khó khăn, ta sẽ đem quân sang cứu giúp; nếu không nhường cho một con sông thì ta sẽ dùng binh lực sang chiếm đoạt.” Nghĩ như thế rồi, vua triệu tập các đại thần cùng bàn bạc việc này. Các quan cùng bàn nói:

– Nay chính đúng lúc. Vua liền sai dịch sứ đến

nước vua Phạm Thiên, trình bày rõ ý của vua mình, cho vua Phạm Thiên nghe. Vua Phạm Thiên nghe xong lại tự suy nghĩ: “Nước ta giàu có, nhân dân đông đúc, lại nữa đất nước này do phụ vương để lại cho ta, nếu họ dùng binh lực tranh giành, ta cũng không nhường nhịn họ.” Nghĩ thế rồi, vua báo cho sứ giả:

– Nước này không phải tự ta mà có, mà là của vua cha truyền lại cho ta. Như nay ta binh lực cũng không kém gì vua người, nếu vua nhà người muốn quyết tranh thì ta cũng không sợ gì.

Sứ giả liền trở về nước, trình bày mọi việc cho vua nghe. Vua Kim Cang Tự họp quân tấn công nước của vua Phạm Thiên cùng chiến đấu một trận. Vua Phạm Thiên bại trận, quân lính chạy tán loạn. Thừa thế, quân vua Kim Cang Tự đuổi theo, chạy đến kinh thành, nhân dân sợ hãi, không dám ra ngoài. Các quan đều cùng nhau đến tâu vua Phạm Thiên:

– Tâu đại vương, nước họ binh lính hùng mạnh, nước ta quân yếu. Bệ hạ tiếc một con sông mà nay phải chịu bại trận thế này. Nếu để tình trạng như thế này không lâu sợ e sẽ mất nước. Cúi mong bệ hạ mở lòng cho họ một con sông để tình cảm được thân thiết đậm đà, mà dân chúng được an ổn.

Vua nghe theo ý của quần thần, liền sai sứ đến trong quân lính nước kia thưa với vua Kim Cang

Tụ:

– Vua nước chúng tôi nay trả lại con sông và còn dâng cho vua một người con gái. Từ nay nước tôi có vật gì đặc biệt, quý báu sẽ đem công hiến thêm, gặp lúc nguy nan, sẽ cùng đến tiếp giúp.

Khi ấy, vua Kim Cang Tụ đồng ý rút quân dẫn người con gái về và cưới làm vợ, mọi thứ đều hòa giải. Trải qua một thời gian, vua ăn ở với phu nhân có thai, sau khi mang thai, thường có một cái dù lớn bằng bảy báu tự nhiên hiện ra che trên người, lúc đi đứng hay nằm ngồi chiếc dù ấy cũng đều có như thế, mãi cho đến mười tháng, sinh được một đứa con trai, thân màu sắc vàng tía, trên đầu tóc xanh mượt, có ánh sáng lóng lánh nơi thân thể. Đứa nhỏ từ khi sinh ra thì cái dù ấy lại hiện che trên đầu của nó. Mời các thầy tướng đến xem tướng cậu bé. Thầy tướng vào xem đưa tay lên khen rằng:

– Lành thay! Lành thay!

Họ khác miệng đồng lời tâu vua:

– Nay nhìn thấy thái tử đức lực không thể bì, nhân tướng đầy đủ, ở thế gian rất ít có.

Vua và quần thần vui mừng không gì cho bằng, rồi bảo thầy tướng đặt tên cho cậu bé. Theo quốc pháp thời bấy giờ nương theo hai việc mà đặt tên, một là thụy ứng, hai là tinh tú. Thầy tướng tâu đức vua:

– Thái tử đây từ khi nhập thai đến nay có những

điền lành gì?

Vua đáp:

– Có cái tán bằng bảy báu thường ở trên đầu, bèn đặt tên là Sát-la-già-lợi (*Tân dịch Cái Sự*) do có các thứ đẹp lạ lúc nào cũng thừa phụng. Thái tử đến tuổi trưởng thành thì vua cha qua đời. Lễ an táng cho vua xong thì các tiểu vương, đại thần lập Cái Sự lên làm đại vương. Chấp chính được vài năm, một hôm vua đi ra ngoài thành xem thấy các nông dân cày cấy cực khổ, mới hỏi tả hữu:

– Nhân dân nước ta tại sao làm thứ công việc này cực nhọc thế?

Đại thần đáp:

– Tâu bệ hạ, nước lấy dân làm gốc, dân lấy thóc làm mạng sống, nếu không làm ruộng như thế thì mạng sống khó bảo tồn, mạng của dân không tồn tại thì đất nước phải nguy vong.

Đức vua nói:

– Nếu phúc đức của ta được làm vua thì khiến dân chúng ta tự nhiên được lúa thóc, không phải làm những việc này.

Vua nói lời ấy rồi, tất cả nhân dân, kho lẫm đầy thóc, tùy theo ý muốn mà có được. Lại trải qua một thời gian, vua đi ra ngoài thành dạo chơi, thấy dân chúng đốn củi, gánh nước, giã gạo... làm mọi công tác khó nhọc, vua hỏi các quan:

– Dân chúng làm gì mà cực khổ như thế.

Các quan tâu:

– Nhờ ân đức bệ hạ, tự nhiên được lúa thóc nhưng muốn đem ra ăn cũng cần phải nấu chín, cho nên dân chúng mới làm những việc như vậy!

Vua lại hỏi:

– Nếu phước đức của ta đáng được làm vua thì xin khiến cho tất cả dân chúng trong nước khi muốn ăn thì tự nhiên thức ăn hiện ra trước mặt.

Vua nói lời ấy xong, thì mọi nơi đều được tự nhiên hiện ra như thế. Lại trải qua thời gian sau, vua đi ra ngoài thành dạo chơi, thấy dân chúng làm các việc kéo bông, se tơ, dệt vải, may áo... Vua hỏi các quan:

– Những người này làm việc gì mà trông thấy cực nhọc thế?

Các quan tâu:

– Nhờ ân đức đại vương, họ tự nhiên được có ăn, còn đây là họ dệt vải để may y phục mặc.

Vua lại nói:

– Nếu phúc đức của ta đáng được làm vua, khiến trong nước ta tất cả cây cối tự nhiên sinh ra các thứ y phục.

Vừa phát lời ấy xong, tất cả các cây cối trong nước đều sinh ra các thứ y phục rất là mịn nhuyễn, xanh, vàng, đỏ, trắng tùy theo ý thích mọi người. Lại trải qua một thời gian nữa, đức vua lại ra ngoài dạo chơi, nhà vua trông thấy người dân tranh nhau

làm các thứ nhạc khí. Vua lại hỏi các quan:

– Nhân dân nước ta làm gì mà nhọc nhằn đến như thế?

Các quan tâu:

– Tâu bệ hạ, những người này nhờ ân đức bệ hạ, được ăn mặc tự nhiên đầy đủ, an ổn cả, họ hiện đang làm các thứ nhạc khí dùng để ca múa cho vui.

Vua nói:

– Nếu phúc đức của ta đáng được làm vua thì khiến cho trên các cây cối trong nước ta đều có các thứ nhạc khí, trống đàn sắt, đàn tỳ bà, không hầu, mọi thứ cần đều được như ý.

Vua nói xong thì trên tất cả các cây cối đều mọc ra các thứ nhạc khí. Lại trải qua thời gian nữa, các quan triều, dân chúng đều đến bái tạ vua, gặp lúc vua ăn cơm, vua liền mời lại dùng cơm. Bấy giờ các quan được vua lưu lại dùng cơm, đầy đủ trăm thứ hương vị, họ đều cùng nhau nói:

– Thức ăn ở nhà của chúng thần, mùi vị lạt lẽo và ít món, nay được bệ hạ cho ăn món ăn của vua, hương vị phi phàm.

Đức vua nói:

– Các khanh và dân chúng nếu muốn được món ăn như trăm thường dùng hôm nay thì cứ đến bữa ăn sẽ được các thức ăn như ý muốn.

Vua liền ra lệnh các quan tổ chức:

– Khi đến giờ ăn của trăm thì đánh trống kêu

to, khiến cho tất cả dân chúng đều nghe biết, dùng giờ ăn của trăm khiến dân chúng đều hưởng được trăm vị ngon như ý muốn.

Từ đây về sau, đến giờ ăn tiếng trống vang lên, tất cả nhân dân nhờ tiếng trống nghĩ đến món ăn, trăm vị ngon ngọt tự nhiên hiện ở trước mặt, họ vui mừng không thể nói sao cho xiết. Bấy giờ, vua Phạm Thiên sai sứ giả đến nước của vua Cái Sự nói:

– Khi vua cha nhà vua còn tại thế, ta có cho cha người một con sông, nay cha người đã qua đời, nên giao trả lại con sông ấy cho ta.

Khi đó vua Cái Sự nói với vị sứ giả nước đó:

– Nay đất nước của ta cho đến con sông cũng không phải ta dùng sức mạnh cưỡng bức vua người mà được. Nhưng ta làm vua, không muốn nhìn thấy dân chúng khổ nhọc vì việc nhỏ này, hãy nên hoãn lại, sau này ta và vua của người gặp nhau để nói chuyện việc thiết yếu của đất nước.

Sứ giả trở về nước, trình lại mọi việc cho nhà vua. Vua Phạm Thiên đồng ý, định ngày đề gặp. Ngày hẹn đã mãn, hai vua đều đến, quân lính vây quanh đông vô số kể, bố trí đại dinh ở bên bờ sông, hai vua lên thuyền ra giữa sông để gặp nhau. Khi đó vua Phạm Thiên vừa thấy vua Cái Sự, sắc thân chói sáng sắc vàng như núi Tử kim, đầu tóc mượt như lưu ly, mắt to dài trong nhân gian ít có được,

trong lòng sinh kính trọng thầm nghĩ: “Chắc là trời Đại phạm!” Gặp nhau ngồi đối diện thăm hỏi, bàn luận về đời sống của hai nước, vua Cái Sự nói:

– Nhân dân nước tôi muốn gì thì tự nhiên có, cũng không có chuyên chở cực nhọc. Lời nói chưa dứt, thì giờ ăn đã đến, quân lính của vua Cái Sự đánh trống báo hiệu ăn uống. Khi đó vua Phạm Thiên rất hoảng sợ cho là họ muốn bắt mình để giết, không yên, tay chân run rẩy, ngã xuống phía trước. Vua Cái Sự đỡ dậy ngồi lại chỗ cũ và nói:

– Đại vương, vì sao mà sợ hãi như thế? Đó là quân lính tôi báo hiệu đến giờ ăn, thường đánh trống vang thế đấy! Sở dĩ làm như thế là vì đến giờ ăn của tôi, dân chúng họ đều được có trăm vị thức ăn ngon lạ.

Khi đó vua Phạm Thiên đứng dậy chấp tay thưa vua Cái Sự:

– Cúi mong đại vương rộng lòng che chở cho tôi và dân chúng nước tôi đều nhờ ân tuệ này, chúng tôi đều nguyện xin hàng phục.

Từ đó vua Cái Sự cai trị tất cả nhân dân các nước ở châu Diêm-phù-đề đều được an lạc. Sau ngày đăng quang ngôi vị vua ngồi trên bảo điện, quần liêu bá quan đứng hầu suốt ngày đêm. Sáng sớm khi mặt trời mọc có Kim luân bảo, từ phương Đông đến, từ xa vua trông thấy liền từ tòa bước xuống, gồi phải chাম đất, hướng về xe ấy vỗ tay

thì xe dừng lại, ngàn tia sáng chói lọi chiếu ra. Vua nói:

– Nếu ta đáng làm vua Chuyển luân thì xin chiếc xe này dừng lại.

Nó bèn ngừng lại trên hư không, ngay trước mặt nhà vua cách mặt đất khoảng bảy cây đa la. Rồi voi báu, thần châu, ngọc nữ, điện binh, điện tàng báu, lần lượt kéo đến. Lúc đó vua Cái SỰ đầy đủ bảy báu, cai trị bốn châu thiên hạ, tất cả chúng sinh nhờ ân đức vua mà mọi việc như ý muốn. Nhà vua ra lệnh dạy tu hành mười điều lành, để sau khi lâm chung đều được sinh lên cõi trời.

Nói đến đây, Đức Phật nhắc lại:

– Nay A-nan, vua Sát-la-giá-lợi (*Cái SỰ*) thuở đó há chẳng phải người nào khác, chính là tiền kiếp của Ta. Phụ vương Phạt-xà-đạt-đề (*Kim Cang Tử*) nay là vua Tịnh Phạn, cha Ta. Người sinh ra vua Cái SỰ nay là Ma-ha Ma-da, mẹ Ta. Nhân đời trước, Ta thương xót chúng sinh, thường lấy tài pháp để dẫn dắt họ. Vì nhân duyên ấy đến nay thành Phật, riêng được tôn quý trong ba cõi, không ai sánh kịp. Cũng vì thế, tất cả chúng sinh đều phải nên tu tập lòng từ bi rộng lớn, lợi ích vô biên.

Bấy giờ, ngài A-nan bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, trong đời quá khứ, vua Chuyển luân Sát-la-giá-lợi do nhân duyên gì mà được công đức vô lượng như thế? Và khi mới nhập

thai đã được cái tán bảy báu che theo?

Đức Phật bảo:

— Nay A-nan, ở đời quá khứ lâu xa tính số kiếp a-tăng-kỳ có đến vô lượng, ở cõi Diêm-phù-đề này, tại nước Ba-la-nại, trong quả núi Tiên nhân có một vị Bích-chi-phật thường trụ ở trong đấy. Vị Bích-chi này thân có bệnh tứ đại không điều hòa, đi hỏi thầy thuốc. Thầy thuốc nói: “Ngài có bệnh phong, nên cần dùng sữa bò.” Khi đó, ở trong nước có một người lái buôn tên A-lợi-da-mật-la (*Tân dịch là Thánh Hữu*). Khi đó vị Bích-chi-phật đến nói với ông ta trình bày chứng bệnh của mình và xin sữa bò nhà ông. Ông lái buôn Thánh Hữu vui mừng và xin được cúng dường sữa bò hàng ngày. Trải qua thời gian ba tháng, thân thể khỏi bệnh, cảm ơn ý tốt của thí chủ, muốn khiến cho thí chủ được lợi ích lớn, vị Bích-chi-phật bèn bay lên hư không, đi đứng nằm ngồi, thân phóng ra nước, lửa hoặc hiện ra thân to lớn, đầy kín cả hư không, rồi lại hiện thân thu nhỏ lại như sợi lông mùa thu hiện ra các thứ như vậy mười tám lần. Lúc đó Thánh Hữu rất vui mừng. Rồi vị Bích-chi-phật từ trên hư không hạ xuống thọ sự cúng dường lại như bình thường, trải qua một thời gian dài cho đến khi nhập Niết-bàn. Người lái buôn Thánh Hữu đau buồn thương tiếc vô cùng, làm lễ hỏa thiêu, thu lấy xá-lợi đựng đầy bình báu để xây tháp, dùng hương hoa kỹ nhạc các thứ vật lạ cúng dường và làm một cái tán lớn để

che trên tháp và suốt đời thờ phụng cúng dường tháp này.

Nói đến đây, Đức Phật nhắc lại:

– Do ông cúng dường tứ sự cho vị Bích-chi-phật mà đời này được phước báu trong vô lượng kiếp, khi sinh lên trời hoặc sinh ở nhân gian đều được tôn vinh sung sướng, ở thế gian ít ai sánh bằng. Nay A-nan, ông nên biết, tất cả chúng sinh, tại gia hay xuất gia đều nên tu phúc thì đời đời sinh ra đều được lợi ích như trên.

Khi đó, A-nan tôi và cả chúng hội nghe Đức Phật nói như thế thấy đều vui mừng tin tưởng và vâng làm.



Phẩm 40: ĐẠI THÍ TÁT BIẾN

Tôi nghe như thế này:

Thuở nọ, Đức Phật ở nước La-duyệt-kỳ, trong núi Kỳ-xà-quật cùng các đệ tử một ngàn hai trăm năm mươi vị hội đủ.

Khi đó Đức Thế Tôn nghĩ đến cần một thị giả, các vị đệ tử lớn như Kiều-trần-như... cũng quan sát biết được ý nghĩ của Phật. Lúc đó Kiều-trần-như từ chỗ ngồi đứng dậy, trích y bày vai phải chấp tay quỳ thẳng bạch Phật, xin được gần gũi hầu hạ gìn giữ y bát, cúi mong thương xót hứa khả cho. Đức Phật bảo ngài:

– Ông tuổi đã già, tự mình cần được sự hầu hạ, làm sao nữa khiến ông cung phụng được.

Khi đó, ngài Kiều-trần-như biết Đức Phật không nhận lời, lễ xong lui về chỗ ngồi. Ngài Đại Ca-diếp, Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên và các đệ tử năm trăm người lần lượt bạch Phật đều xin được hầu hạ, Đức Phật đều không nhận. Khi đó, A-na-luật thử quan sát ý của Phật thấy Ngài tâm hướng về A-nan, giống như mặt trời hướng Đông chiếu thẳng vào nhà ánh sáng từ cửa sổ hướng Đông thẳng đến vách Tây, ý chí của Thế Tôn cũng lại như vậy. Các đại đệ tử cũng đều quán sát biết như thế. Bấy giờ ngài Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên từ chỗ ngồi đứng dậy đến trước, nói với A-nan:

– Ý của Thế Tôn muốn được ông làm thị giả, ông giỏi khéo, lanh lợi, rất xứng đáng, nên mau đến thưa cầu làm thị giả của Đức Phật đi!

Khi đó A-nan thấy các vị Thượng tọa đến trước và nói với như thế, liền chấp tay thưa với các vị Thượng tọa:

– Đức Thế Tôn công đức sâu dày, trí tuệ sâu xa, đem sự thân cận thường tình của tôi hầu hạ công việc sợ e chiêu lấy tội lớn, tự gây ương hoạn.

Ngài Xá-lợi-phất cùng các vị khác lại nói với tôi:

– Nay trông thấy Thế Tôn chuyên chú ý hướng về ông và muốn ông làm thị giả, như mặt trời mới

mọc chiếu sáng vào nhà, ánh sáng từ hướng Đông chiếu thẳng đến vách phía Tây; Đức Thế Tôn chú tâm cũng lại như vậy. Lại nữa, Đức Thế Tôn cứu xét tình người có thể biết ông kham nhận, cho nên ông lưu ý, bây giờ nên mau thừa cầu làm thị giả.

A-nan được các vị ấy nói thêm mãi, suy nghĩ về việc đó, chẳng biết phải làm sao, lại chấp tay thưa các Thượng tọa:

– Nếu nay Thế Tôn ban cho tôi ba điều nguyện, tôi nhận làm thị giả Phật, ba điều đó như thế nào? Đó là: 1. Y cũ của Thế Tôn chớ cho tôi mặc; 2. Thức ăn dư của Thế Tôn chớ khiến tôi ăn; 3. Thời tiết tiến hiện, tùy tôi lo liệu. Được ba điều nguyện này, tôi có thể hầu Phật.

Các ngài Xá-lợi-phất... nghe xong lời ấy rồi, đem việc ấy trình bày với Thế Tôn. Đức Phật nghe xong bảo Xá-lợi-phất và các đệ tử:

– A-nan sở dĩ không muốn mặc y cũ của Ta là ông lo nghĩ sâu xa e sợ các đệ tử ôm lòng ghen ghét mỗi khởi tâm này bởi vì quốc vương, các quan, dân chúng, đàn-việt cúng thí cho Phật những thứ y mịn màng quý đẹp, cho rằng A-nan vì tham cầu những thứ này mà làm thị giả. Lại không muốn ăn cơm thừa của Ta vì lo các đệ tử sinh lòng như vậy. Trong bát của Như Lai thức ăn thừa cũng là thức ăn ngon ngọt, đủ trăm mùi vị trên đời không có thức ăn này, cho rằng A-nan tham ăn mà muốn gần

gửi Ta. A-nan tự lo thời tiết tiến hiện vì lo các đệ tử và các ngoại đạo tới lui nạn vẫn. Không biết thời tiết, không đúng giờ giấc, làm xúc nã. Vì làm thị giả phải xem đúng giờ giấc, thời tiết để dâng các món ăn uống thì thân thể mới được lợi ích, mỗi mỗi việc đều phải có chế độ và quan sát qua, vì thế mà ông đoán trước mới xin ba điều nguyện này. Lại nữa, ông A-nan này không chỉ ở đời này tự biết thời tiết mà ở đời quá khứ, ông cũng đã hầu hạ Ta và cũng khéo biết sự tiến cử như vậy.

Khi đó ngài Xá-lợi-phất thưa Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn, không biết trong đời quá khứ ông A-nan hầu Phật khéo biết thời tiết, việc ấy như thế nào, xin Ngài nói cho chúng con được biết.

Đức Phật bảo:

– Xá-lợi-phất, ông muốn biết, hãy lắng nghe cho kỹ, Ta sẽ vì ông mà nói.

Ngài Xá-lợi-phất thưa:

– Dạ vâng! Thưa Thế Tôn, con xin chú ý nghe.

Đức Phật nói:

– Xá-lợi-phất, ở đời quá khứ tính theo số kiếp a-tăng-kỳ vô số vô lượng, có một vị vua nước lớn thống lãnh châu Diêm-phù-đề tám vạn bốn ngàn nước nhỏ, tám mươi ức tụ lạc. Vua ngự ở thành Bà-lâu-thi-xá. Khi đó trong thành có một vị Bà-la-môn tên Ni-câu-lâu-đà, thông minh hiểu rộng, thiên tài đặc biệt. Nhà vua rất tôn trọng ông, coi như thầy

vậy. Tám vạn bốn ngàn vị vua nước nhỏ đều mến mộ khâm phục, chiêm ngưỡng bốn phương hiến tặng và thường sai sứ đến thăm hỏi, nói tóm lại họ thờ phụng cũng như thờ vua không khác. Lúc đó vị Bà-la-môn giàu có như một vương gia nhưng không có con nối nghiệp nên lúc đi ra vào hay ngồi cũng lo buồn về việc này, không biết nơi nào có thể cầu nguyện được con, bèn cầu đảo với Phạm thiên, vua trời Đế Thích, Ma-hê-bạt-la và các trời nhật, nguyệt, tinh tú khác, nào là núi sông, thần cây... không thứ gì chẳng cầu nguyện. Thành tâm như vậy trải qua mười hai năm thì bà vợ lớn của ông cảm biết thọ thai. Có một thiếu phụ rất thông minh, có thể biết được việc này, cho rằng thai nhi ấy là con trai, đem việc này nói với vị Bà-la-môn. Ông rất vui mừng báo các gia nội, thể nữ đến lo lắng cho phụ nhân, lúc đi đứng, ăn uống, ngủ nghỉ hoặc mặc đồ trơn mịn,... không để trái ý bà. Mười tháng đã mãn, sinh được đứa con trai, mình sắc vàng tía, đầu tóc xanh mượt, đoan chính siêu phàm, tướng người thường khó có. Vị Bà-la-môn trông thấy vui mừng khôn xiết, liền mời thầy về xem tướng. Thầy tướng quan sát khen:

– Đứa bé này tướng tốt, phước đức to lớn, thiên hạ chưa từng có.

Người cha rất vui mừng và nhờ đặt tên. Theo phong tục, cõi Thiên trúc đặt tên phải dựa vào hai điều kiện: 1. Tinh tú; 2. Diễm lạ. Thầy tướng hỏi:

– Khi bà mang thai cậu bé này đến nay có điềm gì lạ không?

Người cha đáp:

– Mẹ của đứa trẻ này có lòng ghen ghét xấu ác, ít lòng từ thuận, không tu từ tuệ, từ khi mang thai đến nay tâm tính thay đổi, thương xót kẻ khổ ách như mẹ thương con hay làm việc bố thí, không có tham tiếc.

Thầy tướng nghe xong, vui vẻ nói:

– Đây là do ý chí của đứa bé này nên khiến như vậy. Nên đặt tên là Ma-ha Xà-ca-phần (*Tân dịch là Đại Thí*).

Đứa bé dần dần lớn, cha mẹ rất yêu mến, xây riêng cho một cái cung, có cung điện ba mùa, để tùy theo thời tiết nóng lạnh. Mùa đông ở cung ấm áp, mùa hạ ở cung mát mẻ, mùa xuân, mùa thu ở cung giữa, sắp xếp các kỹ nữ hầu hạ giúp vui cho cậu. Cậu bé ấy rất thông minh và hiếu học, đọc thuộc mười tám bộ kinh của thế tục, văn nghĩa đều thông cả, các ngành kỹ thuật không chỉ chẳng thông suốt. Một hôm Đại Thí thưa cha:

– Con ở trong cung điện đã lâu, nay con muốn được ra ngoài dạo chơi.

Cha nghe nói thế, lệnh cho gia nhân:

– Con ta là Đại Thí muốn ra ngoài dạo chơi, các người nên quét dọn đường xá, trừ bỏ chỗ bất tịnh, dựng các tràng phan tán hoa đốt hương, trang

nghiêm con đường, hết sức sạch sẽ.

Sắp xếp dọn dẹp xong xuôi, lúc đó Đại Thí cỡi con voi trắng lớn, trang sức bằng bảy báu, đánh chuông đánh trống, thổi các kỹ nhạc, có hàng ngàn vạn người cỡi ngựa theo sau, đi trên một con đường lớn thẳng đến cổng thành. Lúc đó, nhân dân trong nước ở trên lầu gác hai bên đường, tranh nhau ra xem, nhìn không chán mắt, đều khen: “Rất là ít có, trông tướng mạo uy nghi như một Phạm thiên.” Đi quẹo sang đường khác tiến tới trước thì gặp một bọn người ăn xin, mặc áo quần dơ dáy, cầm những cái bát bẽ, cầu xin thương xót cho chút thức ăn. Đại Thí trông thấy hỏi:

– Các người làm gì mà khổ nhọc đến như thế?

Có đưa đáp:

– Con không cha mẹ, anh em, vợ con, nghèo khổ cô độc, không chỗ nương cậy.

Có đưa nói:

– Con mắc bệnh hoại, không thể làm việc, không còn con đường sống.

Có đưa nói:

– Con gặp bất hạnh bị phá sản, nợ nần nhiều quá, không cách nào tự làm ăn được, cho nên phải đi xin ăn để kéo dài mạng sống thừa.

Đại Thí nghe xong, trong lòng chua xót, than thở mà đi. Lại đi tiến về phía trước thấy các đồ tể đang mổ xẻ súc sinh, cắt ra từng mảnh để cân bán.

Đại Thí thấy thế hỏi:

– Chao ôi! Các ông làm gì thế?

Họ nói:

– Tổ phụ chúng tôi xưa nay sống nghề đồ tể, nếu chúng tôi bỏ nghề này thì lấy gì mà sống?

Đại Thí than thở rồi bước ra đi. Kế đến trông những người nông phu cày ruộng, các loại côn trùng từ dưới đất chui lên bị cua ếch bắt nuốt ăn, lại có con rắn bò tới bắt cua ếch ăn lại, rồi trên trời chim khổng tước bay tới mổ rắn mà ăn. Đại Thí hỏi:

– Họ làm việc này để chi vậy?

Đáp:

– Cày ruộng để gieo lúa, sau này thu hoạch được lúa thóc ăn và đem nộp thuế cho nhà vua.

Đại Thí nghe rồi, than thở mà ra đi. Lại đi tiến về phía trước, trông thấy những thợ săn giăng bày lưới để bắt cầm thú, thấy các cầm thú bị sa vào trong lưới, tự giãy giụa mà không thể thoát được, đau đớn kêu la, rất là sợ hãi. Đại Thí trông thấy thế hỏi:

– Các ông làm gì thế này?

Họ đáp:

– Chúng tôi chỉ chuyên nghề săn bắn, nếu không làm việc này thì không còn con đường sống.

Đại Thí nghe nói rồi, đau lòng chua xót mà đi. Lại tiếp tục đi tới gặp những người tung lưới ra kéo

bắt cá rất nhiều, chất đông đầy đất, nằm ngổn ngang giãy giụa. Đại Thí ngạc nhiên hỏi:

– Các ông làm gì thế?

Họ đáp:

– Cha ông chúng tôi từ xưa đến nay không có nghề gì khác, chỉ dựa vào nghề bắt cá bán để sinh sống.

Đại Thí nghe xong, ôm lòng thương xót mà tự nghĩ: “Các chúng sinh đều do nghèo khổ thiếu ăn, thiếu mặc mà tạo nghiệp ác này, giết hại chúng sinh, tỏ ý vui mừng, sau khi lâm chung sẽ đọa vào ba đường tam tối, sao mà họ làm kỳ lạ thế?” Nghĩ như thế rồi bảo quay xe trở về cung, nhớ mãi những buổi dạo chơi ưu sầu không vui, đi đến gặp cha xin một điều nguyện. Người cha nói:

– Nay Đại Thí, tùy con muốn gì, cha không làm nghịch ý đâu.

Chàng liền nói:

– Trước kia, con đi ra ngoài thành dạo chơi trông thấy những người dân vì sự ăn mặc mà làm lụng rất cực nhọc, giết hại, dối trá, làm đủ các nghiệp ác, lòng cảm thấy rất xót xa, con muốn giúp cho họ, mong cha ban ân mở kho bố thí, cứu người nghèo thiếu.

Người cha bảo:

– Cha để dành của cải là để cho con, con muốn việc gì thì cứ làm, cha không trái ý đâu.

Người con được cha dạy, liền hạ lệnh cho tất cả nhân dân là: “Ma-ha Xà-ca-phan (*Đại Thí*) muốn mở cuộc bố thí thật lớn, ai có cần gì thì hãy đến lấy.” Lệnh được truyền đi xong, nào Sa-môn, Bà-la-môn, người nghèo, kẻ thiếu nợ, cô đơn, bệnh tật..., những người ở ngoài thành xa xôi cũng lần lượt kéo đến, có những người dân ở cách xa từ một trăm dặm, hai ba trăm dặm, cho đến năm trăm, một ngàn dặm tới, lại cũng có người từ ba ngàn đến năm ngàn dặm tới, người mạnh khỏe dìu kẻ yếu đuối, bốn phương vân tập đều cho tất cả được như ý muốn, cần áo cho áo, cần lương thực cho lương thực, vàng bạc bảy báu, xe ngựa, ruộng vườn, súc vật... đều đem bố thí cả. Trải qua một thời gian, đồ vật trong các kho đã hết hai phần ba. Người giữ kho đến thưa với người cha:

– Ma-ha Xà-ca-phan từ khi bố thí đến nay, đồ đạc trong kho ba phần đã cho hết hai, chỉ còn có một phần, sợ e mai kia vua quan, khách khứa đến thì còn đâu mà tiếp đãi, xin ông hãy suy nghĩ kỹ để sau này chớ có trách phiền.

Người cha nghe báo thế, tự nghĩ: “Ta rất yêu mến đứa con này, không thể làm trái ý nó, thà để kho lẫm trống không, chứ làm sao có thể chặt đứt việc bố thí như vậy.” Lại trải qua một thời gian, dùng những đồ vật trong kho còn lại một phần, người giữ kho thấy thế thưa:

– Trước đã đem bố thí đồ trong kho ba phần,

chỉ còn dùng hai, nay kho tàng sắp trống không, tôi báo cho ông chủ biết, vậy nên hãy suy nghĩ lại.

Bây giờ vị Bà-la-môn nói:

– Ta nặng tình quý con của ta chưa từng làm nghịch ý, nay ông có phương tiện mượn nhân duyên gì khác để giữ lại ít của cải, lương thực làm cho người ta ít đến xin nữa.

Người giữ kho nghe rồi liền đóng cửa kho, những người xin đều đến nơi ở của Đại Thí. Đại Thí đi đến bảo người giữ kho phân phát đồ, nhưng anh ta không có ở đó, sai người đi tìm, trải qua một thời gian khó khăn mới gặp được. Anh giữ kho tuy có đem cho những người xin không được bao nhiêu. Đại Thí thầm nghĩ: “Nay người giữ kho lẽ nào dám không nghe lời ta, chắc đây là ý của cha sai người giữ kho. Song phép làm con không nên làm khánh kiệt kho tàng của cha mẹ, bây giờ trong kho tàng này, của cải không còn bao nhiêu, vậy ta phải làm thế nào để được của cải thỏa mãn ý của ta tiêu dùng và ban giúp cho quần sinh”. Khi đó, Đại Thí liền hỏi mọi người:

– Nay ở thế gian này làm sự nghiệp gì có thể được nhiều của cải dùng hoài không hết.

Có người nói:

– Nên trồng nhiều ngũ cốc, tạo vườn thì có thể được nhiều tiền tài.

Hoặc có người nói:

– Nên nuôi nhiều gia súc, đến lúc buôn bán được nhiều tiền tài.

Hoặc có người nói:

– Nếu sợ tai nạn nguy hiểm đi xa buôn bán thì được nhiều của cải.

Hoặc có người nói:

– Chỉ có đi biển tìm kiếm châu báu mới được nhiều của cải.

Đại Thí nghe hết những ý kiến này, tự nói: “Cày cấy, trồng tía, nuôi súc vật hay đi xa mua bán không được lợi lộc cho mấy; chỉ có vào biển tìm châu báu, kể này ta chịu theo, ta quyết định đi làm việc này.” Nghĩ thế rồi, chàng đến thưa với cha mẹ:

– Nay con muốn ra biển đi tìm châu báu đem về để bố thí cho dân chúng nghèo thiếu. Xin cha mẹ vui lòng cho con được toại ý.

Cha mẹ nghe nói, kinh ngạc hỏi:

– Người thế gian đi biển phần nhiều là những người nghèo khổ không nghề sinh sống, có thể chịu bỏ thân mạng, không lưu luyến gì. Con có làm việc gì mà lại muốn đi biển? Nếu muốn bố thí thì trong kho tàng nhà ta có bao nhiêu, con hãy đem hết đi, chớ đừng vào biển. Lại nữa đi biển, các thứ nạn rất nhiều, sóng to gió lớn, nào cá Ma-kiệt, rồng dữ, La-sát, nào là núi non, nước sóng, khó mà vượt qua. Con có việc gì gấp mà đem thân vào chỗ tai nạn này làm chi. Chúng ta nên giữ mạng sống, cha

không cho phép con đi, đừng có phân vân.

Đại Thí nghe xong cảm thấy không được như ý nguyện rất là đau buồn, tự nghĩ: “Nay ta nguyện muốn làm việc lớn, giả như tham tiếc thân mạng thì làm sao có thể thành tựu việc gì?” Nghĩ xong phục mình xuống trước cha mẹ mà nói:

– Nếu cha mẹ ngăn giữ chí nguyện của con thì con xin nằm ở đây mãi không đứng dậy nữa.

Cha mẹ nghe xong việc này, trong lòng nóng như lửa đốt, cùng mọi người đến trước khuyên can:

– Đường biển xa xôi gặp nhiều hiểm trở, người đi thì nhiều, người trở về rất ít, cha nhớ khi cầu sinh con phải cầu đảo các trời chí thành khẩn thiết, trải qua mười hai năm, khó khăn lắm mới sinh được con khôn lớn. Bây giờ con muốn bỏ cha mẹ mà đi, hãy bỏ ý muốn này đứng dậy ăn uống bình thường đi!

– Cứ như vậy từ một ngày, hai ngày đến sáu ngày, khuyên can mãi nhưng cậu vẫn giữ chí như ban đầu. Cha mẹ lo sợ quá cùng nhau bàn bạc: “Đưa con mình trước sau gì cũng muốn đi biển, chưa từng thoái tâm, thôi hãy để cho nó đi biển còn mong có ngày trở về, chứ nay cản trở nó nếu quá bảy ngày chắc là gặp họa, biết phải làm sao”. Bàn luận xong, họ đi đến bên con nắm tay mà nói với con:

– Cha mẹ chịu theo ý con, hãy đứng dậy đi ăn

cơm.

Ăn xong, Đại Thí đi ra ngoài tuyên bố với mọi người:

– Nay tôi muốn đi ra biển tìm châu báu, ai muốn đi theo thì cùng đi, tôi sẽ cung cấp đầy đủ dụng cụ.

Khi đó, trong nước có năm trăm người nghe tuyên bố chịu đi theo, liền soạn các thứ cần dùng định ngày xuất hành. Đến ngày lên đường từ biệt vua, quần thần, cha mẹ và các vương tử, dân chúng có hơn ngàn vạn người đưa tiễn, họ tặng tiền bạc và các thứ cần dùng, khóc lóc từ biệt. Đi được vài ngày thì ngừng nghỉ nơi cánh đồng rộng, gặp một bọn cướp đến trộm lấy. Đại Thí thương xót đem tiền của, lương thực ra cho và bắt đầu đi nữa. Đến một tòa thành tên Phóng bát, trong thành có một vị Bà-la-môn tên Ca-tỳ-lê. Khi đó Đại Thí đi đến chỗ ông ta muốn vay ba ngàn lượng vàng. Vị Bà-la-môn này có một đứa con gái, xinh đẹp, mình sắc vàng tía, đầu tóc xanh mượt, tướng mạo đoan chánh tuyệt đẹp không ai sánh bằng. Tám vạn bốn ngàn các tiểu vương quốc đến cầu hôn mà cô chưa chịu. Khi đó Đại Thí đi đến cổng hỏi muốn gặp Ca-tỳ-lê. Cô gái ở trong nhà nghe tiếng nói bên ngoài vui mừng kinh ngạc thưa với cha mẹ:

– Người ở bên ngoài kêu cửa đây là chồng con. Lúc đó ông Ca-tỳ-lê đi ra, gặp nhau, thấy tướng

mạo của Đại Thí, biết là phi phạm, nghe Đại Thí cần vàng, vui lòng chịu cho. Rồi ông tay trái cầm trap vàng, tay phải nắm tay con gái, nói với Đại Thí:

– Nay con gái của ta đây dung mạo xinh đẹp khác thường, nhiều vương tử đến cầu hôn nhưng ta không gả, nay trông thấy cậu, tướng mạo đoan chánh, xin nhận lời đưa con gái này đi theo hầu hạ.

Đại Thí nói:

– Hiện nay, tôi sắp đi biển phải qua nhiều nguy hiểm, không biết có an toàn hay không, bây giờ nhận con gái ông, việc này không thể được.

Ông Ca-tỳ-lê nói:

– Nếu như được tốt lành trở về, xin cậu hãy nhận chịu lời tôi.

Khi đó, Đại Thí liền nhận lời. Bây giờ ông Ca-tỳ-lê vui mừng bèn cho Đại Thí ba ngàn lượng vàng và đồ cần dùng. Đại Thí cảm ơn rồi từ biệt lên đường. Cậu bảo những người cùng đi đặt mua thuyền tốt, dày bảy lớp ván để chịu đựng nổi với sóng gió. Đẩy thuyền xuống biển, dùng bảy sợi dây cột ở mạn thuyền rồi chàng lác lách nói với các bạn thương buôn:

– Các bạn hãy lắng nghe! Đi biển có nhiều nạn nguy hiểm, nào là gió độc, La-sát, sóng to, nước xoáy, rồng dữ, ác khí, cá Ma-kiệt... rất nhiều tai nạn. Các bạn vào biển! Lúc này ai muốn trở về thì

ở lại đây, kéo thuyền nhỏ neo tách bến có hồi hận cũng không kịp. Nếu ai có thể vững lòng bền chí, không tiếc thân mạng, xa cha mẹ, anh em, vợ con. Nếu gặp được an ổn trở về thì của bảy báu mang về, bảy đời con cháu ăn cũng không hết.

Nói rồi bèn cắt đứt một dây, cứ mỗi ngày như thế, bảy ngày nói xong cắt đứt bảy sợi dây neo, trương buồm thuận gió, thuyền chạy như tên bay cùng các thương buôn đến nơi có của báu. Đại Thí là người nghe nhiều học rộng, biết các thứ của báu thứ nặng, thứ nhẹ, hạng quý, hạng thường, màu sắc tốt xấu, chỉ bảo cho mọi người thương buôn: “Như thế này là sắc báu, không nặng, giá rất quý có thể lấy; như thế này là thứ của báu bình thường rất nặng mà giá lại rẻ, chớ nên lấy.” Lại giao ước lấy của báu nhiều ít vừa phải, đừng tham quá nhiều sợ nặng thuyền bị đắm, còn lấy ít thì nhẹ thuyền nhưng lại tốn công mình đi cực nhọc. Dặn dò, nhắc nhở anh em xong, ai cũng siêng năng kiếm lấy, chất đầy trên thuyền, mọi thứ châu báu đẹp đẽ và chuẩn bị trở về. Lúc đó Đại Thí không muốn lên thuyền, mọi người tụ tập lại hỏi ý Đại Thí vì sao. Đại Thí đáp:

– Tôi muốn đến điện của Long vương để xin ngọc Như ý. Dù bỏ thân mạng, xin không được, tôi quyết không trở về.

Những lái buôn nghe thế đau buồn, cùng nhau nói:

– Chúng tôi nhờ cậu mà mạo hiểm đến đây, mong được hoàn toàn trở về nhà, nay vì sao cậu lại bỏ chúng tôi?

Đại Thí nói:

– Tôi sẽ vì các anh cầu nguyện khiến cho các anh được an ổn trở về nhà.

Các thương buôn nghe rồi, lòng lo sợ không yên. Đại Thí tay cầm lư hương, hướng về bốn phương, rồi tự lập kệ: “Tôi không quản mệt nhọc vào biển tìm châu báu để cứu giúp sự nghèo đói của quần sinh, nguyện đem công đức này cầu thành Phật, như tôi chí thành xin nguyện này được thành tựu, khiến cho những người thương buôn và thuyền châu báu không gặp nạn dữ, an toàn về nước”. Nguyện xong, các thương buôn đều nắm tay chân Đại Thí khóc lóc từ biệt về nước, nhờ neo trượng buồm trở về Diêm-phù-đề đều được an ổn. Bảy giờ Đại Thí sau khi từ biệt mọi người đi xuống nước đến mắc cá chân, trải qua bảy ngày đi nước sâu đến môn, đi bảy ngày nữa thì nước đến ngang lưng, bảy ngày nữa thì nước ngang đến cổ, bảy ngày nữa thì trôi nổi hoài đến một quả núi, hai tay chống cây để leo lên núi, đi bảy ngày thì đến đỉnh núi, ở trên đỉnh ngọn núi đó bằng phẳng, đi bảy ngày rồi lại xuống núi, bảy ngày đến chân núi tới một ven nước, dưới nước có hoa sen sắc vàng, có các con rắn cực độc quấn quanh cọng sen. Đại Thí thấy thế liền ngồi ngay thẳng nhiếp niệm tại tâm,

nhập pháp Từ bi tam-muội, nghĩ tới những con rắn độc này vốn khi sinh ra đều do lòng tham sân si tật đố, cho nên sinh trong đây, thọ thân hình độc ác xấu xa. Dem lòng Từ thương xót, nên khiến những con rắn độc ấy đều hết nọc độc. Đại Thí đứng dậy bước trên những bông hoa mà đi, trải qua bảy ngày mới thoát qua khỏi rắn độc này, đi tiến tới phía trước thấy các La-sát, chúng ngửi thấy hơi người đều tìm đến. Đại Thí thấy rồi nhiếp tâm Từ bi quán thì những La-sát tự phát tâm cung kính, đến gần hỏi:

– Ông từ đâu đến?

Đại Thí nói:

– Tôi muốn tìm châu Như ý.

La-sát vui mừng tự nghĩ: “Người phúc đức này đi đến Long cung, nhưng đường hãy còn xa, làm sao khiến vượt qua sự khổ nhọc nổi? Ta nên giúp vượt qua các nguy hiểm”, liền dùng thần lực đưa qua bốn trăm do-tuần rồi để trên mặt đất. Lúc đó Đại Thí đi thẳng tới trước thấy một cái thành bạc, sáng sạch trắng tinh, biết là Long cung, vui mừng đi tới thấy ngoài thành có bảy lớp hào, trong toàn là rắn độc trông rất ghê sợ. Đại Thí tự nghĩ: “Những con rắn này đều do đời trước tâm nộ rất nhiều, nên phải thọ thân hình xấu ác như vậy.”

Lòng Từ bi thương xót coi nó như con nhỏ, tâm từ quán xong thì các con rắn độc đều mất hết,

chàng liền bước đi thẳng đến Long cung, thấy có hai con rồng, thân quấn quanh thành, giao đầu ngay cánh cửa. Thấy Đại Thí, chúng ngóc đầu nhìn kinh ngạc. Khi đó Đại Thí nhập Từ bi quán, rồng độc cúi đầu không dám nhìn nữa. Đại Thí bước lên đi vào. Trong thành Long vương ngồi trên tòa bảy báu trông thấy Đại Thí kinh ngạc thầm nghĩ: “Ngoài thành ta có bảy lớp hào, trong hào đều có rắn độc, rồng dữ, Dạ-xoa, thế mà người này vào được đến đây”. Long vương liền đến tiếp đón hỏi han cung kính, làm lễ, mời ngồi trên giường bảy báu, đem các món ăn ngon ra thết đãi. Ăn xong, Long vương hỏi ý của Đại Thí đến đây làm gì. Đại Thí đáp:

– Người ở cõi Diêm-phù-đề nghèo khổ, tôi đến đây kiếm của báu về để bố thí cho họ. Cuộc sống của họ vì sát hại, dối trá... tạo đủ thứ nghiệp ác, sau khi mạng chung đọa vào ba đường ác, tôi thấy thương xót muốn cứu giúp họ nên vượt đường xa hiểm trở đến đây yết kiến đại vương xin viên ngọc Như ý dùng để cứu tế, công đức làm được việc này xin thệ cầu thành Phật. Nếu không nghịch ý xin hãy ban cho.

Long vương nói:

– Ngọc Như ý là của báu khó được, ngài vượt qua bao nguy hiểm đến đây, nếu vui lòng xin hãy ở lại đây một tháng, nhận chút cúng dường và nhân đó thuyết pháp cho tôi, tôi sẽ biếu ngọc Như ý.

Đại Thí nhận lời, Long vương hàng ngày thết đãi trăm vị của biển, ca múa để phục vụ cho Đại Thí. Đại Thí giảng pháp Tứ niệm xứ tuệ cho vua nghe. Trải qua một tháng thì từ biệt trở về. Long vương vui mừng mở châu Như ý trên búi tóc đem dâng cho Đại Thí, mà nói:

– Đại sĩ có lòng Từ rộng lớn cứu giúp nạn khổ và có ý chí mãnh liệt chắc chắn thành Phật. Tôi nguyện làm một đệ tử trí tuệ.

Đại Thí nhận lời, nói:

– Ngọc này của ngài có năng lực như thế nào?

Long vương đáp:

– Ngọc này có thể làm mưa hai ngàn do-tuần biến thành mọi thứ cần dùng.

Đại Thí tự nghĩ: “Hạt châu này tuy biến nhanh, nhưng chưa có thể làm cho ta giúp rộng lớn hơn nữa”. Bấy giờ các rồng lớn nhỏ tiến đưa Đại Thí đến cổng thành rồi từ tạ ra về.

Đại Thí đi thẳng tới trước, từ xa thấy một cái thành, toàn là lưu ly xanh, màu sắc nó trong sạch, đi đến mới thấy bên ngoài thành cũng có bảy lớp hào, trong hào cũng đầy các rắn độc. Đại Thí trông thấy, thầm nghĩ: “Các rắn độc này do lòng sân hận tật đố mới sinh trong đây, chịu thân hình xấu ác”. Chàng bèn ngồi ngay thẳng nhập Từ bi quán tăng thêm lòng thương xót, lòng Từ bi lan tỏa, các rắn không còn độc hại nữa, giẫm bước lên đầu của

chúng mà đi vào thành, cũng thấy hai con rồng dùng thân quấn quanh thành, hai đầu giao nhau trước cổng. Chúng trông thấy Đại Thí ngọc đầu tròng nhìn. Đại Thí lúc đó đem lòng Từ bi nhìn chúng, lòng từ lan tỏa khiến trừ đi độc hại của nó. Rồng gục đầu, Đại Thí tiến bước vào trong thành. Khi đó trong thành có một Long vương ngồi trên điện bảy báu, trông thấy Đại Thí kinh ngạc thầm nghĩ: “Ngoài thành có bảy lớp hào rắn độc, các rồng, Dạ-xoa, khó có thể vượt qua, người này làm thế nào mà có thể đến đây?” Long vương liền bước xuống đón tiếp chào hỏi cung kính làm lễ mời lên trên điện ngồi tòa bảy báu, bày các món ăn ngon lạ, ăn xong rồi, Long vương hỏi nguyên do vì sao đến đây. Đại Thí nhân đó trả lời ý của mình đến chỉ muốn cầu ngọc Như ý. Long vương nói:

– Ngọc Như ý rất là khó được, vả lại người muốn được nó, thì phải nhận lời ta mời ở lại đây hai tháng và thuyết giảng về hạnh Bồ-tát.

Long vương bày ra các thức ăn uống và ca múa hát để cúng dường Đại Thí. Đại Thí dùng biện tài phân biệt nói Tứ thần túc. Trải qua hai tháng mới xong rồi từ tạ ra về. Long vương liền mở hạt châu trên búi tóc dâng cho và lập thệ:

– Đại sĩ có lòng Từ bi cứu giúp quần sinh, tâm rộng lớn ấy chắc chắn thành Phật, ta nguyện làm đệ tử học pháp thần túc.

Đại Thí nhận lời nói:

– Như lời ngài đã nguyện, sẽ được thành tựu, còn viên ngọc ngài cho đây, năng lực như thế nào?

Long vương đáp:

– Châu Như ý này có thể mưa xuống bốn ngàn do-tuần, biến ra tất cả các thứ cần dùng, ngài nghĩ gì thì nó biến thành như thế.

Đại Thí tự nghĩ: “Tuy hạt châu này có phép hay lạ nhưng chưa được như ý của ta”. Bấy giờ Long vương, rồng lớn nhỏ đều tiến đưa Đại Thí ra đến cổng thành, thương mến, quyến luyến rồi từ biệt ra đi.

Đại Thí lại đi về phía trước, trông thấy cái thành bằng vàng, màu sắc chói lọi rất đẹp. Đại Thí đi đến thấy ở ngoài hành cũng có bảy lớp hào, trong hào cũng có những con rắn độc. Đại Thí tự nghĩ những con rắn độc này cũng do đời trước có thói sân tạt đổ nên nay mang thân hình xấu ác này, rồi ngồi thẳng khởi lòng Đại bi tăng thêm lòng thương mến, các rắn độc đều không còn, rồi giẫm bước qua tới trước cổng thành, cũng trông thấy hai con rồng dùng thân quấn thành giao đầu trước cổng. Trông thấy Đại Thí, chúng ngẩng đầu nhìn trừng. Đại Thí y như pháp nhập định quán Từ bi, rồng bèn cúi đầu. Đại Thí bước qua rồi vào trong thành. Trong thành đó cũng có Long vương ngồi trên bảo điện, từ xa trông thấy Đại Thí, ngạc nhiên

tự nghĩ: “Bên ngoài thành của ta đây có bảy lớp hào, trong đó đầy đầy rắn độc, ngoài ra còn có rồng, Dạ-xoa, không ai có thể đi qua. Nay người này là ai mà có thể đến được nơi đây?” Tâm rất ngạc nhiên lạ lùng, Long vương liền bước xuống nghênh tiếp hỏi han, cung kính làm lễ và mời lên bảo điện mời ngồi tòa bảy báu. Ngồi xong, Long vương bảo đem các món thơm ngon thết đãi, ăn xong rồi hỏi nguyên do vì sao đến đây? Đại Thí đáp:

– Người ở Diêm-phù-đề, phước đức mong manh, vô cùng nghèo khổ, làm lụng lao碌, giết hại, dối trá để kiếm sự ăn mặc, đủ mười nghiệp chẳng lành, sau khi mạng chung lại đọa trong ba đường khổ. Tôi vì lòng thương xót, muốn cứu giúp họ, mới vào biển tìm Long vương, nghe nói ngài có châu Như ý nên không quản đường xa nguy hiểm, mong được đến đây.

Long vương nói:

– Ngọc báu Như ý là vật khó có được. Đại sĩ đến đây mong được châu ấy. Nếu ngài muốn được ngọc ấy, hãy ở lại đây bốn tháng, thọ sự cúng dường nhỏ mọn của tôi và giảng giải đạo pháp cho tôi nghe.

Đại Thí nhận lời. Long vương vui mừng, ngày ngày bày các món mỹ vị đích thân dâng các món ngon ngọt, lại bảo trời các thứ âm nhạc, múa hát

giúp vui. Đại Thí dùng biện tài phân biệt danh tự, ngọn nguồn các pháp, rộng tuyên giáo nghĩa. Long vương một lòng lắng nghe lãnh thọ, sớm chiều thăm hỏi, không để mất giờ giấc. Long vương sắp đặt giờ cho các rồng, Dạ-xoa tới lui hầu hạ chu đáo trong bốn tháng, nghiêm chỉnh rất hợp phép tắc. Bốn tháng đã mãn, Đại Thí từ biệt ra về. Bảy giờ Long vương liền cỡi châu Như ý trong búi tóc dâng cho Đại Thí và lập thệ:

– Đại sĩ thệ nguyện rộng lớn, lòng tự cứu tế bao la, thương xót các quần sinh, không màng khó nhọc, chắc chắn sẽ thành Phật. Tôi nguyện làm một đệ tử tổng trì.

Đại Thí nhận lời, lại hỏi:

– Hạt châu ngài cho năng lực nó như thế nào?

Long vương nói:

– Hạt châu này có thể mưa xuống rộng tám ngàn do-tuần biến ra bảy báu cần dùng.

Đại Thí vui mừng, tự nghĩ: “Đất châu Diêm-phù-đề, bảy ngàn do-tuần, công năng ngọc này đạt được nguyện vọng của ta.” Trước sau đã được ba hạt châu, buộc ở chéo áo, Đại Thí liền đi ra ngoài thành. Các rồng lớn nhỏ tiến đến ngoài thành, đều quỳ lạy thương mến, cùng từ biệt ra về. Đại Thí đem hạt châu ra cầu nguyện. Nếu thật sự là châu Như ý, hãy khiến thân ta có thể bay lên hư không. Cầu nguyện xong, thân chàng nhắc bổng

lên hư không và có thể bay qua biển, nghỉ ngơi trên bãi cát. Lúc đó trong biển các rồng cùng nhau bàn luận:

– Trong biển chúng ta chỉ có ba hạt châu, công năng nó rất lớn, khó có gì sánh bằng, người này nay lấy nó đem đi, đáng tiếc châu báu này, chúng ta nên đi lấy lại.

Bàn bạc xong, họ bí mật mở lấy hạt châu lại. Đại Thí ngủ tỉnh dậy không thấy châu báu, bèn suy nghĩ: “Ở đây không có người, ắt là rồng biển lấy châu báu của ta đem đi, ta vì châu này phải vượt qua bao gian lao nguy hiểm, mong ngày đem về nước để cứu chúng sinh cho mãi ngàn vạn, dù có lấy châu báu của ta, rốt cùng ta sẽ không tha, ta sẽ dùng hết sức tát cạn biển này, ta thề bỏ mạng ở đây, nếu không lấy lại được ngọc Ma-ni, quyết định không về.” Suy nghĩ thế rồi, chàng đi đến bờ biển, nhặt được một cái mu rùa, dùng hai tay tát biển. Thần biển biết ý hiện ra hỏi:

– Nước biển sâu rộng ba trăm ba mươi sáu vạn dặm cho dù tất cả nhân dân cùng nhau hết sức để tát cũng không thể cạn nổi, huống là một mình ông tát làm sao được?

Đại Thí nói:

– Nếu người ta chí tâm, muốn làm việc gì thì việc ấy cũng không ngại. Ta được châu báu này để làm lợi ích cho tất cả quần sinh, đem công đức này

cầu thành Phật, tâm ta không giải đãi, làm sao không thể được?

Lúc đó trời Thủ-đà-hội, từ xa trông thấy Đại Thí một thân một ý siêng năng cực nhọc để đem lại an lạc cho tất cả chúng sinh, thâm nghĩ: “Chúng ta làm sao không đến trợ giúp và kêu gọi bạn bè đến giúp cậu ta.” Đại Thí múc nước đổ thì tất cả các trời dùng y trời đựng chứa nước, rồi đem đổ đi nơi khác. Một lần tát biển như vậy nước giảm đi bốn mươi dặm, hai lần tát giảm đi tám mươi dặm, ba lần tát giảm đi một trăm hai mươi dặm. Những con rồng ăn cắp châu Như ý hoảng sợ đến chỗ Đại Thí, nói:

– Xin hãy ngừng tay, đừng tát biển nữa.

Đại Thí ngừng nghĩ, rồng đến hỏi:

– Ông cần châu báu này dùng để làm những việc gì?

Đại Thí nói:

– Dùng để cứu giúp tất cả chúng sinh.

Rồng lại hỏi:

– Theo ông nói, ở trong biển chúng tôi, chúng sinh rất nhiều, vì sao không cho, mà lại muốn đem đi.

Đại Thí nói:

– Những loài trong biển cũng là chúng sinh, nhưng không bị đau khổ dữ dội như nhân dân ở Diêm-phù-đề, ở trên đây vì tiền tài mà họ sát hại,

dối trá tạo mười nghiệp ác, sau khi chết phải đọa vào ba đường. Ta vì loài người muốn cho họ hiểu giáo pháp nên đến đây xin châu Như ý, trước giúp họ được ăn mặc đầy đủ, sau dạy họ tu Thập thiện.

Rồng nghe xong, đem trả ba viên ngọc Như ý. Bảy giờ Thân biến thấy Đại Thí tinh tấn dừng mãi làm công việc như thế, liền thệ rằng:

– Hôm nay ngài tinh tấn như thế, ắt sẽ thành Phật, tôi nguyện làm một đệ tử tinh tấn.

Đại Thí được châu rồi tiếp tục bay đi, hỏi thăm các bạn thương buôn, liền hạ xuống, đồng bạn trông thấy kinh ngạc vô cùng, đều khen:

– Thật rất kỳ lạ, rất đặc biệt.

Rồi họ cùng nhau đi về thành Phóng bát. Vị Bà-la-môn Ca-tỳ-lê nghe tin Đại Thí đi biển tốt lành trở về, vô cùng mừng rỡ, ra nghênh đón hỏi han và mời các bạn thương buôn ở lại, mở tiệc thết đãi, dọn ra các món ăn ngon lạ quý hiếm, ăn xong bàn nói chuyện về cuộc hành trình đã qua. Lúc đó Đại Thí cầm châu Như ý chỉ vào trong nhà của vị Bà-la-môn (Ca-tỳ-lê) thì các kho tàng đầy ắp của báu, mọi người trông thấy khen ngợi việc chưa từng có. Khi đó ông Ca-tỳ-lê trang điểm cho con gái đẹp để đem các châu báu trang sức nơi thân, trước rửa tay, sau đó dẫn con gái giao cho Đại Thí. Đại Thí nhận cô gái, ông Ca-tỳ-lê vui mừng bảo năm trăm kỳ nữ có đủ tài năng và năm trăm bạch tượng chở nhiều

châu báu rất là kỳ lạ để tiễn đưa con gái. Đại Thí bảo các bạn cỡi voi lên đường, trong thành người lớn kẻ nhỏ đến đưa tiễn, thổi các âm nhạc, trở về nước nhà.

Từ khi Đại Thí từ biệt ra đi, cha mẹ đau buồn thương nhớ khóc than mù cả đôi mắt. Nghe tin con trở về nước, Đại Thí đến lễ bái thăm hỏi, cha mẹ nghe tiếng, lấy tay xoa đầu vuốt mặt con mới biết chắc chắn con đã trở về, vui buồn lẫn lộn, than trách con:

– Con thật vô tâm, bỏ cha mẹ đi biển để cha mẹ thương nhớ, con vào biển trở về mang được những vật gì?

Đại Thí lấy ngọc Như ý ra đưa cho cha mẹ, ông bà cầm viên ngọc mà nói:

– Nay trong kho nhà ta, đá quý như ngọc này cũng không ít, vì sao phải cực khổ mới tìm được thứ này.

Đại Thí cầm ngọc báu chỉ vào mắt cha mẹ, tự nhiên cặp mắt hai người trong sáng hơn xưa. Như gió xua mây, ông bà được trông thấy trở lại, lòng rất vui mừng, cảm niệm oai thần của ngọc báu, khen ngợi rất là kỳ lạ:

– Con tuy cực khổ nhưng cũng không uổng công.

Đại Thí bèn cầm hạt châu cầu nguyện:

– Nếu là viên ngọc Như ý, thì hãy khiến cho

chỗ ngồi của cha mẹ tôi biến thành giường tòa châu báu quý lạ, phía trên có tán lớn bảy báu trang nghiêm.

Nói xong thì được như ý ngay, tất cả đều vui mừng. Đại Thí lại cầm châu báu cầu nguyện:

– Xin nguyện khiến cho cha mẹ, vua quan, dân chúng các kho tàng đều được đầy ắp. Chàng liền lấy châu ấy đưa khắp bốn hướng, thì nhà nào cũng đều được đầy đủ vàng bạc châu báu, không ai chẳng kinh ngạc. Đại Thí sai người cỡi voi đi tám ngàn dặm, thông báo cho tất cả nhân dân ở Diêm-phù-đề biết rằng: “Đại Thí đi biển trở về tốt lành, được hạt châu Như ý, hạt châu ấy công năng rất kỳ diệu, sau bảy ngày nữa sẽ khiến cho hạt châu ấy mưa xuống tất cả châu báu, thức ăn tùy theo ý muốn mọi người. Ai muốn lấy được thì phải giữ trai giới thanh tịnh chờ đợi.” Đến ngày thứ bảy. Đại Thí tắm gội sạch sẽ, mặc y áo mới, rồi đi đến một vùng đất bằng phẳng, buộc châu Như ý trên đầu ngọn phước cao, tay cầm lư hương cầu nguyện:

– Nguyện cho người ở cõi Diêm-phù-đề, tất cả những người nghèo khổ muốn được giúp cho đều không ai bị thiếu thốn. Nếu thực là ngọc Như ý thì xin lần lượt mưa các thứ cần thiết cho chúng sinh.

Cầu nguyện vừa xong, bốn phương mây kéo mát râm, gió thổi lên, thổi các thứ bất tịnh như bản

trên mặt đất sạch sẽ, kể đến mưa lâm râm đê sạch bụi, rồi đến mưa ra các thức ăn uống trăm vị ngon lạ, tiếp đến mưa ngũ cốc, y phục, các thứ bảy báu quý hiếm đầy đầy châu Diêm-phù-đề. Người dân lần lượt đến lấy; áo quần, thức ăn uống dư dả, nên họ trông thấy các châu báu cũng như gạch ngói.

Bấy giờ Đại Thí thấy dân chúng đầy đủ, bèn sai người đi thông báo cho khắp cõi Diêm-phù-đề biết rằng: “Tất cả dân chúng trước đây do nghèo thiếu ăn mặc và châu báu mà sát hại, dối trá lẫn nhau, thấy lợi quên nghĩa, không sợ tội phúc, sau khi mạng chung phải đọa lạc trong ba đường ác, cũng như từ chỗ tốt vào chỗ tốt thêm, thọ tội nhiều kiếp. Tôi thường thương xót không người cứu giúp, nên quên mình dấn thân vào biển cả nguy hiểm, được hạt báu Như ý này đem về cứu tế, mọi người đã được đầy đủ không còn thiếu thốn gì nữa. Giờ đây tôi khuyên mọi người siêng tu Thập thiện, giữ gìn thân khẩu ý, nhân từ hiếu thuận, tinh tấn khắc phục ý, chớ nên phóng dật!” Đại Thí dùng các phương tiện rộng khuyên làm lành. Chàng làm các văn thư gửi cho vua quan khuyên dân chúng đều được nghe biết. Bấy giờ tất cả dân chúng trong Diêm-phù-đề được nhờ ân Đại Thí, họ nghĩ nên làm gì để đền ân đức ấy. Họ chỉ biết tuân lời giáo hóa tu Thập thiện, chuyên tập lòng từ kính, giữ gìn thân, khẩu, ý thanh tịnh, sau khi mạng chung đều được sinh lên cõi trời.

Nói đến đây, Đức Phật nhắc lại:

– Nay Xá-lợi-phất, ông nên biết vị Bà-la-môn Ni-câu-lâu-đà thuở đó nay là vua Tịnh Phạn, cha Ta; còn bà mẹ nay là Ma-ha Ma-da, mẹ của Ta. Đại Thí chính là tiền thân của Ta. Vị Long vương ở thành bằng bạc nay là Xá-lợi-phất, Long vương trong thành lưu ly nay là Mục-kiền-liên, Long vương ở thành bằng vàng nay chính là A-nan, Thần biến thuở đó nay là ông Ly-việt. Ông A-nan khi đó làm Long vương thết đãi Ta khéo biết thời nghi, cho đến ngày nay cũng muốn hầu Ta cho đúng thời tiết. A-nan muốn được ba nguyện ấy là tùy ý muốn của ông.

A-nan nghe Đức Phật nói về tiền kiếp, rất vui mừng, từ chỗ ngồi đứng dậy chấp tay bạch:

– Con xin đem thân này làm thị giả, xin Thế Tôn từ bi hứa khả.

Bấy giờ chúng hội nghe Đức Phật thuyết về tiền kiếp, cảm niệm đại ân chuyên tâm tư duy pháp Tứ diệu đế, có người đắc quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm và A-la-hán, có người gieo trồng nhân duyên căn lành Bích-chi-phật, có người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, có người được trụ Bất thoái địa, đều hoan hỷ đánh lễ phụng hành.



KINH HIỀN NGU

QUYỂN 9

Phẩm 41: TRỜI TỊNH-CU' THỈNH PHẬT TẨM

Tôi nghe như thế này:

Thuở nọ, Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ trời Thủ-đà-hội xuống cỗi Diêm-phù-đề, đến chỗ Đức Thế Tôn thỉnh Phật và chúng Tăng để cúng dường và tắm gội. Đức Thế Tôn im lặng, được coi là hứa khả. Thiên tử liền bày các thức ăn uống và sửa soạn dụng cụ tắm gội, nhà tắm nước ấm áp vừa thích hợp cơ thể, tô dầu cỏ giặt giũ, đều chuẩn bị đầy đủ, sắp xếp xong xuôi, rồi bạch Thế Tôn:

— Giờ thọ trai đã đến, kính thỉnh Thế Tôn chứng giám. Lúc đó Đức Thế Tôn và các Tỳ-kheo nạp thọ sự cúng dường. Trước tiên tắm gội sạch sẽ, sau đó mới thọ thực. Thức ăn của ông ngon ngọt ở thế gian hiếm có. Ăn xong Đức Phật và các Tỳ-kheo trở lại ngồi chỗ cũ. Lúc đó A-nan chấp tay quỳ bạch Thế Tôn:

— Vị trời này xưa kia làm công đức gì mà hình

thể tốt đẹp, uy tướng hiếm quý, ánh sáng chói lọi, như ngọn núi báu? Cúi mong Thế Tôn nói cho chúng con được biết việc ấy.

Đức Phật bảo:

– Nay A-nan, hãy lắng nghe, khéo gìn giữ, Ta sẽ giải nói. Thời Đức Phật Tỳ-bà-thi quá khứ, vị trời này là một người nghèo, thường đi làm thuê để nuôi thân. Nghe Đức Phật nói về công đức cúng dường, tấm gọi cho chư Tăng, trong lòng vị ấy vui mừng suy nghĩ muốn thỉnh cúng dường. Vị ấy bèn siêng năng làm mướn để dành được ít tiền, mua các thứ dụng cụ tấm gọi và các thức ăn uống thỉnh Phật và chúng Tăng hết lòng cúng dường, do phúc hạnh ấy, sau khi mạng chung sinh lên cõi trời Thủ-đà-hội và có tướng sáng đẹp này.

Đức Phật lại bảo:

– Nay A-nan, vị trời này chẳng những hôm nay thỉnh Phật và chúng Tăng mà ở thời Đức Phật Thi-khí cũng đến thế gian cúng dường Thế Tôn ấy và Tăng chúng, đến thời Phật Ca-diếp cũng lại như vậy.

Đức Phật lại bảo:

– Nay A-nan, vị trời này chẳng những cúng dường bảy Đức Phật mà đời hiện kiếp sau này dù cho có một ngàn vị Phật ra đời cũng đều thỉnh Phật và chúng Tăng tấm gọi giống như ngày nay không có sai khác.

Bảy giờ Thế Tôn nhân đó thọ ký vị trời này ở đời sau mãi một trăm kiếp a-tăng-kỳ, sẽ được làm Phật, hiệu là Tịnh Thân, đầy đủ mười hiệu, giáo hóa chúng sinh không thể hạn lượng.

Khi đó ngài A-nan và đại chúng nghe Đức Phật nói thế vui mừng khôn lường, đồng thanh nói:

– Đức Như Lai ra đời làm lợi ích rất lớn, như ông Tịnh Cư này cúng thí ít mà được phúc báu rất nhiều.

Đức Phật bảo:

– Nay A-nan, lành thay! Lành thay! Đúng như lời ông nói.

Đức Phật nhân đó vì chúng hội, rộng nói Diệu pháp, người nghe pháp có kẻ đắc đạo, Vãng lai, Bất hoàn, cho đến Ứng chân. Có người phát tâm cầu đại đạo. Ai nấy đều vui mừng, đánh lễ phụng hành.



Phẩm 42: THÁI TỬ THIỆN SỰ ĐI BIỂN

Tôi nghe nói như thế này:

Một lúc nọ, Đức Phật ở nước La-duyệt-kỳ, trong núi Kỳ-xà-quật, các đại Tỷ-kheo vây quanh nghe Ngài thuyết pháp.

Bảy giờ A-nan thấy Đề-bà-đạt-đa đối với Như Lai thường ôm lòng tật đố, ông xua đuổi voi uống rượu say để giẫm Phật và xô đá đè đè Phật, dùng mọi thứ để hại. Nhưng Đức Phật từ bi, thương xót

coi Đề-bà-đạt-đa như La-hầu-la không có sai khác. A-nan thấy ông ta làm như vậy, thường ôm lòng oán hận, suy nghĩ trong lòng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trích y bày vai phải, chấp tay quỳ thưa, than nói về việc đó. Đức Phật bảo:

– Nay A-nan, ông Đề-bà-đạt-đa không chỉ ngày nay có lòng ác đối với Ta mà ở đời quá khứ cũng từng làm thương hại đến Ta, nhưng Ta thường đối xử từ bi với ông.

Ngài A-nan liền bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, ở đời quá khứ Đề-bà-đạt-đa thường làm tổn hại Ngài, khi đó Ngài khởi lòng Từ đối với ông ta, việc đó như thế nào? Xin hãy nói cho chúng con được nghe.

Đức Phật bảo:

– Nay A-nan, đời quá khứ lâu xa, vô số vô lượng, không thể nghĩ bàn a-tăng-kỳ kiếp, ở cõi Diêm-phù-đề này, có một vị quốc vương tên Lặc-na-bạt-di (*Tân dịch là Bửu Khải*) thống lãnh năm trăm tiểu quốc vương. Ông có năm trăm phu nhân, thể nữ, đều không có con. Vua bèn cầu tự các vị trời, mặt trời, mặt trăng, sông núi, thọ thần... trải qua mấy năm, vẫn không được con. Vua rất đau buồn, tự nghĩ: “Ngày nay ta không con, một khi băng hà, nước không người nối dõi, thiên hạ ắt loạn, do đó phải làm sao? Năm trăm chư hầu không phục tùng sẽ ra sức tranh đấu, mạnh yếu cùng giết

hại lẫn nhau, tiêu dân mất nước đều do không người kế nghiệp cả.” Nghĩ như thế rồi, vua càng thêm lo buồn. Khi đó có một Thiên thần biết được ý của vua, báo mộng rằng: “Khu rừng ngoài thành có hai ông Tiên, ông thứ nhất thân có màu sắc vàng có phúc đức thông minh, hùng biện không ai có thể bì kịp, nếu ông cần con hãy đến đó cầu thỉnh, ắt ông ta sẽ hồi ý đến sinh vào vương gia.” Vua tỉnh giấc, vui mừng liền ra lệnh xa giá, dẫn theo vài người, đi khắp nơi tìm kiếm thì gặp được Tiên nhân, vua cầu xin than vãn:

– Nước không người nối nghiệp, đau buồn không yên, ngưỡng cầu đại Tiên sinh vào vương gia để nối dòng trị nước, cúi mong giáng lâm.

Khi đó Tiên nhân thấy vua ân cần không nở nghịch ý bèn nhận lời. Vị Tiên nhân thứ hai lại nói với vua:

– Ta cũng muốn sinh vào nhà vương gia.

Vua rất vui mừng rồi từ tạ về cung. Trải qua một thời gian, Tiên nhân sắc vàng liền mạng chung thì phu nhân của đại vương liền cảm biết thọ thai. Bà tên Tô-ma, là phụ nữ rất thông minh, có thể biết được thai nhi là trai hay gái và bà tự nói:

– Tôi mang thai chắc chắn là con trai.

Đức vua và người trong cung nghe bà nói thế đều rất vui mừng. Vua ra lệnh thể nữ trong cung hết lòng lo lắng cho phu nhân được chu đáo, nào

giường, chăn, ăn uống... đều là những thứ mịn mềm, ngọt ngon, dịu dẽ lúc đi lại không dễ cho xảy ra nguy hiểm. Đến ngày khai hoa, đại phu nhân sinh được một hoàng nam tướng mạo đoan chính lạ thường, thân vàng, tóc xanh mươn mướt, đầy đủ nhân tướng, nhà vua và bá quan nội ngoại thành nhìn hoài không chán, nhân đó mời thầy tướng đến xem. Thầy tướng quan sát khắp nơi vui mừng tâu vua:

– Hoàng tử này tướng rất tốt, trong nhân gian khó có được. Đây là một người thông minh không ai có thể bì kịp.

Vua nghe rồi rất vui mừng, bèn nhờ thầy tướng đặt tên. Thầy tướng hỏi vua:

– Nay thái tử này thọ thai đến nay có điều gì thay đổi không?

Vua liền đáp:

– Hoàng hậu này tánh tình hung dữ, quá ham vui, vọng cử gian phi, thấy người thiện tâm sinh không vui, từ mang thai đến nay, tánh tình thay đổi khác, bà rất nhân từ thương người ngu, mến kẻ trí, ham tu bổ thí.

Thầy tướng nghe xong, khen rằng:

– Lành thay! Đứa trẻ này gá tình thức nơi người mẹ.

Bèn đặt tên là Ca-lương-na-già-lê (*Tân dịch là Thiện Sư*). Bà phu nhân thứ hai tên Phát Sắc được

vị Tiên thứ hai nhập thai, đến ngày cũng sinh được một người con trai, dung mạo đẹp đẽ lạ thường, lại cũng mời thầy đến xem tướng. Thầy tướng trông thấy nói:

– Vị thái tử này là người đầy đủ phước đức, trí năng.

Vua nhờ đặt tên, thầy tướng hỏi:

– Khi mang thai người mẹ tính tình có gì khác không?

Vua nói:

– Mẹ thái tử này tính tình trung thực hiền lành, có lòng Từ thích làm việc thiện, nhưng từ khi mang thai đến nay thì ngược lại rất thích việc ác, ghen ghét người hiền tài, thấy việc thiện thì không vui.

Thầy tướng lại nói:

– Đây cũng là đứa trẻ gá thai nơi mẹ.

Nhân đó đặt tên là Ba-bà-gia-lê (*Tân dịch là Ác Sư*). Bấy giờ nhà vua rất chú tâm yêu mến Ca-lương-na-già-lê (*Thiện Sư*) bảo xây cung điện ba mùa, để khi mùa đông ở cung điện ấm áp, mùa xuân, thu ở trong nội điện, mùa hạ ở cung điện mát mẻ, sắp xếp kỹ nhạc giúp vui cho thái tử. Thái tử lớn lên thông minh lanh lẹ lại thường học các sách vở thế gian cả mười tám bộ đọc thuộc rành rẽ, khéo giải nghĩa lý tường tận. Một hôm thái tử xin ra ngoài thành dạo chơi, đức vua cho phép và ra lệnh dọn dẹp quét sạch đường xá. Thái tử cỡi voi trắng

lớn, cầm roi bạc, có cả ngàn người theo sau, tất cả nhân dân chen đứng hai bên đường, trên lầu gác, người xem đông vô số kể, đều khen thái tử tướng giống như Phạm thiên, uy nghi dung mạo, trong nhân gian ít có. Khi đó thái tử trông thấy người ăn xin, thân thể gầy xầu, áo quần rách rưới dơ bẩn, tay trái cầm chiếc thau bể, tay phải cầm cây gậy, nói lời cầu xin thương xót. Thái tử hỏi tùy tùng:

– Đây là người gì thế?

Quần thần thưa:

– Những người này côi cút cô đơn hoặc không có cha mẹ, không chỗ nương tựa, đau bệnh điên cuồng... không thể làm lụng, không có được một đồng tiền, xin người qua đường để nuôi thân miệng như vậy.

Khi ấy thái tử thương xót, lòng càng đau đớn. Lại đi tới một đôi thì trông thấy những người đồ tể giết hại súc sinh, xẻ cắt để cân bán. Thái tử hỏi:

– Tại sao làm việc này?

Họ nói:

– Từ đời ông nội của chúng tôi đến nay đều sống bằng nghề này, nếu bỏ nghề này thì không thể tự nuôi sống được.

Thái tử nghe rồi than thở dài mà đi, đi tới trước thái tử trông thấy nông dân cày ruộng đất tung ra, côn trùng, cua ếch bắt nuốt ăn, lại có những con rắn rình bắt lấy cua ếch mà ăn. Trên trời có chim

không tước bay đến mổ lấy con rắn ấy ăn. Thái tử hỏi họ:

– Tại sao làm việc này?

Nông phu đáp:

– Đây là nghề nghiệp của chúng tôi, nơi đất này gieo giống, sau này sẽ thu được lúa thóc để cung cấp lương thực cho mình và đóng thuế cho vương gia.

Thái tử than:

– Người ta do ăn uống mà giết hại chúng sinh, làm lụng thân thể cực khổ như vậy.

Rồi lại đi tới trước nữa, trông thấy những thợ săn đang giương cung nhắm bắn bầy chim và lại thấy họ giăng bẫy lưới bắt được các con cầm thú để nằm trên mặt đất la hét rất kinh sợ, giãy giụa mà không thể thoát ra được, thái tử hỏi:

– Tại sao làm như vậy?

Họ đều nói:

– Chúng tôi bắt các cầm thú để bán mà nuôi sống thân mình.

Thái tử nghe thế than thở rồi đi đến bên bờ sông, thấy các ngư phủ giăng lưới bắt cá, họ để trên mặt đất cá nhảy lung tung, còn cá chết nhiều vô số. Thái tử lại hỏi, họ đều đáp:

– Chúng tôi nhờ nghề bắt cá này để mua y áo và thức ăn nuôi sống thân mình.

Thái tử thở dài, thương xót cho quần sinh vì

miếng ăn manh áo mà phải giết hại chúng sinh như thế, vì để cung cấp cho thân miệng mà gây tội lỗi, quả báo sau này sẽ thế nào? Rồi ngài quay lại trở về cung buồn bã không vui, đến tâu vua cha xin ban cho một điều. Vua nói:

– Con muốn gì trăm không ngăn cản.

Thái tử thưa:

– Vừa rồi, con ra ngoài thành dạo chơi trông thấy những người dân vì miếng ăn áo mặc mà phải giết hại, dối trá, gây tội ngày càng tăng, lòng rất đau xót, con muốn được giúp cho họ, mong phụ hoàng lấy của trong kho bố thí cho họ để họ khỏi phải chịu thiếu thốn.

Đức vua nghe thái tử nói thế càng thương mến gấp bội, không thể trái ý, bèn hứa cho. Lúc đó thái tử liền bảo đi tuyên bố cho dân chúng hay: “Thái tử Ca-lương-na-già-lê bố thí cho người nghèo thiếu... ai cũng cho cả, nếu người muốn cần vàng bạc, châu báu hoặc y phục, các thứ ăn uống, hãy đến cửa thành hoặc trong chợ, ai cần gì đã sắp xếp có người cung cấp cho tất cả.”

Bấy giờ trong nước, các Sa-môn, Bà-la-môn, người nghèo khổ, neo đơn, già cả, bệnh tật..., người mạnh dui kẻ yếu lần lượt đi đến, cần áo quần cho áo quần, cần thức ăn cho thức ăn, cần vàng bạc, châu báu... tùy ai thích gì thì cho nấy. Khi đó nhân dân truyền miệng với nhau khắp cả Diêm-phù-đề

đều vân tập đến, đem kho báu nhà vua ra bố thí hết hai phần ba. Bấy giờ, quan giữ kho vào tâu vua:

– Đại vương đã ra lệnh phải dự trữ lương thực để thường tiếp đãi năm trăm nước nhỏ và các sứ giả tới lui, các vật báu cần dùng cùng dự trữ, nay thái tử đem của trong kho ra cho dân chúng đã hết hai phần ba, vì thế mong đại vương suy xét lại, để sau này khỏi hối hận.

Vua nghe quan giữ kho nói thế bảo:

– Thái tử của ta đây ham thích bố thí rất là mãnh liệt không thể lay chuyển, nếu ta ngăn cấm ý thái tử khiến thái tử đau buồn, vậy phải nên làm thế nào để vui ý thái tử mà không trái nghịch ý của thái tử.

Quan giữ kho tâu:

– Các đồ vật trong kho trước đây hàng ngày đem bố thí trong ba phần đã dùng hết hai. Còn một phần nên để lại, không thể cho hết, mong đại vương suy xét chín chắn, sau này đừng đổ lỗi cho hạ thần.

Vua bèn suy nghĩ mà bảo quan giữ kho:

– Ta rất yêu thương con ta, không muốn làm trái ý của nó. Vậy khi thái tử đến lấy bố thí, khanh nên tránh chỗ khác để thái tử không lấy của ra cho được, như vậy lương thực trong kho có thể giữ được lâu dài.

Khi đó quan giữ kho được lệnh vua dạy rồi,

hôm sau lúc thái tử đến lấy của cải thì ông đi tránh mặt nơi khác, đôi lúc lấy được, đôi khi không lấy được, chứ không nhất nhất đều lấy được. Thái tử cảm thấy thế mà thâm nghĩ: “Nay quan giữ kho này có lẽ nào dám trái ý của ta, có lẽ vâng theo lệnh vua, nên hấn làm như thế. Lại nữa, người con có hiếu thì không nên làm hết của cải cha mẹ. Nay trong kho này của cải không còn được bao nhiêu, ta phải nên làm thế nào để được của cải châu báu để bố thí cho dân chúng không bị thiếu thốn.” Nghĩ thế rồi liền hỏi hầu cận:

– Ở thế gian này làm việc gì có thể được nhiều tiền bạc để tiêu dùng như ý?

Có người nói:

– Không sợ tai nạn, đi xa mua bán có thể được nhiều tiền bạc.

Có người nói:

– Chịu đựng nóng lạnh, cày xới ruộng đất, gieo nhiều ngũ cốc thì có thể được nhiều tiền của.

Lại có một người nói:

– Nuôi nhiều súc vật, tùy thời tiết chăm sóc nó sẽ có được nhiều tiền của.

Có một người nói:

– Không tiếc thân mạng đi vào biển đến Long cung, cầu xin ngọc Như ý, việc này mà thành tựu, thì được nhiều tiền bạc nhất.

Lúc đó thái tử nghe mọi người nói thế thì tự

nghĩ: “Mua bán, làm ruộng, nuôi súc vật thì không nên, được lợi không bao nhiêu. Chỉ có vào biển tìm đến Long cung, việc này hợp ý ta.” Nghĩ như vậy rồi, thái tử đến tâu vua cha rằng:

– Con muốn vào biển tìm kiếm châu báu để về bố thí cho dân chúng, cúi mong phụ hoàng, mẫu hậu cho phép con được ra đi.

Vua và hoàng hậu nghe thái tử nói, rất đau buồn, hỏi thái tử:

– Con có ý gì mà muốn vào biển? Vả lại muốn bố thí theo ý con, trong kho hoàng cung có nhiều của cải sẽ cho con hết để con dùng bố thí, tại sao lại tự bỏ mạng nơi biển cả. Lại nữa, nghe ở trong biển có nhiều nạn dữ, gió độc, La-sát, sóng to nước xoáy, cá đại Ma-kiệt, chỉ có nước trời một màu xanh thẳm, các tai nạn như thế, sự an toàn rất ít, trăm người ra đi chỉ có một kẻ trở về. Nay con vội gì mà dẫn thân đến chốn nguy hiểm, trăm và mẹ con sao chẳng lo buồn. Các vua, thần dân đều buồn rầu lo sợ, con nên bỏ ý nghĩ này chớ có vẩn vương.

Khi đó thái tử nghe vua nói, trong lòng còn lo tính, ý vẫn muốn cứu giúp, tuy vua ngăn cản nhưng ý chí không dao động, quyết đem thân mạng hết lòng làm việc này. Cúi mình nằm xuống đất trước vua tâu:

– Cúi mong thương xót chịu theo tâm con, nếu như trái nghịch không cho phép, con sẽ nằm mãi

không đứng dậy.

Vua, hoàng hậu và các quan, tất cả mọi người đều thấy ý thái tử không chịu xoay chuyển, tự thệ nằm dưới đất cho đến chết, mọi người đều khuyên giải để thái tử đứng dậy, nhưng ý chí thái tử như lúc ban đầu không thay đổi. Từ một ngày đến hai ngày, rồi đến sáu ngày, vua và hoàng hậu cùng bàn với nhau:

– Thái tử không ăn đã trải qua sáu ngày rồi, đến ngày mai là bảy ngày, mạng sống ắt không an toàn, đưa con này trước sau gì cũng muốn làm theo ý nó không thay đổi ý chí. Nếu như để nó đi biển thì còn có ngày trở về, chứ nay ngăn cản ý nó thì sẽ chết, hết trông mong còn sống. Thôi hãy cho phép đi để khỏi sau này hối hận.

Vua và hoàng hậu đã bàn bạc xong, đồng đến bên thái tử cầm tay khóc lóc nói:

– Phụ hoàng và mẫu hậu cho phép con đi biển, hãy đứng dậy ăn cơm đi con!

Lúc đó thái tử nghe vua nói rồi vui mừng đứng dậy nói:

– Con chỉ đi biển không bao lâu sẽ trở về, chỉ mong chớ quá lo lắng cho con.

Rồi bày dọn các thức ăn ngon lạ, ăn xong đi ra ngoài thành tuyên bố: “Thái tử Ca-lương-na-già-lê muốn đi biển, ai có muốn đi hãy cùng đến”. Bấy giờ trong nước có năm trăm thương buôn vân tập

đề xin đi. Khi ấy trong nước có một người mù, ông từng là người hướng dẫn đường đi biển mấy lần. Thái tử nghe tin liền đi đến bên ông ân cần mời ông cùng đi vào biển; chỉ bày sự lợi hại khi ra biển khơi. Đạo sư mù nói:

– Tôi đã già, lại mù lòa không trông thấy, tuy muốn đi nhưng e sợ khó khăn. Đức vua rất yêu quý thái tử vô cùng, nay trong chốc lát vắng đi thái tử thì ôm lòng chờ đợi trông mong, nay lại nghe cùng lão già này đi vào biển cả chắc là kháng cự thì lỗi cho già này không ít đâu.

Lúc đó thái tử nghe nói thế rồi bèn trở về cung, tấu vua cha:

– Tâu phụ hoàng, nay trong nước này có một Đạo sư mù, trước kia từng ra vào biển cả mấy lần, mong phụ hoàng cho phép ông đi cùng con. Vua nghe nói thế bèn đến chỗ vị Đạo sư mù nói:

– Thái tử con ta đây giữ ý chí muốn đi biển, trăm dùng mọi thứ khuyên ngăn nhưng vẫn kiên quyết không lay chuyển, sự việc bất đắc dĩ nay cho phép thái tử đi, nghĩ vì thái tử tuổi trẻ, chưa từng nếm mùi cay đắng, nghe ông trước kia đã từng vào ra biển cả, mong ông nhọc nhằn cùng đi và trợ giúp.

Bấy giờ vị Đạo sư mù nghe vua nói thế, liền tâu:

– Đáng tiếc lão đây tuổi già mù lòa không trông

thấy gì cả. Đại vương đã ra lệnh, há dám trái lại.

Vua nghe nói thế, liền trở về cung. Lúc bấy giờ thái tử cùng Đạo sư bàn bạc định ngày xuất hành. Nói về đức vua trở về cung hỏi quần thần tả hữu rằng:

– Ai thương mến ta, có thể cùng thái tử tìm kiếm châu báu. Thái tử Ba-bà-già-lê (*tức Ác Sự*) liền thưa:

– Xin cho con cùng đại huynh đi biển. Vua nghe nói, tự nghĩ: “Nay có em cùng đi, trong gian nan nguy hiểm có thể giúp đỡ lẫn nhau còn hơn là người khác.” Nghĩ thế rồi liền cho phép Ác Sự cùng đi. Bấy giờ thái tử xuất ba ngàn lượng vàng, một ngàn lượng để mua lương thực, một ngàn lượng dùng để đóng thuyền, còn một ngàn lượng để mua sắm các thứ cần thiết. Mọi việc lo xong xuôi, đến lúc xuất phát, vua và hoàng hậu, các quan, dân chúng khóc lóc tiễn biệt xuất dương. Lúc ấy thái tử Thiện Sự (*Ca-lương-na-già-lê*) cùng các đồng bạn lên đường đến bờ biển, đợi thời tiết đầy thuyền xuống nước, dùng bảy sợi dây thừng lớn buộc ở bờ biển, lắc linh xướng lớn với mọi người:

– Các người đều đã biết, trong biển cả có rất nhiều nạn, nào là sóng to gió lớn, rồng dữ, La-sát, cá Ma-kiệt lớn, trời nước một màu xanh thẳm và còn các nạn khác nữa rất nhiều. Xưa nay, người ra biển gặp việc tốt trở về rất ít, nếu ai còn nghi ngờ sợ sệt thì có thể ngay lúc này nên trở về, còn ai có

thể vững vàng ý chí, xả bỏ thân mạng, không bận lo cho cha mẹ, không lưu luyến vợ con thì nên cùng ra biển cả, tìm đến chỗ của báu, như gặp được châu báu an ổn trở về thì con cháu dùng bảy đời cũng không hết.

Mỗi khi xướng lệnh như vậy thì cắt đứt một sợi dây thừng, ngày ngày như thế đến bảy ngày, xướng lệnh xong xuôi, cắt sợi dây thừng thứ bảy, trương buồm xuôi gió, thuyền chạy như tên bắn, cùng các đồng bạn đến nơi có của báu. Thái tử là một người rất thông minh, thông đạt các sách thế gian, biết phân biệt màu sắc giá trị của châu ngọc, chỉ bày cho mọi người biết các thứ ngọc thạch xấu tốt, để họ tùy ý chọn lấy, lại còn dặn dò với họ lấy của báu nhiều ít để thuyền không quá tải, e sợ đắm thuyền, nếu lấy ít thì uổng công đi cực nhọc. Dặn dò xong, một mình cùng Đạo sư dùng riêng thuyền nhỏ cùng vài người khác, đi thêm về phía trước. Đạo sư hỏi:

– Phía trước đây có phải thái tử thấy có núi màu trắng không?

Thái tử đáp:

– Thấy!

Đạo sư nói:

– Đây là núi bạc.

Lại tiến tới trước nữa, đạo sư lại hỏi:

– Ở trước là núi màu cam, ngài có thấy không?

Thái tử đáp:

– Đã thấy!

Đạo sư nói:

– Đó là núi lưu ly cam.

Lại đi tới trước nữa, ông lại hỏi thái tử:

– Ở đây có nhìn thấy núi màu vàng không?

Thái tử nói:

– Thấy!

Đạo sư nói:

– Đây là núi vàng, đến núi vàng ngồi trên cát vàng. Ta nay yếu ớt chắc không thể giúp ngài về phương diện này, con đường đến và lui, ngài tự đi, phía trước có một cái thành, thành ấy rất đẹp, làm bằng bảy báu. Đến cổng thành, nếu như cổng đóng cửa thì bên cổng thành ấy có chùy kim cương vàng, ngài lấy chùy này đập vào cửa thành đó. Trong thành sẽ có năm trăm Thiên nữ đều bụng châu báu đến để dâng cho ngài, lại có một người con gái đặc biệt tôn quý nhất không ai bằng, nàng cầm một viên ngọc báu màu cam tên Chiên-đà ma-ni (*tức ngọc Như ý*). Đây là châu Như ý nên gìn giữ đừng để mất đi. Ngoài ra họ cho những thứ khác cũng có thể lấy được cả, nên khéo giữ các căn. Tôi nay rất yếu, còn lại chút mạng thừa, nếu sau khi mạng chung, nhớ nghĩ đến ân của tôi thì hãy chôn tôi tại bãi cát vàng này.

Đạo sư nói xong, dứt thở, mạng chung. Mọi người đối với ông đau buồn thương tiếc, mai táng

tại nơi ấy rồi theo lời dạy của ông mà tiến tới. Đi đến thành bằng bảy báu, cổng thành đang đóng chặt, thấy cái chùy kim cương bên cạnh cánh cửa, như lời Đạo sư nói, thái tử lấy chùy kim cương đập vào cổng thành, cánh cửa bèn mở ra, có năm trăm Thiên nữ đều cầm châu báu dâng lên cho thái tử. Trước nhất có một cô gái tay cầm hạt châu màu cam, thái tử lần lượt nhận lấy để trong chéo áo, rồi quay trở về. Trước khi thái tử từ biệt, Ba-bà-già-lê lại nói với mọi người:

– Đi đến đây không phải dễ dàng phải nên lấy nhiều. Mọi người tham châu báu lấy nhiều, thái tử trở về, thuyền bị đắm chìm, những người thương buôn thoát chìm thoát nổi. Thái tử Ca-lương-na-già-lê đã có ngọc Như ý nên thân không chìm, Ba-bà-già-lê kêu gọi thái tử nên tìm cứu giúp chớ có bỏ mọi người. Thái tử Ca-lương-na-già-lê bèn cố gắng kéo vớt những người đang trôi nổi vào bờ. Đến bờ biển, các anh em nói:

– Anh em chúng tôi khi từ biệt cha mẹ đi biển đến nay, mong là không về tay không, trừ khi gặp việc không tốt, mất hết của cải, một mình về tay không thật rất xấu hổ.

Ca-lương-na-già-lê vốn tính trung trực, liền nói với người em:

– Anh có được của báu.

Người em nói với anh:

– Anh hãy đem ra cho xem.

Người anh liền mở ché áo đưa hạt châu Như ý cho em xem. Người em thấy được hạt châu, nhân đó mà ôm lòng nhớ lại rằng: “Phụ vương ta, ân từ không rộng rãi, yêu mến anh nhiều hơn ta, nay hai người đều đi biển, anh được ngọc báu lạ, còn mình thì tay không trở về. Từ đó về sau sẽ coi thường ta, ta nên làm thế nào? Nhân lúc Thiện Sự (*Ca-lương-na-già-lê*) ngủ, ta ngầm giết bỏ, chiếm đoạt ngọc Như ý, về tâu phụ vương rằng anh Thiện Sự bị chìm chết ngoài biển, lúc đó phụ vương sẽ không làm gì khác hơn là yêu mến ta.” Nghĩ thế rồi, hắn tự ngầm mưu tính, nói với người anh:

– Sắp đến gần thôn, anh em chúng ta không nên cùng ngủ, nên ngồi canh giữ châu báu.

Người anh liền đồng ý thường cùng canh giữ. Ba-bà-già-lê ngủ nghỉ trải qua thời gian lâu rồi thức dậy, kể đến người anh nằm ngủ, do ngồi thức canh giữ lâu, nên nằm xuống đã ngủ thiếp đi. Ba-bà-già-lê đi vào trong rừng tìm cây có gai thật nhọn, liền lấy hai cây dài năm tấc, cầm đến bên người anh, cầm gai đâm vào mắt rồi ôm châu báu mà chạy đi. Thái tử Ca-lương-na-già-lê đau đớn la to:

– Ba-bà-già-lê! Ba-bà-già-lê ơi! Ở đây có cướp!

La lớn như vậy mấy lần nhưng không có ai ứng

đáp. Khi đó Thọ thần hiện ra nói với thái tử:

— Ba-bà-già-lê là kẻ cướp của ngài, đã đâm vào mắt ngài, ôm châu báu đi rồi.

Thái tử đau đớn quần quai đau khổ tìm đường về nước Lê-sur-bạt-đà. Đi đến được một cái đầm nước, gặp lúc năm trăm con trâu cũng đến bên bờ đầm, có một con trâu chúa trông thấy thái tử thương kính le lưỡi ra liếm nơi mắt thái tử, các con trâu khác đứng nhìn kinh ngạc vô cùng. Khi ấy người chăn trâu đến xem thử thì mới thấy có một thái tử đang nằm trên mặt đất, còn nơi hai mắt là hai cây gai dài, trông thấy hình tướng biết là phi phạm, liền rút cây gai ra, công về nhà, rồi lấy sữa tô đắp lên vết thương, lo cho ăn uống, săn sóc chu đáo. Trải qua một thời gian, đôi mắt đã lành. Lúc đó thái tử hỏi người chăn trâu:

— Anh ở nơi đây có cơ nghiệp gì?

Người chăn trâu đáp:

— Tôi ở đây không có cơ nghiệp gì cả, chỉ nương nhờ sữa bò đem bán để nuôi sống.

Thái tử tự nghĩ: “Ta gặp ách nạn làm phiền chủ nhà, thường phải săn sóc phụng dưỡng ta, nay vết thương đã bớt dần, có thể đi lại được, nên đi tìm nơi khác.” Nghĩ thế rồi, thái tử nói với chủ nhà:

— Thời gian tôi ở đây đã lâu, phiền chủ nhân lo lắng, cảm niệm chủ nhân rất nhiều, ân sâu này khó mà đáp đền. Tôi muốn đi đến trong thành, từ từ xin

ăn để tự nuôi sống.

Người chủ trại trâu nghe thái tử nói tự nghĩ: “Chắc là vợ con, nô tỳ trong nhà này chán ghét nên muốn ra đi, nếu không phải vậy tại sao lại từ biệt”, nghĩ vậy rồi vào nhà hỏi:

– Các người có làm việc gì chẳng tôn trọng mà khiến quý khách muốn từ biệt ra đi?

Mọi người trong nhà đều nói:

– Chúng tôi đây coi anh ta như tình anh em, không biết duyên sự gì mà anh ta muốn ra đi?

Lúc đó chủ nhà nói với thái tử:

– Tôi hầu hạ lo lắng cho ngài chưa từng thất lễ, vì thế ngài không thể bỏ chúng tôi mà ra đi ăn xin.

Khi đó thái tử nghe người chủ nhà nói có ý ân cần lo lắng nên ở lại. Trải qua một thời gian, ngài lại nói với chủ nhà:

– Anh hầu hạ lo lắng cho ta lúc nào cũng không có thiếu thốn, mọi người trong nhà cũng đối xử với ta rất trọng hậu, mong anh sai một người dẫn đường cho ta.

Khi đó người chủ trại trâu thấy thái tử nản nỉ sợ làm phật ý khiến thái tử buồn rầu, bèn tự mình dẫn đến trong thành rồi từ biệt thái tử trở về. Thái tử nói:

– Anh thương xót tôi thì hãy mua cho tôi một cây đàn cầm để tôi tự làm vui.

Bấy giờ người chủ trại trâu mua một cây đàn

cho thái tử rồi từ tạ ngay khi đó. Thái tử Ca-lương-na-già-lê vốn có nhiều tài năng, ca tụng văn từ rất khéo giỏi, liền ca hát dùng đàn cầm hòa tấu, âm thanh rất thanh nhã, người dân trong thành, ai nghe được âm thanh đều cũng thích, đến nghe xem không biết chán. Họ đem thức ăn, thức uống tranh nhau đến cho thái tử. Trong thành ấy hiện có năm trăm người ăn xin đều rủ nhau đến sống nhờ thái tử mà được no ấm. Vua nước Lê-sư-bạt có một quan trông coi vườn, ông thấy trong vườn có quả táo chín, chim Anh vũ thường tới ăn, tìm cách đuổi mà nó vẫn không sợ. Lúc đó quan coi vườn gánh táo đem về cho vua, trong đó có quả táo ngon nhưng đã bị chim Anh vũ mổ ăn đôi chút. Vua trông thấy nổi giận muốn gia hình quan coi vườn. Ông hoảng sợ tự trình bày với nhà vua:

– Vì nhà hạ thần thiếu nhân lực nên mới khiến sự trông coi không chu đáo, chỉ mong bệ hạ khoan thứ xin đừng bắt hạ thần hình phạt.

Bấy giờ vua bèn tha thứ không hỏi tội ông nữa, quan coi vườn được thoát chết. Vua sai tìm người khác thay thế. Một hôm ông trông thấy thái tử Ca-lương-na-già-lê ở bên đường, nhìn xem tướng mạo trung thực bèn hỏi:

– Ông có thể vì tôi trông coi vườn không? Nếu làm được tôi sẽ cung cấp không để cho ông thiếu thốn.

Thái tử đáp:

– Mất tôi không trông thấy làm sao giữ vườn được.

Quan giữ vườn nói:

– Nếu ông muốn giữ vườn, dù không trông thấy thì nên dùng phương tiện, làm nhiều dây thừng buộc cái linh ở ngọn cây, rồi lần lượt nắm đầu sợi dây mà kéo. Nếu nghe tiếng linh, chim Anh vũ sợ hãi không dám đến ăn trái.

Thái tử nghe nói thế đáp:

– Nếu thế thì tôi có thể nhận làm được.

Cùng bàn bạc xong xuôi rồi đi đến đó giữ vườn.

Nói về thái tử Ba-bà-già-lê (*Ác Sự*) về đến nước, vua ngạc nhiên thấy trở về một mình liền hỏi thăm tin tức. Thái tử Ba-bà-già-lê nói với vua:

– Tâu phụ vương, chúng con không may thuyền chở nặng bị chìm, Ca-lương-na-già-lê và các thương buôn và các cửa báu đều chìm ngoài biển cả. Riêng con cố gắng bơi mới được an toàn vào bờ.

Đức vua và hoàng hậu nghe nói xong đau buồn vô cùng, lúc nào cũng nước mắt chảy ràn rụa đầy mặt. Trong cung nội, thần dân hay tin việc này, không ai chẳng đau buồn, sớm chiều than khóc, luyến tiếc như tang cha mẹ.

Nói về thái tử Ca-lương-na-già-lê bình thường có yêu mến một con chim nhạn. Vua bảo chim

nhận:

– Thái tử nuôi nấng mày, nay thái tử đi biển chìm mất không thấy trở về, tại sao mày không đi tìm kiếm?

Vua viết một phong thư buộc vào cổ chim nhận. Nhận liền tung cánh bay khắp nơi tìm kiếm, bay khắp vườn, biết tiếng đàn của thái tử liền hạ cánh xuống xem thì gặp thái tử, tiếng kêu vừa mừng vừa buồn không thể tả nổi. Thái tử nghe biết, liền mở cổ lấy phong thư, nhưng mắt không trông thấy nên không thể đọc được, không thể dùng bút giấy viết thư cho vua. Nói về thái tử Ba-bà-già-lê đâm mất thái tử Ca-lương-na-già-lê rồi trải qua mọi cực nhọc về đến cung vua và chuyện buộc phong thư trên cổ chim nhận bay đi...

Bấy giờ tại cung vua Lê-sư-bạt, có một người con gái dung mạo đoan chính đẹp đẽ khác thường, ở thế gian rất ít có, vua rất yêu quý, không bao giờ làm trái ý cô. Khi đó cô gái xin đức vua đi ra ngoài thành tham quan vườn cảnh, vua bèn cho đi. Cô gái vào trong vườn thấy thái tử Ca-lương-na-già-lê, đầu tóc rối tung, mặt mũi dơ dáy, mắt không nhìn thấy gì, mặc bộ đồ rách xấu, ngồi ở giữa khu vườn. Cô gái quan sát thấy dáng điệu cũng có phong thái bèn ngồi bên cạnh cùng trò chuyện. Đến giờ ăn cơm, vua sai người kêu gọi cô gái trở về, cô sai gia nhân về tàu đức vua là cô muốn mang cơm đến nơi đây ăn. Tức khắc họ mang cơm đến, cô gái nói với

thái tử:

– Tôi muốn ngồi đây cùng ăn cơm với chàng.

Thái tử đáp:

– Tôi là người ăn xin, còn cô là vương nữ, làm sao có thể cùng ăn chung được. Nếu đức vua hay được, thì tội tôi không phải nhỏ.

Cô gái ân cần năn nỉ thái tử:

– Nếu chàng không chịu thì em không ăn.

Cứ như thế nói mãi mấy lần ép bức không thôi, thái tử mới chịu cùng ăn. Mặt trời đã nghiêng bóng sắp tối, vua sai người gọi cô gái về. Cô gái gia nhân về tâu với vua:

– Ta nguyện làm vợ người giữ vườn này, ngoài ra không muốn lấy quốc vương, thái tử. Nay ta một lòng ân cần như thế, cúi mong phụ vương chớ trái ý con,

Nàng bảo họ tâu vua đầy đủ mọi việc. Vua nghe rồi, không thể trái ý con, tự nói rằng: “Việc này tai ương, thương yêu nó quá, nó mới làm như thế. Đại vương Bảo Khải vì thái tử thứ nhất là Ca-lương-na-già-lê đến cầu hôn nó rồi, nay thái tử ấy đi biên chưa trở về, lại muốn làm vợ người ăn xin, làm nhục tên tuổi con người thật không ít, ta còn biết che giấu mặt mũi nơi nào?” Nói thế rồi lại sai người đến kêu con gái về. Cô gái giữ vững ý chí như ban đầu không thay đổi, vua yêu mến nên không trái ý con, bèn kêu dẫn về cung để mở tiệc

thành vợ chồng. Lại trải qua vài ngày, người vợ cứ hàng ngày bỏ đi, thật tối mới trở về. Người chồng lấy làm lạ hỏi:

– Em cùng anh đã là vợ chồng, sáng nào cũng bỏ đi đến tối mới trở về, tấm lòng không ở đây chắc vì người nào khác nên mới khiến làm như vậy chẳng?

– Người vợ nhân đó tự thề: “Em nay một lòng tôn trọng cùng nhau không dối thì khiến một con mắt chàng bình thường như cũ.” Vừa nói xong thì một con mắt sáng lại bình thường như xưa. Nàng lại hỏi thái tử:

– Cha mẹ chàng ở nước nào?

Thái tử nói với vợ:

– Em có nghe tên đại vương Lặc-na-bạt-di không?

Đáp:

– Dạ! Có nghe.

Thái tử nói:

– Đây là cha ta. Thái tử con vua đó là Ca-lương-na-già-lê, em có nghe không?

Đáp:

– Dạ! Có nghe.

Thái tử nói:

– Người đó chính là ta!

Người vợ ngạc nhiên hỏi:

– Tại sao chàng lại khổ cực đến như vậy?

Nhân đó thái tử kể lại đầu đuôi câu chuyện, người vợ nghe xong than thở nói với thái tử:

– Ba-bà-già-lê ôm lòng hại chàng, từ nào đến giờ chưa đến xứ này. Nếu chàng tìm được hắc, sẽ trừng trị như thế nào?

Thái tử nói:

– Ba-bà-già-lê tuy hại ta nhưng ta đối với hắc mãi không sân hận.

Người vợ lại nói:

– Việc này khó tin quá. Làm cho chàng khôn đồn như thế làm sao mà không sân?

Nhân đó thái tử Ca-lương-na-già-lê tự thệ rằng:

– Nếu ta đối với Ba-bà-già-lê không có chút sân hận mảy may như tơ tóc, ta chí thành không có dối, thì hãy khiến cho một mắt của ta bình phục như cũ.

Tự thệ xong thì con mắt sáng lại. Vợ thấy người chồng hai mắt đều sáng, tướng mạo đoan chánh, thật chưa từng thấy, vui mừng không kể xiết liền đến tâu vua cha:

– Thái tử Ca-lương-na-già-lê, phụ vương có biết không?

Vua đáp:

– Cha biết!

Cô gái liền nói:

– Nay cha có muốn gặp không?

Vua nói:

– Hiện thái tử ở đâu?

Cô gái nói:

– Chồng con hiện nay chính là người ấy.

Vua cười nói:

– Đứa con gái này cuồng si, đầu óc hỗn loạn, thái tử Ca-lương-na-già-lê đi biển chưa trở về, người mù ăn xin làm sao có tên như vậy.

Cô gái thưa:

– Xin phụ vương hãy đến đó xem.

Vua liền đi đến đó trông thấy biết là thái tử, lông tóc dựng ngược, xấu hổ, lo sợ. Vỗ ngực đến trước thái tử sấm hối, nói:

– Thật sự trẫm không biết, xin thái tử bỏ qua cho.

Vua bèn âm thầm đem thái tử về biên giới rồi truyền rao rằng: “Thái tử Ca-lương-na-già-lê đi biển trở về”, bày các thứ dụng cụ, xe voi ngựa cùng quần thần và đích thân nhà vua ra nghênh đón về đến hoàng cung, trang điểm cô gái, mới nói rằng:

– Từ lâu đã muốn phối ngẫu cô gái này.

Khi đó chim nhạn bay về, mang thư về nước, đại vương trông thấy chim nhạn, mở thư nơi cổ chim ra đọc, mới hay biết được tin tức thái tử còn sống và biết rõ mọi việc khổ nhọc, cay đắng. Vua và phu nhân thoát mừng, thoát buồn, trong cung, ngoài cung không ai chẳng đau buồn và phẫn hận,

bắt thái tử Ba-bà-già-lê gông cùm lại nhốt ở trong ngục tối và sắc lệnh cho vua Lê-sư-bạt: “Tại sao thái tử sống ở nước ông mà ông im lặng không cho hay. Khi thư đến đó thì voi, ngựa hầu tòng, nếu trái lại thì ta sẽ đến chinh phạt.” Sứ giả mang thư đến nước của vua Lê-sư-bạt, vua mở ra đọc. Khi đó thái tử nói với vua Lê-sư-bạt:

– Trước đây người chăn trâu là ân nhân của tôi, nay tôi thương nhớ muốn đến đó gặp anh ta, có thể sai sứ kêu anh ta đến đây chăng?

Vua liền triệu đến. Thái tử nói với vua:

– Khi mắt tôi bị gai đâm, nhờ người này cung cấp, lo lắng cho tôi như cha mẹ tôi, xin đức vua hãy vì tôi mà báo ân giùm.

Vua rất vui mừng tức thời ban cho y phục, voi ngựa, xe cộ, ruộng vườn, nhà cửa, vàng bạc châu báu, nô tỳ gia bộc cho người chăn trâu. Người chăn trâu rất vui mừng, được giàu sang hưởng suốt cuộc đời. Nhân đó bày tỏ sự tình:

– Thái tử ở đây mà thật sự thảo dân này không biết, cúi xin xá tội. Nay thái tử được sáng mắt lại, cưới vợ, trang hoàng các thứ đầy đủ, kẻ hèn này xin được đưa tiễn.

Vua đã chuẩn bị trang hoàng năm trăm voi trắng, trang sức vàng bạc, rất đẹp lạ, chọn năm trăm người hầu hạ thái tử. Lại chọn năm trăm thị nữ rất đoan chính, tài năng khéo léo, dùng các báu

vật trang sức ngồi năm trăm chiếc xe cũng trang hoàng vật báu, rất đẹp lạ để tiễn cô gái ấy. Vua Lê-sư-bạt và quần thần có cả trăm ngàn xe cũng cùng đưa tiễn, kỹ nhạc ca tụng vây quanh trước sau, tiếng chúc mừng vang dội tiễn về nước nhà. Bấy giờ người sứ ấy đã mang thư đến, vua mở thư xem, càng thêm vui mừng bảo các vua lân cận, trang nghiêm voi ngựa, quần thần trăm cung, phu nhân thể nữ ra nghênh đón thái tử. Đến biên giới hai nước, khi đó thái tử trông thấy phụ vương đi xe đến, cúi đầu lễ bái hỏi thăm cha mẹ. Vua và phu nhân cũng ôm thái tử, thương nhớ vừa mừng vừa khóc, từ biệt đã lâu nay mới gặp lại con. Các quan, dân chúng trông thấy thế cũng vui mừng không thể tả xiết. Nói chuyện xong xuôi thì lên xe trở về. Đánh trống, gióng chuông, bày các thứ kỹ nhạc, vui mừng hướng về thành nội. Đến ngoài cổng thành, thái tử tâu vua:

– Ba-bà-già-lê hiện đang ở đâu?

Vua đáp:

– Người ác như vậy, thiên hạ không che chở, ta không nỡ thấy, đang bị giam trong ngục tối.

Thái tử tâu vua:

– Con nay đã về rồi, xin hãy thả hấn ra đi.

Vua nói:

– Tội của hấn rất sâu nặng, chưa được kiểm xét làm sao mà thả ra.

Thái tử lại nói:

– Nếu phụ vương không thả Ba-bà-già-lê ra thì con trọn đời không vào trong thành.

Vua liền sắc lệnh phóng thích Ba-bà-già-lê. Được thoát ra đến gặp thái tử, thái tử ôm lấy an ủi vỗ về, rồi sau đó mới vào thành. Bấy giờ vua và phu nhân, các quan, dân chúng trai gái già trẻ trông thấy thái tử đối xử oan gia coi như con đỏ, dù Ba-bà-già-lê dùng gai nhọn đâm vào mắt mà không có một chút oán giận, lại còn thương yêu hơn trước nữa, tất cả mọi người đồng tán thành khen ngợi, rất là đặc biệt trên trời nhân gian thật không ai có thể sánh bằng. Thái tử vào cung cùng Ba-bà-già-lê tình thân mật như cũ mới hỏi về châu Như ý hiện đang ở đâu. Ba-bà-già-lê nói:

– Hiện đang cất giấu dưới đất bên đường.

Thái tử cùng đến tìm kiếm mang về. Trở về hoàng cung lấy năm trăm châu báu cho các quan, chỉ còn hạt châu Như ý tự mình giữ lại, tay cầm hạt châu cầu nguyện: “Nếu thật sự là ngọc Như ý thì hãy khiến nơi cha mẹ tôi đang ngồi thành tòa bảy báu, trên đầu có tán che bằng bảy báu”. Thái tử nói xong thì biến thành giống như lời nói. Lại cầm hạt châu lên cầu nguyện: “Hãy khiến cho các kho trong cung vua, của thân dân, trước đây tôi đã đem bố thí được đầy trở lại như cũ,” tức thời hạt châu xoay bốn hướng thì tất cả các kho đều đầy lại như cũ.

Lại bảo các quan báo cho các nước biết, thái tử Ca-lương-na-già-lê nói bảy ngày nữa sẽ có trận mưa châu báu, liền thông báo cho thiên hạ đều hay. Đến hôm đó, thái tử tắm gội sạch sẽ, dựng tràng phan lớn, buộc viên ngọc trên đầu cây, mặc y phục mới, tay cầm lư hương, đánh lễ bốn phương, miệng tự nói: “Nếu đúng thật là hạt châu Như ý thì nên mưa mọi thứ cần dùng khắp nơi.” Cầu nguyện xong, bốn phương mây đen kéo đến, gió thổi mạnh bay đi các thứ bụi bặm ô uế, kể đến mưa lâm râm cho nên sạch bụi đất rồi lại mưa xuống các thức ăn thức uống ngon lạ, kể đến mưa ngũ cốc, rồi mưa y phục, mưa bảy báu đầy cả thiên hạ. Bảy giờ nhân dân khen ngợi vui mừng khôn lường, của báu quá nhiều nên nhìn thấy châu ngọc cũng như gạch ngói. Khi đó thái tử tuyên bố khắp nơi:

– Các người đã được mọi thứ cần dùng đầy đủ, không có gì thiếu thốn cả, nếu cảm biết được ân đức như vậy, thì hãy nên giữ gìn thân, khẩu, ý, tu Thập thiện đạo.

Khi ấy mọi người trong châu Diêm-phù-đề cảm niệm ân thái tử bố thí vô cùng, họ nghe lệnh ngài chỉ dạy siêng năng khắc phục tâm mình, tuân hành Thập thiện, không phạm các thức, việc ác, sau khi mạng chung họ đều sinh lên cõi trời.

Nói đến đây, Đức Phật bảo:

– Nay A-nan, nên biết thái tử Ca-lương-na-già-

lê kiếp trước chính là Ta đây. Phụ vương Lặc-na-bạt-di nay chính là phụ vương Tịnh Phạn. Người mẹ trước đó nay cũng chính là Ma-ha Ma-da, mẫu hậu của Ta. Vua Lê-sư-bạt thuở đó nay là Ma-ha Ca-diếp, người vợ nay là Đàm-di, còn Ba-bà-già-lê nay chính là ông Đề-bạt-đạt-đa. Người châu Diêm-phù-đề nhờ ân đức của Ta tức là tám vạn chư Thiên và các đệ tử Ta, những người được thọ ký. Nay A-nan, khi đó họ làm hại Ta cay đắng cực nhọc Ta còn lấy lòng Từ bi thương xót họ huống là ngày nay đã thành Phật đạo, mọi phiền não đều trừ sạch, Từ bi rộng khắp, bị người khác hại chút ít, lẽ nào chẳng xót thương.

Đức Phật nói xong, bấy giờ trong chúng hội nghe Thế Tôn nói thế cảm ân Ngài vì quần sinh trải qua bao gian lao cực khổ mà không thoái lui, đều khen ngợi chưa từng có, vui buồn lẫn lộn, ghi lòng siêng năng, suy xét Diệu pháp, có người nghe xong đắc quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, có người gieo trồng căn lành Bích-chi-phật, có người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, thấy đều cung kính, vui vẻ phụng hành.



Phẩm 43: CHUYỆN MA-HA LINH-NÔ

Tôi nghe như thế này:

Thuở nọ, Đức Phật ở nước Ca-duy-la-vệ, tại

Tăng-già-lam Ni-câu-lư-đà.

Đức Phật vừa trở về nước, các bà con họ Thích trông thấy uy nghi tướng mạo tốt đẹp lạ thường, thân sắc vàng ánh, ba mươi hai tướng tốt, nhìn mãi không chán. Họ đều vân tập để khen ngợi Như Lai: “Trong chúng tôi đây không có một người nào khả kính như thế.” Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe họ bàn luận rồi cùng đến bạch Phật, xin nói về công đức những người tán thán ngâm vịnh... Khi đó Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

– Các ông nên biết, kiếp trước Ta ở trong cõi này.

Khi ấy các Tỳ-kheo đồng bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, trong đời quá khứ, ở trong cõi này, tôi tôn tôi diệu, việc ấy như thế nào, xin Ngài nói cho chúng con được biết.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

– Hãy lắng nghe cho kỹ, ghi nhớ trong lòng, Ta sẽ vì các ông mà giải thích đầy đủ về việc quá khứ đó.

Các Tỳ-kheo đáp:

– Vâng! Chúng con xin lắng nghe!

Đức Phật bèn vì đại chúng nói:

– Ở đời quá khứ vô lượng kiếp a-tăng-kỳ không thể nghĩ bàn, tại châu Diêm-phù-đề có một đại quốc vương tên là Linh-nô. Vua ấy thống lãnh tám vạn bốn ngàn các tiểu quốc vương, một vạn đại

thần, năm trăm thái tử, phu nhân thể nữ cả thấy có hai vạn. Vị phu nhân lớn nhất tên Đề-bà-bạt-đề mang thai sinh được một thái tử, tướng mạo đoan chính, thân màu vàng tía, tóc xanh mượt, trong hai lòng bàn tay có ngàn xoáy ốc, dưới lòng bàn chân trái có hình con ngựa, dưới lòng bàn chân phải có hình voi trắng. Thái tử tướng phước đức trong nhân gian rất tôn quý hiếm có, dựa vào cha mẹ mà đặt tên là Đề-bà-linh-nô. Trải qua thời gian dài, Linh-nô lớn lên, một hôm vua Linh-nô bị bệnh nặng sắp chết. Các tiểu quốc vương, quần thần, thái tử đều đến thăm hỏi bệnh và hỏi:

– Nếu như sau khi đại vương mất, trong các thái tử nên chọn ai nối ngôi?

Vua nói:

– Nếu trong các con ta, người nào có đầy đủ mười tướng công đức thì lập người ấy lên làm vua. Thế nào là mười đức? 1. Thân màu sắc vàng, tóc xanh mượt. 2. Trong hai lòng bàn tay có hình Kim luân. 3. Dưới bàn chân phải có hình voi trắng. 4. Dưới lòng bàn chân trái có hình con ngựa. 5. Mặc y phục nhà vua với thân hình không lớn không nhỏ. 6. Ngồi lên ngai vàng uy đức vọi vọi. 7. Được các tiểu quốc vương, quần thần kính lễ khen ngợi vô cùng, đi vào trong cung các phu nhân thể nữ đều vui mừng, cung kính làm lễ. 8. Nếu đến Thiên tự (thiên miếu) thì phải làm lễ tượng gỗ Nê Thiên. 9. Phước đức uy lực có thể làm mưa bão bảy báu để cung

cấp cho tất cả mọi người. 10. Mẹ thái tử đó phải do phu nhân Đề-bà-bạt-đề sinh ra. Nếu thái tử nào đầy đủ mười công đức này thì lập làm vua.

Giáo sắc xong thì vô thường cũng vừa đến, đức vua qua đời. Vua các tiểu vương quốc và thần dân xem trong năm trăm thái tử coi ai có đầy đủ mười công đức này. Trong các thái tử, thân không sắc vàng, tóc không xanh mượt, trong lòng bàn tay không có xoáy ốc, hai lòng bàn chân không có tướng voi ngựa, mặc y phục nhà vua không vừa, ngồi trên bảo tòa tướng như sư tử gỗ muốn chồm dậy bắt người ăn. Các vua thần dân đều không kính lễ, đi đến trong cung, phu nhân thể nữ đều không vui mừng, không ai chịu kính lễ. Giả sử vào thiên miếu không chịu làm lễ Nê Mộc thiên, không thể hô khiến cho mưa châu báu, lại không phải do phu nhân Đề-bà-bạt-đề sinh ra, cho đến cả thấy năm trăm thái tử không có đủ mười đức tướng này. Cuối cùng có một thái tử thân sắc vàng, tóc xanh mượt, xem hai lòng bàn tay có hình Kim luân, trông coi hai lòng bàn chân có hình con voi con ngựa rõ như ban ngày, mặc y phục nhà vua vừa vặn thân hình, ngồi trên bảo tọa phước tướng uy phong, các tiểu vương, thần dân không ai chẳng kính lễ, đi vào trong cung, phu nhân thể nữ đều cung kính cho đến vào Thiên miếu tượng Nê Mộc thiên đều làm lễ, hô khiến được mưa châu báu, lại do phu nhân Đề-bà-bạt-đề sinh ra. Thái tử đã đầy đủ mười đức tướng. Các

tiểu vương, thần dân liền tôn lên làm vua. Đến ngày thứ mười lăm, sau khi lên ngôi, khi mặt trời vừa mọc, có bánh xe báu bằng vàng từ phương Đông đến, bánh xe ngang rộng một do-tuần, vua liền xuống tòa, gối phải chầm đất, quỳ bạch:

– Nếu như phước đức của tôi xứng đáng làm vua thì bánh xe báu gọi đúng tên tôi.

Liền đúng như lời nói, bánh xe báu bay đến trước điện dừng lại trên không trung. Voi trắng báu từ Hương sơn bay tới, lông đuôi đều có châu ngọc, nếu vua lên cỡi thì voi có thể bay, từ sáng đến trưa khắp bốn thiên hạ, nếu đi chân không, chân vua chạm đất thì đất biến thành cát vàng. Có ngựa báu màu cam, thân lông xanh cam, đuôi nó đều có đính châu ngọc, nếu vua lên cỡi, vừa trong khoảng bữa ăn thì có thể dạo khắp thiên hạ không bao giờ mệt mỏi. Thần châu báu tự nhiên bay đến, ánh châu ấy ngày đêm sáng rực trong vòng một trăm hai mươi do-tuần, lại có thể mưa xuống bảy báu, cho tất cả mọi người. Ngọc nữ báu tự nhiên bay đến, tướng mạo đoan chánh khác thường, thích hợp ý vua, quan giữ kho cần châu báu, cô đều cấp cho đầy đủ, không để thiếu thốn. Quan diễn binh, nếu khi vua cần bốn thứ binh lính, thì trong chốc lát binh lính vân tập đầy đủ, hành trận nghiêm chỉnh, uy lực phi phàm. Bảy báu đã được đầy đủ, vua ngồi một mình suy nghĩ: “Ta nay hưởng ngôi vị này là nhờ đời trước có gieo trồng phước nghiệp cho nên mới cảm

ứng như thế. Nay nên tiếp tục tạo phát, chớ để cho dứt tuyệt.” Vua liền lấy nước hoa tắm gội thân mình, mặc y phục mới, tay cầm lư hương hướng về phương Đông, quỳ bạch:

– Phương Đông khoái sĩ, hãy mau thọ lời ta thỉnh.

Liền có hai vạn Bích-chi-phật đến cung vua. Phương Tây, phương Nam, phương Bắc cũng đều thỉnh như thế, thời có sáu vạn vị Bích-chi-phật đến thọ sự thỉnh mời của vua. Vua và các quan chuẩn bị cúng dường tứ sự, còn tám vạn bốn ngàn các tiểu quốc vương lìa nước nhà đã lâu liền tâu đại vương xin bái từ về nước. Đại vương đồng ý. Nhân đó các tiểu vương khải bạch:

– Trong khoái sĩ này, số lượng rất nhiều, xin đại vương thương xót cho phép để các thần cúng dường một ít vị, để mong sau này được hưởng phước báu như đại vương.

Khi đó nhà vua liền đem bốn phương Bích-chi-phật cho các tiểu vương để tùy thời cúng dường. Trải qua tám vạn bốn ngàn tuổi, các vua thần dân sau khi mạng chung đều sinh cõi trời.

Nói đến đây, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các ông nên biết vua Linh-nô thuở đó nay chính là vua Tịnh Phạn, phụ thân Ta. Phu nhân Đề-bà-bạt-đề nay là Ma-ha Ma-da, mẫu hậu Ta. Còn vua Đề-bà-linh-nô chính là tiền thân của Ta, năm

trăm thái tử nay là năm trăm người họ Thích. Khi ấy Ta ở trong các người đó tối tôn tối diệu, nay Ta thành Phật, cũng đầy đủ các tướng như vậy.

Bấy giờ, người trong đại hội nghe Đức Phật nói xong, có người đắc quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, có người gieo nhân duyên Bích-chi-phật, có người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, họ đều vui mừng đánh lễ phụng hành.



Phẩm 44: CHUYỆN ÁC CẦU, THIỆN CẦU

Tôi nghe như thế này:

Thuở nọ, Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Khi ấy Đề-bà-đạt-đa tuy đã xuất gia nhưng bị tâm lợi dưỡng che lấp, làm ba điều tội nghịch: Xô đá trên núi lăn xuống đè Phật, làm ngón chân Phật bị thương, thả voi say để chà đạp Phật, giết Tỳ-kheo-ni lậu tận. Vì do sát sinh nên sợ thọ quả báo đời sau. Ông đến hỏi Lục sư, họ nói các lời, tà kiến: Làm ác không có tội, làm thiện không có phước, tâm sinh tin kính đoạn mất căn lành. Khi đó A-nan vì tình ruột thịt thương mến, đau đớn buồn rầu bạch với Thế Tôn:

– Đề-bà-đạt-đa ngu si tạo nghiệp chẳng lành, phá hoại căn lành, làm nhục dòng họ Thích.

Khi ấy Đức Thế Tôn bảo A-nan:

– Đề-bà-đạt-đa chẳng những đời này vì lợi

duỡng đoạn phá căn lành, mà ở trong kiếp quá khứ cũng tham lợi dưỡng tán thân mất mạng.

A-nan bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, ông Đề-bà-đạt-đa ở thời quá khứ tham lợi tán thân mất mạng, việc đó như thế nào? Cúi mong Thế Tôn hoan hỷ nói lại chúng con xin muốn được nghe.

Đức Phật bảo:

– Nay A-nan, hãy lắng nghe cho kỹ. Ở thời quá khứ vô lượng kiếp a-tăng-kỳ không thể nghĩ bàn, tại châu Diêm-phù-đề này, có một nước tên Ba-la-nại, có một người thương buôn tên Ma-ha Dạ-di, vợ người ấy mang thai, tự nhiên tính tình thay đổi, rất nhân từ nhu hòa, sau khi đủ tháng sinh được một đứa con trai, hình thể đoan chánh, cha mẹ rất yêu mến, mở bày buổi tiệc ngon ngọt đãi thân tộc và mời thầy tướng đến xem tướng, họ cũng tiệc tùng vui vẻ. Thầy tướng hỏi:

– Đứa bé này được mẹ mang thai đến khi sinh ra có điềm ứng gì không?

Người cha nói:

– Từ khi thọ thai nó đến nay, mẹ nó tự nhiên tánh tình hiền hòa từ ái.

Thầy tướng bèn đặt tên là Thiện Cầu. Khi lớn lên thích làm các việc phước đức, thương mến chúng sinh. Thời gian sau bà vợ thương buôn lại mang thai, bỗng nhiên tính tình hung ác. Và mãi

tháng cũng sinh được một đứa con trai, hình thể xấu xí. Mời thầy tướng đến đặt tên. Thầy tướng hỏi:

– Đứa trẻ này từ khi mẹ nó mang thai có điềm cảm ứng gì không?

Đáp:

– Khi mang thai nó đến nay, mẹ nó hung dữ lắm.

Thầy tướng bèn đặt tên là Ác Cầu. Khi lớn lên nó rất thích làm việc ác, thường sinh lòng tham, tật đồ... Hai người con trai ấy đều muốn đi biển tìm châu báu, họ mỗi người dẫn theo năm trăm tùy tùng, đường xá xa xôi giữa đường thì bị thiếu lương thực. Trải qua bảy ngày, người ta cứ lần lượt chết bớt. Bấy giờ Thiện Cầu cùng các thương buôn thành tâm cầu nguyện các Thần kỳ, cầu xin giúp đỡ nạn đói. Lúc đó ở bên một cái đầm, từ xa trông thấy một thân cây cành lá sum suê, họ bèn đi đến thấy một dòng suối. Thiện Cầu và mọi người cùng thành tâm thương xót cứu giúp. Do lòng thành nên Thần cảm ứng, hiện thân nói:

– Hãy đốn đi một nhánh cây thì sẽ có đồ cần dùng hiện ra.

Mọi người vui mừng, bèn đốn một nhánh cây thì nước uống ngon lành chảy ra, đốn một nhánh cây thứ hai, các thứ thức ăn hiện ra đầy đủ trăm vị, họ cùng nhau tiếp nhận được ăn uống no nê, họ đốn

thêm nhánh cây thứ ba thì có ra các thứ y phục đẹp lạ; đẽo thêm nhánh thứ tư hiện ra các thứ bảo vật trang nghiêm đầy đủ các thứ cần dùng. Sau đó Ác Cầu và mọi người thương buôn đến cũng được cây đó hiện ra các thứ đồ như trước. Chàng ta bèn nghĩ: “Cành cây này có thể hiện ra các thứ vật báu đẹp lạ, huống nữa là rễ của cây ta nên chặt thử, may ra nó hiện các thứ còn đẹp cực kỳ hơn nữa.” Trong lòng suy nghĩ liền quyết định sai người đốn cây ấy. Khi đó Thiện Cầu nghe tin đó, buồn rầu nói với Ác Cầu:

– Chúng ta đói thiếu, mạng sống chỉ còn sớm chiều, nay nhờ ân của cây này được cứu giúp mạng thừa, tại sao lại ôm lòng ác tệ muốn đốn cây ấy?

Khi ấy Ác Cầu không chịu nghe lời liền đốn cây ấy. Thiện Cầu đau lòng không nổi nhìn thấy nên đã dẫn mọi người thương buôn của mình đi về nhà. Đốn cây xong xuôi thì có năm trăm quỷ La-sát đến bắt lấy Ác Cầu và nhóm thương buôn này, nuốt ăn hết, của cải, bạn bè mất hết tất cả.

Nói đến đây, Đức Phật bảo:

– Nay A-nan, ông nên biết Thiện Cầu là tiền thân của Ta. Người cha thuở đó nay là phụ vương Tịnh Phạn, còn bà mẹ nay là mẫu hậu Ma-da. Còn Ác Cầu chính là Đề-bà-đạt-đa. Nay A-nan, Đề-bà-đạt-đa chẳng những đời này làm việc chẳng thiện, tham cầu lợi dưỡng mà đời đời thường tạo nghiệp

ác như thế. Ta với ông ấy ở tiền kiếp thường gặp nhau, thường dạy ông ta pháp lành mà ông không chịu nghe, lại còn oán hận Ta.

Khi đó A-nan và bốn bộ chúng nghe Đức Phật nói thế, buồn vui lẫn lộn, đều tự khích lệ, đánh lễ phụng hành.



KINH HIỀN NGU

QUYỂN 10

Phẩm 45: A-NAN TỔNG TRÌ

Tôi nghe như thế này:

Thuở nọ, Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ các Tỳ-kheo đều sinh lòng nghi vấn về A-nan: “A-nan vốn tạo hạnh gì mà nay được tổng trì? Nghe Đức Phật nói ra một lời thì nhớ mãi không quên”. Họ đều đến chỗ Phật bạch:

– Bạch Thế Tôn, A-nan đờì trước tạo phước đức gì mà được vô lượng tổng trì như vậy? Cúi xin Thế Tôn chỉ bày cho chúng con được rõ.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Hãy lắng nghe cho kỹ, Ta sẽ nói về phước đức tổng trì của A-nan. Về đời quá khứ vô lượng kiếp a-tăng-kỳ, lúc bấy giờ có một vị Tỳ-kheo nuôi một chú Sa-di, hàng ngày dạy Sa-di tụng kinh theo thời khóa. Nếu chú tụng kinh đầy đủ thì ông vui vẻ, nếu tụng không đầy đủ thì ông buồn và quở trách. Khi đó vị Sa-di thường ôm lòng buồn rầu về việc tụng kinh đầy đủ và thiếu thức ăn. Bởi vì khi

đi khát thực được thức ăn mau thì trở về tụng kinh đầy đủ, nếu khát thực chậm thì trở về tụng kinh không đủ. Tụng kinh không đủ thì bị trách móc, lòng buồn rầu khóc lóc mà đi. Khi đó có một vị trưởng giả trông thấy chú Sa-di khóc, liền đến hỏi: “Vì sao chú buồn rầu khóc như thế?” Sa-di đáp: “Trưởng giả nên biết, thầy tôi rất nghiêm khắc, bảo tôi hàng ngày tụng kinh định hạn theo thời khóa, nếu tụng kinh đủ thì ông vui, nếu tụng không đủ thì ông quở trách. Vì tôi đi khát thực được mau thì về tụng kinh đủ, nếu hôm nào khát thực được chậm thì trở về tụng kinh không đủ. Nếu thời khóa tụng kinh không chu đáo thì bị quở trách. Vì thế cho nên tôi buồn.” Khi đó vị trưởng giả nói với chú Sa-di: “Từ nay trở đi hãy đi thẳng đến nhà tôi, tôi xin cúng dường thức ăn, thức uống, khỏi phải lo nữa, cứ việc chuyên tâm tụng kinh tu học.” Khi đó chú Sa-di nghe nói rồi liền được chuyên tâm siêng năng tu học, thời khóa hàng ngày đầy đủ, thầy trò đều vui mừng.

Đức Phật nói với các Tỳ-kheo:

– Vị thầy thuở đó là Đức Phật Định Quang, còn chú Sa-di là tiền thân của Ta, vị trưởng giả cúng dường cơm, nay là A-nan đây. Do đời quá khứ tạo hạnh lành như thế nên kiếp này được tổng trì, không có quên mất.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật nói rồi vui mừng tín thọ đánh lễ phụng hành.



Phẩm 46: ƯU-BÀ-TU

Tôi nghe như thế này:

Thuở nọ, Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Lúc đó nước La-duyệt-kỳ có hai anh em người lái buôn cùng ở một nơi. Người anh cầu hôn con gái của vị trưởng giả nhưng cô ấy hãy còn ít tuổi chưa có thể xuất giá được. Khi đó người anh cùng với những người thương buôn đi đến nước khác buôn bán trải qua mấy năm chưa thấy trở về. Cô gái ấy đã lớn có thể lấy chồng, vị trưởng giả bèn nói với người em:

– Anh của chú đã đi xa, có lẽ chết đắm ngoài biển nên không thấy trở về, nay chú hãy cưới người con gái của tôi cũng được.

Người em nói:

– Việc đó đâu được, anh tôi còn sống, tôi đâu dám làm chuyện trái ngược như vậy.

Vị trưởng giả cứ nói như vậy mãi, người em vẫn kiên quyết, chưa từng xoay chuyển. Vị trưởng giả bất đắc dĩ giả mạo viết một bức thư, nhờ người thương buôn khác mang đến báo cho người em hay là người anh đã chết rồi. Người em nghe tin anh chết rất là kinh ngạc đau buồn. Vị trưởng giả lại đến nói:

– Anh của chú đã chết rồi, con gái của tôi phải

làm sao bây giờ? Nếu chú không chịu cưới nó thì hãy nên suy nghĩ tìm cách khác.

Người em bị ép bức quá đành cưới người con gái của trưởng giả. Hai người sống với nhau, trải qua một thời gian cô gái bèn thọ thai, đúng lúc đó thì người anh đi buôn bán từ nước khác trở về. Người em nghe tin anh về nước, lòng buồn rầu lo sợ, chạy trốn đến nước Xá-vệ bắt tông tích. Sau này các bạn thân khám nghiệm thai phụ mới biết là cô này bị sảy thai từ lâu. Nói về người em chạy trốn qua nước Xá-vệ lần lần đi đến chỗ Đức Phật ở, vì buồn rầu xấu hổ, bức bách chàng xin Thế Tôn được xuất gia. Đức Phật biết nhân duyên liền nhận lời. Nhờ ân đức của Phật, chàng trở thành một Sa-môn tên Ưu-bà-tư, phụng trì luật hạnh siêng năng không giải đãi, không bao lâu chứng quả A-la-hán đầy đủ Lục thông chứng trí. Khi đó người anh về đến nhà mới biết em đã lấy người vợ chưa cưới của mình, trong lòng phẫn uất, muốn tìm kiếm để giết. Anh ta tìm kiếm hỏi thăm, có người mách bảo là người em đã đến nước Xá-vệ. Do lòng sân hận, người anh liền trùng mộ: “Ai có thể lấy được đầu em trai tôi, thì tôi sẽ trọng thưởng năm trăm lượng vàng”. Có một người nhận lời:

– Tôi có thể lấy được đầu của anh ta.

Người anh liền lấy vàng đưa cho người nhận lời giết thuê. Anh này lần mò dần dần đến nước Xá-vệ và gặp được người em đó đang tọa thiền.

Bấy giờ người giết thuê khởi sinh lòng từ nghĩ như vậy: “Ta làm sao có thể giết một vị Tỳ-kheo? Giả sử ta không giết thì làm sao lấy được số vàng này?” Nghĩ thế rồi giương cung định bắn, đang lúc giương cung bắn vị Tỳ-kheo đó thì mũi tên lao tới trúng phải người anh. Người anh do ôm lòng sân hận mà chết nên sau thọ thân thành con rắn độc chui sống ở trong kẹt cửa cổng, vì tâm độc chưa dứt còn muốn chờ thời cơ cắn chết báo thù. Nhưng không may cánh cửa lúc đóng lúc mở bị cánh cổng khép kẹt lại mà chết. Tuy đã chết một lần nữa mà lòng uất hận vẫn chưa nguôi lại nguyện sinh làm con trùng nhỏ thật độc ở ngay trong gian phòng của Tỳ-kheo Ưu-bà-tư. Chờ lúc Ưu-bà-tư ngồi thiền bò lên nóc thất để rót xuống trên đỉnh đầu cắn chết Tỳ-kheo Ưu-bà-tư. Do nọc trùng quá độc nên đã đốt chết Tỳ-kheo Ưu-bà-tư.

Bấy giờ ngài Xá-lợi-phất biết được việc này, đi đến chỗ Đức Phật bạch:

– Tỳ-kheo Ưu-bà-tư kia, vốn tạo nghiệp duyên gì, kiếp này tu đắc đạo mà còn bị trùng độc cắn chết như thế? Cúi mong Thế Tôn nói bày cho chúng con được biết nguyên do.

Đức Phật bảo:

– Nay Xá-lợi-phất, ông hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ông mà nói rõ ràng đầy đủ. Ở đời quá khứ vô số kiếp có một vị Bích-chi-phật xuất

hiện ra đời, sống trong núi rừng. Khi đó có một người thợ săn thường dùng bẫy để bắt cầm thú thì vị Bích-chi-phật này hay làm kinh sợ cho cầm thú chạy, không cho thợ săn bắt được, ông bèn nổi giận liền dùng tên có tẩm độc bắn chết vị Bích-chi-phật. Lúc đó vị Bích-chi-phật khởi lòng thương xót người thợ săn, muốn khiến cho ông cải hối mới hiện thân tức bay trên hư không, co duỗi thân hình to nhỏ, lúc ẩn lúc hiện thân tức tự tại như thế. Khi ấy người thợ săn thấy vị Bích-chi-phật hiển hiện thân thông như thế trong lòng kính ngưỡng, sợ hãi tự trách mình, thành tâm tạ lỗi cầu xin sám hối. Khi đó, đức Bích-chi-phật hoan hỷ cho sám hối rồi, nhưng người thợ săn ấy đi về nhà (do gây tội) bị trùng độc cắn chết. Sau khi mạng chung, ông bị đọa địa ngục, sau khi ra khỏi địa ngục, sinh làm người phải bị trùng độc cắn chết như thế trong năm trăm kiếp. Mãi cho đến kiếp này, tuy đắc quả A-la-hán, vẫn còn phải bị trùng độc cắn chết. Do có tâm sám hối phát thệ nguyện: Xin khiến cho tôi kiếp sau sinh ra được gặp Thánh hiền và tu được thần tức nên ngày nay được gặp Ta nhờ hiểu được đạo pháp.

Bấy giờ ngài Xá-lợi-phất và cả chúng hội nghe Đức Phật nói rồi, vui mừng đánh lễ phụng hành.



Phẩm 47: CON LỖ TAY GIẾT CHA

Tôi nghe như thế này:

Thuở nọ, Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Khi đó có một ông lão, vợ mất sớm, sống một mình với một đứa con trai, rất là nghèo khổ không có của cải chi cả. Tự giác ngộ cuộc đời là vô thường muốn xuất gia, ông liền đi đến nơi Phật ngự cầu xin nhập đạo. Bảy giờ Đức Thế Tôn thương xót, nhận cho xuất gia. Khi người cha được làm Tỳ-kheo thì người con hãy còn rất nhỏ mới chỉ làm Sa-di. Họ thường cùng nhau đi vào trong thôn xóm khát thực, sau đó mới trở về trụ xứ. Một hôm họ cùng đi đến một thôn rất xa để khát thực và khi quay trở về trụ xứ thì trời đã sập tối. Người cha già nên đi bộ chậm chạp, người con vì sợ thú rừng trùng độc nên nắm dìu cha đi vội vã, không ngờ vấp ngã xuống đất, đập đầu vào tảng đá chết mất. Sau khi người cha (*vị Tỳ-kheo già*) chết, người con (*chú Sa-di*) một mình trở về nơi Đức Phật ngự. Khi đó các thầy Tỳ-kheo hỏi chú Sa-di:

— Sớm mai con cùng thầy đi vào thôn khát thực, bây giờ thầy con đâu không thấy về?

Chú Sa-di đáp:

— Con cùng thầy đi đến một thôn xa kia khát thực, trở về thì trời tối, thầy con đi chậm chạp, lúc đó vì con sợ nên đã thúc giục khiến thầy con vấp phải đá ngã va đầu mà chết rồi.

Lúc ấy các thầy Tỳ-kheo quở trách chú Sa-di:

– Con là người đại ác, mang tội giết cha, giết thầy.

Các thầy Tỳ-kheo liền đem chuyện ấy bạch với Phật. Đức Phật bảo:

– Vị thầy Tỳ-kheo già này tuy chết nhưng không phải do Sa-di có ý ác.

Đức Phật liền hỏi Sa-di:

– Con có ý giết thầy con không?

Sa-di đáp:

– Con thật tình chỉ giục thầy con, chứ không có ý ác mà giết thầy con.

Đức Phật nói:

– Như lời con nói, Ta đã biết tâm con không có ý ác, ở thời quá khứ cũng lại như vậy, không có ý ác mà giết hại lẫn nhau.

Bây giờ các Tỳ-kheo nghe Đức Phật nói lời ấy rồi, đồng bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, ở thời quá khứ, hai cha con người này có nhân duyên gì mà giết hại lẫn nhau. Xin Đức Thế Tôn kể lại cho chúng con được biết.

Đức Phật bảo:

– Các ông hãy lắng nghe! Ta sẽ vì các ông mà nói. Trong thời quá khứ cách đây vô lượng kiếp a-tăng-kỳ, hai cha con người này cùng ở một nơi. Khi đó người cha bệnh nặng đang nằm ngủ thì có rất nhiều ruồi nhặng bay tới cắn, người cha bảo con

ngồi canh đuổi ruồi nhặng để ngủ nghỉ được yên. Khi ấy người con đuổi mãi mà ruồi nhặng cứ bay tới hoài. Người con giận quá cầm cây gậy lớn nhắm ngay con ruồi mà đập, lúc đó ruồi nhặng bay lại bu vào trán người cha, người con dùng gậy đập ngay tức khắc, người cha bị vỡ trán mà chết, lúc đó đứa con cũng không có chủ tâm giết cha. Các Tỳ-kheo nên biết, người cha thuở đó nay chính là chú Sa-di này, còn đứa con cầm gậy đập vào trán người cha nay chính là vị Tỳ-kheo già vậy. Do thời quá khứ không có tâm ác dùng gậy đập cha, nhưng nay vẫn phải trả báo, cũng không phải cố giết.

Từ đó chú Sa-di siêng năng tu học, không dám giải đãi, không bao lâu đắc quả A-la-hán.

Bấy giờ các vị Tỳ-kheo nghe Đức Phật nói xong, tâm đều tin hiểu hoan hỷ phụng hành.



Phẩm 48: ÔNG TU-ĐẠT LÀM TINH XÁ

Tôi nghe như thế này:

Thuở nọ, Đức Phật ở trong khu vườn Trúc, tại thành Vương xá. Bấy giờ nước Xá-vệ của vua Batur-nặc có một vị đại thần tên Tu-đạt, nhà rất giàu có, của cải nhiều vô hạn, ham làm việc bố thí giúp đỡ người nghèo thiếu và người già cả cô đơn. Do nhân hạnh đó, người thời bấy giờ gọi ông là Cấp Cô Độc. Trưởng giả Cấp Cô Độc sinh được bảy

người con trai đều đã lớn cả và đã cưới vợ cho sáu cậu, chỉ còn cậu thứ bảy, tướng mạo đoan chánh lạ thường nên ông yêu mến nghiêng nặng cậu út nhiều hơn, muốn tìm một cô gái dung nhan xinh đẹp, đức hạnh chu toàn để cưới cho con trai út. Ông nói với các Bà-la-môn:

– Ai có con gái tướng mạo xinh đẹp, tôi sẽ hỏi làm vợ cho con trai út của tôi.

Các vị Bà-la-môn bèn tìm kiếm, họ lần lần đi hành khất đến trong thành Vương xá. Trong thành này có một vị đại thần tên Hộ Di giàu có vô cùng lại có lòng tin kính Tam bảo. Những Bà-la-môn này đi đến từng nhà khất thực, theo quốc pháp nước này, người bố thí phải sai người đồng nữ cầm đồ vật ra để bố thí. Trưởng giả Hộ Di có một cô con gái dung mạo đoan chánh, nhan sắc xinh đẹp lạ thường, cô gái này cầm thức ăn ra bố thí cho Bà-la-môn. Ông vừa trông thấy, tâm rất vui mừng, tự nghĩ: “Người mà ta tìm kiếm hôm nay đã gặp được rồi”, liền hỏi cô gái:

– Có người nào đã cầu hôn với cô chưa?

Cô gái đáp:

– Dạ chưa!

Ông lại hỏi cô gái:

– Cha cô còn sống không?

Cô gái đáp:

– Thưa, còn sống!

Vị Bà-la-môn nói:

– Xin được mời ông ra đây, tôi muốn gặp và có việc cần bàn.

Khi đó người con gái đi vào trong nhà thưa với cha:

– Bên ngoài có một người ăn xin muốn xin gặp cha.

Người cha bèn đi ra. Bấy giờ vị Bà-la-môn hỏi thăm về sinh hoạt, ăn ở... và nói:

– Ở nước Xá-vệ có một vị đại thần tên là Tu-đạt làm quan, ông có biết không?

Đáp:

– Tôi chưa thấy chỉ có nghe tên ông ta.

Vị Bà-la-môn nói:

– Ông là một người rất giàu có ở nước Xá-vệ. Ông ta có một cậu con trai út, tướng mạo đoan chánh, thông minh mưu lược hơn người, ông ta muốn cầu hôn con gái ông cho con trai út, ông có vui lòng không?

Đáp:

– Vui lòng.

Bấy giờ gặp được một người lái buôn muốn đi đến nước Xá-vệ, vị Bà-la-môn bèn viết thư nhờ gửi cho ông Tu-đạt, trình bày đầy đủ mọi việc cho ông nghe. Ông Tu-đạt rất vui mừng liền đi vào cung tâu vua xin nghỉ châu vài hôm để cưới vợ cho con trai. Vua liền đồng ý. Ông chở nhiều châu báu đến

thành Vương xá, trong lúc đi đường, ông ban phát cho người nghèo thiếu, mãi cho đến thành Vương xá, nhà của ông Hộ Di, để cho con trai cưới vợ. Trưởng giả Hộ Di vui mừng ra nghênh đón, ông sắp xếp trang trí nhà cửa, bày biện thức ăn để đãi họ đàn ông trai. Ông Tu-đạt nghĩ: “Nay vị trưởng giả này bày biện các đồ cúng dường muốn làm việc gì thế? Có lẽ sắp thỉnh quốc vương, thái tử, đại thần, trưởng giả, cư sĩ, thân thích đến làm lễ hôn nhân sao mà bày tiệc lớn dữ vậy?” Suy nghĩ mãi mà không thể tự biết, bèn hỏi:

– Thưa trưởng giả, hôm nay có việc gì mà ở đây bày tiệc chuẩn bị các thứ nhiều như thế? Có lẽ ngài muốn thỉnh quốc vương, thái tử, đại thần chăng?

Đáp:

– Không phải.

Tu-đạt lại hỏi:

– Ngài muốn mời thân thuộc đến dự lễ cưới chăng?

Đáp:

– Cũng không phải.

Tu-đạt lại hỏi:

– Vậy ngài định làm gì thế?

Đáp:

– Tôi chuẩn bị thỉnh Phật và chư Tỳ-kheo Tăng.

Khi đó ông Tu-đạt nghe nói danh hiệu Phật và Tăng, bỗng cảm thấy lông tóc dựng ngược như có

được một điềm lạ gì vậy, tâm tình vui vẻ, ông hỏi thêm:

– Thế nào gọi là Phật? Xin hãy giải thích nghĩa ấy cho tôi rõ.

Trưởng giả Hộ Di nói:

– Ông chưa nghe sao? Đó là thái tử Tất-đạt-đa, con của vua Tịnh Phạn, ngày thái tử sinh ra, trời giáng xuống điềm lành, có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, có vạn vị thần thị vệ, vừa sinh ra đã đi bảy bước, một tay chỉ trời một tay chỉ đất mà nói: “Thiên thượng thiên hạ duy ngã vi tôn”. Thầy tướng xem, nói rằng nếu ở tại gia thì làm Chuyển luân vương cai trị bốn châu thiên hạ. Khi lớn lên, thái tử thấy chúng sinh có bốn tướng sinh già bệnh chết. Không thích ở tại gia mà đi xuất gia tìm đạo, trải qua sáu năm khổ hạnh, đạt được Nhất thiết trí, dứt hết kết sử thành Phật, hàng phục tám mươi ức vạn ma quân, hiệu là Năng Nhân, có mười lực vô úy, mười tám pháp bất cộng, quang minh chói sáng, soi thấu ba cõi nên gọi là Phật.

Ông Tu-đạt hỏi:

– Thế nào gọi là Tăng?

Trưởng giả Hộ Di đáp:

– Sau khi thành Phật rồi, Phạm thiên cung thỉnh Đức Phật chuyển pháp luân. Đức Phật nhận lời đến nước Ba-la-nại tại khu Lộc uyển thuyết pháp Tứ diệu đế cho năm anh em Câu-lân (*Kiều-trần-như*)

dứt sạch lậu tận, thành vị Sa-môn đầy đủ Lục thông, Tứ như ý túc, Thất giác chi, Bát chánh đạo. Trên hư không có tám vạn chư Thiên đắc quả Tu-đà-hoàn. Vô lượng trời người phát tâm Vô thượng Bồ-đề. Kế tiếp độ cho anh em ông Uất-bệ Ca-diếp một ngàn người, dứt được lậu tận ý giải thoát như năm anh em Kiều-trần-như. Kế đến tiếp độ đồ chúng của Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên năm trăm người được chứng quả A-la-hán. Những vị ấy thần túc tự tại, hay vì chúng sinh làm ruộng phước điền, nên gọi là Tăng.

Ông Tu-đạt nghe nói việc hay như vậy rất vui mừng cảm niệm kính tin, mong cho trời mau sáng để đi đến gặp Phật. Vì lòng thành nên có thần ứng thấy mặt đất tỏ sáng như ban ngày, bèn đi đến thành La-duyệt-kỳ. Công thành có ba giờ mở cửa; đầu đêm, giữa đêm và cuối đêm gọi là ba thời. Giữa đêm đi ra khỏi cửa thấy có Thiên tử Tu-đạt liền lễ bái, bỗng quên nhớ đến Phật, tâm tự tối tăm, bèn nghĩ: “Bây giờ đêm tối, nếu ta đi đêm sợ gặp phải ác quỷ, thú dữ làm hại”, định trở vào thành chờ sáng mai mới đi. Trước đó ông có một người bạn thân mạng chung sinh lên cõi trời Tứ Thiên vương, thấy ông hối hận muốn trở về liền xuống nói rằng:

– Cư sĩ chớ có hối hận, ông hãy đi đến gặp Phật sẽ được lợi ích vô lượng, nay ông được trăm xe châu báu cũng không bằng ông cất một bước chân đến gặp Đức Thế Tôn, được lợi ích còn hơn thế

nữa. Cư sĩ ông chớ nên hối hận! Cư sĩ, ông hãy đi đi đừng có hối hận! Chính như nay ông có được châu Diêm-phù-đề đầy cả châu báu cũng không bằng cất bước chân đi đến gặp Đức Thế Tôn, được lợi ích rất lớn. Cư sĩ, ông hãy đi đừng có hối nữa! Chính như nay ông được bốn thiên hạ đầy cả châu báu, cũng không bằng cất bước đến gặp Thế Tôn, được lợi ích còn hơn đó nữa, còn được lợi ích gấp trăm ngàn vạn lần.

Ông Tu-đạt nghe vị trời nói lời đó rồi càng thêm vui mừng, cảm kính Đức Thế Tôn, bóng tối liền tiêu, ánh sáng trở lại, tìm đường đi đến chỗ Thế Tôn. Bấy giờ Đức Thế Tôn biết ông Tu-đạt đến nên đi ra ngoài kinh hành. Lúc đó ông Tu-đạt trông thấy Thế Tôn sáng chói cũng như núi vàng, tướng hảo dung mạo uy nghiêm còn hơn ông Hộ Di nói gấp vạn lần, trông thấy trong lòng vui vẻ, ông chưa biết lễ pháp, nên hỏi thẳng Thế Tôn:

– Thưa Cù-đàm, chỗ ở như thế nào?

Đức Thế Tôn liền mời ông ngồi. Khi ấy trời Thủ-đà-hội trông thấy ông Tu-đạt, tuy gặp Thế Tôn nhưng không biết pháp lễ bái cúng dường nên mới hóa làm bốn người sắp hàng đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, quỳ hỏi thăm về chỗ ở, rồi đi quanh bên phải ba vòng, đứng lại một bên. Lúc đó ông Tu-đạt thấy họ làm như vậy rất đổi ngạc nhiên, tự nghĩ: “Phép cung kính phải làm như thế”, liền rời chỗ ngồi đứng dậy, kính lễ như những

người kia, hỏi thăm về sinh hoạt của Thế Tôn, rồi đi nhiều bên phải ba vòng đứng qua một bên.

Bấy giờ Đức Thế Tôn vì họ thuyết pháp Tứ diệu đế, khổ, không, vô thường. Nghe xong, ông rất vui mừng, thấm nhuần Thánh pháp đắc quả Tu-đà-hoàn, thí như tấm vải trắng sạch nhuộm màu sắc vậy. Ông quỳ xuống chấp tay hỏi Thế Tôn:

– Bạch Đức Thế Tôn, trong thành Xá-vệ, những người nghe pháp mau thấm nhuần như con có nhiều không?

Đức Phật bảo Tu-đạt:

– Người nghe pháp mau hiểu như ông không có người thứ hai. Trong thành Xá-vệ này, phần nhiều người tà kiến khó thấm nhuần Thánh giáo.

Ông Tu-đạt bạch Phật:

– Cúi mong Như Lai từ bi đến thành Xá-vệ, khiến cho chúng sinh trừ tà quy chánh.

Đức Thế Tôn nói:

– Người xuất gia có khác kẻ thế tục, nơi ở cũng phải khác, nơi đó không có tình xá làm sao đến đó được.

Ông Tu-đạt bạch Phật:

– Đệ tử có thể xây dựng, xin ngài hứa khả cho!

Đức Thế Tôn lặng thinh. Ông Tu-đạt từ tạ ra về. Sau đó ông lo việc cưới vợ cho con trai xong rồi đến từ tạ Phật trở về nhà. Nhân đó ông bạch Phật:

– Con về đến nước nhà sẽ xây dựng tinh xá, không biết mô hình thế nào, cúi mong Như Lai cho một vị đệ tử sang để chỉ bày cách thức.

Đức Thế Tôn suy nghĩ: “Trong thành Xá-vệ, các Bà-la-môn tin theo tà giáo, sai người khác chắc không thể làm nổi, chỉ có Xá-lợi-phất là thuộc dòng Bà-la-môn cũng có chút ít thông minh và có cả thần túc, cho đi ắt có lẽ đắc lực”, liền sai ngài Xá-lợi-phất đi cùng ông Tu-đạt. Ông Tu-đạt hỏi ngài Xá-lợi-phất:

– Đức Thế Tôn đi bộ một ngày được mấy dặm?

Ngài Xá-lợi-phất nói:

– Một ngày đi được nửa do-tuần, cũng bằng vua Chuyển luân thánh vương vậy.

Lúc đó ông Tu-đạt bèn làm theo dọc đường nhà nghỉ chân, cứ hai mươi dặm làm một cái, xuất tiền của bố thí người lo ăn uống đầy đủ từ thành Vương xá đến nước Xá-vệ. Về đến nhà cùng Xá-lợi-phất tìm nơi nào đất rộng rãi bằng phẳng để khởi công xây dựng tinh xá. Đi khắp nơi mà chưa thấy có mảnh đất nào vừa ý, chỉ có khu vườn của thái tử Kỳ-đà là bằng phẳng rộng rãi, cây cối sum suê, tươi tốt, không gần cũng không xa thành, chỗ này có thể được. Khi ấy ngài Xá-lợi-phất nói với ông Tu-đạt:

– Khu vườn này có thể làm tinh xá được. Vì sao? Nếu làm tinh xá quá xa sợ rằng chư Tăng đi

khất thực khó khăn, còn ở quá gần thành thị thì ồn ào náo nhiệt, phế bỏ sự hành đạo.

Ông Tu-đạt vui mừng đến gặp thái tử thừa:

– Tôi muốn làm cho Như Lai một tinh xá, khu vườn thái tử rất tốt, tôi muốn mua nó để xây dựng, thái tử đồng ý không?

Thái tử Kỳ-đà cười nói:

– Tôi có thiếu thốn gì đâu, khu vườn này tươi tốt, tôi dùng nó để dạo chơi, tiêu dao ý chí.

Ông Tu-đạt nài nỉ đến ba lần, thái tử tham tiếc bèn tăng lên giá gấp bội, nói một giá rất đắt để không thể mua được, bảo ông Tu-đạt:

– Nếu ông đem vàng trải khắp mặt đất không để hở chỗ nào thì ta sẽ bán cho.

Tu-đạt nói:

– Vâng! Tùy theo giá của thái tử.

Thái tử Kỳ-đà nói:

– Ta nói đùa thôi.

Ông Tu-đạt nói:

– Ngài làm thái tử không nên nói dối được, vọng ngữ dối gạt thì làm sao nối ngôi vua trị vì nhân dân.

Ông liền muốn cùng thái tử đi kiện. Bấy giờ trời Thủ-đà-hội vì muốn làm tinh xá cho Phật, ông sợ rằng các quan đại thần thiên lệch vì thái tử, liền hóa làm một người nói với thái tử:

– Luận về phép làm thái tử, không nên nói dối,

đã quyết định giá cả thì không nên hối hận.

Thái tử bèn cho ông Tu-đạt mua vườn.

Ông Tu-đạt vui mừng sai người về nhà dùng voi chở vàng chỉ trong tám mươi khoảnh đất, chóc lát đã trải vàng khắp mặt đất, chỉ còn thiếu chút ít đất trống chưa lát xong. Ông Tu-đạt suy nghĩ xem coi kho vàng nào để lót cho vừa đủ, không bị nhiều cũng không lo ít, để sai người đi lấy cho đầy đủ. Thái tử Kỳ-đà thấy thế hỏi:

– Ngài chê mắc quá chăng?

Đáp:

– Không phải thế! Tôi đang nghĩ coi vàng trong kho nào để lấy cho vừa đủ.

Thái tử Kỳ-đà nghĩ: “Đức Phật chắc là Bạc Đại Đức nên ông này mới coi thường vàng bạc đến như thế.” Nghĩ xong, thái tử ngăn lại nói:

– Thôi chớ có xuất vàng ra nữa, coi như khu vườn này là của ông, còn cây cối thuộc của tôi, chúng ta cùng dâng cúng cho Đức Phật để xây dựng tinh xá.

Ông Tu-đạt vui mừng nhận lời, liền trở về nhà chuẩn bị khởi công xây dựng. Bọn Lục sư nghe việc ấy đến tâu với quốc vương:

– Tâu bệ hạ, trưởng giả Tu-đạt đã mua khu vườn của thái tử Kỳ-đà để cho Sa-môn Cù-đàm làm tinh xá rồi. Hãy cho đồ đệ của chúng tôi thi tài pháp thuật với Sa-môn, ai thắng thì được xây dựng,

nếu không làm thế thì không được xây dựng. Đồ chúng của Cù-đàm ở thành Vương xá, đồ chúng của tôi ở tại đây.

Nhà vua triệu ông Tu-đạt vào cung hỏi:

– Nay bọn Lục sư nói khanh mua khu vườn của thái tử Kỳ-đà, định xây tinh xá cho Sa-môn Cù-đàm. Vậy đệ tử của Sa-môn cùng đệ tử họ đấu pháp thuật với nhau, nếu ai thắng thì được lập tinh xá, còn như thua thì không được làm.

Ông Tu-đạt trở về nhà buồn rầu không vui, mặc quần áo bẩn rách. Khi đó ngài Xá-lợi-phất sáng sớm mặc y cầm bát đến nhà ông Tu-đạt, thấy ông không vui, liền hỏi:

– Vì sao ông không vui?

Tu-đạt nói:

– Về việc xây dựng tinh xá sợ e không thành, cho nên tôi buồn rầu. Ngài Xá-lợi-phất hỏi:

– Có việc gì mà sợ không thành?

Đáp:

– Nay có nhóm Lục sư đến xin vua cho đấu phép, ai thắng thì mới cho làm tinh xá, nếu không thắng được họ thì không cho xây dựng. Nhóm Lục sư này xuất gia đã lâu, vốn tinh thông pháp thuật cao cường, không ai có thể bì kịp. Tôi nay không biết tài nghệ của ngài có địch nổi với họ hay không?

Ngài Xá-lợi-phất nói:

– Cho dù nhóm Lục sư này nhiều như tre trúc đầy khắp cõi Diêm-phù-đề cũng không thể làm động nổi sợi lông chân của tôi, muốn đấu thì đấu, hãy nhận lời đi. Ông Tu-đạt vui mừng, bèn mặc y phục mới, tắm gội nước hoa, rồi đi đến tâu vua:

– Thần đã hỏi đệ tử của Sa-môn, Lục sư muốn đấu thì cứ tùy ý chọn ngày thi đấu.

Lúc đó quốc vương bảo các Lục sư:

– Nay trẫm nhận lời cho phép các ông cùng với đệ tử của Sa-môn đấu phép.

Khi ấy bọn Lục sư tuyên bố cho nhân dân khắp cả nước hay biết, bảy ngày nữa ở một nơi rộng rãi ngoài thành cùng với Sa-môn đấu phép. Trong nước Xá-vệ có mười tám ức người đến xem. Theo quốc pháp thời bấy giờ đánh trống hội chúng như đánh trống đồng thì tám ức người vân tập, như đánh trống bạc thì có mười bốn ức người vân tập, nếu đánh trống vàng thì tất cả mọi người vân tập. Đã mãn bảy ngày, họ đến một nơi rộng rãi bằng phẳng đánh trống vàng để cho tất cả mọi người tụ hội. Nhóm đệ tử của Lục sư có ba ức người. Quốc vương và nhóm Lục sư sắp xếp ngồi trên tòa cao. Bấy giờ ông Tu-đạt làm cái tòa cao cho ngài Xá-lợi-phất. Lúc ấy ngài Xá-lợi-phất đang ngồi dưới gốc cây yên lặng nhập định, các căn yên tịnh, dạo chơi các thiên định, thông đạt vô ngại, thâm nghĩ như vậy: “Đại chúng ở hội này, tập theo thói tà đã

lâu, ngạo mạn tự cao, nhiều như cỏ rác, ta nên dùng đức gì để hàng phục họ?” Suy nghĩ rồi định dùng hai đức mà lập thế nói rằng: “Nếu tôi trong vô số kiếp từ hiếu đối với cha mẹ, kính lễ đối với Hòa thượng, Sa-môn, Bà-la-môn xin cho tôi mới tới đại hội thì tất cả mọi người đều đứng dậy làm lễ.” Lúc đó, Lục sư thấy mọi người đã vân tập, chỉ còn một mình Xá-lợi-phất chưa đến, bèn tâu vua:

– Đệ tử Cù-đàm tự biết không có phép thuật, nói dối nên không đến đâu. Mọi người đã vân tập rồi, e hấn sợ nên không đến.

Vua bảo Tu-đạt:

– Đệ tử của Thầy khanh nhận lời, giờ đầu đã đến, xin hãy nên đến để bàn luận chứ.

Lúc đó ông Tu-đạt đi đến chỗ ngài Xá-lợi-phất quỳ bạch:

– Bạch Đại đức, đại chúng đã vân tập, xin ngài đến dự hội.

Bảy giờ ngài Xá-lợi-phất từ thiên đình dậy, chỉnh y phục, vắt tấm tọa cụ bên vai trái, đi bộ ung dung đỉnh đạc như một Sư tử vương, đến chỗ đại chúng. Lúc đó mọi người trông thấy hình dung pháp phục có khác, cho đến các Lục sư bỗng nhiên đứng dậy, giống như là gió thổi lướt qua mặt cỏ, bất giác họ đều làm lễ đối với ngài. Bảy giờ ngài Xá-lợi-phất lên tòa nơi ông Tu-đạt đã bày sẵn. Trong nhóm Lục sư có một đệ tử tên Lao-độ-sai

giỏi về huyền thuật, ra trước đại chúng đọc chú hóa làm một cây đại thọ to lớn, tàng lá che mát cả chúng hội, cành lá sum suê tươi tốt, hoa quả trĩu cành, mọi người đều reo hò nói:

– Đây là phép biến hóa của Lao-độ-sai.

Bảy giờ ngài Xá-lợi-phất bèn dùng thần lực làm một cơn gió xoáy thổi trốc gốc cây, ngã xuống mặt đất nát nhỏ như vi trần. Mọi người đều hô nói:

– Thần biến của Xá-lợi-phất hơn rồi.

Lao-độ-sai đọc chú hóa ra một cái ao, bốn bề đều bằng bảy báu, trong ao có mọc các loại hoa. Mọi người đều khen:

– Đây là do Lao-độ-sai làm ra.

Bảy giờ ngài Xá-lợi-phất hóa làm một con voi trắng sáu ngà, trên mỗi ngà có bảy hoa sen, trên mỗi hoa sen có bảy ngọc nữ. Voi trắng từ từ đi đến bên bờ ao hút hết nước trong ao. Mọi người đều nói:

– Ngài Xá-lợi-phất thắng rồi, Lao-độ-sai không bằng.

Lao-độ-sai lại hóa ra một ngọn núi bằng bảy báu trang nghiêm, có suối ao, cây cối, hoa quả tươi tốt. Mọi người đều hô nói:

– Đây là do Lao-độ-sai làm ra đó.

Khi đó ngài Xá-lợi-phất hóa làm Kim cang Lực sĩ dùng chùy Kim cang đứng xa chỉ thì quả núi liền tan nát không còn chút gì dấu vết. Mọi người đều

hồ to:

– Ngài Xá-lợi-phất thắng rồi, Lao-độ-sai không bằng.

Lao-độ-sai lại hóa ra con rồng có mười đầu ở trong hư không mưa ra các thứ châu báu, sấm chớp chấn động kinh sợ đại chúng. Mọi người đều nói:

– Đây là do Lao-độ-sai hóa ra đó.

Khi ấy ngài Xá-lợi-phất hóa làm một con Kim sí điều vương bay đến vồ lấy bắt lấy rồng xé ăn. Mọi người đều hô:

– Ngài Xá-lợi-phất thắng rồi, ông Lao-độ-sai kém hơn, không bằng rồi.

Lao-độ-sai tiếp tục hóa làm một con trâu, thân thể cao lớn mập mạp mạnh khỏe, chân to, móng bén nhọn, quỳ dưới đất rống lớn rồi chạy thẳng tới trước ngài Xá-lợi-phất. Lúc đó ngài Xá-lợi-phất hóa làm Sư tử vương vồ bắt trâu xé nát ra ăn. Mọi người đều reo hò:

– Xá-lợi-phất thắng rồi, Lao-độ-sai không bằng.

Lao-độ-sai lại tiếp tục hóa làm quỷ Dạ-xoa, thân thể cao lớn, trên đầu lửa cháy, mắt đỏ như máu, bốn nanh dài bén nhọn, miệng phun ra lửa, chồm nhảy rất ghê sợ. Khi đó ngài Xá-lợi-phất hóa thân làm Tỳ-sa-môn vương. Dạ-xoa sợ hãi liền thoái chạy bị bốn bên lửa nổi dậy không có lối đi, chỉ có chỗ bên Xá-lợi-phất là không có lửa cháy. Ông

Lao-độ-sai liền khuất phục năm vóc sát đất cầu thương xót cứu mạng, tâm hồ then khởi lên thì lửa tiêu diệt hết. Mọi người đều hô to:

– Ngài Xá-lợi-phất đã thắng, Lao-độ-sai không bằng.

Bảy giờ ngài Xá-lợi-phất thân bay lên hư không, hiện bốn oai nghi, đi đứng ngồi nằm, trên thân phun ra nước, dưới thân phun ra lửa, ản bên Đông hiện bên Tây, hoặc ản bên Tây hiện bên Đông, ản bên Bắc hiện bên Nam, ản bên Nam hiện bên Bắc; hoặc hiện thân to lớn, đầy khắp trong hư không rồi lại hiện lại thật nhỏ. Hoặc phân thân ra trăm ngàn vạn ức thân, rồi hợp lại thành một thân, đang ở trên hư không, bỗng nhiên lại hiện trên mặt đất, đi trên mặt nước như đi trên đất, biến hiện rồi lại thu nhiếp thần túc, ngồi lại vị trí cũ. Bảy giờ đại chúng dự hội thấy thần lực của ngài Xá-lợi-phất đều rất vui mừng và đem lòng kính phục. Khi đó ngài Xá-lợi-phất thuyết pháp nói về nhân duyên phước báo đời trước. Nghe xong, có người đặc quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, đồ chúng của Lục sư có ba ức người theo ngài Xá-lợi-phất xuất gia học đạo. Hai bên thi thố thần thông xong rồi, bốn chúng bèn giải tán ra về. Bảy giờ trưởng giả Tu-đạt cùng ngài Xá-lợi-phất đi đo lại đất và vẽ sơ đồ tinh xá. Ông Tu-đạt tự tay cầm một đầu dây thừng, còn ngài Xá-lợi-phất nắm một đầu, đo giáp vòng khu tinh xá. Khi ấy ngài Xá-lợi-phất

bỗng nhiên mỉm cười. Ông Tu-đạt hỏi:

– Vì sao Tôn giả cười?

Đáp:

– Ông và tôi bắt đầu đo đất hết khu vườn này thì ở trên trời Lục dục đã làm xong một cung điện.

Ngài Xá-lợi-phất liền cho ông Tu-đạt mượn đạo nhãn. Ông thấy cõi trời Lục dục, cung điện trang nghiêm, mới hỏi ngài Xá-lợi-phất:

– Cõi trời Lục dục, nơi nào là vui nhất?

Ngài Xá-lợi-phất nói:

– Trong ba tầng dưới sắc dục sâu dày, còn hai tầng trời trên tính kiêu mạn phóng dật buông lung, tầng trời thứ tư ít dục biết đủ, thường có Bồ-tát Nhất sinh bổ xứ đến sinh trong cõi đây, thuyết pháp không dứt.

Ông Tu-đạt nói:

– Tôi nguyện sinh lên cõi trời thứ tư.

Vừa nói xong thì các cung điện đều biến mất hết, chỉ còn có cõi trời thứ tư, các cung điện lặng yên không biến động. Rồi lại bắt đầu cầm dây thừng đo nữa, khi ấy ông trông thấy ngài Xá-lợi-phất có sắc hơi buồn, liền hỏi:

– Thưa Tôn giả, vì sao ngài có sắc mặt hơi buồn?

Đáp:

– Ông có nhìn thấy đàn kiến này không?

Đáp:

– Thừa thấy.

Khi đó ngài Xá-lợi-phất nói với ông Tu-đạt:

– Ông ở thời quá khứ Phật Tỳ-bà-thi, cũng ở tại khu đất này vì Đức Phật Tỳ-bà-thi xây dựng ngôi tinh xá mà đàn kiến này nó cũng sinh ở đây. Đến thời Phật Thi-khí, ông làm tinh xá cho Phật ấy cũng tại khu đất này tạo lập tinh xá, mà đàn kiến này cũng sinh sống nơi đây. Cho đến thời Phật Tỳ-xá-phù, ông vì Đức Thế Tôn ấy, ở tại khu đất này xây dựng tinh xá mà đàn kiến này cũng còn sinh sản nơi đây. Đến đời Phật Câu-lưu-tôn, ông cũng làm tinh xá ở khu đất này cúng Phật thì đàn kiến này cũng còn sinh ra ở đây. Đến thời Đức Phật Ca-na-hàm Mâu-ni, ông cũng làm tinh xá ở khu đất này cúng Phật mà đàn kiến này cũng còn sinh ra ở đây. Đến thời Phật Ca-diếp ông cũng làm tinh xá ngay khu đất này cúng Phật mà đàn kiến này cũng còn sinh ra ở đây. Cho đến ngày nay, chín mươi một kiếp, nó còn thọ một thứ thân kiến không được giải thoát, sinh tử lâu dài như thế, duy có phước làm thiết yếu, không thể không gieo trồng.

Khi ấy ông Tu-đạt nghe xong đau buồn thương xót cho đàn kiến. Đo đất xong bắt đầu xây dựng tinh xá, làm riêng một gian bằng gỗ chiên-đàn cho Đức Phật, làm phòng ốc cho chúng Tăng bằng hương nê, hai mươi khu có một ngàn hai trăm gian phòng. Làm xong ông muốn đi thỉnh Phật, nhưng rồi lại suy nghĩ: ‘Trên có quốc vương, nên tâu cho

vua biết, nếu không tấu trình e rằng bị vua trách”, liền đi đến tâu vua:

– Thừa bệ hạ, hạ thần đã vì Thế Tôn xây dựng một ngôi tinh xá, cúi mong đại vương cho sứ đi thỉnh Đức Phật.

Khi ấy vua nghe xong liền cho sứ giả đi đến thành Vương xá để thỉnh Đức Phật và chúng Tăng. Sứ giả sang Vương xá vào yết kiến Đức Phật, thưa:

– Bạch Thế Tôn, công trình xây dựng tinh xá đã hoàn thành, nay kính thỉnh Thế Tôn quang lâm Xá-vệ.

Bảy giờ Đức Thế Tôn cùng bốn chúng trước sau vây quanh phóng đại quang minh chấn động đại địa, đến nước Xá-vệ, đi trải qua các khách xá đều dừng nghỉ, gặp người hóa độ không thể tính kể, dần dần đến bên thành Xá-vệ. Tất cả đại chúng cầm các dụng cụ cúng dường, nghênh đón Đức Thế Tôn. Thế Tôn đến nước Xá-vệ, đi đến một nơi rộng rãi, phóng đại quang minh, chiếu khắp Tam thiên đại thiên thế giới, ngón chân ấn xuống đất, đất đều chấn động, trong thành các kỹ nhạc không khảy mà tự kêu, người mù được sáng mắt, người điếc được nghe rõ; người câm được nói năng, kẻ còng lưng được ngay thẳng, tất cả nhân dân trai gái già trẻ lớn nhỏ thấy điềm lành như vậy đều rất vui mừng hớn hở, đi đến chỗ Phật, mười tám ức người vân tập. Bảy giờ Đức Thế Tôn vì họ thuyết Diệu pháp như

thầy thuốc giỏi tùy bệnh cho thuốc, những người có túc duyên đều được lợi ích, có người nghe xong đắc quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán. Có người gieo trồng nhân duyên Bích-chi-phật, có người phát tâm Vô thượng Bồ-đề. Mọi người đều rất vui mừng, vâng theo lời Phật dạy.

Khi đó Đức Phật bảo ngài A-nan:

– Khu vườn này do ông Tu-đạt mua, còn cây trái hoa quả của thái tử Kỳ-đà, hai người đồng tâm, cùng lập nên tinh xá, vậy nên lấy hiệu là khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, để lưu truyền khắp nơi và người đời sau hiểu biết.

Bây giờ A-nan và bốn bộ chúng nghe Đức Phật nói xong đều đánh lễ phụng hành.



Phẩm 49: ĐẠI QUANG MINH BẮT ĐẦU PHÁT TÂM VÔ THƯỢNG

Tôi nghe như thế này:

Một lúc nọ Đức Phật ở La-duyet-kỳ, tại vườn trúc Ca-lan-đà.

Khi ấy A-nan đang ở trong rừng cây tĩnh tọa tư duy, suy nghĩ về việc như vậy: “Đức Như Lai Chánh Giác các căn đầy đủ, công đức trí tuệ sáng suốt, thù diệu khó lường. Trước kia Thế Tôn vốn gieo trồng nhân duyên gì, phát tâm Đại thừa vô

thượng, tu tập việc gì mà được lợi ích thù thắng như vậy?” Nghĩ như vậy xong, ngài liền từ thiên đình ra, đi đến chỗ Phật, đầu mặt sát đất tác lễ, bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, như các Đức Thế Tôn ở trong thế gian trời người, tối tôn tối diệu, công đức trí tuệ sáng suốt, cao xa vòi vọi. Không biết trước kia tạo nhân duyên gì mà phát tâm Đại thừa vô thượng này?

Đức Phật bảo:

– Nay A-nan, nay ông muốn biết, hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ Ta sẽ vì ông mà nói rành rõ.

Ngài A-nan bạch Phật:

– Dạ! Con xin lắng nghe!

Đức Phật bảo:

– Nay A-nan, thời quá khứ lâu xa, vô lượng vô biên không thể nghĩ bàn kiếp a-tăng-kỳ, ở cõi Diêm-phù-đề này có một vị đại quốc vương tên là Ma-ha Ba-la-bà-tu (*Tân dịch là Đại Quang Minh*) thống lãnh năm trăm nước nhỏ. Khi đó vua cùng các quần thần đi ra ngoài săn bắn, vua cỡi con voi, tánh tình hung dữ, nó chở vua chạy đi dữ dội, dần dần đến khu rừng cây, nó chạy xông thẳng vào giữa rừng. Người quản tượng kêu vua nên nắm nhánh cây để được an toàn. Vua nghe theo lời quản tượng, nắm được nhánh cây mà được an toàn, còn con voi chạy đi mất. Đức vua nổi giận quở trách người

quản tượng, muốn đem ông ra giết bỏ, trách:

– Do người điều voi không hợp chế độ, nên mới khiến hôm nay làm nguy hại đến thân ta.

Quản tượng tâu vua:

– Hạ thần điều khiển voi đúng như pháp, nhưng hôm nay con voi này vì dục vọng mê hoặc, tâm dục khó điều phục, chứ chẳng phải lỗi ở hạ thần, xin bệ hạ khoan thứ! Sau ba ngày nữa ắt voi trở về, theo thần đoán biết, hãy đợi ba ngày, thần có chết cũng không ân hận.

Đúng như kỳ hẹn ba ngày sau con voi tự trở về cung. Bấy giờ người quản tượng đốt bảy viên sắt đỏ hực, bức bách con voi phải nuốt, con voi không dám trái nghịch, nuốt hết liền chết. Ông vua ý hiểu ra, cùng các quần thần khen chưa từng có, lại hỏi quản tượng:

– Như tâm dục này ai có thể điều phục?

Bấy giờ có Thiên thần cảm ngộ quản tượng khiến đáp lời vua:

– Tâu bệ hạ, Đức Phật có thể điều phục việc đó.

Vua nghe nói thế, bèn phát tâm nói:

– Giống như keo dính pháp khó điều phục, chỉ Phật có thể trừ. Vua liền tự thệ nguyện, nguyện cầu làm Phật, tinh cần trải qua nhiều kiếp chưa từng ngừng nghỉ, cho đến ngày nay được quả báo như thế ấy.

Nói đến đây, Đức Phật bảo:

– Nay A-nan, vị đại quốc vương thuở đó chính là tiền thân của Ta.

Bấy giờ người trong chúng hội nghe Đức Phật nói về tiền kiếp đều phát tâm Vô thượng chánh chân, vui mừng không gì bằng, đánh lễ phụng hành.



Phẩm 50: LẶC-NA-XÀ-DA

Tôi nghe như thế này:

Một lúc nọ Đức Phật ở nước Ca-tỳ-la-vệ, tại Tăng-già-lam Ni-câu-lư-đà.

Bấy giờ dòng họ Thích trông thấy Thế Tôn quang minh thân biến, hiển dương diệu pháp rất là đặc biệt, đường đường chính chính không ai có thể bì kịp. Họ lại khen ngợi nhóm ông Kiều-trần-như đời trước có duyên phước gì mà Đức Như Lai ra đời giống pháp cổ lần đầu tiên, họ được nghe trước nhất; cam lộ vừa rơi xuống thì họ được thấm nhuần ân trạch, xa lìa cấu uế đạt được tâm thể huyền yếu; trong thành đến thôn ấp, đồng khen ngợi vô lượng. Bấy giờ chư Tỳ-kheo nghe việc như thế rồi đi đến chỗ Phật cúi đầu đánh lễ bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, nay nhân dân trong nước này cùng tụ tập, khác miệng đồng lời khen ngợi Thế Tôn và khen nhóm ông Kiều-trần-như đời trước có phúc duyên gì mà được độ riêng trước.

Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

— Chẳng những đời này năm người này được riêng độ trước, ở kiếp lâu xa về trước Ta cũng từng cứu giúp những người này, dùng thân làm thuyền cứu họ ra khỏi chết đắm, an toàn mạng sống đều được an ổn đến bờ bên kia. Nay Ta thành Phật, cũng trước tiên tế độ bọn họ.

Bấy giờ chư Tỳ-kheo liền bạch Phật:

— Bạch Đức Thế Tôn, trước kia Ngài cứu tế họ như thế nào khiến họ được an ổn, cúi mong Thế Tôn hãy vì chúng con mà nói lại, để chúng con được biết?

Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

— Nếu muốn thích nghe Ta sẽ vì các ông mà nói.

Đáp:

— Dạ vâng!

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

— Vào thời quá khứ lâu xa, ở châu Diêm-phù-đề này có một nước tên Ba-la-nại, quốc vương nước đó tên Phạm-ma-đạt.

Lúc ấy, trong nước có một nhà buôn tên Lặc-na-xà-da, một hôm ông đi ra ngoài thành dạo chơi, đến khu rừng cây thì gặp một người đang ngồi khóc lóc thảm thiết, người này định dùng dây thòng lọng treo cổ tự tử. Ông bèn đi đến trước người ấy hỏi:

– Anh làm gì vậy? Thân người khó được, còn mạng sống lại nguy ách suy biến vô số.

Ông dùng các thứ ví dụ khiến cho người đó cởi dây ra. Người đó nói:

– Tôi bạc phước, nghèo khổ quá, thiếu nợ chồng chất, hết phương kê sống. Chủ nợ tranh nhau đến đòi, ngày đêm thúc giục, tâm buồn rầu không yên, trời đất tuy rộng nhưng không có chỗ dung thân. Nay muốn tự vận để tránh khỏi cái khổ này.

Bấy giờ nhà buôn liền nói:

– Anh hãy cởi dây ra, thiếu nợ bao nhiêu, tôi sẽ thay anh trả hết.

Lặ-na-xà-da nói như thế rồi người đó mới chịu thôi, vui mừng và cảm ân không cùng, rồi đi theo nhà buôn vào trong chợ tuyên bố cho mọi người nghe rằng là sẽ trả nợ hết. Khi ấy các chủ nợ tranh nhau tụ tập đến đòi nợ, người đến đông vô hạn, của cải sắp hết, mà người ta vẫn còn đến đòi, nợ trả mãi không hết, cho đến vợ con phải đi ăn xin, thân thuộc bà con đều ghét trách: “Đây là một người chồng điên, tự phá gia nghiệp.” Lúc đó có các thương gia khuyên rủ cùng đi biển buôn bán, ông liền nói:

– Theo pháp nhà buôn, muốn đi thì phải làm thuyền tốt, nay tôi nghèo khổ, không còn của cải gì, làm sao mà đi được?

Mọi người nói:

– Chúng tôi cả thầy năm trăm người, vui lòng bỏ ra tiền để làm thuyền mới.

Nghe vậy ông bèn nhận lời. Mọi người hợp lại được một số tiền lớn. Khi ấy thương gia Lặc-na-xà-da dùng ba ngàn lượng vàng, một ngàn lượng để làm thuyền, một ngàn lượng mua lương thực, còn một ngàn lượng đem theo để tiện khi dùng đến, còn dư ra đem cho vợ con sinh sống. Họ bèn đến bờ biển, làm một chiếc thuyền to, có bảy lớp ván, làm thuyền xong xuôi đẩy thuyền xuống nước, dùng bảy sợi dây lớn buộc neo trên bờ, dùng chiếc linh vàng phát lệnh cho tất cả mọi người:

– Ai muốn đi biển tìm của báu quý lạ, được nhiều vật dụng xài hoài không hết, nay có thể tụ tập cùng đi đến chỗ có của báu. Ai không quyến luyến cha mẹ, vợ con và thân mạng thì có thể đi. Tại vì sao? Vì đi ra biển có rất nhiều nạn nguy hiểm, nào là sóng to gió lớn, cá to, ác quỷ, các thứ như thế trình bày không thể hết.

Nói xong ông liền cắt đứt một sợi dây, hằng ngày đều làm như vậy, đến ngày thứ bảy cắt đứt sợi dây cuối cùng, thuyền trương buồm lướt gió ra khơi. Đi được giữa đường bỗng gặp một trận gió to đập nát con thuyền, mọi người hô cứu nạn, không chỗ nương tựa, hy vọng năm được tám ván nổi để tự độ, có người rơi xuống nước chết chìm, trong đó có năm người cùng thừa với thương gia Lặc-na-xà-da:

– Chúng tôi theo ông đến đây nay sắp bị chết chìm, nguy hiểm đến nơi, mong ông cứu giúp.

Người thương buôn nói:

– Tôi nghe nói biển cả không bao giờ chứa tử thi, bây giờ các ông nắm lấy tôi, vì các ông tôi sẽ tự sát để cứu nguy vậy. Nguyên đem việc cứu giúp này để cầu làm Phật. Sau khi thành Phật, sẽ dùng thuyền Vô thượng chánh pháp độ các ông qua khỏi biển khổ sinh tử.

Nói xong ông dùng dao tự sát. Sau khi đoạn mạng thì Hải thần nổi gió thổi giạt vào bờ, đều được an ổn.

Nói đến đây Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

– Các ông nên biết, Lặc-na-xà-da thuở đó chính là tiền thân của Ta. Năm người bám xác chết được vào bờ là bọn ông Câu-lân. Ở đời trước Ta cứu giúp họ vượt khỏi sinh tử, nay được thành Phật, khiến họ năm người được nghe Chánh pháp vô lậu đầu tiên, xa lìa dòng kết sử lâu dài nơi biển lớn.

Bây giờ các Tỳ-kheo đều cùng khen ngợi Đức Như Lai đại bi thâm diệu khó lường ai nấy đều gắng sức tiến tu, nghe Đức Phật nói đều vui vẻ phụng hành.



Phẩm 51: CA-TỠ-LÊ TRĂM ĐẦU

Tôi nghe như thế này:

Một thuở nọ Đức Phật ở trong khu vườn Trúc, tại nước Ma-kiệt-đà. Khi ấy Đức Thế Tôn cùng các Tỳ-kheo đi hướng về nước Tỳ-xá-ly đến bờ sông Lê-việt. Lúc đó bên bờ sông có năm trăm người chăn trâu và năm trăm người bắt cá, những người bắt cá này họ dùng ba thứ lưới, lớn nhỏ không đồng, thứ lưới nhỏ có hai trăm người kéo, thứ lưới vừa có ba trăm người kéo, thứ lưới lớn có năm trăm người kéo. Khi ấy Đức Như Lai và các Tỳ-kheo ở cách bờ sông không xa mấy đang ngồi nghỉ ngơi, trông thấy những người đánh cá lưới được một con cá lớn năm trăm người kéo mà kéo không nổi. Họ lại kêu năm trăm người chăn trâu, hợp lại là một ngàn người ra hết sức kéo lên được một con cá thật lớn có một trăm đầu, nào là đầu lừa, ngựa, lạc đà, cọp, sói, heo, chó, khỉ, hồ ly và đủ các loại như vậy. Mọi người xem thấy rất kỳ quái họ tranh nhau đến xem. Lúc đó Đức Thế Tôn bảo ngài A-nan:

— Ở đằng kia có việc gì mà mọi người đều tụ tập vậy? Ông hãy đi đến đó xem thử.

A-nan vâng lời liền đi đến đó trông thấy một con cá thật lớn trên mình có cả thấy một trăm đầu, trở về bạch lại với Thế Tôn như đã trông thấy. Đức Thế Tôn lúc đó cùng các Tỳ-kheo đi đến chỗ con cá, hỏi nó:

– Người có phải là Ca-tỳ-lê không?

Con cá đáp:

– Dạ phải!

Đức Thế Tôn trịnh trọng hỏi ba câu:

– Người là Ca-tỳ-lê chẳng?

Đáp:

– Đúng vậy!

Lại hỏi:

– Kiếp sau biết về đâu không?

Đáp:

– Đọa trong địa ngục A-tỳ.

Bấy giờ ngài A-nan cùng đại chúng không biết duyên kiếp con cá như thế nào, bạch Thế Tôn:

– Bạch Đức Thế Tôn, tại sao Ngài gọi con cá trăm đầu này là Ca-tỳ-lê? Cúi mong Thế Tôn thương xót, chỉ bày cho chúng con được rõ.

Đức Phật bảo:

– Nay A-nan, hãy lắng nghe. Ta sẽ vì ông mà nói rõ. Trước đây, vào thời Đức Phật Ca-diếp có một vị Bà-la-môn sinh được một cậu con trai đặt tên là Ca-tỳ-lê (*Tần dịch là Hoàng Đầu*). Cậu này thông minh tài trí, đối với các hàng đa văn thời đó thì cậu ta giỏi nhất chỉ có kém hơn các hàng Sa-môn. Khi cha cậu sắp chết, ông ân cần dặn dò anh ta:

– Con nên cẩn thận chớ cùng các vị Sa-môn đệ tử của Phật Ca-diếp tranh luận đạo lý. Tại vì sao?

Vì các Sa-môn trí tuệ sâu xa, chắc chắn con không bằng họ.

Sau khi người cha chết, mẹ anh ta hỏi:

– Con vốn là người cao minh, có người nào hơn con không?

Đáp:

– Có các Sa-môn hơn con.

Người mẹ lại hỏi:

– Tại sao hơn? Hơn con như thế nào?

Đáp:

– Vì con có chỗ nào nghi ngờ đều phải đến hỏi các Sa-môn, họ diễn thuyết rõ ràng khiến người ta rất dễ hiểu, ngược lại nếu các vị hỏi con thì con không thể giải đáp. Vì thế cho nên con tự biết không bằng họ.

Người mẹ lại nói:

– Tại sao con không đi học hỏi phương pháp ấy?

Đáp:

– Muốn học phương pháp ấy phải làm Sa-môn. Con là bạch y thế tục làm sao học được?

Người mẹ lại nói:

– Con giả làm Sa-môn, học hành thông đạt rồi thì trở về nhà.

Nghe lời bà mẹ dạy, cậu ta giả làm một Sa-môn, trải qua một thời gian thì thông suốt Tam tạng, thấu rõ nghĩa lý. Người mẹ đến hỏi:

– Nay con học giỏi hơn các vị Sa-môn chưa?

Đáp:

– Về học vấn con hơn nhưng về tọa thiền con không bằng.

Người mẹ nói:

– Tại sao con biết kém hơn họ?

Đáp:

– Vì con hỏi, họ đều có thể phân biệt rành rõ, họ hỏi lại con, con không thể biết. Vì thế con biết là chưa bằng họ được.

Người mẹ lại bảo:

– Từ nay trở đi nếu con cùng họ đàm luận, nếu như bị thua thì con hãy mắng chửi họ, sỉ nhục họ.

Ca-tỳ-lê nói:

– Vị Sa-môn xuất gia, không có tội gì cả, tại sao phải mắng họ?

Đáp:

– Chỉ có mắng chửi thì con sẽ được thắng.

Bấy giờ Ca-tỳ-lê không nỡ trái lời người mẹ, nên sau này khi tranh luận bị bẻ gãy lý thì Ca-tỳ-lê liền chửi mắng:

– Các ông là người ngu si, không biết gì cả, các ông là loài súc sinh đâu có biết gì.

Rồi cậu dùng các loài thú để ví dụ mà chửi các Sa-môn, chửi như vậy vô số. Do duyên đó nay thọ quả báo mang thân cá mà có cả trăm đầu thú.

Ngài A-nan hỏi Đức Phật:

– Đến bao giờ Ca-tỳ-lê mới thoát khỏi thân cá, thừa Thế Tôn?

Đức Phật bảo:

– Nay A-nan, trong hiện kiếp này, một ngàn vị Phật ra đời, vị ấy cũng chưa thoát khỏi thân cá.

Khi đó A-nan và cả đại chúng nghe Đức Phật nói đều rung mình kinh hãi, đau buồn thương xót đồng thanh nói:

– Nghiệp thân, khẩu, ý không thể không cần thận.

Lúc đó những người bắt cá và những người chăn trâu cùng chấp tay hướng về Đức Phật cầu xin xuất gia tịnh tu phạm hạnh. Đức Phật liền hứa nhận nói:

– Thiện lai Tỳ-kheo!

Râu tóc của họ tự rụng, y phục mặc trên mình, trở thành Sa-môn. Lúc đó Đức Thế Tôn thuyết các Diệu pháp, họ dứt lậu, sạch kết sử chứng quả A-la-hán. Đức Phật lại vì chúng hội rộng nói các pháp; phân biệt về Tứ diệu đế: Khổ, tập, diệt, đạo. Có người nghe xong đắc được Sơ quả đến Tứ quả, có người phát tâm hướng về đạo Vô thượng, số ấy rất nhiều. Bấy giờ bốn chúng nghe Đức Phật nói rồi vui vẻ phụng hành.



KINH HIỀN NGU

QUYỂN 11

Phẩm 52: VÔ NÃO

Tôi nghe như thế này:

Thuở nọ, Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Quốc vương lúc bấy giờ là vua Ba-tư-nặc, dưới triều có một quan phụ tướng rất thông minh lại giàu có, vợ của vị quan ấy mang thai sinh được một đứa con trai, tướng mạo khôi ngô hình dung đoan chánh lạ thường. Khi ấy quan phụ tướng rất vui mừng liền mời thầy về xem tướng. Thầy tướng trông thấy đứa bé liền nói:

– Phước tướng đứa trẻ này rất đặc biệt trong nhân gian, nó thông minh trí tuệ hơn người. Người cha nghe nói vui mừng, nhờ thầy tướng đặt tên. Thầy tướng hỏi:

– Từ khi mang thai đứa trẻ này có điềm lạ gì không?

Quan phụ tướng đáp:

– Bà nhà tôi tánh tình không hiền lành, nhưng từ khi mang thai đến nay tánh tình thay đổi lạ

thường, tâm tánh cung kính thuận hòa, vui vẻ nhân đức, thương xót người nghèo khổ, không thích nói lỗi người khác.

Thầy tướng nói:

– Đây là ý chí của đứa bé.

Ông liền đặt tên là A-giác-tặc-kỳ (*Tân dịch là Vô Não*).

Đứa bé ngày một lớn lên mạnh khỏe vô cùng, sức khỏe như một lực sĩ, có thể một mình địch nổi ngàn người, chạy nhanh như ngựa, người cha rất yêu mến. Khi đó trong nước có một vị Bà-la-môn thông minh học rộng nghe nhiều, có năm trăm người đệ tử theo học. Quan phụ tướng cũng dẫn đứa con trai mình theo học vị ấy, vị Bà-la-môn thu nhận truyền dạy. Vô Não đêm ngày siêng năng học tập, một ngày tiếp thu bàn bạc hơn học trọn năm. Học hành chưa bao lâu thì thông đạt tất cả. Người thầy Bà-la-môn đối đãi đặc biệt, đi đâu cũng cho theo, các bạn đồng học rất là kính nể. Khi đó vợ của vị Bà-la-môn, trông thấy Vô Não tướng mạo đẹp đẽ khôi ngô, tài năng vượt hơn người, ôm lòng thương mến say đắm, nhưng các đệ tử thường cùng thầy Bà-la-môn đi lại, không lúc nào sống một mình nên bà không có dịp nói chuyện tỏ bày tâm sự, thường than thở lo buồn. Bỗng một hôm có một thí chủ đến thỉnh thầy Bà-la-môn và các đệ tử thọ cúng ba tháng. Thầy Bà-la-môn vào trong cùng vợ bàn bạc:

– Nay ta được người thỉnh mời đi ba tháng, vậy nên để lại một người đệ tử để phụ giúp việc nhà.

Khi đó người vợ mừng thầm toan tính trong lòng, thưa thầy Bà-la-môn rằng:

– Sự việc phải như vậy, việc nhà cũng nhiều, nên cần người có tài năng, có thể để lại Vô Nã.

Sau khi dặn dò mọi việc xong, thầy Bà-la-môn bảo Vô Nã:

– Nay ta nhận lời mời của thí chủ phải đi, việc nhà rất nhiều, cần người lo liệu, con có tài năng, vì ta ở lại đảm trách việc ấy.

Vô Nã thọ giáo liền ở lại không đi. Thầy Bà-la-môn cùng đồ chúng lên đường ra đi. Bà vợ vui mừng vô cùng, tự trang điểm rất đẹp, tỏ vẻ chuyện trò ảo lả làm cho động lòng Vô Nã. Nhưng Vô Nã kiên chí vô tâm không để ý. Bà vợ do lòng dục mãnh liệt nên nói thật với Vô Nã:

– Ta đem lòng yêu mến từ lâu, nhưng vì đồ chúng đông đảo nên chưa tỏ bày được. Nay thầy chàng đi rồi, nên ta có ý giữ chàng lại, giờ đây một mình yên tĩnh, hãy nên chịu theo ý ta.

Vô Nã hiểu ra liền nói:

– Theo pháp Phạm chí nhà ta, không dâm dục vợ của thầy, nếu trái phạm thì chẳng phải là Bà-la-môn, thà chọn lấy sự chết, chứ không làm việc này.

Lúc bấy giờ vợ thầy Bà-la-môn thấy nghịch ý mình, xấu hổ sân hận, lại toan mật kế, đợi ngày

thầy Bà-la-môn trở về, tụt xé rách áo, cào rách mặt mày, nằm phơi dưới đất, mình dính bụi bặm, không nói không rằng. Khi đó thầy Bà-la-môn cùng các đệ tử về đến, vào nhà ông thấy sắc trạng vợ như thế liền hỏi nguyên do vì sao. Bà vợ khóc lóc nói:

– Không nên hỏi vậy!

Lúc đó vị Bà-la-môn càng hỏi thêm nữa:

– Bà có chuyện gì hãy nói cùng tôi, tại sao không chịu nói?

Người vợ khóc mà nói:

– Vô Não đệ tử của ông, từ sau khi ông đi rồi, thường hay xâm phạm thân em, em không chịu theo ý, nó xé rách áo và làm cho đầu mặt em rách nát. Thằng đệ tử của ông nuôi, tại sao mà làm như vậy hả?

Vị Bà-la-môn nghe xong rất là phẫn hận, nói với vợ:

– Thằng Vô Não này sức lực một mình có thể địch ngàn người, lại là con của quan phụ tướng dòng tộc tôn quý thế lực, dù muốn trị nó, phải nên từ từ bàn mưu tính kế mới được.

Sau khi tính xong xuôi, ông đi gặp Vô Não, tùy phương tiện an ủi dụ rằng:

– Sau khi ta đi một thời gian, con ở nhà gánh vác công việc cực nhọc, lại hết lòng trung thành, vì cảm thấy tấm lòng con như thế, ta muốn đáp lại. Ta có một bí pháp, từ xưa đến nay chưa nó, nếu

thực hành thành công thì sinh được lên cõi trời Phạm thiên.

Vô Não quỳ xuống thưa:

– Thưa thầy, bí pháp đó như thế nào?

Đáp:

– Nếu trong vòng bảy ngày chém đầu một ngàn người, lấy mỗi người một ngón tay, dùng một ngàn lông tay ấy xỏ khâu đeo cổ, thì sau khi mạng chung chắc chắn sinh lên cõi Phạm thiên.

Vô Não nghe việc ấy hãy còn hồ nghi do dự, mới thưa với thầy:

– Việc này không nên. Tại sao giết hại chúng sinh mà được sinh lên cõi Phạm thiên?

Người thầy nói:

– Con là đệ tử ta, há không tin ta nói những lời thiết yếu sao? Nếu không tin thì đoạn tuyệt tình nghĩa vậy, tùy con muốn đi đâu thì đi đừng ở lại đây nữa.

Nói rồi thầy Bà-la-môn trì chú, đem cây đao để dưới đất, đọc chú xong, tâm ác của Vô Não sinh khởi. Thầy Bà-la-môn biết được trong tâm ý Vô Não, bèn trao cho cây đao, chàng cầm đao đi ra ngoài đường gặp người thì giết ngay để lấy lông tay xỏ khâu đeo, người ta trông thấy bèn gọi là Ương-cừ-ma-la (*Tân dịch là Chỉ Man*). Ương-cừ-ma-la đi khắp nơi giết người chặt lấy trong bảy ngày được chín trăm chín mươi chín lông tay, còn

thiếu một lóng, nếu giết thêm được một người thì số lóng tay đầy đủ. Lúc đó người ta đều lần trốn ít ai dám đi ra đường, chàng ta đi khắp nơi tìm kiếm lại càng không gặp. Trong bảy ngày ấy chàng không được ăn uống, bà mẹ thương xót con sai người đi tìm kiếm, họ đều sợ sệt không dám đi. Bà mẹ bèn cầm thức ăn đích thân đi tìm con. Từ xa chàng ta trông thấy mẹ chạy đến định giết, lúc đó bà mẹ nói:

– Đồ con vật bất hiếu, tại sao dám ôm lòng ngỗ nghịch muốn giết hại ta.

Vô Nãi nói:

– Con được thầy truyền dạy trong vòng bảy ngày lấy được một ngàn lóng tay thì sẽ được sinh lên cõi Phạm thiên. Số ngày đã mãn mà chỉ số vẫn chưa đủ, sự việc chắc sắp hỏng rồi, nên con muốn giết mẹ.

Bà mẹ lại nói:

– Giả sử có sự việc như vậy thì chỉ chặt lấy lóng tay ta, chớ làm sao lại giết cả thân ta?

Lúc đó Đức Thế Tôn ở xa nhìn thấy biết hết mọi việc và biết chàng Vô Nãi có thể độ được, bèn hóa làm một vị Tỳ-kheo, đi bộ ngoài đường. Ương-cừu-ma-la trông thấy vị Tỳ-kheo liền bỏ ý định chặt lóng tay mẹ mà đuổi theo vị Tỳ-kheo để giết. Đức Phật thấy chàng chạy gần đến thì dùng thần lực đi nhanh hơn để chàng chạy theo không kịp.

Ương-cừu-ma-la bèn hô to:

– Tỳ-kheo hãy dừng lại một chút!

Đức Phật đáp:

– Ta thường tự đứng, chỉ có người là không đứng thôi.

Ương-cừu-ma-la lại hỏi:

– Tại sao ông đứng mà ta không đứng?

Đức Phật liền đáp:

– Các căn Ta tịch định mà được tự tại, còn người theo thầy ác, thọ học tà giáo điên đảo thay đổi tâm người không được định trụ, ngày đêm giết hại tạo vô biên tội.

Chàng ta nghe xong tâm liền tỉnh ngộ, buông đao từ xa đánh lễ Thế Tôn. Lúc đó Như Lai đợi chàng chạy đến, hiện trở lại thân Phật, quang minh sáng rực như mặt trời, ba mươi hai tướng tốt trang nghiêm. Vô Nã trông thấy Phật hào quang rực sáng uy nghi đường bệ, dập đầu xuống đất hối lỗi tự trách. Đức Phật bèn thuyết pháp cho chàng nghe. Nghe xong chàng được pháp nhãn tịnh, lòng tin thuần nhất, cầu xin xuất gia. Đức Phật hứa khả, bảo:

– Thiện lai Tỳ-kheo!

Râu tóc của Vô Nã tự rơi rụng, pháp y mặc trên mình. Đức Phật lại giảng thuyết thêm thì tâm cầu của chàng đều dứt sạch, chứng quả A-la-hán.

Đức Phật dẫn chàng về tinh xá Kỳ hoàn. Bấy

giờ nhân dân trong nước nghe tiếng tăm của Vô Nã đều rất kinh sợ. Người và súc vật mang thai, sợ hãi không sinh ra được. Khi đó có một con voi, không thể sinh con ra được. Đức Phật bảo Vô Nã đến đó thành thật nói rằng:

– Ta từ khi sinh ra đến nay không giết hại một người.

Vô Nã thưa Phật:

– Con từ nào đến giờ giết rất nhiều, tại sao nói không giết hại?

Đức Phật nói:

– Ở trong Thánh pháp người là mới sinh ra.

Bấy giờ Vô Nã bèn chỉnh y phục, vâng lời Đức Phật đi đến đó y như lời Phật dạy mà nói, con voi tức thời sinh được an ổn. Chàng trở về tinh xá, ngồi trong một gian phòng.

Bấy giờ vua Ba-tư-nặc tập hợp binh lính, đích thân tìm đến hỏi tội Ương-cừ-ma-la, đi thẳng đến tinh xá Kỳ hoàn để công kích. Khi đó trong tinh xá Kỳ hoàn có một Tỳ-kheo hình tướng xấu xí mà có âm thanh hay vô cùng, xướng lên tụng kinh âm thanh vang xa quân lính lắng tai nghe hoài không biết chán. Voi ngựa vảnh tai nghe, đứng hoài không chịu đi, vua ngạc nhiên hỏi quan lính hầu tại sao thế. Quân lính hầu thưa:

– Tâu bệ hạ, do tiếng tụng kinh khiến voi ngựa đứng lại không chịu đi.

Vua nói:

– Súc sinh mà còn ham thích nghe kinh pháp, chúng ta loài người tại sao không đi đến đó nghe?

Vua liền cùng quân lính đi đến tinh xá Kỳ hoàn, xuống ngựa cỡi kiểm đi thẳng đến chỗ Phật ngự kính lễ thăm hỏi:

– Bạch Thế Tôn, vừa rồi con có nghe tiếng một vị Tỳ-kheo tụng kinh âm thanh trong trẻo vang xa, nghe tiếng tụng kinh rất là khâm phục ngưỡng mộ, xin cho con được gặp mặt và con xin cúng thí cho vị ấy mười vạn tiền.

Đức Phật bảo:

– Trước tiên bệ hạ hãy cho tiền rồi sau đó hãy gặp vị ấy. Vì sao? Vì nếu gặp vị ấy trước rồi thì tâm bệ hạ không muốn cho một đồng tiền nào cả, vì hình tướng vị ấy xấu xí, không ai muốn nhìn thấy và không muốn cho tiền.

Vua từ chỗ ngồi đứng dậy quỳ xuống bạch:

– Bạch Thế Tôn, vị Tỳ-kheo này hình dung rất là xấu xí, mà tiếng tụng niệm vang xa nghe thật hay, không biết duyên đời trước như thế nào mà được báo như vậy?

Đức Phật bảo vua:

– Bệ hạ hãy đề tâm lắng nghe Ta sẽ nói về tiền kiếp.

Trong kiếp quá khứ có Đức Phật hiệu là Ca-diếp, sau khi hóa độ chúng sinh bèn nhập Niết-bàn.

Lúc đó quốc vương đang trị vì thiên hạ tên Cơ-ly-tỳ, làm lễ hỏa thiêu thu lấy xá-lợi muốn dựng tháp thờ. Bấy giờ có bốn Long vương hóa làm hình người, đến gặp vua Cơ-ly-tỳ, hỏi về công trình xây tháp, làm bằng báu vật hay làm bằng đất. Vua liền nói:

– Muốn làm cái tháp to này không có nhiều vật báu, nay muốn làm bằng đất, vuông năm dặm, cao hai mươi lăm dặm, thật cao để mọi người trông thấy.

Long vương nói:

– Chúng tôi chẳng phải là người, đều là Long vương, nghe vua làm tháp mới đi đến thăm hỏi. Nếu như muốn dùng của báu thì chúng tôi sẽ giúp đỡ.

Vua rất vui mừng. Long vương liền nói:

– Ngoài bốn cổng thành có bốn dòng suối lớn. Dòng suối thành cửa Đông lấy đất dưới đáy suối xây dựng, sau khi xây xong nó sẽ là lưu ly xanh cam. Suối thành cửa Nam dùng đất dưới đáy làm gạch xây xong nó sẽ là vàng ròng. Đất dưới dòng suối thành cửa Tây, lấy làm gạch xây xong nó sẽ biến thành bạc trắng. Đất dưới suối thành cửa Bắc lấy làm gạch, sau khi xây xong nó sẽ là bạch ngọc.

Vua nghe xong vô cùng vui mừng, liền sai bốn người trông coi, mỗi người quản lý một mặt, ba mặt công tác sắp hoàn thành, riêng một mặt người

trông coi lười biếng làm không xong. Vua đến xem thấy thế quở trách:

– Khanh không dụng tâm, không hết lòng công tác, trẫm sẽ phạt tội.

Người đó ôm lòng oán hận bèn tâu vua:

– Do tháp này quá lớn biết bao giờ hoàn thành.

Sau khi vua đi rồi, vị ấy liền sai mọi người làm việc ngày đêm không ngừng, chẳng mấy chốc thì xong. Tòa tháp cao đẹp vô cùng, các châu báu sáng trưng, trang hoàng cực kỳ lạ đẹp, ai thấy đều cũng vui mừng. Để sám hối lỗi trước bê trễ, người ấy cầm một cái linh vàng treo ở tháp đập vào đầu mình một cái tự nguyện:

– Xin nguyện kiếp sau con sinh ra đời được âm thanh thật hay, tất cả chúng sinh nghe tiếng, không ai không tham thích nghe. Sau này có Đức Phật Thích-ca Mâu-ni ra đời, khiến cho con được gặp và được Ngài độ thoát sinh tử.

Nói đến đây, Đức Phật gọi:

– Đại vương, vị quan trông coi công trình chậm chạp làm đại tháp kia, nay chính là vị Tỳ-kheo này vậy. Do duyên phiền trách cái tháp lớn, trong năm trăm kiếp sinh ra thường mang thân hình xấu xí. May sao ông ta vui mừng dùng cái linh đánh vào đầu và cầu nguyện được tiếng tốt và nguyện gặp Ta nên trong năm trăm đời được tiếng rất hay, nay lại gặp Ta được độ giải thoát.

Vua nghe rồi bèn từ tạ muốn ra về. Đức Phật hỏi:

– Đại vương muốn đi đâu nữa?

Vua bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, trong nước có giặc cướp tên Ương-cừ-ma-la giết hại nhân dân, tung hoành bạo hại, nay trăm đem binh lính vây bắt hẩn lại.

Đức Phật bảo vua:

– Ương-cừ-ma-la hiện nay con kiến còn không giết huống nữa là giết vật khác.

Vua tự nghĩ: “Có lẽ Thế Tôn đã đến hàng phục hẩn rồi chẳng.” Đức Phật bảo:

– Đại vương, Vô Não nay đã xuất gia nhập đạo đắc quả A-la-hán, đoạn dứt hẩn các việc ác, hiện đang ở trong phòng đó. Đại vương có muốn gặp không?

Vua thưa:

– Con muốn gặp.

Vua liền đi đến đứng bên ngoài phòng. Nghe Tỳ-kheo Vô Não đang ho, vua nhớ lại ông hung ác giết người chặt lấy lông tay khắp nơi việc ấy qua rồi, nay sinh vào nơi chỗ Phật. Vua đem việc ấy thưa với Phật. Đức Phật bảo:

– Đại vương, không chỉ đời này nghe tiếng ông ta không bị đọa địa ngục mà đời sau cũng dứt tuyệt đọa địa ngục. Đại vương hãy lắng nghe, thời quá khứ lâu xa, ở châu Diêm-phù-đề này có một nước

lớn tên Ba-la-nại. Bấy giờ, trong nước có một con chim độc, thường bắt các côn trùng độc để ăn, nên thân nó cực độc không thể đụng chạm được, người đụng đến nó phải chết, cây đụng thì chết khô. Khi đó con chim này gặp một khu rừng, đậu trên một cội đại thọ, khẳng khặc muốn kêu. Trong khu rừng đó có một bạch tượng vương đang đứng dưới gốc cây, nghe tiếng con chim độc, đứng im dưới đất không dám nhúc nhích. Đại vương nên biết, con chim độc lúc bấy giờ chính là tiền thân của Vô Não ngày nay vậy, còn bạch tượng vương là tiền thân của đại vương đó.

Vua lại bạch Đức Phật:

– Ương-cừu-ma-la hung bạo giết người nhiều như vậy, nay nhờ đến Thế Tôn hàng hóa tu thiện. Vì sao được duyên phước như vậy?

Đức Phật bảo vua:

– Ương-cừu-ma-la không chỉ đời này giết nhiều người nhờ Ta hàng hóa, mà ở thời quá khứ ông ta cũng giết nhiều người như vậy, Ta cũng hàng hóa ông ta, rồi hấn suy nghĩ làm việc thiện.

Vua lại bạch Đức Phật:

– Đời trước hấn hại người ta, được Thế Tôn hàng phục hóa độ, việc ấy như thế nào? Xin Thế Tôn giải nói cho chúng con được nghe.

Đức Phật nói:

– Đại vương, hãy lắng nghe! Về quá khứ lâu xa

cách đây vô số kiếp a-tăng-kỳ, ở Diêm-phù-đề này có một nước lớn tên Ba-la-nại, quốc vương lúc bấy giờ tên Ba-la-ma-đạt. Khi đó quốc vương đem bốn loại binh vào trong núi rừng săn bắn, vua kéo quân đến một cái đầm rượt đuổi cầm thú, chỉ còn một mình chạy vào rừng sâu. Lúc ấy vua rất mệt, xuống ngựa ngồi nghỉ. Khi đó, ở trong rừng có một con sư tử cái, tới thời kỳ phát dục, chạy đi kiếm đực. Kiếm mãi mà không gặp con sư tử nào, bỗng gặp ông vua đang ngồi nghỉ, nó khởi lòng dâm dục rất mạnh, muốn cùng ông vua giao dâm, nó đi đến gần bên vua, nhong đuôi đưa dít đứng chờ. Vua biết ý nó, nhưng lại tự nghĩ: “Đây là loài thú dữ, sức mạnh có thể giết ta, nếu không chịu theo ý nó, sợ e nó hại chết.” Vì thế chịu theo sư tử, hành dục xong rồi sư tử bèn bỏ đi. Lúc đó các binh lính rượt theo cũng vừa chạy đến, vua cùng binh lính kéo về hoàng cung. Bấy giờ con sư tử cái ấy thọ thai, mãn tháng nó sinh được một đứa con, hình thể rất giống người, chỉ là có vằn trên mình. Sư tử biết là có con với vua bèn ngậm đứa con tìm đến trước vua. Vua suy nghĩ nhớ lại việc lúc trước biết là con mình, liền nhận lấy nuôi dưỡng, do cặp chân có rằn ri nên đặt tên nó là Ca-ma-sa-ba-đà (*Tân dịch là Bác Túc*). Nuôi nó dần dần lớn lên, rất có tài năng và sức mạnh, sau khi vua băng hà Bác Túc có hai bà phu nhân, một người dòng Sát-đế-lợi, còn một người là dòng Bà-la-môn.

Một ngày nọ vua Bác Túc đi ra ngoài thành dạo vườn hoa xem cảnh, ra lệnh hai phu nhân đi theo sau. Vua nói:

– Ai đi đến trước thì ngày hôm ấy cùng ta vui vẻ, còn ai đến sau thì ta không tìm kiếm đâu.

Sau khi vua đi rồi, hai vị phu nhân trang điểm rất đẹp, lên xe cùng đi. Được nửa đường thì trông thấy Thiên tự, vị phu nhân dòng Bà-la-môn xuống xe làm lễ, lễ xong vội vã đi, đành phải tới sau. Vua y theo lời hứa, trách vị phu nhân ấy. Lúc ấy phu nhân dòng Bà-la-môn phiền não sân giận oán trách Thiên thần:

– Vì tôi bận lễ lạy ông khiến vua coi thường, nếu ông có sức trời, tại sao không giúp tôi.

Phiền não sân giận bà tự ngầm tính kế. Sau khi vua trở về cung, bà càng thêm hầu hạ lo lắng, theo vua cầu xin rằng:

– Thiếp nghe nói trong nước chàng có một ngôi Thiên miếu mỗi ngày càng phóng túng, đại vương cần lưu ý cẩn thận!

Vua liền nghe theo, ra ngoài sai người đập phá Thiên tự như đất bằng, rồi trở về trong cung. Thần giữ miếu buồn rầu khổ não, đi vào trong cung muốn làm thương tổn cung vua, Thiên thần ngăn cản không cho vào. Có một Tiên nhân ở trong núi Tiên, vua Bác Túc lúc đó thường đến cúng dường. Hằng ngày đến giờ ăn thì vị Tiên bay vào cung

không thích ăn thức ăn ngon, chỉ thích dùng những thứ thô sơ. Bỗng một hôm Tiên nhân không đến, Thiên thần biết được hóa làm hình vị Tiên ấy để đi vào cung, thần giữ cung cũng biết được không cho vào, bèn đứng từ xa ngoài cổng tàu vua. Vua nghe Tiên nhân đang ở ngoài, trách người giữ cổng, vội ra lệnh mời vào. Khi đó thần giữ cung nghe có lệnh vua nên không ngăn cản. Vị ấy bèn đi thẳng vào, đến ngồi chỗ Tiên nhân thường ngồi. Vua sai dọn thức ăn như thường khi cúng dường, lúc đó hóa Tiên nhân, không chịu ăn, mà nói với vua:

– Đây là thức ăn thô xấu, lại không có thịt cá, làm sao có thể ăn.

Vua bèn tàu:

– Đại Tiên từ trước đến nay, thường dùng thanh khiết, cho nên không sai người làm thịt cá dọn lên.

Hóa Tiên nhân lại bảo:

– Từ đây về sau, chớ có bày thức ăn thô sơ nữa hãy dọn thịt ta ăn.

Y như lời, vua bèn dọn đầy đủ thức ăn ngon, ăn xong hóa Tiên đi về. Ngày mai vị Tiên cũ bay đến, vua sai dọn các thức ăn thịt cá ngon lạ, Tiên nhân nổi giận oán trách nhà vua. Vua nói:

– Hôm qua đại Tiên vừa bảo như vậy!

Tiên nhân nói: “Hôm qua ta có việc, không ăn một ngày, không có đến đây. Ai nói với các người, chỉ do các người coi thường ta, nên mới làm như

vậy”, bèn khiến nhà vua trong mười hai năm phải ăn thịt người. Nói xong Tiên nhân bay về trong núi. Từ đó về sau nhà vua cứ ăn thịt người. Một hôm quan coi nhà bếp quên không làm thịt người, sắp đến giờ ăn không biết tính thế nào, bèn đi ra ngoài thành kiếm thịt, thì thấy một đứa con nít mập mạp bị chết nằm trên mặt đất, ông bèn vội vã gánh đem về trong nhà bếp, thêm các gia vị thật ngon làm thức ăn cho vua. Hôm ấy vua ăn rồi cảm thấy ngon gấp bội bình thường, liền hỏi viên quan coi nhà bếp:

– Từ trước đến nay trăm ăn thịt, chưa có thứ thịt nào ngon như thịt này. Đây là thịt gì?

Quan coi bếp hoảng sợ, dập đầu trước nhà vua, xin vua tha tội mới dám nói ra. Vua nói:

– Cứ nói thật, trăm không hỏi tội người đâu.

Quan coi bếp tâu vua rằng:

– Hôm trước, vì không chuẩn bị thịt may đâu gặp một đứa nhỏ chết, thần mới đem về làm thức ăn dâng cho bệ hạ.

Vua nói:

– Thịt ấy ngon lạ khác thường. Vậy từ nay về sau, cứ làm thứ thịt như vậy.

Quan coi bếp tâu vua:

– Hôm trước ngẫu nhiên gặp xác đứa nhỏ chết, mới đem về làm thịt, nay bắt trẻ con làm thịt e rằng phạm quốc pháp.

Nhà vua nói:

– Người hãy bí mật đi bắt, giả sử có người biết, thì sau khi xử là do trẫm cả.

Quan coi bếp vâng lời âm thầm bắt con nít làm thịt dâng cho vua ăn, hằng ngày như vậy. Lúc đó người dân trong thành, có người đi ngoài đường khóc lóc nói là mất con, họ truyền miệng hỏi với nhau, do đâu mà có sự việc như thế. Các quan cùng nhau bàn bạc, nên thử rình xem sao. Họ bố trí người ở khắp nơi trong đường nhỏ, thì trông thấy quan nhà bếp của vua bắt con nít, họ rình bắt được, trối dẫn đến nhà vua, đem mọi việc lâu nay ra trình bạch. Vua nghe xong im lặng không đáp. Ba lần tâu vua rằng:

– Nay bắt được kẻ trộm con nít, tội đã đành rành, phải nên quyết đoán, tại sao bệ hạ im lặng?

Vua bèn nói:

– Đây là trẫm bảo!

Các đại thần lòng ôm hận lui ra, họ đi ra ngoài cùng nhau bàn bạc:

– Thì ra nhà vua là kẻ trộm bắt con nít của chúng ta, vua ăn thịt người thì làm sao mà cai trị dân được, chúng ta nên trừ khử đi tai họa này!

Tất cả đồng tâm cùng nhau tính kế. Trong vườn bên ngoài thành, có một cái hồ nước đẹp, thường ngày vua đến đó tắm gội, các quan phục binh trong vườn, đợi khi vua xuống ao tắm, phục binh nhất

thời bao vây bốn bề, bắt vua mà giết. Vua thấy quân lính tập hợp kinh sợ hỏi:

– Tại sao các người vây quanh bức trẫm?

Các quan đáp:

– Luận về đạo làm vua phải dưỡng nuôi dân, trái lại nhà vua lại giết người ăn thịt, dân chúng oán thán, cho nên đều muốn giết vua.

Vua nói:

– Trẫm thật vô trượng, từ nay về sau, trẫm không làm như vậy nữa, sẽ tự cải hối, chỉ mong các người tha trẫm.

Các quan nói:

– Trọn quyết không tha, chính vậy khiến ngày nay trời mưa tuyết đen và làm trên đầu ông sinh con rắn độc đen. Ông không cần phải van xin, không cần phải nói nhiều lời.

Khi đó vua Bác Túc nghe các quan nói xong, tự biết ắt phải chết không còn con đường thoát, liền nói với các quan:

– Dù muốn giết ta hãy cho ta thêm vài phút.

Các quan đồng ý đứng chờ, nhà vua tự thề nguyện: “Thân ta lâu nay cũng có tu hạnh lành, làm vua trị vì thiên hạ, cúng dường Tiên nhân tập hợp các đức ấy khiến cho ngày nay ta biến thành La-sát phi hành.” Nói xong, vua liền được bay lên hư không, nói với các quan:

– Các người hợp lực muốn cưỡng giết ta, nhờ

ta có may mắn lớn lại có thể tự thoát. Từ nay về sau các người cứ yêu thương vợ con đi, ta sẽ lần lượt bắt ăn.

Nói xong, La-sát bay đi đến ở trong rừng núi, chờ người đi qua lại bắt ăn thịt. Nhân dân sợ hãi trốn tránh, tuy nhiên vẫn bắt ăn thịt rất nhiều người. Các La-sát khác bay theo, đồ chúng dần dần nhiều, nên việc bắt hại quần chúng càng rộng rãi. Sau này các La-sát ấy thưa vua Bác Túc La-sát rằng:

– Chúng tôi phụng sự vì vua bay theo, nguyện xin cho chúng tôi một bữa tiệc.

Bấy giờ vua Bác Túc hứa cho, nói:

– Các người canh bắt các ông quan đúng một ngàn, ta sẽ đãi cho một bữa tiệc linh đình.

Nói xong các La-sát chia nhau đi bắt. Chúng phong tỏa các cửa núi rừng, bắt được chín trăm chín mươi chín ông quan, còn thiếu một người, số chưa đủ số. Các ông quan ấy suy nghĩ: “Chúng ta cùng cấp, làm sao đi về được. Nếu họ bắt được Tu-đà-tổ-di, thì Tu-đà-tổ-di có nhiều cách có thể cứu giúp chúng ta.” Tính kế như vậy rồi bèn thưa với vua La-sát Bác Túc:

– Nếu bộ hạ muốn làm một bữa tiệc đặc biệt khác thường, thuần là thịt các quan, không dùng những người dân thường, hãy nên bắt Tu-đà-tổ-di, ông ấy rất có tiếng, như vậy bữa tiệc của bộ hạ mới ngon.

Vua La-sát nghe nói thế, liền bay đi bắt Tu-đà-tổ-di và các thể nữ. Sáng sớm, ra ngoài thành đến khu vườn có ao nước tắm gội, trông thấy một vị Bà-la-môn đi khát thực, vua Tu-đà-tổ-di nói với vị Bà-la-môn:

– Hãy đợi ta tắm xong, sẽ bố thí.

Vua liền đi đến khu vườn, xuống ao nước tắm. Lúc đó vua La-sát bay tới bắt lấy, mang về trong núi. Tu-đà-tổ-di buồn rầu khóc lóc. Lúc đó vua Bác Túc hỏi:

– Nghe nói người danh đức thù thắng đệ nhất, có chí Đại trượng phu, tại sao mà buồn rầu khóc lóc như trẻ con vậy?

Tu-đà-tổ-di tâu cùng vua La-sát rằng:

– Tôi không thương thân hay tham tiếc thọ mạng, nhưng từ khi sinh ra đến nay chưa từng nói dối, sáng này tôi đi ra khỏi cung thì thấy một Đạo sĩ, tôi đang đi xe ở trước mà Đạo sĩ cứ theo sau tôi xin ăn. Tôi hứa là sau khi tắm trở về sẽ bố thí cho, nhưng vừa đi ra đã bị đại vương bắt đem đến đây. Nghĩ lại hôm nay bị vọng ngữ mất đi sự thành tín, cho nên tôi buồn, chứ chẳng tiếc gì thân này cả, mong đại vương thương xót cho tôi về bảy ngày, để bố thí cho đạo sĩ kia xong xuôi rồi sẽ trở lại đây nạp mạng.

Vua Bác Túc La-sát nghe rồi nói rằng:

– Nay cho người được trở về, sau này phải tự

đến nạp mạng chịu chết, cho dù sau này người không trở lại ta cũng có thể tự bắt người được.

Nói xong thả ra. Vua Tu-đà-tổ-di về đến nước nhà. Ông đạo sĩ cũng còn chờ ở đây, vua vui mừng làm lễ cúng dường Bà-la-môn. Bấy giờ vị Bà-la-môn biết được nhà vua không lâu sẽ phải quay trở lại nạp mạng cho La-sát, sợ vua quyền uyển quốc gia mà âu sầu, bèn vì nhà vua thuyết kệ:

*Trời đất bao la rốt cùng kiếp số
 Đều là tro bụi Tu-di biến lớn.
 Ở trong suy tàn Trời, Rong, Người, Quỷ
 Nước có gì thường hai nghi còn mất.
 Luân chuyển không cùng sinh, lão,
 bệnh, tử,
 Ưu bi làm hại sự cùng nguyên trái
 Bệnh lỡ không ngoài dục thâm họa
 trọng
 Nước nào đáng tin ba cõi đều khổ
 Duyên thành các thứ có vốn tự không
 Thật ắt có giả thanh rồi ắt suy
 Đều như huyễn ảo chúng sinh ngu xuẩn
 Đất nước cũng vậy, ba cõi đều không
 Mượn cõi bốn rảnh (tứ đại) thần thức vô
 hình
 Cho là xe đẹp voi báu vô minh
 Thần không là nhà hình không thường
 chủ
 Há có nước sao hình thần còn lìa.*

Bấy giờ vua Tu-đà-tổ-di nghe xong bài kệ này, suy nghĩ nghĩa lý sâu xa vui mừng vô cùng, liền lập thái tử, thay mình làm vua, rồi từ biệt các quan, trở về nơi đã hứa. Các quan đồng nói với vua:

– Xin bệ hạ hãy ở lại, chớ có lo sợ Bác Túc! Chúng thần suy tính kế, đã phòng bị làm một cái nhà bằng sắt, để bệ hạ trong đó. Bác Túc dù có mạnh mẽ cũng không thể bắt ra được.

Vua bảo các quan và thần dân rằng:

– Người sống trên đời thành thật uy tín làm gốc. Hư dối mà sống thà là chết mà giữ chữ tín, sống không vọng ngữ lại còn nói các thứ lợi thành tín.

Vua rộng vì phân biệt nói rõ các tội hư vọng. Các quan nghe thế đau buồn không nói được một lời nào. Vua bèn đứng dậy đi ra ngoài thành, tất cả đều tống tiễn vua. Vua phải dùng mọi cách ví dụ cho các quan hiểu xong rồi lên đường mà đi. Khi ấy vua Bác Túc La-sát tự suy nghĩ: “Tu-đà-tổ-di hôm nay phải đến”, bèn ngồi trên đỉnh núi chờ, từ xa trông ngóng, thấy vua cùng mọi người tuần tự kéo đến, thấy mặt mũi vua vui vẻ mừng rỡ và nói đúng như lời hẹn. Vua Bác Túc La-sát hỏi:

– Mau đến đây, người sống trên đời không ai chẳng tiếc thọ mạng, nay người sắp chết, vì sao vui mừng gấp bội lúc bình thường? Nhà ngươi trở về nước được lợi lành gì chẳng?

Tu-đà-tổ-di nói:

– Tâu đại vương, ngài khoan ân cho tôi về bảy ngày để bổ thí, giữ được thành tín, lại được nghe nói Diệu pháp, dụng tâm nghe hiểu, nên hôm nay chí nguyện đã được thỏa mãn, dù có chết cũng được, không có tiếc gì mạng sống cả.

Vua Bác Túc nói:

– Người nghe pháp gì? Thử nói cho ta nghe có được không?

Tu-đà-tổ-di vì vua La-sát nói bài kệ ấy, lại còn dùng phương tiện rộng rãi vì ông thuyết pháp, giảng rõ về tội sát sinh và quả báo ác nghiệp; lại nói về phước báo của tâm Từ bi không sát sinh. Vua Bác Túc nghe xong, đánh lễ và thọ sự chỉ giáo ấy, không có tâm muốn hại nữa, bèn thả vua và các quan lính trở về nước. Vua Tu-đà-tổ-di liền chiêu binh lính rồi đem vua Bác Túc về nước làm vua như cũ. Trước kia thề với Tiên nhân, mười hai năm đã mãn. Từ đó về sau Bác Túc không dám ăn thịt người nữa, bèn trở về nước làm vua trị dân như lúc cũ.

Nói đến đây, Đức Phật nhắc lại:

– Thưa đại vương, Tu-đà-tổ-di thuở đó chính là tiền thân của Ta, còn vua Bác Túc nay là Ương-cừu-ma-la ngày nay. Những người trong mười hai năm theo vua Bác Túc kiếm ăn, nay là các người bị Ương-cừu-ma-la bắt giết. Những người này đời đời thường bị Ương-cừu-ma-la giết hại. Còn Ta

cũng đời đời hàng phục ông ta làm thiện. Ta nhớ lại trong kiếp quá khứ lúc còn phàm phu còn biết giáo hóa khiến ông ta không sát sinh, hưởng hồ ngày nay Ta thành Bạc Như Lai, đầy đủ đức hạnh, dứt sạch mọi việc ác, há không thể hàng phục hóa độ ông ta sao?

Vua Ba-tư-nặc lại bạch Phật:

– Nay những người này kiếp trước có duyên gì mà thường đời đời bị ông ta giết mãi như thế? Mong Thế Tôn nói cho con được rõ.

Đức Phật nói:

– Đại vương hãy lắng nghe, trong đời quá khứ lâu xa, ở châu Diêm-phù-đề này có một nước lớn tên Ba-la-nại, quốc vương nước đó tên Ba-la-ma-đạt. Đức vua có hai vị thái tử, đều có tài năng khỏe mạnh, dung mạo đoan chánh đẹp đẽ lạ thường, đức vua rất yêu mến. Lúc đó người em tự nghĩ: “Nếu như vua cha băng hà, người anh chắc chắn kế vị, còn ta tuổi nhỏ, không mong gì được ngôi vị ấy. Sinh ở đời nay đã không được làm vua thì sống làm gì, chi bằng tìm nơi u tĩnh để cầu đạo Tiên.” Nghĩ thế rồi người em đi đến tận vua cha:

– Tâu phụ vương, con rất ham thích vào núi sâu cầu học đạo Tiên, xin phụ vương cho phép con được đi vào núi tìm thầy học đạo.

Vua đồng ý. Thái tử ra đi, trải qua vài năm thì vua cha băng hà, người anh kế vị, thống trị nhân

dân chưa bao lâu thì người anh cũng bị bệnh rồi qua đời, chưa có con nối dõi, lại càng không có người nối cơ nghiệp. Quần thần tập hợp lại bàn bạc, mà không tìm được cách nào giải quyết. Có một ông quan nói:

– Đức vua còn một thái tử, trước kia đã xin vua vào rừng núi tu tiên, nay chúng ta nên mời về để lên ngôi.

Các quan đều vui vẻ nói:

– Sự việc này rất hợp lý.

Nói rồi họ dẫn binh lính vào núi tìm kiếm, gặp được và trình bày mọi việc cầu thỉnh thái tử thương xót về lo cai trị đất nước. Thái tử đáp:

– Việc này thật đáng sợ, nay ta vui trong tĩnh lặng, mãi mãi không lo buồn, còn người đời hung ác, ham giết hại lẫn nhau. Nếu ta về làm vua, thấy những việc xấu xa ấy, nay ta đã được tịnh lạc, không muốn về làm vua.

Các quan lại tâu:

– Vua băng hà không người nối dõi, chỉ còn có một mình thái tử (đại Tiên) thuộc dòng vua chúa, nhân dân đất nước một ngày không thể thiếu vua được. Cúi mong thái tử thương xót trở về hoàng cung.

Các quan chí thành khẩn thiết cầu thỉnh, ý thái tử không nỡ bèn nhận lời theo họ về hoàng thành. Thái tử từ nhỏ học theo Tiên đạo, chưa tập theo

việc đời, về trị quốc gia, dần dần gần gũi nữ sắc, càng nhiễm dâm dục, dâm dật phóng đãng, ngày đêm ăn nằm không thể tự khắc phục, bèn ra lệnh trong nước:

– Tất cả phụ nữ, trước khi đi lấy chồng, phải ăn nằm với trăm trước.

Từ đó về sau khắp trong nước, con gái sắp về nhà chồng, ngay cả phụ nữ đoan chánh, cũng bị nhà vua lăng nhục. Bấy giờ có một người con gái đang đi trên đường chỗ đông người, đứng trần truồng, mọi người đều kinh tởm, đồng đến chê trách cô gái:

– Người vì sao không xấu hổ, lại làm việc như vậy?

Cô gái liền đáp:

– Con gái đứng nơi đám con gái có gì đâu mà xấu hổ. Các người đứng đây không xấu hổ thì ta đối với các người cũng đâu có gì khác, có gì đâu mà hổ thẹn!

Mọi người nói:

– Tại sao người nói như vậy?

Cô gái nói rằng:

– Chỉ có một mình ông vua là nam tử, phụ nữ cả nước đều bị ông ta làm nhục. Các người nếu là phái nam đều để làm như vậy sao?

Lúc đó mọi người càng hổ thẹn cùng nói với nhau rằng:

– Như lời cô gái này thật chí lý.

Họ âm thầm truyền miệng với nhau đồng tâm hợp mưu kế, muốn cùng phế vua. Khi đó, ở ngoài thành có khu vườn, có ao nước trong mát, nhà vua thường thường đến đó tắm gội, các quan mai phục lính trong vườn, đợi vua xuống ao tắm thì xông ra bao vây bắt áp bức muốn giết. Nhà vua kinh sợ nói:

– Các người muốn làm gì thế?

Các quan nói:

– Nhà vua không lo việc đất nước, lại cứ hoang dâm vô độ, phá hoại, rối loạn thuần phong mỹ tục, làm ô nhục nhiều nhà người ta, ai ai cũng đều thấy biết, không thể nhẫn nại nữa, cho nên muốn trừ khử nhà vua, đi cầu bậc hiền tài khác cai trị.

Nhà vua nghe nói thế hoảng sợ nói với các quan:

– Trẫm thật có lỗi, trẫm không phụ các khanh thỉnh mới trẫm về làm vua. Trẫm xin tự sửa lỗi, không bỏ bê triều chính nữa, mong các khanh hãy tha cho trẫm, để trẫm làm lại từ đầu.

Các quan lại nói:

– Giả sử hôm nay trời có mưa xuống tuyết đen trên đỉnh đầu nhà vua sinh ra con rắn độc, rớt cùng cũng không buông tha, không cần phải nói nhiều lời nữa.

Vua nghe rồi tự biết ắt phải chết, bèn nổi sân hận nói với các quan rằng:

– Ta vốn ở núi, không tham dự việc đời, các người cưỡng bức ta về đưa ta lên làm vua, từ khi ta làm vua chưa từng có việc gì bị thất bại, thế mà hôm nay các người đồng tâm sỉ nhục ta. Nay ta đơn độc sức yếu, không thể chống lại các người, ta thề kiếp sau sinh ra sẽ giết lại các người.

Tuy nhà vua thề như thế, các quan vẫn cứ giết nhà vua.

Nói đến đây Đức Phật nhắc lại:

– Đại vương nên biết, vị vua Tiên nhân kia chính là Ương-cừ-ma-la kiếp trước, còn các quan đồng tâm giết vua nay là những người bị Ương-cừ-ma-la giết vậy. Từ đó đến nay sinh ra họ cứ thường bị giết như vậy.

Bây giờ vua Ba-tư-nặc quỳ bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo Vô Nã giết những người này, mà hôm nay lại tu đắc đạo, vậy kiếp sau có thọ báo không?

Đức Phật bảo:

– Đại vương, việc làm ấy ắt có báo. Hôm nay Tỳ-kheo Vô Nã ở trong phòng, lửa của địa ngục từ trong lỗ chân lông vọt ra thiêu đốt đau đớn dữ dội. Lúc đó Như Lai muốn cho chúng hội biết việc làm ác ắt có tội báo, liền sai một Tỳ-kheo đi đến phòng của Vô Nã đâm thủng một lỗ nhỏ xem. Vị Tỳ-kheo ấy vâng lời, đi đến làm thế, thấy trong phòng Vô Nã bị cháy tiêu tan cả. Tỳ-kheo ấy kinh

ngạc trở về bạch Phật. Đức Phật bảo vị Tỳ-kheo ấy rằng:

– Hành báo là như thế đấy?

Vua và chúng hội không ai không tin hiểu. Khi đó, Tôn giả A-nan quỳ bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, Ương-cừu-ma-la có túc duyên gì, thân thể mạnh khỏe, như một lực sĩ, còn chạy nhanh như bay, lại được gặp Phật, độ thoát sinh tử. Cúi mong Thế Tôn thương xót, vì chúng hội nói những việc đó.

Đức Phật bảo:

– Nay A-nan, các ông hãy lắng nghe!

Về quá khứ thời Đức Phật Ca-diếp, có một vị Tỳ-kheo chấp tác công việc cho chúng Tăng. Một hôm đi gánh gạo, giữa đường mắc mưa, không có chỗ trú mưa, gạo và thức ăn đều bị ướt đẫm. Khi đó vị Tỳ-kheo suy nghĩ: “Vì ta sức lực yếu nên đi chậm chạp phải bị mắc mưa”, liền tự lập thệ: “Nguyện đời sau tôi sinh ra có sức mạnh địch nổi ngàn người, thân nhẹ đi nhanh chạy như chim bay, tương lai có Phật Thích-ca Mâu-ni ra đời, khiến tôi được gặp và được độ thoát sinh tử.”

Này A-nan, vị Tỳ-kheo làm việc cho chúng Tăng nay chính là Ương-cừu-ma-la. Do ở đời trước, xuất gia trì giới, phụng sự chúng Tăng, lập nguyện như thế, cho nên từ đó đến nay, đời đời sinh ra được thân thể mạnh khỏe, tướng mạo đoan

chánh, được như ý nguyện. Lại gặp được Ta, độ thoát sinh tử.

Bấy giờ ngài A-nan và cả chúng hội Tỳ-kheo, vua quan thần dân nghe Đức Phật nói về nhân duyên hành báo, thấy đều cảm kích, tư duy về Tứ diệu đế, có người đắc quả Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm và A-la-hán, có người gieo trồng căn lành Bích-chi-phật, có người phát tâm cầu Vô thượng chánh giác, có người trụ Bất thoái chuyển. Họ đều giữ thân, khẩu, ý tức khắc làm việc thiện, nghe Đức Phật nói xong thấy đều vui mừng phụng hành.



Phẩm 53: ĐÀN-NHỊ-KỲ

Tôi nghe như thế này:

Một lúc nọ Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, trong nước có một vị Bà-la-môn, tên Tân-đầu-lư-đỏa-xà, có một người vợ hung dữ xấu xí, hai con mắt xanh dờn và cả thấy bảy đứa con gái, chẳng có sinh được một cậu con trai. Nhà nghèo khổ, các cô gái tánh tình cũng hung dữ, thường hay mắng chửi chồng, khi các cô cần gì mà chồng chưa kịp nhu cầu thì nổi sân khóc lóc, chồng của bảy cô gái đều tập hợp sống chung một nhà lo lắng sợ mất lòng các cô vợ ấy. Ruộng có lúa chín chưa kịp cắt, vị Bà-la-môn

mượn trâu người khác đem về, định làm lúa; lại giữ trâu không cẩn thận, đứt dây chạy mất. Bây giờ vị Bà-la-môn ngồi một mình suy nghĩ: “Mình kiếp trước làm tội gì mà chịu cảnh chua chát, độc hại đến như vậy! Trong nhà thì bị ác phụ chửi mắng, bảy đứa con gái cùng bảy thằng rể không đảm đang nổi công việc, lại còn làm mất trâu người khác, trời đất bao la biết đâu mà tìm kiếm.” Tâm ông lo lắng thân thể tiêu tụy, buồn rầu áo não, bèn đi tìm, đi mãi đến khu rừng gặp Đức Như Lai đang ngồi dưới gốc cây, tĩnh nhiên an lạc. Khi đó vị Bà-la-môn chống gậy đứng ngắm nhìn Thế Tôn thật lâu, bèn khởi niệm rằng: “Sa-môn Cù-đàm hiện nay an lạc nhất, không bị người đàn bà nào chửi mắng cãi cọ, không bị các con gái làm buồn rầu và không bị mấy thằng rể nghèo làm phiền khổ. Lại không có lo lắng ruộng vườn, không có việc mượn trâu lo bị mất...” Đức Phật biết tâm của vị Bà-la-môn, bèn nói:

– Theo ông nghĩ, như Ta ngày nay yên tĩnh không có các thứ phiền não, không có ác phụ chửi mắng, không có bảy đứa con gái làm phiền não mình, cũng không có bảy thằng rể tập hợp về nhà mình, lại cũng không lo rầu về ruộng lúa, không phải mượn trâu người khác để mất phải chịu lo buồn.

Đức Phật lại bảo ông ta:

– Ông có muốn xuất gia không?

Ông liền bạch Phật:

– Như con hiện nay xem nhà cửa như là nhà mồ, các phụ nữ như là oán tặc. Thế Tôn từ bi thương xót cho con xuất gia, con rất mãn nguyện.

Đức Phật liền bảo:

– Thiện lai Tỳ-kheo!

Râu tóc ông ta tự rụng, áo trên thân đang mặc biến thành y ca-sa. Đức Phật thuyết pháp cho ông, ngay đó ông được dứt sạch các trần cấu thành A-la-hán.

Ngài A-nan nghe việc đó, khen ngợi:

– Lành thay! Đức Như Lai khéo dẫn dắt hóa độ, thật khó nghĩ bàn. Vị Bà-la-môn này kiếp trước gieo trồng phúc báo gì mà nay lại được các hoạn nạn, được các lợi lành, cũng như chiếc thảm sạch dễ nhuộm màu sắc.

Đức Phật bảo:

– Nay A-nan, vị Bà-la-môn này, chẳng những ngày hôm nay nhờ ân đức của Ta xa lìa khổ não được an lạc, mà ở thời quá khứ cũng được nhờ ân Ta tránh khỏi các khổ ách, được an lạc.

Ngài A-nan bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, trong thời quá khứ, ông ta được cứu khỏi khổ nạn như thế nào? Xin Thế Tôn nói cho con được biết?

Đức Phật bảo:

– Nay A-nan, hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ,

Ta sẽ vì ông mà nói rõ ràng.

A-nan tôi liền bạch Phật:

– Dạ vâng, con đang lắng nghe.

Đức Phật bảo:

– Nay A-nan, về thời quá khứ cách đây vô số kiếp a-tăng-kỳ, có một đại quốc vương tên là A-ba-la-đề-mục-già (*Tân dịch là Doan Chánh*), dùng đạo trị vì dân chúng không để oan uổng một ai. Lúc đó, trong nước có một vị Bà-la-môn tên Đàn-nhị-kỳ, nhà nghèo cơm không đủ ăn, thiếu thốn vô cùng không thể tự lo nổi. Một hôm mượn trâu người khác để cày ruộng, cày xong dẫn trâu trả cho chủ dẫn trâu đến cổng nhà, quên mất không nói với chủ tiếng nào lại quay về nhà. Người chủ trâu tuy thấy tưởng là mượn dùng trâu chưa xong, cho nên không buộc trâu lại. Hai bên tưởng lầm, con trâu không buộc nọc, bỏ đi mất. Sau này chủ trâu hỏi, người kia nói là trả trâu rồi, hai bên bèn tranh cãi nhau. Bấy giờ chủ trâu dẫn Đàn-nhị-kỳ đi đến chỗ nhà vua xử về việc cho mượn trâu. Vừa ra ngoài đường thì bỗng gặp người chăn ngựa của nhà vua, có một con ngựa phóng chạy, người chăn ngựa hô to, nhờ ngăn chặn con ngựa lại. Lúc đó Đàn-nhị-kỳ cúi xuống lượm viên đá ném con ngựa, trúng phải chân bị gãy. Người chăn ngựa lại bắt và dẫn đến nhà vua. Họ đi đến một dòng sông không biết chỗ để đi qua, bỗng gặp một thợ mộc, miệng ngâm

chiếc búa, vén áo muốn lộ qua. Lúc đó Đàn-nhi-kỳ hỏi người ấy rằng:

– Chỗ nào có thể lộ qua?

Người đó đáp:

– Chỗ này.

Miệng người thợ mộc vừa hả ra nói thì chiếc búa rơi chìm xuống dòng sông, tìm mò mãi không được, bèn bắt ông cùng dẫn đến nhà vua. Lúc ấy Đàn-nhi-kỳ bị các chủ nợ giục bức, lại thêm bị đói khát bèn tập vào quán rượu bên đường xin ít rượu trắng, bước lên giường ngồi uống, vô ý ngồi ngay bụng đứa bé đang nằm ngủ, đè bẹp đứa nhỏ khiến vỡ bụng chết mất. Lúc đó người mẹ đứa nhỏ lại bắt ông, cho rằng: “Ông là người vô đạo, giết chết con tôi oan uổng”, cùng giữ ông dẫn đến cung vua. Đi đến gần một bức tường, trong lòng tự suy nghĩ: “Ta thật bất hạnh, họa đâu tự nhiên đến, nếu đến chỗ nhà vua, có lẽ họ giết ta, nay nếu ta bỏ chạy trốn, thì may ra được thoát.” Nghĩ vậy rồi, ông bèn leo qua tường chạy trốn, dưới chân tường bên kia có một người thợ dệt, ông nhảy xuống trúng phải làm ông thợ dệt chết ngay. Bấy giờ đứa con trai người thợ dệt chạy lại bắt ông, cùng mấy người kia dẫn ông đến nhà vua. Lại tiếp tục lên đường đi tới trước, dọc đường bỗng gặp một con chim trĩ đang ở trên ngọn cây, từ xa hỏi ông:

– Ông Đàn-nhi-kỳ hôm nay đi đâu đó?

Ông liền ngược lên trên ngọn cây trả lời với chim trĩ. Chim trĩ lại nói:

– Nếu ông đến đó vì tôi mà tâu nhà vua rằng: ‘Tôi ở trên cây khác tiếng kêu nghe không vui, nếu ở cây này thì kêu tiếng nghe mới hay, là tại vì sao thế?’ Nếu ông gặp nhà vua hãy vì tôi hỏi như thế giùm nhé!

Đi một lát lại gặp một con rắn độc nó hỏi:

– Ông Đàn-nhị-kỳ hôm nay ông muốn đi đâu thế?

Ông liền đem mọi việc xảy ra trình bày cho rắn độc nghe hết, con rắn lại nói:

– Ông đến chỗ vua hãy vì tôi mà tâu vua rằng: ‘Tôi thường sáng sớm khi vừa ra khỏi hang thì thân thể tôi mềm nhũn, mà không có thứ bệnh gì cả. Đến chiều tối khi trở về hang thì thân thể thô xấu đau đớn, chương ngại khó chui vào. Hỏi vua là tại làm sao thế?’

Khi đó Đàn-nhị-kỳ cũng nhận lời con rắn dặn. Đi một đôi lại gặp một người đàn bà, hỏi rằng:

– Ông đi đâu thế?

Ông lại đem mọi việc xảy ra trình bày. Người đàn bà nói:

– Ông có đến chỗ vua, hãy vì tôi mà tâu rằng: Không biết tại sao tôi đến ở nhà chồng thì nhớ nhà cha mẹ mình; ở nhà cha mẹ mình thì cứ nhớ nhà chồng?

Ông cũng nhận lời dặn. Bấy giờ các chủ cùng vây bắt ông lại, đem đến trước nhà vua. Lúc đó chủ trâu ra trước tâu vua:

– Tâu bệ hạ, người này mượn trâu của con không chịu trả trâu lại.

Nhà vua hỏi:

– Tại sao không trả trâu?

Đàn-nhị-kỳ thưa:

– Con thật là nghèo khổ, có lúa đang chín ở ruộng, ông ta có ý tốt đem trâu cho con mượn. Con dùng trâu xong đem trả lại, ông chủ cũng thấy trả trâu, nhưng con không nói là con trâu đang ở trước cổng ông ấy. Con đi về nhà một mình. Không biết con trâu kia vì sao mà mất.

Vua nói với chủ trâu:

– Hai người nhà người đều không đúng cả. Do Đàn-nhị-kỳ đem trả mà không nói tội đáng cắt lưỡi, còn người thấy trâu mà không buộc giữ lại, tội đáng móc mắt.

Chủ trâu thưa:

– Con xin bỏ con trâu, không muốn bị móc mắt và cắt lưỡi anh kia.

Nhà vua liền cho được hòa giải. Người giữ ngựa ra tâu rằng:

– Tâu bệ hạ, anh này vô đạo làm gãy chân ngựa của tôi.

Vua bèn hỏi Đàn-nhị-kỳ:

– Người ta nuôi ngựa của nhà vua, tại sao người đánh gãy cẳng con ngựa của y thế?

Đàn-nhị-kỳ tâu:

– Người chủ trâu dẫn con đi ngoài đường, bỗng đâu anh này hô to: Ngăn chặn ngựa giùm tôi. Vì con sợ ngựa chạy mất, nên lấy hòn đá ném, trúng lỗ phải chân ngựa bị gãy, sự việc là như vậy.

Vua nói với người giữ ngựa:

– Do người la to, vậy hãy cắt lưỡi người, còn do người này ném ngựa, vậy hãy chặt tay.

Người giữ ngựa tâu vua:

– Để con tự lo lắng cho ngựa, xin chớ hành hình.

Hai người cùng hòa giải sự việc. Người thợ mộc đi ra tâu:

– Tâu bệ hạ, đàn-nhị-kỳ làm mất chiếc búa của con.

Nhà vua hỏi rằng:

– Người làm gì mà đánh mất chiếc búa của anh ta?

Đàn-nhị-kỳ quỳ thưa:

– Tâu bệ hạ, lúc con định qua sông, hỏi anh ta chỗ khúc sông nào có thể qua, anh ta đáp lời, nên miệng ngậm chiếc búa phải bị rút xuống sông, tìm mãi không được, sự thật là thế đấy.

Vua nói với thợ mộc:

– Do người hả miệng ra nói mà rút búa, đáng

tội cắt lưỡi, theo phép gánh của cải, đúng lẽ phải dùng bằng tay, còn người miệng ngậm mà khiến phải rơi xuống nước, nay phải đập gãy hai răng trước của người.

Thợ mộc nghe xong, tâu đức vua rằng:

– Con thà bỏ chiếc búa, xin chớ hành phạt con.

Hai người cùng hòa giải. Bấy giờ bà bán rượu lại tâu. Nhà vua nói:

– Đàn-nhị-kỳ, tại sao người giết oan uổng con bà ta?

Ông quỳ bạch:

– Tâu bệ hạ, do mấy người này áp bức con, khiến con đói khát, đến xin bà này ít rượu, lỡ leo lên giường, vô ý đè bẹp con bà đang nằm, uống rượu vừa xong thì con bà ta tắt thở, chẳng phải con cố ý, cúi mong đại vương minh xét tha thứ.

Vua bảo bà chủ quán:

– Quán rượu của bà, khách tới lui đông đảo, tại vì sao đặt con nằm ngủ nơi khách thường ngồi, lại đắp kín đũa nhỏ khiến người ta không thấy. Nay hai người nhà người đều có tội cả. Con bà đã chết do Đàn-nhị-kỳ cùng bà ra cả. Bây giờ Đàn-nhị-kỳ làm rở nhà bà, khiến có được đũa con mới thả cho ra về.

Khi ấy bà bèn khầu đầu nói:

– Con tôi đã chết rồi, con không dùng thứ Bà-la-môn đói khát này làm chồng đâu.

Lúc đó hai người được hòa giải. Khi ấy con người thợ dệt ra trước tàu rằng:

– Tàu bệ hạ, người này cuồng bạo, nhảy giết chết cha con.

Nhà vua hỏi:

– Tại sao người vô cớ giết oan uổng cha của anh ta?

Đàn-nhị-kỳ thưa:

– Tàu bệ hạ, các người có oan trái này bức bách con, con rất hoảng sợ, định vượt qua tường chạy trốn, bỗng nhảy rớt trên mình ông già, thật là việc chẳng phải con muốn thế.

Vua nói với người con rằng:

– Cả hai đều không đúng, cha người đã chết, vậy người hãy bắt Đàn-nhị-kỳ làm cha nhà người.

Người con thưa:

– Cha con đã chết rồi, con trọn không dùng vị Bà-la-môn này làm cha đâu.

Như vậy hai bên nhà vua cho hòa giải. Bấy giờ bản thân Đàn-nhị-kỳ đã xong việc, vui mừng vô cùng, thấy ở trước nhà vua có hai người mẹ đang tranh giành một đứa con, đến trước nhà vua cùng tàu. Bấy giờ nhà vua dùng quyền trí, lập kế nói với hai bà mẹ đó rằng:

– Hôm nay có một đứa trẻ, hai bà đều tranh giành. Trăm bảo hai người mỗi người nắm một tay đứa nhỏ, ai kéo được thì đứa nhỏ này là con.

Lúc đó bà không phải mẹ đứa bé dùng hết sức nắm kéo đứa nhỏ về phía mình, không sợ nó thương tổn chút nào cả, còn người mẹ sinh đứa nhỏ ra vì lòng thương sâu nặng, thương yêu con, không nỡ nắm kéo. Vua quan sát người nào thật giả, bèn nói rằng:

– Bà dùng sức kéo đứa bé về mình, thật sự không phải con của bà, chỉ là mưu kế bắt con người khác thôi, nay đối trước mặt vua, phải nói sự thật đi.

Bà ấy bèn dập đầu trước nhà vua tạ tội:

– Con thật hư dối, không phải mẹ đứa trẻ. Đại vương là bậc Thánh hiền thông minh, xin tha thứ tội cho con. Đứa bé này xin trả lại cho mẹ của nó.

Mọi người đều được vua thả cho về. Lại có hai người khác cùng tranh một tấm lụa cùng đến trước vua phân xử. Nhà vua lại dùng trí như trên đã xử. Khi đó Đàn-nhị-kỳ bèn tâu vua rằng:

– Tâu bệ hạ, những người oan trái này khi dẫn con đến đây, dọc đường đi có gặp một con rắn độc, nhờ con tâu vua: “Không biết vì sao khi ra khỏi hang, thân thể mềm nhũn dễ dàng bò ra, nhưng khi trở vào hang thì đau đớn khó khăn, nó không tự biết duyên cớ gì?”

Nhà vua nói:

– Việc đó dĩ nhiên! Khi nó ra khỏi hang, không có mọi việc phiền não, tâm tình nhu hòa, thân cũng

như vậy, khi nó ở ngoài thì thú chim quấy rối, lòng nó sân hận, thân bèn thô xấu to ra, nên khi vào hang, chướng ngại khó hơn lúc ra. Người có thể nói với nó: “Nếu người ở ngoài hang giữ lòng không sân hận thì sẽ được vào như lúc ra không khác, không có chướng ngại khó khăn gì cả.”

Đàn-nhị-kỳ lại tâu vua:

– Tâu bệ hạ, dọc đường con gặp một phụ nữ nhờ con thưa vua rằng: “Khi cô ở nhà chồng thì lại nhớ nhà mẹ cha, nếu lúc ở nhà mẹ cha lại nhớ nhà bên chồng, không biết duyên có gì.”

Vua lại nói:

– Người hãy nói với cô ta rằng: “Do cô ta có tâm tà, ở nhà cha mẹ mình lại càng nuôi dưỡng chồng, còn cô ở nhà chồng lại nhớ nhà bên mình vì có chút chán ghét, còn có ý niệm làm dâu, cho nên mới có tâm nhớ như thế.”

Người có thể nói với cô ta rằng:

– Cô hãy giữ tâm bỏ tà theo chánh thì không có tâm trạng đó nữa.”

Đàn-nhị-kỳ lại tâu vua rằng:

– Tâu bệ hạ, bên đường có một con chim trĩ ở trên ngọn cây nhờ hỏi vua: “Nó ở trên ngọn cây này thì hát nghe âm thanh hòa nhã rất hay, nó không hiểu vì sao mà có việc như vậy?”

Vua bảo Đàn-nhị-kỳ:

– Sở dĩ như vậy là ở dưới gốc cây nó hát hay

có cái búa vàng, còn gốc cây khác không có cái búa vàng nên nó đậu hót nghe không hay.

Vua bảo:

– Đàn-nhị-kỳ, ngươi có nhiều tội lỗi nay đã giải quyết xong, trầm thả ngươi ra về.

Chàng ta nói:

– Nhà con nghèo khổ vô cùng, vậy cái búa vàng ở dưới gốc cây nên là của con, con sẽ lấy nó dùng.

Vua nói:

– Ngươi có thể đào lấy.

Vâng lời vua dạy, chàng ta đào lấy búa vàng, đem về mua bán tạo cơ nghiệp ruộng vườn, mọi thứ cần dùng đều mua sắm không thiếu gì cả trở thành người giàu có, khoái lạc suốt đời.

Nói đến đây, Đức Phật bảo:

– Nay A-nan, vị vua lúc bấy giờ là A-bà-la-đề-mục-khư, há phải người nào khác, chính là tiền thân của Ta. Vị Bà-la-môn Đàn-nhị-kỳ nay chính là Tân-đâu-lư-đỏa-xà. Khi xưa Ta miễn tội cho họ, bố thí trân bảo, khiến ông ta được khoái lạc. Nay Ta thành Phật lại cứu ông khỏi khổ, ban cho tài bảo Pháp tạng.

Khi đó ngài A-nan và tứ chúng nghe Đức Phật nói xong vui mừng phụng hành.



KINH HIỀN NGU

QUYỂN 12

Phẩm 54: MA-ĐÀU-LA-THẾ-CHÁT, CON CỦA ÔNG SƯ CHÁT

Tôi nghe như thế này:

Thuở nọ Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, trong nước có vị Bà-la-môn tên là Sư Chát, nhà rất giàu có, nhưng không có con mới đi đến Lục sư hỏi nhân duyên đó. Lục sư nói:

– Tướng ông không có con.

Khi đó Sư Chát bèn trở về nhà, mặc quần áo dơ xấu, buồn rầu không vui, rồi tự nghĩ rằng: “Ta không có con trai, một khi mạng chung, nhà cửa tài sản sẽ thuộc về quốc vương.” Suy nghĩ thế rồi, ông càng thêm sầu não. Vợ ông Bà-la-môn cho một vị Tỳ-kheo-ni biết chuyện ấy. Khi ấy vị Tỳ-kheo-ni đi thẳng đến nhà ông Bà-la-môn, thấy ông buồn rầu tiêu tụy bèn hỏi:

– Vì sao ông buồn rầu tiêu tụy như vậy?

Vợ vị Bà-la-môn liền đáp:

– Nhà tôi không có con trai, có đi đến hỏi Lục sư, Lục sư xem tướng nói là không con vì thế cho nên ông nhà tôi buồn rầu.

Bấy giờ vị Tỳ-kheo-ni nói:

– Học trò của Lục sư không có Nhất thiết trí, làm sao có thể biết được nghiệp hạnh nhân duyên? Đức Như Lai còn tại thế thấu rõ các pháp quá khứ vị lai không có gì chướng ngại, có thể đi đến đó hỏi tất sẽ biết tất cả.

Sau khi vị Tỳ-kheo-ni đi rồi, bà vợ nói với chồng:

– Như lời sư cô nói ông đã nghe rồi.

Tâm ông bèn khai ngộ, mặc y phục mới đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật mà bạch:

– Bạch Thế Tôn, tướng mệnh của con sẽ có con không?

Đức Thế Tôn bảo:

– Ông sẽ có một đứa con trai có phúc đức đầy đủ, lớn lên nó sẽ muốn xuất gia.

Vị Bà-la-môn nghe xong vui mừng khôn lường, nói:

– Chỉ khiến có con, dù nó ham học đạo cực khổ cũng được.

Nhân dịp đó ông thỉnh Đức Phật và Tỳ-kheo Tăng ngày mai đến nhà thọ trai. Khi ấy Thế Tôn im lặng nhận lời. Ngày mai Đức Phật và chúng Tăng cùng đi đến nhà ông. Chúng Tăng đã an tọa

hết, khi đó vợ chồng vị Bà-la-môn đồng tâm đồng chí kính dâng thức ăn, thức uống. Cúng dường xong, Đức Phật và chúng Tăng trở về trụ xứ. Trên đường về, gặp một cái đầm có nước trong thật đẹp, Đức Phật ngồi lại nghỉ ngơi. Chư Tỳ-kheo đem bát đến đầm nước rửa, có một con khỉ xin bát của A-nan, ngài sợ nó làm vỡ nên không đưa cho nó. Đức Phật bảo A-nan:

– Ông hãy đưa cho nó, đừng có lo sợ!

Vâng lời Thế Tôn, A-nan đưa bát cho nó. Con khỉ cầm được cái bát đi lấy mật trên cây đựng đầy bát rồi đem dâng cho Thế Tôn. Đức Thế Tôn bảo:

– Bỏ những thứ bất tịnh trong đó.

Con khỉ liền lấy ong con bỏ sạch sẽ. Đức Phật lại bảo:

– Hãy lấy nước hòa với mật.

Nó làm theo lời đi lấy nước hòa xong, đem dâng lên Thế Tôn. Thế Tôn thọ xong rồi phân chia cho các Tỳ-kheo đều được dùng cả. Con khỉ tỏ vẻ vui mừng leo trèo tung tăng rót xuống cái đầm nước mạng chung, thần thức thọ thai vào nhà ông Sur Chát. Bấy giờ bà vợ ông Sur Chát cảm thấy có thai, ngày tháng đủ kỳ sinh được một cậu con trai, mặt mũi đoan chánh, ở đời ít ai sánh bằng. Khi sinh đưa bé ra, các đồ vật trong nhà tự nhiên đầy mật ong. Vợ chồng Sur Chát vui mừng khôn xiết, liền mời thầy tướng bói coi tốt xấu. Thầy tướng bói

xong bảo:

– Đứa bé này có phúc đức, rất hiền lành không ai sánh bằng. Nhân đó đặt tên là Ma-đầu-la-thế-chất (*Tần dịch là Mật Thắng*). Do ngày nó sinh ra có mặt làm điềm ứng, mà đặt tên đứa bé. Khi lớn lên, cậu bé cầu xin đi xuất gia, cha mẹ luyến tiếc mến thương không muốn cho đi. Cậu năn nỉ thưa cùng cha mẹ nếu ngăn cản không chịu theo ý nó, sẽ chọn lấy cái chết, chứ không chịu sống ngoài thế tục. Cha mẹ cậu bàn bạc:

– Xưa kia Đức Thế Tôn cũng đã dự đoán rồi, sau này nó sẽ xuất gia, nay giữ nó lại, có thể nó sẽ chọn cái chết, thôi hãy chịu theo ý nó.

Cùng bàn bạc quyết định xong, hai vị nói với con:

– Tùy theo chí của con đây.

Đứa con rất vui mừng vội vàng đi đến nơi Phật ngự, cúi đầu đánh lễ cầu xin xuất gia. Đức Thế Tôn nói:

– Thiện lai Tỳ-kheo!

Râu tóc cậu tự rụng, pháp y mặc trên mình trở thành một Sa-môn. Nhân đó Đức Phật rộng thuyết lý Tứ diệu đế, các pháp vi diệu. Tâm vị ấy khai ngộ dứt sạch kết sử đắc quả A-la-hán, rồi cùng các Tỳ-kheo đi du hóa nhân gian. Nếu lúc khát thì cầm bát giơ lên không trung thì tự nhiên bát đầy mật, cùng chúng Tăng uống đều được no đủ.

Lúc đó ngài A-nan bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, Ma-đầu-la-thế-chất chứa nhóm công đức gì mà xuất gia chưa bao lâu đã chứng quả A-la-hán, lại còn cầu muốn gì cũng được như ý?

Đức Phật bảo:

– Nay A-nan, ông có nhớ xưa kia thọ trai ở nhà ông Sư Chất không?

Đáp:

– Bạch Thế Tôn, nhớ.

Đức Phật nói:

– Lúc thọ trai xong, trở về ngồi nghỉ nơi đầm nước, khi ấy có một con khỉ xin bát ông đi lấy mật cúng thí Ta, Ta thọ nhận xong nó vui mừng nhảy nhót rơi xuống đầm nước mà chết, ông còn nhớ chăng?

Ngài A-nan thưa:

– Bạch Thế Tôn, nhớ.

Đức Phật nói:

– Nay A-nan, con khỉ đó nay đầu thai chính là Ma-đầu-la-thế-chất. Do thấy Phật nhận thí vui mừng mà nó được sinh vào nhà ông ấy, tướng mạo đoan chánh xuất gia học đạo, mau chứng vô lậu.

Ngài A-nan quỳ bạch:

– Bạch Thế Tôn, vì duyên gì mà nó lại sinh trong loài khỉ như thế?

Đức Phật bảo:

– Này A-nan, về thuở quá khứ, thời Đức Phật Ca-diếp có một vị Tỳ-kheo trẻ thấy một vị Sa-môn khác nhảy ngang kênh nước liền lên tiếng nói:

– Ông kia nhảy nhẹ nhàng nhanh chóng giống như con khỉ.

Vị Sa-môn đó nghe được lời ấy bèn nói:

– Ông có biết tôi không?

Đáp:

– Con biết thầy. Thầy là Sa-môn đệ tử của Phật Ca-diếp, làm sao mà không biết?

Khi ấy vị Sa-môn đó nói:

– Ông chớ có gọi ta là Sa-môn giả danh. Các quả của Sa-môn ta đều đầy đủ.

Vị Tỳ-kheo trẻ nghe xong, lông tóc dựng ngược, năm vóc sát đất cầu xin sám hối. Vì do hối lỗi thời quá khứ, không bị đọa địa ngục, nhưng trong năm trăm đời thường làm khỉ. Do đời trước xuất gia trì giữ giới cấm, nên nay được gặp Ta, tắm gội thanh hóa bằng giáo pháp được dứt hết khổ.

Đức Phật lại bảo A-nan:

– Vị Tỳ-kheo trẻ thuở đó nay chính là Ma-đầu-la-thế-chất.

Lúc đó A-nan và cả đại chúng nghe Đức Phật nói về tiền kiếp vui buồn lẫn lộn, đồng nói rằng:

– Nghiệp thân, khẩu, ý khá nên gìn giữ. Vị Tỳ-kheo trẻ do không gìn giữ miệng mà phải gặp quả báo như thế.

Đức Phật bảo:

– Này A-nan, đúng như lời các ông nói.

Nhân đó Đức Phật vì bốn chúng rộng nói các pháp tịnh thân, khẩu, ý, tâm cầu trừ sạch. Có người nghe xong đắc quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán. Lại có người phát tâm Vô thượng chánh giác, có người trụ Bất thoái địa. Cả chúng hội nghe pháp đều rất vui mừng đánh lễ phụng hành.



Phẩm 55: ĐÀN-DI-LY

Tôi nghe như thế này:

Thuở nọ, Đức Phật ở thành Vương xá trong khu vườn trúc. Lúc đó trong nước Câu-tát-la có một vị trưởng giả tên là Đàm-ma-quán-chất thuộc dòng họ giàu có nhưng không có con, cầu đảo tất cả nơi thờ thần kỳ trong nước xin một đứa con trai, do lòng chí thành cảm động đến Thần linh khiến bà vợ mang thai. Ngày tháng mãn, người vợ sinh được một đứa con trai, thân hình đoan nghiêm trên đời ít có. Ông cho mời thầy tướng về xem coi tốt xấu thế nào. Thầy tướng nói:

– Đứa bé này rất có phúc đức.

Nhân đó đặt tên là Đàn-di-ly. Khi lớn lên, cha mẹ qua đời, lúc đó, vua Ba-tư-nặc ban tước cho cha Đàn-di-ly. Thọ vua phong rồi thì nhà cửa liền biến

thành bảy báu, các kho lẫm tự nhiên đầy ắp, đầy đủ các thứ. Lúc đó, vương tử Lưu Ly bị bệnh nóng, thân thể tiêu tụy, các ngự y bảo phải có gỗ Ngưu đầu chiên-đàn dùng làm bột xoa lên mình thì mới khỏi. Vua liền ra lệnh: “Khắp trong nước, ai có gỗ Ngưu đầu chiên-đàn mang đến cho nhà vua sẽ được ban thưởng một ngàn lượng vàng.” Lệnh truyền khắp nơi, không thấy ai đem tới. Khi ấy có một người tâu vua:

– Tâu bệ hạ, ở nước Câu-tát-la có trưởng giả Đàn-di-ly trong nhà có gỗ ấy rất nhiều.

Vua nghe nói thế, đích thân ngồi xe ngựa đi đến trước cổng nhà Đàn-di-ly. Lúc đó người giữ cổng vào báo:

– Thưa trưởng giả, có vua Ba-tư-nặc đang ở ngoài cổng.

Trưởng giả vui mừng, liền vội vã ra nghênh đón, mời vua vào nhà. Nhà vua thấy ngoài cổng xây toàn bằng bạc trắng, còn vào nhà trông thấy các cô gái mặt mũi đoan chánh ở đời ít có; họ ngồi trên giường bạc, dệt bằng sợi bạc. Mười cô gái nhỏ ra đứng hầu hai bên. Khi đó vua bèn hỏi:

– Người có chồng chưa?

Đáp:

– Tâu bệ hạ, chưa.

Vua tiếp tục hỏi trưởng giả:

– Các cô gái nhỏ này dùng làm gì?

Đàn-di-ly đáp thưa rõ mọi thứ ngọn ngành, lại mời vua đi vào lớp cửa trong nữa, thấy thuần lá lưu ly xanh. Trong nhà này cũng có các cô gái mặt mũi đoan nghiêm, đẹp hơn các cô gái trước nữa, họ đứng hai bên tả hữu hầu. Lại tiến vào bên trong thấy nhà cửa thuần là vàng ròng, bên trong cũng có các cô gái mặt mày tươi đẹp còn hơn các cô trước nữa. Họ ngồi trên giường dây dệt bằng sợi vàng ròng, đứng hầu hai bên. Vua cũng hỏi:

– Những cô gái này là thiếp của khanh chăng?

Đáp:

– Tâu bệ hạ, không phải.

Đi vào một dãy nhà bên trong nữa thấy đất bằng lưu ly trong sáng như nước, gian nhà điêu khắc hình thú vật thủy trùng... gió thổi cảnh ấy hiện trên mặt đất, lắc lư. Vua thấy nghi ngờ sợ hãi, hỏi:

– Đây có phải là nước hay là cái ao ở mặt đất?

Đàn-di-ly nói:

– Tâu bệ hạ, không phải thế. Đó là lưu ly cam. Trưởng giả liền thò tay chỉ thì bảy báu, vòng xuyên... đầy trên mặt đất, che kín cả bức tường mới dựng. Vua trông thấy rất vui mừng, liền cùng bước vào trong, lên ngồi điện bảy báu. Vợ chồng Đàn-di-ly ngồi trên giường lưu ly cam, còn có một cái giường tuyệt diệu khác nữa mời vua ngồi. Vợ chồng Đàn-di-ly bỗng dâng trào nước mắt. Vua hỏi:

– Tại sao hai khanh lại khóc, có gì không vui chăng?

Vợ chồng đáp:

– Tâu bệ hạ, ngài đến đây thật là điều lành rất lớn, chỉ vì y phục của vua có khói, khiến hai hạ thần chảy nước mắt, chứ không phải chán ghét bệ hạ.

Vua bèn hỏi:

– Hiện nay trong nhà người không đốt lửa chăng?

Đáp:

– Tâu bệ hạ, không có!

Vua hỏi:

– Vậy khanh dùng gì để nấu cơm?

Đáp:

– Tâu bệ hạ, khi muốn ăn thì trăm thức ăn ngon tự nhiên có trước mặt, không cần phải nấu nướng.

Vua lại hỏi:

– Vậy thì trời tối thì dùng thứ gì để thắp sáng ?

Đáp:

– Tâu bệ hạ, dùng châu Ma-ni. Đàn-di-ly bèn kêu đóng các cửa lại, lấy châu Ma-ni ra, nó sáng rực như ban ngày. Lúc đó Đàn-di-ly quỳ xuống thưa vua:

– Tâu bệ hạ, vì sao phải nhọc nhằn khuất phục tôn thần?

Vua nói:

– Con trẫm là thái tử Lưu Ly bị bệnh ngặt nghèo, cần gỗ Ngưu đầu chiên-đàn làm thuốc, nên trẫm đến đây xin khanh.” Đàn-di-ly vui mừng đi vào kho bày các thứ đồ vật, trên châu báu châu báu chiếu sáng rực, gỗ Ngưu đầu chiên-đàn không thể tính kể. Ông hỏi vua:

– Bệ hạ cần lấy bao nhiêu?

Lúc đó vua nói:

– Chỉ cần hai khúc là đủ rồi.

Vua bèn sai thị tùng đem về hoàng cung trước và hỏi:

– Người có gặp Phật chưa?

Đàn-di-ly đáp:

– Thế nào là Phật?

Vua nói:

– Người không nghe danh Đức Phật ư? Đây là thái tử nước Ca-tỳ-la-vệ, con vua Tịnh Phạn, nhân dịp ra chơi ngoài thành trông thấy già bệnh chết nên chán ngán bỏ hoàng cung đi xuất gia học đạo. Sau khi thành đạo gọi là Phật. Ngài có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, trí tuệ, thần túc thù thắng không ai sánh bằng, vì là Bạc Tôn Quý nhất trong trời người, nên gọi là Phật.

Đàn-di-ly nghe rồi, phát sinh lòng cung kính, hỏi vua:

– Tâu bệ hạ, hiện nay Ngài đang ở đâu?

Đáp:

– Đang ở thành Vương xá, trong khu vườn Trúc.

Sau khi nhà vua ra về, Đản-di-ly bèn đi đến bái kiến Đức Phật. Ông trông thấy dung nhan uy nghiêm còn hơn nghe nhà vua tán thán gấp vạn lần, trong lòng vui mừng, đầu mặt làm lễ, hỏi thăm chỗ ở, sinh hoạt... Đức Phật vì ông thuyết pháp. Nghe xong ông chứng quả Tu-đà-hoàn, liền quỳ chấp tay cầu xin xuất gia. Đức Phật nhận lời nói:

– Thiện lai Tỳ-kheo!

Râu tóc ông rơi rụng, áo đang mặc biến thành y ca-sa. Đức Phật lại thuyết thêm về pháp Tứ diệu đế. Tâm cấu của ông đều sạch thành bậc A-la-hán.

Bấy giờ A-nan và các Tỳ-kheo chấp tay bạch Phật, hỏi:

– Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo Đản-di-ly có công đức gì mà sinh trong nhân gian, được hưởng thọ phước lộc của trời, lại không ham vui cái vui của thế gian, xuất gia tu hành, chưa bao lâu thì chứng đạo quả?

Đức Phật bảo:

– Nay A-nan, hãy lắng nghe!

Về thời quá khứ cách đây chín mươi một kiếp, có Đức Phật ra đời hiệu là Tỳ-bà-thi. Sau khi Phật diệt độ, đến thời tượng pháp, có năm vị Tỳ-kheo cùng bàn ước điều thiết yếu, muốn tìm nơi yên tĩnh

cùng hành đạo. Họ thấy có một cái đầm gần bên khu rừng có suối nước trong, lúc đó họ khuyên một vị Tỳ-kheo:

– Chúng tôi sắp đi xa thành thị vào rừng tu tập, nên việc đi khát thực rất cực nhọc, vậy ông nên ở lại tu phước, cúng dường chúng tôi.

Bảy giờ người đó liền hứa, rồi đi khắp nơi vận động khuyên các đàn-việt, mỗi ngày đem thức ăn, để bốn người yên thân chuyện tinh hành đạo. Trong chín mươi ngày, năm vị chứng được đạo quả, liền cùng đồng tâm nói với vị Tỳ-kheo ở lại tu phước:

– Vì nhân duyên ông lo lắng cho chúng tôi yên ổn tu hành, nay đã đạt thành đạo quả. Ông có cầu nguyện gì thì hãy cầu xin đi.

Khi ấy vị Tỳ-kheo lòng rất vui mừng mà nói:

– Vậy khiến cho tôi kiếp sau giàu có nhất trong trời người, những vật mong cầu không cần công sức mà đều tự có, rồi lại gặp được Thánh sư, nghe pháp tâm mau chóng thanh tịnh đắc đạo quả.

Đức Phật bảo:

– Nay A-nan, vị Tỳ-kheo thuở đó nay là Đản-di-ly vậy. Do duyên cúng dường bốn vị Tỳ-kheo mà trong chín mươi một kiếp sinh ra trong trời, người giàu có tôn nghiêm, không bao giờ sinh ra nơi nghèo hèn hạ tiện. Nay được gặp Ta hóa độ.

Khi đó A-nan và các Tỳ-kheo nghe Đức Phật

nói xong, mọi người rất được khích lệ, tinh tấn tu hành, có người đắc Sơ quả đến Tứ quả, có người phát tâm rộng rãi trụ Bất thoái địa, ai nấy đều rất vui mừng đánh lễ phụng hành.



Phẩm 56: TƯỢNG HỘ

Tôi nghe như thế này:

Thuở nọ, Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, trong nước Ma-kiệt có một vị trưởng giả, vợ sinh được một đứa con trai, tướng mạo đầy đủ trông rất khả ái. Ngày sinh cậu ta, các kho tự nhiên hiện ra một con voi vàng. Cha mẹ rất vui mừng, bèn mời thầy xem tướng về nhà đặt tên. Thầy tướng trông thấy đứa bé có phúc tướng mới hỏi cha mẹ nó:

– Ngày sinh đứa bé này có điềm ứng gì không?

Đáp:

– Tự nhiên trong kho có một con voi vàng cùng lúc đứa bé sinh ra.

Nhân đó thầy tướng đặt tên là Tượng Hộ. Đứa bé ngày một lớn lên thì con voi ấy cũng lớn theo. Khi cậu bé đi chập chững thì con voi cũng bước đi được ra vào tới lui thường không lìa nhau. Như không dùng nó thì nó cứ ở trong nhà, con voi ấy khi tiêu tiện chỉ vọt ra vàng ròng. Một hôm, Tượng Hộ cùng năm trăm người con của các trưởng giả đi

đạo chơi, ai cũng đều khoe nói về việc kỳ lạ của nhà mình, hoặc có người nói: “Nhà tôi, cái giường ngồi đều bằng bảy báu”, hoặc có người nói: “Nhà tôi vườn rừng cũng là các châu báu.” Lại có người nói: “Nhà tôi kho lẫm đầy đầy các thứ của báu.” Họ cứ so sánh như vậy, các thứ của báu rất nhiều. Lúc đó, Tượng Hộ nói:

– Còn tôi khi mới sinh ra thì tự nhiên ở trong nhà có một con voi vàng. Khi tôi lớn lên, nó thường bên cạnh, không trái ý tôi. Tôi thường cỡi nó, đi dạo chơi khắp nơi, muốn nhanh hay chậm tùy ý, rất thích ý, đặc biệt khi nó đại tiểu ra toàn vàng ròng.

Khi đó vương tử A-xà-thế cũng ở trong nhóm đó, nghe Tượng Hộ nói thế thâm nghĩ: “Nếu ta làm vua sẽ chiếm đoạt con voi của hắn”. Khi thái tử A-xà-thế lên ngôi vua, bèn triệu Tượng Hộ dẫn con voi cùng đến triều đình. Lúc ấy cha của Tượng Hộ nói với con:

– Vua A-xà-thế hung bạo, vô đạo, tham cầu, keo kiệt. Ông ta bạo ngược nhốt tù vua cha hưởng nữa là người khác. Nay ông ta gọi con là tham muốn con voi của con, ông ta sẽ chiếm đoạt nó.

Người con nói:

– Con voi này không có thể cướp đoạt được đâu.

Bây giờ hai cha con cùng cỡi voi đến báỉ kiến

vua. Khi đó người giữ cổng vào tâu vua:

– Tâu bệ hạ, cha con của Tượng Hộ cỡi voi đến đang ở ngoài cổng thành.

Vua bảo:

– Cho họ cỡi voi vào.

Lúc đó người giữ cửa trở ra báo và bảo cha con Tượng Hộ cỡi voi vào thẳng nội cung. Bấy giờ họ xuống voi quỳ lạy vãn an nhà vua. Nhà vua rất vui mừng ra lệnh cho ngồi và ban cho ăn uống, nói chuyện qua lại chốc lát, hai cha con bái từ vua ra về. Vua bảo Tượng Hộ hãy để con voi lại, chớ có dẫn ra về. Tượng Hộ vui vẻ vâng lời vua chỉ dạy, đi bộ ra ngoài cung. Chưa bao lâu thì con voi ấy đột nhiên đi ra ngoài cổng thành, cha con lên cỡi voi đi về nhà. Chàng ta tự nghĩ: “Quốc vương vô đạo, hình phạt phi lý, vì con voi này mà có thể làm hại đến mình, nay Đức Phật còn tại thế, ban ân thấm nhuần quần sinh, chi bằng xa nhà theo tu phạm hạnh.” Nghĩ thế, Tượng Hộ liền vào thưa cha:

– Thưa cha, con muốn nhập đạo, mong cha mẹ cho phép.

Chàng bèn cỡi voi vàng từ tạ cha mẹ ra đi. Đến tỉnh xá Kỳ hoàn gặp Thế Tôn, Tượng Hộ cúi đầu đánh lễ trình bày chí nguyện của mình. Đức Phật nhận lời nói:

– Thiện lai Tỳ-kheo!

Râu tóc Tượng Hộ tự rụng, pháp phục mặc trên

mình trở thành một Sa-môn. Đức Phật thuyết về pháp yếu Tứ diệu đế, tâm thần Tượng Hộ khai ngộ chứng quả A-la-hán, cùng các vị Tỳ-kheo ở trong rừng cây tư duy tu đạo, con voi vàng ấy cũng thường ở trước mặt. Người của nước Xá-vệ nghe nói có voi vàng trong rừng bèn tranh nhau đi đến xem, làm ồn ào náo nhiệt, phá sự yên tĩnh hành đạo của các Tỳ-kheo. Các vị ấy đến bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo Tượng Hộ vì có con voi theo bên mình nên mọi người thường kéo tới xem ồn náo, xin Đức Thế Tôn chỉ dạy.

Đức Phật kêu Tỳ-kheo Tượng Hộ nói:

– Nay ông nên đuổi con voi đi đi.

Tượng Hộ thưa:

– Bạch Thế Tôn, con muốn đuổi nó đi, thế nhưng nó không chịu đi.

Đức Phật lại bảo:

– Ông có thể nói với nó: “Ta nay đã không còn dùng ngươi nữa.” Nói như vậy ba lần thì con voi sẽ biến mất.

Bấy giờ Tượng Hộ vâng lời Thế Tôn dạy đối với con voi nói ba lần: “Ta không cần ngươi nữa”. Lúc đó con voi liền chui vào lòng đất biến mất.

Bấy giờ các vị Tỳ-kheo đều thấy rất kỳ lạ, bạch với Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo Tượng Hộ vốn tu công đức gì, đối với ruộng phước gieo trồng căn

lành gì mà được phước báo nhiều như thế? Mong Thế Tôn từ bi nói cho chúng con được nghe.

Đức Phật bảo A-nan cùng các Tỳ-kheo:

– Nếu có chúng sinh đối với ruộng phước Tam bảo gieo trồng một ít căn lành thì được quả báo vô lượng. Về thời quá khứ của Phật Ca-diếp, lúc đó người đời sống thọ hai vạn tuổi, sau khi Đức Phật giáo hóa xong thân thần nhập Nê-hoàn, hỏa thiêu phân bố xá-lợi, xây dựng tháp nhiều nơi. Khi đó có một cái tháp, trong ấy có một vị Bồ-tát vốn từ cõi trời Đâu-suất cỡi voi giáng xuống phạm nhập vào thai mẹ. Lúc đó con voi ấy da trên thân bị rách chút ít. Có một người đang đi nhiều tháp thấy da voi bị rách tự nghĩ: “Đây là voi Bồ-tát cỡi, nay bị thương, ta nên trị giúp nó.” Rồi vị ấy lấy bùn vàng đắp lên vết thương, nhân đó lập thế nguyện: “Xin cho tôi đời sau thường sinh vào nhà tôn quý giàu có, của cải dùng không bao giờ hết.” Sau khi người đó thọ chung sinh lên cõi trời, hưởng hết tuổi trời sinh xuống nhân gian, thường được sinh vào nhà giàu có, diện mạo đoan chánh khác hơn người thường, lại thường có con voi vàng theo hầu hạ.

Đức Phật dạy:

– Nay A-nan, ông nên biết, người trị bệnh cho con voi nay chính là Tượng Hộ. Do đời trước trị bệnh cho voi nên từ đó đến nay sinh ở trên trời hoặc trong nhân gian được thọ của báu tự nhiên, lại có

duyên tâm cung kính, phụng thờ Tam bảo nên nay được gặp Ta, bầm thọ diệu hóa, tâm cầu đều sạch hết, cho đến tu đắc quả A-la-hán.

Lúc đó ngài A-nan và các chúng hội nghe Đức Phật nói thế không ai chẳng hiểu rõ, có người nghe xong đắc quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm và A-la-hán, có người phát tâm cầu đạo Vô thượng chánh giác, có người chứng được Bất thoái địa; ai nấy đều vui mừng đánh lễ phụng hành.



Phẩm 57: BA-BÀ-LÊ

Tôi nghe như thế này:

Thuở nọ, Đức Phật ở thành Vương xá trong núi Thấu đầu, cùng với các đệ tử một ngàn hai trăm năm mươi vị.

Lúc bấy giờ vua nước Ba-la-nại tên là Ba-la-ma-đạt. Dưới triều vua này có một quan phụ tướng, ông có một cậu con trai, có đầy đủ ba mươi hai tướng tốt đầy đủ, thân màu sắc vàng, dung nghi đỉnh đặc. Quan phụ tướng trông thấy đứa con như thế rất vui mừng, liền mời thầy tướng về xem tướng. Thầy tướng vừa trông thấy khen rằng:

– Kỳ lạ thay! Đầy đủ tướng tốt, công đức thù thắng. Đứa bé sau này trí tuệ thông đạt hơn người.

Quan phụ tướng càng thêm vui mừng, nhân đó muốn đặt tên. Thầy tướng lại hỏi:

– Từ khi sinh đứa bé ra đến nay, có điếm gì lạ không?

Quan phụ tướng đáp:

– Có điếm rất lạ thường, người mẹ tánh tình vốn không hiền lành nhưng từ khi bà mang thai thì tánh thay đổi hẳn, thương yêu kẻ khổ, giúp đỡ nuôi dưỡng người nghèo...

Thầy tướng vui mừng nói:

– Đây là chí của đứa nhỏ.

Nhân đó đặt tên là Di-lặc. Cha mẹ thương yêu vô cùng, tiếng tăm đứa trẻ cũng đồn lan truyền khắp nơi, nhà vua nghe được, lo sợ thâm nghĩ: “Đứa bé này, danh tướng tốt đẹp rõ ràng, giả sử nó là bậc Cao đức, sau này ắt đoạt ngôi vị của ta, đợi khi nó chưa trưởng thành, ta hãy đề phòng trừ diệt trước, nếu không ắt có họa hoạn về sau.” Nghĩ kế xong, vua liền ra lệnh cho quan phụ tướng:

– Trẫm nghe nói khanh có một đứa con, dung mạo khác thường, khanh có thể mang đến để trẫm ngắm xem nó được chăng?

Khi đó người trong cung nội vương phủ nghe ý đồ mưu tính của vua, rất đau lòng như nước sôi lửa bỏng. Đứa bé này có một người cậu tên Ba-bà-lê ở nước Ba-lê-phát-đa-la, làm tới quốc sư, là một người thông minh học rộng, trí tuệ hiểu biết cao xa, tài năng đặc thù. Ông có năm trăm người đệ tử thường tới lui thọ học. Lúc bấy giờ quan phụ tướng

rất yêu quý đứa con của mình, sợ bị nhà vua hại nên âm thầm tính kế sai người dùng voi chở đứa con gửi cho người cậu. Người cậu trông thấy Di-lặc tướng tốt, lòng càng thương mến nuôi dưỡng. Đứa bé dần dần lớn lên, ông dạy cho học hành, học một ngày bằng người khác học cả năm, học chưa bao lâu đã lầu thông kinh thư. Khi ấy Ba-bà-lê thấy cháu mình học chưa bao lâu mà thông đạt các sách vở như thế, ông muốn mở một bữa tiệc để hiển dương tiếng tốt của nó. Ông sai một người đệ tử đến nước Ba-la-nại nói với quan phụ tướng rằng sở học của con trai ông quý hơn châu ngọc, nay đã thành công, người cậu muốn mở tiệc ăn mừng. Người đệ tử này đi được nửa đường nghe người ta nói Đức Phật có đức hạnh vô lượng, suy nghĩ hâm mộ muốn đến diện kiến, liền đi đến chỗ Phật, đi giữa đường bị hổ vồ bắt ăn thịt, nhờ có tâm thiện nên được sinh lên cõi trời Tứ thiên. Ông Ba-bà-lê đem hết sức mình tập hợp của cải để chiêu đãi một bữa tiệc lớn, thỉnh các Bà-la-môn. Tất cả mọi người đều vân tập, bày biện các món thức ăn khéo léo ngon lạ. Chiêu đãi xong, đại thí cho mỗi người được năm trăm đồng tiền vàng. Bố thí xong tài vật khánh tận thì có một vị Bà-la-môn tên là Lao-độ-sai đi đến sau cùng gặp Ba-bà-lê nói:

— Tôi đi đến sau tuy không được ăn nhưng cũng nên cho tôi năm trăm đồng tiền vàng.

Ba-bà-lê đáp:

– Tài vật tôi đã hết, thật sự không thể đáp ứng cho ông nữa.

Lao-độ-sai nói:

– Nghe ông mở cuộc bố thí nên tôi mới đi đến. Tại sao không thấy có được gì cả, nếu ông trái nghịch không cho tôi thì bảy ngày nữa, đầu ông sẽ vỡ bảy mảnh.

Khi đó Ba-bà-lê nghe lời nói rồi tự suy nghĩ: “Ở đời có ác chú và đạo đầu độc khác, sự việc này không thể xem thường, giả sử có thể có, chắc là tài vật đều hết, không cách nào tính được.” Nghĩ thế buồn rầu lấy làm sợ sệt. Nhờ trước kia có một đệ tử mạng chung sinh lên cõi trời, từ xa trông thấy thầy mình buồn rầu tiêu tụy không chỗ nương cậy, liền từ trên trời bay xuống đến trước mặt thầy hỏi:

– Thừa thầy, vì sao thầy buồn rầu?

Vị thầy mới đem mọi việc trình bày ra hết. Vị trời nghe rồi nói với thầy:

– Lao-độ-sai chưa biết Đánh pháp, là người ngu si sống trong lưới mê tà ác, rốt cùng làm sao có thể hại, xin chớ lo buồn về việc này. Nay chỉ có Đức Phật có thể giải quyết Đánh pháp, là Bạc Vô Cực Pháp Vương, đáng để quy y.

Bây giờ Ba-bà-lê nghe trời nói về Phật, liền hỏi thêm:

– Đức Phật là người thế nào?

Trời liền nói:

– Đức Phật trước kia sinh ở Ca-tỳ-la-vệ, con vua Tịnh Phạn, Ngài sinh ra từ hông phải, đi bảy bước, được trời người tôn xưng, có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, hào quang chiếu khắp trời đất; trời Đế Thích, Đại phạm hầu hạ, có ba mươi hai diêm lảnh chất đầy trời đất. Thầy tướng đến xem nói hai điều: Một, nếu ở tại gia sẽ làm Chuyển luân thánh vương. Hai, nếu xuất gia sẽ thành Phật. Sau khi lớn lên, do thấy già bệnh chết, không thích ngôi vua, Ngài vượt hoàng cung bỏ nước, sáu năm khổ hạnh, ngồi dưới cội Bồ-đề, phá sạch mười tám ức ma. Lúc nửa đêm, chứng Tam minh, Lục thông, Thập lực vô úy, Thập bát bát cộng đều đầy đủ. Ngài đến nước Ba-la-nại chuyển pháp luân lần đầu tiên cho năm anh em Kiều-trần-như dứt sạch lậu, tám vạn chư Thiên được pháp nhãn tịnh, vô số trời người phát tâm cầu đạo Vô thượng. Kế đến nước Ma-kiệt-đà độ Uất-tỳ-la-tinh, Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên..., có cả thảy một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo làm đồ đệ gọi là Tăng chúng. Công đức trí năng của Ngài không thể kể xiết, nói tóm lại gọi là Phật. Hiện nay Ngài đang ở thành Vương xá, trong núi Thấu đầu.

Khi đó ông Ba-bà-lê nghe tán thán về Đức Phật, tự suy nghĩ: “Ắt là có Phật. Trong sách ta có ghi chép, sao Phật giáng hiện, trời đất chấn động, sẽ sinh Thánh nhân, nay thật sự có việc này, dường như là vị này”, liền sai Di-lặc và mười sáu người

đến gặp Cù-đàm. Trông thấy Đức Phật tướng hảo, đầy đủ các tướng, tâm niệm Di-lặc suy nghĩ vẫn nạn Đức Phật:

– Thầy ta là Ba-bà-lê có vài tướng, còn thân ta đây có hai tướng: tóc xanh mượt và lưỡi rộng dài. Nếu ông ấy biết việc ấy, lại càng nạn vẫn: Thầy ta Ba-bà-lê năm nay một trăm hai mươi tuổi, nếu như ông ấy biết, càng phải nạn vẫn. Thầy ta là dòng họ nào, muốn biết dòng họ của ta là Bà-la-môn, như ông ta biết lại càng phải nạn vẫn. Thầy Ba-bà-lê ta có vài đệ tử, còn như ta đây có năm trăm đệ tử, nếu đáp biết được số đó, ắt đây đúng là Phật.

Bấy giờ Di-lặc tiến đến thành Vương xá gần núi Thấu đầu, thấy dấu chân Phật có tướng ngàn bánh xe rõ như ban ngày, liền hỏi người ta rằng:

– Đây là dấu chân ai?

Có người đáp:

– Đây là dấu chân Phật.

Khi đó nhóm người của Di-lặc ôm lòng ngưỡng mộ, bồi hồi bên dấu chân. Lúc đó có vị Tỳ-kheo-ni Sát-la cầm một con trùng chết để nơi dấu chân Phật, chỉ bày cho nhóm người của Di-lặc đều cùng xem:

– Các ông đều khâm phục ngưỡng mộ dấu chân này. Còn các ông giẫm giết chúng sinh có kỳ lạ không?

Di-lặc cùng mọi người đến trước xem, nhìn

thấy hình tướng là độc trùng, liền hỏi Tỳ-kheo-ni:

– Bà là đệ tử của ai?

Tỳ-kheo-ni đáp:

– Là đệ tử của Đức Phật.

Bấy giờ nhóm người của Di-lặc đều tự nói: “Trong đệ tử Phật cũng có người này”. Họ dần dần đi đến chỗ Phật, từ xa trông thấy Thế Tôn quang minh chiếu diệu, các tướng chói lọi. Đức Phật liền vì họ le lưỡi dài trùm cả mặt, lại dùng thần lực khiến họ thấy âm tàng, thấy khắp các tướng, họ càng thêm vui mừng, liền vâng lệnh thầy trình bày tâm khó nghĩ:

– Thầy con là Ba-bà-lê cũng có vài tướng.

Đức Phật từ xa liền đáp:

– Thầy người Ba-bà-lê chỉ có hai tướng, một là tóc xanh mượt, hai là lưỡi rộng dài.

Di-lặc nghe rõ trong lòng càng muốn chất vấn:

– Thầy con Ba-bà-lê năm nay bao nhiêu tuổi.

Đức Phật đáp:

– Thầy Ba-bà-lê của người năm nay một trăm hai mươi tuổi.

Tuy nghe rồi nhưng trong lòng còn muốn nạn vấn:

– Thầy Ba-bà-lê con thuộc dòng tộc nào?

Đức Phật đáp:

– Thầy Ba-bà-lê của người thuộc chủng tộc Bà-

la-môn.

Di-lặc nghe rồi lòng càng nản vấn:

– Thầy Ba-bà-lê con có mấy đệ tử?

Đức Phật đáp:

– Thầy Ba-bà-lê của người có năm trăm đệ tử.

Lúc bấy giờ chúng hội nghe Đức Phật nói rồi rất ngạc nhiên: “Nhu Lai riêng một mình nói lời này”. Khi đó các đệ tử quỳ hỏi Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn, tại sao Thế Tôn nói như vậy?

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Có ông Ba-bà-lê ở nước Ba-lê-phát-đa-la, sai mười sáu đệ tử đến chỗ Ta thử xem tướng Ta, do họ khởi tâm niệm, nên Ta đáp đầy đủ.

Lúc đó nhóm người của Di-lặc nghe Đức Phật đáp nạn vấn đúng như thật, không sai một chút nào, sinh lòng rất kính ngưỡng, đi đến chỗ Phật ngự, đầu mặt đánh lễ rồi ngồi qua một bên. Đức Phật vì họ thuyết pháp, cả mười sáu người được pháp nhãn tịnh, từ chỗ ngồi đứng dậy muốn cầu xin xuất gia. Đức Phật bảo:

– Thiện lai!

Râu tóc họ tự rụng, pháp y mặc trên thân trở thành Sa-môn. Đức Phật lại dùng thêm phương tiện thuyết pháp cho họ cả mười sáu người chứng quả A-la-hán.

Bấy giờ Di-lặc cùng nhóm bạn cùng bàn bạc:

– Thầy Ba-bà-lê ở xa, nên sai người trở về cho

hay tin tức. Trong mười sáu người có một người tên Tân Kỳ là con của chị gái ông Ba-bà-lê. Họ sai người này về thưa tin tức. Vị ấy bèn trở về nước Ba-bà-lê trình bày các điều nghe thấy. Ông Ba-bà-lê nghe rồi, trong lòng vui mừng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, chấp tay quỳ xuống hướng về thành Vương xá, tự thành tâm nói:

– Sinh ra đời rất khó gặp được Bạc Thánh, suy nghĩ muốn gặp tôn dung, bầm thọ thanh hóa, tuổi đã già, chân tay không còn mạnh khỏe, tuy có thành tâm nhưng không tự đạt được, Đức Thế Tôn đại từ, đoán biết tâm người, cúi mong khuát thân đến để tiếp độ.

Khi đó Như Lai tự biết được ý của ông, co duỗi cánh tay trong khoảng chốc lát đến trước mặt ông. Lễ xong, ông ngược đầu nhìn thấy Thế Tôn, vui mừng kinh ngạc, lễ bái thăm hỏi, mời ngồi cung kính đứng hầu Phật. Đức Phật vì ông thuyết pháp, ông chứng quả A-na-hàm, lúc đó Thế Tôn trở về núi Thấu đầu.

Bảy giờ vua Tịnh Phạn nghe Đức Phật thành đạo đi khắp nơi giáo hóa, nhiều nơi được hóa độ, ôm lòng khát ngưỡng suy nghĩ muốn được gặp, mới bảo Ưu-đà-da rằng:

– Ông đi đến chỗ Phật, đem ý của ta thưa với Tất-đạt: “Con có đắc đạo nên trở về, ta nguyện tuân theo lời giáo hóa”.

Khi đến gặp nhau, Ưu-đà-da đến trình bày ý của vua. Đức Phật hứa khả, bảy ngày nữa sẽ trở về. Ưu-đà-da vui mừng trở về báo tin tức, vua Tịnh Phạn nghe xong nói với các quần thần:

– Ưu-đà-da đến báo rằng Đức Phật sẽ trở về.

Vua cho chuẩn bị trang nghiêm thành nội rất là sạch sẽ, dọn đường xá, dựng tràng phan khắp nơi, cùng các hoa hương chuẩn bị cúng dường. Chuẩn bị trang hoàng xong, vua cùng các quần thần đi ra ngoài thành bốn mươi dặm nghênh đón Thế Tôn. Lúc bảy giờ Như Lai cùng cả đại chúng tám Kim cang Lục sĩ đứng ở tám mặt, có bốn vị Thiên vương đi trước dẫn đường, trời Đế Thích cùng các trời cõi Dục hầu hạ bên trái đường, các Tỳ-kheo Tăng thứ tự đứng sau. Đức Phật đứng ở giữa đại chúng, phóng đại quang minh, chiếu sáng khắp trời đất, hơn cả mặt trời, mặt trăng, khắp cùng đại chúng, cõi hư không mà đi, sắp đến gần vua, hạ thấp bằng đầu người. Vua cùng thần dân, phu nhân, thê nữ trông thấy đại chúng y vàng rực rỡ, Đức Phật đứng ở giữa như những vì sao chung quanh mặt trăng. Vua rất vui mừng bất giác cúi xuống lễ bái, hỏi thăm rồi cùng trở về nước, trụ ở Tăng-già-lam Ni-câu-lu-đa. Quốc pháp lúc bảy giờ nam nữ có khác, vua cùng thần dân hàng ngày được nghe pháp, nghe xong được giác ngộ, người được độ rất nhiều. Còn các phụ nữ thì ôm lòng oán hận: “Đức Phật cùng đại chúng tuy trở về nước, người nam có

được may mắn, riêng được thấy nghe, còn người nữ chúng tôi không nhờ được ân đức”. Đức Phật biết ý đó, liền nói với vua:

– Từ nay về sau khiến cả nước được nghỉ ngơi nghe pháp một ngày một giờ.

Từ đó về sau, nhờ ân Phật, phái nữ được độ rất nhiều. Khi đó di mẫu Ma-ha Ba-xà-ba-đề, sau khi Phật đã đi xuất gia, tự tay bà dệt một tấm lụa màu vàng trong lòng tưởng nhớ, chỉ chờ đợi Phật, nay đã gặp được Phật, lòng rất vui mừng, cầm tấm lụa ấy dâng lên Như Lai. Đức Phật bảo:

– Kiều-đàm-di, bà hãy đem tấm lụa này đi dâng cho chúng Tăng.

Khi đó bà Ma-ha Ba-xà-ba-đề lại bạch Phật:

– Từ khi Đức Phật xuất gia, tâm tôi mỗi khi nhớ đến nên tự tay dệt tấm lụa này, một lòng chờ đợi Phật, cúi mong thương xót vì tôi nạm thọ.

Đức Phật bảo di mẫu:

– Biết mẹ chuyên tâm nhưng Ta muốn di mẫu bố thí cho chúng Tăng thì được phước báo rất nhiều, Ta biết việc này, nên mới khuyên đây.

Đức Phật lại nói:

– Nếu có đàn-việt đầy đủ mười sáu thứ thỉnh riêng tuy được phước báo cũng chưa là nhiều. Thế nào là mười sáu? Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni phải có tám vị, không như trong Tăng chúng thỉnh bốn vị, công đức được phước nhiều hơn kia. Trong mười sáu

phần chưa bằng một. Đời mạt sau này, pháp sắp diệt tận, cho dù Tỳ-kheo nuôi vợ con nhưng bốn người trở lên mới gọi là Tăng, phải nên cung kính như Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên...

Khi đó Ma-ha Ba-xà-ba-đề tâm liền khai giải lấy y ấy dâng cúng chúng Tăng, thứ tự cúng dường, không ai muốn nhận, đến trước Di-lặc thì ông thọ nhận. Sau đó Thế Tôn cùng Tỳ-kheo Tăng đi đến nước Ba-la-nại hóa đạo. Bây giờ Di-lặc mặc y lụa sắc vàng, thân tướng đoan chánh, dung nhan vàng tím, trong người tương xứng uy nghi rõ ràng, vào thành Ba-la-nại, muốn đi khát thực. Đến con đường lớn, ôm bát đứng lại, nhân dân trông thấy tướng mạo vây quanh xem mãi không biết chán, tuy ai cũng đều khâm phục kính ngưỡng mà không có cho cơm. Có một người thợ xâu ngọc, gặp Di-lặc rất là ngưỡng mộ, liền hỏi:

– Đại đức, có được thức ăn chưa?

Đáp:

– Chưa được!

Ông liền mời về nhà bày dọn thức ăn cúng dường. Ăn uống, tắm gội xong, Di-lặc vì ông ta thuyết Diệu pháp, ngôn từ hay đẹp, nghe mãi không chán. Lúc đó có một vị đại trưởng già nọ muốn gả đứa con gái, trước tiên cần cho một xâu chuỗi ngọc, đi mượn xâu chuỗi xong đem trả mười vạn tiền. Khi đó trưởng giả sai người đến hỏi.

Người thợ ngọc đang nghe pháp mới bảo:

– Đi đi! Sau này sẽ xâu cho.

Người đó lại nói:

– Nay rất cần gấp.

Ông nhớ xâu chuỗi đeo trên tay, nên lấy ra dặn người đó mang về và nói với vị trưởng giả chốc lát sẽ sai người đến. Vì còn đang nghe pháp chưa đi xâu chuỗi được. Vị ấy trở về thưa lại với trưởng giả, vị trưởng giả nổi giận nói:

– Đã sai người đến nói đôi lần mà còn nhờ vả ký thác, nay không làm theo ta cần.

Ông liền sai người đến lần nữa, nhân đó ôm tiền đi, nếu ông ta chưa xâu chuỗi thì đem ngọc trở về. Sai người đến hỏi cũng còn đang nghe pháp, biết là chưa xong ngọc, vội vã đòi ngọc lại, việc bắt đắc dĩ, liền trả lại cho vị ấy, người thợ xâu chuỗi vẫn ở trước Di-lặc ngồi nghe pháp, tâm không chán mệt. Người vợ thợ xâu ngọc nổi giận trách mắng chồng:

– Chịu cực nhọc trong chốc lát thì đã được mười vạn tiền, lấy đó để mua sắm đồ đạc, y thực trong nhà đang thiếu thốn, chỉ lo nghe lời nói phù mỹ của Sa-môn để mất cái lợi tiền tài này.

Chồng nghe vợ nói ôm lòng hối hận. Di-lặc biết ý ông nói:

– Nay ông có thể cùng đi đến tinh xá không?

Đáp:

– Vâng!

Lúc đó cả hai cùng đi đến tinh xá. Sắp đến trong Tăng chúng, Di-lặc mới hỏi tăng chúng rằng:

– Nếu có đàn-việt thỉnh một vị Sa-môn trì giới thanh tịnh đến nhà cúng dường, lợi ích đạt được có như mười vạn tiền không?

Khi đó ngài Kiều-trần-như nói:

– Giả sử có người được trăm xe châu báu, phước lợi ấy tính ra không bằng thỉnh một Sa-môn trì giới thanh tịnh về nhà cúng dường, được lợi rất nhiều.

Bây giờ ngài A-na-luật nói:

– Giả sử của báu có được đầy cả bốn thiên hạ, cũng không bằng thỉnh một vị Sa-môn trì giới thanh tịnh về nhà cúng dường, được lợi thù thắng gấp bội. Sở dĩ như vậy vì sở chứng của tôi tự nhớ quá khứ chín mươi một kiếp, có Đức Phật hiệu là Tỳ-bà-thi, sau khi nhập Niết-bàn, kinh pháp diệt tận, lúc đó ở châu Diêm-phù-đề có một nước lớn tên Ba-la-nại.

Bấy giờ, trong nước có một thương buôn, nhà rất giàu có không thiếu thốn gì cả. Ông có hai cậu con trai, tướng mạo đều đoan chánh. Đứa lớn tên Lệ-tra, đứa nhỏ tên A-lệ-tra. Lúc người cha sắp mạng chung dặn dò hai đứa con:

– Cha chắc không tránh khỏi sự chết, sau khi cha qua đời, anh em các con nên nhớ cùng nhau thờ phụng hợp tâm hợp lực, chớ có sống riêng. Tại

vì sao thế? Thí như một sợi tơ không thể buộc con voi, nhưng hợp nhiều sợi tơ lại thì có thể chế phục con voi. Thí như một cọng cỏ không riêng đốt cháy, hợp nhiều cọng cỏ thành một bó đốt cháy lâu hơn. Nay anh em các con, cũng lại như vậy, phải cùng tương trợ, nương tựa với nhau thì người ngoài không phá hoại được, bên trong siêng năng thì gia nghiệp ngày càng phát đạt.

Sau khi dặn dò xong thì tắt thở qua đời, anh em vâng lời cha sống chung với nhau một thời gian. Sau này vợ của A-lê-tra tự suy nghĩ rằng: “Nay cùng sống chung với người của nhà anh biết không được ưu đãi mấy, nếu sống riêng ai nấy cố gắng nỗ lực, về tình đã không khó xử mà có thể tự lập thành ngôi nhà.” Nghĩ thế xong bèn nói với chồng là A-lê-tra. Nghe vợ nói như vậy, người em cho là không thể, người vợ lại năn nỉ, nói ra đạo lý đông dài. A-lê-tra đem sự việc thưa với anh, người anh nhắc lại lời cha dặn dò và nói sự việc ấy không thể. Bảy giờ vợ A-lê-tra cứ mỗi ngày khuyên chồng, người chồng đành thưa với anh là phải sống riêng. Sau khi ở riêng, vợ của A-lê-tra tự do phóng túng, tụ tập bạn bè ăn uống xa xỉ, không theo lễ độ. Trải qua chưa được mấy năm của cải tài sản trong nhà tiêu hao hết, nghèo khổ không phương sinh sống, lại đi đến người anh xin. Người anh cho mười vạn tiền đem về tiêu dùng hết rồi lại tiếp tục xin, cứ như vậy sáu lần, trước sau cho cả thảy sáu mươi

vạn tiền. Sau này lại đến cầu xin nữa, người anh quở trách:

– Em quên lời cha dạy, không chịu nghe lời, mới được mấy năm thì xin sống riêng, tiêu xài vô độ. Không thể cho nữa, trước nay đã cho em cả thảy sáu mươi vạn tiền, em còn chẳng biết đủ, lại còn đến cầu xin. Hôm nay cho em thêm mười vạn tiền, có sống hay không có sống như thế nào, đừng đến xin nữa.

Người em bị quở trách, xấu hổ lấy tiền ra về. Vợ chồng sửa đổi siêng năng tiết kiệm, tài sản ngày càng phát triển rộng sau này dần dần giàu có không thiếu thốn gì. Còn người anh Lệ-tra gặp phải suy vi phá sản, của cải, tài vật tiêu tan, nhà cửa nghèo thiếu vô phương sinh kế, mới đi đến bên người em cầu xin ít tiền. Người em không cho mà còn nổi giận hiềm trách nói với anh:

– Anh chưa từng biết nghèo sao lại đi đến tôi xin.

Nói rồi cũng không cho ăn uống gì cả. Người anh bèn trở về tự ngẫm nghĩ: “Trong cuộc đời sinh tử, sao mà đáng sợ thế? Anh em cùng một cha mẹ, sao không biết ân dưỡng, huống nữa là người khác.” Suy rộng nghĩa lý, tâm Lệ-tra liền chán thế gian, bỏ nhà vào núi, tĩnh tọa tư duy các pháp sinh diệt, tâm liền khai ngộ, thành Bích-chi-phật, uy nghi khả quan, rồi đi vào thành khát thực. Gặp lúc

nhân dân đói thiếu, đi khát thực khó được. Khi đó người em A-lệ-tra sau này nghèo khổ, hàng ngày phải đi kiếm củi đem bán để nuôi sống vợ con.

Một buổi sáng nọ, đi vào trong cửa thành, gặp vị Bích-chi-phật uy nghi khả quan vào thành khát thực, chàng ta vẫn đi kiếm củi rồi trở về đến cửa thành thấy Bích-chi-phật đi ôm bát không, tâm tự suy nghĩ: “Đây là Khoái Sĩ, sáng sớm thấy vào thành sao bây giờ ôm bát không ra về. Nếu nay đi chung với ta về nhà, ta sẽ đem thức ăn dâng cúng cho ngài.”, nghĩ thế rồi đi. Bây giờ Bích-chi-phật quán biết được ý của người em, liền đi theo sau đến cổng nhà. A-lệ-tra trông thấy Bích-chi-phật, tâm vui mừng, liền trải giường thỉnh ngài vào ngồi, tự tay mình đem thức ăn dâng cho ngài. Bây giờ Bích-chi-phật nói với A-lệ-tra:

– Người cũng đói khát, nên cùng chia nhau ăn.

A-lệ-tra bạch:

– Chúng con người thế tục ăn không giờ giấc, còn ngài chỉ dùng một buổi, xin hãy thọ nhận.

Bích-chi-phật liền thọ trai, cảm niệm sự chí tâm của thí chủ. Gặp lúc đói ngất, cha con không thể cứu, cắt thân mình dùng để cúng thí. Ngay lúc đó, Bích-chi-phật liền bay lên hư không, thân xuất ra lửa nước, hiển hiện thần túc, rồi trở lại trước mặt, nói với A-lệ-tra:

– Có muốn cầu nguyện gì thì sẽ được như ý?

Thấy sự biến hiện vui mừng, A-lê-tra liền chí tâm tự lập thệ nguyện: “Tất cả chúng sinh có nhiều của cải, nguyện tôi đời đời chớ có thiếu thốn, mong muốn điều gì, ưng ý mà có.” Lại nguyện: “Tương lai gặp được bậc Thượng sĩ công đức thù thắng gấp trăm ngàn vạn lần vị này, khiến tôi ở chỗ vị ấy được lậu tận, chứng thần túc biến hóa cùng với ngài không khác.” Cầu nguyện xong, lại vui mừng gấp bội.

Bấy giờ Bích-chi-phật trở về chỗ ở, còn A-lê-tra trở về đi kiếm củi, thì thấy một con thỏ, ý muốn bắt lấy, chạy đến gần, lấy liềm từ xa ném, tức thời rớt trên đất. Chàng chạy tới trước muốn lấy thì thấy hóa thành người chết đè lên lưng, bao phủ đầu mình, dùng hết sức lôi đẩy đi, nhưng không làm nổi. Trong lòng chàng lo sợ, kinh hoảng khô não, ý muốn vào thành cùng vợ tiếp, nhưng sợ người ta trông thấy khiến không cho vào nên ở lại đợi đến trời tối dùng áo che phủ vác vào thành đi vào nhà. Vác vào đến trong nhà, bao ấy tự nhiên rơi xuống đất, biến thành một đồng vàng Diêm-phù-đàn, ánh sáng chói lọi. Những nhà bên cạnh đồn đãi lần lần đến tai nhà vua. Vua liền sai người đi đến xem xét có đúng sự thật không, sai người đến thấy thì là xác người chết, trở về tâu vua là xác người chết. Nhà vua hỏi người khác thì nói là thấy vàng. Thấy việc quá kỳ lạ, vua sai người đến xem nữa. Đến lui như vậy bảy lần đều nói không chắc chắn. Nhà vua đích

thân đi đến xem thấy là xác người chết, thầy thi dần dần muốn hôi thối, liền bảo A-lê-tra:

– Nhà người thấy như thế nào?

A-lê-tra đáp:

– Đây thật là vàng.

Liền lấy một ít dâng lên cho vua. Đức vua thấy sắc vàng, quý chưa từng có, mới hỏi nguyên do, duyên sự thế nào mà được vàng này. Lúc đó A-lê-tra trình bày đầy đủ gốc ngọn cho vua nghe, chắc là do đức Bích-chi-phật. Vua nghe nói, khen: “Lành thay! Người được phước báo gặp được bậc Thượng nhân này”, liền ban cho chức đại thần.

Nói đến đây ngài A-na-luật nhắc lại:

– Như thế đó chư Tôn, A-lê-tra kia chính là tiền kiếp của tôi. Tôi ở đời trước dùng ít mè cúng thí cho Bích-chi-phật, nhân đó tự cầu nguyện, duyên đó đến nay được chín mươi một kiếp sinh trong trời người không bị thiếu kém, thân tướng trang nghiêm muốn gì đều được như ý, cho đến đời này, khi ở tại gia, tôi thường dạo chơi, không thích việc đời, anh Ma-ha-nam thường có lời oán trách. Mẹ tôi nói rằng: “Con tôi có phúc đức”. Anh Ma-ha-nam nói: “Tôi riêng một mình suy nghĩ nhọc nhằn, việc nhà ruộng nương. Nó ở không nằm ăn, làm sao có phước đức”. Bà mẹ muốn thử, sai tôi đến ruộng coi việc trồng tía, mà không đem cơm. Tôi ngạc nhiên sao đem cơm đến chậm, sai người đi

hỏi, mẹ sai người đến nói với tôi rằng: “Không có gì cả”. Tôi trở về thưa mẹ: “Cúi mong cho con!” Lúc đó mẹ nghe tôi nói liền lấy dụng cụ đồ vật dùng đồ che lại đem đưa cho tôi, khiến Ma-ha-nam trông thấy, anh đi đến trước tôi, vỡ ra thấy trăm vị thơm ngon, đồ đựng đầy đủ. Như vậy, tôi dùng có ít mè cúng thí Bích-chi-phật, trong chín mươi một kiếp phước lợi chưa giảm, lại do duyên này gặp Phật hóa độ. Vì thế cho nên mới biết thỉnh một vị Tỳ-kheo trì giới thanh tịnh về nhà cúng dường được lợi hơn của báu bốn châu thiên hạ.

Ngài A-na-luật nói lời đó rồi, lúc đó Thế Tôn từ bên ngoài đi vào, nghe A-na-luật nói về việc quá khứ, bảo các Tỳ-kheo:

– Tỳ-kheo các ông, nói về quá khứ, Ta tiếp tục nói về đời vị lai. Lúc ấy ở cõi Diêm-phù-đề này đất đai rộng rãi bằng phẳng, không có núi sông, đất sinh cỏ mềm cũng như y áo của trời. Lúc đó nhân dân thọ mạng tám vạn bốn ngàn tuổi, thân cao tám trượng, ngay thẳng đẹp đẽ lạ thường, tánh người nhân từ hiền hòa, đầy đủ mười điều thiện. Thời đó sẽ có Chuyển luân thánh vương tên là Thắng Già. Lúc đó có một vị Bà-la-môn, trong nhà có một đứa con trai tên là Di-lặc, thân sắc vàng tím, ba mươi hai tướng tốt đầy đủ, quang minh chói lọi, sau xuất gia học đạo thành Bạc Tối Chánh Giác rộng vì chúng sinh chuyển pháp luân tôn quý. Đại hội lần thứ nhất độ chín mươi ba ức loại chúng sinh, đại

hội lần thứ hai độ chín mươi sáu ức, đại hội lần thứ ba độ chín mươi chín ức. Các Tỳ-kheo như thế trong ba hội thuyết pháp, người được độ đều là Ta đề giáo pháp lại cho chúng sinh gieo trồng phước điền hoặc cúng dường Tam bảo, xuất gia, tại gia trì giữ giới, người thắp hương đốt đèn lễ bái đều được ở trong ba đại hội ấy. Ba đại hội chúng sinh được độ do Ta đề lại, sau này giáo hóa đồng duyên làm đồ đệ.

Lúc bấy giờ Di-lặc nghe Phật nói thế từ chỗ ngồi đứng dậy quỳ xuống chấp tay bạch:

– Con nguyện làm vị Di-lặc Thế Tôn ấy.

Đức Phật bảo Di-lặc:

– Như lời ông nói, sau này ông sẽ là Di-lặc Như Lai, giáo hóa như đã nói trên đều là ông vậy.

Bấy giờ, trong chúng hội có một vị Tỳ-kheo tên A-thi-đa quỳ bạch Đức Phật:

– Con nguyện làm vị Chuyển luân thánh vương đó.

Đức Phật bảo:

– Ông chỉ muốn đem dài tham vui sinh tử, không tính ra khỏi sao?

Lúc đó tất cả đại chúng thấy Đức Phật thọ ký cho Di-lặc sau này thành Phật, cũng tên là Di-lặc, đều có tâm nghi, muốn biết nguồn gốc.

A-nan từ chỗ ngồi đứng dậy bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, Di-lặc thành Phật lại có tên

Di-lặc, do nhân duyên gì mà đặt tên như thế?

Đức Phật bảo:

– Này A-nan, hãy lắng nghe!

Vào thời quá khứ kiếp a-tăng-kỳ vô lượng, ở cõi Diêm-phù-đề này có một vị đại quốc vương tên Đàm-ma-lưu-chi thống lãnh châu Diêm-phù-đề tám vạn bốn ngàn nước, sáu vạn núi sông, tám mươi ức tụ lạc, hai vạn phu nhân thể nữ, một vạn đại thần, trong đó có một nước nhỏ giàu có vui vẻ, vua tên Ba-tắc-kỳ. Lúc đó Đức Phật Phát-sa vừa mới ra đời hóa đạo chúng sinh trong nước ấy. Khi đó vua Ba-tắc-kỳ cùng các quần thần chuyên cúng dường Đức Phật và chúng Tăng, nghĩ đến triều gặp đại vương công hiến đều dứt cả. Lúc đó đại vương ngạc nhiên thấy họ không đến, bèn sai sứ giả đến quở trách. Sứ giả đến nói:

– Mấy năm gần đây, người và thư đều cắt đứt, ngài là bề tôi vì sao trái lại, ắt là có lòng dạ khác chẳng, muốn ôm lòng phản nghịch chẳng?

Khi đó vua Ba-tắc-kỳ được nghe lời đại vương dạy, tự biết trái phạm nhưng chẳng biết làm sao, liền đi đến bái kiến Đức Phật bạch sự việc như vậy. Đức Phật bảo vua:

– Bệ hạ chớ có lo lắng, hãy nhờ sứ giả trở về thành thật trình bày rằng: “Vì có Phật ở nước tôi, sớm tối lo phụng sự, cho nên không xin nghỉ phép, không đến châu đại vương, còn của cải trong nước

đem cúng Phật và chúng Tăng, không có dư để có thể đem công hiến.”

Vua Ba-tắc-kỳ được Đức Phật dạy rồi, liền trở về báo sứ giả y như lời Phật nói. Sứ giả trở về tâu đại vương đầy đủ ý của vua Ba-tắc-kỳ. Đại vương nghe xong rất là phần nộ, liền họp quần thần bàn bạc việc này. Các quần thần đều nói:

– Vua đó kiêu ngạo, đạo lý ngang ngược, nên tuyên hợp các binh lính đi công phạt hấn.

Đại vương liền đồng ý hợp binh đi đánh. Tiền quân sắp đến gần, vua Ba-tắc-kỳ hay được, trong lòng lo sợ vội đến bạch Phật. Đức Phật bảo:

– Chớ có lo rầu, chỉ nên đi gặp đại vương nói như lời trước.

Vua Ba-tắc-kỳ cùng các quần thần đi đến biên giới gặp đại vương vắn bái xong đứng qua một bên. Đại vương trách hỏi:

– Vì sao nhà ngươi y lại ngã mạn thất thường không đến triều bái?

Vua Ba-tắc-kỳ nói:

– Tâu đại vương, Đức Phật ra đời rất khó gặp, nay Ngài đang ở nước của thần, hóa đạo chúng sinh. Vì sáng tôi lo hầu hạ cho nên khiến thất lễ với đại vương.

Lại trách thêm:

– Cho dù hầu hạ cũng được, nhưng tại sao cắt đứt không công hiến?

Vua Ba-tắc-kỳ nói:

– Tâu đại vương, Đức Phật có đồ chúng gọi là chúng Tăng. Họ giữ giới đức thanh tịnh, là ruộng phước cho người đời, lấy của trong nước thường dùng cúng dường, nên không có dư nhiều có thể đem đi cống hiến.

Đàm-ma-lưu-chi nghe xong lời này bảo:

– Hãy thôi! Ta cần gặp Phật, gặp Phật xong sẽ trở về, miễn hỏi tội nhà ngươi.

Vua liền cùng quần thần đi đến chỗ Phật. Lúc đó Như Lai được đại chúng vây quanh, thấy đều ngồi nhập định yên lặng. Có một Tỳ-kheo nhập Từ bi tam-muội, phóng kim quang minh như đồng lửa lớn. Vua Đàm-ma-lưu-chi từ xa trông thấy Thế Tôn quang minh chói lọi hơn cả mặt trời mặt trăng, đại chúng vây quanh như những tinh tú, đánh lễ Phật đứng như pháp thăm hỏi. Thấy vị Tỳ-kheo này quang minh sáng chói, vua liền bạch:

– Bạch Thế Tôn, vị Tỳ-kheo này nhập định gì mà ánh sáng chói lọi như thế?

Đức Phật bảo:

– Đại vương, Tỳ-kheo này nhập định Từ bi.

Vua nghe xong kính ngưỡng gấp bội. Nghe nói về định Từ bi cao vòi vọi như thế, vua nói:

– Con muốn tập tam-muội Từ bi này.

Nói xong, chí hăm mộ định Từ bi, ý rất nhu nhuyến, tâm vô hại, liền thỉnh Đức Phật và chúng

Tăng cúi mong hồi thân đi đến đại quốc. Đức Phật hứa khả tức khắc đi liền. Vua Ba-tắc-kỳ nghe Đức Phật muốn đi đến nước của vua Đàm-ma-lưu-chi, rất buồn nhớ, lưu luyến, tâm tư suy nghĩ: “Nếu khiến ta là đại vương, chắc Như Lai thường trụ ở nước ta, do ta nước nhỏ nên không được tự tại.” Nghĩ như vậy rồi liền hỏi Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn, trong các vua ai là lớn nhất?

Đức Phật bảo:

– Vua Chuyển luân lớn nhất.

Vua Ba-tắc-kỳ nhân đó lập nguyện: “Nguyện cho tôi từ nay về sau cúng dường Đức Phật và chúng Tăng, công đức này thệ nguyện đời đời về sau làm vua Chuyển luân.”

Nói đến đây, Đức Phật nhắc lại:

– Nay A-nan, đại vương Đàm-ma-lưu-chi thuở đó nay là Di-lặc, bắt đầu từ kiếp đó phát tâm Từ, từ đây về sau thường tên Di-lặc. Vua Ba-tắc-kỳ nay là Kỳ-đà, vẫn ở trong nước đó làm vua Chuyển luân, từ đó về sau đời đời thường như vậy, cho đến ngày nay, công đức chẳng cùng. Bảy giờ thợ xâu ngọc nghe nói thế rồi phát tâm cầu đạo Vô thượng, ngoài ra chúng hội nghe Đức Phật thuyết pháp có người đắc quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, có người phát tâm Vô thượng chánh chân, có người trụ được Bất thoái địa, thấy đều cung kính vui vẻ phụng hành.



Phẩm 58: ANH VŨ NGHE TỨ ĐỀ

Tôi nghe như thế này:

Thuở nọ, Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Bảy giờ trưởng giả Tu-đạt kính tin Phật pháp, vì chư Tăng làm đàn-việt cung cấp tất cả đồ cần dùng. Bảy giờ chư Tỳ-kheo cần muốn điều gì hàng ngày đến lui thuyết pháp dạy dỗ. Trong nhà ông Tu-đạt có hai con chim Anh vũ, một con tên Luật-đề, một con tên Xa-luật-đề, bẩm tánh thông minh có thể biết tiếng người. Các Tỳ-kheo tới lui thì nó báo cho trong nhà hay biết trước, chuẩn bị để nghênh tiếp. Khi đó A-nan đi đến nhà ông gặp con chim thông minh, tâm liền thương mến mà nói rằng muốn dạy hai con nghe giáo pháp. Hai con chim vui mừng thọ pháp Tứ đề, dạy đọc tụng, nói kệ rằng: “Đâu-khư, Tam-mâu-đề-da, Ni-lâu-đa, Mạt-da (*Tân dịch là: Khổ, Tập, Diệt, Đạo*). Trước cửa nhà có một cội cây, hai con chim nghe pháp vui mừng tụng tập, bay hướng trên ngọn cây, bay xuống bay lên bảy lần, tụng đọc pháp Tứ đề đã thọ. Ban đêm nó ngủ trên cây, bị con chồn bắt ăn thịt, vì cơ duyên tâm thiện nên sinh lên cõi trời Tứ thiên. A-nan ngày mai, mặc y ôm bát vào thành khát thực, nghe hai con chim Anh vũ bị chồn bắt ăn sinh lòng thương xót, trở về bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn, ở nhà ông Tu-đạt có hai con chim Anh vũ, hôm qua đệ tử dạy nó tụng Tứ đế, tối qua nó đã chết rồi, không biết thần thức sinh về nơi đâu? Cúi mong Như Lai thương xót chỉ bày cho con.

Đức Phật bảo:

– Nay A-nan, hãy lắng nghe và khéo ghi nhớ trong lòng, Ta sẽ vì ông mà nói khiến ông hoan hỷ. Do ông truyền pháp, tâm chim hoan hỷ nhận lãnh nên sau khi mạng chung, sinh lên cõi trời Tứ Thiên vương. Ở cõi Diêm-phù-đề này, năm mươi năm bằng cõi trời Tứ Thiên vương một ngày một đêm, ở đó cũng ba mươi ngày là một tháng, mười hai tháng là một năm, cõi trời đó thọ năm trăm tuổi.

Ngài A-nan hỏi Phật:

– Bạch Thế Tôn, sau khi thọ chung chúng sinh ở nơi nào?

Đức Phật bảo:

– Ngài sinh ở cõi trời Đao-lợi (*tầng trời thứ hai*). Ở cõi Diêm-phù-đề này một trăm năm thì trên trời Đao-lợi một ngày một đêm, ở đây cũng ba mươi ngày làm một tháng, mười hai tháng làm một năm. Cõi trời Đao-lợi đó thọ mạng một ngàn tuổi.

Ngài A-nan hỏi:

– Ở đó thọ chung thì sinh về đâu?

Đức Phật bảo:

– Nay A-nan, sinh lên cõi trời Diêm-ma thứ ba.

Hai năm ở cõi Diêm-phù-đề này bằng một ngày đêm ở cõi trời Diêm-ma. Ở đây cũng ba mươi ngày làm một tháng, mười hai tháng làm một năm. Ở cõi Diêm-ma tuổi thọ hai ngàn tuổi.

Ngài A-nan lại hỏi:

– Sau khi thọ chung chúng sinh về đâu?

Đức Phật bảo:

– Nay A-nan, họ sẽ sinh lên cõi trời Đâu-suất thứ tư. Cõi Diêm-phù-đề này bốn trăm năm thì cõi trời đó một ngày một đêm. Ở đó cũng ba mươi ngày làm một tháng, mười hai tháng là một năm. Cõi trời Đâu-suất thọ mạng bốn ngàn tuổi.

Tôi lại hỏi:

– Ở đó, họ mạng chung sinh về đâu?

Đức Phật bảo:

– Nay A-nan, họ sẽ sinh lên cõi trời thứ năm Vô kiêu lạc thiên. Cõi Diêm-phù-đề tám trăm năm bằng cõi trời này một ngày một đêm. Ở đây cũng ba mươi ngày là một tháng, mười hai tháng làm một năm. Cõi trời thứ năm thọ mạng tám ngàn tuổi.

Ngài A-nan lại hỏi:

– Ở đó họ thọ chung sinh về đâu?

Đức Phật bảo:

– Nay A-nan, họ sẽ sinh lên cõi trời thứ sáu, trời Hóa ứng tinh. Cõi Diêm-phù-đề một ngàn sáu trăm năm bằng cõi ấy một ngày một đêm. Nơi đó cũng ba mươi ngày làm một tháng, mười hai tháng

làm một năm, thiên thọ sáu ngàn tuổi.

Ngài A-nan lại hỏi:

– Ở đó mạng chung chúng lại sinh về đâu?

Đức Phật bảo:

– Nay A-nan, họ sinh trở lại cõi trời thứ năm, cứ thứ tự trở lại như vậy lên xuống bảy lần. Sinh trong sáu tầng trời Dục giới thứ tự thọ phước, tuổi trời cực thọ không có yếu số.

Ngài A-nan lại hỏi:

– Bạch Thế Tôn, như vậy cõi trời thứ sáu thọ mạng hết sinh về đâu?

Đức Thế Tôn đáp:

– Họ sẽ xuống cõi Diêm-phù-đề, sinh trong loài người, xuất gia học đạo. Tiền duyên của chim Anh vũ tưng trì Tứ đế, tâm tự khai giải, thành Bích-chi-phật, một vị tên là Đàm-ma, một vị tên là Tu-đàm-ma.

Đức Phật bảo:

– Nay A-nan, tất cả chư Phật và chúng Hiền thánh, trời người thọ phước nhiều ít đều do ở gieo trong nhân lành, khiến họ được diệu quả sau này.

Bấy giờ ngài A-nan và cả chúng hội nghe Đức Phật nói hoan hỷ phụng hành.



Phẩm 59: CHIM NGHE VỊ TỠ-KHEO

THUYẾT PHÁP ĐƯỢC SINH LÊN CÔI TRỜI

Tôi nghe như thế này:

Thuở nọ, Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, ở trong rừng cây có một vị Tỳ-kheo tọa thiền hành đạo. Sau khi ăn cơm xong, vị ấy kinh hành, do tiếng tụng kinh của vị ấy hòa nhã vô cùng nên có một con chim thích nghe tiếng của nhà sư, nó bay đậu trên ngọn cây lắng nghe âm thanh ấy. Lúc đó có một người thợ săn dùng tên bắn chết. Do nó khởi lòng lành liền sinh lên cõi trời Đao-lợi, trên đầu gối cha mẹ sinh ra, bỗng nhiên to lớn như đứa trẻ tám tuổi, diện mạo đoan chánh, quang minh khác thường, chói lọi không gì bằng, liền tự nghĩ rằng: “Ta làm phước gì mà được phước quả báo trời?” Vị trời bèn biết túc mạng quán thấy thân xưa vốn là loài chim, nhờ nghe vị Tỳ-kheo tụng kinh được phước báo sinh lên cõi trời này nên liền cầm hoa trời bay về cõi Diêm-phù-đề đến chỗ vị Tỳ-kheo đánh lễ, thăm hỏi, dùng hoa hương trời tán thán cúng dường. Vị Tỳ-kheo hỏi:

– Ông là thần nào?

Đáp:

– Tôi vốn là chim, thích nghe âm thanh của ngài tụng kinh, bị thợ săn bắn chết, nhân có tâm thiện nên sinh lên cõi trời Đao-lợi.

Vị Tỳ-kheo vui vẻ liền mời ngồi vì trời thuyết diệu pháp. Nghe xong vị trời chứng quả Tu-đà-hoàn, vui mừng liền bay về trời.

Đức Phật bảo:

— Nay A-nan, Như Lai ra đời làm lợi ích hữu tình rất nhiều, thuyết ra các pháp rất là thần diệu, cho đến loài chim bay nhờ duyên thích nghe pháp âm cũng được phước vô lượng há là người có lòng tin vững chắc thọ trì, được quả báo thật khó thể sánh. Bây giờ ngài A-nan và cả đại chúng nghe Đức Phật thuyết xong, vui mừng đánh lễ phụng hành.



KINH HIỀN NGU

QUYỂN 13

Phẩm 60: NĂM TRĂM CHIM NHẬN NGHE PHẬT PHÁP ĐƯỢC SINH CỖI TRỜI

Tôi nghe như thế này:

Một thuở nọ, Đức Phật ở nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn ở trong đầm rừng, vì trời người bốn bộ chúng diễn thuyết Diệu pháp. Lúc đó, ở trên không trung có một bầy nhận năm trăm con nghe âm thanh của Đức Phật, tâm rất ham thích, chúng bay vòng vòng muốn đáp xuống chỗ Thế Tôn thì có mấy người săn giăng bầy lưới bắt trọn bầy chim nhận giết ăn hết. Thần thức bầy chim được sinh lên cõi trời Đao-lợi, từ đầu gối cha mẹ sinh ra đột nhiên và lớn nhanh như đứa nhỏ tám tuổi, thân thể đoan nghiêm, dung mạo không thể sánh, quang minh trong sáng như núi vàng. Họ tự nghĩ: “Chúng ta do nhân gì mà sinh trong cõi trời này?” Tâm của các vị trời thông suốt có túc mạng thông nên biết được duyên kiếp trước do nghe pháp âm được phước báo sinh cõi trời. Muốn báo ân ấy, họ cùng

nhau dùng hương hoa trời bay xuống Diêm-phù-đề, đến nước Ba-la-nại, chỗ Thế Tôn ngự, ánh sáng các vị trời chói lọi cũng như rừng cây báu, đồng thời cúi mình đánh lễ dưới chân Phật chấp tay bạch:

– Chúng con nhờ âm thanh thuyết pháp của Thế Tôn mà được sinh nơi tốt đẹp, cúi mong Thế Tôn thương xót chỉ bày đạo lý thiết yếu.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bèn vì họ rộng thuyết pháp Tứ diệu đế. Nghe xong các vị trời đắc quả Tu-đà-hoàn rồi bay trở về trời, họ không bị đọa tam đồ, tùy duyên bảy lần sinh được dứt các lậu.

Bấy giờ, ngài A-nan bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn, hôm qua có các vị trời ánh sáng chói lọi kính lễ Thế Tôn, không biết duyên gì, mong Thế Tôn chỉ bày.

Đức Phật bảo:

– Nay A-nan, hãy khéo suy nghĩ! Ta sẽ vì ông mà nói. Hôm qua Ta ở trong đám rừng vì chư Thiên bốn bộ chúng diễn bày Diệu pháp thì có năm trăm chim nhận kính mến tiếng pháp, tâm sinh vui mừng cùng nhau bay tới muốn đến chỗ Ta ngự thì bị mắc bẫy lưới của thợ săn họ bắt giết ăn hết. Nhân khởi lòng lành, thần thức bảy chim nhận sinh lên cõi trời Đao-lợi, tự biết túc mạng, nên đến đây báo ân.

Khi đó ngài A-nan nghe Đức Phật nói thế vui

mừng khen chưa từng có mà nói:

– Như Lai ra đời thật là kỳ diệu, mưa pháp thấm nhuần ai cũng được nhờ ân, cho đến loài chim muông nghe pháp cũng được phước báo, huống là người ta tín tâm thọ trì, tính xét quả báo còn vượt nhiều hơn nó gấp trăm ngàn vạn lần, không thể sánh bằng.

Đức Phật bảo:

– Này A-nan, lành thay! Lành thay! Như lời ông nói, Như Lai ra đời đưa pháp cam lộ thấm nhuần quần sinh được lợi ích rất nhiều. Vì thế phải nên nhất tâm tin kính Phật pháp.

Bấy giờ ngài A-nan và cả chúng hội nghe Đức Phật nói xong vui vẻ đánh lễ phụng hành.



Phẩm 61: SỰ TỬ KIÊN THỆ

Tôi nghe như thế này:

Một lúc nọ Đức Phật ở thành Vương xá, trong núi Kỳ-xà-quật. Khi ấy Đề-bà-đạt-đa thường ôm lòng ác muốn hại Thế Tôn, ông tự xưng là Phật, dạy thái tử A-xà-thế hại vua cha rồi lên ngôi vua để có Phật mới vua mới trị vì thiên hạ, như vậy chẳng phải sướng sao? Vương tử tin dùng, bèn giết cha mình tự lên làm vua, lúc đó người đời đều ôm lòng ác đối với các Tỳ-kheo ghét không muốn ngó.

Bấy giờ chư Tỳ-kheo vào thành khát thực, nhân dân phần nộ đều không cúng thí, ôm bát không mà về. Trở về trong núi bạch Thế Tôn:

– Đề-bà-đạt-đa làm việc bất thiện khiến dân chúng đều sinh khởi lòng ác, hướng các Sa-môn, sinh khởi lòng ác; họ hướng chư Bích-chi-phật, A-la-hán quá khứ, hiện tại, tương lai phát khởi lòng ác; đối với ba đời chư Hiền thánh tạo vô lượng tội nghiệp quả báo. Tại vì sao? Vì y phục nhuộm hoại sắc đều là tiêu thức của Thánh hiền ba đời, những chúng sinh cạo bỏ râu tóc, mặc y nhuộm, nên biết người đó chẳng bao lâu sẽ được giải thoát tất cả các khổ được trí vô lậu, vì các chúng sinh làm một vị cứu hộ lớn. Nếu có chúng sinh hay phát tín tâm đối với người xuất gia người mặc y nhuộm thì được phước khó lường.

Đức Phật bảo:

– Nay A-nan, Ta do kiếp xưa đối với người xuất gia mặc y nhuộm sinh lòng tin sâu đậm, vì kính ngưỡng nên mới được thành Phật.

A-nan tôi bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, kiếp xưa Thế Tôn tin sâu kính ngưỡng người mặc y nhuộm, sự việc ấy như thế nào? Cúi xin Ngài nói cho con được nghe.

Đức Phật bảo:

– Nay A-nan, hãy lắng nghe! Thuở xưa cách đây vô lượng kiếp a-tăng-kỳ, ở châu Diêm-phù-đề

này, có một đại quốc vương tên là Đề-tỳ, thống lãnh tám vạn bốn ngàn tiểu quốc vương. Lúc đó, ở đời không có Phật pháp, chỉ có Bích-chi-phật sống trong rừng núi tọa thiền hành đạo, phi hành biến hóa, rộng độ chúng sinh. Lúc đó các con dã thú đều tới gần gũi. Có một con sư tử tên là Trà-ca-la-tỳ (*Tần dịch là Kiên Thệ*) thân màu sắc vàng, ánh sáng chói lọi, chỉ ăn quả ăn cỏ không giết hại cầm thú. Lúc bấy giờ người thợ săn cạo tóc mặc ca-sa, bên trong giấu cung tên, đi bộ vào trong rừng, thấy có sư tử trong lòng mừng thầm, nghĩ rằng: “Hôm nay ta được lợi lớn, gặp được con thú này có thể giết lấy da dùng để dâng cho vua, thoát khỏi sự nghèo khổ.” Lúc đó con sư tử đang ngủ, người thợ săn bèn dùng tên độc bắn trúng. Sư tử tỉnh dậy định đuổi hại, thì trông thấy người mặc y ca-sa, bèn tự nghĩ: “Người này ở đời không bao lâu ắt được giải thoát, lìa các khổ ách. Tại vì sao? Vì người mặc y nhuộm này là tướng tiêu biểu cho Thánh nhân ba đời, nếu ta hại họ, thì là có ba điều ác đối với chư Hiền thánh ba đời.” Suy nghĩ như vậy, ý hại liền dừng, rồi tự nói kệ: “Da-la-la, bà-xa-sa ta-ha”. Khi sư tử nói lời này rồi, trời đất chấn động, không mây mà mưa. Chư Thiên kinh sợ, dùng Thiên nhãn quan sát dưới thế gian thấy người thợ săn giết hại Bồ-tát Sư tử, ở trên hư không mưa xuống hoa trời, cúng dường tử thi. Bấy giờ thợ săn lột da sư tử đem về đến nhà rồi đem dâng quốc vương Đề-tỳ cầu

được ban thưởng. Lúc ấy nhà vua nghĩ rằng: “Trong kinh sách có nói: ‘Nếu có thú vật thân tướng sắc vàng, ắt là Bồ-tát đại sĩ.’ Nay ta làm sao ban thưởng cho người này được? Nếu thưởng cho hắn thì giống như giết hại không khác.” Lúc ấy người thợ săn nghèo cầu xin quốc vương thương xót cho ít tài vật. Vua hỏi thợ săn:

– Khi sư tử chết có điềm gì không?

Đáp:

– Tâu bệ hạ, miệng nó nói ra tám tiếng thì trời đất chấn động, không mây mà tự mưa, trời rơi xuống các hoa.

Khi đó quốc vương nghe nói rồi vui mừng khôn cùng lòng tin vững mạnh, triệu tập các thần kỳ cựu, người trí giải thích nghĩa ấy. Lúc đó mọi người đều không thể giải thích. Ở trong khu rừng cạnh bờ đầm có một Tiên nhân tên Xa-ma, ông rất thông minh, thông đạt lý lẽ. Nhà vua thỉnh Tiên nhân về nhờ giải thích nghĩa tám chữ ấy: “Da-la-la” nghĩa là cạo tóc mặc y nhuộm ở trong sinh tử mau được giải thoát. “Bà-xa-sa” nghĩa là người cạo tóc mặc y nhuộm đều là tướng Thánh hiền, gần với Niết-bàn. “Ta-ha” nghĩa là người cạo tóc mặc y nhuộm sẽ được tất cả chư Thiên, người đời trông thấy kính ngưỡng. Lúc đó Tiên nhân giải nói xong, vua Đề-tỳ vui mừng liền triệu tám vạn bốn ngàn tiểu quốc vương tập hợp một nơi, làm xe cao bằng bảy báu,

trương da sư tử, biểu thị tất cả đều cùng kính ngưỡng, đốt hương rải hoa mà cúng dường rất mực cung kính. Sau đó dùng vàng làm quan tài, để da sư tử vào, rồi dựng tháp thờ. Bảy giờ nhân dân duyên theo tâm thiện sau khi thọ chung cũng đều được sinh lên cõi trời.

Đức Phật bảo ngài A-nan và bốn bộ chúng:

– Con sư tử lúc ấy do phát khởi lòng lành đối với người mặc y nhuộm, trong mười ức vạn kiếp được làm vua Chuyển luân, làm ruộng phước cho chúng sinh mãi đến khi thành Phật. Trà-ca-tỳ-la há là người nào khác, chính là tiền thân của Ta vậy, còn quốc vương Đề-tỳ do duyên cúng dường da sư tử nên trong mười ức kiếp sinh trong trời người tôn quý đệ nhất, tu các căn lành, nay chính là Di-lặc Bồ-tát. Tiên nhân khi đó nay là ông Xá-lợi-phất. Người thợ săn nay là Đề-bà-đạt-đa.

Bốn chúng lúc bấy giờ theo Phật nghe thuyết nhân duyên quá khứ tâm rất vui mừng, nói:

– Chúng con ngu si, không biết minh triết nên sinh khởi tâm ác. Cúi mong Như Lai thương xót kẻ ngu si, cho sám hối tội lỗi trước.

Đức Thế Tôn từ bi nhân đó thuyết pháp Tứ đế vi diệu, tùy túc duyên của họ đều được các quả, có người nghe xong đắc quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán; có người còn phát tâm cầu đạo Vô thượng chánh chân.

Lúc đó ngài A-nan và bốn bộ chúng nghe Đức Phật nói xong thấy đều vui mừng đánh lễ phụng hành.



Phẩm 62: PHẠM CHÍ CÚNG THÍ PHẬT Y VÀ ĐƯỢC THỌ KÝ

Tôi nghe như thế này:

Thuở nọ, Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Khi ấy Thế Tôn dẫn thị giả A-nan vào thành Xá-vệ. Đức Thế Tôn mặc y trên thân có vài chỗ bị rách, vì muốn ứng hóa độ chúng sinh. Khát thực xong Ngài muốn trở về chỗ nghỉ thì có một vị Bà-la-môn đến chỗ Đức Phật làm lễ. Trông thấy Đức Phật dung nhan quang tướng đặc biệt lạ thường, lại thấy y Phật có chút hư rách, nên có tâm muốn cúng thí, vị ấy bèn cắt ít lụa trắng ở nhà đem dâng cúng Phật, thưa:

– Cúi mong Như Lai nhận tấm lụa này dùng để vá y.

Đức Phật liền thọ nhận. Khi ấy vị Bà-la-môn thấy Đức Phật thọ ký trong lòng vui mừng gấp bội. Đức Phật liền thọ ký:

– Ở đời sau này trong hai a-tăng-kỳ kiếp, ông sẽ được làm Phật, thần thông tướng hảo đầy đủ mười hiệu.

Đức Phật thọ ký xong vui mừng mà đi. Lúc đó

trong nước, những trưởng giả giàu có đều ôm lòng thắc mắc: “Tại sao Thế Tôn thọ chút của thí mà đền đáp ân lớn như vậy?” Nghĩ thế rồi, vì Như Lai, họ phá rách y tốt, làm các thứ y đem dâng cho Đức Phật. Ngài A-nan hỏi Phật:

– Bạch Thế Tôn, xưa kia Ngài tạo hạnh lành gì mà khiến tất cả đều dâng cúng thí y phục? Cúi mong Như Lai vì con chỉ bày giải nói khiến được hiểu rõ.

Đức Thế Tôn bảo:

– Hãy lắng nghe, Ta sẽ vì ông mà nói.

Ở đời quá khứ vô lượng kiếp a-tăng-kỳ, khi đó có Đức Phật hiệu Tỳ-bà-thi ra đời cùng đồ chúng của Ngài chín vạn người câu hội. Vị vua lúc bấy giờ tên là Bàn-đầu. Có một đại thần thỉnh Đức Phật và chúng Tăng cúng dường ba tháng, Đức Phật liền hứa khả. Ông bèn trở về nhà chuẩn bị cúng dường Đức Phật và chúng Tăng. Lúc đó vua Bàn-đầu đi đến chỗ Phật, bạch:

– Xin được Như Lai và chúng Tăng nhận lời con cúng dường ba tháng.

Đức Phật nói với vua Bàn-đầu:

– Ta đã thọ nhận thỉnh mời của vị đại thần trước rồi, theo phép không nên trái nghịch.

Đức vua trở về cung bảo với vị đại thần rằng:

– Đức Phật ở nước trầm, nay trầm muốn cúng dường, nhưng khanh đã thỉnh rồi, nay khanh có thể

tránh dịp khác, trăm cúng dường xong rồi, khanh hãy thỉnh sau.

Vị đại thần tâu:

– Tâu bệ hạ, nếu đại vương bảo đảm được thân mạng của thần, lại bảo đảm được Như Lai thường trụ ở đây, lại khiến quốc độ thường an ổn không tai nạn. Nếu đại vương có thể bảo đảm hết những việc này, thần xin nhường để cho đại vương thỉnh Phật trước.

Vua tự nghĩ: “Việc này chắc khó bảo đảm”, nên nói rằng:

– Thôi, khanh thỉnh cúng một ngày, rồi đến trăm thỉnh cúng một ngày.

Quan đại thần đồng ý, rồi cùng nhau chuẩn bị thiết hội, ai nấy đều mãn nguyện. Bấy giờ quan đại thần may cho Đức Như Lai đó ba y và cúng cho chín vạn Tỳ-kheo y bảy điều.

Nói đến đây, Đức Phật nhắc lại:

– Nay A-nan, ông nên biết, quan đại thần đem y phục cúng thí Đức Phật và chúng Tăng, há phải người nào khác, chính là tiền thân của Ta. Ta đời đời gieo trồng phước điền không biết chán, nay đều tự được trọn không thể sánh.

Bấy giờ ngài A-nan cùng mọi người nghe Đức Phật nói xong hoan hỷ siêng tu tạo các nghiệp phước, đánh lễ Phật phụng hành.



Phẩm 63: ĐỨC PHẬT BẮT ĐẦU KHỞI TÂM TỪ

Tôi nghe như thế này:

Thuở nọ, Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ các Tỳ-kheo đang mùa hạ an cư, đi đến chỗ Phật đánh lễ thăm hỏi. Đức Phật dùng tâm từ an ủi vỗ về: “Các ông trụ nơi kia được vô khổ chăng?” Tâm tư vô cùng thương mến. Tôi thấy thế bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, lòng từ mẫn thương mến đặc biệt như vậy là xa gần chăng?

Đức Phật bảo:

– Nay A-nan, nếu ông muốn biết, hãy lắng nghe Ta nói.

Thời quá khứ lâu xa kiếp a-tăng-kỳ không thể tính kể, có hai người tội cùng ở địa ngục, bỗng bị xua đuổi khiến kéo xe sắt cắt lấy da, dùng làm cái ách xe, lại dùng roi sắt đánh khiến chạy rong Đông, Tây rượt đuổi, không có dừng nghỉ. Khi đó có một người, gân sức yếu ớt, ngục tốt bức bách họ, té xuống đất rồi đứng dậy, mệt nhọc cực khổ vô cùng, chết đi sống lại. Người kia thấy người này khôn khổ như thế phát khởi tâm từ thương xót, người này thưa với ngục tốt rằng:

– Xin hãy thương xót thân tôi là người, một mình kéo xe không nổi.

Ngục tốt nổi sân dùng gậy đánh tức thời chết

ngay, thần thức được sinh lên cõi trời Đao-lợi.

Nói đến đây, Đức Phật lại nói:

– Nay A-nan nên biết, người trong ngục khởi tâm Từ lúc bấy giờ chính là tiền thân của Ta. Ta lúc đó bị tha tội ở trong địa ngục, mới vừa khởi tâm Từ thương xót đối với tất cả mọi người chưa từng thoái xả, cho đến ngày nay, vì ham thích tu hành thương xót tất cả.

Bấy giờ ngài A-nan nghe Đức Phật nói xong hoan hỷ phụng hành.



Phẩm 64: VUA ĐẢNH SINH

Tôi nghe như thế này:

Thuở nọ, Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ cùng với chúng Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị. Bấy giờ Thế Tôn thấy các Tỳ-kheo tham ưa đồ đẹp, dính mắc danh lợi, phần nhiều gom chứa không biết chán, Ngài thấy như vậy rồi bèn nói về cái hại của tham lợi:

– Phàm người tham lợi hiện tại tổn thân mạng, sau khi chết đọa vào ba đường, thọ khổ vô lượng. Tại sao thế? Ta nhớ thuở quá khứ, do tham mà phải đọa lạc chịu các khổ não.

Khi ấy ngài A-nan chấp tay quỳ bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, thời quá khứ do tham mà Ngài phải đọa lạc, việc ấy như thế nào? Mong Thế Tôn

nói cho chúng con được biết.

Đức Thế Tôn bảo:

– Về thời quá khứ vô lượng vô biên kiếp a-tăng-kỳ, ở cõi Diêm-phù-đề này có một vị đại vương tên Cù-tát-ly, thống lãnh tám vạn bốn ngàn nước nhỏ, có hai vạn phu nhân thể nữ, một vạn đại thần.

Khi ấy trên đỉnh đầu nhà vua mọc một khối u hình dáng như một cái kén, trong trẻo, không đau đớn gì cả, sau dần dần lớn lên như trái bầu, bèn mở ra xem thì được một đứa bé, tướng mạo rất đoan chánh, tóc xanh mượt, thân sắc vàng tím, mời thầy tướng xem tướng tốt xấu. Thầy tướng xem xong nói với vua:

– Đứa bé này rất có phúc đức, dung nghi hiem có sau này ắt là Thánh vương, thống trị bốn thiên hạ.

Nhân đó đặt tên là Văn-đà-kiệt (*Tân dịch là Đánh Sinh*). Khi trưởng thành, vua ban cho một nước riêng phong cấp cho Đánh Sinh. Sau này đại vương bị bệnh khốn cùng, các tiểu vương đều đến chăm sóc nhưng không thể thuyên giảm rồi phải băng hà. Các tiểu vương cùng đến chỗ Đánh Sinh thừa:

– Đại vương đã băng hà, xin ngài lên ngôi kế vị.

Đánh Sinh đáp:

– Nếu như ta có phước đáng làm vua thì phải khiến trời Tứ thiên và Đế Thích tới nghênh đón để đăng quang vương vị.

Lập thệ xong, Tứ Thiên vương liền bay xuống, mỗi vị cầm bình báu đựng đầy nước hoa thơm, dùng tưới trên đỉnh đầu vua Đánh Sinh. Trời Đế Thích cầm mào báu tới đội lên đầu vua, sau đó gọi các tiểu vương khuyên đến đại quốc để cai trị. Vua Đánh Sinh lại nói:

– Nếu như ta có phước đáng làm vua thì nước nên đến ta, ta không đến nước.

Lập thệ xong, trong đại quốc, tất cả cung điện, vườn rừng, ao hồ đều đến nơi vua; kim luân, voi ngựa, ngọc nữ, thần châu, điện tàng, điện binh, đều vân tập đến. Vua bốn thiên hạ vì vua Chuyển luân tuần hành quốc giới, thấy các thần dân cuộc cày đất trồng ruộng, vua hỏi sứ thần:

– Các quần sinh ở đây muốn làm gì?

Đáp:

– Vì có hình tượng do ăn mới sống còn, cho nên gieo trồng ngũ cốc để nuôi mạng sống.

Vua lập thệ rằng:

– Nếu ta có phước đáng làm vua tự nhiên nên có trăm vị ăn uống no nê tất cả khiến không ai bị đói khát.

Phát nguyện xong, liền có thức ăn uống. Một hôm, vua bèn ra ngoài dạo chơi thấy những người

dân may dệt, lại hỏi:

– Họ đang làm gì thế?

Quan cận thần đáp:

– Người dân thức ăn tự nhiên có rồi, nhưng cũng cần áo mặc, nên họ dệt vải may đồ để phục sức.

Vua lại lập thệ:

– Nếu ta có phước đáng làm vua thì y áo đẹp tự nhiên có để ban cho vạn dân khiến họ không nghèo thiếu.

Nguyện xong thì các thân cây tự nhiên sinh ra y phục, màu đẹp lạ thường, tất cả người dân cần dùng không hết. Một hôm đi dạo chơi, vua thấy người ta tu tạo nhạc khí, vua lại hỏi:

– Họ làm gì thế?

Quan cận thần đáp:

– Tâu bệ hạ, dân chúng ăn mặc đã được đầy đủ, chỉ thiếu âm nhạc, do đó họ tạo nhạc khí dùng để giúp vui.

Vua lại lập thệ:

– Nếu ta có phước đáng làm vua thì các nhạc khí hay lạ tự nhiên đến.

Nguyện xong, tức thời các thân cây có các nhạc khí treo lơ lửng trên cành, nếu có ai cần thì lấy xuống mà dùng, âm thanh hòa xướng, người nghe không ai chẳng vui mừng. Đức nhà vua sâu dày, muôn điều thiện vân tập đến, trời mưa bảy

báu khắp các cõi nước. Vua hỏi các quan:

– Đây là đức của ai thế?

Các thần tâu:

– Thừa đây là đức của nhà vua, cũng là phước của quốc dân. Vua lại lập thệ: “Nếu là phước của dân thì của báu nên mưa xuống khắp nơi, nếu riêng đức của ta thì chỉ mưa trong cung nội”.

Nói xong, chỉ mưa riêng trong cung bảy ngày bảy đêm. Vua Đánh Sinh ở cõi Diêm-phù-đề ngũ dục tự vui, trải qua tám vạn bốn ngàn tuổi. Lúc đó có một Dạ-xoa, vọt ra trước cung điện lớn tiếng xướng:

– Ở phương Đông có nước tên Phát-bà-đề, nơi đó vui vẻ khoái lạc không thể bì, đại vương có thể đến đó xem.

Vua liền hứa khả ý muốn tuần hành. Kim luân lại chuyển bay lên hư không mà đi, quần thần bảy báu thấy đều theo sau. Đến nước đó, các tiểu vương đồng đến triều bái. Vua ở nước đó ngũ dục tự đầy đủ. Trải qua tám ức năm thì Dạ-xoa đến xướng:

– Ở phương Tây có nước tên Cù-da-ni, cũng rất khoái lạc, vua có thể đến đó.

Vua liền nhận lời đi đến nước đó, hưởng phước trải qua mười bốn ức năm. Dạ-xoa lại đến xướng:

– Ở phương Bắc có nước tên Uất-đan, an ổn giàu đẹp nhân dân đông đảo xung túc. Vua chịu đi đến nước đó ở lại thọ hưởng ngũ dục thỏa mãn ý

chí, trải qua mười tám ức năm. Dạ-xoa lại đến xưng rằng:

– Có cõi Tứ Thiên vương, nơi đó vui vẻ sung sướng khôn lường.

Vua liền đi đến đó cùng quần thần và bốn bộ binh cõi hư không mà đi. Tứ Thiên vương từ xa trông thấy rất là sợ hãi, liền họp binh chủng ra ngoài chống cự, rốt cùng không chống cự lại, đành trở về. Vua Đánh Sinh ở đó ưu du thọ lạc trải qua mười ức năm. Trong ý vua lại nghĩ muốn lên cõi trời Đao-lợi, liền cùng quần thần, binh chủng cõi hư không mà bay lên. Lúc đó có năm trăm Tiên nhân, ở bên hông núi Tu-di, voi ngựa của vua phóng uế rơi xuống dơ uế thân các Tiên nhân. Các Tiên nhân đến hỏi:

– Có duyên gì mà rớt thứ này?

Có Tiên nhân nói:

– Ta nghe nói vua Đánh Sinh muốn lên tầng trời thứ Ba mươi ba, ắt voi ngựa làm rớt đồ bất tịnh xuống đây.

Tiên nhân phần hận, bèn kết thần chú khiến vua Đánh Sinh và các quan binh đều đứng lại không đi được. Vua Đánh Sinh biết liền thệ nguyện:

– Nếu ta có phước thì các Tiên nhân này đều sẽ đến đây phụng sự ta.

Đức của vua rộng lớn có thể cảm đến năm trăm Tiên nhân đến bên cạnh vua, giúp dìu ngựa xe,

cùng đi lên trời. Từ xa vua nhìn thấy thành trời tên là Khoái kiến, màu sắc trắng tinh, cao hiên, đặc biệt khác thường. Thành Khoái kiến này có một ngàn hai trăm cửa, các trời sợ sệt đều đóng cửa lại, ba lớp công sắt, binh chủng của vua Đánh Sinh đi thẳng không nghỉ. Vua liền lấy vỏ ốc thổi, trưng cung nạp tên thì một ngàn hai trăm cánh cửa đồng thời mở ra. Vua Đế Thích bước ra, hai vua gặp nhau, nhân đó thỉnh vua Đánh Sinh vào cung rồi cùng mời ngồi. Vua trời và dân trời tưởng mạo một loại, mới nhìn không thể phân biệt, chỉ nhìn thấy đôi mắt nhanh chậm mà biết khác thôi. Vua ở trên trời thọ ngũ dục lạc, tận cùng ba mươi sáu vua, cuối cùng là trời Đế Thích (*Đại Ca-diếp*).

Khi đó vua A-tu-la đẩy binh lên trời cùng Đế Thích đánh nhau. Quân Đế Thích đánh không lại, thoái quân vào thành. Vua Đánh Sinh lại lấy vỏ ốc thổi, tra cung tên. Vua A-tu-la liền băng đọa. Vua Đánh Sinh tự nghĩ: “Sức ta mạnh như vậy không có ai bằng, nay cùng Đế Thích ngồi chung coi sao cho được, chi bằng tiêu diệt ông ta, một mình thống lãnh ở đây hưởng lạc thú.” Tâm ác vừa sinh, liền bị sa đọa, đang ở trước cung điện thì bỗng chết ngay. Các dân trời đến hỏi:

— Vua Đánh Sinh vì sao mạng chung? Bị quả báo thế nào?

Vua Đế Thích đáp:

– Nếu có người hỏi thì nên trả lời. Vua Đánh Sinh do tham mà chết, ông thống lãnh bốn thiên hạ, sống bốn mươi ức tuổi, mưa bảy báu ngày, cho đến làm vua hai trời không có biết đủ, cho nên bị đọa lạc.

Nói đến đây, Đức Phật nhắc lại:

– Do vậy, này các Tỳ-kheo, nói về lợi dưỡng thật là đại hoạn, nên suy nghĩ xa lìa mau cầu chân đạo. Ngài A-nan bạch Phật:

– Vua Đánh Sinh này, đời trước gieo trồng phước gì mà được đại phước vô lượng như thế? Mong Thế Tôn vì chúng con giải nói.

Đức Phật bảo:

Về đời quá khứ, số kiếp không thể tính, có Đức Phật ra đời hiệu là Phất-sa, Ngài cùng đồ chúng du hóa nhân gian. Bấy giờ có con trai của một vị Bà-la-môn muốn lấy vợ, tay cầm đại đậu để dùng tán phụ, đó là lễ của thế tục, giữa đường gặp Phật, tâm ý chàng vui mừng, liền cầm nắm đậu ấy dâng cúng cho Phật bốn hạt vào bát, một hạt để ở đỉnh. Do nhân duyên đó, thọ phước vô lượng. Bốn hạt vào bát nên được làm vua bốn thiên hạ, một hạt để trên đỉnh, hưởng thọ hai cõi trời.

Khi đó các đệ tử nghe Đức Phật nói xong, có người đắc được Sơ quả, Nhị quả, Tam quả cho đến quả A-la-hán không thể tính kể, thọ trì lời Đức Phật dạy hoan hỷ phụng hành.



Phẩm 65: MƯỜI ĐỨA CON CỦA NÀNG TÔ-MAN

Tôi nghe như thế này:

Thuở nọ, Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Bảy giờ trưởng giả Tu-đạt có đứa con gái út tên là Tô-man, diện mạo đoan chính, dung nhan đẹp đẽ lạ thường, người cha yêu mến đặc biệt nhiều hơn các con khác, như đi dạo chơi thì dẫn đi chung. Khi đó trưởng giả dẫn đến chỗ Đức Phật, cô gái ấy thấy Phật thì vui mừng muốn đem hương thơm trét vào ngôi nhà của Phật ở. Trong tay cô đang cầm quả Tần-bà, Đức Phật xin cô, cô vâng lời đem dâng cho Phật. Đức Phật tìm giống hương hoa tốt trả lại cho cô gái. Hai cha con trở về trong thành đi mua các thứ hương tốt như Đức Phật cần rồi mang đến tỉnh xá Kỳ hoàn, đích thân tự mài hàng ngày như vậy. Lúc đó quốc vương Đắc-xoa-thi-lợi sai một người con trai của ông đến nước Xá-vệ, trước tiên đi đến nước khác tham quan, rồi dần dần đi đến tỉnh xá. Trông thấy nàng Tô-man đang mài hương, chàng yêu mến nhan sắc muốn cưới làm vợ, liền đi vào thành tâu vua Ba-tư-nặc:

— Có cô gái rất hợp ý tôi, mong đại vương ban cho, xin chớ trái ý.

Vua hỏi:

– Là con gái nhà ai?

Đáp:

– Con gái của ông Tu-đạt.

Vua nói:

– Khanh tự đi hỏi, trẫm không thể nói.

Thái tử lại tâu vua:

– Nếu đại vương cho phép, tôi sẽ tự đi cầu hôn cô ấy.

Vua nói:

– Cho phép.

Con trai vua nước đó sai đem xe ngựa, đồ vật về bốn quốc trước, chỉ để lại một con voi. Sau đó chàng đi đến tỉnh xá Kỳ hoàn bắt cô gái Tô-man để lên voi cỡi đi. Trưởng giả Tu-đạt nghe tin sai người đuổi theo, voi chạy nhanh quá không thể đuổi kịp nên chàng trai chạy về đến xứ nhà lấy cô gái làm vợ. Sau đó cô gái mang thai sinh ra được mười cái trứng, thời gian sau trứng nở được mười cậu con trai, dung mạo tốt đẹp lạ thường khác với người phàm, chúng đều ham thích săn bắn giết hại sinh vật. Bà mẹ thương xót dạy dỗ khiến chàng chớ làm việc ấy. Các đứa con thưa mẹ:

– Việc săn bắn rất là vui vẻ, sao nay mẹ ngăn cản và ghét việc ấy?

Bà mẹ nói:

– Các con yêu, đó là nhân tội lỗi. Tại vì sao?

Phàm tội sát sinh sẽ phải đọa địa ngục, thọ các khổ não, mấy ngàn năm thường làm nai, dê, thỏ, các loài cầm thú bị người săn bắn lại, tuổi thọ không bao lâu, tuy có muốn giải thoát nhưng không làm được gì cả.

Các con thưa mẹ:

– Như lời mẹ nói là từ nơi đáy lòng hay nghe từ nơi người khác.

Bà mẹ lại bảo:

– Ta xưa kia theo Phật, nghe được sự việc như vậy.

Các đứa con lại hỏi mẹ:

– Phật là người nào? Hãy nói cho chúng con biết rõ.

Bà mẹ bảo:

– Các con không nghe sao? Con trai của vua Tịnh Phạn ở thành Ca-tỳ-la-vệ, hình tướng rực rỡ, đáng làm Thánh vương, nhưng chán sự già bệnh chết xuất gia học đạo, hạnh nguyện thành tựu, đắc quả vô thượng. Ngài thân tướng cao một trượng sáu, tướng hảo vô cùng, chứng tam minh lục thông, việc quá khứ, vị lai biết rõ cả ba đời rõ như viên ngọc nằm trong lòng bàn tay.

Các đứa con nghe rồi, trong lòng vui vẻ, nhân đó hỏi mẹ:

– Đức Phật ở cách đây bao xa? Có thể gặp được hay không?

Bà mẹ đáp:

– Hiện nay Ngài đang ở nước Xá-vệ.

Các con thưa mẹ:

– Chúng con muốn đi gặp Phật.

Bà mẹ liền cho phép, mười đứa con đồng đi đến nước Xá-vệ. Trưởng giả Tu-đạt trông thấy các đứa trẻ thì yêu mến vô cùng, dẫn đến tinh xá Kỳ hoàn diện kiến Như Lai. Các cậu bé trông thấy Đức Phật dung nhan tươi đẹp còn hơn trước kia nghe mẹ nói gấp ngàn vạn lần, trong lòng vui mừng không thể kể xiết. Đức Phật nhân đó tùy duyên thuyết diệu pháp, cả mười người đều được pháp nhãn thanh tịnh, rồi bạch Phật cầu xin xuất gia. Đức Phật hỏi:

– Cha mẹ các con có cho phép không?

Đáp:

– Bạch Thế Tôn, chúng con chưa hỏi.

Đức Phật bảo:

– Cha mẹ chưa cho phép thì không được xuất gia.

Ông Tu-đạt lại thưa:

– Bạch Thế Tôn, đây là cháu ngoại của con, nay con cho phép chúng nó xuất gia.

Đức Phật liền hứa khả cho nhập đạo, râu tóc họ liền tự rụng, pháp y mặc trên mình biến thành những Sa-môn, tinh tấn vì đại nghiệp, chứng đắc A-la-hán. Mười vị Tỳ-kheo này rất được người khâm phục cung kính, đến lui đều ở chung một trụ

xứ, nhân dân trong nước không ai chẳng kính quý.

Ngài A-nan bạch Phật:

– Mười vị Tỳ-kheo này có phước gì mà được sinh vào nhà tôn quý, dung mạo hiếm thấy, lại gặp Thế Tôn dứt trừ sạch khổ? Cúi mong Thế Tôn vì con nói rõ.

Đức Phật bảo:

– Nay A-nan, về thời quá khứ cách đây chín mươi một kiếp, có Đức Phật Tỳ-bà-thi ra đời, giáo hóa xong Ngài nhập Niết-bàn, hỏa thiêu nhục thân, phân bố xá-lợi xây dựng vô lượng tháp thờ.

Khi đó có một ngôi tháp hư mục, có một bà già muốn sửa lại, thấy mười chàng thiếu niên đi đường, bà nói:

– Đây là tháp tôn quý, công đức to lớn, cho nên cần phải tu bổ, sau này sẽ được quả lành.

Mười chàng thiếu niên vui mừng, cùng nhau giúp công sửa lại, làm xong cùng thệ làm con bà lão. Từ đó đến nay đã chín mươi một kiếp, sinh ở trên trời hay trong nhân gian thường cùng sinh ra thọ hưởng phước lạc, thường có ba việc hơn cả mọi người: Một là hình thể đoan chánh; hai là mọi người kính mến; ba là thường được trường thọ. Trải qua nhiều kiếp không đọa ba đường, nay được gặp Ta, tầm gọi pháp hóa, dứt sạch trần cấu thành bậc Ứng chân. Nên biết bà lão thuở đó nay chính là Tô-man vậy. Mười chàng thiếu niên nay là mười

vị A-la-hán.

Đức Phật nói đến đây, trong đại hội nghe pháp có người đắc quả Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, có người phát tâm Đại thừa bất thoái, tin thọ lời Phật hoan hỷ phụng hành.



Phẩm 66: BÀ-THẾ-CHẤT

Tôi nghe nói như thế này:

Thuở nọ Đức Phật ở nước La-duyet-kỳ, trong núi Kỳ-xà-quật. Bấy giờ ở nước này có một vị trưởng giả giàu có tên Thi-lợi-chất, nhà cửa giàu có, của báu đầy ắp. Bà vợ ông mang thai, sau đó sinh ra được một cậu con trai dung mạo nghiêm diệp, ở đời ít ai sánh bằng. Cha mẹ rất vui mừng cho là rất may phước, bèn mời thầy về xem tướng. Thầy tướng xem nói với song thân:

– Đứa bé này có phước đức, sẽ làm vinh hiển dòng họ.

Trưởng giả nghe thế càng thêm vui mừng, lại nhờ thầy đặt tên. Thầy tướng lại hỏi:

– Từ khi mang thai có điềm ứng gì không?

Trưởng giả nói:

Bà mẹ đứa bé vốn nói năng vụng về, nhưng từ khi mang thai ăn nói khéo léo lanh lẹ vô cùng!

Thầy tướng bèn đặt tên là Bà-thế-chất. Cậu bé

lớn lên thông minh siêu quần. Một hôm cùng đồng bạn dạo chơi, chàng trông thấy nhà của nhạc vũ công Na-la có một người con gái diện mạo xinh đẹp, dung nhan ít người có được, bèn sinh lòng yêu mến muốn được hỏi làm vợ, về thưa cha mẹ xin cầu hôn cô gái ấy. Cha mẹ bảo:

– Con là dòng quý phái, còn cô gái kia dòng tộc hạ tiện, cao thấp chẳng bằng nhau, làm sao có thể thương yêu sâu đậm được, không thể tự ý được.

Bà-thế-chất lại thưa:

– Xin cha mẹ chớ nói đến môn đăng hộ đối, chỉ nói đến bản thân, xin hãy rủ lòng thương xót vì con mà cầu hôn, nếu không được như chí muốn, con xin tự vẫn.

Cha mẹ bèn nghe theo, sai người đi đến đó cầu hôn. Họ về báo:

– Nhà anh vốn dòng tộc lớn, còn nhà tôi là tiểu nhân, hai bên không cân xứng làm sao cưới hỏi được?

Người con ân cần năn nỉ mãi không chịu ngừng, sai người đem thư đến hỏi nữa. Nhà bên gái đáp rằng:

– Nếu có thể theo bên nhà tôi, học tập các thứ thuật ca múa..., đều phải biết đầy đủ, cho đến ở trước nhà vua thi đậu, sau đó mới thành hôn nhân.

Người con trai mê hoặc sắc đẹp cô gái, không hổ thẹn gì cả liền qua bên nhà gái, học tập hí nghệ,

trải qua một thời gian đều thành tựu cả. Khi đó quốc vương tập hợp các Na-la, chơi trò trốn tìm..., thi tài kỹ nghệ... Bấy giờ người con trưởng giả cũng theo bên vua ứng hiện kỹ thuật, chạy đi tìm kiếm, vua thoát mắt không thấy, lại muốn trèo lên cao tìm. Khí lực dần dần suy yếu giữa đường muốn rớt xuống, trong lòng lo sợ không chỗ nương tựa. Bấy giờ Tôn giả Mục-liên đi trên hư không đến bên cạnh bảo:

– Như con nay muốn toàn thân mạng tham gia học đạo, hay chịu rớt xuống đất mà lấy người con gái kia?

Chàng ta bèn nói:

– Nguyên tôi còn sống, không cần đến người con gái đó nữa.

Ngài Mục-liên liền từ trong hư không hóa làm đất bằng, chàng ta liền ngưng sợ sệt, từ đất mà xuống, được toàn thân mạng, nhờ đó an ổn mừng không thể tả, theo Tôn giả Mục-kiền-liên đi đến chỗ Thế Tôn, lễ bái cúng dường. Bấy giờ Đức Phật rộng thuyết diệu luận, như luận nói về Bồ thí, luận nói về Trì giới, về sinh Thiên... Muốn xa lìa bất tịnh, mau nhất là ra khỏi. Tâm ý chàng khai giải liền được Sơ quả, nhân đó bạch Phật nguyện được xuất gia phụng tu Chánh pháp. Thế Tôn nhận lời, râu tóc chàng tự rụng, pháp y mặc trên thân, trở thành vị Sa-môn, chuyên tinh thiền định, tư duy, tu

theo chánh nghiệp, dứt sạch các lậu, thành A-la-hán.

Ngài A-nan đến trước bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, Sa-môn Bà-thế-chất, kiếp trước cùng người con gái kia có nhân duyên gì mà tâm mê hoặc đắm nhiễm, hầu như đến nguy ngập. Lại tạo nhân duyên gì mà gặp Tôn giả Mục-kiền-liên nhờ ân được tế độ, lại được nhân duyên gì mà đạt được quả Ứng chân?

Đức Phật bảo:

– Nay A-nan, thời quá khứ vô lượng kiếp trước, ở nước Ba-la-nại, có một vị trưởng giả sinh được một cậu con trai, tướng mạo đoan chánh vô cùng. Đang lúc đó, trong nhà có người đi biển trở về đem một trứng chim dăng cho trưởng giả, ông nhận lấy.

Trải qua một thời gian trứng ấy nở ra được một con chim phượng hoàng lông cánh sáng rực. Trưởng giả rất yêu mến nó, đem cho đứa con để chơi, dần dần con chim to lớn. Bấy giờ đứa con của trưởng giả cỡi lên lưng nó bay đi khắp nơi xem cảnh, thỏa mãn rồi trở về nhà, ngày ngày cứ như thế. Trải qua một thời gian đứa con trưởng giả đã lớn, nghe quốc vương ở nước khác có mở cuộc thi, bèn cỡi chim bay đến đó đáp xuống xem. Chim đậu trên ngọn cây, vị ấy bỗng thấy vương nữ nên đem lòng thương mến, sai người đem thư tỏ bày tâm sự. Vương nữ đồng ý, bèn cùng nhau quan hệ tình

cảm, do thương yêu không kín đáo, bị nhà vua biết, sai người truy bắt. Bắt được chàng ta trói lại định đem xử trảm. Người con của trưởng giả nói:

– Vì sao các ông định giết tôi? Hãy cho tôi lên trên cây gieo mình xuống chết đi.

Mọi người đồng ý, liền cho anh ta lên cành cây. Anh ta leo lên lưng chim bay lên hư không đi mất. Nhờ con chim mà kéo dài được mạng sống.

Đức Phật bảo:

– Nay A-nan, người con của vị trưởng giả kia nay chính là Bà-thế-chất. Vương nữ thuở đó nay là con gái của nhà kia, còn con chim phượng hoàng nay chính là Tôn giả Mục-kiền-liên. Ở đời quá khứ do mê nhan sắc mà đưa đến khôn đốn, nhờ con chim mà được cứu sống. Nay lại tham sắc đẹp cũng sắp tử vong, do nhờ Mục-kiền-liên mà được an ổn.

Bà-thế-chất nói năng thông biện thành bậc Vô lậu, là do về thuở quá khứ, có một cư sĩ nước Ba-la-nại gặp Bích-chi-phật đi khát thực, cư sĩ liền đem cơm cúng thí, nhân đó lại thỉnh ngài thuyết kinh pháp. Bích-chi-phật ấy từ chối không thể thuyết, rồi quăng cái bát lên hư không nhảy vọt lên mà đi. Cư sĩ nghĩ rằng: “Người này thần lực biến hóa vô cùng, nhưng không thể diễn bày thuyết hóa, nguyện ta đời sau, gặp được Thánh tôn hơn vị đạo sĩ này khoảng ức vạn lần, diễn tán pháp nghĩa vô cùng vô tận, khiến thân ta cũng được quả chứng.”

Do nhân duyên đó, đời này thông minh, đạt đến quả A-la-hán.

Lúc Đức Phật nói tiền kiếp nhân duyên, người nghe không ai chẳng hoan hỷ; có người nghe xong đắc quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, có người gieo trồng căn lành Duyên giác, có người phát tâm Bồ-tát, đều tin lời Đức Phật đánh lễ phụng hành.



Phẩm 67: UÙ-BA-CÚC-ĐỀ

Tôi nghe như thế này:

Thuở nọ Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ nước này có một vị Phạm chí tên A-ba-cúc-đề, ông là một người thông minh học rộng, thấu xưa đạt nay. Ông đi đến chỗ Phật cầu xin làm Sa-môn, nhân đó bạch:

— Nếu con xuất gia, trí tuệ biện tài cùng bằng ngài Xá-lợi-phát... Nếu không bằng như vậy sẽ tự trở về nhà.

Đức Phật nói:

— Ông không bằng được.

Khi ấy vị Phạm chí ngừng lại không học đạo trở về nhà. Sau đó Đức Thế Tôn bảo với chúng hội:

— Ta diệt độ rồi, trong một trăm năm sau, vị Bà-la-môn này sẽ được pháp hóa chứng đạt lục thông,

trí tuệ cao xa, giáo hóa chúng sinh, số như vi trần.

Khi Đức Phật Niết-bàn, Ngài bảo A-nan:

– Sau khi Ta diệt độ tất cả Kinh tạng ắt phó chúc cho ông, ông sẽ thọ trì lưu bố rộng rãi.

Sau khi Thế Tôn diệt độ, A-nan trì pháp. Sau đó Tôn giả A-nan lại muốn xả thân, bảo đệ tử Da-thế-kỳ:

– Sau khi ta qua đời, tất cả yếu điển, người nên giữ gìn. Ngài A-nan nhân đó bảo:

– Nước Ba-la-nại sẽ có một cư sĩ tên là Cúc-đề, người này có con tên là Ưu-ba-cúc-đề. Ông hãy đến hỏi để cùng làm đạo, nếu ông thọ chung, giao phó pháp cho người ấy.

Tôn giả A-nan diệt độ rồi, Da-thế-kỳ phụng trì Phật pháp, du hóa thế gian, độ người rất nhiều. Ngài đến Ba-la-nại, đến lui nhà cư sĩ để cùng quen biết, thường hay tới lui nhà cư sĩ ấy. Vị cư sĩ đó sinh được một đứa con trai tên A-ba-cúc-đề. Lúc đứa bé còn nhỏ Da-thế-kỳ đến đó hỏi, muốn khiến nó học đạo. Cha nó đáp:

– Tôi mới có một đứa con để nối dòng không thể cho, nếu có sinh thêm thì sẽ cho.

Sau này sinh được một đứa con trai tên Nan-đà-cúc-đề. Bấy giờ Da-thế-kỳ lại đến hỏi xin. Người cha nói:

– Con lớn ở dinh ngoài, con thứ ở dinh trong. Nhà cửa như vậy mới có thể hưng thịnh. Nếu sau

này có chắc chắn sẽ dâng cho.

Da-thế-kỳ là bậc A-la-hán, đầy đủ Tam minh, có thể biết được căn cơ con người, quán thấy hai đứa bé này không có duyên với đạo, cũng không muốn cầu xin nữa.

Bấy giờ nhà vị cư sĩ kia lại sinh một đứa con trai, diện mạo đoan nghiêm, hình tướng thù đặc. Khi đó Da-thế-kỳ đến hỏi, người cha nói:

– Đứa bé này còn nhỏ, chưa có thể phụng sự, hơn nữa nhà lại nghèo.

Dần dần lớn lên, cậu bé có tài trí, người cha bèn giao phó tài vật cho buôn bán. Khi ấy Da-thế-kỳ đi đến bên cậu ấy thuyết pháp dạy buộc niệm, dùng viên đá đen trắng để trừ tính. Hễ nghĩ thiện thì để viên đá trắng, nghĩ ác thì để viên đá đen. Ưu-ba-cúc-đề vâng theo lời dạy tùy theo niệm thiện ác mà quăng hòn đá, mới đầu hòn đá đen rất nhiều, đá trắng ít, dần dần tu tập, đen trắng bằng nhau, không ngừng buộc niệm, càng không có hòn đá đen, thuận có viên đá trắng. Niệm thiện đã nhiều chàng đạt đến Sơ quả.

Lúc đó, trong thành ấy có một dân nữ, sai tỳ nữ cầm tiền đi mua hoa. Ưu-ba-cúc-đề tâm tánh chất trực, cho cô ấy hoa không lấy tiền. Tỳ nữ đem hoa về, dân nữ thấy kỳ lạ, hỏi tỳ nữ:

– Hôm trước mua hoa cũng bấy nhiêu tiền, vì sao hôm trước ít, hôm nay lại được nhiều hoa?

Tỳ nữ đáp:

– Hôm nay chủ bán hoa nhân từ thủ lễ, bình đẳng cho, do đó được nhiều. Lại nữa người ấy hình thể đẹp để lạ thường mọi người trông thấy ai cũng mến thương.

Dâm nữ nghe nói thế, sai đến mời. Ưu-ba-cúc-đề tự dè nén không đi. Lại cứ mời mãi, cuối cùng cũng không theo mệnh. Lúc đó dâm nữ cùng con của vương gia thông dâm. Tham đắm y phục của báu..., lợi hưng nghĩa suy nên nàng ta giết con vương gia đem giấu. Vương gia tìm kiếm được xác nơi nhà dâm nữ, bắt cô đem chặt chân tay, xẻo mũi xẻo tai, đem treo nơi cao, tuy khổ như vậy nhưng chưa mạng chung. Ưu-ba-cúc-đề đi đến chỗ đó. Dâm nữ nói:

– Tôi trước kia tướng mạo đoan chánh không chịu gặp nhau, nay hình hài tàn tạ làm sao gặp được?

Ưu-bà-cúc-đề đáp:

– Tôi không tham sắc mà đến nơi đây, vì thương xót mà đến đây thôi.

Nhân đó, tuyên thuyết pháp vô thường, thân là bất tịnh khổ, không, vô ngã; nhất nhất hãy quán sát, đâu có gì đáng nương cậy, người ngu si, vọng sinh niềm tưởng. Dâm nữ nghe pháp xong được pháp nhãn tịnh.

Lúc bấy giờ Da-thế-kỳ lại đến nhà cư sĩ xin

chàng thiếu niên. Người cha vâng lời đem cho. Ngài dẫn đem về tinh xá cho thọ mười giới, năm hai mươi tuổi cho thọ Cụ túc, bạch Tứ yết ma xong thì đắc quả A-la-hán, chứng Tam minh, Lục thông đầy đủ, nói năng khéo léo, diễn thuyết hay vô cùng bèn tập hợp mọi người vì chứng thuyết pháp. Lúc đó ma Ba-tuần đến ở hội ấy, mưa xuống tiền vàng, mọi người tranh nhau giành lấy không chịu nghe pháp. Ngày thứ hai tập hợp đại chúng, ma bèn mưa hoa để loạn tâm quần chúng. Đến ngày thứ ba, ngài lại tập hợp đại chúng, Ma vương bèn hóa làm một con voi lớn, màu lưu ly xanh, miệng có sáu ngà, trên đầu sáu ngà có bảy ao nước, trong bảy ao nước có bảy hoa sen, trên mỗi hoa sen có bảy ngọc nữ, các ngọc nữ này đều trôi kỹ nhạc, con voi đi bộ bên cạnh. Mọi người chú mắt nhìn, không để ý nghe pháp. Đến ngày thứ tư, ngài lại tập hợp đại chúng, Ma vương lại hóa làm một người con gái, đoan chánh xinh đẹp lạ thường, đứng hầu ở phía sau, mọi người chú mắt nhìn quên cả pháp sự. Lúc đó Tôn giả bèn hóa người con gái ấy thành bộ xương trắng, mọi người trông thấy lại chuyên tâm nghe pháp, người đắc đạo rất nhiều. Tôn giả vốn có một con chó, hằng ngày nó ở đó cũng được nghe pháp, sau đó nó mạng chung, sinh lên cõi trời thứ sáu, cùng ma Ba-tuần, ngồi chung một giường. Ma vương suy nghĩ: “Trời này đức lớn ngang bằng với ta, từ đâu mất mà sinh đến đây?” Quán sát mới biết

là từ thân chó của vị Sa-môn kia nên Ma nghĩ muốn làm nhục. Từ xa trông thấy Tôn giả đang lúc nhập định, Ma vương liền cầm một cái mao báu đội lên đầu Tôn giả. Khi xả định, Tôn giả cảm thấy trên đầu có cái mao, quán sát mới biết ma Ba-tuần làm, liền dùng thần lực làm cho ma đến và hóa xác con chó giống như đồ trang sức, bảo ma:

– Người để cái mao cho ta, thêm tạ ý người, nay ta đem đồ trang sức dùng để tặng đáp lại.

Ma vương nhận xong, bèn trở về trời, mới thấy là xác con chó chết, trong lòng chán ghét muốn đi báo thù, nhưng dùng hết thần lực không thể làm được. Ma lại đến trời Đế Thích cầu xin trừ khử bất tịnh. Đế Thích nói:

– Người làm việc này, cũng chính là người có thể xả bỏ, sức ta không thể làm được.

Ma vương lại đi hỏi khắp các trời, cho đến Phạm thiên, họ cũng đều đáp như lúc ban đầu. Sự việc không xong, Ma vương bèn trở về chỗ Tôn giả thưa:

– Đức Phật thật là Đại đức, lòng Từ vô biên, các vị Thanh văn thành thật làm hung ky, làm sao dùng thí nghiệm. Ta ngày xưa đem các quân ma mười tám ức vây đánh Bồ-tát, muốn làm bại hoại đạo ấy, do ôm lòng từ bi không lấy làm oán. Nay ta xúc chạm chút ít, vì sao làm ta khốn đốn như vậy?

Tôn giả đáp:

– Lý thật như vậy, Đức Phật hơn ta gấp ngàn vạn ức lần, không thể ví dụ, như núi Tu-di sánh với hạt cải, như nước biển lớn với dầu chân trâu, như sư tử vương hơn con dã can, hình tướng lớn nhỏ thật không bì kịp.

Tôn giả nói với ma:

– Ta sinh vào thời mạt pháp không gặp Như Lai, nghe người có thể hóa làm Phật. Hãy thử hiện một lần, ta muốn trông thấy.

Ma vương đáp:

– Nay tôi hóa hiện, xin ngài cẩn thận chớ làm lễ.

Đáp:

– Ta không đánh lễ đâu.

Lúc đó Ma vương hóa làm Đức Phật thân cao trượng sáu, màu vàng tía, ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, ánh sáng chói lọi hơn cả mặt trời mặt trăng. Tôn giả vui mừng bèn cúi đầu làm lễ. Ma vương hiện lại nguyên hình, nói với Tôn giả:

– Đã bảo ngài không làm lễ, tại sao lại đánh lễ?

Tôn giả đáp:

– Ta tự lễ Phật không phải lễ nhà người.

Ma lại thưa:

– Cúi mong ngài thương xót, trừ bỏ thân chó.

Tôn giả nói:

– Người khởi tâm Từ ủng hộ quần sinh, thì thân chớ biến thành đồ trang sức; nếu ôm lòng ác thì nó biến thành thân chớ trở lại.

Vì thế ma rất sợ thường phát khởi lòng lành. Bảy giờ Tôn giả, sau khi thành đạo, hóa độ chúng sinh người đắc Tứ quả, mỗi người một thẻ dài bốn tấc. Thẻ như vậy đầy cả một gian phòng chật cao sáu trượng, ngang rộng cũng như vậy. Lúc đó mọi người hỏi Tôn giả rằng:

– Tôn giả phước thật là rộng lớn, hóa độ quần sinh không thể tính kể.

Tôn giả nói:

– Khi ta còn làm kiếp súc sinh cũng hóa độ chúng sinh, khiến được Thánh quả, huống nữa là ngày nay.

Chúng hội bạch:

– Thưa Tôn giả, kiếp trước ngài hóa độ chúng sinh như thế nào, xin nói cho chúng con được biết.

Tôn giả nói:

– Ở thời quá khứ có nước Ba-la-nại, trong nước có một ngọn núi tiên, năm trăm vị Bích-chi-phật trụ trong núi đó. Bảy giờ có con khỉ hằng ngày đến cúng dường chư Bích-chi-phật. Sau khi chư Bích-chi-phật nhập Niết-bàn hết thì lại có năm trăm Phạm chí tiếp tục đến ở trong núi đó. Những vị Phạm chí, có vị hoặc thờ mặt trời mặt trăng, có vị thờ lửa. Người thờ mặt trời mặt trăng thì vênh chân

hướng về nó. Người thờ lửa thì sáng tối đốt lửa. Bảy giờ con khỉ kia thấy những người ấy vĩnh chân thì nắm lôi kéo, thấy người đốt lửa thì nó dập tắt. Lúc đó con khỉ ngồi ngay thẳng suy nghĩ. Các Phạm chí trông thấy tự nói rằng:

– Con khỉ này bắt chước chúng ta biểu thị uy nghi.

Con khỉ ngồi ngay thẳng tâm sát chân lý, tâm ý khai giải, đắc quả Bích-chi-phật.

Nói đến đây Tôn giả nhắc lại:

– Con khỉ đó chính là tiền thân của ta vậy.

Chúng hội lại bạch:

– Do nhân duyên gì mà ngài bị thọ thân khỉ?

Tôn giả nói:

– Về thuở quá khứ chín mươi một kiếp, có Đức Phật Tỳ-bà-thi ra đời, các Tỳ-kheo trụ ở trong núi tiên của nước Ba-la-nại. Khi đó có một vị Ứng chân leo lên đỉnh núi đi nhẹ nhàng mau chóng, một đạo nhân trẻ nói:

– Ông đó đi mau chóng nhẹ nhàng giống như khỉ vậy.

Do nhân duyên đó trong năm trăm kiếp sinh ra thường làm khỉ. Thế cho nên bốn chúng nên tự giữ miệng chớ lời hung ác.

Khi Tôn giả Ưu-ba-cúc-đề nói đến đây, tất cả chúng hội có người đắc quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, có người trông căn lành

Duyên giác, có người phát tâm Đại thừa bất thoái, không thể tính kể, tín thọ ngài chỉ giáo hoan hỷ phụng hành.



Phẩm 68: CÔN TRÙNG TRONG VŨNG NƯỚC

Tôi nghe như thế này:

Thuở nọ Đức Phật ở nước La-duyệt-kỳ, trong núi Kỳ-xà-quật. Bấy giờ ở bên thành có một cái vũng nước rộng, bùn sinh bất tịnh, phần nhiều là phần uế trong đó. Người dân trong nước, những người hèn hạ thường đem những thức dơ bẩn quăng vào trong đấy. Có một con trùng lớn, hình như con rắn lại có bốn chân ở trong vũng nước ấy, chạy đi qua lại, lúc hợp lúc trôi, trải qua mấy năm thọ khổ vô lượng.

Bấy giờ Đức Thế Tôn dẫn các Tỳ-kheo vây quanh vũng nước ấy, hỏi:

– Nay các Tỳ-kheo, các ông có biết con trùng này tức duyên tạo hạnh nghiệp gì không?

Bấy giờ các Tỳ-kheo đều suy nghĩ mà không thể biết kiếp trước nó tạo nghiệp gì, đều bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, chúng con không biết.

Bấy giờ Đức Phật nói:

– Các ông hãy lắng nghe, ta sẽ vì các ông mà

nói nó tạo hạnh nghiệp gì.

Thời quá khứ có Đức Phật Tỳ-bà-thi ra đời, giáo hóa xong Ngài thu thần Niết-bàn. Lúc đó, trong Phật pháp có mười vạn Tỳ-kheo tịnh tu phạm hạnh, nhàn cư lạc tịnh nương vào một ngọn núi. Bên phải, bên trái ngọn núi có nhiều cây cối hoa lá sum suê tươi tốt không cùng. Giữa khu rừng ấy có suối nước trong veo mát mẻ. Bảy giờ các Tỳ-kheo thích trụ nơi ấy để hành đạo siêng năng không lười mỏi. Họ đều đạt đến Sơ quả cho đến Tứ quả, không có vị nào là phạm phu cả. Khi ấy có năm trăm người thương buôn, cùng hội họp muốn đi ra biển. Trên đường phải đi ngang ngọn núi này, các nhà buôn thấy các Tỳ-kheo siêng năng tu tập, trong lòng thâm quý kính, suy nghĩ định cúng dường. Khi đó các thương buôn tụ tập đi đến thỉnh chúng Tăng xin được cúng dường, nhưng đã có đàn-việt khác thỉnh cúng dường hằng ngày rồi. Sự việc không theo ý muốn, bèn đến từ giã chúng Tăng đi ra biển:

— Giả sử chúng tôi yên ổn trở về sẽ mở tiệc cúng dường, xin thương xót hứa khả.

Khi ấy chư Tăng im lặng hứa khả thọ thỉnh. Những thương buôn ra biển được nhiều châu báu, bình an trở về, đến chỗ chúng Tăng, chư Tăng muốn tuyên các thứ báu lạ đẹp để cúng dường, nếu có cần tiêu dùng gì thì tùy ý. Khi ấy chúng Tăng nạp thọ báu vật, gởi cho vị Tăng Ma-ma-đế. Sau

này thức ăn đều hết, đem thứ của báu ấy đổi ra để tiêu dùng. Khi đó Ma-ma-đế đáp lại chúng Tăng rằng:

– Trước kia các vị khách thương tự cho tôi của báu, nay duyên có gì mà lại xin tôi.

Các bậc Thượng tọa, Duy na nói với Ma-ma-đế:

– Trước kia đàn-việt đem của báu cúng dường chúng Tăng nhờ ông giữ gìn, nay chúng Tăng hết lương thực nên lấy thứ ấy ra dùng đỡ.

Lúc đó Ma-ma-đế nổi sân mà nói rằng:

– Những của báu này là của tôi, duyên có gì mà đòi hỏi. Nếu có thiếu hãy lấy phần mà ăn.

Khi ấy chúng Tăng thấy Ma-ma-đế khởi ác ý rồi bèn bỏ ra đi.

Do lời ác khẩu khi dễ chúng Tăng, sau khi thân hoại mạng chung, đọa địa ngục A-tỳ, thân thường lăn lộn trong phần uế. Trải qua chín mươi hai kiếp, từ trong địa ngục ra, nay lại sinh vào trong ao phân uế này, trải qua mấy năm chưa được giải thoát. Tại vì sao? Vì thời quá khứ có Đức Phật Thi-khi dẫn các Tỳ-kheo đi ngang qua hầm này, bảo các đệ tử nói rõ ngọn nguồn. Kế đến có Đức Phật tên Tùy-diệp cũng dẫn các Tỳ-kheo đi đến đó nói rõ nhân duyên. Từ đó mạng chung lại rơi vào địa ngục. Trải qua vạn ức năm, sau đó mạng chung lại sinh vào trong đây. Kế đến có Đức Phật tên Câu-lưu-tôn,

cũng cùng đồ chúng đi quanh ao này, chỉ bày nói rõ nguồn gốc con trùng trong ao nước này cho các Tỳ-kheo nghe. Kế đến có Đức Phật Câu-na-hàm Mâu-ni cũng cùng các đệ tử, đi đến ao này. Lại đến Đức Phật Ca-diếp cũng dẫn các đệ tử đến đây thuyết về nhân duyên cái ao này. Lần lượt bảy vị Phật, đến Ta là Thích-ca Mâu-ni, hôm nay chỉ bày ngọn nguồn nhân duyên của ao nước này. Trông thấy con trùng ấy ở đời hiện kiếp và tương lai đều mang thân hình như vậy.

Khi ấy các Tỳ-kheo nghe Đức Phật nói kinh sợ lông tóc dựng ngược, cùng nhau cố gắng tu, giữ gìn thân miệng ý, tin thọ lời Đức Phật, hoan hỷ phụng hành.



Phẩm 69: SA-DI QUÂN-ĐỀ

Tôi nghe như thế này:

Thuở nọ Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất, ngày đêm ba thời thường dùng Thiên nhãn quán sát thế gian, ai đáng được độ thì ngài đi đến đó độ. Lúc đó có các thương buôn, muốn đi đến nước khác. Những thương buôn này đem theo một con chó đi đường. Thấy người ta buôn bán nghỉ ngơi, con chó bèn trộm lấy thịt. Khi ấy những người buôn bán nổi giận, đánh con chó gãy chân,

quăng ngoài đồng trống, rồi bỏ đi. Ngài Xá-lợi-phất dùng Thiên nhãn từ xa trông thấy con chó nằm trên đất đói khát khôn cùng, sắp chết. Ngài mặc y ôm bình bát vào thành khất thực, khất thực xong bay đến chỗ con chó, đem lòng thương xót, cho nó thức ăn. Chó được ăn mạnh khỏe sống lại, trong lòng vui mừng vô cùng. Bảy giờ ngài Xá-lợi-phất vì con chó thuyết đầy đủ pháp giải thoát vi diệu. Sau đó con chó mạng chung sinh vào nhà một Bà-la-môn ở nước Xá-vệ.

Lúc đó ngài Xá-lợi-phất một mình đi khất thực, vị Bà-la-môn trông thấy hỏi:

– Tôn giả đi một mình không có Sa-di sao?

Ngài Xá-lợi-phất nói:

– Tôi không có Sa-di, nghe nói ông có con trai, tôi muốn gặp nó.

Vị Bà-la-môn nói:

– Tôi có một đứa con trai tên Quân-đề, còn rất nhỏ, không thể cho theo được, bao giờ nó khôn lớn tôi sẽ cho ngài.

Ngài Xá-lợi-phất nghe nói xong ghi nhớ trong lòng, rồi trở về tinh xá Kỳ hoàn. Bảy năm sau, ngài lại đến nhà ông Bà-la-môn hỏi. Bảy giờ vị Bà-la-môn đem đứa con trai mình giao phó cho ngài Xá-lợi-phất để được xuất gia. Khi đó ngài Xá-lợi-phất bèn nhận cậu bé dẫn về tinh xá Kỳ hoàn cho làm Sa-di, dần dần thuyết các Diệu pháp tâm được khai

mở, rắc quả A-la-hán, đầy đủ Lục thông, công đức hoàn bị. Lúc ấy Sa-di Quân-đề rắc đạo rồi tự dùng trí lực, quán xét đời quá khứ, vốn tạo hạnh gì mà được thọ thân hình này, gặp được Thánh sư, tu hành chứng quả. Quán thấy tiền thân mình là một con chó nhờ ân Hòa thượng Xá-lợi-phất nay được thân người và rắc đạo quả, trong lòng vui mừng nghĩ rằng: “Ta nhờ ân thầy được dứt các khổ, nay đem thân này phục vụ cúng dường ngài hết mình, trọn đời làm Sa-di, không thọ đại giới.”

Khi đó ngài A-nan bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, vị ấy này xưa kia làm hạnh ác như thế nào mà phải thọ thân chó và tạo căn lành gì mà được giải thoát sớm như thế?

Đức Phật bảo:

– Nay A-nan, về thời quá khứ Phật Ca-diếp có các Tỳ-kheo tu tập ở một nơi. Có một Tỳ-kheo trẻ âm thanh tao nhã, tụng niệm rất hay, ai cũng đều ưa thích nghe. Lại có một vị Tỳ-kheo già tuổi đã cao âm thanh ồ ề không thể đọc kinh, mỗi khi cất tiếng tụng niệm nghe không được hay. Vị Tỳ-kheo trẻ lấy đó làm trò đùa cho mình, không ngờ vị Tỳ-kheo già đã rắc quả A-la-hán, đầy đủ công đức của bậc Sa-môn.

Lúc đó Tỳ-kheo trẻ thấy tiếng của mình thanh thoát rất hay, cậy vào tiếng hay của mình mà chê trách vị trưởng lão kia tụng tiếng như chó sủa. Vị

Tỳ-kheo già bèn kêu Tỳ-kheo trẻ nói:

– Ông có biết tôi không?

Vị Tỳ-kheo trẻ đáp:

– Tôi rất biết ông, ông là Tỳ-kheo đệ tử của Phật Ca-diếp.

Vị Trưởng lão Tỳ-kheo nói:

– Tôi đã đắc quả A-la-hán rồi, đầy đủ đức hạnh của bậc Sa-môn.

Khi đó vị Tỳ-kheo trẻ nghe rồi trong lòng lo sợ, lông tóc dựng ngược, tự trách liền bái lạy sám hối tội lỗi của mình. Vị Tỳ-kheo già hoan hỷ cho sám hối. Nhưng do lời nói ác ấy trong năm trăm đời thường thọ thân chó, may là ông có xuất gia trì thọ tịnh giới nên nay được thân người gặp Ta và được giải thoát.

Bấy giờ ngài A-nan nghe Đức Phật nói xong vui mừng đánh lễ phụng hành.

